# Viết về nước Mỹ

NHIỀU TÁC GIẢ

2014

# VIẾT VỀ NƯỚC MỸ
# 2014
# Quyển 1

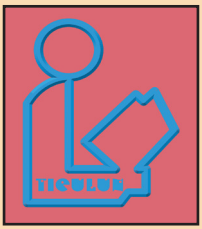

# Bản Tình Ca Của Một Người Làm Thơ

Phạm Hồng Ân

Tác giả là một nhà thơ quân đội. Trước 1975, ông là một sĩ quan hải quân, từng tu nghiệp tại Mỹ. Sau năm 1975, ông trở thành người tù chính trị và định cư tại Hoa Kỳ theo diện H. O. Tham dự Viết Về Nước Mỹ ngay từ những năm đầu tiên, Phạm Hồng n đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2012. Bài viết mới của ông được phổ biến đúng ngày đầu năm dương lịch 2014. Việt Báo Viết Về Nước Mỹ trân trọng chúc tác giả và bạn đọc, bạn viết một năm mới an lành.

Tôi trở lại làm việc cho GA-esi, sau một năm dài ngồi thở dài than vắn. GA-esi sắp tan. Hãng chuẩn bị dọn qua Mississippi, bám víu vô một đơn vị khác để ngáp ngáp. Giống như ngọn đèn leo lét, trước khi tàn lụi, chợt rực lên. Tôi đang gặp giai đoạn này. Trở lại, vì nó rực lên, mặc dù ngắn ngủi.

Công việc không nặng nhọc, nhưng nhem nhuốc quanh năm. CAP (capacitor) được hệ thống arc-spray phun chì ở hai đầu. Muốn test CAP, tôi phải cơi bỏ mảng bột chì dơ bên ngoài lớp plastic. Đó là lý do tại sao thân thể bị dị ứng và ngứa ngáy khó chịu.

Người bạn đồng nghiệp Việt Nam duy nhất bên cạnh tôi, là Vĩnh. Anh cũng nắng dãi mưa dầu, hàng ngày bó mình trong lò chì cực nóng. Tai và đầu lúc nào cũng bị tra tấn bởi hàng tỷ tiếng động quái dị, phát ra từ các cỗ máy Impregnation đua nhau xả hết tốc lực.

Thật ra, nếu chẳng vì Jessica, có thể tôi sẽ không muốn trở lại công việc. Tôi không muốn trở lại nơi chốn người ta đã mạnh dạn từ bỏ tôi, kể cả trong tình yêu, kể cả gia đình. Jessica thu hút mãnh liệt. Nàng như bóng như hình, lượn qua chao lại giữa đời tôi giống cánh hải âu chưa bao giờ rời biển. Đúng 8 giờ sáng, mỗi ngày, khi tôi vừa cầm ly cà phê ngậm ngùi ra tới parking lot, thì chiếc Jeep màu đỏ trờ tới, Jessica khoan thai bước ra, khép nhẹ cửa xe, vuốt mái tóc dài sang một bên, rồi uyển chuyển lướt vào hãng. Ngày, tuần, tháng, năm nào... cũng vậy. Cũng cái jupe ngắn khỏi gối. Cũng cặp đùi trắng muốt. Cũng mái tóc bồng bềnh xõa nhẹ bờ vai. Cũng nụ cười nửa miệng, nhếch môi khinh khỉnh. Bốn mùa trôi qua đều đặn. Xuân mát rượi. Hạ bứt rứt. Thu se sắt. Đông run rẩy. Dù nóng rát thịt hay lạnh thấu xương, nàng vẫn đằm thắm bó mình trong chiếc jupe dễ thương. Chỉ có mỗi ngày mỗi một sắc màu. Nay đỏ. Mai vàng. Mốt tím. Bữa kia xanh... v... v...

Chuyện tôi si Jessica bắt đầu thấu tai Vĩnh. Cái nhìn đắm đuối mỗi sáng cộng với sự thẫn thờ trong lúc làm việc đã tự tố cáo tôi một cách hiển nhiên. Vĩnh nhất định phản đối tình yêu cuồng dại này.

- Ông già rồi. Còn xí quách bao nhiêu mà đi yêu một cô gái khêu gợi như vậy ?

Bôi đen hay xúc phạm thần tượng là điều không thể tha thứ. Tôi nhào tới Vĩnh.

- Tôi khoái ai, yêu ai... là quyền của tôi. Chẳng mắc mớ chi tới cậu ?

Tôi xắn tay áo, bồi thêm.

- Cái hãng này sẽ như cái đám ma, nếu không có những cô gái «cởi mở» như Jessica.

Tôi thích nhìn Jessica, chẳng phải vì yêu nàng. Cũng chẳng phải vì tấm thân bốc lửa sẵn sàng phực lên thiêu cháy trái tim tôi. Tôi thích nàng vì nàng giống Lụa. Lụa của 40 năm về trước, lúc tôi còn là cậu học sinh chưa nếm mùi đời. Thượng Đế quả trớ trêu. Ngài đã tạo nên Lụa. Ngài còn đem phó bản rải khắp nơi trên trái đất. Rốt cuộc, xa Lụa một thời gian dằng dặc, qua Jessica, kỷ niệm ngày xưa chợt ùa về như dòng lũ ngược. Nếu cởi bỏ chiếc jupe cũn cỡn trên thân thể nuột nà của

Jessica, thay vào đó tà áo dài trắng tha thướt học trò... thì chắc chắn phó bản sẽ trở thành chính bản. Jessica sẽ trở thành Lụa. Y hệt. Trăm phần trăm.

Nhắc Lụa, khung trời Cà Mau như ngả nghiêng trong ký ức tôi. Những con đường chụm lại. Dòng sông trôi giạt đôi bờ. Thành phố khóc mưa chiều. Mái trường trung học vắng bặt tiếng guốc nữ sinh. Chiến tranh bắt đầu tấn công tỉnh lỵ. Tuổi trẻ lội trong khói lửa như cá mắc cạn trong vũng lầy. Trước biến cố thời cuộc, Lụa vẫn vươn lên như mầm cây, mướt xanh và thắm sắc. Những bài thơ của tôi ra đời. Sầu, thương, than, khóc... cộng với khói thuốc và hơi rượu... đã làm đảo điên trái tim mềm yếu của nàng. Bài thơ đầu tiên tặng Lụa được đăng trên báo Phụ Nữ Diễn Đàn. Cả xóm le lưỡi thán phục. Cả trường trung học An Xuyên đi tìm tôi, nhìn mặt. Lúc đầu Lụa mắc cỡ, lên tiếng trách móc, phàn nàn. Sau đó, nàng lén nhìn tôi bằng ánh mắt thiết tha. Và thay vào cái nhếch môi khinh khỉnh năm xưa là nụ cười thầm kín, dường như có chất chứa một hứa hẹn nào đó cho mai sau.

Thời gian êm đềm trôi qua, những bài thơ tôi tiếp tục cho Lụa, đăng khắp nơi trên các báo Sài Gòn. Đến một lúc, tình yêu dâng trào, Lụa không thể giấu kín nỗi niềm nữa, nàng bộc lộ bằng cách âu yếm dắt tay tôi về giới

thiệu với ông già. Nhà Lụa kín đáo, nằm bên hông rạp chiếu bóng Huỳnh Long, dưới hàng gòn vây quanh sân, che mát mái tôle. Mùa này, cuối năm, trái nứt bụng, lòi bông trắng xóa. Bông gòn theo gió, bay tung tăng trước sân, bay dính vào tóc Lụa, bay xà xuống đôi chân vạn dặm của tôi, và trải dài như hoa tuyết khắp lối đi. Chưa kịp vào nhà, tôi đã thấy một người đàn ông lom khom nhóm lửa trong cái bếp đặt dưới lườn chiếc xe bán mì lưu động. Như hiểu được nỗi băn khoăn của tôi, Lụa nhỏ nhẹ.

- Ba em đó ! Ba em đang chuẩn bị đi bán đêm.

- Ba em bán mì gõ ? Hèn chi tối nào anh cũng nghe tiếng gõ lóc cóc khắp các con đường. Nhiều khi thức khuya học thi, đói bụng, anh cũng kêu mì của ba em. Vậy mà... không biết ?

Lần gặp đó, tôi thất vọng. Ba Lụa cố ý muốn cắt đứt tình cảm của tôi với Lụa, khi biết tôi làm thơ, phung phí tâm hồn.

- Con kết bạn với thằng này, lâu dần... có nước xách túi đi ăn mày. Thơ với thẩn làm sao kiếm được tiền ? Ba thức khuya dậy sớm bán mì nuôi con ăn học, để rồi... ngó con ôm nhau chết đói hay sao ?

Tôi buồn tình, lủi thủi ra về. Bông gòn vẫn rơi trên lối đi, trắng xóa như tuyết. Tôi tưởng chừng đấy là những đám bông tang, khâm liệm mối tình tôi vào đáy sâu kỷ niệm.

40 năm trôi qua như giấc mơ. Kể từ lúc chia tay với Lụa, tôi không có cách nào để gặp lại nàng. Chiến tranh bùng nổ khắp nơi, tôi bị cuốn hút vào vòng binh lửa như một định mệnh an bài. Chiến tranh còn làm thất lạc tất cả. Thất lạc ngay chính tôi. Một người lính làm thơ ngơ ngáo trước trận tiền. Rồi, chiến tranh kết thúc. Kết thúc một cách vội vã, hối hả. Tôi lại thất lạc thêm lần nữa. Một tù binh làm thơ bơ vơ trong ngục tù.

Tôi nướng rụi tuổi trẻ trong khói lửa và lao lung, cho đến khi tuổi già sắp bộc phát thì mới qua được Mỹ, theo chương trình HO. Chưa kịp định cư yên ổn, tôi đã liên lạc với các đồng hương để tìm tung tích Lụa. Vài ngày sau, tôi nhận được điện thoại của Hiền, một thằng bạn chung lớp thời trung học đệ nhị cấp.

- Tao tìm ra tung tích của chú Sáu rồi.

Tôi áp ống nghe vào sát tai. Nhăn mày, ngạc nhiên :

- Chú Sáu nào ?

Tiếng chửi thề vang lên, nhừa nhựa kéo dài.

- Đù má. Chú Sáu bán mì gõ ở xóm Huỳnh Long đó !

- Ô ! Ông già của Lụa. Mày gặp Lụa rồi ư ?

- Chưa. Chỉ mới nghe tin. Tao ở Virginia qua Little Saigon có một tuần thôi ! Mày muốn gặp chú Sáu, ngày mai lên đây. Tao và mày sẽ đến tiệm mì của ông ta.

- Hả ? Ổng có tiệm mì ở Little Saigon sao ?

- Nghe nói ổng mang cả xe mì gõ qua, lập nên tiệm mì. Làm ăn phát đạt lắm !

Mặt tôi bỗng nóng phừng lên, hừng hực. Hình như trái tim đang đập mạnh, phình phịch trong ngực.

- Còn Lụa. Lụa thì sao ?

- Tao chỉ biết tới đó thôi !. Muốn biết thêm, ngày mai lên đây sẽ biết.

Buổi sáng, mặt trời vừa hực nắng, tôi đã khăn gói ra xe, trực chỉ hướng Little Saigon. Hôm qua, suốt đêm, tôi không ngủ được. Lâu lâu, cứ ngóc đầu dậy nhìn đồng hồ, rồi nằm xuống lăn qua lộn lại. Tôi trông đêm qua mau, ngày tới lẹ để nhào xuống xe, phóng một mạch rước Hiền, rồi chạy thẳng đến tiệm mì.

Hôm qua, hình ảnh Lụa cứ đập vào trí tôi như khúc phim quay ngược. Tà áo dài trắng thướt tha, mái tóc dài lay bay, và đôi chân thon thả vào đời... cứ trăn trở, cứ ray rứt, cứ sống lại trong tôi thời lãng mạn học trò. San Diego cách Santa Ana không xa, khoảng một tiếng đồng hồ sau, tôi có mặt ở Phước Lộc Thọ. Hiền chọn chỗ ngồi ngay cửa trước, nơi quầy cà phê đầu tiên, với cuốn đặc san Cà Mau trước mặt, chờ tôi.

Nhận diện Hiền dễ dàng, vì có những dấu hiệu báo trước. Nhưng tôi phải lưỡng lự vài giây, mới định thần nhào tới ôm nó reo mừng. Thằng bạn trẻ trung lém lỉnh ngày xưa, giờ là lão già xụi lơ, lờ rờ như rùa mắc cạn.

- Lên xe, chạy theo tao. Cứ nhắm Garden Grove tiến tới.

Cánh cổng to lớn tự động mở toang, trước mũi xe chú Sáu. Sân thênh thang. Chúng tôi lần lượt đậu xe vào, vẫn còn khoảng trống dọc ngang chạy mút tới bờ tường. Những tầng lầu chồng lên nhau, tạo nên một biệt thự uy nghi, bề thế. Hàng palm vươn lên, chung quanh. Thân thẳng đứng, biểu hiện cho sự hiên ngang, bất khuất. Tôi chợt nhớ hàng gòn nhà Lụa 40 năm về trước. Trái gòn, cuối năm nứt bụng, rắc bông trắng xóa xuống lối đi. Bông gòn từng được tôi ví như bông tang, khâm liệm mối tình học trò của tôi và Lụa xuống đáy

sâu kỷ niệm.

Chú Sáu mời chúng tôi vào phòng khách. Chú vừa pha cà phê vừa huyên thiên.

- Ở tiệm mì, nói chuyện với nhau không tiện. Chú muốn mời mấy cháu về nhà, nói chuyện thoải mái hơn.

Hiền ngó nét tráng lệ xung quanh căn phòng, rồi ngó chú Sáu thán phục.

- Chú chỉ đem có gánh mì sang Mỹ mà làm ăn phát đạt. Chắc chú có bí quyết chi đó ? Truyền lại cho con cháu đi chú !

- Làm ăn ngon lành, đâu phải chỉ có mình chú ? Người ta đã đem món ăn Hà Nội, Huế, Sài Gòn qua cả bên này. Thậm chí họ còn muốn đem cả thành phố Sài Gòn qua luôn. Không tin, mấy cháu chạy tà tà đến phố Bolsa đi ! Y hệt như Sài Gòn ngày xưa. Một Sài Gòn trên đất Mỹ.

Tôi nóng lòng, đứng lên ngồi xuống. Mắt ngó dáo dác, tứ tung. Lúc ngóng lên cầu thang. Lúc nghiêng xuống lối đi. Lúc dò xét các căn phòng. Tôi thất vọng hoàn toàn. Tất cả đều chìm trong im lìm, vắng lặng. Không dấu hiệu nào báo có sự hiện diện của Lụa ở đây.

Chú Sáu chợt xoay lưng, vỗ nhẹ vào vai tôi.

- Cháu này ở hẻm Huỳnh Long phải không ? Ba cháu tên gì ? Coi chú có nhớ ra không ?

Hiền la lên.

- Cái thằng chuyên làm thơ tán gái. Nổi tiếng khắp xóm Huỳnh Long. Bộ chú không biết sao ?

Chú Sáu buông tách cà phê xuống bàn, kêu «Trời ơi !», rồi choàng tay ôm tôi vào lòng. Nước mắt chú rưng rưng, làm nước mắt tôi cũng rưng rưng.

- Chú xin lỗi cháu. Ngày xưa, dại quá, chú nói những lời xúc phạm đến cháu. Bây giờ, hối hận lắm !

Tôi lắc đầu, thân mật nắm chặt tay chú Sáu.

- Lụa. Lụa vẫn khỏe hả chú ?

Chú Sáu ôm mặt, khóc rống lên.

- Chú đã mất con Lụa rồi. Mất rồi.

Mắt tôi bỗng mờ dần. Trần nhà dường như nghiêng ngửa. Tôi nghe rõ từng nhịp tim tôi đập yếu ớt trong lồng ngực.

- Lụa mất rồi ? Mất hồi nào ? Trong trường hợp nào vậy chú ?

Chú Sáu dìu tôi ngồi xuống sofa.

- Nó vẫn còn. Cái xác vẫn còn, Nhưng cái hồn thì thất lạc ở phương nào ?

- Lụa đấy ! Cháu cứ vào, nhỏ nhẹ khơi lại kỷ niệm với nó. Coi nó có nhớ cháu không ?

Tôi sửng sốt ngó người đàn bà mặc áo nâu sòng đang khiếp sợ thét lên, khi tôi tiến đến gần bà. Bà chắp hai tay trước ngực, rạp người xuống, lạy lia lịa.

- Xin ông tha cho tôi. Tội nghiệp tôi, ông ơi !

Chú Sáu lẹ làng bước tới.

- Lụa. Đây là bạn thân của con. Bạn học với con hồi thời trung học. Nhớ không ?

Người đàn bà ngưng lạy, ngước mặt lên, ngó tôi đăm đăm. Một thoáng trôi qua, bà lắc đầu quầy quậy.

- Bạn hả ? Nói dóc. Bạn tui còn ở dưới biển kìa. Bạn tui không về. Bạn tui làm quen với nàng tiên cá.

Trời ơi ! Lụa của tôi đây sao ? Lụa dấu yêu ngày nào của tôi đây sao ? Một người đàn bà bạc trắng mái đầu, tóc ngắn cũn cỡn, thân xác già nua tiều tụy trong bộ nâu sòng thùng thình thúng thính... mà là Lụa của tôi đây sao ? Đâu rồi mái tóc thướt tha xõa xuống bờ vai ? Đâu rồi nụ cười nửa miệng, ánh mắt thiết tha gợi tình ? Đâu rồi tấm thân kiều diễm, với từng bước chân thon thả đi nhẹ vào đời ? Dường như tôi bật khóc. Dường như tôi đang mất đi một điều gì quý báu nhất trên đời ?

Chú Sáu ở sau lưng cứ thúc tôi tiến tới.

- Cháu đến với nó đi ! Dùng tình cảm, nhắc lại mối tình năm xưa của hai đứa, coi nó có hồi phục tâm trí không ?

Tôi dịu dàng nắm nhẹ tay Lụa. Lụa giựt tay lại, lùi mạnh vào vách tường.

- Lụa còn nhớ bài thơ đầu tiên anh tặng cho em không? Bài thơ đăng trên tuần san Phụ Nữ Diễn Đàn. Chính em đã dẫn một bầy con gái tìm anh, đưa guốc lên xin chữ ký ?

- Thơ ? Thơ hả ? Thơ Vân Tiên chứ gì ? Thơ đó, làm sao có chữ ký. Nói dóc.

Tôi kiên nhẫn.

- Bài thơ đó, ngày xưa em thuộc nằm lòng. Bây giờ, anh đọc lại cho em nghe :

Em từ tiền kiếp về đây
Bắn anh một mũi tên ngay huyệt tình
Dù ôm thương tích vô hình
Ngẩn ngơ suốt cuộc hành trình trăm năm
Phải chăng em ngọn dao găm
Đâm anh những nhát vô tâm trong đời...

Lụa bỗng ngã lăn ra, cười rũ rượi.

- Tui ghét vọng cổ lắm. Ông ca dở ẹt. Về nhà ca cho má ông nghe đi !

Tôi hoàn toàn thất vọng. Ký ức của Lụa, giờ đây, trống rỗng. Thần trí của nàng thất lạc phương nào ? Lụa quên mất tất cả những gì trong quá khứ, kể cả mối tình đầu nồng nàn và sâu đậm nhất của chúng tôi.

Chú Sáu đưa hai tay lên cao, kêu «Trời». Và kéo tôi ra hành lang.

- Mấy chục năm nay, chú đã đưa nó đi khắp nơi trị bệnh. Từ chùa chiền, nhà thờ, bệnh viện... cho tới bùa, chú, trấn, ếm... đủ kiểu. Hết thuốc tây tới thuốc bắc,

thuốc nam... kể cả thần dược, nan dược. Ai bày chi dùng nấy. Ai chỉ thầy hay... cũng tìm đến. Rốt cuộc, bệnh vẫn hoàn bệnh. Tiền mất tật mang cháu ạ !

Tôi xót xa, nắm chặt tay chú Sáu.

- Chú có biết nguyên do nào làm Lụa điên cuồng như vậy ?

- Năm chú vượt biên. Tàu chú chẳng may gặp hải tặc hung dữ. Chúng cưỡng bách và hãm hiếp phụ nữ vô cùng dã man. Lụa, là đứa con gái mới lớn, nên không thể tránh khỏi cảnh thương tâm đó. Nó đau đớn ngất xỉu, và khi tỉnh dậy - nó chợt hóa điên cuồng.

Tôi trở về San Diego giống một cái xác không hồn. Hy vọng tìm tung tích Lụa, từ 40 năm nay, thoáng chốc tan thành mây khói. Lụa còn đó như không có. Lụa còn đó, nhưng biến dạng biến hình, chết luôn cả tâm hồn thanh cao mà suốt tháng năm tôi nâng niu, trìu mến.

Chính bản mất, tôi chỉ còn cơ hội bấu víu vào phó bản. Thượng đế quả tuyệt vời. Chính Ngài đã đem phó bản rải khắp nơi để con người không có quyền tuyệt vọng. Tôi sẽ theo chân Jessica, sẽ làm những vần thơ mượt mà cho nàng. Tôi sẽ dựng lại tình yêu, dựng lại cái đẹp trên cuộc đời đầy thương đau này. Giống như

Sài Gòn mất, người ta dựng lại Saigon trên đất Mỹ.

Ngày mai, tôi vào GA-esi làm việc, tôi sẽ nói với Vĩnh đôi lời. Nếu không có những người làm thơ ca tụng vẻ đẹp trên đời... thì cái hãng này sẽ buồn như đám ma và trần gian này sẽ ảm đạm như cái bãi tha ma khổng lồ.

Phạm Hồng Ân

# Từ Một Tấm Hình

Anthony Hưng Cao

Tác giả là một bác sĩ nha khoa, hiện hành nghề tại Costa Mesa, Nam Cali. Tham dự Viết Về Nước Mỹ từ 2007, ông đã nhận giải Vinh Danh Tác Giả Xuất Sắc 2010, với hồi ký «My Life» chia sẻ kinh nghiệm học tập của ông. Ngoài nghiệp y khoa, Hưng Cao còn là người soạn nhạc và là chủ tịch câu lạc bộ Tình Nghệ Sĩ. Bài mới của ông là một hồi ký về trại tị nạn Bataan và về sinh hoạt của nhóm bạn Tình Nghệ Sĩ hướng về những nạn nhân trận bão Hải Yến tại Phi.

Đây là mảnh đất Tự Do mà tôi được đặt chân lên sau khi thoát khỏi Việt Nam. So với nhiều đồng hương Việt Nam, tôi có may mắn là không phải trải qua những ngày lênh đênh trên biển cả, chạm mặt với tử thần trong những cuộc vượt biển hãi hùng mà chúng ta đã được nghe kể lại như những trang bi hùng sử của người Việt Tị Nạn. Tôi còn nhớ như in ngày gia đình tôi đến trại tị nạn Bataan. Những gương mặt xa lạ tò mò nhìn chúng tôi khi mới bước chân vào trại. Những dãy nhà thật lạ mắt dựng tạm với nóc tôn nóng hừng hực vào những buổi trưa hè. Sau này khi có dịp đọc thêm tài liệu, tôi mới biết trại tị nạn Bataan cách vịnh Subic

không bao xa, khoảng chừng 10 cây số. Trong thời gian ở trại, tôi chẳng biết gì hơn ngoài phạm vi của khu trại và con đường từ trại đến phi trường Manila trên chuyến xe bus trên đường ra phi trường đi định cư ở Mỹ.

Trại tị nạn Bataan còn được gọi là trại PRPC, viết tắt của bốn chữ «Philippines Refugees Processing Center». Trại được lập ra từ năm 1980 và trong những thời điểm khi làn sóng người tị nạn lên cao, có những lúc trại Bataan là nơi trú ngụ của hơn chục ngàn người Việt Nam cũng như một số dân tị nạn người Đông Nam Á khác. Trại tị nạn bị đóng cửa vào năm 1994 khi ngân quỹ của Cao Uỷ Tị Nạn không còn và làn sóng người vượt biển đã giảm đi. Trại tị nạn Bataan là trại chuyển tiếp, nên đời sống tinh thần của những người trong trại được xem là khá hơn những trại tị nạn khác vì những người trong trại không còn phải hồi hộp chờ đợi số phận của mình qua quá trình thanh lọc nữa.

Tôi tới trại Bataan vào cuối tháng 5, khi trời bắt đầu vào Hè với cái nắng thiêu đốt của xứ sở vùng nhiệt đới. Tuy chỉ tạm ở trại khoảng 4 tháng, tôi đã có dịp tiếp xúc và yêu mến đất nước cũng như người dân Phi Luật Tân. Trước hết, phải nói đến các Thầy Cô giáo người Phi Luật Tân. Họ giảng dạy rất nhiệt tình và dành rất nhiều tình cảm cho các học trò người Việt Nam. Tôi

còn nhớ lớp học của Thầy Rene trong khoá học (hay còn gọi là Cycle) 105 mà tôi theo học lúc đó. Thầy rất kiên nhẫn và tận tình chuẩn bị cho từng bài giảng. Ví dụ như khi học về quần áo, Thầy khệ nệ mang vào lớp rất nhiều đồ để chúng tôi được dịp làm quen với tên gọi của từng loại quần áo. Bọn học trò chúng tôi có dịp nhìn thấy tận mắt các kiểu quần áo thời trang rất lạ lẫm đối với chúng tôi, những người vừa thoát khỏi xứ sở «thiên đường cộng sản» lúc bấy giờ. Dù mỗi khóa học chỉ kéo dài có vài tháng, nhưng mỗi khi mãn khóa, buổi lễ chia tay nào của thầy trò cũng đầy những giọt nước mắt lưu luyến, bịn rịn...

Lúc làm phụ giảng (Teacher Aid) cho cô giáo ở lớp Hướng Dẫn Văn Hoá trong trại, đôi khi tôi thấy rất tội nghiệp cho cô vì một vài học trò Việt Nam rất nghịch ngợm, đúng với câu «nhất quỷ nhì ma thứ ba học trò» hay một câu khác trong trại thường nghe lúc đó là «yes yes no no six months to go» (ý nói học giỏi hay dở gì thì đủ thời gian 6 tháng cũng sẽ được đi định cư mà thôi). Có học sinh đặt câu hỏi tiếng Việt chọc phá cô giáo và tôi phải có bổn phận dịch lại. Tất nhiên là tôi không dám dịch những câu này mà phải dịch «chế» ra những câu khác. Nhìn ánh mắt của cô giáo, tôi đoán biết là cô giáo người Phi biết là các học sinh này chọc phá mình, nhưng cô vẫn hiền từ kiên nhẫn giảng dạy cho các em

học sinh những nếp sống trên quê hương mới để mong học trò của mình dễ dàng hội nhập hơn.

Ngoài những Thầy Cô giáo mà chúng tôi có dịp theo học, những người dân Phi Luật Tân bình thường khác mà chúng tôi có dịp tiếp xúc trong trại cũng hiền hoà không kém. Là một đất nước nông nghiệp, nên phần lớn người dân Phi cũng có đời sống vất vả như người dân Việt Nam. Tôi vẫn nhớ hình ảnh những người dân Phi hiền lành, chất phác. Họ chỉ vào trại để mua bán, sinh sống như mua lại gạo của Cao Uỷ phát cho những gia đình người Việt còn thừa để đổi lấy những vật dụng cần thiết, v. v. Những buổi trưa hè, tiếng rao bán «balut» (hột vịt lộn) kéo dài ngân nga của những người bán hàng rong người Phi nghe không khác chi tiếng rao hàng của chị bán chè trong khu xóm tôi ở quê nhà.

Một điểm mà tôi rất ngưỡng mộ người dân Phi Luật Tân là tinh thần chống cộng rất cao. Mặc dầu liên tục bị sự chống phá, nổi loạn của đám Phi cộng, nhưng chính phủ Phi Luật Tân từ nhiều thập niên nay vẫn cứng rắn chống lại bọn chúng một cách không nhân nhượng. Tôi tình cờ đọc được một câu chuyện của một người Việt khi anh có dịp trở về thăm lại trại tị nạn Bataan. Một trong những di tích anh muốn đến thăm là Tượng Đài Tưởng Niệm Thuyền Nhân Việt Nam vì anh nghe đồn

Tượng Đài đã bị bọn cộng sản ở Việt Nam mua chuộc giới cầm quyền để đập phá, như chúng đã đê hèn làm việc này ở Mã Lai và Indonesia. Những ai đã từng ở trại tị nạn Bataan, chắc còn nhớ Tượng Đài Thuyền Nhân ở vùng 8 được những người Việt tị nạn trong trại, với sự đóng góp của những người may mắn đi định cư trước đã xây lên Tượng Đài này.

Theo như anh kể lại trong câu chuyện, anh thật vui mừng khi tận mắt chứng kiến Tượng Đài vẫn còn nguyên vẹn, dù có nhiều nét hoang tàn vì thiếu người chăm sóc. Câu nói của vị sĩ quan phụ trách an ninh của khu kỹ nghệ Bataan hiện nay có lẽ là bằng chứng hùng hồn về tấm lòng và thái độ của người dân Phi Luật Tân khi ông ta trả lời mối quan tâm của anh về ý đồ phá hoại Tượng Đài của cộng sản Việt Nam : «Không, chúng tôi sẽ không để điều đó xảy ra ở đây.»

Việc hoàn trả lại món tiền viện trợ của chế độ cộng sản Trung Quốc cũng nói lên tinh thần của người dân Phi Luật Tân : Một dân tộc hiền hòa, có trái tim nhân ái khi mở rộng cửa đón người Việt tị nạn trên bước đường đi tìm Tự Do và có thái độ rất dứt khoát với cộng sản.

Vậy mà bỗng chốc, tai ương lại ập đến đất nước nơi có người dân rất hiền hoà này khi cơn bão Hải Yến kéo đến. Cha mất con, vợ mất chồng, đứa anh trai bồng em

thơ đi tìm xác mẹ, v. v..... Nước mắt rơi quanh những đổ nát, hoang tàn...

Đứng trước thảm cảnh này, đồng hương Việt Nam ở khắp nơi đã tổ chức nhiều cuộc gây quỹ quyên góp trong tinh thần lá lành đùm lá rách và nhất là để có dịp đền đáp lại ơn nghĩa của một dân tộc đã từng cưu mang mình. Trong khuôn khổ của bài viết này, tôi xin phép viết về một chương trình gây quỹ mà tôi hân hạnh tham gia.

Hàng năm, các anh chị em trong Câu Lạc Bộ Tình Nghệ Sĩ (CLB TNS) thường tổ chức một buổi họp mặt cuối năm. Đây là dịp để các anh chị em trong CLB TNS ở miền Nam Cali, nhất là các thành viên trong Ban Hợp Ca, có dịp ngồi xuống «nghỉ xả hơi» sau một năm sinh hoạt, ôn lại những kỷ niệm vui buồn trong suốt một năm qua.

Buổi họp mặt năm nay đặc biệt hơn các năm trước vì khi chương trình được dự thảo, thì lúc cơn bão Hải Yến bắt đầu tràn vào quốc gia Phi Luật Tân. Những hình ảnh, những câu chuyện thương tâm được các đài TV và báo chí đưa tin làm ai cũng đau lòng trước thảm họa mà người dân Phi Luật Tân phải gánh chịu. Chứng kiến những thảm cảnh này, thay vì tổ chức một buổi họp mặt vui chơi như thông lệ cuối năm, CLB TNS quyết định

thêm vào chương trình gây quỹ cứu trợ nạn nhân bão lụt. Tưởng cũng xin nhắc lại là trước đó, hưởng ứng lời kêu gọi của Ban Tổ Chức (BTC) buổi đi bộ gây quỹ ở Mile Square Park, CLB TNS ở tại quận Cam cùng các chi nhánh khắp nơi như Úc, Đức, Thuỵ Sĩ, Texas, San Jose, ... cũng đã kêu gọi các thành viên yểm trợ được số tiền trên 2 nghìn đô la trao cho BTC.

Thời gian để chuẩn bị thật gấp rút vì «cứu người như cứu lửa». BTC đã chọn nhà hàng Seafood Place làm nơi tổ chức vào buổi chiều Thứ Sáu ngày 6 tháng 12. Chỉ trong vòng một ngày, cô Ngọc Điệp đã làm xong tấm thiệp mời. Tấm thiệp tuy đơn sơ, không cầu kỳ như những tờ poster của các chương trình khác, nhưng đã nêu lên đầy đủ mục đích mà BTC muốn kêu gọi quý thân hào và bạn bè thân hữu đến tham dự.

Mới đầu tháng Mười Hai mà thời tiết đã khá lạnh. Tuy nhiên, so với nhiều tiểu bang khác trên nước Mỹ, miền Nam Cali vẫn còn may mắn vì mọi người không đến nỗi phải lái xe dưới trời mưa tuyết để đi đến tham dự. Bước vào nhà hàng, không gian dường như ấm cúng hẳn ra với những nụ cười, những câu chào hỏi, những cái bắt tay ấm áp tình thân. Sân khấu của nhà hàng hôm nay đầy màu sắc rực rỡ với cây thông giăng đầy những ngọn đèn màu và tất nhiên không thể thiếu

hình ảnh ông già Noel bên những món quà Giáng Sinh. Ngoài những khuôn mặt thân quen trong CLB TNS, ngày hôm nay tôi còn thấy có sự hiện diện của nhiều bạn bè thân hữu và một vài hội đoàn khác đến tham dự. Có được sự tham gia của số quan khách ngày hôm nay phần lớn nhờ vào sự nhiệt tình của Trưởng BTC là cô Ngọc Điệp. Cô đã bỏ thời gian gần như mỗi ngày để kêu gọi, khuyến khích bạn bè đến tham dự thật đông, cũng như liên tục cập nhật danh sách đóng góp gây quỹ để mọi người được lên tinh thần.

Chương trình văn nghệ bắt đầu từ lúc 6 : 30 pm với những tiết mục trình diễn của các ca sĩ trong CLB TNS và các bạn bè thân hữu. Ca nhạc sĩ Hạnh Cư đã rất bận rộn để sắp xếp và điều khiển chương trình văn nghệ mở màn này. Sau phần văn nghệ mở màn là phần phát biểu của chị Hội Trưởng Quỳnh Giao, thay mặt CLB TNS gửi lời chào mừng quan khách và các anh chị em tham dự. Chị cũng không quên gửi lời mời mọi người tham gia chương trình Đệ Tứ Chu Niên của CLB TNS vào tháng Ba năm 2014. Tiếp theo phần phát biểu của chị Quỳnh Giao, người viết bài này cũng được dịp trình bày với quan khách tham dự về mục đích của buổi họp mặt và gây quỹ cho nạn nhân của cơn bão lụt Hải Yến ở Phi Luật Tân vừa qua. Khi nói đến mục đích gây quỹ để đền đáp tấm lòng của người dân Phi Luật Tân, tấm hình

của trại tị nạn Bataan dường như cứ chập chờn hiện ra trước mắt tôi.

Sau một vài tiết mục văn nghệ, chị Nghiêm Tú Lan trong vai trò MC đã mời cô Ngọc Điệp ngỏ lời cám ơn và kêu gọi mọi người tham gia vào công việc gây quỹ. Cô Ngọc Điệp cũng đã thay mặt BTC công bố tên của các vị mạnh thường quân đã gửi check tới để ủng hộ trước. Trong khi đó, các cô trong ban tiếp tân mang những chiếc thùng đi đến từng bàn để mọi người có thể tham gia vào công tác gây quỹ. Cô Ngọc Điệp cũng chia sẻ một câu chuyện cảm động về một vị khách đã đưa cho cô một phong bì để đóng góp vào việc gây quỹ với số tiền phần lớn là những tờ 1 đồng từ những đồng tiền mà ông đã đích thân đi kêu gọi những người hàng xóm của ông đóng góp. Một nghĩa cử thật cảm động và một tấm lòng rất đáng quý.

Chương trình văn nghệ được tiếp nối sau đó với những bản nhạc phần lớn về chủ đề Giáng Sinh. Trong giờ nghỉ giải lao của ban nhạc, các chị trong Ban Tiếp Tân như chị Phi Loan, chị Nghiêm Tú Lan và anh Thủ Quỹ Phạm Hoàng đã giúp cô Ngọc Điệp tổng kết số tiền lời thâu được. Sau đó, cô Ngọc Điệp đã đại diện BTC công bố số tiền $2, 377. 00 quyên góp được sau khi trừ chi phí ẩm thực của nhà hàng để trao cho Hội

Hồng Thập Tự trong tiếng vỗ tay của mọi người.

Trời càng về khuya càng lạnh, nhưng có lẽ các anh chị trong CLB TNS cảm thấy lòng mình thật ấm áp khi đã cùng nhau góp tay thực hiện công việc gây quỹ trong tinh thần lá lành đùm lá rách để mong đền đáp phần nào những ân tình mà người dân Phi Luật Tân đã dành cho người Việt tị nạn trước đây. Vừa mới xong chương trình này, các anh chị em trong CLB TNS lại chuẩn bị tham gia «Đêm Nhân Quyền cho Việt Nam» vào ngày hôm sau, và sau đó là chương trình «Ngày Tù Nhân Lương Tâm Việt Nam - Cây Mùa Xuân Dân Chủ» vào ngày Chủ Nhật sau đó.

Có lẽ đến khi nào quê hương Việt Nam thật sự có dân chủ, nhân quyền, không còn bóng thù cộng sản, lúc đó các anh chị em trong CLB TNS mới thật sự được «nghỉ xả hơi» trong «ngày thanh bình muôn nơi hân hoan, người Việt Nam hát khúc khải hoàn...» như một câu hát trong bài «Vùng Lên Cứu Nước». Ngày đó chắc chắn không còn xa.

Số tiền gây quỹ được tuy không phải là một con số lớn, nhưng tôi hình dung những nụ cười vui của các trẻ em khi nhận được những món hàng cứu trợ gửi tới. Chắc chắn sẽ có những giọt nước mắt của những người Phi Luật Tân cảm động trước sự đóng góp của người

dân Việt tị nạn năm nào. Người dân Phi Luật Tân biết rằng chúng ta không quên ơn của họ. Biết đâu trong số những người này, có những Thầy Cô đã từng dạy học trong những cycle của trại tị nạn Bataan năm nào. Và điều quan trọng hơn, đây là dịp để chúng ta nhắc nhở các con em của chúng ta, thế hệ sinh ra và lớn lên ở hải ngoại, những gì mà thế hệ đi trước đã trải qua và ghi dấu lại trên bước đường đi tìm Tự Do. Cầu mong cho sự bình an sớm trở lại trên đất nước hiền hoà Phi Luật Tân.

Anthony Hưng Cao

# Có Những Mùa Giáng Sinh

Đào Như

Đào Như là bút hiệu của Bác sĩ Đào Trọng Thể, từng nhận giải «Tác Phẩm Xuất Sắc Nhất» Viết Về Nước Mỹ 2005. Trước 1975, ông là một y sĩ tiền tuyến chuyên về phẫu thuật. Định cư tại vùng Chicago, Hoa Kỳ, ông là chuyên gia bệnh tâm thần, và đã thành lập một câu lạc bộ đặc biệt để trợ giúp nhiều đồng hương và cựu chiến sĩ VNCH, cựu tù nhân cộng sản. Bài mới viết là một đoạn Hồi Ký Hậu Chiến của một Bác sĩ Phẫu Thuật, mang tên «Thiên Lý và Vô Tận».

Chiều cuối năm, buổi chiều êm như giấc mộng. Ngoài hiên nhà hàng thông cỗi đứng lặng yên tuyết phủ. Trọng nhớ lại nơi đây, làng Oak park, ngoại ô phía tây thành phố Chicago, thuộc tiểu bang Illinois, nơi lần đầu tiên anh và gia đình đặt chân trên nước Mỹ và cũng là nơi anh và gia đình dừng chân lại trong suốt hơn hai mươi qua, nay đã trở thành vùng đất dung thân.

Làng Oak park có hơn 100 năm lịch sử, quy tụ đủ mọi sắc dân trên thế giới. Phần nhiều họ là những nhà giáo, nhân viên bưu điện, cảnh sát, nhân viên sở cứu hỏa, kỹ sư, bác sĩ, dược sĩ, nha sĩ, chuyên viên báo chí, kinh tế, ngân hàng, thương mại... Họ có đời sống vừa

đủ, khiêm tốn. Họ thuộc về giai cấp trung lưu của Mỹ. Làng Oak park mang nhiều di tích lịch sử, văn hóa, kiến trúc, là nơi chôn nhau cắt rốn của nhà văn lớn của thế kỷ thứ hai mươi Ernest Hemingway, cũng là nơi kiến trúc sư Frank Lloyd Wright phát triển tài năng. Frank Lloyd Wright là niềm tự hào của người Mỹ về đường nét kiến trúc thẳng đứng vương cao đến vô tận của ông, chan chứa niềm hy vọng hoài bảo của đất nước Hoa Kỳ trẻ trung mới ngoài hai trăm năm lịch sử. Các con của anh đã lớn lên tại làng này và họ rất tự hào về nền văn hóa của làng.

Ngoài kia Giáng sinh đang trở về với mọi nơi trên thế giới. Các con và rể của anh cũng về tụ họp gia đình đông đủ. Chỉ có Tỏa, cậu trai út về trễ, đang trên máy bay, từ San Francisco sẽ về đến O'Hare, Chicago, lúc chín giờ tối nay. Vợ anh, chị Xuân Tường đang loay hoay ở trong bếp, cùng với hai cô con gái, mãi lo chưng diện cho cái bánh Giáng sinh. Cái bánh trông như thân gỗ mục, mọc lên những cụm nấm mốc meo sần sùi. Bên cạnh những cụm nấm xấu xí ấy, là những bông hoa màu hồng, màu đỏ tươi thắm tương phản tuyệt đẹp. Có cả dòng chữ «Mừng Giáng Sinh-1999» màu xanh lá mạ.

Không khí đoàn tụ gia đình gây cho mọi người niềm vui ấm cúng. Nhìn bánh Buche de Noel anh nhớ lại những mùa giáng sinh ở Sài Gòn gần 40 năm về trước, nhất là cái khí hậu mát lạnh của nó, cái mát lạnh vừa đủ gây đôi má đỏ hây hây của các cô buôn thúng bán bưng tại chợ Bến Thành, các cô đứng bán hàng trong các cửa hiệu, các nữ sinh Gia Long, Trưng Vương... và các cô nữ sinh viên Viện Đại Học Sài Gòn. Anh nhớ đến các phố Lê Lợi, phố Tự Do, phố Nguyễn Huệ và nhiều phố khác tràn ngập các các thanh niên và thiếu nữ. Các cô mặc váy ngắn, váy dài, váy dạ hội, hoặc áo dài. Có cô ở phố Thăng Long, mới di cư vào Nam năm nào, bây giờ chiếc áo dài của họ vẫn còn nguyên dáng Hà nội. Trọng nhớ lại hình ảnh Nhà Thờ Đức Bà Notre Dame, và dòng người cuồn cuộn xuôi về đó lúc nửa đêm. Các cô cậu thanh niên trẻ trung, các học sinh, sinh viên chia từng nhóm nhỏ, đứng dưới những mái hiên của khu phố, họ ca các bài ca quốc tế Mừng Giáng Sinh. Họ hưởng trọn vẹn một ngày lễ hội quốc tế, đầy tin tưởng vào hạnh phúc ở ngày mai. Càng về khuya, người càng đông, họ đưa nhau vào các quán Givral, Imperial, Continental hay Pagoda... họ chia nhau những mẫu bánh Giáng sinh ăn mừng lễ Nửa đêm-Réveillon. Phần nhiều họ là những người trẻ ngoại đạo, nhưng họ chia sẻ ngày vui quốc tế một cách trọn vẹn và kính cẩn. Đêm Giáng sinh tại Sài

Gòn, người là người, trong đó có anh và bạn bè anh, tràn ngập Thủ đô với niềm hân hoan bất tận. Anh nhớ lại các bạn bè của thuở Sinh viên, các cư xá sinh viên, Câu Lạc Bộ Phục Hưng, Foyer Renaissance, nơi đó anh đã ở 10 năm, suốt cuộc đời sinh viên của anh. Anh nhớ đến các cư xá bạn : Cư xá Đắc Lộ, Foyer d'Alexandre de Rhode, cư xá Minh Mạng và các cư xá của các chị nữ sinh viên như Cư Xá Trần Quý Cáp, Thanh Quan Lưu Xá... Trong dịp Giáng sinh, các Cư xá Sinh viên thường hay tổ chức những cuộc tiếp xúc văn học nghệ thuật, và nhất là âm nhạc và ca hát. Mùa Giáng sinh là cơ hội cho các anh chị em sinh viên cũng như các thanh niên nam nữ, gặp gỡ, tìm hiểu, trao đổi yêu thương và học hành... Đó là hình ảnh Giáng Sinh Sài Gòn của những năm lý tưởng, những năm sau hòa ước Genève 1954 đến năm 1963, trước khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm cùng người em trai của ông bị hạ sát.

Khi những chữ Usaid được thấy bất cứ nơi nào, khi những bảng hiệu Snack-Bar của Mỹ tìm thấy trên những đường phố của bất cứ quốc gia nào, thì nơi đó, những quốc gia đó, sẽ có những xáo trộn về kinh tế, chính trị và quân đội. Từ năm 1964, sau coup Saigon 1-11-63, đến năm 1973, dưới sức ép của hơn nửa triệu quân viễn chinh Mỹ những mùa Giáng sinh Sài Gòn thuở ấy không thể nào tránh khỏi ảnh hưởng của cái triết lý đó.

Cũng không gian đó, cũng Nhà Thờ Đức Bà, cũng phố Catinat, phố Bonnard, phố Nguyễn Huệ, cũng những con người của anh và bạn bè tràn ngập thủ đô Sài Gòn, nhưng với một nội tâm khoắc khoải, buồn vui lẫn lộn. Hình ảnh những lính chiến Mỹ đi bên cạnh cô gái Việt, tóc uốn lăn quăn quê mùa hiện ra trên các đường phố như những thực tế chua xót. Những chiếc mini-jupes được cắt ngắn hơn, kéo cao hơn, bám sát vào thân thể và số phận của những người con gái nghèo khó, vất vả lầm than lăn lộn với lính chiến Mỹ thâu đêm suốt sáng trong các snackbar, những hộp đêm, để độ nhật nuôi thân. Những vũ trường với tiếng kèn đồng của nhạc Jazz, được khai thác triệt để : Ritz, Lido, Moulin Rouge, Maxim, Côte d'Ivoir, Đồng khánh, Đêm Màu Hồng, Queen Bee v. v... Những năm tháng đó Sài Gòn hưởng những ngày giáng sinh đặc biệt : Giáng Sinh Ngừng Bắn, Giáng Sinh Hòa Lẫn Với Tiếng Bom B52 đánh phá địa đạo Củ chi hay ven đô. Những năm tháng ấy, những mùa Giáng sinh Sài gòn đầy bạo động, lựu đạn và thuốc súng.

Đến năm 1975 đất nước thống nhất. Người Cộng sản miền Bắc cai trị thao túng cả ba miền tổ quốc thô bạo hơn bất cứ đế quốc nào đã từng xâm lăn Việt nam : Tàu, Tây, Nhật, Mỹ... Cộng sản áp dụng chuyên chính vô sản triệt để : tạo phản, xách nhiễu, cướp đoạt tài sản

những người dân lương thiện một cách thô bạo mà họ gọi là tước đoạt trên tay kẻ bóc lột. Sau 75, Cộng sản bắt giữ, tù đày lao cải hàng triệu người miền Nam yêu nước. Cộng sản miền Bắc gọi tất cả người miền Nam là Ngụy, Ngụy quân và Ngụy quyền. Tất cả đàn bà và trẻ con bên này vĩ tuyến mười bảy họ gọi là Vợ Ngụy, Con Ngụy. Và họ thẳng tay chà đạp, đàn áp. Cộng sản phản bội những người quốc gia yêu nước đã từng sát cánh với họ trong hai cuộc trường kỳ kháng chiến. Sau khi thống nhất đất nước, họ thủ tiêu, triệt hạ toàn bộ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, ngay cả lá cờ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam cũng biến mất. Những người Cộng sản chuyên chính trấn ác, áp bức và thủ tiêu ngay cả những người Cộng sản gốc Nam bộ không tuân thủ theo họ. Những người Cộng sản miền Nam vô cùng phẫn uất khi thấy thân nhân họ, tuy gọi là Gia-đình-Cách mạng, Gia-đình-liệt-sĩ, vẫn bị vùi dập và đầy ải trong các trại tù cải tạo. Người Cộng sản để lộ nguyên hình những đứa con phản trắc của tổ quốc, họ phản bội lại những Bà Mẹ Yêu Nước Miền Nam trước kia có một thời trải thân đùm bọc, nuôi dưỡng, ngay cả sanh con với họ.

Câu hỏi lớn dày vò anh trong gần hai mươi năm mà anh chưa tìm được một giải đáp dứt khoát : Hai cuộc trường kỳ kháng chiến của nhân dân ta, cuộc chiến đấu

thần thánh, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước, được sự đồng tình, nhiệt thành ủng hộ của toàn thể dân cả ba miền tổ quốc, của tất cả quần chúng từ giàu đến nghèo, từ Cộng sản đến Quốc gia. Sau khi giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước, thì cuộc chiến đấu thần thánh ấy trở thành một cuộc chiến phi nghĩa, phân ly đất nước, chia cắt anh em, xé toang tổ quốc thành muôn mảnh, truy diệt nhau tận cùng. Sau Ba Mươi Tháng Tư Bảy Mươi Lăm hàng triệu người miền nam yêu nước bị Cộng sản trục xuất ra khỏi nước, sống lưu vong trên khắp chín mươi lãnh thổ quốc gia trên thế giới. Có phải chăng đó là hậu quả của cuộc chiến quá dài gây ra đổ nát, nghèo đói, lạc hậu, ngộ nhận, hận thù phi lý ? Hay đó chỉ là thân phận của chúng ta, những quốc gia nhược tiểu luôn luôn bị chi phối bởi những gọng kềm quốc tế, thế lực của các siêu cường ? Hay phải chăng đó chỉ là kết quả khốc liệt của quá trình thực thi Chuyên Chính Vô Sản của người Cộng sản ? Anh nghĩ đến hai chi em Ngọc Tới và Diễm Khánh, hai người em bạn dì của vợ anh, anh gặp lại hồi năm ngoái, lúc anh về thăm nhà...

Chợt vợ anh hỏi :

- Suy nghĩ gì mà ngồi lặng thinh vậy ? Tỏa, tối nay chín giờ con sẽ về có gì mà anh lo ?

Xuân Hảo, cô con gái đầu lòng của anh cũng nói xen vào :

- Nick đi đón Toả rồi đó Ba, có lẽ họ cũng sắp về tới.

Bất ngờ, anh hỏi vợ :

- Không hiểu mẹ con của Diễm Khánh, giờ này họ ra sao ? Mẹ con cô ấy giờ này có ấm cúng không ?

Nghe chồng hỏi về người em bạn dì ruột của mình bất ngờ, chị Xuân Tường xem chừng cũng mủi lòng chị gượng gạo đáp :

- Anh khéo có lo, mẹ con Diễm Khánh còn vui vẻ hơn mình nữa là khác. Anh nên nhớ cô ấy là cán bộ tập kết về. Hiện giờ Diễm Khánh công tác tại Sở Ngoại vụ, còn Bích Hằng, cô con gái của Diễm Khánh, là chuyên viên chuyển ngữ Anh, Pháp, nghĩa là thông dịch viên của chính phủ tiếp xúc với phái đoàn ngoại quốc...

Xuân Hợp cô con gái thứ hai của anh chị, đang lau mấy cái cốc để uống rượu vang, hỏi mẹ :

- Năm ngoái Ba Mẹ về thăm quê, Ba Mẹ ở nhà Dì Diễm Khánh hơn mươi ngày thì phải ? Thưa Mẹ, con gái dì Diễm Khánh tên là gì hả Mẹ ?

Như chợt nhớ tới điều gì, chị Xuân Tường nói lớn :

- Con bé đó tên là Bích Hằng. Bích Hằng lớn hơn Xuân Hảo 15 ngày và lớn hơn con hai tuổi.

- Thưa mẹ, như vậy Bích Hằng sanh ở ngoài Bắc, sau đó nó theo cha mẹ nó về Nam ?

- Đúng rồi đó các con. Các con không còn nhớ chớ hồi năm 1979 trước khi mình vượt biên, mẹ con Bích Hằng có xuống Cần Thơ thăm gia đình mình. Họ ở lại nhà mình mấy ngày. Họ chí tình lắm con. Mà mẹ cũng thương dì Diễm Khánh như chị em ruột vậy. Nói đến đó mắt chị long lanh, giọng chị nghe như sủng ướt :

- Lúc ấy các con và Bích Hằng ngủ chung một giường. Bích Hằng hồi đó còn nói giọng Hà nội. Lúc đầu các con còn lạ nhau, nhưng sau vài hôm, dì Khánh trở về Sài Gòn, thật là khó rứt các con và Bích Hằng xa nhau. Lúc đó các con còn nhỏ quá làm sao nhớ hết được. Chẳng thể nào trách các con được.

Thật sự tháng chạp năm ngoái, vợ chồng Trọng có về thăm nhà sau hơn 20 năm ở Mỹ. Cũng như những người khác, Trọng nói với vợ : «lâu quá chưa về; nhớ quá rồi, và ai cũng về, mình cũng về thăm xem sao ? Nhưng nếu có ai đặt vấn đề khúc chiếc hơn, thì câu trả

lời của anh chị thật đơn giản : Quê mình thì mình về». Bên cạnh những lý do thông thường ấy, anh chị còn có những lý do khác nữa : Chị của anh chết đã sáu năm, Cha của anh chết đúng 4 năm, và Mẹ anh chết gần giáp năm. Vợ chồng anh chưa thấy được nấm mồ của Mẹ, của Cha và của Chị, và cũng chưa có cơ hội để đốt nén hương tưởng niệm người quá cố, đức sanh thành. Lý do khác nữa là Tỏa, cậu con trai của anh chị đang học năm cuối cùng bộ môn xã hội học tại đại học Illinois, cậu ấy được trường gửi đi du học tại Viện Đại Học Quốc Gia Hà nội, trong chương trình trao đổi sinh viên giữa hai viện Đại học Illinois University In Urbana và Viện Đại Học Quốc Gia Hà Nội. Cuối tháng 12 này, Tỏa mãn học kỳ, về Mỹ. Anh chị về lần này là có ý đón Tỏa về Phan Rang, thăm dòng họ bên nội, thăm mồ mả ông bà, cha mẹ, tổ tiên, và thăm nhà Từ đường tại Hà Thanh, Xóm Động, Phanrang, để Tỏa có cơ hội tìm hiểu huyết thống của dòng họ.

Thoạt tiên, chị Xuân Tường có ý định lấy vé máy bay đáp ở Hà nội. Ở đó vài hôm để anh chị đi thăm Thủ đô Hà nội, Viện Đại Học Quốc Gia Hà nội nơi Tỏa đang học, và đi thăm các thắng cảnh như Vịnh Hạ Long, Sầm sơn, Đồ sơn v. v... Rồi sau đó Anh chị cùng Tỏa sẽ về Phan Rang như dự tính, và vào Sài Gòn thăm bên ngoại. Đúng ngày 23 tháng 12 tại Sài Gòn anh chị và Tỏa sẽ về

Mỹ. Nhưng không hiểu Chị và Tỏa, hai mẹ con bàn bạc thế nào mà chi Xuân Tường lại đổi kế hoạch lấy vé máy bay đáp tại Tân sơn nhất, Sàigòn lúc 11 : 30 trưa ngày 8 tháng 12. Anh thấy hơi sớm, nhưng anh cũng chiều ý vợ. Sau này anh mới vỡ lẽ ra là Tỏa có mặt tại Sài Gòn vào ngày 12/12, cho nên bà phải về Sài Gòn sớm để sửa soạn đón con trai bà từ Hà nội vào.

Sau khi quyết định lấy vé máy bay về Saigon, Tân sơn nhất, chị Xuân Tường liền gọi điện thoại nói chuyện với người em bạn dì, Diễm Khánh. Sau hơn mươi năm xa cách, anh nghe hai chị em, Xuân Tường và Diễm Khánh nói chuyện với nhau mừng mừng tủi tủi. Anh nghe Diễm Khánh nói :

- Không phải mướn hotel, motel gì hết. Nhà em có hai phòng ngủ trống, có máy lạnh, anh chị cứ về ăn đây ở đây với em. Về càng sớm càng tốt. Lâu quá rồi. Nhớ quá rồi... Bây giờ mới chịu về thăm nước ! À, Chị Xuân Tường mấy tháng trước Tỏa có gọi điện thoại cho em. Lúc đầu em ngớ ngẩn không biết là ai, nhất là 'anh' ấy nói tiếng Việt 'ngọng', mà lại nói giọng Bắc kỳ nữa. Thú thật, lúc đầu em cũng ừ-ừ-hử-hử một hồi lâu mới nhận ra nó là 'thằng nhóc Tỏa', con trai của anh chị. Em nhớ hồi năm 79 em gặp nó ở Cần thơ, trước khi anh chị vượt biên, nó có tí xíu, vừa ngoài hai tuổi. Thật là cảm

động, bây giờ lớn, cháu biết nhớ nước về học Đại Học Quốc Gia Hà nội...

Anh nghe chị Xuân Tường nói chuyện với Diễm Khánh về sự liên hệ huyết thống gia đình dòng họ và tình cảm ruột thịt, lúc nào cũng gắng bó và yêu thương nhau, không có gì ngăn trở tình nghĩa chị em. Còn về Tỏa, anh nghe chị nói :

- Lúc vượt biên nó mới có 26 tháng chưa đầy 3 tuổi, Xuân Hợp mới có mới có 62 tháng, còn Xuân Hảo vừa hơn sáu tuổi. Sở dĩ Tỏa về học ở Hà nội là theo yêu cầu của nhà trường vì nó học môn xã hội học. Con của mấy người Mỹ ở đây cũng vậy, nếu họ gốc Đức thì con họ được trao đổi về học ở Bonn, Frankfurt, Berlin; gốc Pháp thì ở Paris, Bordeaux, Lyon; gốc Anh thì ở London, đại học Oxford hay Cambridge... Thật sự Tỏa còn ham chơi ham đùa, lắm bè bạn, được cái là ham học, trẻ con Mỹ bạn bè của nó đứa nào cũng vậy.

Sau đó Trọng nghe hai chị em Xuân Tường và Diễm Khánh bàn bạc kế hoạch ngày về thăm nước của anh. Anh khá vững dạ khi nghe Diễm Khánh nói với chị Xuân Tường, ngày anh chị về, có Bích Hằng cháu gái cưng của anh chi thuở nào, sẽ ra phi trường đón anh chị...

Trọng rất ngạc nhiên ý định về thăm nhà anh ấp ủ từ lâu nhưng chưa có cơ hội thuận tiện để bàn bạc với vợ. Không ngờ đó cũng là niềm mong muốn của chị Xuân Tường. Anh thầm cám ơn vợ đã khéo dàn xếp với Diễm Khánh chuyến về thăm nhà của anh rất chi tiết và trọn vẹn. Nhưng một thoáng ngậm ngùi khi anh nghĩ đến ngày anh lên đường trở về thăm nhà, một nỗi cảm xúc vừa dịu dàng vừa cay đắng, một nỗi bâng khuâng mơ hồ vì xa Mỹ, xa làng Oak park một thời gian và khi anh nghĩ đến những niềm vui, những hân hoan khi gặp lại Sài Gòn, cũng như những bất trắc có thể đang chờ đợi anh một nơi nào đó tại quê nhà. /.

Đào Như

# Sự Thật

Lê Thị

Viết Về Nước Mỹ năm thứ XII, Lê Thị, - cư dân Chicago, 35 tuổi - gửi 7 bài và trở thành tác giả nhận giải Chung Kết 2012 với những tự sự khác thường về đề tài đồng tính. Sau đó mọi người mới biết Lê Thị là bút hiệu của Calvin Trần, nhà thiết kế thời trang gốc Việt nổi tiếng trong dòng chính.

Sau đây là bài viết mới của Lê Thị cho năm 2014.

Sơn mặt tái mét, chạy một mạch ra xe đề máy chạy hoài chạy mãi không biết đi đâu, về đâu. Sơn không thể tin vào chính tai của mình nữa. Cái bộ mặt bỗng dưng lạ hoắc, giọng nói bình thản của Stacy, người vợ sắp cưới của Sơn vẫn cứ lùng bùng bên tai. Tức giận, kinh tởm, Sơn không biết phải làm gì, sẽ về nhà nói gì với bố mẹ và gia đình. Cái bí mật khủng khiếp mà Stacy vừa tiết lộ khiến cho giấc mơ xây đắp gia đình, tương lai với Stacy, người mà Sơn đã yêu thương hơn một năm nay bỗng dưng tan tành.

Là con trai trưởng trong gia đình, Sơn sinh ra trong một gia đình công giáo nề nếp với bốn anh chị em. Bố Sơn là một thầy Sáu trong một xứ đạo nhỏ tại San Jose.

Tuy đã ngoài năm mươi nhưng ông vẫn phong độ, thân hình đô khoẻ, vạm vỡ. Sơn là hiện thân của bố mình lúc còn trẻ, giống bố như tạc, nên Sơn luôn là một điều hãnh diện của Bố. Mẹ là một người đàn bà đẹp và hiền hậu, thương chồng thương con, quán xuyến mọi chuyện trong gia đình, từ những bữa ăn thường ngày đến thanh toán mọi chuyện tiền bạc trong gia đình. Trong từng bữa ăn, bà luôn hầu hạ bố Sơn từng miếng ăn, ly rượu, không một việc gì mẹ không làm, cũng như luôn tận lực sẵn sàng giúp đỡ mỗi khi bất cứ ai trong gia đình cần bất cứ việc gì. Ở trong nhà, bố luôn luôn đúng, và khi bố đúng thì mọi người khác đều sai, kể cả khi có các dì các chú, vì mọi người đều thương và nể mặt mẹ nên không ai muốn nói trái ý bố.

Tình cảm giữa Sơn và Bố không phải lúc nào cũng suông sẻ như bây giờ, đã có những lúc đầy những hục hặc, khó chịu. Sơn đã từng trải qua tuổi mới lớn, và lớn lên ở Mỹ, cách suy nghĩ, cư xử của Sơn khác với bố mẹ. Đứa em gái Victoria đi học xa quen một người bạn trai người Mỹ gốc Do Thái phải luôn chịu đựng sự phản đối của Bố. Nó không bao giờ dám đưa bạn trai về nhà, cũng không dám nói chuyện gì với Bố. Sơn nhớ rõ những lần bị bố đuổi ra khỏi nhà vì Sơn thích học đánh trống hồi còn ở trung học, sau khi tự ý ghi danh gia nhập với ban kèn trống ở trường. Bố cho là niềm

say mê kèn trống của Sơn sẽ làm Sơn trễ nải việc học hành nên cấm ngặt và có lúc nổi giận đuổi Sơn ra khỏi nhà. Mẹ phải năn nỉ mãi Bố mới cho Sơn về nhà. Bố bảo Sơn nên cố gắng đi học kỹ sư, luật sư, nhưng khi Victoria muốn học lên cao, bố phản đối cho rằng con gái học cao sẽ ế chồng. Bố cho rằng học 4 năm cho có bằng cấp với người ta là quá đủ, con gái không cần học thêm làm gì. Quan trọng nhất là cái thiên mệnh làm vợ, làm mẹ. Victoria luôn bỡ ngỡ không thể hiểu tại sao bố không muốn cho mình đi học.

Còn Sơn, sau khi học trung học, Sơn được chú Út, người em trai của Bố hiện đang sống ở New York khuyến khích Sơn dọn ra ngoài đi học xa sống tự lập. Tuy bố mẹ phản đối kịch liệt, nhưng được sự động viên của chú Út, Sơn đã dọn ra sống một mình.

Trong cuộc sống gia đình, mấy anh em Sơn luôn luôn có chú Út bên cạnh và cả bọn đều trọng nể người chú của mình. Với tình tình cởi mở, phóng khoáng, không phán đoán và không lên án bất kỳ chuyện gì như bố, Sơn thấy mình dễ dàng gần gũi và chia xẻ với chú Út hơn với Bố. Tuy chú là Út nhỏ nhất nhà, nhưng chuyện gì chú cũng biết, và lúc nào chú cũng bênh vực và chăm sóc cho anh em Sơn và đám cháu chắt trong đại gia đình. Như các bạn cùng lứa tuổi đang lớn, Sơn cũng có

nhiều trăn trở, bạn bè, tình cảm, học hành, có những lúc Sơn thấy mình chơ vơ và đơn độc. Sơn yêu thương Bố Mẹ, nhưng lối suy nghĩ và những thành kiến, quở mắng của Bố khiến Sơn thấy mình lạc lõng, như thể mình bị kẹt ở giữa hai thế giới, một bên là hiện tại, là tương lai với những con đường mở ra bất tận, bên kia là ao tù nơi những luật lệ gia đình khắt khe níu chặt Sơn lại.

Khi Sơn tâm sự với chú Út về những suy nghĩ bế tắc của mình, chú Út nói : «Cháu lớn rồi, hãy tự tìm cho mình một hướng đi. Cháu nên dọn ra ngoài sống để biết tự lo lấy thân mình và tìm hiểu xem mình muốn gì. Cháu có thất bại thì đó cũng là bài học cho chính mình. Nếu cháu ở nhà trong sự bảo bọc và kìm kẹp của Bố Mẹ mãi, cháu sẽ không có cơ hội để tìm ra chính mình.» Khi Bố nghe được tin đứa con trai cưng của mình dọn ra ngoài ở, ông tức giận và đổ hết lỗi lên đầu chú Út.

Bố trách chú Út : - Mày đầu têu cho con tao. Xúi giục nó bỏ nhà đi học xa, để bây giờ nó ở ngoài thiếu sự dìu dắt của bố mẹ.

Chú Út cũng không vừa, đáp lại : - Ô hay, đi một ngày học một đàng khôn. Giữ nó ở nhà làm của sao ?

- Mày đã xúi thằng Sơn ra ngoài ở, sao mày không khuyên con Victoria bỏ cái thằng bồ người Mỹ của nó đi.

- Anh vô duyên nhé. Nó muốn quen ai thì quen, em cản sao được. Người tốt là được rồi, anh cản nó làm gì.

- Nó là thằng Mỹ, mình là Việt Nam, người Mỹ phóng khoáng lắm.

- Phóng khoáng là làm sao ? Nhiều người lấy chồng Mỹ vẫn sống hạnh phúc một đời đó thôi. Anh nói chuyện không phải trái.

- Nó là con tao. Tao nói phải là phải. Phải theo luật nhà này.

- Cái luật nhà anh giống luật Cộng Sản. Anh không có chút cảm thông nào cho người khác, ít nhất cũng cảm thông cho các con của mình.

- Mày bớt già mồm đi, đừng có nói nhăng nói cuội kẻo mấy cháu bắt chước. Cũng vì mày mà thằng Long con của cái Lan trở thành pê-đê, rồi cũng cái mớn dọn đi thành phố khác sống. Mày không xúi chúng lên San Francisco sống thì chúng đâu có thành pê-đê, bây giờ nhìn ghê tởm, làm tao mất luôn cả thằng cháu. Mày muốn mở mang là chuyện của mày, con cháu tao phải

bảo thủ như tao.

- Ơ hay nhỉ. Nó pê-đê là chuyện của nó em làm sao xúi dục được chuyện đó. Nó cần việc làm, em cho nó việc làm. Nó lớn rồi, muốn làm gì thì làm, ai lại xúi cho cháu mình trở thành pê-đê được. Anh mới là nó nhăng nói cuội. Mà nó pê-đê thì cũng là cháu của mình chứ sao mất nó. Cuộc đời của nó nó hạnh phúc hay không là chính.

- Tao không có cháu pê-đê. Còn mày nữa, lo mà lấy vợ đi, cứ độc thân như vậy mãi. Tối ngày cứ lo đi theo trào lưu mới. Đi đêm sẽ có ngày gặp ma, sau này không chừng bệnh chết bờ chết bụi.

- Thôi được, để em chìu ý anh lấy về nhà «thằng» vợ vậy.

Mọi người trong nhà bớt căng thẳng cười theo, chỉ có Bố Sơn là vẫn tức tưởi nhăn mặt buông câu chửi : - Thật kinh tởm ! Xấu hổ cho dòng họ gia tộc mình, có người anh làm cha, lại có mày là pê-đê, thật không cất mặt mũi nhìn nỗi hàng xóm. Mày là tấm gương xấu cho cả đám cháu.

- Em làm gì mà gương xấu ? Khuyên con anh nên sống như một người đàn ông thực thụ có suy nghĩ riêng,

biết tự lập ? Em không hại ai, chửi ai, không nói xấu ai, không xin ai cái gì, không thuốc, không rượu chè, làm gì mà xấu ? Trong nhà ai cũng yêu quý em, chỉ có anh không chịu được em chỉ vì em khác với anh.

Cả nhà thấy căng thẳng nên xúm lại theo phía bố Sơn khuyên chú Út nên quay đầu về lấy vợ. Riêng trong lòng Sơn bênh vực và nể phục chú. Bao giờ đám cháu làm gì ngoài «nề nếp» là cả nhà đều đổ lỗi tại chú Út nuông chìu và dạy hư cho cháu. Mỗi lần chú về thăm nhà đều phải chịu những lời nhiếc móc của Bố Sơn.

Sơn nhớ lần có cô bạn gái người Việt xinh đẹp, vì muốn lấy lòng người đẹp, Sơn dẫn bạn gái qua New York chơi, rồi sang Chicago. Lần nào chú Út cũng đón tiếp và lo cho Sơn và bạn gái của Sơn. Y như rằng sau đó chú lãnh quả mắng nhiếc của Bố, trách chú tại sao lại chứa chấp thằng Sơn và thứ gái hư. Khi nào Sơn đi chơi xa, Bố đều dặn không được chung đụng với con gái người ta trước khi cưới, mang tiếng gia đình. Bắt Sơn hứa phải chờ đến khi lấy nhau thì mới được chung đụng thì Bố mới yên tâm. Sơn thường chỉ cười và trấn an Bố : - Con biết rồi. Bố thường hay được dịp tiếp tục : - Con nhớ phải tìm cho mình một người con gái Việt Nam con nhà đàng hoàng, có đạo. Không được lấy người ngoại quốc hay người ngoại đạo. Tính tình

họ phóng khoáng thiếu nề nếp, không hợp với gia đình mình. Sơn không hoàn toàn đồng ý với quan điểm của Bố, nhưng càng lớn Sơn càng thấy mình ảnh hưởng bởi những quan niệm của Bố. Cô bạn gái người Việt học chung thông minh và nhạy bén rốt cuộc cũng không chịu nổi tính tình cổ hủ của Sơn đã bỏ đi. Sơn buồn tình quyết định dọn về nhà ở với bố mẹ.

Bố an ủi, thứ con gái ngoại đạo đó tiếc làm gì, thể nào con cũng gặp được người bạn đời trung tín biết lễ nghĩa, trinh tiết. Sơn nghe cũng mùi lỗ tai, tin là sau này thể nào mình cũng gặp được một đối tượng xứng đáng để mình kết duyên.

Sau một ngày làm việc mệt nhọc, Sơn cùng một nhóm bạn ghé vào một quán bar ở trung tâm thành phố San Jose sau giờ làm việc. Cả đám đang cười nói vui vẻ, bỗng cánh cửa chính của quán bar mở ra, một luồng hơi lạnh mùa đông ùa vào, làm cả nhóm quay đầu nhìn ra cửa. Bước vào quán là hai cô gái trẻ trung xinh đẹp, thân hình mảnh mai, tóc xõa ngang vai. Một cao một thấp. Như bị cú sét ái tình, Sơn ngây người nhìn cô gái cao gầy, có cái gì đó quen thuộc như thể Sơn đã quen biết Cô từ thuở nào. Nàng bỏ áo khoác ra, để lộ một làn da trắng trong chiếc áo đầm đen, khuôn mặt thanh tú, từ lúc đó mắt Sơn không thể nào rời xa người con gái

này nữa. Bỗng dưng Sơn thấy mình bước thẳng đến hai nàng, chìa tay làm quen :

- Hi, tôi là Sơn

- Tôi là Stacy, đây là Karen

- Các bạn uống gì không ? Vừa nói Sơn vừa ra hiệu cho người bồi bàn đặt nước cho các nàng.

- Dirty Martini cho tôi và Vodka Cranberry cho Karen. Stacey trả lời tự nhiên.

- Hai cô có lẽ từ xa tới ?

- Ồ, Karen sinh ra ở đây, còn em mới dọn đến làm việc tại thành phố này từ New England. Em đang làm việc tại một công ty điện toán ở Palo Alto.

Như có một luồng điện nào đó từ Stacy, cô gái người Mỹ tóc vàng này hớp hồn của Sơn một cách lạ lùng. Xung quanh Sơn như không còn có ai hiện diện, chỉ có nàng, nụ cười và ánh mắt của nàng chiếm toàn bộ không gian, Sơn không còn thấy ai, cũng không để ý đến bất cứ ai khác. Karen và đám bạn của Sơn cũng từ từ rút lui hết, chỉ còn lại Sơn và Stacy. Ngay trong lần đầu gặp mặt, Sơn đã biết rõ mình muốn sống hết cuộc đời với nàng.

Sau nhiều tháng quen nhau và tìm hiểu, Sơn được Stacy cho biết nàng sinh ra trong một gia đình công giáo nề nếp. Bố Mẹ Stacy cũng từng khuyên nàng giữ truyền thống tình yêu. Cô muốn tìm hiểu Sơn nhiều hơn, và cũng tin rằng chuyện tình dục chỉ nên xảy ra sau khi đôi lứa đã nên vợ nên chồng. Vì ở xa gia đình và ít bạn ít bè, Stacy dành hết tình cảm chăm sóc thương yêu Sơn. Nàng có một ước mơ rất đơn giản, lấy chồng và dành cả cuộc đời cho người chồng của mình. Sơn nghe nói biết rằng mình đã tìm được cho mình một người vợ không những mình mê say, mà còn là một người vợ, người con dâu lý tưởng bố mẹ anh từng mong ước. Mỗi ngày Sơn mỗi yêu Stacey hơn. Như một một củ hành mở ra từng lớp từng lớp một, nàng vừa ngọt vừa cay. Cặp mắt nàng dịu dàng, nhưng cũng chứa đầy bí ẩn. Có cái gì đó làm Sơn say mê muốn tìm hiểu, muốn sở hữu, muốn lột tả mọi ẩn khuất trong tâm hồn người con gái này. Sau một thời gian ngắn, Sơn quyết định cầu hôn với Stacy mặc dù Bố không hoàn toàn đồng ý vì Stacy là người Mỹ. Nhưng khi nghe Sơn nói Stacy là một người con gái ngoan hiền, tốt bụng, lại rất ngoan đạo, Bố có vẻ xiêu lòng. Nhất là khi Sơn nói đã nghe lời Bố tìm được một người con gái nhà lành biết tự trọng, hai đứa chưa bao giờ chăn gối với nhau vì Stacy luôn muốn chờ đến ngày cưới... Bố nghe mát lòng mát dạ thằng con trai

biết nghe lời mình chững chạc, đàng hoàng, ông yên tâm không phản đối nữa.

Hôm nay là ngày thật vui. Lễ đính hôn của Sơn và Stacy được tổ chức sang trọng ở nhà hàng Dynasty vì đây là món quà bố mẹ muốn tặng cho hai đứa. Tiệc đính hôn vui vẻ có sự hiện diện của gia đình, bạn bè, người thân khắp nơi. Chú Út cũng về uống rượu chúc mừng Sơn. Sơn thấy mình hạnh phúc và hài lòng với cuộc đời hơn bao giờ hết.

Sau khi tiệc tan, Sơn đưa Stacy về nhà nàng. Cả ngày nay, khuôn mặt của Stacy có một vẻ u uẩn lạ lùng. Nàng ít nói, ai chúc câu trăm năm hạnh phúc là nước mắt nàng trào ra. Sơn siết chặt vai Stacy, thì thầm vào tai nàng hứa sẽ là người chồng, người cha xứng đáng với tình yêu của nàng.

Về đến nhà, Stacy mở rượu ra và rủ Sơn ở lại uống rượu với nàng. Đôi mắt êm ả như mặt hồ của nàng hôm nay như có từng đợt sóng đang dâng trào, chỉ chờ được ùa vỡ. Uống hết chai rượu, Sơn đặt nụ hôn lên trán, lên môi, xuống cổ, và Sơn bế nàng vào phòng ngủ. Stacy hoảng sợ, mặt nàng tái mét, cặp môi run lập cập, nàng lấy can đảm ngồi dậy, giọng nàng yếu ớt :

- Anh biết là em yêu anh dường nào phải không ?

- Anh cũng yêu em.

Stacy hớp hết ly rượu rồi nói tiếp :

- Hôm nay em có điều phải nói với anh. Nếu anh thật sự yêu em thì xin anh đừng bực tức, đừng giận. Anh có hứa với em như vậy thì em mới nói tiếp.

- Em cứ nói đi. Chuyện gì cũng không thay đổi được tình yêu anh dành cho em.

- Anh Sơn, em phải nói sự thật với anh, em không phải là con gái một trăm phần trăm. Em sinh ra là một người nửa trai nửa gái, một người con gái trong một thân thể con trai. Sau khi giải phẫu từ nhỏ, em đã hoàn toàn trở thành con gái.

- Hả ? What ? You what ?

Cặp mắt xinh đẹp của Stacy nhoà lệ nhìn Sơn với trăm ngàn lời xin lỗi.

Không đợi cho nàng có dịp nói thêm gì nữa, Sơn tông cửa chạy vội ra đường. Không biết mình sẽ lái đi đâu, về đâu, sẽ phải làm gì...

Lê Thị

# «Bé Ngoan» Austin

Trương Tấn Thành

Tác giả đã nhận giải danh dự Viết Về Nước Mỹ. Ông là cư dân Lacey, Washington State, tốt nghiệp MA, ngành giáo dục, từng trong ban giảng huấn tại trường dạy người da đỏ và giảng viên tại Đại học cộng đồng SPSCC, Olympia, WA.

Cháu chạy tới đâu rồi ? Tôi vừa cầm cell phone vừa đứng bên mé đường gọi hỏi.

- Cháu đang quẹo vào bệnh viện đây... Cháu chạy chiếc Honda màu đỏ...

- Đừng ! Đừng có quẹo vô bệnh viện ! ... Chạy thẳng tới đi ! Chú đang chờ ngoài đường ! Gần tới rồi đó !

Tôi đang làm công việc người giúp phiên dịch và buổi hẹn đi dịch sáng hôm nay là cho bệnh nhân có tên là Austin. Vì bà mẹ của Austin không rành đường biết chỗ nên tôi phải dùng cell phone hướng dẫn và ra tận ngoài mé đường để chờ.

Lâu quá tôi không thấy chiếc xe nào màu đỏ tôi biết là người mẹ bị lạc lối nên mở máy gọi tiếp :

- Alô ! Cháu đang ở đâu vậy ?

- Cháu chạy nãy giờ mà không thấy chú đứng đâu ! Cháu ở Cali lên đây nên đường xá không rành.

- Cháu chạy ngược rồi ! Giờ quay đầu xe chạy ngược lại nhe... Chú đang đứng chờ đây...

Một hồi sau tôi thấy chiếc xe Honda đỏ chạy tới. Tôi đưa tay ra và chỉ hướng cho xe chạy vào nơi khám.

Từ trong xe một phụ nữ trung niên bước ra và mở cửa sau cho một đứa bé trai bước ra :

- Austin ! Chào ông đi con !

Đức bé trai độ sáu tuổi cúi đầu lễ phép :

- Chào ông !»À, thì ra bé này là Austin đây.» Tôi nghĩ thầm

Người mẹ ăn mặc lịch sự, có nước da đen bánh mật của người Việt lai Mỹ. Bé Austin, mắt đen to, tóc quăn xoắn nhưng đặc biệt là rất biết nghe lời mẹ. Tôi bỗng thấy có cảm tình ngay với bé ngoan và lễ phép này.

Trong khi ghi danh tại bàn thư ký, tôi được người mẹ cho biết là không biết nhà trường nơi Austin học yêu cầu phải đưa Austin đến cơ quan y tế lo về sức khỏe tinh thần của trẻ em xem lý do gì Austin không thể ngồi yên và tập trung trong lớp.

- Con lo quá không biết nó có bị bệnh gì không mà nhà trường đưa nó tới đây khám. Người mẹ nói với tôi.

Cơ quan này là nơi khám về sức khỏe tinh thần cho trẻ con khi nhà trường hay cha mẹ thấy đứa bé có những dấu hiệu gì đó không được bình thường. Người cán sự phụ trách bước ra mời tất cả chúng tôi vào văn phòng.

Bà chỉ lại khu chứa đồ chơi nói với Austin :

- Con có thể chơi những đồ chơi này và đừng làm ồn quấy rầy mọi người nhe !

Người mẹ nói với Austin :

- Cô nói con phải nghe lời nhe ! Tôi thấy Austin ngoan ngoãn vâng lời.

Bà cán sự bắt đầu hỏi người mẹ lý do gì mà cô giáo gởi Austin đến đây và có thấy gì bất thường khi Autin ở nhà không. Đến phần câu hỏi về hoàn cảnh cá nhân thì người mẹ cho biết là cha của Putin bị chết trong tai nạn xe hơi khi còn ở Cali lúc Austin vừa mới được hai tuổi. Trong tột cùng của đau buồn và thống khổ, người mẹ dẫn con mình bỏ nơi ở xưa lên tiểu bang này để sống hầu quên đi nỗi bất hạnh quá lớn trong đời mình và Austin.

Nghe và dịch đến đây tôi bỗng thấy trong lòng thật là xúc động cho hoàn cảnh của đứa bé ngoan ngoãn không may này. Rồi tôi lại cảm thấy mến phục người mẹ trẻ bất hạnh này tự mình chật vật kiếm sống để nuôi con và đã chu toàn được bổn phận làm mẹ của mình một cách đáng được ngợi khen và cảm phục. Tôi đã gặp và chứng kiến nhiều đứa trẻ trong những gia đình có đầy đủ cha mẹ và có khi có cả ông bà nhưng không thể nào sánh bằng bé Austin này về mặt ngoan và lễ phép như vầy.

Chúng tôi chưa có được cháu nào nhưng tôi rất mong muốn có được một cháu biết lễ phép và vâng lời. Ở xứ này, hình như lắm khi vì bị ảnh hưởng của bạn bè người Mỹ trong lớp hay vì được quá nuông chiều mà có số trẻ em Việt lắm khi rất là «khó dạy». Từ cách chào hỏi đối với người lớn, ta chỉ thường nghe tiếng «hi» gọn lỏn cho đến việc chỉ dùng tiếng Mỹ nói chuyện với ông bà của mình. Trường hợp hiếm hoi của bé Austin và của người mẹ sống độc thân để nuôi con mình cho nên thân này thật là đáng cảm phục.

Sau gần một tiếng đồng hồ lập hồ sơ, bà cán sự hẹn tuần sau cho Austin gặp một cán sự chuyên môn khác về giáo dục nhi đồng để đi sâu vào việc chữa trị cho Austin. Khi ra xe về tôi lấy một trái lê to để thưởng cho Austin nhưng nó nhìn mẹ không dám lấy chờ cho đến

khi người mẹ đồng ý.

Tôi về nhà và hình ảnh ngoan hiền của Austin luôn ở trong trí của tôi. Sau khi biết chắc là tuần sau sẽ dịch tiếp cho Austin, khi về nhà tôi ra hộc tủ kho tìm một mớ đồ chơi để kỳ tới cho nó như là «phần thưởng cho bé ngoan».

Tuần sau vẫn với sự ngoan ngoãn và lễ phép dễ thương, Austin làm tất cả hài lòng lòng. Trong khi làm hồ sơ thì Austin được chơi với các thứ đồ chơi trên kệ trong đó có một con gấu nhỏ mà Austin rất thích. Khi hỏi xin bà cán sự nhưng không được bà đồng ý, nó buồn ra mặt. Tôi liền nói là tôi có đem đồ chơi cho nó để trong xe chút nữa xong sẽ cho. Mặt Austin liền hiện lên vẻ vui tươi.

Sau giờ khảo sát thêm về sinh hoạt hằng ngày của Austin khi ở trường và khi ở nhà với người mẹ, bà cán sự làm hẹn cho kỳ sau. Bà quay ra nói với Austin là thu dọn đồ chơi để ra về. Tôi để ý thấy nó dọn dẹp rất cẩn thận. Người mẹ và bà cán sự khen nó và tỏ vẻ rất hài lòng, nhứt là mẹ của Austin.

Khi ra xe tôi lấy ra gói đồ chơi đã chuẩn bị ở nhà ở trong xe ra cho Austin. Mắt Austin sáng lên, hai tay nó cầm gói quà lên nhìn chăm chú và nói cảm ơn theo lời

mẹ nhắc. Có sự trùng hợp lạ kỳ là trong số đồ chơi tôi có bỏ vào một con gấu nhỏ ôm cây kẹo thường dùng để treo lên cây Noel trong dịp Giáng Sinh. Austin mừng quá !

Đứng nhìn hai mẹ con lái xe đi, tôi thấy trong lòng mình rất vui và mãn nguyện là đã đem lại niềm vui cho đứa bé. Trong bất cứ nghề nào cũng có cái vui và cái buồn của nó. Hôm nay tôi thật sự có được niềm vui lớn nhờ cậu bé ngoan Austin này. Ông cảm ơn Austin nhé.

Trương Tấn Thành

# Phòng Trà Ca Nhạc Phố Bolsa

Nguyễn Viết Tân

Tác giả dự Viết Về Nước Mỹ từ năm đầu, 2000, nhận giải bán kết năm 2001, thêm giải Việt Bút 2010, và đã là thành viên Ban Tuyển Chọn Chung Kết từ ba năm qua. Sách đã xuất bản : Chuyện Miền Thôn Dã. Sau đây là bài viết mới nhất.

Vậy là còn một vài ngày nữa hết năm 2013, nhanh thật.

Sáng nay nhà yên ắng, chẳng biết làm gì, nên tôi ngồi vào máy, viết tản mạn để bà con đọc chơi.

Số là năm nay thằng Ốc, con trai thứ hai, được nghỉ lễ Noel có 1 ngày nên không thể lái xe về nhà như mọi năm, vì thế đêm qua các anh em nó đã rủ nhau lên thăm nó ở thành phố Las Vegas cách đây năm sáu tiếng lái xe. Con cháu đi hết, nhà lại càng im ắng tợn !

Chắc mọi người còn nhớ hôm tiệc Kinh 5 có ca sĩ Thanh Mai và con gái là Fatima tham dự. Tối hôm qua, anh Yersin, ông xã của Thanh Mai, có mời chúng tôi tới xem văn nghệ nhân dịp Fatima ra CD mới tại hội quán Lạc Cầm.

Tôi nghe tên này đã lâu, nhiều buổi văn nghệ tại đây đã được quảng cáo nhưng chẳng có dịp, thì hôm nay đi dự. Gia đình ca sĩ Thanh Mai mới đây cũng đã tham dự với dân Kinh 5 chúng tôi trong bữa tiệc gây quỹ.

Tới nơi mới biết đây là một dạng «Phòng trà ca nhạc» tại Sài gòn trước 1975, chứa được khoảng 100 khách. Bàn ghế xếp theo hàng như trong nhà thờ, trước mặt hàng ghế VIP là những bàn tròn nho nhỏ dùng để đặt ly cốc cho hai ba người. Hàng ghế sau thì không có bàn, ai uống nước phải đành cầm ly trên tay, có mỏi cũng ráng chịu. Trên bàn tròn có nến cháy leo lét, có menu đồ uống như bia, wine, cà phê nước ngọt và đậu nut..... giá cả từ 5$ đến 10$, có loại wine tới hơn 200$/chai.

Vé xem ca nhạc từ 50 cho đến 75$ tuỳ theo hôm đó ca sĩ nào hát.

Tóm lại hai người đi thì cũng hết khoảng trên dưới 150$ cả tiền vé lẫn nước uống.

Đọc những cuốn tiểu thuyết trước 75 tôi thường thấy mấy ông văn sĩ tả lại cảnh đi nhà hàng ca nhạc; bây giờ đi tham dự tôi thấy khá tốn tiền, mà sao ngày đó họ đi coi thường xuyên được.

Trên bàn có để chừng bốn năm tờ chương trình cho

những ngày kế tiếp làm tôi quá ngạc nhiên, không lẽ bên Mỹ mà người ta rảnh rang đến mức đi phòng trà ca nhạc nhiều thế này à ?

Vé đề khai mạc 8 giờ tối mà mãi đến gần 9 giờ mới thấy trổi nhạc.

Đèn trang trí, dàn ánh sáng không kém gì sân khấu đại nhạc hội, cũng chớp tắt, cũng quầng ánh sáng chiếu hội tụ nơi Danh cầm thủ Nguyễn Quang (Con trai của nhạc sĩ Nguyễn Ánh 9), rồi chuyển qua đèn màu chiếu ca sĩ đang hát.

Đây là ban nhạc khá đầy đủ gồm năm sáu nhạc sĩ nên dù có «lỗ tai trâu» như tôi cũng cảm thấy hay.

Chương trình khởi đầu với những bản nhạc của Quốc Dũng, Nguyễn Trung Cang, Lê Hựu Hà... mà ngày xưa Thanh Mai đã hát trong nhóm nhạc trẻ tại vườn Bờ Rô và Sở Thú SG. Bây giờ Thanh Mai hát tiếng Việt, còn Fatima hát lời tiếng Mỹ do cô biên soạn.

Fatima có gương mặt thanh tú, tính tình dịu dàng, ăn mặc đơn giản nhưng không kém sang trọng, giọng hát trong trẻo. Tôi biết Fatima được khán giả quý mến nhưng tôi mong cô sẽ còn thành công hơn nữa trong làng nhạc Việt.

Xen kẽ là những vị khách mời như các ca sĩ Huy Sinh, Tiến Dũng, Tuấn Cường.

Chừng 90 phút thì có nghỉ giải lao cho các nhạc sĩ «Xả nước cứu thân», khán giả cũng bước ra ngoài vươn vai, kiễng chân cho khỏi mỏi.

Bổn thân tôi buồn ngủ lắm rồi, vì thường ngày cứ 5g chiều là gà đã lên chuồng, mà hôm nay đã gần 11g đêm, còn ngồi đây mà ngáp sái quai hàm.

Bỗng O Điểm kêu lên : «Này ông, ai coi như Ngọc Hạ vậy ?»

Đây là cô ca sĩ thần tượng của O, nên dù ánh đèn có mờ tỏ O vẫn nhận ra.

Đã tính âm thầm chuồn về, vì ngồi nghe nhạc mà ngáp thì quá bất lịch sự. Hơn nữa có nhiều bài hát bằng tiếng Pháp, mình có hiểu gì đâu ! Nhưng bây giờ hai đứa tôi sống động hẳn khi nghe Ngọc Hạ hát 2 bản. Cô đang tính bước xuống khỏi sân khấu thì người ta yêu cầu quá nên hát luôn bản Dòng Sông Xanh.

Người thì nhỏ, mà sao giọng cô khoẻ ghê, nhất là những đoạn ngân cao vút, lồng lộng trong khán phòng nhỏ.

Đến phần sau thì thiên nhiều về nhạc Pháp. Fatima hát nhiều bản lắm rồi, nhưng giọng vẫn còn mạnh mẽ, gặp như mình thì khản cổ mất thôi.

O Điểm mắt bồ câu (qua đát) mà sáng như mắt mèo. Tôi vừa đi vào RR trở ra, O liền hỏi «Anh có thấy người ngồi kế bên Fatima là ai không ?» Tôi lắc đầu vì ánh sáng trong phòng mờ quá. O nói «Nguyên Khang đấy».

À, ca sĩ này thì tôi rất thích giọng ca trầm ấm, cho dù không đẹp trai bằng tôi (hi hi).

Vừa lúc đó Nguyên Khang được giới thiệu bước lên sân khấu.

Anh vui vẻ kể chuyện cách đây hơn 10 năm, từ một tiểu bang xa xôi về vùng Little SG tìm cách thi thố tài năng. Lúc ấy chẳng ai biết đến tên, thường lui tới nhà Thanh Mai và làm bạn với Fatima. Hai đứa thường lái xe ra ngồi ngoài bờ biển, trong trắng như thiên thần. Giá mà bây giờ được làm lại thì Nguyên Khang không còn nhát thế đâu, và sẵn sàng hỏi «Fatima, Would you marry me ?»

Anh hát hai bài thì tính rút lui, vì sợ không còn giờ, nhưng có nhiều tiếng huýt còi, nên anh hát thêm bản «Anh Còn Nợ Em,» nhưng âm thanh tôi nghe phảng

phất như «Anh Còn Sợ Em» khiến tôi len lén liếc nhìn qua gương mặt dịu hiền của «bà vợ yêu vấu» !

Công nhận ca sĩ này coi cũng thấp nhỏ thôi mà sao giọng hát đầy nội lực. Kinh. Mấy cọng tóc phất phơ chĩa lên trên đầu ông sói tóc ngồi trước mặt tôi phơ phất bay trong âm thanh rung động.

Đã quá 12 giờ rưỡi, Thanh Mai và Fatima bước lên cám ơn khán giả và bạn bè, rồi song ca một bản tạm biệt.

Chúng tôi ra đến xe thì gần 1 giờ sáng, ấy thế mà phố Bolsa vẫn còn rực ánh đèn, xe cộ còn chạy khá đông, trên hè phố vẫn còn người đi bộ dù cái lạnh cuối năm không dễ chịu chút nào.

Nguyễn Viết Tân

# Ông Hàng Xóm Dễ Sợ

Phan

Tác giả là nhà báo quen quen thuộc tại Dallas. Phan góp bài cho Viết về nước Mỹ từ lâu và băm nay mới nhận giải vinh danh tác giả 2013. Sau đây là bài mới của Phan.

Từ khi cô Ngân ly dị chồng, cũng đồng nghĩa với cô phải để mắt tới những công việc bên ngoài bốn bức tường nhà cô. Thì ra cái patio đã mục nát. Nơi này được dựng lên với mục đích xào nấu ngoài nhà vì thức ăn Việt nam thường nặng mùi. Nhưng cái góc bếp ấy đã lạnh tanh, đóng váng nhện từ bao giờ. Rồi bộ sofa cũ được dọn ra để có chỗ ngồi chơi những khi nhàn rỗi và thèm chút khí trời tự nhiên. Ngày trước, chồng cô thường quét bụi bặm vào những ngày cuối tuần để dọn ăn ngoài trời. Thì ra đã lâu không bạn bè, không còn những buổi nướng thịt hay cá do anh ấy đi câu được. Ngân nhìn đến cái tủ lạnh cũ, là cái tủ lạnh mua tạm về xài khi mới mua nhà; chẳng cần tiết kiệm thì cũng chẳng còn tiền để mua tủ lạnh mới sau khi vắt sạch trương mục của hai vợ chồng để có thể mua được căn nhà, nên mua sofa, tủ lạnh cũ về xài tạm đã thành một kỷ niệm khó quên khi hai người chăm chú đọc báo cuối tuần và

đi tìm địa chỉ những nhà bán sofa, tủ lạnh cũ... Kỷ niệm còn in dấu về cuộc tranh luận giữa hai vợ chồng về lối sống Mỹ và Việt. Người Việt khi mua được bộ sofa, cái tủ lạnh mới thì những cái cũ ra garage hay patio để ngồi chơi, để chứa thịt, cá khi chợ «on sale». Khác người Mỹ là sau khi cắm điện cái tủ lạnh mới thì đẩy cái tủ lạnh cũ ra cho xe rác. Thậm chí cho tiền người chở cái tủ lạnh mới đến để họ đem cái tủ lạnh cũ đi luôn - tiện thể...

Tất cả những gì tưởng rằng mãi mãi bỗng biến mất đột ngột đến không ngờ. Cô Ngân thơ thẩn quanh nhà khi lá vàng đã bay lả chả sân trước, sân sau. Tin thời tiết lại cho biết cuối tuần này tuyết đá nặng nề, có thể hãng xưởng và trường học phải đóng cửa. Lòng buồn chưa đủ sao, trời đất còn âm u, xám xịt...

Ngân nhìn đến mấy khung cửa sổ đã rách lưới chống ruồi muỗi, nhìn đến cái máy lạnh bên hông nhà đã hoen gỉ - cần phải thay mới. Và khoảng cỏ chung giữa nhà cô và nhà bác Tư hàng xóm, thường úa vàng vì đọng nước tưới cỏ, chứ mưa gì xứ này. Thảm cỏ ấy bỗng xanh um một dạo, rồi cũng tàn úa theo cái chết của bác Tư gái. Không biết bác Tư trai bây giờ ở đâu, ra sao ? Bác ấy ốm yếu đến mặc cả áo len vào mùa hè. Nhưng không ngờ bác Tư gái, là người mạnh khoẻ lại đi trước bác Tư

trai. Chính bác Tư gái đã âm thầm đổ đất dọc phía bờ tường nhà bác, từng xô đất không biết lấy từ đâu và sự cần mẫn của bác Tư gái đã theo ngày tháng dồn nước đọng về phía nhà cô Ngân. Cô bồi hồi nhớ lại những ngày mới lập gia đình, rồi mua nhà và dọn về đây. Khi ấy, thảm cỏ giữa hai nhà bằng phẳng, nhưng mùa hạn gay gắt mấy năm liền, và thành phố có lệnh hạn chế tưới cỏ. Sau đó thảm cỏ bị hụt đất nên tạo ra hình lòng chảo và ứ nước mưa, nước tưới cỏ, làm cho cỏ úa.

Ngân cố hình dung lại hai bác Tư hàng xóm trong trí nhớ vì hàng xóm bên xứ sở này chỉ chào hỏi miễn cưỡng khi bất tử ra ngõ gặp nhau, chứ không qua lại, thân tình như hàng xóm bên Việt nam. Chỉ một lần duy nhất, cô dọn ăn mới nhớ ra mình đi chợ đã quên mua chanh. Cô định lái xe ra chợ Mỹ gần nhà để mua cho lẹ, mắc-rẻ chút đỉnh chẳng bõ tiền xăng và thời giờ chạy ra chợ Việt nam. Không ngờ mở cửa garage đã gặp bác Tư gái đang rửa thùng rác, sau khi xe rác vừa lấy rác đi. Chắc trên đời hiếm người sạch sẽ và cẩn thận như bác Tư gái, ... cô hỏi xin quả chanh. Bác Tư gái ngần ngừ, làm cô hối hận về việc đã hỏi. Chỉ còn cách nói là: Ngày mai, cháu đi làm về sẽ ghé chợ mua chanh và gởi lại bác Tư.

Bác Tư gái thở dài, mắt nhìn thảm cỏ giữa hai nhà mà nói, «Tôi không biết vợ chồng cô bận chuyện làm ăn gì mà không lo nhà cửa. Cỏ úng, cỏ úa, cũng kệ tôi lo kiếm đất, đổ đất. Tôi không có sức để đổ đất phía bên nhà cô. Nhưng dù bên phía nhà tôi, cỏ đã tốt lại. Thì bên phía nhà cô, cỏ úa, làm cho xấu chung hai nhà...

... Còn trái chanh thì cô gởi cho tôi mười xu là xong, để cô lại quên. Tôi không ăn lời cô xu nào đâu. Chỉ là chiều hôm qua đi chợ, tôi đã mua một đồng mười trái chanh, thì chia cho cô một trái.»

Ấy là người đàn bà chu tất từ trong ra ngoài nhà. Bác Tư gái nhìn khắc khổ, nhưng có vẻ mãn nguyện với cơ ngơi của đời bác là ngôi nhà tươm tất, khang trang, sạch sẽ. Không biết chuyện con cái có được bác vui lòng vì ít thấy con cháu về thăm ông bà. Riêng bác trai thì nhân hậu từ lời ăn tiếng nói, đặc biệt nụ cười của bác ấy rất hiền. Tuy bác ốm yếu do bệnh tật thì đúng hơn là tuổi tác, chắc là tù cải tạo năm xưa...

Ngân hối hận là hàng xóm bao năm với nhau mà mình chẳng thăm hỏi bác ấy được một lần cho tử tế. Bây giờ bác Tư gái mất đột ngột, bác trai chắc về ở với người con nào đó, ở đâu không rõ... Cuối cùng của hai bác Tư khác biệt để thành vợ chồng cũng có kết cuộc người đi kẻ ở, đời người sao buồn ! Chạnh lòng cô nghĩ.

Nếu cuộc hôn nhân của mình trọn vẹn thì ai sẽ là người đi trước ? Dù ai đi trước đi sau cũng không buồn bằng ly dị. Cô Ngân tin mình nghĩ đúng, nên nhớ lại đã bao năm rồi nhỉ, vợ chồng cô chìm ngập trong tuyệt vọng kiếm một mụn con để cô được sống với người bạn học chung lớp tiếng Anh ở nhà thờ, hồi mới qua Mỹ. Rồi thành người yêu, cuối cùng là vợ chồng với nhau để chia chung nỗi buồn hiếm muộn. Thật tội nghiệp cho chồng. Dù bây giờ thì anh ấy đã có thể xách giỏ em bé đi cùng người đàn bà nào đó, miễn có thể sanh đẻ được. Nhưng con cái có là hạnh phúc, niềm vui, hay khổ sở của riêng anh, thì từ nay anh ấy cũng đã không thể chia sẻ gì được nữa với mình...

Ngân quên hết những quyết định như mướn người dẹp bỏ luôn cái patio vì không còn cần thiết; liệng bỏ hết tủ lạnh, sofa cũ, để khỏi thấy cảnh nhớ người. Rồi lại mướn người thay lưới cửa sổ, cũng cần trét lại những đường keo đã rạn nứt bởi nắng mưa. Ngoài ra, còn rất nhiều việc không ngờ bên ngoài bốn bức tường mà người chồng của cô đã tự lo một mình từ khi mua nhà.

Ngân thấy càng tìm hiểu những việc phải làm cho một căn nhà khi mùa đông đến thì càng nhớ thương chồng hơn. Cô quyết định bán căn nhà này. Đành thất hứa với chồng khi quyết định ly dị nhau là Ngân ráng

giữ lấy căn nhà. Ngoài việc để ở, còn ý nghĩa riêng là sự tạo dựng được của hai người cần giữ gìn như kỷ niệm. Ngân thương chồng bao nhiêu lại càng xót xa thêm khi nhìn đâu cũng thấy dấu tích của người chồng luôn coi trọng tình nghĩa, quen thầm lặng làm lụng, và thấm nhuần giáo dục của gia đình anh ta. Chợt nhớ tới mẹ chồng, cô lạnh người vì hai chữ «hoàng tộc». Bà mang suy nghĩ của gia đình vua chúa xa xưa nên hết đời hôm nay của bà chỉ toàn khổ hạnh; của người chết đuối trên dòng hư danh. Người mẹ chồng đáng thương hơn đáng trách việc bà đã ép vợ chồng cô ly dị chỉ vì không có con. Ngân nghĩ đến đau khổ của bà nên thương bà hơn khi biết bà thương con trai và cũng thương con dâu; bà chỉ không biết thương bà là bỏ đi hào quang đã tắt từ lâu của dòng tộc.

Nói gì thì bây giờ Ngân cũng đã thân một mình, dọn vào apartment ở là phải nhất ! Có dịp gặp lại chồng cô sẽ nói lời xin lỗi là không giữ được căn nhà như anh muốn... Cô bỏ hết những cân nhắc, suy tính về việc kêu thợ Việt nam hay thợ Mỹ về sửa sang nhà cửa...

Bỗng người đàn ông... đáng sợ - xuất hiện trước mặt cô đột ngột ! Hai người nhìn nhau, họ chờ nhau mở lời trước - theo đúng phong cách Việt nam là luôn thấy mình quan trọng hơn người đối diện nên chờ người kia

chào hỏi trước !

Thôi thì cô mở lời để sớm trở vô nhà. Vì cái ông này thấy sợ quá ! Cô nói, «Chào ông.»

Người đàn ông thô lỗ qua ánh mắt dò xét từ trên xuống dưới, làm cô Ngân ngượng chết người. Cô quay gót vào nhà khi không nghe người kia đáp lại lời chào của mình.

Bao nhiêu bực tức là bấy nhiêu ly nước lọc, cô uống nước liên tục từ cái máy lọc nước trong nhà. Chẳng may, người đàn ông đó là người mua lại căn nhà của ông bà Tư... thì mình bán nhà càng sớm càng tốt ! Cô đang nghĩ ngợi mông lung thì tiếng chuông có khách viếng nhà vang lên. Ra mở cửa, Ngân không hề nghĩ là người đàn ông đó đã bấm chuông. Nhưng lại đúng là hắn.

Hắn nói, «Xin lỗi cô vì tôi đã làm phiền...»

«Dạ, không có chi...»

«Cô nói, không có chi chuyện gì ?»

«Vậy ông xin lỗi tôi chuyện gì ?» Cô Ngân hỏi lại với vẻ mặt không vui.

Người đàn ông ngập ngừng nói, «Xin được chào cô, tôi tên là Tuấn. Tôi vừa mua được căn nhà bên cạnh nhà cô. Vậy từ nay tôi sẽ là hàng xóm với gia đình cô. Ban nãy, tôi muốn được chào hỏi cô. Nhưng thật xin lỗi là tôi đã bị tai nạn lao động trong hãng lâu rồi. Bác sĩ Mỹ họ giải phẫu rất hay là không thấy vết sẹo nào trên mặt tôi. Nhưng thật ra hai mắt tôi không trở lại bình thường được. Tôi nhìn ai cũng rất dễ bị hiểu lầm... Tôi thành thật xin lỗi cô.»

«...»

Cánh cửa nhà khép lại, nhưng cái lưng to bè của người đàn ông còn in đậm trong tâm trí cô Ngân. Thật khó hiểu một người thô kệch, ăn nói ngập ngừng... mà lại duyên dáng, và nụ cười thật thà như không hợp với gương mặt dữ dằn của ông ta. Thật khó biết đây sẽ là người hàng xóm tốt, sống đời yên lặng như hai bác Tư, hay là một người; một gia đình huyên náo đã dọn về ở cạnh nhà mình. Thôi thì cứ bán căn nhà này là xong hết những lo âu hay phiền muộn trong lòng.

Cô Ngân không gặp người hàng xóm sau đó. Cô làm thêm giờ trong hãng cho hết ngày dài. Nhưng đêm về lại dài hơn thời gian đích thực từ mặt trời lặn tới khi đi ngủ. Nhà cô vốn dĩ đã không ồn vì chỉ có hai vợ chồng. Sau nhiều năm rắc rối với gia đình chồng vì cô không

có con. Thật tội nghiệp cho chồng cô đã rất khổ tâm khi quyết định ly dị với cô theo ý muốn gia đình anh. Nghĩ cho cùng một người đơn độc, không gia đình, anh chị em như cô cũng rất buồn; nhưng gia tộc lớn như anh cũng nhức đầu với bao nhiêu phiền phức từ người thân và nhưng hoang tưởng, ảo giác, làm người ta cô đơn...

Mùa đông đã nhốt cô Ngân trong nhà miệt mài. Căn nhà không sửa chữa gì hết, nhưng bán lại chậm do thị trường nhà đất đang chậm. Và cuộc sống như chậm lại từ khi cuộc đời cô bước qua ngã độc hành...

Đến nghỉ lễ Giáng sinh, cô dọn dẹp nhà cửa, quét bụi bặm trong nhà. Cô chợt nhìn qua nhà bác Tư, những miếng mành cửa sổ làm khó tin mắt mình nên cô kéo hẳn màn cửa sổ lên để xem cho rõ : căn nhà khang trang, sạch sẽ và yên lặng của bác Tư sáng rực lên đèn Giáng sinh. Người đàn ông có cái lưng to bè đang thở ra khói ngoài trời lạnh, nhưng ông có vẻ vui thú và hào hứng giăng thêm những dây đèn dọc theo lối đi nhà ông từ cửa ra đường lộ...

Cô nhớ đến mấy thùng dây đèn Giáng sinh ngoài garage nhà mình, còn mới nguyên. Nhưng sẽ chẳng bao giờ dùng đến nữa vì người giăng đèn đã vĩnh viễn rời khỏi căn nhà này. Ôi ! Mấy thùng dây đèn Giáng sinh tội nghiệp vì vợ chồng cô hí hửng mua về cho Giáng

sinh đầu tiên hai người có nhà riêng. Nhưng lúc giở ra để giăng mắc thì mẹ chồng cô ghé nhà, bà không cho giăng vì nhà theo Phật giáo chứ có ai đạo Chúa đâu mà giăng đèn Giáng sinh. -Anh ấy lại là người con hiếu thảo và không bao giờ làm điều gì trái ý mẹ nên mấy thùng dây đèn Giáng sinh được xếp lại vô thùng, nằm im ngoài garage từ đó đến nay...

Cô không biết người hàng xóm có cần hay không để cho ông ta. Và làm như thế có kỳ cục lắm không ? Đang suy nghĩ không lẽ, ... thì người ấy lại sang bấm chuông nhà cô Ngân.

«Chào cô. Cô có khoẻ không ?...»

«Dạ, cám ơn anh. Tôi cũng bình thường. Còn anh ?»

«Tôi cũng bình thường thôi. Lần đầu tiên tôi giăng đèn Giáng sinh, nên tính qua đây nhờ cô ra xem thử - coi có được không ?»

«Anh hỏi chị nhà hay các con anh, ... chứ tôi cũng không rành lắm đâu ! Xin lỗi.»

«... Nếu vợ tôi còn sống, và chúng tôi có con thì đâu phải qua đây hỏi cô !» Người đàn ông thở dài, ngập ngừng từ giã vì còn câu hỏi trong ông nhưng không tiện nói ra. Ông ấy đã đem câu hỏi mà cô Ngân sợ nhất khi

nghe ai hỏi đó trở về nhà ông. - Thật là một người tế nhị trong đời huênh hoang.

Cô nhìn theo cái lưng to bè của người hàng xóm càng thô kệch hơn vì trời lạnh nên thêm mấy lớp áo ấm. Có điều ông ấy không đáng sợ như lần đầu gặp gỡ. Cô ra garage, lấy mấy thùng đèn Giáng sinh và khệ nệ bưng qua cho người hàng xóm.

Ông ấy cám ơn rối rít, miệng nói mắt cười như trẻ được quà, «Trời ơi ! Cô cho là quý rồi. Sao không nói tôi qua lấy mà cô còn bưng qua đây ! Trời lạnh quá mà...»

Phải, trời lạnh lắm. Liệu những bóng đèn xanh xanh đỏ đỏ, be bé xinh xinh có sưởi ấm được hai nhà cuối ngõ, hai người cuối đường nhân duyên đã tận. Cô hoài nghi mắt mình nên lén trở ra ngoài nhà để xem lại thảm cỏ úa quanh năm giữa hai nhà hình như đã được đổ thêm đất - phía bên nhà cô, bây giờ bằng phẳng lắm, đã được bỏ cỏ mới từ bao giờ... Chắc là vậy rồi, cô đã thấy lúc bưng mấy thùng dây đèn Giáng sinh sang cho người hàng xóm và khi trở về nhà mình.

Và chắc chắn như thế sau khi đi xem lại. Cô Ngân vô nhà bần thần làm công việc mới tập tành cho hết thời gian từ sau khi ly dị là ngồi gõ keyboard về chuyện một

đôi vợ chồng, họ sống trong apartment từ ngày theo nhau về ở chung vì không có tiền làm đám cưới. Sau đó, bao nhiêu kế hoạch dành dụm tiền để mua nhà đều tiêu pha vô chuyện chữa chạy bệnh nan y cho người vợ, nên họ ở apartment nhiều năm lắm ! Nhiều lần Giáng sinh lần lượt về căn phòng chật chội nơi apartment nhưng chứa ước mơ lớn. Ước mơ giăng thật nhiều đèn Giáng sinh ở một ngôi nhà riêng. Ước mơ đã đi vào bức thơ trăn trối của người vợ giấu trong gối nằm của chồng, chỉ ngắn gọn là : «... em có mua bảo hiểm nhân thọ từ khi biết em mắc bệnh vô sinh vì ung thư buồng trứng. Nhưng em không cho anh hay, vì anh sẽ tìm cách lấy tiền bảo hiểm đó để chạy chữa chứng bệnh bất trị của em... Khi em chết rồi, xin anh hãy dùng chút tiền bảo hiểm mà em dành dụm được để mua một căn nhà, và giăng thật nhiều đèn mỗi lần Giáng sinh về nghe anh...»

Ngân lại nhìn ra cửa sổ, cái lưng to bè của ông hàng xóm đang dựa vào gốc cây trụi lá. Chắc ông ấy đang khóc vợ khi đã giăng xong đèn Giáng sinh sáng rực ngôi nhà ước mơ lần đầu. Ngân thì nhỏ xuống keyboard những dòng chia sẻ sự cô đơn của người đàn ông dựa gốc cây trụi lá.

Phan

# To Face Or Not To Face ?

Anthony Hưng Cao

Tác giả là một bác sĩ Nha Khoa, hiện hành nghề tại Costa Mesa, Nam Cali. Tham dự Viết Về Nước Mỹ từ 2007, ông đã nhận giải Vinh Danh Tác Giả Xuất Sắc 2010, với hồi ký «My Life» chia sẻ kinh nghiệm học tập của ông. Ngoài nghiệp Y Khoa, Hưng Cao còn là người soạn nhạc và là chủ tịch câu lạc bộ Tình Nghệ Sĩ trong «Ngày Văn Hóa Diên Hồng» được tổ chức tại thành phố Frankfurt, Đức Quốc. Mời độc giả xem bài mới nhất của ông «To Face or Not To Face ?»

Ngày xưa khi Hoàng tử Hamlet trong vở bi trường kịch của Shakespeare phải đương đầu với câu hỏi mà sau này trở thành bất hủ «To Be or Not To Be ?», chắc Hoàng tử Hamlet cũng phân vân cỡ như tôi trong lúc này là cùng, với câu hỏi «To Face or Not To Face ?» Mark Zuckerberg, chàng thanh niên trẻ sáng lập ra trang mạng Facebook chắc cũng không ngờ có ngày từ một trang trao đổi học hành cho nhóm bạn trong trường đại học của anh, lại trở nên quá nổi tiếng và dẫn đến bao nhiêu là niềm vui và nỗi phiền hà như hiện nay.

Trong ngày đầu Xuân năm 2014 này, sẵn có ngày nghỉ lễ, tôi quyết định «khai bút đầu năm» với bài viết này mặc dầu đã lâu rồi, chắc không còn mấy người dùng đến cây bút để viết nữa. Biết đâu chừng không bao lâu nữa, thành ngữ «khai bút đầu xuân» sẽ được đổi lại thành «khai laptop đầu năm». Bạn đừng vội cười nhe, vì có những chuyện mà chỉ cách đây mới vài năm, chúng ta còn không nghĩ là nó có thể thực hiện được, nhưng với kỹ thuật điện tử bây giờ, «biết ra sao ngày sau», phải không bạn ?

Trở lại với câu hỏi «To Face or Not To Face». Số là cách đây không lâu, lúc tôi mới «vướng» chân vào «trang mạng xã hội» (một cái tên mà ai đó đặt cho trang Facebook), thì đời tôi xem như «bị» hay «được» quẹo sang một khúc quanh mới. Ôi thôi, lúc đầu thì có năm ba người bạn, nhưng sau đó thì tôi có quá nhiều bạn, từ già đến bé, từ quen thân cho đến không quen. Lúc đầu thì hiếu kỳ, tôi chọn một vài tên tuổi quen thuộc, gửi đến xin làm bạn. Sau một thời gian, đến khi tôi bắt đầu có chừng một hai trăm «bạn» trong danh sách Facebook của tôi, rồi thì bắt đầu người bạn này giới thiệu người bạn khác đến cho tôi. Tiếng Anh gọi là «mutual friends», tức là «bạn chung».

Thôi thì tôi nghĩ cũng chẳng sao. Bạn của bạn mình thì cũng là bạn. Thế là tôi cho tên vào danh sách luôn. Thời đại này, chỉ nhấn một chữ «add» là có thêm một người bạn thì tội gì không làm, phải không bạn ? Chả bù ngày xưa, nghe nói phải mời rượu trà đàm đạo, thả thi phú dưới trăng, mất cả một thời gian mới kiếm được một người bạn. Vậy thì tội gì không mau mau để «tậu» thêm một mớ bạn nữa chứ.

Nhưng rồi sau đó đến thêm vấn đề một số bạn «không mời mà đến». Nói nôm na theo danh từ mạng xã hội là tôi nhận được «yêu cầu» gửi đến xin được làm bạn (friend requests). Tính tôi vốn thương người, nên thôi thì chẳng nỡ lòng từ chối lời yêu cầu kết bạn của ai, dầu trong đầu tôi vẫn luôn ghi nhớ câu của ông bà mình có dạy «chơi phải chọn bạn mà chơi». Tôi nghĩ thôi thì làm bạn trước, rồi hạ hồi phân giải. Tôi chỉ cần thận liếc sơ qua «gia thế» của những người gửi đến xin kết bạn. Mà có được tờ khai lý lịch gì nhiều đâu, chỉ vỏn vẹn dăm ba hàng giới thiệu mà không biết độ chính xác tới đâu, kèm theo tấm hình «profile» không biết thật hay giả. Bạn bè tứ hải giai huynh đệ, câu này thật đúng trong trang xã hội vì «bạn» của tôi đúng là tứ xứ, ở khắp nơi trên thế giới từ u sang Á. Ngày xưa đế quốc Anh vẫn thường tự hào tuyên bố «mặt trời không bao giờ lặn trên Vương quốc Anh». Bây giờ tôi cũng dám

tự hào tuyên bố «mặt trời không bao giờ lặn trên những nơi có bạn tôi !».

Sau vụ kết «bạn» qua trang mạng Facebook, rồi đến vấn nạn lượng thông tin trên mạng. Ôi chao ơi chưa bao giờ tôi thấy nhiều hình ảnh như vậy. Nhiếu nhất phải kể đến hình ảnh thức ăn. Hình ảnh mấy tô phở chiếm vị trí số một vì đó là món quốc hồn quốc túy của dân tộc mình mà. Ôi thôi, tôi được ăn chung «hàm thụ» với bạn mình đủ thứ phở, từ tô xe lửa tới tô nhỏ, phở chín tới phở tái gầu, v. v... Lúc đang đói bụng, nhìn hình cũng muốn chạy đi tìm tô phở, nhưng khi đang no, đôi khi không dám nhìn nữa. Cách đây không lâu, gia đình của một người bạn tôi từ tiểu bang xa tới, nên thèm ăn phở ở phố Bolsa. Thế là tôi mời cả gia đình bạn tôi đi ăn. Khi mấy tô phở nóng được bưng ra còn nghi ngút khói, tôi chuẩn bị muỗng đũa để ăn thì bỗng nghe bạn của tôi hớt hãi la lên : «Khoan ăn !» Tôi hoảng hồn tưởng có con ruồi hay chú gián nào lạc bước giang hồ vào tô phở của bạn. Đang định hỏi thì bạn tôi rút trong túi ra cái iPhone, nói để chụp hình mấy tô phở trước khi ăn. À, thì ra là mấy tô phở này chuẩn bị được đưa đi «trình diễn thời trang» trên trang mạng xã hội đây. Hú hồn, nhưng từ đó, tôi cũng học được bài học là khi thức ăn mang ra, nếu có bị ai ngăn không cho ăn, thì vì có người trong bàn muốn làm thủ tục «nghi thức Facebook» trước khi ăn !

Ngoài thức ăn, nước uống, v. v... thôi thì món gì cũng có mặt trên mạng, từ bánh bèo, bánh mì, đến cả trứng chiên, mì gói, v. v... cũng góp mặt trên trang mạng. Ngoài hình ảnh thức ăn, tôi còn được dịp «đi» với bạn trên mạng đến mọi nơi, từ shopping, đến đi vacation, v. v... Có nhiều bạn bè rất «cẩn thận», nhất cử nhất động gì cũng thông báo cho bạn bè biết mình đang... làm gì, ăn gì, ở đâu, v. v... Tôi còn phải đương đầu, chạm trán với trang mạng này ở nhiều nơi, nhiều chỗ nữa. Trong ngày «khai laptop đầu năm», để đỡ mất thời gian cho quý bạn (vì tôi biết bạn còn phải vào check email hay Facebook nữa), tôi chỉ xin kể thêm vài chuyện nữa thôi nhe.

Chuyện này là có thật 100 phần trăm. Nếu bạn không tin tôi, thì bạn cứ vào Facebook mà nghỉ chơi (tiếng của dân mạng là «unfriend») tôi đi. Số là có lần tôi có một bản nhạc mới sáng tác và nhờ một ca sĩ đến phòng thâu âm. Trong lúc ngồi chờ người thâu chỉnh lại hệ thống âm thanh cho hoàn chỉnh, anh ca sĩ hát ngân nga lại vài chỗ để chuẩn bị. Đột nhiên, anh chàng phá lên cười. Tôi hoảng hồn vì nhớ là bản tình ca tôi viết hơi buồn, có chỗ nào vui đâu mà anh ca sĩ cười vui vẻ như vậy. Tôi nhào tới hỏi có gì «wrong» trong bài hát hả ? Anh ta tỉnh bơ nói : «Dạ không, em đang check Facebook, thấy thằng bạn gửi hình buồn cười quá !» Trời, tôi nghĩ trước khi

trình diễn phải cố gắng «nhập tâm», để hồn vào bài hát chứ. Hèn gì lúc nào cũng thấy anh chàng mang kè kè cái iPhone bên mình, như vật bất ly thân. Tôi chỉ cầu trời cho sau đó, khi anh ta đang vào thâu, không vừa hát vừa check Facebook thì chắc là không xong rồi !

Bạn có thấy bọn trẻ trong gia đình bây giờ nếu có thời gian là chúng nhào lên Facebook chit chat với nhau không ? Tôi hỏi chúng «Sao con không dùng điện thoại nếu cần để nói chuyện với bạn con, vừa mau và nói được nhiều thứ hơn ?» Con tôi nhìn tôi như người ngoài hành tinh mới đến và nói là bây giờ ngoài giờ học gặp nhau ở trường, bọn chúng đâu còn dùng điện thoại để nói chuyện với nhau. Chỉ «nói» với nhau bằng những câu viết ngắn gọn qua FB hay các trang mạng mà thôi.»Vậy mới fun và có thể chuyện trò với nhau anytime», con tôi cho biết như thế. Như vậy thì với cái đà này, chắc là những bản tình ca có liên quan đến chiếc telephone không bao lâu nữa cũng sẽ bị đưa vào viện bảo tàng, để cùng chung số phận với những bản nhạc thật dễ thương mà thế hệ của chúng tôi vẫn thường hát nghêu ngao «này là cánh thư, nghiêng nghiêng nét chữ cô em học trò...» (Cám Ơn - NS Ngân Khánh). Chắc khi nghe bài hát này, bọn trẻ sẽ hỏi tôi «cánh thư» là gì ? Tôi sẽ phải giải thích cho chúng nghe là «Hồi xửa hồi xưa, khi mà chưa có internet...» Theo thời thế này, chắc là phải sáng

tác một vài bài tình ca «chờ em trên mạng» hay «hồn lỡ vướng vào mạng của em...», v. v...

Một trong những cách giản tiện của dân mạng nhện, à quên, mạng xã hội là chỉ cần lướt qua những gì bạn mình đăng lên, rồi nếu thích thì nhấn vào chữ «like» như một cách cho bạn mình biết là «Ê bồ, tui có ghé xem đó nhe.» Đôi khi có người bạn chụp những cảnh đi dự đám tang về, rồi tôi cũng thấy bạn bè xúm vào nhấn chữ «like». Tôi phân vân không biết họ «like» hay «thích» cái gì, thích đám tang hay thích người quá vãng ? Chữ «like» trong trường hợp này thật là tối nghĩa và... vô duyên theo như suy nghĩ của tôi. Chắc tôi phải viết email đề nghị Mark Zuckerberg cho thêm một chữ «Read» hay nếu có chỗ, thì thêm một câu đại khái như «I'm with you» chẳng hạn, thay vì hà tiện chỉ cho có mỗi một chữ «like» để nhấn vào như hiện nay. Trong thời gian chờ đợi, tôi đề nghị dân mạng nên dùng mục comment để viết vài ba chữ như «Thành kính phân ưu» hay «With deepest sympathy» thì có lẽ hợp tình hợp cảnh hơn là «like» cho đám tang.

Ngồi làm con số tính ước lượng, tôi thấy giật mình. Nếu một người có khoảng chừng 1000 người bạn như tôi (theo tôi biết thì nhiều người thậm chí vượt qua con số 5000 friends mà FB cho phép), và chỉ cần 10 phần

trăm những người bạn này thay phiên nhau thả thông tin lên trang mạng xã hội hàng giờ, thì mỗi giờ đồng hồ, nếu như không muốn «mất lòng» bạn mình. chúng ta phải đọc đến cả 100 thông tin. Như vậy nếu ai tham gia trong vài diễn đàn và thêm vài trang mạng xã hội như Facebook hay Twitter, thì có việc làm quanh năm suốt tháng, đọc mệt nghỉ, đó là chưa tính thời gian chính mình cũng phải đăng tin cho bằng chị bằng em và trả lời hay nhấn vào nút «like» nữa chứ. Như vậy thì chắc chắn bệnh mất trí nhớ «Alzheimer» trong tương lai sẽ có khả năng biến mất vì phải nhớ tên hết cả ngàn bạn bè trong trang mạng coi bộ còn khó hơn là chơi trò xếp chữ puzzle dành cho người lớn tuổi ! Thay vào đó, bệnh «carpal syndrome» và bệnh về mắt chắc chắn sẽ gia tăng vì hai bộ phận này trong cơ thể có nguy cơ tha hồ làm việc quá tải.

Vì có cả ngàn bạn bè như vậy, nên một tin mới đăng xong, muốn vào tìm lại, tôi phải lội ngược đến hàng chục cái tin khác đăng chồng lên dù chỉ mới đăng cách đó có mấy phút mà thôi. Có người mách cho nhiều cách để «quản trị bạn bè» trong trang mạng xã hội, như xếp bạn vào theo từng nhóm, tuỳ theo quen thân nhiều hay ít, có muốn đọc đề tài mà họ hay đăng hay không, v. v... Tuy nhiên, khi tôi nhìn lại cái danh sách bạn bè và ai tôi cũng quý mến như nhau vì đã lỡ nhận làm «bạn» rồi,

nên không... nỡ chia nhóm như vậy, thấy mất tình đoàn kết quá !

«To Face or Not To Face», câu này làm cho tôi phải phân vân suy nghĩ rất nhiều và tôi đoán chắn các vị phụ huynh cũng đang lâm vào tình trạng này. Trang mạng xã hội là con dao hai lưỡi, vì đó là nhu cầu cho bọn trẻ có nơi trao đổi sinh hoạt học hành khi cần trong thời đại hiện nay. Tuy nhiên, chắc chắn có nhiều phụ huynh không có đủ thời gian để có thể kiểm soát tất cả những trao đổi giữa bọn nhỏ với nhau. Đó là chưa kể những chuyện xấu đã từng xảy ra khi có những bọn lường gạt lợi dụng sự ngây thơ của các em qua trang mạng để dụ dỗ các em làm điều không tốt. Chúng ta thường khuyên các em phải cẩn thận khi «add» bạn, nhưng chúng ta có thể nào kiểm tra hết tất cả bạn bè của chúng không (trong khi «bạn» của chính mình còn lo chưa xuể nữa!). Tôi chắc chắn các em trẻ sau này sẽ bị ảnh hưởng và chi phối, mất rất nhiều thời gian vì những trang mạng như vầy trong việc học hành. Đó là chưa kể ảnh hưởng trong quan hệ trong xã hội khi mà việc giao tiếp qua đánh máy đang được dần dần thay thế việc trò chuyện tiếp xúc ngoài đời như trước đây. Người ta dường như có xu hướng dễ giận dữ, nóng giận khi trao đổi với nhau qua internet hơn là khi nói chuyện mặt đối mặt (face to face) như trước đây. Lúc trước khi đang nói chuyện với

nhau, nếu có điều gì hiểu lầm hay giận hờn, thì một cái vỗ vai hay bắt tay cười xòa với lời giải thích là xong. Bây giờ khi «chit chat» với nhau, thì làm sao mà có thể tạo được những thông cảm này ? Đó là những lý do mà tôi phân vân khi sử dụng trang mạng Facebook hay cho các cháu dùng vì chắc chắc dễ dẫn đến tình trạng «addicted», như trẻ em ghiền chơi game vậy.

Tuy nhiên, chúng ta không thể phủ nhận vai trò phổ thông và những tiện lợi của Facebook mang lại. Ví dụ như, nhờ Facebook mà có những bạn bè lâu năm không gặp, tình cờ «gặp» lại nhau khi đang lang thang trên mạng (mặc dầu đôi khi phải cố gắng lắm, mới nhận diện ra bạn học xưa của mình sau mấy chục năm xa cách). Facebook cũng đang trở thành một phương tiện quảng cáo thương mại không tốn tiền trong business hay những chương trình showbiz. Trong khuôn khổ của bài viết này, tôi không muốn đi sâu vào từng lĩnh vực hay chi tiết. Khi tôi ngồi viết bài này đây, những tiếng «tinh tang» liên tục từ Facebook cho tôi biết số lượng thông tin đang được đăng vào từ những bạn trên mạng đang gửi tới. Tôi phải tắt âm thanh trong laptop để có thể tập trung vào việc «khai bút đầu năm» với bài viết này.

Một điểm mà chúng ta phải biết ơn trang mạng Facebook là nhờ vào những thông tin cập nhật trao đổi qua trang mạng xã hội, chúng ta biết được những gì đang xảy ra trong nước mà chế độ cộng sản cố gắng tìm cách bưng bít. Những hình ảnh của những cuộc xuống đường, những hành động đàn áp người dân hay những bạn sinh viên trẻ, v. v... đều được nhanh chóng cập nhật lên trang Facebook để người Việt ở hải ngoại được biết. Ngược lại, những người trong nước cũng biết được những tin tức của thế giới bên ngoài mà báo chí cộng sản Việt Nam không dám đưa tin. Giới cầm quyền cộng sản Việt Nam có thể ngăn cản những trang blog, những địa chỉ của những trang website mà chúng không muốn cho người dân đọc bằng cách xây lên những «bức tường lửa», nhưng với Facebook, dường như chúng không thể ngăn chặn được.

Đây là thứ vũ khí sắc bén mà chúng ta nên tận dụng để góp phần đưa đến ngày tàn của chế độ cộng sản đang gây ra bao nhiêu thương đau cho người dân Việt Nam. Với bản chất yếu hèn và chỉ nghĩ đến quyền lợi riêng tư, giới cầm quyền đang đưa đất nước chúng ta vào thảm họa mất nước vào tay Trung cộng. Những tiếng nói đấu tranh cho dân chủ, tự do mà chúng ta đã nghe thấy từ các bạn trẻ sinh viên không còn bị bọn cầm quyền trong nước dễ dàng bưng bít và bóp nghẹt như chúng

đã âm thầm làm và thủ tiêu bao nhiêu tiếng nói phản kháng trước đây. Những trang mạng như Facebook sẽ là phương tiện truyền thông dễ dàng và phổ biến nhất hiện nay để huy động sự hợp nhất của nhiều người.

Cân nhắc giữa những bất lợi và những ích lợi nêu trên, nếu phải chọn lựa giữa «To Face or Not To Face», tôi sẽ chọn «To Face» trong lúc này nhé bạn.

Chúc tất cả các bạn trong trang mạng của tôi một năm mới 2014 an lành và hẹn cùng nhau về lại quê hương ngày thanh bình không còn cộng sản nhé bạn.

Anthony Hưng Cao

# Miếng Ngon...

Sao Nam Trần Ngọc Bình

Tác giả sinh năm 1940, cựu sĩ quan VNCH, khoá 12 SVSQ Thủ Đức, cựu tù chính trị, đến Mỹ năm 1991 theo diện H. O. 9, hiện định cư tại Greenville, South Carolina, tham dự Viết Về nước Mỹ từ 2002. Tác phẩm đã xuất bản : Hành Trình Về Phương Đông. Sau đây là bài viết mới nhất của ông.

Ai ai cũng ăn phở không ai là không ăn phở. Ngay cả người ngoại quốc cũng thích phở và là «đệ tử» của phở. Những tiệm phở của người Việt Nam ở Mỹ, Canada chỉ cần nêu bảng hiệu với chữ «Phở» mà không cần hàng chữ Anh hay Pháp đi kèm là người địa phương biết liền.

Thế nhưng ăn phở và tả về tô phở thì có lẽ chỉ có LM Lễ đã tả tô phở một cách hấp dẫn sống động và thành thật nhất. Tôi không có ý giới thiệu cuốn sách «Tôi Phải Sống» của LM Lễ nhưng khi tôi đọc đến trang 115 thì tôi phải bái phục cách LM Lễ tả «tô phở đầu đời.»

Năm 1957 LM Lễ một cậu bé miền quê thuộc Quận Vũng Liêm Tỉnh Vĩnh Long đã có dịp may được thầy giáo cho đi Saigon chơi; trong dịp này cậu bé đã được

anh Hán dẫn đi ăn tô phở đầu tiên trong đời.

LM tả hay đến nỗi tôi có cảm tưởng cái hay của sự mô tả «tra tấn» tôi dồn dập đến nỗi tôi cứ muốn nhảy cóc xuống đoạn cuối để xem kết quả ra sao nhưng tôi đã có thể kìm lại được và buộc mấy ngón tay của tôi phải chịu mệnh lệnh của tôi mà không lật qua trang kế để tôi còn có dịp thưởng thức văn tài vượt không gian và thời gian của LM Lễ.

Khi cha Lễ mô tả «tô phở đầu đời» mà cha thưởng thức tôi nghĩ rằng chưa có bài nào tả về tô phở và cách ăn phở hay đến thế. Có lẽ bài tả tô phở của nhà văn Vũ Bằng trong quyển «Món Ngon Hà Nội» cũng phải thua xa vì bài này của cha Lễ hay hơn nhiều và nhiều lắm làm cho tôi cứ đọc hoài đọc thật nhanh mong cho tới đoạn cuối để «khám phá» thêm xem cha có cho thêm chi tiết nào nữa không đến khi thấy chưa tới phần cuối thì tôi lại ở trong tâm trạng của cha khi cha thấy anh Hán-người chở cha đi ăn phở-cứ rề rà mãi với các «thủ tục trước khi ăn bát phở» cộng với «bài giáo khoa nhập đề dài dòng về cách ăn» mà chưa chịu đẩy tô phở bốc khói qua cho cha thưởng thức. Tôi tự nhủ :

Ôi ! Sao cha tả mãi tả hoài vậy ? Sao cha không mau đi tới đoạn cuối để cho độc giả cùng chia xẻ cái ngon của «tô phở đầu đời» mà cha sắp được thưởng thức

bằng thị giác, thính giác và cả vị giác nữa này !

Ôi ! Sao cha cứ «tra tấn» độc giả hoài mà chưa chịu đi đến đoạn chót đi cho độc giả nhờ một tí ? Nếu cha bị mùi thơm lừng của tô phở và sự cà rề của anh Hán «tra tấn» thì độc giả của cha còn bị cái tài khéo mô tả của cha «tra tấn» còn hơn là chính cha vậy. Cha có biết không ?

Cho đến bây giờ theo tôi thì chưa có màn «tra tấn» độc giả nào khéo léo như màn tả tô phở của cha Lễ khiến người đọc cứ phát sốt phát rét lên thậm chí như muốn lên cơn động kinh luôn ! Quả thật tài tả tô phở của cha thật hết ý !

Để xem nhà văn Vũ Bằng tả tô phở hay như thế nào tôi bèn vào Google và đánh chữ «Miếng Ngon Hà Nội» thì tôi thấy nhà văn họ Vũ tả tô phở trong cách nhìn của khách bàng quan vì họ Vũ đã là đệ tử của phở từ lâu. Nay họ Vũ lại tả tô phở thì làm sao hay bằng cách tả tô phở của LM Lễ với những cảm xúc đầu tiên khi LM Lễ từ miệt đồng quê thuộc Quận Vũng Liêm lên Saigon và được chở đi ăn «tô phở đầu đời.» Tô phở bốc hương thơm lừng trong khi tô phở của họ Vũ lại thiếu hương thơm ! Một sự khác biệt quá xa !

Ta có thể so sánh một cách cụ thể giữa tô phở của họ Vũ và tô phở của LM Lễ như hai cô gái cô nào cũng đẹp cả nhưng tiếc thay cô của họ Vũ tuy có đẹp thật đấy nhưng lại là cái đẹp không có duyên một cái đẹp vô hồn làm người ta chỉ liếc qua một lần rồi quên ngay còn cô gái mà LM Lễ tả lại vừa có sắc có hương và nhất là lại có duyên nữa làm cho khách bàng quan sau đó cứ mê mẩn tâm thần như phải bùa !

Bây giờ tôi xin trở lại tô phở của cha Lễ hương thơm thì nức mũi mà anh Hán như vô tình cứ rề rà sửa soạn tô phở cho «đúng thủ tục cần phải có trước khi ăn» trong khi cha Lễ nước miếng thì đầy miệng mà anh Hán thì chưa chịu đẩy tô phở qua cho cha «chiến đấu» với vũ khí là đôi đũa sẵn trong tay !

Trước đây người ta vẫn thường ca tụng cô Thái Thanh có giọng ca vượt thời gian và không gian nhưng bây giờ có lẽ tôi phải thêm vào cho đủ là về văn chương mô tả thì văn tài của cha Lễ cũng vượt thời gian và không gian không kém giọng ca của cô Thái Thanh ! Đó là chưa kể sự thành thật mà người đọc cảm thấy được qua bài văn làm cho con tim phải bối rối khiến phải thốt lên :

Ôi ! Sao cha quá thành thật như thế này !

Nhắc đến sự thành thật của cha lại làm tôi nhớ đến sự thành thật của anh Hùng người tù không án như tôi trong Trại Tù Gia Trung thuộc Tỉnh Pleiku.

Anh Hùng cùng ở trong Toán Vệ Sinh với tôi. Toán Vệ Sinh gồm có các bạn : H (Toàn Trưởng), TBT. Ng. S. Xuân và Hùng. Trong số các bạn tù kể trên thì anh Hùng đã để lại trong tôi những kỷ niệm êm đềm nhất.

Những khi có thăm nuôi hầu như anh Hùng lần nào cũng dành cho tôi món quà quý nhất mà nằm mơ cũng không thấy : đó là mấy miếng phô mai hiệu Con Bò Cái Cười (La Vache Qui Rit) cùng mấy trái chuối để ăn kèm cho đúng điệu dân Tây-dù là ăn trong nhà tù-vì anh vốn là dân Tây đã hồi Việt tịch và yêu nước Việt hơn nước Pháp nên mới bị đi tù.

Trong Toán Vệ Sinh thì anh Xuân rất chịu khó tìm cách mưu sinh trong cảnh tù đày không biết ngày nào ra. Anh tự làm được cái bẫy trông giống như cái cũi chó để bẫy cua đinh. Mồi để bắt cua đinh là lòng già của bò hay heo mà nhà bếp không xài. Anh mang bẫy đặt dưới lòng suối và có lần anh đã bẫy được một con thật to với cái mai lớn bằng bề ngang cái nón lá và anh đã phải nhờ anh em phụ khiêng con cua đinh về trại.

Mỗi lần có cua đinh lọt bẫy thì thế nào trên chỗ tôi nằm cũng có một chén cua đinh cà ri do anh S. nấu để sẵn; S. là người trong toán mà anh Hùng nhờ nấu.

Trong tù ai cũng đói mà đói thê thảm càng đói hơn nữa là những anh em tù thuộc diện con của «bà Phước» vì nhiều lý do hoặc là bà vợ đã đi lấy chồng thậm chí còn lấy cả nón cối nữa hay vì bà xã không đủ khả năng thăm chồng hoặc gởi đồ tiếp tế cho chồng qua ngã Bưu Điện.

Vì thế những món ăn nào nằm ngoài khẩu phần của tù-gồm nửa chén cơm, 15 miếng sắn mốc xanh đỏ, chút nước muối và chén canh đại dương-thì đều ngon cả.

Món pho mai mà anh Hùng dành cho tôi như đã nói ở đoạn trên đối với tôi là một «đại tiệc» nên tôi đã chuẩn bị chu đáo để cho khi ăn sẽ thấy ngon hơn. Khi bắt đầu tôi trịnh trọng cầm lên một miếng coi tới coi lui như mèo vờn chuột để cảm thấy cái vị mềm, thơm dẻo của miếng pho mai rồi mới từ từ gỡ miếng giấy bạc ra thì trời ạ một mùi thơm dịu toát ra từ miếng pho mai đã làm tôi dù không muốn cũng phải đưa miếng pho mai lại gần hơn để mà thấy đê mê hơn nữa vì cái mùi thơm rất đặc biệt của loại pho mai này. Sau khi cái xúc giác là mấy ngón tay đã cảm thấy cái mềm của miếng pho mai và cái khứu giác đã bị cái hương thơm chinh

phục tôi mới từ từ đưa vào miệng nhẹ nhàng để thấy nó mềm mại như thế nào rồi cuối cùng mới cho cái vị giác được thưởng thức cái ngon ngọt của nó cùng với vị ngọt của chuối chín thơm lừng tạo thành một hỗn hợp khiến người thưởng thức cứ sợ nếu nuốt vào thì nó sẽ mất đi mà nó mất đi thật trong niềm sảng khoái của cái cơ thể còm cõi vì đói ăn; chỉ còn một bộ xương và «cái túi đựng phân» như lời của một anh cai tù trong quân đội CS khi chúng tôi chưa bị chuyển giao qua Công An coi tù !

Có thể nói không ngoa là về miếng ăn trong tù thì tâm lý của người tù là tâm lý của người đi biển bị chìm tàu nhưng người đi biển còn có thể tính toán để có thể biết nơi nào gần nhất mình có thể được cứu còn người tù không án thì chẳng biết bao giờ sẽ đến bến nên người tù có cái tâm lý là sợ hết đồ ăn nên khi cầm mấy miếng pho mai anh Hùng cho tôi nửa muốn thưởng thức nửa sợ hết thì không còn có mà ăn !

Bây giờ tôi xin nói về anh Hùng. Các cụ ta có câu «Trông mặt mà bắt hình dong» để nói về con người thì quả thật câu này - đối với tướng mạo bên ngoài của anh Hùng - không sai một tí nào !

Tướng anh cao lớn, đẹp trai mặt tròn biểu lộ một tâm hồn nhân hậu ẩn chứa bên trong; giọng nói chậm rãi, rõ ràng rành mạch chứng tỏ sự đắn đo trước khi lời nói được phát biểu.

Khi đi tù về tôi vẫn liên lạc với anh và ghé nhà anh chơi và may mắn làm sao khi sang tới Mỹ thì sợi dây liên lạc vẫn còn cho tới ngày nay dù rằng tôi đã bỏ Cali sang sống ở Greenville, SC, này từ năm 1995 cho tới ngày nay (Xin mời đọc «Hành Trình Về Phương Đông» trên Viet Bao online).

Anh Hùng là người rất thành thật những gì mà anh nói với tôi là những điều mà anh nghĩ trong tâm mà là người đối diện là tôi đã có thể nhận ra liền. Phải nói là anh không «khách sáo» như kiểu người Miền Bắc trước kia mà lại rất cởi mở. Lời nói của anh cảm được người đối diện liền nhưng cho đến bây giờ không biết anh có cảm được phái yếu mà anh tiếp xúc không. Đây là điều hoàn toàn bí mật đối với tôi vì tôi không tò mò đời tư của anh.

Cách cho của anh cũng ý nhị và tế nhị không kém. Anh không tỏ ra vẻ đây là việc quan trọng trong khi đó ở trong tù CS miếng ăn lại là miếng quan trọng vì ai ai cũng đói cả. Đói đến độ không ai bảo ai, ai ai cũng có một quyển tập chép những món ăn «giời ơi» là

những món mà người chép chưa bao giờ có dịp đụng đũa nhưng cứ chép để ăn «hàm thụ» cho đỡ đói !

Thế nhưng việc anh chia xẻ những món ăn cho tôi lại có một cái gì đó nhẹ nhàng thanh thoát vô cùng và chính điều này đã làm cho những món ăn mà anh cho tôi cứ ngon mãi cho tới bây giờ dù đã hơn 34 năm với bao nhiêu nước chảy qua cầu !

Mãi cho tới bây giờ tôi mới thấy các cụ ta thâm thúy biết bao khi các cụ có câu «Người ăn thì còn. Ta ăn thì hết.» Thật vậy sau 34 năm những món ăn mà anh san sẻ cho tôi vẫn còn đó và vẫn còn trong tâm tư của tôi cho đến tận bây giờ.

Khi con trai tôi từ Mỹ về Saigon chơi vào năm 1989-lúc đó Việt Nam bắt đầu mở cửa-và mời bà con đến ăn sinh nhật của cháu thì tôi không quên mời anh chị Hùng cùng đến chung vui. Mới đây khi nhắc đến bữa ăn ngày hôm ấy anh thành thật cho biết đến bây giờ dù sống dư thừa ở Mỹ anh vẫn nhớ đến bữa ăn ngày hôm đó và vẫn chảy nước miếng vì lúc đó anh thèm quá «vì đồ ăn ngon quá trong khi ấy muốn ăn thì không có tiền hay không có cơ hội.»

Lời «thú tội» của anh quá thành thật khiến tôi phải bật cười thành tiếng và phải xin lỗi anh vì tôi không thể nào nín cười cho được. Khi anh nghe tôi xin lỗi vì đã cười khi nghe anh «thú thật» thì anh vẫn không phiền hà gì cả và vẫn vui vẻ tiếp tục câu chuyện như không có điều gì xảy ra.

Trong số những bạn bè của tôi hình như không có ai có tấm lòng nhân hậu và bao dung như anh thì phải !

Niềm xúc động của cha Lễ khi lần đầu tiên được «thấy» hương thơm của tô phở và của anh Hùng sau hơn 10 năm bị tù khi có dịp thưởng thức món ăn ngon trở lại sao mà giống nhau đến thế và cuối cùng là tôi, tác giả bài này.

Có lẽ vì kỷ niệm nói trên quá đẹp và quá xúc động nên cả ba đã không quên và khi thuận tiện LM Lễ, anh Hùng và tôi đều đã nhắc đến kỷ niệm xưa : khi viết sách-như LM Lễ, còn anh Hùng thì nhắc lại khi gặp lại bạn cũ-là tôi-qua điện thoại; và tôi khi viết bài này.

Thật đúng là «Miếng ngon nhớ lâu» như các cụ ta đã nói ! Hoặc càng hay hơn nữa như người Ấn Độ có câu «Làm ơn thì phải quên ơn. Chịu ơn thì phải nhớ ơn.» Mà cái «ơn» này lại là cái «ơn» vừa ngon lại vừa bổ nên ngàn năm hồ dễ đã ai quên !

Sao Nam Trần ngọc Bình

Mùa Đông 2013

## Trên Vai, Mùa Xuân...

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Bài viết mới của tác giả cho Tết đang đến. Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh trước 1975, đã có nhiều truyện ngắn, truyện dài do tạp chí và nhà xuất bản Tuổi Hoa ấn hành tại Saigon. Sau tháng 4/1975, cô không viết, chỉ chuyên làm công tác nghiên cứu khoa học. Định cư tại San Jose từ 2003, Cam Li bắt đầu góp bài cho Việt Báo từ 2009 và đã nhận giải Vinh Danh Tác Phẩm Viết Về Nước Mỹ 2010.

Nghi phủ miếng giấy plastic lên gói hàng, bao bọc thật kỹ, trao cho người khách cuối cùng trong ngày. Chợ sắp đóng cửa. Nghi sắp đặt mọi thứ gọn gàng đâu vào đó, lau chùi các mặt bàn sạch sẽ, rồi tháo cái «tạp-dề» máng lên móc ngay ngắn. Nghi hơi mỉm cười như hài lòng với công việc của mình. Anh em bạn ai cũng vậy, tất cả đều đã xong việc. Họ chào tạm biệt nhau. Một ngày đã qua.

Nghi ra cổng, chợt thấy một không khí khác hẳn đang ùa đến. Những chậu cây cảnh, những bông hoa màu sắc tươi vui như đón mời. Cái đập vào mắt anh hơn hết là màu vàng tươi của những trái kim quất. Trong lòng đang bình yên bỗng như thấy nhớ nhớ một cái gì.

Một tà áo dài đi lướt qua. Nghi tự nhủ : «Không phải !» Có lẽ một sự hoài niệm bất chợt đã làm cho anh nhập nó vào hiện tại. Anh thấy mình ngây ngô khi nhìn theo tà áo đó. Chưa Tết mà ! Tà áo dài chỉ được tìm thấy trong những dịp lễ của người mình. Anh nhìn kỹ. Đúng là áo dài. Một cô gái mặc áo dài. Anh bước theo tà áo một cách không chủ ý. Cô gái đi vào một cửa tiệm. À, một cửa tiệm bán quần áo ! Có những người mẫu búp bê mặc áo dài được trưng bày trong tủ kính. Cô gái kia có lẽ là một nhân viên của tiệm. Gần Tết rồi, nhân viên mặc áo dài để quảng cáo cho tiệm cũng là điều dễ hiểu. Anh mỉm cười.

Chuông điện thoại cầm tay của anh reo. Anh bắt máy.

- A-lô ! (Anh vẫn thường thích nói «a-lô»)

- Anh, anh ở đâu ? Em đến đón anh nè !

- Anh đang lang thang coi mấy cửa tiệm. Em chờ chút, anh ra ngay.

Và Nghi ra phía bãi đậu xe, tới chỗ anh đứng đợi Bích mỗi ngày. Bích đã dừng ở đó. Anh cười :

- Anh xin lỗi. Anh thấy họ bày hàng Tết vui, anh ngắm.

Bích cười theo :

- Rồi anh có ngắm cô nào không ?

- Có ! Anh ngắm mấy cô «ma-nơ-canh» mặc áo dài đứng trong tủ kiếng.

- Tha cho anh. Thế có gì hay nơi mấy cô đó ?

- Có. Các cô mặc áo dài đẹp lắm !

Nghi không nghe Bích nói tiếp. Anh nhìn sang, hỏi :

- Sao ? Em nghĩ gì vậy ?

- Không.

Bích im lặng. Nghi chợt thấy mình có lỗi. Anh nhớ ra rằng Bích rất ít khi mặc áo dài, trừ một lần trong đám cưới của con trai. Đi đâu Bích cũng thường mặc váy hoặc «đồ tây» cho thoải mái. Công việc hàng ngày cũng làm cho Bích phải cứng cỏi : làm nhân viên bưu điện đi phát thư. Hai vợ chồng dùng chung một chiếc xe nhỏ, Bích cũng muốn làm tài xế cho Nghi luôn. Vóc dáng của Bích không còn thanh mảnh như ngày xưa, nên Bích thường nói «mặc áo dài là một cực hình».

Nghi nói khẽ :

- Khen vậy thôi, chứ mặc áo dài thấy không thoải mái, khó làm việc há em !

Bích cười :

- Thỉnh thoảng phải mặc chứ anh, quốc hồn quốc túy mà !

- Ừ. Nhưng cái gì tiện lợi hơn thì mình chọn.

- Anh cứ hay nói cho em vừa lòng.

- Ừ thì anh phải làm cho em vừa lòng chứ ! Em là vợ của anh mà !

Và thế là quãng đường về nhà như ngắn lại.

Nghi mở mắt. Tiếng nổ nghe xa xa. Như là âm vang trong ký ức. Mà thật thì giống như tiếng pháo. Phải rồi, tiếng pháo xuân ! Tết đang đến thật gần. Những ngày tháng có Tết ở quê nhà thật không thể nào quên. Cậu học trò bị trêu là «sâu gạo» vì chăm học, trong những ngày Tết thường tận dụng thời gian được ở nhà để «gạo bài», nhưng cũng không quên rủ bạn bè đi xi-nê, đi chúc Tết các thầy cô, hoặc đến các hội chợ để «thưởng thức mỗi thứ một ít». Hết tuổi học trò, tình nguyện đi lính, cậu trúng tuyển vào trường Võ Bị Đà Lạt...

Nghi mơ màng dỗ giấc ngủ. Chợt có tiếng nổ xé tai vang trong đầu. Nghi ngồi bật dậy. Bích vẫn say ngủ sau một ngày mệt mỏi vì công việc. Đâu có gì ! Chỉ là sự hoảng hốt của mình mà thôi ! Nghi thấy khó thở. Mùi thuốc súng ! Đâu đó có mùi thuốc súng ! Nghi rón rén đi ra phòng ngoài, vào bếp uống một ly nước tự trấn an mình. Mình tưởng tượng chuyện gì vậy ? Ôi, mình đã nhớ ra. Năm đó, mình đã không về Huế ăn Tết, vì muốn thưởng thức cái Tết ở Đà Lạt cho biết. Và cũng vì Đà Lạt có Bích. Mình muốn ăn Tết Đà Lạt với Bích. Mình xin lỗi ba mẹ, xin được nếm mùi «Xuân tha hương».

Và, Tết năm đó, Tết Mậu Thân, ba mẹ Nghi đã bị VC giết chết trong một cuộc tàn sát tập thể. Nghi không bao giờ còn có thể gặp lại họ.

Nghi biết rồi ! Những tiếng nổ và mùi thuốc súng chính là từ trong tâm tưởng phát ra. Ký ức của một thời kinh hoàng sống lại như những đợt sóng. Chúng xô đẩy làm tâm tư anh nhàu nát. Anh muốn nghẹt thở.

- Anh nhớ bún bò và mì Quảng của O Năm quá em à !

- Sao tự nhiên anh lại nhớ như vậy ?

Nghi nói, như thể đang mở ra một trang hình ảnh trước mắt :

- Thì đó là hai món mà O Năm gánh đi bán mỗi ngày. Anh nhớ hôm thì O bán mì Quảng, hôm khác lại bán bún bò. Người Huế chính gốc, ở Đà Lạt, O Năm nấu ăn ngon «hết sẩy».

- Dạ phải. Em cũng nhớ O. Em nhớ nhất là lúc nào O cũng mặc áo dài đi bán. Có lẽ bây giờ bọn nhỏ mà nghe vậy thì chúng không tin nổi. Quang gánh trên vai, mấy bà mạ Huế mặc áo dài trông thương quá !

- «Hay» chứ em !

- Dạ phải, trông «hay» lắm !

Hai người cùng im lặng. O Năm là người hàng xóm dễ thương của Bích. Cái gánh của O Năm, coi đơn giản vậy nhưng là cả một gia tài. Một bên sắp xếp tô chén muỗng đũa, rồi nào bún, nào rau, nào thịt thà, nào ớt, chanh, hành, đậu phộng, mắm ruốc... đủ cả. Bên kia là nồi nước súp để trên bếp than hồng. Ngày nào O bán mì Quảng thì có thêm bánh tráng nướng giòn. Tụi trẻ con ăn mì Quảng cứ hay xin thêm bánh tráng, bẻ nhỏ cho vào tô. O mắng yêu «Cha mi !», nhưng tay thì bẻ bánh cho thêm. Nghi và Bích không còn là trẻ nhỏ nữa, nên tỏ vẻ đàng hoàng ăn uống nghiêm chỉnh. Cái gánh hàng rong của O không cần bàn ghế hay đòn ngồi. Nhà nào muốn ăn, gọi O gánh gánh hàng vào, tự lấy bàn ghế của

mình mà ngồi.

Tết Mậu Thân, O nghỉ bán vì chiến cuộc cũng xảy ra tại Đà Lạt. Khu Số Bốn không yên. O và các con tạm lánh ở phố chợ. Khi về lại Khu Số Bốn, O thấy căn nhà đơn sơ của O đã bị sập nát. O lâm bệnh và yếu hẳn từ đó.

- Nếu có dịp về lại Đà Lạt, ước sao mình được ăn món bún bò và mì Quảng O Năm, em nhỉ !

- Nhưng O đã mất lâu rồi !

- Ừ !... Phải !... O đã mất lâu rồi !

Nghi nghe một cảm giác kỳ lạ chạy trong người. Cứ đến thời gian gần Tết, hai vợ chồng hay ôn lại những mẩu vụn vỡ của quá khứ, ráp lại như một chiếc kính vạn hoa. Có những kỷ niệm làm tiếng cười bật ra không ngăn được, và có những kỷ niệm làm nước mắt dạt dào rơi.

Nghi và Bích cưới nhau sau khi anh ra trường. Anh không còn người thân. O Năm ốm yếu nhận làm mẹ nuôi của chú rể. Một đám cưới đơn giản nhưng rất ấm áp. Chàng trai tốt nghiệp trường Võ Bị Đà Lạt và cô nữ sinh viên đại học Sư Phạm Đà Lạt, họ rất đẹp đôi.

Chồng đi trận, vợ ở nhà đi dạy học và nuôi con. Bị thương đôi ba lần, rồi người lính vẫn tiếp tục ra trận. Đến ngày buông súng, đứa nhỏ chỉ mới học xong trường mẫu giáo. Những năm tháng Nghi ở trong trại tập trung «cải tạo», Bích vẫn đi dạy học. Rồi không chịu đựng nổi cái khổ ải tinh thần, Bích xin nghỉ việc. Giải nghệ, về nhà buôn gánh bán bưng, làm đủ mọi thứ việc cực nhọc, nhưng tâm trí của Bích đỡ nặng nề hơn.

Thời gian chồng chất trên vai như những gánh nặng đời. Nhưng người ta gánh được hết.

Nghi vào chợ. Không khí nhộn nhịp. Người đông hơn. Hàng họ nhiều màu sắc hơn. Anh mỉm cười khi nghe một đoạn nhạc quen thuộc phát ra từ chiếc radio treo trên tường. Đến giờ «Tâm tình» rồi đó ! Cái chợ này là nơi có người nghĩ ra một sáng kiến độc đáo là treo radio lên để mọi người cùng nghe một đài tiếng Việt mà ai cũng thích. Nghe và bàn tán, vui. Người nào việc nấy. Nghi mặc chiếc «tạp-dề», mang găng tay vào, nhanh nhẹn đi vào phòng lạnh đem những bao thịt ra bày trong tủ kính.»Đồ hàng» của anh đấy ! Công việc của anh không đến nỗi vất vả nhiều. Nhưng phải chịu đựng được cái lạnh. Anh đâu xa lạ gì chuyện này. Đêm ngủ trong rừng sâu muỗi mòng mưa gió, sáng dậy sớm đi hành quân, vẫn không sao. Những ngày quần quật

trong trại tù lao động, lưng oằn xuống vì những súc gỗ lớn, còn không chết. Anh đã làm nhiều việc từ lúc đến Mỹ, quê hương thứ hai này. Nay đã đến tuổi về hưu, anh vẫn muốn làm việc. Thằng con trai đã học xong đại học, ra trường, có nghề nghiệp vững chắc, lập gia đình. Vợ chồng Nghi yên tâm lo cho nhau. Bích vẫn đi phát thư. Nghi «làm chợ».»Làm chợ», nghe hay hay !

- Cho tôi hai pounds thịt bò, xắt lát ăn phở giùm, cám ơn anh.

Nghe quen thuộc. Tiếng Việt. Anh mỉm cười, cân miếng thịt đã được người khách chọn, đem vào máy thái ra những lát mỏng y như nhau, sắp đều tăm tắp vào vỉ xốp. Rồi Nghi kéo căng miếng plastic phủ lên gói hàng, bao bọc thật kỹ, trao cho người khách đầu tiên trong ngày của mình. Tự nhiên anh nghĩ ra một ý vui vui. Ai đến chợ Việt Nam cũng phải «o bế» khu hàng thịt cá. Chặt chặt, thái thái, gói gói, cân cân, không lúc ngơi tay. Đặc biệt, khu vực này chỉ toàn nam giới. Trong đó, có thầy giáo, có cựu quân nhân. Họ cũng là văn thi sĩ, ca nhạc sĩ của gia đình họ. Họ gánh gánh đời không than van không mệt mỏi. Họ không huênh hoang, nhưng cũng như những người thầm lặng khác, đắc đạo trong chính những công việc của mình.

Nghi lại mỉm cười. Anh nghe mùa xuân về thật ấm.

# Xuân Về Nơi Phật Tự

Thạnh Hoà

Thạnh Hoà là bút hiệu mới của một tác giả từng có bài tham dự Viết Về Nước Mỹ từ 2011. Sau đây là bài đầu tiên khai trương bút hiệu mới của ông.

Tháng 4/75, Quân cùng đồng-đội đang phục-vụ trên một chiến-hạm của VNCH tại vùng biển VN để yểm-trợ cho một đơn-vị bạn đang hành-quân thì có lệnh cho tàu đổi hướng ra khơi nên không ai có cơ-hội vào đất liền để từ-giả gia-đình ! Khi tới Phi-Luật-Tân thì mọi quân-nhân đều trở thành người dân tỵ-nạn. Sau đó họ được đưa qua trại tỵ-nạn ở Mỹ, tạm trú một thời-gian, cuối cùng, họ được những người Mỹ hảo-tâm bảo-lãnh ra khỏi trại và xây-dựng cuộc đời mới.

Quân được ông John, chủ trại nuôi bò, bảo-lãnh và nhận anh về làm việc cho ông.

Trại bò nằm gần bên xa lộ I5 ở vùng Lodi, thuộc miền Bắc California, cách thủ-phủ Sacramento chừng một giờ lái xe. Công việc của anh lúc đầu là lo cho bò ăn uống và làm vệ-sinh nông trại. Lần lần quen việc, anh được giao cho việc thu-hoạch sữa bò.

Quân năm ấy đã 30 tuổi. Ở đây chỉ có mình anh là người Việt-Nam, anh biết tiếng Anh nhưng không giỏi lắm. Nhờ mỗi ngày dùng toàn tiếng Anh cộng với sự siêng-năng học-hỏi nên trình-độ Anh-Văn của anh rất mau tiến-bộ. Mới vô, anh được trả lương căn-bản và được cho ăn ở gần bên nông trại. Ông chủ rất hài-lòng vì anh làm việc rất cần-mẫn và công-việc được hoàn-tất chu-đáo nên sau vài tháng thì anh được tăng lương

Suốt sáu tháng trời sống ở nơi đồng khô cỏ cháy, anh chỉ được chở đi tới những thành-phố chung-quanh mỗi tháng một hai lần để mua sắm những thứ cần-thiết, anh chỉ quen biết vài người Mỹ, Mễ làm chung và mấy trăm con bò trong trại. Anh ăn đồ ăn của Mỹ, Mễ ngán đến tận cổ ! Anh thèm được ăn một chén cơm trắng, thèm chút nước mắm, thèm miếng cá khô v. v... mà không biết kiếm đâu ra ! Mỗi ngày nhìn thấy xe chạy trên xa lộ anh ước-ao có một xe nào đó có người VN chạy vào nông trại để anh được nói chuyện bằng tiếng VN... biết bao là điều mơ-ước, một điều ao-ước quan-trọng nhất là được gặp lại vợ con nhưng nó quá xa vời ! Anh rất đau lòng vì phải bỏ vợ và hai con ở lại VN, nỗi nhớ niềm thương làm cho anh vô cùng đau khổ !

Tới tháng thứ bảy thì Quân có được người bạn mới là Jim, thỉnh-thoảng Jim chở anh đi ăn ở thành-phố bé nhỏ này và giúp anh đi chợ mua đồ ăn tươi để về anh tự nấu vài món ăn VN. Jim cũng giúp cho anh thi lấy được bằng lái xe và anh mua được một xe Toyota cũ để có dịp đi đây đi đó...

Những khi rỗi-rảnh anh lo học tiếng Anh và trồng-trọt rau cải xung quanh nhà. Với phân bò sẵn có, rau cải lên rất tốt, anh ăn không hết. Nhờ có chiếc xe, anh lần-lần lái đi đến các thành-phố lân-cận rồi đi đến Stockton. Anh nghe Jim nói Sacramento là thủ-phủ của California và có nhiều người Á Châu, anh nghĩ nơi đây có nhiều người VN nên mua bản đồ coi và lái xe đến đó.

Khi vào một chợ Mỹ khá lớn, anh đẩy xe đi tìm đồ ăn thì gặp hai ông bà người Á Châu khoảng trên 50 tuổi cũng đi chợ như anh. Anh liền hỏi bằng tiếng Việt :

- Thưa Bác ! Bác có phải là người VN không Bác ?

Ông cụ vui-vẻ trả lời : - Phải ! Bác là người VN. Cháu qua Mỹ lâu chưa ?

- Dạ được hơn bảy tháng.

Ở nơi xứ lạ quê người Quân rất thèm nghe tiếng Việt-Nam, nay gặp được người VN anh mừng như gặp được bà con ruột thịt. Riêng hai Bác VN, Bác Thái, gặp được đồng-hương nên cũng rất vui mừng. Ba Bác cháu nói chuyện với nhau rất là tương-đắc. Bác Thái hỏi thăm về gia-cảnh của Quân, anh kể cho hai Bác nghe. Hai Bác rất tội-nghiệp anh và mời anh về nhà chơi, nơi đây anh gặp được vợ chồng người con trai của hai Bác là anh chị Hiền cùng 2 con nhỏ.

Gia-đình này có phước quá nên được sum-vầy. Còn gia-đình anh thì chia ly mỗi người một ngã ! Không biết đến chừng nào mới được gặp nhau ! Bác Thái mời anh ăn bữa cơm trưa với cá kho tộ và canh chua gà nấu với cải bắp. Đây là món mà anh ưa thích, anh ăn mà nghe nó ngon từng tế-bào của cái lưỡi. Anh rất cảm động nói với Bác Thái :

- Từ hôm sống ở Mỹ tới giờ, đây là bữa ăn ngon nhứt của con, con vô cùng cám ơn gia-đình Bác đã cho con ăn một bữa cơm ngon quá là ngon.

- Có gì đâu con, Bác thấy con rất hợp với Bác nên Bác thương như con cháu, khi nào có lên đây nhớ ghé nhà Bác chơi. Ở vùng này không có nhiều người Việt, Bác chỉ quen có vài gia-đình mà thôi !

Sau lần tới Sacramento, Quân dọ-dẫm xin việc làm ở đây, nhưng vì không có nhiều hãng xưởng nên đã hơn ba tháng rồi mà anh chưa tìm được việc làm !

Có một lần khi Quân tới chơi với anh Hiền thì Hiền hỏi :

- Anh Quân ! Anh xin việc ở đây không được, anh có ý định đi San Jose sống không ?

- Tôi chưa biết San Jose, anh biết ở đó có đông người Việt không và có dễ sống không ?

- Tôi không biết nhiều ! Tôi mới liên-lạc được với người bạn ở dưới đó. Nếu anh muốn, tôi gọi nó cho anh nói chuyện.

Quân đồng ý và Hiền liền gọi cho Kiên ở San Jose.

Hiền nói chuyện với Kiên và giới-thiệu Quân với Kiên rồi đưa máy cho Quân nói chuyện.

Sau khi nói chuyện với Kiên, Quân vui-vẻ nói với Hiền :

- Anh Kiên cho tôi biết, ở San Jose rất đông người Việt và nhiều hãng xưởng lắm, nếu mình đi xin nhiều chỗ thì sẽ có được việc làm. Tôi thấy cứ đeo theo nông trại làm nghề chăn bò thì buồn quá và tương-lai cũng

không khá được. Làm hãng thì tương-lai chắc-chắn sẽ tốt hơn, Kiên kêu tôi xuống nhà ảnh ở tạm, chừng nào có việc sẽ tính sau, tôi sẽ làm cho nông trại một tháng nữa rồi đi San Jose ở...

Quân tới San Jose vào sáng thứ bảy nên Kiên có ở nhà. Kiên với hai người bạn là Hùng và Tính cùng mướn căn apartment hai phòng. Phòng của Kiên chỉ có một người nên Quân vào ở chung với Kiên.

Cả ba người này đều nhỏ tuổi hơn Quân và chưa ai có chiếc xe nào hết. Nhờ chợ ở gần nên họ đi bộ qua mua, còn đi làm thì làm chung một hãng, có bạn đưa rước. Nay có thêm Quân và có được chiếc xe nên họ rất mừng.

Chiều bửa đó Quân chở Kiên tới nhà anh Hưng để nhờ anh giúp làm giấy tờ đi xin việc làm. Hưng giỏi tiếng Anh và hay giúp-đỡ người Việt mình. Thứ ba tuần sau, anh xin nghỉ một buổi để giúp Quân đi nộp đơn ở các hãng.

Quân may mắn được nhận làm chung hãng với Kiên, Hùng và Tính, nhờ anh biết tiếng Anh nên việc học nghề không có gì trở ngại, anh lại là người khéo tay nên dù vô làm mới hai tháng nhưng món đồ anh làm không thua những bạn làm ở đây trước anh.

Sống ở San Jose được vài tháng thì cuộc sống của anh đã ổn-định, có nhiều thì giờ rảnh-rỗi. Càng rảnh-rỗi anh càng nhớ vợ con nhiều hơn. Anh hỏi thăm nhiều người nhưng vẫn không có tin-tức gì về vợ con anh cả ! Anh biết chắc-chắn là vợ con anh không còn ở chỗ cũ nữa !

Để lấp khoảng trống thời-gian rảnh-rỗi, anh đi làm việc thiện-nguyện giúp-đỡ đồng hương và ghi danh đi học để lấy bằng chuyên môn.

Ba năm sau anh đã lấy được bằng Technician, được hãng đổi chỗ làm, được lãnh lương cao hơn và anh ghi danh học tiếp.

Một buổi tối, khi bốn người đang coi TV thì có người kêu cửa. Kiên vừa mở cửa thì thằng Hiển vừa khóc vừa nói :

- Chú Kiên ơi ! Má con bệnh nặng lắm ! Con kêu hoài mà Má con không lên tiếng, chú giúp giùm Má con đi chú !

Thằng Hiến, 8 tuổi, là con của cô Liên. Nhà chỉ có hai mẹ con, mướn căn apartment hai phòng cũng trong khu này. Liên lớn tuổi hơn Kiên, Hùng và Tính nhưng nhỏ hơn Quân.

Thấy hai người cùng là trai đơn gái chiếc, ba người này thường «cáp đôi» Liên với Quân nhưng anh đối xử với Liên bình thường như những người khác.

Trước 75, chồng Liên là quân-nhân nhảy dù. Anh kêu Liên dẫn thằng Hiến rời VN trước rồi anh sẽ đi sau. Nhưng sau đó thì không có tin-tức gì về anh nữa !

Nghe Liên bịnh, mọi người liền ngó sang Quân vì anh có xe và là «chim đầu đàn». Anh nói với Kiên :

- Chú mày đi với anh qua coi cô Liên ra sao.

Thấy trán Liên nóng quá và cô nằm mê-man. Quân kêu Kiên lấy khăn thấm nước lạnh lau mặt cho cô. Phần anh thì gọi cho bác-sĩ. Bác-sĩ kêu anh chở cô Liên vô nhà thương ở gần đó.

Hai ngày sau, Liên được xuất viện về nhà nhưng cô rất yếu-ớt. Quân và các bạn phải lo chăm-sóc cho Liên. Khi Liên hết bệnh, hai nhà tới lui với nhau thường hơn. Cả Quân và Liên đều cô-đơn lại sống nơi xứ lạ quê người, nên hai người càng ngày càng thân-thiết và sau đó không tránh khỏi việc «lửa ở gần rơm». Hai người cùng đồng-ý mướn nhà sống chung để nương-tựa với nhau, hai người cũng thỏa-thuận là nếu chồng Liên hoặc vợ Quân qua Mỹ thì hai người sẽ chia tay.

Sau sáu năm vừa đi học vừa đi làm, Quân đã lấy được mảnh bằng tốt-nghiệp Đại-Học. Hiện giờ anh là một kỹ-sư sáng giá của một hãng lớn ở San Jose.

Liên cũng lấy được bằng Đại-học hai năm và cũng đang đi làm. Cuộc sống êm đềm của ba người, cho đến một ngày kia, Liên được người quen từ trại tỵ nạn mới qua Mỹ cho hay : Quang, chồng của Liên, được ra tù và đã đi vượt biên tới được Thái-Lan. Liên mừng lắm nhưng cũng buồn vì nàng đã không chung-thủy với chồng trong mấy năm qua ! Từ đó tính tình của nàng thay-đổi.

Quân cũng gặp được một người quen ở chung xóm hồi trước cho hay : Quyên, vợ anh, cùng con gái là Vân và con trai là Thanh bị đuổi ra khỏi nhà trong căn-cứ Hải-Quân và có ai đó rủ đi về sống ở Bến-Tre. Nghe được tin này, hy-vọng được gặp lại vợ con trong lòng anh bùng lên mãnh-liệt, anh tạo một căn nhà khang-trang rộng-rãi để chuẩn bị đón vợ con qua Mỹ. Những thì giờ rảnh-rỗi, anh dành hết cho việc tìm kiếm vợ con.

Vì mỗi người đều có tâm-sự riêng tư nên cuộc sống chung của Quân và Liên không còn hạnh-phúc nữa ! Hai người cùng tỏ thật lòng mình và đồng ý chia tay ! Liên rời khỏi San Jose và về sống ở miền Nam California.

Khi VN đổi mới, có nhiều người qua lại VN, Quân mới dám về VN, xuống tới Bến-Tre bốn lần và đã nhờ các cơ-quan truyền-thông giúp-đỡ nhưng vẫn không có manh-mối gì về vợ con hết ! Anh buồn quá bỏ bớt chuyện đời, thường đến chùa để tụng kinh và làm công-quả.

Thanh Landon nhìn mảnh bằng Đại-Học mà em được lãnh hồi trưa nầy ! Sau bao năm đèn sách em đã trở thành một kỹ-sư với một cuộc sống sáng-sủa ở tương-lai. Nếu Ba Mẹ ruột em có mặt trong lễ tốt-nghiệp này thì hai người mừng lắm ! Nhưng buồn là em đã bặt tin cha mẹ của em mười mấy năm nay. Em nhớ Ba Mẹ và chị vô cùng nên ngồi mơ-màng nhớ tới những việc đã qua...

Năm 1975, Ba của Thanh không có ở nhà. Mẹ, chị Vân và Thanh bị đuổi ra khỏi nhà trong căn-cứ Hải-Quân. Nhờ có người quen rủ về định-cư ở Xã X, thuộc tỉnh Kiến-Hòa, sau này đổi lại thành Tỉnh Bến-Tre. Cuộc sống vô cùng khó-khăn, bửa đói bửa no. Lúc đó em được hơn 10 tuổi, em phải bỏ học, đi kiếm từng cọng rau, con cá để phụ với Mẹ và chị. Một đêm nọ, trời tối đen như mực, em đi thăm lưới ở mé sông Cửa Đại, vừa lên bờ thì thấy có một số người đi về hướng chiếc đò máy lớn đang đậu ở mé sông. Có ba người tới bắt em

đem lên đò máy. Em phản đối quyết liệt thì bị đánh vô cằm làm em bất tỉnh. Khi tỉnh dậy, em thấy có rất nhiều người ngồi xung-quanh em, hỏi ra mới biết họ đi vượt biên, gặp em nên họ bắt em đi theo vì nếu thả em về, sợ em tiết-lộ thì cuộc vượt biên sẽ bị «bể».

Sau mấy ngày đêm lênh-đênh trên biển cả, đò máy tới được Mã-Lai. Thanh được xếp vào diện vị-thành-niên. Có hai vợ chồng người Mỹ là Ông Bà Landon, ở San Jose, nhận em làm con nuôi và bảo-lãnh em qua Mỹ. Em được đổi thành họ Landon. Em có người chị Mỹ là Jenny lớn hơn em bốn tuổi. Gia-đình này thương em như ruột thịt và nuôi em ăn học thành tài. Trước 1975, ông Landon đã từng qua VN phục-vụ nên biết ít nhiều phong-tục VN và nói tiếng Việt rất khá.

Ông Bà Landon muốn cho em giữ phong-tục Việt-Nam nên thường đưa em đến sinh-hoạt ở Chùa Phật, nơi có đông người Việt thường quy-tụ. Do đó hiện giờ em vẫn còn viết và nói tiếng Việt khá trôi-chảy.

Ba Mẹ nuôi của em cũng đã khuyên em viết thơ về VN để tìm gia-đình nhưng trong những lần tới Chùa, em nghe nhiều người nói là : nếu mình ở nước ngoài mà gởi thơ về VN thì người thân mình sẽ bị chính-quyền địa-phương làm khó dễ, nên em không dám gởi thơ. Khi VN có lệnh đổi mới, em có viết thơ về VN nhưng

thơ bị trả lại vì Mẹ và chị không còn ở tại Xã X nữa ! Cho tới bây giờ, đã mười mấy năm sống ở Mỹ, em vẫn chưa có tin-tức về gia-đình. Em tự hứa với lòng là phải tìm cho được những người thân-thương ruột thịt của mình.

Ông Landon và Thanh xuống phi-trường Tân-Sơn-Nhất vào buổi trưa nên trời nóng như thiêu đốt. Hai cha con được một hãng du-lịch đón tiếp và đưa về khách-sạn. Sáng hôm sau có tài-xế là Sinh đến rước và đưa về Xã X ở Bến-Tre. Sinh là người Bến-Tre nên chuyến đi không có gì trở-ngại.

Về tới quê, Thanh cảm thấy nôn-nao, xúc-động. Cảnh vật thay đổi rất nhiều làm em thấy xa lạ. Đồng ruộng trước kia giờ đây là vườn cây, nhà cửa. Vườn dừa trước kia nay không còn nữa mà được thay thế bằng một rừng nhản. Thanh phải hỏi thăm người trong xóm mới tới được nhà Dì Tư Xuyến, người ân của gia-đình em, người đã rủ Mẹ em về đây sống và cho Mẹ em miếng đất để cất nhà.

Xe vừa ngừng, Thanh xúc-động quá nên quên Ba nuôi bên cạnh, em bước xuống xe và chạy một hơi vô nhà kêu lớn :

- Dì Tư ơi ! Dì Tư ! Dì Tư có ở nhà hôn Dì Tư ?

Thanh thấy một người con gái đang đi tới trước mặt mình. Thanh hỏi :

- Nhà này có phải nhà Dì Tư không cô ? Dì Tư có ở nhà không cô ? Cô là gì của Dì Tư vậy cô ?

Thấy anh hỏi một hơi, cô gái không trả lời mà nghịch-ngợm hỏi lại :

- Anh là ai vậy ? Anh ở đâu tới đây vậy ? Sao anh biết má tôi vậy ? Anh kiếm má tôi chi vậy ?

Thanh ngó sững cô gái : đôi mắt, cái miệng, cái răng khểnh... Thanh nhận ra cô và nắm tay cô nói nhanh :

- Hạnh ! Em là Hạnh phải hôn ? Anh là Thanh, con của Dì Hai Quyên nè !

Hạnh xúc-động nhìn Thanh và mếu-máo :

- Anh Thanh ! Em là Hạnh nè ! Anh còn sống đây sao?

Cô khóc òa lên làm Thanh cũng khóc theo, Thanh ôm chặt lấy Hạnh, cả hai đầm đìa nước mắt. Qua cơn xúc-động, Hạnh thấy mình đang trong vòng tay của Thanh và thấy nhiều cặp mắt đang nhìn mình, cô thẹn quá vội đẩy nhẹ Thanh ra và hỏi trong màn lệ với vẻ trách-móc :

- Anh bỏ đi đâu mất biệt ! Mười mấy năm nay sao anh không về ? Lúc anh mất tích, Dì Hai bỏ ăn bỏ ngủ nên Dì bị bệnh xém chết đó !

- Anh đi qua Mỹ ! Chuyện dài lắm để lát nữa anh kể cho em nghe. Mẹ và chị Hai của anh giờ ở đâu em biết không ?

- Dì Hai và Chị Vân rời khỏi đây sáu bảy năm rồi ! Em nghe nói ở Mỹ-Tho nhưng em không biết nhà, Chị Ba em cũng ở Mỹ-Tho, chắc chỉ biết.

- Em đi Mỹ-Tho với anh nhen ? Anh nôn gặp Má anh quá !

- Chắc được, để em hỏi má em.

Vừa lúc đó Dì Tư Xuyến, Mẹ của Hạnh và vợ chồng Hai Thiện, anh và chị dâu của Hạnh, ở ngoài vườn cũng vô tới, mọi người gặp nhau mừng mừng tủi tủi. Chòm xóm nghe tin cũng tới thăm chật nhà. Thanh kể sơ qua về cuộc «vượt biên» của em cho mọi người biết. Mọi người mừng cho em được may-mắn. Ông Landon thấy tình-cảm đậm-đà của người Việt, ông rất vui-mừng và ngưỡng-mộ vô cùng.

Hạnh cùng đi với cha con Thanh lên Mỹ-Tho. Khi mướn khách sạn xong, Thanh tính đem hành-lý vô phòng nhưng anh tài-xế khuyên :

- Người đâu của đó em ơi ! Không nên bỏ đồ ở đó lúc không có mình !

Mọi người đi tới nhà chị Ba của Hạnh, hỏi thăm đường rồi chạy qua nhà Dì Hai Quyên.

Ông Landon nói : nếu Dì Hai gặp Thanh bất-ngờ, Dì có thể bị xúc-động mà nguy-hiểm đến tính-mạng. Ông dặn-dò Hạnh phải làm sao và phải nói những gì để Dì Hai bớt xúc-động.

Chỉ có một mình Hạnh đi vô nhà. Hai cha con ngồi đợi trong xe, Thanh thấy Mẹ mình thì muốn chạy vô nhà để gặp Mẹ ngay nhưng em ráng kiên-nhẫn ngồi đợi. Bà Hai Quyên nói chuyện với Hạnh mà nước mắt tuôn-tràn. Một lát thì Hạnh ra kêu Thanh vô. Thanh ào vô như một cơn lốc. Hai Mẹ con ôm nhau mà khóc một hồi mới nói chuyện được.

Ông Landon là người cứng-rắn nhưng trước sự sum-họp của hai mẹ con, ông cảm-động quá nên cũng không cầm được nước mắt.

Thanh nhìn lên thấy đôi mắt của cha nuôi đỏ hoe, em mới sực nhớ nãy giờ mình đã bỏ quên ông ! Em giới-thiệu Mẹ ruột của mình với ông và giới-thiệu Ông với Mẹ ruột của mình.

Bà Hai Quyên chắp tay đứng trước mặt ông và nói :

- Mẹ con tôi rất đội ơn ông đã nhận thằng Thanh làm con, cùng nuôi dưỡng và lo cho nó ăn học thành-tài. Tôi không biết nói gì hơn là xin ông nhận một lạy này để tỏ lòng biết ơn của tôi.

Nói xong bà quỳ xuống tính lạy làm ông Landon lính-quýnh nói «nô, không, không»

Ông vội đỡ bà dậy và nói :

- Không có chi ! Không có chi ! Bà đừng làm vậy, nó cũng là con của tôi. Xin Bà đừng bận tâm.

Bà Hai dẫn Thanh lại bàn thờ. Thanh nhìn thấy ảnh của ba mình và ảnh của mình. Em lấy hình của em xuống, thắp hương và khấn lạy Ba em rồi gục đầu xuống mà suối lệ trào tuôn !

Sau đó anh chị Hai của Thanh đi làm vừa về tới. Cuộc tương-phùng làm ai cũng rơi nhiều nước mắt. Một người mà ai cũng nghĩ là đã chết mười mấy năm

qua, giờ đây trở về với con người bằng xương bằng thịt thì làm sao tả cho hết được nỗi vui-mừng.

Ông Landon ở lại VN hai tuần, ông cùng gia-đình Bà Hai Quyên và Hạnh đi thăm vài danh-lam thắng cảnh. Ông trở về Mỹ trước, còn Thanh ở lại tới hai tháng mới về Mỹ. Trong thời-gian này Thanh và Hạnh rất tâm-đầu ý-hợp. Qua năm sau em về cưới Hạnh và năm sau nữa Hạnh được qua Mỹ.

Sau đó Bà Quyên cũng được qua đoàn-tụ với con, dâu và cháu nội, Thanh đã tạo được căn nhà rộng-rãi và đầy-đủ tiện-nghi. Dù ở riêng nhưng tới cuối tuần là Thanh chở hết gia-đình tới nhà Ba Mẹ nuôi ở chơi đến tối mới về. Ông Bà Landon cũng thường tới nhà Thanh thăm mọi người và nhứt là để nựng thằng cháu nội.

Hôm nay là 30 Tết, Thanh đem con qua gởi ở nhà Ba Mẹ nuôi. Thanh chở Mẹ và vợ đi chùa làm công-quả để chuẩn-bị đón Tết vào ngày mai. Bà Hai Quyên và Hạnh phụ với bà con lo việc ở nhà bếp. Thanh thì ra sân phụ với Bác Hai cắt tỉa cây kiểng.

Đến trưa, Bà Hai Quyên ra sân kiếm Thanh. Bà thấy một người đang tỉa kiểng vừa ngó lên, Bà lên tiếng chào:

- Chào ông ! Rồi Bà nhìn ngay mặt người đó hỏi với giọng run run :

- Ông đây có phải là...

Người đàn ông cũng ngó chăm-chú vào Bà Quyên, trả lời :

- Tôi là Hai Quân.

Rồi ông mếu-máo kêu lên :

- Quyên ! Trời ơi ! Quyên đây mà !

Bà Hai Quyên kêu lên trong nước mắt :

- Anh Quân ! Anh còn sống đây sao ?

Ông Quân kêu lên «Quyên» ! Rồi ông bước tới định ôm lấy Bà Quyên.

Dù xúc-động nhưng Bà Quyên vẫn nhớ đây là cảnh Chùa. Bà bước lui ra sau một bước để tránh vòng tay của Ông Quân. Hai người vô cùng xúc động, vừa khóc vừa kể vắn-tắt cho nhau nghe về cuộc sống đã qua của mình.

Thanh nhìn Ba Má sum-họp, em rất mừng, em không ngờ người mà bấy lâu nay em rất ngưỡng-mộ và kính-trọng lại là ba của mình, nước mắt em cứ tuôn rơi. Đến khi nghe Ba hỏi Mẹ về các con, Thanh mới lên tiếng :

- Ba ! Con là thằng Thanh của Ba nè Ba.

Hai cha con ôm chặt lấy nhau. Cùng bày tỏ biết bao nhiêu là niềm thương nỗi nhớ !

Nãy giờ Hạnh đã ra đứng cạnh bên Thanh. Thanh giới-thiệu :

- Thưa Ba ! Đây là vợ con. Hạnh là con của Dì Tư Xuyến ở kế bên nhà mình hồi xưa đó Ba !

Mọi người mừng-rỡ trong cuộc tao-phùng. Sau một hồi tâm-sự, Hai Quân nhìn vợ, nói :

- Anh sẽ bảo-lãnh gia-đình con Vân qua đây để gia-đình mình được hoàn-toàn sum-họp.

Những việc xảy ra nãy giờ không qua khỏi cặp mắt của một người và vài phút sau, mọi người trong chùa đều biết được tin vui này !

Vị Sư trụ-trì cùng nhiều Phật tử đi về phía gia-đình Hai Quân. Chắp tay trước ngực, với giọng hiền-từ, Sư chúc mừng :

- Mô Phật ! Thầy chúc mừng gia-đình Chú Hai được đoàn-tụ một nhà. Những lời cầu-nguyện của Chú Hai nay đã được đạt-thành như ý nguyện. Xin nguyện-cầu Đức Phật từ-bi độ-trì cho gia-đình Chú Hai luôn luôn được hạnh-phúc.

Mọi người trong gia-đình Hai Quân đều chắp tay kính-cẩn chào Vị Sư trụ-trì và đồng đạo. Hai Quân thưa:

- Mô Phật ! Con rất cám ơn Thầy ! Chúng con xin đa tạ ơn Thầy đã lập ra ngôi Phật Tự nầy, nhờ ngôi Phật Tự này mà cha con chồng vợ chúng con mới có cơ-hội để được gặp nhau và cũng nhờ ơn Thầy mà gia-đình chúng con hưởng được mùa Xuân đoàn-tụ nơi xứ lạ quê người. /.

Thạnh Hoà

# Tư Ếch Học Nhảy Đầm

Phùng Annie Kim

Tác giả sinh năm 1949, định cư tại Mỹ theo diện HO năm 1991. Nghề nghiệp trước 75 : dạy học. Công việc làm ở Mỹ : du lịch. Hiện đã hưu trí và là cư dân vùng Little Saigon, Westminster, California. Bài viết về nước Mỹ đầu tiên của bà năm 2013 là «Kock and Me / Vi trùng lao và Tôi.» Và liên tiếp cho thấy sức viết nhanh, viết mạnh. Xin mời đọc bài viết thứ mười một của bà.

Còn hơn tháng nữa là hết năm Quý Tỵ. Xét về tử vi, năm nay là năm tuổi của Tư Ếch bị sao La Hầu chiếu mạng. Tử vi dạy «Nam La Hầu, nữ Kế Đô». Sao này là hung tinh thuộc loại sao dữ. Nó mà chiếu mạng thì te tua, không tang ma thì bệnh tật, không tai nạn thì làm ăn thua lỗ, không tù tội thì bị lừa đảo... Nghe thầy tử vi nói phát ớn !

Đầu năm, bà Tư nói năm nay là năm con rắn. Rắn thích ăn thịt... ếch nên bà lo cho cái mạng của Tư Ếch :

- Ông có muốn tui cúng sao giải hạn, cầu an đầu năm cho ông không ? «Đừng bỏ em một mình» nha... anh Tư ?

Tư Ếch vẫn lạc quan :

- Tiền bạc hả ? Phù du. Bệnh hả ? Bệnh là bạn. Tui ăn ở hiền lành mắc gì đến tù tội ?»Sáu mươi năm cuộc đời». Tư Ếch này lết đến con số bảy mươi ba. Được «bô nớt» hơn một con giáp còn mong gì nữa. Ai mà không qua cái vòng «sinh lão bệnh tử». Nếu rắn có đớp... ếch thì chẳng có gì mà phải sợ ?

Nói thì nói vậy chớ Tư Ếch thông cảm với bà vợ già chỉ sợ Tư Ếch... lên đường sớm, bỏ nàng ở lại mình ên nên trấn an :

- Cái mạng tui lớn lắm. Bà đừng lo sao La Hầu chiếu mạng. Tui có cái sao... chổi đây nè. Lấy cái... chổi «đức năng thắng số», «ở hiền gặp lành» mà... quét. Tiêu tùng hết.

Tư Ếch không cúng, quên cả năm tuổi. Một năm trôi qua. Còn hơn tháng nữa là hết năm con rắn, Tư Ếch vẫn an nhiên, yêu đời, gõ ki-bo và hát suốt ngày «Em cứ yêu đời đi. Như lúc em còn thơ» như trong bài hát «Thoi Tơ».

Học đàn «ki-bo» được sáu tháng, Tư Ếch nói nhỏ với ông Thầy dạy nhạc xin cho thọ giáo vài đường lả lướt của Thầy.

Thì ra Tư Ếch muốn học nhảy đầm.

Ông thầy tài hoa đủ ngón nghề và... dễ thương từ hồi nào đến giờ. Quan niệm sống của Thầy là «Vui là chính. Tiền bạc không thành vấn đề». Thầy nhận lời. Thế là sau giờ học đàn ở chùa, chiều xuống, vợ chồng Tư Ếch rủ cặp «Uyên Ương song phi» hẹn nhau đón Thầy đến nhà của cặp «Long Phụng kỳ duyên» ở Huntington Beach.

Thầy có thêm «dốp» mới. Kèm... ba cặp «xi-nhơ» nhảy đầm tại tư gia.

Gọi là cặp «Uyên Ương song phi», chim uyên và chim ương cùng bay vì cặp này đẹp lão. Bà vợ tên Uyên. Vợ chồng đi đâu cũng có nhau chỉ có cái... khắc khẩu.

Gọi là cặp «Long phụng kỳ duyên»vì ông chồng tên Long. Thời trẻ, vợ chồng hợp «duyên» bởi cái máu làm giàu và chịu khó. Về già, họ tậu được cái nhà to, đẹp, sát biển như cái lâu đài của... Long vương.

Còn Tư Ếch ? Cả lớp nhạc ai cũng biết đó là»nít nêm» của một lão ông vui tính, tóc tai bờm xờm, có cái chân khẳng khiu như chân ếch, mặc chiếc quần cháo lòng xắn lên đến gối, vừa gõ ki-bo vừa xướng âm «son-son-mì son-mí...». Lão còn hát nhạc cải biên bài «Thoi Tơ» do lão sáng tác : «Em lo gì tiền hết. Em lo gì tiền tiêu.

Em lo gì không tiền. Anh kiếm tiền để tiêu...».

Ba cặp này thân nhau trong lớp nhạc. m nhạc làm cho tâm hồn các cụ trở nên trẻ trung. Nói nôm na là các cụ đang hồi xuân. Sau khi tập các bài Slow, Valse, Boston êm dịu, Thầy cho tập ki-bo các bài «bốc», giật gân... giãn cốt như bài «Ô mê ly» điệu Pasodoble, bài «Sài gòn» điệu Bebop, bài «Chiều» điệu Tango, bài «Nắng Chiều» điệu Rumba... làm cho chân cẳng các cụ ngứa ngáy. Mùa này lại là mùa lễ lạc như Thanksgiving, Noel, New Year, Tết m lịch. Đọc báo thấy các hội đoàn đồng hương hội ngộ nào là kỷ niệm, tất niên, tân niên. Các đoàn thể thi đua nhau tổ chức họp mặt tưng bừng như «trăm hoa đua nở» trong khu vườn vui chơi của người Việt ở xứ Mỹ.

Ba cặp thường đi chơi chung với nhau trong các buổi sinh hoạt cuối tuần. Các màn ăn uống đều có văn nghệ và nhảy đầm. Ba cặp này thuộc loại «hai lúa» đành ngồi dựa tường, nhìn thiên hạ nhảy mà... ấm ức. Mấy cặp «xi-nhơ» đầu bạc trắng ở đâu mà lắm thế ! Họ ùa ra nhảy thật vui nhộn, tự nhiên và dạn dĩ. Cái mặt... câng câng như ta đây còn ngon lành. Mà ngon lành thiệt ! Điệu nào cũng thấy họ bao... sàn, khi thì êm dịu, lả lướt khi thì lắc lư, nhún nhảy. Chưa thấy cặp nào tỏ ra... sụm bà chè hay hết... xí quách mặc dù trời đã về khuya. Ba

lão ông nhìn các cụ «xi-nhơ» nhảy bèn nóng mặt, nảy ra ý kiến rủ nhau học nhảy đầm cho... bằng với thiên hạ mặc dù nhảy với đầm... già !

Thôi thì «một chút nắng chiều sao cũng vội». Tuổi già như buổi hoàng hôn. Còn một chút sức khỏe như những giọt «nắng chiều» thưa thớt và quý hiếm. Đó là lý do tại sao ba cặp «vội» vàng và... bí mật mời Thầy về nhà dạy cho vài «chiêu» để có dịp vui chơi (Little) «Saigon By Night»với bà con trong mùa lễ lạc sắp tới.

Nói đến các bộ môn nghệ thuật khiêu vũ, đây là một sinh hoạt trẻ trung, vui chơi phổ biến trên thế giới, được nhiều giới già lẫn trẻ đều hâm mộ. Tiếng Việt nôm na gọi là nhảy đầm.»Nhảy đầm» (dancing) có lẽ được du nhập vào Việt nam thời Pháp vì có chữ «đầm» (dame).»Nhảy đầm» là nhảy với các bà các cô.

Ngoài các bộ môn văn hóa nghệ thuật thanh nhã như cầm, kỳ, thi, họa, nói đến nhảy đầm, ở Việt nam, nhiều người còn thành kiến. Thời thanh xuân của cặp Tư Ếch, các cụ... cố khó lắm, không được tự do, dễ dãi như các trai gái bây giờ. Cặp Tư Ếch chỉ biết cắm đầu cắm cổ học. Học xong lo đi kiếm cơm, xây dựng sự nghiệp, lấy vợ, lấy chồng, nuôi con, chẳng biết các món ăn chơi là gì. Nếu có học lén hay học lóm bạn bè cũng chỉ léng phéng ở mấy cái «bum», đâu có dịp nào ghé những

chốn ăn chơi như vũ trường.

Thời gian qua nhanh đến khi cuối đời mới khám phá ra có nhiều món trong nghề chơi rất tốt cho sức khỏe của người già như nhảy đầm thì mình lạc hậu, công lực quá... yếu ! Cũng có lúc các cụ nghĩ đến học nhảy đầm cho vui nhưng nhìn đàn con đang lớn, ông bố có... sống dậy bảo học nhảy, các cụ cũng chẳng dám vì phải làm... gương cho con. Lại thêm các đầm già bảo thủ, kìm kẹp sát nút, thỉnh thoảng bắn tiếng, soi mói người khác nhưng nhắm vào các cụ làm các cụ nhột nhạt «có tật giật mình» nào là : «Sắp xuống... lỗ mà còn nhỏng nhảnh học đòi... ôm đầm.»Chân yếu, xương mềm nhún nhẩy cho lắm vào có ngày té... lọi giò».» Bệnh tim nhảy các điệu giật gân có ngày...»bất đắc kỳ tử».»Ôm cho lắm như con thia lia quen chậu, nhảy đầm quen... hơi có ngày... nhà tan cửa nát».» Người «đứng đắn» có ai vô vũ trường cà giựt, rửng mỡ, bỏ... đầm già ở nhà đâu. Nhảy điệu gì mà lắc giò, lắc mông, uốn éo cái «bo-đi» thấy... ngứa con mắt.» «No cơm ấm cật, rậm rật khắp nơi»v. v...

Hồi còn ở Việt nam, toàn là những thành kiến và luận điệu tiêu cực về môn giải trí rất ư văn minh và lịch sự này làm cản trở con đường... nghệ thuật của Tư Ếch.

Nhờ được qua Mỹ, Tư Ếch và đám bạn «hai lúa» được các đầm già «giải phóng» khỏi các thành kiến lạc hậu trước đây. Các đầm già bây giờ được tự do hưởng thụ nếp sống văn minh phóng khoáng của nghệ thuật nhảy đầm nên đầu óc mở ra, sẵn sàng «đáp lời sông núi» theo các cụ ông học nhảy.

Phải công nhận các cụ ông cụ bà Việt nam ở xứ Mỹ sướng thiệt. Xứ Mỹ là thiên đường của các cụ đấy. Này nhé, các cụ là triệu phú thời gian. Bệnh đã có các loại bảo hiểm y tế nào là medical, medicare, Medicaid. Cơm ăn, áo mặc khỏi lo. Hàng tháng, các cụ cứ ung dung ngồi nhà lãnh ngân phiếu tiền hưu, tiền già, tiền bệnh. Nhà ở đã có housing. Ăn uống thì các cụ cứ dọn về quận Westminster có khu Little Saigon, tha hồ mà thưởng thức các món ăn Việt nam vừa rẻ vừa ngon. Giải trí tinh thần thì Little Saigon là số một, trung tâm của các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, giải trí... Ngôn ngữ mới là điều tâm đắc. Ra đường, các cụ đừng... thèm nói tiếng Mỹ. Thật ra, có Mỹ đâu mà nói.

Ông Phạm Quỳnh, một học giả nổi tiếng có câu nói đi vào lịch sử : «Truyện Kiều còn, nước ta còn». Ở khu này, phải khẳng định rằng «Tiếng Việt còn, Little Saigon còn». Các cụ tha hồ nói tiếng Việt.

Tư Ếch là một trong những cụ cao niên may mắn sống ở xứ Mỹ và ngay tại trung tâm cộng đồng người Việt. Tư Ếch giết thời gian bằng cách học vi tính miễn phí cho bộ óc làm việc, ngăn ngừa bệnh mất trí nhớ. Tư Ếch học vẽ, học thêm ngón đàn ki-bo cho đôi tay hoạt động ngăn ngừa bệnh tê thấp. Bây giờ Tư Ếch học nhảy đầm cho đôi chân... ếch thêm cứng cát, về già đỡ phải đi bằng... ba chân.

Có thời gian, có sức khỏe, không phải lo sinh kế, có đầm già ủng hộ, có ông Thầy chịu chơi, có bạn bè ham vui, có dư luận xã hội đồng tình, được thừa hưởng các sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật phong phú, không học nhảy đầm thật là... uổng một đời trai.

Nói... túm lại, đời sống vật chất và tinh thần của Tư Ếch như thế là an tâm, thoải mái và đầy đủ. Còn mơ ước gì hơn ! Trong bụng Tư Ếch luôn luôn thầm cám ơn cái thiên đường là nước Mỹ và những người Mỹ bao dung đã... đóng thuế, «cô-vơ» tuổi già của Tư Ếch.

Nước Mỹ mắc nợ Tư Ếch hay Tư Ếch mắc nợ nước Mỹ ? Hay cả hai ?

Buổi học đầu tiên trong phòng khách sang trọng với ánh đèn vàng lung linh mờ ảo tại nhà cặp Long Phụng, thầy dạy vài món ăn chơi về phong cách nghệ thuật

nhảy đầm. Ba ông Ếch, Long và (Ểnh) Ương ngồi cạnh ba đầm, nghe ông thầy «nhập môn» bằng các động tác trước khi vô thực hành.

. Ôi, sao mà lịch sự ghê ! Ba đầm ung dung ngồi ở ghế sa-lông, hớn hở nhìn ba ông thực tập theo lời Thầy chỉ dẫn. Giống như các hiệp sĩ thời Trung cổ, ngồi trước mặt là ba tiểu thư khuê các, ba hiệp sĩ tay trái vòng phía sau lưng, bàn tay phải ngửa ra, chân trái... hơi rút về phía sau, chân phải... hơi cong phía trước, lưng... hơi cúi xuống, đầu... hơi nghiêng nghiêng, miệng mỉm cười. Đó là những động tác mở đầu để mời các đầm ra sàn nhảy. Thầy bảo nghệ thuật đón... đầm là phải chừng mực, lịch sự, dịu dàng.

Chưa gì đã thấy màn giáo đầu «ga-lăng» với phụ nữ làm ba đầm khoái chí ra mặt. Ba đầm tâm sự : «Sống với nhau hơn bốn mươi năm, có bao giờ «mấy chả» lịch sự với mình như vậy đâu. Toàn là mình cơm bưng nước rót không hà !».

Đến màn «nam nữ thọ thọ... thành thân», ông thầy hướng dẫn tay phải hiệp sĩ ôm eo đầm, tay trái đầm đặt trên vai hiệp sĩ, còn hai tay kia, bàn tay trái hiệp sĩ để ngửa, xòe ra, bàn tay đầm nhè nhẹ đặt lên. Chú ý một điều quan trọng là hai cái đầu phải nghiêng. Đầu hiệp sĩ hơi nghiêng bên trái, đầu đầm hơi nghiêng bên phải.

Thì ra động tác nghiêng đầu không phải chỉ là nghệ thuật suông mà còn có tác dụng... vệ sinh, tránh phà hơi thở vào nhau, đề phòng hôm đó hiệp sĩ... hút thuốc hay đầm già ăn... lẩu mắm mà cả hai chưa kịp súc miệng hoặc nhai kẹo «chiu-quynh-gâm».

Buổi học đầu tiên là điệu xì -lô nhịp 2/4, chậm rãi, tình tứ, Thầy đệm ki-bo bài «Nỗi Lòng».»Chách» «Chùm chum».»Yêu ai/ Yêu cả một đời/ Tình những/ quá khắt khe/ khiến cho lòng ta...» Bước nam, chân phải một nhịp, chân trái một nhịp. Bước nữ ngược lại. Cứ thế mà dậm chân tại chỗ hoặc di chuyển theo điệu nhạc miễn là đúng nhịp và đừng dẫm chân lên nhau. Điệu này dễ òm.

Thầy nói giỡn chơi mà có thiệt. Ngoài điệu Slow rock, Slowfox... còn có điệu Slow «quíu» hay Slow «mùi»dành cho các cặp nam nữ ôm nhau không có... khoảng cách. Slow «mông cổ» không phát xuất từ xứ Mông Cổ mà là người nữ choàng tay đong đưa trên cổ nam, hai tay nam thay vì ôm eo nữ thì hạ thấp xuống phần... mông. Điệu này cũng không có... khoảng cách.

Các điệu slow này, ba cụ Ếch, Long. Ương nhà ta được nhảy với đào nhí thì khỏi nói.»Phê» hết biết !

Sau điệu Slow là điệu Boston nhịp 3/4 rất du dương, lên xuống nhịp nhàng còn gọi là Valse chậm. Thầy hô: «Nào, bước. «Chình» nhịp thứ nhất, chân trái nam rút xuống, «Chách» nhịp thứ hai, chân phải nam rút xuống ngang với chân trái, «chách» nhịp thứ ba chân trái nam đưa qua chân phải. Bước chân nữ ngược lại với bước nam. Thầy chơi ki-bo bài «Niệm khúc cuối».» Dù cho mưa/ tôi xin đưa em/ đến cuối cuộc đời. Dù cho mây/ hay cho bão tố/ có kéo qua đây».

Bà đầm già thả hồn theo điệu nhạc êm ái, trữ tình vừa... đếm nhịp. Bài này nghe thật là «phê» nhất là được ba hiệp sĩ dìu trong ánh đèn vàng mờ ảo.

Ngoài đời, ba lão đã trót hứa sống với ba đầm già đến hết cuộc đời nên nghe bài hát này nhắc lại lời hứa năm xưa... «Tôi xin đưa em đến cuối cuộc đời», ba lão có lẽ... ớn nên chưa hết bài đã thả tay, buông ba đầm ra làm ba đầm... chới với, bơ vơ giữa sàn nhảy.

Thấy vậy, Thầy cho một bài học về phong cách lịch sự của nghệ thuật nhảy đầm là không bao giờ nhả đầm ra khi chưa hết tiếng nhạc. Phải kiên nhẫn dìu đầm cho đến nốt nhạc cuối cùng và làm một động tác lịch sự nữa là giơ tay lên cao, chờ đầm quay một vòng 360 độ rồi...»dẫn độ» đầm về chỗ ngồi. Đừng quên các động tác lúc ban đầu như co chân, cúi lưng, nghiêng đầu và

nở một nụ cười cho đến khi các đầm... bình thân, an tọa.

Ba đầm nghe Thầy «chỉnh» ba hiệp sĩ, trong bụng lấy làm hả hê, nhỏ to với nhau : «Phải vậy chớ. Có đầu phải có đuôi ! Thật là một bài học... nhớ đời nhá ! Chưa gì bỏ... người ta nửa chừng. Chẳng lịch sự tí nào !».

Sau điệu Boston là điệu Valse. Valse là điệu nhảy cổ điển phát xuất từ tiếng Đức «walzen»có nghĩa là uốn, xoay, lướt. Thầy bảo điệu này tuy dễ mà khó. Các cặp nhảy quay tròn, quyện vào nhau với tốc độ nhanh, dễ chóng mặt. Điệu này nhịp 3/4 giống như Boston «Chát» «Chùm»... «Chát» «Chùm» «Chùm» nhưng nhanh hơn.

Valse cũng có «made in China» đó là điệu Valse Hong Kong. Đa số người Việt thích Valse Hong kong vì không quay nhiều, dễ nhảy, thích hợp với các cụ ông cụ bà có vấn đề về huyết áp hay tim mạch.

Theo lời Thầy chỉ dẫn, ba lão dìu bà đầm quay vòng vòng tá lả trên sàn. Bà Tư có máu tăng-xông, mới có vài vòng mà cái đầu tơ lơ mơ, chỉ thấy Tư Ếch trong... bóng mờ. Tư Ếch thả bà Tư xuống ghế cho bà hít thở vài hơi để ổn định thần kinh. Tư Ếch an ủi :

- Thôi, sức có bi nhiêu xài bi nhiêu. Đừng có cố. Mắc công gọi «ê-mẹt dân-xi». Để mình tui học rồi tui truyền

nghề cho bà.

Tư Ếch tiếp tục ra sàn nhảy. Ếch vòng tay, đầu hơi ngước, mắt lim dim. Ếch đang tưởng tượng ôm... ai. Chắc chắn ai đó không phải là bà Tư. Cùng với hai cặp kia, Ếch quay mình ên, say sưa theo điệu nhạc. Thầy chơi bài «Dòng sông xanh» (Le beau Danube bleu) êm dịu và lả lướt «Một dòng xanh xanh/ Một dòng tràn mênh mông/ Một dòng nồng ý biếc/ một dòng sầu mấy kiếp...».

Hai cặp Long, Uyên mê man quay tít thò lò với điệu luân vũ này. Nhạc chấm dứt, hai cặp ngồi thở hồng hộc. Thầy bảo bà đầm già nhảy điệu này nên mặc váy đầm xòe, mỗi khi quay, váy xòe ra thành vòng tròn trông đẹp lắm.

Đầm Long, tuổi gần ngang bằng thầy nhưng rất dễ thương và lễ phép ở chỗ khi nói chuyện với thầy, đầm Long luôn luôn xưng «con» rất cung kính :

- Dạ, chúng «con» sẽ nghe lời thầy sắm váy đầm xòe để nhảy điệu valse quay vòng vòng, tròn tròn cho giống... cái dù.

Tư Ếch xen vào :

- Thưa Thầy, còn em Tư bị máu xâm, đang lục ví tìm viên Tylenol nhưng cũng sẽ sắm cái đầm xòe để quay với chị em cho dzui.

Chỉ có ba tiếng đồng hồ, ba cặp đã nhảy được ba điệu Slow, Boston và Valse. Ông thầy khen ba cặp học hành tiến bộ nhờ học lớp nhạc nên bắt được nhịp chính xác. Bà Tư bị thầy chê cái chân cong vòng, khum khum nhìn «phô» quá !. Tư Ếch bị thầy chê thân hình cứng đơ như... người máy rô-bô. Thầy bảo muốn nhảy đầm đẹp : chân thẳng, lưng thẳng, vai ngang, ngực ưỡn, bước đi uyển chuyển, nhẹ nhàng, lướt trên sàn thật là «sì-mút» như đi «pa-te».

Buổi học kéo dài ba tiếng đồng hồ chấm dứt bằng một màn bún mọc do cặp Long Phụng khoản đãi. Cặp Tư Ếch góp món chè. Cặp Uyên Ương góp bánh chuối. Bảy mạng thầy trò ăn uống chuyện trò rôm rả đến 9 giờ mới tan hàng.

Tuần lễ thứ hai hứa hẹn nhiều màn nhảy sôi nổi vì Thầy sẽ dạy các điệu nhảy «hot» nóng bỏng, phát xuất từ các nước châu Mỹ La tinh như Rumba, Tango, Cha Cha Cha.

Rumba là điệu nhảy theo nhịp 4/4, gồm ba bước và một bước chụm, tổng cộng 4 bước, nguồn gốc từ những người nô lệ da đen xa xưa nhưng phát triển mạnh ở đất nước Cuba. Đây là điệu nhảy đòi hỏi di chuyển cả cơ thể nhất là cái hông chứ không chỉ đôi chân. Để chuẩn bị cho các điệu nóng... chảy mồ hôi này, cặp Tư Ếch ngậm vài miếng... sâm Hoa kỳ để có sức tha hồ nhún nhẩy suốt ba tiếng đồng hồ.

Sau khi thuộc các bước căn bản, thay vì điệu Tango, thầy chơi điệu Rumba bài «La Paloma» bất hủ, dịch ra lời Việt «Cánh buồm xa xưa».»Vi vu/ Đồi thông reo/ xao xác lá/ chiều nay/ thu về. Em ơi/ cánh buồm xa/ ngày xưa còn/ vương bao lời thề.» Ba cặp tay trong tay, vừa ôm, vừa nhảy vừa... đếm nhịp. Bất ngờ, giày của Tư Ếch đạp trên chân đầm già khiến đầm già đau quá kêu oai oái.

«Buồm xa xưa» gãy «cánh». Đầm già co giò, nhảy... cà nhắc đến ghế sa-lông ngồi bóp chân, mặt nhăn nhó, mắt liếc cái ví bên cạnh. Tư Ếch hiểu ý, mau mau lục ví kiếm... chai dầu.

Hổng sao ! Sự cố kỹ thuật. Cọ quẹt chút đỉnh.

Sang đến điệu Tango nhịp 4/4, gồm 12 bước cơ bản. Thầy kể chuyện hồi xưa có ông Giáo Hoàng nào đó nói Tango là «vũ điệu của con quỷ dâm dục». Ông Giáo Hoàng là nhà đạo đức. Ngài nói vậy vì muốn bảo vệ con chiên tránh mọi cám dỗ. Ngài nói cũng... đúng phần nào. Điệu nhảy này có sức cuốn hút mạnh mẽ và quyến rũ mãnh liệt. Nghe nhịp điệu Tango, ai biết nhảy đều có cảm giác tay chân ngứa ngáy, lòng xôn xao, rạo rực. Tango còn được mệnh danh là điệu vũ say đắm của những đôi tình nhân vì sự lôi cuốn, gợi cảm, tình tứ của nó. Tuy xuất phát từ xứ châu Mỹ La tinh Argentina, sang đến nước Pháp, Tango trở thành điệu nhảy lịch lãm, phong nhã với hình ảnh các vũ công nam đầu chải bóng láng, ánh mắt buồn buồn, nét mặt lạnh lùng, trang phục đẹp, dìu các nàng lả lướt trong các bước «phăng» rất là độc đáo như cú hất chân, đá tới, đá lui, là đà sát đất...

«Chát» «Chát» «Chát» «Bùm» «Chát. Một bước lùi. Ba bước tới. Thầy chơi bài «Lạnh Lùng» mà... lạnh thiệt vì nhiệt độ tối nay xuống 40 độ nhưng đầm Long chưa bật máy sưởi.»Em nỡ lạnh lùng đến thế sao/ Tim anh tan nát tự hôm nào/ Giờ đây đã nát càng thêm nát/ Muốn nói mà sao vẫn nghẹn lời...». Ba cặp đang lui lui tới tới, Thầy giơ tay chỉ ngay cặp Tư Ếch :

- Nhảy sai rồi. Nhảy sai rồi. Sao hai ông bà nhảy cùng bước... giống nhau vậy ? Ông tiến thì bà lui chớ.

- Cặp Long kia. Hai cánh tay buông lỏng ra, đừng vật lên vật xuống như... giã gạo. Xấu lắm !

- Cặp này nhảy khá nhất.»Sì -mút».

Đầm Uyên thật thà khai báo :

- Dạ, tụi em có học trước ở nhà.

Bước sang điệu Cha Cha Cha 5 bước «Chát» «Chát» «Chùm» «Chùm» «Chát». Cha Cha Cha là tiếng Tây ban nha. Điệu này phát xuất từ xứ Cuba, được ưa chuộng vì những động tác vui tươi, sống động nhất là cái vùng... bàn tọa tha hồ thả lỏng, lắc lư, uốn éo. Nhảy điệu này, kép tiến thì đào lui, hai đầu gối ngược nhau, đầu gối này chùng xuống thì đầu gối kia thẳng lên còn hai tay đưa đẩy trước sau theo điệu nhạc.

Điệu này là sự phối hợp của sự bốc lửa và hoang dại từ điệu Mambo và trữ tình của điệu Rumba nên Tư Ếch hăng máu lắc mông dữ dội. Tư Ếch còn cao hứng miệng hát theo tiếng đàn : «Cha Cha Cha ma-ní lấy chồng chà-và... Cha Cha Cha...»

Bài hát này hồi nhỏ em nào mà không biết. Bà Tư nghe vậy sửa lưng Tư Ếch :

- Ông hát sai rồi !.»Con gái lấy chồng chà-và». Ma-ní là người Phi luật Tân. Chà-và là người Ấn độ. Người Ấn Độ qua Việt nam đa số làm nghề cho vay lấy lời nên giàu lắm. Con gái thích lấy chồng giàu. Ông hát «Con gái lấy chồng Chà-và» mới đúng.

Buổi học chấm dứt với màn mồ hôi toát ra như tắm. Đầm Long chuẩn bị sẵn nồi bò kho bánh mì, đầm Uyên góp món gỏi, bà Tư góp món chè. Bảy mạng hôm nay ăn rất ngon vì đói bụng. Bao nhiêu ca-lo-ri, cô-lét-tơ-rôn tiêu hết sau ba tiếng đồng hồ nhún nhảy.

Bước sang tuần lễ thứ ba, Thầy dạy hai điệu rất được ưa thích. Sàn nhảy lúc nào cũng đông và vui nhộn khi nhạc cất lên đó là điệu Pasodoble và Bebop.

Pasodoble là điệu cơ bản gồm 6 bước, gốc gác từ các trận đấu bò ở Tây ban Nha nên nhịp nhanh, rộn ràng như nhịp bước quân hành, thường là điệu mở đầu cho các buổi khiêu vũ có nhạc «tour». Hai chân bước một, hai, một, hai. Có khi kép dìu đào sàng qua sàng lại, dung dăng dung dẻ như đi chợ.»Paso» tiếng Tây ban Nha có nghĩa là hai bước.

Điệu này dễ ẹt. Tư Ếch rủ bà Tư đi... chợ. Thầy chơi bài «Ô mê ly» thật là giật gân, Nghe điệu này giò cẳng ai cũng ngứa ngáy «Ô mê lý/ mê ly/. Ô mê lý/ mê ly đời ta/ Ô mê ly/ đời sống với/ cây đàn/Tình tình tang/ dạo phím rồi/ ca vang...»

Tư Ếch dìu đầm già mà cứ ngỡ mình đang sàng qua sàng lại với con bò tót vì bữa đó đầm già mặc chiếc áo màu đỏ.

Điệu bebop là điệu khó, nhịp nhanh, dồn dập gốc từ u châu gồm 8 bước, giống 5 bước của Cha Cha Cha và 3 bước xoay. Nhảy cho đủ ba vòng thành 24 bước. Nhảy điệu này, tay nắm tay, kép đẩy, đưa đào, lại có màn kép và đào giơ tay cùng quay. Kép nhảy giỏi có thể «rào trước đón sau» dẫn đào nhảy dễ dàng. Chỉ cần một cái đẩy, một vòng tay của kép giỏi là đào... tơ chưa biết gì về bebop cũng bắt nhịp nhảy theo. Vai trò của kép là chính, đào là phụ.

Kép già như bà lão nhà ta nhảy thật chán lắm. Bà lão chưa biết gì về điệu này, chưa thuộc hết các bước nhảy của nam làm sao đẩy đưa các đầm già đang còn lạng quạng. Các bước nhảy phức tạp, nhịp điệu nhanh, hết nắm tay, xoay người rồi tiến tới tiến lui, nên khi ba cặp đào kép xáp vô nhảy với nhau xảy ra tình trạng lộn xộn, nhốn nháo, ba cặp đạp, xô, đẩy, lấn, lướt, đụng nhau

loạn cào cào, đầm già kêu la ới ới trên sàn nhảy.

Thầy đang chơi bài «Một tình yêu» thật đẹp và lãng mạn «Một tình yêu/ Trọn con tim/ Một tình yêu/ một tình yêu/ Hoài dâng hiến/ Một tình yêu...». Thầy ngước đầu lên, la chí chóe :

- Trật rồi ! Trật rồi ! Mấy bà nhảy gì kỳ cục vậy ?

- Tui không biết quý vị nhảy điệu gì ? Các bước sao... loạn xà ngầu. Bebop đâu phải dzậy.

Các cụ lao nhao, ồn ào như cái chợ :

- «Tại anh». - «Tại em». - «Em đúng». «Anh sai». - «Thầy ơi thầy, thầy coi ai sai ai đúng Thầy ?» - Điệu này khó quá làm em «cần-phiu». - «Bí-bốp» thành «bí... lù». - «Đói bụng rồi Thầy ơi, cho xả hơi chút xíu Thầy».....

Thầy có vẻ... mệt, tuyên bố :

- Tui thấy... cả hai đều sai. Ba cặp đều sai... toét. Điệu này khó. Về nhà các cụ tập lại đi. Thôi, tạm nghỉ.

Bảy mạng kỳ này được thưởng thức món cá nướng da giòn ngon tuyệt vời của đầm Long đầu bếp.

Thế là lớp kèm «xi-nhơ» nhảy đầm tại tư gia chấm dứt sau ba buổi thọ giáo với ông thầy. Học thì phải hành. Tập thì phải luyện. Đã đến lúc Tư Ếch «xuống núi» tìm đất dụng võ, tìm nơi hành hiệp để rèn luyện công phu. Gia tài và bửu bối của Tư Ếch là «Thất Bảo chân kinh», bảy món ăn chơi gồm Slow, Boston, Valse, Rumba, Tango, Cha Cha Cha, Paso, Bebop căn bản đủ xài. Còn mấy điệu Twist, Hip hop, Disco, New Wave, Techno..... dành cho bọn trẻ vì chơi các món này hao tốn năng lượng lắm.

Westminster là quận người Việt chiếm đa số. Ông thầy «ri-phơ» Tư Ếch đến «Westminster Senior Center», Trung Tâm Sinh hoạt Westminster của người già ở đường Westminster mỗi thứ sáu từ 12 giờ trưa đến 2 giờ chiều đều có nhảy đầm để tập dợt. Tiền vô cửa 1$, nước chai 1 $, đậu xe miễn phí.

Xưa nay mình cứ quanh quẩn ở Hội Cao niên Á Mỹ, Hội Người Già ở khu người Việt nhưng các hội này đâu có nhảy đầm. Có biết đâu đây là nơi sinh hoạt của những người Mỹ già sống ở khu Westminster mà ông thị trưởng là người Mỹ gốc Việt. Thiệt là «Bụt nhà không thiêng» chút nào.

Đến đây mới thấy trung tâm này sinh hoạt rất là đa dạng và phong phú. Họ đang quảng cáo «Get ready to dance ! Come join us. Dress your best walk the red carpet» «Night in the Spotlight Dance» «January 10, 2014». Họ mời mình đến nhảy. Mặc áo quần cho đẹp nha. Có trải thảm đỏ Không thấy ghi giá tiền. Giá cho người già chắc vài đồng. Họ tổ chức sinh nhật cho người già vào thứ năm cuối tháng chỉ đóng có 3$, tổ chức ăn trưa từ thứ hai đến thứ sáu trên 60 tuổi đóng 3$, dưới 60 tuổi đóng 5$. Chương trình «Commodities Program» vào thứ tư tuần lễ thứ hai có phát không thực phẩm với điều kiện các cụ phải là cư dân Westminster và lợi tức thấp. Họ có chương trình làm «neo» miễn phí cho các bà. Các phương tiện chuyên chở đã có chương trình «Wow program» cung cấp xe «van» hoặc «shuttle» là loại xe nhỏ chở từ 8 đến 10 người đón các cụ đến hội để ăn trưa hoặc chở các cụ đến các siêu thị mua sắm.

Ngoài ra, nhằm mục đích phục vụ cho người già có được phẩm chất tốt cho đời sống, hội người già còn tổ chức các chuyến du lịch cho các cụ đi đánh bài hoặc thăm viếng các địa điểm du lịch trong ngày hoặc ở qua đêm. Các buổi nói chuyện về bệnh già, cách chăm sóc da, chích ngừa cúm, tập «taichi», «múa gậy» chiếu phim, các hội cờ như «bingo», «bridge», «aerobics» mạt chược, bi-da, may, thêu, đan, làm thủ công... là

những sinh hoạt cho người già chỉ có ở thiên đường hạ giới này là xứ Mỹ.

Đây là lần đầu tiên cặp Tư Ếch sinh hoạt với cộng đồng người Mỹ già tại Trung tâm Westminster. Họ tươi cười, vui vẻ, lịch sự rủ mình ra sàn nhảy cho đông. Ban nhạc là năm ông Mỹ già mặc đồng phục áo thun xanh. Họ chơi khá chuyên nghiệp đủ loại điệu nhạc quốc tế. Họ lên sân khấu hát tiếng Mỹ, tiếng Tây ban Nha rất tự nhiên nghe cũng khá hay. Nhiều bà Mỹ già trông lụm khụm vậy mà khi nhảy, các bước chân và các động tác như lắc mông, xoay người rất là điệu nghệ. Người Mỹ học khiêu vũ khi còn trẻ. Họ xem khiêu vũ như bộ môn giải trí không thiếu được trong đời sống. Nhìn chung quanh thành phần người già vào đây gồm đủ quốc tịch, người Cam-bốt, Tàu, Việt nam, Đại Hàn, Mỹ đen. Đa số là người Mỹ trắng. Tất cả chan hòa, hội nhập với nhau trong những bước chân và điệu nhạc. Mỗi lần nhạc cất lên, Tư Ếch «gà» cho bà Tư về nhịp điệu và các bước, dần dần bà Tư thuộc bài. Khi đã dạn dĩ và tự tin vào «Thất bảo chân kinh» của thầy, bà Tư theo Tư Ếch quậy tới... toát mồ hôi nào là Rumba, Tango, Paso... Điệu Bebop tuy còn lạng quạng nhưng nhảy ở đây không ai biết mình nhảy sai hay đúng, ai muốn nhảy kiểu nào, điệu nào thì cứ nhảy theo ý thích. Nhảy tự do miễn vui.

Từ một ông «hai lúa», vừa nhát vừa mặc cảm mình già, hết... xài, sau khi học khiêu vũ, Tư Ếch tự tin, dạn dĩ, trẻ trung, yêu đời hơn, khả năng giao tế bén nhạy hơn. Khu Little Saigon của người Việt chúng ta có nhiều trung tâm dạy nhảy khiêu vũ vào cửa miễn phí vào chiều thứ năm. Các cụ nên rủ các cụ bà cùng đi cho vui. Khi cảm thấy vui, các cụ có thể ghi tên học. Trước lạ sau quen. Chỉ trả chút đỉnh tiền nước mà có sàn nhảy, có nhạc sống, có bạn, có không khí vừa vui chơi vừa luyện «chân nghề», lại giúp cho sức khỏe dẻo dai, thân hình thon gọn, bớt các bệnh của người già như thấp khớp, tiểu đường...

Về tâm lý, môn nhảy đầm làm giảm những âu lo, phiền muộn còn gọi là các bệnh trầm cảm hoặc căng thẳng trong cuộc sống của người già. Có nhiều cụ ông sống cô độc và cô đơn sau khi cụ bà mất, vào sinh hoạt tại đây, biết đâu các cụ nên «duyên» bạn bè, có cơ hội gặp người tri kỷ hay đồng điệu chia sẻ, tuổi già các cụ có niềm vui, tăng tuổi thọ, cuộc sống có thêm ý nghĩa.

Chỉ còn vài ngày nữa là qua năm cũ, năm mới đến, Sắp tới, bài hát «Auld Lang Syne» (Old Long Since) sẽ cất lên trong những buổi «count down». Đó là những giây phút cuối đếm... gần đến sự kết thúc của năm cũ và bắt đầu cho năm mới. Con số 12 pm còn gọi là thời điểm

giao thừa, là sự giao hòa của trời đất và con người, quả cầu Waterford Crystal theo truyền thống của thành phố New York sẽ được thả xuống quảng trường Times. Mọi người sẽ ôm và hôn nhau, chúc nhau bốn chữ «Happy New Year». Mọi người sẽ uống rượu sâm banh, ca hát nhảy đầm vui chơi đến sáng.

Tư Ếch còn nhớ bài hát «Auld Lang Syne» hồi còn nhỏ, không biết ai đã «chế» cho đám con nít nghêu ngao trong đó có Tư Ếch : «Tò te / zô-rô đánh đu / tạc-zăng nhảy dù / don-quây bắn súng. Chết cha con ma nào đây/ làm tao hết hồn/thằn lằn cụt đuôi»

Năm 2014, mừng các cụ xi-nhơ sắp thêm một tuổi. Bài viết «Tư Ếch học nhảy đầm» riêng tặng các cụ chưa bao giờ học nhảy. Các cụ hãy đi học nhảy đầm như Tư Ếch. Hai câu này Tư Ếch hát theo âm điệu bài «Auld Lang Syne»để tặng các cụ :

«Ngày Xuân/ «xi-nhơ» chúng ta/ cùng nhau/ chúc mừng «hay ăn chóng... nhớn».

Muốn dzui/ «xi-nhơ» đừng quên/ học thêm... nhảy đầm/ đời mình càng... dzui.»

Phùng Annie Kim

# Cái Giá của Tự Do

Phạm Ngọc

Tác giả lần đầu dự Viết Về Nước Mỹ. Bài đầu tiên được ghi là «viết thay lời cầu nguyện cho các linh hồn đã bỏ mình trên đường đi tìm Tự Do và riêng cho bạn tôi». Mong Phạm Ngọc sẽ tiếp tục viết.

«Sao, đã tính gì chưa ? Khi nào có thì nhớ gọi nhen !»

«Chừng nào ? Sao lâu quá vậy ?»

«Ở đâu ? mà có chắc chắn không ?»

Vài tháng sau ngày «đứt phim, sau ngày đổi đời, ông thành thằng, thằng bỗng trở nên ông thì những câu hỏi trên ngày càng nhiều. Ai cũng muốn đi, ai cũng muốn có một sự đổi đời thay cho cuộc sống đày đọa đến cùng cực nếu còn phải ở lại, nhất là những công chức cao cấp, các văn nghệ sĩ, những sĩ quan bị đưa vào những trại tù khắp nơi trên đất nước, từ Nam chí Bắc vừa mới được thả về.

Những từ mới xuất hiện trong «từ điển dân gian» của người dân miền Nam ngày càng trở nên quen thuộc : «Taxi, cá lớn, cá bé, cây, tạm ứng, điện tín, nằm ổ, mua bãi, anh đã đưa con về thăm ngoại...» nhiều câu ca dao

tục ngữ, những câu nói sâu sắc và cay chua của người dân trong nước ngày càng phong phú hơn

«Rồng vàng tắm nước ao tù
Người khôn ở với kẻ ngu bực mình»

Các loại thuốc say sóng, các loại lương khô, các loại sâm lát để ngậm cho khoẻ, các loại la bàn ngày càng trở nên hiếm hoi trên thị trường vì có quá nhiều nhu cầu sử dụng.

Cả nước lên cơn sốt vượt biên.

Từ đó sinh ra nhiều chuyên lường gạt nhau, cho dù biết rằng lường gạt như vậy là ác nhân ác đức, là đưa nhau vào chỗ chết. Chết trong tù vì bị công an đánh đòn để đòi gia đình người bị bắt phải đưa thêm vàng để thả ra, hay chết trên biển cả. Dân chúng lường gạt lẫn nhau, giả vờ giới thiệu tuy dô đi : «Chỗ này chắc chắn, bảo đảm 100%... chỗ này cam đoan không bị bể..... chỗ này tính rẻ hơn chỗ kia vì quen biết...» Công an thì cũng muốn vừa có vàng bỏ túi vừa có người nhẹ dạ dễ tin để bắt trọn ổ nên cũng đứng ra tổ chức bán bãi hay cung cấp những chiếc tàu sắt cũ kỹ để lừa những ai muốn đi. Ôi thôi thì thượng vàng hạ cám, đủ loại lường gạt !

Những người ngoài cuộc có lẽ dễ thấy những chuyện nghe vô lý hoàn toàn như thế, nhưng với những ai trong cuộc, đã cùng đường bí lối thì ai nói sao cũng dễ tin. Nhất là khi vừa đi tù về thì nhà cửa, vợ con đều bỏ đi, hay đã lấy người khác.

Nhưng đi là một chuyện, gặp nhiều điều rủi ro, cướp bóc, giết người, đàn bà con gái bị hải tặc hiếp dâm hay bỏ mình trên biển cả lại là một chuyện khác. Cho đến hôm nay, thống kê cho biết cứ hai người đến được Mỹ hay một nước tự do nào khác là có một người bỏ mình trên biển cả. Những buổi lễ tưởng niệm hay những buổi cầu siêu hằng năm dành cho những oan hồn đã bỏ mình trên đại dương vẫn được tổ chức tại các nhà thờ, các chùa chiền. Và pho tượng thuyền nhân vẫn sừng sững trong một ngôi chùa ở quận Cam như một nhắc nhở đến thảm kịch lớn nhất trong lịch sử dân tộc.

Ôi cái giá phải trả cho Tự Do thật là quá đắt !

Bài viết sau đây như để thắp một nén nhang kính viếng oan hồn của tất cả những nạn nhân vượt biển đã bỏ mình trên biển cả hay trên đất liền, sau là để tưởng nhớ đến một người bạn thân của tôi, anh Hoàng, và cháu Bi, con trai của anh mới khoảng 10 tuổi đã mất tích trong một chuyến vượt biên từ Đà Nẵng.

Xin cầu nguyện Ơn Trên để anh và cháu Bi, nếu quả thật đã chết trên con đường đi tìm Tự Do, hãy yên nghỉ, vì trên chốn Vĩnh Hằng ấy anh và cháu sẽ không còn lo âu và vướng bận gì với cõi đời tạm bợ này nữa.

Tôi có một người bạn thuở nhỏ chơi rất thân. Nhà anh ở cạnh nhà tôi, chỉ cách một con hẻm nhỏ. Anh nhỏ tuổi hơn tôi, học dưới tôi hai ba lớp. Ngoài giờ học, chúng tôi và các trẻ con khác trong xóm tụ tập trước sân nhà chơi đủ mọi trò chơi tuổi thơ. Bắn bi, u mọi, nhảy dây hay đánh tổng, một trò chơi mà sau này, khi lớn lên, tôi không còn thấy ai chơi nữa. Các trò chơi đó, anh đã hướng dẫn tôi một cách tận tình đến nơi đến chốn. Nhà anh khá giả hơn chúng tôi nên sau mỗi lần chơi xong, anh gọi ông già bán cà rem cây đến mua cà rem đãi chúng tôi ăn.»Cho đỡ khát nước», anh nói.

Chúng tôi được (hay bị ?) mệnh danh là «đám giặc con xóm chùa», không hiểu tại sao ? Chúng tôi chỉ ham chơi, cả ngày lêu lổng trước sân nhà trong mùa Hè hay các ngày nghỉ học, nhưng chúng tôi không chọc phá ai, vì chỉ sợ người lớn qua nhà mét ba má thì chỉ có nước ốm đòn.

Tuy vậy đường «công danh sự nghiệp» của đám «giặc con xóm chùa» chúng tôi cứ tà tà đi lên. Có lẽ đất xóm chùa thuộc loại «địa linh nhân kiệt» chăng ? Học xong

Trung Học, Tú Tài rồi lên Đại Học, hàng xóm đã bắt đầu nhìn chúng tôi với ánh mắt nhiều thiện cảm hơn và ngưỡng mộ hơn. Ở thời điểm 1960 lúc bấy giờ, số người đậu Tú Tài trong tỉnh chỉ đếm trên đầu ngón tay.

Riêng Hoàng, bạn tôi, đậu Tú Tài 1 xong là anh thi vào ngành Cảnh Sát. Tôi đùa : «Ông hiền khô mà đi Cảnh Sát cái nỗi gì ? Ai mà sợ ông ?» Vậy mà anh lại còn chọn ngành Cảnh Sát Đặc Biệt nữa mới khiếp chứ !

Cứ mỗi lần nghỉ hè từ Sài Gòn về là Hoàng lấy xe đưa tôi đi tắm biển Mỹ Khê hay qua Tiên Sa câu cá mú. Trên đường về, Hoàng lại rũ tôi ghé vào quán kem Diệp Hải Dung ăn kem và nghe nhạc Pháp. Tôi chợt nhớ lại những cây cà rem của ông già bán kem trong xóm mà Hoàng đã mua khao chúng tôi sau mỗi cuộc chơi thuở nhỏ. Vừa ăn kem tôi vừa nhìn Hoàng hút Pall Mall, nhả khói ra đằng mũi một cách điêu nghệ. Hoàng bảo tôi nên tập hút thuốc «cho có vẻ dân chơi một chút». Hoàng tiếp : «Tôi thấy anh hiền quá, chọn nghề thầy giáo là đúng quá rồi. Thôi, tôi không xúi anh hút thuốc hay nhậu nhẹt với đám bạn tôi đâu. Nếu không về cô la tôi thì phiền lắm !» Hoàng rất thương Me tôi, và mẹ của Hoàng cũng rất thân với Me tôi và gia đình tôi.

Tốt nghiệp xong, tôi đổi về dạy một trường dưới miền Tây nên ít có dịp về lại Đà Nẵng. Những năm 1966,

1967 đó chiến tranh ngày càng trở nên khốc liệt, quân nhân và công chức ở đâu phải ở yên đó, không được rời nhiệm sở.

Mãi đến năm 1973 tôi mới xin đổi về dạy tại quê nhà. Hoàng và tôi lại có dịp gặp nhau. Anh có vẻ phong trần hơn và ăn nói chững chạc hơn. Anh đã có gia đình và có được một cậu con trai đặt tên là Bi (chắc là để nhớ lại những lần chơi bắn bi hồi nhỏ ?)

Ngày 29 tháng 3 năm 1975, Đà Nẵng bị tràn ngập dân tị nạn từ Huế và Quảng Trị kéo vào, rồi sau đó bị bỏ ngỏ. Gia đình tôi phải di tản vào Sài gòn. Tôi biết gia đình Hoàng còn lấn cấn nhiều về tài sản, và vì mấy anh em của Hoàng đi hành quân khắp nơi không về kịp nên đành phải ở lại.

30 tháng 4, sau ngày mất trọn miền Nam, gia đình tôi phải quay về lại Đà Nẵng vì không tìm đường ra nước ngoài được. Hoàng phải đi tù như hằng vạn sĩ quan khác. Chờ đợi và thăm nuôi Hoàng được khoảng hai năm thì người vợ xin ly dị và giao con lại cho mẹ Hoàng nuôi.

Bi lớn lên thiếu vắng tình thương của cả mẹ lẫn cha, và mặc dù được bà nuôi và người cô ruột nuông chìu yêu thương hết mực, cháu vẫn không thể nào vui được.

Những lần ghé qua nhà thăm mẹ Hoàng và cháu Bi, tôi thấy mủi lòng muốn khóc khi Bi ôm chầm lấy tôi vừa mếu máo vừa nói : «Con nhớ Ba Hoàng quá bác ơi. Khi nào thì ba con mới về hở bác ?»

Ba năm sau Hoàng được tha về. Chúng tôi gặp lại nhau mừng mừng tủi tủi.»Mất hết rồi anh Ngọc ơi ! Nước mất nhà tan là cha con tôi bây giờ đây !» Tôi không biết nói gì để an ủi Hoàng, chỉ xin phép bà cụ cho anh em chúng tôi ra quán uống ly cà phê ngồi tâm sự. Mẹ Hoàng dặn : «Con nhớ dặn em đừng nói năng lung tung nghe. Em nó đang bị quản chế và công an đang theo dõi đó. Chưa xong đâu». Hoàng hứa với mẹ là sẽ không nói năng gì cả. Tôi cũng ngán là anh sẽ uất ức mà lên tiếng chửi đổng vài câu là cả hai chúng tôi sẽ bị còng ngay ! Nhưng cũng may là cả hai anh em chỉ ngồi uống cà phê. Nhìn Hoàng ngồi hút thuốc Hoa Mai, mặt buồn rười rượi, tôi cũng không biết nói gì để an ủi anh.

Rồi cũng như nhiều sĩ quan bị tù ra, hai cha con Hoàng được gia đình lo tìm đường vượt biên. Đi gần chục chuyến, chuyến nào cũng bị «bể». Cũng còn may là hai cha con không bị bắt. Có lần Hoàng và cháu Bi đến gõ cửa nhà tôi lúc 2 giờ sáng. Mở cửa ra thấy cả hai cha con người sũng nước vì mới lặn từ sông Hàn về để

trốn Công An khi chuyến đi bị bể. Cũng may là cả hai cha con đều bơi giỏi nên đã thoát. Sáng hôm sau tôi về nhà Hoàng lấy áo quần cho anh và cháu Bi thay rồi chở hai cha con về !

Hoàng có một nốt ruồi đen khá lớn trên gò má. Một tháng sau gặp lại, tôi không còn thấy nốt ruồi đó nữa. Hoàng nói khi thấy ánh mắt ngạc nhiên của tôi : «Kể anh nghe anh đừng cười cho tôi là mê tín dị đoan nghe ! Như anh biết đó, cha con tôi đi cả chục chuyến đều thất bại. Gia đình mẹ và chị tôi cũng đã gần kiệt quệ rồi nên bảo tôi đi xem bói thử ra sao. Bà thầy bói trên Cẩm Lệ nói : «Cậu gặp quá nhiều chuyện xui rủi trong gia đạo và trong việc đi đứng vì cái nốt ruồi nằm ngay trên dòng chảy của nước mắt. Đó là nốt ruồi «Thương phu trích lệ». Nếu muốn tôi có thể giới thiệu người phá nốt ruồi đó cho cậu. Rồi cậu sẽ thấy mọi việc thông suốt».

Tôi không dám có ý kiến về việc phá nốt ruồi để gặp may đó của Hoàng. Hai tháng sau không gặp nhau, tôi ghé nhà hỏi thăm thì mẹ Hoàng vừa cười vừa khóc báo tin : «Hai cha con nó đi lọt rồi. Bây giờ Bác chỉ còn đợi tin và điện tín nữa thôi. Có gì bác sẽ báo tin con sau.»

Tôi ra về, mừng cho Hoàng và cháu Bi đã thoát khỏi kiếp nhọc nhằn và buồn khổ ở quê nhà. Hơn tháng sau, không thấy mẹ Hoàng cho biết tin tức gì thêm, tôi ghé

nhà vì cảm thấy tâm hồn bất an lạ thường. Vừa bước chân vào nhà, mẹ Hoàng đã ôm chầm lấy tôi khóc oà : «Cho đến giờ này, hơn 3 tháng rồi mà Bác vẫn không thấy tin tức hay điện tín gì của cha con nó và của chuyến đi cả. Tuần trước Bác lại nằm mơ thấy hai cha con nó về ngồi ở phòng khách, người sũng nước, chỉ nhìn Bác khóc và không nói gì hết. Bác lạnh cả người, bật ngồi dậy thắp nhang bàn thờ Phật và bàn thờ ông bà tổ tiên cầu xin cho hai cha con nó tai qua nạn khỏi.» Tôi cũng thấy người mình lạnh toát, nhưng cũng cố gắng an ủi bà cụ : «Bác hãy vững tin vào Trời Phật và tiếp tục cầu nguyện đi. Thế nào cũng có tin của Hoàng và cháu Bi.»

Cho đến lúc gia đình chúng tôi qua Mỹ, tôi vẫn không được nghe thêm tin tức gì nữa. Nhưng tôi vẫn tin tưởng và vẫn cầu nguyện cho bạn tôi và cháu Bi. Hy vọng là những người trên chuyến đi đó được sóng đánh tấp vào một hòn đảo nhỏ. Và sống trên đó, nhưng không liên lạc được với thế giới bên ngoài. Câu chuyện của người cha tìm ra được cậu con trai của mình trên đất Thái Lan sau 32 năm biệt tích đăng trên báo chí mới đây hay câu chuyện phỏng vấn trên đài Viet Face TV càng làm cho tôi tin tưởng mãnh liệt hơn ở một phép nhiệm mầu nào đó.

Tôi vẫn cầu nguyện và vẫn vững tin rằng sẽ có một ngày phép lạ sẽ đến với gia đình bạn tôi.

Nhưng nếu chẳng may có điều gì bất hạnh xảy ra trong chuyến đi tìm Tự Do không bao giờ đến thì xin anh và cháu hãy yên nghỉ trên cõi Bình An đó nghe anh Hoàng và cháu Bi ?

Và xin anh và cháu Bi hãy phù hộ cho Mẹ và các anh chị em của anh.

Phạm Ngọc

# Sống Lại Một Mùa Đời

Sáu Steve Brown

Chú Sáu Steve Brown là bút hiện của Steve Brown, một cựu chiến binh Mỹ từng đóng quân ở Biên Hoà và kết hôn với một phụ nữ Việt. Viết về nước Mỹ, ngày 18 -12-2012 đã phổ biến bài viết trực tiếp bằng tiếng Việt đầu tiên của ông, kể chuyện tình 40 năm trước giữa chàng thuỷ quân lục chiến Hoa Kỳ và một cô gái Việt. Ông bà nay có 7 người con, hiện ở Ohio. Với bài viết thứ ba, «Hành Trình Tiếng Việt của Một Người Mỹ», ông nhận Giải Bà Trùng Quang dành cho tác giả tác phẩm nào thể hiện được sức mạnh của tiếng Việt, trong Viết Về Nước Mỹ 2013. Sau đây là bài viết mới của ông dành cho báo xuân Việt Báo Tết Ất Dậu 2014, hiện đang được phát hành khắp nơi.

Một ngày trong mùa hè năm ngoái bỗng dưng tôi quyết định đi coi một cuộc triển lãm xe mô-tô. Từ lâu nay triển lãm này tổ chức rất gần nhà tôi, mỗi năm một lần. Tuy vây, trước kia tôi chưa bao giờ có ý muốn đi coi. Khi đến đó tôi nhận xét đại đa số xe ở đó của công ty Harley Davidson. Có đủ loại xe mà phần đông là xe lớn.

Khá lâu về trước, khi tôi đi đến các nước Việt Nam, Campuchia, Nam Dương hay Thái Lan thì tôi đi bằng xe mô-tô thường xuyên. Thế mà tôi không nghĩ tới việc mua xe mô-tô bên Mỹ. Có lẽ vì tôi biết những xe nhỏ như Honda Wave (100 phân khối) không tiện dùng trên con đường ở nước Mỹ vì nó vừa nhỏ vừa yếu.

Vài ngày sau triển lãm đó tôi đi đến chỗ bán xe mô-tô. Sau khi coi khá nhiều xe tôi thấy một chiếc xe Yamaha (250 phân khối). Cả kiểu và màu đều đẹp. Tôi lấy tài liệu của xe đó đem về đọc cho kỹ.

Vài ngày sau tôi nói với Tuyết (vợ tôi) :

- Có lẽ anh sẽ mua một chiếc xe mô-tô. Em nghĩ thế nào ?

Tuyết phản đối :

- Xe mô-tô nguy hiểm lắm anh. Anh không còn trẻ chớ bộ !

Suy nghĩ một hồi rồi Tuyết lại nói :

- Nhưng nếu anh muốn mua thì cứ mua đi.

Vậy là hôm sau tôi lên đường đi mua xe. Khi tới nơi rồi tôi đi thẳng đến chỗ có chiếc xe Yamaha mà tôi thích. Trong lúc tôi đang ngắm chiếc xe đó thì tôi thấy bên kia

cửa sổ có một chiếc xe Honda Shadow 600 phân khối. Tôi thấy xe đó cũng đẹp mà lại lớn hơn. Tôi bước ra ngoài để coi cho kỹ. Khi người chủ của cửa hàng đó tới tôi yêu cầu anh ấy mở máy. Tôi nghe tiếng máy tốt lắm. Chiếc này thì đã 5 năm cũ nhưng mới có 5, 000 dặm thôi. Còn chiếc Yamaha thì mới tinh. Gía thì gần ngang nhau. Cuối cùng tôi quyết định mua chiếc xe Honda. Khi mọi thủ tục xong hết tôi ngồi trên xe làm cho tôi nhớ lại lần cuối cùng tôi lái xe mô-tô bên Mỹ là khi tôi còn đang học trung học.

Đối với đại đa số người Việt Nam việc lái xe mô-tô là rất thông dụng, nhưng việc lái xe mô-tô bên Mỹ khác hơn bên Việt Nam nhiều lắm. Trung bình xe mô-tô bên Mỳ nặng hơn và nhanh hơn xe mô-tô bên Việt Nam nhiều. Xe mà tôi mới mua trong mùa hè năm 2012 nặng khoảng gấp đôi chiếc xe cũ mà tôi đã bán xe vào mùa xuân năm 1969. Vậy mà đã 43 năm trôi qua !

Rồi tôi lên đường đi về nhà cách đó chừng 15 dặm. Tôi quyết định ra khỏi thành phố Dayton mà đi theo các đường ít xe ở ngoại ô. Vì không quen, khi đi 50 dặm một giờ tôi thấy gió thổi vô mặt rất mạnh. Cuối cùng tôi cũng về nhà bình an.

Khoảng một tháng sau tôi ghi tên học lớp dạy học lái xe mô-tô. Khóa học dài bốn ngày, mỗi ngày học

bốn tiếng đồng hồ. Lớp học vừa hay vừa có ích dù tôi đã có kinh nghiệm lái xe mô-tô rồi. Trong lớp họ cũng dạy học một số điều tôi chưa từng nghe đến. Chẳng hạn như cách quẹo xe gọi là countersteering (bẻ tay lái ngược chiều). Nghĩa là khi muốn quẹo phải thật nhanh thì mình đẩy cái tay cầm bên phải một chút, xe sẽ quẹo nhanh hơn bình thường. Để sử dụng cách quẹo này xe phải có tốc độ ít nhất là 20 dặm một giờ. Cách quẹo của phương pháp này có căn cứ trong vật lý học. Điều này có thể trái với những gì người ta hay nghĩ nhưng tôi đã thấy rõ ràng kết quả như thế nào.

Mấy tháng sau khi tôi mua xe đó tôi nhận ra sở thích hồi xưa đã sống lại. Càng lái tôi càng thích nhiều hơn. Khoảng chừng một tháng sau khi tôi mua xe thì Tuyết phải vô nhà thương giải phẫu đầu gối. Vì thế lúc đó tôi không chở Tuyết bằng xe mô-tô được. Mùa đông tại tiểu bang Ohio có ít ngày có thể đi xe mô-tô vì thời tiết lạnh hay có tuyết trên đường. Thế mà mỗi tháng cũng có hai, ba ngày lái được mô-tô, dù không đi xa được. Khi mùa xuân đến thì khu này cũng có khá nhiều xe mô-tô xuất hiện lại trên đường.

Mùa xuân Tuyết về Việt Nam năm tuần. Lúc đó đầu gối nàng đã hoàn toàn bình phục. Khi Tuyết trở về tôi mời Tuyết đi cùng với tôi. Chúng tôi đi khoảng một

tiếng đồng hồ trên các con đường nhà quê, chỉ một lát sau Tuyết yêu cầu đi một lần nữa. Sau đó chúng tôi hay đi chung thường xuyên.

Đến cuối tháng 7, Hiếu, con gái chúng tôi ở gần đó, cho tôi biết một người hàng xóm đang bán xe mô-tô hiệu Harley Davidson. Hôm đó tôi đi coi xem. Xe đó là kiểu Sportster (883 phân khối) màu trắng với đủ thứ loại bộ phận đặt biệt. Khi mở máy tôi nghe như có thể cần phải sửa một số cho tốt. Xe này có hai cái giảm âm đặc biệt nên nghe tiếng máy lớn hơn loại bình thường. Dù xe năm 2000 nhưng mới có 14, 000 dặm mà thôi. Tuyệt vời. Ngày sau tôi trở lại đồng ý mua xe đó với giá rẻ hơn giá trong blue book nhiều. Nghĩa là tôi mua được chiếc xe với số tiền ít hơn giá trị của nó.

Bỗng dưng Hiếu cũng chú ý đến việc lái xe mô-tô nên cũng theo học chương trình dạy lái xe và lấy bằng lái xe mô-tô luôn. Mới đây Hiếu nói là thích lái xe nhiều hơn là viết câu truyện về chủ đề đó. Hèn chi mà cô ta để ý và biết nhiều về xe mô-tô.

Khi mua xong chiếc xe, trên đường lái về tôi thấy máy có vẻ bị trục trặc gì đó. Nhưng lúc gần tới nhà tôi thấy máy chạy tốt hơn. Vậy là tôi quyết định đi thăm viếng một người bạn. Tôi chỉ đi khoảng 3 dặm mà máy chết luôn, không nổ nữa. Tôi phải đậu xe bên đường mà

đi bộ về. Sau đó một người bạn giúp tôi để xe mô-tô lên xe «pick-up» mà mang về nhà.

Việc sửa máy xe không dễ dàng, mà rất có thể là rất mắc nhưng tôi may mắn có một người bạn có nhiều kinh nghiệm với xe hiệu Harley Davidson. Anh ấy dạy cho tôi biết nên làm thế nào để sửa máy xe. Từ từ tôi làm hết những gì anh ấy chỉ dẫn. Sau ba ngày thì xong xuôi, sau đó máy chạy rất tốt. Tất cả tôi phải tốn 150 Mỹ kim. Rẻ rề !

Tôi thích lái xe này nhiều hơn là xe hiệu Honda nhiều. Xe này rất dễ lái và mạnh hơn xe kia. Hiện nay mỗi khi có ngày trời đẹp tôi lái xe đi cho vui.

Sau khi tôi bắt đầu lái lại xe mô-tô bên Mỹ năm ngoái tôi nhận ra một điều mà tôi không thấy hồi còn trẻ. Đó là khi hai chiếc mô-tô gặp nhau trên con đường thì hai người lái hay đưa tay lên chào nhau. Cũng có lắm lúc người đứng bên đường đưa tay lên chào xe mô-tô đi qua. Như thế làm cho mình cảm thấy thích đi bằng xe mô-tô nhiều hơn.

Buổi chiều ngày 16 tháng 11 vợ chồng tôi lên xe mô-tô đi đến nhà anh bạn tôi, anh ấy cũng là cựu chiến binh Việt Nam. Ba người chúng tôi đi vào khu nhà quê trên các con đường ít xe cho vui. Chúng tôi ghé vô nhà một người bạn khác nói chuyện một hồi rồi đi. Trời tuy lạnh nhưng vì mặc đủ quần áo ấm nên tôi thấy rất thoải mái.

Như vậy sau hơn 40 năm, trong một mùa khác của cuộc đời, sở thích cũ của tôi đã được sống lại. Thiệt là vui lắm.

Sáu Steve Brown

# Em Là Tia Nắng Của Anh

Phi Yên

Tác giả tên thật : Nông Phiên; Sinh năm 1965 tại Sài gòn. Giáo viên Sư phạm Kỹ Thuật. Công việc hiện tại: Electro-mechanic Technician. Năm 2012, Phi Yên có bài viết về nước Mỹ đầu tiên : một tự sự linh hoạt về công việc lưu trữ ngũ cốc tại Mỹ, lần đầu được đề cập bởi người gốc Việt. Sau hai năm không viết thêm, sau đây là bài mới. Mong tác giả tiếp tục.

Thảo đang mang thai. Điều này có ý nghĩa thật lớn với cu Đức, đứa con trai 3 tuổi của chị. Nó đang hí hửng vì mẹ nói rằng nó sắp có em. Một đứa em gái, My sister ! ! Cu Đức reo lên giống như nó sắp nhận được một món quà gì to lớn lắm. Cool lắm ! Mẹ nó bảo «Rồi con sẽ thấy mặt em. Nhưng nhớ nó là con gái, phải biết nhường em nghe chưa ?».

Vậy là ngày cũng như đêm, nó nghĩ ra cách nói chuyện với em bằng cách hát thì thầm nơi bụng mẹ. Cu Đức không biết rằng nó đang tạo một tình cảm gắn bó vô hình với baby trước khi nó được nhìn thấy tận mắt baby của nó. Nó đang chờ đợi...

Thảo đi khám phụ khoa đều đặn tại bệnh viện United Methodist Church, thành phố Morristown, tiểu bang Tennessee. Nơi ấy chị cũng là một thành viên hoạt động tích cực trong cộng đoàn. Cũng như bao bà mẹ hiền, trong tâm trí chị lúc nào cũng nghĩ đến cách làm cho baby được khoẻ mạnh từ việc ăn uống đủ chất bổ, thuốc dưỡng thai, hoạt động thế nào cho phù hợp với em bé mỗi ngày một lớn. Những cơn đau quặn thất thường chưa từng trải qua ở vùng bụng dưới báo cho chị một linh tính mơ hồ... càng ngày càng gần đến ngày sinh theo lịch bác sĩ dặn. Đã chuyển dạ mấy lần vào nhà thương rồi lại cho về. Không biết sẽ ra sao.

Rốt cuộc em gái của cu Đức chào đời qua những lần chết ngất và đau đớn của mẹ Thảo hàng giờ. Thật trớ trêu thay, baby lại rơi vào tình trạng nguy kịch về tim mạch. Bệnh viện phải gấp chuyển baby đến nơi khác nhiều thiết bị tốt hơn ở thành phố kế cận, Knoxville để tiếp tục theo dõi và điều trị.

Những ngày tiếp theo trôi đi như quá chậm. Tin không vui. Bác sĩ nói với vợ chồng Thảo rằng baby chắc không sống được. No hope. Thật đau đớn cho chị. Chị đã khóc thật nhiều. bên lồng kính ngắm đứa con bé bỏng đang từng giờ thoi thóp thở mà tưởng chừng ai đang bóp nghẹt quả tim. Hôm qua hai vợ chồng chị đã chuẩn bị

liên hệ với nhà quàn và những việc cần phải làm cho việc mai táng em bé chu tất. Có ai ngờ căn phòng xinh xắn anh chị đã trang hoàng để đón con về- lại trở thành căn phòng đưa tiễn ngậm ngùi...

Cu Đức chẳng biết điều gì đang xảy ra, vẫn hí hửng xin bố mẹ cho nó gặp em. Mẹ bảo em nó chưa thức dậy và còn đang ngủ ở bệnh viện.»Con muốn hát cho em nghe. Mẹ cho con đến đó đi. Con muốn nhìn em ngủ». Cu Đức xin không được thì năn nỉ mẹ suốt ngày. Thương con quá chị thầm nghĩ nếu cu Đức chẳng thấy mặt em bây giờ thì sẽ chẳng lúc nào nữa để nó nhìn em đang còn sống. Thảo mặc cho con một bộ quần áo oversize, chiếc áo rộng cu Đức mặc vào giống y cái thùng đồ giặt biết đi, bởi nội quy bệnh viện cấm con nít vào thăm phòng hồi sức...

Dắt con vào trong, qua vài cửa thì Thảo bị chặn lại bởi bà y tá trưởng chỉ ngay vào cu Đức.»Mang con trai cô ra ngoài. Con nít không được phép vào phòng này».

Tự dưng một sức mạnh bất ngờ của người mẹ trỗi dậy trong lòng Thảo, chị nhìn thẳng và nói lớn với giọng cương quyết :

«Thằng bé sẽ không rời khỏi đây cho đến khi nào nó gặp mặt được em gái của nó. Thưa bà !».

Thảo cõng con đến cạnh chỗ nằm của em nó. Cu Đức nhìn chăm chăm vào khuôn mặt baby nhỏ xíu đang nhắm nghiền với dây nhợ quấn quanh tay chân cũng nhỏ xíu như đồ chơi nó hay thấy ở cửa hàng. Nhưng nó chẳng thắc mắc gì về điều đó.»Mẹ bảo em đang ngủ. Mắt em đang nhắm kìa. Em đang ngủ phải không ?»... Rồi... dường như không ngăn được mình, cu Đức cất tiếng hát. Tiếng hát của một đứa bé trai 3 tuổi trong vắt cất lên giữa căn phòng hồi sinh vắng lặng :

«You are my sunshine, my only sunshine, you made me happy when skies are gray.»

Thảo giật mình... hình như em bé nghe được tiếng của anh hai hay sao mà nhịp tim trên máy đo không còn rối loạn nữa, lại trở nên đều đặn hơn.»Con hát tiếp đi cu Đức !». Thảo khuyến khích con trong một hy vọng chợt nhen nhúm mơ hồ...

«You never know, dear, how much i love you. Please don’t take my sunshine away.»

Baby trong lồng kính mấp máy rất nhẹ tựa như có ngọn gió thổi qua... và nhịp thở khó nhọc trở nên mềm mại hơn trước.»Hát tiếp nữa đi, con trai của mẹ». Thảo thầm thì nghẹn ngào trong nước mắt...

«The other night, dear, as I lay sleeping, I dreamed I held you in my arms.»

Baby nhỏ bé của cu Đức bắt đầu thư giãn hết sức kỳ lạ và dường như một sự hồi sinh nhiệm màu đang phủ lên khắp cơ thể...

«Cu Đức của mẹ, hát nữa đi con». Thảo như choàng tỉnh một cơn mơ dài - Trong khi gương mặt của bà y tá trưởng đang nhoà lệ...

«You are my sunshine, my only sunshine. Please don’t take my sunshine away...».

Cu Đức không hiểu sao mọi người lại khóc trong khi em nó đang ngủ. Nó vẫn tiếp tục hát cho em nghe... Khi nào em thức dậy mình cùng đi về nhà phải không mẹ.

Hôm sau và một hôm sau nữa, như một phép lạ, em bé đã đủ khoẻ mạnh để được xuất viện theo bố mẹ về nhà.

Căn phòng baby tươi sáng được đón nhận một thành viên mới. Và khỏi nói cũng biết Cu Đức chạy ra chạy vào biết bao nhiêu lần trong một ngày.

Phi Yên

(Sưu tầm từ True Story & phóng tác, 2014)

# Tết Ăn Gì Cho Đỡ Ngán

Nguyễn Viết Tân

Hai tuần nữa mới Tết, nhưng đã tới lúc lo thức ăn cho ngày Tết sắp tới. Tác giả Nguyễn Viết Tân, thành viên Ban Tuyển Chọn Chung Kết, muốn chia sẻ với bạn...

Trước hết tôi kể chuyện xưa rồi sẽ nói đến chuyện nay.

Má tôi kể hồi năm 1945 khi Pháp mới trở lại Việt Nam, họ tiến chiếm ngay các tỉnh Sài Gòn, Mỹ Tho, Biên Hoà, Bình Dương... và các đồn điền cao su ở miền Đông Nam Phần. Gia đình tôi ngày đó đang làm công nhân cạo mủ cao su thuộc đồn điền Michelin ở làng 4, quận Dầu Tiếng.

Khi ấy Việt Minh ra lệnh «Tiêu thổ kháng chiến» nghĩa là đốt hết nhà, giết hết heo bò gà vịt rồi rút lui vào rừng, để quân Pháp vô không còn chỗ đóng quân, không còn thực phẩm mà ăn.

Thực ra lính Pháp không ăn cơm gạo và những thức ăn như dân mình, nhưng lính Lê Dương, thường gọi là Tây đen rạch mặt thì họ đâu có từ thứ gì.

Dân trong làng nuôi khá nhiều heo, vì gấp rút không kịp luộc chín nên họ giết heo xong thì xả ra làm 4 mảnh, đào lỗ, đổ muối hột và nước mắm lên trên rồi lấp đất lại, đắp cao lên như một nấm mộ.

Muối và nước mắm trong kho rất nhiều nên cứ đập bể lu mà đổ xuống.

Khi chiếm tới làng nào thì Pháp kêu gọi người dân trở về làng cũ đi làm lại, ai trốn tránh mà họ bắt được thì trói lại đưa đi tù, có khi còn bị bắn chết nữa.

Ở trong rừng chui rúc quá cực khổ, lại không có thực phẩm nên sau mấy tháng phần đông dân chúng phải lếch thếch trở về. Đồ ăn không có nên người ta đào những «mộ heo» lên. Lúc đó nó giống như cá mắm đã chín vì bị ướp mặn, khi ăn cũng không cần luộc lại, mà chỉ thái ra mà ăn.

Mãi về sau này khi gia đình đã dọn về Rạch Giá, cứ đến Tết, đánh đụng thịt heo là má tôi thường làm món heo ngâm nước mắm rồi kể lại chuyện... hồi đó, chuyện tản cư, hồi cư, chuyện thịt heo đào hố mà chôn.

Qua tới bên Mỹ, nhớ tới món má thường làm, nên tuần trước tôi đi mua thịt ba rọi về luộc chín, để ráo nước rồi ngâm nước mắm. Bà xã tôi nói đừng làm mặn

như má, anh nên nấu một chén đường, một chén nước mắm và một chén nước lã, để nguội rồi hãy đổ vô lọ thuỷ tinh, phải cho ngập lên bên trên thịt, lấy cái chén nhỏ mà ém chặt nó xuống không thôi bị hư đó.

Nói xong nàng nguẩy đít đi làm như thường lệ, để mặc tôi tung hoành dưới bếp với món heo ngâm.

Bả nói thì tôi nên tuân lệnh y như kiểu từ ngày mới lấy nhau. Bà bề trên đã phán thì cấm có sai bao giờ.

Và quả nhiên tin vào lời vợ thì kết quả nhãn tiền, chỉ cần ba ngày sau là lấy ra ăn ngon tuyệt.

Khi thái mỏng theo kiểu thái phay, bì nó dòn, mỡ nó trong, nạc nó đỏ... ăn vô có vị chua của nem, vị ngọt của đường, vị mặn của nước mắm. Thật tuyệt cú mèo, ngon hơn má tôi làm hồi đó.

Ăn với cơm và dưa chua cũng ngon, nhưng tôi nghe người ta bày cách ăn... sang trọng hơn :

- Cuốn với bánh tráng, rau sống rau thơm, bún, chuối chát và khế. Nếu không có khế thì dùng táo xanh cũng được. Hết sảy con cào cào.

Nên cất trong tủ lạnh và ăn liền trong một vài tuần cho nó ngon, đừng để lâu sợ hỏng.

Thấy có lý quá, thừa thắng xông lên, tôi liền đi mua loại thịt «Giò heo lóc xương» về làm nhiều nhiều, vì bà bề trên nói rằng thịt ba rọi có mỡ, không giòn và ngon như thịt giò heo, nhất là nếu ra chợ Tam Biên kế bên nhà băng Wells Fargo mà mua thịt tươi lại càng ngon...

Tôi phân ra từng keo nho nhỏ đựng vừa vài ký một, để tặng họ hàng nhân dịp Tết đến, chứ biếu họ mứt, nhứt là mứt vừa ngọt, vừa làm bên Tàu hay VN thì ớn lắm, dù đựng trong hộp màu sắc rực rỡ, ăn vô có ngày mang họa vì không biết họ tẩm ướp những thứ gì. Thêm nữa là nhiều người sợ cao đường, có khi mình tặng xong vừa ra về, là họ mắt trước mắt sau tộng vô thùng rác hết.

Thật là phí của giời.

Bây giờ tôi kể về món thứ hai, ăn cũng ít ngán, đó là cá nướng.

Anh Đỗ Tiến Bình Minh, người đang sống cạnh mấy cái mỏ vàng ở Phoenix- Arizona mới xuống đây chơi thăm tôi. Hôm trước anh đi câu được nhiều cá trout lắm, nên đem xuống cho tôi cả thùng tới mấy chục con.

Nhớ ngày còn nhỏ, cứ sắp Tết là chúng tôi đi tát đìa, đốt rơm rạ ngoài đồng làm món cá lóc nướng trui. Bây giờ ở chợ cũng có bán cá lóc, nhưng đông lạnh nên ăn

giống khúc củi mục, không ra cái tướng báo gì. Nhân có cá «chùa» lại tươi ngon nên tôi làm món cá đút lò, chứ rơm đâu mà nướng trui.

Cá làm sạch sẽ, ướp đầy đủ gia vị, tôi xếp lên mấy lượt giấy nhôm, rưới hành mỡ, rồi gói lại mà nướng trong lò.

Chừng 30 phút sau là cá đã chín vàng, mở ra bay mùi thơm phức.

Cá này ăn với bánh tráng, bún, rau ráng y như món Cá Nướng Da Giòn ở ngoài tiệm.

Nên dùng với rượu wine trắng thì rất hợp vị.

Các bạn thử làm 2 món này xem. Rẻ ngon và lành.

Nguyễn Viết Tân

## Đi Tìm Tên Một Người «Vô Danh»

Orchid Thanh Lê

Orchid Thanh Lê sinh trưởng tại Sài Gòn, định cư tại Hoa Kỳ tháng 9 năm 1997. Hiện là Phó Giáo Sư Tiến Sĩ tại Viện Nghiên Cứu Ngôn Ngữ Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ tại Monterey, California. Bài viết của cô kể về một câu chuyện mang tính nhân bản theo phương châm làm việc của Văn Phòng Tìm Quân Nhân Mất Tích Trong Chiến Tranh, đó là «You Are Not Forgotten» tạm dịch «Chúng Tôi Không Quên Các Anh». Người viết bài do nhân duyên đã tìm được tên của một binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa tử thương trong một phi vụ hỗn hợp với quân nhân Hoa Kỳ vào thời chiến. Bài trích từ báo xuân Việt Báo Tết Giáp Ngọ 2014, đã phát hành khắp nơi.

Tôi làm việc tại Viện Nghiên Cứu Ngôn Ngữ Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ. Một trong những công việc tôi được giao là hỗ trợ tiếng Việt cho Văn Phòng Tìm Quân Nhân Mỹ Mất Tích Trong Chiến Tranh Việt Nam. Mặc dù tôi phụ trách giảng dạy tiếng Việt, nhưng có thể nói các chuyên gia trong văn phòng kể trên là bậc thầy của tôi trong một số lĩnh vực. Họ am tường địa hình trận thế những nơi xảy ra giao tranh, giải thích cặn kẽ cho tôi những điều tôi còn khúc mắc liên quan đến vũ

khí, chiến thuật, đội hình bay, v. v. Vì vậy nếu chỉ coi các chuyên gia trong Văn Phòng Tìm Quân Nhân Mỹ Mất Tích Trong Chiến Tranh Việt Nam là sinh viên của tôi thì quả là điều không công bằng.

Hằng tuần chúng tôi giao tiếp với nhau bằng tiếng Việt qua phương tiện truyền thông vệ tinh. Tôi gặp họ trên màn ảnh lớn trong một studio tại Monterey, California; họ cũng thấy tôi qua màn ảnh trong một studio khác tại Washington D. C. Chúng tôi xưng hô với nhau theo quan hệ thân tộc trong văn hóa Việt, có vị tôi gọi bằng «bác» và xưng «cháu», có vị tôi gọi bằng «anh» và xưng tên. Hằng tuần chúng tôi cùng đọc và nghe tin tức với nhau, trao đổi ý kiến và thảo luận chi tiết trong các tin tức liên quan đến công việc. Một trong những vụ tôi được nghe kể và lưu lại trong tâm trí tôi những giây phút chạnh lòng, thương cảm, khắc khoải là vụ xảy ra ngày 15 tháng 12 năm 1973.

Tôi được kể rằng ngày đó một số quân nhân Mỹ phối hợp với quân nhân Không Quân Việt Nam Cộng Hoà trong công tác khai quật một vụ phi cơ rơi trước đó. Phi vụ được thực hiện bằng trực thăng có sơn cờ hiệu của Ban Liên Hợp Quân Sự Bốn Bên chỉ ra rằng không có bên nào được phép công kích vào loại trực thăng này. Khi trực thăng bay đến vùng Bình Chánh thuộc tỉnh

Long An thì bị hỏa lực từ phía Cộng Sản bắn rát. Kết quả tổn thất cho biết một đại úy phía Mỹ và một trung sĩ phía Việt Nam Cộng Hòa bị tử thương, chưa kể số còn lại bị thương trong chiếc trực thăng bị bắn. Trong hội nghị Ban Liên Hợp Quân Sự Bốn Bên diễn ra sau vụ kể trên, phía Hoa Kỳ trưng ra chiếc áo trận thủng đầy các vết đạn của viên đại úy tử thương trong phi vụ làm bằng chứng với cáo buộc rằng phía Cộng Sản đã không tôn trọng hiệp định ngừng bắn; đồng thời phía Hoa Kỳ và phía Việt Nam Cộng Hòa phản đối sự vi phạm này bằng cách cùng bước ra khỏi bàn hội nghị.

Sau này, Văn Phòng Tìm Quân Nhân Mỹ Mất Tích trong chiến tranh Việt Nam khi xem xét lại vụ việc thì nhận ra rằng họ đã không biết tên người hạ sĩ quan Việt Nam Cộng Hoà tử thương trong phi vụ hỗn hợp này. Mặc dù Văn Phòng đã nỗ lực tìm hỏi, gửi thông báo trên các trang mạng, nhưng dường như vô vọng. Họ quyết định thiết lập bảng tưởng niệm các quân nhân của hai phía đã hy sinh trong phi vụ ngày hôm đó với tên của người hạ sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa còn bỏ trống, điền khuyết bằng chữ «Vô Danh». Trong các buổi gặp nhau hàng tuần, chúng tôi đã đề cập, thảo luận vụ này không dưới chục lần. Tôi luôn tự hỏi tại sao số quân nhân Việt Nam Cộng Hoà định cư tại Hoa Kỳ không nhỏ mà phía Mỹ vẫn không có thông tin cụ thể. Tôi

chạnh lòng khi nghĩ đến sự đóng góp, hy sinh của phía Việt Nam Cộng Hòa trong cuộc chiến. Tôi thương cảm vì phàm con người sinh ra ai cũng được đặt tên và đó không phải là sự lựa chọn của họ mà là lẽ tự nhiên. Khi chết đi thì cái tên đó được lưu lại ít ra trên một mộ bia, một tấm bảng, một phiến đá nào đó để người đời sau biết rằng họ là ai. Tôi khắc khoải khi nghĩ rằng người hạ sĩ quan Việt Nam Cộng Hoà trong phi vụ này đáng được lưu tên trên bảng tưởng niệm thay vì cái tên «Vô Danh». Tôi không bao giờ biết anh là ai, tôi chỉ biết anh bỏ mình vì nghĩa vụ và tôi nghĩ mình nên làm một điều gì đúng nếu có thể.

Tôi không hề có một chút kinh nghiệm để lấy thông tin cho điều tôi muốn theo đuổi bởi lẽ việc làm của tôi đơn thuần là dạy học và việc tìm hiểu thêm vụ việc trên chỉ xuất phát từ lòng tự nguyện.

Tôi bắt đầu kể câu chuyện cho người thân, bạn bè, và những ai tôi quen biết mà đã từng tham gia quân đội Việt Nam Cộng Hoà, đặc biệt là quân chủng Không Quân. Tôi gửi nhiều thư đến các hội đoàn trong cộng đồng, viện bảo tàng chiến tranh để hỏi thông tin, để lại địa chỉ điện thư cùng số điện thoại của tôi để người nhận thư có thể liên lạc lại. Tôi không đánh máy thư mà cặm cụi viết thư tay trần tình lại câu chuyện với hy vọng thư

của tôi được mở ra đọc chứ không bị ném vào sọt rác vì người nhận có thể lầm tưởng là thư quảng cáo. Tôi chưa bao giờ nhận được một sự trả lời nào trong gần mười bốn năm từ khi tôi bắt đầu có ý định muốn tìm một kết thúc có hậu cho câu chuyện trên.

Tôi hiểu và chấp nhận thực tế vì có thể người nhận thư không biết thông tin liên quan gì đến vụ việc tôi hỏi, hoặc chuyện xảy ra quá lâu, hoặc chuyện không có gì là đặc biệt trong vô số chuyện của các quân nhân đã bỏ mình vì chiến cuộc v. v... Tôi nghiên cứu những tài liệu chiến tranh từ các thư viện để mong tìm được những chi tiết liên quan; thậm chí cô bạn Bạch Ngọc từ tận nước Úc cũng không ngại giá cước cao gửi sang tôi những quyển sách về Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà; đặc biệt quyển Quân Sử Không Quân Việt Nam Cộng Hoà đã cung cấp vài chi tiết hữu ích và giúp tôi giới hạn sự tìm kiếm chính xác hơn. Tôi thường xuyên vào các trang mạng để cập nhật thông tin hàng tuần. Đến tháng 3 năm 2010, tôi tìm được thông tin về Trung úy phi công Nguyễn Nam nhận huy chương sao bạc Bắc Đẩu Bội Tinh trong phi vụ ngày 15 tháng 12 năm 1973. Tôi vội chuyển thông tin về Văn Phòng nhưng do một số lý do khách quan sự việc không thể tiến hành xa hơn như tôi mong đợi.

Đến tháng 8 năm 2012, sau một chuyến công tác từ Minnesota và Wisconsin gần một tháng, tôi trở lại làm việc với thói quen tìm tin đọc mỗi ngày. Bất ngờ hàng tít của một bài báo «Anh Dũng Bội Tinh Sau 37 Năm Cuộc Chiến» đập vào mắt tôi, dù thông tin của bài báo chưa chính xác như tôi tưởng, nhưng tôi tin chắc có liên quan đến vụ việc tôi theo đuổi. Tôi lướt trên các trang mạng khác với hy vọng tìm được những bài tin nói về nội dung như trên. Quả nhiên, tôi lần tìm ra trang mạng của Hội Ái Hữu Biên Hoà California với thư mời tham dự lễ gắn huy chương đồng hương Lữ Công Tâm. Càng đọc tôi càng tin chắc đây là thông tin mình muốn tìm. Xúc động oà vỡ. Run rẩy. Tôi không dám tin đây là sự thật. Tôi định thần đọc đi đọc lại bài báo để biết chắc mình không nằm mơ. Tôi nhấc điện thoại gọi cho Hội Ái Hữu Biên Hoà California. Tôi để lại tin nhắn cho một người có tên gọi Tuyết Hương. Tôi xúc động quá đến nỗi sợ mình để lại số sai nên gọi lại ba lần cũng chỉ với một thông điệp tương tự là xin người nhận gọi lại cho tôi.

Trời cũng không phụ lòng người. Tuyết Hương gọi lại cho tôi ngày hôm sau. Tôi giới thiệu về mình, kể ngắn gọn lý do và khẩn khoản xin được giúp liên lạc với trung úy Tâm. Không để tôi phải chờ trong hồi hộp, Tuyết Hương mau mắn gọi lại tôi không lâu sau đó «Chị

liên lạc với Cậu Tâm liền nha», tôi lo lắng «Có hy vọng gì không Tuyết Hương ?» «Chị gọi đi. Chúc chị nhiều may mắn.»

Nỗi căng thẳng của tôi như được cất đi khi nghe bên kia đầu dây giọng miền nam chân tình và sốt sắng của người đàn ông tự giới thiệu là trung úy Tâm. Ông nói liền sau đó «Người tử thương trong phi vụ ngày 15 tháng 12 năm 1973 là trung sĩ Nguyễn Văn Hải.» Tôi lặng người. Bàng hoàng. Bất ngờ. Tôi không thốt nên lời. Sau ít phút trao đổi ngắn ngủi tôi xin ông một buổi phỏng vấn và ông nhận lời ngay dù thời gian khá gấp rút.

Tôi được biết trung úy Lữ Công Tâm sinh quán tại Biên Hoà, cựu học sinh trung học Ngô Quyền, nhập ngũ khóa 4 Sĩ Quan Không Quân hiện dịch năm 1969. Ông tốt nghiệp phi công trực thăng UH1 tại Hoa Kỳ năm 1970 và về nước phục vụ tại phi đoàn 231 Lôi Vân, Không Đoàn 43 Chiê ? n thuật, Sư Đoàn 3 Không Quân, đóng tại căn cứ không quân Biên Hoà.

Trung úy Tâm kể tôi nghe phi vụ ngày 15 tháng 12 năm 1973 một cách rành mạch. Sáng hôm đó, trung úy Tâm nhận lệnh của trung tâm hành quân ở Quân Đoàn 3 Biên Hoà với hợp đoàn ba chiếc trực thăng. Điều đặc biệt muốn nhấn mạnh ở đây là trực thăng của hợp đoàn

có sơn ba dải màu cam ở phía đuôi phi cơ là biểu tượng của Ban Liên Hợp Quân Sự Bốn Bên được thành lập sau khi ký kết hiệp định ngưng bắn ngày 27 tháng giêng năm 1973 gồm phía Hoa Kỳ, Bắc Việt, Việt Nam Cộng Hoà, và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Theo Hiệp Định ngưng bắn, các phi cơ này phải được an toàn trong bất kể vùng lực lượng đối phương hay bên ta. Nhiệm vụ của hợp đoàn ba chiếc phi cơ là tìm xác của vụ rơi máy bay F100 tại tọa độ ở huyện Bình Chánh, tỉnh Long An, phía tây nam của Sài Gòn. Ba chiếc trực thăng cất cánh từ Biên Hoà đến Tân Sơn Nhất đón nhóm quân nhân Mỹ đem theo các dụng cụ như máy bơm nước, cuốc, xẻng để đào xới tại tọa độ nói trên. Trong đội hình ngày hôm đó, chiếc số 1 của Trung Úy Nguyễn Nam, chiếc số 2 của Trung úy Lâm Văn Có, chiếc số 3 của Trung Úy Lữ Công Tâm. Trước ngày hôm đó, phía cộng sản theo dõi biết được phía Việt Nam Cộng Hoà đã đánh dấu tọa độ máy bay rơi và biết chắc họ sẽ quay trở lại ngày hôm sau nên đã âm mưu phục kích sẵn.

Trung úy Tâm ngậm ngùi nhớ lại ngày định mệnh của trung sĩ Nguyễn Văn Hải, người hạ sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa còn khuyết tên trong bảng tưởng niệm của Văn Phòng Tìm Quân Nhân Mỹ Mất Tích. Hôm đó, trung sĩ Hải được giao nhiệm vụ là cơ khí viên trong phi vụ. Trung sĩ Hải bị trễ phi vụ nên Trung sĩ Nguyễn Văn

Hầu được lệnh thay thế cho Trung Sĩ Hải. Khi trung úy Tâm chuẩn bị cất cánh theo hợp đoàn thì trung sĩ Hải vừa kịp chạy đến trực thăng và nói «Trung úy ơi, trung úy cho em đi bay với chứ ở nhà buồn quá». Trung úy Tâm nghe vậy bèn ra lệnh cho trung sĩ Hầu ở lại và để Trung sĩ Hải đi theo. Trong lúc trung úy Tâm chuẩn bị hạ cánh, trung sĩ Hải yêu cầu ông «Trung úy Tâm ơi, đáp đội hình chữ V cho đẹp». Khi kéo cần lái để chuẩn bị đáp thì trực thăng của trung úy Tâm bị trúng ngay B40 từ phía cộng sản phục kích gần một con suối nhỏ. Quả B40 bắn trúng bình nhiên liệu của trực thăng phía bên tay phải làm trực thăng bốc cháy ngay gây cho trung sĩ Hải tử thương tại chỗ. Dưới hỏa lực dữ dội từ phía cộng sản bắn lên, trung úy Tâm đã can đảm, bình tĩnh và khéo léo điều khiển trực thăng đáp xuống an toàn để những người còn lại trong phi cơ thoát được ra ngoài. Trung úy Tâm cùng phi hành đoàn là trung úy Nguyễn Hữu Trí sau khi thoát khỏi phi cơ, trườn về phía trước trong đám cỏ tranh chừng khoảng chục thước. May nhờ cỏ tranh cao nên cộng sản phục kích khó mà thấy được. Phía cộng sản hô xung phong và tấn công, bắn B40 vào trực thăng đang cháy. Giữa những tiếng reo hò xung trận từ phía cộng sản, trung úy Tâm còn nghe được cả giọng của nữ du kích.

Hai chiếc trực thăng còn lại trong hợp đoàn cất cánh lên được, bay vòng yểm trợ phía trên. Khi thấy phi cơ của trung úy Tâm bị bắn bốc cháy và buộc phải đáp xuống, phi cơ của trung úy Nam sà xuống cứu nạn. Trung úy Tâm xúc động nhắc đến tình đồng đội trong lúc nguy khốn, dưới hỏa lực gay gắt từ phía cộng sản mà trung úy Nam vẫn không ngại nguy hiểm đáp phi cơ xuống cứu được hai phi công. May mắn là cùng lúc đó có một hợp đoàn khác do đại úy Hồ Hữu Cảnh dẫn đầu một toán biệt kích để thực hiện phi vụ lấy xác phi công khu trục Việt Nam bị rơi tại vùng Lai Khê. Trên đường bay khi nghe tin trực thăng của trung úy Tâm bị bắn nên hợp đoàn này quay trở lại cùng với toán biệt kích và hai chiếc trực thăng võ trang để cứu nạn. Các quân nhân bị thương và tử thương được chiếc phi cơ có toán biệt kích đến tải đi cùng ngày. Phần tổn thất trong phi vụ này là phía Việt Nam Cộng Hoà mất đi cơ khí viên trung sĩ Hải, hạ sĩ xạ thủ Phạm Ngọc Thanh bị thương nặng, Trung úy Tâm và trung úy Trí bị thương nhẹ. Về phía Mỹ, một đại úy là người trưởng toán trong nhóm đi tìm người Mỹ mất tích bị tử thương và một hạ sĩ quan bị thương.

Trung úy Tâm đã không thể ngờ được sau khi miền nam Việt Nam bị mất vào tay cộng sản năm 1975, ông phải đi tù cải tạo. Những tưởng rằng cuộc đời mình đã

tàn tạ, trung úy Tâm không nghĩ có ngày được lãnh huy chương cao quý này. Ông giải thích với niềm hãnh diện rằng huy chương đồng Anh Dũng Bội Tinh ông nhận có kèm chữ V (viết tắt của chữ «Valor» trong tiếng Anh) biểu tượng cho lòng dũng cảm khi trực diện quân thù.

Khi ra khỏi tù cải tạo năm 1981, trung úy Tâm vượt biên năm 1982 và định cư tại Mỹ năm 1983. Ông cho biết ông và các đồng đội vẫn còn liên lạc với nhau. Các đồng đội ông xem thông tin trên các trang mạng đã báo cho ông biết để xin nhận lại huy chương cao quý này mà lẽ ra phải được trao tặng vào tháng Tư năm 1975. Trung úy Tâm cảm thấy hài lòng vì chiến công của những chiến sĩ Việt Nam Cộng Hoà góp phần trong cuộc chiến đã được chính phủ Hoa Kỳ công nhận và họ đã tổ chức trịnh trọng buổi lễ trao huy chương cho ông. Ông chia sẻ trong niềm tự hào rằng ông có thể đại diện Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà mà nói rằng đây là một quân đội rất dũng cảm chiến đấu trong mọi tình huống, không phải như những lời tuyên truyền từ phía cộng sản hay phe phản chiến là quân đội Việt Nam Cộng Hòa tham nhũng và hèn nhát. Ông cũng tỏ lòng biết ơn đến vị dân biểu liên bang là bà Sanchez Loretta đã hỗ trợ việc lấy lại danh dự cho quân đội Việt Nam Cộng Hoà bằng cách đôn đốc hồ sơ xin nhận lại huy chương cho ông và các đồng đội. Ông bồi hồi nhắc đến các chiến

hữu như Trung sĩ Hải, hay Hạ sĩ xạ thủ Thanh, các quân nhân Mỹ cùng tham gia phi vụ hỗn hợp ngày 15 tháng 12 năm 1973 và cũng không quên nêu cao tình đồng đội của các phi công, toán biệt kích với niềm hoài niệm sâu xa.

Trước khi kết thúc buổi nói chuyện, tôi có thưa với trung úy Tâm, «có lẽ trung sĩ Hải muốn con đến gặp chú.» Bộc bạch được điều này, tôi xúc động rơi lệ. Tôi nhớ mình đã viết một điện thư cho Văn Phòng ngay sau khi phỏng vấn trung úy Tâm vào một chiều thứ sáu. Bức điện thư ngắn gọn như một điện tín, «15 December 1973. He was Sergeant Nguyễn Văn Hải. Too good to be true.»

Vâng, tôi không cần viết gì thêm nữa. Tôi đã tặng họ một điều ngạc nhiên. Tôi đã gieo trong tim họ một niềm vui vào cuối tuần với nhiều dấu hỏi để rồi tuần sau khi gặp nhau, khi tấm bảng «On Air» trong studio bật sáng, tôi sẽ nhìn vào màn hình để gặp lại những người tôi muốn trò chuyện và chia sẻ. Tôi sẽ bắt đầu câu chuyện bằng huy chương đồng Anh Dũng Bội Tinh kèm chữ V của trung úy phi công Lữ Công Tâm.

Thế là chiếc huy chương đồng Anh Dũng Bội Tinh kèm chữ V của trung úy Tâm đã đem đến kết cuộc có hậu cho câu chuyện về một đồng đội hy sinh. Tôi tin

tưởng Văn Phòng Tìm Quân Nhân Mỹ Mất Tích trong chiến tranh Việt Nam sẽ sưu tra để khép lại hồ sơ vụ này. Tâm trí tôi đã nhẹ, nỗi ưu tư kể từ lần đầu tôi nghe vụ việc ngày 15 tháng 12 năm 1973. Tôi cầu mong linh hồn Trung sĩ Nguyễn Văn Hải thanh thản hơn vì từ nay tên anh được đặt trân trọng trên bảng tưởng niệm thể hiện niềm tri ân cố hữu của chính phủ Hoa Kỳ đối với sự hy sinh của anh trong sứ mệnh tìm người Mỹ mất tích. Tôi xin cám ơn lòng nhiệt thành của Trung úy Tâm đã giúp tôi hoàn tất điều tôi tâm nguyện. Người của đất Biên Hoà tự hào về ông.

Orchid Thanh Lê

# Con Gái của Người Ta

Trần Thiện Phi Hùng

Với bài viết tựa đề «Viện Dưỡng lão và Viện Mồ Côi», Trần Thiện Phi Hùng có tên trong danh sách nhận giải đặc biệt Viết Về Nước Mỹ 2013. Tác giả cho biết ông nguyên là lính Hải Quân VNCH; 12 năm 4 tháng đúng, tính đến ngày 30 tháng Tư 75, tự lái tầu vượt biển năm 1982, hiện định cư tại Úc. Bài mới nhất của ông, vẫn với chi tiết về nhà hộ sinh và viện dưỡng lão như từng kể, nhưng gần như quay một vòng 360 độ, biến thành một câu chuyện khác hẳn.

Tiệc rửa lon trung úy của tôi chung với tiệc đầy tháng của con gái tôi và «con gái của người ta».

Con gái của người ta sau 24 giờ sinh ra đã trở thành con gái của tôi và chỉ sinh sau con gái của tôi có 4 giờ tại Bảo Sinh Viện Quân Đội Thành phố Nha Trang năm 1972. Mẹ của nó còn trẻ lắm nhưng lanh lợi sành đời. Cô ta sinh xong mạnh khỏe đi đứng bình thường chứ không nằm liệt như bà vợ tôi. Cô ta nói với vợ tôi cô ta là vợ của một Trung úy Biệt Kích. Anh ta ít khi về nhà và công tác ở đâu không bao giờ nói. Cô ta đi làm sở Mỹ ở Chu Lai vì sinh kế sao đó nên nhảy dù với Mỹ. Tai nạn có thai ngoài ý muốn nhưng không biết con

của Chồng hay của Mỹ nên cứ sinh xong rồi tính. Con chồng thì để nuôi; con Mỹ thì cho.

Nghe vợ nói lại, tôi sang phòng cô ta gõ cửa xin vào xem đứa nhỏ ra sao. Trong bóng đèn mờ của căn phòng, con bé nằm bó mình trong khăn lông; chỉ lòi cái mặt da trắng đỏ và cái miệng nhỏ xíu hai môi như chu ra làm tôi nghĩ ngay con bé này chắc sau này hỗn lắm ! Tôi không nói gì với cô ta mà về phòng bảo bà vợ tôi :

- Mình xin Con Bé nuôi luôn nhen Em ?

- Làm sau đủ sữa cho 2 đứa ? Thiên hạ nói bậy bạ làm sau chịu nổi ?

- Cho uống sữa bò; Anh mướn thêm người giúp việc nửa cho em.

- Tùy anh.

Thế là thủ tục Xin của Tôi và đồng ý cho con do cô ta viết được đưa cho Cô Mụ; nhưng sáng hôm sau thì cô ta đã rời khỏi bệnh viện, bỏ con lại mà thủ tục chưa hoàn tất. Ban Xã hội Quân đội cũng dễ dàng hoàn tất nốt thủ tục nhận con nuôi mà làm khai sinh giống như thủ tục khai sinh của con gái của tôi. Đây có lẽ là trường hợp hy hữu một đứa trẻ Lai Mỹ mà khai sinh do hai vợ chồng là người miền Đông và Tây Nam Việt Nam coi

như sinh ra. (rất tiếc trong cơn biến loạn di tản năm 75 tất cả hình ảnh đều mất hết. Trong tiệc đầy tháng; 2 đứa bé như cặp song sinh; nhưng một Việt một Mỹ đẹp như thiên thần !); nhưng mà khổ cho thân tôi ! Hai đứa trẻ đứa nào cũng đòi bồng một lúc. Đứa trên lưng thì đứa kia phải bế trên tay. Lưng Tôi bị thoái hóa cột sống năm 2000 có lẽ cũng vì hai đứa con ngày một lớn dần mà cứ phải thay đổi đứa trên lưng đứa trên tay mấy năm.

Tháng Tư đen 1975, tôi bị rã ngũ. Tôi không thể về quê ngoại như ước muốn sống ở Rừng Dừa năm xưa vì nay B52 cày nát thành bình địa. Tôi muốn phá hoang trồng lại; nhưng phải trình diện vào tù cải tạo. Một tháng trôi qua, rồi một năm, rồi năm nữa... ! Vợ không thấy đi thăm mà con cũng không bao giờ được gặp mặt. Mỗi tháng chỉ có Mẹ tôi được 15 phút thăm nuôi. Hỏi gì mẹ tôi cũng nói tất cả bình an; các con ngoan và khỏe mạnh. Tôi lúc nào cũng nhờ Mẹ lưu tâm cho Thùy An, tên đứa Con Lai Mỹ. Chắc là Nó bị kỳ thị ở trường học và sống với mọi người sẽ rất khó khăn ! Mẹ tôi nói con khỏi lo. Nó sống rất tốt học rất giỏi nên được Thầy Cô và bạn bè quý mến. Mẹ tôi lúc nào cũng né tránh khi tôi hỏi đến vợ và con gái của tôi, Thanh An. Tôi đoán có lẽ chuyện gì không tốt đã xảy ra nhưng đành bó tay không biết hỏi ai !

Bốn năm sau tôi được ra tù. Con gái mang 2 dòng máu ôm tôi khóc như mưa; nhưng con gái và vợ tôi thì không thấy đâu nữa. Tôi đoán biết chuyện không hay nên cũng không hỏi mẹ. Cơm chiều xong, con gái xin tôi :

- Ba cho con ngủ chung với Ba đêm nay ?

- Ngày thường con ngủ một mình ?

- Không Con ngủ với Bà Nội.

- Ừ ! nếu con muốn.

Con bé thỏ thẻ kể hết cho tôi nghe. Ba đi rồi mấy tháng sau má dẫn Chị Hai đi với Má về thăm Ngoại mà không cho con đi và từ đó không về nữa. Con hỏi Nội Má con chừng nào về ? Nội nói Nội không biết.

Một năm trôi qua; tính ra tôi đi làm «lao động xã hội chủ nghĩa» có nghĩa «ăn cơm nhà làm lao động nặng không công» khoảng hơn 3 tháng. Đào kinh, đắp đường, gánh lúa thuê... v. v... Cạnh đó là làm thuê, làm mướn đi lao động thay cho người trả tiền để khỏi đi. Tôi hết thời gian quản chế một năm, làm phó thường dân, rồi được đề cử làm Đại Đội trưởng Lao động; chuyên đi kêu người đi lao động. Ai thấy mặt tôi đến thăm là biết phải cơm gạo nhà đem đi làm không công mấy ngày

hay nửa tháng.

Thời chinh chiến; tiền lương của 3 đứa con cho Mẹ, mẹ tôi xài tiện tặn có dư, hễ đủ 1 chỉ thì mua 1 chỉ vàng y; đủ 10 chỉ thì đổi thành 1 lượng. nhét kẹt giường, đào nền nhà, tủ làm 2 nóc để cất vàng. Con thất thế sa cơ Mẹ bán vàng nuôi con. Mẹ cho con vàng để vượt biên.

Năm 1982, tôi và em gái tôi vượt biên. Con gái của tôi nhất định Ba đâu con ở đó; Con không sợ chết. Con chỉ sợ phải xa Ba ! Tôi lái tàu ra khơi lần cuối cùng để một là chết, hai là được thật sự tự do. Tôi thành công sang bến bờ tự do. Con gái tôi bắt đầu vào Trung học; có lẽ nhờ cái máu Mỹ của nó hay sao mà chỉ mấy tháng thì nó nói tiếng Mỹ như súng liên thanh; cứ có dịp là đeo bên tay Cha khi đi chợ hay đi ăn nhà hàng hay có đám tiệc..... Hình ảnh một ông già Việt Nam có một cô gái hoàn toàn Mỹ không thấy có gì lai đeo theo một bên và nhõng nhẽo thì chắc chưa có ai bằng. Tối ngày gặp mặt gọi Daddy; không thấy mặt thì daddy, Ba đâu rồi. Tôi vui với con gái của người ta và là nguồn an ủi cho tôi vui sống. Tôi làm công nhân cho hãng làm phụ tùng xe hơi, lương cũng dư sức nuôi con lên đại học và mua nhà trả góp. Phải mất 5 năm tôi mới trả hết nợ nhà. Năm 1995 con gái tôi thành y sĩ nhãn khoa và có việc làm ngay. Ngày làm lễ Mãn khóa; cầm mảnh bằng trên

tay, con gái ôm tôi khóc như chưa bao giờ khóc như thế. Tôi bảo :

- Con vui mừng sao lại khóc dữ thế ?

- Cám ơn; Con cám ơn Daddy nhiều lắm; Con đang nghĩ không biết có bao nhiêu ngàn hay chục ngàn đứa trẻ bị cha mẹ bỏ rơi mà có bằng Đại học như con. Con thương Daddy nhiều lắm.

- Daddy cũng cám ơn Con; nhờ có con mà cuộc sống của Ba mới có ý nghĩa mà vui sống tiếp bấy lâu nay.

Hai Cha Con dị chủng ôm nhau cùng khóc.

Bạn bè của con biết thì không có gì lạ về sự khăng khít của Hai Cha Con Việt Mỹ này; nhưng những người xa lạ thì hiếu kỳ nghĩ suy lung tung nhưng không thể nào ra được đáp án. Cha Việt sao con Mỹ mà không có chút gì là dáng vẻ Việt Nam.

Tôi đi làm đem cơm theo ăn nay làm thêm phần cho con gái. Lương của con gái đưa hết cho tôi và chỉ lấy 100 bạc để đổ xăng và ăn quà vặt. Khi cần mua sắm gì thì nói xin. Tôi từ chối cách nào cũng không được nên mở một sổ bank riêng bỏ hết tiền của con gái đưa để khi nó cần đưa lại cho nó. Hai năm sau, em Gái của tôi bán 2 cái nhà cũ để mua cái nhà lớn hơn, tôi bảo con

gái vay tiền ngân hàng mua cả 2 cái. Vì không vay được một lúc gần nửa triệu bạc nên tôi dùng cái nhà tôi để thế chấp vay mua 2 cái nhà cho con gái đứng tên và cho mướn.

20 năm trôi qua nhanh. Lưng của tôi bị thoái hóa cột sống nên đau càng ngày càng nhiều. Chân tôi bắt đầu bị tê. Lái xe lúc nào chân cũng phải nhịp nhịp thử coi còn hoạt động được hay không; nhỡ bị tê khi cần thắng mà không sử dụng được thì nguy to. Tinh thần tôi bị hoảng loạn khi nghĩ đến lúc không cử động được tay chân bởi dây thần kinh bị gai xương sống ép nên không hoạt động được. Mổ xương sống thì xác suất rủi ro khá cao; nên khi còn gượng đi đừng được tôi không chịu mổ để cắt gai cột sống. Con gái thì đeo theo một bên ít đi chơi ít giao thiệp với bạn bè. Đi làm về là quanh quẩn bên Cha làm tôi thêm lo lắng.

- Sao Con không có bạn trai ? Con lập gia đình cho ba yên tâm !

- Ai bảo Ba con không có bạn trai. Bạn trai của con đang ghi tên học tiếng Việt; bao giờ nói được tiếng Việt con sẽ đem về ra mắt Ba. Anh ta người Đức nhưng sinh trưởng ở đây và chịu điều kiện phải sống chung với Ba suốt đời; nhưng con thêm điều kiện phải nói được những câu thông dụng tiếng Việt Nam.

- Ba nói tiếng Anh cũng tạm hiểu được mà Con.

Nhưng con muốn con của con sau này phải nói được tiếng Việt, nên anh ta ghi tên học một năm tiếng Việt ở Đại học Victoria.

Tuổi 60 cũng đúng lúc tôi được phép về hưu vì là cựu quân nhân nên sớm hơn dân sự 5 năm. Con Gái thì hối thúc Ba nghỉ việc đi; tiền hưu Ba đủ sức tiêu dùng; nếu có cần mua gì hay đi đâu con lo cho ba được.

Tôi xin nghỉ việc về hưu. Sáng nào 5. 30AM cũng đi bơi để chữa trị bệnh đau lưng. Con gái cũng đi theo. Sáng nào hai cha con xe ai nấy lái đến hồ bơi. Con tập Gym, cha thì Bơi. Con gái đem quần áo uniform thay đi làm luôn.

Một hôm con gái tôi nói :

- Ngày mai con không đi làm; Ba có muốn con chở Ba đi thăm Bác Hoàn không ? Con nghe con gái của Bác nói Bác đã bị đưa vào Viện Dưỡng lão tuần rồi.

- Sau con lại dùng chữ «bị» ? Chẳng lẽ Bác Hoàn không muốn vào Nursing home mà bị bắt buộc vào hay sao ?

- Bác Hoàn bị stroke té; xe cấp cứu đem vào nhà thương; Bác bị méo mặt và miệng không nói được nên các con của Bác xin Bác sĩ cho vào Viện Dưỡng lão; vì nếu về nhà sau này xin vào thì Bộ Y tế sẽ check sức khỏe và trí nhớ khó khăn lắm mới được chấp nhận nên để nhà Thương quyết định thì khỏi phải check gì hết !

- Bác chỉ hơn Ba có 2 tuổi và trí nhớ còn tốt lắm mà! Ừ ! Ba với con đi thăm Bác kẻo tội nghiệp; hơn nữa mai mốt Ba có vào sẽ có người thăm lại ba.

- Không bao giờ có chuyện đó Ba đừng mơ; Con không bao giờ gởi Ba vô Viện Dưỡng Lão đâu. Con tập Gym để đủ sức bồng Ba khi Ba cần đến; Con cũng chọn chồng lớn con để phụ với Con. Ba xài Computer và Internet thường xuyên, trí nhớ của ba sẽ không bị Dementia hay Alzheimer.

- Cám ơn con; nhưng con còn công việc và cuộc sống của riêng con.

- Viện Mồ Côi không dành cho con thì Viện Dưỡng Lão cũng không dành cho ba.

- Con nhớ mua trái cây biếu Bác; nhớ đừng mua bánh ngọt vì Bác ấy cử ăn đường.

Hai cha con tôi vào Viện Dưỡng Lão Cửu Long vừa sau giờ ăn sáng; nên gặp Bác Hoàn ngay phòng ăn. Mặt và miệng của Bác Hoàn trở lại gần bình thường và giọng nói tuy có biến giọng nhưng vẫn còn nghe rõ lắm. Bác bắt tay tôi coi vẻ mừng và cảm động lắm nhưng hai mắt lệ ứ tròng. Con gái tôi lúc nào đi với tôi đều là mục tiêu để nhiều người chú ý và tò mò muốn biết về Cha Con Việt Mỹ này. Hơn nữa vẻ trìu mến và lúc nào cũng như nhõng nhẽo với cha từ lúc còn bé thành thói quen làm mọi người càng chú ý hơn. Thăm Bác Hoàn khoảng một tiếng sau hai cha con xin phép ra về. Con gái tôi lái xe ghé Chợ và nói :

- Con đãi ba ăn bún bò Huế.

- Ừ ! ăn thì ăn.

Con gái mở cửa cho tôi và kéo ghế cho tôi ngồi; gần như ai cũng quay ngó chúng tôi. Cô bé chạy bàn thì quen quá với cha con tôi vì nhiều lần ăn ở quán này.

- 2 tô bún bò Huế phải không Chú ?

- Ờ ! Cháu cho Chú 2 tô.

Con gái mở cái xách tay của nó ra; mà nó đổi cái xách tay lớn hơn hồi nào tôi không để ý. Nó kéo ra một bịch nylon và kéo Rau kinh giới ra. Nó để rau kinh giới tím

qua một bên và nói :

- Cái này của Daddy.

Rồi kéo mớ khác là kinh giới xanh và nói :

- Cái này của con.

Ông ngồi bàn gần kế bên quay sang

- Cô Tây nầy sau nói tiếng Việt rành quá và rành ăn bún bò Huế hơn cả người Việt Nam !

- Nó là người Việt Nam chứ không phải Tây. Nó chê rau kinh giới tím ăn nồng quá mà tôi thì thích kinh giới tím hơn nên nó hái riêng hai loại cho cha con chúng tôi.

- Cô ta là Dâu của Anh ?

- Không. Nó là con gái của tôi.

- Hai tô bún bò Huế được bưng ra; cuộc đàm thoại ngưng tại đây và có lẽ ai cũng liếc mắt xem khi cô Tây 100% vắt chanh và ngắt từng cọng rau bỏ vào tô cho cha. Tôi hãnh diện là đã không lầm khi bỏ công bao năm cơ cực nuôi «con của người ta.»

Về tới nhà chưa kịp thay quần áo thì điện thoại reo. Bạn Hoàn, người tôi vừa đi thăm, phone cho tôi từ Viện Dưỡng Lão.

- Anh mới về tới nhà phải không ? Hồi nãy tôi gọi không ai bốc phone. Sau khi Anh về rồi có một Bà trong Viện dưỡng lão này hỏi anh có phải Hải Quân hay không và đứa con gái Mỹ đi theo Anh là con của Anh ? Bà ta nói là người quen của Anh ở Nha Trang khi xưa; muốn xin số phone của Anh, nên tôi hỏi Anh trước. Có phải nhân tình cũ ngày xưa hay không ? Nếu phải thì vào gặp gấp đi; dễ gì xa xứ gặp cố tri !

- Ừ ! Thì Anh cứ cho; có sao đâu. Bốn mươi mấy năm rồi làm sao ai còn nhớ được ai !

Một ý nghĩ thoáng qua trong óc tôi : Không lẽ là Mẹ ruột của con gái của tôi ? Chứ nếu bà ta là người vợ bỏ tôi ngày nào thì chắc chúng tôi phải nhìn nhau, chứ chẳng lẽ tình chồng vợ sống với nhau 5 năm mà nhìn nhau không ra ! Nhưng nếu là mẹ ruột của con gái của tôi, tôi phải làm sao đây, vì dù sao cũng là...»Con gái của người ta».

Trần Thiện Phi Hùng

# Luane

Trương Ngọc Bảo Xuân

Tác giả đã nhận giải Chung Kết Viết Về Nước Mỹ 2001, và từ 8 năm qua, là thành viên Ban Tuyển Chọn giải thưởng Việt Báo. Sau đây là bài viết mới nhất của Trương Ngọc Bảo Xuân, kể về một cô bạn Mỹ làm nghề «mang bầu mướn, đẻ mướn». Bài trích từ Báo xuân Việt Báo Tết Giáp Ngọ 2014, đang phát hành khắp nơi.

Kể từ khi Luane «biến mất», mỗi lần gặp một thiếu phụ tóc vàng đang mang thai, tôi lại nhớ tới em.

Luane, người dễ nhớ cái tên càng khó quên.

Luane, đọc lên thì nghe giông giống như tên Loan.

Mới đây, tôi gặp lại nàng sau hơn hai mươi năm. Tôi nhìn được nàng nhờ mái tóc vàng và đôi mắt xanh biết cười.

Tôi quen nàng trong khoá học ở trường thẩm mỹ, niên khóa 1986-87. Lúc ấy, nàng chưa tới 18 tuổi. Một cô gái Mỹ chánh gốc tóc vàng mắt xanh.

Hồi mới nhập học, tóc nàng vàng, nhưng là một màu vàng èo uột, vàng mờ nhạt, vàng không tươi, nước da trắng ẻo bệnh hoạn nhưng đôi mắt lại rất xanh, biếc như màu nước biển.

Nói tóm lại, nàng tượng trưng cho sự nghèo nàn thiếu thốn. Vài tháng sau có sự thay đổi, dần dần nàng trở nên khỏe mạnh, màu tóc sáng ánh lên như râu trái bắp, đôi mắt trong veo luôn cười cười. Tôi hay chọc là nàng có đôi mắt xanh biết cười, rất đẹp, cho nên, đừng bao giờ buồn.

Một hôm trong lúc học bài hớt tóc kiểu mới nhất, đang đứng bỗng nàng khuỵa gối, tay che miệng như muốn ói. Tôi đứng kế bên vội vàng bỏ kéo bỏ lược, đỡ nàng ngồi xuống. Nhỏ Thủy lên tiếng :

- Nó có bầu đó chị.

Ý trời ! Có hồi nào ? Ai mà biết ta. Tôi đứng kế bên nàng cả tháng mà không hay. Quả thật mình quá vô tâm.

Sau đó, hỏi han lần lần, tôi biết rõ hơn về người con gái ấy.

Luane là người con gái quê từ tiểu bang Ohio xa lắc. Sau khi hết trung học, nàng bỏ nhà ra đi theo bạn trai. Tới California, chàng phải làm những công việc tạp

nhạp kiếm sống. Nàng có ước mơ học đại học nhưng túng thế nên ghi danh học nghề thẩm mỹ, thời gian học không dài, chỉ trên 10 tháng thôi, thi có bằng hành nghề rồi là kiếm tiền được và có thể vô đại học.

Tôi đã hỏi, vậy tại sao có bầu sớm quá vậy. Sanh con ra rồi có thể khó mà theo đuổi sự học hành. Cô mỉm cười, khẽ lắc đầu :

- Đâu phải con tôi.

Hết sức ngạc nhiên, tôi hỏi :

- Vậy chớ, mang trong bụng cô mà không phải con cô ? Là sao ?

Vẫn cười buồn, nàng nói :

- Là con tôi mang cho người khác. Tôi là người sanh mướn.

Trời đất ơi. Chuyện lạ. Mới nghe lần đầu. Thế rồi nàng kể tôi nghe. Có một dịch vụ ít người biết, là sanh con mướn. Những cặp vợ chồng hiếm muộn, hay bất cứ người nào muốn có con mà vì lẽ này hay lẽ nọ, không thể thụ thai, không muốn mang nặng đẻ đau, không muốn xin con nuôi... thì tới với dịch vụ này, mướn người sinh con cho mình. Có vài trường hợp, đứa con

là do thụ thai từ tinh trùng và trứng của hai vợ chồng, hoặc thụ thai chỉ với tinh trùng của người chồng với chính người đàn bà mang thai dùm. Lần ấy, Luane đã mang cái bào thai của một cặp vợ chồng hiếm muộn, người vợ không thể thụ thai được, nên đã chọn Luane sanh con cho họ với giá mười lăm ngàn mỹ kim. Đúng ra giá tiền căn bản chỉ mười ngàn thôi nhưng vì cô là người chưa từng sinh con bao giờ và có mái tóc vàng đôi mắt xanh nguyên thủy, đồng màu mắt và tóc với cả hai vợ chồng ấy, có thân hình thon thon thanh mảnh nên được giá, thêm năm ngàn. Thời ấy, năm 1986, đồng đô la còn giá trị rất cao, mua một cái townhouse mới xây ngay tại Monterey Park hai tầng lầu ba phòng ngủ một phòng làm việc hai phòng tắm rưỡi, gara chứa hai xe, chỉ có một trăm hai mươi lăm ngàn mà thôi.

Luane dự tính, vừa mang thai vừa đi học, không phải lo tiền nhà tiền ăn, được tiếp dưỡng đầy đủ, sanh xong có số tiền lớn sẽ là nấc thang đầu giúp cô qua khỏi cơn túng quẫn. Cô còn dự tính, trong vòng mười năm tới, vừa đi học, vừa thỉnh thoảng cô sanh con dùm vài lần, cô sẽ có số tiền khá lớn đủ mua căn nhà, mà tuổi thì mới hăm bảy hăm tám thôi. Ngoài ra, sau khi sinh con xong, được những đứa con đúng ý mong đợi, có thể được sự tưởng thưởng của những «thân chủ» cha mẹ của những đứa con sinh từ bụng cô.

Tôi đã hỏi, vậy tại sao họ còn để cô đi học ? Cô nói, theo hợp đồng thì cô có quyền đó, vả lại đi học cũng là một cách vận động tốt cho sức khỏe. Tôi hỏi, thế, bạn trai cô nghĩ thế nào ? Luane nói cả hai cùng đồng ý làm chuyện này mà. Họ còn có thể có con cho chính mình xen kẽ với chuyện mang thai cho người khác.

Thời đó, chuyện mang thai mướn hầu như là rất bí mật, ta cũng chưa hiểu gì nhiều. Trong trường, mọi người dần dần xa lánh cô. Họ xì xào, cho cô là người không được bình thường, mang những tin tưởng méo mó. Thứ con gái hư thân mất nết. Bỏ nhà theo trai, còn đi làm cái việc vô nhân vô hậu, không có chút ý niệm về tinh thần đạo đức, giòng giống, sự liên hệ giữa vợ chồng và cha mẹ con cái, coi việc mang bầu sinh con như chuyện kinh doanh vô ý thức.

Thật sự mà nói, khi nghe chuyện của cô bé ấy, tôi đã đi từ ngạc nhiên này qua ngạc nhiên khác. Không thể tin được chuyện như vậy có thể xảy ra ngoài đời. Điều đáng ngạc nhiên hơn hết, cô kể chuyện với thái độ bất cần dửng dưng như đi chợ lựa cái quần mua cái áo. Có thể vì lý do ấy mà những bạn đồng môn đều ghét cô.

Theo ý nghĩ của tôi, tại sao không đi làm, chưa con cái vướng bận, cũng kiếm ra tiền vậy, đôi khi còn nhiều hơn phải làm việc lấy sức lực máu huyết của mình ra để

nuôi dưỡng cái thai trong bụng, vả lại, đi làm việc có thể kiếm ra tiền nhiều hơn nữa. Sao lại dự tính bỏ ra cả mười năm trời sanh con dùm cho người ta ?

Không thể hiểu được.

Về sau, tôi có xem một cuốn phim về trường hợp sanh con mướn này và những éo le đã xảy ra.

«Đôi vợ chồng nọ rất yêu thương nhau, sau một thời gian dài hiếm muộn, quen biết một cô gái, đã nhờ cô sinh con cho họ. Cái thai là do tinh trùng của người chồng cấy vào cô gái. Mới đầu họ mướn nhà cho cô ở, hằng ngày tới lui thăm viếng. Khi cô bị thai hành, tâm lý của người đàn bà đang mang thai đôi khi rối loạn, người vợ đã săn sóc tận tình. Thế nhưng, cô gái còn quá trẻ quá ham vui, thỉnh thoảng trốn đi chơi đêm. Sau một lần uống rượu say nhảy múa thác loạn, cô gọi điện thoại khóc lóc với hai vợ chồng, dọa phá thai hủy giao kèo nên sợ quá, họ phải soạn một phòng và đem cô về sống chung chăm sóc cho tới khi sinh con.

Nhưng sau khi vào sống chung trong cái dinh thự và trước sự giàu có ấy, cô nổi lòng tham. Cô nghĩ tại sao mình không có được những thứ mà người đàn bà hiếm muộn héo hắt ấy đang có ? một người chồng tốt, khỏe mạnh đẹp trai và giàu. Tại sao mình không thể

chiếm luôn cả tình yêu của người đàn ông mà mình đang mang đứa con của anh ta ? cũng là con của cô. Thế là cô lấy cớ sợ bóng đêm, sợ lẻ loi, đòi vào ngủ chung trên giường của hai vợ chồng.

Cô muốn được sự ôm ấp vuốt ve chiều chuộng của người đàn ông. Nhìn cái thai trân quý đã căng tròn, vì cô dọa sẽ tự tử nếu họ không làm theo ý cô, họ không thể làm gì khác hơn, đành phải chìu lòng cô.

Rồi cô gây sự chia rẽ cho hai người, càng ngày càng lớn thêm vì gần như mỗi đêm cô đều đòi ngủ chung với người chồng, cho tới nổi người vợ không chịu đựng được nữa, phải dọn qua phòng khác.»

Về sau ra sao, chuyện phim tôi chỉ nhớ tới bấy nhiêu thôi.

Chuyện của Luane cũng vậy, vài tháng sau, cô tự dưng bỏ học và từ đó không ai biết tin tức gì của cô nữa, cho tới ngày hôm ấy, sau hơn hai chục năm tôi gặp lại cô, trong một khu mua sắm.

Hôm ấy sau khi đã cùng con gái đi khắp cả hai dãy lầu vô nhiều tiệm để coi quần áo giày dép thời trang, tìm mua cho con tôi một cái áo dự dạ tiệc. Với tánh khó khăn của nó, chọn được cái áo thì hai chân cũng rã rời.

Chúng tôi ghé vào quán ăn tìm món nào đó tạm qua cơn đói mệt.

Thì tôi trông thấy cô.

Ngồi cách chúng tôi cái bàn, người thiếu phụ tóc vàng ấy khiến tôi mài mại nhớ, hình ảnh rất quen thuộc mà tôi nhớ đã gặp ở đâu rồi. Tuy thân hình có đẫy đà nhưng càng nhìn càng thấy giống. Giống như người con gái năm nào tôi mang nhiều thắc mắc. Tôi cố đợi cô ta quay lại để xem cô có đôi mắt màu xanh hay không, và rồi chúng tôi cũng mắt chạm mắt, và tôi nhìn ra cô.

Luane. Cô bé mang thai mướn.

Tôi đã quá sức mừng rỡ, đứng dậy, tới bàn cô ngồi, hỏi :

- Luane ? Luane ?

Cô cũng đứng dậy đưa bàn tay ra nắm lấy tay tôi, gục gặc, miệng tía lia :

- Xu-enn, phải là Xu-enn không ? Là Xu-enn đây mà. Chà lâu quá, lâu lắm rồi. Sao chị còn nhớ tôi ?

Những người Mỹ thường gọi tên tôi là «xu-enn» hoặc «xun», tựa tựa như chữ «soon».

Tay bắt mặt mừng, hỏi han lung tung, như muốn rút ngắn lại khoảng thời gian xa cách quá xa.

Tôi bảo con tôi cứ tiếp tục đi loanh quanh trong Mall, để tôi ngồi lại với bạn tôi. Nó khoái quá xách túi đi liền vì sẽ được tự do mua sắm không bị tôi bàn ra tán vào cản trở !

Tôi và Luane kéo nhau ra ngồi trên một cái băng ghế dài, nhìn ông đi qua bà đi lại, kể chuyện đời của nhau.

Tôi hỏi cô về đời sống, về người bạn trai năm xưa, về tất cả mọi chuyện xung quanh cô. Luane đã cười rất buồn với đôi mắt xanh, nay đã có đuôi. Trong một thoáng hình ảnh của cô bé 17 tuổi hiển hiện lại rất nhanh, rồi tan biến đi. Cô đã có nếp nhăn vĩnh viễn ở đuôi mắt ấy, nét buồn xa xăm ở đôi mắt ấy, và màu xanh biếc khi xưa đã mờ đục nhiều. Cô kể tôi nghe quảng đời của cô.

Người bạn trai ấy, người yêu đầu đời mà cô đã bỏ cha mẹ già đi theo, đã bỏ cô sau khi sinh đứa con dùm cho người ta, bỏ đi cùng với số tiền «mang nặng đẻ đau» của cô. Tay trắng hoàn trắng tay, sau vài tháng khốn khó, cô lại phải mang bầu lần nữa cho một cặp vợ chồng khác.

Hình như cô không có khiếu làm việc hay đi học, mà chỉ có khiếu mang thai sinh con mà thôi. Trong vòng gần hai chục năm cô đã sinh ra năm đứa con.

Tôi hỏi vậy chớ cô có nghĩ tới, có tiếc rẻ những đứa bé mà cô đã sinh ra không ? Cô cười, nói :

- Nếu tiếc rẻ thì làm sao tôi mang thai và sinh ra năm đứa được. Không, hoàn toàn không, vì tôi không bao giờ nhìn mặt chúng nó. Tôi không biết mặt chúng và dĩ nhiên tôi tin tưởng chúng có đời sống rất sung sướng với những gia đình ấy. Tôi đã tuân thủ và làm việc hoàn toàn theo hợp đồng.

Tôi hỏi cô bây giờ thì thế nào ? chồng con gì chưa ? Cô nói, chồng thì không mà con cũng không. Cô cũng có vài mối tình lẻ tẻ, lần sau cùng người ấy cũng muốn có với cô một đứa con nhưng chẳng hiểu sao cô không thể thụ thai được với người ấy, sau cùng anh ta cũng bỏ cô mà đi. Rồi cô cười xòa :

- Đời là thế. Tôi cũng chẳng quan tâm. Hiện nay tôi có việc làm ổn định rồi. Sau cùng tôi cũng đã lấy được bằng cấp cử nhân, hiện làm việc cho chính phủ, có quỹ hưu để dưỡng già, đâu cần gì phải lo cho tương lai.

Cha mẹ cô cũng đã mất, để lại một nông trại xác xơ, cô đã bán rồi. Thế nhưng, nhìn lại quá khứ cô thấy vui, vui vì cô đã mang niềm vui đến cho ít nhứt là năm gia đình hiếm muộn. Giống như cô có một quyền lực, một hãnh diện, làm được việc mà người khác không thể làm được.

Tôi hỏi cô, thế, có bao giờ cô nghĩ đến, trường hợp sau này lớn lên, có thể nào một trong năm đứa con ấy gặp nhau, có thể yêu thương nhau, thành vợ thành chồng, như vậy có loạn luân hay không, khi chúng nó là anh em, cùng mẹ khác cha ?

Cô nói, không đâu, vì cô chỉ cho mượn bụng mà thôi, còn năm đứa con ấy là do sự cấu tạo của tinh trùng và trứng của người vợ. Thay vì thụ thai trong ống nghiệm thì họ cho thụ thai trong bụng của tôi. Cô cảm thấy mình đã làm một việc rất có ý nghĩa. Giúp cho những cặp vợ chồng đã hết phương hy vọng, có được niềm vui. Giúp cho những đứa bé được chào đời, sống trong những gia đình đầm ấm hạnh phúc. Họ mong mỏi, họ quý con, chúng nó có tương lai sáng lạn. Quả nhiên là sáng hơn người mẹ giả nầy.

Nói xong cô lại cười cười.

Cô cười với ánh mắt sáng lên, một ánh sáng tôi nhớ lại, hơn hai mươi năm trước, có lần tôi đã nhìn thấy khi cô ngồi tâm sự với tôi trong trường thẩm mỹ năm xưa.

Lần ấy cô đã mơ màng vẽ ra một tương lai huy hoàng, với văn bằng đại học, cô sẽ làm nên chuyện lớn. Có thể cô sẽ thành một luật sư danh tiếng. Cô tiếp :

- Tôi nghĩ, có thể vì thế mà tôi không thể có con cho chính mình được. Vì, sau người tình đầu tiên, thời gian rất lâu sau, tôi đã yêu một người khác. Người ấy cũng muốn có con với tôi nhưng tôi không thể giữ được con của chính mình. Có thai rồi bị sảy thai nên chúng tôi xa nhau. Nói rồi cô cười buồn :

- Có lẽ Thượng đế phạt tôi, không muốn cho tôi làm người mẹ thật. Có lẽ tôi bị lời nguyền.

Sau lần gặp gỡ ấy, chúng tôi thỉnh thoảng liên lạc với nhau bằng điện thư. Mới đây, cô khoe vừa gặp một người đàn ông thích hợp. Ông ấy là một luật sư, lớn hơn cô trên mười tuổi, vợ mất con cái trưởng thành nên chẳng có gì trở ngại phiền phức. Họ sẽ sống bên nhau, cô cũng thấy yên ổn. Không hẳn làm luật sư nhưng làm bà luật sư, cũng gần gần, ha ha ha.

Điều kỳ lạ là, gần đây cô thường hay nghĩ tới những đứa bé đã từng lớn lên trong bụng cô. Cô thường hay nghĩ tới chúng nó, không biết mặt mũi chúng như thế nào.

Cô ước gì, gặp tất cả năm đứa con giả ấy, một lần trong đời. Bởi vì trong giả có thật. Những bào thai ấy cũng đã nhờ sự dinh dưỡng của người mẹ mới có thể lớn lên.

Bởi vì, nếu không có máu huyết của người mẹ giả thì làm sao hình thành những đứa con thật ?

Luane đã nói với tôi :

- Nhìn thấy khuôn mặt của đôi vợ chồng sáng lên khi con của họ được sinh ra, tôi biết tôi đã cho một người nào đó một món quà quý giá của cuộc đời. Các bà mẹ luôn luôn nói với tôi rằng tôi là thiên thần hộ mệnh của mình. Đặc biệt là lần sau cùng tôi đã mang thai cho một cặp đồng tính. Họ yêu nhau và họ đã có một đứa con, một gia đình hoàn hảo giữ vững hạnh phúc lâu dài.

Dưới ánh mắt của nhiều người, dưới những thành kiến của xã hội, cho rằng việc làm của cô là khó thể chấp nhận được, nhưng đối với cô, cô đã làm một việc mà cô không bao giờ hối tiếc.

Luane thân mến,

Tôi chân thành ước mong phần đời còn lại, hơn cả tiền bạc, cô sẽ có được một hạnh phúc cho riêng cô, một sự trả công thật xứng đáng, bởi vì cô đã đem lại biết bao niềm vui cho nhiều người khác.

Luane, Cô, là một người hết sức đặc biệt !

Trương Ngọc Bảo Xuân

# Tết Ngày Ấy, Tết Bây Giờ

Phan Thanh Trà

Tác giả tự sơ lược tiểu sử : Sinh năm 1960 tại Quảng nam. Qua Mỹ tháng 9/2003. Hiện sống tại California. Tham dự Viết về nước Mỹ từ năm 2010 với bài «Căn Hộ Đầu Tiên Trên Đất Mỹ» ngay bài viết đầu, đã cho thấy cách viết thứ tự, tỉ mỉ, bồi hồi. Đó là tâm sự chuyện ngày tết. Mong tác giả sẽ tiếp tục viết thêm.

Cali ít khi mưa gió bão bùng, chỉ đôi ngày mùa thu có những cơn gió vừa đủ làm cho những chiếc lá rơi, vàng, đỏ một khoảng sân. Chẳng như quê tôi, mảnh đất mong manh như cái lai áo lụa bên bờ Thái Bình Dương, mà mỗi năm không biết bao nhiêu cơn mưa bão, lụt lội chà qua xát lại đến tả tơi.

Ở đây trời đã tàn thu đang lập đông, nhiều ngày u ám vài cơn mưa rào, nhưng hiếm khi rả rích suốt đêm. Tiết trời lạnh tê tái, mỗi sáng đôi khi thấy lớp tuyết mỏng trên mái nhà, bao quanh xe và trắng mịn lớp cỏ trước sân nhà. Mùa lễ hội, Thanksgiving, Christmas, New Year đã qua. Những khu shopping trang hoàng rực rỡ đèn màu, nhộn nhịp tưng bừng bán on sale, khuyến mãi cho dịp mua sắm cuối năm đã bắt đầu thu dọn. Để tiếp theo, đó là gượng gạo cho một cái lễ gần như lạc lõng

còn sót lại cuối mùa của vài dân tộc Châu Á, trong đó có người mình : Tết !

Ngày còn bé, qua tháng chạp trên đường đi học đã nghe văng vẳng khắp nơi đâu đó từ nhà ai những điệu nhạc xuân, Ly Rượu Mừng, Xuân Ca... tôi thì nhớ nhất là bài «Đám cưới đầu xuân» của Trần Thiện Thanh : «Lên sáu lên năm đôi ta cùng sách đôi ta cùng trường...», khu xóm, làng quê, lòng người bắt đầu rộn ràng không khí Tết. Rồi vào lớp, ngày nào cũng cùng lũ bạn mong ngóng đếm từng ngày cho mau tới Tết. Nhà đứa nào, dù cả ngày cha mẹ có vất vả thế nào, buổi tối cũng cùng nhau chộn rộn thức khuya chuẩn bị cho những món ăn ngày Tết. Hoa đẹp nhất là lúc còn hàm tiếu, mùa xuân vui nhất là những ngày rạo rực đợi chờ trước Tết. Những món bắt đầu thường là lát mứt gừng óng ánh đường, sợi mứt dừa nhuộm màu xanh, đỏ, tím, vàng. Trời nhuốm xuân, đất Miền Trung se se lạnh, gió bấc nhè nhẹ, mưa phùn lấm tấm bay, mỗi sáng vào lớp giấu thầy cô mấy đứa giành giật, chia nhau những miếng mứt dừa vụn ngọt lịm, cay xè lát mứt gừng vét nồi của mẹ, mà sao nghe nó ngon không tả được... Chỉ một cái bánh in nhỏ thôi bốn, năm đứa rúc rích trong góc sân trường, ngắt từng miếng nhỏ chia nhau ăn, mà thấy nó ngon tuyệt thế không biết.

Thời gian trôi qua, Tết bây giờ đã công nghiệp hóa, bánh mứt đã bày bán sẵn khắp nơi, ngon hơn, đẹp hơn nhưng chắc không còn thuần khiết và ăm ắp những kỷ niệm như của ngày xưa nữa. Bánh tổ, tròn như cái tổ chim, mỗi lần mẹ đổ ra rồi rải lên mặt bánh vài hạt mè là tôi thấy thèm không chịu được, mẹ dích cho một miếng nhỏ, để lên miếng lá chuối, nóng hổi, hít hà lấy ngón tay quệt từng chút một mà mút, cái ngọt ngào thơm ngát mùi nếp thấm tràn trên lưỡi, ngon đến tê người. Bánh da, thường do ông ngoại tôi làm, cũng bột nếp, đường, vài hột đậu phộng rang rồi quấn lại bằng mo cau thật chặt. Bánh da cũng như bánh tổ ít khi ăn ngay trong mấy ngày Tết như bánh chưng, bánh ú mà thường là «để ra giêng» mới ăn.

«Ra giêng» có khi là tháng hai, tháng ba nhưng «ra giêng» đôi khi lại kéo dài tới cả mùa mưa bão năm sau. Những ngày gió mưa lạnh lẽo, nước sông Vu Gia dâng lên tràn bờ, chập chờn ngập xâm xấp trước hiên chuẩn bị tràn vào nhà, mẹ tôi lục trong lu sành lấy những chiếc bánh tổ làm từ hồi tháng chạp trong Tết, lấy dao cắt mà phải dùng chày-ông-tiêu đập thì nó mới chịu đứt. Nó cứng ngắc như đá, khô khốc, nứt nẻ, mốc meo như thế mà khử chút dầu phộng rồi chiên lên, nó mềm ra, dẻo quạnh, thơm lừng, ngọt lịm.

Mỗi lát bánh tổ chiên vàng nóng hổi được kẹp giữa hai miếng bánh tráng nướng giòn rụm, ngồi được trong nhà, dù co ro trên giường, bao quanh lò than hồng giữa trời gió mưa bên ngoài mà ăn, thì thiệt không có món nào ngon hơn trong cuộc đời, anh em tôi phải cắn nhin nhín từng chút, sợ hết.

Bánh da cũng thế, cũng để «ra giêng», để lâu nó khô cứng, khi ăn thì cắt ra từng lát tròn mỏng, nhai thật kỹ, chậm chạp từ từ, nhai càng lâu nó càng bùi. Bột nếp, đậu phộng, gừng quyện vào nhau vừa ngon, vừa đỡ đói kỳ giáp hạt, như thức ăn vặt chốn quê nghèo không có những món bánh cao cấp, xa hoa như ở chốn thị thành.

Bánh nổ, bắp phải ông ngoại tôi rang thì nó mới nổ đều, nó nổ bôm bốp trong nồi như pháo, tôi cũng thường ngồi chờ chực kế bên, để mỗi lần ông đổ ra nia sảy cho bay mấy cái mày, là vội hốt một nắm chạy ra sân chia cho lũ bạn. Những hạt bắp nổ giòn tan trong miệng, vụng dại, ít ỏi, quê mùa mà sao ngon lạ, cả đời chẳng còn tìm lại được. Rồi bánh in, bánh thuẫn... Quê tôi nghèo, đất đai khô cằn cày lên sỏi đá, bão lụt quanh năm, thiên tai khắc nghiệt, cuộc sống nhiều bất trắc rủi ro nên từ muôn đời đã triền miên sống trong lo âu. Sống hôm nay lo cho ngày mai, năm nay lo cho năm sau, đời này lo cho đời sau. Cái nỗi lo đau đáu đi vào trong giấc

ngủ, nửa đêm giật mình thức giấc vì lo, nỗi khắc khổ hiển hiện qua từng nếp nhăn trên khuôn mặt. Ai nói : «Quẳng gánh lo đi mà vui sống», người quê tôi mang cả gánh lo trên vai mà còn khổ thế, chứ nói chi là vô tư thì còn cực đến mức nào ! Cả đời vất vả lo cái ăn, cái mặc còn thiếu đói, biểu quẳng lo đi thì chẳng biết lấy cái gì để sống nữa, chứ có còn hồn đâu để mà vui. m thầm, chịu đựng, mãi mãi sống ngụp lặn trong lo âu ! Bởi thế tằn tiện, lo xa gần như là một phần của bản tính người quê tôi.

«Ăn Tết» không phải là ngày Tết có món gì để ăn, mà ăn Tết thực sự đầy đủ, sung túc, yên tâm mãn nguyện là trong bồ, trên giàn bếp, trong lu sành có bao nhiêu bánh trái, đồ ăn được dành cho ngày «ra giêng» ! Cái bánh tét cũng ráng mà làm cho thật dài, nhỏ, để dễ buộc lạt cho được chặt, nhưn bánh thì chỉ rải lấy có mấy hạt mè, làm cái món gì cũng không nhằm để ngon mà cốt giữ để ăn cho được lâu. Không như cái bánh tét trong Nam, to, mập, nếp còn pha thêm nước dừa, đậu đen, đậu phộng, nhưn đậu xanh, thịt mỡ thật nhiều, làm cho thật ngon nhằm chỉ ăn lấy hết trong ba ngày Tết.

Bây giờ ở Mỹ, bánh chưng, bánh tét ê hề, bán đầy ở mấy chợ hay khu shopping Việt Nam lại càng ngon, nhưn bánh càng nhiều thịt, nhiều đậu xanh, nếp không

chỉ có trộn với đủ thứ đậu mà thêm cả hạt dẻ, hạt điều. Ăn không hết cứ bỏ tủ đông thì giữ bao lâu cũng được, mà chắc cũng không ai muốn giữ lâu làm gì, trong năm mua lúc nào mà chẳng có, chẳng đói khát, thèm thuồng gì, mua cốt chỉ để ăn trong một, hai bữa cho vui.

«Nhờ» cộng sản mà người mình «được» lưu lạc khắp nơi, nếm «được» đủ mùi tủi nhục ! Nhưng dù có chết cũng phải cố sống, nên Cali, hay ở đâu dưới bầu trời này, Phi Châu, Nga, Tiệp, Canada, Úc, u, ... mỗi năm đến độ xuân về, dù thế nào người mình chắc ai cũng quặn lòng hướng về quê hương mà đón Tết. Không này thì kia, không ít thì nhiều, chỗ quần tụ được đông thì cũng ráng hội xuân, xe hoa, chợ Tết, chỗ vắng vẻ, ít người thì cũng lăn xăn, quanh quẩn bên mâm cơm cúng ông bà dù nhiều lắm cũng chỉ mấy người trong nhà. Người lớn tuổi cũng ráng kiếm cành đào, cành mai giả, lay-ơn hồng, vài cành bông huệ trắng, về cắm trong chiếc bình hoa pha lê hay men sứ thật đẹp, không như ngày xưa nhà nghèo mẹ tôi cắm trong chiếc bình đất sét quê mùa. Tôi rất thích hoa huệ trắng, sắc hoa thanh khiết thánh thiện như Đức Mẹ, như Phật Bà Quan m với búp hoa nở ra như những ngón tay nhiệm màu nâng đỡ chở che. Hương thơm hoa huệ ngan ngát, dịu dàng, chan hòa ấm áp. Mỗi năm vào ngày Tết, dù thế nào, có thế không mua được thứ hoa nào khác nhưng tôi cũng

cố mua một chục hoa huệ, tỉa gọt cẩn thận, rửa sạch, cắm vào bình đặt trong phòng khách, đóng cửa phòng lại suốt đêm để sáng hôm sau mở cửa ra mà nghe hương thơm tràn ngập như thấm vào tận trong lòng. Hoa huệ không kiêu sa, nhưng sắc hương ngọt ngào, đằm thắm, dịu hiền, không như lay-ơn có bao nhiêu sắc phơi ra hết mà chẳng có chút hương thơm duyên thầm nào.

Ở đây ngày Tết nếu trùng weekend thì còn có chút thời gian mà thăm vài người quen, anh em, bù khú với dăm người bạn vài lon bia, còn không thì miệt mài. Chồng cày, vợ cấy, con cái đi bừa, đi làm, đi học, nhiều khi trái giờ chẳng ăn được bữa cơm tất niên chung. Tranh thủ chút buổi tối gọi phone, email hỏi thăm, tạt qua chợ mua cái bánh tét, bánh chưng, hũ củ kiệu, lọ dưa món qua loa rồi ngày mai, một ngày cũng như mọi ngày đơn điệu quanh năm. Người mình gặp nhau, lạ quen rồi cũng «happy new year» cho phải lễ.

Tết ! Bánh trái, áo quần chỉ là cái vật chất bên ngoài nhằm tô đậm thêm cho cái không khí, cái linh hồn, cái tự tình dân tộc sâu đậm trong lòng. Tết, ở đây vật chất có đủ, thậm chí thừa nhưng cái tinh thần thì thiếu, thiếu quá. Thèm thở được cái không khí đêm xuân đầm ấm chốn quê nhà, nơi có tiếng chuông chùa, tiếng chuông giáo đường thánh thót ngân xa, nơi mọi người, mọi nhà

thấp thỏm cùng nhau hòa nhịp đợi chờ giờ giao thừa, giờ giao thoa của vạn vật đất trời, mong cho gặp nhiều đổi thay may mắn tốt lành ở năm mới. Được nhìn thấy ánh đèn dầu của muôn nhà và của mẹ già thắp sáng chập chờn ngoài bàn thờ thiên cúng tạ ơn trời đất, ông bà với râm rang những lời khấn nguyện cầu mong được phù hộ an lành. Ngửi được khói hương trầm bay quyện khắp hang cùng ngõ hẻm, như muôn người chung vạn nỗi lòng, mong muốn mọi điều tốt đẹp, lạc nghiệp, an cư. Và, có lẽ thiêng liêng nhất là chờ nghe tiếng pháo giao thừa, tiếng pháo từ rất xa cho đến thật gần, rồi rộ lên đúng giờ giao thừa, từ nhà hàng xóm lan qua đến nhà mình, từ đầu trên xuống tận xóm dưới, từ mênh mông đất trời âm thanh tiếng pháo nổ đón giao thừa như chảy mãi vào tận tâm can mỗi người con dân chung dòng giống Lạc Việt.

Bây giờ người ta không cho đốt pháo nữa, thật tiếc, cũng là một thiệt thòi lớn cho Tết, «Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ. Cây nêu tràng pháo bánh chưng xanh», có thể có đủ thứ hết nhưng chắc thiếu «tràng pháo». Tết mà thiếu tiếng pháo như lòng người ta tràn ngập tình yêu thương mà miệng thì không nói được ra lời. Thiếu tiếng pháo như mất đi cái âm thanh của Tết, cũng như mất đi một phần đáng kể hạnh phúc hưởng thụ cái không khí lễ hội lớn nhất của dân tộc hàng năm.

Đêm giao thừa, gia đình nào như cũng thức trắng, nhà nào cũng sáng đèn. Lặng nhìn đứa em thơ, thằng con nhỏ săm soi, trầm trồ bộ quần áo mới, mỗi năm một lần, bồi hồi chờ mặc cho ngày đầu năm, không phải chỉ trẻ thơ mà cả lòng mình cũng dâng lên một niềm hạnh phúc xốn xang khôn tả. Mọi người thầm thì dặn nhau từ sau giờ giao thừa phải kiêng khem, giữ gìn lời ăn tiếng nói, phải thật tâm cầu nguyện cho điều mong mỏi tốt lành sẽ đến trong năm mới. Sự vất vả, khó nhọc, nỗi đau, mất mát không ai nói nhưng mọi người như giao ước ngầm là hãy quên hết đi, để cho niềm vui, hy vọng, hạnh phúc dù nhỏ bé được âm thầm len lỏi thấm đẫm vào tận trong lòng mỗi người.

Bên tách trà, ly rượu, khay mứt, xen với tiếng cắn hạt dưa lâm râm tí tách là những lời thầm thì hàn huyên tâm sự, kỷ niệm, hối hận, thứ tha trang trải suốt đêm chờ trời sáng. Thật những phút giây thiêng liêng ấy tưởng đi khắp bốn phương trời, dù sống bôn ba nơi chân trời góc biển, dù bon chen kiếm sống giữa phố phường hoa lệ nơi xứ người chắc ngàn đời chẳng thể ai quên. Không khí đón xuân làm cho mọi người như mở rộng lòng ra để bao dung, độ lượng, hứa hẹn thương yêu nhiều hơn trong năm mới.

Không khí Tết nơi quê nhà, nó bàng bạc trong mọi ngóc ngách xóm làng, từ thị thành «ngựa xe như nước» đến tận vùng thôn quê, núi rừng, xa xôi hẻo lánh đất rộng người thưa. Nó như thấm trong từng tế bào, đi vào trong tận cùng sâu thẳm tâm linh của mỗi người. Còn ở đây, tha hương, Tết chỉ là «một ngày như mọi ngày». Tết là một cơ hội để người ta gần gũi, thương yêu nhau hơn, lo lắng, quan tâm nhau hơn. Nhưng Tết nơi xứ người thì chẳng có gì ! Vâng, chẳng có gì ! Đêm về, nằm tưởng nhớ lại, bồi hồi tiếc nuối...

Tôi nhớ thời tản cư xuống Hội An, ngày đầu năm, trong chiếc áo sơ mi trắng, cái quần soóc xanh còn thơm mùi vải mới, đôi giày san-đan trắng vừa tháo khỏi bao ny-lông mẹ dành dụm mua từ nhiều tháng trước trong năm. Tôi bọc trong túi quần bên này mấy chục viên pháo chuột, túi quần bên kia một nắm hạt dưa, dung dăng cùng mấy đứa bạn, trên tay mỗi đứa cầm theo cây nhang đi lang thang khắp xóm làng. Hạt dưa không biết cắn cứ để nguyên vỏ mà nhai. Thỉnh thoảng đặt viên pháo xuống đường mồi cây nhang cho pháo nổ, ngửi mùi thuốc pháo thoang thoảng, nhìn xác hồng pháo bay mà thấy trong lòng khấp khởi, rộn ràng hạnh phúc tuổi thơ yên bình. Có đứa muốn làm anh hùng cầm pháo trên tay, mồi nhang, tim cháy nhanh quá vất viên pháo không kịp pháo nổ phồng tay. Cả bọn reo ầm, đáng đời,

tởn tới già.

Đi theo đường Phạm Phú Quốc xuống phố, qua chùa, ao sen, Khổng Miếu đến trường. Quành về qua chợ, cả đám men theo đường Cường Để rồi rẽ ra bờ sông, phố vắng nhưng trong lòng thì rộn ràng, nhà ai cũng cúng ông bà, khói hương bay ra ấm áp, phố phường thơm ngát mùi trầm hương. Lác đác người đi chùa, đi nhà thờ mang cây hương hay nhành huệ trắng về nhà. Dọc sông Hoài, hơi nước ấm bảng lảng bay là đà trên mặt nước dưới sương mai, quanh quẩn ẩn hiện bên những chiếc ghe neo đậu gần bờ. Dựa lan can Chùa Cầu nhìn ra xa, phố cổ ngày đầu năm ngái ngủ đẹp mơ màng như tiên cảnh. Không khí Tết tràn ngập trong mọi nhà, lâng lâng trong lòng mọi người. Không khí Tết chan hòa ở khắp cả thiên nhiên đất trời hòa hợp cùng với con người.

Mặt trời lên cao, người ta bắt đầu ra khỏi nhà, đi chơi, đi chúc Tết nhau. Phố phường như thay áo, phông màn cũ mới lẫn lộn nhưng mọi người thì như khác lạ, quần áo mới, nói năng nhỏ nhẹ, ngọt ngào. Những người bán tò he bên vệ đường cũng mặc đồ mới, họ khe khẽ thổi những âm điệu ngồ ngộ để chiêu dụ khách du xuân. Tết mà, mỗi đứa mua một con thổi rổn rảng trên đường về nhà. Thời xưa phố Hội chưa có khách Tây nên ngày xuân nó trầm mặc, ưu tư và sâu lắng lắm ! Ngày đầu

năm, dù giàu hay nghèo, mọi người đều quần áo chỉnh chu, cung kính lễ phép... ít xô bồ như bây giờ. Thôi, ngày ấy xa rồi, mỗi thời mỗi khác !

Về tới nhà, mẹ tôi xẻ ra một cái bánh chưng, múc cho mỗi đứa một chén canh chuối chát hầm với xương cốt-lết nóng hổi. Cái món canh này mà ăn với bánh chưng thật ngon không thể tả, không biết có phải do đói bụng hay ngày thường thèm cũng không có để ăn, mà suốt mấy ngày Tết mẹ tôi cho ăn mỗi ngày cũng không thấy ngán. Chuối chát khứa nguyên trái nấu chung với xương heo, thịt và chuối mềm lụn thơm lừng mà không bở rục, múc ra chén vẫn còn nguyên không bị nát. Sau này, có mấy cái Tết tôi cũng cố nấu lại món canh này, nhưng sao cái hương vị không giống như ngày xưa nữa. Không biết có phải do thịt thà cây trái bây giờ nuôi trồng bằng hóa chất, lưu trữ đông lạnh lâu ngày không được tươi nguyên, hay tại tôi không biết nấu nên cái hương vị bây giờ rất khác, không ngon như món canh của mẹ tôi ngày ấy.

Bao năm qua rồi, mẹ tôi không còn, bạn bè của thuở ấu thơ nay vật đổi sao dời, trôi giạt hà phương chân trời góc biển chẳng bao giờ còn cơ hội mà ngây thơ đùa nghịch, ăn lại chung với nhau chén canh chuối chát với bánh chưng của mẹ tôi ngày ấy. Chắc ngày xưa thiếu

thốn, thèm thuồng, tuổi thơ luôn thấy đời tươi đẹp nên ăn cái gì cũng thấy ngon, bây giờ dư thừa, sống mòn người, đường đời mỏi mệt, nên ăn gì nghe cũng nhạt nhẽo ? Hay hương hoa ngày ấy không còn ở lại mà đã theo hồn người xưa đi về chốn xa xôi rồi ?

Có năm mồng hai, mồng ba Tết cả đám rủ nhau về Thanh Quýt, Điện Ngọc. Thời đó bom đạn khắp trời mà sao bọn tôi chẳng hình dung chi chiến tranh. Chỉ thấy Tết như ngày thanh bình và mình thì đi đâu cũng được, bình thản ngây thơ, tự nhiên tung tăng giữa đất trời quê hương không một chút mảy may sợ sệt. Tôi nhớ món bánh in làm bằng bột bình tinh bà nội của Lộc cho, nó cứng ngắt cắn muốn đau răng nhưng ngậm trong miệng thì tan ngay không cần nhai, béo ngậy, ngọt bùi. Nhớ món bánh tét không có nhưn, mẹ Chánh mang ra cho tụi tôi ăn với dưa món và tré Vĩnh Điện, cả đám tranh nhau ăn không biết ngán, Dậu cầm dĩa liếm, nhựa nếp dính tèm lem trên mặt.

Sau này, nghe nói Lộc, Chánh bị Việt cộng bắt vô bưng, chết đâu trên Hiên, trên Giằng. Hy, Huấn, Trung, nhiều đứa nữa...»tụi bây» giờ ở đâu ? Lớn rồi mà xưng «mi tao» nghe cũng chướng, chẳng biết bây giờ mỗi đứa sống chết ra sao, «tụi bây» hãy cho «Tao» một lần nữa kêu như vậy, như để nhớ những tháng ngày tuổi thơ

thân ái xa xưa, cái thuở tụi mình cùng làng, cùng xóm, đi học cùng trường, còn vô tư nghịch phá chơi đùa với nhau.

Còn nhớ có một chiều mùng 2 Tết cả đám chơi đuổi bắt, có đứa ăn gian, rồi tụi mình tự dưng chia phe rượt đuổi nhau chạy khắp Hội An. Có lần, ngày Tết, chơi năm mười tới khuya, cả đám chạy trốn xuống tận rạp Phi Anh, rạp gần thả cửa, chui vào xin coi cọp cải lương đoàn Thanh Minh ngay lúc cô Thanh Nga đang ca bài : «Không bao giờ quên...», hay nức nở, cả đám ôm nhau đứng im thin thít, co ro cuối rạp nghe mùi mẫn... Về nhà, bị đòn đua nhau khóc bè cho to, dậy cả xóm... Nhiều lắm, nhưng thôi, «Tao» sợ kể ra nhiều quá rồi sẽ không biết phải chấm dứt ở đâu. Trước ngày đi Mỹ có về lại, cố tìm thăm mấy người bạn thuở ấy, nhưng chẳng gặp được đứa nào.

Nước mình không lớn, chỉ chừng hai phần ba bang Cali mà sao cách trở ? Chẳng hiểu sao cái mảnh đất nhỏ bé thế mà lòng người như xa vời vạn dặm. Bây giờ Miền Tây qua Miền đông nước Mỹ mênh mông nhưng lại thấy gần, ngày trước Sài Gòn về Miền Trung chẳng xa chi bao nhiêu mà sao nghe diệu vợi ? Nhiều đêm đi làm về, một mình lao vun vút nối đuôi theo dòng xe, nhạt nhòa dưới ánh trăng khuya vằng vặc giữa mênh

mông đồi núi Bắc Cali, nghe «Thương Về Miền Trung» mà nhớ quê đứt ruột, kỷ niệm tưởng gần như với tay thì chạm tới mà nghe như đâu ở chốn mịt mù xa xôi !

Quê hương mình ngày xưa, khói lửa chiến tranh nhưng lòng người lại yên bình, chân thật và tin yêu nhau ? Bây giờ đất nước đã thanh bình sao lại rối bời, băng hoại rã rời, đạo đức suy đồi, giả dối và đầy nghi kỵ. Sống tha hương thì khắc khoải nhớ quê mà nghĩ về cố hương thì thấy xã hội Việt Nam bây giờ quá ngổn ngang, dòi bọ tham nhũng nhung nhúc, giới cầm quyền cấu kết gia đình bè phái xâu xé tả tơi đất nước, lòng người tan nát, càng nghĩ càng ngao ngán. Miền Nam trước đây, bom đạn tàn phá từng ngày mà chung quanh chẳng mấy nước hơn được mình, nay sao họ văn minh thịnh vượng thế, còn ta có cả giang sơn, mươi năm nữa là tròn nửa thế kỷ trong thanh bình mà sao cứ lẹt đẹt mãi ? ! Tụt hậu, lẽo đẽo theo sau, mới làm được chút gì đã vội huênh hoang nhất chỗ này, nhì chỗ nọ, nhưng nhìn quanh ngoài mấy con đường chưa đi đã lún, dăm cây cầu xe chưa thông đã nứt thì chai nước mắm, chiếc xe đạp cũng ọp ẹp, chắp vá chưa làm cho ra hồn ! Mang tiếng nước xuất khẩu gạo thứ nhì thế giới mà hột «gạo thơm thượng hạng» xuất qua Mỹ, thương mà mua chớ thiệt có nhăn mày nhíu mặt cố nuốt cũng không vô ! Nuôi mấy con cá, con tôm thì cho ăn đầy hóa chất, hết

bị nước này cấm nhập đến nước khác tẩy chay. Cộng sản không chỉ vơ vét cho riêng bản thân và gia đình chúng, mà tàn nhẫn hơn là đang dẫn đường cho Tàu «khựa» từng ngày phá tan nát cả tổ quốc và con người Việt Nam. Tiền đồ đất nước đen tối quá, hãy «khóc lên đi quê hương yêu dấu» ! Hay tôi quá bi quan, mong thế!

Cali đang là ban ngày, một ngày bình thường, hòa trong dòng xe cộ hối hả đến chỗ làm, nhưng giờ này Việt Nam chắc đang ở thời khắc đêm giao thừa. Tết thân xác ở đây mà lòng dạ thì ở bên nhà. Tết bây giờ mà sao cứ bồi hồi nhớ mãi kỷ niệm êm đềm của Tết những ngày tháng xa xưa ?

Nhớ cái năm đầu tiên trên đất Mỹ, làm overtime hai giờ sáng tan ca, lao xe trên freeway 101 mưa tầm tả về nhà trọ, có đoạn sương mù dày đặc không thấy cả ánh đèn của xe chạy trước. Qua chổ tan sương nhìn xe ngược xuôi dồn dập, hai chiều, nối đuôi cùng chiều ánh đèn đỏ chảy dài như suối, ngược chiều chói mắt đèn vàng, ai cũng như vội vã, nhớ như khi còn ở Sài Gòn sau giờ giao thừa người ta lũ lượt rước lộc về nhà. Người nhiều nhưng mình thì như con chim lạc đàn, xe lao vun vút giữa dòng người mà lòng thì cô đơn, nghe Duy Khánh rên rỉ «Xuân này con không về» tự dưng muôn ngàn nỗi nhớ kỷ niệm ngày xưa tràn về, nước mắt chảy dài xuống

má, ủy mị thiệt, mím môi cố kìm mà chẳng được, mắt cứ nhòa nước cay xè. Ghé chợ Lion chỗ đường Tully xem thử còn vương lại chút gì không khí chợ Tết, chẳng còn gì ngoài vài đống rác nhớp nháp, parking vắng tanh ướt át, lạnh lẽo. Xuân tha hương, dù nơi đây phố xá đèn màu rực rỡ nhưng lòng sao vẫn trống trải, buồn vời vợi lạ lùng ! Chẳng muốn về nhà, lại cũng vô tình gặp mặt «Hi !», «Good night» với những người share phòng quen mặt nhưng cách lòng, lặng lẽ ăn qua quýt rồi chui vào phòng trùm chăn ngủ trong mê mệt chờ trời sáng, thức dậy tiếp tục với một ngày mai bình thường, đi làm. Bất chợt muốn tìm một nơi có cảm giác ấm áp. Tấp đại vào parking Safeway sáng đèn, Walgreen còn vài người ra vào, cũng đỡ buồn hơn là quạnh quẽ một mình trong phòng trọ. Bật ghế ngả người nằm xuống, nhìn mưa rơi qua cửa kiếng, kéo mấy chiếc áo đắp lên người, mơ màng thiếp đi vài tiếng, qua một đêm cuối năm vô vị. Bao nhiêu năm qua, mòn mấy cặp lốp xe, quen nhiều thứ lắm rồi, nhưng sao mỗi năm Tết về lòng vẫn thấy dường như mỗi thêm lạnh lùng, cố tìm vui nhưng sao thấy lại càng như mỗi nhợt nhạt. Ngoài kia, một vài nơi, người mình cũng cố làm cái hội chợ, xe hoa, thi hoa hậu... để tạo điều kiện tìm kiếm chút niềm vui ít ỏi san sẻ cho nhau, nhằm khỏa lấp phần nào nỗi nhớ quê hương. Nhưng lòng tôi, sao cứ thấy gượng gạo, lạt lẽo

và chỉ thêm buồn.

Muốn sắp xếp về quê ăn Tết một lần mà chưa được, năm nào Tết gần đến lòng cũng thấy nôn nao, rộn ràng, cũng trông mong đợi chờ, nhưng vụn vặt trăm thứ chuyện cơm áo và những nghĩ suy do dự rồi để ngày tháng cứ vô tình trôi qua. Ở đất nước mênh mông hoa lệ bên này, mà sao lòng cứ khắc khoải nhớ về cái rẻo đất nhỏ bé nghèo nàn ở bên kia đại dương. Tình hoài hương lại càng thêm xốn xang trong lòng khi mỗi độ xuân về ! ? Đời người ngắn ngủi, thời gian qua mau, Tết bây giờ nơi xứ người mà sao cứ bồi hồi nhớ lại những kỷ niệm của Tết ngày ấy xa vời, tưởng như mới đâu đây, hôm qua !

Tha hương đất lạ xứ người
Thôi thì cũng ráng gượng cười mà vui.

Phan Thanh Trà

# Con Thề Không Lấy Chồng Việt Nam

Nguyễn Bích Thủy

Tác giả sinh năm 1962, tốt nghiệp Đại Học Mỹ Thuật năm 1988 khoa Đồ Họa tại Việt Nam, từng làm công việc thiết kế sáng tạo trong ngành quảng cáo. Đến Mỹ tháng Tư năm 2000, hiện là cư dân Waxahachie, Texas, đang làm việc trong phân xưởng in của một nhà máy in tại địa phương. Cô đã góp nhiều bài Viết Về Nước Mỹ. Sau đây là bài viết mới nhất.

Đã lâu lắm rồi Vi mới có dịp trở lại Nha Trang sau bao năm định cư tại Mỹ. Ngày xưa Vi chỉ là một cô bé thích ngồi xây nhà trên cát, thích bán đồ hàng trên biển với bạn bè cùng trang lứa nhưng giờ đây Vi đã là một thiếu nữ và đã bước sang tuổi hai mươi. Nha Trang với Vi gần như hoàn toàn xa lạ sau bao năm xa cách, Vi chỉ còn thoáng nhớ đến những rặng dừa xanh ngát dọc theo biển, bãi cát trắng mịn mềm chân đi và những khách du lịch luôn tấp nập suốt bốn mùa. Vi cũng vừa từ Sài Gòn ra Nha Trang cùng với gia đình trong mùa hè này. Hôm nay Vi không tắm biển, cô dành một buổi chiều đi dạo ngắm mọi người nô đùa trên sóng nước.

Vừa bước vào khách sạn Vi gặp ngay một thanh niên, khoảng cách giữa anh và Vi không xa lắm nên Vi có thể nghe được cách sử dụng tiếng Việt không được trôi chảy của anh khiến những người ở quầy lễ tân hơi gặp khó khăn khi giao tiếp. Không cần suy nghĩ Vi biết ngay đây là một Việt Kiều về nước du lịch nên liền đến bảo :

- Anh có thể nói bằng tiếng Mỹ với họ cũng được mà!

Người thanh niên quay phắt sang nhìn Vi, có lẽ anh hơi ngạc nhiên khi nghe cô phát âm tiếng Mỹ khá chuẩn xác. Trong khi anh còn đang phân vân thì Vi dục :

- Anh cần gì thì bảo họ giúp, mọi người đang đứng chờ anh kìa !

Nói xong Vi đến sofa ngồi, bỗng có tiếng sau lưng :

- Cô cũng về Việt Nam nghỉ hè vào dịp này sao ? Cô ở tiểu bang nào bên Mỹ vậy ?

À thì ra là người thanh niên khi nảy và có lẽ cũng là đồng hương của mình, đợi anh ngồi xuống Vi nói :

- Tôi ở Texas, thành phố Dallas. Còn anh ở đâu ?

Anh tròn xoe mắt nhìn Vi và tự giới thiệu ngay :

- Tôi tên Quốc, định cư ở Virginia, làm việc tại New York, sau chuyến về Việt Nam kỳ này tôi sẽ nhận nhiệm sở mới tại Dallas. Xin hân hạnh được quen biết cô hôm nay.

Quốc kể đã rời Việt Nam khi mới hơn một tuổi trên một chuyến tàu vượt biển, hai mươi bảy năm trôi qua đây là lần đầu tiên anh về nước một mình và muốn tự khám phá quê cha đất tổ bằng những gì đã trải nghiệm trên sách báo và internet. Quốc nói một cách say mê hào hứng bảo rằng anh đã đến Hà Nội, Sa Pa, Huế, Hội An, Vũng Tàu, Đà Lạt, Phú Quốc, Hà Tiên, Côn Đảo... và ngày mai anh sẽ bay vào Sài Gòn khép lại tour du lịch «về nguồn» sau một tháng trời rong ruổi từ Nam chí Bắc. Anh nói Việt Nam đẹp hơn trong trí tưởng tượng của anh nhiều quá !!! Wow ! Vi thốt lên hết sức ngưỡng mộ người bạn mới quen này. Vi cũng tự giới thiệu tên mình và cho anh biết đã rời Việt Nam lúc bảy tuổi do ông Nội bảo lãnh cả nhà, hiện cô vẫn đang đi học và làm part-time còn hai năm nữa ra trường. Anh liền nói ngay :

- Vậy là tiếng Việt của Vi chắc giỏi hơn anh rồi !

Vi cười thật tươi bảo :

- Không giỏi lắm đâu, tuy nhiên vẫn còn rặt «giọng Sàigòn» !

Quốc buồn buồn cho biết ngày còn nhỏ đã không chịu nói tiếng Việt và học tiếng Việt nên giờ đây anh cảm thấy bị thua thiệt nhiều thứ và nhất là những lúc cần tiếp xúc với đồng bào mình. Vi thông cảm và an ủi anh rằng ngôn ngữ không quan trọng, hôm nay anh về đây điều đó chứng tỏ Việt Nam vẫn còn một chỗ rất quan trọng trong trái tim anh. Bỗng dưng Quốc trầm giọng như tâm sự :

- Kỳ này về thăm quê hương anh còn phải hoàn thành một «sứ mạng» khá quan trọng do mẹ anh giao phó !

Chuyện gì thế Vi hỏi. Anh bảo ở Mỹ anh đã quen với nhiều người con gái nhưng để chọn một cô thật sự hợp với mình thật không đơn giản chút nào. Những cô gái Mỹ thì «Mỹ quá», những cô Việt Nam mới sang Mỹ định cư thì «Việt Nam quá», còn những cô Việt Nam sanh trưởng ở Mỹ thì đa phần lại «dị ứng» với đàn ông Châu Á. Việc này khiến mẹ anh rất lo lắng nên nhân chuyến về Việt Nam kỳ này bà muốn anh đến «xem mắt» cô con gái rượu của bạn thân mình. Vi cười bảo vậy thì tốt rồi sao thấy anh có vẻ đăm chiêu vậy, Quốc

nhăn mặt :

- Nhưng anh không thích có một cuộc hôn nhân mà người khác sắp xếp cho mình như hồi đầu thế kỷ trước. Anh cũng phải cố làm cho mẹ vui rồi từ từ tính tiếp, anh rất thương mẹ vì cả cuộc đời bà đã vất vả cho chồng con !

Bỗng dưng Vi thấy quý mến người thanh niên trước mặt mình, tính cách này không dễ gì tìm thấy ở những chàng trai trưởng thành ở Mỹ, cô nheo mắt tinh nghịch nhìn Quốc nói :

- Anh «cool» lắm thiếu gì cô muốn kết bạn, vả lại anh còn trẻ chán mà !

Quốc cười thật hồn nhiên, bỗng anh đột ngột quay sang hỏi Vi rằng cô đã có người yêu chưa. Vi khẻ gật đầu. Ngay lúc đó có tin nhắn của mẹ, Vi đành phải đứng dậy kết thúc cuộc nói chuyện khá hào hứng với người thanh niên mới quen và không quên chúc anh sẽ tìm được «một nửa của mình».

Quốc cũng gật đầu bảo :

- Chúc Vi có một kỳ nghỉ hè thật vui với gia đình. Hy vọng chúng mình sẽ gặp lại nhau tại Texas.

Vi cúi đầu chào anh rồi cô chạy nhanh ra cửa, Quốc nhìn theo sực nhớ là mình đã quên xin số điện thoại của Vi để liên lạc khi về lại Mỹ.

Dallas không lớn như Quốc đã tưởng nên hai năm sau anh đã tình cờ gặp lại Vi vào một buổi chiều tan sở. Vừa ra khỏi chỗ làm trên đường ra bãi đậu xe anh đã dễ dàng trông thấy Vi đang đứng trước building phía đối diện, mái tóc ngang vai, dáng người thanh mảnh, nhẹ nhàng của cô không thể lẫn vào đâu được, có lẽ Vi đang đứng chờ ai đến đón. Quốc thật vui mừng, vội vàng định băng qua đường đến chào cô thì ngay khi đó một chiếc xe sport mui trần trờ tới, một thanh niên Mỹ trắng đã nhanh nhẹn chạy vòng qua mở cửa xe cho Vi bước lên. Quốc khựng lại giây lâu, anh nhìn thấy Vi và người thanh niên hôn nhau vội vã trước khi chàng trai kia phóng xe đi mất. Đây là lần thứ hai Quốc đã vuột mất một cơ hội để làm quen với người con gái mà anh vẫn luôn nhớ đến trong lần tình cờ gặp gỡ tại Nha Trang hôm nào. Vừa đi anh vừa lẩm bẩm số mình chắc không may mắn thì phải, thôi hãy quên cô ấy đi. Thế là kể từ hôm đó thỉnh thoảng Quốc vẫn thấy Vi đứng chờ người yêu bên kia đường nhưng anh cứ lầm lũi đi thẳng. Chẳng hiểu sao Quốc cũng không hề có ý định bước sang chào Vi mỗi khi thấy cô đứng một mình, anh không muốn phá hỏng những giây phút chờ đợi của hai

kẻ đang yêu.

Nhưng cuộc đời không dừng lại ở đó bởi cuộc đời vốn là những thay đổi không ngừng nghỉ : hôm nay hạnh phúc ngày mai khổ đau, hôm nay sum họp ngày mai chia lìa. Rồi cũng một buổi chiều sau giờ làm việc Quốc đã gặp Vi trong parking lot, nhưng lần này chính cô là người đã thấy anh trước và chạy đến bắt tay anh reo lên mừng rỡ :

- Trời ! Phải anh đây không Quốc ? ! ! Đúng là trái đất tròn nên cuối cùng tụi mình cũng gặp lại nhau. Anh làm việc ở đây hả ?

Quốc cũng bỗng nhiên hào hứng không kém :

- Anh làm ở building bên tay trái, còn em, có phải làm ở văn phòng bảo hiểm đối diện kia không ?

- Sao anh biết hay vậy ?

Quốc hơi bối rối chút nhưng may quá anh liền chỉ bảng tên Vi đeo trước ngực và như sực nhớ ra, anh không muốn bỏ qua dịp may lần nữa :

- Hôm nay Vi có bận gì không hai đứa mình kiếm chỗ nào hàn huyên nhân ngày tái ngộ được chứ ?

Vi đã gật đầu ưng thuận và ra ý kiến là hai người đi chung xe để dễ trò chuyện. Quốc không chần chờ giây phút nào anh vội vàng đi về xe của mình, nhanh nhẹn mở cửa cho Vi. Trái tim của Quốc bỗng thấy hồi hộp khôn tả, anh không hiểu sao người con gái này có sức hút anh đến lạ kỳ. Anh đã đã bao lần hẹn hò với nhiều người con gái suốt từ ngày mới lớn đến giờ nhưng đây là lần đầu tiên anh thấy một cảm giác rất lạ đang len lỏi trong người. Suốt buổi chuyện trò, anh như người bị thôi miên, anh không biết đây có phải là mơ hay thực khi Vi cho anh biết cô vừa mới chia tay với bạn trai được vài tuần. Cũng từ buổi chiều hôm đó Quốc đã có số điện thoại của người con gái mà anh đã thầm-theo-dõi suốt bấy lâu !

Qua những lần trò chuyện anh hiểu được phần nào về cuộc sống không mấy êm đềm của cô bạn bé nhỏ này. Vi cho biết cô đã ra ngoài sống tự lập từ mấy năm nay vì có quá nhiều mâu thuẫn với bố. Bố cô tuy đã sang Mỹ khá lâu nhưng vẫn khó khăn gia trưởng và bảo thủ, lúc nào cũng đòi hỏi cô phải sống như một người con gái ở Việt Nam hồi thập niên 60 của thế kỷ trước. Ông không cần hiểu và không hề thông cảm là Vi đang lớn lên ở Mỹ, cô muốn định đoạt cuộc đời của mình theo cách của một người thanh niên trong một môi trường hoàn toàn khác với thế hệ của ông 50 năm trước đây. Và

thế là giữa bố và Vi liên tục xảy ra nhiều xung đột, với bố, Vi lúc nào cũng là một đứa con gái bướng bỉnh khó dạy. Không khí trong nhà ngày càng tồi tệ, bố mẹ liên tục cãi vả vì bố cho rằng mẹ đã nuông chiều nên giờ đây Vi đã trở nên hư hỏng, bất trị và là tấm gương xấu cho hai đứa em. Có lần trong cơn giận dữ bố đã thét lên :

- Từ đây đến ngày tao chết, đừng bao giờ để cho tao thấy mặt mày !

Tưởng rằng đây chỉ là những lời nói phát ra trong cơn thịnh nộ của bố, nhưng không, sau đó bố đã hỏi thẳng mẹ giữa Vi và bố mẹ chọn ai. Nếu Vi còn sống trong nhà thì bố sẽ dọn ra ngoài ở để mấy mẹ con «tự xoay sở lấy» ! Vi đã lớn và cô biết mình phải làm gì nên quyết định ra đi để mẹ khỏi phải khó xử; mẹ cần một người để nương tựa, hai đứa em của Vi cần một người cha. Sự vắng mặt của Vi đôi khi làm cho cuộc sống của mọi người sẽ tốt đẹp hơn.

Lần đó Vi đã kể trong nước mắt và Quốc đã nắm lấy bàn tay cô siết nhẹ như chia xẻ một niềm cảm thông :

- Những mâu thuẫn này không chỉ riêng trong gia đình em đâu Vi ạ ! Nó xảy ra ở khắp nơi hầu như trong tất cả những gia đình gốc Á. Những xung đột giữa hai thế hệ đã có từ bao đời nay rồi ngay cả trong những

gia đình Mỹ cũng vẫn còn những ông bố bà mẹ cứ khư khư muốn con cái sống theo ý mình. Gia đình anh cũng thế thôi nên đến 18 tuổi là anh đã chọn đi học xa nhằm tránh khỏi sự giám sát của ba anh vì ông từng là một sĩ quan, lời ông nói ra như một mệnh lệnh giữa chiến trường. Anh rất thương ba má anh nhưng nếu phải chung sống dưới một mái nhà thì thật không phải là chuyện dễ dàng!!!

Dường như có một sự đồng cảm đặc biệt đã nảy sinh giữa hai người trẻ tuổi có cùng một màu da, cùng một quê hương sinh ra và cùng một đất nước mà họ đã trưởng thành. Họ dễ dàng thấu hiểu cho nhau những khó khăn mà họ gặp phải khi mang tiếng là người Việt Nam nhưng lại rất lờ mờ về nền văn hóa của cha ông mình, thậm chí thứ ngôn ngữ mà họ đang giao tiếp cũng phải vay mượn từ tiếng của người bản xứ vì họ không có khả năng chuyển tải hết những thông điệp bằng tiếng mẹ đẻ của mình. Cũng từ những lần trò chuyện Vi cho Quốc biết anh là người con trai Việt Nam đầu tiên Vi quen từ xưa đến giờ ! Đó chẳng qua do Vi đã thật sự ngán ngẫm cách đối xử của bố, cả đám bạn bè gốc Việt của Vi cũng thế, hầu như đứa nào cũng khổ sở với cha của chúng. Rất nhiều lần cô đã khóc và nói với mẹ rằng :

- Con thề không lấy chồng Việt Nam !

Quốc cũng kể rằng từ sau khi gặp Vi tại Nha Trang đến giờ anh không hề có ý định quen với ai cả, anh đã qua cái thời sôi nổi bồng bột và cũng không có nhiều thời gian để chạy theo những tình cảm «tưởng như thật». Có lần Quốc nói nữa đùa nữa thật :

- Chắc là anh và em có «duyên nợ», nếu không thì làm sao chúng mình có thể gặp lại nhau hôm nay ! ?

Vi cũng thường hay nghe mẹ nói vợ chồng là do duyên và nợ mà hợp thành ! Trước đây Vi quen với thanh niên Mỹ họ chỉ nghĩ đơn giản là yêu nhau vì có nhiều điểm tương đồng và chia tay khi không còn hợp nhau nữa! Quốc cũng cho cô biết lần hai người gặp gỡ trong parking lot không phải là lần đầu tiên họ «thấy» nhau mà anh đã âm thầm «theo dõi» cô suốt nhiều tháng trời trước đó, khi cô còn đứng đợi người yêu vào mỗi chiều tan sở. Vi đã tròn xoe mắt hỏi anh :

- Tại sao lúc đó anh không gọi Vi ?

Để làm gì, Quốc nói. Vi cúi đầu thầm cảm phục người thanh niên này, anh có một sự chín chắn hơn những người Vi quen trước đây; anh cũng không giống bất kỳ người đàn ông Việt Nam nào mà Vi đã từng biết ! Ở anh có sự kết hợp tính cách của một thanh niên được sinh trưởng trong nền giáo dục của người Mỹ và sự hiếu

lễ của một thanh niên gốc Việt mà Vi khó tìm thấy ở những ai khác.

Vi và Quốc đã chia xẻ với nhau biết bao là kỷ niệm cùng những khó khăn mà cha mẹ họ đã nếm trải khi mới đặt chân đến xứ sở cờ hoa tưởng chừng như là thiên đường này. Họ cùng nhớ lại những bất đồng ngôn ngữ của những ngày mới đến trường mà những đứa trẻ như họ ao ước muốn hội nhập nhanh chóng nhất; họ cũng đã tận hưởng những món ăn truyền thống Việt Nam ở khắp mọi nơi có cộng đồng người Việt sinh sống. Trước đây, khi quen với bạn trai Mỹ thỉnh thoảng Vi cũng rủ họ đi ăn các món ăn Việt Nam, họ khen ngon rất lịch sự nhưng Vi cam đoan làm sao họ có thể cảm nhận được mùi vị thơm lừng của phở; cái đậm đà của tô bún bò, bún mắm hay sự hấp dẫn của đĩa cơm tấm hoặc ổ bánh mì thịt nguội... mà Vi và Quốc đã được nuôi lớn lên từng ngày.

Những lúc ngồi với nhau tại một quán nước «thuần Việt» Quốc hay gọi cho hai người cà phê «phin», nhìn từng giọt cà phê đen rớt xuống lớp sữa đặc quánh dưới đáy ly Vi chợt nhớ đến ông Ngoại mình ngày xưa cũng hay uống loại cà phê này mỗi buổi sáng sớm lúc còn ở Việt Nam. Giờ thì ông ngoại Vi đã mất và đứa cháu cưng của ông đã thành kẻ «vô gia đình», những lúc như

thế Vi thấy thật nao lòng chỉ muốn bật khóc. Vi đã tìm thấy rất nhiều sự đồng cảm từ người con trai này, và cũng chính từ Quốc lần đầu tiên cô đã bắt đầu có cái nhìn khác về «người-đàn-ông-Việt Nam» mà lâu nay vốn có quá nhiều thành kiến !

Rồi thì tình yêu đến giữa hai người cũng như cây cỏ tự nhiên đến kỳ đâm chồi nảy lộc, đơm hoa kết trái. Sau hơn một năm hẹn hò và tìm hiểu, họ cảm thấy không thể sống thiếu nhau được nên quyết định đi đến hôn nhân cũng như bất kỳ đôi trai gái khác. Hôm nay, như thường lệ nhân lúc bố đi làm, Vi về nhà thăm mẹ để báo cho bà biết một quyết định rất quan trọng cho cuộc đời mình :

- Mẹ ơi con muốn lấy chồng Việt Nam !

Thật lạ làm sao mẹ Vi không hề ngạc nhiên với quyết định của con gái. Bà chỉ ôn tồn nói :

- Lần đầu tiên con dẫn Quốc về giới thiệu, mẹ đã có linh cảm đây là người đàn ông của con gái mình sau này. Quốc có rất nhiều đức tính mà những thanh niên khác không có mà quan trọng nhất chỉ vì Quốc là người Việt Nam ! Đó là cái gì rất vô hình nhưng cũng thật gần gũi với con.

Cô cười bẽn lẽn nói :

- Con chỉ sợ câu»ghét của nào trời trao của đó» mà mẹ vẫn thường trêu con.

Mẹ cô nhẹ nhàng bảo :

- Không có người đàn ông nào đáng ghét cả dù họ là u hay Á, Trắng hay Đen, Tây hay Ta con à đừng nói chi họ là người Việt như mình. Tính cách của đàn ông Việt Nam đã bị ảnh hưởng quá sâu nặng của văn hóa Trung Quốc từ bao đời, ra sống ở hải ngoại một số người đã thích ứng với nền giáo dục u Mỹ nhưng số khác vẫn giữ nguyên cách dạy con hà khắc của thời phong kiến nên những bi kịch gia đình vẫn còn diễn ra như trong nhà mình. Ngưng một chút mẹ bỗng hỏi Vi :

- Con còn giận bố không ?

Vi đã trả lời nhanh hơn bà nghĩ :

- Ngày xưa lúc mới dọn ra ngoài sống con rất hận bố, nhưng giờ thì khác rồi, con không giận bố nữa vì con nghĩ chắc bố cũng có cái lý của bố mà con không thể nào hiểu hết được. Tuy nhiên, con nghĩ mình chỉ nên gặp lại bố khi «đủ duyên» điều đó có thể xảy ra hoặc sẽ không bao giờ xảy ra trong kiếp này mẹ ạ ! Nói đến đó Vi không cầm được nước mắt, mẹ ôm cô vào lòng

và bảo :

- Con nghĩ được như thế là con đã trưởng thành rồi. Bố không phải là người xấu, bố rất yêu thương con cái nhưng vì quá cố chấp mà bố phải khổ. Nếu biết «buông xả» một chút thì bố đã có một một mái gia đình hạnh phúc với vợ con bên cạnh rồi. Những người như bố họ sống rất đau khổ, hãy thông cảm và thương họ, nếu không biết hướng thượng họ sẽ cứ mãi bị trầm luân trong bể khổ do chính họ tạo ra. Đúng là mỗi con người phải biết «tự mình thắp lấy đuốc lên mà đi» trong đêm dài tăm tối của kiếp nhân sinh này.

Mẹ của Vi là thế ! Ở bà Vi học rất nhiều về một triết lý sống rất tự tại và cũng rất nhân bản, ngưng giây lát bà tiếp :

- Mẹ chắc chắn rằng hiện nay con đang rất hạnh phúc. Cái cảm giác này ai cũng đều trải qua khi chuẩn bị đến hôn nhân. Nhưng hạnh phúc vốn rất mong manh, nó không tự nhiên mà có và cũng không tự nhiên mất đi nếu không biết nỗ lực. Con và Quốc đều là những người trưởng thành, đều được giáo dục trong một nền văn hóa ưu việt mẹ mong rằng con sẽ có một cuộc sống gia đình hạnh phúc hơn mẹ. Tuy nhiên, con cũng đừng quên rằng xã hội càng văn minh càng dễ dàng đưa đến đỗ vỡ hôn nhân vì ai cũng đặt cái tôi của mình lên trên

hết. Yêu một người thì con phải biết yêu cả cái tốt lẫn cái xấu của họ, bởi không ai là toàn diện. Trong cuộc sống vợ chồng chắc chắn sẽ xảy ra xung đột, những lúc ấy con hãy cố nhớ đến những điều tốt đẹp thuộc về bản chất của họ mà quên đi những cái xấu nhất thời trong hiện tại.

Chưa lúc nào Vi thấy cám ơn cuộc sống như lúc này vì cuộc sống đã ban tặng cô nhiều thứ trong đó quý giá nhất vẫn là người mẹ mà cô hằng yêu kính. Dẫu cô bị khiếm khuyết tình yêu của bố từ ngày còn bé nhưng Vi cảm thấy vẫn may mắn hơn nhiều người mồ côi không có cả cha lẫn mẹ trên đời. Đây cũng là tính cách lạc quan mà Vi học từ mẹ ! Bà luôn đem đến cho người khác niềm tin, niềm vui về cuộc sống dưới lăng kính của lòng vị tha nhưng cũng rất trí tuệ, sâu sắc. Từ ngày Vi dọn ra khỏi nhà chưa bao giờ mẹ trách bố. Mẹ lẳng lặng lo cho Vi từ chỗ ăn ở cho đến học hành, dù phải đi làm tất bật nhưng có chút thời gian rãnh là bà luôn đến thăm Vi không quản đường xá xa xôi. Nhiều lúc thấy mẹ vất vả, Vi thường bảo mẹ không phải lo cho cô nhiều đến thế đâu. Mẹ chỉ nói :

- Chăm sóc cho con cái không phải là «sở thích», nó thuộc về bổn phận và trách nhiệm của kẻ làm cha làm mẹ ! Khi đem một mầm sống đến với thế giới này

mình phải có trách nhiệm với những gì mình đã tạo ra vì không ai có khả năng tự đến đây con ạ ! Sau này, nếu may mắn con có một người đàn ông ở cạnh để cùng nuôi dạy con cái thì quá tốt, còn như ngược lại thì chính con sẽ phải vừa làm cha vừa làm mẹ và phải có bổn phận với giọt máu của mình.

Hành trang Vi mang về làm vợ Quốc là tất cả những kinh nghiệm sống mà mẹ đã trao cho cô hôm nay. Vi vẫn còn nhớ như in lời mẹ nói lúc chia tay :

- Mẹ sẽ đứng nhìn hạnh phúc của con, nhưng sẽ luôn bên con khi con gặp những khổ đau.

Sau đó ít lâu, đám cưới của Vi và Quốc đã diễn ra trong không gian thật ấm cúng có hoa hồng và nến, có bánh ngọt và rượu, có cả những nụ hôn lẫn những giọt nước mắt mà người thân và bạn bè đến chúc mừng cho đôi tân giai nhân trong ngày trọng đại này. Vâng ! Có đầy đủ tất cả nhưng chỉ thiếu một người duy nhất đã không hiện diện đó là bố của Vi ! Thật vậy ! Ông đã bỏ quên đứa con gái mà gần hai mươi lăm năm trước đây chính ông đã bồng trên tay khi nó mới lọt lòng chào đời nhưng chỉ vì bản tính cố chấp nên ông đã mất đứa con gái của mình trong chính căn nhà của mình !

Ở đâu đó trên cõi đời này vẫn còn có rất nhiều người

cha như bố của Vi, họ đã quên đi một điều rất quan trọng trong cuộc sống này đó là : «Làm người, chỉ biết yêu thương thôi, chưa đủ, mà còn phải biết hy sinh và tha thứ nữa !»

Nước mắt của chúng ta đã và đang đổ dài dọc cuộc hành trình đi tìm tự do suốt gần bốn thập niên qua. Những mất mát và đau thương mà mỗi thân phận người phải gánh chịu là vô cùng, nhưng những «di chứng» của nó vẫn còn tiếp tục để lại qua nhiều thế hệ Việt Nam đang định cư ở hải ngoại.

Chúng ta đã khóc quá nhiều cho quê hương đất nước, cho người thân và bạn bè trên bước đường lưu vong này. Cầu xin cho những giọt nước mắt của cha mẹ và con cái sẽ ngừng tuôn rơi trong mỗi gia đình Việt Nam hôm nay trên quê người !

Ngày Tết truyền thống Việt là ngày gia đình sum họp. Mọi ông bố, dù khó tính đến mấy, cũng mong thấy con cái trở về đông đủ trong ngày Tết. Mong đây là dịp đôi bạn Vi Quốc có thể thấy lại niềm vui sum họp với bố mẹ.

Nguyễn Bích Thủy

# Bộ Lư Đồng Mắt Tre

Triều Phong (TPN)

Tác giả tên thật Trần Phương Ngôn, cho biết ông là thuyền nhân trên chiếc tàu vào loại lớn nhất, chở 246 người, con số đông nhất trong một chuyến vượt biển. Tác giả cũng đã sống ở trại tỵ nạn PFAC của Phi Luật Tân gần mười một năm và chỉ mới định cư tại Hoa Kỳ từ 2004. Hiện hành nghề Nail tại tiểu bang South Carolina và cũng đang theo học ở trường Trident Technical College. Bài viết mới nhất của Triều Phong là chuyện bàn thờ ngày giáp Tết.

Từ sau ngày 30 tháng 04 năm 1975 khi cộng sản chiếm miền Nam Việt Nam rồi thì đời sống của dân chúng thê thảm lắm. Hầu như gia đình nào cũng có ông bà, cha mẹ, anh chị em, đi tù cả. Họ hàng chú bác nhà tôi có năm sáu người ở tù từ Nam ra tới Bắc nên luôn bị chính quyền địa phương để ý bởi dòng họ có nhiều «sĩ quan Ngụy đang đi cải tạo.» Tài sản của dân thì chính quyền tìm cách tịch thu hết. Nhà nào cũng xơ xác, đói nghèo tràn lan do chính phủ và người dân miền Bắc mang vào. Đi đâu cũng thấy nón cối, dép râu, xe đạp cọc cạch. Ở cơ quan, xí nghiệp, công nhân lo làm việc thì ít nhưng lo «chạy mánh, «giành nhu yếu phẩm

thì nhiều. Nơi trường học, nhiều hôm học trò ngồi lơ láo, đợi thầy cô đi nhận phần thịt hoặc cá đang chia ở phía văn phòng ban đời sống cả giờ đồng hồ vẫn chưa trở lại dạy...

Trong cái không khí u ám ấy năm 1978 sau khi tốt nghiệp cấp ba xong, ba tôi thấy tình thế chắc là không ổn do chính sách đàn áp, phân biệt đối xử đối với dân chúng miền Nam nên ông quyết định cho tôi vượt biên. Nhưng tôi đi không thành và bị bắt. Tôi vốn nhỏ con, nên trong tù tôi khai tuổi mười ba dù đã mười tám do đó mỗi sáng tôi được cho ra sân nhổ cỏ. Lơi dụng cơ hội này một hôm tôi trốn mất ! Về Saigon dĩ nhiên là tôi không dám trở lại địa phương nữa mà trốn nơi nhà bà nội tôi. Từ một học sinh mới lớn, thơ ngây, chả biết gì mùi đời bấy giờ tôi đã trở thành một tội phạm trốn chui trốn nhủi, sống bất hợp pháp, cuộc sống vô cùng khó khăn, lo sợ đủ thứ. Đúng là sống với Việt Cộng mà không hộ khẩu thì đời kể như hậu khổ rồi !

Nhà bà nội tôi nằm kế nhà từ đường của dòng họ. Bà cố tôi ngày xưa ở đây và nghe kể lại là bà chuyên sống về nghề làm bún. Khi làm ăn khấm khá bà mở lò bún nên thiên hạ gọi bà cố tôi là bà chủ lò bún. Lúc giàu có bà mua nguyên miếng đất to gần cả mẫu rồi chia đều cho mười người con nên gia đình con cháu sống gần

nhau là thế. Đó là lý do mà ba tôi đưa tôi về đây trốn cho an toàn hơn. Lúc ấy đất rộng người thưa, tôi ngày tối cứ quanh quẩn ngoài vườn. Sân vườn thì to lớn với đủ loại cây trái như xoài Thanh Ca, chuối sứ, chuối già, mận, ổi, mãng cầu (trái na), hồng quân... mặc sức cho tôi leo trèo.

Tết năm 1979, ba tôi đem bộ lư trên bàn thờ ra sau hè rồi hai cha con hì hục chùi. Tuy không ăn tết gì rình rang nhưng sẵn tiện năm nay có tôi nên ba tôi muốn tôi phụ chùi bộ lư với ông bởi lẽ ba năm rồi đâu có ai còn lòng dạ nào mà lo tết với nhất nên bộ lư bị oxide đồng, đen xì xì. Lúc đó đâu còn có dầu chùi bóng nên hai cha con tôi hái khế để thay thế vì trong trái khế có acid acetic (CH3COOH) dùng để làm nhả oxide ra được. Lúc tôi trèo tuốt lên ngọn cây thì ông đứng bên dưới nhắc nhở :

- Thôi tới đó được rồi đừng leo cao nữa nha con. Người ta nói «nhất hóc xương gà, nhì sa cành khế» đó mày. Té cây khế là nguy hiểm lắm ấy !

Rồi ngoài khế ra ông còn lấy cát đất trộn với nước cho sền sệt và dùng nùi giẻ cũ chùi thêm. Hàng xóm ai nhìn thấy cũng cười cách ông làm. Tuy vậy cuối cùng là sau cả ngày bận rộn, chúng tôi đã có bộ lư sáng láng nhưng nếu nói về độ bóng thì nó không được bóng lắm.

Dù sao như vậy là cũng tốt lắm rồi vì thời buổi ấy chỉ làm được tới đó thôi bởi cơm còn không có ăn thì lấy đâu ra dầu chùi bóng của tây ?

Hôm sau sẳn trớn và hứng chí hay sao chẳng biết, ông đi sang nhà bà cố tôi và nói với người đang trông coi nhà thờ lúc này là chị em cô cậu với ông rằng để ông mang bộ lư trên bàn thờ về đánh bóng luôn. Dĩ nhiên là cô tôi hưởng ứng hết mình nếu ông có lòng bởi cũng như bộ lư bên nhà bà nội tôi bộ lư này cũng đen thui vì từ ngày các bác tôi bị đưa ra Bắc «cải tạo» thì đâu còn ai chăm sóc nó. Khi phụ ba tôi bưng bộ lư xuống, tôi mới chợt nhận thấy bộ lư này khác với bộ lư nhà nội tôi vì nó có hai nhánh hai bên với rất nhiều mắt như mắt tre mà thuở nhỏ dù nhiều lần sang đây chạy loanh quanh dưới bàn thờ tôi vẫn chẳng bao giờ để ý đến. Phía trên nắp nó cũng có trang điểm một khúc to hơn nằm ngang với nhiều mắt. Nhìn thấy ánh mắt tò mò của tôi ông giải thích :

- Bộ lư này gọi là lư tre vì nó có nhiều mắt như mắt tre. Bộ lư này quý hơn bộ lư bên nhà mình. Ngày xưa nghe nói bà cố con mua đắt lắm. Còn bộ lư bên nhà là lư trái đào vì nó có hai trái đào bên thân lư. Lư trái đào thì rất xoàng và rẻ tiền !

- À, ra là vậy. Tôi vừa gật gù vừa ngắm nghiá bộ lư

tre khá nặng đang cầm trên tay.

Nếu lư trái đào cha con tôi chỉ chùi một ngày thì bộ lư tre chúng tôi phải mất đến ba ngày vì nhánh tre vừa nhỏ lại vừa quằn quèo, nhiều mắt, khó cầm, khó chùi. Rồi sau khi làm xong thì hai bàn tay của tôi và ba tôi bị trầy xước chảy máu nhiều nơi do bị cắt bởi các mắt tre.

Tết năm đó khi cả dòng họ về thắp nhang cho bà cố tôi, thấy bộ lư tre sạch đẹp, bóng láng, ai ai cũng tấm tắc khen ngợi hai cha con tôi khiến ông nức lòng. Ngôi nhà thờ bà cố tôi gồm ba gian, hai chái, mái ngói âm dương, với mấy trụ xi măng tròn to cỡ một người ôm ở trước hàng ba mà bên ngoài trông vào người ta ngỡ đó là một ngôi chùa nhỏ khiến cho nhà từ đường có vẻ trang nghiêm cổ kính. Bên trong, nền nhà được lót bằng gạch Tàu. Ngay gian giữa có hai cột quá giang bằng gỗ mun vuông, đen bóng, dùng để đỡ lấy mái nhà và trên hai cây cột này cũng có hai tấm gỗ bằng gỗ mun được treo từ trên trần xuống tới gần mặt nền với hai câu đối viết bằng chữ Hán có mạ vàng nhủ mà tôi không hiểu nghĩa là gì. Ở vách bên phải từ ngoài bước vào có một bức tranh lụa thật to, vẽ bằng màu nước với hình Long Hổ Tranh Châu được lồng trong một cái khung cầu kỳ, hoa văn tao nhã mà cạnh viền từ trên xuống dưới cũng có hai hàng chữ Hán nhỏ hai bên.

Giữa nhà là bàn thờ gỗ mun đen với bức vẽ chân dung to lớn của bà cố tôi đang ngồi trên ghế trong chiếc áo dài nhung xanh dương đậm. nom thật uy nghi. Nhìn khói bay nghi ngút, lượn lờ quanh bộ lư tre, làm mờ nhân ảnh của bà cố tôi khiến cho gương mặt của bà như từ chốn xa mù nào dội lại. Mùi hương thoang thoảng nơi bát nhang đang đốt tạo cho khung cảnh nét trầm mặc xa xăm, thiêng liêng huyền bí của cõi vô hình khiến lòng tôi bồi hồi mỗi lúc trông lên bàn thờ. Từ đó, hàng năm ngoài việc chùi bộ lư trái đào tôi còn lãnh thêm phần chùi bộ lư tre trên bàn thờ của bà cố tôi nữa.

Thời kỳ này như bao gia đình khác, các cô bác bên nhà bà cố tôi, nhà tôi, đều phải mang bàn ghế tủ giường đem bán để lấy tiền mua cơm gạo nuôi con cái, sống lay lắt qua ngày. Và bộ lư tre là một món đồ mà những thương lái, những người mua đồ cũ rất thích. Họ năn nỉ mãi nhưng gia đình tôi nhất định không bán bởi nó là một trong các kỷ vật sau cùng của bà cố tôi nhờ vậy mà chúng tôi mới còn giữ được nó cho đến bây giờ. Lúc ấy những gia đình khá giả còn có tiền đàn đúm nhau năm bảy người ra Bắc thăm thân nhân hay trèo đèo lội suối tới tận chốn thâm sơn cùng cốc để gặp người thân chứ còn gia đình tôi nghèo quá phải tiện tặn mọi thứ để thỉnh thoảng gửi quà ra miền Bắc qua đường bưu điện khi các bác tôi gửi phiếu thăm nuôi về nên nhà rất là đói

khổ. Đây là giai đoạn cả miền Nam rơi vào tuyệt vọng bởi quá khứ vàng son đã lùi sâu vào dĩ vãng để lại một thực tại bi đát phũ phàng và tương lai là một vùng biển cả tối đen, người ta như các con thuyền nhỏ trôi bấp bênh trong mênh mông vô định. Suốt thời gian ảm đạm này, tuy không nói ra nhưng mọi người đều đọc được trong ý nghĩa của nhau về nỗi lo sợ sẽ nhận được hung tin chết chóc của những người tù trong một ngày không xa. Tuy nhiên may mắn hơn một số gia đình khác là nhà tôi không có ai bỏ xác trong tù cả. Các chú bác tôi lần lượt trở về, người «học tập» ít nhất là gần ba năm, người lâu nhất là mười hai năm !

Khi chương trình HO được ký kết giữa hai chính phủ Mỹ và Việt Nam xong, một số chú bác tôi hội đủ điều kiện đã lên đường định cư. Hiện mọi người đang sống rải rác trên nước Mỹ. Sau gần hai mươi năm cố gắng làm việc cộng với năm tháng tù tội thì bây giờ tất cả đã về hưu vì già yếu và bệnh tật.

Tối hôm qua tôi gọi điện thoại về Việt Nam thăm nhà, sau một hồi chuyện vãn thì cô tôi trở giọng buồn buồn cho hay là bộ lư mắt tre của bà cố tôi vừa bị ăn trộm lấy mất cách đây ba bốn bữa rồi. Gần Tết thì chuyện trộm cắp ở bên nhà xảy ra thường xuyên lắm và như cô tôi nói thì hiện nay giá trị của một bộ lư tre chỉ chừng

vài ba triệu đồng tiền Việt Nam. Số tiền đó so với cuộc sống bây giờ không phải là món tiền to tát nhưng đối với gia đình tôi thì đó là một mất mát lớn lao và vô giá bởi vì nó là của gia bảo do bà cố tôi để lại, là kỷ vật lưu dấu của gia phả về tình thương của bà đối với con cháu, người đã có công tạo dựng cho con cháu có được một cơ ngơi yên ấm, một mảnh đất dung thân nên trong lúc khốn khổ nhất mọi người vẫn cố gìn giữ suốt một thời gian dài.

Im lặng hồi lâu rồi tôi nghe tiếng cô tôi thở dài trong điện thoại. Tôi biết cô buồn lắm trước mất mát này và chắc chắn mọi người trong dòng họ cũng sẽ buồn như cô tôi bây giờ khi hay tin dữ. Riêng tôi cũng thẫn thờ xen lẫn tiếc nuối. Hình ảnh tôi lui cui ngồi chùi bộ lư mắt tre mỗi độ xuân về bên hiên nhà hơn ba mươi năm về trước vẫn còn in đậm trong tâm khảm. Lòng ngổn ngang như tơ vò, tôi chẳng biết nói sao hơn là dùng cái nguyên lý có không của nhà Phật để an ủi cô tôi. Tuy vậy tôi vẫn không tránh khỏi bâng khuâng, và tự nhủ lấy lòng «xem như của đi thay người thôi !» Vì dù sao vật gì mất đi cũng còn có thể tìm lại được chứ như con người mất đi thì lấy gì thay thế đây ? Ý nghĩ ấy làm tôi liên tưởng tới sự ra đi của nhạc sĩ Huỳnh Anh, nhạc sĩ Việt Dzũng, nhà báo Cao Sơn và nữ danh ca Hà Thanh vừa qua. Buổi nói chuyện với cô tôi cuối cùng rồi cũng

chấm dứt trong bầu không khí khá nặng nề.

Để điện thoại trở lại bàn xong tôi ra sofa ngồi mà đầu óc vẫn còn nghĩ ngợi miên man. Dẫu biết là «sinh lão bệnh tử, thành trụ hoại không» thì mọi sự vật trong cuộc đời này không có gì là vĩnh cửu nhưng trong những ngày vừa rồi nhiều văn nghệ sĩ hải ngoại đột ngột giả từ cõi tạm này khiến cho người tôi bần thần, tiếc nuối và cộng đồng người Việt khắp nơi thì bàng hoàng đau xót, buồn nhiều hơn vui.

Mùa đông năm nay vốn đã trắng vì tuyết tràn ngập, phủ đầy khắp nơi, giờ lại thêm bạc thếch vì cơn lạnh kỷ lục. Suốt cả tháng trời qua tâm tư tôi cứ bứt rứt, khó chịu mà tôi không thể diễn tả được vì sao trước các mất mát trên. Tôi chưa gặp nhạc sĩ Huỳnh Anh bao giờ. Tôi chỉ gặp Việt Dzũng một lần khi anh sang trại tị nạn Palawan và có một kỷ niệm nhỏ với anh thôi. Tôi cũng không biết nhà báo Cao Sơn vì khi ông tới tìm hiểu tình hình lập Làng Việt Nam bên trại tị nạn năm 1996 hoặc 1997 gì đó thì tôi đã rời trại đi Manila rồi. Nữ danh ca Hà Thanh thì tôi lại càng không có dịp hạnh ngộ nào nhưng tại sao tôi lại xốn xang trong lòng khi nghe tin họ từ trần ? Tôi hiểu rằng dù tôi chưa gặp hay gặp họ không lâu nhưng các tác phẩm hay giọng ca của họ đã quen thuộc, mến yêu với tôi từ những ngày tôi còn rất

nhỏ. Đó là lý do tôi buồn và cảm giác tổn thất này khiến tôi hụt hẫng, tạo nên một lỗ trống to lớn trong tôi.

Sáng nay cơn lạnh lại xuống cực thấp làm vạn vật bên ngoài chết cứng. Từ trong cửa sổ đứng nhìn ra con đường trước mặt, cảnh vật trắng toát một màu tang ! Tận thâm tâm của niềm xúc cảm vô biên ấy, ngắm mọi thứ im lìm rất lâu tôi chợt nhận thức được cái vô thường của kiếp người. Vì có thể nó bình thường với những người khác nhưng lại hoàn toàn mới đối với tôi bởi cái căn nguyên, cái duyên nghiệp, cái giác tánh nguyên sơ và sau cùng là cái trình độ «ngộ» của mỗi người mỗi khác và không ai giống ai. Có sinh thì có tử ! Tử để về một cõi khác rồi trở lại kiếp người nếu sống có đức độ ở kiếp này. Cái cõi khác đó chính là cái cõi Tịnh Độ trong thuyết luân hồi của nhà Phật vậy !

«Tâm thức chợt giác ngộ» khiến tôi thanh thản hơn, như người vừa cất được gánh nặng khỏi đôi vai và thấy lòng nhẹ tênh. Tôi hít một hơi thật dài đầy khoan khoái, đầu óc tỉnh táo hẳn ra khi thấu triệt cái lý lẽ của «sinh, trụ, hoại, diệt» rồi thầm cầu nguyện cho những người vừa khuất sớm về cõi Phật, nước Chúa. Nắng lên cao, xuyên qua các nhánh cây trụi lá, chiếu lên đống tuyết cao trước nhà dọi ánh dương quang lấp lánh. Hôm nay tuyết sẽ tan, ngày mai tuyết lại đổ xuống. Tuyết tan rồi

tuyết lại tới. Đông sẽ tàn cho xuân qua trong sự tuần hoàn của vũ trụ, cho một khởi điểm bắt đầu trong kiếp luân hồi tái sinh có không, không có !

Miami Township, ngày 06 tháng 01 năm 2014

Triều Phong (TPN)

## Cận Tết ở Little Saigon

Minh Tâm

Tác giả là một kỹ sư công chánh, cư dân Torrance, California, đã góp một số bài viết về nước Mỹ. Anh cũng đã du lịch nhiều nước và ghi lại trong ba quyển du ký với tựa đề Á Châu Quyến Rũ tập 1 & 2 và Đi Cruise Bắc Mỹ hiện có bán tại các nhà sách trong vùng Little Saigon. Việt Báo xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc. Dưới đây là bài viết mới nhất của tác giả về Tết ở Little Saigon/

Cali gần Tết Giáp Ngọ,

Bạn thân,

Nhận được thư và nghe bạn kể chuyện ăn Tết ở quê nhà mà lòng tôi bâng khuâng một nỗi nhớ về những ngày xuân trên quê hương. Tôi nhớ những ngày chợ Tết vui vẻ, nhớ những món ăn đặc sản, nhớ những dịp gia đình sum họp, bè bạn thân thương gặp gỡ để chúc nhau những câu chúc lành cho năm mới và chuyện trò thân mật. Trong thư bạn có hỏi người Việt ở hải ngoại ăn Tết như thế nào, có vui không và có gì khác so với ở quê nhà. Vậy bây giờ tôi sẽ kể cho bạn nghe chuyện người Việt ăn Tết ở địa phương mà tôi sinh sống. Đó là

Khu Little Saigon.

Không khí ăn Tết cổ truyền của dân tộc bắt đầu sớm nhất ở các siêu thị Việt Nam. Từ sau Tết Dương Lịch người ta đã bày bán bánh mứt đủ loại. Hiện nay thì mới bán những loại mứt ngọt như mứt gừng, mứt bí... Những loại này thường được nhập cảng từ Việt Nam. Gần Tết sẽ có thêm bánh chưng, bánh tét... Vào trong chợ thì bạn sẽ nghe nhạc xuân rộn rã, nhưng nghe cũng hơi tức cười vì hôm nay mới đầu tháng chạp mà thôi, còn cả tháng nữa mới tới Tết.

Tiếp theo là báo Xuân được phát hành. Hồi xưa, tới rằm tháng chạp mới có báo Xuân. Bên đây, do cạnh tranh nên mới đầu tháng chạp là báo Xuân đã xuất hiện ở các sạp báo. Năm nay thấy có báo xuân Người Việt, Viễn Đông, Viet Tide, Chí Linh... Giá báo từ 8-10 đô la, có khi tặng thêm thẻ gọi điện thoại. Nội dung báo xuân thì cũng na ná như nhau, cũng gồm sáng tác, phóng sự, lịch sử, văn hoá dân tộc... Chủ đề báo xuân thường gồm các chuyện có thật hay hư cấu về ngày Tết, và dĩ nhiên không thể thiếu các biên khảo hay chuyện vui về ngựa vì năm nay là năm Giáp Ngọ mà. Riêng báo xuân Việt Báo, như mọi năm, chỉ ra trước Tết ba tuần. Đề tài xuân Việt Báo năm nay là : 60 Năm Di Cư, Di Tản/ Gốc Việt và nước Mỹ Di Dân/ và, Thế Hệ Thiên Niên Kỷ. Như lệ

quen hàng năm, đề tài của Việt Báo Tết Giáp Ngọ luôn gắn liền lịch sử và thời cuộc. Do đó, đây cũng là số báo xuân duy nhất ghi dấu những biến cố lịch sử Việt Nam và thế giới : Giáp Ngọ 120 năm trước, nhà Đại Thanh bên Tàu phải quỳ gối đầu hàng Nhật Bản. Giáp Ngọ 60 năm trước, 1954, là cuộc di cư của hơn một triệu người lánh nạn cộng sản. Gần hơn, là kỷ niệm 40 năm hải quân Việt Nam Cộng Hòa quyết tử chống lại việc Tầu cộng đánh chiếm Hoàng Sa năm 1974. Năm năm sau đó, quân Tầu tổng tấn công miền Bắc. Từ đây, bật lên câu hỏi : Chỉ trong vòng 5 năm, thanh niên Việt dưới hai lá cờ đối nghịch đã phải đương đầu với cùng một kẻ thù xâm lược từ phương Bắc.

Đó là báo. Còn về ca nhạc thì trung tâm Thuý Nga tổ chức live show ở casino Pechanga với chủ đề Mùa Xuân Của Mẹ với các ca sĩ của trung tâm. Bên cạnh đó họ còn sắp ra DVD Paris By Night 100 - Phát Lộc Đầu Năm. Trong khi đó trung tâm Asia thì ngược lại cho ra mắt DVD Asia 73 - Mùa Hè Rực Rỡ và Người Lính và Mùa Xuân (thu từ liveshow của ca sĩ Đan Nguyên). Những ngày cuối tuần giáp Tết hay trong Tết, các vũ trường đều có chương trình đặc biệt.

Tới gần Tết thì trước khu Phước Lộc Thọ có chợ hoa. Tuy không đẹp như ở Việt Nam nhưng hoa mai vàng ở Mỹ cũng rất rực rỡ và bán rất mắc, mỗi chậu cả trăm đô la. Có loại mai Mỹ nữa nhưng xấu hơn, và bán rẽ hơn nhiều. Sau mai là phong lan và địa lan, tùy kích thước lớn nhỏ mà giá một chậu khoảng 30-40 đô la tới 80-100 đô la. Loại hoa lan đất thường rất được ưa chuộng vì chưng được nhiều ngày. Ngoài ra còn có cúc đại đoá (một cặp khoảng 14-16 đô la) và các loại hoa khác. Củ thuỷ tiên cũng có bán tại các chợ của người Hoa trong vùng dành cho những người sành điệu và biết cách cắt gọt.

Người Việt ở Mỹ thường ít khi tự gói bánh chưng, bánh tét mà mua ở chợ vì có những hãng sản xuất sẵn. Năm ngoái một cái bánh chưng hay bánh tét giá khoảng 13-15 đô la. Năm nay chưa biết bao nhiêu nhưng chắc mắc hơn vì đô la mất giá, hàng hoá lên giá. Đôi khi tôi còn gặp cả bánh chưng được sản xuất từ Việt Nam bày bán ở đây nữa.

Về trái cây thì ở Mỹ có dưa hấu quanh năm. Đây là loại dưa không hạt và ăn rất ngọt. Do ăn hoài suốt năm nên không ai thấy náo nức khi ăn dưa ngày Tết như ở quê nhà. Nếu muốn mua «cầu dừa đủ xoài» thì cũng hơi khó. Mãng cầu thì chỉ có loại «lai» chớ hầu như ít

thấy mãng cầu xiêm hay mãng cầu dai như ở Việt Nam. Dừa tươi thì cũng có nhưng không đẹp như dừa ở trong nước. Đu đủ thì từ Mexico nhập qua, ít ngọt so với đu đủ Miền Tây Xoài thì phải nhập cảng từ Mexico hay Phi Luật Tân nhưng mùa này cũng khó kiếm. Trái lại, trái cây ôn đới như lê, nho, táo... thì không thiếu. Nói về trái cây Việt Nam ở đây thì nhiều nhà ở Little Saigon trồng được thanh long, ổi, nhãn... Chuối sứ ở đây có loại lùn chừng 1, 5 mét là đã có quay. Riêng mít thì có công ty trồng mít Việt ở Mexico và bán đầy ở các chợ Á Châu.

Mặt hàng thịt cá thì khỏi lo. Lúc nào cũng đầy đủ không cần phải lo lắng. Tuy nhiên nếu muốn ăn thịt quay, vịt quay thì phải xếp hàng chờ hơi lâu vì nhu cầu tăng cao, các tiệm làm không kịp.

Cận Tết, nếu vào ngày cuối tuần thì xe cộ quanh khu Phước Lộc Thọ rất đông đảo gây ra kẹt xe dữ lắm. Nhiều người từ các thành phố lân cận về đây mua sắm hàng hoá, thực phẩm vì giá cả ở Little Saigon tương đối rẻ hơn các nơi khác. Ngoài ra, họ còn đến Little Saigon để gởi tiền giúp đỡ thân nhân bên nhà. Theo thống kê, năm nay, Việt kiều gởi về nước 11 tỷ đô la, trong số này chắc dân Little Saigon đóng góp không nhỏ !

Tối 30 Tết, dân Việt đổ xô đến các nhà thờ và chùa trong vùng để đón giao thừa và xem đốt pháo. Ở chùa Huệ Quang, đúng 12 giờ người ta đốt sơ sơ có một triệu viên pháo mà thôi... Khói pháo mù mịt, dân chúng tới coi đông đúc, chen chúc nhau. Ở đây có sân khấu ca nhạc ngoài trời. Ca sĩ đã tới hát liên tục từ lúc 7-8 giờ chiều cho tới 1 giờ khuya. Không thua Huệ Quang, một chùa khác là chùa Điều Ngự cũng có chương trình văn nghệ và đốt pháo và thường do các ca sĩ của trung tâm Asia tới biểu diễn. Tối giao thừa ở Little Saigon nghe văng vẳng tiếng pháo mừng xuân ở khắp nơi. (Năm nay nghe nói đã có lệnh cấm đốt pháo của thành phố Westminster). Ở các tụ điểm vui chơi, ai cũng hân hoan, vui vẻ. Ngoài đường, ở các nơi đông người, cảnh sát Mỹ phải tới canh giữ trật tự nhưng hầu như ít có vấn đề gì về an ninh.

Tết Việt Nam ở Mỹ thường vào... mùa đông nên còn lạnh lắm. Người nào lớn tuổi và làm biếng hay sợ lạnh thì ở nhà mở truyền hình ra coi văn nghệ giao thừa và coi trực tiếp truyền hình cảnh ăn Tết từ các chùa trong vùng. Ở đây có 8-9 đài truyền hình Việt Nam. Chương trình rất phong phú và phát tối ngày sáng đêm, giờ nào mở TV lên cũng có. Dịp Tết, họ có các chương trình mừng xuân rất phong phú, đa dạng như trực tiếp truyền hình văn nghệ giao thừa, làm các phóng sự người Việt

ăn Tết ở đây và các chương trình Táo Quân, kịch, phim tài liệu về Tết..... Nếu bạn ở xa và muốn xem truyền hình hải ngoại thì cứ vào internet sẽ có.

Bên cạnh các đài truyền hình còn có rất nhiều đài phát thanh. Với hai tầng số 106. 3 FM và 1480 AM, bất cứ khi nào bạn cũng có thể nghe giọng nói tiếng Việt dịu dàng của các xướng ngôn viên ở đây. Chương trình Tết cũng rất xôm tụ đầy đủ thể loại như tin tức, phóng sự cộng đồng...

Đốt pháo mừng xuân ở khu Phước Lộc Thọ (hình chụp mấy năm trước)

Mấy năm trước sáng ngày mùng một Tết, tôi dạo quanh khu Phước Lộc Thọ thì nghe pháo nổ đì đùng liên tu bất tận. Trước thương xá, người ta đốt không biết bao nhiêu pháo mà kể. Kéo dài hai, ba tiếng đồng hồ là thường. Thêm vào sự rộn rã của ngày Tết ở đây là tiếng trống lân của vài đoàn lân đang múa để mừng xuân nữa. Năm nay đã nghe tin cảnh sát thành phố Westminster nhắc nhở là cấm đốt pháo và cờ bạc, nếu vậy thì cũng hơi buồn.

Những ngày cuối tuần trước và sau Tết, năm nay ở Little Saigon có hai ba cái hội chợ. Nào là hội chợ do Cộng Đồng Nam Cali tổ chức, nào là hội chợ do sinh

viên tổ chức. Trong các hội chợ này thường có văn nghệ, có các trò chơi truyền thống của dân tộc như đánh cờ, thi thơ, thi hoa hậu, thi trẻ em mặc quốc phục đẹp... Ngoài ra còn có các gian hàng bán thực phẩm Việt như chả giò, nem nướng... Người Việt từ các thành phố lân cận thì hay về đây vui chơi cả ngày. Năm nào cũng có cả vài chục ngàn khách đến thăm hội chợ. Tiền lời hội chợ được chi cho các việc có ích cho cộng đồng.

Hàng năm, trên con đường lớn đi qua khu Việt Nam là đường Bolsa lại có tổ chức diễn hành. Lúc này các cơ sở thương mại, tôn giáo, các hội đoàn đều tham dự tạo nên một khung cảnh nhộn nhịp vui vẻ.

Trước hay sau Tết, các hội đoàn địa phương đều tổ chức họp mặt vui xuân với nhau. Ở đây có các hội đồng hương, hội ái hữu cựu quân nhân, hội ái hữu các trường trung học... Dịp này đồng hương, bạn bè gặp gỡ ca hát vui chơi rất xôm tụ.

Đó là sinh hoạt công đồng. Còn ở nhà riêng thì ai cũng có bàn thờ ông bà và cúng đón giao thừa như ở Việt Nam mặc dù ở đây đón sau Việt Nam hơn nửa ngày. Anh chị em, bạn bè hay tụ họp ăn uống vui chơi với các món ăn truyền thống ngày Tết. Trẻ em thì được mặc quốc phục như áo dài khăn đóng trông rất dễ thương và được lì xì. Sau đó họ đi thăm mã ông bà, cha mẹ, hay đi

chùa, nhà thờ. Chùa nào cũng đông. Đến chùa, chúng tôi thường được thầy trụ trì lì xì cho một trái quýt gọi là lộc đầu năm. Qua Tết các chùa hay tổ chức đi hành hương các chùa trong vùng.

Múa lân đầu năm

Tết Việt Nam thì hãng sở của Mỹ đâu có nghỉ nhưng nhiều người Việt đều xin phép nghỉ để ở nhà vui chơi. Riêng tôi, năm nào Tết vào cuối tuần thì vui vì có dịp đi ra khu Phước Lộc Thọ coi đốt pháo, múa lân hay diễn hành. Năm nào Tết vào dịp giữa tuần thì cũng đi làm bình thường. Vô sở, mấy xếp gặp mình thì nói «Kung Hi Pat Choi» (Cung Hỉ Phát Tài). Câu này để chúc cho người Tàu chớ người Việt mình ít nói như vậy. Nhưng thây kệ, hơi đâu mà sửa họ.

Người Việt ở Little Saigon ăn Tết như vậy đó. Ở các nơi xa xôi có thể khác hơn. Nhiều bạn ở các vùng lạnh như miền Đông hay Canada thì lúc này nếu nhìn ra đường chắc còn đầy tuyết. Có thể nói Little Saigon là nơi người Việt ăn Tết lớn nhất hải ngoại. Cộng đồng có lớn mạnh và nhiều người thì rủ nhau ăn Tết mới vui. So với quê nhà thì người Việt ở Little Saigon có đủ thứ không thiếu món gì, nhưng điều mà họ hãnh diện nhứt là ở đây người dân được tự do muốn làm gì thì làm, muốn nói gì thì nói. Ai thất nghiệp thì được chính phủ

trợ giúp. Ai già cả, mất sức lao động thì có tiền già và phúc lợi y tế miễn phí. Ai có việc làm ổn định thì còn khoẻ hơn nữa. Đó phải chăng chính là niềm vui vĩnh cửu có được suốt 365 ngày trong năm !

Tết ở Mỹ thấy cũng vui. Cho nên khi bạn rủ mình về quê ăn Tết thì mình cũng không ham nữa và hiện nay thấy ở Sài Gòn xe cộ đông đảo mà thực phẩm không an toàn nên càng làm cho mình bớt mong muốn.

Thư cũng đã dài, xin dừng bút nơi đây, chúc bạn một năm mới nhiều sức khoẻ, an khang, thịnh vượng, làm ăn phát tài, con cái học hành tấn tới...

Ký tên

Bạn phương xa.

Minh Tâm

## Thomas Vẫn Nhớ Chú VC Bé Con

Song Lam

Tác giả thuộc lớp tuổi 60, định cư tại Mỹ từ 26 tháng Ba 1992, hiện là cư dân Cherry Hill, tiểu bang New Jersey. Bài viết về nước Mỹ đầu tiên của bà là «Tháng Ba, Trời Đất Vào Xuân, «tự sự của người vợ người mẹ trong một gia đình H. O. tự sơ lược về mình «22 năm dạy học trong nước, 22 năm làm «culi job» trên đất Mỹ. Sau đây là bài viết thứ mười của tác giả cho Viết Về Nước Mỹ năm thứ 15. Bài trích từ báo Xuân Việt Báo Tết Giáp Ngọ, đang phát hành khắp nơi.

Thomas đã ngoài 70 nhưng dáng dấp trông còn trẻ hơn tuổi. Lão gia này không có cái bụng phệ quá khổ như những người Mỹ già tôi thường gặp ở mọi nơi. Đã gần hai năm, Thomas và tôi cùng làm ở Wegmans, một tập đoàn lớn nổi tiếng về Supermarket ở vùng North East, Đông Bắc Hoa Kỳ.

Công ty này được thành lập từ năm 1916 ở 6 tiểu bang : New York, New Jersey, Pennsylvania, Massachusetts, Maryland và Virginia với tổng số 79 cơ sở hoạt động hiện nay. Mỗi tiệm có từ 600-650 nhân viên và mở cửa gần như 24/24, với gần 20 Departments khác nhau, có cả nhà thuốc tây, tiệm rượu và mini nhà hàng, với gần

300 chỗ ngồi cho khách ăn uống, chưa kể ngoài patio, và mỗi tuần có từ 10. 000-14. 000 khách hàng lui tới mua sắm, ăn uống.

Năm ngoái Thomas và tôi làm việc ở hai department khác nhau nên thường chỉ chào hỏi khi gặp. Chừng nửa năm nay, tôi được chuyển qua Prepared Foods chỗ Thomas làm, nên lão gia này mừng lắm. Điều này làm tôi cứ thắc mắc hoài. Lần đầu gặp tôi và biết tôi là người Việt Nam, chút xíu nữa Thomas ôm tôi mừng rỡ như bạn bè xa cách mấy chục năm giờ đây tình cờ gặp lại. Hắn khoe rằng hắn đã từng tham chiến ở Việt Nam từ 1967-1969. Chỉ có hai năm thôi mà Thomas quá đỗi tự hào. Hắn không trực tiếp cầm súng mà chỉ là y tá làm việc với bác sĩ trong phòng mổ ở những quân y viện của Mỹ.

Mấy tuần nay, khi nào có giờ làm chung, khi vắng khách, hắn cứ xáp lại tôi kể chuyện ngày xưa trong chiến tranh Việt Nam. Thấy vậy, mấy đứa nhỏ Mỹ cùng làm nói sao hồi đó tụi bây không «xáp vô» cho rồi, bây giờ hai đứa bây cũng xứng một «cặp già» lắm. Cả tôi và Thomas đều tức cười. Lúc ở Việt Nam Thomas 24, tôi 18... thì cũng đúng «thời vụ» lắm, nhưng hắn ở Đà Nẵng, Huế, rồi sau đó ở Biên Hòa chín tháng trước khi được lệnh về nước. Lúc đó tôi còn đang học High

school ở Saigon, làm sao có dịp gặp gỡ ? Dáng dấp lão gia này cao, gầy, thanh mảnh cũng ô-kê, có điều cái mũi cao... bự quá khổ lúc nào cũng đỏ ké như quả cà chua !

Thomas về hưu đã hơn ba năm. Ở nhà buồn nên hắn trở lại làm part-time như tôi cho qua ngày tháng. Hắn hay gọi tôi là Miss Saigon làm tôi tức cười và có lần hắn khen tôi có nụ cười thật đẹp làm tôi cũng choáng váng... một giây ! Trời đất, người ta khen con gái trẻ đẹp chứ ai đi khen bà già bao giờ ? Tôi thường không tin lời khen của người Mỹ, vì làm việc với họ hơn 20 năm nay, tôi thấy cái gì họ cũng khen là beautiful, wonderful, cái gì cũng ngọt ngào, lịch sự nhưng ngày mai nó cho laid-off không chừng. Ở Thomas, tôi thấy hơi khác, hắn có sự chân thật và trân trọng hiếm thấy khi nói chuyện về Việt Nam.

Qua lời kể của lão gia này, trong trận chiến Tết Mậu Thân 1968, lão đang ở Phú Bài (Huế) hàng ngày chứng kiến biết bao cái chết của dân chúng, đồng đội, cả Mỹ lẫn Việt. Tao tưởng như mình đang ở trong địa ngục, hắn nói. Trực thăng tải thương gầm rú giữa những tiếng moóc-chê lở đất long trời từ cả hai phía chát chúa ngày đêm.

Thomas cũng nói về một kỷ niệm khó quên, đó là một «em nhỏ VC» bị thương ở chân được tải thương về chung với lính Mỹ. Có lẽ đồng đội của nó trên đường tháo chạy bỏ rơi bỏ rớt nó dọc đường, đói khát mấy ngày, sống chết họ không cần biết. Thằng nhỏ có lẽ bị mìn Claymore hay bị trúng đạn ở chân trái, vết thương rất nặng, mưng mủ, sưng chù vù ! Lúc được đưa về trạm quân y, nó khóc sướt mướt, cứ gọi Thomas bằng anh Hai, anh Hai và ra dấu đòi ăn, đòi uống. Thằng nhỏ bị đẩy vào Miền Nam khi nó chưa đầy 16 tuổi

Nghe tới đây, tôi thấy lòng mình chùng xuống. Tuổi 16, tuổi còn quá vô tư, tuổi ăn tuổi học. Trong khi ở Miền Nam lúc đó, hay ở Mỹ này, đó là tuổi thần tiên, Sweet-Sixteen, tuổi của vui tươi, được xã hội và cha mẹ chăm lo đầy đủ. Thế mà... Thomas nói thằng nhỏ VC ốm tong ốm teo, Thomas thấy tội nghiệp nên cho nó ăn uống, chữa trị vết thương gần cả tháng trời. Trời đất, nó ăn một lần cả ổ bánh mì lớn và hai hộp paté gan và... ăn không kịp nuốt. Tôi chạnh lòng và nói với chính mình : Bây giờ ở Việt Nam cũng có những «thằng lớn VC» ăn không kịp nuốt như thằng nhỏ này vậy...

Tôi nói với Thomas rằng tôi muốn quên chuyện chiến tranh, muốn quên nỗi thống khổ của đồng bào tôi, của gia đình tôi, nhưng tôi không thể. Hắn hỏi tôi có nhớ Saigon không, tôi trả lời có, nhớ nhiều. Tưởng rằng hắn hỏi cho qua chuyện, cho đúng nghi thức xã giao, ai ngờ hắn lại nói tiếp :

- Tao cũng rất nhớ Saigon, nhất là những con đường Tự Do, Công Lý, Lê Lợi, Nguyễn Huệ...

Lão gia này xạo ke thiệt ta. Ở Biên Hòa có chín tháng, thỉnh thoảng xuống Saigon ăn chơi hút hít cuối tuần mà làm như là dân Saigon 100% vậy. Nhưng qua đôi mắt của hắn, tôi biết lão gia này không xạo. Những con đường này lão gọi bằng tên tiếng Anh Liberty street, Justice street, Lee Loi, New-en Hue. Tôi hỏi chàng có «dính» một em Vietnamese nào không, lão lắc đầu. Lão gia này chắc chỉ léng phéng lai rai với mấy em ở Snack Bar thôi chứ không có tình sâu nghĩa nặng gì. Tự nhiên lão cười lớn và nói ờ hé, sao hồi đó tao không gặp được mày ở Saigon ha ? Cái ông... lãng nhách !

Cả ngày hôm đó, tôi cứ cười lỏn lẻn một mình về câu nói đùa của Thomas. Ừ, nếu hồi đó tôi hắn gặp nhau thì giờ này tôi đâu đến nỗi bực mình. Lão gia này rất thích học tiếng Việt nhưng quanh đi quẩn lại chỉ có mấy chữ : Xin chào, chào ông, chào bà, anh Hai, lại

đây, đẹp lắm... Theo lời yêu cầu, tôi dạy lão gia nói : Ăn ngon, ngủ ngon, trời mưa, trời nắng... vậy thôi, vậy mà mấy tuần qua không nói được, cứ : An-non, nu-non, chòi mua, chòi nan... thiệt là bực bội. Ờ há, nếu 45 năm trước hắn rơi vô tay tôi thì bây giờ đâu đến nỗi nói năng ngọng nghịu. Có khi tiếng Việt còn leo lẻo, không chỉ nói mà con viết thư tình tiếng Việt cho đào nhí Việt Nam, hay làm thơ, ca nhạc tiếng Việt... biết đâu lão già này đã chẳng thắng giải «Viết Về Nước Mỹ» như Mr. Sáu Steve Brown.

Có lẽ quý bạn đọc cũng đồng ý với chúng tôi điều này : Tìm người bạn hiểu mình đã khó, tìm người bạn có tình thương yêu với mình, với dân tộc mình lại càng khó hơn. Tôi cảm nhận ở Thomas, có nhiều ít hai điều cơ bản đó. Ông là người Mỹ, chỉ ở Việt Nam hai năm lại hiểu được sự phi nghĩa của cuộc nội chiến, hiểu được nỗi khổ của dân mình, chẳng phải là điều đáng quý lắm sao ? Lão gia này suốt đời là thầy thuốc nên cũng có tấm lòng nhân hậu ! Khi nói về hơn 58. 000 binh sĩ Mỹ hy sinh ở chiến trường Việt Nam lão biểu lộ thái độ thương xót, kính cẩn.

Biết tôi là người dạy học nhiều năm ở Việt Nam, có lẽ Thomas thấy tin cậy, vì vợ con lão gia này đều làm việc trong ngành giáo dục. Vợ ông đang dạy học

ở Montgomery County Community College, cách chỗ làm của chúng tôi chừng 7, 8 miles. Và con gái là cô giáo ở thành phố Garden Grove California. Khi nói về Cali lão gia này kêu «trời ơi» và «phấn khởi» kể là toàn là người Việt Nam, người Việt Nam khắp nơi. Ông nói về Beef noodle soup (Phở), Spring rolls (gỏi cuốn) và Egg rolls (chả giò). Tôi nói có lẽ năm tới tao về thăm Cali, lão nói tao đi theo mày nữa nha.

Giờ giấc làm việc của công ty này đan chéo, di động khác nhau mỗi tuần, cho nên có khi cả tuần Thomas và tôi không gặp. Lần nào trùng giờ, làm chung một shift, hắn vui mừng ra mặt. Ngộ thiệt. Về nhà, tôi kể chuyện cho ông xã nghe, ổng «phán» một câu : «Vậy là mộng ước của bà đạt thành rồi, về già còn có được một ông bồ Mỹ...» Thêm một ông già... lãng nhách ! !

Thomas nhắc tôi những con đường nổi tiếng ở Saigon làm tôi buồn xo. Những con đường ấy đã thay tên, đổi chủ. Tự Do đã không còn để thay bằng «Đồng Khổ» và Công Lý làm gì có ở Việt Nam ? Những con đường Việt Nam quá lạ lẫm với tôi bây giờ, đường gì toàn Bơ, Bánh, Bưởi bòng... Đoàn Văn Bơ, Huỳnh Văn Bánh, Mạc Thị Bưởi... Tự nhiên tôi nhớ đến Orange County ở Cali được người Việt Nam gọi là quận Cam ngọt ngào, dù nhà văn Phan vì một lần đi lạc lại gọi là quận Chanh.

Trong vở kịch tôi xem từ lâu, có nhân vật tên là Bà Sáu Cam, khi trả lời người Mỹ hỏi bả tên gì, bả không ngần ngại nói bả tên là Mrs Six Orange.

Saigon của chúng ta ngày xưa là «Hòn ngọc viễn đông» bây giờ không biết thành thứ gì... Mới đây, tin trong nước cho hay một cặp thanh niên nam nữ chở bà già đau yếu quặt quẹo liệng đại bên đường phường Ba Đình, Quận 8. Rồi bác sĩ «dỏm» giải phẫu thẩm mỹ cho một phụ nữ Hà Nội, đã gây thương vong cho bà này, sau đó vứt xác nạn nhân cái «ủm» xuống sông Hồng... Cái gì, điều gì đã làm cho mẫu người xã hội chủ nghĩa trong nước hiện nay đạt tới trình độ ấy ?

Khi gặp lại Thomas trong tuần này, tôi sẽ nói với lão gia ý nghĩa riêng tây của tôi.

«Thomas thân mến,

Trước tiên tôi xin cảm ơn ông, cũng như gần ba triệu đồng hương của tôi trên khắp thế giới, vẫn một lòng cảm ơn nước Mỹ và các nước thứ ba đã cưu mang chúng tôi. Riêng đồng hương của tôi trên đất Mỹ này, vẫn mang món nợ ân tình với nước Mỹ, người Mỹ. Chúng tôi đã vượt thoát nỗi áp bức bất công, tù tội, đói nghèo, vượt thoát sự vô lương, vô nhân ở đất nước chúng tôi hôm nay. Vì thế, ngày đêm đồng bào Hải ngoại chúng tôi vẫn

nhìn về Việt Nam xót thương đồng bào tôi còn ngụp lặn trong cảnh khốn cùng cả về tinh thần và vật chất.»

Nói lời cảm ơn nước Mỹ, người Mỹ chắc chắn mỗi phút, mỗi giờ, mỗi tháng, mỗi năm trong huyết quản của người Việt Nam lưu vong vẫn mạnh mẽ chảy hoài tấm lòng ân nghĩa. Nhà văn Huy Phương đã có lần nói : «Người ta đang kêu gọi xóa bỏ hận thù, điều đó tôi thật chưa làm được, nhưng trong xã hội toàn người này, tôi chưa thấy ai kêu gọi xóa bỏ những điều ân nghĩa.» Bỏ qua những cơ mưu chính trị, những con bài kinh tế, dù sao 58. 000 lính Mỹ hy sinh trong chiến tranh Việt Nam là bài học chưa thuộc của người có thực quyền và tiêu biểu là hình ảnh em bé VC đói khát thương tật qua lời kể của Thomas, là bằng chứng của ván cờ dùng «chốt» thí «xe» của mưu đồ người phương Bắc !

Trả lời Thomas về những con đường xưa ở Saigon vẫn hiển hiện, đường hoàng rõ nét trong trí nhớ tôi, cả đời tôi; dù Tự Do không còn, Công Lý đã mất. Giờ đây, người Việt Nam ly hương chúng tôi vẫn đang đi trên Liberty street, Justice Avenue và Humanity Boulevard... ở Mỹ, sánh vai nhiều sắc dân trên thế giới, cùng chọn America là đất nước của mình. Những con đường, vẫn còn đó, Thomas. Đó là con đường Tự Do, Công Lý, Nhân Ái mà nhân dân Mỹ, nước Mỹ đã, đang mở rộng

từng ngày cho nhân loại, trong đó có chúng tôi, những người Việt Nam có cái «Saigon nhỏ - Little Saigon» khắp nơi trên nước Mỹ để thay cho cái «Saigon lớn» bị cướp đoạt ở quê nhà.

Thomas thân mến, giờ đây, tại Saigon nhỏ - Little Saigon - của người Việt Nam ở Nam Cali đang ráo riết chuẩn bị cho ngày Tết truyền thống. Thomas nhớ không, khi tôi nói sẽ về thăm lại Cali, ông đòi đi theo ? Xin trân trọng mời ! Cô Kim, con gái ông đang dạy học ở Garden Grove, chắc cũng biết ít nhiều về văn hóa chúng tôi, vì học trò của cô ấy phần đông là người Việt. Về đây, ông sẽ thấy một «quần tụ» vĩ đại của đông đảo người Việt Nam, ồn ào, không thua gì Saigon lớn ngày xưa. Thomas, ông sẽ nghe lại tiếng «Anh Hai... Anh Hai» của 45 năm về trước khi cùng tôi dạo chợ Tết Bolsa hay chợ Phước Lộc Thọ.

«Anh Hai, cúc vàng hôm nay tươi lắm, đẹp lắm, mua về chưng Tết đi Anh Hai !»

«Anh Hai, mãng cầu vườn nhà đẹp lắm, ngọt lịm, xoài thanh ca organic đây...

Mọi người chào nhau, nói chuyện nhà cửa, cười nói rộn ràng, lao xao, lộn xộn, đúng là cảnh «ngựa xe như nước, áo quần như nêm». Ngày Tết, ông sẽ thấy người

Việt Nam, trẻ già đều mặc áo dài truyền thống (mà ông gọi là long dress đó) đủ màu, đủ kiểu... Họ đến Chùa, đến Nhà Thờ, đi Hội Tết, đi thăm viếng lẫn nhau. Mọi nhà, mọi nơi đều rực rỡ đào thắm mai vàng. Rồi hoa cúc, hoa vạn thọ, hoa lily... bánh trái ngon ngọt, lư đồng sáng choang rực rỡ. Đồng hương của tôi sẽ chọn hàng vạn đóa hồng tươi, những đóa hoa đẹp nhất để tặng cho nước Mỹ, người Mỹ...

Chỉ nghĩ đến đây thôi mà tôi đã nghe pháo nổ... ở trong lòng ! Tôi vẫn còn y nguyên, y chang cái cảm giác hồi hộp, rộn ràng, vui tươi như hồi tôi còn rất nhỏ, mỗi độ Tết đến xuân về. Thomas ơi, mấy chục năm trời xa cách quê hương, hơn bao giờ hết, người Việt Nam chúng tôi thấy thật gần nhau, thật thương nhau trong những ngày đầu xuân, lộc mới.

Điểm đặc biệt của người Việt Nam trong ngày đầu năm là bỏ hết cái cũ, chào đón cái mới, ngày mới với hy vọng sẽ tốt đẹp hơn năm cũ : chuyện buồn đau sẽ quên, giận hờn nhau cũng xí xóa để tay bắt mặt mừng trao nhau những lời chúc tụng. Ông bạn quý của tôi ơi, ông muốn sức khỏe dồi dào, gia đình hạnh phúc ? Ông muốn, nói theo kiểu trong nước sau 1975, «Tiền vô như nước sông Đà, tiền ra nhỏ giọt như cà phê... phin ?» Ông muốn sống lâu trăm tuổi ? Hãy về Cali với đồng

hương của chúng tôi trong dịp Tết ! Những lời chúc tụng nồng ấm, đẹp đẽ đó sẽ đến với ông !

Thomas, hình như tôi chưa ra khỏi giấc mơ của chính mình và còn sa lầy thêm trong dòng chảy miên man của suy nghĩ đó. Nhưng, đừng lo, ông bạn già của tôi ơi, my dreams sẽ come true ! Về phần tôi, tôi sẽ chúc gì cho ông đây ? Và cho mọi đồng hương, bè bạn gần xa của tôi trên khắp năm châu ? Cầu xin mọi điều tốt đẹp nhất của thế giới con người này, của cuộc sống này sẽ đến với quý vị với những nụ cười chân thật, cái siết tay rất chặt và những trái tim nhân ái !

Như trăm lạch, trăm sông đều đổ về biển cả, trong ngày Tết thiêng liêng ấy, rồi đây bao nhiêu thương tật sẽ lành, tuổi già hóa trẻ, mọi người sẽ dành cho nhau tình cảm thắm thiết ngày xuân, giữa tiếng pháo nổ dòn đì đùng khắp nơi, người Việt Nam đốt pháo cả tuần chưa muốn dứt...

Và, Thomas, chắc chúng ta đều không quên một người.

Đó là chú lính bé con VC của ông, của chúng ta, chưa đủ 16 tuổi đã được Bác, được Đảng đẩy vào trận Huế Mậu Thân. Giờ đây em ở đâu ? Dù Bến Hải hay Cà Mau, dù chân trời hay góc biển nào, chúng tôi nghĩ

thương tật em đã lành, suy nghĩ của em đã tỏ tường mọi nỗi, chắc em đã thấy rõ tấm lòng nhân ái của những người đối nghịch ? Phải không em ?

Trong tận cùng của trái tim, tôi mong gửi được đến em tình cảm đồng bào. Từ Huế Tết Mậu Thân tới nay đã là 45 năm. Vì Thomas không nói tên em, tôi đành phải tạm gọi em là Em bé VC, nhưng trong thực tế, tôi hiểu chú bộ đội bé con năm xưa nay đã trên 60 tuổi. và tôi tin nhiều phần chú cũng chẳng còn là một VC nữa.

Dù sao, này em, xuân đã đến gần, Thomas và tôi xin chào em, em bé VC ngày xưa, chúc em may mắn.

Và «anh Hai» Thomas, đừng quên gia đình tôi đã «lên lịch» mời ông bà về Little Saigon ăn tết.

Song Lam

# «Mẹ Ơi, Con Đã Về...»

Phan

Tác giả là một nhà báo quen biết tại Dallas, từng trong nhóm chủ biên nhiều tuần báo và tạp chí tại địa phương. Phan góp bài Viết Về Nước Mỹ từ nhiều năm qua, và vừa nhận giải Vinh Danh Tác Giả Viết Về Nước Mỹ 2013. Bài viết cuối năm của Phan là một chuyện tình oan nghiệt kéo dài từ thời học trò vượt biên ở quê nhà cho tới nhà tù trên đất Mỹ.

1.

Gia đình Hùng đi nghỉ mát lần cuối vào kỳ nghỉ hè năm Hùng học lớp 11. Ở bãi tắm Long Hải lần đó, Hùng nhớ mãi cái chòi lá, cái bàn ăn ngoài trời bằng cây thô, nhìn rất du lịch vì nó hướng ra biển -cũng như lòng Hùng vậy- hạnh phúc mênh mông với hơi ấm gia đình, một chút thoáng nhớ đến gương mặt của Triều Giang, có lẽ đó là gương mặt người bạn học sâu đậm nhất trong lòng Hùng khi thấy bạn bè đã có những chuyến đi chơi riêng hai người mà Hùng biết được...

Cho dù mỗi lần nghỉ hè, cha mẹ Hùng tuy không nhiều tiền nhưng luôn tận dụng việc nhà trường tổ chức cho giáo viên đi nghỉ mát thì cha mẹ đưa luôn Hùng và

em gái cùng đi để vui chơi vài ngày trong năm tài chính của gia đình không bao giờ có khoản đi du lịch hay nghỉ mát như những gia đình bạn bè của Hùng có cha mẹ làm ăn, buôn bán.

Đêm xuống. Có thể đêm gió biển và các vì sao trên bầu trời miền biển như trong sáng hơn, làm Hùng xúc động nên Hùng nghĩ là lần đầu tiên, cha Hùng đã để lại nhà gương mặt nghiêm khắc của ông thầy dạy toán mà đi nghỉ mát với vợ con bằng con người thật nhất của ông là duyên dáng, thương yêu vợ con nhẹ nhàng, đằm thắm từ ánh mắt đến nụ cười. Dáng vẻ ông cũng linh hoạt hơn chứ không định đề, phương trình hai ẩn số như em gái Hùng dám nói lén cha, Lan Nhi (nhí) dám bình luận luôn cả cha vì nó cậy thế là con gái cưng, chắc cả nhà sẽ không ai đánh nó.

Hùng nhớ hôm gần đây, cha thay quần áo vội, rồi đi vội sau khi buông tờ báo đột ngột xuống bàn ăn, bỏ cả bữa cơm đã được dọn ra bàn, chỉ còn chờ mẹ rửa tay là đi ăn cơm. Mẹ hỏi cha đi đâu, cha nói đến trường có việc. Còn lại ba mẹ con ngồi ăn cơm với nhau. Rõ ràng sự lo âu của mẹ đã thể hiện qua việc gắp từng hạt cơm đưa vào miệng, mẹ rất sợ cha dính vào những phong trào dân chủ đã nhen nhóm từ những tiếng nói bất đồng chính kiến đã quy tụ lại để lên tiếng phản đối nhà cầm

quyền; Mẹ còn sợ cha đứng vào nhóm cố vấn cho nhiều người đã lên tiếng đòi đất bị cưỡng chiếm hay có bồi thường nhưng không thoả đáng. Họ là những người nông dân bị ép uổng, đang rời rạc theo lối đấu tranh tự phát nên không hiệu quả. Dù sao sự tập hợp họ lại dưới sự cố vấn của cha với các bạn bè của cha cũng sẽ liên lụy tới gia đình...

Nhưng hôm đó mẹ đã quẹt ngang giọt lo âu sắp tươm ra khoé mắt để cười với Lan Nhi, nụ cười không khuyến khích mà cũng không cấm kỵ. Mẹ vẫn cười như thế khi nó hùng biện. Hôm đó nó hùng biện cho mẹ nghe như sau, «Cha nói cha đến trường, nhưng kỳ thực ghé nhà thầy Hưng để bàn quốc sự. Có phải việc cha đi đâu là phương trình hai ẩn số không chứ ? Dễ biết lắm ! Con chỉ mẹ nè. Hôm nay là Chủ nhật thì cha đến trường với ai chứ ? Vậy mà mẹ cũng tin...

Mẹ Hùng là người không quá nghiêm khắc, chỉ khó tánh để giữ chừng mực mọi chuyện cho tốt đẹp. Mẹ khá lãng mạn qua bút tích thơ văn từ thuở yêu cha, dù nay đã nằm yên trong hộc tủ. Nhưng thời gian đã chứng minh được những lời lẽ ấy viết ra từ tin yêu của người con gái trong sáng, tha thiết, và can đảm... Chỉ là hoàn cảnh con còn nhỏ làm cho mẹ sợ - chứ mẹ ủng hộ cha với thầy Hưng - (là tin Hùng đã nghe được trong trường). Nghĩ

buồn cho cha mẹ là những người hiền lành, chăm chỉ và chân thành. Nhưng những đức tính căn bản của nhân cách ấy đã không giúp gì được cho gia đình sung túc hơn trong cuộc sống hôm nay. Ngược lại, sự can đảm của cha mẹ trước hiện tình xã hội là hiểm họa cho gia đình, dù sự ngăn cản cha mẹ lại là hèn nhát. Thật khó nghĩ. Hùng thấy mình vô dụng, nhưng tâm sự không phải là cách... Hùng cũng không có cách gì hơn là im lặng !

Suối nguồn của niềm vui trong nhà chỉ còn Lan Nhi, với những suy diễn bà cụ non của nó làm bật lên tiếng cười. Nhưng tiếng cười vang vang trong gia đình Hùng dường như cũng đã lung lay với thời sự ép uổng người trí thức như cha với mẹ, họ không thể ngồi yên. Nhưng điều có thể với họ chỉ là lên tiếng, và sau đó là hậu quả...

Hùng biết mẹ đang lo lắng về cha với những bất bình thế sự. Nên mẹ cố níu kéo tiếng cười trong nhà qua việc châm chích Lan Nhi cho nó chau mày, chu mỏ khi bất bình; khi không thuyết phục được ba thính giả duy nhất của nó. Hôm đó mẹ nói, «Con dám nói cha là người nói một đàng nhưng đi một nẻo phải không ?...»

Nó lại hùng hồn minh chứng, Như hôm nọ, cha nói với mẹ là cha chở con đi mua cặp táp mới. Nhưng cha chỉ đưa con đến nhà thầy Hưng. Con chơi với chị Thảo,

con thầy Hưng suốt buổi. Còn cha với thầy Hưng thì lật ra bàn bao nhiêu là báo cũ, rồi tranh luận, rồi nói thầm thì với nhau về tình hình quốc nội; tình hình quốc ngoại; tình hình quốc-cộng... là cái gì vậy mẹ ?

Con hỏi thế bao giờ cha mới chở con đi mua cặp táp ? Cha móc bóp đưa tiền cho chị Thảo, nhờ chị chở con đi mua. Nhưng trên đường về nhà mình thì cha lại dặn con đừng cho mẹ biết việc cha (họp khẩn) với thầy Hưng... Con khẳng định việc cha nói cha đi đâu là phương trình hai ẩn số !»

Cái con nhỏ ốm tong như cọng bún khô nhưng xà vào lòng ai trong nhà thì người ấy cũng thấy ấm áp. Mẹ Hùng thường mắng nó, «bộ con không biết ngồi ghế sao Lan Nhi ?» Nhưng ánh mắt mẹ cười chứ không quở trách, nên nó thật không biết ngồi ghế; hết xà vào lòng cha thì đến mẹ; kẹt quá thì nó ngồi đỡ vào lòng anh hai Hùng để đợi cha mẹ về...

Sáng Long Hải mùa hè thật khoan khoái với mặt trời hừng đông, gió lâng lâng hương vị biển, nâng tâm hồn con người lên, hay mẹ của Hùng thực sự là một người phụ nữ đẹp. Mẹ đẹp quá, mẹ như trẻ ra cả chục tuổi trong trang phục áo tắm mà em gái của Hùng đã trố mắt ngợi khen bằng những từ ngữ mẹ không ưa, nhưng nó quen miệng dùng từ của con nhỏ bạn thân với nó là

con nhà từ bắc mới dọn vô nam, nó đã trố mắt nói, «Mẹ mặc áo tắm cực đẹp. Con tin là mẹ đi dự thi hoa hậu phu nhân thì những phu nhân đều phải xấu hổ với mẹ. Riêng phần trang phục áo tắm thì nhất định mẹ là đỉnh rồi !».

Mẹ Hùng quát cho nó một trận về việc dùng từ vô nghĩa... Riêng Hùng quen lặng thinh, nhưng hôm ấy phải thầm công nhận là mẹ mình đẹp thật. Cái bà giáo dạy văn có mái tóc «mùa thu lá bay» - là cụm từ mà học sinh, bạn bè với Hùng trong trường thường nói lén sau lưng mẹ Hùng là thế. Có lẽ chỉ riêng Hùng thấy được nét khắc khổ đôi khi hiện rõ trên gương mặt tài tử của mẹ là hậu quả của bài toán chi phí gia đình mà mẹ trừ đi cộng lại trong cuốn sổ chi tiêu của mẹ bao giờ phần thu vô cũng thấp hơn phần chi xài ra. Hùng biết rõ việc xem lén sổ chi thu của mẹ chỉ làm mình bỏ đi những yêu cầu, lời xin mua thứ gì đó. Dẫn đến sự kém cỏi bạn bè. Nhưng hoàn cảnh gia đình mình...

Đêm Long Hải lại về sau ngày cả nhà vui chơi ngoài biển, hương vị biển còn theo chân gia đình về nhà khách, mẹ Hùng mua đến mấy ký-lô tôm, cua về nhà khách luộc cho cả nhà ăn một bữa đã thèm, «chứ ăn ngay ngoài bãi biển, sướng thì sướng thật vì đang đói, người bán lại luộc sẵn, mình chỉ ăn thôi. Nhưng đắt lắm con ạ !» Câu trả lời của mẹ với em gái lúc ban trưa ngoài

biển như dấu ấn đầu đời về sự nghèo khó của gia đình, bản thân mình vậy. Lời mẹ như một vết kim châm thật nhẹ mà sâu trong tâm khảm Hùng mãi về sau... Nhất là hình ảnh cha cứ ngồi bóc tôm, gỡ cua cho mẹ ăn, mẹ thì nhường cho con em bao tử rỗng, nó ăn tôm, cua như rồng uống nước, rồi lăn ra ôm bụng khó tiêu, rên ư ử như chó con. Thế nhưng cái miệng nó vẫn không ngớt chuyện «hai ngàn dặm dưới đáy biển». Nếu nhà có máy đếm chữ thì mình nó nói chắc nhiều hơn ba người còn lại trong nhà cộng lại...

Đó là đêm cuối cùng gia đình Hùng đầy đủ bốn người. Kế hoạch vạch ra cho tương lai là Hùng chuẩn bị sớm để hết trung học thì lên Sài gòn học Đại học Kiến trúc. Mẹ phân tích hay hơn cả một chuyên viên hướng nghiệp về sở thích, năng khiếu, hoàn cảnh tài chánh, cả định hướng của ngành nghề trong tương lai - sau khi Hùng tốt nghiệp, ra trường.

Còn mộng làm «cô giáo dạy văn có gương mặt tài tử và mái tóc mùa thu lá bay - tập hai» của Lan Nhi bị mẹ bác bỏ cũng với những phân tích thật chính xác và sâu sắc. Mẹ nói, nó có tài lý luận logic của toán học, có đầu óc nhạy bén, trái tim công lý, sức phán đoán và tính kiên trì... Đặc biệt là cái miệng nó có thể nói ngay trong lúc ngủ. Nên nó cần chuẩn bị tinh thần từ sớm để bước

vào trường Luật.

Tổng kết «cuộc họp bất thường» của gia đình đêm đó. Cha dẹp bỏ từ «Lan Nhi» để cả nhà gọi nhỏ em là «Thầy cãi» cho đến bây giờ, - nó đã thực sự là thầy cãi có bằng cấp, có giấy phép hành nghề, có cả truyền nhân là con nhỏ cháu gái có cái miệng leo lẻo không thua gì mẹ Lan Nhi của nó khi còn bé. Con bé lấy hết nước mắt cậu Hai mỗi lần nó nói về bà ngoại qua điện thoại...

Chỉ tiếc là cha Hùng vắn số, sau lần đi Long Hải năm đó trở về. Ông ngã bệnh và ngày càng tệ về sức khỏe, tiền bạc vốn không có dư trong gia đình Hùng nên những gì bán được lần lượt ra đi để lo viện phí, thang thuốc cho cha... Cả nhà trông vào đồng lương của mẹ sau một năm cha không đến trường. Dù thầy Hưng là thầy Hiệu trưởng, đã hết sức giúp đỡ cha mẹ Hùng những gì có thể. Và đó cũng là một trong những lý do mà thầy Hưng bay chức Hiệu trưởng vì chuyện tranh ăn ghét ở trong trường cũng không thua gì ngoài xã hội.

Cha nằm xuống hôm Hùng điền đơn đi thi Đại học Kiến trúc. Nên trong tiểu sử của Lê Xuân Hùng (nếu có lần trong đời cần khai ra), thì phần trình độ học vấn chỉ đến điền đơn dự thi Đại học Kiến trúc thành phố chứ không có ngày tốt nghiệp Đại học ước mơ ấy.

2.

Và họa vô đơn chí đã gõ cửa nhà Hùng thì gõ tới cùng đường mới chịu ! Thầy Hưng bay chức Hiệu trưởng nên mẹ Hùng là trưởng khối khoa học xã hội đã nhiều năm, bỗng trở thành cái gai cần nhổ gấp trong nội các của thầy Hiệu trưởng mới. Vì thế, chẳng mấy tháng sau tang cha, mái tóc mùa thu lá bay của mẹ cũng không còn cơ hội làm đẹp cho những hành lang dài suốt của ngôi trường đã gắn bó với cả gia đình Hùng nữa. Mái tóc của mẹ, từng bị ngay học trò nữ trong trường ghen tỵ với cô giáo mùa thu lá bay ấy, giờ đã búi gọn trong chiếc nón vải rộng vành; người đàn bà cao, gầy, làn da trắng xanh của cô giáo ngày nào đã sạm màu mưa nắng, nhưng vẫn như không chịu nổi gió sương ngoài bến phà. Dù bà vẫn tồn tại, bám trụ, chứ không trôi dạt đi như những khóm lục bình trôi trên sông. Người quen biết là các thầy cô, học trò cũ chỉ còn biết mua giúp bà những chùm bánh ú, những đòn bánh tét, để bà có thể nuôi con bằng đồng lời kiếm được qua ngày.

Những lúc vắng khách, Hùng vắt vẻo trên chiếc xe lôi nhìn mẹ. Lòng dâng lên tự hào để khô giọt nước mắt thương thân, thương mẹ, thương em phải ở chòi một mình. Vai trò của Hùng trong «nội các chỉ còn ba người» (vẫn là những cụm từ của con nhỏ em thích

dùng chữ trêu mẹ tức chơi để được nghe mẹ mắng yêu con gái). Cái nội các ba người đã thiếu đi linh hồn là người lãnh đạo đã nằm xuống. Nhiệm vụ của Hùng bây giờ là đạp xe lôi, kiếm tiền để mua một chỗ ở khá hơn cái chòi cho gia đình, vì căn nhà cha xây mẹ dựng nên một gia đình đã bị giải tỏa. Tiền bồi thường như chút tiền hương hoa đưa người bị bật ra khỏi nơi ăn chốn ở, dùng làm lộ phí mà về nơi an nghỉ cuối cùng. Nói đến đấu tranh như đánh trâu với nhà cầm quyền, vô nghĩa !

Hùng tin chuyện họa vô đơn chí, chỉ mong là nhất quá tam : Cha đã chết, mẹ mất việc, nhà bị giải toả, như thế đã dư thừa để tan nát một gia đình. Không ngờ họa đáo lai, là cú đánh gục hết tinh thần, sức lực còn lại sau tam tai. Bỗng đâu một đường dây vượt biên bị bại lộ, những người đến từ đâu chả biết đều bị bắt. Họ khai anh xe lôi là người tổ chức vượt biên ! Hùng vô ngồi tạm giam trong công an huyện - là những ngày tan nát hết cuộc đời vốn đã không may. Chỉ còn chờ công an đưa vô trại cải tạo là ngày vĩnh biệt tất cả vì tiền chạy chọt cho Hùng ra khỏi trại giam là điều không thể đối với mẹ. Chỉ cầu xin linh hồn cha xui khiến cho mẹ đừng làm nên chuyện gì liên lụy, thêm bất trắc, để ít nhất gia đình cũng còn một người sống với nhỏ em đã biếng nói từ dạo mẹ đi bán bánh ú, bánh tét ngoài bến phà... Chắc nó quen nghe người ta gọi nó là con nhỏ con cô giáo,

chứ không phải con bà đội nón vải...

Trong cơn tuyệt vọng nhất đời Hùng thì Triều Giang xuất hiện, cô ấy đến trụ sở công an bằng xe hơi, dĩ nhiên là đi cùng ông cán bộ chắc là chức lớn. Nên họ mới đưa được Hùng về lại bến xe lôi trong im lặng. Triều Giang chỉ nói đơn giản là Hùng bị xui, người tổ chức vượt biên thực sự đã xui những người bị bắt đổ tội cho Hùng, để ông ta ở ngoài thì mới lo cho những người này ra khỏi trại giam được...

Hùng chưa hết bàng hoàng với giáng họa bất nhân thì cái xui vẫn chưa chịu từ giã cho. Cái xe đạp lôi của mình cũng đã thành vật bắt giữ được của người vượt biên nên công an huyện có quyền xử lý, và đã bán hoá giá để bỏ túi riêng dưới nhãn hiệu xung quỹ công an...

Người mẹ già rụp xuống chỉ sau mấy ngày Hùng bị tạm giam. Hùng không dám nói với mẹ về cái xe đạp lôi đã bị «cướp ngày» mất rồi. Vâng lời mẹ, Hùng lên công an xin lại cái xe để làm ăn. Nhưng kỳ thực Hùng toan đi ăn cướp. Lúc bộ óc đạt được thoả thuận với cõi lòng là không giết người, không gây thương tích cho nạn nhân, chỉ cướp đủ tiền mua xe lôi... Lúc Hùng tin nhất mình là kẻ cướp để hành động - thì lại một lần nữa Kiều Giang xuất hiện. Cô bạn ngày xưa học chung một lớp mà Hùng gọi thầm là «Triều Dâng» - vì trước mặt cô ta,

Hùng như thêm sức mạnh, can đảm, để có thể làm bất cứ việc gì. Chỉ là lần này Triều Giang không đến bằng xe hơi, không có ông cán bộ oai phong gắng gượng. Chỉ có phong thơ dày, mang nét chữ của Triều Giang. Ngoài phong thư chỉ ghi ngắn gọn : «Gởi Hùng», do chính tay mẹ Triều Giang trao cho Hùng. Bác gái cũng chỉ nói đôi lời cần thiết, «Hùng ơi ! Con Giang nó phải đi công tác đột xuất, nên không gặp cháu được. Nó nhờ bác đưa cho cháu phong bì này. Bác đi nha...»

Bác gái khuất vào ngõ chợ, Hùng mở ra phong thơ nhiều tiền, nhưng không kịp đếm với tờ giấy học trò mang nét chữ của Triều Giang, lá thơ tình mơ ước được nhận từ Triều Giang như không phải lúc, dù nội dung dậy lên nhiều hy vọng, «Hùng thân. Giang chỉ làm được chút gì có thể khi Hùng lâm nạn. Xin đừng để lòng ơn nghĩa cho khổ tâm, cũng đừng áy náy gì hết, là Giang vui lắm. Có điều, Hùng nên mua xe lôi gắn máy. Dù gì Hùng cũng không phải ra sức đạp... đau lòng Giang lắm. Thương.»

Hùng đọc đi đọc lại, rồi lại đọc đi đọc lại... Triều Giang là cô bạn có gia đình không giàu có, nhưng Giang thích ăn mặc thời trang, thích nói chuyện bên Tây, bên Mỹ... kể ra ăn mặc và phong cách nói chuyện tây phương của Giang khá hợp với con người có phần

nổi trội trong đám bạn quê mùa của Hùng và Giang. Nhưng đó lại là lý do Hùng chưa từng một lần thổ lộ tâm tình với Giang. Chỉ thích Giang thôi, thích sự hiểu ý quậy phá nhanh nhạy của Giang trong lớp; thích nhìn Giang từ xa mà lòng Hùng thật gần... không lẽ Triều Giang cũng hiểu lòng mình !

Hùng chạy xe lôi gắn máy, nhưng cũng lôi thôi lắm mới giải thích với mẹ được khoản tiền mua xe. Từ hôm đôi chân bớt mỏi thì đầu nhức nhối tim đau với tin bạn bè qua phà cho hay, «Con Triều Giang bây giờ làm ở Công ty du lịch tỉnh. Chảnh lắm !» - «Con Triều Giang bây giờ đi xe hơi không hà. Hùng ơi ! Quên hết đi, bỏ giấc mơ xưa đi Hùng ơi ! Lấy vợ đi cho mẹ Hùng có cháu bồng...» Con nhỏ Thúy chanh chua nhất lớp, đã từng bị Hùng «cải cách giáo dục» tên nó thành «i-ngắn» để nó phải «thúi» mấy năm trời, tới xong trung học, bạn bè mới lãng quên đi vì ít gặp. Bây giờ nó trả thù hay sao mà còn nhấn lút cán nhát dao vô tình nó đang đâm vào tin Hùng, nó còn nói, «Con Triều Giang mà không cặp bồ với cán bộ, cán cuốc... thì chặt đầu tui cho Hùng gác chân; nó không làm bé cho mấy ông to thì tiền đâu ăn diện. Tui nói thiệt nha, chỗ bạn bè đừng giận. Hùng không dấu được tụi con gái tui đâu, đứa nào trong lớp mình cũng biết Hùng mê con Triều Giang dữ lắm ! Nhưng tụi tui bây giờ, dù thỉnh thoảng mới gặp nhau.

Thì cũng nói chuyện bạn bè trường cũ thôi. Ai cũng thương Hùng lận đận, nên bạn bè không muốn Hùng xui xẻo hơn nếu Hùng tự rước cái họa Triều Giang về nhà, khi người ta đã... tung hoành hết một đời hoa...»

Con Thúy đâu có biết, Hùng đã ôm mặt khóc sau lưng nó. Vết chém bởi hận thù làm đau da thịt thì vết cắt từ tình thương làm nhức nhối con tim. Thúy ơi ! Bạn đi rồi có biết bến phà quê mình là bến tương tư của đời tôi, lục bình trôi muôn phương nhưng vẫn mang màu hoa tím. Miễn Giang đừng chết chìm ở bến lạ, bờ xa... tôi vẫn đợi Giang ở bến phà quê mình.

Vốn người ít nói, không giỏi thơ văn như mẹ mà chỉ thừa hưởng được sự chịu đựng của cha, Hùng chỉ diễn tả được lòng mình trong câm lặng. Để ngày tháng, triều dâng, triều hạ, rồi triều dâng. Chỉ Triều Giang không về qua bến phà cũ nữa. Bông lục bình tím sẫm như máu khi mặt trời lặn, mặt sông cô đơn buồn với những vì sao... Vì sao Giang ơi !

Một hôm. Hùng dừng xe lôi lại trước cửa một quán nước thật xa xóm làng quen biết - theo yêu cầu của mẹ Triều Giang.

Bác gái trông hốc hác thay cho vẻ bình an của người Phật tử mà Hùng thường thấy bác đi chùa. Hai bác cháu vào quán nước không quen; lần đầu tiên cả hai người cùng ngồi xuống cái bàn gỗ xinh xinh nơi góc vườn xa lạ mà cả hai cùng biết trước là sẽ không bao giờ trở lại.

Hùng lên tiếng trước,

«Có chuyện gì mà bác gái nói con chở đến đây... Bác có khoẻ trong mình không, sao con thấy bác như mới bệnh dậy...»

Bác gái thở dài... «Còn hơn bệnh nặng nữa con. Bác như người chết phải tự lết vô hòm, rồi Hùng ơi !...» bác gái thút thít khóc...

«... thì bác gái nói đi. Con như con cháu - có gì đâu !»

«... Bác không biết nói làm sao bây giờ, bác không biết nói làm sao cho con đừng đau lòng... Con khổ quá rồi mà, ngày nào bác không đi chợ, gặp con hoài... Bác hiểu mà Hùng.

... Thôi. Mình về đi con. Đưa bác về nhà giùm đi con...»

«...»

Hai ly nước đá tươm hơi lạnh riết rồi đọng vũng trên bàn. Bác gái không lựa được lời mở chuyện; Hùng không yên tâm khi linh cảm không lành về Triều Giang nên muốn được nghe để đền ơn đáp nghĩa được chút gì cho nhẹ lòng mình. Nhưng đành về không vì bác gái đã mệt lắm rồi mà những lời muốn nói vẫn không thành tiếng được...

Chiều chạng vạng, mặt trời đỏ ối ngoài sông lớn, chim hải âu bay lượn tiếc ngày qua nên chao cánh muộn phiền. Hùng chỉ mong mẹ kêu về để đưa mẹ về nhà - là rời được bến tương tư. Ít nhất cũng quên bớt sầu khổ trong lòng cho giấc ngủ thanh an mà lại sức để ngày mai...

Bỗng Bảo Hân xuất quỷ nhập thần hay do Hùng không để gì trong mắt nên không thấy, «Anh Hùng khoẻ không ? Lâu quá không gặp anh...»

«Em từ đâu đến vậy, làm anh hú vía vậy à !...»

«Cạo râu đi anh Hùng ơi ! Già thấy ớn luôn, vậy đó !»

Thay cho cái cú đầu thương mến nhưng vẫn phải trị tội dám hỗn với đàn anh. Hùng khựng tay lại trước đôi mắt đỏ.

«Em, sao vậy Bảo Hân ?»

«Ừ... Em biết giờ này anh sắp phải đưa mẹ anh về nhà. Nên, em muốn hẹn anh Hùng tối nay đi uống cà phê với em. Em có chuyện muốn nói với anh Hùng. Được không ?»

«Anh em lâu quá không gặp. Tưởng mời được bữa no nê gì cho cam lòng nhớ thương. Mời có ly cà phê... Thôi. Em để dành uống luôn đi ! Cám ơn nhỏ.»

«Em không nói chơi đâu, anh thấy ghét quá ! Nên lâu lắm rồi, em gặp anh hoài mà không thèm nói chuyện đó!»

«Chắc là chuyện hay lắm phải không ?»

«Chứ sao...»

«Về trùm mền tự kể tự nghe đi cưng. Chuyện hay mà kể cho anh nghe thì uổng lắm !»

«Anh Hùng ! Em khóc đó !»

«Hù anh hả ? Khóc đi. Khóc đi. Anh có thuốc lá thôi, không có kẹo đâu nhóc con...»

«Cho em một điếu. Em hút thuốc, thở khói ra lỗ mũi mà không sặc - cho anh Hùng hết khi dễ em con nít. Anh dám không ?»

«... Anh thua rồi ! 7 giờ lại quán cà phê Nguyệt cầm. Anh chờ Bảo Hân ở đó. Được chưa ?»

«Anh Hùng móc ngoéo với em đi.....»

Không biết chuyện gì mà sáng thì mẹ Triều Giang không nói nên lời được. Ngày chưa đi hết lại đến cô em Bảo Hân đã lâu không gặp, bỗng xuất hiện đột ngột, lạ lùng...

Hùng đến cà phê Nguyệt cầm chưa tới 7 giờ, đã thấy Bảo Hân đứng đợi. Nhưng hai anh em lại đi quán khác, quán xa để tránh mắt người quen...

Đã lâu không gặp. Bảo Hân không đẹp rực rỡ như Triều Giang, nhưng nhìn lâu không chán, thậm chí bị thôi miên với ánh mắt thơ ngây và trái tim hiền hậu luôn để bên ngoài lồng ngực không bằng. Cô em của Triều Giang đã lớn như vầy thì mình bị chê già là phải rồi... Hùng thả hồn đi hoang một lúc, đâu biết cô gái đang say đắm nhìn mình. Chất long lanh thơ ngây bị ánh đèn màu pha chế hay Bảo Hân khóc thật vậy cưng ?

«Đâu phải em khóc lần đầu. Em khóc hoài, khóc quen luôn rồi...»

«Nói anh nghe coi, chuyện gì mà sáng nay má em nói anh chở đi uống nước, phải quán xa - y như em nói tối nay. Rồi thì không mở lời được, tới bác mệt, phải về... Có phải chị Triều Giang có chuyện gì rồi phải không ? Nói anh nghe đi...»

«Sao anh không hỏi là em có chuyện gì ? Lúc nào anh cũng Triều Giang, Triều Giang...»

«Vậy anh xin hỏi, Bảo Hân có chuyện gì, xin nói anh nghe ?»

«... Em yêu anh.»

«...»

Đường về sao quá gần và đêm không dài ra thêm thời khắc để có thể nói hết con tim mình một lần. Bảo Hân không lập lại ba từ ấp ủ trong ấy đã lâu. Cô chỉ nói thay lời tạm biệt, «Anh Hùng, khi nào rảnh ghé nhà em đi. Má em... chắc sẽ nói được với anh chuyện sáng nay má em muốn nói...»

Bác gái không ngờ Hùng ghé thăm sáng sớm, đột ngột. Ngọn chổi chà thôi quét lá trên sân. Nắng mai vàng hòn non bộ róc rách tiếng nước chảy, cá vàng bơi, đớp bóng mây qua... Cái băng ghế đá nhẵn bóng, nơi Hùng, Triều Giang và các bạn từng ngồi suốt thời thơ ấu, đã chôn sâu vào kỷ niệm. Cũng từ ghế đá này, bạn bè giờ đã muôn phương, Triều Giang không về nữa, chỉ còn Hùng lặng thinh nghe dĩ vãng thở dài...

«... Hùng ơi ! Chuyện vậy đó ! Nên sáng hôm qua bác không sao mở lời với con được...»

«Con biết rồi, nhưng bác tính làm sao với em Hân, nhất là tối hôm qua, Hân đã nói với con...»

Bác gái khóc, «Bác thiệt là đã sớm thức tỉnh với tội nghiệt. Nhưng ăn chay niệm Phật không kịp với tội lỗi... Hùng ơi ! Bảo Hân. Tánh nó lầm lì như con vậy! Nhưng nó thương con từ hồi nó còn nhỏ, nó thương con lắm ! Thương tới nói thẳng ra với Triều Giang. Chị không có lòng với anh Hùng thì nói ra đi... sao cứ úp úp mở mở, rồi kệ người ta như vậy, có ác quá không ? Coi chừng trời hại chị đó !

Con Giang thì nóng, dữ... tát tai vô mặt Bảo Hân, tới chảy máu răng. Bác giận quá ! Đập luôn hai đứa một trận tới gãy hết cây chổi chà. Từ đó Bảo Hân không

nhắc tới con nữa. Nhưng bác biết trong lòng nó...»

«Tôi nghiệp Bảo Hân. Con coi nó như Lan Nhi, như em con...»

«Nhưng đúng là từ nó, con Giang biết khổ tâm. Nó lãnh con ra tù, gởi phong thơ giúp con chút vốn làm ăn... Lần nào nó về nhà cũng hỏi thăm bác về con. Có hôm nó về, hai má con đi chợ, nó không ăn sáng với bác, nói con đi loanh quanh chút, đợi má ăn xong rồi đi chợ. Nó lén đi chỗ khuất để đứng nhìn con, rồi khóc...

Nhưng con nhỏ đó nói gì thì nó cũng là ác nghiệp của bác. Nó quen tay ăn xài, lại bướng bỉnh... Bác khổ quá Hùng ơi !»

Một chiều không hẹn mà gặp, Mẹ của Hùng đặt thúng bánh xuống sàn phà, ngồi nghe Bảo Hân tâm sự,

«Cô dạy chị Hai con, cô dạy con. Cô như mẹ tụi con. Con không nói láo má con nên con không nói dối cô được... Chị Hai con đi làm Công ty du lịch tỉnh. Nhiều tiếng đồn tới tai má con là chị Hai đi công tác cũng như đi chơi với toàn mấy người đã có gia đình là mấy ông cán bộ. Má con không muốn, nhưng nói ra chị Hai không nghe. Mỗi lần má con lớn tiếng thì chị Hai đi lâu hơn không chịu về nhà...

Chị Hai không nghe lời má con nên mới có thai với ông cán bộ. Gặp ông cán bộ hết thời, bị mất chức, không ngồi tù liền thì cũng không lâu, cũng vô tù khi người hạ bệ ổng đủ bằng chứng tống ổng vô tù cho bớt lo... mấy người đó thì cô biết họ mà...»

«Ừm.»

«Chị Hai con không dám phá thai vì sợ tội, về nói với má con. Má con tha thứ cho chị Hai vì tội gì cũng tha thứ được trừ tội giết người. Má con nghĩ phá thai là giết người mà cô. Chỉ là má con hết cách rồi cô. Tội nghiệp má con lắm...»

«Nhưng cô thấy rất thiếu công bằng với thằng Hùng nhà cô. Nó đâu có tội tình gì mà phải nai lưng ra gánh chịu chứ !»

«Con biết ! Con nói riêng cô biết chuyện này thôi, ba con đi vượt biên, sau đó có vợ con bên Mỹ nên má con mới không đi bảo lãnh nữa. Con thì đâu bỏ má con ở lại một mình được. Chỉ có chị Hai con muốn đi, đi qua Mỹ để đi xe hơi, ở nhà lầu... Nhưng hồ sơ bảo lãnh phải điều chỉnh tới-lui, chờ đợi miết, tới giờ mới được phái đoàn kêu đi phỏng vấn thì chị Hai lại gặp rắc rối...

Thiệt là đó giờ, má con chưa yêu cầu ba con gì hết. Vậy mà lần này, má con yêu cầu ba phải đích thân lo cho chị Hai qua Mỹ trước khi sanh em bé. Nhưng ba con nói : không kịp đâu, phải sanh ở Việt nam, sau đó lại tiếp tục bổ túc hồ sơ đứa con...

Con nói ra, không biết cô có tin con không nữa ! Nhưng con tin má con không phải người có lòng lợi dụng anh Hùng. Má con thương anh Hùng nhứt trong bạn bè của chị Hai con. Má từng dạy chị Hai phải an ủi anh Hùng, chia sẻ khó khăn với anh Hùng lúc anh Hùng hoạn nạn...

Tuy chuyện má con nói với anh Hùng là nhờ anh Hùng đứng ra nhận lãnh là cha của đứa bé mà chị Hai con sắp sanh ra, để giữ sĩ diện, thanh danh cho gia đình và chị Hai con thôi. Sau đó làm giấy tờ hợp thức hoá thành một gia đình. Chị Hai con phải chờ đợi bổ túc hồ sơ chồng con... Nhưng qua Mỹ thì bắt buộc chị Hai phải ly dị với anh Hùng để anh Hùng tự do ăn học, tìm tương lai xứng đáng với anh ấy. Má con thương anh Hùng lắm, má nói hoài là má tiếc cho hoàn cảnh của anh Hùng không học lên cao được vì anh ấy học giỏi...

Má con thương ảnh thiệt đó cô ! Không biết ở đâu má có ngày sinh tháng đẻ của anh Hùng, má không nói ra gì hết nhưng thường đi chùa cúng sao, giải hạn cho anh

Hùng từ khi anh ấy bị bắt oan. Má con cũng thương cô luôn, mấy hôm má thấy trời mưa gió, má nhờ mấy đứa nhỏ trong xóm ra bến phà mua bánh ú, bánh tét của cô đem về... rồi cho tụi nó ăn luôn. Má sợ cô bán ế thôi.

Bây giờ thì mọi sắp đặt của má con, (ba con đã về Việt nam để lo chuyện này cho chị Hai con. Nhưng ba ở Sài gòn chứ không về quê - tại má con không muốn ba về đây !) Mọi chuyện chỉ còn chờ quyết định của anh Hùng. Chắc má con chờ anh Hùng trả lời rồi sẽ sang nhà để nói chuyện với cô đó...»

«Cô cảm ơn con đã cho cô biết sự tình. Hai chị em con đều là học trò của cô. Nhưng nếu con có ý nguyện trở thành con dâu của cô thì cô sẽ giang hết hai tay ra để ôm vào lòng mẹ chồng đứa học trò mà cô thương và thấu hiểu con. Nhưng Triều Giang thì không được. Không được đâu...

Cô xin gởi lời cám ơn má con đã thương thằng Hùng nhà cô, cám ơn má con giúp đỡ cô không ra mặt, cô thật biết ơn thầm lặng đó !...

Nhưng cũng phải nói lời xin lỗi má con là cô phải gởi lời sớm với con, về nói với má con là cô không đồng ý chuyện má con nhờ anh Hùng của con đứng ra chịu trách nhiệm về sự sai lầm của chị Hai con. Cô cũng nói

thật với con, cô không phải người cố chấp, cổ hủ tới can thiệp vào chuyện hôn nhân của con cái. Nên ý cô là vậy, nhưng mọi chuyện vẫn do anh Hùng của con tự quyết định chuyện hôn nhân của nó...»

Dù sao thì đám cưới của Lê Xuân Hùng với Nguyễn thị Triều Giang cũng đã diễn ra trong thân tình gia đình của người bên nhà gái. Không có chị sui bên đàng trai, không có anh sui gái bên Mỹ về. Không có bạn bè, không có ai chia chung ngày vui nhiều nước mắt. Đám cưới được tổ chức chỉ như để chụp lấy vài tấm hình để bổ túc cho hồ sơ bảo lãnh...

Rồi một bé gái ra đời với cái tên Hoài Giang - do chính Hùng đặt tên cho nó để không bao giờ quên dòng sông định mệnh đã đưa cha mẹ Hùng là hai người con nhà người bắc di cư năm 54, đã sống và lớn lên ở Sài gòn, cùng học trường Sư phạm thành phố; cùng ra trường và nhận công tác về miền tây. Rồi họ thành gia đình bên dòng sông này, để có anh em của Hùng, có bạn bè và những người cùng sống bên dòng sông cội nguồn của một đứa bé vừa sinh ra đã biệt xứ. Dòng sông sẽ chỉ còn trong ký ức hai người bạn bỏ xứ ra đi với đứa bé là nguyên nhân, hay tình yêu thực sự trong họ giành cho nhau như định mệnh phải đánh đổi với những mất mát...

3.

Triều Giang vẫn không thay đổi gì sau cú sốc thẳng vào đời mình và có thể đã để lại một hố bom sâu hoắm đến không gì lấp nổi. Giang từ cha ngay khi đặt chân xuống phi trường nước Mỹ. Không phải là quyết định do hoàn cảnh hiện tại của mình, mà là lời nguyền từ lá thơ năm xưa cha đã gởi về nhà báo tin ông đã có vợ con mới bên Mỹ. Khi ấy chị em Giang còn nhỏ và má Giang còn trẻ lắm. Người cha thương kính của Giang đã chết từ hôm đó; từ những lần lửa về sau, Giang nắm tay em cùng chứng kiến má tảo tần nuôi hai chị em Giang lớn lên bằng chính sức lực của má chứ không nhận sự giúp đỡ của người cha đã phụ lòng má... Hình ảnh mấy người công an dọn dẹp lòng lề đường đã đá hất tung gánh hàng rong của má; chai dầu khuynh diệp mà lần đầu tiên trong đời Triều Giang đi mua chịu để về sức cho những vết bầm của má bị công an đánh... Tiếc là khi đã hiểu lý do mình ham đi Mỹ thuở còn nhỏ để có thể ở lại nhà với má với em thì hoàn cảnh lại đưa Giang đến tận nơi xa xôi này...

Vì thế, Hùng với Triều Giang đã ôm Hoài Giang chu du theo dòng đời di dân, theo miếng cơm manh áo của người bỏ lại sau lưng quê hương tội nghiệt. Nhưng ông trời như đã sanh ra Triều Giang để ăn ngon, mặc đẹp,

xài sang... Những ăn năn để làm lại từ đầu không bao giờ đủ ý chí và nghị lực để thành công. Giang ngày càng lún sâu vào xa hoa để cuối cùng xa đoạ, tội tình...

Những năm tàn tháng tận chạnh nhớ nhà như ngọn roi quất vào trái tim thầm lặng. Hùng đã nhiều lần cầm chìa khoá ra xe không lời từ biệt vì không có ý định trở lại thì từ giã Triều Giang làm chi, làm chi nữa. Nhưng Hoài Giang không thiếu được Hùng. Nó ôm cha ngủ những đêm đông cô đơn trong căn apartment nào đó vì mẹ còn say sưa ở hộp đêm, phòng trà, hát cho nhau nghe thâu đêm suốt sáng với những người không quen. Rồi ai đưa Giang về những đêm khuya, khi Hùng đã kiệt sức với nhiều việc làm trong ngày để trả nợ thẻ nhựa mà Giang cà vô tội vạ;

Một hôm Hùng về khuya, nhìn Hoài Giang ngủ gục trên sofa vì đợi ba về ăn cơm. Nó không biết mình đã thành thiếu nữ. Sự khủng hoảng thực sự đã ám ảnh Hùng vì không biết phải nói chuyện làm sao với đứa con thiếu mẹ này ! Hùng chỉ biết thu xếp cho nó ngủ phòng riêng. Nhưng từ đó tiếng khóc canh khuya của đứa con gái đã biết xấu hổ vì mẹ, của đứa con không sanh mà dưỡng, mà thương, làm Hùng xót xa hơn vì nó không có má từ khi sinh ra và có thể tới hết đời nó.

Tội nghiệt cho đứa bé như khuôn đúc của Triều Giang ở sân trường ngày nào, nhưng lại mang trái tim dì Hân. Không biết đó có phải là điều làm Hùng không thể rời xa; không bỏ được con bé mang hình hài của mẹ và lòng nhân ái của dì nó. Hay chính những tô cháo khét, tô mì chín sượng hoặc bã chẹt vì quá lửa mà nó đã nấu lần đầu tiên trong đời nó với hết lòng lo lắng thương yêu ba Hùng khi Hùng đổ xuống do làm việc quá sức...

Nó giữ gìn kỷ niệm cho ba Hùng bằng cách giữ liên lạc với cô Lan Nhi, dì Hân từ khi nó có thể. Nó nắn nót viết lá thơ bằng tiếng Việt đầu tiên trong đời nó cả tháng trời, sai bét từ chính tả tới văn phạm vì tự mày mò học tiếng Việt trên online, nhưng chắc chắn, tự tin bằng lòng quả cảm của cô La nhi; bằng lòng nhân ái của dì Hân là bà nội đọc thơ của con, bà nội sẽ tha thứ cho ba...

Nó gọi điện thoại lúc nấu ăn, ai ngờ được là gọi xa tới nửa vòng trái đất chỉ để hỏi cô Lan Nhi là ba con thích ăn khổ qua xào trứng nhưng có bỏ tiêu không vậy cô Lan Nhi ? Nó vừa rửa chén vừa gọi mẹ xem mẹ đã ăn gì chưa ?... dù người chưa từng thương nó lấy một lần trong đời con bé có mẹ mà cứ như con mồ côi... Lần đầu tiên nào trong đời nó cũng là làm cho ba, chỉ lần đầu tiên lái xe một mình là ra chợ mua mấy món phụ nữ

thường dùng để gởi vô tù cho mẹ. Nó làm cho ba Hùng đầu hàng số phận mình đã được ông trời sinh ra để chia chung với đứa trẻ lạc loài...

4.

Hùng thức giấc, ngửi được mùi trứng chiên. Chắc là Hoài Giang đang chiên trứng cho ba ăn sáng. Tội nghiệp con nhỏ đêm qua nói điện thoại với cô Lan Nhi, dì Hân không biết tới mấy giờ ! Hôm nay nó lại phải đi làm tới khuya mới về...

«Goodmorning ba ! Ba uống thuốc con mua tối qua, có thấy đỡ nhức mình chưa ?»

«Đỡ rồi con. Chắc tại tuần rồi ba làm nhiều quá. Nghỉ weekend này thì khoẻ thôi.»

«Ba ỉ i quá ! Sáng ba đi làm sớm mà không chịu mặc áo lạnh...»

«Nhằm nhò gì ba...

«Để ba phụ cho, con làm món gì đó ?»

«Trứng chiên muôn năm - không hành vạn tuế - đừng để tiêu cay... nhưng không có tiêu không ngon đâu con... Nó làm một hơi rồi mới nói, Hôm nay ba không khỏe nên con chiên trứng cho ba chín chút nha ba...»

«Sao con không hỏi cô Lan Nhi tối hôm qua luôn cho đỡ tốn tiền điện thoại : Ba con thích ăn trứng chiên chín cỡ nào ? Hai cô cháu mày tối hôm qua đóng tiền điện thoại tới mấy giờ ?»

«Cô Út nói... hồi ba còn ở nhà, đâu có trứng đâu mà chiên... nên Út không biết ! Hì hì...»

«... Con nhỏ này !

... dì Hân con khoẻ không vậy ?»

«...»

«Ba đi đánh răng đi, rồi ra ăn sáng.»

Bữa ăn sáng cuối tuần của hai cha con không bình thường như những cuối tuần đã thành thói quen không thừa không thiếu đã từ lâu. Ăn xong, Hoài Giang vô phòng - trở ra. Đặt lên bàn ăn phong thơ dày cộm - làm Hùng chạnh lòng nhớ tới phong thơ mà bà ngoại của Hoài Giang đã trao cho Hùng ngày nào; trao cho Hùng sự giúp đỡ của mẹ Hoài Giang; trao cho Hùng cả cuộc đời Triều Giang, trao cho Hùng cả Hoài Giang trước mặt... chỉ một cái phong thơ mà liên lụy tới ba đời người...

Dù sao sự khác thường sáng nay cũng làm ngây đuôi mắt đã mọc rễ tre của Hùng cứ nhìn con dò xét... nó không nói gì vì cũng đang dò xét lại ba Hùng. Ánh mắt, nụ cười và mái tóc nghiêng vai của nó làm chấn động tâm tư người cha trong một sáng mùa đông.

«Ba không biết con giống mẹ hay giống dì. Nhìn con, ba thấy cả hai người... mà con đưa tiền gì cho ba mà nhiều quá vậy ?»

«Tất cả tiền con để dành được từ hôm con đi làm thêm đến nay, đó ba.»

«Bỏ nhà băng cho con hả ?»

«Không phải.»

«Sao !»

«... Con có mấy chuyện muốn nói với ba, từ lâu rồi ! Không phải là không có thời gian. Nhưng, nếu sáng nay con không nói với ba thì sợ trễ...»

«Chuyện gì mà nghiêm trọng vậy con ?»

Hoài Giang nói, «Ba đừng có la con nha. Con xin ba cho con nói hết ý của con một lần. Ba không nạt ngang con; không bắt con im miệng, ba không được bỏ đi... mà phải nghe con nói hết một lần. Ba đồng ý không,

móc ngoéo với con đi... !»

«Được. Có chuyện gì ba trả lời không được với con chưa ! Khỉ.»

«Vậy con xin phép ba.

Tối hôm qua, con nói điện thoại với cô Lan Nhi. Không phải lá thơ viết bằng tiếng Việt của con làm bà nội xúc động nên tha thứ cho ba. Bà nội còn nói với cô Út của con, sao nó không viết tiếng Anh, mẹ còn dễ hiểu ý nó hơn...

Bà nội chưa tha thứ cho ba đâu, chỉ chấp nhận sự thật là bà nội không còn thời gian để chờ đợi điều gì nữa trên cuộc đời này... Nói sao thì cũng phải chấp nhận sự thật là bà nội không biết còn sống ngày nào, chết ngày nào. Nội yếu lắm rồi... và bác sĩ chê rồi đó ! Nội có bệnh, tìm được bệnh rồi. Nhưng giải phẫu thì khó sống vì nội không đủ sức chịu đựng cuộc phẫu thuật. Mà không giải phẫu thì nội khó thọ... Cô Út con đưa nội về nhà, theo nội muốn vì nằm ở bệnh viện cũng vậy thôi...»

«Sao con không cho ba hay sớm ?»

«Con mới biết tối hôm qua thôi ba. Tóm lại là ba phải về thăm bà nội một lần, không chần chừ được nữa đâu. Cho dù bà nội có tha thứ cho ba hay không thì ba cũng

phải về... Con không phải là cháu nội ruột của bà nội. Nhưng bà nội nuôi ba từ nhỏ tới lớn, như ba nuôi con. Nếu ba giận con tới đâu thì con cũng về thăm ba khi ba...

Nên con xin ba cầm hết số tiền đầu tiên con kiếm được trong đời con. Ba đi mua một cái vé máy bay để về thăm bà nội đi. Không phải ba không có tiền, nhưng ba không đủ can đảm về gặp mặt bà nội, nên coi như con về cùng ba. Ba với con cùng chịu tội với bà nội. Ba thương con đi ba.»

«Sao cái gì lần đầu tiên con có được, con cũng cho ba hết vậy !»

«Tại con biết ba đã cho con hết đời ba, ba sẽ cho con tới cuối cùng... phải không ba ?»

«Thôi được ! Để ba suy nghĩ lại. Ba cảm ơn con nhiều lắm, con gái của ba.»

«Không. Con không cho ba suy nghĩ lại gì nữa đâu ! Chút nữa con đi làm, tới tối con về. Con sẽ sắp vali cho ba về thăm bà nội. Nếu tối nay con về nhà mà không thấy vé máy bay trên bàn thì từ thứ hai tuần tới con sẽ bỏ học, không đi làm... Con hứa, con thề với ba đó !»

«... Sao hôm nay con dữ với ba quá vậy ? Con có biết là ba không cho con xài tiền vì sang năm con đi Đại học rồi không ? Trong khi ba cần tiền để lo luật sư cho mẹ con. Bây giờ, ba bỏ mẹ với con để đi Việt nam một mình có đúng không, nhất là mẹ con đang ở trong tù, con thì cũng chưa thực sự đủ lớn để ba yên tâm bỏ con ở nhà một mình...»

«Con cảm ơn ba thương con với mẹ. Nhưng con nói ra ý nghĩ thực có trong đầu óc con. Xin ba đừng giận con. Con thì đủ sức ở nhà một mình khi ba đi Việt nam. Về mẹ, con nghĩ là mẹ ở trong tù sẽ tốt hơn cho mẹ về sức khỏe. Tốt hơn cho ba được yên thân đi làm, cho con được yên tâm đi học... Con cũng đau lòng khi mẹ ở tù vì mấy cái tội chỉ bởi bị người ta lợi dụng. Nhưng xui ba bán nhà để cứu mẹ ra thì ba với con lại không yên khi không biết mẹ đang làm gì, ở đâu... Nếu mẹ thay đổi thì mẹ đã thay đổi. Con không tin có gì thay đổi ở mẹ nữa. Hồi nhỏ, con buồn và giận mẹ con lắm vì con xấu hổ với bạn bè, rồi con biết xấu hổ với ba khi con lớn hơn. Nhưng bây giờ con không còn nhỏ nữa đâu ba. Con biết có những điều mình phải cắn răng chịu đựng suốt đời...»

«Con đã lớn rồi đó Hoài Giang, con làm cho ba an tâm nhiều lắm. Cảm ơn con nhiều lắm. Nhưng với ba cái ơn cứu mạng của mẹ con ngày nào cũng có một phần trách nhiệm của ba trong đó. Con lớn rồi nên ba mới nói, ba thường nghĩ cha ruột của con là ông cán bộ đã vô trụ sở công an huyện để bảo lãnh ba ra khỏi trại giam; phong thơ mà mẹ con đã gởi bà ngoại đưa cho ba là cái phong thơ định mệnh của cha con mình vì chứa trong đó những đồng tiền của cha ruột con đó !

Hơn hết là tình yêu sâu đậm đến chừng nào của ba đối với mẹ con. Mẹ con cũng yêu thương ba lắm. Nhưng tâm lý của một người đã làm sai thì đầy lòng hối hận; lòng hối hận ấy càng to lớn gấp bội khi đã trót lỡ làm sai với người mình thương yêu nhất... là hoàn cảnh, là khổ tâm của mẹ con.

Ba từ giận dữ suốt thời tuổi trẻ, tới giận hờn khi thấy con đã lớn khôn mà thiếu một người mẹ để hướng dẫn con trong những chuyện cần tế nhị mà người cha khó ăn khó nói với con gái. Nhưng chính con đã làm cho ba hết giận mẹ con rồi. Con giỏi xoay sở một mình, chịu khó tìm hiểu để bù lấp khoảng trống thiếu mẹ. Con thương người như dì Hân con vậy đó ! Cái gì con có được, làm được lần đầu trong đời con con cũng dành cho ba... Con càng lớn càng không cho ba nói câu : ba thương con mà

con cứ làm cho ba phải nói : Cám ơn con.

Ba cám ơn con nhiều lắm, ba hy vọng lần này mẹ bị vô tù, đúng như con nói là bị người ta lợi dụng thôi chứ mẹ con là người sợ tội đến không dám phá thai thì sao băng đảng, lừa đảo được với ai. Vài năm tù là khoảng thời gian tĩnh tâm để mẹ con trở về nhà, để trả lại cho con người mẹ cần thiết của con... Ba có thấy những chuyển biến tốt hơn trong suy nghĩ của mẹ con rồi. Ba mong trời phật phù hộ cho gia đình mình. Ba chờ đợi thêm sự thay đổi ở mẹ con. Ba hy vọng mẹ ra tù với tâm tư mới để cả nhà mình cùng về thăm bà nội với cô Lan Nhi, bà ngoại mất rồi thì thăm dì Hân của con. Ba nhớ họ lắm trong lòng ba...»

«Không có dù sao với con nữa ! Cô Út... không phải, con nói : Con hiểu ba, cám ơn ba tâm sự với con. Nhưng chuyện ba phải về liền để thăm bà nội là không chậm trễ được.

Con cho ba thêm một cái bonus để con không hối hận nếu con phải bỏ học, bỏ đi làm, bỏ đời con luôn cho ba buồn chết luôn... Ba có biết đã bao nhiêu năm và bao nhiêu lần, ba hỏi con về dì Hân. Con chỉ trả lời là ba về Việt nam thì ba biết dì con có khoẻ không ? Đang làm gì ? Ở đâu ? Hôm nay con trả lời cho ba biết để thêm lý do ba phải về : Dì Hân của con không lập gia đình, làm

nghề chờ đợi ở bến tương tư như chuyện kể ba chờ mẹ con vậy đó ! Từ sau bà ngoại chết, dì làm đứa học trò cũ chăm sóc cho cô giáo cũ vì cô Lan Nhi không sống với bà nội được; dì con trả nợ cho gia đình, trả nợ cho ba đủ chưa, ba ơi... !»

Cái phong thơ nợ tình của Hùng như định mệnh thì cái phong thơ nợ đời trên bàn ăn càng sâu đậm nghĩa tình. Căn nhà vắng thì thầm kỷ niệm, tiếng cười Hoài Giang nói điện thoại với cô Lan Nhi, dì Hân; tiếng khóc cũng của nó khi ba Hùng nổi giận... Hùng ngồi đếm kỹ những đồng tiền part-time, những đồng tiền tip của con bé đi bưng thức ăn ở nhà hàng. Chuyện đời cay đắng sao sanh ra quả ngọt để đau lòng già, - không phải đâu! Cây Triều Giang bị sâu bệnh một thời gian rồi sẽ qua, đang qua để đã qua, phải không Giang...

Hùng cất kỹ xấp tiền khá dày sau khi sắp xếp lại cho ngay ngắn, không biết bao nhiêu của con vào phong thơ - để làm kỷ niệm. Có lẽ đây là món quà Tết ý nghĩa nhất cho Giang trong tù, trong đời sống có quá nhiều người không còn tin vào con người.

Nắng yếu ớt mùa đông không đủ ấm cành khô để bói nụ, nhưng lòng Hùng nở hoa. Nhẹ nhõm chiếc lá bay cô lẻ theo chiều gió, Hùng nhẹ nhàng lái xe đi mua cái vé về Việt nam bằng đồng tiền (dù chỉ là ý nghĩa thôi vì

tiền thật của Hoài Giang đã cất làm kỷ niệm). Nhưng cứ coi như mua cái vé máy bay về Việt nam bằng những đồng tiền đầu tiên kiếm được của con bé mà Hùng đã bưng, ẵm nó chạy khỏi xứ để giữ thanh danh cho gia đình mẹ nó. Con bé là sản phẩm của một thời tối tăm mà những người có mặt vẫn chưa thấy được ánh sáng cuối đường hầm tới bao giờ...

Buổi sáng đầu tiên từ khi đặt chân lên nước Mỹ, Hùng thấy đời tươi đẹp hơn những gì đã thấy bấy lâu nay. Cất vé máy bay vào cốp xe, anh lái xe đi loanh quanh thành phố đã từng sống nhiều năm nhưng chưa ngắm cảnh bao giờ. Ghé lại tiệm hoa mua bó hoa đẹp nhất. Quà xuân cho Triều Giang không gì ý nghĩa hơn kể lại câu chuyện của hai cha con sáng nay. Giang cũng chẳng cần phong thơ dày cộm những tờ một đồng của đứa con tội nghiệp. Hùng tin là những gì tốt đẹp nhất trong cõi lòng của Triều Giang đã bị chôn vùi theo năm tháng sẽ đâm chồi nảy lộc giữa mùa đông...

Hùng lái xe đến nhà tù thăm vợ, đậu đèn đỏ cuối cùng là quẹo vô bãi đậu xe. Mấy người Mỹ đen đi chung xe bên cạnh, một người đưa tay chào Hùng nên Hùng cũng tươi cười đưa tay chào lại họ trong tâm trạng đang vui. Rồi một tiếng súng nổ chát chúa bên tai... Hùng thấy mình mon men theo con hẻm phố chợ, xuyên qua mấy

cái nhà lầu ngoài mặt lộ lớn, không gian thoáng ra với vườn tược, cây trái. Và đây rồi, căn nhà đã mua bằng những đồng tiền chạy xe lôi và tiền bán bánh ú, bánh tét của mẹ ngoài bến phà... Kìa Lan Nhi đang quét sân giùm mẹ, nó vẫn thích làm việc ấy khi xưa, dù mẹ phải quét lại sau khi con bé chơi với cây chổi đã chán. Ôi, thầy cãi của gia đình Hùng đó ! Nó đã thành người phụ nữ cao, gầy, da trắng xanh như mẹ ngày xưa đi dạy học. Không biết sao con bé lại không để tóc dài như mơ ước thuở nhỏ của nó vậy ? Hay mái tóc cắt ngắn mới lộ rõ u hoài trong đôi mắt bất lực của người bảo vệ công lý bằng cái bằng luật sư hữu danh vô thực. Trông nó mỏi mệt quá ! Tội nghiệp em tôi... Còn tiếng ai nghe mềm như lá cỏ đang hò điệu lý qua sông, phải em là Bảo Hân đó không, em ru con ai trong lòng mà tràn ra nắng úa tình nhạt phai - phải con bé con của Lan Nhi đó không Hân... con bé con leo lẻo như mẹ nó khi xưa đó mà. Nhưng sao em lại ở đây, sao em cô đơn quá vậy Hân...

Nhánh mai vàng Hùng cắm trước ngõ sau một lần tết năm xưa đã thành gốc mai có tuổi đang bói nụ... gió xuân lùa vào tai Hùng tiếng ho khàn từ hiên vắng đong đưa chiếc võng cói đã bạc màu thời gian xa vắng. Mẹ đã già hơn Hùng tưởng thật nhiều. Người xanh xao nằm đó, chiều lơ thơ tóc bạc đến đau lòng. Hùng khẽ bước đến bên mẹ, đôi chân cứng cỏi trên đường đời đã mềm

nhất để quỳ xuống. Mẹ ơi ! Con đã về...

Ở bên kia nửa vòng trái đất, Hoài Giang không nghe tiếng người quản lý nhà hàng quở trách sau lưng, «Sao cô không bưng thức ăn ra cho khách mà đứng đó...» Con bé chết đứng với khay thức ăn trên tay vì cái break news trên màn ảnh tivi,

«... một vụ nổ súng vừa xảy ra tại khu vực nhà tù trong khu downtown. Nạn nhân là một người Mỹ gốc Việt, chừng bốn mươi tuổi, đã chết tại chỗ sau khi hung thủ biến mất.

Cảnh sát không tiết lộ danh tánh nạn nhân để tiện việc điều tra. Nhưng trưởng đội cảnh sát tuần tra cho biết, có thể đây là một vụ thanh toán giữa các băng đảng gốc châu Á. Nhưng hung thủ đã nhầm mục tiêu vì nạn nhân không hề có tiến án hình sự nào cả...»

Con bé ngã xuống vì màu xe nạn nhân, vì ống kính truyền hình quay đúng chỗ kính chiếu hậu bên trong xe có treo lủng lẳng cái tượng Phật bà Quan âm mà nó mới tặng ba Hùng hôm sinh nhật thứ bốn mươi hai của ba...

Giáp Ngọ 2014

Phan

# Một Ngày Về Quê, Đi Chợ Tết

Giang Thiên Tường

Tác giả tên thật là Tô vĩnh Phúc. Trước 1975, tốt nghiệp cử nhân Luật Khoa và Văn Khoa tại Sài Gòn. Định cư tại Sacramento, California từ 1986, học và làm nhiều ngành khác nhau. Hai tập thơ đã xuất bản : «Bên Bến Sông Buồn» (2011) và «Nắng Chiều Còn Vương» (2012). Tác giả hiện là cư dân Sacramento, Cali, tham dự Viết Về Nước Mỹ từ tháng 5, 2011 và đã nhận Giải Đặc Biệt 2013 với bài viết «Chung Một Mảnh Vườn.». Bài viết mới của ông là chuyện cuối năm của một nữ Phật tử đã Mỹ hoá, thình lình thấy mình về quê, đi chợ Tết ngay trên đất Mỹ.

Tại West Sacramento, vùng ngoại ô phía tây của thủ phủ Cali có một ngôi chùa nhỏ của Sri Lanka, nhỏ và đơn sơ đến độ không có bảng tên chùa và địa chỉ. Khách vãng lai nào mà thường hay chuẩn bị xem đường đi nước bước trước cũng chỉ biết theo con đường lớn là West Capitol, đến một hương lộ cắt ngang thì rẽ vào chừng vài blocks là gặp chùa.

Sau khi qua hàng rào xiêu vẹo phía trước, khách viếng chỉ thấy có hai căn nhà ở mặt tiền : bên phải dành cho các sư ở, bên trái cho việc tụng niệm và tập thiền.

Đi sâu vào trong là một mảnh đất trống còn lởm chởm đá nhỏ dùng làm chỗ đậu xe hoặc dành cho các lễ lớn ngoài trời.

Mỗi sáng chủ nhật, chùa có tổ chức một buổi thuyết giảng kinh Phật và tập thiền do sư cả Samhitha hướng dẫn. Đặc biệt sáng nay có một sư trẻ đến dự tên là Janu. Hầu hết các tín đồ của chùa cũng như những người đến dự buổi thuyết giảng là người Srilanka hay Ấn Độ, họ nói tiếng Anh rất giỏi và sư cả cũng giảng bằng tiếng Anh. Trong số các người ngoại quốc da ngăm đen và khá cao lớn này có một tín đồ rất đặc biệt : nhỏ người, đầu đen, da vàng vì nàng là người Việt chính cống, tên là Hằng Miller, chồng nàng là người Mỹ, đã qua đời khoảng bốn năm nay vì bệnh ung thư.

Nhà của Hằng Miller ở phía bắc của thành phố, không gần chùa này, nhưng tại sao nàng lại phải tìm đến một nơi xa xôi hẻo lánh trong «hóc bà tó» này, chung quanh toàn là người ngoại quốc xa lạ ?

Có thể nơi đây ít người, khung cảnh yên tĩnh, giúp tâm hồn thanh thản hơn các chùa Việt Nam chăng ? Cũng phần nào đúng. Nhưng về phương diện ngôn ngữ có thể đúng hơn : qua Mỹ thật sớm, được học các trường Mỹ, rồi tốt nghiệp bằng cao học Anh văn, từng làm phụ giảng về Anh ngữ cho các sinh viên đại học,

rồi lấy chồng Mỹ thì tiếng Anh nàng phải rất thông thạo và hầu như tiếng Việt đối với nàng đã trở thành thứ yếu.

Hằng tiếp tục sống ở căn nhà của người chồng quá cố để lại, khá xa khu Việt Nam, nên ít có dịp tiếp xúc và tham dự các sinh hoạt của người Việt như chợ búa, nhà hàng, giải trí, báo chí Việt, do đó mất cơ hội quý báu được nói, đọc và viết tiếng Việt

Buổi thuyết giảng và tập thiền vừa chấm dứt thì Hằng cùng các tín đồ khác đến vái chào sư cả để cám ơn và từ giả như thường lệ. Nhưng lần này, sư cả mời Hằng ở nán lại, có vẻ như có chuyện gì cần.

Sư cả từ tốn nói :

- Xứ Sri Lanka của chúng tôi là xứ sở có truyền thống Phật giáo mà hơn 70% dân số theo đạo Phật. Nhiệm vụ của tôi là truyền bá đạo Phật trên khắp thế giới. Riêng tại thành phố này, chúng tôi đã quyên góp và cất được một chùa nhỏ nữa ở miền nam và cử sư Janu để trụ trì và lo Phật vụ ở đó. Sư cả liền giới thiệu sư Janu đứng gần đó cho Hằng.

Hằng vái chào sư Janu, một sư trẻ, gương mặt hiền hậu, nhưng đầy vẻ thông minh và nhiệt tâm.

- Sau khi chùa mới ở South Sacramento bắt đầu hoạt động được vài tháng nay, sư cả nói tiếp, có một số người Việt ở gần đó tới lui, càng ngày càng đông, nhưng đa số họ không thông thạo Anh ngữ nên việc giao tiếp với họ khá khó khăn. Những ngày sắp tới sẽ có những lễ lớn như Tết Việt Nam, lễ Phật Đản, nên tín hữu người Việt có thể tới đông hơn nữa. Do đó, tôi không biết cô có thể để chút ít thì giờ để giúp sư Janu học một số tiếng Việt căn bản cho sự giao thiệp với người Việt không ?

Vừa nghe xong những tiếng cuối cùng của sư cả Samhitha về dạy tiếng Việt, Hằng bỗng nghe bối rối và có phần bất mãn nữa. Hằng lẩm bẩm trong lòng : «Ai đời lại nhờ một người không rành tiếng Việt để dạy tiếng Việt, hay là mấy ông sư này kiếm chuyện này nọ...?»

Hằng đưa mắt liếc nhìn hai sư : «Không, hai sư vẫn nghiêm trang, không có vẻ đùa giỡn và đang trầm ngâm chờ đợi câu trả lời.

Hằng ấp úng :

- Dạ, con cũng biết vài người Việt khác có thể giúp việc này...

- Nhưng cô là người thích hợp nhất, sư cả ngắt lời Hằng, vì cô là người có học thức, lại có kinh nghiệm sư phạm.

Hằng biết không sao giải thích cho các sư biết mình không thông thạo Việt Ngữ mà không khỏi bị mất danh dự hoặc hiểu lầm, nên đành miễn cưỡng nhận lời :

- Dạ, để con thu xếp giờ giấc xong sẽ cho sư Janu hay.

Hằng hẹn sư khoảng hai tuần sau, thời gian không quá lâu để các sư phải chờ đợi và cũng tạm đủ để nàng có thì giờ chuẩn bị tài liệu và tinh thần.

Về nhà, Hằng miên man suy nghĩ đến việc các sư nhờ dạy tiếng Việt, tính tới tính lui mà cũng không biết cách nào để chạy thoát nợ đời ! Chỗ khó là hoàn cảnh học vấn và gia cảnh đặc biệt khiến nàng không thể thông thạo được cả hai tiếng Anh và Việt cùng một lúc, nhất là khi nàng đã không cố tâm duy trì cho chính mình di sản quý giá về ngôn ngữ và văn hóa của quê hương. Do đó dù đã ngoài năm mươi mà Hằng không còn viết và đọc được nhiều tiếng Việt, nói chi phải dạy cho người nước ngoài.

Nhà Hằng và gia đình cũng rất mộ đạo Phật, đã chọn chùa Sri Lanka để tới lui cúng kiếng và nghe giảng kinh bằng tiếng Anh thì làm sao nỡ từ chối yêu cầu đơn giản là giúp các sư biết qua tiếng Việt ?

Sau cùng một tia sáng lóe lên. Hằng chụp vội điện thoại gọi anh Hưng, người bạn học nhạc từ lâu tại đại học cộng đồng, nhưng thỉnh thoảng mới có dịp liên lạc vì Hưng đã dấn thân vào văn chương và cộng đồng Việt Nam khá nhiều.

Đầu dây kia Hưng đã nhận ra Hằng.

- À, chào cô nhạc sĩ, lâu quá, khỏe không ? Sao, dạo này em đã viết được tình ca lãng mạn nào không ?

Hằng dẫy nẩy :

- Cám ơn anh, nhưng đời em nào biết sáng tác, còn chữ lãng mạn là gì, sao anh hay dùng chữ khó quá. Em vẫn tiếp tục đàn piano cho ban nhạc ở trường, còn các bài ca tiếng Việt thì chịu thôi vì em đâu có rành tiếng Việt.

- Thì em đang nói tiếng gì đó ? Hưng bắt chẹt.

- Em nói được tiếng Việt, nhưng không biết đọc và viết ! Hằng trả lời có hơi do dự, xấu hổ. À này, anh còn

nhớ chùa Sri Lanka không, năm trước anh có đến dự lễ dâng y đó. Nay họ nhờ em dạy tiếng Việt cho sư trụ trì vì có nhiều người Việt đến chùa. Thế mới trớ trêu không ? Anh có thể thay em dạy sư không ?

Hưng tỏ vẻ xúc động :

- Thật là quý khi có người ngoại quốc muốn học tiếng Việt. Nhưng đáng lẽ em phải hãnh diện hơn về điều này và lợi dụng dịp này luyện lại Việt ngữ chứ !

- Tại sao phải luyện lại Việt ngữ, Hằng bồn chồn hỏi.

- Chớ còn gì nữa, Hưng gằn giọng trả lời, người Việt phải biết tiếng Việt.

Hằng vẫn không nao núng :

- Anh biết không, từ lúc qua Mỹ đến giờ em làm sở Mỹ, về nhà có ông xã Mỹ, có bao giờ phải giao dịch với người Việt hay viết một câu tiếng Việt. Cả nhà em cũng vậy, không ai rành tiếng Việt. Các cháu con ông anh không hề nói một chút tiếng Việt, cả khi ở nhà với cha mẹ cũng nói tiếng Anh, nhờ vậy mà giọng chúng hệt như Mỹ.

Hưng mỉa mai nói :

- Gia đình em vọng ngoại quá nhỉ ?

- Vọng ngoại là gì ? Khó hiểu quá, Hằng bực tức hỏi

Hưng bỗng giận hơn, tuôn ra một tràng cho bõ ghét :

- Vì vọng ngoại quá nên trở thành vong bản đó !

- Hả, cái gì ? Hằng tò mò hỏi, vong bản là gì ?

Hưng thấy mình hơi quá đáng, dịu giọng trở lại, ôn tồn nói :

- Tiếng Việt rất phức tạp, em phải hiểu một số danh từ Hán Việt mới hiểu chuyện này. Em có nghe nói trường dạy Việt ngữ của thành phố mình đã xây cất xong và vừa được khai trương ? Trường này khá lớn và khang trang, lại ở vùng phía nam, gần người Việt ở, do đó tiện các cha mẹ đưa con em đi học. Anh nghĩ em cũng nên ghi tên dạy tiếng Việt cho các em nhỏ, đồng thời học hỏi thêm tiếng Việt qua các thầy cô đang dạy ở đó.

Hằng vẫn tỏ vẻ dửng dưng :

- Em nào có biết trường Việt ngữ gì anh nói. Em có bao giờ bén mảng tới các nơi ấy làm gì.

Hưng tỏ vẻ thất vọng, nhưng cũng cố gắng vớt vát :

- Thôi thì anh xin chịu. Anh không đủ thì giờ thay em dạy các sư nhưng anh hứa sẽ làm cố vấn cho em trong công việc rất danh dự là dạy một sư ngoại quốc, người Sri Lanka học tiếng Việt.

Tới ngày hẹn định mệnh với sư Janu, Hằng rất khổ sở và lo lắng : một mặt nàng phải sửa soạn một giáo án dạy tiếng Việt bất đắc dĩ do Hưng chỉ vẻ; mặt khác nàng phải «dọ đường» xuống khu nam. Hằng không lái xe trên freeway được, còn đường trong thì chỉ có đường Stockton là độc đạo nối khu bắc nơi Hằng ở xuống khu nam là nơi chùa Sri Lanka tọa lạc.

Đây là con đường huyết mạch của khu vực thương mại của người Việt phía nam thành phố mà Hằng đã từng đi qua đã lâu trong quá khứ. Lúc đó, chỉ mới có lưa thưa vài tiệm Việt Nam và an ninh cũng chưa ổn định nên Hằng rất ngại qua lại.

Vậy mà việc đến phải đến. Xe Hằng lái đã tới đầu phía bắc của đường Stockton, bên trái là một dãy nhiều buildings lớn của bệnh viện UC Davis, tiến qua vài cơ sở Mỹ nữa là bắt đầu khu thương mại Việt Nam.

Tới đây đường tương đối chật, xe cộ hai bên đông đảo, tấp nập nên xe Hằng cũng phải nối đuôi đoàn xe phía trước, chạy chầm chậm, có đủ thì giờ để quan sát hai bên đường. Trái với dự tưởng, các khu thương mại Á châu nay đã được xây cất và phát triển quá nhiều, cứ cách một hoặc hai blocks là có một shopping center Á châu, kiến trúc tương đối giống nhau, ở mặt tiền có hai hình chóp và vách tường thường được sơn màu gạch đỏ.

Tới một ngã tư đèn đỏ, Hằng phải dừng xe hẳn lại và có dịp nhìn kỹ sinh hoạt của khu phố. Hằng vô cùng ngạc nhiên khi thấy bên phải mình một dãy trung tâm thương mại mà mặt tiền chính giữa có bảng hiệu thật lớn «Little Saigon», còn bên trái là tiệm phở Bolsa. Hằng ngơ ngác, không hiểu mình có lạc đường vào thế giới sầm uất của người Việt trên phố Bolsa ở miền nam Cali hay không. Chẳng những ngạc nhiên về sự phát triển mà Hằng còn chứng kiến cảnh tượng xe cộ qua lại trật tự, dân đầu đen qua lại trong khu vực rất đàng hoàng, lịch sự, không có dấu hiệu của sự sai trái nào cả. Hằng tự nhiên có một cảm giác, tuy nó còn tiềm tàng, không rõ rệt, là xấu hổ với lương tâm, với thành kiến tiêu cực trước đây của mình.

Xe chạy được gần hết con đường «thiên lý» Stockton này thì bỗng bị kẹt bởi một đoàn xe dài nối đuôi nhau. Xe chỉ nhích được từng chút và sau cùng phải dừng hẳn lại. Lúc đó, Hằng mới biết là mình tình cờ đi xuống đây đúng vào ngày hội chợ Tết vì có nhiều người Việt đi bộ đang tiến vào một cổng bên đường với bảng hiệu lớn «Mừng Tết Nguyên Đán». Sống tại Mỹ và nhất là tại những vùng xa người Việt, lại làm việc sở Mỹ, không hề có bạn bè đồng hương tới nhà chơi như Hằng thì không đời nào biết Tết Việt Nam đã đến.

Hằng bỗng nghe lòng mình như âm ấm lại giữa rừng người đồng bào ruột thịt, một cái gì như tự tin, tự hào dù đó mới là một cảm giác mông lung, mơ hồ.

- «Chào cờ, chào !» Một tiếng la lớn, nghiêm trang khiến Hằng giật mình.

«Này công dân ơi ! / Quốc gia đến ngày giải phóng / Đồng lòng cùng đi, hy sinh tiếc gì thân sống / Vì tương lai quốc dân / Cùng xông pha khói tên»

Hằng bỗng nghe tim mình đập mạnh. Thì ra, hội chợ được khai mạc với bản quốc ca Việt Nam. Tiếng các ca sĩ nam và nữ đồng ca bản Quốc Ca Việt Nam sao mà nhịp nhàng, hùng tráng và đầy xúc động như làm cháy lên đám tro tàn lịch sử mấy chục năm qua mà một

người xa quê vô tình chôn vùi.

«Công dân ơi mau hiến dâng dưới cờ !»

Điệp khúc kêu gọi quá thiết tha của quê hương làm cho lòng người tha hương nào cũng cảm động dù có dửng dưng hay phủ nhận tới đâu. Một luồng cảm giác lạnh kỳ lạ làm Hằng cảm thấy rợn người sau khi nghe bản quốc ca, hậu quả một xúc động bất ngờ.

Các xe phía trước đã bắt đầu trống nên Hằng có thể mau lẹ rời khỏi nơi đông đảo, ồn ào này.

Chùa Sri Lanka ở phía nam thành phố tọa lạc tại một nơi thanh vắng, yên tĩnh. Chùa thì nhỏ, nhưng nằm trên một miếng đất khá rộng, chắc hẳn của một đạo hữu giàu có dâng tặng. Hằng lái xe vào sân chùa, quẹo trái đến một bãi đậu xe nhỏ, nhìn xuống một con rạch nước chảy róc rách với đàn vịt bơi tung tăng. Đằng xa một chút, băng qua cái cầu cây nhỏ là một miếng đất hoang, khô cằn, có thể chủ cũ đã bỏ phế từ lâu, nhưng vẫn còn sót lại một lũy tre, tre thứ thân lớn chớ không phải trúc cảnh, và một hàng cây chuối, bên cạnh một vài chòi tranh có thể dành cho người giữ chùa ở. Lại văng vẳng đâu đây có tiếng gà «cục tác». Thật là một bức tranh đồng quê mà người thành thị như Hằng hiếm khi có dịp chiêm ngưỡng.

Hà vội bước xuống xe, mơ màng ngắm cảnh.

- Chào cô, cô có khỏe không ?

Hằng giật mình bởi giọng nói tiếng Việt lơ lớ, nhưng đủ hiểu. Thì ra sư Janu thấy Hằng nên đã ra đón.

Hằng hỏi lại bằng tiếng Anh cho sư dễ hiểu.

- Sao thầy nói tiếng Việt giỏi quá, ai dạy thầy trước ?

- Thì cô chớ ai, thầy Janu vui vẻ trả lời, cô đã chỉ cho tôi một số câu chào hỏi thông dụng qua điện thoại hồi tuần rồi.

- À thì ra ! Hằng phấn khởi. Thầy học thuộc bài mau quá đó. Chúc mừng ! Vậy để tôi dạy nhanh hơn cho thầy mau được nói tiếng Việt nhé !

Buổi học tiếng Việt khá hào hứng giữa trò là sư Janu có rất nhiều thiện chí học hỏi, còn thầy Hằng bất đắc dĩ trước đây cũng thấy vui vui.

Sau khi dạy thêm các câu chào hỏi, các từ ngữ căn bản về thời tiết, ăn uống, đi lại, thì Hằng bỗng cao hứng, lên lớp để dọa thầy Janu chơi.

- Trong tiếng Việt, có vấn đề dấu là phức tạp nhất, thầy coi chừng, cùng một chữ mà dấu khác thì phát âm khác và có nghĩa khác, như chữ :

Ma : ghost, Má : mother, Mạ : seed, Mà : but, Mả : tomb. Đó thầy thấy chưa ! Còn các dấu hỏi ngã thì phức tạp hơn nữa thí dụ : Nửa : a half, Nữa : again, more.

- Chắc phải có luật gì về các dấu hỏi ngã này, thầy Janu thông minh đoán trúng.

Hằng chỉ nhớ lờ mờ những gì về dấu hỏi ngã vừa kể trên do anh Hưng chỉ vẽ trước đây, nên tránh né :

- Thưa có luật rõ ràng và tôi sẽ chỉ dẫn thầy lần sau.

Thầy Janu tươi cười :

- Nếu học hết những luật đó có thể tôi đọc được truyện Kiều của Nguyễn Du bằng tiếng Việt !

Hằng giật mình, ấp úng hỏi :

- Hả, truyện Kiều... Nguyễn Du nào ?

Thầy Janu chỉ một quyển sách trên bàn, khoe :

- Đây là bản dịch qua Anh ngữ. Muốn biết rõ ngôn ngữ nước nào, mình phải đọc được vài tác phẩm văn

chương tiêu biểu của nước đó.

Với độ tuổi của Hằng thì khi còn ở Việt Nam, ít nhất nàng có nghe qua tên Nguyễn Du hay Tự Lực Văn Đoàn rồi nhưng cuộc sống nước ngoài bắt phải quên đi những tinh túy của nước nhà.

Hằng đỏ mặt, nhưng cũng nói khỏa lấp :

- Tôi có bản gốc bằng tiếng Việt của sách này, tôi sẽ tặng thầy.

Buổi học vừa xong, sư Janu đứng dậy đưa tiễn Hằng ra cửa, nhưng nửa chừng chợt nhớ một điều gì.

- Này, khoan. Cô có thấy cây đàn dương cầm sát vách, gần cửa sổ không ? Tôi không biết đàn còn tốt không, nhưng một đạo hữu có nhã ý gởi tặng chùa. Tôi nhớ cô là một nhạc sĩ dương cầm, nên cô có muốn thử đàn, dạo một bản không ?

Hằng lặng lẽ ngồi ngay xuống đàn vì nàng có đam mê chơi đàn từ nhỏ. Hằng dạo thử vài âm giai : tiếng đàn còn tốt. Hằng vừa ngẩng mặt lên, ngay người định bắt đầu một nhạc khúc cổ điển của Chopin mà nàng ưa thích thì bỗng khựng lại vì vừa thoáng thấy một cái gì dìu dịu, mơ màng khi nhìn từ cửa sổ.

Chao ôi ! Ai khéo sắp đặt cây đàn ngay gần cửa sổ mà tầm nhìn lại bao gồm được cả cảnh tượng thiên nhiên man mác hồn quê mà Hằng vừa mới thấy khi nhìn từ bãi đậu xe : cái rạch nhỏ, cây cầu con vắt ngang, bên kia là lũy tre già cao lớn, bên hàng chuối xanh mướt. Chắc hẳn chủ cũ phải là người Việt, trồng tre và chuối để có dịp ngày ngày hồi tưởng quê xưa.

Khác với lúc mới vào chùa, lần này Hằng có nhiều thì giờ để tâm hồn thảnh thơi hơn, ngồi đắm mình vào mộng mơ. Ôi ! Những ngày thơ ấu lần lượt hiện ra, khi rõ khi mờ, nhớ nhớ thương thương. Có những ngày nào của tuổi xuân, ở một nơi nào xa lắc xa lơ, mình thơ thẩn dọc theo một con rạch, cũng nho nhỏ, nước trong veo, đuổi bầy vịt hay vớt cá lòng tong, xong băng qua cầu, chạy tung tăng vào vườn đầy hoa thơm, cỏ dại.

Những ngón tay mềm mại của Hằng bất thần lướt trên phím đàn, rung lên một giai điệu rất lạ, chậm chậm, buồn buồn, nhưng không phải «Tristesse» của Chopin, vì nó có âm sắc quê hương, đến từ một hoài niệm được chôn vùi thật lâu, nay bỗng dưng sống lại, thánh thót, nghẹn ngào mà mỗi nốt nhạc như quyện lấy lời ca, không dứt ra được, mỗi âm thanh từ phiếm đàn vang lên một lời nức nở tự đáy tâm hồn :

Thu năm qua, đoàn người đi xót xa
Mang tâm tư, hận sầu vương thiết tha
Hôm nay đi, nghe tiếng sóng rạt rào
Nghe tiếng gió nghẹn ngào, nhìn làn mây buồn trôi
Ôi quê hương ! Giờ chìm trong khói sương
Mây bao la, gợi sầu ai viễn phương... *

Tâm hồn Hằng đang bồng bềnh trong tiếng nhạc, lời ca của trang lịch sử đau buồn của quê hương phải chia cắt, của cả triệu người Việt phải rời khỏi nơi chôn nhau cắt rốn. Ngày đó, đã hơn nửa thế kỷ rồi, chắc chắn «đoàn người đi xót xa» phải là bậc tiền bối, cha chú của mình, nhưng Hằng vẫn là nạn nhân «mang tâm tư hận sầu» trong các chuyến đi đau đớn sau này. Phải có xa quê hương, xa thật xa mới biết tình yêu quê hương thắm thía đến đâu.

Bản «Hận Ly Hương» của cuộc từ ly vĩ đại thuở xưa hầu như đã chìm trong quên lãng trong lòng một số người Việt hải ngoại, nay bỗng dưng rạt rào trong tâm tư một kẻ từng mang tiếng là vọng ngoại, vong bản.

Khi giai điệu tới điệp khúc, Hằng không sao cầm được nước mắt :

«Ra đi xa mái tranh thân yêu
Xa bến xưa cô liêu với hình bóng quê nghèo
Đêm nay ta lặng ngắm mây trôi
Nhớ về phía xa xôi...» *

- Chà, sao lãng mạn quá ! Sư Janu bất ngờ đánh thức giấc mơ nhớ quê của Hằng. Sư không biết rõ lời ca, nhưng sư chắc hiểu nhạc vì đó là ngôn ngữ chung của nhân loại, sư chắc hiểu đây là một mối tình thiết tha, nhưng không có tính cách cá nhân riêng tư mà là mối tình rất lớn lao, cao thượng đối với quê hương.

Hằng dụi nước mắt vội cho sư không thấy và trong lòng vụt rộn lên một niềm vui, niềm vui của một ngày được về quê và sống với quê.

Hằng tự nhiên nghe phấn khởi lên với kế hoạch hành động sắp tới, một kế hoạch có vẻ nhỏ nhoi, nhưng là một khúc quanh quan trọng, như sau :

«Bận về mình sẽ ghé qua phở Bolsa, ăn một tô phở đặc biệt, nóng hổi, thật lớn, tội gì mà phải nhịn suốt mấy chục năm. Hằng bỗng nhớ lại cảnh chào cờ, khai mạc chợ Tết mà nàng vừa tình cờ lái xe qua. Hằng nhìn bụi tre bụi chuối ngoài cửa sổ, thấy như nàng đang về lại quê. Phải rồi, đã về quê mùa này là phải đi chợ Tết. Nàng sẽ ghé chợ Tết Việt Nam, sẽ mua bánh chưng,

bánh tét, chắc phải mua cả chai nước mắm nhĩ thật ngon, không cần giấu giếm ai và cuối cùng ghé lại trường Việt Ngữ để ghi tên dạy tiếng Việt cho các em nhỏ».

«Dạy Việt Ngữ chớ không phải luyện lại Việt Ngữ, Hằng vui sướng lẩm bẩm, vì hôm nay mình đã đi về quê, học được bài học quý giá của quê hương từ những âm thanh huyền bí của quá khứ vọng lại. mang về bao nhiêu kỷ niệm, tình cảm, kiến thức mà mình đã vô tình lãng quên trong cuộc đời tha hương».

Giang Thiên Tường

Ghi chú : (*) Ca khúc «Hận Ly Hương», Nhạc và lời: Ngọc Long - Anh Hoa, bài hát phổ biến từ năm Giáp Ngọ 1954, khi hơn một triệu người miền Bắc di cư vào Nam tìm tự do.

# Con Ngựa Già Trên Đất Mỹ

Phạm Ngọc

Tác giả đã dự Viết Về Nước Mỹ từ năm 2006, với bút hiệu PNT, PnT và từng nhận một giải thưởng đặc biệt. Sau mấy năm bặt tin, ông viết lại với bút hiệu mới là Phạm Ngọc. Bài gần đây là «Cái Giá Của Tự Do.» Bài mới trước thềm Tết Giáp Ngọ là tự sự của tác giả, người tuổi Nhâm Ngọ, sinh năm 1942.

Tết năm nay là Tết năm Giáp Ngọ, năm con Ngựa. Tôi cũng cố gắng «học đòi» bắt chước mấy nhà văn, nhà báo, cứ năm con gì thì viết một bài «tán» về con đó để đăng báo (báo Tết hay báo số đầu năm). Dĩ nhiên vì «văn người, vợ mình» nên cách viết của mỗi người, và cái nhìn của mỗi người cũng có khác nhau.

Đến Tết năm nay tôi có mặt trên cõi đời phiền muộn này đúng sáu con giáp. Sáu lần mười hai là bảy mươi hai. Nhưng tính tuổi ta là bảy mươi ba. Tại sao tuổi ta lại cứ phải cộng thêm một nhỉ ? Tính theo tuổi Tây thì còn phải mấy tháng nữa tôi mới đúng bảy mươi hai cái xuân già cơ mà !

Nghe mà giật cả mình, vì thời gian trôi nhanh quá !

Thời tôi còn nhỏ, cứ đến dịp Tết, ghé nhà ông bà, cô bác để mừng tuổi, thấy mấy cụ áo dài khăn đóng đạo mạo ngồi salon hay ghế tràng kỷ râu tóc bạc phơ uống nước trà nhâm nhi bánh mứt là tôi thấy vừa sợ vừa kính nể vì thấy họ oai phong quá ! Họ cũng ở lứa tuổi «thất thập» hay nhỉnh hơn chút xíu như tôi bây giờ đó thôi !

Còn bây giờ, các sách báo y khoa nói là tuổi thọ kéo dài hơn, con người trẻ lâu hơn vì quá trình lão hóa chậm lại. Tôi không biết là có thật vậy không, nhưng thấy bạn bè và những người cùng lứa tuổi với tôi ai nấy vẫn lái xe chạy bon bon trên đường local hay trên freeway lo công việc trông còn ngon lành chán !

Tóc thì có người bạc phơ thật đẹp lão, có người còn muối tiêu, muối nhiều hơn tiêu, nhưng cũng có nhiều người tóc đen tuyền ! Thuốc nhuộm tóc, các loại thuốc làm căng da mặt và những người thợ uốn tóc, cắt tóc, những trung tâm sửa sắc đẹp bên Mỹ này đã kéo dài thêm sự trẻ trung của rất nhiều người !

Tôi đi lạc đề xa quá rồi, giờ hãy quay về chuyện con ngựa già đây !

Tôi và gia đình đặt chân xuống phi trường Los Angeles đúng 12 giờ rưỡi trưa một ngày của tháng 5 cách đây 23 năm. Nhìn cái gì của nước Mỹ cũng thấy to

đùng và huy hoàng tráng lệ. Trên đường từ phi trường được người thân ra đón về nhà, cả đám vợ chồng con cái chúng tôi cứ nhìn ra cửa kính xe hơi mà trố mắt ra với đường xá xe cộ chạy xuôi ngược.

Những ngày tháng đầu tiên chúng tôi ở tạm nhà người chị ruột trên vùng Corona, Riverside. Qua Mỹ ở thời điểm già thì cũng chưa đủ già để xin tiền trợ cấp, trẻ thì không còn trẻ để xin đi làm những nơi có thu nhập kha khá một chút, nên con ngựa già phải đi khắp nơi để apply công việc. Cuốc bộ hay đi xe bus thôi vì chưa biết lái xe và cũng chưa có xe để lái nữa !

Sau vài tuần ăn không ngồi rồi, tôi đã «liều mạng» lấy application xin vào làm Teachers Aide ở trường John Adams gần nhà. Hay không bằng hên : bà hiệu trưởng đã nhận tôi vào làm việc. Tôi chỉ đứng lớp chung với giáo viên chính, và khi học sinh làm bài có gì không hiểu thì giáo viên kia nhờ tôi phụ giúp. Nhàn nhã lắm, nhưng mỗi tuần chỉ làm khoảng vài giờ ! Vậy là lại phải «lăm le» tìm đường «xuống núi» để tìm một công ăn việc làm khác có thu nhập khá hơn.

Không thể tìm được một công ăn việc làm thích hợp trên vùng đồi núi Riverside đó, gia đình ngựa già đành phải «dời đô» xuống Quận Cam. Tại đây tôi gặp lại được người bạn cũ thời Trung Học, đang có một phòng

mạch trên đường Beach, và bạn tôi đã cho tôi vào làm thư ký phòng mạch. Hầu hết các bệnh nhân là người Mỹ, nên cũng nhờ đó mà khả năng nghe và nói tiếng Anh của tôi ngày càng tiến bộ.

Về nhà chúng tôi cố gắng nghe tin tức trên các băng tần TV Mỹ để tập phát âm cho chuẩn và cũng để luyện giọng.

Sau ba năm làm việc tại phòng mạch, thấy business của người bạn có vẻ chậm lại nên tôi xin rút lui để tìm công việc khác. Kinh tế Mỹ những năm 1992, 1993 cũng xuống dốc thê thảm như bây giờ nên tìm được một công ăn việc làm thật khó khăn. Kỹ sư, chuyên viên mà vẫn thấy thất nghiệp dài dài !

Cái lận đận của tuổi Ngọ đã bắt đầu rồi đây ! Chạy hoài, chạy mãi, chạy cho đến mỏi gối chồn chân mới thôi !

Rất khó tìm được một công ăn việc làm vừa ý nên tôi đã tự nhủ lòng là sẽ làm bất cứ công việc gì để bảo bọc gia đình và lo cho hai đứa con ăn học. Công việc thứ ba của tôi kéo dài hơn 5 năm và chẳng có liên quan gì đến học hành và chữ nghĩa cả !

Tôi xin vào làm Machine Operator cho một hãng chuyên sản xuất các khung và kính chống mờ để treo trong phòng tắm (fogless mirror).

Lúc vào xin việc, ông chủ hãng hỏi tôi : «Trước đây ông đã từng làm công việc tay chân nào chưa ? Vì tôi thấy trong Application ông xưa nay chỉ đi dạy và làm việc văn phòng thôi ! Ông nhắm có làm nổi không ?» Sau đó ông đưa tôi đi xem toàn cảnh của khu sản xuất.

Tôi cũng thấy khớp trước những cỗ máy khổng lồ cùng những anh chàng, cô nàng công nhân Mễ, người nào cũng to lớn và mập mạp hơn tôi nhiều. Nhưng tôi đã sẵn sàng, nên nhận lời làm machine operator. Và tôi đã gắn liền với Zadro Products Inc. trong năm năm, bắt đầu như thế đấy. Làm những công việc chân tay tuy nặng nề và cực nhọc thật nhưng cũng có những niềm vui riêng của nó.

Ông chủ và các nhân viên văn phòng đều rất quý trọng tôi, các công nhân đồng nghiệp trong hãng cũng vậy. Họ dễ thương và hòa đồng nhanh chóng và tính cách bảo bọc thương yêu gia đình cũng rất giống người Việt Nam chúng ta. Cứ mỗi lần lãnh lương xong là họ trích ra gửi về hơn một nửa cho gia đình bên Mexico. Tôi đã tích lũy thêm được một bài học ở đất nước này là cứ làm bất cứ công việc lương thiện gì để sinh sống.

Không có một công việc nào gọi là hèn mọn cả.

Công việc đang suôn sẻ thì vợ tôi ngã bệnh nặng và phải vào bệnh viện liên tục hằng tuần. Lúc đó tôi chỉ còn biết xin nghỉ dài hạn family leave để ở nhà chăm sóc cho vợ. Giữ công việc cuả tôi được sáu tháng thì Zadro cho tôi nghỉ việc. Lần này tôi bị thất nghiệp lâu hơn, gần ba năm ! Tôi bị sốc thật sự.

Vừa bị khủng hoảng tinh thần sau cái chết của người vợ, vừa hết tiền EDD, tôi tưởng đã gục ngã vì không còn sức để chịu đựng. Nhưng vì tôi thuộc loại ngựa cứng đầu không chịu khuất phục đầu hàng trước hoàn cảnh nên đã ghi danh đi học lại Golden West College sau hơn ba mươi năm rời xa trường lớp, chữ nghĩa. Lúc đầu tôi cũng không hiểu mình học lại để làm gì nữa, nhưng tự nhủ hãy cứ học đi để khỏa lấp bớt khoảng thời gian trống trải. Và học để xin tiền Financial Aid, có thêm chút thu nhập.

Tôi hòa đồng khá nhanh vào cuộc sống sinh viên, mỗi ngày chạy từ giảng đường này sang giảng đường khác kiếm lớp, trưa cũng ghé cafeteria ăn vội miếng sandwich rồi chạy đi học tiếp.

Cũng nhờ các giáo sư tận tình chỉ dạy nên tôi đã học xong chương trình AA, và sau đó đã được thâu nhận vào làm việc ở Assessment Center của trường cho đến ngày về nghỉ hưu.

Đám bạn bè cùng tuổi thường hỏi tôi là về hưu rồi ở nhà làm gì ?

Những ngày đầu tiên nghỉ hưu, tôi chẳng biết làm gì cho hết giờ. Cứ đi ra rồi lại đi vào, đi vào rồi lại đi ra giống như hoàn cảnh Lục vân Tiên trong mấy câu thơ của cụ Nguyễn đình Chiểu đã được cải biên :

«Vân Tiên cõng mẹ chạy ra

Đụng phải cột nhà cõng mẹ chạy vô...»

Tôi cũng thấy nản lắm, vì đã quen giờ giấc đi làm rồi về nhà. Nay thời gian dư nhiều quá, làm cái gì đây ? Hút bụi, lau bàn ghế, đọc sách báo xong cũng vẫn thấy còn quá nhiều thì giờ dư thừa. Xem TV mãi cũng chán, và lại thêm nhức đầu, đau mắt nữa ! Tôi nghĩ ra chuyện nên làm vườn, trồng cây ăn trái, chăm sóc vài bụi rau, vài khóm ớt cho vui.

Thế là ngựa già chạy ra Home Depot mua vài bao đất, vài bao compost, vài dụng cụ làm vườn về bắt đầu «cày, xới, vun, bón» khu vườn nhỏ xíu, khu vườn mà

tôi thường hay hát để «ca tụng» nó «đi dăm phút đã về chốn cũ».

Kết quả của những ngày tháng cày, xới đó là khu vườn nhỏ phía sau và cái sân (cũng nhỏ xíu) phía trước nhà xanh dờn màu lá các loại cây cảnh, cây ăn trái và hoa. Và mới năm ngoái đây thôi, bụi chuối sau hè đã ra quầy, có trái và đã được ngựa già leo lên, hái xuống đãi cả nhà, cho con cái mỗi đưa hai nải như là một kết quả công việc tay chân của ngựa già bố !

Cách đây mấy năm, lúc mới nghỉ hưu, tôi cũng đã viết vài bài gửi đăng trên Việt Báo, và cũng đã nhận được giải đặc biệt, đã đến dự lễ phát giải và đã được gặp mặt những tác giả mà tôi đã được đọc các tác phẩm của họ khi còn đi học bên quê nhà. Lúc đó vừa học xong hai lớp tiếng Việt 180 và 182 của Giáo Sư BVP tại Golden West, được GS khen là viết khá lắm, nên tiếp tục viết để giữ làm kỷ niệm cho con cháu ! Không biết con cháu tôi có chịu đọc hay không, nên tôi viết gửi Việt Báo để độc giả đọc cho vui.

Và bây giờ tôi tiếp tục viết lại sau mấy năm «treo bút» vì quá lười.

Những lúc ngồi uống café với bạn bè, tôi vẫn thường hay than thở : «Không hiểu tại sao cùng tuổi Ngọ với tao, bạn bè có đứa làm quan đến chức Tổng Trường Tài Chánh, có đứa dạy Lý Luận Văn Học ở các Đại Học bên Tây, có đứa buôn bán đất đai, nhà cửa gì đó bên Việt Nam, tiền của tụi nó đốt mình cũng chết nữa, có đứa qua bên này từ 75, bây giờ là Bác Sĩ, Dược Sĩ, là Giáo Sư Đại Học. Còn tao thì «tột đỉnh danh vọng» là thầy giáo, rồi đường biểu đồ cuộc đời cứ tiếp tục đi xuống đến tận cùng làm cu li trên xứ người, rồi lại ngoi lên được chút xíu làm thư ký, hết lận đận này đến lận đận khác, hết sự xui rủi này đến sự xui rủi khác đeo đuổi. Tử Vi của tao chỉ thấy tốt được có Cung Thiên Di ! Vì vậy mới qua được đến xứ Mỹ nầy.

Một cô bạn khá thân thời Trung Học trả lời : «Cũng may là anh có chữ Nhâm đỡ cho đấy, không thôi anh còn xệ hơn thế nữa !» Chị còn đưa ra thuyết này của Tử Vi : «Nhâm thân chi Vương» anh không biết sao ? Anh nên cám ơn Ba Mẹ anh đã sinh anh đúng vào năm Nhâm Ngọ đấy ! Ở đó mà còn than với thở !»

À thì ra vì tôi tuổi con Ngựa nên phải lận đận như thế này đây. Và vì «Nhâm thân chi Vương», Nhâm Ngọ trước sau gì cũng làm Vua (chắc là vua cỏ, là... vỏ cua!) nên Ngựa quý là ngựa phải chạy đường xa, phải là loại Thiên Lý Mã mới ngon ! Cứ chạy đến đích đi đã rồi mới biết hay, dỡ !

Thôi thì cứ tạm cho là như thế để sống vui, sống khỏe, để khỏi còn lo nghĩ. Miễn sao cái Tâm của mình nhàn và vui là được.

Bây giờ tôi mới thấy câu chúc «Thân Tâm thường An Lạc» là rất đúng.

Và để thay cho lời kết, Ngựa già này xin kính chúc quý vị độc giả Việt Báo một Năm Giáp Ngọ Thân Tâm Thường An Lạc.

Những ngày cận Tết

Phạm Ngọc

## Đi Lễ Giao Thừa

Nguyễn Công Khanh

Ngày cuối năm Tỵ, đón giao thừa Tác giả định cư tại vùng Seattle, tiểu bang Washington từ năm 1975, đã hồi hưu hơn mười năm qua. Ông đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2013 với bài viết đầu tiên và cũng là bài duy nhất trong năm, kể về một gia đình có ba tôn giáo lớn của thế giới kết hợp : Một con dâu Thiên Chúa Giáo, một rể đạo Phật, một rể đạo Muslim, nhưng tất cả thuận hoà và đạo ai nấy giữ, các gia đình liên hệ đều tôn trọng tín ngưỡng của nhau. Bài thứ hai, ông viết về phở. Bài thứ ba, về cà phê. Và bài mới là chuyện Đêm Giao Thừa

Đã gần bốn mươi năm ở Seattle và dù không phải là Phật tử thuần thành, nhưng lễ Giao Thừa nào gia đình tôi cũng có mặt tại chùa Việt Nam, ngôi chùa đầu tiên của thành phố.

Chiều cuối năm chúng tôi dọn dẹp nhà cửa đón Tết, bày bàn thờ, sắp mâm cơm cúng, thắp hương mời tổ tiên về cùng ăn Tết với con cháu. Vợ chồng chúng tôi theo ảnh hưởng của các cụ xưa, nên không quên cúng cả vàng bạc tiền giấy, mặc dầu không biết các cụ ở bên kia thế giới có dùng được hay không. Dần dần thành

thông lệ, các con tôi khi còn nhỏ rất thích thú được tham gia việc đốt vàng như một trò chơi. Dù nay đã trưởng thành, làm việc trong các ngành khoa học, giáo dục, ngoại giao mà khi đi tảo mộ, các con tôi cũng đốt vàng mã tiền giấy, chắc là để làm yên lòng chúng tôi.

Cúng Tất Niên xong, cả gia đình quần áo tươm tất lên xe đến chùa. Trong xe yên lặng, tôi mở nhạc để nghe lại những bài mừng Xuân quen thuộc. Lời ca mơ hồ như từ thuở nào vọng lại, nghe thấy rưng rưng lãng mạn như thời còn đang tuổi thanh xuân :

Đón Xuân này tôi nhớ Xuân xưa
Hẹn gặp nhau khi pháo Giao Thừa
Em đứng chờ tôi trước song thưa
Tôi đi qua đầu ngõ,
Hỏi nhau thầm Xuân đã về chưa...

Trời khuya, đường vắng nhưng chúng tôi luôn vội vã cố đến trước nửa đêm để kịp giờ đốt pháo. Có năm trời mưa lạnh, có năm tuyết bay phất phới như lông ngỗng trước kính xe. Lại có năm đến trễ không tìm được chỗ đậu, phải ngồi trong xe, nghe tiếng pháo vọng lại, ngửi mùi pháo thơm lừng trong làn sương lạnh đầu Xuân, và cảm được thấy cái thiêng liêng của trời đất đang chuyển mình.

Năm nay, từ ngoài đường qua cổng tam quan vào trong sân chùa, người đông nghẹt. Những tràng dây pháo giăng qua lại trên đầu như một màng lưới. Chúng tôi tìm chỗ đứng trên thềm chùa. Mọi người hồi hộp chờ đợi. Chợt một tiếng pháo nổ vang, tiếp theo là những tràng nổ tiếp rộn rã như reo vui, như mừng rỡ. Các con tôi vừa tìm chỗ tránh khói pháo mù mịt vừa đếm... năm phút... mười phút... mười lăm phút... pháo năm nay dài quá. Tiếng pháo đùng kết thúc hồi pháo, mọi người vỗ tay rầm rộ, quay sang bắt tay và chúc nhau những lời tốt đẹp nhất cho năm mới. Tôi nhìn quanh, những người tị nạn đến đây trong đợt đầu năm 1975 và đợt thuyền nhân chỉ còn rất ít. Sự hiện diện của họ ngoài cộng đồng đã vắng dần. Họ đã quá già để đi ra ngoài hay họ đã rời về những miền nắng ấm ? Hay họ đã không còn nữa ? Dần dần họ sẽ trở thành «những người muôn năm cũ...».

Chúng tôi lên chính điện, chen chân đứng lễ Phật. Các bàn thờ đều rực rỡ hương hoa. Tượng đức Phật ngồi trên cao trong ánh vàng lung linh như đang mỉm cười nhìn xuống đám người đi lễ với ánh mắt từ bi độ lượng. Vị sư trụ trì ở chùa từ bao nhiêu năm qua, nay cũng đã luống tuổi và yếu đi nhiều. Chúng tôi vái chào chúc thọ, hòa thượng đáp lễ thăm hỏi sức khỏe và trao lộc Phật, thường là một quả cam. Sang bàn thờ vong, chúng tôi lễ cha mẹ ông bà. Hai bức tường ngày càng

kín hình những người đã khuất, những người đã mất ở đây, những người đã qua đời ở Việt Nam, và cả những vị tướng đã tuẫn tiết trong trận chiến tranh vừa qua.

Chúng tôi xuống phòng khách của chùa, mua vài món ăn chay, lịch năm mới và cho các con mỗi cô một bông hoa mang về nhà như nhánh lộc đầu năm.

Bước ra sân, đi trên xác pháo đỏ ngập đầy, tôi xuống Am Vô Thường. Bên hồ sen cạn nước, trên tòa cao tượng Phật Bà uy nghi hiền từ nhìn xuống chúng sinh. Tôi vào thăm nơi thờ cha tôi. Cụ đã gửi tro tại đây hơn mười năm trước. Bỏ giày ngoài cửa, tôi bước vào am, nơi có trăm ngăn gắn hình ảnh và tên tuổi những người đã khuất. Tôi đặt tay lên hộp tro của cha tôi một hồi lâu và nâng chiếc bình nhỏ trong đó đựng một nắm đất nơi mẹ tôi nằm xuống khi tôi mới có sáu tuổi mà lần về thăm Việt Nam mười năm trước tôi đã lấy mang về Mỹ. Tôi đóng lại ngăn cửa và bước ra ngoài. Vợ và các con tôi đang thắp hương thầm thì những lời khấn nguyện đầu năm với Phật Bà.

Trên đường về, đã quá nửa đêm, xa lộ thênh thang như hứa hẹn cả một mùa Xuân trước mặt. Sau khi mở cửa bước vào nhà để xông đất, chúng tôi ra trước bàn thờ lễ tổ tiên. Chờ xong một tuần hương, chúng tôi hạ mấy món cúng và cùng nhau nâng ly rượu Cointreau,

chúc cho gia đình những sự tốt lành, và để nhớ đến những năm cha tôi còn sống, tôi và người đều nâng ly rượu chúc mừng đầu năm.

Mấy ngày cuối năm vừa qua, khi cúng gia tiên, tôi chợt nhận ra cha mẹ tôi an nghỉ ở đây, hình ảnh những người thân đã khuất từ lâu cũng hiện diện trên bàn thờ tổ từ nhiều năm qua. Khi tôi ra cúng thần linh thổ địa bên ngoài, thì lại nghĩ ra thần linh và thổ địa mình đang cúng là Mỹ chứ đâu phải Việt Nam. Ngay như tuần trước cúng tiễn ông Công ông Táo về trời thì cũng là ông Công ông Táo của bếp Mỹ.

Tôi bỗng nhớ đến một cuốn truyện bằng Anh ngữ vừa đọc vẫn còn luẩn quẩn trong đầu óc tôi từ mấy tuần nay. Cuốn truyện đã giới thiệu bằng bài phỏng vấn trong một tạp chí văn chương Mỹ. Tác giả là một thiếu nữ Việt Nam. Cũng như những truyện viết bằng Anh ngữ khác của thế hệ trẻ đã trưởng thành tại Mỹ, họ thường nhắc lại các kỷ niệm êm đềm ở quê hương cũ, đến cảnh trốn thoát đi tìm tự do và những dị biệt trong khi hội nhập với đời sống tại Mỹ. Cô tác giả đã về lại Việt Nam, thăm nơi cô sinh ra và thăm lại ngôi trường cũ mà cô đã học ở đó mấy năm đầu của bậc tiểu học. Những năm đó được cô coi là những hình ảnh đẹp nhất về Việt Nam. Nhưng ngôi trường thời thơ ấu của cô không còn như trước mà

nay nhem nhuốc, không được tu bổ. Không hiểu còn những điều gì nữa làm cô thất vọng mà khi trả lời cuộc phỏng vấn, cô nói cô sẽ không bao giờ còn muốn trở lại Việt Nam và cô khẳng định «I belong here». Điều này cũng dễ hiểu, có hàng trăm lý do khiến người ta trở lại với Việt Nam, và cũng có hàng trăm điều khác khiến người ta không muốn trở về.

Cá nhân tôi và nhiều người đã hai lần thoát nạn Cộng Sản, lần đầu từ Bắc vào Nam, lần sau từ Việt Nam qua Mỹ, lần nào tôi cũng tìm được một cuộc đời tốt đẹp và tự do hơn. Bây giờ nhìn lại quê hương mình đã rời bỏ, ngày càng thấy xa. Mỗi lần về thăm quê, tìm quanh nhà cũ không còn, người xưa đã mất, ngôn từ cũng thay đổi. Tôi cảm thấy mình như Từ Thức trở về, không còn ai biết mình, nhớ ra mình là ai, đôi khi lại còn bị đối xử một cách bất thường. Những lưu luyến với quê hương càng ngày càng như những rễ cây khô cố bám víu vào nền đất phù sa hai bên bờ sông, chưa biết ngày nào bị nước cuốn trôi đi.

Nhạc mẫu tôi thường nói «Con đâu cha mẹ đó». Ba thế hệ chúng tôi đã sinh sống nhiều năm ở phần đất này, phần tâm linh thì cha mẹ ông bà chúng tôi đã khuất cũng đang gần gũi với con cháu nơi đây. Như cô tác giả trẻ tuổi kia, hiển nhiên chúng tôi đã «Belong here».

Nghĩ thì nghĩ vậy mà trong lòng vẫn cảm thấy một cái gì ràng buộc không dễ ngoảnh mặt quên đi.

Hi vọng là con Rồng Việt Nam sẽ chuyển mình để đứng vào vị trí xứng đáng trên thế giới và để mọi người dân trong nước được quyền sống với tự do, công bằng và nhân phẩm.

Nguyễn Công Khanh

# Có Những Mùa Xuân

Minh Nghĩa

Chúc Mừng Năm Mới, mùng Một Tết Giáp Ngọ, Viết Về Nước Mỹ năm thứ 15 trân trọng mời đọc bài viết cảm động về hoa mai và mùa xuân từ một gia đình H. O. Tác giả sinh năm 1956. Qua Mỹ tháng 10 năm 1994 cùng với gia đình theo diện HO. ; Hiện sống tại thành phố Tacoma, làm việc cho một công ty thuộc ngành lâm nghiệp, đồng thời cũng là một cô giáo thiện nguyện dạy Việt ngữ ở địa phương. Tham dự Viết về nước Mỹ từ đầu 2013, Minh Nghĩa đã góp 6 bài viết, cho thấy một tấm lòng đôn hậu. Bài mới nhất, bài thứ bảy, chuyện về cành mai của một gia đình H. O. được dành cho ngày Nguyên Đán Tết Giáp Ngọ 2014.

Những ngày Tết xưa ba chở tôi đến vườn mai ở Thủ Đức, ngắm thật lâu đi tới đi lui ba lần bảy lượt mới chọn được một cành mai ưng ý. Hí hửng hai cha con chở nhau về. Ngồi phía sau, một tay tôi níu lấy yên xe còn một tay thì ôm chặt cành mai. Mỏi tay quá tôi phải để tựa vào đùi của mình để giữ cho nhành mai không bị rớt xuống đất.

Về đến nhà cánh tay tê cứng nhưng mà vui. Ba vừa dắt xe vào sân thì tôi cũng vội vàng khiêng cành mai xuống nhà bếp. Ba thui gốc mai để giữ nhựa và để vi khuẩn không làm thối cành mai. Sau khi cho một viên Aspirin vào hòa với nước trong cái bình lớn làm bằng đất nung có vẽ hình mai lan cúc trúc màu xanh, ba cắm cành mai vào bình. Ba xoay đi xoay lại ngắm nghía để chọn phía nào đó mà ba có thể bày được vẻ đẹp của cành mai.

Có năm đã gần đến Tết rồi mà thiệp xuân ba nhận vẫn chưa đủ. Nhắm mắt lại tôi cũng có thể đoán được là ba sẽ nhận được bao nhiêu tấm thiệp xuân vì hằng năm tôi là đứa giúp ba viết thiệp gởi đi cho bà con và bạn bè của ba. Còn nhỏ nhưng tôi cũng biết suy luận, tôi tính nhẩm trong đầu cứ gởi một tấm thiệp đi thì ba tôi sẽ nhận lại một tấm thiệp. Tôi ngóng người phát thư rồi chạy ào ra cửa nhận những cánh thiệp xuân từ khắp nơi gởi đến cho ba. Tôi nôn nao chờ ba về để được mở những tấm thiệp, treo lên nhành mai mà ba đã chuẩn bị từ những ngày cuối tháng Chạp.

Còn hai ba ngày nữa là đến Tết, ba trông đợi những nụ hoa đầu tiên hé nở. Thấy mai nở chậm, ba nấu một nồi nước ấm để thay bình nước cũ thúc cho mai mau nở kịp đón nàng xuân. Đi tới đi lui, ba tủm tỉm cười ngắm

những cánh hoa màu vàng ươm khoe sắc trên cành. Khi gia đình tôi dọn lên Sài Gòn, mỗi năm gần Tết ba vẫn chở tôi xuống vườn mai Thủ Đức để mua chứ không mua hoa mai bày bán ngoài chợ.

Vận nước đổi thay, những mùa xuân hạnh phúc của tôi ra đi để lại nhiều nuối tiếc khôn cùng. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, cũng như bao sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa, ba bị đưa đến những nơi hoang vu chướng khí ròng rã bao năm trời. Những ngày Tết vắng ba, mùa xuân lặng lẽ đến với mấy mạ con tôi. Chật vật với cuộc sống khiến mạ không còn thiết tha gì tới ba ngày Tết. Căn nhà bám đầy khói củi đước đã bao mùa xuân rồi vẫn chưa được quét một lớp vôi mới, bốn bức tường phủ một màu xám buồn !

Ra trường tôi đi làm cho một công ty cây kiểng ở Sài Gòn. Vào những ngày cuối tháng Chạp tôi cùng với Thu Thủy, một cô bạn thân làm chung với tôi, đi đến các nhà vườn ở Thủ Đức mua mai và cây kiểng về bày bán ở chợ hoa Nguyễn Huệ. Nhìn những cụm mai vàng đang hé nở trong những ngày cuối năm, lòng bồi hồi tôi nhớ ba tôi, nhớ những ngày Tết xưa ba chở tôi trên chiếc xe Mobylette đi đến những khu vườn trồng mai.

Thời gian lặng lẽ trôi, sau nhiều năm đi tù ở trại tập trung Cao Bằng - Lạng Sơn ba tôi được trở về nhà. Lúc ấy gia đình tôi mòn mỏi đợi chờ và không biết bao lần chúng tôi đã hy vọng ba sẽ được trả tự do, được về sống với vợ con như những lá thư ba đã viết và gởi về cho mạ con tôi. Khi chúng tôi tưởng chừng như tuyệt vọng vì chờ mong thì ba lại được tha về. Khuya đó, khuya 29 Tết, cả nhà đã đi ngủ bỗng có tiếng đập mạnh vào khung cửa rào và có tiếng người la to :

- Bà Nhơn ơi ! Bà Nhơn...

Mấy con chó đang ngủ nghe tiếng động sủa vang làm cả nhà giật mình hoảng sợ. Tôi nhảy vội xuống giường, vén tấm màn cửa nhìn ra ngoài hiên. Dưới ánh đèn đường hiu hắt chiếu xuyên qua cành mận có hai bóng người đang đứng trước cửa rào. Khi chị em tôi mở cửa bước ra sân thì tiếng người hàng xóm như reo lên :

- Bà ơi, ông về rồi nè !

Vừa nói chú ấy vừa đẩy một người sát tới cửa rào. Tay nắm cánh cửa, người này cất tiếng gọi tôi :

- Hà ơi, ba về rồi nè !

Trời ơi ! Giọng nói của ba tôi ! Tôi la lên :

- Mạ ơi ! Ba về rồi !

Bàng hoàng như đang nằm mơ, mạ cuống quýt hối em tôi chạy vào nhà lấy chìa khóa mở cửa rào. Ba bước vào sân cùng với chú hàng xóm. Niềm vui đột ngột làm mọi người sững sờ chết lặng nhìn nhau. Rồi niềm vui vỡ ra hòa với nước mắt, cha con vợ chồng ôm chầm lấy nhau.

Ba trông ốm yếu xanh xao trong bộ quần áo sờn cũ màu rêu đậm, đầu đội cái nón vải, tay xách một cái giỏ đệm nhỏ làm bằng lác. Nhìn ba tiều tụy, tôi không cầm được nước mắt. Khi tôi càng cố kìm giữ thì nước mắt không biết từ đâu lại cứ tuôn ra. Thấy mấy chị em tôi khóc thút thít, ba nén xúc động nói :

- Ba về rồi, sao không mừng mà khóc vậy ?

Khuya đó cả nhà tôi thức cho tới sáng để nghe ba kể chuyện. Chú hàng xóm chạy vào xóm trong, báo cho người quen biết tin ba tôi được tha về nên hàng xóm kéo tới nhà tôi để thăm ba. Họ muốn chung vui với gia đình tôi và họ cũng muốn đến để xem ba tôi như thế nào, sau một thời gian đi tù ở biên giới miền Bắc.

Ba kể lại ba chỉ được cho biết là mình được tha về trước đó vài giờ để thu xếp hành lý. Nói là hành lý chứ thật ra chỉ có hai bộ quần áo cũ, một ống điếu thuốc lào cùng với xấp thư mà tôi và mạ đã gởi cho ba lúc ba đang ở trong trại tập trung. Họ cho ba hai chục đồng để thuê xe về nhà và một ít lương khô ăn dọc đường. Họ chở ba ra trạm xe lửa, mua vé cho ba về Bình Triệu. Đến đó, ba mới dùng tiền của họ cho để thuê xe ôm về nhà.

Tới đầu ngõ khu gia binh Đào Bá Phước, tên của vị chỉ huy binh chủng Biệt Động Quân đã hy sinh trong trận chiến Tết Mậu Thân năm 1968 tại Chợ Lớn, nơi gia đình tôi đang ở, ba xuống xe đi bộ vào. Trời tối, tâm trạng nôn nao cộng thêm cây trứng cá to ở trong sân nhà đã bị đốn bỏ nên ba không nhớ ra được căn nhà của mình ngày nào. Ba đi thẳng lên xóm trên. May nhờ chú lính cùng đơn vị của ba tôi ngày trước đạp xích lô trên đường về nhà, gặp ba đang đứng tần ngần trong đêm tối. Chú ấy đã nhận ra người sếp cũ của mình và dắt ba tôi về lại căn nhà của ba.

Tết năm đó là một cái Tết hạnh phúc nhất của gia đình tôi. Có ba, ngôi nhà của chúng tôi trở nên ấm áp hơn bao giờ hết và mạ con tôi không còn có cái cảm giác bơ vơ lo lắng như đã trải qua trong thời gian vắng ba. Những cái Tết có ba tôi không khí gia đình trở nên

ấm cúng hơn dù chúng tôi không có những nhành mai, không có những phong pháo để đốt trong đêm Giao Thừa nhưng rõ ràng là mùa xuân đã hiện hữu trong lòng chúng tôi.

Vào những năm sau đó chú Vĩnh Bồng, một người hàng xóm, có em là Việt kiều ở Canada về thăm nhà ăn Tết. Ông mua cho chú Bồng một chậu hoa mai thật to, thật đẹp với những bông hoa mai có nhiều cánh. Chiều chiều tôi cố ý đi ngang qua nhà chú ấy để ngắm nhìn chậu mai. Tối Mùng Một ba đi chúc Tết, về nhà cứ trầm trồ khen nức khen nở chậu mai giảo Thủ Đức, mà mỗi bông hoa có tới mười hay mười hai cánh của nhà chú Bồng.

Lúc đó đồng lương ba đồng ba cọc của tôi không đủ cho tôi ăn sáng đi làm nhưng mà tôi cũng mơ ước, ước gì tôi có nhiều tiền để mua cho ba một chậu mai vàng. Nhưng vào thời ấy những chậu mai đẹp, những nhành mai xinh là một cái gì đó thật xa xỉ đối với cuộc sống của chúng tôi nên ba không dám nghĩ đến. Ba chỉ muốn tôi mua cho ba một cặp cúc hoặc cặp thược dược với giá rẻ, được bán đổ bán tháo trưa Ba Mươi Tết để những người bán hàng hoa dọn hàng về nhà chuẩn bị cúng ông bà. Chỉ ngần ấy thôi cũng đã mang lại cho chúng tôi một không khí Tết trong đoàn tụ và hạnh phúc.

Mười hai năm sau gia đình tôi được đi Mỹ. Mạ con dắt dìu nhau đi mang hũ tro cốt của ba theo cùng. Đến đây vào những ngày đông lạnh lẽo vậy mà khi xuân đến vạn vật như trỗi mình thức dậy sau một giấc ngủ dài. Cây cối trơ cành bỗng đâm chồi nẩy lộc, hoa cỏ đua nhau nở. Khi nhìn hoa nở khắp nơi, một chú HO hàng xóm nói :

- Thiệt là cái xứ «Hoa Kỳ», đi đâu cũng thấy toàn là hoa với hoa.

Mùa xuân đầu tiên trên quê hương thứ hai đã để lại trong tim tôi một cảm xúc đặc biệt vì đó là lần tôi được đi dự lễ Tết của Cộng Đồng Việt Nam ở Tacoma. Bước vào hội trường tôi thật xúc động khi nhìn thấy lại lá cờ vàng ba sọc đỏ sau gần 20 năm, kể từ ngày đất nước bị thay đổi, người Việt bỏ nước ra đi. Từ những ngày chập chững đến trường cho đến khi tốt nghiệp trung học, bao nhiêu là ngày, bao nhiêu là tháng, bao nhiêu là năm cứ mỗi sáng thứ Hai và mỗi chiều thứ Sáu tôi đứng nghiêm trước kỳ đài hát vang bài quốc ca cùng thầy cô và bạn bè. Hình ảnh lá cờ vàng và âm điệu của bản quốc ca đã in sâu vào trong tim tôi, đã tạo một dấu ấn không bao giờ phai trong lòng tôi.

Đầu buổi lễ là nghi thức chào cờ và hát quốc ca. Khi nhịp điệu quen thuộc trỗi lên, từ trong tiềm thức môi

tôi bật lên tiếng hát «Này công dân ơi, đứng lên đáp lời sông núi. Đồng lòng cùng đi hy sinh tiếc gì thân sống.....» Lời ca quen thuộc cất lên một cách thật tự nhiên nhưng sao lòng tôi nghe rưng rưng và tim tôi thắt lại. Tôi cố giữ nhịp thở để hát nhưng sao giọng của tôi cứ run run và đôi lần như bị lạc đi bởi nước mắt. Thật lòng tôi không biết làm sao để có thể diễn tả hết cảm xúc của mình khi nhìn thấy lại lá cờ vàng và được hát lại bài Quốc Ca Việt Nam từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Những mùa xuân kế tiếp, vào những ngày Tết các em tôi và nhóm bạn Vovinam ở đây đã múa lân và biểu diễn võ thuật cho Cộng Đồng Việt Nam và cho trường học của các em. Không biết múa lân, chẳng biết biểu diễn võ thuật nhưng lúc nào tôi cũng xăng xái đi theo hỗ trợ tinh thần, khi thì xách nước uống, khi thì ngồi giữ áo quần đồ đạc cho các em... Theo đoàn múa lân của các em võ sinh Vovinam để được nghe tiếng pháo vang rền, để được hít vào lồng ngực mùi thơm của pháo đã cho tôi có được những ngày Tết thật đậm đà ý nghĩa ở nơi này. Nhìn các bác, các chú, các anh tham gia hội Tết, lòng tôi se buồn khi nhớ đến ba tôi. Nếu ba còn sống, chắc chắc những ngày này không thể nào thiếu mặt ba tôi.

Sau nhiều năm sống trong khu housing Shalisan, đi học rồi đi làm chị em tôi dành dụm tiền mua chung một căn nhà nhỏ để mạ con ở với nhau. Cái Tết đầu tiên trong ngôi nhà mới, tôi có một cành đào thật được kết chung với những cánh hoa mai bằng vải. Đó là món quà tặng của một gia đình quen thân với tôi khi chúng tôi là hàng xóm của nhau. Từ lúc chính phủ giải tỏa các dãy nhà trong khu «housing» cũ để xây lại khu nhà mới, đẹp và tiện nghi hơn thì chị em tôi cũng từ giã khu «housing» này. Khi các dãy nhà mới hoàn tất, gia đình bác ấy được dọn vào một căn nhà sạch sẽ khang trang. Những ngày gần Tết đến thăm nhà mới của bác, tôi thật là thích khi nhìn những cành đào đang hé những nụ hoa nhỏ màu hồng phơn phớt lẫn với những cánh mai vàng. Bác khoe với tôi là bác đi nhặt những cành đào quanh nhà mà các nhân viên «housing» đã tỉa thưa để tránh gãy đổ trong mùa mưa bão. Dù trời lạnh bác vẫn cố đem các cành cây về nhà, cắm vào thùng nước rồi cùng với cô con gái gắn thêm mấy cánh hoa mai vàng cho có vẻ Tết. Thấy tôi tấm tắc khen, bác cho tôi được chọn một cành mang về chưng trong mấy ngày xuân

Sau nhiều lần cầu nguyện, cám ơn đời đã cho tôi có thêm một cái Tết thật đặc biệt. Hai năm trước, chiều 30 Tết cả nhà tôi tất bật ra phi trường đón gia đình chị tôi từ Việt Nam qua. Khi được tin gia đình anh chị xong

phần phỏng vấn, chúng tôi hối thúc anh chị sắp xếp đi cho lẹ chừng nào tốt chừng ấy. Lấy chuyến bay rời Việt Nam chiều 30 Tết, anh chị để lại đứa con trai lớn ở lại quê nhà. Nôn nóng muốn gia đình anh chị qua sớm nhưng lòng tôi se thắt lại khi nghĩ đến đứa cháu thui thủi một mình trong ngày cuối năm. Tết là dịp đoàn tụ gia đình vậy mà cháu tôi lại cô đơn một mình ! Lòng tôi sao cứ không yên dù có một chút nào đó vui mừng khi mình đã bảo lãnh được gia đình anh chị sang đây. Hai mươi năm trước khi chúng tôi rời bỏ quê hương ra đi, chị tôi và gia đình nhỏ của chị ở lại Việt Nam. Đôi mắt đỏ hoe, chị bế cô con gái út chưa đầy một năm tuổi đứng trước sân, không dám vào nhà gặp mạ và các em vì sợ cảnh chia ly. Khi xe từ từ lăn bánh tôi cố quay đầu nhìn lại căn nhà của mình, bất chợt ánh mắt tôi chạm phải đôi mắt ướt đẫm của chị. Hình ảnh chị bế con đứng nhìn theo đã làm lòng tôi chùng lại, trăn trở không biết bao nhiêu năm trời !

Năm nay dưới mái nhà này, gia đình chị ăn thêm một cái Tết với chúng tôi để rồi cả nhà sẽ dọn ra ở riêng. Anh chị thuê một căn nhà hai phòng ở khu chung cư gần nhà tôi để tiện việc thăm viếng mạ. Tưởng tượng lúc gia đình chị rời khỏi ngôi nhà của mình, lòng tôi nao nao buồn. Tấm lòng thì rộng mở nhưng căn nhà của mạ con tôi lại bé nhỏ chật chội, anh chị cần một không gian

riêng tư để nghỉ ngơi sau những giờ làm việc vất vả và hai cháu gái của tôi cũng cần một góc nhỏ yên tĩnh để học hành. Cuối tuần đi lễ, tôi quỳ trước Mẹ Maria cầu xin cho gia đình chị được bình an sức khỏe, công việc được ổn định để một ngày nào đó anh chị lãnh đứa con trai còn sót lại ở quê nhà sang cùng với anh chị. Lúc đó hai chữ «đoàn tụ» mới thực sự đúng nghĩa với gia đình tôi. Nhớ ngày nào cả nhà chị qua đây gặp cơn bão tuyết, cái Tết đầu tiên ở nước Mỹ tuy ấm lòng vì tình cảm của mạ của em nhưng chị vẫn co ro vì lạnh và nước mắt vẫn chảy dài trên má vì nhớ con.

Năm nay dường như mùa xuân đến sớm, ngoài kia vẫn còn một màu xám nhạt và hơi lành lạnh nhưng cây đào trong sân nhà tôi búp non đang đâm chồi. Trời đất đang chuyển mình, cây cỏ dường như cũng đang đón chờ xuân đến và chính tôi cũng đang chuẩn bị đón xuân. Từ đó tôi nghiệm ra một điều, dẫu có bận rộn hay buồn phiền đến đâu chăng nữa nhưng khi xuân đến người ta vẫn hoan hỉ đón mừng. Dù cho lòng mình có vui hay buồn thì xuân vẫn cứ đến theo quy luật tự nhiên của vũ trụ, một năm vẫn có đủ bốn mùa xuân hạ thu đông.

Riêng phần tôi, nhìn lại những mùa xuân đi qua trong đời mình, tôi đã may mắn có được những mùa xuân hạnh phúc thuở còn thơ. Tôi cũng đã trải qua những mùa xuân nhọc nhằn khi khôn lớn, và cũng đang có những mùa xuân tươi mới trên đất nước này, mặc dầu hiện tại vẫn còn đầy ắp nhiều nỗi lo toan.

Minh Nghĩa

## Câu Chuyện Đêm Giao Thừa

Nguyễn-Đặng Bắc Ninh

Tác giả định cư tại Seattle từ 1975, đã hồi hưu sau khi phục vụ trong ngành xã hội tiểu bang nhiều năm. Hai bài Viết Về Nước Mỹ đầu tiên của Nguyễn Đặng Bắc Ninh là «Nàng Dâu Mỹ» và «Cô Khách Sở Welfare» cho thấy cách viết chừng mực mà sống động. Sau đây là bài viêt thứ ba của tác giả là một truyện ngắn về phân ly và đoàn tụ, được ghi lấy ý từ một truyện ngắn của Rev. Howard C. Schade.

Đã gần đến Tết. Trời vẫn rét căm căm nhưng có lẽ mùa đông năm nay Seattle không có tuyết. Nhiều năm giờ này băng giá đã phủ kín các cành cây khẳng khiu trụi lá. Toàn cảnh như một cánh rừng bằng pha lê lóng lánh, trông đẹp như trong cảnh thần tiên, nhưng bước ra ngoài trên mặt đất giá băng lại rất nguy hiểm. Trượt té gãy xương là chuyện thường.

Trên tam cấp chùa Việt Quang Thượng Tọa Thích Minh Chung co ro trong tấm áo tràng, run rẩy bước từng bước chậm chạp lên chính điện. Mấy năm gần đây sư cụ thấy mình yếu đi nhiều mà việc nhà chùa luôn bận rộn, nhất là vào những ngày cuối năm. Ngôi chùa lâu năm này cũng ọp ẹp giống như cái tuổi già của sư cụ.

Đắp vá chỗ này thì lại dột nát chỗ kia. Sau cơn giông bão cuối tuần vừa qua, bức vách cạnh bàn thờ Tổ vôi vữa đã lở, để lộ một lỗ hổng bằng bàn tay. Sư cụ đã sai chú tiểu Minh Thông lấy giấy dầu dán đỡ lên tường che bớt hơi gió nhưng trông vẫn thật khó coi.

Từ hôm đó tới nay sư cụ rất bận tâm về bức vách này. Mặc dù ngôi chùa từ trong tới ngoài đã được dọn dẹp đâu vào đấy, các bàn thờ hương nến đã bày biện sẵn sàng, lư đồng chân hương chú Minh Thông đã lau chùi sáng bóng; nhưng ai bước lên tới chánh điện cũng thấy ngay chỗ vỡ trên tường.

Chợt chú tiểu Minh Thông đi đâu về hấp tấp lên cầu thang, mặt mũi hớn hở. Chú giơ lên một túi giấy lớn, lấy ra một bức tranh, to như một tấm chăn, trên thêu một cành mai vàng rực rỡ. Chú khoe trên đường từ chợ về, chú thấy có tấm bảng garage sale của hội Ái Hữu Phi Luật Tân. Họ đang bán đấu giá các món lặt vặt để gây quỹ cho trẻ mồ côi. Chú tạt vào và bức tranh bắt mắt chú ngay. Đám người tứ xứ tham dự không có nhiều và xem ra họ rất hờ hững với bức tranh có mỹ thuật Á Đông này. Chú mua được bức tranh với giá hai mươi đồng vì không ai trả giá cao hơn.

Thượng Tọa trầm ngâm ngắm bức tranh. Trên nền vải dày và mịn, có hoa văn mờ mờ như một loại gấm quý, những đóa hoa mai được thêu thật tinh xảo nổi bật trên nền gấm màu ngà trông như một rừng mai vàng nở rộ chào đón Xuân về.

Người nghĩ ngợi giây lát rồi bảo chú Minh Thông bắc thang treo lên tường để che chỗ vỡ, vừa như một trang trí đẹp mắt. Chú tiểu thích chí cười tủm tỉm, trong lòng hân hoan vì ý Thầy giống như chú đã nghĩ mà chưa dám đề nghị.

Thấm thoắt chỉ còn hai ngày nữa là đến Giao Thừa. Năm cũ sắp qua, ai nấy đều nôn nóng sửa soạn đón mừng năm mới. Các Phật tử rộn ràng đến làm công quả. Người sửa soạn rau cỏ, người lo đậu gạo nấu bánh chưng chay, người quét dọn sân vườn, tìm chỗ thích hợp treo pháo mừng Xuân. Ai cũng khen bức tranh gấm thật đẹp và vẻ vương giả của cành mai tạo cho khung cảnh Tết trên chính điện thêm phần rực rỡ trang trọng.

Mọi việc đã tạm xong. Trời tối mịt, tiếng mưa rơi rả rích trên mái chùa. Sư cụ và chú tiểu đang dọn dẹp trong hậu liêu thì có tiếng người gõ cửa. Ai đến lễ giờ này ? Chú Minh Thông vừa hé cửa chỉ kịp đỡ lấy một thân hình mảnh dẻ lao đao suýt ngã. Nhìn ra là một người đàn bà trung niên khó đoán tuổi, mặt mũi xanh

xao ướt nước mưa. Chú đưa bà vào phòng tiếp khách ngồi cho đỡ lạnh.

Sư cụ ái ngại bảo Minh Thông lấy khăn khô cho bà ta lau tóc, lấy nước trà nóng ra mời. Sư cụ nhìn bà khách gầy ốm nhưng y phục nhã nhặn. Bà ta có vẻ hiền hậu, nét mặt thanh tú.

Bà cho biết bà ở chung với gia đình người bạn gần khu chợ Tàu từ mấy năm qua, nhưng đã bị mất việc từ lâu.

Trưa nay, bà được đến phỏng vấn làm nhân viên cho siêu thị Safeway gần chùa mà họ hẹn sẽ liên lạc với bà sau.

Chờ mãi không thấy chuyến xe bus, trời chiều mau tối lại lất phất mưa. Người run lên vì ướt lạnh, bà cố gắng lội bộ tới chùa và xin sư cụ cho tạm trú chân, sáng sớm mai bà sẽ đón chuyến xe bus đầu tiên về lại nhà người bạn.

Đang kể lể đôi mắt bà bỗng sáng lên, đứng bật dậy đến bên bức tranh thêu trên tường cạnh bàn thờ, đôi tay mảnh mai run rẩy vuốt nhẹ lên mặt gấm.

Sư cụ và chú tiểu ngạc nhiên nhìn nhau. Người thiếu phụ lẩm bẩm như người trong cơn mộng du : «Tranh này của tôi, tranh của tôi. Hoàng Mai, Hoàng Mai... tranh này của tôi đây mà !»

Chú Minh Thông vội vã giải thích : Bức tranh thêu này của nhà chùa vừa mua để trang trí chính điện đấy mà, sao bà lại nói vậy ?

Bà nghẹn ngào như muốn khóc : «Không, bức tranh này xưa kia là của tôi. Đây này, bà giở một góc của tranh, đưa chú coi mấy chữ thêu rất nhỏ Tặng Phạm Hoàng Mai. 1974. Tôi là Hoàng Mai. Quà đặc biệt của nhà tôi tặng trong ngày cưới».

Chú tiểu bối rối nhìn thày. Sư cụ hiền từ :

- Nếu đã là vật kỷ niệm của bà thì nhà chùa xin hoàn trả lại bà.

Bà lắc đầu, đôi mắt ướt lệ :

- Thưa Thầy, con bây giờ nơi ăn chốn ở không có, còn giữ tranh làm gì, xin để cúng Chùa. Cuộc đời con kể như đã hết rồi.

Trước cái nhìn của sư cụ và chú tiểu, bà thở dài, từ từ kể :

- Thưa Thầy, vợ chồng chúng con hồi đó ở Đà Lạt. Con là cô giáo dạy lớp Ba. Chồng con là Trung Úy trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Chúng con làm đám cưới năm 1974. Vì tên con là Hoàng Mai, nhà con đã tặng cho bức tranh thêu cành mai vàng này.

Tháng Tư năm 1975, hàng ngũ tan tác, ai nấy cuống cuồng tìm đường thoát thân như đàn kiến trên chảo nóng. Riêng con có trách nhiệm với đám học trò nhỏ, chồng của con lại đang hành quân trên vùng cao nguyên Buôn Ma Thuột, con không hề nghĩ đến việc chạy đi đâu. Nhưng em trai của con đang làm việc cho một cơ quan Mỹ nên hối thúc ba mẹ con và con lên chuyến bay cuối cùng rời Việt Nam. Đồ vật mang theo rất giới hạn nên con chỉ vơ vội vài bộ quần áo cuộn vào bức tranh này lật đật theo mọi người lên máy bay mà lòng dạ ngổn ngang tan nát.

Từ trại tị nạn, cả gia đình con cố liên lạc khắp nơi để tìm chồng con. Ngay cả Hồng Thập Tự cũng không tìm ra tin tức gì của anh.

Mấy năm sau, có người cho biết anh đã bị bắt đi tù cải tạo và trong một lần trốn trại đã bị bắn chết.

Bà cúi mặt, dấu những giọt nước mắt đang rơi xuống áo. «Nam Mô A Di Đà Phật», sư cụ an ủi.

Bà tiếp :

- Sau đó gia đình con được bảo trợ về New Orleans, tiểu bang Louisiana. Thấm thoắt đã chừng ấy năm, cha mẹ con lần lượt qua đời. Hai chị em con ở chung nương tựa nhau mà sống. Kỷ niệm của chồng con chỉ là mấy tấm hình ngày cũ và bức tranh này. Năm 2005, bão Katrina kéo đến. Nhà cửa đổ nát tan hoang. Em con và cả căn nhà trôi theo biển nước. Bơ vơ một mình trên đời, con rời lên tiểu bang này để xa những kỷ niệm đau thương và cũng vì khí hậu phong cảnh nơi đây giống như Đà Lạt. Con hiện thời ở nhờ chị bạn cùng học trường trung học Bùi Thị Xuân ngày xưa. Lắm lúc con nghĩ đời con cơ cực thế này là Trời Phật đã phạt con tội phụ bạc, không ở lại sống chết với chồng.

Bà cố nén mấy tiếng nức nở, nhưng những giọt lệ lại lã chã tuôn rơi.

Sư cụ ái ngại :

- Bà không nên nghĩ vậy. Đức Phật từ bi không bao giờ trừng phạt ai. Mỗi người đều có cái duyên và cái nghiệp. Đức năng thắng số. Bà nên tĩnh tâm khấn

nguyện và cố làm lành để chuyển đổi cái nghiệp.

Đêm Giao Thừa, chùa Việt Quang sáng rực đèn nến, khói hương nghi ngút. Mọi người chen chúc nhau lên chính điện. Tượng đức Phật trên cao trong ánh vàng lung linh như đang mỉm cười nhìn xuống đám người đi lễ với ánh mắt từ bi độ lượng.

Sư cụ ngồi trên ghế cạnh bàn thờ Đức Lạt Ma, chúc lành cho khách thập phương và tặng trái cây cho mọi người coi như lộc Phật. Các Phật tử đến chúc Tết đầu năm đều khen bức tranh Hoa Mai mỹ thuật và có hồn. Thầy mỉm cười, chùa đã có duyên may được một khách thập phương cúng dường vào giờ chót.

Đã gần hai giờ sáng, những Phật tử lần lượt ra về. Một trong những người khách cuối cùng là ông Trung, một phật tử thỉnh thoảng đến viếng chùa và đôi khi cũng có giúp những việc vặt cho chùa vì ông là một người khéo tay. Ông làm cho Macys đã nhiều năm. Công việc của ông là sửa nữ trang và đồng hồ cho khách. Ông ta sống lặng lẽ một thân một mình, không giao du hay có thân quyến nào đến thăm. Ông ít nói nên không ai rõ trước đây ông làm gì, ở đâu.

Lễ Giao Thừa năm nay ông nấn ná ở lại sau cùng cũng là một chuyện lạ. Chờ mọi người về hết, ông đến gần sư cụ, ngập ngừng :

- Bạch Thầy, xin cho phép con hỏi về bức tranh Hoa Mai này. Ngày xưa gia đình con cũng có một bức tranh giống như vậy. Con tưởng trên đời không có tấm thứ hai vì chính tay con vẽ tranh và nhờ mấy vị nữ tu của nhà thờ trên Lâm Đồng thêu hộ.

Sư cụ ngạc nhiên :

- Ông có thể kể cho tôi sự tích bức tranh này được không ?

- Thưa thầy, hoa mai vàng biểu tượng cho mùa Xuân của miền Nam, dù ở Đà Lạt hoa đào cũng rất đẹp và thơ mộng. Con đặc biệt thích hoa mai vì người vợ sắp cưới hồi đó của con cũng tên Mai, Phạm Hoàng Mai. Con cũng biết vẽ chút ít nên can đảm vẽ một bức tranh hoa mai vàng rồi nhờ thêu để làm quà tặng nàng trong ngày thành hôn.

Cưới nhau chưa được bao lâu thì Cộng Sản cưỡng chiếm miền Nam, chúng con tản lạc mỗi người một nơi. Bao năm đã qua đi, nghe đâu vợ con theo bà con vượt biên bằng đường biển, tàu chìm và cả gia đình nàng đã

mất tích ngoài biển Đông rồi.

- Ông ở Seattle đã lâu chưa ?

- Thưa thầy, từ năm 1990. Trước 75 con là Trung Úy bộ binh. Đi tù cải tạo Cộng sản 7 năm. Khi được thả về thì nhà cửa đã bị chiếm mất. Cha mẹ anh em bị đuổi lên vùng kinh tế mới. Sống lay lắt ở Saigon mấy năm rồi theo diện HO rồi sang Hoa Kỳ. Tuổi đời chồng chất lại không gia đình, con dọn lên Seattle vì thời tiết và phong cảnh giống như thành phố Đà Lạt quê cũ. Đã xin được việc làm nên con định cư ở đây từ hồi đó.

- Ông vừa nói bà nhà tên Hoàng Mai ? Bữa trước có một bà đến đây thấy bức tranh cũng bảo là tranh kỷ niệm của gia đình bà. Hình như tên bà ấy cũng là Mai.

Ông Trung tái mặt. Giọng ông run rẩy :

- Trời ơi, thế ra cô ấy vẫn còn sống ? Vợ con vẫn còn sống ?

Sư cụ từ tốn gật đầu :

- Tôi nghĩ người đàn bà đến đây hai hôm trước là bà Mai vợ ông. Sáng mai ông có thể gọi cho phòng nhân viên của Safeway để nhờ họ liên lạc với bà ấy dùm ông. Biết hoàn cảnh của ông bà, chắc họ sẽ giúp. Bà ấy nói ở

chung với người bạn học cũ. Nghe đâu địa chỉ họ ở phía chợ Tàu, cũng không xa đây lắm.

Có lẽ ông Trung không nghe được những lời của sư cụ. Qua cửa kính, ông không nhìn thấy những cành cây khô trơ trụi run run trong gió lạnh buổi sớm đầu năm. Trong mắt ông, bên ngoài là một khung trời Đà Lạt huyền ảo trong nắng mới, vạt nắng như tơ vàng rắc lên những tà áo trắng của những cô học trò Bùi Thị Xuân, trong đó có một tà áo đặc biệt cho ông, một bông Mai Vàng rực rỡ đang chờ đón ông ngày mai.

Nguyễn-Đặng Bắc Ninh

# Đánh Bạc Bằng Chữ Hay Thả Thơ

Trịnh Thanh Thủy

Tác giả đã cộng tác với nhiều diễn đàn văn chương Việt và tham dự nhiều sinh hoạt văn hoá giáo dục cộng đồng. Nhân dịp Chợ Tết Cộng Đồng vừa được khai trương tại Little Saigon, xin mời đọc bài viết mới về gian hàng «Thả Thơ» trong Chợ Tết.

Mỗi độ xuân về, Ban Điều Hành Giải Khuyến Học lại rộn ràng gởi thư mời gọi chúng tôi đến giúp cho Quán Thả Thơ ở chợ Tết Sinh Viên Bolsa, Cali trong ba ngày tết. Dù bận rộn đến đâu chúng tôi cũng thay phiên nhau một lòng tình nguyện tới coi Quán từ lúc mở chợ cho đến lúc bế mạc. Lý do chúng tôi đến có lẽ từ nguyên nhân ham vui thì ít mà do cái tình thì nhiều. Đó là mối tình mến chữ, yêu thơ, trọng bạn, và muốn lưu giữ chút gì cổ tục còn sót lại.

Xuân đến, yêu xuân thì ai không yêu nhưng trong lòng chúng tôi xuân mà thiếu thơ như buổi ban mai thiếu chút sương mù, cành mai đầy lộc thiếu làn nắng nhẹ, quả dưa hấu đỏ thiếu đi một huyền thoại Am Tiên.

Ngày đầu năm, đi dạo một vòng chợ Tết ồn ào, đông vui, ghé Làng Việt Nam, dừng chân ở Quán Thả Thơ, con tim những người xa xứ từng yêu thơ, ai không khỏi thoáng chút bồi hồi. Trí tò mò con cháu dòng máu Việt chợt nổi lên khi nhìn vào tấm biển với dòng chữ «Quán thả thơ», một cậu thanh niên tuổi độ 17 nghiêng nghiêng vầng tóc nhuộm vàng hoe, hỏi chúng tôi «What's that mean ?». Cô bé áo trắng, mắt lóng lánh sáng, đứng bên mẹ hồi lâu chân còn chưa mỏi, cười căng môi hồng, liên tục chơi thả thơ hết câu này đến câu khác.

Mặc kệ tiếng pháo ồn ã, tiếng loa thét đâu đó đinh tai, nơi góc quán này vẫn có một đám đông đang say mê trò chơi trí tuệ. Tai phải họ nghe bình thơ, tai trái họ gật gù theo tiếng ngâm đang lên cao vút, óc đung đưa suy luận, tay đặt tấm vé của mình vào nơi mà mình muốn đặt. Tháng Giêng là tháng ăn chơi, cờ bạc, tháng đất trời khai hội, tất cả các loài hoa bung nở mừng lễ Nguyên Tiêu. Đâu đó vài ba chiếu bạc «bầu, cua, cá cọp» lai rai người tụ lại đỏ đen, thử thời vận xui hên, năm mới. Nơi đây tiếng rao hàng cho quán thả thơ ném vào không gian dịu dàng như một giải lụa bạch : «Thả thơ là một trò chơi trí tuệ, đánh bạc bằng thơ là một thú đỏ đen tao nhã, đầu năm, mời quý vị ghé Quán Thả Thơ để thử tài đoán thơ của mình có ngang bằng các thi sĩ hay không. Trò chơi này không tốn tiền mà lại có thưởng, mời quý

vị ghé vô»

Tốp người này đi nhường chỗ cho tốp người khác, người mới đến mỗi người được phát 5 vé(tickets) màu xanh, mỗi lần chỉ được đặt một vé. Nếu trúng sẽ được chung một vé màu cam. Thua hết 5 vé sẽ được phát thêm, chơi bao lâu cũng được. Nếu trúng khoảng 20 vé màu cam sẽ được chọn một món quà thưởng do quỹ của Giải Khuyến Học cung cấp. Dưới hình thức «đố vui để học», trò chơi Thả Thơ hợp với mọi lứa tuổi, ai tham gia cũng được. Người dự được giới thiệu từ 2 đến 4 câu thơ viết trên màn ảnh, (sẽ thiếu một chữ), bên dưới là 4 câu trả lời theo thứ tự a, b, c, d để người dự chọn. Sẽ có một người đọc những câu thơ, hoặc ngâm lên như một gợi ý cho người dự nghe.

Quán thường có 3 đến 4 người coi và mỗi người sẽ bình các câu thơ theo ý riêng của mình, mục đích để góp ý và đôi khi cũng để bàn ra, đánh lạc hướng, làm hoang mang người tham dự khiến họ không biết chọn câu nào. Tuy nhiên quyết định cuối cùng vẫn là người cầm trong tay tấm vé đặt vào nơi mà mình tin là đúng. Điều hào hứng nhất là người tham gia được trao micro để ngâm hay đọc thơ và thậm chí họ được bình theo ý của mình về lý do tại sao mình chọn chữ đó. Điểm lý thú của trò chơi, trong câu trả lời trúng nhất, có khi lại

là một chữ rất lạ lùng, rất quái mà không ai ngờ được tại sao tác giả lại chọn cái chữ vô lý ấy. Thế mới biết, thơ mà, chỉ có người làm thơ mới chính người chọn chữ hợp nhất cho thơ mình.

Đây là một ví dụ : Hai câu thơ trong «Tống Biệt Hành» được đưa ra với một chữ bỏ trống. Người tham dự sẽ chọn một trong 4 câu trả lời mà câu c) là câu có chữ sao đúng theo chữ tác giả đã dùng.

Đưa người, ta không đưa qua sông
(...) có tiếng sóng ở trong lòng

a) nghe b) ta c) sao d) như

Thơ thường được trích từ Truyện Kiều của Nguyễn Du, hay tác phẩm của Đoàn Thị Điểm, Hàn Mặc Tử, Cao Bá Quát, Nguyên Sa, Ngô Minh Hằng, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Trần Trung Đạo, Quang Dũng v. v. Ngoài ra còn có hàng trăm câu ca dao, tục ngữ lấy ra từ nền văn học Truyền Khẩu VN.

Trò chơi Thả Thơ ở Quán Thả Thơ này hơi khác với nguyên thủy theo lời kể của Nguyễn Tuân trong truyện ngắn «Thả thơ» :

- Thầy sẽ viết vào mảnh giấy trắng này một câu thơ bảy chữ mà chỉ... có sáu chữ thôi. Còn một chữ thì để trống và thay vào đấy một cái khuyên tròn. Cái khuyên tròn thay chữ đó thường gọi là chữ vòng. Đây này, chị lấy một câu làm thí dụ thì các em rõ ngay. Các em biết câu : «Quân hướng Tiêu Tương, ngã hướng Tần» đấy chứ ? ừ, thí dụ bây giờ định thả câu thơ ấy. Và định vòng chữ «hướng» ở đoạn dưới. Thầy sẽ viết vào mảnh giấy nhỏ này : «Quân hướng Tiêu Tương, ngã... Tần». Và khi ngâm câu thất ngôn có sáu chữ ấy lên thì thường phải ngâm : «Quân hướng Tiêu Tương, ngã...»vòng»... Tần»; Chữ «vòng» đây thay vào chỗ để trống. Bây giờ mới nói đến những chữ «thả» ra. Thí dụ thầy thả năm chữ : cố, tại, vọng, phản và luôn cả cái chữ hướng trong nguyên văn. Thường chỉ thả có năm chữ thôi.

Tụi trò nhỏ thấy chuyện thả thơ ngộ nghĩnh, nghe lấy làm khoái trí, trố mắt nhìn cô Tú, giục cô nói tiếp.

- Muốn đánh chữ gì thì chọn lấy một trong năm chữ mà đánh. Đánh trúng thì một đồng ăn ba đồng.

Sự khác biệt ở chỗ Quán Thả Thọ chỉ đưa ra 4 câu trả lời a, b, c, d thay vì 5 như trong trò chơi nguyên thủy.

Quán Thả Thơ do Giải Khuyến Học thành lập năm 1999 tại chợ Tết Sinh Viên ở Bolsa, Cali, với mục đích

quảng bá và bảo tồn một sinh hoạt truyền thống văn hoá đặc sắc của những ngày xuân. Thuở ban đầu, người tham dự phải mua vé với một số tiền nhỏ tượng trưng và giải thưởng có giá trị theo đúng nguyên tắc của trò chơi nguyên thủy. Sau này vì muốn số người tham dự dành cho mọi lứa tuổi, nhất là các em nhỏ vào lứa tuổi teen trở lên(không có tiền) có cơ hội tham dự và học hỏi tiếng Việt cùng thi ca VN nên ban tổ chức ra quyết định cho free.

Quyết định này là một thành công bất ngờ vì chúng tôi thấy số các em tham dự đông chưa từng thấy, vì số người trẻ đi chợ Tết rất nhiều. Các em thường đi thành nhóm, kéo đến Quán, ríu rít hỏi, hăng say bình luận, hùa nhau đặt, tiếng cười nói vang dội khắp quán. Có em hoàn toàn không biết tiếng Việt hay biết lõm bõm nhưng cũng kiên nhẫn nghe, không hiểu thì hỏi, đặt tứ tung theo ý bạn, theo ý người bình thơ, cười tươi hỉ hả khi may mắn được trúng. Không khí quán thơ trong hơn, xanh hơn, mang vẽ tranh đua trong tinh thần học hỏi hơn một trò sát phạt nhau bằng tiền và chữ. Giọng ngâm đưa thơ thanh thoát, thăng hoa vào mây cao khiến khách du xuân dừng chân ngoảnh lại trí bần thần «À thơ».

Thả thơ (hay còn gọi là đánh thơ), ngày xưa, vào những đêm hội Tao Đàn, các cụ ta xưa thường ngắm trăng, bình văn, và thả thơ. Đây là một thú chơi tao nhã dùng văn chương để giải trí lại khiến người được cuộc vui vì có chút tài lộc và hãnh diện về tài thi phú, vốn hiểu biết sâu sắc của mình. Các nho sĩ, quan lại và hoàng tộc xưa ở kinh đô Huế rất chuộng thú tiêu khiển này. Nó là một cuộc đấu trí đầy cân não, mà những người ít hiểu biết về văn chương thi phú khó có thể tham dự. Ngược lại, «Người cầm cái» cũng phải rất mực tinh thông. Theo giai thoại, thì thú Thả Thơ có từ đời vua Minh Mạng, một ông vua nổi tiếng có tới 142 người con, cả trai lẫn gái. Nổi tiếng nhất là ông Hoàng thứ 10 là Miên Thẩm tức Tùng Thiện Vương và ông Hoàng thứ 11 là Miên Trinh tức Tuy Lý Vương. Hai ông hoàng này văn tài lỗi lạc, thơ phú làu thông. Mỗi dịp xuân về, phủ của Tùng Thiện Vương và Tuy Lý Vương luôn tổ chức mời những văn nhân thi sĩ tới dự cuộc chơi thả thơ. Lâu dần, không biết sao trò chơi này bị mai một.

Năm 1999, Quán Thả Thơ của Giải Khuyến Học ra đời. Năm 2011, trong nước bắt đầu khôi phục tục Thả Thơ trong đêm thơ Nguyên Tiêu bên lầu Tứ Phương Vô Sự (Đại Nội Huế) với bốn bề gió mát trăng thanh cùng nhiều bài thơ bất hủ đã đem đến cho khán giả yêu thi

ca thật nhiều cảm xúc khó quên. Trong buổi Ngày Thơ lần thứ ba(2005) ở VN, ban tổ chức đã khai mạc với lễ Thả Thơ nhưng không phải bằng thú đánh thơ mà đem thơ buộc vào những quả bóng bay đỏ do 50 thiếu nữ mặc quốc phục thả, để thơ được bay lên trời cho có vẻ «hoành tráng !» Cũng là hai từ «Thả Thơ» nhưng nghĩa khác hẳn nhau.

Những Người Xuân xưa, thuở bé chơi trò Thả Đỉa Ba Ba, lớn lên lựa là trí tuệ chơi Thả Thơ bắt chữ. Em ngày nào hái hoa, anh ngày nào bắt bướm, lớn lên nhìn nhau bỡ ngỡ, ngày tàn lạc lối đi về. Xin lấy thơ Nguyễn Chủ Nhạc thay cho một lời kết, thay cho một thời thả thơ yêu em, thay cho một thoáng Xuân nồng.

Một thời thả thơ.

- Nguyễn Chủ Nhạc

Ta
của một thời
hoang dại
thả thơ
như một đam mê
em vớt thuyền thơ
dạt bến
lôi ta lạc lối đi về...

Thế rồi,
em thành người lớn
mơ hái trăng sao
trên trời
đem tình yêu
cho gió thổi
quên ta thành cọc bến đời,
Trái đất
quay vòng
bé nhỏ
giờ đây
ta gặp lại nhau
em thêm một lần
người lớn
ta già
nên ngại bước mau,
Em
trả thơ
về bến cũ
nào đâu
ta dám nhận về
thơ
có một thời
hoang dại
ta

chỉ một thời
đam mê...

Trịnh Thanh Thủy

Tài liệu tham khảo

Thả thơ - thú chơi tao nhã

http : //www. baomoi. com/Tha-tho--thu-choi-tao-nha/152/5727688. epi

Ngày thơ VN lần 3 : Đất nước, thơ ca và truyền thống...

http : //vietbao. vn/Van-hoa/Ngay-tho-VN-lan-3-Dat-nuoc-tho-ca-va-truyen-thong/40067714/105/

# Chiếc Mũ Năm Xưa

Võ Quách Tường Vi

Tác giả là một Y sĩ nội khoa và là Giáo Sư Đại Học tại Texas. Bài viết về nước Mỹ đầu tiên của Bà là «Chai Dầu Gió Xanh», kể chuyện trên một chuyến bay khi tác giả hướng dẫn phái đoàn gồm 33 giáo sư, sinh viên đi Việt Nam thực hiện một chương trình y tế của đại học TWU, Texas. Bài viết thứ hai của bà là một chuyện tình «đơn phương, nhẹ nhàng, thâm trầm mà sâu sắc» từng làm chính nhân vật mà cũng là tác giả đẫm lệ.

Nhìn qua khung cửa sổ của phòng cấp cứu, bên ngoài trời đã bắt đầu xế chiều. Cơn nóng của mùa Hè vẫn còn gay gắt khi tôi chạm tay vào cửa kiếng. Sắp tới giờ đi thăm bệnh nhân trong khu nội trú rồi. Từ khi vào bệnh viện hồi sáng sớm đến giờ, tôi chưa có dịp để đi ra ngoài.

Phòng cấp cứu hôm nay quá bận với nhiều bệnh nhân bị bệnh rất hiểm nghèo cần chữa trị kịp thời. Có ba bệnh nhân không thở được nên phải đặt ống thở nội khí quản và đã được chuyển lên phòng ICU hay Phòng Hồi Sinh để theo dõi điều trị. Năm bệnh nhân khác đã nhập viện để cho thuốc kháng sinh theo đường nước biển, và cho thuốc hoá trị khẩn cấp, vì bệnh ung thư đã lan tràn

nhiều nơi.

Có những bệnh nhân đã được trị bệnh bằng hoá chất, sau một thời gian khoảng chừng 7 tới 10 ngày thì tiểu cầu, hồng huyết cầu, và bạch huyết cầu đã bị xuống thấp, bị sốt cao, không ăn uống gì được, rất nguy hiểm đến tính mệnh. Còn những bệnh nhân khác đi vào phòng cấp cứu vì bị tăng độ đau đớn trong người, hay đang chờ kết quả xét nghiệm của máu, nước tiểu, hình chụp quang tuyến, hay CAT Scan vàMRI.

Không khí trong phòng cấp cứu bây giờ thì cũng không ồn ào lắm. Phần lớn ai cũng ăn nói nhỏ nhẹ và ít gây tiếng động. Nhưng một khi có bệnh nhân bị tắt thở, tim ngừng đập, các nhân viên của phòng cấp cứu phải gọi «code blue» để được cấp cứu lập tức.

Khi code blue này được gọi, có những bác sĩ ngoại khoa hay chuyên về gây mê cũng túc trực một bên, để trong những trường hợp khó tìm mạch máu hay cần bỏ ống thởvào nội khí quản thì họ sẽ sẵn sàng mà giúp một tay. Không khí trong phòng cấp cứu sẽ sống động hẳn lên, với tiếng người đối đáp, máy móc lao xao, điện thoại hay máy Fax rung tiếng liên hồi, và những âm thanh lanh lảnh qua hệ thống truyền tin trên trần nhà.

Đôi khi, cũng có những tiếng nấc nghẹn ngào của những gia đình thân nhân vì đang lo lắng không biết người thân yêu của mình có qua khỏi lúc ngặt nghèo này hay không. Ban đầu, mới nhìn vào thì thấy rất hỗn loạn, nhưng thật ra thì nó cũng có cái thứ tự riêng của nó. Mọi người ai cũng có một vài nhiệm vụ để làm, như một bộ máy liên kết cùng ăn khớp với nhau.

Tôi về làm cho bệnh viện này từ hồi mới ra trường. Tưởng chừng sẽ làm tạm ở đây vài năm rồi chuyển qua ngành tim mạch mà tôi rất có cảm tình từ khi còn đi học. Nhưng dần dà tôi lại thích tiếp xúc với những bệnh nhân bị những chứng bệnh nan giải này. Tôi thông cảm và thấy thật gần gũi với họ. Và «vài năm» của tôi lại trở thành «vài mấy chục năm» nay rồi.

Bệnh viện nầy chuyên chữa trị bệnh ung thư và là một bệnh viện lớn nhất trên nước Mỹ với những chương trình nghiên cứu và điều trị ung thư rất tân kỳ. Bệnh nhân của nhà thương này đến từ khắp nơi trên thế giới. Từ những người nói tiếng Tây Ban Nha đến tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, tiếng Trung Đông, Châu Phi, Phi Luật Tân, hay tiếng Tàu... Như vậy tôi cũng được học hỏi thêm nhiều và thích nhất là những người đồng nghiệp của tôi cũng rất dễ thương và thân thiện.

Mấy năm đầu, vì là một trong những người Việt Nam đầu tiên làm việc ở nhà thương này, nên mỗi khi có bệnh nhân người Việt đến, tôi thường hay được gọi để thông dịch giùm. Nhiều khi quá bận, không đến được lúc ấy thì tôi lại tìm dịp ghé thăm sau, để hỗ trợ tinh thần cho những người bệnh nhân này và gia đình của họ. Và từ đó tôi đã trở thành «Cô V. Y Sĩ» mà những bệnh nhân thường hay gọi một cách rất thân tình. Tôi đã trở thành một phần tử trong gia đình của họ một cách»bất đắc dĩ», từ những bữa tiệc mừng sinh nhật thôi nôi, đến cả những ma chay cưới hỏi, họ đều muốn tôi tham dự.

Sau nầy, khi số bệnh nhân người Việt tăng nhiều, ban điều hành của bệnh viện có mướn thêm thông dịch viên nên tôi cũng đỡ... khổ. Và cũng như đã hiểu ngầm với nhau, mỗi khi có bệnh nhân người Việt vào phòng cứu cấp, các vị y sĩ khác đều»nhường» cho tôi. Họ thường nói là tôi sẽ hiểu ý bệnh nhân hơn và như vậy việc chữa trị cho bệnh nhân cũng sẽ hiệu quả hơn. Tôi thì chỉ cười và nói sao cũng được, nhưng trong lòng rất vui vì có dịp để tiếp xúc và hàn huyên với đồng hương người Việt của mình. Tôi luôn thầm nhủ rằng mọi việc trên đời đều có số mệnh cả. Nếu mình có thể chia sẻ những buồn vui, tạo niềm tin yêu và giữ nguồn hy vọng cho những người bạn đồng hương kém may mắn này thì việc gì rồi cũng có thể qua đi.

Có bàn tay ai đang đặt nhẹ trên vai tôi. Tiếng của Ted nói :

- Tới giờ đi khu nội trú rồi. Mình đi thôi.

Ted là một bác sĩ chuyên về nội thương và làm chung nhóm của tôi. Anh trẻ hơn tôi khoảng 5 tuổi, rất tận tâm với bệnh nhân. Anh hay tâm sự với tôi về việc gia đình cùng hai đứa con và người vợ Ý Đại Lợi của anh. Chúng tôi rất thân thiết trong tình đồng nghiệp làm chung với nhau.

Cầm cái ống nghe bỏ vào túi áo lab, tôi đứng lên đi với Ted. Bỗng cô Jenny, điều dưỡng trưởng của phòng cấp cứu, lật đật chạy vào :

- Dr. V, có một bệnh nhân đang đến bằng xe cứu thương trong vòng vài phút. Rất nguy kịch không thở được. Ông ấy chỉ nói tiếng Việt thôi, nhờ Dr. V ở lại một tí để giúp chúng em nhé. Cô Jenny năn nỉ.

Bác sĩ Ted nói :

- Thôi V cứ ở lại một chút đi, tôi đi trước cũng được. Khi nào xong thì gặp nhau ở khu Tim Phổi lầu 7 đó nha.

- Ok, cảm ơn Dr. Ted nhiều nhe.

Quay qua cô Jenny tôi hỏi :

- Bệnh nhân này là ai vậy Jenny ?

- Dạ đây là ông Thanh, 60 tuổi, bệnh nhân mới của bệnh viện, tuần trước có vào phòng khám để gặp bác sĩ Morris vì bệnh ho kinh niên. Họ đang tình nghi bệnh nhân bị bệnh lao phổi đó. Như vậy thì mình phải đeo mask (khăn vuông nhỏ có dây thun choàng đầu đeo vào để bảo vệ mũi miệng ngăn ngừa khỏi bị lây bệnh).

- Ok, thôi mình qua phòng code blue đi.

Phòng code blue là phòng dành cho những bệnh nhân bị nguy hiểm đến tính mệnh, sắp chết hay hấp hối. Phòng này có đầy đủ dụng cụ cứu cấp, Oxigen, máy đo hay shock tim, phòng mổ tiểu khoa, thuốc mạnh cấp cứu. Khi bệnh nhân không may phải vào phòng này thì sống chết như chỉ mành treo chuông, hy vọng chỉ đặt vào trong tay của những bác sĩ cùng điều dưỡng chuyên nghề.

Có tiếng còi xe cứu thương hụ lên từ ngoài đường lớn và ngừng lại ở trước cửa vào của phòng cấp cứu. Hai người trong xe cứu thương nhảy ra, hai người hai bên, đẩy một băng-ca đi ở chính giữa. Trên băng-ca này có một bệnh nhân người Á Châu, thở rất khó khăn và

đang được tiếp hơi Oxygen truyền qua ống dây nhỏ gắn vào trong lỗ mũi. Bệnh nhân độ chừng khoảng 57 tới 60 tuổi, mái tóc đã điểm muối tiêu trên một vầng trán rộng với đôi chân mày đen rậm đẫm giọt mồ hôi. Khi chuyển từ băng-ca qua giường, anh cố giương mắt lên nhìn nhưng sau vài giây là nhắm mắt lại. Hai bàn tay để trên bụng và đang nắm chặt một túi xách của hãng hàng không Pan Am đã ngả màu, các góc cạnh thì sờn và bị nứt nẻ rất nhiều.

Các y tá điều dưỡng và nhân viên phòng cấp cứu đổ ập lại. Người thì lấy áp suất máu, người thì lấy máu, người hỏi hồ sơ lý lịch của bệnh nhân qua người bạn cùng đi theo đến bệnh viện. Không khí phòng cấp cứu sống động hẳn lên. Nhân viên nào cũng đeo mask màu vàng và mang găng tay khi tiếp xúc với bệnh nhân. Khi một cô y tá giở tay anh để lấy cái túi xách Pan Am đi thì anh bấu chặt lại, không cho gỡ ra. Người y tá phải dỗ dành hứa là sẽ trả lại cho anh, một lát sau anh mới chịu nhẹ lơi tay ra.

Có tiếng của Jenny báo cáo :

- Dr. V, áp xuất của ông Thanh là 76/48, mạch máu là 120 nhịp một phút, hơi thở là 28 trong một phút, độ Ốc-xi trong máu là 86 với lượng Ốc-xi non rebreather mask.

- Em cho 1 lít dung dịch nước biển vào mạch máu mau đi. Mở cho nước biển chảy thật nhanh nhé. Gọi ban gây mê và chuẩn bị cho đặt ống vào nội khí quản. Tôi nói.

Jenny báo cáo tiếp :

- Dr. V, kết quả thử nghiệm về rồi với hồng huyết cầu là 2000, tiểu cầu 45000, bạch huyết cầu 15000. Mấy thử nghiệm khác cũng bình thường.

Bệnh nhân này thiếu máu ? Tại sao ? Tôi đặt câu hỏi trong đầu mình. Khi tôi khám bệnh nhân dù tim đập rất nhanh nhưng nhịp độ thì bình thường, phổi thì khò khè và khó thở, người không bị phù thũng. Bệnh nhân chỉ hé mắt nhìn tôi rồi khép lại. Tôi nói với Jenny.

- Em cho bắt đầu kháng sinh bằng đường vein đi nhé.

Lúc này thì một bác sĩ gây mê đã đến đặt ống thở vào khí quản của bệnh nhân. Bỗng Jenny hớt hải chạy đến báo cáo với tôi :

- Dr. V, áp xuất của ông Thanh giờ bị tuột xuống còn 60/30 thôi và mạch rất yếu

Tôi ra lệnh :

- Bắt đầu Dopamine drip đi em và bolus 1 lít dung dịch nước biển đi. Khi áp xuất huyết ổn định một chút, em cho bệnh nhân đi chụp CT scan của phần ngực nhe.

Dopamine là một loại thuốc có thể làm mạch máu co lại và áp suất tăng lên.

Khoảng chừng 30 phút sau thì Jenny cho biết là áp xuất của ông Thanh đã ổn định và hơi thở cũng bình thường với máy trợ hơi thở-respirator và đang được chuyển lên phòng cấp cứu đặc biệt (ICU). Phong, người bạn của Thanh, vẫn đứng luẩn quẩn trong phòng cấp cứu. Tôi đến nói chuyện với Phong một chút.

Phong kể rằng ngày xưa Thanh học bên Đại Học Khoa Học đến năm thứ Hai thì bị động viên đi khóa sĩ quan trừ bị Thủ Đức. Sau 75 thì ở lại Việt Nam. Thanh qua định cư ở Mỹ hơn 15 năm nay rồi, đã ly dị và có một đứa con gái, nhưng ngưng liên lạc với gia đình gần 10 năm nay. Anh hút thuốc lá rất nhiều và thường có những cơn ho liên tục từ 5 năm về trước. Lần gặp bác sĩ Morris tuần rồi, anh bị nghi là vướng bệnh lao và đang chờ kết quả của cuộc thử nghiệm đàm. Cuộc đời Thanh có những thăng trầm mà Phong đã tâm sự sơ qua cho tôi nghe một cách rất nhẹ nhàng và vắn tắt.

Khi nghe Phong kể lại những chuyện này làm tôi nhớ về những năm học ở Đại Học Khoa Học ở Sài Gòn.

Sau khi học xong bậc trung học ở trường công lập Ngô Quyền Biên Hoà, tôi lên Sài Gòn học tiếp. Tôi ở chung với năm người bạn gái khác, trong một căn nhà nhỏ có gác ở trên từng hai, đường Hồng Thập Tự Sài Gòn. Chúng tôi chia ra để làm những việc như nấu cơm, đi chợ cho cả nhóm. Có những tối, cả nhóm họp lại, tôi đánh đàn guitar, các bạn quây quần hát những bài hát như Như Cánh Vạc Bay, Phố Núi Cao Phố Núi Đầy Sương, Căn Nhà Ngoại Ô... Cả đám cười vui trên căn gác trọ nhỏ hẹp.

Từ căn nhà trọ nầy đến trường thì rất gần, tôi đi bộ được. Nhớ hồi ấy có hai hàng cây phượng tây rợp bóng mát hai bên đường, đi bộ rất là thú vị. Tôi nhớ lại những buổi sáng thứ Bảy có giờ thực tập tại phòng lab cho môn động vật, mổ con tôm càng bị đầu tôm chích vào tay đau điếng và có những lần tôi đi học trễ, bị khóa cửa không được vào, đi lang thang trong khuôn viên trường đại học.

Trường đông sinh viên, không đủ chỗ ngồi nên chúng tôi thường chen chúc nhau ngồi trên sân khấu của giảng đường gần thầy cô, vừa dễ nghe, nhưng phải tội là sau mấytiếng đồng hồ ngồi một chỗ, lưng và chân thiếu

điều muốn co lại, đi không nổi.

Tôi cũng nhớ có những lần lên Thủ Đức đi tìm những lá cây cho môn thực vật. Khi đi về nắng cháy da, nằm la liệt mấy ngày.

Tôi thường hay đội cái mũ nhựa trắng, phủ che mặt và phía sau đầu, nhưng vẫn không đủ mát cho những ngày nắng cháy Sài Gòn hay Biên Hòa. Chiếc mũ này có rất nhiều kỷ niệm đối với tôi. Tôi đã dùng tiền lương đầu tiên ít ỏi mà tôi đã kiếm được bằng đi dạy kèm để mua cái mũ này. Dù không trị giá bao nhiêu, nhưng đối với tôi nó tượng trưng cho sự trưởng thành và tự lập của mình.

Từ đó chiếc mũ này đã theo tôi đi nhiều nơi như khi tôi tham gia vào đám văn nghệ «Thằng Bờm», cùng các bạn bè đi lang thang trong các câu lạc bộ, hát nhạc dân ca, đi học hay đi lên Bình Dương, dọn dẹp lại những căn nhà bị phá vỡ vì bom đạn.

Và có những buổi sáng sớm thứ Hai, tôi đạp xe từ Phúc Hải - Dưỡng Trí Viện lên nhà Ga Biên Hoà để đi Sài Gòn học, hai bên đường rất vắng vẻ vào lúc năm giờ sáng, đầu vẫn đội cái mũ này làm tôi cũng bớt sợ. Sau đó một dạo thì tôi làm mất cái mũ này, tìm hoài không thấy. Tôi lại thay nó bằng một cái nón lá nhưng ít đội

hơn vì nón lá, khi chạy xe đạp xuống dốc, hay bị gió cản lại, rất là bất tiện.

Mới đây mà đã mấy chục năm rồi, vật đổi sao dời, cảnh cũ người xưa không bao giờ tìm lại được.

Ngày hôm sau, tôi có ghé qua phòng ICU thì thấy Thanh có vẻ bớt nhiều, tỉnh táo hơn một chút nhưng vẫn còn dùng ống hô hấp nhân tạo. Anh nhìn tôi một cách chăm chú và chúng tôi dùng tay làm dấu để nói chuyện với nhau.

Nhân viên điều dưỡng cho biết anh sẽ không cần ống hô hấp nhân tạo nữa vào chiều nay nếu mọi việc không có gì thay đổi. Thanh làm dấu cho tôi biết là anh đang thèm thuốc lá. Trời ơi ! Bệnh gần chết mà cũng còn ghiền thuốc ! Tôi lắc đầu và mỉm cười mà thôi. Kết quả về vi trùng lao -Koch- được thử nghiệm nhưng chưa có. Nhân viên nhà thương vẫn còn đeo mask khi đến chăm sóc anh.

Buổi chiều ngày hôm sau, tôi đến thăm, thì Thanh được di chuyển xuống khu bệnh lao phổi. Thanh có vẻ khoẻ hơn nhiều, hơi thở bình thường và ống thở đã được rút ra, chỉ còn thở Ốc-xi qua mũi thôi. Thấy tôi thì Thanh mỉm cười và lên tiếng chào. Thanh hỏi.

- Dạ đây có phải là Dr. V mà hôm tôi mới vào đã gặp rồi phải không ?

- Đúng vậy đó anh Thanh. Hôm ấy anh bị bệnh rất nặng. Tôi rất là ngạc nhiên khi anh còn nhớ. Anh thấy người ra sao ? Thở còn khó khăn không ? Tôi hỏi.

- Dạ tôi đã bớt nhiều, thở có vẻ dễ dàng hơn nhiều. A, Dr. V, xin lỗi không hiểu Dr. V sinh ở đâu vậy ? Thanh hỏi.

- Dạ tôi sinh ra ở Bình Định và lớn lên ở Biên Hoà. Mà anh hỏi để làm gì vậy ? Tôi hỏi lại.

- Dạ tôi thấy đôi mắt của Dr. V mang máng giống một người nên hỏi vậy thôi. Xin lỗi nha.

Thanh trả lời giọng nói của anh lộ vẻ buồn bã, âm thanh trầm như có chút buồn phiền và trách móc. Tôi hỏi.

- Nghe bạn anh nói ngày xưa anh học ở Đại Học Khoa Học. Tôi cũng học ở đó mấy năm. Anh học năm nào vậy ?

- Dạ tôi học năm 72-73. Cuối năm 73 thì tôi bị động viên nên đi Thủ Đức. Thanh trả lời.

- A, thì ra vậy. Lớp đông quá nên không nhớ ai là ai cả. Tôi nói.

- Vâng, đúng vậy. Thanh nói xong rồi im lặng. Đôi mắt nhìn xa xăm và biểu lộ sự mệt mỏi.

Tôi về phòng làm việc, coi lại hồ sơ của Thanh. Khi liếc qua kết quả của CT phổi thì tôi khựng lại, tim như muốn ngừng đập một giây phút. Kết quả ghi rõ ràng là có một cục bướu rất lớn, khoảng chừng 4.5 cm ở phổi phía trên bên trái với những đặc điểm tiêu biểu cho ung thư phổi loại tế bào Oat Cell hay tế bào ung thư phổi loại nhỏ.

Những tế bào ung thư này đã lan tràn qua những hạch chung quanh và đến gan. Oat Cell hay những tế bào ung thư ung loại nhỏ rất là khó trị, lan tràn rất mau và tỷ lệ sống sót trong vòng 5 năm rất thấp. Loại ung thư này, nếu dùng hoá trị(thuốc trị những tế bào ung thư, thông thường phải chuyền qua mạch máu qua nhiều chu kỳ), thường mang đến kết quả hữu hiệu hơn so với những cách trị khác.

Tôi gọi bác sĩ Ted, bây giờ bác sĩ nội khoa cho Thanh. Ted hẹn sẽ gặp tôi ở phòng của Thanh để chúng tôi cùng thông báo kết quả cho bệnh nhân biết. Khi chúng tôi đến phòng Thanh thì Phong cũng có mặt. Ted báo hung

tin này cho Thanh, còn tôi thì thông dịch lại. Thanh im lặng không nói gì cả. Còn Phong thì hỏi những câu hỏi như cách chữa trị, có thể sống bao lâu nữa...

Tôi trả lời những câu hỏi này cho Phong, còn Thanh thì vẫn tiếp tục yên lặng. Khi Ted đi rồi thì Thanh hỏi tôi.

- Ung thư phổi thì từ đâu mà ra vậy, Dr. V ?

- Cũng có nhiều nguyên do. Có thể do môi trường mình sống, gia truyền, miễn nhiễm, chất hoá học. Phần lớn là do thuốc lá mà ra.

- Như vậy cai thuốc lá có khó lắm không ? Tôi cũng muốn bỏ cái thói quen này nhưng thấy khó quá.

- Cũng không khó lắm. Nếu anh muốn thì chúng tôi sẽ chỉ cách cho anh nhe.

- Phải chi hồi đó tôi cai thuốc lá sớm thì có thể tôi không bị ung thư phổi phải không Dr. V ? Thanh nói.

- Cũng có thể lắm. Nhưng bây giờ anh đã bị rồi, thì cũng nên chú trọng với thực tế để tìm cách chữa trị nhe.

- Như bệnh ung thư của tôi thì Dr. V nghĩ là tôi sẽ sống được bao lâu nữa ? Xin hãy thành thật mà trả lời.

- Thật ra thì khó nói lắm. Ung thư loại tế bào này rất là nguy hiểm và khó trị. Tôi trả lời một cách thành thật.

Thanh im lặng. Tôi thấy có những giọt nước mắt ứa ra ở khoé mắt của anh. Anh khóc âm thầm.

Tôi đi ra bên ngoài để tránh cho anh nhìn thấy mình cũng đang khóc. Tôi khóc thương cho số phận một con người với những chuỗi đời thăng trầm theo vận nước nổi trôi. Tôi khóc thương cho Thanh và cũng hình như khóc thương cho chính mình.

Khi tôi trở lại thì Phong đã đi về, chỉ còn một mình bệnh nhân nằm, cái hình bóng nhỏ nhoi trông thật tội nghiệp nằm im trên tấm khăn trải giường trắng mướt. Nghe tiếng động, Thanh quay lại và ánh mắt sáng lên khi nhận ra tôi. Tôi bây giờ không đeo chiếc mask nữa vì biết rằng sau cuộc thử nghiệm anh không bị lao phổi mà bị những tế bào gây ung thư phổi.

- Dr. V đó à, tôi cũng muốn nói chuyện với Dr. V một chút. Dr. V có thì giờ để tôi nói chuyện không ?

- Tôi có nhiều giờ lắm. Anh Thanh cứ nói đi. Tôi đáp lời.

- Cuộc đời tôi bây giờ có hai nguyện vọng. Thứ nhất là gặp được con gái tôi sau mười mấy năm xa cách. Còn nguyện vọng thứ hai thì mong manh lắm, tôi chắc sẽ không thành đâu. Thanh ngập ngừng.

- Lần cuối anh gặp con gái ở đâu và bao lâu rồi ? Tôi hỏi.

- Khoảng chừng 10 năm. Tôi lập gia đình khi gặp vợ tôi 15 năm về trước. Nàng lúc ấy có một vẻ đẹp u buồn, giống như người con gái mà ngày xưa tôi đã gặp. Sau 5 năm thì tình cảm giữa chúng tôi phôi pha. Cũng không hiểu tại sao. Chúng tôi lúc đó ở San Jose, nàng theo đạo Công Giáo và có gia đình thân quyến ở đây. Hơn mười mấy năm không liên lạc, tôi nghĩ là họ không còn ở đó nữa đâu. Thanh nói.

- Còn nguyện vọng thứ hai của anh là gì ? Tôi hỏi.

Thanh ngập ngừng không nói. Tôi cũng không ép Thanh làm gì.

Tối đó, khi về nhà tôi liên lạc với ông anh tinh thần tên Peter đang làm việc ở Los Angeles. Nói là anh chứ thật ra ông ấy là linh mục của một giáo phận Công Giáo ở vùng Riverside.

Sau khi nghe chuyện xong, linh mục Peter bảo tôi hãy yên tâm để ảnh liên lạc giúp tìm vợ con anh Thanh. Hai ngày sau, cha Peter gọi lại báo tin đã tìm được họ rồi. Số là, cha Peter có điện thoại về địa phận Công Giáo vùng San Jose và nói chuyện cùng cha xứ ở đó. May mắn thay vợ của Thanh còn một bà mẹ ở xứ đạo này và cha xứ đã nói chuyện cùng bà ấy về việc Thanh muốn gặp lại vợ con mình.

Hằng ngày tôi vẫn đến thăm Thanh. Thời kỳ này anh đang được chữa trị bằng hóa trị. Anh cũng bị những phản ứng phụ như ói mửa, buồn nôn, đi tiêu chảy và tiểu cầu cùng hồng huyết cầu bị xuống thấp nên phải tiếp huyết cùng chuyển tiểu cầu. Thanh vẫn buồn bã và thỉnh thoảng tôi thấy Thanh khóc. Còn người thì hốc hác đi nhiều. Tôi không nói cho Thanh biết về vụ vợ con Thanh, để tránh cho Thanh khỏi thất vọng, nếu không gặp được vợ con mình. Thanh cũng không nói nguyện vọng thứ hai của anh là như thế nào.

Sau đó một tuần, một buổi chiều tôi ghé thăm Thanh. Qua cửa sổ kiếng của phòng, tôi thấy có hai người đang quây quần kế bên anh. Một người đàn bà có vẻ như là vợ của anh và một cô bé chừng 15-16 tuổi. Tôi đoán chắc là vợ con của anh. Thanh ngó ra và tôi đã thấy ánh mắt của anh. Ánh mắt vừa tỏ vẻ biết ơn nhưng lại

đượm buồn thêm một chút gì u uẩn nào khác nữa. Tôi mỉm cười và giơ tay lên chào. Anh gật đầu và cũng mỉm cười lại.

Tối hôm ấy, tôi không ghé thăm Thanh như thường lệ, nhưng trong lòng tôi rất vui mừng, vì biết rằng Thanh đã tìm được vợ con của mình. Tình cảnh đã thay đổi vào lúc cuối đời rồi, Thanh cũng nên hoà giải để tâm hồn được an vui và thanh thản một chút. Tôi thầm nghĩ như vậy.

Chiều hôm sau, tôi ghé qua thăm Thanh thì phòng nay đã trống. Cô trưởng toán điều dưỡng ở khu này đến gặp tôi báo là Thanh đã đi về San Jose với vợ con mình và nhờ trao cho tôi một cái túi xách bằng nhựa. Bên trong túi xách này có một cái túi xách Pan Am mà tôi đã thấy khi Thanh mới vào nhà thương nơi phòng cứu cấp. Mở cái túi xách Pan Am ra thì trong đó có một túi đồ. Tôi vội mở túi đồ ra thì có một lá thơ và một cái mũ màu ngà đã sờn mòn nứt nẻ nhiều nơi. Tay run run tôi cầm mở rộng cái mũ cũ nầy ra. Vành mũ bên trong có 5 chữ viết bằng mực xanh mà nay tuy nét mực đã mờ loang lổ nhiều nơi, nhưng tôi vẫn nhận ra là nét chữ và tên của mình.

Chuyện gì đây ?

Sao cái mũ này lại ở đây ?

Trời ơi thật khó hiểu quá. Tôi không tự chủ nổi, vội ngồi bệt xuống cạnh cầu thang máy và mở lá thư của Thanh ra đọc.

V thân mến,

Rất ngạc nhiên phải không V khi nhận lá thư này. Xin lỗi V cho Thanh được gọi tên Dr. V một cách thân mật nhe. Mình đã học chung với nhau ở Đại Học Khoa Học mà V vô tình không còn nhớ Thanh nữa đó V. Thanh là người hay ngồi đằng sau lưng của V khi mình học môn Sinh Lý Sinh Hoá của bà Phiêu (vợ Bác Sĩ Trần Ngươn Phiêu) dạy.

Có nhiều lần Thanh định làm quen với V nhưng không có cơ hội. Một hôm tình cờ thấy V bỏ quên cái nón (mũ) của Vi ở trong trường Thanh đã lấy về. Rồi mấy lần định trao lại cho V nhưng không đành lòng. Thôi thì cứ giữ một chút gì của V để mình thương nhớ.

Cả đời Thanh đã mang cái nón của V theo mình hơn 40 năm. V ơi, chiếc nón này đã vào sinh ra tử với Thanh khắp bốn vùng chiến thuật, đã trải qua những thăng trầm dâu bể cuộc đời. Thật ra thì Thanh cũng rất hạnh phúc vì lúc nào cũng có cảm tưởng là V đang ở cạnh mình.

Hôm Thanh từ giã trường lớp để đi Thủ Đức, có viết thư giã từ với V và xin gặp V một lần. Thanh đợi suốt cả buổi sáng nhưng không thấy V đến. Khi có dịp thì Thanh cũng cố tìm V nhưng V đã biệt tích rồi. Nghe phong phanh bạn bè nói là V đã chết rồi. Thanh thì không bao giờ tin như vậy.

Ngay ngày đầu vào nhà thương, Thanh đã nhận ra V liền dù thời gian có làm V thay đổi, nhưng ánh mắt và nụ cười của V không khác xưa. Định nói ra cho V rõ nhưng lại thôi. Mọi sự đã muộn màng rồi. Nói ra chỉ làm bận lòng người bạn của mình.

Bây giờ Thanh xin trao lại chiếc nón này cho chủ cũ của nó. Lòng của Thanh cũng rất thanh thản vì cuối đời được gặp lại V. Lại được V chăm sóc mấy tuần lễ nay rất chu đáo và có dịp nói chuyện với nhau như hai người bạn thân thiết ngày xưa.

Cảm ơn V đã lo lắng và chăm sóc Thanh mấy tuần lễ qua. Cũng xin cảm ơn V đã giúp tìm lại con gái của Thanh. Thanh bây giờ xin trao trả lại cái nón cho chủ cũ của nó.

Tất cả tâm tình của Thanh trong mấy chục năm qua cũng xin gửi lại V. Xin V nhận vì đây là nguyện vọng thứ hai và cuối cùng của Thanh.

Vĩnh biệt nhe.

Thanh

Nước mắt tôi đã rơi ướt đẫm trên thư của Thanh hồi nào tôi cũng không biết. Thật là cả một chân tình mà tôi vô tình không rõ.

Nếu Thanh biết rằng năm xưa, khi nhận được thư của Thanh, dù không biết Thanh là ai, tôi cũng đã bâng khuâng, nửa muốn đến gặp người bạn này trước khi anh lên đường nhập ngũ, nửa lại ngại ngùng. Nhưng giờ cuối cùng thì tôi có đến chỗ Thanh đã hẹn, nhưng đã muộn vì xe cam-nhông đã chuyển bánh trên đường vào Thủ Đức. Nếu biết vậy thì Thanh cũng có phần nào an ủi. Thôi cũng là số mệnh !

Và trời ơi ! Bây giờ tôi lại mất đi thêm một người bạn cho cái bệnh ung thư quỷ quái này nữa rồi. Cả đời tôi đã làm việc không biết mệt để đem một chút gì hiểu biết về ung thư ra chia sẻ cho người đời qua những buổi thuyết trình, hướng dẫn, hỗ trợ để ngăn ngừa hay tìm kiếm ung thư sớm.

Phải chi tôi gặp lại Thanh sớm hơn để có dịp khuyên Thanh nên ngừng hút thuốc, để tìm kiếm bệnh này sớm thì biết đâu Thanh sẽ không đến nỗi phải bó tay như bây

giờ. Phải chi... phải chi...

Cả một nỗi niềm hối tiếc ân hận nặng trĩu trong lòng tôi. Tôi biết cuộc hành trình để tìm kiếm và diệt trừ ung thư của tôi vẫn còn dài đằng đẵng không biết bao giờ cho xong.

Ở trên đời có những mối tình như cơn lốc, khi qua rồi thì để lại những tàn phá đau thương. Cũng có những mối tình đơn phương, nhẹ nhàng, thâm trầm và sâu sắc để lại cho tâm hồn tràn đầy những kỷ niệm như những hương xưa, những kỷ vật đơn sơ, những lời thơ mộc mạc, những nụ cười bâng khuâng, hay một bản nhạc thân tình. Xin hãy trân quý gìn giữ những mối tình này, vì tất cả có thể làm cho chúng ta cảm thấy hạnh phúc và ấm áp cõi lòng, vì biết rằng đâu đó trên cõi đời này, có một người nào đó lúc nào cũng nhớ và yêu thương mình. Khi có dịp để lo lắng cho nhau thì cũng nên hết lòng hỗ trợ để biết đâu mình có thể duy trì sức khỏe hay mạng sống cho những người thân mến này.

Tôi đang trầm ngâm suy nghĩ thì có tiếng gõ cửa phòng và giọng Jenny :

- Dr. V, có một cô bệnh nhân mới đến phòng số 32, 43 tuổi, người Việt, bị ung thư ngực tới thời kỳ thứ 4, xin Dr. V giúp tụi em một chút nhe. Jenny năn nĩ.

- Được Jenny, tôi sẽ đến liền. Tôi trả lời.

Lại thêm một ngày nữa và đời sống mọi người cứ đi vòng quanh như vậy, theo những lối đi mà định mệnh đã an bài. Như nước của những dòng sông cứ theo phương hướng đã định trước mà tụ tập về lòng đại dương. Thôi thì ta hãy an vui với số phận của mình, hãy tiếp tục cuộc hành trình mà mình đã chọn lựa, và cứ ấp ủ những mối tình mà mình đã có trong tâm hồn, vì đó là những nguồn hạnh phúc mà không ai lấy đi được. Tôi thầm nhủ, với những hành trình dài và gập ghềnh trong cuộc sống mà mình còn giữ được những tâm tình như vậy thật không phải là may mắn lắm sao ?

Sài Gòn, Hạ Trắng,

tháng Sáu, 2013

Võ Quách Thị Tường Vi

# Tô Phở Duyên Nợ

Nguyễn Thị Hữu Duyên

Tác giả sinh năm 1957, cư dân Santa Ana, công việc: làm nail. Tham gia viết về nước Mỹ từ 2011, với bút hiệu Hữu Duyên Nguyễn và bài «Cám Ơn Bố», bà đã nhận giải Đặc Biệt Viết Về Nước Mỹ 2012. Sau đây là bài viết mới nhất của bà.

Mùa lễ tết năm nay hai vợ chồng Hà quyết định qua Nam Cali chơi.

Từ sân bay về, Thìn cho xe dừng trước tiệm phở ngày xưa.

Thìn bế con gái nhỏ của Hà nhanh chân bước vào tiệm, Hà và chồng còn lục tục mang giỏ tã, sữa cho bé và dẫn con gái lớn vào sau. Cô tiếp viên trầm trồ :

«Em bé đẹp quá, Mỹ hả chị ?» Cô vừa bắc ghế cho bé ngồi vừa hỏi.

«Cha Mỹ trắng, mẹ Mỹ vàng, hi hi.» Thìn dí dỏm.

Vợ chồng Hà cũng vừa vào bàn. Chồng lo cho đứa nhỏ, vợ lo cho đứa lớn, chị năm tuổi, em một tuổi rưỡi, hai chị em giống nhau như đúc. Mắt xanh, mũi cao, da trắng, tóc hoe pha lẫn nét dịu dàng của mẹ, nét dịu dàng

đặc biệt của người phụ nữ Việt nam khiến ai thấy cũng trầm trồ : «Wao, đẹp quá, thấy thương quá»

«Thấy mấy em bưng phở nhớ bọn mình ngày xưa nhỉ.» Hà nhìn Thìn bồi hồi.

Hà sinh ra và lớn lên ở Thanh Hóa, miền Bắc. Năm mười tám tuổi, vừa tốt nghiệp cấp hai xong. Gia đình quyết định gom góp tiền của, và mượn thêm vàng của bác Hai lo cho Hà đi du học.

Với giọng Bắc đặc sệt lại mang âm hưởng của vùng nhà quê Thanh Hóa nặng nề, cô không dễ tìm bạn ở Mỹ vì đa số cho rằng Hà là Việt Cộng nên không chơi.

«Nè cẩn thận với con Việt Cộng đó nhen. Có thể nó được Cộng sản cài vô để hại bọn mình, chứ Cộng sản có ưa gì Mỹ đâu mà qua Mỹ học.»

Tiếng chì, tiếng bấc các bạn nói sau lưng nhưng lại cố ý cho lọt vô tai Hà.

Hà tủi thân, thầm trách trời, oán đất sao mình lại sinh ra ở miền Bắc mà không là miền Nam ? Cùng một dải đất hình chữ S, cùng dòng máu đỏ, cùng màu da vàng mà sao lại phân biệt đến đáng thương. Hà không bận lòng với chế độ, với chủ nghĩa thì tại sao cái chế độ, cái chủ nghĩa ấy lại ảnh hưởng đến Hà. Tại sao và tại sao ?

Ngán ngẩm, Hà bất cần, cô dán lên khung cửa sổ khẩu hiệu : «Bạn là hoạn, bè là nạn» tự nhắc mình không cần đến mối quan hệ ấy !

Suốt một năm học Hà chỉ chơi với hai người cũng dân Bắc như Hà : người ở Hà Nội, người ở Hải Phòng. Nhưng hai cô này khó trở thành tri kỷ vì gia đình họ rất giàu, con cán bộ cấp cao, tiền bạc xài thoải mái, không thích hợp với Hà. Họ mới đích thực là «Việt cộng nòi, «còn Hà ? Có tiếng nhưng không có miếng, ở với Cộng sản nhưng luôn đề phòng Cộng sản.

Hai năm đầu vẫn còn học ESL, tiền học đóng không nhiều. Vừa học, vừa làm để kiếm tiền trang trải mọi chi phí và dành dụm gửi về quê trả món nợ «du học.»

Cái giọng Thanh Hóa đặc sệt ấy là một trở ngại lớn khi gọi phone xin việc làm. Bất cứ việc gì : bồi bàn, rửa chén, giữ em bé... Hà không nệ nhưng... người ta lại «nệ» cô vì là «Bắc kỳ». Hà thắc mắc trong lòng : «Sống ở Mỹ, tự do và không được kỳ thị đó là luật nhưng sao người Việt mình lại kỳ thị quá như vậy ?» Tự thắc mắc rồi tự trả lời : «Chắc họ không hiểu luật».

Xin việc nơi nào cũng bị từ chối, sau đó Hà quyết định đi đến tận nơi chứ không gọi phone nữa. Khi gặp mặt có lẽ họ sẽ dễ nhận hơn. Nghĩ thì làm, lần ấy Hà

đến tiệm phở vừa đăng rao vặt cần hai nữ tiếp viên, biết tiếng Anh và tiếng Việt.

Hà nhìn bà chủ cười thật tươi : «Xin lỗi, cháu thấy cô đăng báo cần tiếp viên nên đến xin việc, không biết cô đã có người chưa ạ ?

Qua cặp kính cận dày cộm, bà chủ lướt mắt thật nhanh từ đầu đến chân cô, bà chưa kịp trả lời, Hà nài nỉ :

«Xin cô giúp cháu, cháu cần việc làm, cháu hứa sẽ làm siêng năng và cháu tin là cô sẽ hài lòng, bởi vì cháu quen cực khổ lắm rồi ạ». Hà cất giọng dịu dàng và nhỏ nhẹ nhất ở mức độ có thể, mong nhận được thiện cảm của bà chủ.

Trời không phụ lòng, bà chủ chấp nhận cô sau khi bàn bạc với chồng vài câu. Hôm ấy có một sinh viên du học người miền Nam, Thìn, cũng được nhận cùng với Hà.

Việc làm bưng bê phở là thịnh hành nhất, vừa học vừa làm kiếm tiền gửi về Việt nam trả nợ ai cũng trải qua. Ngoại trừ một số ít gia đình có tiền của sẵn nên các em qua đây chỉ để lo học mà thôi. Đa số các em vay mượn nợ để đi. Hình như mọi người đều biết các em sinh viên du học cần tiền trả nợ nên nghề bưng bê phở hoặc phụ

giúp việc nhà hàng được nhiều tiền tip lắm. Đó là cách giúp đỡ gián tiếp của đồng hương

Từ đó hai bạn làm chung với nhau trong tiệm phở ấy. Thìn dễ thương và không có thành kiến gì với Hà. Hai cô làm việc siêng năng, đúng giờ, cần mẫn vì cả hai có cùng hoàn cảnh giống nhau : Nhà nghèo phải mượn tiền để lo đi du học nên thiếu nợ. Cả hai đều chi tiêu tiện tặn từng đồng, không phung phí, không đi mua sắm như những cô sinh viên con nhà giàu. Quần áo, hai cô xin của con Bà chủ, ăn uống ở tiệm. Lúc nào trong xe cũng có thùng mì gói, Hà thường bảo : «Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm.» Thìn thì lại mở Kinh Thánh đọc cho Hà nghe : «Đủ ăn, đủ mặc thì phải thỏa lòng vì sự tin kính và sự thỏa lòng là một mối lợi lớn.»

Thìn thường rủ Hà đi đến Hội Thánh Tin Lành để «thờ phượng Đức Chúa Trời» là Đấng Tạo hoá. Thìn thường hỏi thăm về «miền Bắc», Thìn muốn biết về sinh hoạt, đời sống của người dân cùng da vàng, máu đỏ như mình mà bấy lâu nay bị chia cắt không quan hệ với nhau, giống như anh em bị thất lạc vậy. Hà được dịp tâm tình :

«Năm năm mươi tư, mọi người ùn ùn di cư vào Nam gia đình tớ cũng định đi nhưng thời gian đó bà nội tớ đau nặng, bố tớ sợ khi đi bà chết trên tàu thì phải ném

thây xuống biển cho cá ăn. Bố không đành lòng như thế nên ở lại miền Bắc sống với Cộng sản. Việc ngoài ý muốn, gia đình tớ nhất định không tham gia vào chính trị. Bố có nghề thợ mộc nên cứ chăm chỉ làm công cho đồng bào, để sống qua ngày. Gia đình quyết định cho tớ đi du học ước mong tớ có cơ hội đổi đời và giúp gia đình đổi theo. Hy vọng lột được hai chữ «Việt Cộng» bỏ lại cho chúng nó để đến đất nước tự do.»

Thìn rất thông cảm Hà, giúp được gì cho Hà thì giúp hết mình. Thìn bảo : «Giúp Hà là mình đang làm việc cho Chúa» Thìn cũng khuyên Hà nên đặt đức tin nơi Chúa Giêsu để nhận được sự bình an, sự giúp đỡ từ Đấng cầm quyền trên vũ trụ này. Hà học chủ nghĩa «vô thần» và thuyết «tiến hoá» từ nhỏ nên chưa chấp nhận được những điều Thìn nói, nhưng cũng không phản bác vì : «Phải có một Đấng sáng tạo chứ, không cái gì tự nhiên mà có cả.» Tự thâm tâm Hà nghĩ thế.

«What are you thinking ?»

Câu hỏi của Mark kéo hai bạn về thực tại. Thìn lắc nhẹ đầu, hé một vệt cười trên khoé môi, cô vui vì thấy ánh mắt anh tràn ngập hạnh phúc và thỏa lòng. Mark cho tương vào tô phở xe lửa, mặt tươi rói.

Hà loay hoay cắt phở và thịt cho con, con bé chun mũi hít hít ra vẻ tay ăn phở sành điệu.

«Cho xin một chén hành dấm.» Hà gọi thêm, đó là sở thích của Hà khi ăn phở, Thìn thì không ăn được hành sống như vậy.

Thìn ngắt từng lá quế cho vào tô như thấy hình ảnh mình đang xếp các cọng quế và ngò gai vào đĩa giá chuẩn bị bưng ra cho khách. Còn nhớ vào những dịp lễ lớn, hoặc tết, tiệm mở cửa hai mươi bốn giờ, bà chủ yêu cầu làm tăng ca hai bạn cũng không dám từ chối, buồn ngủ đến khiếp nhưng vẫn cố gắng vì đó là dịp để kiếm thêm tiền.

«Bây giờ các em dễ kiếm việc hơn chúng mình ngày trước vì nhà hàng, chợ búa mọc lên như nấm.» Thìn vừa vuốt tóc đứa bé vừa nhẹ giọng.

Kỷ niệm chợt ùa về như cơn gió tràn vào qua cánh cửa vừa được mở tung. Thìn nhắm mắt dâng lời tạ ơn trước khi ăn. Hai bạn và đứa bé gái cùng Amen với giọng hào hứng vô cùng.

Nợ duyên của Hà xuất phát từ tiệm phở này, nói đúng hơn là từ một «tô phở» khi đến lượt cô lấy «order» một ông khách Mỹ.

«Ông cũng biết ăn phở sao ?» Hà hỏi khách tiếng Anh nhẹ như gió (chứ không nặng như khi nói giọng Thanh Hoá).

«Yes.» Khách nheo mắt với Hà.

Cô thấy vui vui vì người khách dễ thương này. Khách giới thiệu tên «Mark» khi Hà bưng phở ra, gián tiếp muốn biết tên Hà.

Mark ở Michigan qua Nam Cali hai tháng một lần, mỗi lần năm ngày. Là kỹ sư giỏi, lâu năm, nhiều kinh nghiệm, làm việc trong hãng chế tạo máy bay. Anh đi đây đó đến các chi nhánh của công ty để hỗ trợ kỹ thuật. Qua Cali anh đến chi nhánh ở Tustin, Irvine. Anh thích thuê khách sạn ở G. G để được gần nhà hàng Việt Nam, được ăn món phở mà bạn bè giới thiệu và anh rất thích. Hầu như khi đến Cali Mack ăn phở mỗi ngày. Khi gặp Hà tại tiệm này, Mark không phải chỉ mê tô phở mà thôi nhưng hình như cô tiếp viên Bắc kỳ nho nhỏ xinh xắn ấy đã quấy động trái tim Mack. Anh xem «phở» như món ăn chính của mình. Ăn sáng trước khi đi làm, buổi chiều khi làm về và buổi tối trước khi đi ngủ, nếu ngày đó anh chưa được gặp Hà. Rồi làm quen, rồi xin số phone, rồi hẹn hò, rồi tình cảm bỗng dưng không mời mà đến, rồi xa nhau chợt nhớ, rồi khi gần thì lại chẳng muốn xa. Không ai mà chẳng nhận ra giữa họ : «Tình

trong như đã, mặt ngoài còn e» (*) Mark hơn Hà chín tuổi, nhưng anh vui nhộn, trẻ trung, đơn giản, không kiểu cách, không cầu kỳ, không hình thức, không đãi bôi, và có ước muốn cưới vợ Châu á. Ba Mark từng có mặt ở chiến trường Việt nam bốn năm và có mối tình đẹp, trong sáng với cô nữ sinh vùng sông nước Hậu giang. Khi về Mỹ tình yêu của họ trở thành kỷ niệm, do đó ông thường ca tụng với mẹ con Mark về người phụ nữ Việt nam.

Phần Mark, sau thời gian tìm hiểu, đến khi duyên thắm, tình đậm, tình càng đậm hơn với những tô phở thơm lừng. Mark ngỏ lời cầu hôn.

Không có lý do gì để từ chối, thêm sự vun bồi của Thìn, Hà đồng ý.

Sau một chuyến đi Cali về, Mark trao cha tấm ảnh cô gái Việt có mái tóc đen tuyền, dài nửa lưng, ánh mắt huyền, tròn xoe tinh nghịch, chiếc miệng hơi rộng với đôi môi hơi dày trông hiền và hấp dẫn. Chiếc cằm vuông biểu hiện bản chất kiên nghị, nhẫn nại. Nụ cười của cô như ánh đèn soi, sáng bừng cả gương mặt.

«Cô ấy tên Hà, con quen hơn một năm rồi. Con muốn cưới.» Mark nói với Ba.

Ba hỏi thăm về Hà và muốn gặp cô vào mùa Giáng sinh năm đó.

Hà rủ Thìn đi Michigan thăm gia đình Mark. OK.

Mùa đông Michigan thật lạnh, tuyết rơi trắng đường. Hôm ấy thời tiết xuống âm 22 độ Đã được Mark dặn dò mà áo khoác của hai cô vẫn không đủ ấm, dự định ra cửa đứng đợi Mark và nhìn tuyết rơi cho sướng mắt, nhưng cái lạnh khiến hai bạn run từ trong ruột run ra, phải trở vào bên trong chờ Mark gọi mới chạy vội ra. Mẹ Mark thật chu đáo, sắm sẵn cho hai cô mỗi người một chiếc áo lông giả thật đẹp và sang trọng gọi là quà Giáng sinh. Họ khoác lên người, buốt giá nhường chỗ cho hơi ấm len vào hai tấm lòng viễn xứ. Riêng Hà cô ấm cả trái tim đang yêu và được yêu.

Ba ngày ở Michigan, chơi với tuyết, chụp hình với tuyết, đi dưới tuyết, ngồi hứng tuyết rơi, xem xe rải muối cho tan tuyết, xúc tuyết trên lối đi bộ, cào tuyết đọng trên xe vào sáng sớm, hai bạn tranh nhau làm. Lần đầu tiên thấy tuyết nên vô cùng thích thú. Hà đem lòng yêu Michigan và yêu màu trắng của tuyết từ dạo ấy.

«Mừng thay chốn ấy chữ bày. Ba sinh âu hẳn duyên Trời chi đây» (*)

Gia đình Mark đồng ý, năm tháng sau, hôn lễ được cử hành tại Presbyterian Church ở Michigan nơi mà gia đình Mark đi nhóm thờ phượng Đức Chúa Trời hàng tuần. Ngày cưới hai bạn, Thìn bay qua từ Nam Cali. Thìn thầm cầu nguyện cho Hà biết giao đời mình cho Đấng cứu chuộc tên Giêsu để cuộc đời thực sự phước hạnh, chứ không chỉ giao trong tay Mark.

Từ đó Thìn không có dịp qua Michigan nữa, vì bận rộn chồng con rồi lo làm kiếm tiền bảo lãnh gia đình qua Mỹ. Hai bạn vẫn giữ liên lạc với nhau, bây giờ Hà là một con chiên ngoan đạo hơn cả Mark. Lần sanh đứa con đầu Hà đau bụng lâu lắm, sợ hãi nên gọi Thìn nhờ cầu nguyện cho hai mẹ con. Thìn đọc cho bạn nghe câu Kinh Thánh : «Đức Giêhôva phán : Ta là Đấng mở lòng mẹ ra, Ta là Đấng săn sóc sự sanh đẻ» rồi cầu xin cho Hà được «mẹ tròn con vuông.» Hà vui mừng quên cả đau đớn, «cám ơn» bạn rối rít. Đứa bé mang hai dòng máu Việt - Mỹ ấy là sợi dây thắt chặt tình yêu của họ, là chất xúc tác thêm hương vị cho hạnh phúc gia đình hai bạn.

Hà cũng đã bảo lãnh được cả gia đình qua Mỹ. Bây giờ Hà là chủ tiệm nails ở thành phố T, Michigan.

Vừa ăn phở vừa nhớ chuyện xưa, hai bạn thấy ấm lòng theo từng thìa nước lèo nóng hổi, thơm lừng. Tiệm phở này đã đổi chủ nên bây giờ họ không gặp người quen ở đây. Mark vừa ăn vừa đút cho con. Đàn ông Mỹ họ lo cho con rất giỏi vì họ nghĩ rằng lúc vợ mang con trong bụng họ không giúp được gì, khi con đã chào đời họ phải lo cho con giúp vợ. Vui vẻ, hạnh phúc khi được giúp vợ lo chăm sóc con chứ không phải bị ép buộc. Hình ảnh chồng đẩy xe, xách nôi, cho con bú bình ở bến xe, bến tàu, sân bay là chuyện thường xảy ra ở xứ Mỹ.

«Hà nấu phở rất ngon, tôi ăn nhiều lắm» Mark khoe.

Hai bạn cùng cười thích thú. Thìn đưa ngón tay cái lên về phía Hà ý nói : «Cô ấy là số một.» Mark hãnh diện nhìn vợ, ánh mắt đầy khâm phục, yêu thương.

«Hà có về thăm Việt nam không ?»

«Có, năm 2010, lúc ông Bác qua đời cả nhà về một chuyến.»

«Mark thích không ?» Thìn hiếu kỳ.

«Dĩ nhiên, vì lần đầu về quê vợ mà. Ôi giời ạ, bao nhiêu người từ già đến trẻ đều bu vô ông ấy, ông ấy khoái quá. Chắc tưởng mình là nhân vật quan trọng gì

đó. Hi... hi...» Hà nhìn chồng che miệng cười.

Hà kể, một tháng ở Việt nam đối với Mark là một chuyến phiêu lưu đầy thú vị : «Có lẽ thú dị hơn Dế mèn phiêu lưu ký». Lần đầu được ăn những đặc sản miền Bắc, ngoài phở còn những món ngon vật lạ khác, có món ăn được, có món không.

Điều thú nhất là : từ sáng đến tối, nếu đi thì thôi, ở nhà thì hàng xóm kéo đến đầy nhà. Họ gọi Mark là «Thằng Tây.»

Mark nghe Hà nhắc đến hai chữ «Thằng Tây» biết đang nói về mình nên cười ha hả.»Lần đầu trong đời dân làng tớ được tận mắt nhìn thấy ông Mỹ chính hiệu, không hiểu gì cớ gì họ không gọi «Thằng Mỹ» mà lại gọi «Thằng Tây ? Tớ cũng không biết. Chỉ biết họ cứ ơi ới gọi nhau : «Đến xem thằng Tây này.»; «Cái Hà đi Mỹ, lấy thằng Tây đẹp lắm đưa về nầy, đến mà xem chồng, con của cái Hà bà con ơi.»

Họ kéo đến xem thật, họ rờ rẫm Mark vuốt nhẹ lên làn da trắng lạ lùng, ửng đỏ lên khi trời nóng bức. Có người véo nhẹ xem sao ? Chắc họ tưởng Mỹ không biết đau, hi hi. Khi Mark mặc quần «short», mấy đứa trẻ con cứ bu vào vặt lông chân «thằng Tây»Mark. Có người nhìn thật kỹ đôi mắt màu xanh trong như pha lê của

Mark, họ xầm xì : «Mắt thằng Tây giống mắt con mun nhỉ ! Đẹp quá nhỉ !»

Từ ngày về quê vợ tên Mark không được nhắc đến mà tự dưng có tên mới : «Thằng Tây.»

Nhà lúc nào cũng nghe kêu léo nhéo : «Thằng Tây ơi vô ăn cơm» «Thằng Tây ơi bế con đi» «Thằng Tây ơi khi nào trở về Mỹ ?» «Thằng Tây có thích Việt nam không ?» «Thằng Tây có con đẹp quá !» v... v...

Vui nhất là màn đi chợ. Chị Hai rất thích trêu «thằng Tây», chị dạy Mack khi đi chợ phải biết trả giá, Mack hỏi : «Trả giá» là nghĩa gì ?» Hà giải thích.» Trả giá bao nhiêu ?» Mark lại hỏi, chị Hai dạy Mark nói câu : «Đắc quá, một ngàn thôi». Cả nhà cười quá trời quá đất. (Hà bắt chước Thìn vì Thìn hay nói «quá trời quá đất»)

Sáng hôm sau, Thằng Tây theo chị và mấy đứa cháu đi chợ, Mark trả giá thật.

Mua thứ gì cũng hỏi «Cái này bao nhiêu ?». Người bán trả lời xong, Thằng Tây Mark nói liền : «Đắc quá, một ngàn thôi». Cả chợ cười lăn. Mark cũng cười hì hì theo họ, chứ đâu hiểu được ý nghĩa thâm thuý vì sao họ cười. Họ cười sự ngây ngô của «thằng Tây» biết nói mà không hiểu tiếng Việt.

Thìn hình dung cảnh mọi người bu quanh thằng Tây Mark mà lòng bùi ngùi. Tội nghiệp, họ sống trong sự tuyên truyền, đầu độc quá mức nên khi đối diện sự thật chắc họ ngỡ ngàng lắm. Họ không tưởng được Mỹ tốt và dễ thương như vậy.

Lúc trả tiền, Mark xem hóa đơn xong, ngoắc em tiếp viên ra, tay chỉ vào hóa đơn :

«Đắt quá. Một ngàn thôi.» Mark vừa giả bộ trợn mắt kinh ngạc vừa móc tiền ra trả.

Thìn cười nắc nẻ, mấy người khách chung quanh cũng cười ké, còn vỗ tay nữa chứ.

«Người dân miền Bắc bị tuyên truyền Mỹ xâm lăng, họ đâu có hiểu sự thật. Lẽ ra họ phải ác cảm với «Thằng Tây Mark» mới đúng ?» Thìn thắc mắc.

«Bây giờ người dân họ hiểu Mỹ tốt rồi. Nếu không tốt thì đâu có cho con cháu họ qua du học.» Hà giải thích.»Xóm của tớ ngày xưa nghèo khổ lắm nhưng bây giờ có đô la Mỹ của thân nhân gửi về giúp đỡ nên khá hơn nhiều. Có người còn nói nhỏ với tớ «Thằng Mỹ giàu mà tốt hơn thằng Liên Xô đấy nhé !».

«Nước chảy càng ngày càng tới. Từ từ rồi mọi người cũng hiểu ai tốt, ai xấu; ai hại, ai giúp; ai ghét, ai thương; ai thật, ai giả !» Thìn trầm giọng đủ cho Hà nghe.

Hai người bạn sống trong hai chế độ khác nhau, hiểu biết khác nhau nhiều mặt nhưng được cùng qua Mỹ học và chơi với nhau nên đồng cảm được nhau.

Bây giờ giới trẻ Việt nam qua Mỹ du học nhiều, mắt họ mở ra thấy được đâu là «thiên đàng hạ giới, «đâu là «địa ngục trần gian.»

Đối với Thìn, dầu các bạn trẻ ấy là dân miền Bắc hay miền Trung, miền Nam họ đều là mầm non của đất nước. Nếu họ là con em cán bộ, Đảng viên càng tốt vì họ sẽ được thấy tận mắt, rờ tận tay, được hiểu rõ hơn thế nào về «Thằng Mỹ» mà bấy lâu nay họ chỉ thấy qua những bức tranh vẽ rùng rợn, độc ác, gớm ghê. Họ chỉ được nghe mắng chửi, tuyên truyền bậy bạ.

Dầu họ qua Mỹ rồi họ ở lại hay họ trở về cũng là điều tốt cho họ. Họ sẽ học được những điều hay, những việc tốt của một đất nước tiến bộ, văn minh nhất thế giới. Một đất nước luôn có mặt trước tiên để cứu giúp, giải cứu cho những nơi nào có thiên tai, có chiến tranh, có khủng hoảng, có đau khổ, có áp bức, có sự bất công, có hành động mù quáng. Một đất nước tự do đúng nghĩa,

nhân đạo đúng nghĩa, tiến bộ đúng nghĩa, hùng mạnh đúng nghĩa trong khoảng thời gian ngắn, chỉ hơn hai trăm năm lập quốc.

Thìn đặt tờ giấy hai mươi đô lên bàn.

«Cho nhiều típ để mấy em chia nhau được nhiều, nhớ ngày ấy, hôm nào được tiền tip nhiều Hà mừng quá không thể nào chợp mắt được, cố nhớ lại từng gương mặt khách mà thầm cám ơn họ. Hà bảo với mình như vậy, có nhớ không ?» Thìn mỉm cười.

Hà chớp mắt cố ngăn xúc động, gật nhẹ đầu. Cô đảo mắt một vòng nhìn các em bưng bê, nam có, nữ có đi tới đi lui, nhanh nhẹn, trật tự và vô cùng lịch sự. Mi đã ngân ngấn lệ, Hà như thấy hình ảnh mình mười năm trước mờ ảo, ẩn hiện. Nhìn quanh thực khách như để cố đoán xem trong số những anh chàng đang ngồi ăn ở đây anh nào sẽ gặp được «cái xương sườn số tám» của mình.

Để rồi thêm một mối tình lại bắt đầu qua «Tô phở duyên nợ» đậm tình quê hương.

Nguyễn Thị Hữu Duyên

Ghi chú :

(*) Truyện Kiều của Nguyễn Du

# Hoa Đá

Mimosa Phương Vinh

Tác giả định cư tại Hoa Kỳ theo diện H. O. đầu thập niên 90, cư dânBerryhill, Tennessee, làm việc trong Artist room của một công ty Mỹ. Giải thưởng VVNM 2013, cô có 5 bài tham dự và đã nhận giải Vinh Danh Tác Giả (hình bên) với hai bài viết tiêu biểu : «Thiên Thần Đen» và «Cũng Một Đời Người», kể về những di dân tị nạn tại Mỹ làm việc tới mức quên mình để gửi tiền tiếp viện cho người thân còn ở quê nhà. Sau đây là bài viết mới nhất của tác giả.

Tiếng của mẹ đánh thức tôi dậy trong một buổi sáng mùa hạ của hơn hai mươi năm về trước. Tôi mang buổi mai đó trong suốt cuộc hành trình dài của một kiếp người. Tiếng mẹ còn vang vọng đâu đó một buổi sáng ngày xưa :

- Huyền Châu ơi, dậy đi con.

Tôi dạ lên một tiếng thật to, rồi mắt nhắm, mắt mở bước xuống giường chạy đến giường mẹ, vén mùng chui vào chăn để tiếp tục giấc ngủ của mình. Nhưng tôi vội khựng lại vì có những sự việc không bình thường như tôi nghĩ : mùng, mền đã được xếp lại gọn gàng,

lạnh lẽo và em trai tôi cũng không có trong đám chăn ấm áp để tôi ôm choàng lấy em như mọi khi. Tôi tỉnh ngủ hẳn lại hỏi mẹ :

- Em đâu rồi !

Mẹ cười;

- Em đang chơi đằng trước phòng khách với ông ngoại, bây giờ đã trưa rồi con à !

Nghe mẹ nói, tôi vội nhìn ra sân thì thấy trời đã sáng, ánh nắng chan hoà ngoài vườn, những con chim sẻ đang gọi nhau ríu rít, vui tươi trên những cành cây xanh mướt. Mẹ và tôi ở trong một căn phòng nhỏ của nhà ông bà ngoại nhìn ra phía vườn sau, căn phòng khá xinh xắn đó là giang sơn của mẹ từ ngày còn là một thiếu nữ. Sau cuộc hôn nhân không hạnh phúc với bố, sau những ngày tháng lận đận, lao đao của thời cuộc, sau những bầm dập của cuộc đời mẹ trở về căn phòng bé nhỏ của thời niên thiếu. Căn phòng được kê thêm một cái giường nhỏ cho tôi ở bên cửa sổ và em trai tôi lên hai tuổi thì nằm ngủ với mẹ.

Cứ độ vài ba ngày mẹ lại đáp xe đi Sài Gòn mua hàng về bán ở một khu chợ nhỏ gần ngã tư. Họ gọi đó là chợ Ngã Tư vì nó chẳng có tên nào khác. Mẹ bán

áo quần, giày dép, vải vóc, xà phòng thơm, vân vân và vân vân... tùy theo nhu cầu của những bạn hàng. Họ là những người khá bận rộn với việc mua bán hay gia đình, không có thời giờ lên chợ lớn nên cần gì thì dặn mẹ mua về. Họ nghĩ mẹ bán rẻ hơn vì mẹ không có cửa hiệu hay hàng quán gì để bị đánh thuế nhiều ngoài một cái sập thấp lè tè mà các cậu đã đóng giùm. Tuy nhiên điều mà họ thích nhất là được mua chịu rồi trả góp cho mẹ. Mẹ than vãn vì có nhiều người quá lì nợ. Mẹ ít vốn nên bán xong phải chờ thu tiền được mới đi chuyến tiếp theo được, và đôi lúc mẹ phải ở nhà khá lâu mà những bạn hàng của mẹ thì dặn dò đủ thứ. Nào áo quần đồng phục cho con vào trường, nào vải may áo dài đi đám cưới, nào giày cao gót, nào áo đi mưa. Mẹ gật đầu tất cả, gật đầu luôn với những người mua rồi mà chẳng muốn trả tiền vì mẹ hay nói :

- Đời có người này kẻ khác, đời có người tốt, kẻ xấu.

Những buổi sáng phải đi Sài Gòn, mẹ thường kêu tôi dậy rất sớm để qua nằm với em, vì nằm một mình em lạnh và sợ thì sẽ khóc làm mất giấc ngủ của ông bà ngoại. Tôi học lớp buổi chiều, nên có thể săn sóc em buổi sáng, sau đó ông bà ngoại có thể lo cho em khi mẹ vắng nhà.

Tôi nằm ôm em chờ giấc ngủ trở lại. Tôi có thể nghe tiếng cửa đóng lại nhẹ nhàng và bước chân của mẹ xa dần dần ngoài ngõ. Mẹ đi rất sớm khoảng ba hay bốn giờ sáng, trên một quãng đường dài và vắng để ra bến xe lam. Nhiều lúc tôi chạnh lòng thương mẹ cô đơn, chiếc bóng giữa đêm tối nhưng chỉ một lúc sau con buồn ngủ kéo đến, trong chăn nệm êm ấm tôi ôm chầm lấy em nhỏ và quên đi tất cả. Những ngày không có mẹ tôi rất buồn và mong mẹ mau về với chúng tôi dù xung quanh vẫn có các cậu, các dì và nhất là ông bà ngoại sẵn lòng giúp đỡ.

Những chuyến đi của mẹ kéo dài khoảng ba ngày, đi một ngày, mua hàng một ngày và một ngày về. Có nhiều hôm tôi bồng em ra đường đón mẹ đến tận chiều tối mà không thấy. Mẹ nói xe cộ bất thường nên mẹ không muốn tôi làm như thế. Mẹ không hiểu là tôi nhớ mẹ. Ba ngày, hai đêm xa mẹ đối với một đứa bé lên mười như tôi thật quá lâu. Và em Thái của tôi nữa, em cứ bi bô hỏi tôi :

- Mẹ đâu, mẹ đâu rồi !

Đêm trước mỗi chuyến đi của mẹ, tôi thường cảm thấy buồn thiu và những buổi sáng khi mẹ kêu tôi dậy trông em, giọng mẹ nghe như nặng trĩu nước mắt vì mẹ rất yêu thương chúng tôi, nhất là em tôi chưa đầy hai

tuổi. Tuy nhiên, mẹ không có sự lựa chọn nào khác để nuôi nấng chúng tôi khi bố ra đi biền biệt.

Tôi ngồi trên giường hỏi mẹ :

- Hôm nay mẹ chưa đi sao ?

- Chưa đi được con à, bác Mười và cô Nguyệt hẹn hôm nay sẽ trả nợ nên ngày mai mẹ mới đi được.

Tôi hỏi bằng một giọng giận dữ :

- Mẹ có muốn con đi đòi tiền không ? Mấy người đó lì nợ quá, mua không muốn trả mà cứ dặn đủ thứ.

Mẹ cười :

- Thôi để chiều mẹ ra chợ lấy, con khỏi phải đi.

Tôi rất hãnh diện vì đòi nợ rất giỏi, tôi đến ai lấy tiền cho mẹ và tôi đã quyết định trong lòng : phải lấy được tiền tôi mới đi, vì thế cho nên các bạn hàng của mẹ rất ghét tôi. Tôi thương mẹ nên không cần chú ý những gì họ nghĩ về mình. Vì tôi lì như vậy cho nên khi mẹ đã sai đi tôi không bao giờ về tay không.

Mẹ nói tiếp :

- Hôm nay mẹ con mình vào rừng thông chơi Huyền Châu à.

Tôi trố mắt nhìn mẹ ngạc nhiên :

- Vào rừng thông chơi, còn em Thái có đi không hả mẹ ?

- Không, em còn nhỏ không vào rừng được đâu, con ra bếp ăn cơm rồi đi với mẹ.

Tôi nhìn thấy mẹ đã mang giày và mặc áo khoác ngoài, mẹ đã sửa soạn để vào rừng thông rồi. Một cái giỏ lát nằm dưới nền xi măng, tự nhiên đầu tôi vụt lên một ý nghĩ tôi nói nhanh :

- Con biết rồi, mẹ con mình đi lượm trái thông phải không ? Trái thông đun bếp rất tốt mà ít khói mẹ à.

Mẹ cười :

- Chúng ta vào rừng thông hái hoa đá. Hái hoa đá không mất nhiều thì giờ và không có gì nặng nhọc nên mẹ mới bảo với con là hôm nay mẹ con mình đi chơi.

Tôi vẫn chưa hết thắc mắc :

- Hoa đá là hoa gì hả mẹ, tại sao phải hái nó hôm nay. Trong vườn có hoa hồng, hoa cẩm chướng, hoa bách nhật, bộ mẹ không thích sao ?

Mẹ trả lời :

- Mẹ hái hoa đá để mang về Sài Gòn, những người bán hoa ở chợ Bến Thành dặn mẹ.

À ra thế. Người ta cần mua hoa đá, mà hoa đá là hoa gì nhỉ ? Nghe cái tên thật lạ lùng.

Mẹ con tôi theo con đường mòn vào rừng thông, con đường tuyệt đẹp và ấm áp nắng buổi sáng mùa hạ. Loài ve núi kêu ran khắp mọi nơi khi bổng, khi trầm. Mẹ nắm bàn tay tôi, tay mẹ ấm và mềm truyền cho tôi cảm giác hân hoan, sung sướng vô cùng.

Tôi len lén nhìn mẹ, khuôn mặt người hồng hào vui tươi trái hẳn với vẻ đăm chiêu tư lự hằng ngày. Tóc mẹ dài xõa ngang vai, hai mắt to thường hay có một nỗi buồn vương vấn nào đó. Mẹ kể ngày xưa đi học có nhiều người nhận xét rằng : mẹ có đôi mắt buồn, khuôn mặt đa sầu, đa cảm quá, hứa hẹn một cuộc đời bất an sau này. Đặc biệt hôm nay khi hai mẹ con đang thơ thẩn trong rừng thông tôi thấy mắt người chẳng buồn tí nào

mà lại long lanh tươi sáng mới là lạ. Tôi bất chợt hỏi mẹ :

- Mẹ thích đi dạo trong rừng lắm phải không ?

Mẹ gật đầu :

- Đúng vậy, còn con thì sao ?

- Con chỉ thích đi với mẹ thôi, đâu cũng được.

Tôi bắt đầu hỏi mẹ về chuyện hoa đá :

- Sao mẹ biết trong đây có hoa đá, hoa đá nó như thế nào hả mẹ ?

Mẹ giải thích cho tôi :

- Ngày xưa, lúc còn đi học mẹ hay có những cuộc picnic với bạn bè cùng lớp, cùng trường. Trong rừng có nhiều loài cây và hoa rất đẹp mà mình chưa bao giờ biết. Mẹ đã thấy hoa đá, đó là loại cây màu xanh thẫm chỉ mọc trong những khe đá. Người ta gọi là hoa vì loại cây này rất đẹp, thân cứng có những nhánh, những lá nhỏ uốn cong thành hoa văn cân đối, nhịp nhàng như một loài hoa lạ xanh biếc. Người ta cắm hoa đá xen kẽ với hoa hồng, hoa cúc để tăng thêm vẻ đẹp dịu dàng, quyến rũ của những loại hoa này.

Tôi hỏi :

- Sao người ta không trồng hoa đá hả mẹ ?

- Không ai trồng hoa đá cả, đó là một loại cây chỉ mọc trên đá và những vùng rừng rú hoang vu. Hôm về Sài Gòn đi qua hàng hoa thấy họ bày hoa đá, mẹ hỏi những bà bán hoa thì người nào cũng cần mua cả cho nên hôm nay mẹ con mình mới đi tìm hoa đá. Mặt hàng này không phải bỏ vốn mà qua các trạm thuế cũng không bị làm khó dễ, chỉ cần vài bó hoa là mẹ có thể đủ tiền trả vé xe.

Bây giờ tôi đã hiểu vì sao phải vào rừng với mẹ. Trên đường đi chúng tôi thỉnh thoảng gặp những người quen trong xóm đi kiếm củi, tôi cũng gặp những đứa bé trai học cùng trường khệ nệ búa rìu và mớ củi nặng trên đôi vai bé nhỏ. Mẹ luôn miệng nói : tội nghiệp. Tôi thì nghĩ rằng ai cũng tội nghiệp cả vì mọi người đều nghèo khổ như mẹ con tôi, nhưng chắc chắn rằng không ai đi tìm hoa đá như chúng tôi. Đó là điều bí mật, tôi thấy thích thú với ý nghĩ này nhưng chẳng hề nói ra với mẹ.

Khi đến một đoạn đường có nhiều vách đá ở phía trong mẹ chỉ tay :

- Chúng ta hãy rẽ vào chỗ kia, đó là nơi hoa đá mọc.

Tôi bước theo mẹ, khi đến gần chân vách đá mẹ chăm chú nhìn quanh một lát rồi nói thật to một cách vui mừng :

- Ồ đây rồi, nhiều hoa đá quá !

Tôi háo hức hỏi mẹ :

- Đâu, hoa đá ở đâu ?

Mẹ chỉ cho tôi những loài cây xanh thẫm mọc xen kẽ trong vùng đá trắng. Tôi reo lên một cách kinh ngạc, vì hoa đá thật đẹp trên sức tưởng tượng của tôi. Những thân cây và lá cứng cáp, nhịp nhàng, cânđối uốn cong thành hình những móc câu đều đặn như có bàn tay xếp đặt của một nghệ sĩ nào đó. Hoa mọc chi chít, mạnh mẽ vượt thẳng trên những khe đá trắng xám trơn bóng. Một mùi thơm dịu dàng, tinh khiết thoang thoảng trong không gian. Hương của núi rừng hay hương thơm của loài hoa đá. Hạnh phúc bất chợt nào đó như một cánh bướm mongmanh đáp nhẹ trên mái tóc tôi- đứa bé gái lên mười.

Tôi cười thật to, lòng vui như mở hội, say sưa hái những cành hoa đá và tôi quay sang nhìn mẹ. Tôi vô cùng ngạc nhiên và sung sướng khi thấy người cũng hạnh phúc như tôi. Môi mẹ nở nụ cười thật tươi, thoáng u buồn trong đôi mắt bay đi đâu mất, tóc mẹ phất phơ, dịu dàng trong gió và bàn tay thoăn thoắt trong những cây hoa xinh tươi, mạnh mẽ vươn lên trong một góc rừng cô quạnh.

Tôi vừa hái hoa vừa nói chuyện với mẹ :

- Loài hoa này mạnh quá mẹ nhỉ ? Chúng có thể mọc cả trên đá, chúng hút nước ở đâu mà nuôi cây hả mẹ ?

Mẹ trả lời :

- Giữa những khe đá vẫn có đất và nước có thể nuôi được hoa đá, vì sống trong một môi trường eo hẹp như vậy nên loài hoa này mang một vẻ cứng cáp, mạnh mẽ hơn những loài hoa khác. Con có nhận thấy như thế không ?

Tôi gật đầu :

- Dạ, đúng rồi mẹ ạ !

Mẹ nói tiếp :

- Hoa cũng như người thôi. Nếu sống trong một hoàn cảnh khó khăn con người sẽ được tôi luyện thành một người có bản lãnh, khôn khéo và dễ thành công ở cuộc đời hơn những kẻ khác. Con hiểu không ?

Tôi trả lời mẹ rằng tôi hiểu mà thật ra tôi không hiểu rõ lắm những gì mẹ đang nói với tôi. Mẹ luôn luôn nghĩ rằng tôi là một người lớn dù rằng tôi mới lên mười, dù sao tôi cũng rất lấy làm hãnh diện được mẹ trò chuyện, tâm sự nhất là ở một buổi sáng tuyệt vời trong rừng như sáng hôm nay.

Sau khi đã hái đầy giỏ hoa đá, mẹ con tôi ra ngồi nghỉ trên một ngọn đồi thấp. Nhìn xuống thung lũng ngút ngàn thông xanh bên dưới, lòng tôi ngập tràn niềm hân hoan, hạnh phúc. Gió ào ào qua đồi đôi lúc làm tôi ngạt thở, nhưng chỉ vài giây cảm giác ấy tan biến đi chỉ lưu lại trong tôi sự sảng khoái, thích thú lạ lùng và chờ đợi cơn gió kế tiếp. Giọng tôi lạc đi trong tiếng gió vi vu, ào ạt trên đồi :

- Mát quá mẹ nhỉ ?

Mẹ nói thật to như muốn át cả tiếng gió :

- Ở đây đẹp quá, thiên nhiên thật là một điều kỳ diệu mà đấng tạo hóa đã ban cho con người đó con. Đời con người cũng có nhiều lúc buồn đau, cũng có những lúc hạnh phúc. Hạnh phúc đến thật bất chợt trong một giây phút không ngờ như nó đã đến với mẹ sáng hôm nay và cho con nữa phải không ?

Tôi gật đầu nhưng một thoáng tôi cảm thấy có một nỗi đau trong trái tim bé nhỏ của mình, tôi nghĩ đến ngày mai mẹ sẽ đi Saigon, tôi phải xa mẹ ba ngày. Tôi luôn ước ao được sống gần mẹ trong tất cả mọi ngày, tôi buột miệng nói lên ý nghĩ ấy :

- Mai mẹ đi rồi, buồn lắm, con chỉ muốn mẹ ở nhà với con thôi !

Mẹ mỉm cười an ủi :

- Mẹ không đi buôn bán lấy tiền đâu mà lo cho hai con, nhà mình nghèo lắm con à !

Tôi trả lời mạnh dạn :

- Con biết chứ, lớn lên làm ra tiền con sẽ không cho mẹ đi buôn đâu. Mẹ đi sớm khổ lắm, trời lạnh và buồn nữa.

- Mẹ cũng chẳng muốn đi xa các con, nhưng mẹ không có sự lựa chọnnào cả.

Tôi bỗng nói thẳng với mẹ điều tôm ôm ấp bấy lâu nay trong lòng :

- Con muốn đi Mỹ, ở bên đó sung sướng lắm, người ta đi xe hơi, ăn bơ, ăn sữa, ăn bánh mì, mặc áo quần đẹp và ở nhà sang !

Mẹ trố mắt nhìn tôi, mẹ hơi bất ngờ vì câu nói của tôi rồi đôi mắt chợt xa vắng :

- Ai cũng thích đi Mỹ cả, nhưng làm sao để đi được mới là điều khó đây.

Tôi nhớ có lần tôi đã đem điều này nói với bà ngoại thì bà khuyên tôi rằng : Thôi đừng mơ tưởng cao xa nữa con ạ, mình không thể nào đi Mỹ được đâu vì ông bà ngoại nghèo, mẹ con cũng nghèo, cha mày thì bỏ đi biền biệt. Mẹ con lo cho hai đứa bây được ngày hai bữa cơm là tốt rồi, đừng mơ tưởng ảo huyền, lo mà học hành cho mẹ vui là tốt rồi con ạ.

Lời khuyên của bà ngoại đã dập tan hy vọng bé nhỏ của tôi, nhưng tôi vẫn thấy ấm ức làm sao ấy. Tôi giận ngoại dù tôi biết giận như thế là sai, bà ngoại đã nói đúng sự thật về hoàn cảnh gia đình tôi.

Tôi nhìn mẹ rồi nói một cách quả quyết :

- Nếu con đi Mỹ được mẹ sẽ khỏi đi buôn trong buổi sáng trời lạnh, con sẽ lái xe chở mẹ đi chơi và con sẽ mua cho mẹ một ngôi nhà có lầu. Ngôi nhà sẽ có vườn để mẹ trồng hoa hồng và hoa tím. Con sẽ mua áo quần đẹp, mua son phấn cho mẹ, bởi vì con rất thương mẹ, con không muốn mẹ khổ đâu !

Tôi nói với mẹ hết những ý nghĩ vương vấn trong đầu và tôi khóc khi nói ra những điều đó. Tôi không xấu hổ khi nói ra những ước mơ quá to tác của mình vì tôi nghĩ mẹ sẽ không bao giờ cười và nhất là mẹ sẽ không dập tắt một cách phũ phàng những hy vọng đang lóe lên trong tôi như bà ngoại đã làm. Tôi nói tiếp khi nước mắt đã tràn đầy trên khuôn mặt :

- Con đã nói với bà ngoại những điều này và ngoại khuyên con đừng mơ ước cao sang. Khi người ta nghèo người ta không có quyền mơ ước hay sao mẹ ?

Nói đến chữ «nghèo» tôi cảm thấy tủi thân nên khóc òa lên. Nghèo ! nghèo ! nghèo ! ... Ôi sao mà khủng khiếp quá, nghèo như một ám ảnh tàn nhẫn, đau đớn, ma quái đè nặng trên tuổi thơ của tôi. Tôi muốn chạy trốn mà sao nó cứ lởn vởn và nhắc nhở tôi rằng : tôi là một đứa bé con nhà nghèo. Và tôi không có quyền hy

vọng hay mơ ước gì cả.

Mẹ ôm chầm lấy tôi, tôi cảm thấy hơi ấm và mùi thơm thân thuộc của người phủ đầy trên thân thể bé nhỏ tôi và nước mắt của người hòa lẫn với nước mắt tôi. Cả bầu trời thương yêu, đôn hậu, dịu dàng bao trùm lấy đầu óc, ý tưởng và cuộc đời tôi trong giây phút ấy. Giây phút đó, tôi không thể nào quên được trong suốt cuộc hành trình dài của mình, cuộc hành trình tên gọi «cuộc đời» với tất cả những hạnh phúc hay bất hạnh của nó. Không, tôi không thể nào quên !

Khi qua cơn xúc động, mẹ lau nước mắt cho tôi và người nói thật dịu dàng, thật đằm thắm :

- Không ai có quyền cấm mơ ước của người khác, nhưng đừng trách bà ngoại, bà già rồi với những thiệt thòi, đau buồn khắc nghiệt sau lưng và trước mặt. Chính mẹ cũng chẳng làm cho bà vui khi tuổi đã gần đất xa trời. Con còn rất bé để hiểu thế nào là cuộc tang thương của đất nước trong cơn biến loạn. Tuy nhiên mơ ước nào cũng có thể thành sự thật và cần nhất là chúng ta phải biết nuôi dưỡng, vun bồi mơ ước đó.

Mẹ mỉm cười nhìn tôi âu yếm :

- Làm sao ai có thể nói được về ngày mai của mình, con tin mẹ đi rồi mơ ước của con sẽ thành sự thật. Năm năm, mười năm sau biết đâu con sẽ có mặt trên nước Mỹ, ai mà biết được tương lai phải không con ?

Mẹ sẽ nhớ mãi buổi sáng hôm nay, trên ngọn đồi này, trong khu rừng thông này, con đã nói với mẹ về niềm ước mơ của con. Và có một điều rất lạ là chính con và mơ ước của con đã thắp sáng trong mẹ ngọn lửa ấm cúng, hy vọng huyền diệu mà mẹ đã bỏ đâu mất trong dòng đời lận đận của mình. Mẹ con ta sẽ nhớ mãi buổi sáng hôm nay con nhé. Một buổi sáng mai thật là hạnh phúc của mẹ con nhà lọ lem. Con là một đứa con gái rất cứng cỏi, thẳng thắn và chăm chỉ mẹ tin rằng con sẽ thành công trong cuộc đời.

Tất cả ước mơ sẽ thành sự thật, như loài hoa đá mọc trên vùng đá sỏi cô đơn. Hoa đá dã giúp mẹ kiếm được một số tiền nhỏ nhoi trong những lần đi Sài Gòn. Tuổi thiếu thời của tôi đã đi qua những buổi sớm mai nằm ôm em Thái như một người mẹ nhỏ ôm con trong chăn. Sự thiếu hụt, eo hẹp trong đời sống vật chất luôn luôn đè nặng trên đôi vai bé nhỏ của mẹ con tôi. Tôi luôn vâng lời mẹ cố gắng học hành hơn là rong chơi như những đứa trẻ khác.

Tám năm sau, tôi rời khỏi Việt Nam trên một chuyến máy bay đáp xuống Chicago. Giấc mơ Mỹ Quốc của con bé nhà nghèo ngày xưa đã thành sự thật và tôi đã dễ dàng thực hiện được hết những điều tôi hứa với mẹ ngày trước.

Sự thật đất Mỹ không phải là một thiên đàng như trong ý nghĩ và mơ ước của cô bé lên mười ngày ấy. Tuy nhiên nước Mỹ đã cho tôi những cơ hội để hoàn thành những lời hứa của một đứa con đối với mẹ mình trên ngọn đồi thông ở một buổi sáng xa xưa trong thành phố quê hương. Những ước mơ tưởng như quá tầm tay với mà thật ra lại quá tầm thường ở nơi đây. Tôi có nhiều điều kiện để học hỏi, thành đạt và lo cho mẹ, cho em trên nước Mỹ. Ở đây, sự thật là những sự nghèo đói không còn trĩu nặng trên vai nữa, chúng tôi không còn những đêm xa mẹ.

Tôi cũng không bao giờ trông thấy hoa đá nữa và cũng chẳng ai biết đến loài hoa ấy, tôi gọi đó là sự bí mật thú vị giữa tôi và mẹ. Một sự bí mật rất ngọt ngào dễ thương pha một chút vị mặn của nước mắt. Và tôi như loài hoa đá đã ngạo nghễ mọc trong vùng đất đá quạnh hiu, cằn cỗi. Mẹ luôn luôn nói : tôi là một người con gái cứng cỏi, không bao giờ biết đầu hàng trước nghịch cảnh nhưng mẹ đâu biết rằng tôi rất là yếu đuối

đối với mẹ, với nước mắt của người.

Một lần tôi nói với mẹ rằng :

- Hình như trên đời này không có ai biết đến loài hoa đá và chẳng có ai đi tìm hoa đá mẹ nhỉ ? Đó là câu chuyện bí mật của mẹ con mình phải không mẹ ?

Mẹ nhìn tôi rồi cười dịu dàng :

- Trên đời này đâu có gì là bí mật tuyệt đối. Ngày đó mẹ đã thấy hoa đá bày bán trong các hàng hoa và không có ai trồng hoa đá cả.

Tôi ngẩn người ra không hiểu mẹ muốn nói gì, trong khi tôi ngơ ngác cố tìm hiểu ý nghĩ lời nói của người thì mẹ từ tốn giải thích cho tôi :

- Có nghĩa là cũng có nhiều người vào rừng núi để tìm hoa đá trước mẹ con mình. Họ là ai, với những hoàn cảnh như thế nào làm sao ta biết được. Những ước mơ, hoài vọng của họ cũng chẳng ai hay, và sau chúng ta vẫn có những người tiếp tục đi tìm hoa đá, có phải thế hay không ?

Hy vọng của con người không ai dập tắt được bao giờ! Không ai có quyền cả !

Mẹ nói đúng !

Mimosa Phương Vinh

# Lễ Tạ Ơn Trong Viện Dưỡng Lão

Nguyên Phương

Với bài viết «Lời Cám Ơn Của Mẹ Tôi», kể chuyện bà Mẹ 90 tuổi thi đậu Quốc Tịch Mỹ, Nguyên Phương đã nhận giải đặc biệt Viết Về Nước Mỹ 2007. Tại Việt Nam trước 1975, bà là một dược sĩ. Vượt biển, định cư tại Mỹ từ 1982, bà làm việc trong một cơ quan chính phủ tại Virginia. Sau khi về hưu, Nguyên Phương hiện là cư dân vùng Little Saigon. Sau đây là bài viết mới nhất của tác giả.

Theo lời khuyên của một vị thượng tọa, «nếu có dịp đại chúng nên đến thăm viện dưỡng lão, để an ủi, khuyến khích những cụ già trong đó, nhiều cụ cảm thấy thật cô đơn khi con cháu không có thì giờ đến thăm, hơn nữa đó cũng là một nơi mà mai mốt mình cũng sẽ phải tới...».

Nghe lời thầy chúng tôi thu xếp một chương trình để đi thăm viện dưỡng lão vào ngày lễ tạ ơn.

Tôi y phục chỉnh tề ngồi ngay nơi cửa sổ để chờ mấy bà bạn đến đón, hôm nay chúng tôi hẹn nhau đến một viện dưỡng lão chung vui với các cụ trong ngày lễ tạ ơn.

Viện dưỡng lão này có mẹ của Lan, cụ ở đó đã ba năm, từ khi cụ bị bệnh Alzheimer, gia đình Lan đồng ý đưa cụ vào trong đó thỉnh thoảng con cháu vào thăm. Ở nhà cụ thường bị lẫn và hay đòi đi ra ngoài đường, cửa ngõ lúc nào cũng phải đóng kín cẩn thận, bếp núc phải tắt kỹ lưỡng có khi cụ bật cả bốn cái bếp, khi Lan, con gái cụ, vào bếp thấy bốn cái bếp đỏ rực, hỏi cụ «mẹ nấu gì hả mẹ» cụ cười lắc đầu không biết.

Quyết định đưa cụ vào nursing home cũng là một quyết định đau lòng, nhưng đành thôi, con cái người thì ở xa, Lan ở chung với cụ nhưng cũng không sao dành trọn 24 giờ một ngày cho me.

Lúc đầu Lan ghé thăm cụ từng ngày, thỉnh thoảng đón cụ về nhà, đưa cụ ra ngoài ăn uống, nhưng gần đây thì cụ không biết nhiều, ngay cả con cái cũng không nhận ra, Lan bận ở xa nên chỉ thăm cụ mỗi tuần.

Chúng tôi đến nơi thì xe đã đậu chật trong parking, nhưng nơi đây rất cẩn thận họ tổ chức valet parking cho những người không tìm được chỗ đậu xe.

Vào đến nơi, tôi chóa mắt vì cảnh nhộn nhịp những trang hoàng thật vui mắt, Lan đưa chúng tôi vào phòng lớn, nơi họ đang tổ chức ăn uống, các cụ được đẩy xe lăn ngồi sẵn tại bàn, những bình hoa tươi đang được

sửa soạn cắm vào bình, và được đem tới từng bàn, bong bóng, hình ảnh, chữ viết tất cả chu đáo cho một ngày lễ tạ ơn. Nhạc sĩ đang sửa soạn nhạc cụ để giúp vui các cụ. Mẹ Lan đã được đưa ra ngồi ở bàn gần cửa ra sân. Cụ cười cười, Lan lại ôm lấy mẹ vuốt tóc cụ, Mai xà lại bên cạnh cụ hỏi thăm «mẹ nhớ con không ?» (Mai thường gọi cụ bằng me). Đến nơi Lan xắn tay áo vào phụ giúp trong việc cắm hoa, bưng thức ăn đến từng bàn cho các cụ.

Các cụ đều được ăn mặc tươm tất, các cụ bà đều được đánh móng tay móng chân, mặt mũi tươi cười ngồi ngay ngắn trên xe lăn trên mỗi bàn một bình hoa tươi, mới hái ở ngoài vườn.

Mảnh vườn nho nhỏ nhưng hoa nở thật vui mắt, dù là đang cuối mùa thu nhưng cây vẫn xanh lá, hoa vẫn nở, khí hậu vùng nam California thật thích hợp cho những cụ già Việt Nam, thời tiết chỉ hơi se lạnh làm tôi liên tưởng đến Đà Lạt.

Viện dưỡng lão này gồm nhiều sắc dân không riêng gì Việt Nam. Các cụ có lẽ sức cũng đã yếu nên không thấy chuyện trò với nhau, có cụ ngồi suy tư không hiểu cụ đang nghĩ gì, tôi tới hỏi thăm thì cụ không trả lời, cụ ngồi nhìn chăm chăm vào bình hoa, bữa tiệc chưa bắt đầu nhạc sĩ dạo vài nốt nhạc thử âm thanh và micro.

Nhân viên tấp nập chạy ra chạy vào, khi nhạc bắt đầu, có những người vừa làm vừa nhún nhảy, mặc dù đang cắm hoa, lấy nước, hay đang bưng thức ăn. Tiếng ồn ào tắt hẳn khi nhạc sĩ vừa đàn vừa hát, nhạc vang lên rộn rã, mẹ Lan lắc nhẹ đầu theo điệu nhạc, miệng cười chúm chím trông thật dễ thương, Lan chợt nhớ ra chạy vội vào phòng cụ mang ra con búp bê cho cụ, mặt cụ tươi hẳn lên, ôm siết com búp bê vào lòng như người mẹ mới đi đâu về gặp con. Những người già thường trở lại như con nít, lúc nào cụ cũng bế con búp bê, âu yếm nựng nịu như chơi với một em bé thật. Tôi ghé vào tai cụ hỏi nhỏ «bác có vui không ?» cụ gật đầu nhẹ một cái rồi lại tiếp tục lắc lư đầu theo điệu nhạc. Cụ âu yếm con búp bê như ôm con, cháu có lẽ để cho bớt cảm giác cô đơn, cho thấy rằng mình vẫn có người ở bên cạnh. Cụ không phải là người duy nhất thích «em bé», một số các cụ bà khác cũng có cùng sở thích.

Thức ăn bắt đầu được đem ra, mỗi cụ được quàng vào một cái yếm dãi cho khỏi rơi thức ăn ra áo. Ngồi chung bàn với cụ là một bà cụ người Đại Hàn nét mặt tươi như hoa, quần áo bảnh bao, tóc tai thật tươm tất, bà vào nhà bếp bưng ra một khay thức ăn rồi từ từ đút cho ông chồng. Bà cho biết ông chồng bị bệnh và được đưa vào đây đã bốn năm, con cái không có ai ở gần, chỉ có một mình bà mỗi ngày vào thăm và đút thức ăn

cho chồng, nhìn cử chỉ bà thật là nhẹ nhàng và trìu mến trong mỗi muỗng thức ăn đưa lên miệng cụ ông. Hai cụ đều đã ngoài tám mươi. Một cặp khác bà vợ cố đút thức ăn cho ông chồng, tôi nghe ông cự nự nho nhỏ nhưng bà vợ vẫn dịu dàng và âu yếm đưa từng muỗng thức ăn vào miệng chồng, cặp vợ chồng này không già nhưng không còn trẻ có lẽ ông chồng bị bệnh.

Mai xí phần xúc thức ăn cho cụ mẹ của Lan. Cụ ăn nhưng mắt nhìn lên anh chàng nhạc sĩ, hai tay ôm chặt «em bé». Tôi đề nghị ôm em thế cụ để cụ ăn, cụ càng giữ chặt hơn nhất định không đưa cho tôi.

Có ba cô gái Việt Nam còn trẻ, mặc áo dài thật đẹp như ngày tết, các cô ào vào như một luồng gió xuân, các cô mang vào những trái bong bóng hình trái tim đến từng bàn đưa tặng mỗi cụ một trái bóng và gửi lời chúc mừng ngày lễ tạ ơn đến các cụ.

Chỉ vỏn vẹn có một anh chàng nhạc sĩ vừa đàn vừa hát nhưng cũng đủ làm rộn ràng cả phòng, anh chàng hát đủ mọi loại nhạc, khi hát nhạc Rock giọng anh ta hát không thua gì Elvis Presley, sau mỗi bản nhạc mọi người vỗ tay tán thưởng vang rân cả phòng, có cụ mải nghe nhạc không chịu ăn. Ông Director lại mời chúng tôi ăn chung vui với các cụ, chúng tôi từ chối. Director là một người Đại Hàn, anh ta còn trẻ, trông thật trẻ trung

trong chiếc áo chemise màu hồng, thật hồn nhiên yêu đời.

Một cụ bà chắc khoảng ngoài bảy mươi tuổi, cụ ngồi trên xe lăn nhưng chân tay như ngứa ngáy, Lan thấy vậy đến gần cụ vừa nhảy vừa nắm tay cụ, chân cụ bơi bơi cho chiếc xe lăn chạy theo điệu nhạc, mọi người vui cười vỗ tay vang rền, cụ càng thích chí hơn, cười to hơn, đẩy xe bằng chân nhanh hơn, khi đến điệu nhảy cha cha cha, cụ không dừng lại được nữa, cụ đứng lên và khiêu vũ không cần xe lăn, cứ thế cụ nhảy khoảng hai mươi phút sợ cụ quá mệt Lan đưa cụ trở lại chỗ ngồi để cụ tiếp tục ăn, nhưng được vài phút cụ lại đứng lên nhảy tiếp tục, ông Director lại nhảy cùng với cụ và những thành phần ban giám đốc cùng những nhân viên cũng chung vui và kéo nhau ra nhảy. Một ông cụ khác ngồi xe lăn cũng tham gia vào cuộc nhảy vui nhộn này.

Sau một hồi nhẩy cùng bà cụ anh Director lên sân khấu ca một bản nhạc thật vui, anh ta cất cao giọng hát lên chín từng mây, tôi tưởng tượng như mình đang nghe nghe một ca sĩ đang hát trong một cuốn phim Đại Hàn.

Chúng tôi cũng vui theo niềm vui của các cụ, những tràng pháo tay tưởng như không bao giờ dứt. Nhưng cuộc vui nào rồi cũng tàn, đã đến giờ các cụ về phòng nghỉ ngơi, anh nhạc sĩ cũng cần nghỉ sau cả giờ đồng hồ

một mình độc diễn.

Khu của mẹ Lan là khu riêng biệt của những người bị Alzheimer nên phải đi qua một cái cửa có khóa, cần phải bấm nút hai cánh cửa mới được mở ra, hôm nay là ngày lễ, Lan yêu cầu cho mẹ ra khu ngoài chung vui với những cụ còn tỉnh táo. Đẩy xe cho mẹ Lan trở về phòng, trong khu này mỗi phòng đều có hình các cụ ở ngoài cửa để nếu có cụ nào lang thang không tìm thấy phòng mình thì nhân viên của viện có thể dắt cụ về đúng phòng của cụ.

Cụ mẹ của Lan đã quên nhiều, hình như cũng không nhận ra con nhưng khi Lan chào từ biệt «mẹ ở lại con về đi làm» thì cụ gật gật đầu không hiểu cụ có hiểu không. Chúng tôi ra về trong sự bịn rịn, khi cánh cửa đóng lại các cụ trong đó sống với một thế giới riêng của các cụ.

Bước ra ngoài, chúng tôi gặp một bà cụ Việt Nam ngồi xe lăn, cụ cười tươi với cái miệng móm trông thật dễ thương và làm tôi nhớ mẹ của tôi. Tôi lại gần cụ hỏi thăm sức khỏe cụ, cụ vuốt cánh tay tôi một cách trìu mến :

- Thỉnh thoảng nhớ vào thăm bà nhé.

Chắc cụ nghĩ tôi là cháu cụ, tôi vuốt vai cụ thì thầm

- Vâng thỉnh thoảng cháu sẽ vào thăm bà.

- Nhưng cũng không còn lâu đâu cháu ạ, bà sắp đi rồi.

Tôi giật mình, chắc cụ bị bệnh nặng và sắp qua đời, nhưng cũng cố vớt vát hỏi lại

- Thưa bà bà có khỏe không ?

- Khỏe, bà đang chờ con đến đón về nhà đây, chúng không cho bà ở trong này mà muốn mang bà về nhà.

Tôi thở phào và hoang mang không hiểu có thật vậy không nếu vậy thì thật mừng cho cụ, cụ lại vuốt cánh tay tôi và chỉ vào Mai :

- Cô kia cười tươi quá nhỉ, xinh xinh quá

- Con vui và cười tươi giống bà. Mai nhanh nhảu trả lời cụ.

Chúng tôi chào cụ để ra về cụ lại nhắc thêm một lần nữa thỉnh thoảng nhớ vào thăm bà nhé.

Vẫy tay chào, ra khỏi cổng chúng tôi cũng thấy buồn vui lẫn lộn, cuộc đời mai sau của chúng tôi là như thế đó, nhưng nếu mình biết thích hợp với hoàn cảnh cuộc

sống sẽ không đến nỗi buồn chán nếu còn sức khỏe vừa đủ để nếm hương vị của cuộc đời, thưởng thức những ngày lễ mà ban giám đốc của viện cố gắng giúp vui. Những người già nơi xứ Mỹ cũng vẫn được chăm sóc, được nghĩ đến, được an ủi. Ngày thanksgiving, ngày mà người người đều được ở nhà để bên nhau cùng ăn mừng, những nhân viên của viện dưỡng lão đã phải đi làm nhưng họ vẫn vui vẫn cùng các cụ nhảy múa, ca hát cho các cụ cái cảm giác không bị bỏ rơi.

Thế hệ lớn hơn chúng tôi có thể sẽ buồn nhiều hơn vì chưa hòa nhập được những niềm vui của đời sống Mỹ về vấn đề ngôn ngữ, về phong tục tập quán.

Cuộc đời như một bánh xe lăn, nếu mình không lăn theo thì sẽ bị văng ra ngoài, hoàn cảnh nào cũng có vui có buồn, tại sao mình không chọn những niềm vui ? Nếu không còn một sự lựa chọn nào khác thì căn nhà cuối cùng của cuộc đời mọi người già trên đất Mỹ là Viện Dưỡng Lão, cũng không có gì đáng ngại.

Chúng tôi cùng cười với nhau khi nhớ đến bà cụ buông cả xe lăn đứng lên nhẩy, hòa nhập với cuộc sống thật cũng không đến nỗi quá khó, chỉ cần mình biết tùy hỷ và tùy duyên.

Nguyên Phương

# Khách Sạn 22

Khôi An

Khôi An, giải Chung Kết Viết Về Nước Mỹ 2013, từng là một thuyền nhân. Từ tuổi học trò, cô cùng người em gái phải rời bố mẹ, vượt biển năm 1983. Mười năm sau, 1993, cô đã là một kỹ sư đại diện Intel đi «bàn giao kỹ thuật» cho các kỹ sư bản xứ tại phân xưởng Intel ở Penang, Mã Lai.

Tham dự Viết Về Nước Mỹ từ 2008, Khôi An hiện là tác giả có lượng người đọc lớn nhất trên Việt Báo Online. Bài «Tình Nghĩa, Nghĩa Tình», giải danh dự 2009, trên 407 ngàn; Bài «Việc Làm Ơi, Mi Đi Đâu», giải Vinh Danh Tác Phẩm 2010, trên 325, 000. Và mới nhất, bài «Những Đoạn Đường Cho Nhau», một tự truyện về tình bạn giữa «đám con nít của Sài gòn thất thủ năm xưa», giải Chung Kết 2013, chỉ mới sáu tháng, đã đạt gần 280 ngàn lượt người đọc.

Truyện này được viết từ những xúc động khi đọc hai bản tin của ký giả Mark Emmons đăng trên báo San Jose Mercury News vào cuối tháng Mười và đầu tháng Mười Một, 2013. Tên nhân vật và chi tiết trong truyện là hư cấu. Người viết trân trọng cám ơn ông Mark Emmons và San Jose Mercury News. Hình từ trang Web của San

Jose Mercury News : Những người không nhà đang lên «Khách Sạn 22.»

Lisa choàng dậy, ngóc đầu nhìn. Xe bus vừa đi qua Palo Alto High School, nghĩa là chỉ còn vài phút nữa thì tới trạm. Nó gạt cái chăn mỏng sang một bên, chống tay ngồi dậy. Bên cạnh, Ba vẫn đang ngủ, đầu dựa vào cửa kính, miệng hơi há ra. Trong giấc ngủ mà trông ổng cũng như đang lo lắng chuyện gì, đôi lông mày nhíu lại. Lisa lặng lẽ xếp cái chăn rồi nhét vào túi xách dưới chân.

Đèn trong xe bật sáng, tiếng nói quen thuộc từ chiếc loa tự động phát lên «Xe bus đang vào trạm Palo Alto Transit Center, trạm cuối của tuyến đường 22. Xin mọi người chuẩn bị xuống xe.» Trong khoảnh khắc, trong xe ồn ào hẳn lên với tiếng ngáp, tiếng ho, tiếng lôi kéo hành lý, tiếng càu nhàu. Ba nó dụi mắt lia lịa, gài lại áo ấm rồi khoác mấy túi đồ đạc lên vai. Xe ghé trạm rồi từ từ ngừng lại. Người ta đổ xô ra cửa, Lisa và Ba cũng hòa vào dòng người, xuống xe.

Lisa đút hai tay vào túi áo. Tháng Mười rồi, đứng ngoài trời đêm mà không dấu kỹ thì chỉ một lát là hai bàn tay nó lạnh như nước đá. Từ xa, hai con mắt khổng lồ, vàng rực của chuyến xe đi hướng Đông đã hiện ra sau lớp sương mỏng. Lisa thở phào, nó sắp được chui

vào trong xe ấm áp...

Chuyến xe về Eastridge Mall cũng gần đầy người. Như thường lệ, hai ba con Lisa nhanh chân giành được băng ghế cuối. Nó ngồi sát cửa sổ, nhìn ra ngoài. Con đường El Camino Real ở khúc này là đẹp nhất vì đi ngang qua thành phố Palo Alto, nơi nó nghe nói rằng chỉ có những người giàu kinh khủng mới có nhà ở đó. Xe đang đi dọc theo khoảng đất rộng hút mắt với những cây thông thật cao, dọc hàng rào có treo những tấm hình rực rỡ về trường đại học Stanford. Cái trường này nó biết vì mùa hè rồi trong những ngày trời nắng ấm hai ba con nó có lang thang đi bộ từ bến xe bus vô đó. Nó mê cái bãi cỏ mênh mông, xanh rờn ở phía trước tòa nhà mái đỏ ngay giữa trường, nhìn xéo qua ngọn tháp cao có cái nóc tròn trông giống như cây viết khổng lồ. Nằm ở đó nhìn lên thì trời xanh biếc, cây xanh nõn nà, nhìn chung quanh thì ai cũng tươi tốt, mạnh khỏe, tự tin. Nó nghĩ cảnh đó chắc giống như ở thiên đàng. Nó mê bãi cỏ đó đến nỗi có lần buột miệng hỏi «Ba ơi, nữa lớn con xin vô học trường này, được không Ba ?» Ba nhìn nó, miệng há ra mà không nói được tiếng nào, một lát sau ổng mới thốt nên lời «Ờ... ờ... được chứ con... Con ráng hết sức thì... chắc được...» Nghe nói vậy nhưng nó không tin tưởng lắm vì điệu bộ của Ba nó giống y hệt như lần nó hỏi «Ba ơi chừng nào Mẹ về ?». Chỉ khác

là hồi đó nó mới sáu tuổi và chưa hiểu «chết» nghĩa là không bao giờ về nữa.

Áp trán vào khung kính lạnh buốt và nhớ lại, nó nghĩ là muốn vô trường Stanford thì nó phải có cây đũa thần. Mà cũng chưa chắc, vì nếu cây đũa chỉ cho một điều ước thì nó sẽ ước cha con nó có một nơi để ở. Nó rất sợ thời gian ngủ lang thang trên mấy băng ghế lạnh ngắt trong những công viên tối thui. Có những đêm trời mưa lâm râm, hai ba con nó nằm ngược đầu đuôi trên băng ghế, đắp chung tấm nylon. Tiếng mưa rơi lộp độp trên nylon làm nó không ngủ được, thêm nữa nó cứ sợ ngủ quên mà trời mưa lớn thì ướt hết sách vở ở trong cái backpack gối dưới đầu. Sau mấy đêm như vậy, giờ hễ thấy trời âm u chuyển mưa là hai lòng bàn chân nó tự nhiên lạnh ngắt.

Cũng may mà hai cha con nó khám phá ra Khách Sạn 22.

Đó là cái tên mà những người không nhà đặt cho tuyến xe bus số 22.

Buổi chiều hôm đó, Lisa cứ nấn ná trên bãi cỏ xanh của trường Stanford nên tới hơn 8 giờ tối mới lên xe bus 22. Hai cha con định đi về khu phía Đông San Jose kiếm chỗ ngủ để ngày mai Ba còn đi xin việc làm ở mấy

cái chợ Á châu gần đó. Lên xe, nó ngờ ngợ vì thấy xe đông hơn hẳn những chuyến bình thường, và ai cũng mang nhiều đồ đạc. Một bà ngồi ở băng ghế trước còn có cả một cái xe đẩy chất túi xách, chăn mền. Hơn hai tiếng sau, xe ghé trạm cuối ở Eastridge Mall, nó thấy phần đông khách trên xe lại xếp hàng chờ chuyến xe đi ngược lại. Lúc đó, hai bacon nó mới hỏi thăm và biết là có ba chiếc xe bus chạy vòng vòng trên tuyến đường này cho tới sáng. Từ ngày đó, hai cha con nó gia nhập Khách Sạn 22.

Đây là tuyến xe duy nhất chạy suốt ngày đêm của quận hạt Santa Clara, cũng là tuyến đông khách nhất và chạy con đường dài nhất. Bắt đầu từ Eastridge Mall ở phía Đông thành phố San Jose xe chạy qua đường Tully, quẹo trái đường King, dọctheo đường Santa Clara qua downtown San Jose, nối qua đường Alameda, lên El Camino Real, chạy qua ba thành phố Santa Clara, Sunnyvale, Mountain View trước khi vào thành phố Palo Alto rồi ghé vô trạm chót.

Bây giờ thì Lisa rành lắm rồi. Nó biết rõ đi một chuyến xe thì phải trả hai đôla. Nhưng hầu hết những người trên Khách Sạn 22 đều dùng vé tháng, mỗi tháng bảy chục đô la. Valley Transportation Authority của quận hạt Santa Clara, mà mọi người gọi là VTA, thỉnh

thoảng còn cho những người không nhà hoặc những người sắp mất chỗ ở một tấm vé dùng được trong ba tháng. Mấy tấm vé miễn phí đó cũng hiếm hoi như một chỗ ngủ trong những nhà tạm trú (homeless shelter). Dù sao, chỉ tốn bảy mươi đô la mà có phương tiện đi lại và chỗ ngủ trong cả một tháng dài, đối với cha con nó lúc này, là một sự may mắn và vô cùng quan trọng.

Dù đã lang thang không nhà gần năm tháng, Lisa vẫn không nghĩ hai cha con nó là người homeless. Nó thấy chữ «homeless» nghe buồn bã quá, và chỉ hợp với những người chấp nhận là từ nay về sau họ sẽ không có nhà ở nữa. Ba con nó là những người «between homes», nghĩa là đang kiếm chỗ ở.

Hồi xưa, lúc còn Mẹ, gia đình nó cũng có «home» trong một khu chung cư rất dễ thương, ở gần cái công viên thật rộng. Cuối tuần Ba tập cho nó chạy xe đạp còn Mẹ thì trải khăn trên thảm cỏ xanh rờn và nướng thịt bay mùi thơm phức. Tới giờ thỉnh thoảng nó vẫn còn nằm mơ thấy Mẹ cười thật tươi dưới tàn lá xanh lấp loáng ánh nắng công viên, và khi tỉnh dậy nó gần như chắc chắn là trong mơ nó đã ngửi thấy mùi thịt nướng.

Ngày đầu tiên nó vô lớp Một, Mẹ nó còn dắt nó đi học, còn đứng lấp ló ngó chừng, khi thấy nó không khóc Mẹ mới đi làm. Ngày Giáng Sinh năm đó nó còn

vẽ tấm hình có nó, Ba, và Mẹ đánh son đỏ chót thiệt là đẹp. Vậy mà chỉ vài tháng sau Mẹ vô nhà thương. Bữa cô Cindy, em của Ba, hớt hải chạy vô xin cho nó về thăm Mẹ, cô giáo nắm tay nó và nói «Poor baby» (tội nghiệp cưng). Đó là lần đầu tiên nó thấy Ba khóc, nước mắt chảy ròng ròng. Và đó cũng là lần chót Mẹ mở mắt ra nhìn nó.

Sau đó Ba con nó dọn về ở chung với cô Cindy và chú Ben. Những chuyện xảy ra trong vài năm sau khi Mẹ mất, Lisa chỉ nhớ lác đác, tựa như đầu óc nó lạc trong một giấc ngủ dài sau khi Mẹ ra đi. Nhưng những chuyện gì đã nhớ thì nó nhớ rõ, thí dụ như là nó mới vô lớp Bốn thì Ba bị đau lưng. Chú Ben nói tại Ba làm cực, khiêng nặng mà không đeo thắt lưng bảo vệ. Ba bịnh chưa hết thì chú Ben mất việc làm. Ngày chú tìm được việc làm ở xa, hai cô chú và mấy đứa con phải dọn đi. Cô Cindy ôm hôn nó và nói «Con ráng ngoan nha». Giọng cổ nghẹn ở mũi, nó nghĩ cổ nói vậy để khỏi khóc chứ ở chung mấy năm trời, cổ biết lúc nào nó chẳng ngoan.

Từ đó, hai cha con dọn một qua căn phòng nhỏ xíu. Ba vẫn đau lưng rề rề. Ba thườngphải nghỉ làm, nằm một mình trong căn phòng đóng cửa tối mờ. Một ngày kia đi học về nó thấy trước nhà dán một phong thư.

Đem vô đưa Ba coi, Ba không nói tiếng nào. Mãi đến khi ăn xong bữa tối Ba mới lấy thùng dọn đồ đạc vô và nói mình không có trả tiền nhà tháng rồi, chủ nhà gởi thư bắt dọn đi.

Bữa đầu hai cha con tới Commercial Street Inn ở San Jose. Sau khi đứng chờ ở một hàng dài, tới phiên hai cha con nó, cô thư ký lắc đầu :

- Ở đây là nơi tạm trú của các bà mẹ có con nhỏ.

Ba nó nài nỉ :

- Con tôi cũng nhỏ nhưng mẹ nó chết rồi. Cô làm ơn !

Cô ta vẫn lắc đầu :

- Mỗi phòng có bốn, năm đàn bà, con nít ở chung, làm sao tôi cho ông vô ? Màkhông có ông, ai chịu trách nhiệm cho con bé ?

Thấy cha con nó ngần ngừ, ngơ ngác, không biết đi đâu, cô thư ký thương tình cho nằm đỡ dưới đất ngay trong phòng chờ đêm hôm đó. Hôm sau hai cha con lại dắt nhau đi.

Ba dắt nó vô thư viện coi nhờ Internet và xin tài liệu để đi tìm những shelter(nhà tạm trú) khác. Được bà coi thư viện tốt bụng in ra cho một danh sách các shelter

trong quận Santa Clara con Lisa mừng quá. Nhìn thấy tới mười chỗ trong danh sách, nó chắc là cha con nó sẽ tìm được một nơi ở tạm vài tuần. Nhưng coi vậy mà không phải vậy...

Tuần lễ đó, hai cha con nó chỉ được ngủ trong shelter có hai ngày vì ở đâu cũng đầy người, nếu tới sau sáu giờ thì chắc chắn không còn giường trống. Có những shelter chỉ dành riêng cho những người bị bệnh tâm thần, và chỉ có một shelter dành cho gia đình chịu cấp phòng cho cha độc thân và con nhỏ. Có lần nó hỏi tại sao quận Santa Clara có tới hai chỗ cho những người mẹ có con nhỏ mà không có chỗ nào dành cho cha với con nhỏ, cô thư ký suy nghĩ một chút rồi nói :

- Bởi vì hầu hết những người có con nhỏ đến nhờ giúp đỡ đều là đàn bà. Em thông minh lắm, nhưng rất tiếc tôi không giúp được em. Người ta đặt ra những chương trình để phục vụ số đông. Cha con em là trường hợp đặc biệt.

Nó thấy buồn nhưng chỉ nắm tay Ba và trả lời : Vâng, cha của con là người rất đặc biệt.

Chỉ có một câu vậy thôi mà cả hai người lớn, cha nó và cô thư ký, đều chớp mắt như muốn khóc.

Trong mấy tháng cha con nó ngày nào cũng vô thư viện tìm thêm tài liệu về những shelter rồi đi xin khắp nơi. Nhờ đọc nhiều nên nó biết được là cứ mỗi đêm ở trong quận Santa Clara có tới hơn năm ngàn người không nhà cần chỗ ngủ. Mỗi shelter thường chỉ có mấy chục phòng, và có những nơi chỉ mở cửa vào mùa Đông. Hèn gì mà cha con nó thường phải ghi tên chờ tới phiên, có khi cả mấy tuần mới được.

Thời đó, cứ sau bữa ăn trưa là hai cha con lo tìm chỗ ngủ. Đi mấy chuyến xe bus mới tới nơi, người ta hết chỗ, đứng ngẩn ngơ vài phút rồi lại ráng đoán xem chỗ nào còn chỗ, leo lên xe đi tiếp. Rồi đêm xuống, vẫn còn ngoài đường, hai cha con thất thểu dắt nhau kiếm tòa nhà nào có chút mái che và sáng sủa cho đỡ nguy hiểm, rồi ráng quấn chăn cho ấm và ráng ngủ. Có nhiều đêm nó biết Ba sợ cho nó, bắt nó nằm vô sát vách rồi lấy chăn trùm kín mít. Vậy mà khi nó giật mình thức giấc vẫn thấy Ba mở mắt nằm thao thức.

Từ khi có Khách Sạn 22 làm nơi trú mỗi đêm, Lisa thấy đời sống của nó khá hơn nhiều.

Lúc đầu nó hơi khó ngủ vì xe cứ chạy rung rung rồi lại thắng ken két. Mỗi lần tới trạm loa phóng thanh còn phát tiếng nhắc nhở làm nó giật mình hoài. Những khi không ngủ được nó ngồi ngắm các hành khách. Lúc

đầu khuya còn có những người đi làm ca đêm hoặc đi chơi về trễ. Những người này có vẻ vội vã, họ thường chăm chú bấm lia lịa trên điện thoại di động trong suốt chuyến xe. Qua hai giờ đêm, xe chỉ còn toàn là những người đi xe mà không có chỗ đến như cha con nó. Họ ngồi gật gù trong giấc ngủ chập chờn hoặc nằm co ro trên các băng ghế. Rồi nó cũng từ từ nằm xuống, gối đầu lên chiếc backpack, và thiếp đi.

Sau vài tuần nó đã quen. Nó có thể ngủ say nhưng luôn thức dậy khi xe tới bến chót, rồi lại ngủ tiếp trên chuyến xe ngược lại.

Điều làm Ba nó mừng nhất là trên xe bus an toàn. Về phần nó, nó thích nhất vì Khách Sạn 22 giúp mọi chuyện trở nên đều đặn. Mỗi sáng nó đi xe tới trường học, chiều về đón xe bus tới thư viện ở đường Alum Rock học bài. Tới giờ thư viện đóng cửa thì nó đi bộ qua tiệm Goodwill ngay gần đó. Tiệm này là nơi bán đồ cho người nghèo, những ngày Ba không đi xin việc thì ổng làm không có lương ở đây.

Những người lái xe chuyến 22 đều biết rõ là nhiều người không nhà dùng chiếc xe làm nơi ngủ nhưng họ không làm khó dễ. Chỉ cần những «hành khách đi không bao giờ tới» này tuân theo luật lệ, không ăn uống, hút thuốc, xả rác, hay làm ồn ào trên xe. Ông Tom, một

trong những người lái xe, có lần nói :

- Đối với tôi, những người không nhà cũng như mọi hành khách khác. Nếu họ có vé thì họ được đi xe. Thường thường họ đều là người tốt, chỉ đang gặp khó khăn.

Thoát khỏi nỗi lo lắng về chỗ ngủ đeo đuổi suốt ngày, Lisa học giỏi hơn trước. Có lẽ nhờ ngày nào cũng học trong thư viện nên năm nay nó đạt nhiều điểm cao nhất. Từ khi khai trường vô lớp Năm, nó thường xuyên được điểm A. Lần đi họp phụ huynh về, Ba nó ôm nó thật chặt rồi nói «Ba thiệt không dám tưởng tượng là con giỏi vậy !»

Bạn bè nó không ai biết là nó không có nhà, có lẽ vì hai cha con nó luôn giữ sạch sẽ, gọn gàng. Ngày nào sau giờ học nó cũng tới một trung tâm sinh hoạt cộng đồng có hồ bơi và phòng tắm cho người đi bơi. Nó hòa vô đám người đó tắm rửa rồi giặt quần áo, vắt khô bỏ vô bịch, sau đó trải một tấm nylon phơi lén ở cái bãi đậu xe đằng sau Goodwill.

Từ hồi tháng Chín, mỗi sáng khi xuống xe ở trạm gần trường, nó đều gặp một cặp vợ chồng với một đứa con trai nhỏ đón xe ở đó. Đứa bé chắc đang học lớp Một, giống như nó thời còn Mẹ. Lần đầu tiên nó nhìn

họ từ trên xe bus, bà mẹ đang cúi xuống cài lại áo lạnh cho thằng bé. Không hiểu sao nó thấy cái cử chỉ đó, cái dáng điệu đó, giống in như mẹ nó ngày xưa. Lần đó, sau khi xuống xe, nó chậm bước nhìn họ cho rõ. Từ đó, lần nào gặp họ nó cũng phải nhìn, vừa nhìn vừa thầm mong cái buồn buồn xốn xang trong bụng đừng hiện ra trong con mắt. Có lẽ vì nó nhìn họ hoài, họ cũng nhớ mặt nó. Gần đây, ngày nào hai bên cũng nói Hello chào nhau. Thỉnh thoảng có ngày không gặp họ, nó cảm thấy chút gì như là mong nhớ...

Một đêm cuối tháng Mười, trên Khách Sạn 22 xuất hiện vài khuôn mặt lạ. Họ tự giới thiệu là phóng viên của báo San Jose Mercury News, nghe nói về nơi này và muốn tìm hiểu thêm. Lisa không muốn nhắc đến chuyện không có nhà nên kéo chăn che mặt, làm bộ ngủ. Ba chỉ miễn cưỡng trả lời vài câu hỏi và không đưa tên tuổi gì hết.

Lá phong trên hàng cây dọc con đường Alameda đã đổi màu, cửa kính của các nhà hàng đã xuất hiện hình vẽ gà tây bên cạnh những trái bí rợ. Màu cam, màu đỏ của mùa lễ làm Lisa thấy buồn buồn. Cái vui vẻ, ấm áp của người ta làm nó chợt nhớ rằng lâu lắm rồi nó không được nhìn thấy một nồi súp đang bốc khói, trên cái lò cháy đỏ, trong một căn bếp. Nơi mà các gia đình quây

quần ăn bữa tối...

... Thứ Bảy, buổi sáng trời nắng ấm. Hai cha con nó xuống xe ở đường Santa Clara rồi đi bộ tới công viên Cesar Chavez. Có một nhóm người đang phát những thức ăn nóng tại đó. Nghe nói có súp đậu, gà nướng, khoai tán, và cả bánh nhân bí đỏ nữa. Những món ăn tuyệt vời, chỉ nghĩ thôi mà đã phát thèm ! Nó nắm tay Ba nối đuôi xếp hàng, và háo hức chờ đợi. Chỉ còn năm, bẩy người nữa là tới phiên nó.

Bỗng tim nó thót lại !

Nó vừa nhìn thấy bà-mẹ-của-thằng-bé mà nó gặp hàng ngày đang tươi cười đứng trong đám múc đồ ăn cho đoàn người không nhà. Nó lôi Ba tách khỏi hàng, quay ngoắt đi, vội vàng như chạy trốn. Ba nó vừa rảo bước theo vừa hỏi «Sao vậy ? Cái gì vậy ? Lisa ?» Nó không nói gì, chỉ cắm đầu đi. Qua một khúc quẹo, khi biết chắc là bà ta không thể thấy hai cha con nó, Lisa mới đứng lại. Rồi tự nhiên nó thấy giận. Giận vì mình không có nhà, giận vì mình sợ người ta biết, giận vì mình đã làm Ba mất một bữa ăn ngon. Nó bật khóc nức nở...

- Lisa, con ăn đi !

Tiếng Ba nó nhắc nhở làm nó trở về hiện tại. Nó đang ngồi trong một nhà hàng sang trọng ngay trung tâm thành phố San Jose, đối diện với ông Sam, bà Nancy, và thằng bé Danny (bây giờ nó đã biết tên của họ.) Ánh mắt của bà Nancy thật là vui và ấm áp. Nhưng nó vẫn thấy ngại ngùng, thắc mắc không hiểu tại sao họ cất công mời Ba và nó đi ăn. Không lẽ bà Nancy đã thấy nó bỏ chạy từ đoàn người xếp hàng xin thức ăn hôm nọ, và muốn đền bù cho hai cha con một bữa ?

Sáng hôm qua, thứ Sáu, Ba và nó cũng mỉm cười chào gia đình thằng bé như mọi ngày. Bỗng ông Sam tiến tới bắt tay Ba rồi nói :

- Chào ông. Tôi là Sam, đây là vợ tôi, Nancy, và cháu trai Daniel. Chúng ta biết nhau khá lâu rồi, hôm nay tôi muốn được hỏi tên ông và cháu gái.

- Chào ông bà. Tôi là John, con gái tôi là Lisa.

Sau vài câu trao đổi, họ mời cha con nó đi ăn vào ngày mai. Ba nó cũng rất ngạc nhiên, ấp úng từ chối. Nhưng họ thuyết phục mãi, và bây giờ cha con nó đang ngồi đây.

Dù sao những món ăn trên bàn cũng quá hấp dẫn, và vẻ cởi mở, ân cần của hai ông bà cũng không có dấu

hiệu gì đáng lo. Lisa bắt đầu cắn vào miếng thịt gà vàng rộm và mỉm cười với thằng bé Danny.

Khi Lisa vét xong muỗng kem tráng miệng cuối cùng, bà Nancy ngồi thẳng lên. Bà nhìn Lisa, rồi nhìn Ba, rồi nói :

- Cách đây hai tuần tôi thấy hình ông và cháu Lisa trên báo San Jose MercuryNews.

Lisa nghe máu chạy một cái rần lên mặt. Nó không biết mặt nó đang đỏ bừng hay tái mét. Bên cạnh nó, Ba cũng có vẻ sững sờ. Hai cha con mở to mắt nhìn những người phía bên kia bàn.

Bà Nancy phác một cử chỉ như muốn nắm lấy tay nó. Bà tiếp tục nói, thật dịu dàng :

- Tôi có đưa bài báo đó cho nhà tôi coi. Ổng là giám đốc chương trình của một cơ quan thiện nguyện tên là Dịch Vụ Về Chỗ Ở Vùng Vịnh, và tôi là giáo sư ở trường Đại Học San Jose. Chúng tôi muốn giúp ông và cháu rời khỏi chiếc xe bus 22. Từ đó tới nay, chúng tôi đã gọi cho những người quen biết và tìm được một nơi có thể giúp ông và cháu. Thứ Hai, mời ông tới văn phòng.....

Bây giờ hai cha con Lisa đã được cấp một căn phòng tại một nơi tạm trú cho các gia đình đang gặp khó khăn. Trong thời gian ở đây, Ba nó được đi học những lớp dạy nghề, và người ta hứa sẽ giúp Ba đi kiếm việc.

Mỗi khi nghĩ lại, Lisa thấy có nhiều việc liên hệ với nhau một cách diệu kỳ. Không biết có phải Mẹ đã đưa đẩy cho nó quen được những người tốt bụng để họ giúp đỡ cha con nó hay không.

Bây giờ ước mơ của nó là khi lớn lên sẽ làm giám đốc chương trình giúp đỡ nhà cửa cho người nghèo, giống như người ân nhân của nó. Khi đó, nó cũng có thể làm điều kỳ diệu cho những đứa bé không nhà khác, những đứa bé mà nó biết là có rất nhiều ở khắp nơi. Nó tin là nó sẽ làm được, chỉ cần ráng học thật giỏi và quyết tâm.

Và Lisa còn học được một điều mới nữa trong thời gian nương náu trên Khách Sạn 22.

Rằng, có những người thật sự có chiếc đũa thần, nhưng khi mới gặp mình không thấy được.

Bởi vì, chiếc đũa đó, họ cất ở trong tim.

Khôi An

# Đêm Xuân Ly Hương

Lê Như Đức

Tác giả : Lê Như Đức, sinh tại Saigon năm 1962, hiện cư trú tại Tulsa, Oklahoma. Nghề nghiệp : kỹ sư cơ khí, làm cho hãng Learjet, Wichita. Học vấn : cao học. Gia đình : vợ và ba con - hai gái, một trai.

Hồi còn bé, cứ mỗi lần xuân về là những niềm vui đến không đứt trong tôi. Tôi là con út nên được hưởng tiền lì xì nhiều nhất trong nhà. Được chọn ăn mặc bảnh bao nhất để đi xông đất những nhà trong họ. Được tha hồ đốt pháo, mua bánh kẹo, đồ chơi và tuyệt nhất là được chơi bầu cua cá cọp cả ba ngày Tết.

Đêm ba mươi Tết, mợ tôi luộc hai con gà trống thiến để cậu tôi cúng giao thừa. Một con để ngoài sân cúng trời đất và một con để trên bàn thờ gia tiên. Năm nào con gà cũng béo bự, vàng khươm, cổ uốn cong, đầu ngước lên và nằm ngay ngắn trong cái đĩa bầu dục to. Tim, gan và mề được xếp cuối đĩa, bên dưới phao câu con gà. Mợ tôi dùng vài que tăm cắm vào cổ và thân gà để giữ cho đầu của nó nằm ngay vị trí như khi còn sống. Đầu gà ngẩng cao, đít gà hơi cong, lại chổng nhẹ lên. Tuy chết tươi, con gà trông vẫn hấp dẫn, lại... hơ hớ xuân tình.

Cúng vừa tàn hương xong, nhà tôi lại có thêm một cái lệ xơi gà đầu năm rất thú vị. Mợ tôi bầy nguyên con gà ngay giữa nhà rồi cha con chúng tôi quây quần chung quanh xé chấm muối tiêu ăn cùng với xôi đậu xanh. Cậu tôi nói thịt gà nhiều sớ sợi rất dễ dắt vào kẽ răng nên phải ăn với muối chứ không nên ăn với nước mắm. Có thêm tí lá chanh thái chỉ lại thêm tuyệt.

Con gà được nấu theo kiểu nấu ngâm của người Bắc nên thịt chỉ vừa chín tới rất thơm, ngọt lại không mềm nhũn. Nấu gà kiểu nấu ngâm là nấu nước cho thật sôi, thêm tí mắm muối cùng nguyên con gà vào nồi, rồi đậy nắp lại và tắt lửa đi. Khi ăn thì vớt gà ra trước khi hâm sơ lại nước canh gà. Con gà được ngâm chín bằng độ nóng của nước sôi. Nước nóng từ từ len lỏi vào trong từng sớ thịt nên trong ngoài con gà chín đều. Luộc bằng lửa to thì khi thịt trong mới chín tới thì thịt ngoài đã mềm nhũn. Nước sôi sùng sục, động mạnh làm đục nước canh và thâm đen con gà.

Thường thường dọn gà và xôi ra bàn xong là gia đình chú út tôi qua xông đất. Thế là cả hai nhà ngồi xuống thưởng thức món gà xé phay chấm muối tiêu. Có năm gia đình chú kế tôi cũng qua xông đất. Ba nhà, với hơn ba chục con cháu, cùng ngồi trong phòng khách nhà tôi để thưởng thức xôi gà. Căn nhà cậu tôi mua khá lớn do

chính phủ bảo hộ xây cho gia đình một ông quan Tây ở trước đó.

Bố tôi là con cả, chỉ có hai em trai và một em gái. Cô tôi, chồng mất sớm nên không có con. Cô nhận ba người con nuôi, một gái hai trai. Cậu tôi cũng có hai người con nuôi, một trai, một gái. Có lẽ vì mặc cảm không phải ruột thịt hay vì sợ tới xông nhà sui, nên gia đình cô và những người con nuôi chỉ tới nhà tôi chiều tối mồng một Tết. Có khi đợi qua tới mùng hai.

Sau khi xé gà, ăn thử một miếng, năm nào cậu tôi cũng khen mợ tôi chọn gà và luộc gà như mọi năm :

- Con gà mợ chọn năm nay béo ngậy, thịt thơm, da vàng khươm. Mợ nấu lại vừa chín tới. Không quá lửa, không để quá lâu. Ngon lắm. Mời chú, mời thím. Chúng con ngồi xuống. Các cháu ngồi vào.

Không có năm nào mà cậu tôi thêm một lời, mời mợ tôi và không có năm nào mà mợ tôi ngồi ăn cùng với chúng tôi. Mợ tôi chỉ phụ chị giúp việc trong nhà bày xôi gà rồi ra ngồi một góc coi mọi người quây quần bên mâm xôi gà và nghe cậu tôi bình phẩm. Hình như mợ tôi đã no sau lời khen của cậu tôi.

Xơi gà xong, là đến mục lì xì thật hấp dẫn. Mục này do mợ và các thím tôi chuyên đảm nhiệm. Cậu và chú tôi chẳng bao giờ lì xì các con, các cháu. Nhiều khi cậu lại mượn tiền lì xì của tôi để đánh tam cúc. Đánh ăn thì cậu tôi cho tôi hết. Thua thì nói bảo mợ mày trả cho cậu rồi bước vào phòng ngủ tỉnh queo.

Lúc nào tôi cũng được mợ tôi ưu đãi lì xì tôi nhiều hơn mọi người trong nhà vì qua giêng mợ tôi lại tịch thu tất cả tiền Tết với lý do rất chính đáng : mợ giữ để dành cưới vợ cho con sau này. Mợ tôi lúc nào cũng tính xa lắm. Cậu con trai út của tôi khôn hơn tôi nhiều. Khi tôi giở cái chiêu thu tiền lì xì để dành lấy vợ cho nó. Nó liền bê con heo đất ra và nhất định :

- Bố cứ bỏ tiền của con vào đây để dành.

Nó tính còn xa hơn mợ tôi năm xưa rất nhiều. Khi thấy con heo đất gần đầy. Nó xin má nó ít tiền và nói chị nó chở nó đi Walmart tậu con thứ hai. Lúc nào nó cũng giấu hai con heo đất hai nơi để đề phòng... cha nó.

Thời buổi này trộm cắp như rươi. Lúc nào nó cũng nghĩ... thế đấy.

Khi canh bạc tam cúc được dựng lên cho cậu và chú thím tôi tham dự là lúc các canh bạc xì dzách, binh xập

xám, bầu cua cá cọp cũng được anh em chúng tôi nhanh chóng thành lập. Canh bạc tam cúc nhiều lắm là tàn sau một canh giờ. Những sòng bạc của anh em chúng tôi kéo dài có khi thâu đêm, kéo dài đến ba ngày Tết.

Lúc cậu tôi vào buồng đi ngủ là lúc mợ tôi bắt tôi lên giường. Năm nào tôi cũng xin nán lại đánh thêm vài ván bầu cua. Mợ tôi đều từ chối với lý do là sáng hôm sau tôi phải thức dậy sớm để đi lễ chùa và đi xông nhà trong họ.

Nghĩ đến đi chùa thì chả có gì hấp dẫn mấy vì mấy sư chỉ lì xì vài trái quýt hay cành mai. May lắm được tượng Phật mạ vàng đeo cổ trừ tà. Đi xông nhà trong họ với mợ thì tôi chịu nhất vì chỉ tốn một buổi sáng lạng qua lạng lại thăm viếng họ hàng vài vòng là tiền đầy túi.

Có năm cậu tôi đổi ý, tự đi chùa với mợ tôi trước khi cúng giao thừa vì cậu coi tử vi thấy năm đó hợp với tuổi mình nên quyết định tự xông nhà lấy. Tôi thấy tốt và nhàn hẳn ra vì khỏi phải tốn ít nhất hai tiếng đồng hồ ngồi tụng kinh ngày đầu năm mà còn được chơi thêm ba chục ván bầu cua cá cọp vừa hấp dẫn, vừa hồi hộp.

Sáng sớm mùng một tết, tôi lo dậy thật sớm, diện áo quần bảnh bao rồi vào buồng coi mợ tôi sửa soạn đi xông đất họ hàng. Mợ tôi thường mặc chiếc áo dài màu

xám xậm, quấn tóc bằng mảnh vải đen và đeo chuỗi ngọc xanh. Tôi thì diện trắng từ áo tới giầy, tóc xịt keo láng coóng. Có năm còn máng thêm cái con khô mực cũng trắng tinh trước ngực. Mợ thường dắt tay tôi đi bên phải, tay trái mợ quàng cái túi xách đen chứa nhiều bao tiền lì xì đỏ chói đi xông đất.

Trên đường đi xác pháo đỏ vung vãi mọi nơi. Các sòng bài mọc ra như nấm hai bên đường mời gọi. Có sòng đánh tài xỉu cho người lớn, có sòng bầu cua cá cọp cho con nít. Đánh tổ tôm cũng có. Đánh mạt chược cũng có. Cờ tướng, cờ cá ngựa cũng không thiếu. Ai ai cũng quần áo bảnh bao, túi trên túi dưới phồng to, cười nói liên tục.

Tôi tới nhà nào trong họ xông đất cũng được tiếp đón nồng hậu. Nhà nhà sơn phết mới tưng. Người người vui vẻ chúc tụng. Bánh mứt thơm ngon bầy sẵn. Nhạc xuân vang dội khắp nơi. Có nhà còn bày sẵn đồ ăn thức uống đợi chúng tôi tới xông đất. Cậu tôi có vai vế khá lớn trong họ nên tôi cũng hưởng lộc nhờ. Cậu tôi không đi, chỉ ở nhà tiếp khách. Phần lớn là họ hàng và vài vị sư tới xông nhà đầu năm.

Họ hàng của tôi chuyên làm nghề nuôi tằm, dệt tơ thuộc làng Nha Xá, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, Bắc Việt. Ông tổ lập nên làng chính là thủy tướng Trần Khánh

Dư, thuộc tướng của danh tướng bách thắng Trần Hưng Đạo năm xưa. Trần Khánh Dư được thừa hưởng tước hầu từ người cha là thượng tướng Nhân Huệ Hầu Trần Phó Duyệt từ nhỏ. Ông nổi tiếng về tài cầm quân và đã góp công trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên. Không chỉ giỏi võ, Trần Khánh Dư còn có kiêm tài văn. Ông là người viết lời tựa cho cuốn Vạn Kiếp tông bí truyền thư của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Sau này khi được vua Trần Thánh Tông thương yêu nhận làm con nuôi, ông được phong tước Vương.

Năm 1323, Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư xin về trí sĩ, tại vùng ấp ông được phong, thuộc xã Dương Hòa, lộ Lý Nhân tỉnh Hà Nam. Nơi đây, ông khai hoang lập nên nhiều làng, xã. Làng Nha Xá là một trong những làng do ông thành lập khi về hưu khoảng bảy trăm năm trước.

Ba trăm năm sau, ông tổ họ Lê nhà tôi mang con cháu vào làng Nha xá định cư, lập nghiệp. Trong làng, khi đó họ Phạm lớn và đông nhất. Thấy thiếu y sĩ chữa bệnh, ông tổ họ Lê đời thứ ba qua Trung quốc học nghề thuốc và về chữa bệnh cho dân làng. Tiếng nói của người họ Lê từ từ có trọng lượng. Từ đó con cháu hai họ Lê và Phạm thường lấy nhau và thống trị làng cho tới lúc Việt minh về làng chiếm đóng.

Sợ bị đấu tố, phần lớn người trong làng di cư vào Nam năm 54 và ở chung quanh khu hãng Đồng, nằm trên đường Chi Lăng, ấp Đông Ba, thuộc tỉnh Gia Định. Năm xưa khu này chuyên luyện nồi, xoong chảo bằng đồng nên có tên hãng Đồng.

Khi họ hàng tôi tới ở, hãng làm đồng bị dẹp, thay vào đó nhà nào cũng làm dệt và nhuộm vải. Hai họ Lê, Phạm hợp nhau lập nên hợp tác xã Nha Xá, là hợp tác xã dệt đầu tiên có giấy phép nhập cảng tơ sợi trực tiếp từ Nhật vào những năm của đầu thập niên sáu mươi.

Sở dĩ hợp tác xã Nha Xá có được môn bài nhập cảng tơ rất sớm là vì ông phụ tá bộ trưởng kinh tế, ông lục Hinh, bạn cậu tôi cấp cho. Chú tôi lại làm trong tòa tỉnh trưởng tỉnh Gia Định do đó mà ba ngày Tết họ hàng tôi tha hồ mở sòng, đánh bạc khắp xóm hãng Đồng mà không sợ công an, cảnh sát tới làm phiền.

Ngoài họ hàng và mấy vị sư trong miền Vĩnh Nghiêm, chùa Viên Giác tới nhà tôi ngày đầu xuân, cậu tôi chỉ có mỗi một người bạn thân là ông lục Hinh tới thăm. Ai ai cũng muốn có được cái chức của ông lục Hinh để hốt bạc. Ông chỉ cần đặt bút ký cấp môn bài xuất nhập cảng cho các hãng xưởng thì ông muốn gì được đó. Ông lục lại làm ngược lại. Hãng nào lén tới đút lót thì suốt đời sẽ lãnh án miễn cấp. Ông không chịu ăn hối lộ, nhắm

mắt ký bừa để thâu tiền nên nghèo suốt đời. Ông được các bạn cùng sở tặng cái danh hiệu : người không muốn giàu. Cũng vì cái tính liêm khiết này mà ông gặp nhiều rắc rối vì nhiều băng đảng tham nhũng trong sở muốn trừ ông đi. Cậu tôi nhiều lần phải đứng ra, dùng thế lực của mình để cứu ông từ những ngày ông còn làm việc cho Pháp trên đất Bắc. Từ đó hai người trở thành bạn thâm giao.

Cũng may là ông lục Hinh về hưu trước khi Việt cộng vô Sài Gòn khá lâu nên ông không bị đi cải tạo vì tội chống... tham nhũng. Cho dù không bị đi cải tạo, mạng ông cũng tiêu vì băng đảng tham nhũng của Việt cộng ra tay. Việt cộng chuyên chửi chế độ Việt Nam Cộng Hòa tham nhũng nhưng Định Hướng Xã Hội Chủ Nghĩa của chúng còn tham nhũng gấp trăm lần.

Cựu thủ tướng Lý Quang Diệu của Singapore có lần tuyên bố : tham nhũng Việt Nam đã quá phạm trù đạo đức. Có nghĩa là người Việt trong nước hiện nay nói chuyện tham nhũng không còn biết mắc cở, cứ coi như chuyện bình thường như chuyện đi coi xi nê vậy.

Ông thủ tướng Việt cộng Nguyễn tấn Dũng mười hai tuổi đã bỏ học đi du kích miệt Cà Mau vậy mà giờ khai có cử nhân luật, từng nắm chức trưởng ban kinh tế trung ương, thống đốc ngân hàng rồi thủ tướng. Tôi không

biết ông có biết làm toán chia hai số không ? Nhưng điều tôi biết chắc chắn là năm xưa ở Cà Mau mười hai tuổi ông chỉ học tới lớp năm là may lắm rồi. Trình độ lớp năm, bỏ học chục năm, mất hết căn bản học lực rồi đùng một phát : một ngày tối trời ông có cử nhân Luật.

Hèn chi ông làm trưởng ban chỉ đạo trung ương về phòng chống tham nhũng thì tham nhũng lên. Làm thống đốc ngân hàng thì kinh tế xuống. Làm thủ tướng thì luôn báo cáo láo, dùng toàn những anh dốt đặc cán mai.

Việt cộng thiếu thần kinh ngượng, đã không biết mắc cở là gì lại còn tổ sư khai man, báo cáo láo cho nhau.

Ông lục thường mang theo cô con gái út, chỉ thua tôi một tuổi, tới chúc Tết nhà tôi. Cô ta có cái răng khểnh trông thật dễ thương. Không biết tôi có lầm lẫn một lần kể chuyện cái răng khểnh này cho vợ tôi không mà vợ tôi luôn chê răng khểnh suốt một cuộc tình.

Có một cô ca sĩ nổi tiếng trong nước có hai cái răng khểnh rất có duyên, chuyên hát nhạc Trịnh. Một lần coi cô trình diễn, tôi vô tình khen ráo riết cái miệng trông xinh tệ. Kể từ đó bao nhiêu CD, DVD nhạc của cô biến mất trong nhà tôi.

Phát âm theo miệt Trung kỳ, quê vợ tôi thì «chuyện răng chưa hết» :

Buồn đời, cô qua Pháp nhổ bén đi hai cái răng khểnh. Vợ tôi gửi cho tôi ngay cái hình mới nhất của cô. Hàm răng trắng đều như... giả. Coi hình xong tôi thấy ngày hôm đó chỉ có vài người vui và cũng có bốn chục triệu người buồn. Một ngày buồn tê tái nhất của đời tôi :

Người đi một nửa hàm tôi buốt,

Một nửa hàm kia muốn rụng rời !

Khi hợp tác xã Nha Xá được thành lập, cậu tôi có chân trong ban quản trị nên mọi việc đều rõ ràng, suôn sẻ. Các xã viên luôn được chia tơ sợi đồng đều, làm ăn phát đạt. Làm chỉ vài năm, cậu thôi vì tính ít muốn giao thiệp lại dân chủ, không muốn một mình một chợ làm chủ tịch muôn năm. Cậu tôi thích để dành giờ đọc sách thuốc và hưởng nhàn.

Nghỉ chỉ được hai năm là mấy thợ quậy bắt đầu xuất hiện phá hợp tác xã. Trong đám đó có nhiều người trong họ vai trên cậu tôi nên cậu phải nín nhịn. Khi tơ bên Nhật về, họ thấy giá tơ lên liền chơi cái tình lờ, không giao cho xã viên. Họ chia nhau cuỗm hết để mang ra bán riêng kiếm lời. Nếu giá tơ xuống, họ đè cổ xã viên

bắt mua hết gánh nợ. Bàn thờ tổ làng họ cũng không tha. Họ thiên lên đền thờ ngài Trần Hưng Đạo với lý do là ngài Trần Khánh Dư là bộ thuộc thì phải đi theo Đức Thánh Trần. Thật ra họ muốn lấy phòng thờ để sửa thành phòng ngủ tiếp... bạn gái.

Tôi còn nhớ mãi một buổi trưa hè, cậu tôi lên họp ban quản trị và mắng cho mọi người một trận dữ dội rồi tuyên bố giải tán hợp tác xã. Các xã viên và mợ tôi khuyên cậu đứng ra tổ chức lại. Một con sâu làm rầu nồi canh. Hợp tác xã Nha Xá lúc đó có cả chục con sâu đục phá thì làm sao xây dựng lại được. Nhất là nhiều con sâu mang vai vế trong họ cao hơn cậu tôi.

Những ngày Tết năm sau hãng Đồng không còn nhộn nhịp nữa. Các xã viên phải mua tơ đắt giá trên thị trường rồi dệt, lấy công làm lời nên tiền bạc không rủng rỉnh như xưa. Những sòng bạc nhỏ và thưa dần. Pháo trên đường cũng ít đỏ đi và buồn nhất là tiền lì xì của tôi cũng vơi nhiều.

Rồi cuộc chiến lan rộng. Tháng nào tôi cũng nghe vài nhà trong xóm có người chết trận. Ngay cả tuần giáp Tết, trong họ cũng có nhà có đám ma. Cứ mỗi Tết đến, tôi lại nhớ đến Tết xưa lại càng thấy buồn. Buồn đến độ mợ và tôi bỏ cả tục đi xông đất nhà trong họ ngày đầu năm. Buồn đến độ nhiều nhà trong xóm không đốt

pháo. Buồn đến độ nhà nào nhà nấy đều đóng cửa đón Tết riêng rẽ, mình ên.

Chỉ có cậu và tôi ăn gà đêm ba mươi.

Tháng ba năm 1975 anh tôi tử trận ở Long Khánh. Việt cộng vô Sài Gòn tháng tư rồi đổi tiền tháng chín để bần cùng hóa nhân dân Việt Nam. Tết năm 1976 là cái Tết buồn thảm nhất của toàn dân miền Nam.

Lần đầu tiên trong cuộc đời nhà tôi không ăn gà với xôi đậu xanh đêm giao thừa. Mợ tôi kiếm được ít đậu xanh để nấu chè vì nếp cũng không có để mà nấu xôi. Chị tôi lén mua được hai trái trứng gà, luộc bồi dưỡng thêm cho cậu và tôi. Điện thì lúc có, lúc không. Cả hãng Đồng buồn và tối như đêm ba mươi.

Say men chiến thắng, tổng bí thư Lê Duẩn càng siết cổ dân Việt những năm sau đó bằng nhiều nghị quyết cấm đoán tự do buôn bán và đổi tiền để mơ tưởng xây dựng thiên đàng cộng sản. Hơn chục năm sau, tổng bí thư Nguyễn văn Linh mới ngộ ra nên cho «đổi mới» kinh tế.

Việt cộng rất lưu manh, láu cá trong ngôn từ. Nghe hai chữ «đổi mới» ai cũng nghĩ chúng thông thái nên phát minh ra được nhiều điều hay để kinh bang tế thế,

xây dựng đất nước. Thật ra thì một tên vô học bỗng nhiên nổi hứng cấm không cho buôn bán hay mang hàng hóa ra, vô thành thị lẫn nông thôn. Tên kia sau đó thấy không ổn nên cho buôn bán lại như cũ rồi tuyên bố rùm beng lên «đổi mới» hoàn toàn.

Nghe thật lố bịch vì việc tự do mậu dịch nhân loại đã làm cả ngàn năm trước. Ngay trong thời thực dân Pháp cũng cho buôn bán tự do. Phát xít Nhật cũng rứa. Việc cũ rích, chả có gì là mới cả. Chỉ có mấy tên ngu ngơ hay vỗ ngực tự xưng đi giải phóng người và tự phong đỉnh cao trí tuệ mới chuyên làm chuyện ngược đời rồi tự vỗ mông khen đổi mới.

Đúng ra là phải nói «trở về» mới có lý.

Ngay như khi dùng hai chữ «giải phóng» cũng là lưu manh rặt vì nó còn có hàm ý chúng là những người tiến bộ, khôn ngoan, hiểu biết để đi khai hóa người. Thật ra ai ai cũng biết đoàn quân giải phóng toàn những anh ngu ngơ thất học vào miền Nam nói dóc miền Bắc cái gì cũng có đầy đường. Ngay cả cà-rem ăn không hết phải phơi khô để dành ăn dần. Việt cộng mắc bệnh chủ quan khá nặng. Chúng tưởng cứ phơi khô được xác Hồ chí Minh là có thể phơi khô được mọi thứ.

Câu chuyện cái cầu thang máy ở thương xá Rex là

một bằng chứng rõ ràng và mỉa mai nhất cho những người mệnh danh đi giải phóng người. Một toán bộ đội vào tiếp quản thương xá. Chúng đứng trước cái cầu thang máy ngắm nhìn vì không biết nó là cái máy gì mà có cái phòng trống trơn với cái cửa mở ra, đóng vào tự động.

Một bà già bước vào thang máy. Cửa tự động đóng vô, ba phút sau cửa mở và một thiếu nữ trẻ bước ra. Một tên ngẩn ngơ la to :

- Ối giời ơi, các đồng chí ơi ! Mỹ Thiệu để «nại» cái máy cải tạo. Nó cải tạo đứa già thành cái trẻ.

Đứng điều nghiên cái máy «cải tạo người» một lúc, chúng lại thấy một thanh niên bước vô thang máy rồi năm phút sau cửa mở, một ông già chậm chạp đi ra. Tên bộ đội này nhìn tên kia hét to hơn :

- Giời ơi nà giời ! Sao nại thế này. Phải cải tạo thành thằng cu chứ ?

Năm 1979 tôi vượt biên qua Mã Lai, rồi định cư tại thành phố Houston, bang Texas. Khi đó cộng đồng Việt Houston chưa lớn mạnh nên chưa có dịch vụ cung cấp gà tươi như bây giờ. Gà Mỹ đông lạnh cả năm nên không thể luộc ăn được. Cho dù không đông lạnh, cái

cách nuôi gà nhốt trong một diện tích thật nhỏ để con gà không thể đi lại nhiều làm thịt gà mềm nhũn, không mùi vị, ăn nhạt như miếng bánh dầy.

Tôi có dịp tới thăm trại gà của bố người bạn làm cùng sở. Nhìn con gà thấy tội nghiệp. Nó bị nhốt trong một cái chuồng nhỏ tới độ khó có thể xoay mình được. Phải nói là cái hộp nhỏ mới đúng. Người nuôi chỉ muốn nó ăn no, nằm im và mập ra chứ không được đi tới đi lui hay đứng lên ngồi xuống để thịt săn sẽ nhẹ cân. Con gà càng mập nặng bao nhiêu thì người nuôi càng lời bấy nhiêu. Thịt mềm, thịt dai, thịt ngon, thịt có nhiều chất hóa học không cần biết. Chỉ biết trọng lượng mà thôi. Ông chủ trại còn tỉnh bơ giải thích :

- Vì không được tập thể dục nên con gà nào cũng bị... đau tim từ nhỏ. Mà dù có đau tim cũng phải mập đủ cân mới được lên tăng xông chết.

Không có thịt gà tươi nuôi kiểu Việt Nam, anh chị em tôi cúng giao thừa bằng bánh chưng, trà mứt và một mâm trái cây. Ở bên kia bờ đại dương, cậu tôi cũng không có gà ăn đêm giao thừa vì đồng chí tổng bí thư Lê Duẩn chưa lên tăng xông.

Mười năm sau, mợ và bà chị cả tôi tới Mỹ thì Houston đã có mấy trại gà do người Việt đảm trách. Các trại rành

thị hiếu của dân Việt nên gây được giống gà thịt dai, ăn không nhũn gọi là gà đi bộ. Con gà đi bộ được nuôi trong các chuồn lớn có chỗ đi bộ nên thịt săn, da mỏng, ít mỡ lại không bị đau tim. Sau này các trại gà còn pha chế thực phẩm gia súc nên thịt gà thơm trắng, da vàng khươm không thua gì bên nhà năm xưa.

Dân Việt tỵ nạn xơi gà đi bộ. Dân Mỹ ăn gà đau tim. Một con gà đi bộ giá bằng ba con gà đau tim. Dân tỵ nạn chơi sang thật. Người Mỹ không bao giờ chịu mua con gà giá mười hai đô la mà chỉ nặng hai cân Anh.

Đêm giao thừa tôi lại được thưởng thức món gà chấm muối tiêu ăn cùng xôi đậu xanh năm xưa. Chỉ thiếu vắng cậu tôi. Thiếu cả lời khen mợ tôi chọn gà và luộc gà như mọi năm. Người đã mất một tháng trước khi có giấy tờ bảo lãnh qua Mỹ gặp con cháu.

Lâu lâu tôi lại nhắc, đòi mợ tôi tiền lì xì Tết mợ tôi tịch thâu để dành cưới vợ. Mợ tôi cười trả lời :

- Nhập gia tùy tục, nhập giang tùy khúc. Bên Mỹ này bên vợ anh phải trả hết tiền đám cưới. Anh khỏi phải lo.

Vợ tôi là dân Bình Định chính gốc con nai vàng ngơ ngác. Con cháu của Quang Trung hoàng đế nên võ công và nội công cao thâm không lường.

Ai vô Bình Định mà coi,

Con gái Bình Định múa roi đi quyền.

Bố bảo tôi cũng chả dám đánh cái chiêu của anh cao bồi Texas bắt vợ trả tiền đám cưới. Mà có ai lại ỏn ẻn hỏi người yêu rằng em buộc đai đỏ hay mang hồng đai trước khi lên xe bông ? Tôi cũng chả dại gì do đó mà bao năm nay cứ phải thượng đài xuất chiêu đấu kiếm với nàng. Đàn bà là chúa ăn gian. Tôi luôn thua. Bị hạ đo ván nằm thẳng cẳng, xụi lơ. Mém chết bao lần.

Sau khi lập gia đình, vợ tôi cũng tiếp tục tục lệ luộc ngâm gà và nấu xôi đậu xanh cúng đêm giao thừa như mợ tôi thường làm năm xưa. Nhà tôi không có lập bàn thờ gia tiên vì tôi là con út nên chúng tôi chỉ cúng tạ ơn trời đất trước cửa chính.

Ông hàng xóm Mỹ thấy tôi quỳ cúng lễ trang trọng trước sân nên chạy qua hỏi. Tôi nói tôi muốn tạ ơn trời đất nơi đây đã ban cho gia đình chúng tôi có được mọi thứ mong muốn. Ông về nói chuyện với vợ rồi rất thành thật gọi qua xin tôi cho ông khấn chung thì trời Mỹ, thánh thần Hoa kỳ mới hiểu được tấm lòng của chúng tôi. Ông biết tôi khấn bằng tiếng mẹ đẻ nên muốn thông dịch cho God ông hay.

Có năm ấm áp, tôi rủ nhà tôi đi chùa lễ Phật trước khi cúng giao thừa rồi về tự xông nhà lấy. Năm nào quá lạnh thì vợ chồng tôi gọi xin nghỉ làm để đi chùa sáng sớm hôm sau. Tôi không rành tử vi để coi có nên đi chùa rồi về tự xông nhà như cậu tôi hay không. Chỉ làm tùy theo thời tiết thay đổi mỗi năm. Mà có đi hay không thì năm nào tôi cũng tự xông nhà lấy vì người thân ở quá xa. Chả có ai chịu lái xe mấy chục dặm tới xông nhà.

Thời buổi internet này, chúng ta xông nhà bằng... email.

Hai mươi năm qua tôi xơi xôi gà đêm giao thừa một mình. Vợ tôi cũng từ chối ăn khuya đúng hai mươi lần. Các con tôi thì mười giờ đêm đã lên giường ôm gối trùm chăn.

Dù không ăn, vợ tôi vẫn ngồi một góc bàn coi tôi xé gà ăn xôi như mợ tôi năm xưa. Ăn xong tôi thường xoa bụng chọc ghẹo vợ :

- Bụng no rồi. Giờ thì đến mục «tống cựu nghinh Xuân» đi chứ hả ?

Vợ tôi đỏ mặt trả lời trước khi bước vào buồng đi ngủ:

- Có cựa đâu mà đòi nghinh với Xuân.

Tôi hét to :

Giời ơi nà giời ! Sao nại «cấm cựa đêm Xuân» hả mình ?

Lê Như Đức

# Chuyện Tết Trong «Trại Tù Tàn Binh»

Bồ Tùng Ma

Bồ Tùng Ma là bút hiệu của Nguyễn Tân. Trước 1975, ông là Hải Quân Trung Tá VNCH. Sau đó là 10 năm tù cộng sản, và định cư tại Mỹ theo diện H. O. Ông từng nhận các giải bán kết Viết Về Nước Mỹ 2001, giải Việt Bút 2008, và từ 5 năm qua, là thành viên «Ban Tuyển Chọn Chung Kết» Giải Viết Về Nước Mỹ. Bài sau đây trích từ báo xuân Việt Báo Tết Giáp Ngọ 2014, không viết về nước Mỹ, mà về một loại ký ức sâu đậm của nhiều cựu chiến binh Việt Nam Cộng Hòa trong trại tù cộng sản.

Tôi muốn nói đến cái Tết đầu tiên của tôi trong trại tù cải tạo mà hồi đó, tháng 5 năm 1975, ở vùng Ba Tơ thuộc tỉnh Quảng Ngãi có tên là «Trại tù tàn binh». Sau này tôi bị chuyển qua nhiều trại tù, nhưng không có trại tù nào mang cái tên rất thực như vậy. Tôi hiểu ra rằng đây là trại tù kiểu du kích địa phương «tự biên tự diễn» nên tương đối còn lỏng lẻo, ít khắc nghiệt hơn những trại tù chính quy sau này. Chính vì vậy và nhất là vì Nga, vợ tôi, đã lên thăm tôi nhiều lần ở đây nên nó đã trở thành ấn tượng sâu đậm nhất trong đời tù của tôi.

Ngày 3 tháng 5 năm 1975, tôi và người em rể bị bắt tại Quảng Ngãi. Sau một đêm ngủ trong ngôi đình cùng với khoảng 10 người khác, chúng tôi bị giải lên Tịnh Giang. «Học tập lao động» đầu tiên của chúng tôi là vác gạo, mỗi người một bao gạo chừng 25 ký. Không nặng lắm đối với sức lực tôi lúc đó, nhưng lại nặng đối với với Sơn, em rể tôi. Nó vác gạo đi được chừng một cây số thì vất bao gạo xuống đất. Lính giải giao bảo nó tiếp tục vác đi, nhưng nó nói :

- Chân tôi đau quá, bộ đội ơi !

Lính giải giao nói :

- Bao gạo có tí ti mà vác không nổi. Làm en chi lạ ! Anh mô vác giùm được không ? Chỉ tiêu phải đem hết số gạo này đi. Không, lấy chi mà en. Có làm mới có en chớ !

Tôi đã giải quyết bằng cách vác luôn 2 bao.

Chúng tôi đi qua những vùng ven núi nhiều dấu vết chiến tranh, cây cối xác xơ, nhà cửa xiu vẹo, mặt đất đầy hố bom. Nhưng những người đi đường đều có vẻ mặt hân hoan. Tôi thử tìm trên nét mặt họ vẻ lo sợ tuyệt vọng như chúng tôi, hay ít ra cũng biểu hiện ít nhiều chia sẻ với chúng tôi về số phận không may này, nhưng

không tìm thấy được. Tôi ngạc nhiên nhưng rồi chợt hiểu. Họ là dân vùng này và họ đang tin tưởng về tương lai huy hoàng chế độ mới sẽ đem đến.

Khi chúng tôi đến gần một chân núi, có vài ba thanh thiếu niên đứng bên bờ ruộng chỉ trỏ chúng tôi. Một đứa chừng 16 tuổi nói lớn :

- Anh ni là Thiếu úy, anh ni là Trung úy, anh nớ là Đại úy...

Chàng em rể tôi không nỡ để tôi vác luôn hai bao gạo, đến đỡ bao gạo trên vai tôi :

- Nó nói chi vậy, anh ?

- Ý nó nói trước đây tụi mình là sĩ quan mà bây giờ phải vác gạo.

- Đ. mẹ nó ! Tao mà...

- Thôi !

Đến cái xóm nhỏ, cả bọn ngồi nghỉ một lát rồi giúp dân đào mương. Một bé gái chừng 8, 9 tuổi, mặt mũi hiền hậu dễ thương đến bên chúng tôi. Tôi đang định hỏi em mấy tuổi, thì em đã đọc hai câu thơ :

Mỹ thua Mỹ cút về làng
Bọn ngụy ở lại sắp hàng đào mương.

Xong nó chạy nhanh về phía đám phụ nữ đang ngồi dưới mái hiên. Một chị kề miệng vào tai nó nói gì đó nhưng nó lắc đầu.

Hai lính giải giao bảo chúng tôi lên đường. Lại đến một xóm nhỏ. Một lính giải giao vào nhà dân rồi đi ra cùng với một người đàn ông. Người đàn ông liếc nhìn chúng tôi, nói lớn :

- Thứ đó đem bén hết cho rồi. Nước đâu mà cho uống.

Tuy nói vậy, nhưng anh ta cũng để chiếc gàu múc nước trước mặt chúng tôi.

Sau khi mượn chảo nấu vội một ít nước để uống và mang theo, chúng tôi lên đường. Sơn đi bên tôi, nói nhỏ:

- Có lẽ tụi hắn đem mình đi bắn.

- Không đâu.

Tôi trả lời với giọng chắc nịch. Tôi biết họ sẽ không bao giờ đối xử với chúng tôi một cách nhanh gọn như vậy, mà sẽ sử dụng chúng tôi bằng một cách nào đó có lợi cho họ nhất.

Tuy nghĩ vậy nhưng cho tới khi đến Tịnh Giang, tôi mới chắc mình vẫn còn sống, và sẽ sống dài dài trong ê chề, cực nhọc và đói khát của kiếp tù đày dưới chế độ này.

Ở trại Tịnh Giang một cán bộ tỉnh (?) nói cho chúng tôi nghe về chính sách khoan hồng. Tôi nhớ mãi câu nói sau đây của anh ta :

- Các anh cũng thấy nhân dân căm thù các anh như sao rồi. Nếu không tập trung các anh lại, tánh mệnh các anh rất nguy hiểm.

Nghe nói, tôi nghĩ ngay đến em bé đọc mấy câu thơ và anh nông dân đòi đem chúng tôi đi bắn. Sau này tôi hỏi vài anh em tù, họ cũng cho biết đã gặp hai người đó với những câu nói đó trên đường đi.

Tịnh Giang là trại chuyển tiếp, chưa có nội quy chặt chẽ, có nhiều anh em vẫn còn tin tưởng vào «Chích sách 12 điểm của Mặt trận» vì thấy được thân nhân thăm nuôi dễ dàng, nhất là thấy người trưởng trại có vẻ cởi mở dễ dãi, đi hết chỗ này đến chỗ khác, cắt nghĩa chuyện này chuyện kia. Có những anh lính trẻ còn gọi chúng tôi là anh và xưng em. Phải chăng họ cũng tin tưởng vào chính sách mười hai điểm ? Tất cả đều bị lừa, không chừa một ai. Cho đến bây giờ tôi vẫn còn

phục cách lừa phỉnh của họ trong việc kêu gọi trình diện «học tập».

Ở trại Tịnh Giang tỉnh thoảng có nhiều anh em được ra về, thường là các công chức nhỏ hay sĩ quan cấp thấp. Chính việc này làm chúng tôi nuôi nhiều hy vọng. Chừng ba tháng sau kể từ ngày tập trung đến đây, trại chỉ còn lại một nửa số «trại viên», trong số này có tôi và em rể tôi. Chúng tôi bị chuyển đến Trại 2 Tổng trại 3. Tổng trại này thuộc hậu cần của một trung đoàn. Trước khi lên xe đi, chúng tôi được phát áo quần mới, quân phục «ngụy», có cả nón nhựa, ba-lô, võng... Nếu có thêm giày bốt-đờ-sô (Botte de saut) và khẩu súng, chúng tôi chẳng khác xưa bao nhiêu.

Đến nơi không thấy trại đâu cả mà chỉ thấy bên kia suối một gò đất lớn với cây cối lưa thưa, lớn có nhỏ có. Sau này tôi được biết những cây nhỏ là những cây hoa mai trắng mọc hoang chưa ra hoa. Chung quanh gò đất lớn này là ruộng nương. Lối vào gò đất, ngay cạnh dãy nhà bộ đội có tấm bảng đỏ với hàng chữ lớn màu vàng «TRẠI TÙ TÀN BINH».

Chúng tôi được phát cơm ăn với mắm. Sau khi ăn uống tất cả mắc võng vào những thân cây để nghỉ ngơi. Nửa đêm thức giấc, nghe chung quanh có tiếng dế, tiếng ễnh ương, tiếng ếch nhái... kêu não nuột. Nhưng rồi sau

ba ngày những tiếng kêu não nuột này không còn nữa. Chúng đã bị tù tàn binh «càn quét» làm thực phẩm hoặc trốn chạy đi nơi khác. Chỉ còn lại tiếng rì rào của gió trong lá cây, tiếng thở dài của tù, tiếng mớ ngủ : «Đại bàng ! Nghe rõ 5/5», «Đợi lệnh thẩm quyền»... Sau hai tuần năm cái lán lớn tranh tre được dựng lên, trong đó có bàn thờ «bác». Ngoài ra còn có nhà bếp, cầu tiêu, giếng, nhà chứa sách báo, trạm xá, hội trường với tấm ảnh lớn của «bác» đưa bàn tay lên vẫy chào... Thật trớ trêu, trước đây «bác» đòi «đánh cho ngụy nhào», mà nay «bác» nhìn chúng tôi cười thân thiện, lại còn đưa 5 ngón tay lên vẫy nữa. Anh Thành, tiểu đoàn trưởng bộ binh, nhìn ảnh Hồ Chí Minh nói đùa mà miệng như méo :

- Bác đưa năm ngón tay lên là có ý nói cải tạo 5 năm đó !

- Đừng nói dại. 5 tháng - Anh Tâm, một sĩ quan cảnh sát trả lời một cách... hồ hởi nhưng miệng còn méo hơn cả anh Thành

Hội trường là nơi để tù học tập chính trị, làm bản kiểm điểm, xem trình diễn văn nghệ : Ngâm thơ «bác», ngâm thơ Tố Hữu, nhạc cảnh «Tiếng chày trên sóc Bom Bo»...

Tất cả công trình xây dựng ở đây đều do bàn tay lao động của anh em tù, trong đó có nhiều người đã tốt nghiệp đại học, một bác sĩ, hai kỹ sư, những người mà mấy tháng trước đây chưa hề biết cái dùi, cái đục, cái rựa ra sao.

Lúc bấy giờ trời đã sang Xuân, hoa mai trắng nở đầy trên các ngọn đồi chung quanh. Trong trại chỉ còn lác đác nơi này nơi kia những gốc mai may mắn còn sót lại. Chúng cố vươn lên, đâm chồi ra hoa, làm cho trại tù trông tươi thắm, không buồn rầu u ám như mấy tháng trước đây.

Vào khoảng cuối tháng 1 năm 1976 tức chỉ còn chừng 1 tuần nữa là Tết Bính Thìn, đã có người đi thăm nuôi. Nga có nhắn tin trước sẽ thăm tôi đúng vào ngày đưa ông Táo về Trời. Tôi còn nhớ m Lịch và Dương Lịch ngày này đều là 23, chỉ khác tháng. Sáng sớm hôm đó đứng ở một gò đất cao nhất trong trại nhìn ra khu thăm nuôi cách trại mấy trăm thước, tôi nhận ngay ra Nga trong đám đông, phần nhiều là phụ nữ. Vợ tôi đang ngồi cạnh một cái giỏ lớn nói chuyện với bà Hiền, cũng đi thăm chồng. Lần này Nga mặc áo nâu, quần đen và hình như mang... dép râu.»Thời trang» mới ! Một lát sau Nga đi ra nơi có mấy khóm mai trắng, nhìn vào trại.

Khi tôi chuẩn bị đi gặp Nga, Y Bret, một sĩ quan địa phương quân gốc Thượng Gia-Ray, theo đạo Tin Lành, dúi vào tay tôi một mảnh giấy. Tôi biết đây là thư anh ta gởi cho vợ và nội dung lần nào cũng như lần nào : Sắp về nay mai, tin tưởng vào chính sách khoan hồng nhân đạo của cách mạng, nên đi nhà thờ thường xuyên, không làm điều tội lỗi, sẽ có ngày phán xét. Nghe nói vợ Y Bret còn rất trẻ và đẹp, hắn ta rất mê vợ, sợ mất vợ nên đã nhờ... Chúa giữ vợ theo cách đó. Bản thân Y Bret không ngoan đạo, hầu như chỉ đi nhà thờ một lần vào ngày cưới.

Nga đưa cặp mắt tròn xoe nhìn tôi trong bộ quân phục «ngụy», đầu đội nón nhựa, vai mang ba-lô. Cái ba-lô này là để đựng đồ thăm nuôi. Bà Hiền đến gần bên tôi, nói nhỏ :

- Trông oai quá ! Mới thấy mấy người đi ra, mừng hụt, cứ tưởng như... giải phóng trở lại.

Lần thăm nuôi này khá dễ dãi. Từng cặp tìm một góc khuất nào đó ngồi nói chuyện cả giờ. Nga cho biết đã đem xe đạp cùng với giỏ đồ ăn theo xe đò. Đến bến xe Nga chở giỏ đồ ăn bằng xe đạp đến trại. Xe đạp nội hóa, thắng bị đứt, tụt dốc «rơi tự do», Nga phải cho xe ủi vào một đống rơm bên đường, mới không bị thương nặng.

- Thôi, em đừng đi thăm nữa. Anh nghĩ anh cũng sắp về. Người ta về nhiều lắm.

Tôi nói vậy nhưng rất muốn Nga đi thăm. Bây giờ mỗi lần nghĩ đến việc này tôi rất xót xa. Tôi đã làm khổ Nga suốt 10 năm. Hơn hai năm ở trại này Nga đã thăm tôi mỗi tháng một lần. Đã 3 hay 4 lần chúng tôi cùng nhau ngồi dưới mấy cành hoa mai trắng. Đó là vào mùa Xuân. Qua mùa Hạ, Thu, Đông những cành mai trơ trụi trông thật tội nghiệp, nhưng chúng tôi vẫn đến đây khi Nga lên thăm.

Mỗi lần được thăm, ngay cả khi chỉ nhận được một bức thư ngắn của Nga vỏn vẹn có mấy câu mà lúc nào cũng gần như giống nhau «Anh học tập tốt, để sớm về sum họp. Em và Ba Mẹ vẫn khỏe. Con heo mẹ nuôi đã to béo như con bê...» cũng đủ làm tôi hạnh phúc.

Trước Tết 4 ngày một số tù, trong đó có Y Bret, được chọn đi hái lá dang, một loại lá to và bền, để gói bánh chưng. Đây là loại lao động nhẹ nhàng và thích thú, có thể thong dong trong rừng nguyên cả buổi sáng. Y Bret thồ về một bó lớn lá dang, thêm một bó chè tươi trên vai. Quản giáo thấy vậy, bảo anh đi hái chè nấu nước cho khu thăm nuôi. Nấu nước ở đây có thể ngồi canh lửa nguyên cả ngày, từ sáng sớm đến tối mịt. Nếu nhằm ngày này có vợ lên thăm thì thật tuyệt.

Y Bret là người ít được thăm nuôi nhất, từ ngày bị tập trung đến nay, vợ anh chỉ thăm anh có một lần. Nhưng hình như lá thư anh ta nhờ vợ tôi gởi có hiệu lực, vợ Y Bret đã thăm anh đúng vào ngày anh nấu nước chè ở khu thăm nuôi. Hai vợ chồng ở bên nhau 10 tiếng đồng hồ. Buổi tối vợ Y Bret ngủ nhờ nhà một người dân tốt bụng, để sáng hôm sau gặp chồng lần nữa. Y Bret trở về trại với giỏ đồ tiếp tế, mặt mày hớn hở. Một anh hỏi :

- Ở lâu bên nhau như rứa, có chấm mút chút đỉnh nào không ?

- Dĩ nhiên là có-Y Bret cười nói.

- «Khô» hay «ướt» ?

- Sơ sơ.

Ngày hôm sau Y Bret cũng được quản giáo trại cho đi nấu nước chè. Buổi tối Y Bret về trại với vẻ mặt âu sầu, ai hỏi gì cũng không nói. Nhóm tù đẵn gỗ thì thầm với nhau nhưng cũng lọt ra ngoài, đến nhóm «anh nuôi» :

- Buổi trưa Y Bret hẹn vợ vào một đám sắn. Hai anh chị đã «làm chuyện đó» và bị quản giáo bắt tại trận. Quản giáo ra một điều kiện gì đó và dắt vợ Y Bret đi đến một đám sắn khác. Nhóm tù đẵn gỗ, ai cũng thấy tận mắt... nhưng không dám và không nỡ nhìn lâu.

Ngày hôm sau Y Bret xin gia nhập nhóm đẵn gỗ dù loại lao động này khá nặng nhọc so với tuổi tác của anh ta. Loại lao động này bắt buộc phải đạt chỉ tiêu. Cái chỉ tiêu này bằng... cao su, nó có thể kéo dài ra theo lòng tham của quản giáo. Quản giáo dùng «chỗ cao su» bị kéo dài này bán lấy tiền đút túi riêng. Ở vùng này, gỗ và quế là vàng.

Tam Tạng thỉnh kinh
Tù binh thỉnh gỗ
Cùng khổ như nhau.

Khổ nhưng những anh tù trẻ, có sức lực vẫn thích đi đẵn gỗ. Như thế là vì tự do. Bộ đội giữ tù đẵn gỗ thường mắc võng ngủ đâu đó, để tù tự do đi vào rừng. Y Bret đã đi đẵn gỗ và không trở về. Đám tù đẵn gỗ nói Y Bret đã theo Fulro. Liền sau đó chúng tôi bị dồn vào lán, không được bước ra khỏi cửa. Lán tôi ở được cung cấp ba lò than để hâm đồ ăn. Sắp đến Tết đồ thăm nuôi khá nhiều. Mùi đồ ăn, nhất là lạp sườn nướng lan tỏa khắp phòng. Anh Cần.»con bà Xơ» (tức không có ai thăm nuôi) chửi anh Bắc đang nướng lạp xưởng :

- Đ. mẹ ! Đem lạp xưởng ăn sống đi, đừng có nướng nữa, chọc tức mũi người ta.

Anh Liên, người to lớn, cũng «con bà Xơ», ngược lại, rất thích ngửi mùi đồ ăn. Anh đi tới đi lui, xoay mặt vào cái lò đang hâm đồ ăn, hít hít. Có người hỏi tại sao anh Liên thích ngửi như vậy, anh nói :

- Cũng như người thích xem phim con heo. Xem, không làm gì cả, cũng sướng.

- Nói chi lạ rứa ! Xem phim xong có cách giải quyết. Còn sau khi ngửi đồ ăn, giải quyết cách nào ?

- Nằm ngủ, mơ thấy ăn cũng sướng.

- Tui mơ thấy ăn bánh mì, nhai đi nhai lại, nước miếng ứa ra, chua lè. Sướng chi mà sướng

- Tui hái một mớ rau răm, xin một ít muối tiêu, ăn với miếng sắn, giống y như ăn hột vịt lộn.

Anh Liên vừa nói vừa nuốt nước miếng.

Anh Liên nói vậy nhưng sau khi ngửi nhiều lần, cằm anh bạnh ra, hai hạch nước miếng hai bên cằm không được «thỏa mãn» sưng lên.

Trong hoàn cảnh này anh em tù cũng có cách giúp đỡ nhau phần nào. Thí dụ như người được thăm nuôi giúp «con bà Xơ» bằng cách «thuê» họ hái rau, quả, đun nấu. Kẻ có của người có công. Họ ăn chung với nhau.

Anh Liên phải «làm thuê» cho hai «ông chủ» mới đủ ăn. Anh ăn mạnh lắm. Anh có tài chế biến món ăn, thí dụ như làm mì Quảng. Anh mài sắn trên miếng thiết đục lỗ, trải bột sắn trên lá chuối rồi cuộn lại, bỏ vào lon guigoz nấu. Khi sắn chín, anh lấy sắn ra, thái như thái phở. Rau có sẵn, không rau muống thì rau tàu bay. Nước dùng thường là ruốc nấu với nhái, hay bất cứ con gì... đưa lưng lên trời, nghĩa là không phải con người.

Nói đến nấu nướng ăn uống trong tù, phải nói đến cái lon guigoz. Cái lon này không phải chỉ dùng để ăn uống, đựng đồ ăn, mà còn để nấu nướng. Kẹt lắm có thể dùng để tiểu tiện, đại tiện. Nó có cái nắp đậy rất kín, kiến hay các loại côn trùng khác không lọt vào trong lon được. Cái lon này là lon đựng sữa bột do Hòa Lan sản xuất. Cái lon guigoz thông dụng trong trại tù đến nỗi có nhiều bộ đội tưởng lon được sản xuất cho tù... đi ở tù. Ở Mỹ, các hội đoàn thường tổ chức vinh danh người này người nọ, mà không tổ chức vinh danh Công ty sữa bột Guigoz là một thiếu sót lớn.

Trước Tết 2 ngày tổ chăn nuôi dắt một con trâu già ốm yếu vào cột nơi cái cọc tre gần nhà bếp. Con trâu già đưa cặp mắt lờ đờ và hiền từ nhìn đám tù tàn binh. Đám tù cũng nhìn con trâu, vừa tội nghiệp, thông cảm số phận của nó, không khác gì mình; vừa buồn vì thấy

nó già và ốm, không đủ sức làm thỏa mãn cái dạ dày lúc nào cũng xẹp của họ. Con trâu không biết nó sắp chết thảm. Cho đến khi bốn chân bị tròng vào bốn sợi dây mà nó cũng chỉ đưa chân bước một bước ngắn như đứng lâu bị mỏi. Đến khi một cú búa tạ đập mạnh vào đầu nó mới nhìn mọi người như ngạc nhiên, ứa nước mắt. Không biết nó ứa nước mắt vì quá đau hay vì quá buồn cho thân phận mình. Nhưng nó vẫn chưa gục. Một cú búa tạ nữa đập vào đầu, nó chỉ hơi khuỵu xuống. Cho đến khi bốn lát rìu bổ mạnh vào bốn gót chân, gân lòi ra trắng phếu, thêm mấy phát súng vào đầu, nó mới gục hẳn. Một anh tù, thợ hớt tóc trong trại, xách lon guigoz đến bên con trâu vừa bị thọc huyết, múc một lon huyết mang đi. Anh ta được trại tin tưởng cho làm thợ hớt tóc, một công việc nhàn hạ và được phép giữ dao kéo... được ưu tiên ăn huyết, một «vị thuốc» có thể làm tiêu hay hút (?) những sợi tóc li ti của tù bay vào cuống phổi khi anh ta hành nghề. Đáng lẽ anh ta không phải đi tù. Anh ta là lao công đào binh trình diện «Cách mạng» nhưng khai mình là sĩ quan vì nghe nói tù binh sĩ quan có quy chế cao, một ngày 8, 9 lạng gạo, có cá, có thịt, chứ không phải 6, 7 lạng. Trại cũng biết anh ta khai ẩu nhưng lờ đi. Có thêm cho anh ta lạng gạo, lạng thịt nào đâu mà lo. Cũng chẳng ai truy ra việc bắt lầm, ngay cả bắn lầm. Miễn đừng bỏ sót là được.

Ngày cuối cùng của năm Ất Mão, không nhớ 29 hay 30, bữa ăn sáng, thay vì ăn với mắm, tù tàn binh được «bồi dưỡng» trứng vịt dằm nước mắm. Hai người một quả trứng ! Ở Mỹ mỗi khi nghe nói ăn trứng nhiều không tốt, trứng là ổ chứa cholesterol xấu, tôi lại nhớ như in việc anh em tù bàn thảo cách chia quả trứng. Cắt quả trứng theo chiều ngang sẽ có đầu lớn đầu nhỏ, khó cắt hai phần bằng nhau được; cắt theo chiều dọc thì quả trứng không chịu nằm yên, nó lăn đi như hòn bi-da, cũng khó cắt cho đều được. Có người đề nghị hai người sở hữu quả trứng bốc thăm, ai thắng ăn nguyên quả trứng. Đề nghị này bị bãi bỏ vì sẽ không có ai nỡ lòng ăn nguyên quả trứng để bạn mình ăn cơm với muối. Cuối cùng «phương án» sau đây được biểu quyết : Dằm nát trứng trong nước mắm, rồi lấy muỗng múc chia đều.

Ngày Mồng Một, chúng tôi được phát mỗi người một cái bánh chưng không có nhân và một tô thịt trâu nấu với lá lốt. Có anh theo đạo ông bà, để cái bánh chưng trên chiếc bàn tre, vái mấy vái cúng tổ tiên trước khi trịnh trọng lột miếng lá giang gói bên ngoài. Chưa cắn mà nước miếng đã ứa ra. Có anh theo Công Giáo, đưa tay làm dấu Thánh Giá trước khi gắp miếng thịt trâu. Chắc con trâu ở suối vàng cũng tự hào thấy mình được «coi trọng» như vậy. Không phải chỉ vậy thôi đâu. Có một anh tù tên Đông, không biết vì ngớ ngẩn hay muốn

mỉa mai, đã bưng tô thịt trâu và cái bánh chưng để trên bàn thờ «bác», rồi lâm râm khấn vái. Quản giáo biết được, bắt Đông làm kiểm điểm, sau đó Đông bị cùm 1 chân. Tôi không còn nhớ anh ta đã bị cùm bao lâu, chỉ nhớ sau khi anh ta được tháo cùm, Sơn em rể tôi, thế chỗ anh ta. Số là gặp anh ta ở đâu, Sơn cũng nói oang oang :

- Sao lại cho bác ăn thịt trâu. Bị cùm là đúng.

Sơn học tập không tốt, kể cả lao động và tư tưởng, nhưng anh ta chỉ ăn có một cái Tết ở đây. Về sau Sơn rất hận việc này. Nó chỉ ở tù có 1 năm 6 tháng nên cả gia đình không đi Mỹ theo diện HO được.

Ai cũng biết không phải học tập tốt thì về sớm. Về sớm hay muộn căn cứ theo bản kiểm điểm, cấp bậc, chức vụ, quân, binh, chủng, ngành, quá trình hoạt động «chống phá cách mạng». Sau đó còn tùy theo tình hình an ninh chính trị, quốc phòng...

Sau khi «trồng cây nhớ ơn Bác» trở về, chúng tôi được xem văn nghệ, xem múa lân, nghỉ ngơi. Tổ bếp được tăng phái thêm người nên tương đối chúng tôi cũng đỡ hơn. Lao động ở bếp ai cũng thích, vì «nhà bếp đánh chết cũng no». Không phải nhà bếp ăn chặn mà «ăn thừa». Cái chảo nấu thịt còn váng mỡ, có thể cho

thêm chút nước vào đó, thêm ít rau quả, để dành hôm khác ăn; hay có thể chiên rau muống ăn liền. Chính việc «ăn thừa» này mà tổ bếp mang tiếng xấu. Anh Lợi xuống bếp xin cơm cháy không được, anh ta đứng trên một gò đất la lớn như Trương Phi ở trên cầu Trường Bản :

- Nhà bếp ăn rau muống chiên ! Nhà bếp ăn rau muống chiên !

Chúng tôi không có quyền cho ai cơm cháy cả, cơm cháy cũng phải bẻ ra từng miếng chia đều. Nói vậy chứ làm sao mà tuyệt đối đồng đều được. Chia đều rồi, nếu còn thừa, mà thường là thừa, chúng tôi để dành ưu tiên cho «con bà Xơ». Một trong những «con bà Xơ» tội nghiệp nhất là anh Lục. Anh bị vợ bỏ, thân nhân lưu lạc. Những khi nhà bếp chia cơm anh xuống đứng tựa vào gốc cột nhìn đăm đăm cái chảo cơm. Đến khi nghe tiếng xẻng (chúng tôi dùng xẻng để chia cơm) cạ sột sột vào đáy chảo là anh bước vào thật nhanh, chìa cái lon guigoz ra. Chúng tôi đã cho anh Lục cơm cháy như vậy nguyên cả nửa năm. Nhưng khi được tin anh có thăm nuôi, chúng tôi ngưng. Vậy là anh Lục quên mất những miếng cơm cháy trước đây, chỉ nhớ đến miếng cơm cháy hiện tại mà anh không được ăn. Sau buổi ấy, gặp tôi ở đâu anh Lục cũng nhìn tôi với đôi mắt hình

viên đạn.

Tôi trở về sum họp với gia đình sau 10 năm tù dài đăng đẳng. Tôi và Nga đã có với nhau 3 đứa con. Bây giờ chúng tôi sống với nhau vì tình nghĩa hơn tình yêu thắm thiết thuở ban đầu. Không biết bao lâu rồi chúng tôi không xưng hô «anh, em» với nhau. Mỗi lần nghe tôi nhắc lại chuyện cũ, chuyện về Trại Tù Tàn Binh với những cành hoa mai trắng, Nga nói «Lâu quá không nhớ chi cả». Ngày 23 tháng Chạp vừa rồi tôi đi mua hai chậu hoa mai trắng đem về để trước hiên nhà. Nga nhìn chậu hoa, đôi mắt mơ màng xa xăm :

- Sao... em thấy cái này quen quen, ... buồn buồn.

Đó là lần đầu tiên từ khi sinh đứa con út Nga xưng «em» với tôi. Nhưng không phải lúc nào chúng tôi cũng «lãng mạn» với nhau như vậy. Tôi và Nga vẫn gây nhau về những việc lặt vặt. Cứ mỗi lần như vậy tôi lại bước ra hiên, nhìn hai chậu hoa mai trắng, thấy như hiện lên hình ảnh Nga chở đồ thăm nuôi bằng chiếc xe đạp nội hóa cọc cạch trên con đường ven núi gập ghềnh, và tôi trở vào nhà nhìn Nga với đôi mắt dịu dàng mà Nga biết rằng tôi không còn muốn gây gổ nữa.

Bồ Tùng Ma

# Chuyện Đời Thường

Nguyễn Văn

Với cách viết tinh tế, Nguyễn Văn đã nhận giải Vinh Danh Tác Giả Viết Về Nước Mỹ 2012. Ông sinh năm 1965, quê ở Phú Yên; Vượt biên năm 1988, hiện sống cùng gia đình tại Chicago.

Xin giới thiệu, tôi tên là Thừa. Tất nhiên, tôi không tự chọn tên cho mình. Đây là tên do ba tôi đặt. Ở đời, cái gì không cần thiết, người ta gọi là thừa. Khi đến Mỹ, buồn cảnh xấc bấc xang bang, chữ nghĩa cũng chán cảnh mang râu đội mũ, tôi được gọi là Thua. Từ ấy, tôi đâm ra không thích tên mình.

Khi có trí khôn hiểu ra được mọi việc, chưa kịp thắc mắc tên mình với ba tôi thì ông đã chết. Ông chết vì lỡ sinh ra làm đàn ông trong thời chiến. Chế độ ngày ấy gọi ông là tử sĩ. Người ta phát cho mẹ tôi tấm bằng Tổ Quốc Ghi Ơn. Mẹ nói, nếu nhà có tiền đút lót, ba tôi đã không phải đi lính. Và bà cứ nhất định, ba tôi chết vì nghèo. Tôi tin, ông không đơn độc, số người chết vì nghèo trên trái đất này nhiều không kể xiết.

Như bất cứ đứa trẻ nào sinh ra trong chiến tranh, ký ức tôi gắn liền với những lần chạy nạn. Quê tôi nằm ở vùng xôi đậu. Mỗi khi nghe tiếng súng hai phía bắn nhau, mẹ lại đặt tôi ngồi vào một chiếc thúng. Chiếc còn lại chứa lỉnh kỉnh bao nhiêu là thứ, từ thức ăn, gạo muối đến quần áo. Mẹ gánh tất cả mọi thứ lên vai, theo dân làng tản cư ra đồng. Hồi bé, tôi mơ lớn lên sẽ đi lính. Tôi nghĩ, nếu có súng trong tay sẽ không bị ai ăn hiếp. Lũ trẻ con chúng tôi ngày ấy thường chặt nhánh cây gòn đẽo làm súng, chia phe đánh nhau. Lúc đầu chúng tôi đánh bằng miệng, khi bất phân thắng bại mới dùng đến tay chân. Ngày nào cũng đánh nhau đến u đầu, bướu trán. Chúng tôi không hiểu tại sao lại thích đánh như thế. Mãi sau này tôi mới biết người lớn cũng thích đánh nhau. Các nhà tâm lý học đã nhầm khi bảo ý thích bạo lực, trò chơi động tay động chân là sản phẩm của kẻ vị thành niên chưa trưởng thành. Có thể chúng tôi mang gen di truyền của tổ tông, sinh ra trong một đất nước có lịch sử mấy ngàn năm chuyên đánh nhau.

Lúc Sài Gòn sắp sụp đổ, nghe tin mấy ông lớn lên máy bay dông ra nước ngoài, mẹ chửi đổng : Quân khốn kiếp ! Từ đó, mẹ cũng thôi bảo tôi lớn lên nhớ trả thù cha. Năm ấy tôi tròn mười tuổi. Mẹ làm bà góa, khó nhọc nuôi tôi lớn. Hồi nhỏ, mẹ chỉ học biết chữ thì ở nhà làm ruộng. Mẹ xem mọi thứ sách vở đều thiêng

liêng nên khuyên tôi học. Học để thoát nghèo, mẹ nói thế. Có nhiều người cả đời chưa từng đọc hết một quyển sách, nhưng rất giàu. Mãi sau này tôi mới biết, họ giàu vì cướp của người khác, không phải vì học.

Tôi bỏ quê ra đi lúc trưởng thành. Tôi sống ở một chỗ, gọi là thành phố, nơi con người thích chui rúc vào những dãy nhà cao tầng, với các tiện nghi sinh hoạt vây quanh. Cuộc sống nơi đô hội mê hoặc tôi cũng ngang bằng sự quyến rũ của các cô gái. Ở đó, tôi bỏ công học hỏi đủ thứ, từ cách đi đứng nói năng tới việc cầm nĩa sao cho đúng khi được mời tham dự các bữa tiệc. Tôi tập ăn bánh mì kẹp thay cơm. Như người ta, tôi thích tranh Vincent Van Gogh và cũng hỏi tại sao nàng Mona Lisa lại mỉm cười. Tôi không muốn làm bạn những cô gái cùng màu da tiếng nói với mình, chỉ thích mấy cô nàng tóc vàng. Và tôi thường thất tình triền miên. Tôi bỏ ngoài tai lời khuyên của mẹ, mặc kệ cái gọi là giữ gìn nòi giống nguồn cội. Để phủ nhận và gột rửa xuất thân quê mùa của mình, tôi nhất định con người không sinh ra từ loài khỉ. Tôi chẳng coi thuyết tiến hóa ra gì. Có lần tôi đi nghe một vị tự xưng là Phật sống, rao giảng về thế giới sau cõi chết. Bà nói tự tin đến nỗi, ai cũng tưởng bà vừa từ nơi ấy bước ra. Con người cứ thích lừa dối nhau, và cũng mãi tự dối lừa mình. Căn phòng chật cứng người. Tôi có cảm giác mọi người đang tự

thôi miên mình, lòng trầm xuống như thể chuẩn bị thoát xác. Riêng tôi lại thích nhìn quanh quẩn. Những chiếc váy của các cô gái bao giờ cũng khiến tôi bận tâm hơn những đề tài có tính hàn lâm cao xa. Đã có thời tôi nhầm lẫn, cứ tưởng cái đẹp và cái thiện là một.

Mỗi sáng, mẹ nhìn tôi lo lắng. Gần đây mắt mẹ mờ dần. Mẹ bắt đầu có thói quen muốn tôi ngồi lại một bên để bà rờ mặt. Mẹ nghĩ, mỗi ngày tôi thay đổi theo chiều hướng xấu đi. Biết đâu, vào một lúc nào đó, tôi sẽ không còn là con của bà nữa. Không hiểu sao càng lúc tôi càng thấy mệt mỏi, đầu óc hoang mang cứ như người đi lạc. Có lẽ, tôi đã nhiễm quá nhiều, thứ người ta thường gọi là những thói hư tật xấu mặt trái của thành thị.

Ngày nào mẹ cũng mở tivi xem tin tức Việt Nam. Bây giờ là mùa đông. Quê mình đang vào mùa mưa. Chắc nước đã ngập hết cánh đồng làng. Cây lúa sẽ chết. Nhà nông rồi sống khổ. Nói chán, mẹ thở dài một mình. Nỗi ám ảnh về những ngày tháng cơ cực xa xưa cứ bám lấy bà. Bữa cơm nào, mẹ cũng nhắc tôi lo kiếm vợ Việt Nam. Mày không biết chọc gái à, thằng dài lưng ? Hỏi tôi xong, bà lại chép miệng. Không trách được. Lũ con gái bây giờ, Tây cũng không mà Ta cũng không, người ngợm cứ nửa xanh nửa đỏ như đười ươi ! Tôi vừa nghe bà, vừa nhai bánh mì. Lần nào cũng thế, mẹ chỉ có mỗi

một chuyện để ca cẩm. Sao mày không chịu ăn cơm, cứ đi nhai mãi cái thứ bánh nhạt thếch ấy, hả trời ! Tôi nghĩ mẹ sắp lẩn thẩn. Bà không gọi tôi bằng con nữa, chỉ kêu mày. Có lẽ tôi sống hèn. Tôi cứ mãi bận rộn theo chuyện cơm áo đời thường, cũng không dám trả các hóa đơn trễ đến một lần.

Rồi mẹ kể chuyện xưa. Một chiều, mẹ ngồi chải tóc bên thềm nhà, thấy ba tôi đi ngang qua. Ba mày ba trợn lắm. Mới biết nhau, ổng đã đòi hôn tao. Không hiểu sao, tao lại thích để cho ổng ôm như vậy. Ba tháng sau, không trầu cau cưới hỏi gì, tao bỏ nhà trốn theo ổng. Mắt mẹ long lanh sau câu nói. Các nếp nhăn trên mặt bà như giãn ra. Đột nhiên tôi thấy mẹ trẻ lại. Tôi nhìn bà, quên luôn cả nhai cơm.

Tôi ngồi, nhớ về một vùng quê xa vời, nơi có ngôi làng mái tôn lụp xụp nằm bên cạnh một đầm nước tên Ô Loan. Tôi không biết tên đầm có tự bao giờ, và do ai đặt cho. Người ta bảo, vào mùa hè đứng trên đèo Quán Cau nhìn xuống, đầm Ô Loan nằm trải mình bình lặng trông giống như đôi cánh chim loan đang thong thả bay. Tôi nghi ngờ đây là sản phẩm của mấy tay nhà thơ. Ở xứ tôi, tỷ lệ nhà thơ tính trên đầu người nhiều nhất thế giới. Mà không riêng gì cái đầm, ở đó địa danh nào cũng có tên gọi rất đẹp, chỉ có con người là cứ mãi cực

khổ, nhếch nhác. Hồi ấy, tôi chỉ thích mùa mưa để được dầm mình trong nước lũ. Có năm, nước từ sông Cái và các con sông nhỏ đổ về, làm ngập trắng cả một vùng. Cả đầm nước yên bình bỗng trở nên hung dữ lạ thường. Cảnh người chết trôi, nhà cửa hư hại, mùa màng thất bát cứ xảy ra vài năm một lần. Cũng chính nơi ấy, tôi đã bỏ lại mối tình học trò của mình. Tôi không được như ba tôi, chỉ mới nắm bàn tay người ta. Nhưng rồi em cũng bỏ tôi đi lấy chồng.

Mẹ bảo khi mẹ mất phải hỏa thiêu, đem tro về rải lên mặt đầm xưa. Ruộng đất bị chính quyền lấy hết, không còn chỗ để chôn. Nói xong, mẹ ngước đôi mắt mờ đục nhìn ra khung cửa. Cả thành phố huyên náo ngoài kia cũng đột nhiên trống vắng như một khung cảnh chết. Mẹ vẫn dõi mắt tìm đâu đó. Ánh nhìn của mẹ xa xôi như đắm chìm vào một khoảng trời rất riêng nào khác.

Và cứ thế, mẹ ngồi chờ đêm xuống.

Nguyễn Văn

# Mẹ Chồng Nàng Dâu !

Nguyên Sơn

Tác giả là một viên chức liên bang, cư dân Virginia, lần đầu dự Viết Về Nước Mỹ. Ghi chú được kèm theo bài viết : Washington DC. mùa xuân 2014 / Thương tặng nhạc mẫu sinh nhật 89. Mong Nguyên Sơn sẽ tiếp tục viết và vui lòng bổ tục sơ lược vài dòng tiểu sử và địa chỉ liên lạc.

Cứ mỗi định kỳ ông Văn đến thăm bà Năm theo lịch trình của Bộ Xã hội, để vấn an sức khỏe đời sống của những người già neo đơn đang sống tại tư gia. Ông Văn vừa gõ cửa đã nghe tiếng nhạc từ trong nhà vọng ra, tiếng hát của Khánh Ly «Nắng có hồng bằng đôi môi...». Tiếng nhạc chưa hết lời thì cánh cửa đã mở tung, vừa thấy bà Năm chống gậy lom khom, thay vì chào bà Năm bỗng dưng ông Văn cười oà, . Ông Văn nghĩ bụng, trời ơi già cú đế mà còn «nắng có hồng bằng đôi môi em...» bà già gân thật. Cánh cửa vừa khép lại bà Năm kéo tay ông Văn chỉ vào cái máy DVD «off off» giùm tui. Nó mở rồi nó đi tui hỏng tắt được, vậy là cứ hát đi hát lại. Có ngày nó bỏ đĩa ông Ngạn đọc truyện, ông lải nhải suốt ngày tui nghe mà phát ớn.»Má ở nhà một mình má nghe cho đỡ buồn», ôi con dâu tui đó ông

Văn ạ.

Bà Năm gần 90 tuổi, bà định cư ở Mỹ hơn 20 năm rồi, trước đây bà còn khỏe và đi lại dễ dàng, nấu cơm, làm những việc lặt vặt trong nhà, bây giờ thì đi đứng khó khăn, bà dọn về ở chung với thằng út và con dâu thay vì ở nhà dưỡng lão, nhờ vậy mà Bộ Xã hội cho người đến thăm hỏi vấn an sức khỏe bà mỗi định kỳ.

Ông Văn bắt đầu làm thủ tục check list.

- Thưa bà :

Mấy tháng này bà có gì thay đổi không ? -Không,

- Bà ngũ được không ? -Được,

- Bà Năm có uống thuốc mỗi ngày không ? - Cco.

- Bà ăn uống sinh hoạt hàng ngày ra sao ?

- Con dâu tui nấu nướng đầy đủ, tươm tất, nhưng đôi khi tui lại thích ăn bánh mì Banana bread, thằng út lười đi mua, nên con Mười lúc nào ghé thăm tui cũng đem theo Banana bread cho tui Cậu ạ.

Ông Văn nghĩ bụng, tôi chỉ hỏi ăn được không, sao bà Năm nói nhiều thế ?. Rồi ông Văn xin đi một vòng trong nhà để xem nơi ăn ngủ của bà Năm theo mục lục

checklist của bộ xã hội đã in sẵn.

Xong thủ tục check list ông Văn vừa ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh bàn ăn gần phòng khách, thì bà Năm cất tiếng ho khàn khàn, thỉnh thoảng hắc mũi vài cái cho đỡ nghẹt, ý bà Năm muốn nói gì ?.

Nhưng ông Văn hỏi tiếp, nhà bà có thuê người dọn dẹp lau chùi nhà cửa không ?. Phòng ốc của bà trông như ở khách sạn 5 sao ? ông Văn vừa nói vừa cười, có lẽ bà năm không hiểu 5 sao là gì ?, nhưng thuê người dọn dẹp thì bà hiểu ngay, nên bà cười hớn hở ra mặt.

Bà Năm nói tiếp, «Không ! Cậu ạ, con dâu tui sửa soạn đó, mỗi ngày con dâu tắm rửa cho tui 1 lần, sáng dậy lo làm giường, dọn dẹp phòng ngủ sạch sẽ cho tui trước khi nó ra khỏi nhà đẻ đi làm, nhỏ con mà biết chịu khó, tui thương nó lắm.» Bà Năm vừa dứt lời, ông Văn lẩm nhẩm, bà thật hạnh phúc, còn... mẹ... tôi thì... rồi ông Văn đứng bất động và chợt nhớ đến mẹ. Hai năm rồi mẹ đã về với lòng đất, và những ngày cuối đời mẹ cứ mãi bâng khuâng con dâu của mẹ, sớm trưa 2 buổi con dâu đâu rồi ?

Bỗng nhiên đôi mắt ông Văn nhắm lại.

Cậu uống nước trà nhé ? nghe tiếng bà Năm ông Văn chợt tỉnh, đã thấy bà Năm chống gậy lom khom ngồi bên cạnh, và dúi vào tay ông Văn miếng giấy tissue, ông Văn khấn mặt nhìn trời cao... văng vẳng con nghe tiếng mẹ thở dài.....

Bà Năm lại cất tiếng ho khàn khàn, rồi bà nói ngay, các con tui đều sống quanh đây ông Văn ạ, cũng nhờ vợ chồng thằng Năm, mà cả gia đình đều được qua Mỹ, chứ còn kẹt lại tui khổ lắm. Bà Năm lại ca bài còn cá. Ông Văn ngồi yên và lắng nghe những tâm sự của người già, và dường như đây cũng là một phần công việc của ông Văn, vì ông đã quen với nghề nghiệp.

Bà Năm chỉ lên bức tường nơi có những khung hình đang treo, 1 khung hình cả gia đình, 10 người con, 5 trai 5 gái, trong xóm còn tặng cho bà Năm biệt danh là nhà Ngũ Long Công Chúa. Khung hình bên kia là hình của nhà tui, bà Năm nói, Ông mất khi thằng út còn trong bụng mẹ.

Cậu ạ, ông bị tụi «nó» bắn tỉa lúc đi công tác ở miệt vườn, ngày đó ông tui làm việc xa nhà, thỉnh thoảng năm ba tháng ông mới về một lần, mà khổ nỗi cứ mỗi lần về là ông để lại cho tui một cái bầu, út 1, rồi út 2 rồi tới út 3.

Bà Năm cười híp cả mắt lộ hàm răng lưa thưa vàng nhạt, rồi bà lấy khăn dụi mắt, có lẽ bà đang vui buồn lẫn lộn trong khi nói về chuyện xa xưa của đời mình, nên nước mắt cũng hoà nhập với tâm tư của bà.

Tuy gần 90 tuổi nhưng trông bà Năm còn khỏe, trí nhớ khá minh mẫn, bà nhớ rất rõ những tháng ngày còn ở quê nhà, một mẹ 10 con, bà Năm buôn bán hàng rong ở ngoài chợ gần con hẻm xóm Bún phía sau ngôi chùa, tay bé tay bồng, đôi vai nặng trĩu, rồi bà đưa cho ông Văn xem những cái sẹo của thời buôn thúng bán bưng còn ghi đậm trên hai gót chân già nua của bà.

Cơn ho khàn khàn lại trở về, cứ mỗi lần bà ho khàn là ông Văn biết bà sắp nói điều gì đó, ông Văn lẳng lặng ngồi yên đợi chờ... như đã bao năm nay trong công việc ông Văn cũng đã chờ đợi để nghe qua các cụ già tâm sự, mà cụ nào cũng giống như nhau, nói dai, nói dài, và nói rất chậm chạp, đôi lúc ông Văn phải nhắc thầm, chứ các cụ nói trước quên sau.

Ông Văn nâng chén trà uống một ngụm, vừa để ly trà xuống thì bà Năm tằng hắng chắc lưỡi, đó là dấu hiệu cho biết bà sắp nói. Bà Năm tâm sự, những ngày lặn lội, cheo leo, thăm các con ở trại cải tạo, nhà cửa, đất đai bị tịch thu, đời tui tay trắng nay lại càng trắng tay. Nhưng cũng nhờ trời thương, tui qua được bên này, bây giờ có

chính phủ lo, cảm ơn nước Mỹ, cảm ơn trời đất Cậu ạ.

Thời gian không dừng lại, đời bà Năm đã trải qua nhiều thăng, trầm, cũng như nhiều người đã gặp phải trong cuộc sống hằng ngày, nhưng với bà Năm thì bà là một người đàn bà chân chất, mộc mạc, rộng lượng bao dung và với ý chí kiên cường bất khuất để tồn tại vươn lên cho dù phong ba bão táp, phong trần nghiệt ngã như cuộc đời của các bà mẹ thiếu may mắn.

Rồi ông chợt nghĩ, ngày ấy đã đến, bà Năm vui thấy rõ, bà đã nhìn thấy hạnh phúc của đời bà bây giờ có thêm con dâu út sống bên cạnh, cũng mẫu người chân chất, mộc mạc, rộng lượng và bao dung. Mẹ chồng và con dâu âu yếm bên nhau như cây tre già và búp măng mới lớn, để cùng vươn lên trong mãnh vườn tình nghĩa mẹ chồng nàng dâu.

Bà Năm lấy tay dụi mắt rồi lẩm nhẩm trong miệng, tui thương nó lắm con dâu út, thương quá là thương, cũng vừa lúc ông Văn đang đứng dậy, bà Năm vội vàng kéo tay chỉ nào cái máy «on on» giùm tui, miệng nói tay đưa cái DVD, hiểu ý, ông Văn cho đĩa vào máy và «on on», đĩa nhạc vừa quay một vòng và tiếng hát bắt đầu ngân nga «Mẹ già như chuối ba hương, như xôi nếp một, như đường mía lau.....» cái DVD con dâu tặng bà «má ở nhà một mình má nghe cho đỡ buồn». ông Văn lảm nhảm rồi bước đi.

Nguyên Sơn

# Từ Trại Tù Ra Biển Khơi

Phạm Hoàng Chương

Tác giả là một nhà giáo hưu trí, cư dân Riverside, đã góp nhiều bài viết đặc biệt cho giải thưởng Việt Báo từ năm đầu tiên, và nhận giải Chung Kết Viết Về Nước Mỹ 2009. Bài sau đây trích từ báo xuân Việt Báo Tết Giáp Ngọ 2014.

Tôi quen Khoa ở trại tị nạn Chimawan, Hongkong, cuối 1983, ghe hai đứa cùng vượt biên xuất phát từ Nha Trang, Bình Thuận cùng một thời điểm tính qua Phi mà bị bão thổi lên Hongkong, nhưng anh và tôi sĩ quan khác ngành nên không thân nhau mấy. Khoa tánh xuề xòa, trước làm Tình báo bên An ninh quân đội, nên phái đoàn Mỹ tin cậy, giao anh nhiệm vụ kiểm tra coi ai là lính thiệt, ai là lính giả khai man để được đi định cư Mỹ.

Anh Hùng, người tổ chức vượt biên cho tôi tháp tùng năm đó là đại úy CTCT, ngày xưa ở tù ngoài Bắc tám năm, còn Khoa tù tám năm Campuchia, nên hai người này cùng cảnh ngộ mới thật là thân nhau. Qua Mỹ, hai người lại tình cờ ở gần nhau, người Orange County, người Long Beach. Anh Hùng bán địa ốc, Khoa làm thầu khoán xây cất sửa nhà, sửa điện, plumbing, ráp

cửa garage, thay bồn nước nóng, cắt cỏ... cái gì cũng biết.

Năm kia, nhân trên San Jose tổ chức hội Ái hữu tỵ nạn Chimawan họp mặt, anh lái xe chở anh Hùng và tôi lên dự tiệc, coi có gặp người quen cũ không. Nhờ chuyến đi đó mà anh thân với tôi hơn, gọi phone thăm, ghé nhà chơi, vui vẻ tới sửa giùm điện, nước, gas, thay bồn nước nóng, thay cửa garage bị hư trong nhà. Bất cứ cái gì hư... gọi một tiếng là anh tới, sốt sắng mua đồ, thay, sửa, mau mắn làm được hết... Tôi có nhà mà không biết sửa nhà, tự nhiên được một ông bạn «handyman» tới giúp đỡ các việc linh tinh trong nhà, thật là may mắn. Có lần tôi than, «Già ở một mình mà con cái bạn bè đều ở xa, lỡ lái xe bị «panne» trên freeway đêm hôm, không biết gọi ai tới cứu...», anh buột miệng liền, «thì có tôi, gọi tôi, tôi lái xe tới cứu cho», làm tôi nín lặng, cảm động.

Bạn bè sống chung thời kỳ Chimawan cũ nay ở tứ tán, chỉ có tôi và anh Hùng ở gần, nay anh Hùng mất, chỉ còn tôi, nên Khoa thường xuyên ghé thăm trò chuyện, tâm sự. Hai đứa cũng lăn lộn thăng trầm đủ nghề ở Cali, nếm đủ cả thành công lẫn thất bại nên thông cảm nhau lắm.

Hồi mới qua anh đi rửa chén cho nhà hàng lấy tiền mặt, rồi đi học nghề, làm chủ thầu, điều động đám thợ Mễ đi chỗ này chỗ nọ, bây giờ kinh tế suy, không có việc, đành làm công cho hãng Mỹ sửa chữa nhà cửa, chung cư, ăn lương tháng, khi làm ở LA, Long Beach, Chino Hills, khi ở Riverside... Thấy nhà tôi mát mẻ, yên tĩnh, thích lắm, nhờ coi khu này có ai rao bán, cho anh hay để mua một căn như vậy để nay mai về hưu ở gần cho vui.

Một lần anh ghé tôi loay hoay thay cái motor điện xay rác ở sink nhà bếp bị hư, tôi đứng gần coi, anh bảo đừng đụng người anh, coi chừng bị giật. Tôi nói đùa :

- Mạng tôi lớn lắm, đừng lo.

Tôi nấu cà phê, anh sửa xong, tôi lấy bánh Pháp ra mời ngồi ăn, vui chuyện kể con người có số, tôi chết hụt mấy lần mà Trời cứu : hồi trẻ đi lính đang gác đồn mấy tháng không sao, vừa được chuyển vô Trung tâm hành quân làm thì đồn bị đánh úp nửa đêm, cụt tay cụt chân chết biết bao nhiêu lính; lần khác trong một cuộc cãi cọ, bị lính say đập chai bia lên đầu nứt sọ mà không sao; qua Mỹ lái xe đêm khuya bị tài xế chạy ngược chiều đâm sầm vào mà lách kịp trong nháy mắt... Anh buột miệng kể mạng anh cũng lớn, năm 75 ở tù bên Campuchia cũng bị đánh nứt sọ mà không chết, bị cai

tù VC đập cây lên đầu bất tỉnh, rồi xối nước cho tỉnh tra hỏi tiếp vì nghi làm cho CIA, làm tôi giật mình trố mắt :

- Anh làm chức gì mà bị nhốt tuốt bên đó vậy ?

- Tôi trước làm cho DAO (Defend attack office) thuộc CIA Mỹ, VC được tình báo cho biết nên bắt tôi, nhưng chưa có bằng chứng, bèn đưa tôi qua đó nhốt riêng, ở chung với các thành phần làm cho Mỹ. Nó tra hỏi tôi, bắt đưa cái code để mở computer truy tìm danh sách nhân viên tình báo làm cho Mỹ. Tôi nói, «Tôi không biết, mà dù có biết đi nữa, tôi cũng không thể tiết lộ». Nó tức giận cầm cái chày đạp lên đầu tôi nứt sọ, tôi bất tỉnh té xỉu. Nó dội nước lên đầu lên mặt cho tỉnh, tiếp tục tra tấn tiếp.....

- Thì anh có tiết lộ, Mỹ cũng đã thua rút về nước hết rồi, đâu có biết mà trừng phạt anh ? Mà sao họ không mang theo tất cả những người làm tình báo giúp họ như anh về Mỹ, lại bỏ rơi lại đây cho VC làm thịt ? Thật là nguy hiểm cho tánh mạng, không riêng anh, mà cả gia đình anh nữa.

- Mỹ đi nhưng người của họ để lại nhiều lắm, làm sao mình biết được kế hoạch của họ ra sao. Tôi đã lỡ thề giữ bí mật suốt đời khi làm cho DAO rồi. Mình mà tiết lộ bí mật đó thì suốt đời như ngồi trên lửa, lo sợ không biết

chết lúc nào... mà cũng chắc gì VC để cho mình yên thân khi đã khai ra. Anh thấy như Osama Bin Laden được Pakistan che dấu bảo vệ kỹ lưỡng như vậy mà Mỹ còn theo dõi ám sát được.

- Anh đi Thủ đức khoá mấy ?

- Khóa 27.

- Ủa, tôi cũng khóa 27... nhưng khóa đó đông quá, thặng dư nên họ chuyển tôi ra Đồng Đế học khóa 2/68.

- Tôi có cử nhân luật, nên chỉ học Thủ đức hết giai đoạn một là họ đưa về Nha quân pháp, tuyển chọn đưa qua làm tình báo cho Mỹ..... Tới ngày mãn khóa, tôi được gọi vô trường dự lễ gắn lon chuẩn úy cho có lệ. Nhưng thực ra tôi mang lon trung úy giả định. Đám bác sĩ cũng vậy, đâu có tốt nghiệp hay chiến đấu gì cũng được gắn lon trung úy giả định như tôi. Họ gửi tôi qua Mỹ học. Khi về, làm cho DAO thuộc CIA, hay đi máy bay với Mỹ hết vùng này qua vùng kia, chụp không ảnh, nghiên cứu địa hình...

- Vậy sao ? Tôi chưa hề nghe có vụ như vậy...

- Anh biết, sau lần chết hụt đó, được mấy năm, nó tìm ra manh mối về tôi, chuyển tôi qua trại khác, bắt ăn uống khổ sở, lao động vất vã, ba đứa mà có một tô cơm

hẩm rắc muối. Một đêm nọ, có hai thằng xách súng vô chỗ tôi nằm, kêu dọn đồ đi theo chúng. Tôi đã chuẩn bị cái chết sẵn trong đầu rồi nên không sợ hãi. Lâu lâu tụi nó vẫn đêm khuya đang ngủ, hùng hổ vô dẫn người ra bìa rừng, rồi nghe tiếng súng nổ, anh em không bao giờ thấy mặt lại... Một thằng ném cho tôi bộ đồ bộ đội xanh cứt ngựa, bảo thay đồ, nó ấn cái nón cối lên đầu tôi, nhưng tóc tôi nhiều và dài tới vai-cả mấy năm trời đâu có được cắt tóc, thấy không giống bộ đội, mới dẫn tôi tới một trạm gác nhỏ, nói thằng lính trong đó hớt tóc cho tôi. Tôi không biết tụi này tính làm gì. Nếu thủ tiêu tôi thì cần gì mất công cắt tóc, thay đồ làm chi. Một thằng lái Honda chở tôi, hai đứa kia lái Honda khác theo sau, đi trong rừng ban đêm, tới trạm khác lại thay cặp khác lái theo hộ tống, hai tên cũ quay về... Có vẻ như chúng nó dẫn tôi đi đâu xa lắm, trình diện ai đó... Lúc nào cái thằng ngồi kèm với tôi cũng theo chặt tôi, hai thằng kia theo sau hộ tống từng chặng một, rồi đổi người. Qua tối hôm sau thì tới Tây Ninh biên giới Việt Nam, chúng bỏ tôi vô đồn lính gác ăn qua loa rồi kêu đi ngủ, tụi nó trao đổi xầm xì gì với nhau một lúc. Tôi nghe loáng thoáng là mai chúng đưa tôi về Saigon, lúc đó tôi hết sợ, biết là được cứu thoát rồi...

- Bà con anh có ai làm lớn ở ngoài mà cứu ra khỏi tù hay vậy ?

- Má tôi chạy một ông đảng viên gộc (1) ở Saigon 30 cây vàng chứ ai cứu, họ đưa thẳng tôi từ tù ở Campuchia qua Saigon, chở ra Phan thiết bỏ nằm ở nhà ga mấy ngày, sau đó đưa tôi ra ghe đi vượt biên luôn.

- Trời... sao bà già biết đường dây gộc đó hay vậy ? Người nào mà móc nối bã với ông gộc đó cũng là thứ dữ lắm. Hồi bã đi thăm nuôi anh, có khi nào úp mở nói mánh chuyện đó cho anh biết trước không ?

- Làm gì có... Thăm nuôi, nó đứng bên cạnh dỏng tai nghe, ở đó mà dám nói chuyện đại sự... Bã chỉ cho biết là thằng em tôi đã về «ở» với cậu Năm rồi, mà cậu Năm thì chết đã lâu, tôi ngẫm nghĩ thấy lạ không dám hỏi, sau mới hiểu ra là em tôi bị chúng giết chết trong tù. Nó đại úy làm bên an ninh. Còn lại có tui là con một.

Thấy tôi trố mắt chăm chú nghe, Khoa kể tiếp như thuộc lòng câu chuyện từ lâu :

- Sáng ra cái thằng phụ trách tôi chở tôi từ biên giới Tây Ninh về Saigon, thấy chiều còn nắng, nên nó ngừng ở ngoại ô, chờ sụp tối mới chở tôi vô thành phố, vì ban đêm an toàn hơn, không ai thấy rõ mặt tôi.

Nó chở tôi vô dinh ông đó, đèn đuốc sáng choang, trình giấy tờ hai ba chỗ, tôi thấy lính gác đi qua đi lại ngoài vườn trong nhà đông lắm. Ông đó lúc đó làm lớn ở Saigon, ở trong cái dinh khổng lồ của ông lớn nào chế độ cũ bỏ lại, lính nói chuyện với nhau có lúc nhắc tên ổng, tôi nghe được. Vô phòng khách, ổng kêu tôi ngồi xuống, hỏi thăm vài ba câu rồi sai lính đưa tôi đi tắm thay một bộ đồ công nhân hỏa xa, rồi mời vô ngồi ăn cơm chung bàn. Lính mỗi lần trình báo điều gì, đều kính cẩn kêu «Chú Sáu, chú Sáu». Sau này suy nghĩ mãi, tôi mới đoán biết ổng là ai, hồi làm CIA tôi thấy tên đó trong danh sách những người đặc biệt làm việc với Mỹ hoài mà không biết là ai. Ổng hoạt động ở Củ Chi. Té ra ổng làm việc cho cả hai bên. Bà vợ ngồi phòng khách, lâu lâu đứng dậy đi tới đi lui liếc nhìn tôi. Ổng nói, «Tôi chỉ cứu anh một lần này. Hiện giờ người ta đang truy nã anh khắp Saigon, tới các nhà bà con bạn bè anh kiếm bắt anh, anh phải rất cẩn thận. Tôi không muốn thấy anh lại, nếu bị bắt lại đừng nói tên tôi. Tôi muốn anh phải đi thật xa... ra khỏi nước. Ở lại ngày nào là nguy cho cả anh lẫn tôi. Bây giờ anh là nhân viên hỏa xa. Ngay đêm nay sẽ có xe hộ tống anh ra ga Phan thiết, ra chợ anh sẽ gặp lại gia đình anh và biết chuyện gì sẽ tới...». Ổng đưa tôi cái căn cước mới có hình tôi, một thẻ nhân viên hỏa xa và một ít tiền. Nói xong là có lính

đưa tôi ra xe liền.»

Tôi chép miệng :

- Công nhận, tụi đảng viên cao cấp có trình độ ăn nói khôn ngoan, dùng chữ vắn tắt, nói lửng lơ, đủ cho mình hiểu chứ không dùng từ ngữ «giúp vượt biên», sợ sau này có gì đổ bể xảy ra, mình không thể dùng từ đó «đập» lại họ được.

- Bởi vậy mới làm lớn được, đâu phải ba đứa công an cán bộ thất học ăn nói bậy bạ như bây giờ.

Tôi lo lắng hỏi :

- Anh ở nhà ga, lỡ công an thấy lạ, tới hỏi, nói lớ ngớ lộ chuyện chết...

- Ga Phan thiết đông lắm, họ bảo tôi nằm ngủ trên băng ghế dài với cái «balô» và tấm mền ở các toa xe lửa trống một vài hôm, chờ sẽ có người đón đi. Chỗ đó tàu ra Bắc vô Nam liền liền mỗi ngày, nhân viên cán bộ di chuyển cũng ngủ tạm ở các toa xe trống như tôi nên chả ai để ý hỏi tôi. Tôi có thẻ nhân viên hỏa xa đóng dấu đàng hoàng nên cũng không lo, chỉ sợ gặp người quen nhận ra hỏi han lôi thôi. Mỗi sáng tôi ra chợ mua thức ăn rồi về lại toa xe ngồi, ngắm thiên hạ. Lần thứ ba ra chợ, tôi giật mình thấy vợ tôi, có hai thằng công an kè

kè bên cạnh, mắt nhìn láo liên.

Tôi lấy vợ dân Phan thiết năm 74, qua năm sau VC vô thì đi tù, vợ chồng xa nhau tám năm bây giờ mới gặp lại, tôi bồi hồi xúc động, nhưng không dám gọi. Bà ấy nhìn dáo dác, thấy tôi, mắt sáng lên, nhưng lật đật quay mặt phóng tầm mắt ngay đi phía khác. Tôi hiểu ngay công an địa phương đi theo người nhà để lùng kiếm tôi, vội cúi mặt, lẻn trốn chỗ khác, rồi về lại toa xe lửa. Hai hôm sau, ban đêm có người tới chỗ tôi, mang lon sĩ quan, chắc làm chức vụ lớn, thấy tôi nằm, xung quanh có nhiều người còn thức, bảo tôi đứng dậy chuẩn bị «đi công tác». Tôi hiểu ý, đứng lên dọn đồ xách «balô», đi theo ổng ra ngoài có xe hơi đậu, leo lên ngồi. Xe chạy thẳng ra hướng biển, gió mát thổi lồng lộng. Tới chỗ nhà nọ, hắn ngừng xe, đi vô nhà dắt ra cái Honda, rồ máy bảo tôi lên ngồi đằng sau. Tôi loay hoay khoác ba lô trên lưng, hắn nói :

- Anh không cần hành lý này nữa đâu, vứt đi...

Rồi hắn chạy xe len lỏi mấy vòng trong mấy ngõ cụt, đậu trước một bãi biển vắng vẻ có một chiếc ghe và mấy bóng người đứng lố nhố gần đó. Hắn hất hàm bảo tôi xuống xe :

- Vợ anh đang chờ anh dưới đó, xuống đi. Coi chừng cẩn thận... Chúc đi may mắn...

Tôi ngỡ ngàng, cảm ơn rồi chạy xuống bãi. Vợ tôi chạy tới ôm chầm lấy, kéo tay xuống ghe... Có khoảng mười mấy người vừa đàn ông vừa đàn bà, trong đó tôi nhận ra vài người bà con bên vợ. Người chỉ huy là một anh trung úy tôi quen, tên Hà, đang cãi nhau với chủ ghe tại sao hứa bán ghe 2 «lốc» mà giờ chót giao ghe F10 nhỏ xíu... Tôi nghe qua, biết ngay bà già tôi trước đây thương lượng mua ghe của ông già này, lão hứa đưa ghe lớn mà giờ chót tráo trở đưa ghe nhỏ, còn bãi là đã mua của công an địa phương rồi, nhắm chuyện đã lỡ, có giằng co cũng vô ích, không còn thì giờ nữa, mà tên ngồi Honda trên kia thì đi đi lại lại có vẻ sốt ruột, kêu nhổ neo cho mau, đành xua tay bảo Hà, «thôi thôi, chuyện lỡ rồi anh, mình đi cho rồi.» Chủ bán ghe ở lại, tất cả lên ghe. Tài công giật máy nổ, ghe xình xịch rời bến. Tôi nhìn quanh thấy mấy cuộn dây dừa thật to, bốn cây tre dài bốn thước, mười can dầu, nước uống đầy đủ, thức ăn chuẩn bị tươm tất, có cả bốn cây súng M16. Hà nói có hải bàn, hải đồ ở buồng lái.

Ghe đi khoảng được trăm mét, tôi nhìn lên bờ thấy tên đi Honda bắt đầu rồ máy rời bãi, bỏ chạy biến mất trong bóng đêm.

Tối hôm sau thì ghe đang chạy, vướng phải lưới đánh cá của dân giăng chìm bên dưới, mấy ghe cá xa xa chạy lại tính gây sự, Hà bèn lôi súng ra bắn mấy phát khiến họ bỏ chạy. Tụi tôi xúm lại cắt lưới dính vô chân vịt, chạy tiếp... Mấy tiếng sau ghe lại mắc kẹt vô lưới nữa, lưới đánh cá chỗ khác. Lại lụi hụi cắt lưới. Qua ngày sau thì trời nổi cơn bão lớn, chắc ra tới hải phận quốc tế rồi. Từ xa sóng cao bằng cái nhà lầu hai tầng ầm ầm kéo tới, ai nấy nhắm mắt sợ hãi chờ chết thì tự nhiên tới gần ghe, sóng nó cúi xuống thấp chui lòn dưới ghe qua bên kia... Lạ thật... Chiếc ghe hẹp nhỏ xíu, mỏng manh mà sóng to gió lớn dập vùi nghiêng ngả, tôi kêu đám thanh niên cột chặt bốn thanh tre dài vào hai bên bờ ghe, mỗi bên hai cây, để làm ghe rộng ra, hóa giải các ngọn sóng đập vào, cản nước khỏi tràn vô, nhờ vậy mà ghe chỉ chòng chành qua lại nhưng lúc nào cũng giữ được thăng bằng, không cách chi bị sóng đánh chìm qua một bên nỗi. Đó là lý do tại sao ông chủ ghe bỏ vào mấy cây tre dài khi bán ghe cho đám vượt biên mấy ngày trước. Có lần sóng mạnh như muốn hất tung chiếc ghe lên trời, tôi phải bắt đàn bà con nít nằm mọp dưới đáy ghe, lấy mấy cuộn dây dừa ra ràng chằng chịt qua lại bên trên để giữ họ khỏi bị hất văng xuống nước.

Thấy tài công không rành coi hải bàn ngoài biển lớn, tôi dành lấy, soi đèn pin coi, nhờ ở tù nhiều năm học được của anh em bạn tù hải quân, hướng dẫn lái ghe tắp vô Phi. Nhưng thấy bờ biển Phi trước mặt không xa mà không tới gần được, ghe cứ quay tròn chứ không đi thêm được, coi lại bản đồ thì ra có cái hố nước xoáy sâu, đường kính dài tới mười cây số nên ghe cứ lòng vòng mắc kẹt ở đó hoài. Tôi phải cho lái lên phía bắc, tắp vô chùm đảo Hoàng sa tụi Tàu chiếm đóng từ 1974. Tui bảo anh em quăng mấy cây súng xuống biển, sợ Tàu thấy nó nả súng bắn mình oan mạng. Lúc đó Tàu với VN là kẻ thù, nên họ cho một chiếc tàu tới ghe tụi tôi nhảy xuống tra hỏi khám xét, nói tiếng Tàu xì xồ nên chẳng ai hiểu gì. Vợ tôi sợ, muốn quăng mấy lượng vàng đem theo xuống nước, tôi bảo đừng, cứ dấu trong mình, tụi này đâu phải hải tặc cướp biển. Viên chỉ huy toán lính gọi máy liên lạc với trên đồn chở tới một thông dịch viên, hỏi tụi này bằng tiếng Việt rồi dịch lại tiếng Tàu cho tên chỉ huy tàu lớn. Biết dân VN vượt biên, họ có vẻ an tâm, thông dịch viên bảo ghe đi theo họ vô đồn trong những con đường nước có thả phao đỏ hai bên, không được đi ra ngoài, sẽ bị đá ngầm đâm lủng ghe. Họ cho thức ăn, xì dầu, đồ hộp thừa mứa. Tụi tôi ở lại gần đồn họ đêm đó, tờ mờ sáng họ đã ra dấu đuổi đi, cho mấy thùng dầu để đi tiếp lên phía bắc.

- Tụi lính Tàu tử tế quá nhỉ...

- Tôi cũng nghĩ vậy... nhưng chính vì mấy thùng dầu đó mà ghe tôi tắt máy giữa biển sau đó. Loại dầu đó dành cho tàu lớn xài, ghe nhỏ xài loại dầu khác. Thế là chạy mới được một ngày, ghe khọt khẹt một lúc rồi tắt máy, nổi lênh đênh giữa vùng nước tối đen bao la... Mà bão thì ở đâu ngay lúc đó ầm ầm kéo tới... Lênh đênh giữa trời tối như mực, gió tung ghe lên xuống liên hồi... Bị nhồi xóc liên tục, ai cũng lăn ra ói mửa nằm đài la liệt... Tôi là người cuối cùng kiệt sức lăn ra lịm đi, mơ mơ màng màng không biết là đang ở trên vùng biển nào, phó mặc cho số mệnh, nghĩ có lẽ ghe đang trên đường lên Đài Loan hay lạc lõng vô vịnh Bắc Việt, gần đảo Hải Nam. Thình lình không hiểu sao, tôi cảm thấy như gió bão đẩy ghe vùn vụt, hay như có bàn tay Ơn Trên phù hộ, nâng ghe lên cho gió thổi ào ào đẩy ghe thật nhanh...

Không biết bao lâu, khi tôi tỉnh cơn mê ngồi dậy thì thấy ghe đã dập dềnh tấp vô bờ biển, xa xa hàng trăm ghe đánh cá thắp đèn sáng rực. Mọi người lục đục quanh tôi ngồi dậy ngó dáo dác, tháo dây dừa ra, vì bể lặng, sóng êm, ghe nổi bềnh bồng... Có vài chiếc ghe nhỏ tụi thanh niên Bắc kỳ vượt biên từ mạn Hải phòng tới, lảng vảng ở bờ, gần ghe tôi, nói tiếng Bắc kỳ rổn rảng. Tôi

gọi hỏi thăm, tụi nó nói đây là bờ biển Trung quốc, giữa Hải nam và Hongkong, chúng nói tụi Tàu biên phòng không cho lên bờ, cũng không bắt giữ ghe vượt biên từ Việt Nam, chỉ xua tay đuổi đi tiếp về phía bắc. Ghe tui mừng quá, coi như thoát chết, đám thanh niên lấy mấy cây chèo ra, cứ men theo bờ biển mà chèo đi.

Có lần thấy một bãi biển vắng, tụi tôi lén tắp vô, xách can nhựa chạy lên kiếm mấy cái giếng múc lấy nước uống, ai dè công an ở đâu xuất hiện, xách súng ra la ó, xua đuổi. Nhưng thấy múc nước họ cũng chờ, để yên cho múc đầy, rồi đi theo xuống chỗ ghe đậu coi có ai trốn ở lại không. Một ngày sau thì ghe tắp vô Macao, thành phố sòng bạc nổi tiếng Á châu. Cảnh sát xuống ghi số ghe, tịch thu các giấy tờ cá nhân coi từ đâu tới. Sợ họ đuổi đi, tụi tôi phá hư máy, để được tiếp nhận. Coi giấy tờ xong, biết từ Việt Nam tới, họ nói bằng tiếng Anh, «Ở đây, chúng tôi một tuần chỉ có một ngày nhận dân tỵ nạn tới, đó là ngày thứ sáu, hôm nay mới thứ năm, chúng tôi buộc lòng phải đuổi các anh đi. Đi thêm nửa ngày nữa, các anh sẽ tới Hongkong, ở đó họ nhận tỵ nạn... Nhưng nếu họ hỏi, không được nói ở đây đẩy qua đó...»

Họ tử tế cho một chiếc ghe tốt hơn, nhận chìm ghe cũ, bắt chúng tôi dời qua ghe mới, rồi cho một tàu nhỏ kéo đi qua Hongkong. Thấy Hongkong hiện ra xa xa là tàu tháo dây cáp, vẫy tay chào chúng tôi, bỏ quay về lại Macao. Khi ghe tụi tôi cập bến, cảnh sát tới tịch thu giấy tờ, hỏi ai là chỉ huy. Tôi bảo Hà để tôi nhận là chỉ huy, vì có giấy tờ làm cho CIA của Mỹ trước kia. Giấy tờ này, gồm cả hình ảnh mặc đồ lính, bằng cử nhân luật trước 75, vợ tôi chuẩn bị sẵn một phong bì bao bịch nylon, đưa tôi lúc gặp nhau dưới ghe ở bờ biển Phan thiết. Họ hỏi đi từ đâu tới. Tôi nói từ Việt Nam. Họ hỏi sao đi ghe của Macao. Tôi nói tại ghe tôi hư máy tắp vô Macao, Macao cho ghe khác rồi đuổi đi. Họ ghi chép tên họ cấp bậc chức vụ tôi, báo ngay cho phái đoàn Mỹ biết... Phái đoàn điện về Washington, và ba hôm sau ông boss Mỹ cũ của tôi bay qua Hongkong gặp tôi, gửi gắm cho phái đoàn Mỹ tại Hongkong. Tôi trở nên cố vấn tin cậy của họ, làm việc trực tiếp với một bà xếp Mỹ. Bất cứ vấn đề gì liên quan tới nhân sự làm cho Mỹ trước kia, họ đều hỏi ý kiến tôi.

Trong mấy tháng ở Hongkong, tôi đã giúp biết bao nhiêu người tỵ nạn tình ngay mà lý gian, chỉ vì họ vô tình khai gian, hay giấy tờ không đầy đủ. Tôi bắt họ nói thật, nếu đúng là cựu quân nhân mới bảo đảm với bà boss, để giữ uy tín mình... Anh biết, người ta đã tin

mình, mình không nên vì tình cảm cá nhân, hay mủi lòng thương hại mà làm chuyện gian dối, Mỹ sẽ khinh cả đám. Ở đây tôi gặp anh Hùng, đại úy Hải, Thiện, anh... thằng Danh. Anh nhớ thằng Danh, cái thằng láu cá, nó đâu có đi lính ngày nào mà xưng là thiếu úy. Nghe có người mách nó lấy giấy tờ anh nó là thiếu úy nhảy dù qua đây, mặt hai anh em giống nhau y hệt, nên không ai biết. Lúc đó, tôi nghĩ tới hoàn cảnh chính tôi, em thì bạc phước bị VC giết, còn mình thì có phước được qua đây như nó, công trình vượt biên một lần đi chín phần chết, một phần sống chứ đâu phải dễ, nên làm ngơ... Nó mới 22 tuổi, còn cả một tương lai trước mặt, cho nó có cơ hội giúp đỡ mẹ già, anh khổ ở lại...

- Hồi đó tôi được chuyển qua Phi học ESL mấy tháng không gặp anh. Hình như anh đi thẳng Mỹ.

- Tôi và anh Hùng được đi thẳng Mỹ vì tình cảnh đặc biệt, kể ra dài lắm. Ông boss CIA cũ của tôi bên Mỹ nhờ một ông bạn đại tư bản ở Boston bảo trợ tôi, cho vợ chồng tôi ở nguyên một cái nhà to khỏi trả tiền rent, đưa tôi đi làm ngay trong hãng của ổng. Tôi qua đó tháng 8/84, mấy tháng sau mùa đông tới... ôi chao là lạnh, tuyết rơi, lạnh chịu không nỗi, thời gian đó tôi liên lạc được với bạn bè bên Nam Cali nên tính chuyện lén dọn về Cali ở, tính thầm trong bụng chứ không dám cho ông

sponsor hay, sợ ổng buồn. Ổng tốt quá, nên mình ngại, sợ ổng nghĩ mình chê tiểu bang của ổng, được voi đòi tiên. Qua Little Saigon được hai tuần tôi có gọi phone về xin lỗi ổng. Ổng nói, «OK, nếu mày không có việc làm, cứ qua trở lại đây, tao sẵn sàng tiếp đón». Nhưng nói vậy chứ mặt mũi nào mình chạy qua đó lại. Tôi làm cho nhà hàng, rồi ghi danh đi học trường tư, học điện, plumbing, construction... rồi sau cùng lấy bằng thầu khoán contractor luôn. Làm chỗ này chỗ kia vùng Orange County, Long beach, Los..... Tôi làm ăn cũng được, mua chung cư cho thuê, nhà ở, đất nhà... đầu tư... lu bù bây giờ chỉ còn có cái nhà đang ở ở Santa Ana là trả off, mấy cái kia tiêu hết.

- Cái đất 3 acres có nhà ở Paris họ tịch thu bán short sale anh nhờ tôi làm đơn mua giùm lúc trước, tới đâu rồi, sao thấy im lìm...

- Họ bán cho người khác rồi. Người đó qualified hơn anh.

- Anh giỏi thật, đủ nghề, lăn lộn chìm nỗi nhiều phen mà cũng không khá được. Rõ ràng con người có số. Những người ở tù CS như mình qua được Mỹ, coi như đã trả xong cộng nghiệp, tưởng thoát khổ, bắt đầu ăn nên làm ra, coi vậy mà không phải vậy. Đâu phải ai tới Mỹ cũng thành triệu phú. Anh chịu khổ tám năm tù, lẽ

ra giờ này bù lại phải được an nhàn phè phỡn, mà tới giờ con cái vẫn chưa thành đạt, còn phải đi làm. Tôi ở tù ít hơn, qua đây học hành, lao động, năm chìm bảy nỗi, đôi phen mất job mất nhà, về hưu mấy năm sau mới trả off cái nhà này, rồi được tiền hưu, medicare...

- Số tôi cực hơn anh nhiều...

- Mà thôi, so với các dân tộc khác qua Mỹ tìm cơ hội, nhiều người Mễ vượt biên qua Mỹ đói khát chết khô ở biên giới, nhiều người Hoa bỏ tiền qua đây đi làm lậu, có bầu, du lịch đẻ con để lấy quốc tịch Mỹ, người Trung đông qua ở lậu bị INS sau truy ra có liên hệ quân khủng bố trục xuất về nước, hay dân Phi châu vượt biên ngang biển Ý đại lợi tới u châu chết chìm liên tục... mình được như vầy là may mắn lắm rồi.

- Tất nhiên...

- Lại so với bao nhiêu người giờ này còn ở VN, cướp giật, làm điếm, bán thức ăn độc hại để kiếm lời, bệnh viện bê bối, giáo dục nhồi sọ, tương lai con cái đen tối, thì mình còn hơn nhiều, phải không anh Khoa...

- Tất nhiên rồi chứ còn gì nữa...

Phạm Hoàng Chương

## Tản Mạn Valentines Day

Phùng Annie Kim

Tác giả sinh năm 1949, định cư tại Mỹ theo diện HO năm 1991. Nghề nghiệp trước 75 : dạy học. Công việc làm ở Mỹ : du lịch. Hiện đã hưu trí và là cư dân vùng Little Saigon, Westminster, California. Bài viết về nước Mỹ đầu tiên của bà năm 2013 là «Kock and Me / Vi trùng lao và Tôi.» Và liên tiếp cho thấy sức viết nhanh, viết mạnh. Nhân cuối tuần lễ Valentine, mời đọc bài viết thứ mười hai của bà.

Vào năm 1949, khi tôi cất tiếng khóc chào đời thì ở xứ cờ hoa xa xôi, những nhà làm phim Mỹ bắt đầu làm một bộ phim nổi tiếng về tình yêu có cái tên thật là lãng mạn «Love is a many- splendored thing».

Thật là khó để dịch hết ý nghĩa tựa đề cuốn phim. Chữ «many» được hiểu là «nhiều» nối với chữ «splendored» bằng dấu gạch xem như tiếng tính từ kép trong ngữ pháp tiếng Anh. Chữ «splendored» được hiểu với nhiều ý nghĩa : đẹp, vĩ đại, tráng lệ, lộng lẫy, nguy nga, hùng tráng, huy hoàng... Mỗi người đứng ở mỗi góc độ, cảm nhận chữ «many- splendored» theo kinh nghiệm và cảm tính khác nhau về tình yêu.

Tôi xin tạm dịch thoát nghĩa tựa đề của cuốn phim : «Tình yêu là một cái gì đẹp và rực rỡ «.»Tình yêu là một cái gì đẹp lộng lẫy, huy hoàng». Tình yêu đẹp và vĩ đại tuyệt vời»...

Cũng như mọi năm, vào ngày này, các tiệm bán hoa, các trung tâm thương mại sẽ bận rộn và đông khách hàng đi mua sắm các món quà nào là thiệp chúc có hình trái tim, chim bồ câu hoặc các thiên thần có cánh, những đóa hoa hồng màu đỏ thẫm, những hộp kẹo sô-cô-la và... nữ trang... để tặng người yêu, người mình thương. Các quán ăn và các chốn vui chơi sẽ tấp nập những cặp tình nhân, các cặp vợ chồng trẻ mới cưới, các cặp vợ chồng đứng tuổi đã cùng nhau vượt qua những thăng trầm của cuộc đời và những cặp vợ chồng già khi tuổi đời đã xế bóng đang trân quý những ngày còn lại bên nhau... Họ sẽ tặng hoa và quà cho nhau theo truyền thống của ngày lễ đẹp mang tên vị Thánh Valentinus, người đã hy sinh cho tình yêu vào thế kỷ thứ 18.

«Love is a many-splendored thing» là một truyện tình giữa một nữ bác sĩ lai u Á tên là Han Suyin. Bà là góa phụ, vợ của một vị tướng người Trung hoa đã hy sinh trong thời nội chiến 1940. Bà yêu một anh ký giả độc thân người Mỹ đã ly dị vợ, sang Trung hoa làm phóng viên chiến trường tên là Mark Elliot. Tình yêu của bà

với chàng phóng viên người Mỹ khiến bà bị loại ra khỏi cộng đồng người Hoa của bà. Bà bị mất việc ở bệnh viện, sống cùng với đứa con gái nuôi tại nhà một người bạn thân. Sau đó, Mark nhận được tin phải qua Đại Hàn công tác. Chàng hy sinh trong một trận bom oanh tạc khi đang viết lá thư tình cuối cùng cho bà.

Hình ảnh cuối phim, Suyin leo lên ngọn đồi nơi trước đây họ đã hẹn hò và gặp nhau lần cuối trước khi chia tay. Khi biết chắc chắn Mark vĩnh viễn không còn nữa, bà quỳ xuống và bật khóc. Bất ngờ có một con bướm bay đến và đậu ở cành cây. Con bướm này cũng giống con bướm mà có lần Mark ngồi đánh máy thư cho bà ở chiến trường, nó đã từng đậu nơi chiếc máy chữ bên cạnh chàng. Thế rồi bà nhìn con bướm bay đi như hình ảnh cuối cùng của chàng còn vương vấn với bà nơi ngọn đồi đầy kỷ niệm này. Hình ảnh bà bé nhỏ, cô độc và cô đơn, lững thững bước xuống chân đồi.

Vừa lúc đó, tiếng nhạc vang lên, bay bổng trong không gian lời ca ngợi tình yêu và cũng là nỗi lòng của bà :

«Love is a many splendored thing.
It s the April rose that only grows in the early Spring
Love is a nature's way of giving a reason to be living
The golden crown that makes a man a king»

Yêu là gì hả anh ?
Là hoa hồng thơm ngát
Nở muôn ngàn hương sắc
Tươi như đầu mùa xuân
Yêu là gì hả anh ?
Là lẽ sống trên đời
Tự nhiên như đã có
Tự bao nhiêu lâu rồi

Từ ngọn đồi là nhân chứng cho mối tình đẹp và lãng mạn ấy, bà đã nhớ lại tất cả những kỷ niệm vào một buổi sáng mù sương đầy gió lộng, thế giới tưởng chừng như lắng đọng khi họ hôn nhau những nụ hôn đầu tiên trên thảm cỏ xanh. Trái tim đang ngủ yên của bà như được đánh thức dậy. Nó đã cất cao tiếng hát trong không gian mênh mông chỉ có hai người.

Đến đây, lời nhạc buông lơi, chậm rãi như kể chuyện:

«Once on a high and windy hill
In the morning mist two lovers kissed and the world stood still
Then yours fingers touched my silent heart and taoght it how to sing
Yes, true love is a many splendored thing»

Đứng trên ngọn đồi cao
Gió rì rào lao xao
Mờ trong màn sương sớm
Môi tìm môi ngọt ngào
Thời gian như ngừng lại
Trái đất như ngừng quay
Thế giới lặng yên rồi
Chỉ còn đôi ta thôi
Và con tim ngủ yên
Chợt bừng lên tiếng hát
Những ngón tay quấn quít
Là bài học yêu đương
Vâng,
một tình yêu chân thật
Sẽ vĩ đại vô song
Sẽ đẹp mãi vô cùng
Và giờ em đã hiểu...

Một cuốn phim hay, đẹp, xúc động, gây nhiều ấn tượng sâu đậm trong trái tim của những kẻ yêu nhau, đã đạt giải thưởng quốc tế Academy Award năm 1956 với nhiều cái nhất : hình ảnh đẹp nhất, bản nhạc hay nhất, trang phục đẹp nhất. Phim được đề cử là phim hay nhất, nữ tài tử xuất sắc nhất. Đặc biệt bài hát cũng là tựa đề cuốn phim «Love is a many splendored thing» đã được nhiều ca sĩ nổi tiếng như Nat King Cole, Connie Francis, Johnny Mathis... trình bày nhưng tôi thích nhất là tiếng hát của ca sĩ người Anh Engelbert Humper Dinck với chất giọng trầm ấm, truyền cảm, tha thiết. Khi bài hát lên đến âm thanh cao nhất «The golden crown that makes a man a king», giọng của ông vang vọng trong không gian mênh mông khiến tâm hồn người nghe như muốn bay bổng. Lời của bản nhạc như lời thơ. m hưởng của bản nhạc vang vọng như lời ca ngợi một cái gì thiêng liêng, vĩnh cửu, vĩ đại, nhưng cũng rất... giản dị, đó là tình yêu, một đề tài vô tận của con người.

Có biết bao nhiêu những câu danh ngôn vô danh hoặc nổi tiếng kể sao cho hết về những nhà thơ, nhà văn, những triết gia trên thế giới viết về tình yêu qua lăng kính và kinh nghiệm về tình yêu của mình. Trong văn thơ Việt nam, hồi còn đi học ai cũng nhớ những câu thơ «gối đầu giường» như nhà thơ Thế Lữ :

... «Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy.
Nghìn năm chưa dễ để ai quên»...

hoặc Xuân Diệu, tình yêu chỉ là sự cảm nhận mà lý trí không giải thích được :

«Làm sao cắt nghĩa được tình yêu
Có nghĩa gì đâu một buổi chiều
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt
Bằng mây nhè nhẹ gió hiu hiu»...

hoặc kinh nghiệm của ông về tình yêu :

«Yêu là chết trong lòng một ít
Vì mấy khi yêu mà lại được yêu»...

Trong thơ, văn, nhạc quốc tế, đại văn hào Victor Hugo có những câu bất hủ : «Ai khổ vì yêu, hãy yêu hơn nữa. Chết vì yêu là sống trong tình yêu».»Đời người như cành hoa mà ái tình như giọt mật».»Hạnh phúc nhất trên đời là tin rằng mình được yêu».

George Sand, một nữ văn sĩ Pháp thuộc trào lưu lãng mạn thế kỷ 19, người yêu của nhạc sĩ thiên tài Chopin ca ngợi tình yêu «Chỉ có một hạnh phúc trên đời là yêu và được yêu». «Không người nào có thể ra lệnh cho tình yêu».

Pascal, nhà toán học, vật lý học, triết gia về tôn giáo nói về tình yêu «Tình yêu nâng con người thoát khỏi sự tầm thường».

Jean Jacques Rousseau, nhà văn Pháp rất thực tế về tình yêu «Tình yêu là sự hòa hợp giữa hai tâm hồn và hai trai, gái»

Edmund Spenser, nhà thơ người Anh «Tình yêu nối hai trái tim hòa nhịp tạo nên cùng một ý nguyện».

John Lennon, ca sĩ lừng danh của ban nhạc The Beatles rất ngắn gọn «Tình yêu là em, em và anh».

Bài hát «Buồn trong kỷ niệm» của nhạc sĩ Trúc Phương với chất giọng nức nở của ca sĩ Thanh Thúy «Đường vào tình yêu có trăm lần vui có vạn lần buồn. Đôi khi lầm lỡ đánh mất ân tình cũ...» đã một thời làm bao trái tim yêu đương lỡ làng phải xúc động...

Vì thế, tình yêu là đề tài muôn thuở, vô tận, vô biên, không cùng. Ngôn ngữ thế giới tuy có khác nhau như tiếng Pháp «Amour», tiếng Ý «Amore», xuất phát từ tiếng La tinh «Amor». Tiếng Đức «Liebe»giống tiếng Hòa Lan «Liefde». Tiếng Anh, Mỹ «Love». Tiếng Trung Hoa «Ái». Tiếng Việt «Yêu». Tiếng Nhật nhiều âm «Aishiteru»... Bản chất của tình yêu đều có chung

mẫu số nhưng khác tần số... rung động giữa chủ thể và đối tượng cũng như sự cảm nhận của từng người.

Vào khoảng 1965, từ khi cuốn phim «Love is a many splendored thing» ra đời, hơn 10 năm sau, tôi mới có dịp trốn học đi xem... một mình phim này tại rạp Rex. Tôi «mê» quá chừng chàng tài tử đẹp trai William Holden trong vai chàng phóng viên Mark hào hoa và Jennifer Jones vô cùng duyên dáng và quyến rũ trong vai Suyin. Ở lứa tuổi bắt đầu biết mơ mộng, «người yêu trong mộng» của tôi lúc bấy giờ là những nam tài tử đẹp trai và nổi tiếng như James Dean, Gregory Peck, Rock Hudson... trong khi «trái tim không ngủ yên» đang chờ đợi một ngày nào đó, «một nửa kia» sẽ... đến với mình.

Năm 1960, sau cuốn phim về mối tình dị chủng «Love is a many splendored thing», một loạt các phim về đề tài này ra đời như phim «The world of Suzie Wong» viết về mối tình của một cô gái điếm Trung hoa, Suzie với một anh chàng kiến trúc sư và cũng là một họa sĩ đào hoa người Mỹ tên là Robert. Trong một cơn giận, Robert đuổi Suzie. Robert hối hận, đi tìm Suzie. Chàng khám phá «Thế giới của nàng Suzie Wong» là căn nhà tồi tàn, trong xóm lao động nghèo, bên cạnh một bến sông. Nàng có một đứa con trai còn bế trên tay, thỉnh thoảng nàng đến thăm nhưng dấu chàng.

Đoạn cuối khi tìm được Suzie, đứa bé đã chết trong một trận lụt. Lúc đó Robert hiểu thế nào là tình yêu. Tình yêu chân thật đã gắn bó hai người với nhau.

Pearl Buck, nữ văn sĩ người Mỹ nổi tiếng, chồng bà là người Trung Hoa. Bà cũng có những tác phẩm viết về các mối tình dị chủng như «The Hidden Flower». Đây là một cú sét ái tình giữa một cô sinh viên người Nhật thuộc gia đình nề nếp, yêu một người lính Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Cô và người lính GI này đã vượt qua tất cả chướng ngại về gia đình, xã hội, ngôn ngữ, văn hóa... quyết định lấy nhau. Cô theo chồng sang tiểu bang Virginia. Sống chung một thời gian, họ khám phá có nhiều bất đồng và quyết định chia tay. Cô gái trở về Nhật.

«The Pavilion Women» là tác phẩm nổi tiếng của Pearl Buck đã được quay thành phim. Quyển sách được phóng tác ở Việt nam có tên là «Yêu Muộn».»Yêu Muộn»viết về mối tình của một phụ nữ quý tộc Trung hoa yêu một vị cố đạo người Mỹ sang Trung hoa truyền giáo. Khi vị cố đạo mất trong chiến tranh, bà mới biết rằng bà đã có một tình «yêu muộn» vào cuối đời.

Đề tài về những mối tình dị chủng trong phim ảnh và tiểu thuyết kể ra thì nhiều lắm. Viết đến đây tôi không quên nhắc đến những mối tình dị chủng trong thời chiến

tranh ở Việt nam. Có những người phụ nữ Việt nam yêu những người lính Mỹ chấp nhận về quê chồng, bươn chải, tháo vát và thích nghi với đời sống Mỹ. Con cái của họ sinh ra, lớn lên và thành công ở xứ Mỹ. Các cháu nói được chút tiếng Việt, thích ăn thức ăn Việt nam và biết ăn... nước mắm. Nhiều người có thành kiến gọi họ bằng cái từ không mấy thiện cảm «me Mỹ». Chỉ có tình yêu đích thực khiến họ hy sinh rời xa gia đình quê hương, vượt qua các trở ngại để đến một đất nước xa lạ sinh sống với người mình yêu.

Có một tác giả có chồng là người Mỹ được giải thưởng đặc biệt của Việt báo «Viết Về Nước Mỹ». Bà có những bài viết cảm động về những nỗi nhục nhằn của bà khi bị đồng hương người Việt có thành kiến đánh giá một bà «lấy chồng Mỹ» nào là : «Lấy Mỹ mà cũng đẻ dữ vậy hả ?»; «Lấy Mỹ mà cũng biết làm nghề văn phòng ?»; «Lấy Mỹ mà cũng biết tu hành ?»; «Lấy Mỹ mà cũng biết dạy con ?»

Qua các bài viết cho thấy bà là người phụ nữ may mắn. Mối tình dị chủng này thật hạnh phúc vì chồng bà là một người Mỹ tốt và hiền, rất thương yêu vợ con.

Ở Việt nam, phụ nữ bây giờ có khuynh hướng lấy chồng nước ngoài rất nhiều nhất là các phụ nữ thôn quê. Các đám cưới «dã chiến» của các cô dâu Việt nam lấy

chồng nước ngoài đã thành phong trào. Các cô gái như món hàng trao đổi rẻ mạt cho các chú rể Đài Loan, Đại Hàn... bỏ tiền ra mặc sức mua, bán, trả giá thân phận các cô. Chuyện dài về các «cô dâu xứ Đài», «cô dâu xứ Hàn» vẫn là đề tài không bao giờ dứt.

Thật là đau lòng khi các cô gái quê trẻ, chỉ cần có vài ngàn đô-la chấp nhận lấy những ông chồng Đài Loan, Đại Hàn... già, xấu, bệnh, tật... có khi bị mua về làm đầy tớ, làm cái máy đẻ, làm nô lệ tình dục cho chồng, cho gia đình chồng. Hầu hết họ đều nghèo, lấy chồng nước ngoài vì lý do kinh tế, muốn thay đổi cuộc đời chân lấm tay bùn ở thôn quê, muốn có tiền giúp đỡ gia đình, báo hiếu cha mẹ... chứ không hẳn đó là tình yêu đích thực. Có người may mắn gặp được người chồng tốt, biết đâu khi về sống với nhau, cái tình kết hợp với cái nghĩa và vài đứa con ra đời là sợi dây ràng buộc, tình yêu đích thực sẽ nẩy nở. Mình là đồng hương, cầu chúc cho họ gặp được người tử tế để trao thân gửi phận nơi quê người.

Tuy nhiên số người may mắn không nhiều. Các thảm kịch cô dâu Việt bị lừa vào ổ mãi dâm, sống không hạnh phúc, bỏ trốn, nhảy lầu tự tử hay bị hành hạ đến chết... làm xót xa cho những ai còn quan tâm đến thân phận các cô dâu Việt nam lấy chồng xa xứ trong thời đại thực

dụng này.

Có một câu nói vô danh về tình yêu rất là thâm thúy và sâu sắc «Phải mất ba giây để nói lời yêu nhưng phải mất cả cuộc đời để chứng minh điều đó». Jean Paul Sartre, triết gia Pháp cho rằng «Người ta nói tình đầu là mối tình đẹp nhất nhưng mối tình cuối cùng mới thật là bất diệt». Bernard Grasset, nhà văn Pháp kết luận «Yêu nghĩa là không so sánh nữa». Will Durant, nhà văn, nhà sử học, triết gia người Mỹ có câu nói về tình yêu nổi tiếng «Tình yêu chúng ta có trong tuổi trẻ chỉ là hời hợt so với tình yêu mà người đàn ông già nua dành cho người vợ già của mình».

Tình yêu của các cặp vợ chồng già ví như «gừng càng già càng cay», rượu càng để lâu càng nồng. Câu nói nổi tiếng của tài tử Paul Newman về đời sống hôn nhân của ông với người vợ già, nữ tài tử Joanne Woodward «Why go out for a hamburger when you have steak at home ?» Tại sao phải đi tìm ăn món hamburger trong khi mình đang có miếng thịt bò chiên ở nhà ? Cho nên «người đàn ông già nua» sẽ nói với «người vợ già» của mình rằng : «Cuộc đời ngắn ngủi và chúng ta không có đủ thời gian cho những con tim đồng cảm. Hãy nhanh chóng yêu đi !»

Trong ngày lễ Valentines Day, ca khúc «Love is a many- splendored thing» sẽ vẫn còn cất lên trong trái tim của những người đã và đang yêu, dù già hay trẻ, không chỉ trong mỗi một ngày Valentines Day mà là ngày nào cũng là ngày tình yêu vì một tình yêu thật sự không có tuổi, vượt thời gian và vĩnh cửu như câu hát trong bài «Mãi mãi bên em» của nhạc sĩ Từ Công Phụng «Nếu có điều gì vĩnh cửu thì em ơi, đó là tình yêu chúng ta».

«Yes, true love is a many splendored thing». Câu cuối của bài hát đã xác định không phải là tình yêu nói chung mà phải là tình yêu chân thật, không dối trá, không lừa dối, không phản bội. Chỉ có tình yêu chân thật, chung thủy mới đẹp, vĩ đại, tuyệt vời và được ca ngợi để trở thành bất tử :

Love is a many splendored thing
It's the April rose that only grows in the early Spring
Love is a nature way of giving a reason to be living
The golden crown that makes a man a king

Once on a high and windy hill
In the morning mist two lovers kissed and the world stood still
Then your fingers touched my silent heart and taoght it how to sing
Yes, true love is a many splendored thing.

Phùng Annie Kim

# Bà Mẹ Chồng Mỹ : Cám Ơn Mẹ !

Kim Phượng Newman

Tác giả lần đầu dự Viết Về Nước Mỹ, bài được chuyển tới bằng điện thư. Tựa đề chính chỉ là ba tiếng «Cám ơn MẸ». Bài viết về bà mẹ chồng người Mỹ thể hiện sự yêu thương, trân trọng, đúng tinh thần chữ MẸ viết hoa. Mong tác giả sẽ có thêm bài mới và vui lòng bổ túc sơ lược tiểu sử cùng địa chỉ liên lạc.

Mẹ chồng tôi mất đúng một tuần trước ngày sinh nhật bà 95 tuổi. Bà đã không chờ được lâu hơn. Tôi nhớ khi cả nhà cùng ngồi ăn buổi chiều, tôi nói với bà : «Mẹ ơi, đến ngày Mẹ 100 tuổi, chúng con sẽ làm lễ chúc thọ thật lớn, sẽ gởi tên Mẹ lên đài truyền hình để họ chúc mừng. Con biết có một chương trình như thế.» Bà cười rất hiền : Ôi, Mẹ không muốn các con phải muốn chờ lâu vậy đâu.»

Rồi mọi việc xảy ra quá nhanh - Nhanh như khi ta nói chỉ một cái chớp mắt... Chỉ một cái chớp mắt rồi tất cả thay đổi. Khi ấy, chỉ còn tôi và bà ngồi nán lại để ăn xong phần bánh kem, chợt dưng tôi thấy bà cúi người xuống, tôi nghĩ bà đánh rơi cái gì đó nên nói : «Mẹ để con lấy cho.» Không nghe tiếng bà trả lời, không thấy bà ngẩng lên, tôi ngạc nhiên gọi to mẹ, mẹ liên tiếp.

Tiếng gọi thất thanh của tôi khiến mọi người cùng chạy lại. Khi chồng tôi ôm bà trong tay, nhìn một bên mặt bị biến dạng của bà, Karen, chị chồng tôi nói : Mẹ bị stroke rồi.

Trước đó, tôi chưa bao giờ nghe từ Hospice.» Tôi cũng chưa từng nghĩ một người nào đó trong gia đình của mình sẽ phải trải qua những giờ phút cuối cùng của cuộc đời trong một căn phòng xa lạ, lạnh lẽo kia. Tôi không biết họ sẽ nằm đó chờ đợi bao giờ cho đến khi thật sự ra đi... Vài ngày, vài tuần hay vài ba tháng ?

Tôi không biết tại sao những điều đó lại xảy ra cho người mẹ chồng thân yêu của mình khi con cháu vẫn có thể mang bà về căn phòng ấm cúng của bà hay «đem mẹ về nhà mình cũng được». Tôi đề nghị rồi rất buồn và giận chồng tôi về chuyện này nhưng tôi biết đó gần như là mình vô lý. Đó gần như là tục lệ của người Mỹ- Hơn nữa chị chồng tôi mới là người quyết định mọi thứ trong việc chăm sóc mẹ kể cả khi bà còn sống.

Bà không muốn dây dưa với cuộc đời này lâu hơn nữa - Một vài tháng trước khi bị stroke, bà thường hay bệnh, tai không còn nghe rõ, dù trí óc vẫn còn sáng suốt nhưng bà ngủ nhiều hơn và thường không muốn thức dậy. Bà nói với tôi «Mẹ muốn gặp lại cha mẹ và các anh chị của mẹ, đến lúc rồi. Mẹ mệt mỏi lắm, mẹ muốn ngủ

và đừng thức dậy nữa.»

Ba ngày sau khi được chuyển vào Hospice, bà thật sự ra đi. Chuông điện thoại reo vang lúc 3 giờ sáng khi chúng tôi đã thức dậy. Thật ra tôi không ngủ được cả đêm, có một linh tính nào đó bảo tôi nên vào với bà ngay. Tôi đánh thức chồng tôi lúc nửa khuya, bảo rằng nên đến đó sớm và ở lại cho đến khi bà mất. Chúng ta chỉ ở lại ban ngày... nhỡ mẹ sẽ đi vào đêm khuya ? Nhỡ mẹ sẽ tỉnh táo lại trước lúc lâm chung ? Mẹ sẽ không nhìn thấy người thân nào cả, mẹ sẽ không có ai nắm tay nói lời chia tay cuối cùng. Nhỡ mẹ có điều gì muốn nói với chúng ta ? ... Bao nhiêu cái nhỡ tôi đặt ra với chồng, bây giờ tôi vẫn canh cánh trong lòng nỗi ân hận ấy...

Tôi một mình ngồi, cạnh giường bà. Gia đình anh chị chồng và các con của họ đến sau khi nghe tin - người ra, người vô lặng lẽ đặt lên trán bà những chiếc hôn vĩnh việt. Tôi vẫn cứ ngồi đó hàng giờ và niệm Phật. Nếu bà vẫn còn quanh quẩn nơi ấy, chắc bà sẽ chỉ mỉm cười thôi. Phật hay Chúa, ai cũng sẽ dang tay đón chào bà cả, tôi tin là như thế nếu có một cõi vĩnh hằng trên kia.

Năm đầu tiên đón lễ Tạ Ơn không có Mẹ thật buồn. Rồi sau đó là những lễ Giáng Sinh - Rồi những ngày Lễ Mẹ - Những ngày sinh nhật - Kỷ niệm ngày cưới... Vào những ngày đặc biệt ấy, tôi luôn có cảm giác thật thiếu

vắng, và nỗi nhớ thương bà đôi khi vẫn làm tôi chảy nước mắt vì tôi đã gần gũi với bà biết bao !

Khi bắt đầu ý thức được chuyện tình yêu, chuyện lập gia đình, tôi vẫn luôn ước ao mình sẽ gặp một mẹ chồng tốt. Tôi muốn tôi sẽ yêu thương và đối xử có hiếu với mẹ chồng như với người mẹ đã sinh ra tôi. Và tôi biết những năm qua, nhờ bà, tôi đã làm được điều ấy một cách thật dễ dàng vì bà đã mở rộng đôi tay đón tôi vào gia đình của bà một cách thật chân thành và ăm ắp thương yêu.

Nhớ ngày đầu tiên khi về gặp bà, mẹ chồng tôi hỏi tôi muốn uống gì ? Pepsi ? Cà phê ? Nước cam ? Hay trà ? Loại trà gì con thích ? Tôi đã rất ngại ngần và lo lắng cho buổi gặp mặt ngày hôm ấy, nên gần như không nghe được bà hỏi gì ngoại trừ hai chữ Lipton. Thế là từ đó mỗi khi về thăm bà, tôi được bà chuẩn bị một tách trà Lipton thật nóng- mà thật ra trước đó, tôi không phải là một tín đồ của loại này, hầu như chưa bao giờ uống cả

Bà ở một mình trong căn nhà thật rộng, tự mình chăm sóc cây cỏ, hoa lá, tự mình nấu ăn, làm bánh trái, đi chơi golf, chơi bowling khi đã gần 90 tuổi. Chỉ khi bà bị vấp ngã khi đi mua sắm ở Fred Meyer, cả người bầm tím, phải nằm tại chỗ suốt tuần lễ, chúng tôi biết là không

thể để bà sống một mình như thế nữa.

Phải mất cả gần mấy tháng trời chúng tôi mới thuyết phục bà bằng lòng về sống với Karen, chị chồng của tôi đang sống ở Longview. Chia tay ngôi nhà thân yêu với bao kỷ niệm chất chứa, giã từ không gian riêng tư gần như đã gắn bó cả đời với mình, thật sự là điều rất khó khăn với mẹ chồng tôi. Và cả tôi nữa.

Từ ngày qua Mỹ, ngoại trừ ngôi nhà của hai vợ chồng, thì nhà mẹ chồng tôi là nơi tôi thích đến nhất. Phòng của Karen và phòng của Bob, chồng tôi, trước khi dọn ra riêng, mấy chục năm nay vẫn được bà giữ y như cũ. Từ chăn giường, đồ chơi, sách vở ngay cả học bạ những năm tiểu học bà vẫn còn giữ ngăn nắp trong từng ngăn kệ. Những năm đầu về thăm bà - thông lệ cứ một tháng hai lần - tôi thường bắt gặp mình háo hức chạy ngay vào phòng ngủ, để tìm hiểu thế giới riêng của chồng tôi từ khi còn là đứa trẻ đến khi trưởng thành. Tôi đọc được những trang giấy ngả màu với các chữ tập viết nguệch ngoạc «Con yêu mẹ», những lời viết trong cuốn lưu bút của bạn bè gọi Bob là «người lặng lẽ nhất hành tinh», những đồ chơi thật cũ kỹ mà tôi thường trêu mẹ chồng «Mình đem đấu giá mấy đồ này chắc là giàu to. Toàn là đồ cổ hiếm không à.» Những trang thư nhạt thếch màu mực của Bob gởi từ Việt Nam hay cả tập thư của

mấy cô bạn gái thuở tóc chỏm của Bob cũng còn đó... Tôi nhớ được tên vài cô, biết được vài thông tin qua mẹ chồng (thật kinh ngạc là vài người bà vẫn còn nhớ). Tôi thường giả vờ ghen bóng gió với chồng tôi, có thêm sự phụ họa của bà làm những buổi về thăm cứ ngập tràn tiếng cười và thật xót xa khi xe lăn bánh đi, ngoái nhìn lại thấy bà đứng đó một mình vẫy tay, vẫy tay trông thật đơn côi... nửa trái tim của tôi như muốn ở lại. Những khi ấy, tôi thấy yên lòng là ở Việt Nam, mẹ tôi sống chung với gia đình em gái tôi và tất cả anh chị em đều ở quanh đó, vẫn chạy về với mẹ mỗi ngày.

Mẹ chồng tôi đã bồi đắp nỗi vắng mẹ trong tôi bằng những chăm sóc thật ân cần và bà đã làm điều ấy tự trái tim yêu thương ấm áp của bà. Mỗi lần về thăm bà, tôi luôn thấy những món quà nho nhỏ như áo quần Made in Vietnam, hay bài báo có liên quan đến Việt Nam mà bà vô tình nhìn thấy, được đặt sẵn trong phòng ngủ chúng tôi. Bà chuẩn bị quà cho mẹ tôi mỗi khi chúng tôi về Việt Nam, cả việc gởi thiệp chúc mừng năm mới. Một lần tôi về thăm nhà, mẹ tôi đưa cho tôi tấm thiệp của mẹ chồng tôi gởi. Bà viết cho mẹ tôi rằng : Bà rất cám ơn vì mẹ tôi đã sinh ra và nuôi dưỡng một đứa con gái tốt để về làm con gái của bà. Bà không dùng chữ «con dâu». Bà thường gọi tôi là «My Sweetie, «ngay cả khi giới thiệu tôi với bạn bè, hàng xóm. Bà nhớ rất kỹ ngày

sinh nhật và ngày cưới của các con -không bao giờ quên gởi quà và thiệp. Khi bà không thể lái xe để tự mình mua sắm, vào những ngày ấy, bà thường cho chúng tôi phong bì với tờ giấy 100 trông thật ngon lành. Vào dịp Giáng sinh, tôi thường hay bội thu vì tôi kiêm luôn phong bì của Bob. Tôi thường làm điều ấy ngay khi mở quà - Bà cười ha hả rồi bảo : Smart Kid !

Đã ba năm rồi, niềm vui ấy không còn nữa. Bà đã không còn để cho tôi cảm giác thật bé bỏng như một đứa trẻ thích quanh quẩn bên bà, bà không còn để tỉ mỉ dạy cho tôi đan từng đôi vớ hay cặm cụi chép cho tôi những công thức làm bánh trái, bà không còn để cùng ngồi chơi Domino và đòi ghi điểm cho cả nhà, đôi khi còn muốn kiểm tra lại vì sợ ai đó tính sai...

Có người cho rằng thỉnh thoảng người chết sẽ về thăm viếng người thân, tôi nghe nhưng chưa bao giờ thực sự tin là có - Mẹ tôi thường hay bảo tôi là đứa con gái cứng đầu vì tôi thường bác bỏ các chuyện bói toán, hồn ma. Ngay cả ngày cưới, tôi cũng không chịu nghe lời mẹ tôi để đi coi thầy chọn ngày tốt, mà chọn ngày theo ý của mình. Đi theo bạn coi bói, chỉ đứng chờ thôi cũng bị đuổi về vì thầy bảo mạng cứng quá, bài không lên (!). Vì vậy, một chuyện xảy đúng vào ngày mất của mẹ chồng tôi một năm sau, làm tôi băn khoăn không

biết cách nào giải thích.

Buổi chiều hôm ấy, tôi đang chuẩn bị các thức ăn để mang theo cho camping ngày mai. Chồng tôi đang ngồi coi TV, thỉnh thoảng đi lại bếp để coi nồi soup mình chịu trách nhiệm. Tôi đang đứng cạnh nhà bếp kiểm tra lại các vật dụng cần mang theo. Chợt dưng nghe tiếng gọi «Kim» tôi giật mình, Bob chưa bao giờ gọi tôi như vậy cả. Tôi nhìn về phía Bob thì nghe một luồng hơi lạnh chạy suốt người. Tôi thấy chồng tôi vẫn ngồi đó, nơi chiếc ghế quen thuộc hàng ngày, nhưng sao dáng ngồi và khuôn mặt già đi như hàng chục tuổi. Đầu Bob cúi xuống, tay cầm ly nước đang nghiêng đổ mà dường như không hay biết gì cả. Tôi chạy tới hỏi nhanh : Bob, chuyện gì vậy ? Anh có sao không ? Bob nhìn lên không có vẻ gì là thấy tôi, chỉ thì thào «Mệt quá, chỉ muốn đi ngủ thôi» Không hiểu sao, lúc ấy tôi như nhìn thấy rõ ràng hình ảnh của mẹ chồng tôi vào những ngày tháng cuối cùng. Bà thường có dáng ngồi như vậy đầu cúi xuống, mệt mỏi già nua và cũng những lời nói như thế với tôi : «Mẹ mệt quá, chỉ muốn đi ngủ thôi». Tôi bảo chồng : «Thôi anh lên gác nghỉ đi» nhưng Bob không có vẻ biết đâu là lối đi lên gác, cứ dựa vào tay tôi hỏi «Ở đâu ?». Tâm trí tôi thật sự hoảng loạn vì không biết chuyện gì đã xảy ra..... Mới cách đây chừng 10 phút, Bob vẫn bình thường, vẫn hào hứng với nồi soup do

mình đạo diễn. Tôi cố đỡ chồng tôi lên gác, cho vào giường rồi ngồi bên cạnh tâm trí bấn loạn. Tôi muốn gọi 911 nhưng không biết sẽ giải thích ra sao về tình trạng của chồng mình. Để tìm chút yên tâm, tôi gọi điện cho cô bạn thân, người cùng đi cắm trại vào ngày mai. Có lẽ cách nói của tôi lúc đó lung tung, lộn xộn lắm nên cô bạn sau đó nói với tôi rằng cả đêm cô cũng không ngủ được. Tôi đã có đúng một đêm thức trắng, ngồi canh bên cạnh chồng. Tôi không dám nằm xuống vì sợ có chuyện xảy ra khi mình ngủ quên.

Chồng tôi thức giấc vào sáng sớm, câu nói đầu tiên là: «Nồi soup ra sao rồi ?» Nghe vậy, tôi biết mọi chuyện sẽ bình yên. Chuyện hôm ấy vẫn là chuyện kể không có lời giải vì chồng tôi không hề nhớ chuyện gì xảy ra.

Tôi tự hỏi như ai đó nói người chết về thăm - Có thật mẹ chồng đã về thăm chúng tôi không ? Nếu vậy, chắc bà nhớ chúng tôi lắm như chúng tôi vẫn nhớ tới bà hằng ngày đây. Tôi ước gì tôi có thể gặp bà lại trong giấc mơ của mình- Tôi muốn đọc lời viết của tôi cho bà trong tấm thiệp lễ ThanksGiving vừa rồi. Tôi viết : «Cám ơn mẹ đã sinh ra người con trai của mẹ - Người đã mang con về gia đình của Mẹ để con được yêu thương và để con yêu thương với cả cuộc đời mình». Nhưng chưa bao giờ tôi mơ thấy mẹ chồng tôi cả.

Mà, thưa Mẹ thân yêu, cho dù con không có dịp đọc, con tin rằng Mẹ có thể cảm nhận điều con muốn nói lâu rồi, phải không MẸ ?

Kim Phượng Newman

# Niềm Đau Ơi, Ngủ Yên !

Triều Phong (TPN)

Tác giả tên thật Trần Phương Ngôn, cho biết ông là thuyền nhân trên chiếc tàu vào loại lớn nhất, chở 246 người, con số đông nhất trong một chuyến vượt biển. Tác giả cũng đã sống ở trại tỵ nạn PFAC của Phi Luật Tân gần mười một năm và chỉ mới định cư tại Hoa Kỳ từ 2004. Hiện hành nghề Nail tại tiểu bang South Carolina và cũng đang theo học ở trường Trident Technical College. Bài viết là một chuyện tình thuyền nhân nơi trại tị nạn Palawan-Philippines.

Trong lịch sử vượt biển của Thuyền Nhân Việt Nam tới trại tị nạn Palawan-Philippines, có lẽ tàu của tôi là lớn và chở đông người nhất bởi tàu của tôi dài tới mười chín mét chở hai trăm bốn mươi sáu người gồm đủ cả nam phụ lão ấu, tấp đảo El Nido vào ngày Bốn tháng Sáu năm 1989 khiến cho đảo này trở nên nhộn nhịp, ồn ào suốt ngày đêm trong khoảng thời gian chúng tôi lưu lại đó vì vậy chúng tôi được gọi là người của Group 246 El Nido.

Tôi còn nhớ ngày ấy dân chúng và chính quyền trên đảo đã hoảng hồn khi đưa «cào cào*» ra để đón chúng tôi vào bờ vì số người cứ liên tục từ các hầm tàu chui lên mãi khiến họ vô cùng vất vả để vận chuyển. Do người quá đông nên Cao Uỷ Tị Nạn Liên Hiệp Quốc thường được gọi tắt là UNHCR (The United Nations High Commissioner for Refugees) đã phải phối hợp với chính quyền địa phương cho chúng tôi ở tạm trong một ngôi trường tiểu học và họ rất khó khăn để đếm chính xác con số thuyền nhân của tàu vì người ta cứ đi lung tung không thể nào kiểm soát được. Đầu tiên họ tổng kết có hai trăm năm mươi tám người cả thảy, dần dà con số này thụt xuống từ từ cho đến cuối cùng là còn lại hai trăm bốn mươi bảy người. Lúc đó ai cũng tưởng thế là xong và yên chí là tàu mình chở từng ấy người nhưng khi về tới trại tị nạn PFAC (The Philippine First Asylum Camp) sau cả tháng trời làm giấy tờ, làm ID... thì mọi người mới té ngửa ra là chỉ có hai trăm bốn mươi sáu mà thôi ! Bởi chỉ tới khi Cao Ủy cho nhân viên Ban An Ninh đi lùng sục tìm một người bị mất tích thì mới phát giác ra anh Nguyễn Văn Giàu còn có thêm một tên khác nữa là Trần Văn Sang. Anh bảo anh khai thế để được lãnh hai phần lương thực cho chắc ăn !

El Nido là một đảo lớn, đẹp nằm cách thủ phủ Puerto Princesa của tỉnh Palawan hai trăm ba mươi tám cây số tức khoảng một trăm bốn mươi tám dặm về hướng Đông Bắc với hai mùa mưa nắng. Người dân ở đây hiền hoà, hiếu khách, có một đời sống thanh bình đa số theo nông nghiệp, ngư nghiệp và du lịch. Họ đã giúp đỡ, tiếp đón người tị nạn chúng tôi hết sức niềm nở và chân tình cho đến ngày chúng tôi rời đi.

Ngày đầu tiên đến trại chúng tôi được đưa vào barrack. Đây là những ngày chật vật, khốn khổ về vấn đề vệ sinh và ăn ngủ do số người quá đông. Mỗi lần cần phải xài nhà cầu là cả một cực hình với tôi vì phân và nước tiểu đã tràn đầy ra tới bên ngoài không thể bước vào trong được.

Sáng sớm một hôm tôi thấy một người đàn ông tây phương dẫn theo một toán An Ninh Việt Nam vô barrack đi thẳng tới nhà cầu. Ông ta mở toang cánh cửa mặc cho mùi hôi thối xông lên và ruồi muỗi bay loạn xạ ra ngoài, đưa tay chỉ vào đó ông la hét dữ dội. Rồi tôi thấy mấy người an ninh đi ra giếng múc nước vào cùng ông ta rửa dọn nhà cầu ! Thời đó tiếng Anh tôi chỉ biết bập bẹ nên chẳng hiểu ông ta nói gì nhưng nhìn dáng vẻ giận dữ của ông ta tôi vô cùng xấu hổ cho sự ăn ở kém văn minh và thiếu ý thức của người Việt

mình. Tuy nhiên suy cho cùng thì barrack nhỏ so với số người quá đông như vậy và lại giữ người ta quá lâu nên vấn đề mất vệ sinh là chuyện không tránh khỏi mà thôi. Lúc đó do tin đóng cửa đảo trong vùng Đông Nam Á khiến ai cũng cố gắng tìm cách vượt thoát lần cuối cùng hơn nữa chính phủ Việt Nam biết rằng rồi ra họ sẽ bị trả về dù có tới được các đảo nên chẳng thèm chận bắt chi nữa. Đó là hai nguyên nhân chính làm cho dân số vượt biên nơi các trại tị nạn Đông Nam Á đột ngột tăng vọt. Chỉ tính riêng trại PFAC không thôi, thời điểm ấy dân tị nạn trong trại đã hơn mười ngàn người. Đó là một con số kỷ lục chưa bao giờ có ở đây từ ngày thành lập trại tị nạn đến giờ. Sự quá tải này đưa đến nhiều vấn nạn khó khăn đau đầu cho Cao Uỷ, chính quyền sở tại lẫn người tị nạn. Nhưng dẫu sao tôi vẫn cảm kích hành động lo lắng cho dân tị nạn ấy của ông nên lân la tìm hiểu thì mới biết đó là Cao Uỷ Trưởng của trại, Ông Jan Top Christensen, người Đan Mạch (Denmark.)

Đối với tôi chờ đợi là một cực hình nên những ngày sống tại đây thật là dài và khủng khiếp ! Lần này vì chỉ đi có một mình nên dù mừng là đã thoát khỏi chế độ cộng sản nhưng tôi vẫn không tránh khỏi cảm giác buồn bã do nỗi cô đơn tràn ngập. Nhiều hôm tôi đứng lặng hằng giờ ngoài sân barrack trong một góc dưới bóng râm mát nào đó và đưa mắt nhìn mọi người, mọi vật một cách bỡ

ngõ, đầy lạ lẫm. Cũng như quê tôi, nhà ở Phi cũng được lợp bằng lá dừa. Trên gác thì cửa sổ được trổ qua nóc nhà và dùng một cây (que) nhỏ để chống lên khi mở. Trời mưa thì chỉ cần lấy cây chống ra, hạ cửa xuống thì chỉ còn thấy một mái lá bằng phẳng, thật đơn giản !

Group của tôi có một cặp trai gái lúc nào cũng quấn quít bên nhau không rời nửa bước. Họ luôn nắm tay hoặc ôm nhau một cách tình tứ, thỉnh thoảng họ đưa nhau vào chỗ vắng và hôn nhau nồng nàn say đắm. Người thanh niên trạc tuổi tôi, người con gái nhỏ hơn độ vài tuổi. Cả hai đều đẹp tựa Phan An, Tống Ngọc. Thật là xứng đôi vừa lứa ! Sau này tôi được biết người con trai tên Trung còn cô gái là Hương. Cả hai đều có cha là trung tá của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đang học tập cải tạo ngoài Bắc. Họ quen nhau qua các chuyến đi thăm nuôi rồi yêu nhau. Hai gia đình sau đấy đã đính ước chuyện vợ chồng cho cả hai và quyết định cho họ đi vượt biên để mong đổi phận «con Ngụy.» Thảo nào mà cả hai chẳng thương nhau là thế !

Trong lúc đó thì tại cửa và ở trong ngoài hàng rào của barrack lúc nào cũng có người đứng, ngồi, trò chuyện rôm rả. Mỗi khi có tàu tấp đảo và được đưa về đây thì bà con ở các khu thường kéo nhau tới để tìm thân nhân hay bạn bè rồi bảo lãnh về ở chung nhà với mình. Từ

đây mới có câu chuyện khôi hài thường được truyền miệng trong trại về việc «bốc nhân đạo !»

Do có một số người, phần lớn là thanh niên cũng hay la cà ở barrack mỗi khi có người tới rồi lựa những cô gái trẻ đẹp, dễ thương... để giúp đỡ bằng cách bằng lòng nhận họ về nhà mình. Người nào có nhà nhận về thi được Ban Kế Hoạch chấp thuận ngay còn không nếu để họ phân chia thì nhằm khi vào nhà quá đông hoặc quá phức tạp thì rất phiền, rất là khó sống. Sự giúp đỡ ban đầu lại có hậu ý lợi dụng về sau ấy khiến cho cụm từ «lên barrack bốc nhân đạo» bị hiểu theo một ý nghỉ không tốt từ đó.

Suốt cả tuần trong barrack, cuối cùng chúng tôi được chia ra ngoài khu. Tôi với thằng Phong và cha con anh Quá được chia vào Nhà 5 Khu 8. Trước khi đi mọi người nhận được một ít đồ trợ cấp xã hội do CADP (The Center Assistance for Displaced Persons) cấp phát mà lúc đó mọi người cứ tưởng là của cơ quan này nhưng kỳ thực là của Cao Ủy ký thác công việc này cho văn phòng CADP giúp đỡ mà thôi !

Vì danh sách sắp theo họ nên tôi còn nhớ rõ hôm đó tôi cùng cô Trần Thị Đủ nhận được một số đồ cho hai người như một cái xô đỏ, hai tấm đắp chiều ngang khoảng năm tấc dài chừng chin tấc, hai cái chén nhựa,

hai bàn chải đánh răng và một dây kem đánh răng Colgate màu đỏ có khoảng chừng năm bảy tép gì đó, một đôi đũa tre và một cái khăn lông tắm loại lớn và hai đôi dép Nhật (chỉ mang độ một tuần là sẽ xẹp và mỏng như tờ giấy.) Hai anh em tôi dẫn nhau ra cây cổ thụ to lâu đời ở gần đó của Khu 7 để chia. Vật dụng nào có hai thứ đều chia được dễ dàng duy có đôi đũa, khăn lông tắm và cái xô thì không biết chia thế nào ? Ngày đó mới tấp đảo, mọi thứ đều cần nên thật là khó xử. Đủ khá xinh, nước da trắng trẻo, người cũng như tên gọi lại nghe đâu có họ hàng với chủ tàu nên trong khi tôi còn lúng túng thì Đủ nhỏ nhẹ lên tiếng :

- Em tính vầy anh xem được không nha. Thôi anh lấy cái khăn, đôi đũa cho em xin cái xô. Em sẽ đưa anh thêm 15 pesos nữa được không ?

Thật ra thì Đủ đã tính toán trước rồi. Thời ấy trong hoàn cảnh đó ai cũng cần cái xô nhất là phụ nữ vì cái xô rất hữu dụng dùng được cho mọi thứ. Nghe Đủ nói tôi nghĩ thầm trong bụng «dẫu gì người ta cũng là đàn bà con gái cần cái xô đó hơn, mình so đo và nhận tiền làm gì dù lúc này tôi đang rất cần tiền.» Tuy nhiên tôi chưa kịp mở lời thì lúc ấy chú Trần Như Bân chung group với chúng tôi đi ngang nghe thế liền ngừng lại bày vẽ :

- Trời ơi dễ ợt, có gì mà tụi mày chia hoài hổng được vậy. Để tao tính cho, này nhé cái xô dùng để múc nước cho hai đứa tắm. Tắm thì con Đủ tắm trước mày tắm sau. Khăn thì nó lau trước mày lau sau. Đôi đũa hai đứa ăn chung. That's it ! Có gì mà lo quá.

Phán xong một câu «xanh dờn» ông cười ha hả ra vẻ khoái chí bỏ đi mất. Để lại Đủ mặt đỏ như đu đủ chín cây trông thật dễ thương, còn tôi sượng cứng người nhất thời ú ớ chả biết làm sao. Nhưng rồi tôi cũng nhường Đủ cái xô mà không nhận thêm tiền, từ đó cho đến các ngày về sau đi đâu nếu chúng tôi đụng mặt nhau Đủ đều chào vui vẻ nhưng có phần thẹn thùng, bẽn lẽn, không tự nhiên hay đôi lúc đi nhận lương thực gặp Đủ thì nàng thường nhường cho tôi phần cá hay thịt của mình với lý do hết sức đơn giản là «em không biết ăn cái này» chứ kỳ thực ra thì Đủ thuộc thành phần có tiền trong trại còn tôi thì «con mồ côi» làm gì có tiền mà mua thực phẩm ngoài ?

Tháng ngày lang thang trong trai đợi chờ Thanh Lọc xác định tư cách tị nạn, thỉnh thoảng tôi gặp Trung và Hương, chúng tôi hay ghé lại ngồi dưới cây me trước văn phòng Cao Uỷ tán gẫu và nghe ngóng tình hình, tin tức thời sự nóng bỏng về Chương Trình Thanh Lọc vì nơi này lúc nào cũng tập trung đông đảo dân tị nạn.

Ôi thì thôi đủ thứ tin gà, tin vịt hay tin đồn thổi được tung ra như cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hòa sẽ được thanh lọc trước, con cựu quân nhân cũng được ưu tiên giúp đỡ, ai có giấy tờ bị đuổi đi Vùng Kinh Tế Mới hay bị đánh Tư Sản chắc chắn sẽ đậu... v. v. và v. v... nghe riết rồi bị khủng hoảng tinh thần và «phát mệt !»

Trước tình trạng quá nguy ngập của tiến trình thanh lọc lúc ấy, Ban Đại Diện Nhiệm Kỳ thứ 29 của trại đã phối hợp với một số ban ngành đoàn thể lựa chọn một số người trí thức hoặc có khả năng để giúp đỡ các người không có kiến thức hay không hiểu thế nào là nhân quyền căn bản mà Liên Hiệp Quốc đã công nhận... thành lập Ban Hướng Dẫn Thanh Lọc để giúp đỡ đồng bào khai báo hồ sơ «tiền thanh lọc.»

Halloween năm 1989, lần đầu tiên được biết, được sống và được tham dự Lễ Hội Hoá Trang của thế giới tự do thật là vui. Tất cả các thiện nguyện viên từ ngoại quốc tới Việt Nam của mọi ban ngành đoàn thể đều giả quỷ ma, mặc những áo quần vằn vện với khuôn mặt biến hóa dị dạng tham gia diễn hành hay tham dự buổi văn nghệ do Cao Uỷ tổ chức tại Sân Khấu Trung Tâm vô cùng nhộn nhịp ! Ba Thiện Nguyện Viên của cơ quan IOM (The International Organization for Migrants) là bác sĩ Sabine, người Bi (Belgium) và bác sĩ Cory, người

Phi, cùng cô Rachel, người Mỹ, thì hoá trang thành các thiên thần với trang phục thật lộng lẫy khiến cho lễ hội thêm phần hấp dẫn. Riêng nhà tôi, mấy anh em PA (tức là mấy người tới trước khi đảo đóng cửa, đương nhiên được quyền tị nạn, chỉ chờ các nước phương tây phỏng vấn và đưa đi định cư) dù nghèo áo quần đã rách rưới cũng ráng xé thêm cho tơi tả để mặc vào rồi lôi tôi đi nghêu ngao khắp trại. Thỉnh thoảng chúng tôi lại thấy mấy em trai «unaccompanied minors (trẻ em đơn hành)» kéo theo một đống xoong nồi mà chúng khéo cột dính thành một chùm còn tay thì cầm nắp đập vào nhau kêu loảng xoảng vừa đi vừa hét «trick or treat !» với khuôn mặt trét đầy lọ nghẹ nom thật buồn cười. Trong cảnh rộn ràng tấp nập của ngày lễ tôi thấy Trung và Hương cũng có mặt khi tới Sân Khấu Trung Tâm. Nhìn cả hai âu yếm đứng ôm lấy nhau tựa lưng vào cột bóng rổ để xem văn nghệ tôi thấy họ thật hạnh phúc làm sao ! Và đây cũng là lần đầu tiên tôi nghe Teacher Andrew của trường HTC (The Holy Trinity College) ca bài «Hello» vô cùng xuất sắc. Phải công nhận rằng trong vùng Châu Á thì có lẽ người Phi ca nhạc Mỹ là hay nhất bởi họ được học tiếng Anh từ hồi ở tiểu học nên hơn 95% người Phi đều biết tiếng Anh và sử dụng tiếng Anh để giao thiệp với ngoại quốc ! Bây giờ dù ở bất cứ đâu, sống trong hoàn cảnh nào tôi vẫn không

quên được ngày tháng đó và quả thật đó là khoảng thời gian vui, đẹp nhất của quãng đời tị nạn !

Thu tàn lá vàng lặng lẽ rơi, đông tới trời se sắt lạnh, mới đó mà đã hết năm. Để bớt buồn và đỡ phải suy nghĩ, âu lo, ngoài giờ học Anh Văn chính thức ra tôi còn học dự thính các lớp khác kể cả phải đứng ngoài vỉa hè. Tôi cũng vào cả những lớp của HTC tuy nhiên không được nhận vì lúc ấy HTC chỉ dành cho minor mà thôi ! Nhưng tôi không có khiếu sinh ngữ hay sao ấy vì học nhiều mà vẫn dở. Tôi nhớ có mấy em nhỏ group tôi ngày tấp đảo không biết một chữ tiếng Anh nhưng chỉ sau ba năm học đã có đứa làm thông dịch cho văn phòng Cao Ủy ! Rõ ràng là cây được trồng trên đất tốt sẽ tăng trưởng nhanh, người sống ở môi trường thuận lợi sẽ dễ phát triển tài năng hơn !

Lúc này tôi không có tiền nên ngoài cuốn tập được CADP phát cho vào đầu khoá học tôi thường lượm các tờ giấy trắng còn dùng được của anh em trong nhà đóng lại từng xấp để viết. Quần dài thì chỉ có hai cái của người ta đi định cư bỏ lại, tôi lấy mặc đại để đi học. Áo thì nhiều hơn bởi mặc chung với anh em trong nhà. Chỉ có một cái khổ là dép thì không có dư và cũng chẳng mượn được ai vì ai cũng cần mang, đường sá bên trại thì lởm chởm đá do xứ đảo mà dép của tôi lại mòn và

mỏng nên mỗi khi đi rất là đau chân.

Ngày lại ngày qua chỉ có một lon cá hộp nhỏ cho hai người với đu đủ, rau muống với một ít thịt heo mà mỡ nhiều hơn thịt, hôm nào lãnh phải thịt heo nọc thì kể như đành ăn cơm với nước mắm vậy bởi thịt heo nọc rất hôi khi nấu lên, hay có bửa cầm cái cánh gà bé bằng hai ngón tay mà ngán ngẫm nhưng vẫn chờ đợi và hy vọng !

Rồi điều không mong đợi đến cũng đã đến và đó là bất hạnh đầu tiên không chỉ của riêng tôi mà của đa số đồng bào trong trại vì tôi đã «bị đá !» Sau khi được phỏng vấn thanh lọc để xác định tư cách tị nạn chừng sáu tháng sau người lánh cư bắt đầu nhận kết quả. Việc bác đơn tị nạn hàng loạt mà mọi người gọi nôm na là «bị đá» khiến cho chuyện nhận kết quả trở thành nỗi ám ảnh hãi hùng của trại. Sự ban phát quyền tị nạn tùy tiện, hiểu biết sai lệch hoặc hạn chế về chế độ cộng sản ở Việt Nam của phỏng vấn viên nước sở tại khiến cho chuyện thanh lọc người tị nạn trở nên bi hài. Không có tiêu chuẩn hay thước đo nào nói lên được chuẩn mực của vấn đề thanh lọc. Kẻ đậu người rớt khó ai nói được mình tài giỏi hơn ai, tuy thế mặc cảm «bị đá» làm cho lắm người tủi hổ, cảm thấy thua thiệt hay ngu dốt là điều không tránh khỏi !

Nhiều người quá sợ hãi sẽ bị trả về Việt Nam đã trở nên khùng điên, trại bắt đầu xuất hiện vô số kẻ bị tâm thần ngày tối cứ lang thang như người điên hết dạo công viên đến bãi biển. Ngày phát kết quả thanh lọc được gọi là ngày xổ số, ai đậu được ví như trúng số vì cho đó là sự hên xui. Nói thế để thấy cái «The Comprehensive Plan of Action» tức CPA (Chương Trình Thanh Lọc Toàn Diện) này nó thiếu sót và bất công đến cỡ nào !

Đấy là chưa nói tới cá tính của các phỏng vấn viên hay cảm xúc buồn vui từng ngày của họ nữa. Hoặc trường hợp của một số cựu quân nhân bị đá «te tua» bởi bà phỏng vấn viên Teano chẳng hạn. Những ngày đầu tới trại chuẩn bị cho việc phỏng vấn, bà có tiếp xúc với một số thiện nguyện viên người Việt của văn phòng Cao Ủy. Đa số các thiện nguyện viên này là cựu quân nhân quân lực Việt Nam Cộng Hòa và bà tỏ ra rất có cảm tình với họ vì theo lời bà nói thì chồng bà cũng là cựu quân nhân, thế là họ sắp xếp hồ sơ để các ông cựu quân nhân được bà Teano phỏng vấn với hy vọng bà dễ dàng thông cảm cho hoàn cảnh người lính thì vấn đề thanh lọc có nhiều cơ may hơn nhưng khi kết quả xổ ra thì hầu hết đều bị bác quyền tị nạn. Mọi người khi ấy mới «tá hỏa tam tinh» và tìm hiểu thì được biết rằng bà vừa bị chồng ly dị, từ đó bà thù hận mấy ông cựu quân nhân. Chuyện chồng bà là cựu quân nhân chỉ là một cái bẫy bà giăng

ra để rửa mối căm hận dù là mấy người cựu quân nhân Việt Nam này chẳng dính dáng gì đến chồng bà cả ! Từ đó danh từ «sát thủ Teano với cú đá liên hoàn» ra đời ở PFAC. Thật là oan uổng !

Và chuyện tống tình, tống tiền của nhân viên di trú nước sở tại với người lánh cư rồi chuyện giữa Naoko Obi, cô gái người Nhật tốt nghiệp luật khoa ở Đại Học Cambridge thay thế Jan Top Christensen, làm Cao Ủy Trưởng thời thanh lọc đã xung đột dữ dội với các nhân viên di trú sở tại trong việc cấp phát quyền tị nạn cho người lánh cư nữa. Vì Cao Uỷ có đưa ra một chỉ tiêu ban đầu là cấp chừng 10% quyền tị nạn trên tổng số người nhưng khi thấy các nhân viên di trú Phi ban phát nhiều quá, cô Naoko phản đối, tìm cách chặn lại. Có trường hợp bị nghi ngờ, cô gọi lên văn phòng và đích thân tìm hiểu, phỏng vấn lại. Việc này đã chạm tự ái, danh dự quốc gia của Philippines vì theo CPA thì thanh lọc và cấp quyền tị nạn đã được uỷ thác cho nước chủ nhà. Cao Uỷ chỉ giữ vai trò giám sát và có 1% Mandate cho những trường hợp nào xét thấy oan ức, sai sót mà thôi. Do đó hành động của cô Naoko khiến cho người Phi không chấp nhận được nên để phản đối việc cô Naoko phỏng vấn lại và huỷ bỏ sự công nhận quyền tị nạn của họ đối với người lánh cư họ đã hè nhau cho tị nạn cả một tàu họ vừa phỏng vấn đâu cũng cở gần bốn

chục người mà lâu quá tôi không còn nhớ là group nào. Thành thử có thể nói thanh lọc là một xui xẻo của người này nhưng lại hên với người khác không chừng. Tuy nhiên từ dó Naoko được dân chúng gọi với một cái tên không mấy thiện cảm lắm dù cô ta rất đẹp và luôn luôn tỏ ra lịch sự với mọi người, bà «No OK !»

Một bất ngờ đã xảy ra cho group tôi là trong số những người bị đá thì có cả Hương nhưng Trung thì lại đậu. Đúng là ông Trời đã khéo trêu người khiến cho đôi uyên ương bây giờ giống như Ngưu Lang Chức Nữ !

Vì nghe theo lời của Ban Hướng Dẫn Thanh Lọc nên Trung và Hương đã không khai vợ chồng do đó mỗi người có một hồ sơ riêng với tự tin vững vàng vì cả hai đều có «background» mạnh. Nhưng chẳng hiểu Hương khai thế nào mà lại bị người nhân viên di trú «denied» với lời lẽ như sau «tôi hoàn toàn tin những gì cô ấy nói là sự thật vì có giấy tờ chứng minh đầy đủ, tuy nhiên cô ấy vẫn sống được suốt mười mấy năm sau 1975 mà không bị nguy hiểm đến tính mạng nên tôi tin là cô ấy có thể tiếp tục sống được ở quê hương của cô ấy. Do đó cô không hội đủ một trong các tiêu chuẩn của tị nạn để được hưởng quy chế tị nạn !»

Đọc lời phê trên hẳn các bạn cũng thấy có nhiều vấn đề cần phải nói đến, thế là tranh cãi, bàn tán nổ ra khắp nơi trong trại. Những câu hỏi được đưa ra như tiêu chuẩn tị nạn là gì ? Thế thì bị ngược đãi, bị chỉ định nơi cư trú, không được tự do thờ phượng... đâu phải là các bằng chứng để xin tị nạn ? Sao lại có mâu thuẫn giữa Liên Hiệp Quốc và nước sở tại trong tiêu chuẩn chọn lựa tị nạn thế ? Con trung tá Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đi cải tạo (tù) cả chục năm mà còn bị đá thì con những người dân bình thường khai sao đây ? Làm sao chứng minh được là mình bị nguy hiểm đến tính mạng sau 1975 đến phải bỏ trốn khi lúc ấy mình chỉ là một đứa nhỏ ? Đau đầu, đau óc, nhiều kẻ chưa thanh lọc đã bị khủng hoảng tinh thần và khùng rồi.

Thời kỳ này là thời kỳ «cơn sốt» thanh lọc lên đến cao độ, vì ở tất cả các trại tị nạn số người bị đá, bị ăn «cánh gà» rất nhiều. Các cuộc biểu tình chống thanh lọc bất công, chống cưỡng bức hồi hương bắt đầu nổ ra. Ở Mỹ, Canada và những xứ tự do khác nhiều cộng đồng Việt Nam đã lên tiếng, trao thỉnh nguyện thư tới Cao Uỷ Tị Nạn tới chính phủ sở tại yêu cầu tái xem xét lại tiêu chuẩn thanh lọc tị nạn... Các anh chị em sinh viên học sinh khắp nơi, các văn nghệ sĩ, ca nhạc sĩ cũng tích cực đem sức mình ra hỗ trợ đồng bào ruột thịt đang bị kẹt bên các đảo bằng những hình thức như walk-a-thon,

đêm không ngủ, đêm văn nghệ ca hát gây quỹ. Mạnh mẽ hơn họ còn lập ra các cơ quan pháp lý với nhiều luật sư Việt Nam cũng như ngoại quốc đầy nhiệt huyết, tham gia làm thiện nguyện và cử họ sang tận trại tị nạn giúp lo kháng cáo cho đồng bào như BP SOS (The Boat People SOS) do anh Nguyễn Đình Thắng làm giám đốc hay JRS (Jesus for Refugee Services) ở Palawan chẳng hạn. Tuy nhiên phải công nhận rằng Cao Uỷ và thế giới tự do đã thành công trong chuyện ngăn chặn làn sóng vượt biên bởi từ đó con số người ra đi giảm hẳn và chấm dứt luôn vì ở Việt Nam mọi người đã biết khó khăn của chương trình thanh lọc nên chẳng còn ai dám đi nữa !

Trong khi đó ở trại tị nạn PFAC, trước tình cảnh nguy nan ấy nhiều người đành phải lật ngửa con bài tẩy, «quyết đấu trận cuối cùng» của mình như trường hợp chi Phấn chẳng hạn. Chị chỉ có một tay ! Khi còn ở El Nido chị nói với tôi là ở Việt Nam chị bán nước mía và bất cẩn bị máy nước mía cán lấy bàn tay đến nỗi phải cưa mất gần cả cánh tay. Về PFAC, sau gần hai năm chờ đợi chị «đậu» thanh lọc rồi chuyển trại lên Bataan đi định cư trước sự ngạc nhiên và thán phục của mọi người.

Một thời gian sau người thông dịch cho chị mới tiết lộ rằng ngày ấy chị khai với người phỏng vấn rằng chị là liên lạc viên của một tổ chức phục quốc nào đó. Việc bại lộ, chị bị bắt, bị đánh đập tra tấn dã man mà không được cứu chữa đến phải bị cưa mất một cánh tay ! Tuy nhiên cái tài ở đây là chẳng hiểu chị nói thế nào, thuyết phục làm sao mà nhân viên phỏng vấn tin và ban cho chị quy chế tị nạn và cái giấy ra trại của chị là do một người trong trại làm với thủ thuật đơn sơ nhưng rất hiệu quả. Giấy thì kêu thân nhân ở bên nhà gửi qua rồi dùng nước trà phun nhẹ và phơi nắng cho tờ giấy cũ đi, tìm hiểu để đánh máy các chi tiết như ở trại nào, ai là trưởng trại thời gian đó, ai ký giấy ra trại... và cuối cùng là mộc (con dấu) thì được làm bằng củ khoai lang! Đang khi đó một anh chàng khác khai vì ba anh ta là thiếu tá Thuỷ Quân Lục Chiến, tử trận tháng Ba năm 1975, gia đình bị đuổi đi Kinh Tế Mới nhưng đã không đi nên bị cộng sản gây khó khăn cho cuộc sống, anh ta bị bắt đi Thanh Niên Xung Phong, anh phải trốn, sống chui rúc như chuột, không hộ khẩu... lại bị đá vì không có giấy tờ chứng minh. Anh ta lập luận rằng có chính quyền nào đàn áp dân chúng mà để lại giấy tờ chứng minh không ? Nhưng người phỏng vấn viên lắc đầu từ chối và nói rằng nếu nói như anh thì ai chả nói được ? Vô cùng phức tạp và rắc rối chuyện thanh lọc vậy !

Khai mà không có giấy tờ chứng minh thì bị đá nhưng có giấy tờ mà giấy tờ thật đàng hoàng cũng bị đá tuy nhiên giấy tờ dỏm thì lại đậu thì quả thật chẳng biết đâu mà rờ. Từ đó người ta kháo nhau rằng thanh lọc tị nạn chỉ là một cuộc thi «nói dóc.» Ai nói dóc giỏi thì đậu và trớ trêu thay một số thành viên của Ban Hướng Dẫn Thanh Lọc cũng bị đá rồi người chuyên làm giấy tờ giả cho mọi người cũng bị đá luôn ! Oan nghiệt, oan nghiệt!

Thời gian này tôi đã chuyển xuống Khu Một, và quá buồn nhiều khi không nén nỗi sự chán chường. Lắm hôm tôi bỏ học ngồi hằng giờ đâu đó trước cửa nhà hay lang thang ra biển hoặc vườn dừa mà chẳng thiết làm gì nữa cả. Một chiều tôi ngồi trên chiếc ghế đóng thật cao dùng để coi phim ngoài Sân Khấu Trung Tâm thì một số lớp Anh Văn của CADP hết giờ học. Tan trường, kẻ về người lại đến lớp tấp nập lên xuống Bất ngờ Đủ xuất hiện từ hướng dưới lò Bánh Mì của CADP và đi về phía tôi. Tôi hơi lúng túng và mặc cảm thua cuộc vì tôi nghe tin Đủ đậu thanh lọc mấy tuần qua rồi.

Ngừng lại trước mặt tôi, Đủ ấp úng :

- Anh... khỏe... không ?

Nghe Đủ hỏi thế tôi hiểu nàng biết rõ kết quả thanh lọc của tôi, tôi hít lấy một hơi dài nhảy xuống đất, dựa tay vào thành ghế cười gượng gạo :

- Cũng Ok, cám ơn em. Em thì sao ? Mới học ra hả ?

Đủ nhìn tôi chăm chú như dò xét :

- Em bình thường. Nghe nói... anh... anh...

- Kệ nó em, số phận mà biết làm sao hơn ? Chúc mùng em nha ! Tôi ngắt lời nàng.

- Dạ, bây giờ anh tính thế nào ?

Tôi nhún vai :

- Biết tính gì bây giờ nữa em. Thì cũng lo làm kháng cáo vậy thôi chứ chắc không mấy hy vọng.

Đủ bỗng đổi giọng xăng xái hẳn lên :

- Hay là... anh ghép hộ đi. Em nghe nói ai bị đá mà ghép hộ vợ chồng với người đậu sẽ rất có nhiều hy vọng trong đợt kháng cáo đó anh.

- Anh cũng nghe thế, nhưng hình như là phải mất bốn năm bảy ngàn đô lận, anh đâu có tiền.

- Thì... thì... tìm ai quen đó anh, đâu nhất thiết phải là có tiền mới được đâu.

- Em nói chơi hoài, nhiều người có tiền còn tìm chưa ra người đồng ý ghép hộ chứ nói gì người như anh. Có «cái cọng» không thì làm sao ? Hổng phải dễ đâu em !

Giọng Đủ chợt trầm xuống :

- Anh hỏi thăm thử xem, em nghĩ anh kiếm được đó.

Nói xong, Đủ vội vã chào tôi ra về nhưng không bỏ đi ngay. Nàng nhìn tôi thật lâu như muốn nói thêm gì đó rồi tần ngần cúi chào thêm lần nữa. Sau này tôi kể lại cho anh em trong nhà chuyện đó, ai cũng mừng và đều khuyên tôi nên gặp Đủ vì nàng đã mớm ý, mở cho tôi một sinh lộ. Tuy nhiên vì danh dự tự ái, những cục xương khó nuốt của một thằng đàn ông, tôi đã im lặng và trả giá gần mười một năm ở lại vì cái cục xương này!

«Ngày mai em đi, biển nhớ tên em gọi về. Gọi hồn liễu rủ lê thê, gọi bờ cát trắng đêm khuya... Ngày mai em đi, đồi núi nghiêng nghiêng đợi chờ..... Ngày mai em đi, biển nhớ tên em gọi về..... Ngày mai em đi, cồn đá rêu phong rủ buồn... !» Từ tờ mờ sáng tiếng Saxophone nức nở trong nhạc phẩm Biển Nhớ của Trịnh Công Sơn văng vẳng phát ra khắp trại từ các loa của Ban Truyền

Thông đã làm lòng dạ mọi người chợt chùng xuống. Hôm nay là ngày chuyển trại. Trong nhà tôi tất cả đã thức dậy. Người đi thì ồn ào, cười nói huyên thuyên, náo nức chuẩn bị khiêng đồ đạc được đóng trong các thùng thuốc Winston hay những chiếc vali cũ mèm ra trước hiên nhà, kẻ ở thì ngồi bó gối lơ đãng theo làn khói thuốc gặm nhấm nỗi buồn thân phận. Khi trời sáng tỏ người người ở các khu lũ lượt kéo nhau ra Cổng Mười Hai, nơi chia tay buồn nhiều hơn vui. Những cái siết tay thật chặt, những ôm hôn nồng ấm, những ánh mắt lưu luyến, những lời chúc phúc, những an ủi, những... tiếng khóc nức nở vang lên khắp mọi nơi đến não nùng trong cái nóng gắt của nắng càng lúc càng lên cao.

Lẫn trong dòng người áo quần sặc sỡ, tôi đứng lặng yên, tâm trạng đầy chán chường. Lẽ ra tôi không đến đây bữa nay nhưng vì thằng em quá thân, đi chung group lên đường đi định cư nên tôi phải tới tiễn nó. Khi thằng nhỏ ra khỏi cổng là tôi vội vã về ngay. Tôi không muốn nấn ná lại đây lâu hơn, nhưng từ trong đám đông đang đứng chụp hình kỷ niệm, Đủ chợt tách ra chặn lấy tôi :

- Anh ! Nàng gọi nhỏ.

- Ơ, em chuyển trại hôm nay hả ? Tôi hỏi khi thấy thẻ chuyển trại RS (Refugee Status) của cơ quan IOM lủng lẳng trên ngực áo nàng.

- Dạ. Nhà anh... số mấy ?

- 14 Khu Một !

Đủ hít lấy một hơi thật dài nhìn thẳng vào mắt tôi nói một mạch :

- Em sẽ viết thư cho anh. Em lên Bataan cũng phải ở lại đó mấy tháng. Chuyện hôm nọ em bàn với anh thì bất cứ lúc nào anh cần cứ cho em hay. Em sẽ giúp anh nếu anh muốn nhưng càng sớm càng tốt. Anh suy nghĩ cho kỹ đi. Thôi anh ở lại gìn giữ sức khoẻ nha. Chúc anh may mắn !

- Cám... ơn... em. Bảo trọng !

Tôi lúng búng trả lời trong miệng, cúi đầu bước đi vội vàng khi nhận thấy giọng Đủ chợt nghẹn ngào. Và cách đó không bao xa, mặt Hương đẫm lệ, dàn dụa nước mắt giữa đám đông. Trung thì ôm lấy Hương cười như mếu trước các câu nói khôi hài của bạn bè.

Vừa đi vừa nghĩ ngợi, băn khoăn tràn ngập tâm tư, tôi tự hỏi lấy mình «rồi mai tôi cũng sẽ ra đi, chẳng thể ở mãi chốn này được dù là không biết sẽ đi đâu ? Tuy nhiên tới khi ấy ai sẽ là người tiễn đưa tôi ?» Chỉ mới nghĩ tới chừng đó thôi thì cả một cảm giác ê chề. Lúc đi gần tới vòi nước Khu 3, tiếng nhạc xập xình

từ trong quán René vang to ra tận bên ngoài «Hey, if we can't solve any problems and why do we lose so my tears... Every time you go away... everytime you go away...!» qua giọng ca mạnh và truyền cảm của Paul Young trong bản nhạc «Every time you go away» khiến tôi tê tái. Quang cảnh trại tị nạn trước mắt bỗng nhạt nhòa. Những kẻ đưa tiễn cũng đang lần lượt trở về. Lê thê, thất thểu !

Hai cha con tôi lẽo đẽo theo sau, vợ tôi cứ đi tới đi lui lựa chọn tiệm ăn khiến tôi sốt cả ruột vì không còn bao nhiêu thời gian để trở về Mỹ nữa. Thằng con thì đói, mặt bí xị như «bánh bao chiều» dưới thời tiết nóng, gắt, của phố Tàu ở Canada. Cuối cùng chúng tôi vào đại quán Anh Đào !

Dù đã quá trưa nhưng quán vẫn còn một số thực khách. Chúng tôi chọn lấy một bàn phía trong gần counter. Bồi bàn là một em trai nhanh nhảu mang thực đơn chạy ra. Tính sẵn trong bụng khi còn bên ngoài nên tôi chỉ liếc sơ qua các món ăn và chọn ngay phần của mình đoạn đảo mắt khắp tiệm một vòng. Cạnh bên một người trung niên cỡ tôi với hai đứa nhỏ mà tôi đoán chừng đứa con gái lớn năm nay cũng ngoài mười tuổi, thằng con trai thì chắc nhỏ hơn con tôi một tí và cô gái kia nếu là vợ ông ta thì quả có hơi chênh lệch vì cô ấy chỉ trạc độ

ngoài ba mươi thôi.

Khi người đàn ông ngẩng đầu nhìn lên, tôi thấy ngờ ngợ quen mà nhất thời không nhớ ở đâu. Chợt người đàn ông cất tiếng hối thúc cô gái :

- Lẹ lẹ đi em, ticket đậu xe sắp hết giờ rồi đó.

- Nghe ba nói không con ? Hai đứa ăn mau đi đặng về. Người thiếu phụ lên tiếng nói với hai đứa nhỏ.

Người đàn ông nhìn đồng hồ rồi ngó ra ngoài làu bàu:

- Giờ này chạy về tới DC (Washington DC) chắc cũng mất bảy, tám tiếng !

Tôi nhíu mày, bóp trán nghĩ ngợi mông lung. Gương mặt người đàn ông đã quen, giọng nói lại càng quen hơn mà chẳng biết đã gặp ở nơi nào ? Tôi lục lạo ký ức, mớ hình ảnh ngày cũ lộn xộn trong đầu chẳng biết đâu mà mò. Lúc người ta bưng thức ăn đến, mùi phở thơm lừng lôi tôi ra khỏi vùng dĩ vãng tối tăm thì gia đình bên cạnh đã rời khỏi quán tự lúc nào rồi.

Sau hơn hai giờ kẹt xe trong phố chúng tôi mới tới được biên giới Mỹ và Canada. Theo GPS thì chúng tôi phải qua Detroit của Michigan rồi về Toledo và phải theo hướng I-75 S để tới Dayton-Ohio. Dự trù sẽ đến

nhà lúc 12 giờ đêm nay, vậy là còn tới sáu tiếng lái xe nữa. Không mệt nhưng hơi buồn ngủ vì mấy ngày nay đi nhiều về khuya tôi ngồi thư giãn, buông thõng người, thả xe trôi theo dòng xe đang đợi qua trạm trước mặt. Có cả thảy tới gần cả chục trạm kiểm soát mà vẫn kẹt cứng vì số lượng người đổ qua Mỹ quá nhiều. Và đường vô Mỹ thì khi nào cũng bị xem xét gắt gao hơn. Tuy nhiên các xe trước hàng tôi chờ đợi được kiểm soát tương đối dễ dàng nên có phần nhanh hẳn lên. Thấy họ chỉ trình giấy tờ rồi vài phút sau được cho đi tôi thầm tiếc mình đã quá cẩn thận và nghe theo lời khuyên của mọi người mà không dám mua gì cả. Hình ảnh màu vàng tươi của xoài mà chỉ có mười đô một thùng hay mãng cầu (trái Na) nở gai thơm tho, ngọt ngào, mười đồng ba trái dọc theo phố Tàu lúc xế chiều làm tôi tiếc nuối. Nhưng tôi đã lầm ! Bởi tôi cứ tưởng xuất trình passport cho người lính biên phòng là xong nào ngờ ông ta hỏi lung tung như qua Canada làm gì ? đến đâu ? ở đâu ? đi bao nhiêu ngày ? bây giờ về đâu ? có mang trái cây, thịt hay rau cải gì không... ? khiến hai vợ chồng tôi ú ớ trả lời không giống nhau nên ông ta bước ra khỏi chỗ ngồi, yêu cầu tôi tắt máy xe, ở yên trong đó, đoạn ông đi ra mở cửa sau xe lên kiểm soát. Đến chừng ấy tôi mới thấy quyết định không mua gì cả hồi chiều của vợ tôi là đúng. Hú hồn !

Hai tay mân mê tay lái (Steering), đầu óc lan man, tôi thả hồn thơ thẩn theo đám mây ngũ sắc đang trôi lơ lửng, mặt trời to tròn đỏ ửng như cái thúng nhuộm tím một góc trời. Hoàng hôn đang xuống dần, trời chiều thật đẹp. Tôi tà tà trên xa lộ thênh thang sau khi ra khỏi trạm được một lúc rồi bỗng nhiên trong đầu chợt lóe lên hình ảnh một người. Tôi buột miệng thảng thốt :

- Ô, thằng Trung !

- Ai ? Trung nào ? Vợ tôi ngó tôi, ngạc nhiên hỏi.

Hình ảnh người đàn ông trong quán hồi trưa và Trung với Hương ngày nào luôn âu yếm, tay trong tay dzung dzăng dzung dzẻ ôm nhau đi tới đi lui bên trại tị nạn hiện ra trong tâm trí tôi. Cả một trời tị nạn với những hình ảnh ngày xưa lần lượt kéo về. Tôi chép miệng nhủ thầm «không biết bây giờ cô ấy ra sao ?» Tội nghiệp ! Đời thật nghiệt ngã ! Thương nhau là thế ! Yêu nhau là thế mà cuối cùng lại chẳng lấy được nhau mới thật là kỳ! Hai mươi năm hơn đã trôi qua ! Nghĩ tới đó tự nhiên tôi cảm thấy đau. Một nỗi đau vô hình xoáy mạnh vào tim.

Thôi, niềm đau ơi ! Xin hãy ngủ yên !

«Every time you go, you take a piece of me with you! Every time you go, you take a piece of me with you !» lại văng vẳng đâu đây !

Triều Phong (TPN)

Ghi chú :

- Ghe «cào cào» : Tên tiếng Phi là Bangka. Cào cào là một loại ghe nhỏ, mỗi bên có gắn thêm một thanh tre dài song song với ghe và được nối vào ghe bằng các thanh ngang, nhỏ, ngắn cũng bằng tre, trông như cánh con cào cào, cho khỏi lật hoặc chìm mà người Phi dùng để chạy ven biển.

# Đôi Bạn Đôi Đường

Nguyễn Ngọc Hoa

Tác giả tên thật Nguyễn văn Hoa, sinh năm 1947 tại Quảng Bình, Việt Nam. Tốt nghiệp kỹ sư điện, học cao học và soạn luận án tiến sĩ kỹ sư (1970-75). Từ 1970 đến 1975 dạy đại học kỹ thuật tại Sài gòn. Năm 1975 định cư tại Hoa Kỳ, làm việc cho công ty tiện ích ở North Dakota cho đến năm 2012 thì về hưu. Với hai bài góp phần viết về nước Mỹ năm 2013, tác giả đã nhận giải thưởng đặc biệt. Sau đây là bài viết mới nhất của ông.

Giữa tháng Mười, thời tiết North Dakota chớm vào cuối thu và buổi sáng se lạnh. Đã đến lúc vợ chồng tôi về Texas tạm trú qua mùa đông. Tôi háo hức vì sắp gặp người bạn thân là Công ở Dallas nằm trên đường di chuyển Bắc-Nam. Tôi gọi Công trên điện thoại di động,

«Mày đang ở đâu ? Tuần sau tao ghé Dallas, gặp nhau được không ?»

«Tao đang ở Wichita Falls, cách nhà chừng ba tiếng đồng hồ». Công điềm đạm trả lời, khác hẳn giọng nói hấp ta hấp tấp của tôi.

«Khi nào về nhà ?»

«Không biết, nhưng chắc còn lâu lắm, «vẫn cái giọng trầm đều, không cảm xúc.

«Mày làm gì ở đó ?»

«Tao đang ở chùa...» Công ngập ngừng.

«Không lẽ mày đi tu ?»

«Đúng vậy, tao đã xuất gia... bốn tháng trước.»

Tôi không ngạc nhiên mà chỉ ngỡ ngàng trước cái tin đột ngột. Như đọc được ý nghĩ của tôi, Công nửa đùa nửa thật,

«Giờ mi phải gọi tao bằng 'thầy' xưng 'con' đàng hoàng đó nghen.»

«Mày tu chứ tao có tu đâu mà 'thầy' với 'bà' !»

«Nhưng 'mày tao' với sư là không kính trọng Tam Bảo, «lần này Công nói thật, cương quyết như trong bao lần tranh luận trước đây.

Tôi lúng túng nhưng không chịu thua,

«Năm mươi mốt năm nay, tao chỉ biết mỗi một cách xưng hô với mày.»

«Nhưng chừ mi nói chuyện với sư !»

«Thôi chúc mày... mau thành chánh quả. Hẹn gặp sau, «tôi cúp điện thoại mà không biết mình buồn hay vui.

Đầu niên khóa 1962-63, tôi và Công được xếp ngồi cạnh nhau ở dãy bàn đầu lớp đệ tam B3 trường Quốc Học Huế. Biết tiếng nhau từ trước vì cùng đứng đầu bảng trong kỳ thi Trung học đệ nhất cấp, chúng tôi thân nhau từ ngày đầu tiên. Tôi lên từ trường (trung học đệ nhất cấp) Hàm Nghi trong Thành Nội, trong lúc Công từ lớp đệ tứ cuối cùng ở Quốc Học sau đó chỉ còn đệ nhị cấp (đệ tam trở lên). Trong số mười ba lớp đệ tam ban B (Khoa học Toán), B1 đến B6 là lớp Pháp văn sinh ngữ chính, B7 đến B13 Anh văn sinh ngữ chính.

Công gầy mà chắc chắn, khuôn mặt khắc khổ, giọng Huế trầm và chậm rãi mà cương quyết. Kém Công một tuổi, tôi mang khuôn mặt «búng ra sữa, «láu táu và ồn ào, cãi với ai thì nhất định cãi đến kỳ cùng. Công quê ở Phú Lộc gần núi Túy Vân, sống ở Huế từ lúc sinh ra, và được nung đúc thành một phật tử thuần thành; cha làm công chức, rất gần gũi với con. Tôi sinh ở ngoài vĩ tuyến 17 di cư vào Nam, học tiểu học ở trường công giáo khi gia đình di chuyển khắp miền Trung, và rất ít khi sống gần cha là một sĩ quan cao cấp đang đóng đồn ở Ban Mê Thuột. Buổi chiều sau giờ học, tôi thường

theo Công lên chùa học đạo với thầy; Công say mê nghiên cứu Phật pháp, và tôi hay chất vấn thầy làm sao đạo Phật áp dụng vào đời.

Hai đứa đều học giỏi, giỏi toán hết chỗ chê. Giờ ra chơi, chúng tôi dắt nhau đi quanh sân trường «luận anh hùng.» Những học sinh đệ tam có tiếng học giỏi như thằng Đình cùng lớp B3, thằng Thiện B7, thằng Kim B9, v. v. đều được xếp vào «cao thủ hạng ba, «nhưng không có hạng nhất hay hạng nhì. Vì hai đứa chúng tôi không biết ai giỏi hơn !

Đệ tam là lớp «ăn chơi» vì không phải năm thi và chương trình học không liên quan trực tiếp đến lớp thi là đệ nhị và đệ nhất. Tuy nhiên, tôi và Công ngày đêm thi nhau học «gạo»... chết bỏ, cố gắng hơn bạn để tự xem là «cao thủ hạng nhất, «mà ngoài mặt làm bộ nhởn nhơ ta đây không thèm học.

Biến cố Phật giáo năm 1963 đã đưa cuộc đời tôi sang một ngõ rẽ khác.»Luông tuồng và lóc lách» (lời của mẹ), tôi tham dự các hoạt động của tập thể phật tử Huế và chứng kiến mọi diễn biến trong ngày Phật Đản ấy. Vì những điều tai nghe mắt thấy không phù hợp với những điều nhiều bậc thầy tuyên bố hay chính phủ thông tin, trong những ngày kế tiếp tôi gân cổ cãi nhau với người lớn về những sự kiện thực sự xảy ra và nhiều lần bị đe

dọa. Lo sợ cho sự an toàn của thằng bé, mẹ đi tới một quyết định quyết liệt : đưa gia đình vào Buôn Ma Thuột ở với cha.

Xa mặt nhưng không cách lòng, tôi và Công viết thư cho nhau hàng tuần, thiết tha như đôi tình nhân. Mở đầu thư bằng tiếng gọi trìu mến, «Công thương, «tôi thường thuật những chuyến thám hiểm vào rừng núi Ban Mê Thuột buồn muôn thuở bụi mù trời; những sinh hoạt trong lớp nam nữ học chung, điều mà ở Huế không có; và các bạn cùng lớp mới, lớn tuổi hơn mến chuộng anh học trò «thông minh nhất nam tử» nói tiếng Huế trọ trẹ khó nghe. Ngoài những lời lẽ nhớ bạn, Công kể những lần về làng đưa cô «bồ» ra đụn cát ngồi bên nhau trò chuyện và ngắm trăng, hay lên chùa Túy Vân thọ giáo và xin thầy cho quy y nhưng thầy không đồng ý khuyên nên sống ngoài đời phục vụ thế gian.

Tuy nhiên, phần chính của những bức thư dày cộm với chữ nhỏ lăn tăn trên hơn một chục tờ giấy mỏng là đề toán đưa ra để đố bạn và bài giải cho các bài toán đố trước, như các nhà toán học u Châu đầu thế kỷ 18 thách thức nhau chứng minh những bài toán nan giải.

Để theo kịp bạn, tôi xin cha cho người về Sài gòn tìm mua tất cả sách toán, cả sách giáo khoa lẫn sách bài giải, bày bán trong nhà sách. Tôi làm hết toán, lựa ra

những bài khó nhất, thay đổi cho phức tạp hơn, loại bỏ các câu hỏi trung gian tác giả dùng để hướng dẫn cách giải, và chỉ chừa lại câu hỏi cuối cùng làm thành đề toán gửi về Huế cho Công.

Sách bán trên thị trường không có nhiều toán khó, tôi nhờ đến «tàng lâu các» là kho sách cổ bằng tiếng Pháp thừa hưởng từ các chú bác họ học thời Quốc Học còn là trường Khải Định. Ngoài một số sách thông dụng, «bí kíp võ học» của tôi là bộ sách giáo khoa của François Brachet và Jean-Auguste Dumarqué, gọi tắt là «cuốn Brachet, «ấn bản 1932. Ông chú tặng tôi bộ sách mà dặn đi dặn lại,

«Toán Brachet khó điếc lỗ tai; mi đừng phí thì giờ nhiều, không có lợi mô !»

Chú tôi nhầm - bộ sách Brachet rồi cũng hết toán khó! Cuối cùng viện đến «độc chiêu» là cuốn bài giải xưa thật là xưa, mất bìa và mấy trang đầu tiên nên không biết tên tác giả và năm ấn hành; chỉ biết là toán khó cả họ không ai dám rớ tới. Anh tôi học trên hai lớp, thấy tôi nghiền ngẫm cuốn sách này, le lưỡi phục lăn,

«Tao mà hiểu được bài toán mô trong nớ thì tao ‘xế’ liền !» («Xế» tiếng lóng nghĩa là «chết.»)

Cuộc tranh tài kéo dài suốt hai năm đệ nhị và đệ nhất; tôi học bài và làm toán hầu như 24 tiếng đồng hồ mỗi ngày. Khi chưa giải được bài toán, tôi ghi hay vẽ lại trên tờ giấy, xếp bỏ túi; rảnh rỗi mở ra xem, và nhiều khi cách giải hiện lên trong giấc ngủ.

Trong lúc tôi sống an bình và yên tâm học tập ở Cao nguyên, Công bị xáo trộn bởi những cuộc biến động chính trị ở miền Trung, học sinh sinh viên xuống đường bãi khóa liên miên. Trong kỳ thi tú tài ở Nha Trang (Ban Mê Thuột tỉnh nhỏ không có hội đồng thi) tôi đậu tối ưu mà ở Huế Công đậu bình thứ, kết quả khiêm nhường nhưng chứng tỏ khả năng của Công không thua kém ai.

Cuối năm đệ nhất, Công viết,

«... Tao thấy trong các ngành học, kỹ sư điện là ngành dùng toán cao nhất...»

Đó là ngành Công lựa chọn, và tôi không có lựa chọn nào khác. Tôi xin cha nhờ người về Sài gòn nộp đơn thi vào trường Cao đẳng Điện học. Mẹ thắc mắc,

«Răng con không nộp đơn thi vô các trường khác ?»

«Dạ như trường mô ?» tôi bực bội hỏi mẹ.

«Trường Y khoa hay Nông lâm súc chẳng hạn.»

«Con không thích học mấy ngành nớ.»

«Nhưng lỡ con thi vô trường nớ không đậu thì răng?»

«Răng mà rớt được ?»

«Biết mô đó, học tài thi phận mà con !»

«Nếu không vô được trường Điện, con ghi danh học toán ở Đại học Khoa học; trường nớ không thi tuyển, «tôi bướng bỉnh như mọi khi.

Trong số 25 học sinh được chọn vào vào ban kỹ sư Điện, tôi xếp hàng thứ ba. Tôi tức mình ấm ức cho đến khi biết hai người đứng trên đã học mấy chứng chỉ Toán và Toán Lý Hóa trong chương trình cử nhân. Công đậu hạng mười, thấp hơn tôi vì bài thi có môn Vật lý là sở trường của tôi. Ngạc nhiên nhất là tên hai thằng đệ tam B3 khác cũng xuất hiện trên «bảng vàng» : Đình đậu hạng 18 và Phan (ngày trước không xếp vào hàng «cao thủ») đậu chót; ngoài ra không còn ai ở Huế. Chắc hẳn nhờ sự thi đua học hành với Công mà hai đứa này trúng tuyển.

Bọn sinh viên chân ướt chân ráo chúng tôi mong chờ buổi học Giải tích, môn toán chính, đầu tiên với giáo sư Thế. Ông là trưởng ban Khoa học Cơ bản có nhiệm vụ giảng dạy kiến thức tổng quát mà sinh viên kỹ sư ngành

Điện, Công Chánh, và Công nghệ đều học chung. Dạy luyện thi tú tài nổi tiếng khắp Sài gòn và là tác giả sách toán trung học bán chạy, ông được sinh viên ngưỡng mộ và xưng tụng là «cây đại thụ của ngành toán học áp dụng Việt nam.»

Còn bỡ ngỡ với giảng đường đại học, tôi lật lướt qua tập cua (cours, tức là bài giảng) in ronéo (một kỹ thuật in bằng cách đánh máy trên giấy sáp gọi là stencil, ráp lên máy quay ronéo, và dùng mực in thành nhiều bản) và lơ đãng nghe giáo sư giảng bài. Chương Dẫn nhập gồm những ý niệm cơ bản đặt nền tảng cho môn học - dễ òm ! Bài giảng kết thúc, sinh viên mừng rỡ vì sắp được ra về sớm. Bất ngờ, Công lễ phép đưa tay lên hỏi,

«Thưa thầy, con thấy những ý niệm trong chương này không bất nhất...»

Ban đầu tươi cười nghe Công trình bày lập luận của mình, mặt giáo sư dần dần đổi sang màu đỏ ửng. Công vừa dứt lời, ông chỉ mặt lớn tiếng,

«Anh đọc những sách nhảm nhí về các tà thuyết toán học. Lập luận của anh là do mấy nhà toán học Đức đi sai đường vào cuối thế kỷ 19 đưa ra...»

Giáo sư mắng một tràng dài; Công ấp úng không nên lời thì thằng bạn rắn đầu nhảy vào «cứu bồ.» Tôi đưa tay xin phát biểu,

«Thưa thầy, em biết chắc nó chỉ học bài của thầy chứ không hề đọc sách vở nào khác. Thầy mắng mà không giải thích nó sai ở chỗ nào.»

Có tiếng xầm xì biểu đồng tình của Đình và Phan (đệ tam B3 ủng hộ «phe ta» !) cùng vài sinh viên khác ngồi sau lưng tôi. Giáo sư nổi giận, chĩa mũi dùi sang chàng anh hùng rơm điếc không sợ súng,

«Anh tên gì, học ngành nào ?»

Giáo sư ghi tên tôi và ra lệnh,

«Ngồi xuống, không được hỗn láo !»

Nói xong, ông xếp sách vở vào cặp, lẳng lặng bước ra. Giảng đường gần chín mươi sinh viên im phăng phắc. Tôi biết những ngày khó khăn của mình bắt đầu.

Thực vậy, vào giờ Hỏi bài (hàng tuần sinh viên được chia thành những nhóm nhỏ, mỗi nhóm được một vị giáo sư hay giảng viên sát hạch khả năng) tôi được giáo sư chiếu cố tận tình với những bài toán khó nhất, thường không có trong tập cua cho sẵn.

Học đại học mà bị thầy «trù» là kể như... tiêu đời ! Tôi biết vậy nên cậy vào chiến lược cũ : lùng kiếm trong nhà sách Khai Trí trên đường Lê Lợi, Xuân Thu đường Tự Do, và American Bookstore đường Nguyễn Huệ mua hết sách toán đại học bằng tiếng Việt, Pháp, hay Anh. Sách Sài gòn không có nhiều nhưng đủ cho tôi bận rộn trong tháng đầu tiên.

Mặt khác, tôi xin cha đánh điện sang Paris nhờ ông chú họ kỹ sư vào Khu La-tinh vét sạch sách bài giải toán, mới lẫn cũ, dành cho lớp Toán Cao đẳng (Mathématiques Supérieures, gọi tắt là Maths sup.) và lớp Toán Đặc biệt (Mathématiques Spéciales, gọi tắt là Maths spé.) là hai lớp chuyên dạy toán cho sinh viên luyện thi vào các trường lớn của Pháp như Trường Bách Khoa, Trường Cao đẳng Sư phạm, Trường Cầu Cống, Trường Cao đẳng Điện học, v. v. Trình độ toán của hai lớp này ngang hàng với hai năm đầu trường kỹ sư.

Nhờ hai năm khổ luyện ngày đêm, học mờ người, và làm hết toán trong đống sách tiếng Pháp, bị giáo sư «quay»... đến nơi đến chốn mà chưa lần nào tôi bị bí. Công nhàn nhã học Giải tích như đùa bỡn; thỉnh thoảng chất vấn khiến giáo sư bối rối và hẹn lần sau giải đáp, có khi... quên mất luôn.

Giáo sư đã biên soạn và ấn hành Giải tích Đệ nhị Niên, cuốn sách Việt ngữ duy nhất về toán áp dụng cao cấp và là niềm hãnh diện sâu xa của ông. Cuối năm học thứ hai, khi chúng tôi sắp rời ban Khoa học Cơ bản về trường ĐIện học chuyên môn, ông gặp riêng Công,

«Tôi định tái bản cuốn Giải tích nếu hè này anh giúp tôi hiệu đính; chúng mình đứng tên chung.»

«Cám ơn thầy cho con cộng tác, nhưng con đang bận rộn nghiên cứu Phật pháp,» Công trả lời không do dự.

Sau khi tốt nghiệp, Công đi Hoa kỳ học cao học Điện toán, một ngành tương đối mới mẻ, và tôi ở trong nước dạy học và sửa soạn luận án tiến sĩ kỹ sư về truyền sóng. Xa nhau nửa vòng trái đất và nghiên cứu hai lĩnh vực khác biệt nhưng... ngựa quen đường cũ, chúng tôi trao đổi toán đố như trước. Tôi phát biểu các hiện tượng truyền sóng thành bài toán, và Công thách tìm các công thức lập lại trong khoa Giải tích Số trị để thảo chương vào máy điện toán và tính kết quả bằng số.

Tháng Tư năm 1975 bỏ nước ra đi, tôi trôi dạt về North Dakota làm kỹ sư kế hoạch cho công ty tiện ích; Công đã ở Dallas từ mấy năm trước, vừa học tiến sĩ vừa làm việc trong Nha Nghiên cứu Điện toán của hãng Texas Instruments, một hãng điện tử lớn bậc nhất thế

giới. Chúng tôi nói chuyện qua điện thoại viễn liên hàng tuần, và mỗi kỳ nghỉ hè tôi lái xe xuống Texas thăm bạn.

Công làm việc mà hàng ngày tà tà xách cặp đi học, cuối tháng vào sở lãnh lương. Qua các tạp chí kỹ thuật, tôi biết Công đang hoàn tất lý thuyết nền tảng cho phương pháp thảo chương mới mà nhờ đó máy điện toán «Dòng Dữ kiện» («Dataflow» computer, tên do Công đặt ra) có thể thực hiện được. Các nhà nghiên cứu bấy giờ gọi phát minh này - chính là hệ thống điều hành của máy siêu điện toán ngày nay - là «Máy Điện toán Công» («Công's Computer»).

Một đêm hè năm 1978, xuống thăm Công tôi giúp bạn duyệt lãm bài thuyết trình hôm sau Công trình bày với Hội đồng Quản trị Texas Instruments. Tối hôm sau, không nghe Công đề cập tới cuộc họp ban ngày, tôi dọ hỏi,

«Hôm nay thuyết trình ra sao ?

«Cũng được...» Công miễn cưỡng trả lời.

«Sao mày được vinh hạnh mời ra Hội đồng Quản trị?»

«Bọn hắn trả tiền cho tao đi học PhD cốt để dùng kết quả công trình nghiên cứu đó,»Công uể oải nói.

«Dĩ nhiên. Mình làm công, ăn cơm chúa múa tối ngày mà !»

«Bọn hắn cần biết dự án máy điện toán Dòng Dữ kiện có khả thi hay không trước khi chấp thuận ngân sách chế tạo và đưa ra thị trường.»

«Rồi mày nói sao ?»

«Dự án thực hiện được, nhưng hiện tại tao bận chuyện riêng nên không có thì giờ nghiên cứu thêm.»

«Sao bỏ qua cơ hội bằng vàng như vậy ?»

«Mi thấy đó, tao đang nghiên cứu viết sách chứng tỏ Phật giáo không những là tôn giáo dân chủ hoàn hảo mà còn là triết lý vô cùng khoa học. Thì giờ mô mà lo chuyện bao đồng !»

Lặng người nhưng tôi cố vớt vát,

«Hay là mày để ra vài tuần viết ra dự án nghiên cứu đó cho tao ?»

«Để làm chi ?»

«Tao thuê luật sư lấy bằng sáng chế. Cầm bằng sáng chế trong tay là mình giàu to, thằng IBM không mua thì thằng khác cũng giành mua. Nó không chế để bán thì cũng mua cất giữ cho thằng khác khỏi chế. Sau đó, mày không cần đi làm, dành thì giờ nghiên cứu đạo Phật.»

«Đừng xúi tao vướng vào Tam Chướng - Tham Sân Si, ba điều trở ngại cho việc cởi bỏ oan nghiệt.»

Tôi nổi giận lớn tiếng,

«Chính mày mới là Sân Si - giận và ngu tối. Riêng về Tham thì đây không phải là tham lam lấy của người, kéo nhà người khác về làm chuồng heo mình, mà là 'tối đa hóa lợi nhuận' theo thuyết kinh tế của Adam Smith.»

«Kinh tế tư bản khiến người giàu càng giàu hơn, kẻ nghèo càng nghèo thêm ?» Công cười mỉa.

«Mày lầm rồi ! Khi mọi người được phép hưởng lợi nhuận do công sức của mình làm ra, cái 'Tham' ấy là động lực khiến họ làm việc hăng say, cố gắng phát minh sản phẩm tân kỳ và hữu ích, và không ngừng cải tiến phương cách làm việc để có hiệu quả hơn và sản phẩm tốt và rẻ hơn. Nhờ cái 'Tham' Adam Smith, người nghèo cũng được hưởng lợi ích mà mức sống cao hơn.»

Trở về đề nghị của mình, tôi cố gắng một lần nữa,

«Bỏ qua chuyện lợi danh, hoàn tất dự án nghiên cứu là mày đóng góp kiến thức mới cho nhân loại và giúp việc cải thiện đời sống của mọi người, giàu cũng như nghèo.»

«Tao không màng thế sự; mi là phật tử lầm đường, đừng ép tao tơ vương vào cõi trần tục, «Công nói chắc như đinh đóng cột.

Hai tuần trước khi tôi lên đường, trận bão tuyết đầu mùa đến sớm bất chợt, đi kèm với cơn lạnh giá chưa từng có trong hơn ba mươi năm qua. Các tiểu bang miền Trung-Lục địa chuyên về nông nghiệp và chăn nuôi bị ảnh hưởng và chịu thiệt hại nặng nề. Hàng chục ngàn con bò bị chết cóng, và hoa màu vụ mùa thu hư hại hoàn toàn.

Cảnh vật tiêu điều khiến cho con đường Bắc-Nam quen thuộc trở nên dài lê thê. Qua khỏi South Dakota đến Nebraska, những cánh đồng bắp chết khô thành rơm rạ xám xịt liên tiếp nối đuôi nhau ở hai bên hàng trăm dặm đường. Cuối ngày thứ hai, đến chặng cuối của đồng bằng trồng bắp ở Kansas, tôi ngừng xe bước xuống ruộng, rưng rưng nước mắt nhìn những trái bắp dài mang những hạt bắp đầy đặn nám đen nằm lẫn trong

lá và thân cây cháy khô.

Tôi không xót xa cho các nông gia Mỹ vì họ được chính phủ trợ cấp, được mùa hay mất mùa thì lợi tức vẫn ngần ấy. Năm được mùa, thị trường thặng dư mà không bán được bắp thì chính phủ thu mua giữ trong kho dự trữ và sau đó mang viện trợ cho các xứ nghèo. Năm mất mùa, không những không có thực phẩm viện trợ mà giá thực phẩm tăng lên khắp toàn cầu khiến cho các xứ nghèo càng không đủ tiền mua. Hậu quả của trận thiên tai vừa qua là năm tới sẽ có thêm nhiều ngàn người ở các nước Phi Châu chết đói vì thiếu ăn.

Trên quãng đường còn lại, tôi chợt nhận ra sự khác biệt giữa Công và tôi, hai Phật tử với hai lối suy tư khác biệt. Bạn tôi «kính trọng Tam Bảo» - Phật, Pháp, và Tăng, tôi nghĩ đến «chúng sinh» - tất cả sinh vật. Đối với tôi, Tam Bảo mà không phục vụ chúng sinh thì tôi thà làm kẻ lầm đường.

Nguyễn Ngọc Hoa

# Phong Pháo Chuột

Phan

Phan là một nhà báo quen thuộc, trong nhóm chủ biên của một số tuần báo, tạp chí xuất bản tại Dallas. Từ nhiều năm qua, ông liên tiếp góp nhiều bài viết về nước Mỹ, luôn cho thấy tấm lòng cùng sức viết mạnh mẽ, và đã nhận giải Vinh Danh Tác Giả Viết Về Nước Mỹ 2013. Bài viết mới nhân Tết Giáp Ngọ của ông là tự sự của một người con lai Mỹ từng vào tù ra khám, và từng «Không bao giờ muốn còn phải nhìn lại mảnh đất quê mẹ.»

1.

Với tôi, cha tôi là bức hình người đàn ông trẻ, trên kệ thờ. Tôi chưa bao giờ thấy mặt ông từ khi tôi có trí nhớ; chỉ nghe chị tôi chỉ lên kệ thờ : Đó là hình cha. Tôi cũng không thắc mắc gì thêm sau khi nghe chị tôi giải thích : Ai chết rồi thì để hình lên bàn thờ (là nhà giàu), còn nhà mình nghèo thì để hình lên kệ thờ. Đến ngày đám giỗ, thì cúng giỗ...»

Với tôi, khái niệm về đám giỗ chỉ là cái trứng luộc mà từ khi thấy mẹ tôi bóc vỏ cho đến lúc được ăn là buồn ngủ mà không dám ngủ, bởi lo sợ cái trứng bị chuột tha.

Và kệ thờ chỉ là miếng ván dán giấy hoa, được gắn vào tường, để thờ người đã chết, vậy thôi. Bức chân dung không làm tôi sợ, vì tuổi tôi chưa biết sợ. Mà tôi cũng không thấy thương yêu gì hết vì tôi có gặp cha bao giờ đâu để mà thương ? (Cho tới nay, tôi cũng không biết đó là những tình cảm thật trong tôi lúc ấy, hay chỉ là những hồi ức sau này).

Nhưng tôi tin trí nhớ của mình đã đủ tin cậy từ lần chị tôi bị bệnh. Mẹ tôi nói, «Con đừng đi chơi đâu hết, phải ở nhà trông chừng chị con. Khi nào chị con dậy, thì chạy qua nhà anh Hiếu cho mẹ hay.» Lúc ấy vì chưa đủ khôn để biết là chị tôi đang bị sốt cao nên nằm mê man chứ không phải ngủ, nên tôi cũng không sợ gì hết. Cứ ngồi bên giường chị, mắt nhìn theo mẹ tôi đi...

Mẹ tôi đi dọn bàn, rửa dĩa cho một hàng cơm trưa ngoài lộ lớn. Nhưng mẹ thường đi sớm đến nhà anh Hiếu (là con ông bà chủ hàng cơm) để phụ giúp những việc chuẩn bị cho bữa bán cơm trưa, phụ dọn hàng. Sau hết mới tới việc chánh của mẹ là dọn bàn, rửa dĩa ngoài chỗ bán cơm, ở đầu hẻm nhà anh Hiếu.

Tất cả mọi việc của mẹ sẽ xong vào chừng 3 giờ chiều. Mẹ tôi trở về nhà với trái dưa leo, trái cà chua, củ cà rốt... Hôm nào được tí thịt vụn thì mẹ tôi vui vẻ lắm, hứa hẹn với chị em tôi những món ăn ngon mà mẹ

sẽ nấu cho chị em tôi. Chị tôi nói, đó là khoản tiền công mẹ tôi đi giúp nhà chủ từ sớm. Còn tiền công dọn bàn, rửa dĩa của mẹ, «Mẹ phải mua gạo về nhà cho mình ăn, mua quần áo, mua thuốc cho chị bị bệnh hoài...»

Nếu ký ức tôi về tuổi thơ của mình chỉ có thế thì nó đã không dẫn tôi đến những suy nghĩ lạ lùng, như khi thấy cảnh hành quyết trong phim ảnh, trên tivi, tôi không quan tâm đến tử tội đã mang tội gì mà chỉ ước muốn được đổi mạng vô điều kiện với người sắp bị xử chết để giải thoát mình !

Sau đó tôi vui sướng với cảm giác được chết thay cho họ. Cảm giác mình đã chết, mọi chuyện đã xong, thật dễ chịu bao nhiêu... Nhưng khi thức giấc trên sofa vẫn là nỗi cô đơn ngập lòng, nỗi buồn ký ức như những lớp bột của bánh lột da, là món quà khi mẹ tôi có tiền, người thường mua cho chị em tôi ăn. Từng lớp ký ức được hai bàn tay nhỏ ngón nhưng khéo léo của chị tôi lột ra, và tuần tự đút vào miệng tôi, rồi miệng chị tôi. Chúng tôi biết cách ăn chung một cái bánh lột da để cho lâu hết. Phải cong lưỡi mình lên, ép miếng bột mỏng tang như giấy quyến ấy lên nóc họng. Ngậm nguyên đó, đừng động đậy cái lưỡi để nước bọt thấm vào bột vì nó sẽ tan nhanh. Phải ngậm khô thì mới giữ được mùi thơm của bột bánh lâu hơn. Mùi vị ấy xông lên đầu,

theo chân tóc bay ra ngoài đến tôi ngửi được mùi bánh lột da trên tóc chị tôi mỗi khi tôi thèm ăn bánh lột da. Mẹ tôi chỉ cười buồn khi nghe tôi nói; hoặc khi thấy tôi không nói nhưng tự nhiên đến ngửi tóc chị tôi rồi nuốt nước miếng.

Bao nhiêu lớp bột mỏng tang của bao nhiêu cái bánh lột da mà chị tôi đã lột là bấy nhiêu ký ức ngậm khô... nên ký ức còn mãi. Đó là loại ký ức không mềm như tóc chị tôi mà cứng còng, xoăn tít như cục chùi nồi trên đầu tôi...

Có lẽ do tôi còn vài giờ bay nữa thì máy bay sẽ đáp xuống Sài gòn. Tôi sẽ gặp lại người chị tóc mềm có hai bàn tay nhỏ ngón. Tôi nhớ hôm nào mẹ bảo tôi ở nhà trông chừng chị thì tôi rất ngoan, dù buồn bã và buồn ngủ nhưng tôi không bỏ đi chơi rong. Tôi cứ ngồi nhìn chị tôi ngủ. Mồ hôi chị đầm đìa trán, và gương mặt chị đỏ lừ. Dù chị là con gái nhưng tôi thấy chị giống giống bức hình trên kệ thờ ! Tôi không biết mình giống ai mà da không trắng như chị, như mẹ, như hình cha trên kia. Tóc tôi lại quăn chứ không thẳng như dây đàn... Tôi ngồi trông chị tôi thức dậy để hỏi chị xem : Em là ai ?

Chị tôi nằm sốt mê man trên giường rất lâu, lúc thức dậy u ơ gọi mẹ, «Mẹ ơi ! Con muốn uống nước...»

Tôi đi lấy cho chị tôi ly nước. Chị uống một hơi dài, không kể gì đến nước chảy tràn trên áo chị. Sau đó chị tỉnh lại. Tôi nói, «đưa ly em dẹp cho.» Chị cười mệt mỏi nhưng rất hiền. Chị kéo tay tôi lại giường, bảo tôi ngồi bên chị.

Chúng tôi ngồi nhìn ra khung cửa sổ là tàn cây vú sữa lớn bên nhà hàng xóm, gió mơn man những chiếc lá hai màu thật kỳ diệu, hồi nó trưng ra màu xanh thì xanh hết bầu trời qua khung cửa nhỏ; nhưng khi lọn gió quật lại thì toàn bộ đổi màu đỏ tím, lấp lánh nắng trên lớp lông bạc của lá. Tôi cười thành tiếng, nhưng chị tôi lại khóc !

Tôi hỏi, «Chị Hai đau lắm hả ?»

Hai tay chị nóng bừng khi nắm hai tay tôi lạnh ngắt, chị nói với tôi, «Chắc chị chết quá Diệu ơi !»

«Chị Hai bệnh nóng thôi. Mẹ sắp về rồi. Mẹ mua thuốc cho chị uống là hết bệnh. Mẹ hứa mua bánh lột da nữa đó...»

Chúng tôi lại ngồi yên bên nhau, lẹt đẹt vài tiếng pháo rời của trẻ nhỏ trong hẻm. Tôi bảo với chị là tôi rất thích hai viên pháo mà chị nhặt được mấy hôm trước. Hai viên pháo đó, chị đã đốt một cây nhang rồi chỉ cho tôi châm ngòi. Một viên không nổ, nhưng một viên nổ đinh

tai nhức óc, làm tôi sợ. Nhưng sau đó thì tôi thích lắm...

Chắc vậy mà chị tôi khóc lớn, chị tôi nói, «Mấy bữa nữa là Tết rồi. Chị bị bệnh như vầy thì làm sao đi nhặt pháo cho em đốt được...»

«Đâu có sao đâu chị Hai. Em thích đốt pháo. Nhưng không có thì coi người ta đốt cũng được...»

«... Em còn nhỏ, em không biết ! Qua Tết là chị hết 9 tuổi. Chị 10 tuổi. Em hết 5 tuổi mà là 6 tuổi. Chị sợ, nếu bây giờ chị bị bệnh không khỏi. Chị bị chết thì 4 năm sau em chết, tại chị lớn hơn em 4 tuổi.»

Chị khóc lớn lên vì không muốn tôi bị chết. Chị khóc tới lúc mẹ tôi về. Mẹ dỗ chị nín, cho uống thuốc. Mẹ nói chị ngủ đi, mẹ nấu cháo thịt với cà rốt cho chị ăn...

Mẹ nói chữ «thịt» làm hai chị em tôi mừng, vì ít khi chúng tôi được ăn thịt. Đó là lớp bột cuối cùng của cái bánh lột da trong ký ức tôi; lớp bột tiếp giáp với khối nhân đậu xanh nghiền nên thấm ngọt đậu, đường và thơm mùi trứng... là một ngày để nhớ đời vì mẹ thưởng tôi nguyên cái bánh lột da như mẹ hứa cho công tôi đã ở nhà trông chị. Hơn nữa vì tôi ngoan hơn mẹ mong nên mẹ cầm lòng không đặng, móc trong túi áo ra cho luôn tôi một phong pháo chuột, thay vì để thật Tết mới cho,

tức vài hôm nữa...

Không thể nào nói hết vui mừng với phong pháo chuột trong tay tôi. Tôi không nỡ gỡ ra - dù chỉ một viên thôi - để đốt. Nhưng tôi thèm nghe cái tiếng nổ sợ mà thích của pháo chuột. Tôi cứ đưa lên mũi để hít thật sâu, hết hơi này đến hơi khác cái mùi đặc biệt của phong pháo chuột.

Chị tôi dạy, đừng đốt cả phong một lần, uổng lắm. Đưa chị gỡ ra từng viên. Rồi chị lén lén mẹ đang nấu cháo dưới bếp, chị bỏ hết pháo rời vô túi ny-lon. Chị lén rút cây nhang trên kệ thờ, lén lấy bao diêm quẹt... cái gì cũng lén mẹ để cuối cùng chị em tôi ra ngoài hẻm.

Tôi hồi hộp châm đầu cây nhang cháy đỏ vào viên pháo đầu tiên còn chưa xong vì run tay, sợ nổ... Ai ngờ thằng quỷ hàng xóm xớt luôn cả túi ny-lon pháo của tôi ở sau lưng tôi.

Chị tôi đuổi theo nó để đòi lại. Tôi đuổi theo chị tôi, sau khi bừng tỉnh ra mới biết mình đã bị cướp mất túi pháo. Nhưng thằng ác ôn đó không dễ lấy lại được vì nó hung tợn nhất xóm. Dường như không ngày nào không thấy nó đánh lộn với hết đứa này thì đứa khác. Nó chẳng sợ ai hết, người lớn có đánh nó thì nó ném đá vô nhà họ để trả thù, rồi bỏ chạy. Nó không sợ ai hết.

Vậy mà chị Hai tôi đánh lộn với nó để giằng lại túi pháo cho tôi. Cuối cùng là nó đánh chị Hai tôi một trận, mặt mày sưng tím, bầm xanh. Nó với túi pháo của tôi biến mất trước khi mẹ tôi nghe tin và chạy ra ngõ hẻm để cứu chị em tôi.

Nhưng cả người lớn và con nít đều quên ngay chuyện đánh lộn vì túi pháo. Cả đám đông đều hướng về người đàn ông đột ngột xuất hiện. Đó là cha tôi. Người đã chết. Có ảnh thờ từ bao giờ thì tôi không biết. Nhưng đúng là ông ấy đã về.

Mẹ tôi tái mặt, không nói nên lời. Ông thì hỏi qua loa vài người chứng kiến vụ đánh lộn của chị Hai tôi vừa qua... Ông đến nhấc cằm chị tôi lên để xem kỹ gương mặt chị bầm tím, và cũng là xác nhận xem có phải chị chính là con gái của ông không ? !

Thình lình, ông quay qua tôi, sút cho tôi một đá thẳng cẳng.

Tôi chỉ còn nghe được tiếng chửi thề giận dữ của cha tôi. Tiếng chửi làm tê dại hết mọi cảm giác vì tôi quá đau đớn. Tôi không thấy gì nữa, nhưng biết chắc là hai bàn tay nóng ran của chị tôi đang ôm tôi.

Tôi tỉnh dần lại với tiếng khóc của mẹ và chị tôi, thì một trận đòn xối xả khác của cha tôi lại trút lên người tôi...

2.

Từ chiều hôm đó. Gia đình tôi mất hẳn nếp sống bình thường của ba mẹ con. Ngay từ chiều, cha về. Mẹ tôi múc cho chị Hai tôi tô cháo. Mẹ mới múc muỗng đầu tiên, còn đang thổi nguội để đút cho chị tôi ăn. Thì cha đã lườm mắt dữ dằn. Mẹ nói, «nó đang bệnh mà anh». Nhưng một cú đá chớp nhoáng đã dán mẹ tôi vô vách nhà với tô cháo nóng.

Giờ nhớ lại tôi cũng không hiểu sao mẹ tôi lại không chết ngày đó. Hai bàn tay mẹ với một bên gò má chỉ đỏ da vì cháo nóng thôi. Mẹ tôi múc tô cháo khác cho cho chị tôi và bảo chị tự thổi nguội, tự ăn đi.

Chị tôi vừa khóc, vừa múc từng muỗng cháo, thổi nguội. Rồi lần lượt đút cho chị, cho tôi. Mẹ đi dọn dẹp mảnh vỡ của cái tô đã vỡ và cháo đổ. Sau đó, bà xách giỏ đi chợ. Sau nữa là một chiếu nhậu nhiều thịt được mẹ nấu và dọn ra. Tôi cũng không biết bạn bè của cha tôi từ đâu tới mà cứ mỗi lúc một thêm đông. Nhưng tôi nhớ suốt đời hình ảnh ông kề chính con dao mẹ đã xắt thịt cho ông nhậu với bạn bè ông vào cổ mẹ tôi dưới bếp

để bắt mẹ tôi đi mua thêm rượu cho ông nhậu tiếp. Lớp bột mỏng tang như ký ức đầu tiên về cha này không bao giờ tan dù ngậm ướt sũng nước bọt cách mấy cũng không tan...

Bữa nhậu của cha tôi hôm đó không biết khuya tới chừng nào. Nhưng kết thúc là một trận đánh lộn giữa những người nhậu với nhau, làm náo động con hẻm vốn yên lặng của người nghèo thường đi ngủ sớm để dậy sớm. Công an phường đến bắt những người say không chạy trốn được...

Sau đó, cha tôi tự tay dẹp bỏ cái kệ thờ hình ông, bỏ lại vách tường chôm chổm mấy mũi đinh đóng vào vách ván. Tôi không biết ông làm nghề gì, ông ra khỏi nhà khi nào ? Tôi chỉ biết lần nào ông về tới nhà cũng khuya lơ, say khướt. Nhiều lần tôi bị đá khi bất thình lình ông về nhà, sau đó là một trận đòn không nương tay, mà chính tôi, người bị đòn cũng không biết lý do vì sao mình bị đánh hoài. Chỉ nhớ một lần mẹ tôi nói với bà cụ hàng xóm khi mẹ dẫn tôi sang nhà bà để xin dầu cù là xức cho tôi. Mẹ nói, «Trời Phật độ thằng Diệu. Cho nó mọc thêm con mắt sau lưng đó bà ơi. Ba nó về tới đầu hẻm thì trong nhà nó đã trốn mất biệt. Nhưng Trời Phật hôm nay đi đâu mà bỏ thằng nhỏ, ...» Trận đó tôi bị đánh tưởng lọt một con mắt ra ngoài, máu mũi

tèm lem trên mặt và quần áo. Chị tôi cũng bầm mình vì chen vào giữa cha tôi với tôi để chịu bớt đòn cho tôi. Còn lưng mẹ tôi thì không bao giờ hết vết bầm vì cha tôi đạp khi mẹ ôm tôi vào lòng để hứng đòn thay...

Nhà tôi vốn nghèo thì bây giờ buồn thảm hơn với nỗi lo riêng của mỗi người trong nhà. Điều tôi biết chắc ở tuổi đó là từ hôm cha về, ông ấy đã lấy hết tiền của mẹ hàng đêm, nên chị em tôi không còn đủ cơm ăn cho no bụng. Ngay tiền điện hàng tháng mẹ cũng không còn tiền để đóng nên nhà bị cắt điện. Mẹ tôi phải nhờ người câu điện từ nhà ông Hai, đâu lưng với nhà tôi, và cả nhà chỉ được thắp sáng với một bóng đèn duy nhất, cho chị Hai tôi học bài. Ông Hai cũng không lấy tiền điện của mẹ tôi.

Đêm nào cũng bắt đầu từ tiếng chửi thề của cha tôi rõ dần trên con hẻm tối. Đó là âm thanh báo động cho tôi đi trốn. Tôi còn nhớ cuối cùng nhà tôi là hàng rào kẽm gai, cặm trên con mương nước chảy. Chính ông Hai ở ngôi nhà đâu lưng với nhà tôi đã vạch ở hàng rào ra một lỗ chó và che đậy sơ sài bằng tàu lá chuối khô. Ông chừa đường cho tôi thoát hiểm sang chuồng heo nhà ông khi bị cha tôi đánh tới đường cùng. Nhưng ông Hai không nói ra bao giờ vì sợ cha tôi gây rắc rối cho gia đình ông.

Cha tôi chửi thề với đám chó sủa, đệm tiếng khạc nhổ của ông trên con hẻm quanh co. Cuối cùng là đá cửa nhà để ào vào bên trong - thộp cổ tôi - và đánh túi bụi... Nếu tôi tránh né được trận đòn nào thì trận đó trút lên mẹ tôi vì tội che dấu - thằng quỷ nhỏ đó đâu rồi ? Trận đòn sẽ nặng hay nhẹ tùy vào tiền trong túi mẹ tôi có được để đưa cho cha.

Rồi tết lại về. Sau này tôi mới nghĩ đến chuyện không biết sao ba mẹ con tôi lại sống sót qua thêm một năm. Tiếng pháo lẻ của trẻ nhỏ ngoài hẻm lại lẹt đẹt, thôi thúc lòng tôi mơ ước được cầm cây nhang, châm vào ngòi viên pháo chuột. Xì, xì... rồi «đoành» một tiếng nhỏ nhoi như đúng tên «pháo chuột». Nhưng điều ấy đã nằm ngoài ước mơ của tôi, từ cha tôi về.

Để rồi một đêm giáp tết năm ấy. Cha tôi về nhà. Dĩ nhiên là hơi rượu vào nhà trước ông. Nhưng ông không nhìn quanh xem tôi đâu để tra tấn. Ông lại tay xách nách mang... «quà» !

Bao nhiêu, không phải là hận thù hay oán giận vì tuổi đó tôi đâu biết hận thù hay oán giận là gì ? Chỉ biết ai thích thì gần, ai không thích mình thì ráng tránh để khỏi ăn đòn. Tôi cũng muốn có cha như những đứa khác trong xóm tôi lắm. Nên tôi rất mừng cha về nhà mà không quét hai con mắt đỏ một vòng để tìm tôi, lại

có quà nữa chứ ! Chỉ có ngọn đèn câu từ nhà ông Hai không vui cha về, nó leo loét, ảm đạm... Ánh đèn vàng bệt gương mặt mẹ tôi đã mở được nụ cười khi cha tôi hỏi tôi đâu - và tôi trong gầm giường chui ra.

Chị tôi được áo đầm mới mà cha tôi đã mua đồ cũ ở đâu thì không biết ! Tôi cũng được quần sọc; áo sơ-mi... Lại còn có vịt quay, bánh mì, lạc lõng trong căn nhà thơm lừng tiếng chửi thề đã quen.

Đêm đó, cha tôi quyết định bán tôi cho gia đình anh Hiếu - vì tôi là con lai.

3.

Tôi qua sống bên nhà anh Hiếu, từ Tết tôi lên 7 tuổi. Cuộc đời chỉ cách nhau một com hẻm mà thay đổi ngoài tưởng tượng - giờ tôi đã được ăn no, được đi học. Cha mẹ anh Hiếu tử tế với tôi theo tiến triển của hồ sơ con lai. Hễ có tin tốt gì về giấy tờ bảo lãnh là tôi được đi hớt tóc, về nhà ăn ngon, mặc quần áo mới. Đặc biệt là được đi giày. Tôi thích mang đôi giày tây da đen, bóng loáng. Đôi giày làm cho tôi thấy mình rất quan trọng. Dù tôi không biết mình quan trọng về điều gì, việc gì ? Tôi chỉ biết là mình rất quan trọng khi mang đôi giày tây đen bóng, đi tới đi lui trong con hẻm, giẫm thật mạnh chân lên hòn sỏi đá nào tôi thấy, vì không đau chân như

những lúc đi chân không, hay mang dép cũ trước đó. Dù sao tôi cũng nhớ ơn ông bà đã cho tôi dám suy nghĩ là mình rất quan trọng, sau khi cho tôi ăn no, và được đi học.

Trong nhà chỉ anh Hiếu không thích tôi, anh vặn tai tôi khi anh tức giận - chuyện gì thì chỉ có anh biết ! Nhưng chị Thảo, là em kế anh Hiếu, chị Thảo lớn hơn chị Hai tôi 3 tuổi, là người tôi mang lòng biết ơn mãi cho đến chết. Chị Thảo luôn nhường phần thức ăn của chị cho tôi, chị chỉ ăn qua bữa với chút nước mắm, nước tương, vài lát dưa leo... còn miếng thịt, miếng chả trứng, hay cái lạp xưởng, chị lén cho tôi vì biết tôi có sẵn giấy báo trong người. Tôi luôn gói phần thức ăn của mình lại, chỉ ăn cơm no là đã ngon. Sau những bữa cơm bên nhà anh Hiếu, tôi lén chạy ù về nhà, đưa gói giấy báo cho chị Hai tôi ăn. Chị Thảo biết được tôi nhường phần tôi cho chị Hai tôi, nên chị nhường phần chị cho tôi.

Tôi không bao giờ quên một lần, tôi gói về cho chị Hai tôi nguyên miếng sườn nướng, cái lạp xưởng tươi - là hai món tôi thích nhất vì chưa được ăn bao giờ. Các món này tôi cũng chưa từng được ăn bên nhà anh Hiếu - dù là nhà bán cơm tấm bì sườn chả. Chả là trước đó tôi đã kể với chị Thảo là em chưa từng ăn, nhưng chị dặn

em đừng ăn trộm - thì làm sao em có được ?

Thế là chị Thảo trộm miếng sườn và cái lạp xưởng cho tôi. Nhưng tôi chỉ lén ra sau nhà chút xíu rồi trở vô nói láo với chị là em ăn rồi ! Tôi gói giấy báo miếng sườn nướng thơm tới trong mơ, cái lạp xưởng đỏ au, xì xèo mỡ chảy; chạy u về nhà đưa cho chị Hai tôi. Chị Hai hỏi : «Sao em không ăn đi ?»

Tôi nói, «... Chị Hai ăn đi. Bên đó, chị Thảo cho em muốn ăn bao nhiêu thì ăn. Bây giờ, em ngán luôn rồi !»

Chị Hai tôi nói, «Ngon quá hen. Thơm quá chừng. Chắc là ngon lắm !...» Chị đưa lên mũi hít hà cho đã thèm... rồi gói lại để dành cho cha.

Nếu chị để dành cho mẹ thì chắc tôi đã không nhớ miếng sườn với cái lạp xưởng đó, nó như lớp bột bánh lột da đã bị rớt xuống đất, nhặt lên bỏ miệng nhám xàm cát bụi. Lại làm tôi nhớ những đồng tiền bán ve chai thứ gì nhặt được của chị Hai cũng bị cha tôi đập ống heo để đi mua rượu khi ông có đánh mẹ tôi chết cũng không ra tiền.

Đó là thời gian tôi đã sống bên nhà anh Hiếu, chị Thảo. Cha không đánh tôi được nữa, cũng không làm tiền cha mẹ anh Hiếu được vì em trai của mẹ anh Hiếu

là trưởng công an phường. Cha chỉ còn chửi thề, giận dữ khi bất chợt thấy tôi. Nhưng tôi chỉ thấy mẹ tôi không bao giờ hết vết bầm trên mặt; tôi thấy mẹ tôi qua nhà anh Hiếu mỗi ngày, vì công việc. Nhưng khi tôi tình cờ nghe ông bà nói chuyện với nhau về việc mẹ tôi hỏi mượn tiền của ông bà, tôi biết là cha tôi bắt mẹ tôi hỏi mượn tiền. Tôi không biết một cây vàng là bao nhiêu tiền, giá trị của ba cây vàng là bao nhiêu... thậm chí vàng là gì tôi cũng chỉ biết là sự tượng trưng cho người giàu có - người đeo nhiều vòng vàng trên người thì gọi là người giàu. Vậy mà tôi nghe được bà nói với ông, «Ông đã thoả thuận với nó (tức cha tôi) là ba cây vàng. Ông đưa thêm bao nhiêu cũng không đủ cho nó uống rượu đâu ! Tiền thay vì đưa cho nó thì chạy giấy tờ cho nhanh hơn có tốt hơn không ?...»

Một cái Tết nữa qua. Tôi đã 8 tuổi, thật sự không hiểu biết nhiều. Nhưng những gì tôi đã nghe, đã thấy, đều còn đọng trong tôi như những lớp bột của bánh lột da mà không ai gỡ tài tình bằng hai bàn tay của chị tôi. Có phải chị tôi đang gỡ đến lớp cha tôi bán tôi được ba cây vàng cho cha mẹ anh Hiếu để gia đình họ làm giấy tờ xuất cảnh diện con lai. Và ông đã uống rượu tới hết một đứa con khi tôi 9 tuổi. Ông bán đến chị Hai tôi, là lớp bột cuối cùng; lớp bột thơm ngon nhất của cái bánh lột da - bị rớt xuống đất.

Đó là bữa tối ăn chè đậu xanh cho mát bên nhà anh Hiếu. Bữa ăn cuối cùng do bà vợ của ông trưởng công an phường nấu đưa qua để gia đình cùng ăn bữa chia tay, sáng mai cả nhà đi xuất cảnh. Chị Thảo múc cho tôi một thố chè và nói với tôi, «Em đem về nhà cho mẹ với chị em đi. Chào mẹ em với chị em cho tử tế nha. Mai mình đi rồi ! Em lén đi nhanh rồi về nhanh nha. Ba mẹ chị không cho em đi đâu...»

Tôi không còn nhỏ, nhưng vẫn không biết nói sao với chị Thảo ! Tôi chỉ nghĩ được từ ngày mai, chị là mẹ tôi, chị Hai tôi, tôi có gì ngon sẽ để dành cho chị. Vì mai tôi đi rồi, không gặp mẹ với chị Hai tôi nữa...

Khi tôi bưng thố chè về tới nhà. Tôi lặng lẽ nhìn qua khe cửa xem có cha tôi trong nhà không đã. Mẹ tôi không biết đi đâu, sao không thấy ! Cha tôi lại không say như thường ngày. Ông đi tới đi lui, ngắm nhìn chị Hai tôi, đã 13 tuổi.

Chị tôi mặc áo đầm mới, đẹp lắm ! Sau đó, ông dắt chị Hai tôi đi. Tôi vào nhà mình như tên ăn trộm, đặt nhanh thố chè lên bàn, rồi chạy lung tung tìm mẹ. Không thấy mẹ tôi đâu ! Tôi phải về nhà anh Hiếu, tìm chị Thảo để nói cho chị biết, ...

Chị lắng nghe tôi xong, chị nói : «Ba mẹ chị biết, sẽ không cho em rời khỏi nhà giờ này vì sáng mai nhà mình đi sớm rồi. Em giả bộ đi ngủ đi. Rồi trốn đi tìm mẹ em. Nhưng phải về nhanh. Chị đợi em.»

Tôi lại trở về nhà mình. Nơi tôi sợ hãi nhất bỗng trở thành nơi tôi không muốn rời xa vì còn mẹ với chị Hai tôi ở đó. Tôi ngồi một mình dưới bóng điện câu, tiếng pháo chuột lẹt đẹt ngoài hẻm. Chín tuổi đâu đã hết thích đốt pháo chuột nên tôi tìm quanh trong nhà xem chị tôi có nhặt được pháo lép đâu đó và để dành cho tôi. Tôi mừng và thương chị tôi lắm ! Chị mua cả phong pháo chuột bằng tiền bán ve chai những thứ chị nhặt được. Phong pháo được gói giấy báo cẩn thận cho đừng bị ẩm, rồi giấu ở chỗ chị em tôi thường giấu những thứ không muốn cho mẹ biết là cái rương đựng quần áo, nhưng toàn thứ vặt vãnh không dùng vì quần áo có đâu dư để cất vào rương.

Tôi muốn đem ra đốt cho đã đời một lần vì sáng mai tôi đi rồi, biết bao giờ mới được về nhà. Nhưng tôi chưa từng làm điều gì khi chưa hỏi xin chị tôi, nên tôi để lại phong pháo chuột vào rương. Tôi biết đó là quà tết mà chị tôi sẽ cho tôi vài hôm nữa. Tôi buồn lắm ! Tôi biết tôi buồn vì chuyện sáng mai tôi đi. Cha mẹ anh Hiếu không cho ai biết vì sợ cha tôi sang làm phiền để làm

tiền. Chỉ riêng chị Thảo nói cho tôi hay để tôi về chào mẹ với chị tôi lần cuối !

Dù thèm đốt pháo, nhưng tôi gói lại, cất vào rương. «Chị ơi !...» Tôi không biết nói gì hơn.

Bỗng tiếng cửa mở, mẹ tôi đã về.

Mẹ bắt quả tang chuyện tôi đang làm. Mẹ nói, «để mấy hôm nữa, tới tết, chị cho rồi hãy đốt. Đừng lấy vậy, con...»

Tôi muốn nói thật cho mẹ biết là mai tôi đi. Nhưng còn lời hứa với chị Thảo là không được nói với bất cứ ai... nên tôi chỉ nói : «Chị Thảo cho mẹ với chị Hai chè đậu xanh nè.»

Lần đầu tiên tôi thấy mẹ tôi đi uốn tóc về. Nhìn mẹ không phải mẹ tôi đầu bù tóc rối nên tôi không thấy đẹp, cũng không nói mẹ xấu để mẹ buồn. Tôi chỉ kể mẹ tôi nghe chuyện cha cho chị Hai mặc áo đầm mới, rồi dẫn chị Hai tôi đi... Tôi lo !

Mẹ tôi chết điếng như hôm cha tôi về lần đầu. Mẹ nói như người lên đồng,

«... Mẹ chết rồi Diệu ơi ! Mẹ chết rồi...»

«Chuyện gì vậy mẹ...»

«Ổng lừa mẹ, cho mẹ tiền đi uốn tóc. Để dắt chị Hai con đi bán. Ổng bán nó đó !»

«Ba bán chị Hai cho ai ?»

«...»

Mẹ tôi không trả lời, bỗng mẹ lao ra khỏi nhà như người điên. Mẹ chạy như ma đuổi trên hẻm tối, ra tới đường lộ. Bà chạy như người mất hồn, giống người bị ma nhập mà tôi thường nghe kể... Mẹ đứng thất thần nhìn người qua đường tấp nập vì cận tết. Hai dòng nước mắt chảy lần đầu trên gương mặt mẹ tôi vì tôi chưa từng thấy mẹ tôi khóc bao giờ. Nhưng mắt mẹ ráo hoảnh khi mẹ nắm hai tay tôi, nhìn thẳng vào mặt tôi : «Con nói cho mẹ biết ! Mẹ đã đoán được việc nhà anh Hiếu sắp đi. Nhưng là chừng nào ?»

Tôi không dám nhìn mặt mẹ mình nữa, vì không nói dối được, mà nói thật !

Giây lát như cơn gió mát rượi về đêm vừa qua đây, làm mẹ tôi tỉnh táo hơn. Mẹ tôi lại nói, «Con hãy nhớ là con với chị Hai con cùng do mẹ sinh ra. Hai con là chị em ruột. Con hãy nhớ những gì mẹ nói...»

Chiếc xích lô đạp táp vô lề đường. Mẹ tôi ngưng nói câu chuyện quan trọng - chưa bao giờ nói với tôi như thế ! Trong khi cha tôi bước xuống xe, ông đỡ chị Hai tôi xuống xe. Hình như chị tôi sắp chết. Khác hẳn lúc chị tươi mới theo cha ra khỏi nhà vào chập tối. Cha thấy mẹ và tôi đứng đó như điều bất ngờ. Ông trả tiền xe cho người đạp xích lô, xong. Quay lại nói mẹ tôi : «... đưa con Hiền về nhà đi. Nó bị bệnh rồi. Tôi phải đi công chuyện chút...»

Ông nói rồi băng qua đường, không ngoái lại. Mẹ tôi đỡ chị Hai tôi như người sắp chết. Mẹ hỏi đến hai, ba lần chị mới nói thều thào; gương mặt thất thần của chị nói ra, «... cha bán con cho ông người Tàu ở khách sạn...»

Mẹ tôi không nói gì thêm, gương mặt mẹ đanh lại, mắt chòng chọc nhìn qua đường, cha tôi đang mua thuốc lá ở xe bán thuốc lề đường nên ông quay lưng về phía chúng tôi.

Mẹ nói tôi, «Con cõng chị Hai con về nhà. Chờ mẹ về...»

Tôi đỡ chị tôi. Người chị mềm nhũn và run sợ. Không tưởng tượng được mẹ tôi có thể nhanh nhẹn đến lạ kỳ, mẹ chộp nhanh con dao xắt thịt của xe bán bánh mì thịt

ở đầu hẻm, rồi băng qua đường như một mũi tên. Mẹ lao vào cha với nhát dao từ sau lưng ông, miệng thét lớn kinh hoàng lời gì đó...

Nhờ người bán thuốc lá la lên nên cha tôi quay lại và tránh được lưỡi dao. Ông không đánh trả, chỉ bỏ chạy. Mẹ tôi rượt đuổi ông một đoạn đường, làm náo động nhiều người trông thấy...

Tôi quyết định bỏ chị Hai ngồi xuống gốc cột đèn một mình để đi giúp mẹ tôi. Nhưng khi tôi thấy lưỡi dao từ tay mẹ tôi phóng theo lưng cha tôi cũng là lúc mẹ tôi lao vào chiếc xe buýt đang cố gắng gấp...

Mẹ tôi nằm trên vũng máu trước đầu xe buýt. Mẹ trút hơi thở cuối cùng sau khi cố gắng nói với tôi, «Mai con đi phải không ?»

«Tôi gật đầu.»

Mẹ tôi cười nhẹ, nụ cười rất tươi. Người khép mắt lại lần cuối...

4.

Chiếc máy bay đã hạ cánh xuống phi trường Tân sơn nhất. Tôi không tin là có ngày mình trở về cái thành phố mà nhiều năm sống trên nước Mỹ, tôi nghĩ mình có

thể đi bất cứ đâu nhưng không bao giờ sẽ trở về đó. Cái đêm kinh hoàng đó tôi bị em trai của mẹ anh Hiếu là trưởng công an phường đã cho người bắt tôi lập tức. Họ đưa tôi vô công an phường qua đêm. Đến tờ mờ sáng thì đưa tôi ra phi trường với lời an ủi là cháu cứ đi bình yên. Mẹ cháu đã được đưa vô bệnh viện, khâu vài mũi vì rách da đầu thôi...

Tôi biết ông ấy nói dối. Mẹ tôi đã chết trước mắt tôi. Và chị tôi sẽ chết ngồi ở gốc cột đèn vì chờ mãi cũng không thấy mẹ và tôi quay lại. Như vậy, tôi còn về thành phố này làm gì ?

Sài gòn là địa ngục của riêng tôi, nhưng rồi tôi đã về chỉ bởi tôi còn người chị sắp chết, về để gặp chị tôi một lần...

Nếu ai nói thì chắc chắn là tôi không tin, nhưng chính chị Thảo bảo với tới tôi, Em hãy về một lần để gặp chị tôi nên tôi bước những bước chân buồn bã ra gặp thân nhân.

Chị tôi. Chị tôi đó ! Mẹ tôi kìa ! Hai người thân của tôi đã hoà thành một sau thời gian xa cách. Cả cháu gái tôi nữa. Không cần giới thiệu vì nó rất giống chị tôi khi xưa. Còn người đàn ông đứng làm trụ cột cho chị tôi dựa vào ông thì phải là anh rể tôi ! Ông cao ráo, đẹp

trai. Gương mặt trí thức và hiền, không đầy sát khí như cha tôi khi xưa !

Tôi yêu gia đình chị tôi quá, và lòng tôi tràn trề hối hận...

Tôi muốn được về nhà. Anh rể tôi lái xe, cháu gái tôi ngồi sau lưng cậu, thỉnh thoảng nó chồm lên ôm cổ tôi. Hôn cậu hết hơi hít của nó vào mang tai tôi.»Cậu đúng như mẹ con nói, cậu dễ thương hơn con. Con ghét cậu... để trả thù ! - Hì hì...» Nước mắt tôi đầm đìa khi nghe tiếng «cậu» từ miệng con bé có máu mủ của mình trong người nó. Tay tôi thì chéo ra băng sau xe để nắm tay chị tôi từ bao giờ. Bàn tay ngón nhỏ, bóc từng lớp bột của bánh lột da cho em ăn. Chị tôi và tôi không cần cuộc giải phẫu ghép tay nào mà máu chảy thông thường năm tháng đọa đầy, thời gian xa cách, nỗi nhớ khôn nguôi...

Nhà chị tôi là căn biệt thự ở xa trung tâm Sài gòn. Tôi không định hướng được vì 9 tuổi tôi đi - chỉ biết mấy con hẻm loanh quanh ngã tư Phú Nhuận. Nhưng căn biệt thự đơn giản này nói lên sự êm đềm của đời sống gia đình chị tôi - làm tôi càng hối hận về mình. Dù sao, tôi cũng đến được thiên đàng thì lại chìm ngập trong tội lỗi; Trong khi chị tôi ở địa ngục thì lại mò lên tới thiên đàng của hạnh phúc đích thực là một đời sống vợ-chồng-con gái ôm nhau nhiều lần trong ngày

để thay lời cảm ơn nhau. Những cú đá chết người của cha tôi khi xưa đã đẩy mẹ tôi vào đầu xe buýt, đẩy chị tôi vào khủng hoảng tinh thần, đẩy tôi vào kiếp sống của trẻ em đường phố khi hết giá trị lợi dụng. Một chị Thảo không đủ sức cưu mang tôi trên quê nội của chính tôi. Rồi chị Thảo lấy chồng cho tôi mất luôn người thân duy nhất trên nước Mỹ bao la. Thế nhưng chị không quên tôi, dù chị đã có gia đình, chị lại cứu tôi một lần nữa khỏi nhà tù. Từ đó, tôi vô tù lần khác phải giấu chị. Nhưng trời cho chị người chồng mà tôi cũng được hưởng phước người anh. Anh chị vô tù thăm tôi. Anh rể nói, «Em băng đảng chưa bằng anh đâu ! Nhưng anh lìa bỏ hết vì chị Thảo của em. Trong khi em có chị Thảo còn trước anh. Em đừng làm chị em buồn nữa ! Lần này là lần cuối cùng anh chị vô tù thăm em. Anh chị sẽ giúp em làm ăn sau khi ra tù, chứ không vô tù thăm em nữa đâu...»

Tôi làm lại cuộc đời từ những vết sẹo giành giật miếng ăn, chỗ ngủ, với tâm hồn rách nát và lòng thù hận lớn hơn tuổi đời nên tôi còn độc thân. Và độc ác vì đó là câu trả lời của tôi với chị Hai tôi sau nhiều năm xa cách...

Đêm về sau mặt trời lặn ở căn nhà khi xưa của tôi là sự hãi hùng thì nhà chị tôi văng vẳng tiếng mõ tụng kinh của anh rể trên lầu. Tôi ngồi nghe chị tôi kể chuyện,

«... anh rể của em may mắn được sinh ra trong gia đình khá giả nên được ăn học. Khi ra đời lại thành công sớm về sự nghiệp. Tiếng mõ lời kinh là thói quen từ nhỏ trong gia đình anh thôi.»

Anh rể tôi kể, «anh đi thăm một trại phục hồi nhân phẩm của phái nữ mà anh đã giúp họ nhiều tiền để duy trì hoạt động. Không ngờ gặp chị của em. Cô ấy là thiện nguyện viên cũng đến trại để giúp đỡ những người xa chân lỡ bước... Chị em là người mang đôi mắt rất đẹp nhưng quá buồn, thê lương như tận thế trong đôi mắt của chị. Chị em đã làm anh thay đổi !»

Anh rể không phải người thuộc thế giới của tôi. Những u uẩn trong tâm tư anh về đạo đức xã hội, nhân phẩm con người, sự trụy lạc của giới trẻ... là sản phẩm của dư thừa. Chỉ khi bị thiếu hụt như tôi thì người ta mới biết chính xác điều mình cần là no bụng và một chỗ ngủ đủ ấm. Và không ai toại nguyện nên người giàu cũng khóc, làm cho nước mắt người nghèo khô đi. Nói chuyện với anh rể như không may ngồi kế một ông cha hay ông sư trên xe buýt, mà cả hai ông cùng không bị câm hay mình bị điếc cho xong chuyện.

Rồi tôi thức dậy một buổi sáng trong căn biệt thự không định vị được vì từ hôm về đến nay tôi nhất quyết không ra khỏi nhà. Tôi về để gặp chị tôi, trong thành

phố tôi đã thề là không về nữa ! Chị tôi ngồi xe lăn ở một góc vườn, con nhỏ cháu mang tạp dề nấu ăn như bên xứ tây. Nó dọn bữa ăn sáng ngoài vườn do chính tay nó nấu. Con bé đã bị ghiền hôn gò má cậu làm mẹ nó ghen tức là chính mẹ chưa từng hôn cậu của con...

Nó tràn trề sức sống, làm tương phản nỗi biệt ly của chị tôi. Nó như miếng tròng đỏ trứng trong cái bánh lột da mà xưa chị tôi thường nhường cho tôi. Sao giờ tôi lại thèm nghe lại lời anh rể như đậu xanh nghiền bao quanh miếng trứng đã đủ ngon ngọt một đời,

«... may mắn bao giờ cũng thuộc về anh vì anh đi tìm xui xẻo. Anh cưới chị em trong chống đối của gia đình thì được chị em đồng ý lời cầu hôn của anh. Tiếp theo nan giải là chị của em bị chứng bệnh mà anh nghĩ là khoa học Mỹ hôm nay cũng chưa có câu trả lời về căn bệnh không thể thụ thai tự nhiên vì người nữ khiếp sợ sự giao hợp. Anh nghe ông bác sĩ phụ sản bên Singapore cho biết xong. Anh nghĩ ngay tới thụ tinh nhân tạo. Và trời lại cho anh, coi như cái trứng cuối cùng của chị em còn khả năng thụ tinh ra con bé Ni đã được lấy ra kịp thời để có nó...

Một người luôn được may mắn đứng về phía mình như anh thường khổ tâm trước bất hạnh của người khác vì may mắn và kém may mắn như cái đồng hồ cát. May

mắn đổ về mình bao nhiêu là bấy nhiêu mất mát của người khác... anh nghĩ vậy nên rộng tay cứu tế, cứu bần...»

Thì ra cháu tôi là con nhỏ ống nghiệm nên nó không có sự trong sáng vô hồn thường thấy trong mắt của tiểu thơ nhà giàu. Mắt nó long lanh con gái nhưng lắng đọng muộn phiền từ người cha và khổ tâm của mẹ, làm cho chúng trở thành bí hiểm từ khi còn quá trẻ. Tình máu mủ thức giấc trong tôi sau nhiều năm cơm đường ngủ bụi...

Chính nó dẫn tôi đi xem «gia tài của mẹ» sau bữa ăn sáng nó trổ tài. Trong hộc tủ bên giường ngủ của chị tôi chỉ một cuốn sổ tay đã ố màu thời gian, giở ra đau lòng với nhạt nhòa ngày chết của mẹ tôi - trước hôm tôi đi một ngày, mấy số điện thoại mà nhìn qua tôi đã biết là số điện thoại của chị Thảo theo thời gian. Thì ra chị Hai tôi vẫn liên lạc với chị Thảo, để biết tôi vào tù ra khám. Nhưng tôi có con đường nào đi khi bị vứt ra đường với tâm can rách nát của trẻ mồ côi trên nước Mỹ. Hoàn cảnh không phải là cứu cánh vì tôi vẫn có bạn bè như tôi đã thành công; chỉ là tôi trong số đông còn lại thiếu may mắn; cái đồng hồ cát của anh rẻ cứ càn khôn tôi về phía rỗng nên còn mãi bơ vơ...

Và ngày tháng sau cùng trong cuốn sổ tay, nét mực còn mới nguyên là ngày người cha bất hạnh của chúng tôi đã chết ! Cháu tôi dùng từ «bất hạnh» khi nói về ông ngoại cũng là chuyện lạ. Nó cho tôi biết, «chuyện về bà ngoại và cậu là kho báu của mẹ. Con bảo đảm cậu cũng không biết nhiều bằng con vì mẹ chỉ kể cho một mình con nghe. Nhưng từ khi ông ngoại mất, mẹ con chôn theo kho báu của mẹ luôn rồi. Cậu đừng hỏi gì cho mẹ con làm mệt đó ! Mẹ con đang mang bệnh không có toa thuốc vì người cứ cạn dần năng lượng để sống. Dù không ung thư hay bệnh di truyền bất trị gì. Mẹ con sống với năng lượng hao mòn - không gì bù đắp nổi. Đó là lý do ba con tụng kinh mỗi ngày để cầu an cho mẹ con...»

Vậy, tôi là ai ? Câu hỏi từ hôm ngồi chờ chị tôi thức dậy để hỏi, «Em là ai» có lẽ đó là bí mật đến khi tôi chết phải mang theo để hỏi sao trời hay biển rộng khởi thủy ra mình.

Mai tôi đi. Hy vọng không như lần trước là không hy vọng ngày trở về vì còn con nhỏ cháu như báu vật của gia đình còn sót lại mà tôi phải quan tâm. Có lẽ chị tôi đã hài lòng với tiếng cười trẻ lại của tôi như ngày xưa còn bé bên chị, nhưng là đang chơi đùa với cháu gái của tôi. Chị ngồi xe lăn khi mệt mỏi trong mình, nhưng mắt

cười cậu cháu con Ni đang chơi những trò ngỗ nghịch như xưa chị với tôi. Chị tôi thật hạnh phúc trong tiếng gọi yếu ớt, «Cậu nó ơi ! Vào đây chị cho cái này nè...»

Cậu cháu tôi chạy lại hàng hiên chị tôi đang ngồi. Chị lần trong mép nệm chiếc xe lăn, lấy ra cho tôi gói giấy báo đã sờn năm tháng.»Của em nè. Trả công chị giữ cho em là phải thương cháu Ni như mẹ thương chị em mình. Biết không ?»

Tôi mở ra là phong pháo chuột mà tôi đã thấy trong rương quần áo năm xưa. Chị vẫn giữ cho tôi tuổi nhỏ cay đắng ngọt ngào. Tôi bật khóc lần đầu trong đời phiêu bạt.

Ghi chú của tác giả.

Ghi theo lời kể của nhân vật «Diệu» trong truyện. Những chi tiết lược bỏ theo yêu cầu người kể không muốn viết ra, nhưng đồng ý cho ghi chú như sau :

* Cha mẹ anh là hai sinh viên đại học trước 1975. Họ yêu nhau, và có chị Hai của anh khi còn đi học nên hai gia đình không chấp nhận. Người bạn trai trong chuyện tình đó đã thôi học để lo mưu sinh cho hai người. Chính ông đã mua căn nhà mà hai chị em của anh Diệu đã sống thời thơ ấu.

* Chị Hai (tên Hiền) của anh sanh năm 1970. Nhưng năm 1972, người cha của cô Hiền đã tự lập bàn thờ cho mình; dặn vợ trả lời khi Cảnh sát quốc gia đến nhà hỏi thì cứ nói là ông chết rồi. Ông vô bưng theo Việt cộng.

* Vì kế sinh nhai của hai mẹ con sau khi người chồng thoát ly nhưng không chu cấp được đời sống cho vợ con như ông hứa, mẹ của anh Diệu đi làm Sở Mỹ. Rồi bà có anh là con của một quân nhân Hoa Kỳ. Anh Diệu sinh năm 1974.

* Sau 30 tháng 04 năm 1975. Người chồng của mẹ anh trở về. Nhưng ông không về nhà để nhìn nhận vợ con vì những bất lợi cho ông. Cả hai gia đình đó, trong lý lịch của ông, đều dính líu đến chính quyền cũ - tức chính phủ VNCH.

Vì thế, ông không về nhìn nhận vợ con để tránh né lý lịch - nhằm dễ tiến thân trong sự nghiệp cách mạng.

* Nhưng thành sự tại thiên. Do ông tranh giành quyền lợi, chức vụ sau khi «cách mạng thành công» nên các đồng chí (là bạn học với ông bà ngày trước) đã không ngần ngại tố giác việc ông có vợ là con nhà Ngụy, có con riêng nhưng không khai báo vợ con trong lý lịch cá nhân. Thậm tệ nhất là người vợ sinh viên của ông (trước 1975) lại có đứa con lai Mỹ trong thời gian ông

đi kháng chiến...

Cuối cùng, ông bị khai trừ ra khỏi đảng vì tội khai man lý lịch. Dĩ nhiên là mất hết chức vụ, quyền lợi. Ông trở về mái xưa với lòng hận thù (đặc biệt là cậu bé Mỹ lai) đã phá đổ hết sự nghiệp dù man trá của ông.

Phan

## Người Việt & Bệnh Sleep Apnea / Ngủ Ngáy

Chu Tất Tiến

Tác giả là một nhà văn, nhà báo, đồng thời cũng từng là nhà giáo, nhà hoạt động xã hội quen thuộc với sinh hoạt văn hóa truyền thông tại quận Cam. Ông đã góp nhiều bài giá trị và từng nhận giải danh dự viết về nước Mỹ. Sau đây là bài viết mới nhất.

Hồi còn ở Việt Nam, chưa hề nghe nói đến căn bệnh quái này bao giờ ! Sang Mỹ, người mình đi chữa bệnh «ngáy», mới nghe Bác Sĩ cho biết là có bệnh «Sleep Apnea», là căn bệnh liên quan đến «ngáy to».

Nhiều người lên đài, hoặc viết thư hỏi ý kiến về việc người thân «ngáy hãi hùng quá !», cứ y như xe lửa lên đàng. Có trường hợp đặc biệt là một em nhỏ mới 13 tuổi đã ngáy vang nhà, tiếng ngáy của em vang trong phòng làm cả nhà không ngủ được, đành dọn chỗ cho em ngủ tại phòng khách, xa phòng ngủ. Không riêng gì đàn ông ngáy, mà đàn bà cũng ngáy. Mấy đứa con của gia đình ông S. cùng cười : «Bố, Mẹ là một ban đại hòa tấu. Bố thổi Trompet «hừ... hú», mẹ thổi kèn tàu «éc... ọ». Bèn kéo nhau đi khám bác sĩ, thì được bác sĩ cho đi thử tại một Trung Tâm Điều Trị về Ngủ. Ở đấy, y sĩ cho người bệnh nằm ngủ 8 tiếng trong một phòng riêng, rồi

lắp một mặt nạ có cái máy thở vào mặt, từ cái mặt nạ này, mà máy nối kết với một computer ghi chép từng nhịp thở của mình. Buổi sáng, bác sĩ mới cho người bệnh thấy là trong khi ngủ, người bệnh đã ngưng thở bao nhiêu lần, có người bốn, năm chục lần, có người cả trăm lần ! Mắc bệnh này thì mệt lắm vì sẽ bị những ảnh hưởng như sau : Cao máu, Stroke, Nhồi máu cơ tim, tim đập thất nhịp, tiểu đường, trầm cảm, mất hứng thú về «sex», và chết bất thình lình vì não thiếu oxy...

Theo bác sĩ điều trị về bệnh này, thì có hai loại Sleep Apnea :

1- Obstructive sleep apnea (OSA) : Hầu hết những người bị bệnh sleep Apnea rơi vào trường hợp này : đường thông mũi và khí quản bị cản trở, thường là do miếng mô mềm ở phía sau cổ đè xuống khí quản.

2 - Central sleep apnea : Đường thông khí không bị nghẽn, nhưng vì trung tâm não, nơi kiểm soát hệ thống thở không được ổn định. nên óc không ra lệnh cho bắp thịt thở.

Những người có cơ thể như sau rất dễ bị bệnh : Nặng cân, trên 40 tuổi, có cổ bự (cỡ 17 trở lên với đàn ông, và 16 trở lên với phụ nữ), có hàm bự, mũi bự, hoặc xương hàm nhỏ, gia đình có người bị bệnh, hay bị thực

phẩm dội ngược lên miệng, mũi bị lệch, hay bị dị ứng. Thường thì những người này ngáy rất to, và đang ngủ, bỗng bật dậy, há miệng thở gấp như cá mắc cạn.

Để chữa trị bệnh Sleep Apnea này, hiện nay, một phương pháp hay áp dụng nhất là mỗi khi đi ngủ, phải gắn mặt nạ có ống nối liền với một dụng cụ thổi khí Oxy vào mũi. Nhưng phương pháp này có nhiều điều bất tiện, nên người bệnh thường hay bỏ dở chương trình: Oxygen được thổi liên tục vào mũi, khiến cho việc thở ra gặp khó khăn, tiếng máy rù rì bên tai, cũng làm khó ngủ, nhất là những rắc rối đến từ việc lắp máy để thở.

Trong phạm vi bài viết này, dựa trên kinh nghiệm đã học hỏi được từ những bệnh nhân khác, người viết chỉ xin lạm bàn về việc làm giảm âm thanh của tiếng ngáy mà thôi để bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Một số bà vợ đã ly dị chồng vì ông ấy ngáy to quá, vợ không thể ngủ được. Biện pháp nhanh nhất và an toàn nhất, theo các bà vợ Mỹ, là đưa ra ba toà quan lớn, để xin chia tay. Rất nhiều trường hợp vì lỡ ngáy khi ngủ mà các ông mất vợ. Theo dõi chương trình truyền hình «Divorce Court» tức là tòa chuyên xử các vụ ly dị do một bà toà da đen chủ trì, thấy mặt mấy ông chồng ngơ ngác trên màn ảnh sau khi bà tòa phán quyết cho người vợ ly dị, người xem thấy tội nghiệp làm sao ấy ! Chỉ vì

thuốc thang đủ thứ rồi, chỉ vì thử đủ kiểu ngủ rồi, ông chồng thường xuyên ngủ ở phòng khách rồi, nhưng vẫn còn trở ngại cho giấc ngủ của bà vợ. Bởi vì còn những tối phải... gặp nhau nữa chứ ! Những tối ấy, bà vợ lại phải trải qua hai giai đoạn : vui đó rồi buồn đó !»Mây mưa» xong rồi «sấm» dậy ầm ầm ! Riết rồi không thể chịu đựng được, bà vợ đưa ổng ra chốn công đường, làm thủ tục tiễn chân ông «một đi không trở lại». Được phán quyết xong, bà hát ngay : «Lên xe tiễn... anh đi ! Chưa bao giờ... mừng thế !» Nhưng, không rõ tương lai bà có chọn được một ông chồng nào không ngáy không?

Theo thống kê của một tờ báo...»lá cải», thì tỷ lệ ngủ ngáy là : Ngáy như sấm dậy 25%, ngáy như kéo gỗ 42%, ngáy như «hít tô phê» nghĩa là ngáy ro ro đều đều giống như hít thuốc phiện 14%, tổng cộng 81% ! Còn lại tỷ lệ không ngáy rất nhỏ ! Đàn ông ngáy 85%, đàn bà ngáy 72%, con nít ngáy thì ít hơn : 20%, nghĩa là cứ năm đứa con nít ngủ ngon lành, có một đứa ngáy ! Dĩ nhiên, vì cổ họng nhỏ, nên âm thanh ngáy của con nít nghe cũng dễ thương hơn là nghe người lớn ngáy ! Chỉ «rò... re...» nhẹ nhàng, không «gầm... gừ... gừ...» như mấy vị liền ông.

Còn nguyên nhân ngáy ?

Theo một vị chuyên viên chữa trị «ngáy», vẫn lên giảng trên truyền hình, để quảng cáo cho bệnh viện tư của ông, thì nguyên nhân ngáy là do dây thần kinh điều khiển cục thịt dư ở trong cổ bị «tẩu hỏa nhập ma», nên làm cho miếng thịt này rung lên mỗi khi có hơi thở đi qua. Sự rung động này lại cộng hưởng với vòm họng trống thành ra âm thanh. Nói gọn lại, thì miếng thịt tòng teng kia được coi như «sợi dây đàn thịt», vòm họng trống như cái thùng đàn ghi ta, cổ họng như cái ống bễ, từ nơi này, không khí được phổi thụt qua, gõ vào «sợi dây đàn thịt» kia, tạo ra âm thanh. Loại âm thanh «thịt» này lại được khuếch đại lên bởi cái vòm họng trống, và tùy theo cấu trúc của cái lưỡi, của khe răng, và tùy theo khoảng hở của cái miệng to hay nhỏ, (ngủ há mồm), mà âm thanh phát ra bổng hay trầm, dài hay ngắn. Cái miệng lúc đó, hoạt động như cái «xì pích cơ», nghiã là cái loa, dội tiếng vang vào tai người ngủ gần. (May mà hệ thống này chỉ có một loa, «mônô», chứ nếu hai loa, «xì têrêô» thì chắc người vợ hay chồng chết sớm !)

Từ đó mà phương pháp chữa trị của ông là dùng tia laser bắn vào chỗ thần kinh điều khiển ngay cạnh khu vực của «sợi dây đàn thịt» kia, chặn đứng sự rung động lại, thì sẽ hết ngáy. Tuy nhiên, thì hình như kết quả

không bền vững lắm, và có thể có những hiệu ứng phụ, cho nên chưa thấy rầm rộ phổ biến mấy. Người ta sợ rằng tia laser kia mà phóng trúng chỗ thì tốt, phóng trật thì nguy cho mấy cái bắp thịt cổ. Ngoài ra, có thể một thời gian sau, ngáy sẽ tái phát.

Lại thấy một phương pháp khác được quảng cáo trên tivi là xịt thuốc vào cổ họng trước khi ngủ. Loại thuốc này có tên là «Snor» gì gì đó, cứ xịt vài hơi rồi lên giường là yên chí lớn, không sợ vợ hay chồng đá ra khỏi giường hay bị dộng cái gối dầy lên mặt như cái bà quảng cáo cái thứ thuốc đó đã làm. Cũng không biết dùng thuốc xịt mỗi ngày như vậy rồi có gây ra phản ứng phụ hay không, vì theo lý luận thông thường thì bất cứ thuốc gì, dù tốt đến đâu chăng nữa, thần kỳ đến đâu đi nữa, mà cứ dùng ngày này qua ngày khác, năm nọ qua năm kia, thì nhất định sẽ đưa đến kết quả không tốt. Một vị linh mục ở trong tù Cộng Sản, vì dùng quá nhiều «sulfamít» để trị bệnh ngứa, đã qua đời vì gan bị chết sau khi ứ đọng quá nhiều thuốc đó.

Còn việc dùng thuốc kích thích «hormôn» nữ để khỏe mạnh, hết ngáy cũng vẫn còn đang tranh cãi. Có vị khuyên, có vị đừng. Cho nên, dùng thuốc xịt vào cổ họng, theo thiển ý, chỉ dùng nhất thời thôi để tạm thời ngưng cơn ngáy quá xá cỡ lại trong vài trường hợp, chứ

còn dùng mỗi ngày đều đặn như ăn cơm thì coi chừng, sau nhiều năm, có thể toàn bộ mấy cái bắp thịt trong cổ cứng đơ luôn thì hết thuốc chữa ! Há miệng, ngậm mồm đều không được nữa, lúc đó thì đành gia nhập gia đình «Adams family» luôn.

Như vậy thì làm sao chữa được cơn bệnh kinh niên, mãn tính này để đem lại hạnh phúc gia đình ? Không lẽ chịu thua sao ? Dựa vào những kinh nghiệm vừa mới trình bày ở trên, người viết mới suy nghĩ rằng, nếu không có cách trị dứt hẳn căn nguyên của «ngáy», thì tại sao không tìm ra phương pháp làm bớt nghe tiếng ngáy? Ta biết rằng cái vòm miệng là chỗ chứa âm thanh, cái miệng là cái loa, cổ họng là chỗ không khí đi ra đi vào, cò cưa kéo nhị, gây ra âm thanh. Nếu ta bịt cái miệng loa lại, thì âm thanh phát ra sẽ nhỏ đi. Hơn nữa, khi cái chỗ... thông hơi bị bịt lại, gió sẽ không còn lùa ra lùa vào ào ạt như trước, thì «sợi dây đàn thịt» kia sẽ không rung mạnh nữa, nguyên nhân gây ra «ngáy» sẽ bị giảm đi. Vậy, bịt cái loa kia bằng cách nào ? Chỉ cần một cuộn băng keo dán giấy nhỏ, loại bề ngang chừng một xăngtimét (chưa tới nửa inch, chưa bằng một đốt ngón tay), thường thì đựng trong một cái khuôn tròn có lưỡi dao để cắt, có dán giấy màu xanh, bán hà rầm tại Office Depot hay Staples, trên dưới một đôla. Mua về, để bên cạnh giường. Mỗi tối, trước khi đi ngủ, xé ra

một miếng bằng hơn đốt ngón tay, dán... miệng lại, dọc từ trên mũi xuống, cắt ngang qua miệng. Thế là xong ! m thanh, chắc vẫn còn, nhưng không được khuếch đại nữa, nếu có, thì chỉ đều đều như tiếng trẻ ngủ ngáy mà thôi. Lâu dần, cơ thể sẽ quen với tập quán mới, ngủ sẽ khép miệng, vừa lịch sự, đẹp «giai», đẹp «gái», hay đẹp «lão», không còn há mồm toang hoác, ruồi muỗi sẽ không rớt vào miệng, dãi nhớt sẽ không dàn dụa ra ngoài, nhất là bớt ngáy ! Dĩ nhiên, trường hợp âm thanh vẫn rù rù như mèo kêu thì mỗi khi đi ngủ, nên mặc áo cổ lọ, tức là cổ rùa ấy, để cho âm thanh dịu nhẹ đi nữa. Bằng không thì quấn một khăn nhẹ quanh cổ thì âm thanh sẽ bớt hẳn. Nhớ rằng phương pháp này không phải làm cho hết ngáy, nhưng làm giảm âm thanh cho người bên cạnh, đồng thời cũng giúp Chữa Bệnh Ngáy Giật Mình, nghĩa là có người ngáy to quá, «Rồồ» một cái, bỗng giật nẩy mình dậy, hết hồn hết vía. Dán băng keo vào miệng, sẽ hết cảnh này.

Phương pháp này vừa rẻ tiền, (chỉ có một đô la cho cả vài tháng), vừa không có phản ứng phụ, và nhất định mang lại hạnh phúc gia đình cho những cặp có nguy cơ đổ vỡ vì ngáy ! Hơn nữa, nhiều cặp không sống lâu với nhau được vì sau một thời gian, sẽ thấy rằng ban ngày anh complê cà vạt, lịch sự như ông Hoàng Brunê; em thắt đáy lưng ong, điệu đà như nàng «Sê hê

sa rát», nhưng khi ngủ anh (hay em) nằm vật ra một bên, tay chân co quắp, tóc anh bù xù, tóc em rối bù, mặt em không trang điểm, mồm há hốc, trên khóe mép và trên cái gối ngoằn ngoèo những đường trắng trắng... Từ cái miệng há hốc đó mà tiếng sấm phát ra rổn rổn rảng rảng. Có những cái loa lại phát ra âm thanh to nhỏ không chừng, lúc cao lúc thấp, lúc nhặt lúc khoan, khi thì rít lên như còi tàu hoả, khi vỗ về như sóng nước trên nguồn... Ôi ! Ớn lạnh ! Từ đó mà chán nhau. Chưa kể có những người lúc ngủ thì mắt mở trừng trừng, trông như mắt ma trơi trong đêm tối !

Về cách «chống lại» bệnh Sleep Apnea, thì cũng có, nhưng mà khó kiểm chứng được, chỉ xin chỉ cách cho bớt Sleep Apnea khi ngủ, là tập hít thở thật nhiều trước khi đi ngủ.

Đến giờ lên giường thì nằm thẳng, theo kiểu Thiền, và hít sâu, nén hơi (đếm 1, 2, 3) sau đó thở ra cũng cố gắng cho thật dài, càng tập Thở nhiều càng tốt. Có anh bạn đã áp dụng phương pháp dán miệng này từ gần chục năm nay, mà không thấy triệu chứng «đang ngủ, bật dậy và há mồm cố hớp lấy hớp để khi Oxy như cá lên cạn.

Vậy bài viết này mong phục vụ cộng đồng, nếu lỡ mà không ép phê, hoặc gặp phản ứng nào đó, cũng xin thứ tha. Muốn thử thì cứ việc thử, người viết không ép đâu nhé. Để : «lâu rồi, đời người cũng... qua. Xin em, xin em thật thà, xin em, xin em mặn mà...» Nếu lỡ lấy chồng hay vợ ngáy thì xin rộng lượng thứ tha, từ từ tìm cách trị liệu, trước mắt, nên mua một cuộn băng keo... cột đời nhau lại cho dính chắc như sam... Cùng lắm thì đến khi đi ngủ, bật cát sét lên, nghe nhạc hòa tấu nhè nhẹ át đi âm thanh khô khốc kia, không nên ly dị chỉ vì chồng ngáy to...

Chu Tất Tiến

Lưu Ý : Thông báo về lớp Thiền, Khí Công, và Yoga tự trị bệnh : Sau kỳ nghỉ Tết, lớp đã mở lại để phục vụ cộng đồng tại số 10706 Garden Grove Bl, Garden Grove (đối diện xéo với Home Depot) mỗi sáng Chủ nhật từ 8 giờ 15 đến 9 giờ 45. Kính mời quý đồng hương đến tập để bảo vệ sức khỏe. Điện thoại : 714-398-3678.

## Người Đàn Bà Tuổi Ngọ

Huyền Thoại - Thịnh Hương

Tác giả đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ từ 2006. Cư trú và làm việc tại miền Bắc California, cô luôn vui vẻ tiếp tay mọi sinh hoạt bạn hữu. Một số bài viết khác của cô được ký tên Huyền Thoại. Nay hai bút hiệu hợp nhất, thành một tác giả thân quen của sinh hoạt Việt Báo. Sau đây là bài viết mới của cô, trích từ báo xuân Việt Báo Tết Giáp Ngọ 2014.

Không biết có phải vì chị sanh năm con ngựa hay không mà cuộc đời chị lúc nào cũng ôm đồm hết chuyện này sang chuyện khác. Chị là con đầu, và khi cô em thứ hai ra đời, chị đã sáu tuổi, cái tuổi có thể cho mẹ sai vặt. Chẳng hạn như, «Con lấy cho mẹ chai sữa trên bàn», «Con đem cái khăn này treo lên mắc cho mẹ», hay» Con chạy qua nhà dì Bích xin cho mẹ vài củ hành». Đại để là những chuyện nhẹ nhàng mà chị rất thích được mẹ sai. Chị đang tập làm người lớn, vì theo chị, người lớn có uy và ai cũng phải nghe lời.

Rồi mẹ bỗng mắn đẻ, cứ vài ba năm cho chị thêm một đứa em, tổng cộng tất cả tám chị em. Đứa em gái út ra đời là lúc chị bận rộn hơn bao giờ hết.

Chị 16 tuổi, đang học lớp 11, chuẩn bị thi tú tài. Dạo mới có hai ba con, bố mẹ chị còn mướn người làm, với đồng lương công chức hạng trung của bố. Mẹ chỉ ở nhà nuôi con và kiếm chút tiền tiêu vặt bằng cách chơi vài bát hụi nhỏ với bạn bè hoặc bạn đồng sở của bố. Nhưng khi người con thứ năm chào đời thì mẹ cho chị người làm nghỉ việc vì số cung vẫn thế mà số cầu càng ngày càng tăng. Người làm nghỉ, chị phải từ giã mái trường nội trú êm đềm trong thành phố để về nhà phụ mẹ làm việc vặt. Chị đi học bằng xe đạp. Mỗi sáng, trước khi đến trường, chị dậy sớm giặt hai thau quần áo cho cả nhà rồi để đó cho mẹ phơi khi nắng lên. Giặt giũ xong, chị phải bơm đầy hồ nước. Cũng may là nhà chị có giếng nước với chiếc máy bơm nửa ngựa. Nhiều hôm máy bơm trục trặc, chị phải kéo nước bằng tay, mệt lả người. Kéo được một phần tư hồ là đã đến giờ đi học

Chị đi học theo chương trình bán nội trú. Có nghĩa là chị ăn và nghỉ trưa tại trường. Đó cũng là một cố gắng đáng kể của bố mẹ, tránh cho chị phải về nhà ăn trưa rồi lại vội vã trở lại trường trong những ngày mưa to gió lớn hay những hôm nắng hè gay gắt. Buổi tối về nhà, chị cho các em ăn uống, tắm rửa cho những đứa bé trước khi lên gác học bài, chuẩn bị cho năm thi quan trọng. Dù phải làm chuyện nhà mà cuối cùng chị cũng đậu tú tài, dù chỉ đậu bình thứ. Chị vui mừng khi bố

mua cho chị chiếc Honda dame màu xanh, một phần thưởng chị không dám mong đợi. Nhớ lại những lúc còn đi xe đạp, gấu quần chị hay bị xích xe nghiến, rách te tua. Mẹ bảo chị phải lấy dây thun cột hai ống quần lại. Chị không làm theo lời mẹ vì trông nó dị hợm và... quê mùa làm sao. Mất đi vẻ thanh tao của người con gái có gương mặt... dễ thương. Chị biết chị dễ thương vì nghe mấy người con trai nói với nhau như vậy.

Dòng đời êm đềm trôi... Chị thi đỗ tú tài hai. Chị có vận may trong đường học vấn thi cử. Thi đâu đậu đó, dù không đậu cao như chị muốn. Chị đã có bạn trai đang học năm thứ hai Văn Khoa... Nên chị cũng ghi danh học theo ngành của người yêu. Chiến tranh lúc đó bắt đầu leo thang dữ dội.

Không ngày nào không nghe về những trận giao tranh ghê hồn, những trận pháo kích thảm khốc, và những con số thương vong đáng sợ.

Lúc này Bố đã về hưu. Mẹ sang lại sạp bán tạp hóa ngoài chợ, lợi tức chẳng là bao so với giá sinh hoạt leo thang. Chị buồn khi thấy mẹ ưu tư, bố trầm ngâm. Đứa em gái kế chị đã đến tuổi dậy thì, đã biết thích quần áo đẹp để không thua bạn bè cùng trường cùng xóm. Chị biết đã đến lúc chị phải phụ bố mẹ lo cho đàn em. Chị không muốn học lên cao trong khi bố mẹ phải tính toán

chi li từng đồng. Lòng chị nao nao buồn khi những bữa ăn bắt đầu nhiều rau hơn trước, và những món thịt cá đã bắt đầu thưa dần trong tuần. Gia đình không còn những buổi đi ăn kem dưới phố... Xi nê đã trở thành những trò xa xỉ... Một hôm anh bạn cùng lớp chạy đến tìm chị, cho hay chỗ anh đang làm cần người giỏi tiếng Anh. Chỗ làm của anh là chi nhánh của tòa đại sứ Mỹ tại Sài Gòn, và công việc của anh là một thông dịch viên.

«Có dám đi làm không», bạn chị hỏi, vì thời điểm đó, xã hội không mấy khoan dung với những người đàn bà con gái đi làm sở Mỹ. Người ta nhìn những người đàn bà làm cho Mỹ bằng ánh mắt khinh bạc, làm như ai cũng là gái bán bar hay bồi phòng trá hình... Chị phân vân, chưa dám quyết định, Bạn nhắc nhở, đừng để lâu, rủi họ kiếm được ai khác thì uổng lắm. Lương gấp ba, gấp bốn lần lương giáo sư của bọn mình, đâu có ít.

«Lương gấp ba, gấp bốn lần lương giáo sư» cứ văng vẳng trong đầu chị từ lúc đó. Hèn gì mới đi làm có mấy tháng mà bạn chị đã sắm Vespa Italie mới cáo chỉ ! Buổi chiều, gặp người yêu, chị đem chuyện đi làm ra hỏi. Người yêu nhìn chị nghiêm khắc :

- Ba má anh không thích con gái làm sở Mỹ. Tại sao em không đi dạy học ? Nghề đó ai cũng nể.

Chị buồn bã nghe anh nói. Gia đình anh khá giả, ba má anh có đại bài gạo, làm sao anh hiểu được hoàn cảnh sa sút khó khăn của gia đình chị ? Chị đã 18 tuổi, chẳng biết làm gì ra tiền để giúp đỡ bố mẹ và đàn em 7 đứa. Chị bảo anh :

- Em cũng biết như vậy, nhưng dậy học cũng đâu có ngay được. Còn phải thi cử, chờ đợi lâu la.

Anh dứt khoát :

- Em đừng đi làm cho Mỹ. Anh không thích có vợ làm sở Mỹ.

Buổi tối chị kể chuyện người bạn cho bố mẹ nghe rồi xin ý kiến. Mẹ ngần ngại :

- Người ta cười cho. Mình con nhà tử tế, ai lại đi làm sở Mỹ !

Mẹ thở dài. Xã hội thượng vàng hạ cám, đục trong khó phân biệt, khó giữ gìn. Bố ngập ngừng :

- Nhà mình cũng chưa đến nỗi nào để con phải mang tiếng. Thiên hạ thường vơ đũa cả nắm, con không nên vội vàng. Nhất là con đang quen với Khoa. Sợ người ta khinh mình, không cho nó đi tới.

Bố mẹ thở dài. Chị cũng thở dài. Đêm đó, chị trăn trở rất lâu. Rồi chị quyết định. Chị không thể để bố mẹ vất vả thêm nữa. Với gia cảnh hiện nay, chị nghĩ chị học đến đây kể cũng tạm đủ. Chị phải để phần cho các em, nhất là ba thằng em trai đang tuổi ăn tuổi học. Chị phải nắm lấy cơ hội có một không hai này.

Ba hôm sau, chị tới chi nhánh tòa đại sứ theo tiến cử của người bạn. Chị thi đậu với số điểm cao, cả thi viết lẫn thi vấn đáp. Ông chủ sự thấy chị giỏi tiếng Anh liền cho chị chức vụ bí thư kiêm phiên dịch, với số lương ngoài sự mong đợi của chị lẫn anh bạn. Chưa bao giờ biết sử dụng máy đánh chữ IBM, chị được sở cho đi học đánh máy và hệ thống lưu trữ hồ sơ trong một tháng với lương chính thức. Chị như trên trời rớt xuống, không dám tin vào những chuyên đang đến với mình. Chị bảo bạn :

- Mình có nằm mơ không nhỉ ? Sao tự nhiên có nhiều tiền thế ? Bạn thử nhéo mình xem mình có biết đau hay không ?

Người bạn cười. Bạn không nằm mơ đâu. Nhưng đời là một giấc mơ, một giấc mơ dài với những buồn vui lẫn lộn. Khi tỉnh cơn mơ cũng là lúc mình giã từ tất cả...

Chị chia tay người yêu từ đó... Mối tình đầu của chị đã bị cơn cuồng phong thời đại cuốn ra biển khơi. Chị buồn, rất buồn. Chị gõ phím trên máy đánh chữ như gõ vào quan tài của trái tim mình. Chị thổn thức trong âm thầm. Chị khóc trong đêm đen để bố mẹ và đàn em không ai chứng kiến.

Những đồng tiền chị kiếm được không hoen ố mà sao chất đầy ly tan, đổ vỡ. Chị tìm vui qua những ánh mắt chan hòa hạnh phúc của đàn em khi cùng chị đi mua sắm. Chị ấm lòng khi mẹ hết băn khoăn tính toán những chi tiêu hằng ngày. Chị mãn nguyện khi bố lại được uống những chai bia lạnh, được đi khám bệnh tại bệnh viện Grall như dạo trước. Chị sung sướng nhìn tủ lạnh lại đầy thịt cá như xưa. Chị mất người yêu, nhưng đem lại được nắng ấm trong gia đình mình. Những tia nhìn ảm đạm đã không còn trên gương mặt già nua của bố nữa. Chị vui trong cô đơn. Chị buồn trong tiếng cười.

Rồi tình yêu cũng tìm đến với chị một lần nữa. Anh là một cánh chim trong khung trời lửa đạn. Anh tung cánh gào thét, nhả những làn khói hừng hực thiêu hủy kẻ thù trong lùm cây bụi cỏ. Trong mắt chị, anh là sự oai hùng, là nét ngang tàng và phóng khoáng. Anh đến với chị hồn nhiên, tự tại.

Nhưng chim trời một ngày tháng tư đã gẫy cánh theo vận nước điêu tàn. Con đại bàng mắc bẫy nằm co ro trong cũi với xiềng và xích. Chị phải bỏ nhà bỏ của chạy về ẩn náu trong mái gia đình ruột thịt. Tài sản của chị bị bên thắng cuộc phong tỏa, cho là của cải của nhân dân, nay nhân dân lấy lại. Chị chỉ còn chiếc nhẫn cưới và vòng ngọc trai mang trong người. Nhẫn và vòng, chỉ mấy tháng sau anh đi tù, chị đem ra chợ trời Huỳnh Thúc Kháng bán tống bán tháo cho người chuẩn bị đi Tây với quốc tịch Pháp... Lúc đó chỉ có vàng là còn có giá. Hột xoàn, cẩm thạch hay hạt trai coi như đồ bỏ, bán được là may. Chị đau xót nhìn của cải của mình qua tay người lạ như những thứ đồ chơi rẻ tiền.

Có được ít tiền, chị mon men đứng chợ trời tìm kế sinh nhai. Cuộc đời chị lần đầu tiên nghe chửi thề, nhiếc móc. Chị sống trong cảnh vàng thau lẫn lộn. Bên những người phụ nữ đã từng có thời gian ngồi trên nhung lụa, bên những tiểu thư khuê các nay thành tấm cám tìm đường nuôi cha trong tù. Chị lăn lóc bên những kẻ đá cá lăn dưa, cố né tránh để đừng bị xây xát. Chị nuốt nước mắt ôm vào mình những mảnh áo quần bẩn thỉu hôi hám khi bị công an rượt đuổi bắt bớ. Chị phải đứng đó, cam chịu, vì chị phải kiếm mồi về mớm cho đứa con vừa biết nói sõi. Chị phải gồng mình cam chịu, vì bố chị cần thuốc men cho những cơn đau tim nhức nhối. Chị

phải tiếp tay với mẹ chị trả tiền củi lửa gạo nước điện đùng... Mấy đứa em bị lùa đi học yêu bác yêu đảng. Tối về nhà, mệt nhoài, nghe đám nhỏ nhí nhố «như có bác Hồ trong ngày vui đại thắng», chị bỗng nổi cơn điên, thét lên «Im ngay, im ngay. Tụi mày cầm giao giết tao chết đi rồi hãy hát, hãy hò. Tụi bây vô lương tâm vừa vừa thôi kẻo tao đứt gân máu tao chết tại chỗ cho tụi bây coi»... Đám nhỏ sợ hãi nín thinh. Chị vùi đầu trên gối khóc như khóc cái chết của chính mình.

Nhiều tháng sau ngày anh lên đường «cải tạo» chị cũng chưa biết chính xác chỗ anh và bạn bè anh đang bị giam giữ. Những người vợ tìm nhau hỏi thăm tin tức chồng. Rồi rủ nhau đi tìm, dù chẳng biết chỗ mình tìm có chính xác hay không. Cuối cùng chị cũng tìm được nơi anh bị giam theo sự tiết lộ của mấy người tài xế xe đò. Đó là hai dãy nhà tôn, một doanh trại cũ của quận đội Cộng Hòa ở Phú Lợi tỉnh Bình Dương.

Chị mặc bộ bà ba vá víu, đội nón lá, bế con đến nhà một dân địa phương có lòng. Bà chủ nhà cho chị mượn đôi quang gánh, giả dạng người đi mua giấy báo cũ, đi loanh quanh ngoài hàng rào trại tù. Anh nhận ra chị, vội chạy ra đầu nhà, thảng thốt kêu lên tiếng «em» ngắn gọn. Chị nhìn anh nước mắt lưng tròng mà hai chân vẫn phải đi tới, vì bà chủ nhà căn dặn, đừng dại dột ngừng

chân kẻo người bên trong bị phạt. Chị lưu luyến, quanh đi trở lại hai ba vòng. Anh bên trong lính quýnh đi tới đi lui. Bỗng từ phía vọng gác có người la lối :

- Chị kia ! Chị kia ! Đứng lại !

Chị sợ quá, tim muốn ngừng đập. Chị không sợ cho chị, mà sợ cho anh, không biết những tai vạ gì sắp đổ xuống đầu... Tên vệ binh vác súng chạy đến, quát tháo om sòm, dọa bắn chị nát óc, rồi đem chị giam trong chòm canh. Tên mang quân hàm bốn sao bảo chị nói láo không đúng sách, đi mua sách báo gì mà đi tới đi lui năm ba lượt, mắt láo liên ngó ngược ngó xuôi. Vì chị không thành thật khai báo, họ sẽ giam hai ba ngày chờ điều tra. Nghĩ đến con đang gởi bà chủ nhà, chị lo lắng, không biết người ta có tận tình coi sóc nó hay không. Chị bị giam trong chòi gác cho đến chiều, khi chuyến xe đò cuối cùng về thành phố đã rời bến. Họ thả chị ra lúc đó là cố tình trừng phạt chị. Không còn xe đò, chị long đong khốn khổ kiếm cách về nhà. Bà chủ nhà tốt bụng kiếm cho chị một người xe ôm, đi đường tắt ra ngoài lộ để cho đám vệ binh không nhìn thấy. Xe honda đi trong nương rẫy, hất hai mẹ con chị lên xuống liên tu bất tận trên những mỏm, những mô.

Hình phạt hôm đó không ngăn được lòng thương nhớ của chị dành cho anh. Chị và mấy người bạn thỉnh thoảng đón xe đò đi thăm chồng bằng những ánh mắt từ xa. Những đồng tiền lén lút bay qua hàng rào khi tên quản giáo không lẩn quẩn đâu đó. Mãi mười tháng sau ngày ra đi, anh mới được phép chính thức thăm nuôi. Chị gồng gánh xách mang đem thực phẩm đến giúp anh hồi sức. Những bao quà nặng trĩu anh không được ra nhận. Người ta cho đại diện ra lãnh đem vào để phân phối tới tay người tù. Anh đứng trong hiên xót xa nhìn vợ nhìn con. Bên ngoài chị lưng tròng nước mắt thấy anh ốm yếu gầy còm. Những chuyến đi thăm nuôi của chị kéo dài sáu năm cơ cực. Anh phải di chuyển liên tục, từ Bình Dương đi Kà Tum, Phước Long, Bù gia Mập rồi lại trở về Suối Máu Biên Hòa. Chị và con nối gót theo anh không biết mệt, cùng bạn bè ngủ tại bến xe chờ sắp hàng mua vé lúc hai, ba giờ khuya. Đến nơi còn phải băng rừng, vượt suối trên những chiếc xe thồ cọc cạch, những chuyện xe ôm lắc lư. Chuyện kể về những kẻ tán tận lương tâm giết hại những người vợ trẻ đi thăm chồng không làm chị nản lòng. Chị khấn Chúa cầu Phật cho chị tai qua nạn khỏi. Đấng trên cao động lòng trắc ẩn, đem lại chị những kẻ thiện tâm giàu lòng nhân đức, nên chị luôn luôn đi đến nơi về đến chốn bình an.

Những năm về sau, anh được phép ra nhận quà tận tay. Nhìn anh tả tơi chị nghe lòng mình nhói buốt. Hai vợ chồng trao nhau những tia nhìn đắm đuối nhưng chẳng dám động chạm tay chân trước những con mắt cú vọ xét nét. Phận con người bỗng thấp kém như nô lệ ngàn năm trước. Bao nhieu vất vả cơ cực chỉ đổi được nửa tiếng phù du bên nhau. Chị trở về thành phố tiếp tục ngược xuôi chợ đời, đánh đổi nhan sắc cho nắng mưa để kiếm những bữa ăn khoai nhiều gạo ít cho gia đình và cho những bao quà nặng tình nghĩa cho anh mỗi tháng. Mẹ cũng phải theo chị ra đường bán buôn. Hai người đàn bà, hai thế hệ một gánh nặng chia nhau. Nhiều đêm nhìn con say ngủ chị ước gì hai mẹ con được cùng nhau chắp cánh lên trời. Rũ bỏ mọi phiền muộn, mọi nhọc nhằn. Chị không nhìn thấy tương lai. Chỉ thấy bóng tối mịt mù. Không hy vọng, chẳng mong chờ. Xong ngày nào biết ngày đó. Nhưng chị cũng không có can đảm để chấm dứt tất cả. Sự sống trong nỗi chết vẫn còn một sợi dây vô tình ràng buộc không ai có thể tháo gỡ. Đó phải chăng là bản năng sinh tồn của con người.

Cuối cùng, anh cũng được trở về sau hai lần đổi tiền và bốn, năm lần chuyển trại. Mỗi lần đổi tiền, chị mất thêm một số vốn. Mỗi lần anh chuyển trại, chị già thêm ít tuổi. Vì lo âu sợ hãi những chuyện không may đã xảy đến cho anh.

Nhưng niềm vui đoàn tụ không ở lại với chị lâu hơn vài tháng. Chim đại bàng sổ lồng, sẵn sàng bay ra biển khơi tìm khung trời bao la rộng lớn. Chị hy sinh tìm cách cho chim chắp cánh vươn lên, hy vọng chim có đà về tha con đến tổ. Nhưng hình như số chị không được may mắn trọn vẹn. Bên trời mới thênh thanh, chim lạc đường mất dấu. Hình ảnh chị gầy gò, đen nhẻm vì mưa nắng làm anh không thích nhớ. Anh tìm vui bên người đàn bà mới trong thiên đường chị góp sức trao anh. Chị giận, nhưng cam chịu. Chẳng qua đó là cái số của chị. Ngày xưa lúc cưới chị, biết chị tuổi Ngọ, anh cười âu yếm, «Em là ngựa chứng, anh là nài giỏi». Ngựa chưa trở chứng mà nài đã xuống tay.

Đi xem bói giải sầu, bà thầy bói nói cung Di của chị có sao Thiên Mã, chém chết cũng phải xuất ngoại. Chị nghe vậy, dốc sức kiếm đường ra đi. Và chị ra đi trên mây, không bị biển khơi dậy sóng vùi dập. Còn bao nhiêu vốn, chị để lại hết cho gia đình, ra đi với vài trăm đô dằn túi.

Anh đến tìm chị trơ tráo phân giải. Chị không níu kéo, không phiền hà. Chị bảo anh chị không mong anh trở lại, vì người ta giữ kẻ ở lại, không ai giữ kẻ ra đi. Chị hỏi anh, anh có biết câu ca dao, «Uổng công xúc tép nuôi cò. Cò ăn cho lớn cò dò cò đi» hay không. Anh

nhăn mặt khó chịu thì chị cười, «Chuyện đời thường, và anh cũng thường như thế». Rồi chị mời anh ra khỏi nhà, và ra khỏi đời mẹ con chị từ đó.

Tình yêu từ biệt, chị không tiếc. Tiếc làm chi một mớ chỉ rối. Hận làm gì một kẻ lạt lòng. Chị trả thù anh bằng cách vươn mình đi lên. Lúc còn bên kia biển chị còn đủ sức lo cho mình, cho mọi người. Bây giờ chỉ còn chị và con. Chị tập làm single mom trong một thế giới hoàn toàn xa lạ. Chị vừa đi làm vừa đi học mong lấy được một college degree. Ban đêm chị host cho một nhà hàng sang trọng cạnh bờ biển. Nửa đêm đi xe bus về thấy con còn học, chong đèn chờ mẹ, âu lo. Hai mẹ con nương nhau, như cây leo bám rào, quấn quít từng ngày từng tháng. Chị dè xẻn chắt chiu, mua quần áo ở Ross, Marshall. Sắm mỹ phẩm ở Rite Aid, Walgreens. Thậm chí còn đi Goodwill mua đồ «lâm dố» mà xài. Hai, ba tháng chị ra cửa hàng dịch vụ đóng thùng gởi quà, gởi thuốc về cho gia đình. Mỗi chiếc áo là một hy sinh, mỗi viên thuốc là mỗi nhớ thương chị gởi về cho thân nhân. Trong đầu óc chị vẫn còn hình ảnh những bữa cơm đạm bạc bên quê nhà. Chị xót xa thương cha thiếu thốn, thương mẹ nắng sớm mưa chiều. Chị không trông mong gì ở các em. Xã hội đó không có chỗ cho con nhà ngụy quân ngụy quyền. Chợ trời chưa là nơi dung thân cho kẻ mới lớn nên chị cứ tiếp tục hà hơi,

ngoảnh mặt quay lưng với những cửa hàng đầy hấp dẫn như Macy's, Nordstrom, Bloomingdale... Chị nghèo áo quần nhưng chị giàu tình thương.

Rồi chị cũng ra trường. Ra trường trước con hai năm. Có việc làm mới, hai mẹ con dọn ra thuê nhà ở khu khá để ban đêm đi về không phải hồi hộp ngó trước nhìn sau, dù ngó trước nhìn sau là câu nhật tụng cho bất cứ địa danh nào.

Chị về thăm nhà lần đầu sau bảy năm chắt chiu. Những đồng tiền lúc đó còn có giá nên chị làm được nhiều việc tưởng không bao giờ dám nghĩ dám mong. Chị sửa nhà cửa, sắm đồ nội thất cho đẹp mắt mẹ cha. Mấy đứa em đã lập gia đình, chị cho mỗi người vài ngàn làm vốn. Vài ngàn lúc đó như vài chục ngàn bây giờ, nên ai cũng trầm trồ khen chị giỏi, chị giàu. Họ có biết đâu chị nhịn xài nhịn thèm để đem về cho họ niềm vui. Chị không than vãn kể công, nhưng cho họ biết đồng tiền bên Mỹ không như lá rụng cho mình đến hốt.

Trở về Mỹ chị lại ky ky cóp cóp, lại cắt coupons đi chợ mua đồ để dành mai mốt đem ra dịch vụ tiếp tế trường kỳ. Con có việc làm lương khá, hai mẹ con chung nhau mua nhà trả nợ 30 năm cho biết đá biết vàng. Đến lúc này, hàng gửi về VN đã xưa như chuyện cổ tích. Dịch vụ gởi tiền giao tại nhà đã thay thế những

kiện hàng qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất đóng thuế muốn trào đờm. Chị thấy sung sướng vì không phải khệ nệ vác khiêng, dù đâu đó có tiếng phê bình nọ nọ kia kia. Ai nói gì chị cũng biết, nhưng cha mẹ gia đình mình ai lo nếu mình không rót tiền về tiếp tế. Đôi khi cái khó nó bó cái khôn, biết việc mình làm không là việc khôn việc khéo, nhưng sơ già néo thì đứt dây gia đình.

Những dịp Noel hay tết, chị gởi thiệp về chúc tết gia đình, kèm theo những đồng tiền để mua áo quần, kẹo mứt. Người nhận cứ vô tư nhận mà chẳng hề nghĩ đến chuyện cám ơn. Làm như những đồng tiền, những thùng quà chị gởi là một bổn phận tất nhiên họ không cần thắc mắc chuyện nghĩa ân. Họ chỉ cần trích ra một đô, mấy phút ra bưu điện để tỏ một chút tình mà không ai làm được. Nhiều khi chị tủi thân và ngại ngùng với con cái, nhưng tủi hay ngại cũng chẳng làm chị ngưng làm kẻ yêu một chiều và cho không biết tiếc...

Chị ngán những chuyến bay dài mệt mỏi mỗi lúc trở về, nhưng cha mẹ nay đã già yếu, ra vào bệnh viện như người ta đi chợ. Nên cứ hai ba năm chị lại đóng hành lý ra phi trường về nhà thăm cha me. Mẹ cha còn đó mà không thăm thì khi vắng bóng còn mong nỗi gì. Cho nên chị cứ chăm chỉ bòn mót từng đồng và tiếp tục những chuyến bay dài đăng đẳng.

Những lần trở về gần đây, chị nghiệm ra rằng tình thương em út cho chị đã có nhiều hờ hững. Mấy trăm bạc chị cho chẳng nhằm nhò gì so với thời mở cửa bây giờ. Vài đứa có công ăn việc làm, áp phe áp phúng rộn ràng nhà cửa. Đi xe gắn máy xịn, mang biển số đặc biệt đóng niên liễm cả mấy triệu để giựt le. Con cái đi giày Nike thứ thiệt cả trăm đô, trong khi mẹ con chị bên Mỹ co ro cúm rúm mua hàng on-sale, final sale không thể sale hơn. Đồng tiền chị cho trở nên mất giá, và giá trị của chị giảm theo tỉ lệ ngược lạm phát.

Biết người biết ta, chị chỉ xin cho quà các cháu, chẳng dám giúp cha mẹ chúng nó. Ngày đầu chị về còn em nọ cháu kia. Mấy ngày sau chỉ có cha mẹ và chị hủ hỉ chuyện trò, thỉnh thoảng mới có một hai đứa ghé ngang hỏi nọ hỏi kia cho có lệ. Mẹ bảo chị, «từ nay con lo cho cha mẹ thôi, chứ chúng nó lớn cả rồi, để cho chúng nó tự lo đi «. Hôm chị ra phi trường về Mỹ, có mấy đứa chẳng ghé chào. Chào mà làm gì, tiền thì đã cho rồi, mà cho thì cũng chả đáng là bao.

Chị dặn mẹ, «Tiền con đưa, mẹ cất kỹ phòng lúc đau ốm mà con không về kịp. Xài đến đâu, mẹ đổi ra tiền Việt đến đó, đừng gởi ngân hàng kẻo đang lạm phát, lời lãi không bõ».

Mấy tháng sau, mẹ gọi sang, than thở với chị rằng vợ chồng con Tư mượn tiền mẹ làm vốn buôn bán. Ai ngờ nó mượn tiền cá độ bóng đá, thua sạch sành sanh, bây giờ không có tiền trả. Mẹ hối vợ chồng nó trả bớt cho mẹ xài, thì tụi nó giận lẫy, tết nhất cũng không thấy mặt thằng chồng vô chúc tuổi. Chỉ có con vợ mua cho mẹ vài tấm bánh chưng tỏn mỏn cho có lệ. Tiền của mẹ thì vợ chồng nó không chịu trả, mà cứ lo trả tiền bài bạc cho thằng con lớn. Thằng đó ra đường ăn xài như con nhà đại gia, bán cả Honda, cầm cả đồng hồ. Rồi cho «xã hội đen» giả tới đòi tiền cha mẹ ! Bó tay !

Chị gọi cậu Năm hỏi đầu đuôi tự sự, mới vỡ lẽ là ai cũng chí véo vô tiền chị cho mẹ. Đứa vài ngàn đô, đứa năm bảy trăm. Bây giờ mẹ còn cái bóp trống rỗng, tháng nào cũng trông chị gởi tiền về làm lẽ sống. Chị thở dài ngao ngán. Phải chi có năm bảy gia đình bên này gởi về chu cấp cho một hai gia đình bên đó thì nhẹ thở biết mấy. Đằng này, chỉ có chị, cong lưng mà kéo. Chị buồn lắm, nhưng lại tự an ủi, cái số mình nó vậy. Trời cho mình sanh nhằm năm con ngựa. Ngựa thì phải kéo xe. Chị tự nhủ lòng, khi nào cha qui tiên mẹ bái tổ thì chị sẽ cho ngựa nghỉ, làm một chuyến du lịch dài ngày cho biết đó biết đây.

Bỗng từ ngoài phòng khách, chị nghe tiếng gọi thánh thót của đứa cháu gái, «Grandma, con muốn grandma ra làm ngựa cho con cưỡi !»

Chị mỉm cười. Đúng là chạy trời không khỏi nắng !

Huyền Thoại Thịnh Hương

# Bọn Ma Con Nít Trong Nhà Tôi

ThaiNC

Tác giả đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ năm thứ XII, 2012. Ông tên thật là Nguyễn Cao Thái, sinh năm 1959 tại Huế, vào Saigon 1968, vượt biển đến Mỹ 1979, hiện định cư tại San Jose, CA. Bài viết mới của tác giả tuy không là chuyện nước Mỹ, mà là kỷ niệm về bọn ma con nít trong ngôi nhà cũ và chuyện vượt vượt biển.

Khi mua được căn nhà ở ngoài mặt tiền đường tại SàiGòn, gia đình tôi mừng lắm vì đây là địa điểm thuận tiện để mở cửa tiệm buôn bán cho gia đình, như mở tiệm may, hay một tiệm sách văn hóa phẩm chẳng hạn... Vì những lý do rất thuận lợi trên nên khi mua ba mạ tôi hơi vội vàng, không biết rằng căn nhà đó vốn trước kia là một nhà bảo sinh, sau này họ bỏ, phá đi xây lại ba căn nhà mới, và gia đình tôi đã mua một trong ba căn đó. Người ta đồn rằng nhà tôi ở sẽ bị xui xẻo và thế nào cũng có ma, nhất là ma con nít, vì là nhà bảo sinh làm sao tránh được trẻ sơ sinh bị mất khi chưa kịp chào đời.

Tôi đã lớn lên trong căn nhà đó và xin kể ra đây vài câu chuyện

Thời gian trước khi đi vượt biên tôi hoàn toàn vô công rỗi nghề. Học hành cũng không mà việc làm cũng không nốt, suốt ngày chỉ biết ăn rồi chờ ngày... dông.

Kể ra tuy rảnh rỗi, nhưng cũng không đến nỗi buồn tẻ cho lắm vì bạn bè cùng lứa rất nhiều đứa cùng hoàn cảnh. Hằng ngày chúng tôi tụ hội cà phê cà pháo, đánh cờ, tán dóc giết thời gian chờ thời. Điều duy nhất tôi phải lo lắng đối phó là bị địa phương để ý. Bọn họ biết tôi đang rong chơi lêu lỏng nên đạt giấy kêu tôi phải đi nghĩa vụ quân sự, mà thời ấy tôi biết cở có cha là Ngụy quyền Sài Gòn gộc đang đi học tập cải tạo như tôi lỡ dại nghe lời ngon ngọt trình diện để được trúng tuyển nghĩa vụ quân sự là hết 9/10 sẽ một đường thẳng cánh vô... thanh niên xung phong liền á.

Ban ngày thì tương đối dễ thở. Sáng tôi ra khỏi nhà lang thang tới nhà bạn bè. Hôm nay thằng này, ngày mai thằng khác, không bao giờ ở quá lâu một nhà nhứt định để không nơi nào đủ thời gian để ý. Thỉnh thoảng lắm xui xẻo đang lang thang đâu đó bị công an chặn hỏi thăm sức khoẻ thì đã có thẻ học sinh của thằng em đưa ra là xong. Tôi sài chung giấy tờ của thằng em mới 16 tuổi học lớp 11. Đưa thẻ học sinh của nó ra là an toàn trăm phần trăm.

Kẹt là ban đêm.

Ban ngày tôi phiêu lãng đầu đường xó chợ đâu đâu đi nữa thì tối cũng phải về nhà ăn uống và ngủ chứ. Đâu ai dám chứa chấp thằng thanh niên như tôi ban đêm ! Đây là vấn đề không đơn giản vì tôi không thể lừa được mấy tên phường đội địa phương. Lỡ bị túm là hết đường chối cãi. Tụi nó chung phường chung xóm với tôi từ nhỏ, biết tỏng nhà tôi có hai anh em giống nhau. Gạt ai chứ không thể gạt bọn nó.

Cứ một hay hai tuần tổ dân phố và phường đội lại phối hợp nữa đêm bấm chuông nhà tôi inh ỏi để khám xét hộ khẩu nhất định phải chụp cho được tôi mới cam. Nhưng đã bao nhiêu lần phường đội và công an khu vực vào nhà tôi khám xét không chừa một cái gầm giường, một cái tủ nào mà tụi nó không ngó tới, vậy mà không bao giờ bắt được tôi dù lúc đó tôi ở trong nhà chứ đâu !

Nói cho đúng thì ở trên nóc nhà.

Tôi không rõ các nơi khác ra sao, nhưng chung quanh khu tôi ở nhà nào cũng có một khoảnh nhỏ trên nóc nhà gọi là «sân thượng». Đây là một khoảnh bằng phẳng trên mái nhà để chủ yếu là trời nắng phơi quần áo vậy thôi chứ không có mục đích gì khác. Dĩ nhiên muốn lên sân thượng thì phải có cái thang để leo. Nhà tôi trước

kia cũng có cái thang để lên sân thượng phơi quần áo, nhưng sau vì bị ăn trôm từ nóc nhà này di chuyển sang nóc nhà kia quá dễ dàng lấy mất quần áo mấy lần nên gia đình tôi quyết định không phơi ở trên đó nữa.

Và cái sân thượng này đã trở thành con đường cho tôi lẩn tránh mỗi khi bị xét hộ khẩu.

Mỗi đêm nghe tiếng chuông gọi cửa là tôi dông một mạch lên sân thượng, và từ đó, cũng như mấy tên ăn trộm kia, tôi có thể di chuyển trên nóc nhà sang mấy cái sân thượng nhà hàng xóm một cách dễ dàng như..... một tên trộm thứ thiệt.

Vấn đề là muốn lên sân thượng phải có cái thang leo lên, phải không ? Khi đã lên rồi cái thang to vậy làm sao dấu ? Công an khu vực nè, tổ dân phố nè, phường đội nè, dân phòng nè... đến bốn năm cơ quan xiềng xích của chế độ trong một cái phường nhỏ xíu đâu ngu mà không hỏi cái thang dùng để làm gì ! Muốn an toàn, sau khi tôi leo lên tới nóc sân thượng thì cái thang phải... biến mất, không để cho bọn họ thấy được.

Nan đề ! nan đề !

Nhưng...

Không sao không sao !

Bệnh quỷ sẽ có thuốc tiên.

Tôi là một Hướng Đạo Sinh, các bạn biết chứ, và một trong những kỹ thuật chuyên môn tôi học được là làm một cái thang dây. Tức là loại thang mềm làm bằng hai khúc dây thừng và những thanh gỗ. Cái thang này khi nào cũng treo sẵn tại sân thượng, thỉnh thoảng anh em tôi cũng leo lên nóc nhà hóng mát chơi, nhưng chủ yếu là để sẵn cho tôi tẩu tán mỗi khi bị xét hộ khẩu. Leo lên sân thượng rồi, gỡ cái thang dây cuộn lại mang theo và nhảy sang nóc nhà bên cạnh. Hay muốn chắc chắn hơn thì nhảy sang đến căn thứ ba thứ tư cho hoàn toàn khuất bóng. Phường đội hay công an khu vực nhìn lên cái sân thượng trống vắng đâu có ai ? Dù nghi ngờ cũng không biết làm sao leo lên ?

Một đêm kia tôi đang nằm ngủ trong nhà, bỗng nhiên nằm mơ thấy có thằng nhỏ nào tới nắm chân kéo và la lên rất gấp rút «Anh T. dậy chơi trốn tìm. Dậy chơi đi anh. Mau lên dậy chơi !»

Chuyện ngủ nằm mơ thấy có mấy đứa nhỏ chạy chơi trong nhà, hay nhiều khi bị kéo chân kéo tay rủ chơi là điều mà mấy chị em tôi người nào cũng bị nhiều lần nên đối với tôi rất là thường. Tụi tôi bàn với nhau chắc là nhà mình không chừng có ma con nít như người ta vẫn nghi và đồn đãi thiệt. Có điều lạ là chúng tôi không bao

giờ sợ, mà nhiều khi còn có ý định muốn gặp tụi nhỏ nữa kìa.

Mấy năm trước chị tôi thi Tú Tài bèn rủ thêm vài người bạn tới nhà cầu cơ, định hỏi đề thi. Chị tôi hy vọng là mấy thằng nhỏ trong nhà sẽ lên cho biết đề để học cho trúng bài. Nhưng đọc xong bài thơ cầu cơ lên xong xuôi chờ hoài không thấy thằng nhóc nào cả mà có một... anh ma khác đi ngang thấy cầu cơ bèn nhập vô. Cơ không trả lời đề thi mà cứ khen lấy khen để một người bạn của chị tôi đẹp và muốn làm quen. Cơ nói mới gặp mà Cơ cảm thấy đã... yêu rồi, tý nữa sẽ theo về nhà làm chị ấy hoảng quá xô bàn Cơ chạy vô phòng mạ tôi khóc nức nở vì sợ. Hôm đó mạ tôi phải cho chị mượn sợi dây chuyền có tượng Phật Bà Quan m đeo lên người, và sai tôi đạp xe theo hộ tống chị về nhà, dặn không được để... thằng ma nào theo chị hết nghe chưa. Tôi vâng vâng dạ dạ, nhưng trong lòng nghĩ ma nó theo làm sao con biết được mà cản ?

Vậy đó, mấy thằng nhỏ này đã từng nắm chân tôi rủ dậy chơi đến mấy lần rồi nên đã ăn sâu trong đầu. Nó mới kéo chân là tôi biết mình đang nằm mớ, và như phản xạ không biết là mơ hay thiệt tôi đạp cho một cái và la nó «Chơi chơi cái gì ? Để cho tao ngủ» Nhưng thằng nhỏ lì lợm nhất định kéo thật mạnh đến nổi tôi

phải tỉnh ngủ và ngồi dậy.

Vừa đúng lúc đó chuông nhà vang lên inh ỏi và tiếng đập cửa «Mở cửa. Mở cửa mau lên, xét hộ khẩu».

Chuyện phường đội và tổ dân phố xét nhà tôi đâu có gì lạ, nhưng lần này họ kêu có vẻ gấp rút và dường như biết rõ tôi có nhà đêm nay và nhất định sẽ tóm cho bằng được.

Như thường lệ tôi phóng tới sân thượng có cái thang dây bao giờ cũng treo sẵn. Đợi tôi leo lên rồi mạ tôi bèn xuống mở cửa.

Tôi leo lên sân thượng nóc nhà rồi, bèn chuồn sang mấy căn nhà bên cạnh nằm xuống chờ ám hiệu khi nào xong xuôi mạ tôi sẽ báo cho biết mà xuống.

Nằm ẩn kín rồi, tôi nghe tiếng rộn ràng quá trời, cầu cả 7, 8 người đang tấp nập khám xét trong nhà tôi. Nghe rõ mồn một tên phường đội đang hạch hỏi mạ tôi. Và điều hãi hùng nhất tôi mới khám phá là lúc nảy vội vã đi trốn không hiểu sao tôi... quên cuốn cái thang dây lại dấu, nên nó vẫn còn lòng thòng từ sân thượng nối xuống nhà dưới.

Xong. Định mệnh đã an bài. Chỉ còn nước chờ tụi nó lên túm cổ thôi chứ loanh quanh cũng chỉ chục nóc nhà trống trơn này trốn đâu cho thoát, ngoại trừ cả gan nhảy xuống đường để... gãy giò, rồi cũng bị bắt thôi.

Tôi chỉ biết nằm yên mặc cho số phận.

Vậy đó mà chờ hoài vẫn không thấy ai lên bắt mình.

Một lát sau phường đội kiếm người không có phải đi. Tình hình yên ắng mạ tôi lại ám hiệu cho tôi leo xuống.

Cái thang dây vẫn còn nằm trơ ở đó chớ đâu. Mạ tôi cũng thấy rõ ràng, và tưởng là phen này tôi sẽ bị dính, nhưng không hiểu sao gần một chục mạng mắt như cú vọ khám xét không chừa một kẻ hở trong nhà tôi, và đã đứng ngay bên cạnh cái thang dây, vậy mà không ai hỏi tới một tiếng, như là không thấy gì cả...

Tôi kể lại chuyện đang ngủ bị thằng nhỏ kéo chân dậy cho được. Giờ lại thêm chuyện cái thang dây, tổng hợp các dữ kiện, nhà tôi vốn đã tin lại càng tin hơn, rằng những con ma trong nhà đã che mắt đám phường đội, dân phòng này để tôi được yên thân.....

Sau khi anh em tôi lần lượt vượt biển thành công đến được bến bờ tự do, bèn thừa thắng xông lên dự định cho chị tôi ra đi chuyến kế.

Gia đình tôi bắt liên lạc với một gia đình sui gia quen biết và đáng tin cậy. Họ ở Vũng Tàu và đang định ra đi. Mạ tôi mừng lắm vì thời đó chuyện vượt biên trên biển cả sóng gió, hải tặc... đành tùy số mạng, chủ yếu là ngay từ đầu có kiếm đúng mối tin cậy ra đi hay không đã là vấn đề hóc búa. Người ta lừa gạt nhau như cơm bữa. Cho nên có được chỗ tin cậy như gia đình Sui gia này mạ tôi mừng lắm không suy nghĩ gì hơn

Người liên lạc hẹn sáng mai tới dẫn chị tôi đi. Giấy tờ đi đường họ đã lo đầy đủ. Gia đình tôi chỉ cần chồng đủ vàng là họ dẫn chị tôi đi mà thôi.

Tối đó mạ tôi ngủ, mơ mơ màng màng nghe mấy đứa trẻ nói chuyện như sau

- Ngày mai chị T đi mua vải

- Nhưng mà chị mua vải dỏm. Vải nhuộm. Không phải thiệt.

- Đồ nhuộm đó.

Nói thêm một hồi rồi cả bọn mấy đứa cùng hét lên :

- Chị T mua đồ dỏm. Chị T mua vải nhuộm. Chị T mua đồ dỏm... DỎM DỎM

Mạ tôi nói nghe rõ mồn một bên tai chứ không phải mơ.

Sáng sớm dậy mạ tôi kể lại chuyện cùng mấy chị em bàn bạc, và quyết định... tin tụi nhỏ, hủy bỏ chuyến đi. Khi họ tới, mạ tôi viện cớ chị tôi đau nặng bất ngờ nên không đi được.

Chuyến vượt biên đó quả nhiên đổ bể. Cả nhóm bốn năm chục mạng chủ yếu là người từ Sài Gòn xuống đứng lớ ngớ trên bãi không thấy tàu bè nào tới đón cả mà chỉ thấy chục họng súng của du kích địa phương chờ sẵn đợi mọi người tới đông đủ là tóm trọn gói.

Cả mấy người trong gia đình sui gia cũng bị bắt. Nghe nói người địa phương tổ chức đã «mua bãi» trả tiền xong xuôi sòng phẳng, vậy mà cũng bị bắt như thường. Mấy gia đình kia phải táng gia bại sản, còn mang thân tù tội nữa.

Gia đình tôi may mắn thoát vố đó.....

Đó là câu chuyện vượt biên của chị tôi mà sau này khi bảo lãnh được gia đình sang tới Mỹ mới nghe kể lại.

Nhân đang vui vẻ gia đình sum họp. Mấy chị em tôi ngồi ôn kỷ niệm ngày xưa, về căn nhà mà chúng tôi cùng lớn lên có mấy đứa nhỏ ma trong nhà bao giờ

cũng giúp đỡ gia đình tôi qua khỏi những cơn đại họa. Tôi hỏi rồi sau vụ vượt biên tụi nhỏ có giúp thêm vụ gì khác không. Mạ tôi nói

- Có, có. Vụ ni mới vui

Mạ tôi kể dạo đó Sài Gòn có dịch số đề. Chính phủ mở sổ số bán vé, còn dân mở số đề. Sáng sổ, chiều sổ, ngày nào cũng sổ. Đầu xóm đến cuối xóm đều có ông Huyện bà Huyện ghi đề

Một tối mạ tôi nằm mớ nghe một thằng nhỏ tới nói : bà ơi số 75, số 75 bà ơi...

Mạ tôi vốn không ưa những vụ số đề, cờ bạc này nên không để ý. Đến chiều bỗng dưng cảm thấy nóng ruột bèn kể lại cho nhỏ em tôi nghe và nói nó cầm vài ngàn đi đánh số 75 thử. Em tôi nghe xong tức tốc cạy heo bao nhiêu tiền dành dụm lấy ra hết chạy ù vô xóm kiếm bà ghi đề định làm một cú ăn thua đủ.

Nghe em tôi nói ghi số 75, bà bảo đừng đánh số 75 chắc không ra đâu. Hỏi tại sao. Bà cười nói số này hồi trưa... mới sổ trúng rồi, đời nào ra hai lần giống nhau liên tiếp mà đánh cho uổng tiền.

Em tôi nghe nói tiếc đến muốn xỉu luôn.

Tôi cũng tiếc hùi hụi, ráng hỏi mạ sau đó thằng nhỏ có cho mạ số khác không ?

Mạ tôi nói :

- Tối đó trước khi ngủ tao cầu «Con ơi hôm qua con cho bà số, mà bà... quên đánh. Chừ con cho bà số khác. Bà hứa sáng mai bà đánh liền»

- Rồi nó có cho không ? Tôi hồi hộp

Mạ cười lỏn lẻn

- Không. Chắc hắn giận tao không tin nên hắn đi luôn không cho nữa. Tao cầu thêm mấy ngày không được nên cũng thôi... /.

ThaiNC

# Chú Lính Mỹ Gốc Việt

Phùng Annie Kim

Tác giả là nhà giáo sinh năm 1949, thuộc một gia đình HO tại Westminster, California. Bài Viết Về Nước Mỹ đầu tiên của Bà : «Kock and Me / Vi Trùng Lao và Tôi» trên Việt Báo Online từ ngày 4 Tháng Sáu 2013, hiện có trên 280, 000 lượt người đọc. Sau đây là bài viết mới nhất của tác giả.

Thằng nhỏ đi từ xa trong bộ quân phục, bước đi của nó mạnh mẽ, vững chãi. Bà ngoại và má nó trông đứng trông ngồi từ sáng nay để mong gặp nó. Nó đến gần, bà chạy ra ôm, hun nó tới tấp, nước mắt nước mũi, sụt sà sụt sịt. Bà mếu máo :

- Sao con ốm quá vậy con ? Con đen thui à. Có đói bụng không ? Ngoại có đem đồ ăn cho con nè. Con chào dì Ánh, cậu mợ Phi đi. Có hai em đi thăm con nè. Jasmine, Dustin ra đây ôm anh, hun anh một cái nha.

Má nó đứng sau lưng, bóp hai bờ vai nó nhè nhẹ. Nó quay đầu phía sau cho má nó hun một lúc thật lâu.

Tôi ngồi nhìn thằng nhỏ. Mới ngày nào tôi đến nhà Sophie con gái tôi ở Cali dự sinh nhật đứa cháu ngoại. Lúc đó nó còn bé xí, bây giờ nó là một thanh niên cao

lớn, chững chạc, mặc bộ đồng phục áo trắng quần xanh đen, đội chiếc mũ thuyền có mũi nhọn, đeo phù hiệu trên ngực, giày đen bóng loáng, tôi nhận không ra.

Bà Lụa là thông gia với tôi. Tôi đi thăm con gái ở Dallas. Bà và má nó bay lên Dallas nhờ Phi chở đến San Antonio thăm Eric là đứa đang ngồi trước mặt tôi. Tình cờ gặp bà ở nhà con gái, tôi theo bà và gia đình thằng con rể lái xe mất bốn tiếng đồng hồ đến căn cứ không quân Lackland ở San Antonio. Eric đang được huấn luyện quân sự tại đây. Ngày mai là ngày lễ ra trường, sau đó nó sẽ được đổi đến đơn vị khác để tiếp tục học ngành chuyên môn.

Thằng nhỏ có vẻ mắc cỡ trước mặt người lạ. Nó nghiêng đầu tránh và nói : «Má nhại đừng hun con nữa, That's enough !». Bà nuôi nó từ hồi còn nhỏ cho đến lớn. Sống gần bà nên nó hiểu tiếng Việt. Nó nói tiếng Việt xen lẫn tiếng Mỹ và thích thức ăn Việt Nam.»Má nhại» là «nickname» của bà đọc trại từ chữ «bà ngoại» mà ra. Đám cháu ngoại, và cháu nội kêu «má nhại» riết rồi quen. Bà thích gọi cái tên «má nhại» vì chữ này là chữ của bà «chế» ra để nựng nịu tụi nhỏ.

Bà rờ cái eo bụng nó, lại mếu máo :

- Con ốm quá con ơi ! Họ cho con ăn uống có đầy đủ không con ?»Má nhại» biết con tập cực khổ lắm mà. Con thích cơm chiên, «má nhại» đem cho con ăn nè.»Má nhại» đem thịt kho, giò, chả, thịt chà bông, cá chiên, gỏi cuốn...»Má nhại» có đem thịt bò chiên cho con nữa. Ăn đi con. Ăn hết đi con.

Giống như hầu hết các bà, má Việt Nam khi gặp con cháu, những câu hỏi đầu tiên là «Con ăn gì chưa ? Con có đói không ?» Tình thương của các bà gắn liền với cái... bao tử của con, cháu. Bà lăng xăng với các giỏ thức ăn bà, má nó và con gái tôi làm từ hôm trước để sáng hôm sau mang cho nó ăn và ở chơi với nó trong hai ngày.

Thằng con rể đã đặt trước khách sạn «Air Force Inns» ba phòng trong căn cứ để tiện việc đi lại mỗi phòng 53$. Muốn vào căn cứ phải qua bộ phận kiểm tra an ninh bằng thẻ ID, số an sinh xã hội và cho biết số người đi là bao nhiêu. Các chi tiết này phải ghi danh trước. Khi được chấp thuận, họ gửi một tờ giấy gọi là «guest pass» để ra vào trại. Những người không có «guest pass» phải sắp hàng chờ làm thủ tục xin phép ở «Visitor Center» ngay cổng vào rất mất thì giờ.

Thằng nhỏ ngồi ăn ngon lành. Nó ăn như đã thèm từ lâu lắm. Nhờ má nó và bà ngoại lên thăm, nó có cơ hội ăn xả láng thức ăn Việt Nam, những món nó thích. Món nào ăn cũng khen ngon. Vừa ăn nó vừa kể chuyện về hai tháng «huấn nhục» ở căn cứ huấn luyện các tân binh có tên là «Lackland Air Force Base», căn cứ Không quân Lackland.

Lackland là tên của Thiếu tướng Frank Dorwin Lackland, một trong những người tiên phong trong ngành bay, phục vụ ngành không quân trong thế giới đại chiến thứ hai và có công trong việc xây dựng căn cứ này. Trước năm 1975, đây là nơi huấn luyện căn bản cho các phi công Việt Nam trong thời chiến tranh. Căn cứ này chuyên trách huấn luyện các loại máy bay B52, F4 Phantom, Blackbird... và các loại máy bay quân sự khác. Nó được ví như trung tâm của một cái bánh xe có bảy cái căm, mỗi căm xe là một bộ phận phụ trách một nhiệm vụ thí dụ như bộ phận «802nd Mission Support Group» làm công việc phục vụ và cung cấp các dịch vụ và các sinh hoạt trong quân đội, bộ phận «737th Training Group» làm công việc huấn luyện các phi công chuyên ngành, bộ phận «Defense Language Institute» dạy tiếng Mỹ cho các phi công Đồng minh, bộ phận «Air Force Intelligence, Surveillance and Reconnaissance» chuyên huấn luyện các sĩ quan chỉ huy chiến đấu. (Combatant

commanders), bộ phận «24th Air Force» điều hành và bảo vệ lực lượng không quân của Bộ Quốc phòng, bộ phận «Inter-American Air Force» dạy 37 khóa kỹ thuật bằng tiếng Tây Ban Nha và tiếng Anh cho sinh viên các nước, cuối cùng là bộ phận «37th Training Group» là bộ phận cung cấp kiến thức và huấn luyện về chuyên môn cho các tân binh trong các ngành kỹ thuật và quốc phòng. Họ giúp cho người sinh viên tốt nghiệp có những kỹ năng, kỹ xảo có thể tìm việc làm hoặc đi vào chuyên ngành dễ dàng. Bộ phận này còn phụ trách huấn luyện cho các binh chủng không quân, hải quân, thủy quân lục chiến, đặc biệt nhất là các chú quân khuyển «military walking dog». Đội quân «AFOSI» (Air Force Office of Special Investigations) chuyên điều tra tội phạm như gián điệp, khủng bố cũng được huấn luyện tại đây. Eric là một trong 200 sinh viên được bộ phận này «huấn nhục» trong hai tháng gọi là «Basic Military Training» viết tắt là «BMT», khóa huấn luyện quân sự căn bản.

Cả nhà ăn trưa chung với Eric trong phòng cậu Phi. Lâu ngày gặp nhau, Eric đùa giỡn với Jasmine và Dustin. Hai đứa đè gối và ngồi lên bụng anh Eric. Eric nói cái mình nó bằng sắt tha hồ cho hai đứa nhỏ đánh, đấm, đập, thụi. Một lát hai đứa ngồi thở hồng hộc. Anh Eric nắm bốn bàn tay hai đứa cứng ngắc. Không vùng vẫy được, cả hai mếu máo với «má nhại» anh Eric làm

con đau. Cậu Phi thử nắn hai bắp tay nó. Cậu nói nhờ tập luyện, hai bắp tay nó nở nang như hai bắp chuối hột và cứng như hai khúc gỗ.

Tôi nhìn thằng nhỏ vừa tốt nghiệp trung học nhưng nét mặt ra vẻ một người đàn ông phong trần. Trông nó khỏe mạnh, da rám nắng, tóc húi cua sát da như đầu trọc, thân hình cứng cáp, vai to, ngực nở, eo thon, bắp thịt ở hai cánh tay vồng lên, săn chắc. Eric có nụ cười thật trẻ thơ, khi cười, khuôn mặt nó sáng hẳn lên. Bà ngoại lại gần, xót xa ôm cái bụng hỏi nó :

- Bụng con bây giờ xẹp lép, con mặc quần «size» mấy ?»Má nhại» nhớ «size» cũ của con là 34 ? Con sụt bao nhiêu pound ? Tội nghiệp con, «má nhại» nhớ con quá. Ráng học nghen con. Con chuyển sang trại mới, «má nhại» gửi đồ ăn cho con. Đừng vi phạm kỷ luật nha con.

Thằng nhỏ nhăn mặt hỏi :

- »Má nhại», «Vi phạm kỷ luật» là gì ?» I don't understand it.»

Cậu Phi nó giải thích :

- Là «Don't break the rules». You must be a good guy. Ok ?

Thằng nhỏ này coi bộ thương bà ngoại, nó vỗ vai bà nhè nhẹ :

- «Má nhại», Đừng khóc ! Don't cry ! Con muốn «má nhại cười. Con khỏe mà ! Con mặc quần «size» 29. Con «lose weight»nhưng đâu có sao !»Lose weight» tốt !»Má nhại», «Don't worry about me».»I grow up. I am a big man now.» Nói xong, nó gồng hai bắp tay, hai con chuột căng lên cuồn cuộn như một lực sĩ khoe trước mặt má nó làm bà ngoại phì cười.

Đi lính Mỹ không phải dễ. Yêu cầu trước hết là thể lực. Thằng nhỏ kể những bước đầu tiên vào đời lính của nó là sự tập luyện để có một thân thể khỏe mạnh, dẻo dai thích nghi với hai tháng thử thách cam go và khóa học chuyên môn sắp tới. Nó kể tới đâu bà ngoại chép miệng, xuýt xoa tới đó. Má nó ít nói, nét mặt lúc nào cũng trầm ngâm.

Hai tháng «huấn nhục» hay còn gọi là hai tháng «hành xác»này nhằm mục đích luyện cho các học viên sức chịu đựng bằng những buổi dậy sớm làm vệ sinh cho nhanh rồi tập thể dục. Ăn sáng xong, tùy theo ngày, các huấn luyện viên cho học viên ra bãi tập, tập đi, đứng, tập chạy, tập nhào lộn, tập nhảy cao, tập leo dây, tập leo tường, tập trườn, bò dưới những hàng dây kẽm gai sắc nhọn, tập phóng qua các chướng ngại vật, tập lội qua

những bãi sình lầy, tập hít hơi ngạt... dưới cái nắng và cái nóng gay gắt của thời tiết vùng Texas lúc nào vào khoảng trên 80 độ F. Trời mưa thì mặc trời mưa. Các buổi tập ngoài trời vẫn theo thời khóa biểu quy định. Bệnh thì có bệnh viện, bác sĩ, thuốc men. Mỗi huấn luyện viên phụ trách một nhóm khoảng 50 người. Ăn trưa xong, các học viên được nghỉ ngơi hơn một tiếng đồng hồ. Buổi chiều là những giờ học lý thuyết, ăn tối, sinh hoạt cá nhân rồi lên giường lúc 9 giờ. Tất cả các sinh hoạt ăn, ngủ, học, tập luyện, nghỉ ngơi đều có giờ giấc. Học viên nào trễ hay vi phạm kỷ luật, cả nhóm sẽ bị phạt mất phần ăn trưa.

Nhờ đi lính, thằng nhỏ biết được thế nào là đói. Thằng này, hồi chưa đi lính, bà ngoại kể nó ăn như... hạm và kén ăn. Ở ngoài đời, các cậu ăn uống ngon quen rồi, có khi thừa mứa. Vô trại tập luyện này, khẩu phần ăn đều có tính toán, chỉ đủ về dinh dưỡng cho các cậu có sức khỏe để tập luyện, làm sao ăn ngon như... bà, má nấu ở nhà ? Có thể đây cũng là mục đích cho các cậu có kinh nghiệm kham khổ. Đời lính, có khi phải chiến đấu trong rừng sâu núi thẳm, nhịn ăn hoặc ăn đói là chuyện bình thường. Hồi sáng, tôi nhìn nó ăn thịt thật ngon lành. Nếu cái bao tử còn chứa được, nó còn tiếp tục ăn nữa. Nó kể nó thèm ăn thịt lắm, nhất là thịt bò chiên và phở.

Theo lời Eric kể, thực đơn của các học viên chất bột là chính, gần như ít có thịt. Rau quả, sữa đầy đủ. Ngày chủ nhật mới có phô-mai. Mỗi tháng, tự động trong chương mục ngân hàng của nó có hơn 800$. Số tiền này chính phủ cho. Gọi là «cho» nhưng để các học viên dùng để trang trải các chi phí cá nhân như tiền giặt ủi mỗi tháng 250$ (hèn chi đứa nào quần áo cũng láng cón) tiền ăn mỗi ngày 10$, tính lại chi xài cho cá nhân đâu còn bao nhiêu ? Học viên không được giữ điện thoại cầm tay, không được liên lạc bên ngoài, mỗi tháng được gọi tối đa 15 phút và có thể viết thư cho gia đình. Sau hai tháng huấn luyện sẽ có một kỳ thi, nếu đậu, được ưu tiên chọn chuyên ngành, nếu rớt, họ cho học ngành nào thì phải chịu.

Thằng Eric coi vậy mà gan cùng mình. Đăng ký vô lính, nó chọn ngành... chất nổ và bom mìn. Bởi vậy mẹ và bà ngoại nó khóc hoài. Bà ngoại và mẹ nó khuyên chọn ngành khác an nhàn và ít nguy hiểm hơn nhưng nó nhất định đi theo ngành này. Nhìn bề ngoài trông nó hiền lành, ít nói, đôi khi lạnh lùng nhưng bên trong nó thật là một thằng «tough guy». Tôi nghe nó chọn ngành này mà... giật cả mình !

Ngoài sự huấn luyện về thể chất, học viên tùy theo trình độ, sở thích, kỹ năng chọn lựa các ngành thích hợp. Ngành nào cũng phải học tóe khói, tập bở hơi tai, cuối khóa có kỳ thi tốt nghiệp. Khi ra trường, học viên tùy theo trại có nhu cầu, có thể ở lại học tiếp hoặc thuyên chuyển đến căn cứ khác. Học viên nào ở lại được chọn học trong sáu ngành. Có sáu liên đội chuyên huấn luyện về kỹ thuật (Technical Training Squadrons) để cho các học viên chọn lựa chẳng hạn như liên đội 37th TRG huấn luyện các học viên sau này trở thành những người dạy kỹ thuật hoặc các nhà lãnh đạo, liên đội 341st TRS huấn luyện và đào tạo cho bộ Quốc phòng các «handlers» là những người dẫn chó đi bắt tội phạm hoặc kiểm tra ma túy ở phi trường, liên đội 342nd huấn luyện và đào tạo các «Pararescuemen», những người này nhận các sứ mệnh lớn lao, nguy hiểm và chịu trách nhiệm trước Tổng Thống (chẳng hạn như phối hợp bắt Bin Laden trùm khủng bố).»Pararescuemen» là những người phải biết «mưu sinh thoát hiểm», giỏi các kỹ năng như nhảy dù, lặn sâu, leo núi, lái «snowmobile» (loại xe lái trên tuyết và lướt trên nước). Họ là hình ảnh nhân vật James Bond 007 ở ngoài đời. Họ cứu phi công lâm nạn, xâm nhập vào hang ổ địch, nhảy dù xuống các vùng đất nguy hiểm, cung cấp tin tức chiến lược cho các đơn vị không quân và lục quân định hướng để di chuyển đến các vị

trí chiến đấu.»SERE' là tên gọi các công việc của họ : «Survival, Evasion, Rescue, Escape». Ngoài ra còn có liên đội 343rd huấn luyện và đào tạo các nhân viên an ninh, liên đội 344th TRS huấn luyện các chuyên viên máy móc trong ngành hàng không, bảo trì các loại xe thiết giáp, chuyên chở các trang thiết bị, xử lý các hóa chất độc hại và chất nổ phế thải...

Khởi hành từ 7 giờ nhưng vì kẹt xe nên gia đình đến trễ, không được dự lễ cấp chứng chỉ tốt nghiệp của Eric. Buổi lễ chính thức là buổi lễ ra trường sáng hôm sau. Cả nửa ngày, Eric dẫn gia đình sáu người đi xem căn cứ Lackland.

Phải gọi căn cứ này là một thành phố vì nó rộng lớn quá với diện tích khoảng gần 7000 acres. Lúc đầu chỉ có trại «Kelly Field» là một trại lính nhỏ, chung quanh là vùng đất đầy muỗi mòng, đá và rắn, các phi công dùng vùng đất hoang vu này để tập luyện thả bom và đặt tên nó là «The Hill». Tướng Lackland nhìn thấy đây là vùng đất thuận lợi nên có kế hoạch bành trướng thành một căn cứ huấn luyện quy mô. Căn cứ mang tên Lackland để tưởng niệm công lao này của ông. Từ khi thành lập năm 1941 đến nay, căn cứ này đã huấn luyện cả triệu học viên ra trường. Cư dân sinh sống trong căn cứ có khoảng 7000 người gồm có dân sự và

học viên, 412 đơn vị gia cư, 152 gia đình, lợi tức trung bình khoảng 32. 000 một năm. Thành phần chủng tộc ở đây gồm 65% Mỹ trắng, 20% Mỹ đen, 4% người bản xứ (native American) còn lại là các sắc dân khác.

Lối đi vào trại có hai cổng chính, «Selfridge west gate» ở hướng Tây và «Bergquist gate» ở hướng Đông. Con đường lớn nhất mang tên «Military drive» chạy dài từ Bắc xuống Nam chia căn cứ làm hai «thành phố» nhỏ trong đó có những con đường dọc, ngang như bàn cờ. Có nhiều khách sạn sang trọng như «Mariotte», các phòng trọ «Inns» vừa túi tiền, các bệnh viện, tiệm thuốc, nhà trẻ, nhà hàng, siêu thị, building, sân chơi, hồ bơi, tiệm giặt ủi, hội đua ngựa, nhà thờ trường học, công viên «Lion Park», các trung tâm thương mại (mall), trung tâm thể dục thẩm mỹ (fitness center), trung tâm sinh hoạt cộng đồng (community center)... Vận động trường «Parade Grounds» là nơi sẽ tổ chức lễ ra trường nằm trong khu này. Không xa «thành phố» là các trại lính rộng mênh mông gồm tổng hành dinh «headquarter» nơi chỉ huy các đội huấn luyện và điều hành các hoạt động về quân sự, các tòa building lớn trong đó có đơn vị gìn giữ an ninh, phòng ăn, phòng ngủ, phòng sinh hoạt của các học viên. Gần đó là sở cứu hỏa, phòng giặt, nhà vệ sinh, bãi tập, nhà kho, nhà ở của cư dân làm việc trong căn cứ.

Sau nhiều giờ đi thăm «thành phố» Lackland, đây là lần đầu tiên tôi được nhìn thấy tận mắt một căn cứ quân sự quy mô và tiêu biểu, xứng đáng là một trong những căn cứ lớn nhất ở nước Mỹ với danh hiệu «The Gateway to the Air Force», cửa ngõ đến với Không lực Hoa kỳ.

Đi chơi một vòng thăm trại, ai nấy đều mỏi mệt, trở về nghỉ ngơi, chuẩn bị ăn cơm tối dưới phố.

San Antonio được xem là thành phố du lịch có nhiều phong cảnh đẹp, nhiều di tích lịch sử, có truyền thống văn hóa lâu đời với các lễ hội, diễn hành, tiệc tùng, ca hát... Đây là thành phố đông dân cư lớn thứ bảy ở nước Mỹ 1. 300. 000 ngàn người và thứ hai sau Houston ở Texas. Quảng trường «River Center» là trung tâm sinh hoạt chính lúc nào cũng sầm uất, nhộn nhịp. Các thương hiệu nổi tiếng như «Macy's», «Starbucks», «Victoria Secret's»... đều tập trung tại đây. Có hàng trăm nhà hàng lớn, nhỏ, sang trọng hoặc trung bình với thực đơn truyền thống của Thái, Mễ, Nhật, Mỹ, Ấn Độ. Các cửa hàng buôn bán, phục vụ, giải trí... lúc nào cũng đầy người. Trai thanh nữ tú cặp kè qua lại. Khách du lịch, thân nhân đi thăm học viên đến San Antonio không lúc nào ngớt.

Phong cảnh hữu tình nhất vùng này có lẽ là «Riverwalk», con đường quanh co, khá dài, dành cho người đi bộ, lót gạch hoặc trát xi măng, cây cối xanh tươi, hoa lá đủ màu, sạch sẽ và râm mát. Dọc theo con đường, một bên là sông nước uốn lượn xuôi dòng một bên là những nhà hàng lộ thiên xây trên những dốc cao với những chiếc dù xanh đỏ che nắng xinh xắn.

Gia đình tám người chúng tôi lên một chiếc tàu nhỏ, giá vé khoảng 8 đồng cho mỗi người. Chiếc tàu chở khoảng 20 hành khách chạy dọc theo dòng sông khoảng nửa tiếng đồng hồ. Khách bộ hành vừa đi vừa ngắm những cây cổ thụ tàn lá xum xuê soi bóng bên bờ sông. Khách ngồi trên thuyền, vừa nghe người «tour guide» kể chuyện về lịch sử thành phố, vừa ngắm bầu trời xanh, cây cảnh, nóc nhà thờ, trang trại (ranchos) và những ngôi nhà cổ trên dốc cao. Phong cảnh thật là đẹp và nên thơ. Ban đêm, con đường rực rỡ ánh đèn. Tiếng đàn guitar với điệu nhạc «flamenco» và những bài hát trữ tình bằng tiếng Tây Ban Nha vang lên từ những nhà hàng, hộp đêm. Các ban nhạc «live show» với các nhạc sĩ trình diễn ngoài trời làm cho khu «River Center by night» thật quyến rũ, thơ mộng và sống động.

Theo kinh nghiệm của Eric, nó chọn một nhà hàng Mỹ vừa là một «museum» nhỏ có ưu tiên cho các học

viên tên là «Buckhorn Saloon and Museum». Học viên vào ăn ở nhà hàng này được phát một cái thẻ trong đó các học viên được phép trở về trại lúc mười giờ thay vì tám giờ theo quy định. Nghe Eric nói vậy, ai cũng ngạc nhiên. Thức ăn không có gì đặc biệt, quanh đi quẩn lại là steak, hamburger, taco, salad, chips, sauce... và nước uống vậy mà phải trả 25$ một người. Trẻ em và người lớn cùng giá. Ngoài ăn uống, có những trò chơi đặc biệt bằng kỹ thuật cao tạo ảo giác như làm cho người mình thu nhỏ lại hay tạo bóng mình trên tường... Nhà hàng đông người, khách ra vô nườm nượp, hầu hết là những thân nhân muốn có thêm hai tiếng đồng hồ quý giá với con em mình. Ăn xong, ai cũng tiếc tiền nhưng vui vì có các trò chơi lạ và «lá bùa» thêm hai tiếng đồng hồ đi thăm thành phố San Antonio với Eric.

San Antonio là thành phố đẹp, cổ kính, nhà cửa xinh xắn ảnh hưởng kiến trúc Tây Ban Nha với đường nét hình vòng cung và các hoa văn trang trí tinh xảo. Là thành phố du lịch, mỗi năm thu hút khoảng 26 triệu du khách với những địa danh lịch sử và những thắng cảnh như «Mission Alamo», «River walk», «Sea world», «Six Plags Fiesta»... San Antonio còn là nơi có nhiều căn cứ quân sự nổi tiếng như «Fort Sam Houston», «Lackland Air Force Base», «Randolph Air Force Base»...

Diễn hành tại Lackland Air Force Base.

Gần 10 giờ đêm, khu «River Center» vẫn đông người qua lại. Chúng tôi phải trở về đúng 10 giờ quy định. Eric trở về trại còn gia đình chúng tôi về phòng trọ «Gateway Villa» thuộc «Air Force Inns» gần đó để nghỉ ngơi.

Sáng hôm sau, ăn sáng xong, chúng tôi tập trung đến trạm xe bus gần đó để cùng với các thân nhân lên xe đến «Parade Grounds» là nơi diễn ra cuộc diễn hành. Từ khu «Gateway Villa» là khu nhà trọ đến vận động trường «Parade Grounds» qua nhiều đoạn đường khá xa. Khi chúng tôi đến, vận động trường đã khá đông người. Ai cũng ăn mặc đẹp để chụp hình, đến sớm để có chỗ tốt gần chỗ duyệt binh.

Thân nhân được xếp ngồi theo ngành học của học viên, để lát nữa khi các học viên đi qua, họ sẽ xướng tên các liên đội (squadron), thân nhân sẽ nhìn thấy con em mình diễn hành trong đó. Đây là một thảm cỏ xanh rộng mênh mông có những lối đi bằng xi măng cho người đi bộ. Chung quanh vòng đai sân là bãi đậu xe. Vài chục chiếc máy bay đủ loại, đủ cỡ lớn nhỏ được trưng bày làm cho khung cảnh «Parade Grounds» thêm phần khí thế, biểu dương không lực Hoa Kỳ.

Khán đài là một tòa building lớn dành cho các nhân vật lãnh đạo và các cấp chỉ huy làm lễ ra trường. Trước mặt khán đài là cột cờ. Lá cờ Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ tung bay trước gió cùng với một hàng cờ xí đủ màu của các nước. Mặt trời mọc cao dần. Ánh nắng ban mai lan tỏa trong không gian hứa hẹn một ngày gay gắt của thời tiết vùng Texas vào giữa trưa có khi lên đến 100 độ F. Thân nhân được hướng dẫn không đội nón hay che dù. Họ đã ngồi đầy trên những hàng ghế có mái che như ở trong sân vận động.

Buổi lễ bắt đầu lúc 9 giờ. Mở đầu là lễ chào quốc kỳ và mặc niệm các chiến sĩ tiếp đó là bài diễn văn của vị chỉ huy căn cứ Lackland. Nhìn lá cờ Hoa kỳ tung bay phất phới, lắng nghe từng lời và tiếng nhạc trầm hùng của bài quốc ca, trong giây phút cúi đầu mặc niệm những chiến sĩ Hoa kỳ đã hy sinh, tôi hồi tưởng lại lịch sử dựng nước Hoa kỳ trải qua các cuộc chiến tranh cách mạng giành độc lập «The American Revolutionary War» (1775- 1783), là cuộc chiến tranh giữa Vương Quốc Anh (Kingdom of Great Britain) và nước Hoa kỳ vừa mới thành lập gồm 13 nước thuộc địa. Kế đó là «The Mexican- American War» (1846-1848) cuộc chiến tranh giữa người Mỹ Texans với người Mễ Tây Cơ. Tiếp theo là cuộc nội chiến tương tàn «the Civil War»(1861-1865) giữa hai miền Nam Bắc. Thế giới đại

chiến thứ nhất (1914-1918), Hoa kỳ tham chiến với các nước Đồng minh Anh, Pháp, Nga... đánh tan trục Phát-xít Đức-Ý-Nhật. Tại châu Á, Korean War (1950-1953) là cuộc chiến tranh giữa Nam Hàn do Hoa kỳ ủng hộ chống lại Bắc Hàn do Trung cộng và Nga xô yểm trợ. Năm 1955, chiến tranh Việt Nam giữa hai chủ nghĩa Quốc gia và Cộng sản để rồi kết thúc vào ngày 30 tháng 4 năm 1975. Nghĩ đến đây, lòng tôi không thể quên 38 năm trôi qua mà cứ ngỡ như mới ngày nào.

Ngồi trên khán đài dự lễ ra trường của những người lính Mỹ trong đó có những người gốc là người Việt Nam như thằng Eric, nó đâu có biết gì về đất nước Việt Nam, về chiến tranh Việt Nam, về những người lính Việt Nam Cộng Hòa ?

Loa phát thanh đã vang lên lời giới thiệu buổi diễn hành bắt đầu. Mọi người nhìn thấy từ đàng xa, đội quân nhạc đồng phục trắng, nón trắng với tiếng kèn, trống, tiếng «cymbal» xèng xèng vang lên theo từng nhịp bước. Tiếp theo đó là các tân binh mặc đồng phục áo trắng ngắn tay, quần xanh đen, giày đen, đội mũ thuyền xanh đi theo từng đội.

Hàng đầu là một dãy sáu người cầm cờ mặt hướng về phía trước, các hàng sau là các tân binh tốt nghiệp, tay mặt giơ ngang trán trong tư thế chào, đầu ngước lên

hướng về phía khán đài, chân bước theo nhịp trống và hiệu lệnh của người chỉ huy. Họ đi theo nhịp quân hành, tay đánh nhịp, chân bước đều. Tiếng loa phóng thanh giới thiệu từng liên đội khi đi ngang qua chỗ thân nhân ngồi. Các thân nhân đều đứng lên vỗ tay, huýt sáo, gọi tên, cổ võ tinh thần các tân binh khiến cho bầu không khí thật là phấn khích và náo động.

Buổi lễ chấm dứt. Eric được phép ra gặp thân nhân. Sau khi ra trường, từ nay nó sẽ mặc bộ quân phục này khi đi ra ngoài. Lúc nào tôi cũng thấy bộ quân phục của nó sạch sẽ, thẳng nếp, giày đen bóng loáng. Nó luôn luôn sửa chiếc mũ thuyền cho thẳng thắn, ngay ngắn. Tôi hỏi nó bằng cách nào, nó chỉ cách mắt nhìn thẳng vào ngón tay trỏ dơ lên cao, đặt trước mũi làm trung tâm, đầu nhọn của chiếc mũ hình cái thuyền phải canh sao cho thẳng với ngón tay. Thảo nào thỉnh thoảng thấy nó dơ ngón tay trước mũi.

Cả nhà ghé vào một tiệm «buffet» ăn bao bụng. Má nó nhâm nhi chút ít, chỉ ngồi bên cạnh nhìn con ăn. Còn vài tiếng đồng hồ nữa chúng tôi phải trở về Dallas. Má nó ghé mua cho Eric đôi giày và vài thứ vật dụng trong trại trả bằng tiền mặt. Các cửa hàng này chỉ nhận thẻ của học viên. Các học viên chỉ được dùng thẻ credit của trại cấp để tiêu xài. Bà ngoại, má nó và cậu Phi dúi vào

túi nó vài tờ giấy trăm. Eric nói sẽ xin phép bộ phận an ninh cho chúng tôi được đi thăm các phòng ăn và chỗ ngủ của Eric trước khi ra về.

Đó là các tòa building lớn nằm trong một khu riêng biệt yên tĩnh xa các khu sinh hoạt và thương mại. Phòng ngủ của các tân binh là những căn phòng lớn. Những dãy giường hẹp chỉ vừa đủ một người nằm thẳng, không có chỗ để lăn qua lăn lại thoải mái. Đặc biệt là mền gối xếp ngay ngắn, khăn trải giường thẳng nếp. Sàn nhà sạch bóng. Quần áo, đồ đạc cá nhân đều xếp trong các ngăn tủ sắt. Phòng ăn của trại là một gian phòng lớn gồm những dãy bàn dài. Đâu đâu cũng sạch sẽ, ngăn nắp, gọn gàng. Đó là những bài học căn bản đầu tiên làm thay đổi sinh hoạt cá nhân của Eric sau này. Bà ngoại kể thằng này hồi còn ở nhà, nó ở dơ và bừa bãi. Mỗi sáng sau khi nó đi học, bà đều phải vào phòng dọn dẹp, thu dọn chai nước, thức ăn thừa, quần áo dơ, sách vở, giấy rác, xếp mền gối, trải giường. Bây giờ nó đã được giáo dục theo kỷ luật nề nếp của trại. Nó thay đổi thành một con người mới có trách nhiệm với bản thân và có lối sống tích cực hơn. Nó kể học viên mỗi lần khi đi ngoài đường, muốn gọi điện thoại phải kiếm chỗ ngồi, không được vừa đi vừa gọi xí xô xí xào như trước đây. Khi đi bộ, trong khi mọi người tìm lối đi tắt cho đỡ mỏi chân, Eric phải đi một vòng khá xa tìm cái «crosswalk» chứ

không tạt ngang, xé lẻ cho gần như thói quen của bà con mình. Kỷ luật quân đội ở đâu cũng vậy. Đó là một thứ kỷ luật sắt, có nguyên tắc nhất định, «gò» con người vào khuôn khổ. Người nào vượt qua được là đã tự chiến thắng mình bước đầu để sau này trở thành người có bản lĩnh và có cách ứng xử đẹp trong cuộc sống.

Trên đường về, tôi nhớ có lần tôi hỏi Eric tại sao con chọn học ngành chất nổ. Thằng nhỏ trả lời đơn giản : «I hate terrorists. I Want to fight them». Nó ghét bọn khủng bố. Nó muốn chống bọn khủng bố. Tôi hỏi tiếp học về ngành này, nó có biết một nữ khoa học gia người Việt nam rất nổi tiếng có «nickname» là «The lady bomb» chế tạo một loại bom áp nhiệt «thermobaric» đã giúp sớm chấm dứt cuộc chiến tranh ở Afghanistan không ? Nó mở mắt to, gật đầu, nét mặt rạng rỡ, nụ cười thật tươi «Yes, I know. I know her. Unbelievable ! She is so wonderful !» Tôi hỏi tiếp nó có ước mơ gì khi chọn con đường binh nghiệp. Nó nói nếu ai cũng ước mơ học ngành bác sĩ, nha sĩ, dược sĩ... để kiếm tiền nhiều thì ai đi lính để bảo vệ nước Mỹ ?»I want to protect my country, America. It's my dream».

Ước mơ của Eric đơn giản có vậy. Nước Mỹ bây giờ là quê hương của nó. Chỉ có hai ngày đi thăm Eric, một anh lính mới tò te trong môi trường xa lạ là căn cứ huấn

luyện tân binh Lackland, tôi đã nhìn thấy tận mắt một phần nhỏ sinh hoạt và học hỏi biết bao điều mới lạ về đời lính Mỹ. Thằng nhỏ đã cho tôi có một sự đánh giá lại về hai chữ «giá trị» các ngành nghề trong xã hội trong đó có nghề lính.

Đồng hồ chỉ 4 giờ. Bà ngoại ôm nó khóc mùi mẫn. Bây giờ mới thấy mẹ nó sụt sùi, mắt mũi đỏ hoe. Ai cũng bùi ngùi, xót xa khi chia tay với Eric. Jasmine thấy «má nhại» và mẹ Eric khóc, nó cũng khóc theo. Thằng Dustin nét mặt buồn xo, nắm tay anh Eric. Cậu Phi cố gắng cười, nói lời tạm biệt mà nét mặt như... mếu. Mợ Sophie ôm và an ủi sẽ sắp xếp đi thăm khi Eric ổn định ở căn cứ mới. Vài ngày nữa, Eric sẽ cùng các bạn đi bằng xe bus đến căn cứ ở Wichita học ngành chuyên môn. Ở đó, nó được thoải mái hơn như tự do xài tiền, đi lại, nhận quà, ăn uống, dùng phone... Nó bịn rịn ôm và vỗ vai bà ngoại. Nó ôm hun mẹ nó thật lâu. Nó không khóc. Ánh mắt của nó thoáng một chút buồn xa xăm. Những ngón tay vẫy chào. Xe lăn bánh một đoạn thật xa, quay đầu nhìn lại, tôi vẫn thấy Eric còn đứng đó, dõi mắt nhìn theo. Một thằng «tough guy» chọn học ngành chất nổ, bom, mìn như nó không phải là đứa vô cảm.

Lời tạm biệt của tôi khi chia tay với Eric là niềm tin và lời chúc Eric sẽ thành công, thực hiện ước mơ và lý tưởng của nó trên con đường binh nghiệp. Có nhiều những người Mỹ gốc Việt nay trở thành những nhân vật nổi tiếng như Trung tá Paul Longmy Choate, một cấp chỉ huy chiến hạm nguyên tử hạt nhân USS-CVN-74.»The refugee come home», Đại tá Lê Bá Hùng, chỉ huy khu trục hạm USS Lassen, 38 năm sau trở về thăm lại Đà Nẵng quê hương ông. Thiếu tá Elizabeth Phạm, người nữ phi công gốc Việt đầu tiên lái chiếc F-18 trên chiến trường Iraq. Dương Nguyệt Ánh, người phụ nữ tài đức đã làm rạng rỡ người Việt Nam trên đất nước Mỹ... Và còn nhiều, nhiều lắm những bàn tay và khối óc của những người Mỹ gốc Việt thuộc thế hệ thứ hai, thứ ba đang âm thầm đóng góp cho nền an ninh quốc phòng và bảo vệ đất nước Hoa Kỳ.

Cầu mong cho nước Mỹ có nhiều người lính Mỹ gốc Việt như Eric «Xin nhận nơi này là quê hương», nuôi lý tưởng và ước mơ bảo vệ nền độc lập, tự do, hòa bình cho nước Mỹ và cho nhân loại trên thế giới này.

Phùng Annie Kim

## Chùa Tịnh Nghiêm, Ngày Giỗ

TPO

Ngày Mùng Một Tháng Hai âm lịch hàng năm, tại Ni Viện Tịnh Nghiêm, Mỹ Tho, có tổ chức lễ giỗ chung dành để tưởng niệm hương hồn quý vị cố giáo chức và nhân viên trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho. Sau đây là câu chuyện về ngôi chùa và ngày giỗ kể trên, được kể bởi tác giả TPO, hiện là cư dân Houston, Texas. Bài viết đầu tiên của bà, «Bái Phục Má Luôn» đã phổ biến từ Tháng Tám 2013.

Ba tôi mất ngày mồng ba tháng hai âm lich. Chi tôi chọn ngày mồng một tháng hai âm lịch hằng năm là ngày giỗ Ba tôi tại chùa Tịnh Nghiêm, cũng là ngày giỗ dành cho toàn thể quý vị Giáo Sư và Nhân Viên trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu Mỹ Tho quá vãng.

Ông Nội tôi là công chức ở Collège De My Tho. Ba tôi, thế hệ thứ hai ở đây, lúc đó trường có tên Collège Le Myre De Vilers. Chị tôi, thế hệ thứ ba và trường được đổi tên là Trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu Mỹ Tho cho đến ngày nay. Đây là một trong những ngôi trường trung học phổ thông lâu đời nhất tại miền Nam Việt Nam.

Ba tôi có mười người con, ông hy vọng sẽ có thế hệ thứ tư làm việc ở ngôi trường thân yêu này. Ông luôn mong các con theo ngành giáo dục rồi mở ra một trường tư thục tại tỉnh nhà và dạy miễn phí cho học sinh nghèo hay giảm học phí cho gia đình có nhiều anh chị em cùng học như những ưu đãi mà chị em tôi đang được hưởng. Lúc đó tôi đã có ba người chị là cô giáo. Nhưng ước mơ đã không thành mà sau ngày ba mươi tháng tư đó, Ba và chị tôi phải rời khỏi ngôi trường đầy ắp yêu thương !

Chị tôi đi theo ý nguyện từ lâu và đã xuất gia vào cửa Phật.

Từ sau Tháng Tư 1975, Ba tôi bắt đầu vật lộn với cuộc sống ở tuổi năm mươi, cái tuổi mà lẽ ra ông sắp được hưởng mọi quyền lợi của một công chức về hưu ! Tôi và em trai cũng bỏ trường đại học, trong khi tương lai tươi sáng đang chờ tôi tốt nghiệp vào năm sau, rồi hai chị khác của tôi cũng lần lượt «mất dạy» - đất trời sụp đổ !

Ba Má và chị em tôi chật vật với bất cứ nghề gì lương thiện mà có thể kiếm được tiền. Sân chơi nhà tôi đã thành chuồng heo, chuồng gà, có lúc thành trại nuôi chim cút ! Chị em chúng tôi có thêm nghề bán hủ tiếu chay, bì bún, bì cuốn, bánh mì, bán chè, nước mía, đan

len, đan lát, bán phụ tùng xe đạp...

Năm tháng qua mau, sau một đợt chăn nuôi, Ba Má tôi đã dành trọn số tiền mua một khoảnh đất nhỏ trên đường đi vào chùa Vĩnh Tràng, khoảnh đất này có một căn nhà chòi mà chủ đất dành riêng cho người làm ở giữ vườn.

«Cải gia vi tự» - Ba Má tôi đã biến căn chòi này thành ngôi chùa để chị tôi và một người bạn cùng tu. Mỗi sáng sau khi quét dọn chuồng trại, Ba tôi chở phân chuồng vào bón đất và chăm sóc rau trái trên mảnh đất mà Ba tôi đã dốc hết công sức tạo ra. Hằng đêm tôi và Má tôi vào tụng kinh với hai chị rồi Má tôi ở lại ngủ, vì lúc đó nơi này còn vắng vẻ lắm, nay chùa Vĩnh Tràng đã được xếp hạng di tích lịch sử-văn hóa cấp quốc gia, là một điểm hành hương du lịch nổi tiếng của Việt Nam.

Đến đợt chăn nuôi năm sau, gia đình tôi nghĩ đến chuyện phải sửa lại chùa để bàn thờ Phật không bị dột nước và có chỗ ngủ khi trời mưa. Gọi là «chùa» vì nơi đây có bàn thờ Phật và có tụng kinh theo thời khóa sáng, trưa, chiều, ngoài ra không có phật tử hay khách vãng lai thăm viếng. Để có tiền trong sinh hoạt hằng ngày và để sửa chùa, tôi cùng hai chị làm nem, bì, chả lụa, mắm chay... rồi hai chị chở trên xe đạp đi bán.

Khởi đầu cho việc sửa chữa thật vất vả, lúc này nhiều người đã biết đến chùa nhỏ có hai sư cô tu gần chùa Vĩnh Tràng. Nhiều phật tử tìm đến giúp đỡ theo tinh thần «của một đồng, công một lượng.»

Tôi còn nhớ rất rõ như mới ngày nào cùng các em và phật tử mà nay có người đã xuất gia, có người trên tám mươi tuổi, đi thu lượm gạch đá còn sót lại ở những nơi người ta đập phá chuẩn bị xây dựng hay khi thấy gạch đá ở lề đường, chúng tôi cũng không bao giờ bỏ qua mà thu nhặt đem về đổ lối đi vào sân chùa cho khỏi ngập nước. Chở nhau trên xe đạp qua chùa Vạn Phước ở Bến Tre xin lá về lợp chùa, xin củi vườn về chụm, nhớ có lần ngồi chờ qua phà Rạch Miễu giữa trưa nắng mà không có một đồng trong túi để mua nước mời người tài xế quen đã tình nguyện đi Bến Tre để chở củi, lá miễn phí !

Nhờ sự góp công góp của, dần dà, tre lá mục được thay bằng tôn, ván rồi đến ngói, tường.»Ni Viện Tịnh Nghiêm» thật sự đã được hình thành và lớn dần. Ngày nay chùa có gần một trăm đệ tử xuất gia và hàng ngàn đệ tử tại gia. Mỗi ngày đều có thêm khách lạ đến viếng chùa. Vào những ngày lễ lớn trong năm như Tết Nguyên Đán, Vu Lan hay Phật Đản... thì khách thập phương đến lễ Phật rồi dùng cơm chay lên đến số ngàn người.

Chùa đã khai trương Bồ Đề Quán, bán thức ăn chay cho du khách trong và ngoài nước đến thăm viếng di tích lịch sử Vĩnh Tràng, lấy thu nhập để trang trải chi phí cho Trường Mầm Non Tịnh Nghiêm miễn phí với hơn hai trăm em nghèo quanh vùng và Quán cơm Từ Thiện Tịnh Nghiêm cũng hoàn toàn miễn phí cho dân lao động (xin mời viếng trang nhà : http : //tinhnghiem. vn/index. php.)

Hằng năm đến ngày mồng một tháng hai âm lich, chị tôi, Ni Sư trụ trì chùa Tịnh Nghiêm tổ chức Lễ Giỗ không chỉ cho người đã sinh thành ra chúng tôi mà còn cho người đã sáng lập ra ngôi tam bảo và hơn thế nữa là dành cho toàn thể Giáo Sư và Nhân Viên Trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu đã qua đời.

Số người đến để giỗ Ba, Má, Thầy Cô cũng như số người quá vãng tăng lên mỗi năm. Có người từ Sài Gòn, từ các tỉnh khác hay xa hơn nữa có người đã rời quê hương đang sống ở Mỹ, Úc, Pháp, Canada... nay trở về đây tham dự. Ba tôi mất đã mười sáu năm mà năm nào nếu được có mặt tôi đêu... khóc ! Khóc vì được tin Thầy, Cô hay các Bác, Chú vừa qua đời, khóc vì gặp lại các Thầy Cô già, yếu, có người ngồi trên xe lăn, khóc vì thấy các Thầy tay run run cầm nhang khấn vái hay khóc vì những câu chuyện kỷ niệm về người quá cố. Nhìn

quanh, tôi thấy nhiều người khác cũng... khóc !

Rồi đây đó từng nhóm tụ lại cười nói chuyện trò, tâm sự sau một năm hay nhiều năm gặp lại... Thức ăn chay được dọn lên, mọi người cùng nhau thưởng thức... rồi hẹn sẽ gặp nhau vào năm tới.

Thay mặt chị tôi, kính mời quý vị giáo sư, cựu nhân viên, cựu học sinh Nguyễn Đình Chiểu và Lê Ngọc Hân ghé qua chùa ngày mồng một tháng hai âm lịch (năm nay nhằm ngày 01/03/2014) để có dịp gặp lại Thầy Cô hay bạn cũ sau nhiều năm xa cách !

TPO

# Vác Ngà Voi

Mimosa Phương Vinh

Tác giả định cư tại Hoa Kỳ theo diện H. O. đầu thập niên 90, cư dân Berryhill, Tennessee, làm việc trong Artist room của một công ty Mỹ. Giải thưởng VVNM 2013, cô đã nhận giải Vinh Danh Tác Giả với hai bài viết tiêu biểu : «Thiên Thần Đen» và «Cũng Một Đời Người», kể về những di dân tị nạn tại Mỹ làm việc tới mức quên mình để gửi tiền tiếp viện cho người thân còn ở quê nhà. Bài viết mới nhất của tác giả kể về việc cứu trợ các Thương Phế Binh Việt Nam Cộng Hòa tại quê nhà.

Trước tôi có rất nhiều người đã viết và nói về chủ đề ăn cơm nhà vác ngà voi cùng những vui buồn của nó và cũng có rất nhiều người làm chuyện ăn cơm nhà vác ngà voi trong im lặng. Họ không cần thanh minh gì cả vì đường ta ta cứ đi, nhà ta ta cứ ở, ai muốn nói gì thì mặc ai. Tuy nhiên dù im lặng hay nói ra những người ăn cơm nhà vác ngà voi cũng gặp nhau ở ở một điểm là rất lì. Trong ngôn ngữ bình dân Việt Nam tôi yêu tiếng lì hơn là bướng bỉnh, cứng đầu hay can đảm. Theo tôi tiếng lì rất tượng thanh, tượng hình. Tôi là một người lì ! Vì nếu đã trót mang cái nghiệp ăn cơm nhà

vác ngà voi mà không lì thì không nên việc được.

Một ngày nọ tôi đọc được bài báo của một tác giả nào đó nói về sự lợi dụng các anh em Thương Phế Binh Việt Nam Cộng Hòa của một số hội đoàn và cá nhân người Việt Hải Ngoại trong vấn đề quyên góp tiền bạc. Và cuối cùng họ kết luận rằng mấy mươi năm đã qua rồi, các anh em Thương Phế Binh đã già rồi, chết gần hết và nếu còn sống thì cũng đã chấp nhận số phận hẩm hiu của mình. Tại sao chúng ta cứ thi nhau đóng góp tiền để cho một số người và nhà nước Việt Nam thủ lợi.

Thật ra mọi người đều có quyền phê bình, góp ý nếu họ thấy có nhiều vấn đề sai trái nào đó đã xảy ra trong Cộng Đồng người Việt Hải Ngoại. Tuy nhiên khi đọc phần kết luận của bài báo thì tôi thấy có cái gì đó không ổn, có một sự thiệt thòi, ruồng bỏ đối với những người Thương Binh Việt Nam Cộng Hòa đã hy sinh, đã chịu quá nhiều khổ đau, buồn tủi trong mấy chục năm qua. Đáng lẽ anh em phải được giúp đỡ và an ủi nhiều hơn là phải chấp nhận, cam chịu số phận nghiệt ngã như họ đã từng.

Đọc bài báo xong, tôi cố giữ cho mình tâm trạng chẳng vui mà cũng chẳng buồn. Vui thì cũng vui rồi trong những ngày lễ hội cuối năm : nào Thanksgiving, nào Christmas, nào New Year, rồi tết Nguyên Đán.

Buồn thì cũng đã buồn rồi khi mùa lạnh khắc nghiệt đã và đang kéo dài trên đất Mỹ. Một buổi chiều vừa bước xuống lầu thì thấy nước tràn lan dưới sàn nhà. Bursting pipes, hiện tượng bể ống dẫn nước vì đông đá. Gọi điện thoại, giận dữ khóc lóc vì chờ đợi gần năm sáu tiếng, đến nửa đêm thì nhân viên sở điện nước mới đến và cho biết có đến gần chín trăm nhà bị bể ống dẫn nước trong thành phố này. Đâu phải chỉ mình nhà tôi. Nhân viên sở điện nước phải đi mười hai giờ một ngày trong thời tiết khắc nghiệt đến nhà mỗi khách hàng để hỏi :

- Bạn đã khóa Water Meter trước nhà chưa nếu chưa chúng tôi làm !

Dù sao họ cũng đã đến. Đó là cách làm việc của người Mỹ.

Khóa ngay đường ống nước trước nhà rồi tất cả sẽ tính sau, vì không ai có thể giải quyết những thiên tai một cách mau lẹ được.

Khi nhà cửa được sửa chữa lại tươm tất, mới toanh (trong đau khổ !) mà không phải trả đồng nào vì có hãng Insurance lo, tôi mới hoàn hồn và nhớ ra còn rất nhiều việc mà mình chưa làm. Việc nhà đã xong, bây giờ là việc của bàn dân thiên hạ, việc ăn cơm nhà vác ngà voi.

Việc duyệt xét hồ sơ Thương Phế Binh có mấy anh Cựu Quân Nhân phụ trách, gởi thì có Thủ Quỹ lo. Bổn phận tôi là thỉnh thoảng liên lạc với các anh em qua điện thoại nếu có thể.

Tôi gọi điện thoại về Việt Nam nhắc nhở vài anh Thương Phế Binh Việt Nam Cộng Hòa bổ túc hồ sơ xin trợ cấp.

- Thưa tôi muốn gặp anh Nguyễn văn Nên ạ !

- Dạ tôi là Nên đây, xin lỗi ai đó ?

- Tôi là một người bên Mỹ, trong hội Cựu Chiến Sĩ vùng M. Chúng tôi đã nhận được thư của anh nhưng thiếu vài chi tiết, xin anh bổ túc hồ sơ để nhận tiền trợ cấp.

- Trời ơi, cảm ơn chị nhiều, thiệt là mừng khi nghe chị nói. Khổ quá chị ơi, khổ lắm chị ơi !

Hoặc là :

- Xin lỗi anh Xíu anh có phải là Thương Phế Binh Việt Nam Cộng Hòa không ?

Có tiếng reo lên bên kia :

- Phải phải, tôi là Thương Phế Binh Việt Nam Cộng Hòa đây ! Trời ơi ! Lâu quá rồi mới nghe chị nhắc lại tên tôi ! Chị ơi, nhắc đến Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa tôi cảm động quá, cảm ơn chị nhiều tụi này khổ lắm chị ơi ! Chị ở bên đó mà vẫn nhớ tụi tôi.

Lần kia tôi nhận được một lá thư yêu cầu khá lạ lùng : Xin chị gọi về cho em, em muốn nghe tiếng chị một lần thôi. Bây giờ gần Noel rồi, trời lành lạnh, em nhớ Sài Gòn và những ngày xưa khi em còn là một Sĩ Quan trẻ của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, còn bây giờ em là một người tàn phế.

Do dự mãi mà vẫn chưa gọi, tôi mang mặc cảm dù sao mình cũng đang ở trên đất Mỹ, mình không giàu nhưng không đến nổi đói. Bây giờ biết nói gì đây với một người lính miền Nam cùng thế hệ với mình đã chiến đấu, đã hy sinh và chịu phần thiệt thòi nơi quê nhà. Cuối cùng thì tôi cũng điện thoại cho anh :

- Anh sống ra sao ?

- Khổ, nhưng khổ làm sao bằng buồn. Chị là ai, sao còn nhớ đến tụi em, xin cảm ơn chị.

- Anh lớn tuổi hơn tôi, thôi đừng xưng em. Chúng ta cùng một thế hệ, cùng vui buồn với những ngày xưa mịt mù khói lửa đó. Tôi chỉ là một người đàn bà vô danh tiểu tốt đã có thời biết thế nào là đói, là nghèo, là tủi nhục ! Tôi may mắn hơn anh vì đang sống trên nước Mỹ, thế thôi...

Cuộc điện đàm không dễ dàng như tôi nghĩ, tôi e sợ khi phải nghe những sự thật về cuộc sống hiện tại của anh, một người thương binh chỉ còn một chân và một tay. Tôi nghẹn lời nhiều lần với những lời an ủi suông. Anh, một chàng Trung Úy đẹp trai ngày nào trong tấm hình và anh ngày nay tàn phế trên chiếc ghế thấp trước căn nhà tồi tàn, xiêu vẹo. May mà anh vẫn còn một người vợ bên cạnh, người vợ chắc cũng bằng tuổi tôi nhưng sự cơ cực đã làm chị trở thành một người già héo hắt.

Tôi không thể hứa gì với anh, chúng tôi đã gởi cho anh trăm đô rồi, không biết chừng nào mới gởi lại thì nói chi đến việc sẽ giúp đỡ anh hàng tháng hay hàng năm.

Một anh nữa đã bảy mươi tư tuổi trong giấy tờ, gởi thơ mà chẳng có số nhà. Khi tôi tiếp xúc với anh và đọc lại địa chỉ liên lạc bên Mỹ để anh ghi thì tôi gặp khó khăn dù là đọc tiếng Việt. Có một đứa bé gái nào đó

lanh lảnh giọng nhắc nhở anh :

- Chữ D chớ không phải chữ G. Ông viết sai rồi, trời ơi không phải vậy ! Chữ I sao ông viết chữ E, ông không nghe gì cả.

- Ai đó ?

- Cháu nội tôi ! Già rồi cô ơi, lâu quá đâu có cầm viết, hồi xưa đâu đến nổi vậy.

- Anh nhớ số quân không ?

Anh đọc vanh vách :

- Sao không nhớ, số quân sao quên được cô. Làm sao quên được mình đã từng là một người lính. Số quân là : 60 652... Tôi sinh 1940 mà cô.

- Anh có biết ai là Thương Phế Binh Việt Nam Cộng hòa gần đó không, xin giới thiệu cho chúng tôi với.

- Thiếu gì, tụi nó ở trong ruộng xa kia. Nhưng giấy tờ mất hết rồi làm sao mà xin tiền được, ăn còn chưa có làm gì có điện thoại mà liên lạc, tiền đâu mà gởi thơ. Cô về đây mà xem, về mà xem Thương Phế Binh mình sống như thế nào ? Khổ lắm cô ơi !

Tôi im lặng tự nghĩ : về, làm sao mà về được. Tôi chưa bao giờ về từ ngày ra đi, cha mẹ qua đời cả rồi, có dịp thì bảo lãnh anh chị em qua Mỹ sống luôn hay qua Mỹ chơi rồi về.

Năm hết Tết đến, có một nhà hảo tâm trong thành phố cho năm trăm đô và yêu cầu tôi chọn danh sách mười Thương Phế Binh để ông ta tặng tiền ăn Tết. Tôi về soạn lại thùng thơ, mở ra xem hình thì thấy lòng xốn xang quá. Kẻ cụt tay, người cụt chân, có anh mù lòa, có anh méo miệng, có anh lệch vai. Chọn ai đây, xem thơ thì thấy ai cũng nghèo khổ, thở than, kể lể đủ điều. Thôi thì tôi lựa người nào lớn tuổi nhất, người nào cụt cả tay lẫn chân, người nào mù mắt... Những người còn lại, tôi xin lỗi :

- Các anh tha thứ cho tôi vì Hội nghèo quá ! Cho người này thì mất người kia.

Nghe tôi than thở đứa con gái góp ý mẹ cứ nhắm mắt lại rồi cầu nguyện ơn trên cho mẹ bốc trúng lá thư nào cần cho nhất. Ai cũng cần cả, cả mấy trăm lá thơ mà lựa có mười lá thì quả thật trong các anh có người may mắn lắm mới trúng số một triệu đồng (năm mươi đô đổi cũng được hơn một triệu tiền Việt Nam rồi !)

Các anh Thương Phế Binh Việt Nam Cộng Hòa vẫn còn sống đó chứ đâu phải đã qua đời hết. Các anh sống trong nghèo khổ lầm than với tuổi già, với bệnh tật. Dù chỉ còn sống vài năm, vài tháng, vài tuần hay thậm chí vài ngày thì người ta cũng phải ăn, phải thở, phải nghĩ ngợi và vẫn có những cảm giác vui buồn, hờn tủi, hy vọng. Các anh vẫn cần sự giúp đỡ và an ủi từ tinh thần đến vật chất. Dù mấy chục năm đã qua rồi, dù cam chịu đã nhiều rồi nhưng tôi vẫn tin tưởng rằng niềm hy vọng của con người không ai có quyền dập tắt cả. Sao mình không làm một việc gì đó dù thật nhỏ nhoi để an ủi những người thương binh của chúng ta hơn là để mặc các anh với số phận hẩm hiu mà các anh đã phải chấp nhận.

Bảy năm trước, tôi xin anh Hội Trưởng Hội Cựu Chiến Sĩ của thành phố cho phép tôi thành lập một quỹ nhỏ để cứu trợ Thương Phế Binh Việt Nam Cộng Hòa. Chúng tôi được sự hưởng ứng, giúp đỡ của đồng bào địa phương, các anh em Cựu Quân Nhân và đặc biệt được hãng Williams Sonoma đỡ đầu, đó là một hãng lớn trong thành phố có rất nhiều người Việt làm. Hàng năm họ cho nhiều quà cáp, vật dụng có giá trị để chúng tôi tổ chức bán vé số gây quỹ và những người Mỹ trong công ty tham dự rất đông trong những ngày Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Chúng tôi đã từng tổ chức văn nghệ và mời các ca sĩ ở California về để hát, số tiền thu được có khi lên được hai mươi ngàn đô (đó là một số tiền khá lớn đối với một thành phố có ít người Việt như ở đây). Tuy nhiên sau khi đã chi tiêu cho các ca sĩ tiền máy bay, tiền khách sạn, tiền công (không có ca sĩ nào hát free cả !) thì hội chẳng còn lại bao nhiêu. Sự nhiệt tình của đồng bào, công sức và tình thương chúng tôi dành cho các anh Thương Phế Binh trở thành vô ích.

Bị thất thu sau khi tổ chức một buổi ca nhạc gây quỹ, tối đó tôi không ngủ được. Cứ nghĩ cảnh khán giả dốc hết tiền túi ra bỏ vào những thùng quyên góp và số tiền Hội còn lại chỉ một ngàn đô nước mắt tôi dàn dụa. Tôi khóc lóc, giận hờn mà chẳng biết hờn giận ai mà mình cũng không có quyền hờn trách ai cả bởi đâu phải ai cũng thích ăn cơm nhà vác ngà voi như anh em trong Hội.

Năm ngoái chúng tôi bạo gan tổ chức văn nghệ nhưng không mời ca sĩ chính hiệu, chỉ những ca sĩ tài tử địa phương cây nhà lá vườn lên giúp vui mà thôi (dĩ nhiên là khỏi trả tiền). Thật bất ngờ, chúng tôi thành công, lần đó sau khi đã chi tiêu tiền ăn cho nhà hàng xong chúng tôi thu được gần mười ngàn đô. Thật vô cùng cảm động vì tình cảm của đồng bào con dành cho các anh em

Thương Phế Binh còn ở quê nhà.

Có một người Cựu Chiến Binh Mỹ từng phục vụ ở Việt Nam ghé qua tặng một trăm đô nhưng không dùng cơm tối và tham dự văn nghệ vì còn phải về làm ca đêm. Có người cùng chung sở cho biết ông ta rất nghèo, việc làm trong sở rất nặng. Những đồng tiền đó chúng ta phải sử dụng như thế nào để lương tâm không bị gặm nhấm, để không xấu hổ khi nhìn lại những hình ảnh đau thương, tàn phế của các anh thương binh của chúng ta.

Khi có tiền trong quỹ, chúng tôi tăng tiền trợ cấp của các anh từ năm mươi đô lên một trăm đô và Hội chủ trương giải quyết tất cả các thư gởi xin trợ cấp lần đầu. Thư nhiều thì cho nhiều, thư ít cho ít đến khi hội hết tiền thì đóng cửa. Sau bảy năm Hội chưa đóng cửa lần nào, nhưng trong tương lai chưa biết được, dù sao chúng tôi cũng rất lấy làm hãnh diện là chưa một xu nào trong tiền quyên góp bị xén bớt. Anh chị em trong Hội ngoài việc bỏ công, bỏ sức nhiều lúc còn bỏ tiền túi ra để bồi đắp cho ngân quỹ của Hội. Đó là công việc của những người ăn cơm nhà vác ngà voi.

Đi quyên góp hay bán vé để gây quỹ cho các anh em Thương Bế Binh cũng có lúc vui, lúc cảm động mà cũng có lúc buồn muốn rơi nước mắt nhưng nghĩ rằng : khi đã lì thì phải chấp nhận tất cả.

Có một chàng thanh niên khoảng ba mươi tuổi sau khi đã mua hai vé với giá ủng hộ nói :

- Xin cảm ơn các anh chị và chú bác đã làm việc mà chúng tôi không làm được. Tôi sẽ đến sớm hôm đó để coi có thể giúp đỡ gì cho ban tổ chức không !

Hoặc từ một thiếu phụ trẻ làm nails :

- Con xin giúp năm trăm đô nhưng xin đừng để tên, sợ chồng và gia đình chồng cằn nhằn.

- Tôi đóng ba trăm đô để gây quỹ nhưng viết là vô danh, đây là ngân quỹ đen bà xã không biết đến. Bà xã biết là tôi chết !

Vui là thế mà buồn thì cũng khá bộn.

Một chị thuộc hạng có máu mặt trong thành phố mà mình cũng có dịp trò chuyện khi đi dự cưới hỏi, chị lúc nào cũng vui vẻ, tay bắt mặt mừng. Gặp nhau bô lô, ba la vài câu rồi nhập đề :

- Chị có rảnh thứ bảy này ghé nhà hàng X. Chúng tôi tổ chức văn nghệ và dinner giúp các anh Thương Phế Binh VNCH ở đó !

- Vậy sao ? Còn vào cửa thì như thế nào ?

Miệng bèn trơn như mỡ :

- Vé hai chục, bốn chục... Nếu chị muốn mua vé ủng hộ cao hơn thì tuỳ ý. Tội nghiệp các anh em lắm chị à, trước mua vui sau là làm phước.

Mắt chớp chớp sau rèm lông mi giả cong quớt, chị nhún vai rất đầm :

- Ô, xin lỗi mình không quen với những chương trình cứu trợ đó.

Một người trong Hội cười cười :

- Trước lạ sau quen mà chị.

Nếu người ta không quen thì thôi, nài ép làm chi, mà thật ra đã từng sống ở miền Nam Việt Nam tại sao phải làm mặt lạ với những người lính bất hạnh, tàn tật còn kẹt lại quê nhà.

Còn có người góp ý :

- Bên California người ta mở Đại Hội giúp Thương Phế Binh với biết bao ca sĩ hát giúp, quyên góp cả trăm ngàn. Bên này lèo tèo vài mống, cái nhà hàng chứa chưa tới năm trăm người mà làm được cái gì chứ.

- Thưa anh, lớn làm việc lớn nhỏ làm việc nhỏ. Cái tâm thì làm sao so sánh được lớn hay nhỏ.

Có người dứt khoát hơn :

- Thôi tôi không mua đâu, tôi không muốn nhà nước Việt Nam lợi dụng đâu !

- Thưa anh nhà nước Việt Nam lợi dụng thì có nhiều cái để họ lợi dụng chứ không phải chỉ nhắm vào số tiền gởi về cho các anh em Thương Phế Binh Việt Nam Cộng Hòa đâu.

Bao nhiêu người đem tiền về Việt Nam đầu tư, du hí, xây nhà cửa, công ty khách sạn. Bao nhiêu ca sĩ, hoa hậu đi về đi qua như đi chợ. Những tay đầu to mặt bự có đủ mưu trí, kế hoạch để gom tiền trong tay thì xá gì một trăm hay năm chục đô cho một người thương binh đã cống hiến tay, chân, mắt, mũi mình cho cuộc chiến bảo vệ nền Tự Do cho miền Nam ngày nào. Hãy cho các anh em mình được giây phút vui mừng, thoải mái nào đó dù ngắn ngủi trong cuộc sống lầm than hiện tại. Đừng để đến ngày mai, vì ngày mai có thể sẽ có rất nhiều anh em sẽ nằm xuống vĩnh viễn trên mảnh đất mà các anh đã từng góp máu và cuối cùng là lui vào bóng tối với đời sống nhọc nhằn, đau đớn từ tinh thần đến vật chất.

Cũng có nhiều lần tôi tức giận đùng đùng khi nghe những câu xỉa xói, mỉa mai như : làm việc ruồi bu, làm việc bao đồng, làm việc tào lao. Tôi còn giận bởi vì tôi là một con người với hỉ nộ ái ố tràn đầy nhưng vội an ủi mình rằng : có mấy người làm việc thiên hạ mà không bị xúc phạm, hay chửi bới. Kinh nghiệm còn cho thấy những người vác ngà voi không những bị thiên hạ dèm pha, phê phán mà còn bị vợ chồng, con cái, cha mẹ cằn nhằn đại loại như :

- Ông muốn gì, hãy lựa chọn đi : tôi hay cái bang hội của ông ?

- Anh muốn phá nhà hay sao mà làm rầm rầm như vậy chứ. Ngày hôm qua đã đi đám ma cả ngày rồi, ức hiếp gì mà hôm nay còn đi nữa !

Hay :

- Bà vừa thôi nghe, coi thằng già này chẳng ra chi, đã góp tiền rồi còn đi nấu với nướng cho chúng.

- Xí xọn vừa vừa thôi, có thằng nào ở đó mà nay họp, mai hội. Trời ơi vợ với con.

- Thằng con bất hiếu, nhờ mày chở đi chợ thì cái mặt xù xụ, còn mang xe chở chúng đi làm việc bao đồng thì lẹ lắm. Trống kèn gì kệ nó, văn nghệ, văn gừng Cộng

Đồng gì cũng chẳng bằng con mẹ già này !

- Mày là con gái, việc nhà lười mà sao có việc thiện hạ thì mày mau quá vậy. Đi trang điểm cho ban vũ hả, còn đống chén bát đó dành cho ai rửa đây con ?

- Ba ơi là ba, trời lạnh như vậy mà đi diễn hành cái nổi gì. Đi về bệnh lại làm khổ con cái.

- Mẹ ơi là mẹ, làm ơn ngủ đi. Diễn văn với báo cáo ai thèm nghe mà thức khuya làm việc tào lao vậy. Có ai trả cho đồng nào không ?

Phản ứng của kẻ ăn cơm nhà vác ngà voi là :

- Tôi thề không đi nữa. Tôi bỏ hết. Bấy lâu nay mình ngu rồi, thề không ngu nữa. Thôi tôi ở nhà cho vừa lòng ba (hay ông, hay anh, hay con, hay mầy). Tôi ở nhà trùm chăn, sống như con gián cho vừa lòng mọi người, cho vừa lòng ích kỷ của mọi người. Tôi không có tự do, mà tôi có làm việc gì xấu xa đâu mà cấm, mà cản, mà nay nói này, mai nói nọ. Tôi làm việc phước thiện thì nhà này nhờ, không biết ơn thôi sao còn cấm cản. Tôi thề, tôi thề sẽ bỏ hết. Vân vân và vân vân...

Nhưng lời thề cũng như cá trê chui ống, được vài ngày, vài tuần rồi cũng đâu vào đó. Làm việc thiên hạ quen rồi ở nhà sao chịu nổi, vác ngà voi quen rồi không

vác thấy trống trải làm sao !

Tôi thì nghĩ rằng mỗi người có một cái nghiệp, mỗi người có một sự đam mê khó mà giải thích. Người khoái đánh bài, nhảy đầm. Người mê shopping, người mê xe cộ, người mê làm ra tiền, người thích đi chơi rong. Đó là chưa kể những đam mê văn học, nghệ thuật khó lòng kìm chế được. Thôi cứ nghĩ rằng kẻ thích làm việc thiên hạ, thích làm việc không công cũng là một sở thích mà thôi !

Nếu trong gia đình bạn có người nào đó ưa ăn cơm nhà vác ngà voi thì xin bạn hãy thông cảm cho họ. Đừng la rầy hay lớn tiếng, vì họ vác ngà voi thì bạn khỏi vác. Ở đâu cũng phải có những người như thế, không tin bạn cứ nhìn xung quanh sẽ thấy. Trong trường học, trông công sở, trong hàng xóm, trong thành phố, trong cộng đồng.

Còn nếu bạn cũng là một người vác ngà voi thì xin cho tôi được bắt tay chào mừng một người đồng điệu. Xin chúc bạn có nhiều sức khỏe, nghị lực để tiếp tục con đường của mình. Con đường khá nhiêu khê, truân chuyên nhưng vẫn có nhiều niềm vui đang chào đón bạn. Vẫn có những đóa hoa hạnh phúc trên những nẻo đường sỏi đá khô khan. Tôi cũng tự an ủi mình như vậy!

# Thế Hệ Thứ Hai : Đánh Trống Xứ Người

Nguyễn Trần Phương Dung

Tác giả sinh năm 1972. Từng là một thuyền nhân, rời Việt Nam năm 10 tuổi khi cùng gia đình vượt biển năm 1982. Tốt nghiệp Management Information System, từng có hơn 20 năm làm việc cho Cisco System inc. và hiện là cư dân San Jose. Với bài «Cám ơn em, Cám ơn Peace Corps', Nguyễn Trần Phương Dung đã nhận giải vinh danh tác phẩm Viết Về Nước Mỹ 2008 và ba năm sau, với bài «Thế Hệ Gạch Nôi», cô nhận thêm giải Chung Kết Viết Về Nước Mỹ 2011.

Mùa bóng đá. Đội San Jose Earthquakes đụng Colorado Rapids tại sân vận động Buck Shaw Stadium trường Đại Học Santa Clara University. Vòng trong, đội nhà, vé đã bán sạch từ nhiều tuần trước. Ngoài trận so tài giữa hai đội bóng ngang ngửa, khán giả còn được xem vài tiết mục giúp vui vào giờ nghỉ giải lao giữa hai hiệp.

«Đây là phần trình diễn của một đội trống đặc biệt. Đội trống duy nhất tại Mỹ mang sắc thái văn hóa có một không hai...» người MC giới thiệu.

«Bùm. Bùm. Bùm bùm bùm.....» Tiếng trống vang rền giữa trời đêm.

Đoàn thanh thiếu niên đầu đen trong trang phục ngũ sắc (vàng, xanh lá cây, xanh nước biển, đỏ và trắng) sắp hàng đi ra, trên hai tay mỗi em là cái trống lớn màu đỏ. Người vào đội hình, trống vào vị trí. Và các em đứng thẳng, hai tay cầm dùi trống chấp giữa ngực hướng về phía trước.

«Bùm. Bùm. Bùm.»

Tiếng trống của em trưởng vang lên trước. Mạnh mẽ.

«Bùm bùm bùm bùm...» Thêm bốn mươi tiếng trống nhập cuộc. Hào hùng.

Không khí sân bóng đá vốn đã sống động trở nên sôi nổi hơn nữa. Khán giả vỗ tay, hò hét tán thưởng. Đoàn thanh thiếu niên phấn chấn, đánh càng hăng với nụ cười không ngớt trên môi. Năm phút trình diễn trôi qua trong tíc tắc.

«Bùm bùm bùm bùm bùm... BÙM ! YEAH !»

Hồi trống dồn dập và tiếng reo kết thúc màn trình diễn. m thanh bùng vỡ từ tứ phía. Chín ngàn khán giả. Mười tám ngàn bàn tay. Tiếng huýt sáo, vỗ tay vang

dậy một góc trời. Thằng con út nhảy cẫng lên :

«Khán giả thích họ, mẹ.»

Tôi vỗ tay «high-five» với con và reo hò nhảy múa loạn xạ. Người giữ an ninh đứng bên cạnh gật gù :

«Bọn nhỏ hay quá. Cô quen chúng ?»

Tôi cười, miệng rộng tận mang tai :

«Vâng. Các em thuộc nhóm Giới Trẻ La San Việt Nam - the Vietnamese Lasallian Youth Troupe, chuyên trình diễn ca vũ kịch và đánh trống theo truyền thống văn hóa Việt Nam.»

Đoàn thanh thiếu niên ôm trống đi vào giữa tiếng vỗ tay chưa ngớt của khán giả. Trái tim tôi reo vui, hãnh diện và xúc động khó tả. Lẫn trong nhóm đầu đen có một mái tóc muối tiêu trong bộ áo chùng thâm. Dọn dẹp trang phục và dụng cụ xong, quây quần bên nhau, Frere nhìn bọn nhỏ, giọng Frere đầy yêu thương :

«Các con giỏi lắm, thật không hổ danh con cháu Lạc Hồng. Frere rất hãnh diện vì các con.» Chỉ tay về phía hội trường, Frere tiếp, «Các con biết không, ngay tại trường Đại Học này, cha mẹ của một số các con đã từng một thời oanh liệt.»

Một cái nhìn, một nụ cười nhẹ hướng về tôi. Giật mình.

«Ê con nỡm, không làm gì đi theo bọn tao đến chỗ này hay lắm.»

Sáng Chủ Nhật, nhóm bạn ngỗ nghịch được mệnh danh «ba con mẹ Bắc kỳ» ghé thăm, rủ rê.

«Tao đang làm... biếng không thấy sao ? Mà chỗ này là chỗ nào, có chuyện gì mới được ?»

«Chuyện «nớn» hơn chuyện «Cani» động đất.» Con bạn dài giọng.»Nghe này : một Frere dòng La San vừa thuyên chuyển về từ miền Đông Bắc. Nghe nói La San chuyên về giáo dục và sinh hoạt giới trẻ. Frere vừa thành lập một đoàn văn nghệ và bắt đầu tập dợt cho chương trình Tết. Nghe nói Tết năm nay tổ chức lớn lắm...»

Vậy là đi. Đến nơi, thấy đứng ngồi lố nhố toàn những khuôn mặt trẻ quen thuộc trong giáo xứ. Chính giữa, một ông trung niên trong bộ áo chùng thâm đang... múa.

«Ối giời ! Frere dẻo hơn mày nỡm ạ.»

Một cái cùi chỏ thúc vào cạnh sườn đau điếng, con bé suýt xoa rủa thầm con bạn nhưng mắt không rời áo chùng thâm. Frere đang dạy vũ khúc «Thiên Thai». Hai

cánh tay phất phơ giải lụa dài, ngón tay xòe ra khép lại điệu nghệ, đôi chân trần bước từng bước nhẹ theo tiếng nhạc... Ôi chao, các tiên nữ trên Thiên Đình dịu dàng uyển chuyển đến thế là cùng ! Lâu nay mỗi lần lễ lớn các hội đoàn đều được mời đóng góp một vài tiết mục cho chương trình văn nghệ bỏ túi, con bé và đám bạn điếc không sợ súng, ca vũ nhạc kịch gì cũng «có em». Hôm nay tận mắt thấy sư tổ biểu diễn, con bé tự nhủ sau này không được múa rìu nữa...

Tết Tân Mùi 1991 tại trường Đại Học Santa Clara University, cộng đồng công giáo Việt Nam San Jose tưng bừng ngày hội lớn với sự hiện diện của Đức Giám Mục địa phương, đông đảo linh mục tu sĩ và mấy ngàn giáo dân. Sau Thánh Lễ Mừng Xuân, đoàn văn nghệ dân tộc mang tên Giới Trẻ La San chính thức ra mắt cộng đồng. Nhập khúc «Tôi Yêu Quê Tôi» được dàn dựng với vũ điệu của cả ba miền Bắc Trung Nam. Đám con gái sau nhiều ngày tháng tập dợt trông cũng khá uyển chuyển dịu dàng trong vũ khúc «Thiên Thai». Con bé kết hợp hai văn hóa Việt Mỹ, mặc bộ áo dài trắng cầm nến múa theo bản nhạc không lời «Romance». Ba con mẹ Bắc kỳ thì vui nhộn trong hoạt cảnh «Bà Rằn Bà Rí» và «Tát Nước Đầu Đình»...

* Thời gian, đổi thay

Chớp mắt mà đã hơn 20 năm trôi qua. Nhóm «giới trẻ» ngày nào bây giờ trên đầu đã hai thứ tóc và đang tản mác khắp nơi. Frere thương yêu của cả bọn cũng sắp sửa bước đến ngưỡng cửa «thất thập cổ lai hy» nhưng tạ ơn Chúa vẫn khỏe mạnh để tiếp tục chăm lo cho giới trẻ địa phương và thường xuyên đi phục vụ những người kém may mắn ở những vùng xa xôi hẻo lánh tại Campuchia và Việt Nam. Vũ công chính của «Tôi Yêu Quê Tôi» trở thành soeur bề trên của một nhà dòng bên Texas. Chàng trai làng đa tình trong «Tát Nước Đầu Đình» nay là một linh mục nhạc sĩ nổi tiếng, được mời đi khắp nơi gây quỹ cho người nghèo. Một trong ba con mẹ Bắc Kỳ cũng thành ma soeur áo trắng. Số còn lại phần đông lập gia đình và con cái đã cao vượt đầu bố mẹ. Mỗi người bận rộn với cuộc sống riêng cho nên dù ở gần hay xa cũng chỉ có thể mỉm cười mỗi khi nhớ về kỷ niệm cũ. Lâu lâu vào dịp lễ lớn có văn nghệ thì kéo nhau đến cổ võ cho đoàn. Đặc biệt một số nhỏ vẫn bền bỉ sinh hoạt. Như Bích Vân, sau bao năm vẫn giữ vai chính trên sân khấu, vẫn chịu đầu sào mỗi Chủ Nhật đều đặn có mặt bất kể nắng mưa. Những diễn viên nhí ngày xưa như Tùng, Vương... bây giờ trong ban lãnh đạo, cố vấn cho các trưởng trẻ về cách dạy dỗ và tập dợt cho các em thuộc thế hệ sau.

Đoàn văn nghệ cũng đã phát triển nhiều theo thời gian. Trong thập niên 1990, mục đích của đoàn là thiết lập một trung tâm cho giới thanh thiếu niên người Mỹ gốc Việt có thể đến với nhau để sinh hoạt trong các chương trình văn hóa, nghệ thuật Việt Nam. Tại thời điểm đó, các thành viên trong đoàn trình diễn những vở kịch và điệu múa đơn giản. Khi đoàn phát triển, các em bắt đầu thực hiện các chương trình quy mô hơn với cốt truyện dựa trên những câu chuyện Kitô giáo và lịch sử Việt Nam. Khi bước sang thế kỷ mới, đoàn cho kết hợp tiếng trống vào trong những tiết mục văn nghệ. Các em đánh trống để mong mọi người có mặt phấn khởi, vui tươi và hãnh diện vì những nét đẹp văn hóa Việt Nam. Màu sắc trang phục ngũ hành các em mặc khi đánh trống tượng trưng cho năm yếu tố căn bản kim, mộc, thủy, hỏa, thổ của thiên nhiên theo cái nhìn Việt Nam. Tất cả trống và trang phục trình diễn đều thuần túy Việt Nam.

Giới Trẻ La San đã đón nhận những thách đố mới, nâng cấp nhiệm vụ của đoàn. Bên cạnh việc phục vụ cho cộng đồng công giáo Việt Nam nói riêng, và cộng đồng Việt Nam nói chung, đoàn văn nghệ cũng đáp lời mời trình diễn cho khán giả đa chủng tại địa phương. Các em đã trình diễn cho những dịp đặc biệt như Tết Trung Thu, Tết Nguyên Đán, Hội Chợ Y Tế, Lễ Khánh

Thành khu Vietnam Town và các bảng đường mang tên Little Saigon, lễ hội Văn Hóa Á Châu do trung tâm giải trí Great America tổ chức, trận bóng đá giữa đội nhà San Jose Earthquakes và địch thủ Colorado Rapids... Đoàn văn nghệ cũng đã đáp lời mời đi trình diễn nhiều nơi xa xôi. Các em đã trình diễn cho các Đại Hội Giáo Dục Công Giáo tại Nam Cali và các tiểu bang khác, cũng như Ngày Thánh Mẫu tại dòng Đồng Công, Missouri. Phái đoàn cũng đã biểu diễn trống trong những ngày Đại Hội Giới Trẻ Thế Giới do Tòa Thánh Vatican tổ chức tại Gia Nã Đại, Đức, và Úc và biểu diễn văn nghệ tại Ba Tây. Ngoài ra, đoàn văn nghệ cũng tham gia nhiều hoạt động xã hội. Các em trưởng thành được khuyến khích giúp đỡ người khác, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục. Hằng năm, các em tham gia vào việc gây quỹ cho những người thiệt thòi và nghèo khó ở Việt Nam và Campuchia. Nhiều em trong đoàn đã tình nguyện hy sinh mùa hè để đi phục vụ những người kém may mắn tại các nước Châu Á và Nam Mỹ.

Vài năm gần đây, thấy con cái đã đủ tuổi, nhóm «cựu giới trẻ» ở vùng vịnh hè nhau ghi danh bọn nhỏ vào đoàn. Riêng con của người viết, thằng anh và con chị lớn không vui nhưng cũng không phản đối, con em thì giận dỗi khóc lóc um sùm. Con bé nói (dĩ nhiên bằng tiếng Anh) :

«Con là người Mỹ. Con không muốn nói tiếng Việt. Con không cần biết văn hóa Việt. Con không thích sinh hoạt trong đoàn thể chỉ có người Việt...»

Giải thích không nghe, dỗ không được, dọa cũng không xong, đành mặc kệ, mỗi Chủ Nhật cứ chở ba anh em đến chỗ tập văn nghệ. Qua vài tháng, thấy nó không còn khó chịu như trước nữa, sáng còn hối thúc bố mẹ đi cho sớm, chiều tập xong thì tà tà đùa giỡn với lũ bạn một lúc rồi mới chịu lên xe về nhà.

Bây giờ ngày thường ở nhà, thằng anh lớn theo thói quen cứ búng búng tay theo nhịp trống tập mỗi cuối tuần, con chị thì vừa xoay tròn vừa hát : «Tôi yêu quê tôi, yêu lũy tre dài đẹp xinh. Yêu con sông xanh dâng cát hoe vàng bên đình...» Mỗi lần như vậy, con em không nói gì, chỉ đưa mắt nhìn, miệng cười tủm tỉm. Thằng út thấy mấy anh chị vui quá cũng nôn mau đủ 12 tuổi để gia nhập đoàn. Thấy qua đoàn văn nghệ, lũ nhóc đã tìm được chính mình, tình bạn và sự liên hệ với người Việt, văn hóa Việt, bố mẹ mừng lắm nhưng cũng làm bộ răn đe :

«Lo học đi. Không học giỏi, không ngoan, khỏi đi tập văn nghệ, khỏi đánh trống !»

Từ hồi bọn nhỏ vào nhóm Giới Trẻ La San, nhóm cựu giới trẻ rủ nhau vào hội phụ huynh. Vào đoàn, phụ huynh có cơ hội gần gũi con cái và các bạn của con, và được tham gia và chứng kiến nhiều chuyện vui buồn đằng sau sân khấu.

Bình thường hội phụ huynh cũng chẳng có trách nhiệm gì ngoài việc thỉnh thoảng ủng hộ đồ ăn thức uống. Mỗi tuần các em đi tập đều đem theo phần ăn trưa cho mình, nhưng nếu có thêm đồ ăn thì bao nhiêu cũng hết với cái tuổi «bẻ gãy sừng trâu» này. Ngày trình diễn, ngoài lo ăn uống cho cả đoàn, hội phụ huynh còn bận rộn với những chuyện hậu trường như giúp các em gái trang điểm và làm tóc, giúp trang trí sân khấu, phụ trách ánh sáng, âm thanh... Thỉnh thoảng phụ huynh cũng được chỉ định vào một vai phụ nào đó. Giới trẻ làm vua, giới già làm quân thần. Các em làm quan, mình cầm lọng theo hầu. Các em làm tướng, mình đóng vai quân sĩ. Các em múa hát, mình cầm cờ đứng đằng sau... Dù làm bất cứ việc gì phụ huynh đều vui vì có cơ hội nâng đỡ con em bằng hành động cụ thể.

Hội chợ Tết Trung Thu 2012, ngoài việc lo ăn uống nguyên ngày cho cả đoàn, các bà mẹ bàn nhau bỏ công làm lời, bán thêm xôi, chè và si-rô đá bào để gây quỹ sinh hoạt cho đoàn. Sau hai ngày lăn lóc nấu ăn và mời

chào khách hàng, tiền thu vô trừ chi phí còn lại khoảng $500, trừ đi thêm $200 tiền đặt cọc cho gian hàng ban tổ chức... quên trả, vị chi lời được $300. Tính nhẩm tổng số giờ bỏ vào, mỗi người làm ra chừng 50 xu một giờ. Quá phục tài tính toán và buôn bán của phụ huynh !

Qua Tết Trung Thu 2013, rút kinh nghiệm đau thương từ lần trước, hội phụ huynh nhất định không buôn bán gì nữa. Thùng tượng Đức Mẹ La Vang Frere đem về từ Việt Nam cũng để tặng những người ghé ngang gian hàng. Hộp quyên góp để trên bàn, ai muốn cho bao nhiêu cũng được. Ấy vậy mà đến cuối ngày quyên được hơn $1500. Chẳng phải phụ huynh thông minh hay tài giỏi gì, chỉ là nhờ sự hy sinh hết mình vì nghệ thuật của các em. Số là trời hôm đó không có nắng thu dịu dàng như mọi năm. Buổi sáng trời âm u lạnh lẽo, mây đen kéo đến ùn ùn.»Mưa nắng ơn trời...» cả bọn vừa căng lều bạt cho các gian hàng và chỗ khán giả ngồi, vừa lâm râm cầu nguyện nếu trời có mưa thì xin mưa sớm sớm, đừng mưa sau 2 giờ vì đoàn văn nghệ còn phải trình diễn trên sân khấu lộ thiên. Vậy mà không sớm không muộn, bọn nhỏ vừa bước lên sân khấu, nhạc vừa trỗi lên thì mưa bắt đầu rơi, mới đầu còn lất phất nhưng càng về sau càng nặng hạt. Đứng dưới túp lều, một bà mẹ la hoảng :

«Mưa quá. Chạy ra kêu tụi nó xuống hết đi.»

Một bà mẹ khác cũng níu tay tôi :

«Làm sao bây giờ ? Chị xót quá em ơi...»

Lỡ rồi, nhóm huynh trưởng đứng dưới sân khấu cũng chịu trận thì phụ huynh mà làm được gì. Tuy ướt và lạnh nhưng bọn nhỏ vẫn tươi như hoa, vừa ca múa vừa cười toe toét. Mỗi lần mưa đổ xuống từng đợt như trút nước, khán giả lại «ồ» lên và la hét cổ võ cho các em. Sau màn trình diễn, bà con đua nhau chạy đến bỏ tiền vào hộp ủng hộ để đoàn sửa sang trang phục và thay thế nón lá và quạt giấy bị hư hại vì ướt mưa.

«Cái số của đoàn mình mỗi lần trình diễn ngoài trời là mắc mưa !» Tùng lắc đầu.»Hội Chợ Tết nè, Ngày Thánh Mẫu nè, Đại Hội Giới Trẻ ở Đức nè...»

Tôi an ủi :

«Không sao đâu. Đừng đau lòng quá mất vui.»

Cười, nhắc lại lần trình diễn cho Đại Hội Thánh Mẫu tại Missouri. Tháng 8 bên đó nóng trên trăm độ, trời hôm nắng hôm mưa. Một phụ huynh đi theo thấy con tập dợt và trình diễn khổ cực đau lòng quá, khi về lôi thằng bé ra khỏi đoàn mặc dù nó không muốn.

Nghĩ cũng tội. Với một đoàn cả trăm em, phần lớn ở tuổi vị thành niên, thời khóa biểu và kỷ luật của đoàn khá nghiêm khắc. Mỗi Chủ Nhật các em tập từ 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều với 30-45 phút nghỉ giải lao để ăn trưa. Một năm 52 tuần chỉ được nghỉ vào những dịp lễ lớn như Tết hoặc Giáng Sinh. Trước những chương trình lớn các em thường phải tập thêm giờ. Ngày trình diễn thì khỏi nói, mọi luật lệ phải được thi hành nghiêm túc. Các trưởng nói đứng là đứng, đi là đi, không được mô tê gì hết.

Các em tập dợt khổ cực, ban lãnh đạo và các trưởng còn cực khổ hơn nhiều. Ngoài thời gian dạy các bài trống và điệu múa cho các em, họ còn phải chuẩn bị cho chương trình, sửa sang và sắp xếp trang phục, trống, và các dụng cụ lỉnh kỉnh khác. Nếu diễn ở xa, phải lo chuyện di chuyển các em bằng máy bay hoặc xe buýt, đồ đạc phải đóng thùng gửi theo máy bay hoặc xe hàng, còn không phải mướn U-haul tự chở đi. Trình diễn về thì đến màn giặt giũ và dọn dẹp. Đứng sau hậu trường một lần rồi mới thấy lòng nhiệt thành và sự tận tụy hy sinh của họ.

Đoàn trình diễn ở gần thì hội phụ huynh còn đi theo được, chứ đi xa thì khó khăn hơn. Như kỳ Đại Hội Giới Trẻ ở Ba Tây hè rồi, xa xôi, đi lâu, chi phí nhiều, nên

chỉ có hai cặp phụ huynh đi theo. Chúng tôi cho thằng anh lớn đi theo phái đoàn, trước khi đi dặn mãi : «Con sang bên đó nghe lời Frere và các anh chị huynh trưởng, nhớ tin về cho bố mẹ biết con bình an.» Tuần đầu thằng con gọi về được mấy lần. Qua tuần sau nhóm đi thám hiểm rừng già Amazon và leo tháp nước Iguassu Falls điện thoại không bắt được sóng, khi về lại thành phố chuẩn bị cho đại hội, nó bận rộn và vui quá nên quên luôn. Bố nó tỉnh bơ nhưng mẹ thì đứng ngồi không yên, suốt ngày theo dõi chương trình chiếu Live từ Rio, ráng nhìn xem trong rừng người hơn một triệu đó có phái đoàn của con mình không ? Hiểu lòng cha mẹ, mỗi lần về lại nơi nào có internet, các phụ huynh lên Facebook cập nhật tin của đoàn. Tin lành, tin dữ bay về từ Ba Tây tới tấp. Ngày khai mạc đại hội, lần đầu tiên bị vây giữa một rừng người, hai em trong nhóm bị hoảng sợ (panic attack) phải vào trạm y tế. Ngày hôm sau, cũng dính đến rừng người, một em khác xỉu. Đông người quá, mỗi lần đi làm vệ sinh cá nhân phải chen ra chen vô sắp hàng mất cả hai tiếng đồng hồ, các em sợ quá không dám uống nước, người thiếu nước đưa đến mệt và xỉu. Sau khi phái đoàn áp dụng châm ngôn : «Thà tốn thời giờ, thà ra... quần, còn hơn xỉu, «tin vui bay về nhiều hơn. Nhìn tấm hình thằng con và bạn nó chụp chung với nhau đại diện phái đoàn người Mỹ gốc Việt cầm cờ

Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa trong buổi lễ Văn Hóa Thế Giới mà không cầm được nước mắt. Rồi những tấm hình chụp khi trình diễn hai vũ khúc Việt Nam, hình chụp với những sắc dân bạn, hình chụp Đức Thánh Cha khi xe của Ngài đi ngang qua chỗ nhóm đứng... Hãnh diện và xúc động không tả được !

* Ngày Văn Hóa Việt

Houston, Texas đứng hàng thứ ba, sau Nam và Bắc Cali, về số người Việt định cư đông nhất trên nước Mỹ. Nhà dòng La San mở chi nhánh tại đây từ năm 1993 để đáp ứng nhu cầu giáo dục và sinh hoạt giới trẻ của cộng đồng. Nhân dịp kỷ niệm mười năm ngày thành lập, nhà dòng tổ chức ngày Văn Hóa Việt - Việt Culture Day vào cuối tuần trước Lễ Giáng Sinh để giới trẻ có cơ hội biểu dương những nét tinh hoa của văn hóa Việt.

Giới trẻ La San California được mời sang Houston để hợp tác cùng với giới trẻ địa phương trong dịp mừng đặc biệt này. Từ tháng 5 các em đã ráo riết tập dợt cho chương trình. Qua tháng 12, giờ tập mỗi Chủ Nhật được kéo dài thêm từ 10 giờ sáng đến 6 giờ tối. Hai tuần cuối, hội phụ huynh đến phụ giúp sửa sang, may vá lại trang phục trình diễn cái mất nút, cái sút chỉ, cái rách tả tơi của các em. Chủ Nhật cuối trước ngày đi, sau giờ tập dợt, ban lãnh đạo, các trưởng và một số phụ huynh ở lại

đóng thùng quần áo và dụng cụ cho đến 2 giờ sáng. Lý do pack đồ vào phút cuối vì các em cần phải tập dợt với quần áo (dress rehearsal) vào những tuần cuối để biết chắc các em có đủ thì giờ thay đổi trang phục sau mỗi màn.

Khuya thứ Năm ngày 19 tháng 12, nhóm một gồm 40 người trong đó có Frere, ban lãnh đạo và các thành viên lớn và một ít phụ huynh rời San Francisco theo chuyến bay red-eye. Sáng thứ Sáu ngày 20, nhóm thứ hai gồm 39 người phần đông là các em trẻ tuổi, các huynh trưởng và phụ huynh còn lại khởi hành. Ngoài đồ đạc cá nhân và túi ngủ của mỗi người, đoàn gửi theo máy bay thêm 38 thùng đồ trình diễn. Kỳ này đồ đạc tương đối ít vì trống đã được chuyển sang Houston từ trước.

Nhóm một sang tới Houston lúc 6 giờ sáng và được đưa thẳng đến nhà Dòng ở Cypress. Sau khi ăn uống qua loa, nhóm bắt tay vào việc mở 38 thùng đồ và sắp xếp trang phục của từng em vào một giỏ riêng. Sau đó các em được đi nghỉ khoảng 2 tiếng trước khi bắt đầu tập dợt với nhóm giới trẻ địa phương. Trong khi các em tập thì ba phụ huynh đi mua và làm những dụng cụ không thể mang theo từ California, năm phụ huynh đến tiệm Drycleaner của một người quen mượn máy ủi khoảng 400 bộ trang phục của các em. Mọi việc tạm

xong vào khoảng 7 giờ tối, vừa lúc nhóm thứ hai qua tới. Mọi người được nghỉ một tiếng để ăn tối trước khi tổng dợt chương trình. Một giờ sáng thứ Bảy, với các túi ngủ mang theo, các em được đi ngủ, bên nam nằm trên sàn của căn gác trường Việt Ngữ La San, bên nữ dưới đất nhà nguyện của dòng.

Thứ bảy ngày 21 tháng 12, năm 2013, đồng hồ báo thức reng lúc 6 giờ sáng. Vệ sinh cá nhân, ăn uống xong là chuyển trống và đồ đạc lên xe U-haul thẳng tiến về nơi trình diễn. 9 giờ sáng họ mở cửa cho vào unload đồ đạc, set up sân khấu và sắp xếp lại các ghế ngồi. 11 giờ đoàn chuẩn bị dợt qua chương trình từ đầu đến cuối lần chót. 2 giờ 30 chiều tổng dợt xong, các em được hơn một tiếng sắp xếp thứ tự lại trang phục, ăn trưa và trang điểm làm tóc. 3 giờ 45, 15 phút trước giờ diễn, mọi thứ đã sẵn sàng.

Nhà văn nhà báo Nguyễn Đạt Thịnh đã mở màn chương trình với những lời giới thiệu rất ưu ái dành cho đoàn. Ông nói cá nhân ông đã được xem đoàn trình diễn tại Đại Hội Thánh Mẫu Missouri và luôn mong ước có ngày đoàn về trình diễn cho cộng đồng tại Houston xem. Vì đây là một chương trình do giới trẻ trình diễn, ngoài MC Thịnh còn có thêm hai MC trẻ tuổi dễ thương của địa phương.

Chương trình được mở đầu với một màn trình diễn thật hùng hồn của hơn 80 tay trống của hai miền California và Texas. Tiếp theo là phần rước cờ và chào cờ Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa hết sức trang trọng. Người viết tin mình không chủ quan khi nghĩ phần đông khán giả đều bất ngờ về chất lượng của hai màn đầu, vì tiếng vỗ tay của khán giả tưởng chừng không thua gì tiếng trống của các em.

«Tôi là con chim lạc bầy, từ muôn kiếp trước
Tôi là mây bay ngàn đời, trên trời tha phương
Quê mẹ trong tôi, chỉ là văn chương...»

Qua bài «Viễn khúc Việt Nam», giọng ca ngọt ngào của ca sĩ Phạm Đăng Khoa, cũng là một cựu thành viên Giới Trẻ La San California, đã nói lên thông điệp đoàn muốn nhắn gửi đến giới trẻ Mỹ gốc Việt ở mọi nơi :

«Chưa bao giờ về Hà Nội
Chưa bao giờ ghé Sài Gòn
Chưa bao giờ thăm xứ Huế
Nhưng tôi là người... Việt Nam.»

Và rồi, tam ca Thi Diệu, Minh Nguyệt và Thùy Dương của nhóm Giới Trẻ Houston đã đáp lời bằng những ước mơ và lời ngợi khen những nét đẹp của «Quê Hương Mình» :

«Cho tôi mơ là cánh cò dang rộng cánh trời quê hương

Cho tôi được là con đò dạo chơi những dòng sông yêu thương...

Trọng tâm của chương trình là màn vũ nhạc kịch «Đóa Hoa Hồng Trà», câu chuyện dã sử nói về một đôi uyên ương đã đặt nợ nước trước tình riêng, noi gương các vị anh hùng dân tộc, Bà Trưng, Bà Triệu, Hưng Đạo, Quang Trung... hiên ngang cùng toàn dân chống giặc Tàu xâm lược. Suốt một tiếng đồng hồ, khán giả khi im phăng phắc, lúc rầm rộ phản ứng diễn biến của câu chuyện qua lời kể của người tường thuật, qua những tiếng trống rộn ràng thúc giục toàn dân cùng đứng lên đáp lời sông núi, qua những thế võ và đường gươm oai hùng của quân sĩ, qua những điệu múa mừng chiến thắng của các nam nữ trong thôn làng, và qua một kết cuộc bất ngờ làm nhiều người rơi lệ và rồi mỗi người cùng bật lên một tràng pháo tay tưởng chừng như có thể làm vỡ tung cả rạp hát.

«Việt Nam ! Việt Nam !
Việt Nam quê hương đất nước sáng ngời
Việt Nam ! Việt Nam ! Việt Nam muôn đời»

Lời ca quen thuộc được hát vang. Rạp hát ngợp màu cờ vàng. Bầu không khí tưởng không thể sống động hơn lại bùng vỡ khi các em trở lại sân khấu trong vũ khúc ba miền»Tôi Yêu Quê Tôi» để kết thúc phần Văn Hóa Việt.

Giới Trẻ La San của hai miền California và Texas đã cống hiến cho cộng đồng người Việt tại Houston một ngày chất ngất tình Việt Nam. Bằng câu chuyện dã sử về lòng yêu nước quyện với hồi trống hùng hồn và những bài ca, điệu múa tình tự dân tộc, Giới Trẻ La San mong ước vực dậy niềm tự hào dân tộc và những nét đẹp của văn hóa Việt. Cám ơn khán giả Houston và những ân nhân đã nhiệt tình hỗ trợ cho chương trình và cho đoàn.

* Bảo Tồn. Phát Huy.

Truyền Bá.

Mới ngày nào, người viết cùng các bạn trong bộ áo dài trắng, xõa tóc ngang lưng trình diễn một điệu múa Việt với nền nhạc ngoại quốc cho khán giả người Việt phần đông thuộc thế hệ di dân 1. Thế hệ 1. 5 thời đó muốn bảo tồn văn hóa Việt như hoài bão của cha anh, nhưng vẫn có chút e dè, ngượng ngập trong phong cách.

Thế hệ thứ 2 bây giờ mạnh dạn hơn, tự tin hơn trong sự phát huy và truyền bá nét đẹp của văn hoá Việt. Vẫn trong bộ áo dài trắng và mái tóc ngang lưng, con gái của người viết và các bạn nữ rộn ràng bước theo nhịp trống rước cờ vàng ba sọc đỏ ra sân khấu, để rồi sau khi trao cờ lại cho các bạn nam, cầm hai dùi mạnh dạn gióng lên từng hồi trống hào hùng.

Những chương trình sau này của đoàn lớn và quy mô, từ nội dung cốt truyện cho đến trang phục, cách diễn xuất. Cũng những tác phẩm bất hủ đoàn trình diễn từ ngày xưa như «Tôi Yêu Quê Tôi», các em biến đổi thành đẹp mắt hơn, vui tươi hơn. Các em không giới hạn trình diễn ở địa phương, mà đi đến những nơi xa xôi để truyền bá nét đẹp văn hóa Việt cho những cộng đồng bạn, luôn cả những cộng đồng thuộc sắc dân khác.

Giới Trẻ La San đã tiến một bước dài. Chúc mừng các em.

Tôi hãnh diện là một cựu thành viên, là phụ huynh và thân hữu của các em. Cầu mong các em dù được sinh ra và lớn lên tại Mỹ, vẫn luôn yêu thương và hướng lòng về quê cha đất tổ và biết trân quý truyền thống và văn hóa Việt. Mong các em tiếp tục «mang trống đi đánh xứ người» hầu mang lại niềm tin nơi Việt Nam và khơi dậy lòng nhiệt thành dấn thân nơi giới trẻ Việt.

«Tôi yêu quê tôi yêu mãi bây giờ còn yêu
Yêu chim bay qua mang đến tin mừng thái hòa
Yêu anh yêu em yêu nước yêu trời gần xa
Và yêu cánh đồng vời xa là đây anh chờ em về...»

Nguyễn Trần Phương Dung

Ghi chú :

1. Rải rác trong bài là lời ca của ca khúc «Tôi Yêu Quê Tôi» của nhạc sĩ Trịnh Hưng, «Viễn khúc Việt Nam» của nhạc sĩ Hàn Lệ Nhân, «Quê Hương Mình» của nhạc sĩ Hoài An, và «Việt Nam ! Việt Nam !» của nhạc sĩ Phạm Duy.

2. Một số chi tiết về đoàn văn nghệ được trích từ bài «Đôi Dòng Về Đoàn Văn Nghệ Giới Trẻ La San» của Phạm Như Mai Jenny.

Nguyễn Trần Phương Dung

# Tình Bằng Hữu Vĩnh Cửu

Sáu Steve Brown

Chú Sáu Steve Brown là bút hiện của Steve Brown, một cựu chiến binh Mỹ từng đóng quân ở Biên Hoà và kết hôn với một phụ nữ Việt. Viết về nước Mỹ, ngày 18 -12-2012 đã phổ biến bài viết trực tiếp bằng tiếng Việt đầu tiên của ông, kể chuyện tình 40 năm trước giữa chàng thuỷ quân lục chiến Hoa Kỳ và một cô gái Việt. Ông bà nay có 7 người con, hiện ở Ohio. Với bài viết thứ ba, «Hành Trình Tiếng Việt của Một Người Mỹ», ông nhận Giải Bà Trùng Quang 2013. dành cho tác giả tác phẩm nào thể hiện được sức mạnh của tiếng Việt, chữ Việt khi viết về nước Mỹ. Sau đây là bài viết thứ 5 của Chú Sáu.

Năm 1993 sở tôi làm báo tin là sẽ dọn đến một chỗ trong bãi sa-mạc Mojave tại tiểu bang California. Tôi đã đi đến sa mạc này mấy lần nên đã biết chắc là không muốn ở đó. Cấp trên khuyên tôi rằng nếu không muốn đi đến đó thì phải chấp nhận bất cứ công việc nào khác để ở lại tại tiểu bang Ohio. Vài tháng sau tôi được tin là tôi có thể làm việc trong một nhóm có trách nghiệm quản lý những chương trình quân sự của Không Quân Mỹ đối với các nước ngoài. Lúc đó tôi

cũng làm việc cho Không Quân Mỹ nhưng trong nhóm thử kỹ thuật máy bay mới. Như thế công việc mới này hoàn toàn khác với kinh nghiệm tôi đang có. Dù vậy tôi vẫn phải chấp nhận.

Trong vòng mấy tháng đầu tiên làm việc tại sở mới tôi quen với anh Clarke. Thỉnh thoảng chúng tôi gặp nhau để bàn luận những chi tiết liên quan đến công trình chúng tôi đang cộng tác. Có lẽ khoảng chừng một năm sau, Clarke bỗng dưng nói với tôi rằng anh muốn nói chuyện về một số vấn đề tại nhà thờ của anh ấy. Chúng tôi quyết định gặp nhau trong khi giờ ăn cơm trưa mỗi tuần một lần.

Mấy lúc gặp nhau đầu tiên anh ấy từ từ kể lại một số vấn đề trong nhà thờ đó và yêu cầu tôi góp ý về cách giải quyết như thế nào. Sau khi gặp nhau mấy lần Clarke bắt đầu nêu lên một số chuyện liên quan tới cách tin theo Đức Chúa Giê-xu. Anh ấy kể là mỗi buổi sáng thức dậy sớm đọc Kinh Thánh và cầu nguyện khoảng một tiếng đồng hồ. Tôi thấy Clarke rất sốt sắng trong việc theo Chúa. Anh ấy nói là đã đi nhà thờ suốt đời, khi đó anh ấy đã hơn năm mươi tuổi.

Clarke hiểu qua Kinh Thánh là lễ báp-têm dành đặc biệt cho những người đã tin nhận Đức Chúa Giê-xu rồi, nhưng tại nhà thờ anh ấy đi thì họ làm lễ báp-têm cho

em bé. Anh ấy viết thư cho vị mục sư yêu cầu giải thích tại sao. Hồi âm nói rằng đó là tục truyền mà không có giải thích nào căn cứ vào lời Chúa (Kinh Thánh) cả. Vì vậy Clarke bắt đầu nghi ngờ giáo lý của đạo.

Qua khá nhiều lần bàn luận với tôi và sự tìm hiểu riêng, Clarke hiểu rất rõ ràng là sự cứu rỗi có căn cứ vào đức tin trong Đức Chúa Giê-xu Christ. Đó là đức tin rằng Đức Chúa Giê-xu là con một của Đức Chúa Trời, Ngài chịu chết trên cây thập tự giá vì tội lỗi nhân loại, Ngài bị chôn và đến ngày thứ ba Ngài sống lại. Như vậy, theo Clarke nghĩ, sự cứu rỗi chỉ bởi ân điển Đức Chúa Trời, chứ không phải bởi việc làm của người ta (trong Kinh Thánh chữ «ân điển» nghĩa là những gì Đức Chúa Trời đã làm cho chúng ta mà chúng ta không xứng đáng.)

Đã từ lâu Clarke tham gia trong một nhóm đàn ông học Kinh Thánh có khoảng chừng mười lăm người. Có một ngày anh ấy hỏi những người khác «Có ai nghĩ sự cứu rỗi chỉ vì đức tin mà thôi ?» Anh ấy ngạc nhiên lắm khi thấy không có một người nào nghĩ như thế. Tất cả đều nghĩ sự cứu rỗi có căn cứ trong cả đức tin và việc làm lành nữa.

Sau vài lần gặp tình huống giống như thế bỗng dưng Clarke nhận biết rằng : dù suốt đời đi nhà thờ, đọc Kinh Thánh và cầu nguyện nhưng thật ra anh ấy chưa tin nhận Đức Chúa Giê-xu. Chính khi nhận thức được như vậy là lúc anh ấy tin nhận Ngài và được cứu.

Sau đó có một sự thay đổi lớn lao trong cuộc đời của Clarke.

Tháng 8 năm 2004 Clarke tìm ra là đã bị ung thư (Multiple Myeloma). Theo thông tin lúc đó 100 phần trăm người bị loại ung thư này sẽ chết trong vòng 9 năm. Khi nhận được tin dữ, Clarke vẫn thấy bình an và vui vẻ. Vì vậy có nhiều người làm việc chung muốn biết tại sao. Thường thường trong tình huống này người ta không có thái độ như thế. Đó là cơ hội rất tốt để Clarke làm chứng rằng sự bình an trong tâm hồn anh chính là điều Chúa đã làm. Vì thế Clarke có thể nói chuyện với một số người trước kia không muốn nghe gì về Đức Chúa Giê-xu cả. Và tôi nghĩ đó là một cơ hội rất thuận lợi mà Đức Chúa Trời đã xếp đặt.

Mấy tháng sáu anh ấy phải đi vô một bệnh viện tại thành phố Indianapolis cách xa chừng 100 dặm để điều trị ung thư. Vì lý do đó anh ấy không có thể tiếp tục làm việc chung với tôi nữa.

Một điều bất ngờ là sau khi điều trị xong dần dần ung thư đó giảm bớt. Cuối cùng không có một di tích nào bệnh ung thư đó còn hoạt động nữa. Sau đó Clarke tìm việc làm tại chỗ khác mà làm việc tiếp đến lúc về hưu cách đây khoảng 5 năm. Suốt thời gian đó chúng tôi vẫn tiếp tục thỉnh thoảng gặp nhau. Trong bao nhiêu lúc gặp nhau như thế tôi thấy anh ấy vẫn sống trung tín với Chúa. Biết vậy thì tôi mừng vì đó là một điều có giá trị đời đời.

Năm 2012 tôi nhận xét Clarke có vẻ càng lúc càng yếu dù ung thư đã dứt lâu rồi.

Tháng 3 năm 2013 Clarke cảm thấy không khỏe nên đi khám bệnh. Bác sĩ tìm ra Clarke bị ung thư phổi loại nặng, chỉ sống được 6-8 tháng nữa nếu không có điều trị hóa liệu pháp. Lúc đó Clarke bị đặt vào tình thế tiến thoái lưỡng nan. Một mặt, vì rất yếu rồi nên ảnh muốn đi về với Chúa sớm. Cũng như ông Phao-lô nói trong Kinh Thánh, «Tôi muốn ra đi và về ở với Đấng Christ là điều tốt hơn rất nhiều.» Mặt khác Clarke biết vợ ảnh muốn ảnh qua hóa liệu pháp để có hy vọng sống lâu hơn. Cuối cùng ảnh quyết định theo phương pháp điều trị đó.

Sau khi tôi được tin Clarke bị bệnh ung thư nặng như thế tôi đi thăm viếng ảnh gần như mỗi tuần. Nhà Clarke cách nhà tôi khoảng 20 dặm. Mỗi khi gặp nhau Clarke chia sẻ nhiều điều với tôi. Chẳng hạn như khi anh đi văn phòng chịu hóa liệu pháp, tất cả bệnh nhân đến đó đều bị ung thư. Đại đa số họ đều buồn vì không chắc là sẽ sống bao lâu nữa và sợ sự chết. Những người đó hay thắc mắc những gì sẽ xảy ra sau đời này ? Đó là cơ hội rất thuận lợi cho Clarke nói cho họ nghe về hy vọng của anh ta trong Đức Chúa Giê-xu. Vậy dù tôi đến thăm Clarke với mục đích khích lệ ảnh, thường thường tôi chính là người được khích lệ. Đó là một kinh nghiệm đặc biệt mà tôi sẽ không bao giờ quên. Không quên được vì đó là lần đầu tiên trong chính đời sống tôi có kinh nghiệm như thế.

Ngày 12 tháng 9 năm 2013 tôi đi Việt Nam, Campuchia, và Thái Lan năm tuần. Trong lúc tôi ở Việt Nam Clarke và tôi có trao đổi vài điện thư. Trong điện thư ngày 20 tháng 9 Clark nói, «Đức tin tôi ở trong Đấng Christ. Tôi biết, sống hay chết, tôi thuộc về Ngài.» Ngày 25 Clarke kể ảnh té ở nhà và phải đi bệnh viện giải phẫu. Anh ấy nói vài ngày sau sẽ đi giải phẫu một lần nữa. Sau đó tôi không nhận được thư của Clarke nữa, nhưng tôi không biết tại sao.

Ngày 17 tháng 10 tôi trở về Mỹ. Ngày hôm sau tôi nhắn tin cho Clarke. Mấy tiếng đồng hồ sau tôi nhận được hồi âm, nhưng hồi âm đó không phải của Clarke mà của con gái ảnh. Cô ta kể Clarke qua đời ngày 4 tháng 10 nhưng họ không biết cách liên lạc với tôi. Được tin đó lúc đầu tôi cảm thấy buồn vì biết là sẽ không bao giờ gặp lại Clarke trong đời này. Nhưng khi suy nghĩ tôi vui vẻ trở lại vì biết là sẽ gặp nhau ở thiên đàng một ngày nào đó trong tương lai. Sáu đó tôi gởi lời phân ưu cho con gái Clarke và cũng gọi điện thoại chia buồn với vợ ảnh.

Một buổi chiều, trong ngày rất lạnh mùa đông, tôi chẻ củi phía sau nhà. Sau một thời gian tôi ngồi nghỉ. Trong lúc đó bỗng dưng tôi thấy như là cả hai Clarke và tôi ngồi trong phòng khách nhà ảnh nói chuyện như lúc trước. Tôi rất nhớ những lúc đó. Cuối cùng tôi suy nghĩ đến sự thật là hiện nay anh ấy đang ở một chỗ tốt hơn nhiều. Trong tương lai chúng tôi sẽ gặp nhau ở đó, vì thế tình bạn của chúng tôi quả thật là một tình bằng hữu vĩnh cửu.

Sáu Steve Brown

## Hình Như Là Định Mệnh

Phạm Ngọc

Tác giả sinh năm 1942, đã dự Viết Về Nước Mỹ từ năm 2006, với bút hiệu PNT, PnT và từng nhận một giải thưởng đặc biệt. Sau mấy năm bặt tin, ông viết lại với bút hiệu mới là Phạm Ngọc. Những bài gần đây là «Cái Giá Của Tự Do»; «Con Ngựa Già Trên Đất Mỹ». Sau đây là bài viết mới nhất.

Tôi không tin ở tử vi bói toán. Nhưng mười mấy năm sống với mấy ông thần nửa người nửa ngợm bên nhà, tôi cũng như đa số bạn bè khác, không có gì bám víu để tin tưởng là sẽ có một tương lai tốt đẹp hơn, nên cứ nghe chỗ nào có ông bà thầy bói nào hay là đến xem. Để biết số mình có được một sự đổi đời nào không?

Qua Mỹ, mấy năm đầu tiên, năm nào tôi cũng đợi đến gần Tết móc túi đem «cúng» hai chục đô la cho mấy ông bà thầy bói để mua một cuốn lịch tử vi. Mua riết hai, ba năm gì đó, thấy mấy sư phụ đoán mò trật lất 100%, hình như năm nào cũng đổi lời bàn từ con giáp này sang con giáp khác, sau khi kê khai ra hàng loạt những sao, hạp và không hạp với tuổi mình trong năm đó ! Đố ai nhớ hết và biết được mấy sư phụ muốn nói gì với những sao như vậy ? Ít khi mấy ổng nói con giáp nào thật xấu,

thật xui. Con giáp nào cũng có cái xui cũng có điều hên ! Nói theo kiểu «bù trất» ấy mà ! Nên tôi «nghỉ chơi», không thèm mua lịch bói toán tử vi nữa !

Đúng là bói ra ma, quét nhà ra rác như các cụ ta ngày xưa thường nói ! Nhưng tôi vẫn nghĩ rằng phải chăng có một định mệnh đang ở đâu đó quanh chúng ta và có dịp là bủa vây và cột chặt đời chúng ta lại với nhau, cho dù chúng ta muốn hay không muốn ? Phải chăng mỗi một người chúng ta đều có một phần số, không ai tranh giành số phần của ai được cả ? Câu chuyện sau đây của gia đình người bạn thân chúng tôi đã chứng minh điều này. Vì chuyện thật mà nghe cứ như là tiểu thuyết.

Khi tôi xin phép anh chị được ghi lại nguyên văn câu chuyện, chị nói : «Thôi mà, mấy anh chị có thương tụi này thì nghe xong rồi bỏ qua đi. Coi như là «mua vui cũng được một vài trống canh» thôi ! Viết ra nhiều người lại tưởng mình biện bạch cho cái này cái nọ, nói là tụi mình qua đến đây rồi mà còn mê tín dị đoan ! Và lại còn nghĩ tụi mình đề cao tử vi bói toán, quảng cáo cho ông thầy nào nữa thì khổ ! Mấy Cha mà biết mình lại còn phải đi xưng tội nữa đó !»

Nhưng người viết bài này đành xin lỗi anh chị vậy, vì câu chuyện anh chị lạ quá.

Sau đây là câu chuyện chị Phương đã kể.

«Tôi sinh ra trong một gia đình nghèo nên phải vừa đi học vừa bán bánh cam và thuốc lá nuôi mấy đứa em. Mẹ mất sớm, bố tôi lại là sĩ quan vừa đi tù về, nên không có công ăn việc làm. Thế là bố dọn một tủ thuốc lá, tôi ngồi kế bên, vừa học bài vừa bán phụ bố, vừa ghi sổ mấy người cùng xóm mua thuốc lá thiếu ! Ban ngày đi học ở Gia Long (sau 1975 đổi thành Trường Nguyễn thị Minh Khai), vừa đi học vừa đem mấy bịch me hay cốc, ổi vào lén bán cho mấy đứa bạn thân cùng lớp con nhà khá giả muốn giúp đỡ tôi. Chiều về, sau khi mấy cha con ăn uống xong, tôi lại phụ dọn tủ thuốc ra đầu đường Cao Thắng gần nhà để vừa học bài dưới ánh đèn đường vừa phụ bán thuốc lá. Thi tốt nghiệp cấp ba xong tôi nộp đơn hai, ba trường Đại Học với ước mơ là sẽ đi xa hơn để có thể giúp gia đình nhiều hơn.

Đại học nào cũng từ chối vì lý do... lý lịch tôi xấu quá ! Bố là sĩ quan ngụy, lại xuất thân từ trường Cây Mai nữa ! Tôi không nản chí, tiếp tục nộp đơn vào các trường cao đẳng, ít ra thì vấn đề xét lý lịch ở các trường này cũng nhẹ hơn. Tôi được nhận vào học Cao Đẳng Sư Phạm. Lúc vào phòng tổ chức trường Sư Phạm hỏi khi học xong thì sẽ được dạy ở đâu thì họ trả lời sẽ được «điều» lên dạy ở các vùng sâu vùng xa với đầy đủ

lương bổng (mấy chục đồng một tháng !) và mười mấy ký gạo tiêu chuẩn.

Bố tôi nói : «Con là con gái mà lên mấy chỗ đó thì chỉ có nước nộp mạng, trước hết là cho muỗi mòng sốt rét, sau là cho mấy thằng bộ đội răng nanh mã tấu !» Tôi năn nỉ xin bố cho đi học, vì như thế mới có mười mấy ký gạo để nuôi gia đình bảy người và được thêm mấy chục đồng để phụ vào đi chợ ! Nhưng Bố tôi nhất định không chịu.

Tôi lại nộp đơn thi nữa, và chuyển qua học Trung Cấp Ngân Hàng. Tốt nghiệp xong, họ bảo tôi lên một ngân hàng ở Thủ Đức để trình diện. Tôi mượn bố chiếc xe đạp cà rịch cà tàng mà bố vẫn đi mua thuốc lá sỉ về bán để đạp lên Thủ Đức. Đi từ sáng sớm, đạp mấy chục cây số đường trường, ngược gió và bụi mù trời, tôi vừa đạp vừa khóc.»Chúa ơi sao con khổ quá thế này ?»

Đến nơi, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, thở không ra hơi, tôi vừa mới leo lên tầng thứ 10 của toà nhà gặp họ thì họ bảo đã tuyển đầy đủ nhân viên, nói tôi về Ngân Hàng Nhà Bè, có thể ở đó đang cần người. Đến Nhà Bè họ lại nói đã đủ người, nên đi tìm chỗ khác. Ngân Hàng cuối cùng nhận tôi vào làm là Ngân Hàng Quận 5 sau khi đạp chiếc xe cà khổ đi khắp các chi nhánh trong mấy tháng trời để xin việc. Tôi làm ở đó, được tất cả mọi

người thương mến, có lẽ do tính cần cù chăm chỉ và ít nói của tôi.

Kế bên nhà tôi ở lúc đó có chị Bích người Đà Nẵng vào mua một căn nhà nhỏ trong cư xá Đô Thành để các cháu của chị ngoài Trung vào Sài gòn học Đại Học có nơi cư ngụ. Chị Bích rất thương tôi và hay kêu tôi cùng hai cô bạn nữa, qua nhà ăn uống mỗi khi chi bán được món hàng gì đó có lời kha khá. Tụi tôi thường chọc phá chị, nói : «Hôm nay chi Bích mình dzô mánh rồi nhen!»

Năm 1990 có gia đình người thân của chị ở Đà Nẵng vào chuẩn bị phỏng vấn đi Mỹ theo diện đoàn tụ. Tuần nào chị cũng kéo tụi tôi qua nhà ăn uống «để đến khi qua Mỹ rồi tụi nó sẽ không quên chị em mình bên này được».

Lúc đó thật tình tôi cũng chẳng quan tâm đến vấn đề đi Mỹ của vợ chồng anh Phan và hai cháu. Lúc gặp mặt ăn uống chung, tôi chỉ nói chuyện với vợ anh, chị Bích và hai cô bạn. Trước ngày gia đình anh Phan lên máy bay, chị Bích nhắn với chúng tôi : «Ngày mai mấy đứa xin nghỉ buổi sáng để ra phi trường Tân Sơn Nhất đưa vợ chồng con cái thằng Phan đi Mỹ nghe chưa ?» Tôi từ chối vì không thể nào xin nghỉ ở Ngân Hàng được vì đang mùa cao điểm của mấy tổ hợp đem tiền đến trả nợ. Chị Bích có vẽ giận : «Mi mà không đi là tao từ mi

luôn đó nghe chưa Phương ?» Tôi nghe nói hoảng hồn, vì chưa bao giờ chị gọi tôi bằng mi cả ! Phải biết là chị đang giận ghê gớm lắm.

Sáng hôm sau tôi đành phải năn nỉ mấy bà xếp ở ngân hàng xin nghỉ buổi sáng để tiễn gia đình một người bạn đi Mỹ. Giống những cuộc đưa tiễn khác, cũng có chụp hình, có chia tay bịn rịn... Tôi đứng nói chuyện với vợ con anh Phan cho đến lúc gia đình họ bước vào phòng cách ly để lên phi cơ.

Những năm tháng sau đó, thỉnh thoảng chị Bích có gọi tôi và mấy cô bạn qua nhà nhận mấy món quà nho nhỏ từ Mỹ gửi về. Liên lạc giữa chúng tôi chỉ có thế. Mười năm sau, tôi được tin chị Phan bị bệnh nan y, đã vô phương cứu chữa. Chị Bích gọi chúng tôi đến nhà và nói : «Tội nghiệp thằng Phan, mới qua Mỹ chưa được bao lâu...» Ngày được tin chị Phan qua đời, chị em chúng tôi có gọi phone qua chia buồn. Anh chỉ nói cám ơn rồi khóc.

Vài năm sau đến lượt hai cô bạn của tôi cũng được gia đình bảo lãnh. Cô bạn ở Cali, một hôm đi chợ tình cờ gặp anh Phan và hai đứa con. Mừng quá trước cuộc gặp gỡ bất ngờ, anh Phan mời cô bạn tôi về apartment của 3 cha con nói chuyện cho vui rồi sau đó cùng đi ăn. Trong câu chuyện rôm rả, cô bạn tôi bỗng hỏi : «Anh

Phan còn nhớ nhỏ Phương, bạn cùng nhóm của tụi em mà anh đã gặp tại nhà chị Bích không ? Bây giờ chỉ còn một mình nó ở lại Sàigòn. Em sẽ đưa địa chỉ nhà và email của nó để khi nào rảnh anh liên lạc với nó nói chuyện cho vui.»

Một hôm đi làm về tôi mở computer ra thấy một địa chỉ email lạ không biết là ai. Tôi đọc : «Một cô bạn của cô Phương vừa cho tôi địa chỉ email này nên liên lạc thử. Nếu đúng, và nếu không có gì trở ngại, xin cô Phương liên lạc với tôi cho vui. Tôi vẫn còn nhớ những lần họp mặt ăn uống tại nhà chị Bích, chị họ của tôi. Bà xã tôi mất cách đây ba năm, hai đứa con tôi, một đứa đã lên Đại Học, còn cô con gái đang học lớp 10. Từ hồi qua Mỹ đến giờ tôi làm đủ thứ nghề nhưng chẳng có nghề nào liên can đến chữ nghĩa cả ! Bây giờ tôi đang vừa làm thợ, vừa đi học lại ở một trường Đại Học Cộng Đồng gần nhà. Học để đỡ buồn thôi, và để khỏi quên chữ nghĩa !»

Thế là chúng tôi liên lạc lại với nhau. Cho đến một hôm tôi gần như lặng người đi khi đọc những dòng chữ của anh : «Cuộc sống bên này khó quá cho một người đàn ông góa vợ. Đi làm về lủi thủi một mình, lo cơm nước cho ba cha con ăn, tôi như muốn điên lên. Nếu Phương không cho là tôi quá già so với Phương và con

cái đã quá lớn thì mong Phương chấp thuận cho tôi được bảo lãnh Phương qua Mỹ với cha con tôi để giúp tôi quán xuyến gia đình»

Cả tuần lễ sau đó tôi không biết phải trả lời email cho anh như thế nào. Vào ngân hàng, tôi như người mất hồn. Một chị bạn, cũng là xếp lớn của tôi, hỏi lý do, và sau khi nghe tôi kể chuyện, nói : «Tao thấy mi cũng tội nghiệp. Mười mấy năm nay đi làm chỉ biết lo cho Bố và mấy đứa em của mi học Đại Học. Bây giờ Bố đã mất, mấy đứa em cũng đã học xong, có công ăn việc làm rồi thì mi cũng phải lo cho thân mi nữa chớ ? Đâu, mai mốt mi đưa hình thằng chả tao coi xem sao ! Có xứng với mi không ? Rồi tụi tao sẽ cho mi ý kiến. Nhưng tao nói thật, và chỉ nói riêng với mi thôi nghe chưa ? Mấy ổng mà biết được là tao bay chức đó ! Mi cũng nên tìm đường đi qua đó cho rồi. Ở đây suốt đời mi cũng chỉ lên được cùng lắm là chức phó phòng thôi. Mi biết tại sao rồi đó.»

Tháng sau, tôi lại nhận được email cho biết là anh sẽ về thăm tôi trong dịp Tết. Tôi tá hỏa tam tinh, vì chưa kịp chuẩn bị tinh thần gì cả. Khi không từ chỗ hai người chẳng có liên hệ tình cảm gì bỗng nhiên đòi về thăm nhau ! Và còn muốn tính chuyện xa hơn nữa !

Anh cho tôi biết ngày giờ anh đến phi trường và dặn tôi ra đón.

Cũng may là phi cơ đáp xuống phi trường vào buổi tối nên mặt mày tôi lúc đó chắc cũng không đến nổi nhợt nhạt lo sợ và khó coi cho lắm ! Anh vẫn như ngày nào lúc chúng tôi đưa tiễn anh cùng gia đình ra đi. Chỉ hơi ốm, phong trần và buồn hơn. Anh lầm lũi đẩy hành lý ra cửa, đưa mắt tìm tôi. Tôi cũng định bụng là để xem «người ta» có còn nhìn ra tôi sau hơn mười năm xa cách không mà «dám cả gan» đòi bảo lãnh tôi qua Mỹ lo cho anh và hai con ? Đi qua chỗ tôi đứng không thấy anh dừng lại, tôi thấy vừa buồn cười vừa giận. Vậy mà cũng đòi về thăm người ta ! Tôi định quay đi thì nghe tiếng gọi sau lưng : «Phương, Phương ! Anh đây cơ mà ! Em tìm ở đâu vậy ?» Lên taxi đưa anh về khách sạn mà tôi đã đặt chỗ trước xong, tôi đưa anh đi ăn ở một quán nhỏ gần nơi anh ở rồi về nhà.

Hai tuần lễ đầu tiên anh ở Sài gòn, tôi vẫn đi làm bình thường vì thời điểm đó gần Tết không thể nào xin nghỉ được. Chỉ sau Tết tôi mới xin nghỉ hai tuần để đưa anh đi chơi đây đó. Chúng tôi chụp rất nhiều hình ảnh : «Để làm bằng chứng cho em sau này khi đi phỏng vấn. Anh còn về một lần nữa, có lẽ trong dịp Hè»

«Ông này tham ghê vậy đó. Chưa xong Tết đã lo đến Hè. Bộ không sợ chị ở trên đó buồn hay sao mà gấp rút dữ vậy ông anh ?»

Tháng 7 năm đó anh lại về một lần nữa, và đòi tôi đưa vào ngân hàng «để chào bạn bè và mấy xếp của em». Sau này anh mới tiết lộ cho tôi biết là anh muốn vào để xem có ai đó «đổ lệ khi sắp đưa em sang sông qua Mỹ không ?»

Sau chuyến về thăm tôi lần thứ hai đó, anh đem tất cả giấy tờ của tôi qua Mỹ để bắt đầu làm thủ tục bảo lãnh. Tôi vẫn nhẩn nha đi làm, vì cứ tưởng rằng sẽ lâu lắm, ít ra phải hai, ba năm ! Nhưng chưa đầy một năm sau, tôi đã được gọi đi bổ túc hồ sơ, giấy tờ xin nghỉ việc và chờ đợi ngày được phỏng vấn. Lần này tôi như con lật đật, chạy hết chỗ này qua chỗ khác, từ văn phòng này đến văn phòng khác.

Ngày phỏng vấn, tôi kéo theo cả một vali nhỏ đầy hồ sơ, hình ảnh, giấy tờ. Trước tôi đã có gần cả chục người bị bác hồ sơ đang đứng xớ rớ trong phòng, mặt mày buồn xo. Tôi hoảng quá, đọc kinh thầm trong miệng để lấy lại bình tĩnh. Nhân viên phỏng vấn hỏi đủ điều về sự quen biết giữa hai chúng tôi và về gia đình anh.

Lúc đưa tấm hình chụp tôi đang nói chuyện với chị Phan và cô con gái, họ hỏi đây là ai ? Tôi chỉ từng người một và trả lời rành rọt. Câu tiếp theo, nhân viên di trú hỏi «Cô còn nhớ ở thời điểm cô đưa gia đình này đi vào lúc tháng mấy không ? Buổi sáng hay chiều, tối ?» Tôi đáp đó là vào buổi trưa khoảng cuối tháng 5.

Sau đó họ hỏi thêm về công việc làm của anh và của con cái anh bên Mỹ. Thời gian phỏng vấn kéo dài như vô tận ! Mồ hôi tôi chảy ròng ròng trên trán và trên mặt ! Tôi than thầm : «Chúa ơi, sao đi Mỹ khổ quá vầy nè ?»

Cuối cùng rồi cũng xong ! Nhân viên di trú bắt tay tôi, chúc mừng tôi đã đậu phỏng vấn. Họ còn dặn tôi về xúc tiến những công việc còn lại trước khi đi nhận Visa và mua vé máy bay. Tôi mừng quá, đưa tay làm dấu Thánh Giá cảm tạ Chúa rồi chào cám ơn nhân viên di trú. Tôi kéo chiếc va li nhỏ chạy như bay ra khỏi Tòa Lãnh Sự.

Lại mất thêm một tháng nữa để đi mua vé, vào Ngân Hàng xin giấy nghỉ việc để xuất cảnh. Hôm lên máy bay qua Mỹ, tôi chỉ còn cân nặng có 37 kg !

Nhưng đoạn trường vẫn chưa hết !

Gần hai chục tiếng đồng hồ ngồi trên máy bay, thêm

mấy tiếng quá cảnh ở Hồng Kông, tôi muốn ngất xỉu vì trên phi cơ tôi không ăn uống gì được cả ! Bước xuống phi trường Los Angeles, kéo hành lý đi qua cửa khẩu để làm thủ tục nhập cảnh, một nhân viên di trú người Mỹ hỏi tôi bằng tiếng Việt : «Bà có biết bà qua đây theo diện gì không ?» Tôi tưởng là mình đang bị lùng bùng lỗ tai nghe không rõ ông ta hỏi cái gì, nên hỏi lại: «Pardon ?» Ông ta cười cười và lặp lại câu hỏi bằng tiếng Việt.

Tôi lại than thầm : «Trời đất ! Mỹ mà nói tiếng Việt giỏi như thế này làm tui chuẩn bị trả lời bằng tiếng Anh cùng với động từ «tu quơ» chớ !» Tôi nói : «Thưa ông, tôi biết. Tôi qua đây theo diện Fiancée». Nhân viên di trú tiếp : «Vậy trong vòng 90 ngày bà phải nói với ông tiến hành làm thủ tục kết hôn tại một tòa án hôn phối của Mỹ. Nếu không bà sẽ bị trục xuất về nguyên quán. Chúc bà may mắn trên đất Mỹ.»

Cung cách ăn nói quá lịch sự, cách tiếp xúc và cư xử với những người vừa nhập cư như tôi, kèm theo nụ cười luôn nở trên môi của các nhân viên Sở Di Trú từ Tòa Lãnh Sự ở Sài Gòn cũng như tại phi trường Los Angeles đã để lại trong lòng tất cả chúng ta, những người di dân Việt Nam và các di dân khác một ấn tượng đẹp đẽ khó quên.

Nếu không có những buổi ăn uống tiễn đưa tại nhà chị Bích, nếu không có mặt tôi hôm đưa tiễn gia đình anh chị và hai cháu tại phi trường Tân Sơn Nhất vào buổi trưa cuối tháng 5 năm đó thì sẽ không có tấm hình tôi nói chuyện với chị Phan và cô con gái. Tấm hình mà nhân viên di trú đã căn cứ vào đó hỏi tôi lúc phỏng vấn, tôi cũng không biết là ai trong gia đình anh đã chụp và đã gửi cho anh từ khi nào để anh còn nhớ kèm vào hồ sơ xin bảo lãnh.

Và nếu anh Phan đi chợ không gặp cô bạn của tôi thì anh sẽ không có địa chỉ tôi để liên lạc email. Rồi cũng đã quên luôn tôi chứ đừng nói gì đến chuyện bảo lãnh. !

Những buổi ăn do chị Bích đãi, buổi tiễn đưa tại phi trường, buổi gặp gỡ thật tình cờ trước chợ giữa anh Phan và bạn tôi, và tấm hình đưa tiễn, tất cả đúng là những mắt xích đan vào nhau như một sự an bài của số mệnh để đưa tôi qua Mỹ, cột chặt đời anh Phan và tôi để tôi lo cho anh và hai cháu thay chị Phan !

Và hình như cũng đã có một sự sắp xếp nào đó của Ơn Trên để cho tôi được qua Mỹ chữa căn bệnh phụ khoa hiểm nghèo mà tôi đã vướng phải từ những năm tháng sống nghèo khổ và thiếu thốn cùng cực tại quê nhà.

Nếu không được qua Mỹ, nếu không có nền y khoa tuyệt vời cùng các Bác Sĩ tài hoa, những thiên thần áo trắng của bệnh viện UCI thì chắc chắn tôi không còn giữ được mạng sống mình cho đến ngày hôm nay.

Xin cám ơn đời, cám ơn người, cám ơn định mệnh, và nhất là cám ơn nền Y Khoa cùng các bác sĩ, những thiên thần áo trắng của Bệnh Viện UCI đã cứu tôi !

Và xin cám tạ Chúa đã ban cho con lại mạng sống hôm nay.»

Phạm Ngọc

## Bảo Tàng Của Người Lính Bị Bỏ Quên

Phương Hoa

Năm 1965, cậu bé Dann 10 tuổi của thành phố cổ Marysville có người bạn lớn đi lính sang Việt Nam chiến đấu. Nhận thư bạn lớn từ chiến trường Dĩ An, cậu bé 10 tuổi xúc động, bắt đầu sưu tập kỷ vật về Việt Nam để làm... bảo tàng. 50 năm sau, Bảo Tàng từ nhà để xe của Dann, nay đã thành một công viên bảo tàng, quốc kỳ người lính Việt Nam Cộng Hoà được trân trọng. Tác giả bài viết là nhà giáo Phương Hoa của thành phố cổ Marysville, California.

Trước đây có người hỏi điều gì đã khiến chúng tôi dọn đến Marysville, tôi trả lời có ba lí do. Thứ nhất, là đi theo «tiếng gọi» của... việc làm (move for job), một cái job toàn thời gian mà «cô giáo già» như tôi không dễ gì kiếm được ở những nơi khác. Kế đến, Marysville là thành phố «Oldest & Smallest, «cổ nhất và nhỏ nhất California tổng dân số chỉ hơn mười hai nghìn người nên khá yên tỉnh. Và điều hấp dẫn chúng tôi nhất, là cánh đồng lúa dọc hai bên xa lộ chạy vào trung tâm thành phố. Nhưng giờ đây nếu ai có hỏi, tôi sẽ thêm vào, trên mảnh đất nhỏ này còn có một nơi mà mỗi lần ghé qua là mỗi lần tim tôi thổn thức. Đó là Nhà

Bảo Tàng Chiến Tranh Việt Nam, một nhà bảo tàng có tầm cỡ ở Bắc Cali nhưng người sáng lập lại là cậu bé mười tuổi.

Nhớ lại lần đầu tiên tôi đến Maysville nộp đơn xin việc.»Cái nhà» của tôi dạo này mắt mũi hơi kém nên khi nào chạy trên xa lộ tôi dành lấy phần lái xe «cho chắc ăn.» Không lái xe, nhưng ông ấy lại là người «lái tài xế, «ngồi bên cạnh điều khiển cái GPS, chỉ đường cho tôi chạy. Tôi nào phải là tài xế cự phách gì, chạy trên đường cao tốc tôi chỉ chăm chú «ôm cần lái, «chả dám nửa mắt nhìn vào cái «cục nợ» rắc rối ấy. Cho nên nếu ông không đi cùng, thì có... cho kẹo tôi cũng chẳng dám chạy xa một mình.

Theo «lệnh» của cái GPS, từ FreeWay 5 rẽ qua 99 rồi nhập vào xa lộ 70, tôi bỗng bàng hoàng xúc động khi nhìn thấy cánh đồng lúa bao la chín vàng rực rỡ dọc hai bên đường. Trong phút chốc, tôi tưởng mình đang chạy xe trên Quốc Lộ I, ngan qua cánh đồng lúa bên quê nhà. Không biết động lực nào từ trong tiềm thức thúc đẩy, tự nhiên tôi quẹo xe một cái rẹt, tấp vào lề đường rồi mở cửa bước xuống.

Nhà tôi có lẽ cùng tâm trạng, chẳng nói lời nào ông cũng bước xuống theo. Trước mắt chúng tôi là cánh đồng lúa bạt ngàn, từ hai bên xa lộ chạy tít tắp đến tận

phía rừng cây. Trời đã gần trưa. Mặt trời đang xòe tay trọn vẹn phủ trùm ánh sáng rực rỡ chói chang lên trên cánh đồng, nhưng bầu không khí lại mát rười rượi, thơm lừng mùi lúa chín. Ôi ! Hương lúa ngọt ngào. Những vé lúa no tròn óng ả gặp vài cơn gió thổi qua mơn man làm chúng lắc lư như đang cười nắc nẻ, hài lòng với sự sung mãn của tuổi chín muồi. Gió đi rồi, chúng lại oằn xuống cúi đầu như chào đón chúng tôi, những người khách có gốc gác đồng nội không mời mà đến. Tôi nhắm mắt, hít một hơi dài để tận hưởng mùi hương lúa mà ngỡ mình đang đứng trên mảnh đất của quê hương...

Tôi chợt hình dung ra tôi của ngày xưa, của thời kỳ đất nước thanh bình. Con bé mặc áo tím quần đen đầu đội thúng xôi nếp quạ với lon muối đậu phộng rang, chân đất chạy lúp xúp theo sau mẹ. Mẹ tôi gánh cái ấm đất lớn đầy nước cây «dúi dẻ» và nồi chè bánh canh rau đắng, thức ăn nửa buổi cho thợ gặt ruộng lúa của ngoại tôi. Đứng trên bờ, tôi thích thú nhìn bà con tay liềm tay hái, thi nhau thoăn thoắt cắt từng nạm lúa quằn tay rồi bó thành từng bó gọn gàng, trong khi miệng vẫn nói cười rôm rả. Tôi hình dung ra ngoai tôi đang khúm lúa chia công cho bà con. Lúc nào ngoại cũng chừa một đống lúa lớn hơn để người ta chọn. Sau khi họ chọn rồi, ngoại còn đùa thêm cho một mớ nữa. Vậy mà sau mùa gặt, cái lẫm lúa của ngoại vẫn đầy, vẫn cao lên tận nóc

nhà. Mỗi khi cần xay gạo để ăn hoặc bán chi tiêu, ngoại phải bắt cái ghế cao cho tôi trèo vào xúc lúa giúp ngoại.

Tôi cũng hình dung ra thời kỳ chiến tranh tàn phá quê tôi. Hình dung ra cái cảnh ngoại tôi nước mắt chảy dài, đau đứt ruột nhìn lại lần cuối ngôi nhà ngói đỏ ba gian hai chái với dãy nhà ngang nhiều phòng mà bà và ông ngoại đã dày công tạo dựng, nhìn lại cái lẫm lúa tràn đầy trước khi ôm có mỗi cái hộp «Phú Ý» chứa đựng gia phả dòng họ nhà chồng, phía của ông tôi, một thân một mình chạy thoát khỏi ngôi làng bị chiếm vì cả gia đình đã trốn đi từ trước. Băng qua cánh đồng lúa, chạy khỏi những thửa ruộng nhà, khi lội qua cái đầm nước chảy, ngoại bị cuốn trôi. Dù tính mạng đang trong tình trạng thập phần nguy hiểm, ngoại vừa lặn hụp vừa bơi chỉ một tay, còn tay kia vẫn giữ khư khư cái hộp Phú Ý trên đầu cho khỏi ướt. Rất may có một người đi câu nhìn thấy chạy đến cứu giúp. Cuối cùng ngoại cũng mang được cái hộp ra thành phố để giao lại cho ông tôi.

Ngoại đã thành công trong chuyến «vượt biên» đầy nguy hiểm ấy, nhưng vì quá hãi hùng và bị nhiễm nước, ngoại mắc bệnh thương hàn sau đó và qua đời ở tuổi mới sáu mươi. Ngoại đã vĩnh viễn ra đi, nhưng gia phả họ Nguyễn thì còn đầy đủ đến tận bây giờ cho con cháu đời sau tường lãm. Mỗi lần đám giỗ họ, công trạng của

nàng dâu là ngoại tôi đều được mọi người nhắc nhở, vinh danh.

- Lúa chín đều và đẹp như vầy chắc là thu hoạch sẽ cao lắm.

Nhà tôi đột nhiên lên tiếng, phá tan bầu không khí thiêng liêng đó của tôi. Tôi vội quẹt nhanh dòng lệ vừa trào ra trên khóe mắt rồi vội vã lên xe.

Xa lộ lúc này xe cộ chạy qua nườm nượp. Tôi lại là một tên «chết nhát» nên chẳng dám nhào ra. Đợi một hồi không thấy khá chút nào, tôi đành phải chạy từ từ dọc theo lề freeway chờ cơ hội. Tôi chạy một quãng khá xa, vẫn chưa ra được đến đường. Bỗng có tiếng «quéo... quéo...» ở đằng sau, tôi nhìn lên kính chiếu hậu và hoảng hồn thấy chiếc xe cảnh sát đang chớp đèn sáng lóe rượt đến. Chết cha rồi ! Tôi đã chạy trong lề đường quá lâu, chuyến này chắc không tránh khỏi bị «ăn ticket.» Tôi dừng lại, hạ cửa kính xuống. Chuẩn bị tư thế để ký biên bản phạt.

Nhưng «còn nước còn tát». Tôi bèn «mếu máo» với người cảnh sát, rằng đây là lần đầu tiên tôi đến Marysville để nộp đơn xin việc. Chạy ngang đây thấy cánh đồng lúa chín này rất giống cánh đồng quê tôi. Không cầm lòng được, tôi dừng lại ngắm một chút cho thỏa lòng

mong nhớ. Không ngờ bây giờ xe cộ quá đông, tôi chưa dám chạy ra. Tôi chỉ nói cầu may. Thật bất ngờ, nghe tôi nói xong, ngài cảnh sát gật gù vẻ cảm động. Ông trở lại chiếc xe cảnh sát, lái ra làn đường bên phải, cố tình «cản trở lưu thông, «ép xe cộ vẹt sang lane trái, và vẫy tay cho tôi chạy. Chúng tôi mừng quá xá ! Ai nói mấy ông cò là những người khô khan tình cảm chứ ? Ngày đầu đến đây, người cảnh sát thân thiện, nhân từ này đã cộng thêm một điểm tốt nữa cho việc chúng tôi dời về miền đất mới.

Đến mùa khai thuế, tôi lên mạng lục lọi và tìm thấy tổ chức «AARP Foundation Tax-Aid» ở Yuba đang giúp khai thuế miễn phí cho công dân từ 60 tuổi trở lên và những người có mức thu nhập giới hạn. Tổ chức này có chi nhánh khắp các tiểu bang. Tất cả thiện nguyện viên đều được huấn luyện kỹ càng không thua gì những chuyên viên khai thuế thực thụ. Tôi yên tâm gọi làm hẹn và chuẩn bị giấy tờ để đem đi.

Đúng hẹn, chúng tôi đến trung tâm và được một bà tên Mary Webb giúp. Sau khi xem giấy tờ, bà hỏi :

- Anh chị là người Việt Nam hả ?

- Vâng ! Sao bà đoán được ? Bà có quen người Việt Nam nào không ? Nhà tôi hỏi.

- «Oh yeah !» Bà cười. -Tôi và chồng tôi đều ở trong binh chủng Không Quân và đã từng phục vụ ở Việt Nam từ năm 70 đến 71.

- Ồ ! Thú vị thật ! Ông nói. -Tôi cũng từng là một chiến sĩ Không Quân, phục vụ tại phi trường Tân Sơn Nhất và phi trường Nha Trang cho đến 1975.

- «Really ?» Bà Mary kêu lên, vẻ hớn hở như vừa gặp lại «cố nhân.»

Rồi bà vừa làm việc vừa trò chuyện với chúng tôi. Ngày đó bà phục vụ ở phi trường Tân Sơn Nhất, còn chồng bà, ông Austin Webb, làm cố vấn cho Không Quân Việt Nam Cộng Hòa ở phi trường Bình Thủy. Ông ấy không bị bắt buộc sang Việt Nam, nhưng vì vợ phục vụ bên đó nên ông tình nguyện đi theo. Bà Mary còn kể ngày đó bà có một người bạn Việt Nam rất thân tên Man (sau này tôi biết chị tên Mẫn). Sau chiến tranh thì mất liên lạc nhưng bất ngờ mấy chục năm sau hai người gặp lại trên đất Mỹ. -Chúng tôi mừng rỡ ôm nhau khóc ! Chị ấy ở tận bên Utah, nhưng cũng đã đến thành phố này thăm tôi. Bà nói với giọng xúc động.

- Quả đất đúng thật tròn ! Tôi nói, chúc mừng bà và người đồng hương mà tôi chưa hề quen. Lòng ngưỡng mộ tình bạn thâm sâu của họ, tôi thầm nghĩ sau này thế

nào cũng phải tìm cách để làm quen với chị tên «Man» này mới được. Nhờ bà Mary giới thiệu, chúng tôi giờ đã quen nhau, chị Mẫn quả là một người bạn tuyệt vời, đáng để bà Mary nhớ đến hàng mấy chục năm.

Nhắc đến người bạn Việt Nam, bà Mary như sực nhớ ra, cho tay vào cái túi xách bên cạnh lấy ra một tấm danh thiếp màu xanh lá cây : - Này ! Anh chị mới dọn đến đây mà có đi thăm «Nhà Bảo Tàng Chiến Tranh Việt Nam» chưa ? Tôi trả lời chưa, bà nhét tấm danh thiếp vào tay tôi : - Anh chị cũng nên đi thăm ! Đây là một nhà bảo tàng chiến tranh rất lớn mà người sáng lập Dann Spear, đã bắt đầu khi còn là một cậu bé. Tôi hiện cũng là thành viên trong ban Hội Đồng của nhà bảo tàng.

Bà Mary cho biết, hiện nhà bảo tàng đang có kế hoạch mở rộng thêm và kêu gọi mọi người hãy tiếp tay, đem tặng những kỷ vật chiến tranh, bất cứ cuộc chiến tranh nào mà Hoa Kỳ đã và đang tham gia, để giúp cho tài sản của nhà bảo tàng ngày càng thêm dồi dào phong phú.

- Có lẽ mình nên đến thăm và tặng chiếc xích lô cho nhà bảo tàng. Ông nhà tôi nói trên đường về. -Kỷ vật này nếu được trưng bày trong nhà bảo tàng sẽ có giá trị hơn là để ở nhà mình.

- Chiếc xích lô à ? Tôi chợt nhớ đến chiếc xích lô hình mẫu bé tí có gắng hai lá cờ đang được ông nhà tôi trân trọng chưng trong tủ kính phòng khách nhà tôi.

Chiếc xích lô này do một bà khách Mỹ tên Helen tặng khi chúng tôi còn tiệm nail. Bà là khách ruột rất thân, có việc gì cũng kể chúng tôi nghe. Mỗi năm đến ngày lễ Tạ Ơn, tôi làm cho bà chả giò, bà tặng chúng tôi ổ bánh mì chanh ngon tuyệt bà tự làm lấy bằng những trái chanh tươi trong vườn. Bà thường kể về Alan, người con trai độc nhất của bà từng tham chiến Việt Nam. Về sự bất mãn chán chường của anh sau khi trở về Mỹ. Bà nói ngày đó Alan và đồng đội của anh trở về đã không được chào đón như những anh hùng. Họ bị hất hủi, xem thường, vì ảnh hưởng bởi những sự «làm rùm beng không đúng» của báo chí về cuộc chiến. Từ đó anh sống khép kín, thường tìm quên trong men rượu. Anh sống đời độc thân cho đến một ngày anh bị tai nạn xe và qua đời. Có lần bà Helen nói :

- Hồi thời chiến tranh Việt Nam, tôi thật ghét cái bọn «ngồi mát ăn bát vàng» và bọn nhà báo tung tin «không đầu không đuôi» trong khi con tôi đang dấn thân vào súng đạn. Thằng Allan nói bọn chúng chỉ giỏi khua môi múa mỏ ở bên này chứ thật ra chúng chả biết cái đếch gì. Ai có đến Việt Nam, sống cùng người dân, và chiến

đấu cùng những người lính Việt Nam Cộng Hòa thì mới biết rõ sự tình, mới biết cuộc chiến này có ý nghĩa ra sao.»Cuộc chiến mà chúng con không được quyền chiến đấu cho tới cùng để thắng mẹ ạ, «Alan nó nói vậy đấy !

Alan đã nói đúng. Tôi cũng từng nghe rất nhiều cựu chiến binh Việt Nam tôi quen nói như thế.

Cho đến cuối năm 2009 thì bà Helen đã quá già, sức khỏe kém lại chuẩn bị đi mổ thận. Mấy ngày trước khi vào bệnh viện Kaiser, bà nhờ người y tá chăm sóc đặt biệt chở đến rồi đẩy vào tiệm tôi trên chiếc xe lăn. Trông bà rất yếu, thở hổn hển từ ống dưỡng khí được gắn vào mũi. Tôi nhìn bà và chợt sững sờ. Trên đôi bàn tay run rẩy của bà là một chiếc xích lô nhỏ xíu có gắng hai lá cờ, cờ Mỹ và cờ Việt Nam Cộng Hòa. Hai lá cờ giấy đã cũ sờn theo năm tháng với nhiều nếp gấp nhăn nheo. Lá cờ vàng ba sọc đỏ đã bạc màu bên góc trái và có một đường rách, nhưng được dán lại cẩn thận bằng miếng băng keo.

- Tôi sắp phải đi mổ thận, không biết lành dữ ra sao. Bà nói một cách khó nhọc. Những đường gân xanh trên cổ bà xê dịch liên hồi như thể muốn tách rời khỏi làn da tái mét. Bà đưa chiếc xích lô tí hon cho tôi :

- Chiếc «Pedi-cap» này là kỷ vật của thằng Alan để lại. Nó đã rất yêu quý và giữ gìn cẩn thận món đồ này cho đến ngày nó mất. Tôi sợ khi giải phẩu nếu lỡ có bề gì, đồ đạc của tôi bị đem bán «Estate sale» và nó sẽ lưu lạc. Bà dừng lại một lát để thở rồi nói tiếp : -Mới đầu tôi không biết phải làm gì với nó, nhưng rồi nhớ đến anh chị, tôi nghĩ anh chị là những người thích hợp nhất để tôi tặng lại món quà này. Làm ơn thay tôi giữ nó !

Tôi đỡ lấy kỷ vật từ tay bà Helen, rồi đứng mân mê lá cờ vàng cũ rách. Kỷ niệm nào từ chiếc xích lô nhỏ màu xanh có chiếc đệm đỏ này đã làm cho người cựu quân nhân Mỹ tên Alan trân quý nó đến như vậy nhỉ. Tôi còn tần ngần chưa dám hỏi thì bà Helen đã nói :

- Đây là món quà từ người bạn Việt Nam rất thân với Alan. Anh ta đến Mỹ theo diện Humanitarian Offensive (HO), và bọn họ tình cờ gặp lại nhau. Chiếc «Pedi-cap» này anh ta mang theo từ Việt Nam, khi gặp lại Alan thì tặng cho nó. Nhưng anh ta đã chết sau đó vài năm vì bệnh hoạn do ở tù quá lâu trên rừng. Ngày Alan còn sống, tôi đến thăm nhiều lần bắt gặp nó ngồi lặng ngắm cái vật này bằng đôi mắt thật buồn. Do vậy mà tôi cất giữ nó bao nhiêu năm nay. Nhưng giờ thì tôi không được nữa rồi...

Bà nghẹn ngào, dừng lại nửa chừng. Tôi cũng rưng rưng. Trong tôi dâng lên một nỗi bồi hồi khó tả. Người HO đó, một sĩ quan của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa xưa, khi rời bỏ quê hương đã mang theo chiếc xích lô. Có phải vì nó từng chuyên chở những nhọc nhằn, ngan trái, và bất hạnh của anh sau cuộc chiến ? Hay anh muốn chở hết đi tất cả những đau khổ của đồng bào mình ? Hoặc là anh muốn luôn nhìn thấy nó để nhớ lại thời kỳ, «Đầu đường Thiếu Tá vá xe/Cuối đường Đại Úy bán chè đậu đen» để cố gắng vươn lên ? Chiếc xích lô chỉ là vật vô tri, nhưng khi tặng cho Alan người bạn Mỹ đã từng cùng chung chiến tuyến, anh đã làm cho nó trở nên có hồn và đầy ý nghĩa với hai lá cờ Mỹ, Việt. Và Alan, người bạn Mỹ của anh đã trân quý, gìn giữ cho đến tận cuối đời. Điều này cũng có nghĩa, Alan đã rất trân quý cái tình bạn, tình đồng đội và đồng minh từ cuộc chiến cho tự do mà anh và anh ấy đã từng tham gia.

- Xin bà hãy yên tâm. Tôi nói với bà Helen. - Chúng tôi nhất định giữ kỹ món đồ này.

Và ông nhà tôi đã chưng chiếc xích lô trong tiệm từ đó cho đến khi chúng tôi bán tiệm mới mang về nhà. Nhớ đến đây tôi bèn nói với ông ấy :

- Phải rồi ! Chúng ta nên đem nó tặng cho Nhà Bảo Tàng. Cất ở nhà mình cứ dọn nhà tới lui hoài có khi bị gãy hay thất lạc thì uổng công bà Helen đã gửi gắm.

Về đến nhà, ông ấy lấy ngay chiếc xích lô ra lau bụi bặm. Đã hơn bốn năm rồi, từ ngày bà Helen đem tặng và không bao giờ trở lại gặp chúng tôi lần nữa. Bà sống một mình không có người thân nên chúng tôi chẳng biết hỏi thăm ai về tình trạng của bà. Chiếc xích lô sau khi được lau xong nhìn sáng sủa, nhưng hai lá cờ giấy thì quá cũ kỹ. Tôi nói :

- Trước đây vì muốn giữ tình trạng nguyên thủy của món quà nên mình để y như vậy. Nhưng bây giờ đem đến Nhà Bảo Tàng nó sẽ ở đó thiên thu. Phải thay hai lá cờ vải mới bền lâu được. Cờ Mỹ rách người ta có thể thay lá khác, nhưng cờ vàng sau này rách đi thì làm sao?

Nhà tôi đồng ý. Tôi đến Walmart mua một lá cờ Mỹ bằng vải đem về. Nhưng lá cờ vàng không biết kiếm đâu ra. Thành phố chúng tôi ở chẳng có một cửa hiệu cửa hàng nào của người Việt cả. Ông ấy nói muốn mua cờ vàng ba sọc đỏ chỉ có nước đi San Jose hoặc là xuống Nam Cali, nhưng mình cần lá cờ bằng vải nhỏ xíu như thế này thì những nơi ấy cũng không dễ gì có bán. Cuối cùng, tôi quyết định phải tự tay may lá cờ

này mới được. Nói là làm, chúng tôi rảo đi tìm mua vải. Nhưng kiếm hết từ Walmart đến Joann Fabrics chúng tôi cũng không tìm ra màu vàng và đỏ đúng màu cờ Việt Nam. Cuối cùng, tôi phải mua hai cuộn ruy-băng satin vàng và đỏ loại lớn, dù chỉ cần có một đọan.

Về nhà, tôi ủi thẳng những nếp gấp của ruy-băng rồi hì hục cắt may. Tôi trưng dụng luôn ông xã làm thợ phụ, «lệnh» ổng chạy tới chạy lui, hết lấy kéo đến cầm bàn ủi, phụ lượt dính những sọc đỏ vào hai mặt của lá cờ. Đến khuya thì tác phẩm của chúng tôi cũng hoàn thành, lá cờ vàng ba sọc đỏ nhỏ xíu nhưng đẹp rực rỡ, sáng chói. Ông ấy thích quá đem gắn ngay vào chiếc xích lô và lấy máy hình ra chụp.

Qua những thông tin và tài liệu từ bà Mary, tôi tìm hiểu và biết thêm về lịch sử nhà bảo tàng trước khi đến viếng. Việc cậu bé tên Dann hình thành Nhà Bảo Tàng Chiến Tranh Việt Nam đã được cộng đồng Marysville và những vùng lân cận biết đến rộng rãi. Cậu bé thu thập kỷ vật và bắt đầu trưng bày bộ sưu tập về chiến tranh Việt Nam trong garage nhà cậu từ năm 1966. Lúc nào có dịp, là cậu «khăn gói» mang nó đi triển lãm khắp nơi, từ những bữa tiệc sinh nhật, họp mặt gia đình, đến club. Tấm lòng của cậu bé đến tai nhiều người, nhiều hội đoàn, và cậu được mời dự cuộc họp thường niên của

các cựu chiến binh phi công Hoa Kỳ thời Đệ Nhị Thế Chiến. Tại cuộc họp mặt này, Dann được cựu tướng Không Quân nổi tiếng «Tex» Hill, một trong những con cọp bay «Flying Tigers» xuất sắc trong Thế Chiến thứ II, tặng một bức hình của ông với lời ghi chú, «Tặng Dann, người bạn nhỏ của tôi. Hy vọng tấm hình này sẽ làm phong phú thêm cho nhà bảo tàng tương lai của bạn.» Điều này cũng là một động lực rất lớn giúp cậu bé hoàn thành ước nguyện.

Khởi đầu, nó là một nhà bảo tàng tư nhân «tí hon» của cậu bé Dann. Năm 1977, Dann bắt đầu mang bộ sưu tập của mình đi xa hơn, lúc này cậu thu thập được khá nhiều kỷ vật của những chiến binh từ Việt Nam trở về, đem triển lãm tại các lễ hội truyền thống, hội chợ, triển lãm súng, căn cứ quân sự, cùng nhiều nhà bảo tàng chiến tranh khác.

Về sau Dann Spear và vợ, Roberta, đã tự vay tiền để xây dựng lớn thêm trên khu đất nhà của họ, không quyên góp hoặc nhận bất cứ ngân khoản tài trợ nào từ hội đoàn hay chính phủ. Và đến năm 1985, mười năm sau chiến tranh Việt Nam, nhà bảo tàng trong mơ ước của cậu bé Dann được chính thức khánh thành ra mắt công chúng với bài nói chuyện của thiếu tướng Donald Mattson, giám đốc Viện Bảo Tàng Quân Đội Tiểu Bang

California, người cũng đã từng tham chiến Việt Nam.

Điều đặc biệt, nhà bảo tàng tuyệt đối không hề thu lệ phí vào cửa. Mỗi khi có ai hỏi về việc này, Dann trả lời, «Đây là nhà bảo tàng của các cựu chiến binh và của các bạn, bạn không phải trả tiền !»

Đến nay thì nhà bảo tàng đã được phát triển rất quy mô, tiếp nhận gần sáu chục nghìn kỷ vật, kể cả những kỷ vật từ các cuộc chiến khác quân đội Mỹ tham gia, như Thế Chiến thứ I, thứ II, Nội Chiến, Triều Tiên, Iraq, Afghanistan... và xây một gian phòng hơn 6000 square feet dành riêng làm thư viện. Nhà Bảo Tàng giờ đây chính thức trở thành tổ chức bất vụ lợi, là di sản văn hóa của Bắc Cali, quản trị bởi một Ban Hội Đồng mà Dann Spear là giám đốc, được phép nhận quyên góp, gây quỹ để mở mang.

Nhà Bảo Tàng Chiến Tranh Việt Nam Marysville được xem là «Nhà bảo tàng của những chiến sĩ bị bỏ quên» (Museum of the Forgotten Warriors). Báo giới địa phương đã khen ngợi giám đốc Dann Spear, «Hình thành nhà bảo tàng này, Dann đã trả lại tên tuổi và mặt mũi cho các cựu chiến binh Việt Nam, những người đã từng bị bỏ quên sau cuộc chiến.»

Cuối tuần, chúng tôi rủ ông bạn hàng xóm tên Wayne, cũng là cựu chiến binh VN, đi thăm nhà bảo tàng. Nghe ông nói ở đó có bàn ghế picnic cho khách tham quan, tôi làm chả giò, cơm chiên, nướng một ít xúc xích, và mang theo trái cây, thức uống cho bữa trưa.

Nhà Bảo Tàng tọa lạc trên một khu đất rộng, thuộc vùng ngoại ô phía đông thành phố Marysville. Tấm bảng «VIETNAM-MUSEUM» trước cửa thì nhỏ, đơn giản, nhưng những chiếc Thiết Giáp, Trực Thăng, Súng Cối, những chiến cụ khổng lồ đã từng một thời «khạc ra lửa, mửa ra khói» cùng với quân đội Việt Nam Cộng Hòa, đang nằm «an dưỡng» trong sân, xung quanh là những lá cờ Mỹ to đùng và cờ binh chủng đủ màu giăng khắp mọi nơi, đã nói lên tầm vóc to lớn của nhà bảo tàng.

Chúng tôi vừa đến cửa thì một người đàn ông ra chào đón rất niềm nở. Ông cho biết là hướng dẫn viên của nhà bảo tàng, tên Richard Sawyer, cũng là cựu chiến binh phục vụ tại Việt Nam từ năm 70-71. Ông nói «Tôi ở đây thường xuyên vì nó là cái nhà thứ hai của tôi !» Ông nhà tôi tỏ ý muốn gặp giám đốc Dann để tặng món quà. Thực ra thì tặng quà đâu cần phải gặp giám đốc, nhưng tôi vì tò mò muốn biết mặt «cậu bé Dann» rất nổi tiếng này ra sao nên đã dặn trước nhà tôi là «Không gặp

ông Dann không về !» Trong khi chờ đợi gặp giám đốc, chúng tôi được ông Richard đưa đi tham quan khu vực Nhà Bảo Tàng Việt Nam. Ông bạn Wayne đã quá quen thuộc với nơi này nên ông ra thư viện để đọc sách.

Ông Richard cho biết, tất cả các phòng phía trước là Nhà Bảo Tàng Chiến Tranh Việt Nam nguyên thủy lúc khởi đầu. Những gian kế tiếp trưng bày kỷ vật của các cuộc chiến khác mà Hoa Kỳ tham gia. Theo chân ông Richard vào gian phòng đầu tiên, tôi bỗng lặng người khi nhìn thấy lá cờ vàng ba sọc đỏ, cờ Việt Nam Cộng Hòa, thật lớn được lộng trong khung kính song song với lá cờ Mỹ đồng kích cỡ, và được đặt trang trọng trên kệ dãy tủ kính cao tận trần nhà. Bên trái khung ảnh treo cái phù hiệu tròn lớn có khắc hình một quân nhân bồng súng và bên phải treo chiếc áo giáp với hai mẫu tự «MP, «nhìn có vẻ như là chúng đang «hộ vệ» cho hai lá đại kỳ Việt Mỹ. Bên dưới khung hình đứng một hàng dài các cô gái búp bê xinh đẹp mặc áo dài đủ màu sắc, kiểu eo thon truyền thống Việt Nam ngày trước, nhiều cô đầu trần với những mái tóc đen dài bện thành hình con rết và vài cô đội nón lá nghiêng nghiêng. Một sự trưng bày trang trí độc đáo như nhắn nhủ với người xem, chiến tranh đã từng nhẫn tâm dày xéo trên đất nước của các cô gái mỹ miều này.

Tôi vừa đi vừa căng mắt nhìn dán vào những món đồ trong tủ kính, vừa chú ý đến những lời thuyết minh lưu loát của ông Richard, như thể những kỷ vật là của chính ông. Mỗi kỷ vật đều có sự tích riêng, từ món nhỏ nhất là chiếc huy hiệu, biểu tượng, sắc áo, màu cờ của các binh chủng Việt, Mỹ, cái vỏ chai bia Sài Gòn cao nghệu có hình cờ vàng ba sọc đỏ, đến bài báo tiếng Việt với bản tin «Chiến Thắng Quảng Ngãi» đăng tin «Liên Quân Việt Mỹ đã mở cuộc hành quân và đại thắng, «tất cả nói lên tấm lòng và lời nhắn gửi của các cựu chiến binh Việt Nam đã cất công mang về và gìn giữ chúng.

- Xem kìa ! Nhà tôi bỗng kéo tay tôi, chỉ vào tấm hình một vị tướng Mỹ đeo sao có mấy hàng chữ đề tặng kề bên. - Đây là tướng William Westmoreland, vị tướng chỉ huy quân sự cuộc chiến Việt Nam ngày xưa !

Tôi bước lại gần, chưa kịp đọc những lời đề tặng thì nghe có tiếng người nói từ đằng sau :

«Yeah !» Tướng Westmoreland là «The Best, «người có biệt danh «đánh đâu thắng đó, «và ông đã từng nhiều lần đấu tranh đòi cung cấp thêm vũ khí đạn được cho các bạn đó !

Chúng tôi quay ra thấy một cựu quân nhân Mỹ đang cười toe, chỉ tay vào bức hình của ông tướng rồi đưa

ngón cái làm dấu «number one !» À, thì ra là «lính cũ» của ông tướng. Richard giới thiệu đó là Don Schrader, người từng là cố vấn cho «Lực Lượng Đặc Biệt» tại nhiều căn cứ «MACV» khác nhau ở Việt Nam năm 65-66. Ông Don nói giám đốc Dann đang đợi ở văn phòng và kêu chúng tôi đi theo ông.

Một người đàn ông Á Châu bước ra khi chúng tôi vào. Giám đốc Dann ngồi trước một cái bàn dài chất ngổn ngang đầy những kỷ vật. Ông nói người đàn ông vừa rồi là người Hmong, đem tặng những kỷ vật từ cuộc chiến Việt Nam mà ông ấy từng tham dự.»Cậu bé Dann» mà tôi muốn gặp là một người đàn ông cao lớn, mặt đỏ hồng như tượng ngài Quan Công, nhưng nhìn rất hiền lành thân thiện. Tôi kể chuyện bà Mary giới thiệu, ông tỏ ra vui lắm. Nhà tôi lấy chiếc xích lô ra và nói :

- Đây là kỷ vật rất đặc biệt từ một cựu chiến binh Việt Nam, chúng tôi xin tặng lại cho nhà bảo tàng.

Ông Dann tròn mắt trầm trồ :

- Ô !»Excellent !» Chiếc «Pedi-cap» thật là tuyệt mỹ! Vừa rối rít cám ơn, ông vừa lấy ra tấm «note» nhỏ để chúng tôi đề tặng. Rồi ông kêu tôi trao kỷ vật tận tay ông và đưa máy hình cho nhà tôi chụp mấy tấm. - Chúng tôi

phải luôn luôn chứng minh đó là món quà tặng thật sự. Ông nói.

«An vị» chiếc xích lô vào chỗ thâu nhận kỷ vật xong, ông Dann đích thân đưa chúng tôi trở lại xem nốt các phòng trưng bày về cuộc chiến Việt Nam. Đi ngang một dãy «Mannequin» người mẫu mặc quân phục, tôi chợt nhớ lại những gì bà Mary kể bèn hỏi ông Dann :

- Tôi nghe bà Mary nói ông đã bắt đầu cái ý tưởng thành lập nhà bảo tàng này lúc ông còn rất nhỏ, ông có thể kể chi tiết cho chúng tôi nghe được không ?

Mặt người giám đốc vốn đã hồng hào giờ lại sáng tươi : -Theo tôi ! Ông nói, và dẫn chúng tôi lại trước một chiếc tủ kính : -Năm 1965, khi tôi mười tuổi, tôi có viết thư cho một người bạn lớn tên Bill Buchroeder, thuộc đại đội I Bộ Binh đóng quân ở Dĩ An bên Việt Nam. Anh đang học cấp ba cùng trường với tôi thì bị tổng động viên và đưa sang Việt Nam đánh giặc. Bill đã hồi âm cho tôi từ chiến trường Việt Nam sau một trận đánh, và lá thư anh viết trên mặt sau của mảnh giấy chỉ dẫn cách sử dụng mìn «Claymore» đã làm tôi xúc động. Ông ngừng lại rồi mỉm cười, vẻ hãnh diện : -Và tôi chợt nảy ra ý định sưu tập những kỷ vật chiến tranh Việt Nam từ đó. Lá thư «lịch sử» này là một trong những kỷ vật đầu tiên của bộ sưu tập, của nhà bảo tàng này !

Nhìn mảnh giấy cũ kỹ, ố vàng trong khung kính với những dòng chữ nguệch ngoạc mà tôi thấy nao lòng. Người quân nhân Mỹ tên Bill Buchroeder ấy đã cố gắng hồi âm, gửi lòng mình từ trận tuyến nửa vòng trái đất Việt Nam về cho người bạn nhỏ của mình trên một mảnh giấy loại, mà không kịp chờ về thành phố để có giấy bút đàng hoàng. Anh làm sao ngờ được, hành động nhỏ nhưng đầy tình cảm này đã tạo một ý tưởng lớn cho cậu bé Dann.

Ông Dann bỗng nhìn qua bên trái và nói, giọng đầy cảm xúc :

- Anh chị xem này ! Ông chỉ vào một ống thủy tinh nhỏ chỉ bằng ngón tay út. -Tuýp đất này là của một cựu chiến binh tặng. Anh nói đó là kỷ vật quan trọng anh đem từ Nam về cất giữ mấy chục năm qua.

Tôi cảm thấy cổ mình nghèn nghẹn. Nam là tên gọi thân thương mà các cựu chiến binh Hoa Kỳ tôi quen biết thường dùng mỗi khi họ nhắc đến Việt Nam. Người lính này ắt hẳn đã có những kỷ niệm khó quên đối với Nam nên mới trân trọng nhúm đất đến như vậy. Kỷ niệm nào nằm trong tuýp đất màu nâu bé xíu đó hả anh? Có phải nó được trộn lẫn với máu và nước mắt của anh? Của bạn anh ? Của những người lính Việt Nam Cộng Hòa anh dũng sát cánh chiến đấu cùng anh mà anh nỡ

phục ? Hay của đồng bào tôi, những người dân vô tội bị thương vì đạn bom mà anh đã từng cứu giúp ? Có phải đó là nơi anh đã từng hò hẹn yêu thương một người con gái Việt Nam dịu hiền ? Hay là nó chứa đựng sự đau lòng của anh vì nhiệm vụ chưa hoàn thành mà đành phải rời bỏ cái quê hương bé nhỏ nửa vời để giao miền đất tự do cho phương Bắc ? Dù bất cứ đó là những kỷ niệm gì, cũng xin anh cho tôi được chia xẻ, được cám ơn anh. Không biết giờ này anh ở đâu. Ước gì tôi được gặp anh để bắt tay anh và nói một lời cám ơn sâu sắc. Nhìn thấy nhúm đất này tôi như thấy cả quê hương Việt Nam của tôi. Anh chỉ sống ở đó một thời gian ngắn mà khi rời xa anh còn lưu luyến đến thế này. Còn tôi, tôi đã được sinh ra và lớn lên ở đó với muôn vàn kỷ niệm. Anh biết là tôi đau lòng như thế nào khi rời bỏ nó, đúng không anh ?

Đang miên man suy nghĩ, tôi giật mình nghe tiếng nhà tôi :

- Kìa ! Đây là phù hiệu binh chủng Không Quân của tôi ! ông nói với ông Dann, chỉ vào cái phù hiệu rồng bay «Tổ Quốc Không Gian» được đóng khung treo trong tủ kính, xung quanh quây quần bởi nhiều huy chương và phù hiệu của các binh chủng quân lực Việt Nam Cộng Hòa. -Tôi đã phục vụ trong Không Quân cho đến ngày

nền Cộng Hòa của chúng tôi bị mất. - Vậy sao ? Ông Dann hỏi như reo lên : Thế anh có còn giữ được hình ảnh gì không ? Chúng tôi cần sưu tầm thêm kỷ vật và hình ảnh của những người lính Việt Nam Cộng Hòa. Chúng tôi có không nhiều lắm những kỷ vật về các chiến sĩ đồng minh từng chiến đấu chung với quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam.

Tôi cười và góp lời :

- Tôi còn giữ được vài tấm hình ông ấy mặc quân phục, chụp ở phi trường Nha Trang và Tân Sơn Nhất. Nhưng hồi đó ông ấy chỉ là một chuyên viên vô tuyến phi cơ. Ổng đâu có cấp bậc cao, đâu phải «quan quyền» chi mà đem hình ảnh đến đây để chưng, mắc cỡ chết !

«So what ?» -Vậy thì đã sao ? Ông Dann nhướng mày : -Không có lính thì làm sao có quan ? Chúng tôi tôn trọng và vinh danh hết thảy các ban ngành, các cấp bậc. Tất cả mọi người trong quân đội đều liên quan với nhau như một guồng máy, thiếu một bộ phận máy sẽ không chạy được. Nếu anh chị copy và tặng cho viện bảo tàng vài tấm hình, chúng tôi sẽ quý lắm !

Nhà tôi hứa khi về sẽ sao lại vài tấm và gửi cho ông. Dạo hết khắp các phòng trưng bày về cuộc chiến Việt Nam thì ông Dann đưa chúng tôi ra phía sau. Chúng

tôi bước theo, tưởng ông sẽ cho xem tòa nhà kế tiếp. Nhưng ra khỏi cửa sau đến khoảng trống giữa hai tòa nhà, ông dừng lại. Tôi nhìn sang bên trái thấy nhiều dãy thẻ bài kim khí, những thẻ bài trắng không tên, được treo dày đặc sát vách tường từ tòa nhà bên này vòng quanh qua tòa nhà bên kia thành hình chữ U. Chính giữa là cái bục xi măng thấp, trên đặt đôi giày bốt, một lá cờ Mỹ cắm rũ cạnh khẩu súng trường dựng đứng, bên trên là chiếc nón sắt, và một vòng hoa rực rỡ được treo trên thân của khẩu súng trường. Ông Dann bỗng đứng nghiêm, quay mặt về phía vòng hoa và đưa tay lên trán chào kiểu nhà binh. Nhà tôi cũng làm y như vậy. Riêng tôi thì đứng cúi đầu mặc niệm, lòng thầm nghĩ không biết có bao nhiêu thẻ bài ở đây nhỉ.

- Ở đây có tất cả là 6, 297 thẻ bài, mỗi tấm thẻ tượng trưng cho một chiến sĩ Hoa Kỳ đã hy sinh ở Iraq và Afghanistan. Ông Dann chợt lên tiếng như đọc được ý nghĩ của tôi, làm tôi giật cả mình. Ông kể, đài Tưởng Niệm này được khánh thành hồi tháng 10 năm 2011, cùng lúc với lễ «Đổ Đất Thánh, «đất cát vàng nâu từ Iraq được rắc ở trung tâm đài cho linh hồn những quân nhân tử trận Iraq, và đá dăm màu xám từ Afghanistan đổ viền xung quanh dành cho anh linh tử sĩ hy sinh Afghanistan. Rồi ông nhìn chúng tôi : - Anh chị đã biết, cái giá chúng ta phải trả cho tự do là quá đắt. Trong

mấy tháng trời, tôi cứ suy nghĩ phải làm một cái gì đó thật đặc biệt để vinh danh các chiến sĩ đã bỏ mình vì sự tự do của chúng ta, và tôi đã nghĩ ra ý tưởng thành lập đài tưởng niệm này. Anh chị có tin không ? Ông chỉ tay vào những sợi dây : -Các phi công và chiến sĩ Không Quân từ phi trường Beale Air Force Base đã giúp treo số thẻ bài này, và mặc dù những sợi dây được gắn sẵn mấy nghìn tấm thẻ quá dài, chật vật lắm, nhưng họ làm rất cẩn thận, tỏ lòng tôn kính những linh hồn. Họ đã giữ kỹ, không hề để cho tấm thẻ bài nào chạm xuống đất lấy một lần !»Amazing !»

Tôi có cảm giác như mình sắp khóc trước tấm lòng yêu nước và biết ơn những tử sĩ hy sinh vì tự do của ông Dann. Tôi càng cảm động hơn về sự tôn kính đối với số thẻ bài tượng trưng cho các linh hồn chiến sĩ từ nhóm phi công làm thiện nguyện. Quả là những tấm lòng thật đáng ngưỡng mộ !

Chúng tôi đang chăm chú nghe ông Dann nói, đột nhiên có những âm thanh «leng keng» xào xạc phát ra từ những tấm thẻ bài, đồng thời nhiều ánh sáng nhấp nháy như những vì sao hiện ra dưới đất. Tôi còn sững sờ nhìn chăm chăm vào những ánh sao «lấp lánh giữa ban ngày» đó thì ông Dann reo lên :

- Ô kìa ! Anh chị may mắn quá, đã đến đúng thời điểm ! Không biết có phải linh hồn của các chiến sĩ đang chào đón chúng ta chăng ? Hiện tượng này xảy ra lần đầu tiên trong ngày lễ khánh thành đài tưởng niệm. Về sau lâu lâu mới có một lần vào thời điểm khác nhau, những thẻ bài này rung động, nhấp nháy như ánh sao vậy đó. Ông rùng mình, đưa cánh tay ra : -Xem đây này! Mỗi lần như thế là chân lông tôi dựng đứng cả lên ! Rồi ông nhìn lên trời : -Anh chị thấy đó. Trời lặng im không chút gió, vách tường của hai khu nhà cao vòi vọi, những tấm thẻ bài này được treo chỉ đến một nửa chiều cao của vách tường, bên trên có mái nhà nhô ra. Dù có mặt trời thì cũng không thể nào rọi vào chúng được huống chi là giờ này không thấy mặt trời đâu cả. Đây là một điều thật thần kỳ không hiểu nổi !

Tôi cũng rùng mình dựng chân lông. Tấm lòng của ông Dann hình như đã được linh hồn các tử sĩ nhận biết. Có phải họ đã cho thấy hiện tượng này để «vinh danh» ông Dann với chúng tôi chăng ? Nhà tôi lật đật đưa máy hình lên bấm một cái. Tuy những ánh sao đó xuất hiện cả trên nền cát của hai bên, nhưng vì vội vàng ông ấy chỉ chụp được một phía và vẫn thấy rất rõ những ánh sao, phía bên phải hơi bị tối.

Vẫn còn bàng hoàng, tôi nói với ông Dann chúng tôi sẽ tự đi xem tiếp những phòng trưng bày khác sau khi ăn trưa. Tôi đem thức ăn bày ra ở bàn picnic rồi nhờ ông bạn Wayne vào mời ông Dann, ông Don, ông Richard ra để «thử món chả giò Việt Nam» với chúng tôi. Và tôi rất mừng vì các ông ấy nhận lời, tuy họ rất bận vì khách tham quan và người hiến tặng ra vô nườm nượp.

Chúng tôi vừa ăn vừa chuyện trò vui vẻ. Ông Dann làm thanh tra về ngành xây dựng, «Encroachment Inspector, «chuyên xem xét những việc xây dựng xâm lấn đất đai trái phép. Thời gian rảnh ông dành trọn cho nhà bảo tàng. Ông cho biết khi chiến tranh Việt Nam bắt đầu, tuổi ông còn quá nhỏ để tham gia, nhưng từ những tin tức của bạn bè lớn tuổi học cùng trường, Việt Nam đã là nỗi ám ảnh của ông.

Ông Dann cũng kể nhiều điều thú vị về việc thành lập nhà bảo tàng : -Tôi biết có nhiều kỷ vật chiến tranh Việt Nam giá trị đã bị bỏ quên đâu đó, trong nhà xe, trên gát, hay lẫn lộn trong đống hỗn tạp ở nhà kho, và rồi lâu ngày người ta sẽ quên chúng đi, thật là uổng phí ! Theo ông, nhờ những kỷ vật này, những chiến binh Hoa Kỳ từng chiến đấu và chết cho cuộc chiến Việt Nam sẽ không bao giờ bị quên lãng như họ đã từng bị lãng quên trước đây. Ông nói điều làm ông đau lòng nhất là sau

cuộc chiến, những chiến binh Hoa Kỳ đã trở về trong cô độc, không có người cảm thông cho sự khổ nhọc và hiểm nguy họ đã từng đương đầu. Ông thở dài : -Cuộc chiến đã chấm dứt từ lâu nhưng tôi có thể thấy niềm đau vẫn còn hiện rõ trong mắt các cựu chiến binh, và tôi biết vết thương trong lòng họ vẫn chưa lành hẳn !

Nhà Bảo Tàng được mở cửa vào tất cả các ngày thứ Bảy và các tối thứ Năm trong tháng, cộng với những ngày lễ lớn.»Nhưng ban quản trị cũng thường sắp xếp lịch để mở cửa cho những cuộc tham quan cả nhóm bất cứ lúc nào nếu họ gọi, «ông Dann cho biết. Khi tôi nói sẽ viết một bài giới thiệu nhà bảo tàng với cộng đồng Việt Nam, ông tỏ vẻ vui, nói sẽ cung cấp bất cứ thông tin mà tôi muốn biết. Ông đã làm thế thật. Trong bài này có nhiều chi tiết tôi phải email hỏi lại ông vì ngày hôm đó tôi không ghi chép kịp. Ông còn cho tôi vài tấm hình vì hình chúng tôi chụp cũng giống y chang nhưng không được đẹp lắm. Tôi nói đùa sẽ mời ông đến cộng đồng Việt Nam của tôi cho ông thuyết trình, hầu quảng bá thêm về nhà bảo tàng, khuyến khích cộng đồng tặng thêm kỷ vậy thì ông cười, «Đó cũng là một ý hay !»

Sau đó ông Don Schrader đưa chúng tôi vào thư viện, mở «Slide» cho xem số hình ảnh ông thu thập ở Việt Nam thời gian 65-66. Tôi ngạc nhiên đến lặng người

khi nhìn lại quang cảnh núi đồi sông nước của Việt Nam thân yêu ngày xưa, sông Cửu Long, bãi biển Vũng Tàu, Nha Trang, miền đất đỏ Pleiku, bến cảng Vũng Rô, Sông Hương và cầu Tràng Tiền Huế... Những hình ảnh đẹp nguyên thủy khi chiến tranh chưa tàn phá mà từ lâu tôi đã ngỡ không bao giờ nhìn thấy nữa, giờ lại được xem qua tay một người Mỹ.

Chúng tôi còn đi xem các phòng trưng bày nhiều cuộc chiến khác mà Mỹ đã tham gia. Có những kỷ vật cổ nhất, lâu đời nhất như tấm chăn mà cụ cố của Đại Tá Galbraith đã dùng khi ông bị quân Anh bắt cầm tù trong cuộc chiến tranh Cách Mạng (Revolutionary War) hồi Thế Kỷ thứ 18, đến viên gạch lấy từ tòa nhà mà quân đội Mỹ chiếm được trong một trận chiến săn lùng quân nổi dậy Taliban sau sự kiện 9-11 được Thượng Sĩ Roscoe Presley từ Afghanistan gửi về cho ông Dann, và những kỷ vật gần đây nhất là hình ảnh thư từ của các chiến binh Hoa Kỳ từ Iraq và Afghanistan gửi về. Quả thật nơi này có quá nhiều thứ, nhiều điều để xem, để nghiền ngẫm. Cuối cùng chúng tôi cũng phải ra về trong luyến tiếc. Nhà tôi từ đó mỗi khi nói chuyện với bạn bè đều khuyến khích họ đi thăm Nhà Bảo Tàng này.

Cậu bé Dann đã bắt đầu trang sử cuộc đời bằng một ý tưởng độc đáo. Việc chẳng dễ chút nào, nhưng nhờ vào ý chí lẫn niềm đam mê, cậu đã cùng với nó lớn lên và hoàn thành xuất sắc viết nên trang sử đó. Nhà Bảo Tàng Chiến Tranh Việt Nam Marysville là di sản văn hóa vô giá, là chứng cứ sống thực để minh họa cho những gì các sử gia ghi lại về cuộc chiến giữa Quốc Gia, Cộng Sản của người Việt và đồng minh Mỹ thời Việt Nam Cộng Hòa tự do, cũng như các cuộc chiến tranh khác của Hoa Kỳ. Nó là bản di chúc bằng vật thể các chiến binh để lại, chẳng những nhắc nhở giới trẻ Mỹ noi gương những chiến binh anh hùng của họ, mà còn giúp các thế hệ kế tiếp người Mỹ gốc nước ngoài hiểu biết về cội nguồn, về vì sao ông cha họ lại lưu lạc đến đất nước này.

Địa chỉ Vietnam Museum :

5865 A Road, Marysville, CA 95901-

Phone : (530) 742-3090

Phương Hoa

# «Cốt» Hay Không «Cốt»

Nguyễn Thi

Tác giả là một Facilitator -giúp hướng dẫn những buổi học thảo nói về hệ thống học đường tại Bắc California- đã nhận giải đặc biệt viết về nước Mỹ 2008 với nhiều bài viết giá trị về nhà trường và gia đình. Bài mới nhất của Nguyễn Thi kể về một «Learning Center, một phòng học về «computer» hiện đại của thế kỷ 21 tại trường học vừa hoàn tất (hình ảnh kế bên) và phong trào coding, học cách viết chương trình điện toán.

Reng... reng... reng...

Tiếng chuông điện thoại reng inh ỏi khiến ông Nhàn giật mình tỉnh giấc. Ông nhìn đồng hồ đeo tay thấy mới có 7 giờ sáng. Không biết ai sáng sớm đã gọi điện thoại rồi.

- A-lô, tôi nghe đây...

- Có ông Nhàn ở nhà không ? Cho tôi nói chuyện với ông ấy.

- Anh Tám đó hả ? Tôi là Nhàn đây. Có chuyện gì mà mới sáng sớm anh đã gọi vậy ?

- May quá, gặp được anh tôi mừng quá. Chỉ có anh mới giúp được tôi thôi.

- Chuyện gì mà có vẻ gấp rút thế ?

- Mấy hôm nay tôi bị cảm lạnh mà 4 giờ chiều nay lại có buổi họp ở trường. Anh đi giúp tôi được không ?

- Buổi họp gì, mà họp với ai ?

- Thì buổi họp School Site Council hàng tháng đó mà. Đặc biệt kỳ này họ không họp trong văn phòng mà lại họp ở phòng Learning Center mới vừa hoàn tất tuần rồi. Đáng lẽ tôi định đi nhưng bà xã cằn nhằn tôi vẫn còn bị ho, không nên tới trường sợ nhiễm bệnh người khác.

- Nhưng tôi đâu phải hội viên làm sao đi được ?

- Anh có cháu học trong trường là anh đủ điều kiện để dự buổi họp rồi. Tôi muốn anh đi dự vì nghe nói phòng này được xây cất theo tiêu chuẩn hiện đại để học sinh có môi trường học cho hợp với ngành kỹ thuật của thế kỷ 21.

- Tôi cũng nghe nói về phòng «computer» này từ hơn một năm nay mà chưa được nhìn tận mắt.

- Vậy chiều nay anh đi họp thế tôi nhé, cám ơn anh.

Để tôi gọi cho cô thư ký trường biết có anh tới dự buổi họp.

- Khoan đã... anh Tám... anh Tám ?

Không thấy tiếng ai trả lời ở đầu dây bên kia ngoại trừ tiếng o... o... ông Nhàn cúp điện thoại. Ông thầm nghĩ, chiều nay ông rảnh không bận việc gì, hơn nữa ông muốn xem phòng «computer» hiện đại của thế kỷ 21 ra sao. Mấy tuần nay nghe lũ cháu đi học về ngày nào cũng xầm xì về căn phòng đặc biệt này, ông vẫn chưa mường tượng được nó đặc biệt đến cỡ nào.

Đúng 3 : 45 ông Nhàn đã có mặt ở trường. Cô thư ký dẫn ông đến phòng Learning Center. Tuy trong phòng chưa có ai nhưng ông Nhàn không quan tâm mấy. Vì trước mắt ông nhìn thấy lớp học như phòng khách lớn và sang trọng, những chiếc ghế màu xanh da trời và màu xanh lá mạ tươi mát được sắp xếp chung quanh những chiếc bàn trắng, có thể di chuyển dễ dàng vì có bánh xe. Giữa phòng có ba chiếc ghế salon dài màu cam, và quanh ba vách tường có mười mấy miếng bọc nệm cam/vàng, hình tròn và hình vuông mà các em có thể dùng làm bàn hay ghế cũng được. Phòng được ngăn đôi bởi hai cánh cửa kiếng tự động như cánh cửa nhà để xe.

Mọi người bắt đầu tiến vào phòng họp, vài phụ huynh nhìn căn phòng lần đầu tiên trầm ngồ ngợi khen phòng sáng sủa, rất hợp cho môi trường học hỏi và sáng tạo của học sinh. Ông Nhàn nhận ra vài khuôn mặt thân quen của thầy cô. Cô thư ký phát cho mỗi người tờ nội dung buổi họp cũng như bản báo cáo buổi họp tháng trước. Ông hiệu trưởng bắt đầu buổi họp với lời chào mừng thầy cô và phụ huynh đã đến tham dự buổi họp. Ông nói đây là phòng học mà ông ưng ý nhất từ trước đến nay :

«Quý vị nhìn thấy phía đằng trước có treo khoảng 30 tấm bảng trắng nhỏ, nhưng học sinh không nhất thiết phải dùng tấm bảng đó để viết những câu văn hoặc làm những bài toán, mà các em có thể làm việc theo nhóm với tấm bảng lớn hơn là những vách tường sơn trắng chung quanh phòng, hoặc viết lên ngay cả hai cánh cửa kiếng «garage door» này.»

Một phụ huynh thắc mắc về cánh cửa chắn ngang, thì được giải thích rằng đôi khi phía ngoài có khoảng 80 học sinh mẫu giáo dùng máy điện toán «Chromebook» trong khi đó phòng nhỏ này có khoảng hai mươi mấy học sinh lớp 6 cũng dùng «Chromebook» nhưng cần bàn thảo về dự án riêng của mỗi nhóm, nên cần phải kéo «garage door» xuống để lớp này không làm phiền

lớp kia.

Vì sắp sửa nghỉ lễ cuối năm nên buổi họp chỉ nói về buổi hội thảo sắp tới của phụ huynh là «Parent University» vào lúc 6 giờ chiều ngày thứ năm 23/1. Ông hiệu trưởng nhấn mạnh đề tài buổi hội thảo là «Học sinh của thế kỷ 21», do đó ông hy vọng những thầy cô, phụ huynh có mặt trong buổi họp nhớ nhắc nhở những phụ huynh khác nên rủ nhau tham gia buổi hội thảo đông đủ.

Sau một tiếng đồng hồ đi họp, vừa về nhà ông Nhàn nhanh chóng gọi điện thoại cho ông Tám.

- A-lô, anh Tám đó hả ? Tôi là Nhàn đây.

- Anh đi họp ra sao, có gì lạ không ?

- Đẹp quá anh ơi ! Lớp học đẹp và tân tiến quá ! Chỉ có một tiếng đồng hồ đi họp mà tôi học hỏi nhiều thứ quá.

- Thì tôi đã rủ anh đi họp mấy năm nay anh không nhớ sao ? Mặc dù đây chỉ là một trường tiểu học của California, nhưng trường tiểu học hay trung học nào cũng có ủy ban cố vấn cho trường gọi là «School Site Council», bao gồm hiệu trưởng, thầy cô, và phụ huynh. Chính nhờ đi họp hàng tháng tôi mới biết chuyện gì xảy

ra trong trường cũng như trong học khu, và quan trọng là mình có tiếng nói trong việc chi tiêu học cụ, sách giáo khoa, thuê mướn thêm thầy cô để giúp những học sinh còn yếu tiếng Anh.

- Vậy để tôi nói bà xã tháng sau tôi đi họp chung với anh. À hôm nay ông hiệu trưởng nói về buổi hội thảo của phụ huynh là «Parent University» vào lúc 6 giờ chiều ngày thứ năm 23/1. Anh có tính đi không vậy ?

- Đi chớ ! Cả hai vợ chồng tôi đều đi hết. Tháng trước ông hiệu trưởng nói có tới 6-7 lớp khác nhau nên phải chia nhau mà đi.

- Vậy hả ? Chắc tôi cũng rủ bà xã đi chung cho biết.

Vào tuần thứ hai của tháng Giêng 2014, khi ông Tám và ông Nhàn đến dự buổi họp đầu năm thì được cô giáo dạy môn khoa học cho biết cô có một nữ sinh Việt Nam sinh trưởng vùng Bắc California, đã từng học lớp của cô cách đây hơn 10 năm, tuần rồi đã trở lại và dạy 4 lớp năm và lớp sáu của cô cách viết chương trình điện toán «Coding» trong vòng 1 tiếng đồng hồ. Cô giáo nói cô chỉ tiếc là hôm đó cô phải đi họp nguyên ngày trên học khu. Ngày hôm sau khi về trường dạy học lại thì có nhiều học sinh than phiền tại sao các em lại không được học lớp «Coding» đó; trong khi những em được

tham dự, nhất là những nữ sinh cho biết các em tưởng «Coding» học khó lắm, nào ngờ khi được chỉ dẫn căn bản về «Code» thì các em lại là người làm xong sớm hơn các nam sinh cùng lớp.

Tan buổi họp, ông Tám và ông Nhàn nhìn nhau lắc đầu, cả hai đều mù tịt, chả hiểu cô giáo nói «Cốt» này «Cốt» kia là gì. Thôi thì đành phải đợi tuần sau dự khóa»Parent University» thì may ra hiểu rõ hơn.

Đúng 6 giờ chiều ngày thứ năm tuần sau phụ huynh và học sinh ngồi đông nghẹt phòng cafeteria của trường. Ông Tám khều tay ông Nhàn :

- Anh biết tại sao hôm nay đông người tham dự không?

- Thì mọi người muốn biết chương trình học của con em họ có gì thay đổi cho niên học mới không.

- Chưa đúng lắm. Anh để ý nghe ông hiệu trưởng nói là hiểu liền.

- À tôi hiểu ý anh rồi. Phải anh muốn nói đến hai giải thưởng rút thăm là «Chromebook» và «Kindle book» không ? Mấy đứa nhỏ ở nhà cứ nhắc vợ chồng tôi vụ này hoài cả tuần nay.

- Anh nói đúng lắm.

Sau khi ông hiệu trưởng giải thích cách thức xem bản đồ để chọn lớp học, mặc cho hai bà vợ chọn lớp nào thì chọn, ông Tám và ông Nhàn nhìn sơ qua bản đồ và chọn đi chung hai lớp «Blended Learning» và «Coding».

Lớp «Blended Learning» được hướng dẫn ngay trong phòng Learning Center. Các học sinh vừa vào phòng đã chọn ghế ngồi và bắt đầu ghi danh tên mình và mã số vào máy điện toán «Chromebook». Cô giáo hướng dẫn các em vào trang mạng của www. khanacademy. orgvà www. i-ready. com. Phụ huynh có dịp được nhìn thấy con em làm toán và học Anh văn như thế nào trên màn hình.

Khi làm bài đúng các em sẽ được máy thưởng cho một vài phút chơi game, còn nếu làm bài cứ sai hoài thì máy tự động ngưng, phải nhờ thầy cô đến giúp. Dựa theo lời cô giáo thì cách dạy «Blended Learning» được cả thầy cô và học sinh hưởng ứng nhiệt tình từ hơn một năm nay. Chương trình bao gồm lối dạy truyền thống của thầy cô, và nay nhờ có trang mạng www. khanacademy. orgvà www. i-ready. commà cô giáo có thì giờ để hướng dẫn thêm cho những em có trình độ học vấn thấp hơn bình thường. Ngoài ra trang mạng cũng cho thầy cô biết sức học của các em như thế nào, các em bỏ ra bao nhiêu thời gian để hoàn tất môn học.....

Tiếng chuông reng qua loa phóng thanh báo hiệu tới giờ đổi lớp. Ông Tám và ông Nhàn bước qua phòng học kế bên để dự lớp «Coding». Lớp này do một thầy giáo trẻ tuổi hướng dẫn. Thầy bảo «Cốt» dành cho mọi người, ai học cũng được chỉ cần có ý chí muốn học, chịu khó thực tập, và làm những gì mình yêu thích. Dựa theo lời thầy thì «Cốt» là ngôn ngữ được dùng để soạn thảo chương trình cho máy điện toán, ngôn ngữ này được đánh máy thay vì lời nói. Chúng ta dùng «Cốt» để sáng tạo những trang mạng, những chương trình như Word hay Excel, các loại app, hay các trò chơi video game. Nói một cách khác, khi chúng ta «Cốt» là chúng ta thiết kế một cái gì đó bằng ngôn ngữ điện toán để tạo ra một hình ảnh hoặc giúp tiêu diệt một con quái vật trong trò chơi video game. Có ba loại «Cốt» thường được sử dụng là HTML (dùng để sáng tạo những trang mạng), RUBY (dùng để viết các loại app chuyên nghiệp trên trang mạng), và Java Script (dùng để sáng tạo những trò chơi game trên trang mạng, hoặc những trang mạng sinh động).

Thầy nói «Cốt» đối với thầy vẫn còn mới mẻ, do đó, những lúc rảnh rỗi thầy hay lên những trang mạng dưới đây để học thêm cách viết chương trình điện toán :

www. gigabryte. com
www. surfscore. com
www. code. org

Từ lúc tham dự khóa»Parent University» về nhà, cả hai ông Tám và ông Nhàn đều thấy mình cần phải cập nhật hóa kiến thức «ngành kỹ thuật của thế kỷ 21.» Nếu không các ông sẽ không hiểu con cháu nói gì trong tương lai rất gần. Hai ông cũng tập vào những trang mạng trên để học về ngôn ngữ «Cốt».

Hôm nay tình cờ đọc báo có bài viết về «Hackathons đang trên đà gia tăng» ông Tám liền gọi điện thoại ngay cho ông Nhàn.

- Này ông đã xem bài báo về «Hackathons» chưa ?

- Hắc cơ gì hả anh ?

- «Hackathons»... anh có còn nhớ lớp «Cốt» tôi với anh đi chung ở trường không ?

- Nhớ chứ, tôi vẫn đang tập «Cốt» đây này. Nhưng «Cốt» chưa đi đến đâu thì xương cốt tôi đang rã rời.

- Anh có nhớ thầy Moore nói rằng mấy năm gần đây có những buổi tranh tài «Hackathons» giữa những người viết «Cốt» không ? Nó giống như «marathon»

là cuộc tranh tài chạy bộ 26 dặm, thì «Hackathons» là cuộc tranh tài 24 hoặc 48 tiếng đồng hồ giữa những người viết «Cốt» để viết ra một chương trình điện toán nào đó tại một nơi ấn định có thức ăn, wifi (internet), và điện.

- Vậy bài báo có nói gì đặc biệt không anh ?

- Họ nói năm 2010 chỉ có vài cuộc tranh tài «Hackathons», nhưng năm nay 2014 có khoảng 1. 500 «Hackathons» đang được hoạch định khắp thế giới. Thôi để tôi email link bài báo cho anh tự đọc. Anh Nhàn à, thời đại bây giờ tôi nghĩ mấy đứa nhỏ nhà tôi với nhà anh nếu tụi nó muốn học ngành điện toán thì cứ để chúng học theo ý thích của chúng nó.

- Sao khi trước tôi nghe anh nói chúng phải học bác sĩ, luật sư mà ?

- Thời thế thay đổi thì mình cũng phải đổi thay chứ anh. Đời mình đi làm công cho người ta mấy ai thành triệu phú ? Thế mà bài báo nói tháng 12 năm ngoái, công ty Salesforce. com ở San Francisco đã trao hai giải nhất, mỗi giải một triệu đô-la trong cuộc tranh tài «Hackathon» của hãng đó anh.

- Anh nhắc đến tiền và Hắc-cơ-thon bây giờ tôi mới nhớ hôm nọ có đứa bạn của lũ cháu ghé nhà làm bài chung với nhau. Tôi nghe tụi nó kể là cô nữ sinh Diana dạy «Cốt» cho tụi nó bây giờ đã có sách «Billy's Solar Story» do chính cô vẽ và viết «Cốt», hiện đang được bán trên iTunes của hãng Apple.

- Cuốn sách nói về đề tài gì và giá bao nhiêu vậy ?

- Cuốn «Billy's Solar Story» nói về cách thu thập năng lượng mặt trời để giúp cắt giảm chi phí tiền điện. Giá chỉ có 99 xu thôi.

- Vậy hả ? Vậy thì mình mua ủng hộ đi.

- Tôi lại nghe tụi nhỏ nói là chúng có thể coi câu chuyện đó miễn phí trên trang mạng www. dinohulk. com.

- Vừa bán vừa cho không là làm sao ?

- Tôi nghĩ giới trẻ hiện nay chỉ muốn nhiều người biết về sản phẩm của mình, còn việc mua ủng hộ là giúp cho họ có tài chính để làm thêm các sản phẩm khác.

- Vấn đề tiếp thị mỗi thế hệ có phương thức áp dụng khác nhau. Tôi chỉ nghĩ đơn giản là tiền trao cháo múc, thì mai sau mình mới có thêm món ăn tinh thần.

- Thì tôi cũng nghĩ như anh vậy đó. Công lao người ta bỏ ra để sáng tạo một món ăn tinh thần có tính cách giáo dục, mà tác giả lại là một em người Việt, thì mình phải tạo điều kiện, tưởng thưởng xứng đáng, và cổ vũ cho nhiều người cùng biết thì sự sáng tạo đó mới có cơ hội phát triển.

- Vậy tôi đề nghị hai anh em mình gửi thư email cho bạn bè mời họ xem cuốn sách miễn phí hoặc mua ủng hộ cho cô bé nhé.

- Ừ tôi sẽ bảo gia đình làm theo đề nghị của anh. Này, cuối tuần nhớ ghé qua nhà chỉ tôi thêm «Cốt» đấy.

- Được rồi, «Cốt» hay không «Cốt» tôi vẫn qua, đâu thể nào bỏ qua món chả giò gia truyền của nhà anh được !

- !!!

Nguyễn Thi

* «Hackathons on the rise»

www. mercurynews. com/business/ci_25162580/hackathons-rise

* «Billys Solar Story»

https : //itunes. apple. com/us/book/billys-solar-story/id792840239 ? mt=11

# Thế Giới Không Âm Thanh

Trương Ngọc Anh

Trương Ngọc Anh đã nhận giải bán kết Viết Về Nước Mỹ 2002 với bài «Tiểu Hợp Chủng Quốc» kể về nơi cô làm việc, khi khủng bố tấn công nước Mỹ ngày 9 tháng 11 năm 2001. Viết về nước Mỹ sang năm thứ 15, lần đầu tiên, Ngọc Anh góp một tự truyện về bệnh lãng tai bẩm sinh.

Hai năm dài đằng đẵng sống trong thế giới không âm thanh là một trải nghiệm, một thử thách từ tinh thần đến thể xác lớn nhất trong cuộc đời tôi.

Bạn có thể tưởng tượng, hay thử hình dung một ngày thức giấc, bỗng dưng bạn không nghe được gì cả, dù chỉ là một tiếng động nhỏ chung quanh. Bạn sẽ không thể tưởng tượng, hay hình dung ra tình cảnh này khi bạn không thực sự trải qua, rõ ràng là như thế. Không trải qua thì không thể hiểu được.

Tôi đã hốt hoảng, đã bật khóc, thất vọng, rồi điên rồ nghĩ tới giải pháp tự tử khi nghĩ mình làm sao có thể sống được trong một thế giới hoàn toàn im lặng, trống rỗng, như sa mạc, giữa thế giới đông đúc đang diễn ra ngay trước mắt mình.

Nhỏ em kế nói :

- Mình phải nhìn thấp xuống, người mù còn khổ hơn, người bệnh ung thư biết trước ngày rời thế gian còn khổ hơn nữa mà, từ từ coi có nghe lại được không.

Con gái tôi an ủi :

- Má chỉ hơi gặp khó khăn chút xíu thôi mà !

Từ lúc thiếu nữ, tôi đã bị lãng tai. Trong một trận bệnh nặng nóng sốt dữ dội, chị tôi đem ra bệnh xá, y tá chích mũi thuốc streptomycin thì tôi bị xỉu, về nhà sau đó hết bệnh nhưng từ từ lãng tai. Sau này mới biết đó là hậu quả của thuốc trụ sinh streptomycin. Vì vậy giao tiếp có chút khó khăn nhất là ở trường lớp.

Nhớ lần học sinh ngữ Pháp, khi cô giáo bảo tôi đứng lên, đọc mấy chữ chia động từ rắc rối, tôi lắp bắp... vậy là nhận được một tràng la mắng... trâu bò, lỗ tai cây. Trong khi tôi đỏ mặt thì nhỏ bạn tôi trong lớp đã dõng dạc đứng lên nói :

- Thưa cô, chị ấy bị lãng tai.

Tuy thế, tôi lại là đứa trẻ rất ham học, thi đâu đậu đó và có nhiều bạn bè cưng, che chở. Trải qua thời thiếu nữ tươi đẹp suốt từ đệ nhị cấp trường nữ Trung học GL lên

tới Đại học, là nhờ tánh lạc quan, yêu đời và có sức cố gắng gấp đôi người bình thường, để vượt qua bệnh tật.

Tôi vẫn nhớ người bạn trai đầu tiên năm tôi 16 tuổi. Chính anh là người đã đưa tôi tới bác sĩ tai để khám. Chúng tôi yêu nhau không phân biệt tuổi tác sức khỏe và tôn giáo, nhưng tiếc thay có duyên không nợ. Mối tình đó vẫn còn ở lại trong tim tôi cho tới hôm nay.

Năm đầu tiên tới Mỹ, chị kế đã đưa tôi đi khám tai, và bác sĩ đề nghị tôi nên dùng máy trợ thính để có thể nghe lại bình thường. Từ đó, cho tới hơn ba mươi năm nay tôi vẫn nghe nhờ máy trợ thính.

Khoảng cuối thập niên 80, ngành thẩm mỹ đối với người Việt còn giai đoạn phôi thai, tôi đã có bằng thẩm mỹ. Vào nghề trong một tiệm làm tóc và móng tay, chủ nhân là người Mễ, một cô trạc tuổi tôi, xinh đẹp, ồn ào, vui tánh. Khi tôi cho biết nghe nhờ máy trợ thính, cô nói cô cũng có đứa con gái đầu lòng bị câm điếc bẩm sinh. Cô ngậm ngùi kể rằng có lẽ vì cô mang thai nó quá sớm, năm mới 13 tuổi nên phôi thai không phát triển đầy đủ. Năm đó, con gái cô đã 14 tuổi, có mái tóc dày, dợn sóng đen tuyền thật đẹp. Thỉnh thoảng cô bé chạy ra tiệm cho mẹ gội chải đầu. Những lúc đó luôn luôn thấy hai mẹ con cãi lộn nhau... bằng tay, ngó rất vui, tụi tôi mặc sức đoán mò mẹ con gây gỗ nhau chuyện gì.

Lúc đó tôi có ý định học ngôn ngữ bằng tay này (sign language), nhưng rồi công việc cứ lôi cuốn mình về phía trước, quên bẵng đi.

Một hôm cô chủ vui mừng, cho bọn chúng tôi hay tối hôm qua, cô đã cho phép con gái, vừa qua sinh nhật 15 tuổi, được đi chơi với bạn trai. Cô ấp hai bàn tay lên ngực, nét mặt sung sướng, chia sẻ niềm vui mừng cho cô con gái tật nguyền có được một tình yêu đầu đời.

Làm ở tiệm này rất vui, đủ chuyện hỉ nộ ái ố ai bi lạc với khách hàng, cũng như đồng nghiệp, kể ra sẽ đến ngàn trang. Sau hai năm, tôi được gọi làm việc văn phòng, từ giã nghề tay trái từng đem tới cho tôi nhiều niềm vui. Sau này ngành Nail bộc phát lớn mạnh trong cộng đồng người Việt mình thì tôi đã gắn bó cuộc đời qua nghề nghiệp khác rồi.

Ở tiệm thẩm mỹ này, ồn ào nhất cứ mỗi tháng một lần, là ngày cô chủ tiệm rủ rê lôi kéo bầy thợ nữ tới tiệm vũ khỏa thân nam vui chơi. Lần đầu tiên nghe vụ này, tôi lắc đầu lia, cương quyết từ chối, mắc cỡ chết được ! nào giờ có nghe nói chuyện này đâu nà. Nhưng lần thứ hai thì cô chủ tiệm đã thuyết phục được tôi, cũng như mấy bạn đồng nghiệp khác hớn hở chèo kéo... thì thôi, đi cho biết với người ta.

Trời thần ơi, bước vô tiệm cái là choáng váng vì âm thanh, vì ánh sáng, vì tiếng nhạc lớn hết cỡ Chỉ có tiếng nhạc tiếng cười đùa tiếng la hét, những bộ mặt phụ nữ hớn hở, những miệng cười nở toét loét hết kích cỡ. Rồi thì, tôi có biết gì nữa đâu, mờ mắt luôn cho tới khi cô bạn thúc vai, hét bảo tôi «nhét tiền... nhét tiền vô đi... con gái».

Thật đúng là chỗ để giải trí, để mất tiêu những căng thẳng, một cách đặc biệt, có đi mới biết. Qua ngày hôm sau vô tiệm còn nghe đồng nghiệp bàn tán khen chê cái này dài cái kia dẹp, rồi chấm điểm phê bình ầm ỉ loạn lên như thiên hạ chấm điểm tuyển lựa ca sĩ hay «nam vương» thế giới khiến cả tiệm thẩm mỹ tràn ngập tiếng cười khi khách chưa vô tiệm.

Tuy nhiên những khi tới chỗ ồn ào như nhà hàng, quán nhạc đông người, nhạc kích động quá lớn thì tiếng động chát chúa làm tôi bị nhức đầu kinh khủng không nghe tiếng nói chuyện. Vì nể bạn nên đi theo một lần cho biết, nên đã có được một «kinh nghiệm cười thỏa thích vì chỉ lo cười chớ có «thấy»... gì đâu... Những lần sau không đi nhưng nghe những bình phẩm của lũ bạn nghịch ngợm liếng khỉ cũng đủ vui toe toét.

Trong thế giới tiệm thẩm mỹ nho nhỏ, tôi nghe khá rõ với máy trợ thính, giao tiếp với khách và bạn đồng nghiệp ít gặp khó khăn. Chỗ làm việc chỉ là cái bàn nhỏ, khách ngồi đối diện, hay khi gội đầu, quấn tóc cho khách, khoảng cách cũng rất gần gũi, hơn nữa cũng nhờ tôi biết tiếng Mỹ nên dễ gợi chuyện, rồi chỉ việc lắng nghe khách trút bầu tâm sự, tiếng còn tiếng mất. Chỉ khó khăn khi vào những nơi rộng lớn như quán nhạc, những âm thanh lớn, hỗn tạp, thì tôi không nghe được tiếng người nói chuyện, chỉ nghe những âm thanh náo nhiệt. Tôi rời khỏi tiệm nầy trong niềm lưu luyến, một chỗ làm nhẹ nhàng vui quá. Không biết cô con gái của cô chủ bây giờ ra sao, cầu mong y khoa tiến bộ hy vọng giúp cô có được cuộc đời bình thường.

Tôi rời khỏi tiệm thẩm mỹ này vì dời nhà qua thành phố khác.

Ở đây tôi cũng có vào làm một tiệm Nail. Cô chủ tiệm là người mình, lúc mới vô cũng vui vẻ, nhưng khi tôi nói nghe bằng máy trợ thính thì cô thay đổi thái độ 180%. Tôi tự biết thân, nên khi chỗ làm văn phòng gọi phỏng vấn và nhận, tôi thôi chỗ làm nầy không luyến tiếc.

Tôi nhớ lần phỏng vấn việc làm đầu tiên nghề nghiệp kế toán, tôi đã thẳng thắn cho bà sếp «Financial Aid» người bản xứ phỏng vấn tôi để làm phụ tá cho bà về việc tôi cần dùng máy trợ thính. Bà đã cười to, lắc lư thân hình đồ sộ sau cái bàn viết bự tổ chảng, nói rằng;

- Tôi ước chi được mang cái máy trợ thính như cô, để mỗi khi sếp tôi la rầy, tôi có thể tắt cái máy nghe... không sao, không sao... hahaha.

Thái độ thân thiện, tiếu lâm nầy đã khiến cho tôi an tâm ngay từ hôm đầu tiên gặp nhau, và sau đó làm việc với bà luôn mười lăm năm, hoàn tất công việc không sai chạy một con số, khi còn làm kế toán bằng cây viết chì, cục gôm và máy tính.

Trong phòng kế toán, cô bạn đồng nghiệp rất thân của tôi đã bảo :

- Không nghe nhiều thì đỡ nhiều chuyện mà.

Tuy mình cũng tự an ủi như vậy, nhưng nhiều khi trong buổi quây quần chị em, hay hội họp bè bạn đông người, nghe không rõ cũng là chuyện chẳng vui chút nào khi mình không thể theo kịp câu chuyện vui đùa để bàn ra tán vào những «chuyện bà tám».

Tôi thành người ít nói hay cười.

Thời gian làm việc kế toán, sự tiếp xúc với bạn đồng nghiệp ít gặp khó khăn vì ai cũng thông cảm cho tôi. Về sau, ngành hàng vải lao đao, xuống dốc, tôi rời khỏi hãng, ngồi nhà một thời gian, lãnh hết tiền thất nghiệp rồi mới tìm được việc làm khác.

Những buổi phỏng vấn xin việc cũng thường hay gặp khó khăn vì khiếm khuyết. Nghề nghiệp sau cùng có lẽ thích hợp với tôi nhất, đó là nghề Job Coach.

Tôi không biết dịch nghề này qua tiếng Việt ra sao. Công việc của tôi là chăm nom, dạy dỗ, hướng dẫn sinh hoạt, hòa nhập xã hội cho các học trò người lớn bị bệnh chậm phát triển. Trường này do người Việt điều hành nên học trò và bạn đồng nghiệp đa số là người Việt.

Đây là một việc làm có số lương chót bẹt, mà trách nhiệm thì cao như núi, nếu không có tinh thần yêu nghề, thương xót người bệnh tật khó mà làm được. Tôi rất yêu nghề này, những tưởng mình có thể làm cho tới khi về hưu, hay tới năm 70 tuổi, là thời kỳ chót chấm dứt việc làm vì không được lái xe đưa rước sinh hoạt với học trò được nữa, theo luật của trường.

Khi bị mất âm thanh hoàn toàn, việc đầu tiên của tôi là phải báo cáo tình trạng sức khoẻ của mình cho văn phòng HR* và xin thôi việc.

Thật buồn khi phải từ giã các em một cách bất ngờ. Nhiều em ôm hôn tôi, những em khác đứng khóc vì không biết diễn tả bằng lời nói, tôi cũng khóc không ngừng. Tôi nhận được nhiều ưu ái từ cô giám đốc. Cô đã cho nhân viên làm nguyên một cuốn album đặc biệt là những hình ảnh sinh hoạt trường của tôi cùng các em, những buổi dã ngoại cả trường từ các bãi biển cho tới những công viên, những ngày thi thế vận hội dành cho người tàn tật, hình ảnh kỷ niệm những buổi họp mặt cuối năm, lễ Tạ ơn, Giáng sinh của các đồng nghiệp, để tặng cho tôi khi tôi từ giả trường.

Ngồi lật từng trang coi từng tấm hình và nhớ từng em.

Tôi thương từng đứa học trò, từ cô N. H trên 50 tuổi, tự hào mình tuổi con cọp, thích đi học với cô tới nỗi trên cuốn lịch ngày, đã xé bỏ tất cả những tờ lịch có màu, nghĩa là những tờ lịch hai ngày cuối tuần, là ngày cô không được đi học.

Nhớ tới cậu T. gặp cô giáo là dang hai tay ôm cô, miệng nói «con thương cô đó, má mi»

Nhớ em S. gặp cô là vỗ tay, mắt sáng ngời, miệng lắp bắp vì em không biết nói. Nhớ em H. nhõng nhẽo số một, ai đụng tới là khóc, H. đã hăm mấy tuổi, cao nghều nghệu, cao khỏi đầu cô giáo mà cứ bắt cô giáo dỗ ngon dỗ ngọt suốt ngày. Tôi nhớ những buổi học Anh văn cùng các em, đứa thì ngủ gục, đứa thì nhăn nhó «con không thích học...» Có em không biết tự kềm chế mỗi khi cần đi vệ sinh, nên có một đôi lần tôi phải nín mũi bịt hơi làm cho em bớt dơ, sau đó đưa em về nhà cha mẹ để thay quần áo. Một em khác luôn luôn đúng giờ, bằng đồng hồ đeo tay, không sai chạy, cho nên buổi ăn trưa của nhóm nhỏ có em, thường là phải theo đồng hồ của em, nếu không thì em không ăn.

Cô học trò khôn lanh nhất của tôi, tuổi đời hơn 40 nhưng tuổi não bộ chỉ 10, 11, thường nhờ được vài chuyện như ôm cặp sách cho cô. Có lần mấy cô trò vô tiệm bán thức ăn nhanh để mua thức ăn trưa, thấy cô khá lanh lợi nên tôi lo chọn thức ăn cho các em, nhờ cô gọi mua dùm ổ bánh mì thịt cho tôi với lời dặn :

- Con mua giùm cô ổ bánh mì thịt không lấy đồ chua, chỉ để ớt với ngò thôi.

Đến chừng thầy trò ăn trưa, mở ổ bánh mì thì thấy trong đó chỉ có xanh rì ngò và ớt, không thịt thà gì hết! Tôi cười phì thôi, ráng nuốt ổ bánh mì ngò và ớt vừa

đắng vừa cay. Khôn cách mấy, cô cũng là một cô bé con chậm phát triển.

Đa số các em không biết viết, hay biết rất ít, có em không biết nói, có em chỉ dạy viết tên thôi mà phải kiên nhẫn gò tay cả năm trời, do đó khi tôi cố gắng dạy các em một trò chơi mới là domino, tôi gặp nhiều khó khăn ở bước đầu, sau đó, mới nghĩ ra cách dạy các em phân biệt màu sắc, từ đó qua domino, dạy cách em chọn những con cờ domino cùng màu để áp vào nhau. Khi các em đã chơi được domino, trở nên ghiền môn chơi này vào mỗi giờ nghỉ, nhóm tôi đã chơi rất hứng khởi, khiến các nhóm khác tò mò, và xin tham gia thật vui. Tôi chỉ cần làm trọng tài phân xử coi em nào «ăn gian» hay tính điểm coi em nào thắng. Cha mẹ các em thường nói ở nhà em rất «quậy» vậy mà từ khi đến trường, các em trở nên ngoan hơn, nghe lời hơn, biết làm mấy chuyện nho nhỏ giúp đỡ mẹ ở nhà nữa, đây là thành quả tốt đẹp nhất của người làm nghề «Job Coach».

Dù là tình trạng sức khỏe của các em không được tốt, tôi vẫn cố gắng đương đầu và vượt qua mọi trở ngại để tạo tinh thần vui vẻ lạc quan, là điều rất cần thiết cho các em. Nhiều em gọi tôi bằng «má, mommy» dù tuổi cũng xấp xỉ gần bằng tôi. Để cố gắng giúp các em hội nhập vào xã hội chung quanh, tôi dạy các em từ bước

như qua đường phải bấm đèn, coi chừng xe, ăn uống phải từ từ chậm rãi, dẹp sạch bàn sau khi ăn, rửa tay trước khi ăn, vào thư viện biết dùng máy computer, biết thẩy trái banh qua cho người khác, biết chơi đùa và tập nói chuyện, tập viết tên.

Ôi những học trò tuổi tuy lớn, mà tâm hồn vẫn luôn bé tí, trẻ thơ suốt đời. Tôi yêu thương các em hơn cả các con tôi. Công việc chăm sóc các em nặng nề trách nhiệm, về an toàn, về sức khỏe, kể từ lúc rước các em tận nhà, cho tới khi giao trả em về với gia đình lúc cuối ngày, sau 7 tiếng đồng hồ sinh hoạt thầy trò liền cánh liền cành cùng nhau.

Tôi luôn nghĩ và nhớ tới mấy em học trò của tôi, nhớ những tình cảm chân thật các em dành cho tôi không vướng bận chuyện thế gian lừa lọc. Các em ngây thơ, thánh thiện như thiên thần, những thiên thần bé nhỏ trong sáng, mong các em mãi mãi khỏe mạnh. Chăm sóc dạy dỗ các em, tôi học được một điều, chỉ cần tôi thương yêu các em, tôi nhận được tình yêu thương từ các em, gấp bội.

Thời gian làm việc này tôi cũng hay gặp khó khăn, do việc không nghe rõ như người bình thường nên mỗi khi tiếp xúc tôi thường hay đứng gần người khác, và có thói quen nhìn thẳng vào người đối diện, là vì tôi không chỉ

lắng nghe, mà còn nghe bằng mắt và môi nữa, do đó đã xảy ra vài hiểu lầm nhỏ. Cho nên nếu nói về vấn đề khó khăn trở ngại, khi tôi làm việc với người Mỹ, thường thoải mái hơn như thời gian làm việc kế toán trong hãng Mỹ. Ngoài ra, mỗi khi cần tiếp xúc, tôi vẫn luôn được nhiều ưu đãi chẳng hạn như lúc đi thi quốc tịch, khi tôi cho nhân viên phỏng vấn biết tôi không nghe rõ, ngay lập tức ông ngưng phỏng vấn, mời tôi vào một phòng riêng. Tại đây tôi đã gặp và được phỏng vấn đặc biệt với người khác. Họ nói chuyện với tôi thật chậm rãi, rõ ràng để tôi có thể hiểu và theo kịp những câu hỏi của họ.

Cho dù thế, tôi vẫn còn nghe được bằng máy trợ thính, với sức cố gắng gấp đôi người bình thường mong loại bỏ 25 phần trăm khả năng khiếm khuyết. Có lẽ nhờ nghe ít mà tôi giảm thiểu phần nhiều những phiền toái nhiêu khê của cuộc đời. Tuy thế, thiệt thòi nhất vẫn là những mơ ước nhỏ nhoi như không thể ôm điện thoại bên gối thủ thỉ, hay nghe thủ thỉ những lời đường mật, con đường tình mất đi một phần thi vị. Bù lại, thế giới liên mạng toàn cầu qua internet đã giúp tôi có những mối giây liên lạc bạn bè trao đổi kiến thức, học hỏi thêm rất nhiều điều hay thay thế đường dây điện thoại, giao tiếp dễ dàng hơn giữa gia đình cũng như bạn bè qua «chat», điện thư và «face book». Thế giới tin học bao la, giúp

đỡ cho những người khiếm khuyết sức khỏe theo kịp những tiến bộ của loài người, không bị gạt ra ngoài xã hội. Cảm tạ những nhà phát minh liên mạng toàn cầu.

Những ngày nằm nhà chờ các thủ tục lãnh tiền thất nghiệp, chữa bệnh, là chuỗi ngày tôi lao đao, mất định hướng và trầm cảm ! Thời gian gần lúc bịnh tôi tự nhiên không mua bảo hiểm sức khỏe nữa, vì nó quá đắt so với số lương quá ít ỏi, mặc dù có sự trợ giúp của trường. Vì thế khi chuyện xảy ra, tôi đành phải nhờ vào trợ cấp y tế của tiểu bang, cũng như trợ cấp tàn phế trong khi đang làm việc của tiểu bang lẫn liên bang.

Nước Mỹ số một trên phương diện này.

Tôi là một người có nghị lực, tánh tình lại rất lạc quan, vậy mà chuyện xảy ra quật ngã tôi thảm hại. Từ một người đầy sinh lực, thích âm nhạc, thể thao, làm việc hứng khởi, luôn nghĩ một ngày 24 giờ không đủ sống, tôi trở nên bi quan, nhút nhát, sống thu mình lại, dễ giận dữ và luôn tủi thân.

Thời gian chờ đợi, đi bác sĩ, là thời gian tôi thất vọng não nề. Không thể lái xe vì quá nguy hiểm, đi bộ cũng là cả một vấn đề khó khăn. Trong bóp tôi lúc nào cũng phải có cây viết và quyển sổ tay. Thoạt đầu tôi vô cùng mắc cỡ khi phải thú nhận với người đối diện rằng tôi

không thể nghe được, tôi hoàn toàn điếc. Tôi ứa nước mắt, lảng tránh mọi người.

Từ người luôn xông xáo trong đời sống, hội họp bạn bè, náo nhiệt trong nhiều sinh hoạt, tôi lặng lẽ rút vào thế giới riêng, đầy ánh sáng mà tuyệt vô âm thanh. Tôi thích viết lách, khi viết thì phải có tiếng nhạc lời ca bên tai mới viết được, đó là thói quen, bây giờ khi ngồi xuống bàn viết, tôi chỉ có cảm giác hụt hẫng, đầu óc trống rỗng tựa như cái đầu cũng chết cùng với âm thanh!

Những ngày này, tôi nghiền ngẫm cuốn sách «Hear Again : Back to Life with a Cochlear Implant» của Arlene Romoff để tìm hiểu về «cấy ốc tai điện tử» giúp khôi phục thính giác cho người đã điếc đặc. Kinh nghiệm của tác giả cuốn sách gần sát với kinh nghiệm trong đời tôi.

Đó là một phép lạ y học - một câu chuyện nhiều cảm xúc, chạm vào trái tim, và có thể thay đổi cuộc sống của mình. Arlene Romanoff bắt đầu mất thính giác khi cô chỉ mới hai mươi tuổi. Cô dùng máy trợ thính, nhiều năm sau đó, bắt đầu chầm chậm vào bệnh điếc. Không tìm thấy nguyên nhân, không phương pháp chữa bệnh. Cô sử dụng và vật lộn với chức năng giới hạn của máy trợ thính và đọc môi. Cuối cùng, không có gì giúp cô nghe lại : cô đã trở thành điếc hoàn toàn. Sự cứu rỗi

nằm trong các phát minh tiên tiến nhất trong Y khoa : cấy ghép ốc tai điện tử, với con chip máy tính và nam châm, khi gắn vào một thiết bị bên trong kích thích hệ thần kinh thính giác. Đây là một nhật ký tuyệt vời, kinh nghiệm của tác giả, chia sẻ với gia đình, bạn bè, đồng nghiệp và nhất là độc giả. Cuốn sách cho tôi hiểu - có lẽ là lần đầu tiên - cuộc sống là gì nếu không có âm thanh và cảm giác thế nào để tham gia vào thế giới chung quanh.

Sau mấy lần nhà có khách, mà tôi không thể nghe được tiếng gõ cửa, tiếng chuông reng, tôi nghĩ tới người mù cần con chó thông minh dẫn đường, vậy thì người điếc cũng cần con chó để nghe dùm, thế là con trai tôi xin về cho tôi cô chó nhỏ bé xíu, tinh khôn, thuộc giống chó Đức, biết giữ nhà và giữ chủ, là giống miniature pinscher, thuộc giống chó doberman mà tôi đã nuôi lúc các con còn nhỏ. Nhờ con chó này mà tôi có thể «nghe» khi có người tới gõ cửa. Biết người lạ hay người quen khi cô cẩu quẩy đuôi hay cúp đuôi. Khi đi ra ngoài tôi cũng luôn dắt con chó nhỏ theo để có cảm giác an toàn hơn. Cô cẩu bé tí xíu này giúp đỡ tôi rất nhiều cũng như làm phiền tôi không ít vì rượt khách chạy dài để bảo vệ chủ.

Cám ơn cô cẩu thân thương.

Từ thuở nhỏ tôi đã thích hoạt động xã hội. Thời gian là nữ sinh GL, tôi sinh hoạt trong ban xã hội của trường, tham gia hầu hết những buổi cứu trợ nạn nhân bão lụt, nạn nhân chiến tranh, cô nhi viện, sinh hoạt hè trong hội Thanh niên sinh viên học sinh phụng sự xã hội, cũng như ủy lạo Chiến sĩ suốt thập niên 60's. Tôi đã từng vác từng bao bố cùng bạn bè đến từng nhà, xin từng lon gạo, ôm thùng đứng trước nhà Bưu điện Saigon xin từng đồng cho nạn nhân bão lụt miền Trung, từng moi đất đắp nền xây một lớp học đơn sơ cho trẻ em ở ngay sát nách ngoại ô Saigon. Tôi luôn tự hào mình là một người hữu dụng, vẫn mong ước ngày nào đó, có thì giờ, tôi sẽ trở lại tham gia những sinh hoạt thiện nguyện này, vậy mà bây giờ, thời gian thừa mứa ra, tôi lại trở thành một người hoàn toàn vô dụng, ngay chính an toàn cá nhân mình, tôi cũng gặp nhiều khó khăn và đầy mặc cảm.

Tuần lễ đầu mất âm thanh, tôi hốt hoảng, cứ đinh ninh máy trợ thính của mình gặp vấn đề, không hề nghĩ tới rằng đôi tai của mình tự nhiên vô khả dụng. Sau khi bác sĩ chuyển tôi qua lấy test tai, kết quả tối ám rằng tai tôi đã không còn nghe âm thanh được nữa. Từ đó, tôi được chuyển qua rất nhiều bác sĩ, từ bác sĩ gia đình qua

những vị bác sĩ chuyên khoa tai. Từ bác sĩ này, không giải quyết được, lại chuyển tôi qua vị bác sĩ khác, lòng vòng rất nhiều buổi hẹn, những buổi kiểm tra về tình hình sức khoẻ của tôi từ khi mới chào đời, phải lập đi lập lại tới phát chán tuy tôi rất hiểu, càng báo cáo nhiều, càng nhiều hy vọng chữa bệnh.

Vị bác sĩ gia đình của tôi là một bác sĩ giỏi, đó là BS P, D. Ông cho tôi chụp hình đầu (MRI) chú trọng tới dây thần kinh số 8 có liên hệ tới tai. Ông bảo rằng bây giờ có rất nhiều người tự nhiên không nghe được giống như tôi, là do bị một loại vi khuẩn lạ tấn công hệ thần kinh. Cho tới hai năm sau, sau khi đi từ bác sĩ chuyên khoa này cho tới bác sĩ chuyên khoa khác, vị bác sĩ sau cùng, người cho phép tôi giải phẫu tai (cấy ốc tai điện tử) đã cho biết rằng có thể hệ thần kinh tai của tôi đã bị một loại vi khuẩn tấn công, vi khuẩn này chưa tìm ra được cho nên chưa có tên. Thật sự không ai biết đích xác nguyên do tại sao tôi bị mất khả năng thính giác.

Sau hai năm trời đằng đẵng, càng ngày càng buồn tủi và thất vọng trong thế giới vô thanh, như sống trên sa mạc trống rỗng, phố thị người qua kẻ lại đông đảo, còn tôi như là một chiếc bóng, như người đứng ngoài lề xã hội, bị cô lập tức tưởi mặc dù tôi luôn tự nhủ mình «việc gì không thể thay đổi thì chấp nhận». Cuối

cùng, tôi nhận được giấy tờ từ CMS (Cap Management Systems) chấp thuận cho tôi mổ tai.

Suốt thời gian này tôi vô cùng cảm tạ chị hai, người đã luôn sát cánh bên tôi từ ngày đầu tiên tôi bị mất âm thanh. Chị đưa tôi đến trường chỗ tôi dạy để nói chuyện với cô giám đốc, chị cùng tôi qua cơ quan HR để xin thôi việc, đưa tôi đi xin những trợ cấp y tế, trợ cấp tàn phế, giúp đỡ tôi tiếp xúc tất cả mọi chuyện vì tôi không thể nghe được... Khi đi bác sĩ, chị kiên nhẫn ghi chép lại những gì bác sĩ cần vô sổ tay để tôi có thể đọc và hiểu mà trả lời. Tuy tôi có thể «đọc bằng miệng» để đoán, nhưng có khi đúng, cũng có khi sai nên trả lời trật lất.

Sau hai năm trời ròng rã hai chị em đã đi gặp rất nhiều bác sĩ, tôi nhận được giấy tờ chính thức giải phẫu tai ở UCI.

Vị bác sĩ sẽ giải phẫu tai cho tôi là người Trung đông, nhỏ người, đôi mắt sáng quắc thông minh. Trước khi giải phẫu, lần hẹn cuối bác sĩ cần tôi chích 2 mũi thuốc chủng ngừa cho đầu, chụp hình đầu lần thứ hai, và phải lấy test tim mạch. Test nầy làm tại phòng mạch của bác sĩ gia đình. Kết quả không được tốt, một mạch máu bị nghẽn, bác sĩ gia đình không cho phép mổ mà chuyển tôi qua bác sĩ tim để xác định lại.

Tại đây bác sĩ cho biết tôi cần phải làm 4 tests tim, yêu cầu nhà thương dời ngày giải phẫu. Như vậy ngày giải phẩu dời sau 1 tháng.

Qua 4 tests, bác sĩ tim chứng nhận mạch máu đã thông, cho phép mổ. Tôi nghĩ rằng nhờ tôi kiên nhẫn tập thể dục, cũng như ăn uống kiêng cử và uống nước sinh tố trái thơm không thêm đường hằng ngày trợ giúp cho mạch máu thông. Bác sĩ giải phẫu không nói gì với tôi về việc giải phẫu, chỉ vắn tắt cho biết sẽ giải phẫu cho tôi bên tai mặt, và kỳ hẹn thứ hai sẽ gặp bác sĩ «audiology». Đây là vị bác sĩ dễ thương nhất trần đời, cô tóc vàng, trẻ, xinh đẹp, dịu dàng, kiên nhẫn, và vô cùng dễ thương. Không như bác sĩ giải phẫu ít lời, cô nói rất nhiều, ánh mắt nồng nàn nhân ái, và đôi bàn tay thoăn thoắt đánh máy lên «monitor», giải đáp tất cả những thắc mắc của tôi về việc giải phẫu tai cũng như những việc phải làm tiếp theo sau khi giải phẫu. Cô trình bày cho tôi 3 hãng dụng cụ cấy ốc tai để tôi mang tất cả tài liệu về nhà đọc thật kỹ, chọn ra 1 hãng và cho cô biết trong kỳ hẹn sau, để cô đặt hàng sẵn sàng cho bác sĩ giải phẫu. Tôi chọn một loại có hình dạng nhỏ nhất thế giới hiện nay.

Theo cô, tôi sẽ cần thời gian để học nghe lại, giống như những em bé mới biết nghe, là vì thời gian mất âm thanh, bộ não của tôi đã quên hết âm thanh cũ.

Trong khi máy trợ thính chỉ là một bộ phận bên ngoài, khuếch đại âm thanh, việc cấy ghép ốc tai điện tử (cochlear implant) là một tiểu giải phẫu cấy ghép một máy phát thanh tí hon (microphone) vào tai trong, kích thích trực tiếp hệ thần kinh thính giác làm rung động âm thanh (hair cells), hoạt động cùng với bộ phận bên ngoài (Speech processor) nằm phía sau tai, áp vào nhau bằng một bộ phận nam châm cấy ghép bên dưới da, nhờ đó âm thanh di chuyển đến tai trong.

Quá trình nghe diễn ra như sau :

Âm thanh được đưa vào ống tai và làm màng nhĩ dịch chuyển.

Màng nhĩ dao động cùng với âm thanh.

Dao động của âm thanh truyền vào các xương nhỏ đến ốc tai.

Dao động của âm thanh làm cho lưu chất trong ốc tai dịch chuyển.

Sự dịch chuyển của lưu chất làm cho các tế bào lông uốn cong. Các tế bào lông tạo ra tín hiệu thần kinh và tín hiệu này được truyền đi bằng dây thần kinh nghe. Các tế bào lông ở phần đầu của ốc tai truyền tín hiệu âm thanh có tần số thấp, và các tế bào lông ở phần đầu kia của ốc tai truyền tín hiệu âm thanh có tần số cao. Thần kinh thính giác sẽ gởi các tín hiệu đến não, và tại đó các tín hiệu này được hiểu là âm thanh. Kể ra thì dài dòng, thực tế mọi chuyện diễn ra rất nhanh như tốc độ của âm thanh

Ốc tai điện tử khác hoàn toàn khác với máy trợ thính. Trong khi máy trợ thính khuếch đại âm thanh đến mức độ mà người bị khiếm thính có thể nghe được, ốc tai điện tử đi tắt qua phần tổn thương của tai, kích thích trực tiếp hệ thần kinh thính giác.

Đối với người lớn nghe kém từ nặng đến sâu, các ốc tai điện tử có thể giúp họ lấy lại một giác quan mà họ sẽ dựa vào đó để giao tiếp và tham gia trong thế giới âm thanh. Cấy ốc tai điện tử có thể giúp trẻ em bị mất thính giác bẩm sinh có thể trưởng thành và sinh hoạt như trẻ em bình thường. Ngoài ra, không giống như máy trợ thính, học cách sử dụng một ốc tai điện tử là một quá trình đòi hỏi phục hồi trên phạm vi rộng.

Khi đọc những thông tin trong mấy bộ sách bà bác sĩ đưa, lúc biết được rằng giải phẩu sẽ cần phải đục vô sọ, tôi bị chiêm bao hãi hùng mấy đêm liền vì sợ quá chừng. Nhớ lại câu chuyện Back to Life with a Cochlear Implant mà Arlene Romoff đã kể trong cuốn sách của cô, dần dần tôi tìm được sự đồng cảm, và giữ bình tĩnh trước khi giải phẫu với lòng ao ước mãnh liệt được nghe lại âm thanh.

Ngày giải phẫu, tôi được chị hai và hai đứa em gái đi theo hộ tống, để cho tôi bớt sợ và an tâm hơn. Thức dậy từ 4 giờ khuya, mấy chị em sửa soạn khởi hành vì giờ ghi danh nhà thương rất sớm, để chuẩn bị lên bàn mổ vào lúc 7 giờ sáng. Khi vào phòng mổ tôi được đưa cho bộ quần áo nhà thương màu xanh. Nằm trên bàn mổ, nhỏ em được vào phòng mổ để giúp tôi trả lời những câu hỏi cần thiết. Người chăm sóc cho tôi trước khi bác sĩ giải phẫu, tiêm thuốc, đo mạch, là một y tá RN người Việt. Ông rất vui vẻ. Ông đưa cho tôi xem một tấm bảng, có ghi những con số từ 1 tới 10. Và cho tôi biết là sau khi mổ xong tôi sẽ đau, độ đau sẽ tính bằng những con số này. Đau tới số 5 trên 10 thì coi như bình thường, nếu đau nhiều không thể chịu nổi thì chỉ con số 7, 8... đau không thể chịu được nữa sẽ chỉ con số 10 trên 10... Điều này làm tôi rất sợ hãi dù biết trước rằng sau khi giải phẫu, đau đớn là điều tự nhiên, nhất là tôi

mổ tai, gần não, lại còn bị đục thẳng vào sọ nữa, đương nhiên là phải đau rồi.

Gần tới giờ mổ tôi nhìn chiếc đồng hồ treo trên tường, hai vị bác sĩ sẽ giải phẫu, hai vị bác sĩ gây mê lần lượt tới tận giường tự giới thiệu với tôi, rồi sau đó ông y tá cho biết sẽ tiêm cho tôi một mũi thuốc thẳng vào bình IV cho tôi ngủ trong khi bác sĩ làm việc. Giải phẫu sẽ mất ba tiếng đồng hồ, tôi được cho biết trước.

Tôi thiếp đi lúc nào không hay.

Khi tỉnh, điều đầu tiên là cảm giác đau, đau xiết óc. Bà y tá đưa cho tôi thấy tấm bảng chỉ cấp độ đau mà tôi đã được hướng dẫn từ trước khi mổ, tôi chỉ vào số 5, rồi kế tiếp, cơn đau bùng lên, kèm theo trận ói mửa thốc tháo mà bà y tá biết trước cầm sẵn cái bao ni lông cho tôi vì những bịnh nhân sau khi mổ đều có những biểu hiệu giống nhau này. Khi đau tới mức hết chịu đựng, tôi gần muốn khóc, chỉ tới con số 7 rồi 8, bà tiêm rất nhiều thuốc giảm đau cho tôi và liên tục đo mạch máu ở cổ tay cứ mỗi 15 phút.

Sau 4 tiếng, tình trạng sức khoẻ hơi ổn định bác sĩ cho tôi xuất viện, bà y tá bảo về nhà nằm nghỉ sẽ thoải mái hơn là nằm lại bệnh viện. Tôi rời nhà «ghét» với cái đầu băng kín vải màu trắng toát, và đau nhức vô cùng.

Về nhà, tiếp tục uống thuốc giảm đau và liên tiếp hai ngày sau chỉ toàn uống nước súp, không ăn được. Tôi từ từ hồi phục. Tôi được cho uống thuốc giảm đau và 10 ngày thuốc trụ sinh. Khi về tới nhà, chị hai hoan hỉ cho hay bác sĩ đã báo tin ngay khi vừa mổ xong là tai tôi đã có rung động âm thanh.

Tôi mừng lắm, dù thật sự tôi vẫn chưa nghe được, là vì phải chờ vết thương phía sau tai lành lặn hẳn hoi, tôi mới được chỉ cách sử dụng «sound processor», là một dụng cụ trung gian bên ngoài thu nhận âm thanh, để chuyển vô não. Não ghi nhận âm thanh, do tần rung của tế bào lông bên trong ốc tai, để tôi có thể nghe được. Ba ngày sau khi mổ, cô em gái là y tá tới nhà để tháo băng, làm vệ sinh, thoa thuốc sát trùng chỗ vết thương cũng như ý muốn gội đầu cho tôi nhưng tôi cố gắng làm một mình.

Sau 4 tuần lễ, trong buổi hẹn với bác sĩ giải phẫu, tôi cám ơn và chụp cùng ông một tấm hình. Tuần kế tiếp ngày hẹn cô bác sĩ «audiology», tôi được đo thử nghiệm âm thanh trầm bổng để cô cài đặt vào máy. Tôi cho cô biết ngày mai chúng tôi lên đường đi chơi xa, cô liền cho tôi mang thử chiếc «Rondo» đầu tiên để tập nghe. Thật là tuyệt dịu, tôi đã nghe lại âm thanh sau hơn hai năm chờ đợi. Đây là thời gian sung sướng nhất, tôi

lâng lâng như bay theo âm thanh, theo tiếng gió.

Trên một con đường phố đông đúc ở San Francisco, lòng tôi cũng mở hội theo âm thanh, như được ghé bến Saigon. Thấy người họa sĩ Tàu ngồi chờ khách bên lề đường rộng rãi, mấy chị em liền xà xuống, nhờ vẽ chân dung theo kiểu hài hước để làm kỷ niệm. Đang dòm coi nhỏ em làm người mẫu thì nghe loáng thoáng tiếng nói : «kiếm tiệm phở... ăn phở». Chữ phở... phở liền tai nghe quen, xây lại có thấy người Việt nào đâu mà rõ ràng mà là ba bà da đen «thứ thiệt». Nhỏ em ngoắc lại, hỏi :

- Việt Nam hả, sao biết tiếng Việt ?

Nghe một bà trả lời :

- Dạ, em là người Mỹ, em tên Ngọc Lan, còn đây là bác em, con gái em tên Ngọc Mai.

- Trời đất, nói tiếng Việt rành quá, có lai hông ?

- Em học tiếng Việt 10 năm, hội nhà thờ Tin Lành, là người Mỹ.

Mấy chị em xúm lại, nghe tiếng Việt qua một người Mỹ không lai, giật mình. Tôi càng thú vị, cố gắng nhận âm thanh tiếng nói giọng cười rổn rảng hồn nhiên của

chị «Ngọc Lan».

Nói chuyện một hồi chị móc bóp ra cho chúng tôi cuốn sách mỏng bằng tiếng Việt «Tỉnh Thức» của Hội Thánh trước khi từ giả để tiếp tục kiếm tiệm phở trên phố San Francisco.

Khi dạo trên bến cảng náo nhiệt, tôi đã nghe được âm thanh của dàn nhạc sống «one man band» bên lề đường, lúc ghé một tiệm thủ công, vào khu bán những loại chim, thú, điêu khắc bằng đá, tôi nghe âm thanh tiếng két kêu, tiếng chim hót qua máy phát thanh. Dạo bờ biển Pismo, tôi nghe tiếng hải âu gọi nhau, tiếng gió xào xạc hàng cây cọ, tiếng sóng vỗ ghềnh đá, thế giới thực sự sống lại chung quanh, tôi không còn cảm giác lạc lõng, cô lập giữa thế giới vô thanh nữa và đã nở được nụ cười tròn môi.

Từ giờ tôi đã trở lại với thế giới đầy sinh động, khi đi bộ tôi nghe tiếng xe chạy, tiếng còi xe cứu hỏa, tôi có thể lái xe đi chợ mua thức ăn, nghe tiếng cười nói, tiếng hỏi lời chào náo nhiệt mà tôi có thể tham dự vào một cách tự tin và vui vẻ. Tôi có cảm giác hồi sinh sau thời gian sống như cái bóng bên lề xã hội.

Âm thanh tôi nghe được còn «robot», giống như nghe trong mấy phim hoạt họa, ngang ngang không có dấu, tôi cần cố lắng nghe, cũng rất là vui. Khó khăn nhất là tự tôi phải bỏ dấu cho những câu nói ngang ngang tôi nghe được, cũng giống như nghe người ngoại quốc nói tiếng Việt không thể bỏ dấu được. Theo cô bác sĩ, nhiều bệnh nhân phải mất hơn sáu tháng trước khi nghe được, tôi nghe nhanh có lẽ nhờ đã quen cách đọc bằng môi. Những ký âm tiếp nhận và chuyển đến não bộ từ máy móc so với từ các bộ phận thích giác tự nhiên thì có khác biệt, chỉ có thể nói là «tương tựa» mà thôi, cho nên bộ não cần có thời gian để «phát hiện», rồi «nhận định» và chuyển giao tín hiệu cho từng nhóm tế bào vi tế trong thần kinh não bộ.

Cô bác sĩ bảo tôi, cấy ghép ốc tai không phải là một phép lạ, nhưng tôi hoàn toàn đồng ý với bà Arlene Romanoff, đây chính là phép lạ Y học. Tuy không phục hồi hoàn toàn khả năng thính giác nhưng cũng giúp cho tôi không bị cô lập với thế giới bên ngoài.

Trở về sau chuyến đi kỳ thú, tôi được bạn bè cùng trường cũ báo hung tin một người bạn đồng song vừa qua đời vì căn bệnh ung thư quái ác. Chúng tôi, một nhóm bạn đã cùng nhau cầu nguyện cho bạn mình được sống mới tuần trước, tuần sau đã đến nhà thờ cầu cho

bạn mình sớm hưởng nhan Thánh Chúa. Tôi may mắn hơn bạn, thật nhiều, nhờ vào sự tiến triển vô cùng của ngành y khoa.

Hôm trở lại tái khám, ngồi ngoài phòng đợi rất đông khách, có một gia đình trẻ gồm hai vợ chồng, một đứa bé trai độ 3 tuổi chạy vòng vòng trong phòng đợi, và một bé gái xinh xinh tóc đen tuyền, khoảng 5, 6 tháng nằm im lìm trên tay mẹ. Cậu bé thỉnh thoảng chạy tới bên em gái, vỗ hai bàn tay lách chách vào bên tai em gái, cô bé vẫn nằm im không động đậy, cũng không nhìn theo bàn tay vỗ của anh mình. Thăm hỏi, được người mẹ cho biết bé bị điếc ngay khi chào đời. Tôi thấy tim mình nhói lên khi nhìn bé. Nếu việc trị liệu không thành công, không thể nghe được tiếng nói tiếng cười, bé sẽ không biết nói, thậm chí, tiếng cười tiếng khóc tiếng kêu của bé có thể cũng không giống bình thường. Tôi đã cầu nguyện cho bé. Hy vọng là nhờ được sinh ra trên đất Mỹ, bé sẽ được hưởng sự trị trị liệu tối tân của y khoa Hoa Kỳ, bé sẽ nghe, sẽ nói, sẽ hát, sẽ cười... Nhưng thế giới này còn biết bao xứ xở không được như nước Mỹ, những em bé vào đời thiếu may mắn như bé, rồi sẽ ra sao ? Tôi tự hỏi và cầu nguyện cho bé cũng như tất cả những bé chào đời với khiếm khuyết thân thể.

Tôi trở lại bác sĩ gia đình để khám bệnh, cho ông biết tin vui tôi đã nghe trở lại tương đối rồi, ông không cần phải dùng viết và giấy khi tiếp xúc với tôi. Ông vui lắm, hỏi lại tôi :

- Còn đọc môi không ?

Tôi trả lời :

- Không cần đọc môi nữa, chỉ cần chú ý lắng nghe.

Ông cười tươi, buông hai tiếng thán phục :

- Thần kỳ.

Tôi bảo ông :

- Còn hơn thần kỳ nữa bác sĩ ơi, gần đây tôi đọc tin tức thấy nói việc cấy ghép tế bào tai sống đã thành công ở chuột rồi, như vậy, con đường cấy tế bào ốc tai này rồi đây sẽ áp dụng thành công trên người, bác sĩ há.

Bác sĩ gật đầu, đồng ý. Tôi tin vậy. Thế hệ kế tiếp tôi sẽ không còn ai bị điếc nữa. May mắn nhất là tôi đang sống ở nước Mỹ, một quốc gia tôn trọng nhân quyền nhất thế giới và ưu ái người tàn tật, nếu sống ở nước không tôn trọng nhân quyền thì... tàn tật là tàn đời !

Sau hai năm khổ tâm sống trong thế giới vô thanh, chờ đợi với hy vọng thật mong manh, chợt sáng lòa ánh sáng ở cuối đường khi phẫu thuật thành công. Trong cái rủi có cái may như người xưa nói. Nghĩ ra tôi vẫn còn rất nhiều việc muốn làm, không đào đất xây lớp học như ngày còn nhỏ, tôi vẫn còn làm được những chuyện khác, người khiếm khuyết chung quanh tôi còn đầy, nếu đã nhẹ lòng tự tử hồi hai năm trước thì thật là uổng đời.

Trương Ngọc Anh

## Vui Buồn Ngày Tái Ngộ

Trà Khan

Tác giả họ Nguyễn, hiện là cư dân Garden Grove, đã góp một số bài viết về nước Mỹ. Mỗi bài đều cho thấy tấm lòng. Sau đây là bài viết mới nhất.

Trời vào thu lá vàng rơi đầy đầu ngỏ. Những hàng cây hai bên nhà hầu như trụi lá. Song cũng hớn hở vui đùa trước gió, như ngả ngớn chuẩn bị đón chào những mầm non thay thế, một khi lá xanh thay thế lá vàng.

Bà Tám đứng trước gương soi, nhìn dung nhan mình chẳng biết mình là ai nữa. Bà nhớ lại một thời khi còn ngồi học trường tỉnh, bà thuộc vào lớp người đẹp 'Tây Thi mất vía Hằng Nga giật mình». Tuổi thanh xuân một thời đã tàn. Bà Tám suy nghĩ như tự an ủi chính mình, đời người con gái như đóa hoa xuân sớm nở tối tàn, có hoa nào đẹp mà không phôi pha sắc hương. Lắm lúc bà muốn sửa sắc đẹp nâng ngực, căn mặt, cắt mí, cho hợp với thời đại, dẫu nghèo cháy túi nhưng phải 'sống cho người không sống cho mình' thật là đau khổ.

Nhưng bà suy đi tính lại, ít ra mình phải là Liz Taylor mới có thể làm chuyện đó. Liz là dân minh tinh màn

bạc, lắm bạc nhiều tiền mình đâu sánh kịp. Thôi thì thân phận nhà nghèo nên biết thân ! Thà rằng bà có ba nghìn bỏ vào túi xách rẻ tiền, còn hơn mang 'xách hiệu' đắt tiền nhưng trong túi chỉ có năm xu.

Thân phận ăn mì gói, uống muống luộc chấm mắm nêm, đếm từng cent mỗi lần xe hết xăng, không thể nghĩ đến chuyện nâng mi cắt mí !

Quan niệm bà tuy có cũ nhưng không đến nỗi mèm. Tốt gỗ hơn tốt nước sơn. Con người có thể xấu, nhưng không bần tiện, để luồn cúi, bẩm tâu, nịnh bợ. Thấy đúng nói đúng, thấy sai nói sai, muốn cười là cười, muốn khóc cứ khóc, mới là đẹp vậy, tục ngữ ta có câu «cái nết đánh chết cái đẹp.» Bà đã tìm ra chân ly, nên không còn bâng khuâng với tuổi đời tốt và xấu nữa !

Bà Tám đang nghĩ về thân phận mình, thì có tiếng phone reo, làm tan sự suy nghĩ viển vông.

- Alo, ai gọi phone đó.

- Dạ. Tôi là Hai đây, mới tìm được phone chị mừng lắm, không gặp chị trên 50 năm rồi, kể từ ngày học chung lớp chung trường, cũng vì đất nước tôi phải xếp bút lên đường tòng chinh, xa chị từ dạo ấy. Chị còn nhớ tôi không ! Tôi đã qua Mỹ rồi.

- Xin lỗi, nghe anh nói nhưng tôi không còn nhớ nổi. Mời anh khi nào đến nhà thăm, gặp người biết mặt, rồi phăng ra manh mối mới nhớ được.

- Cảm ơn, hẹn gặp chị ngày gần đây.

Và rồi trời vào thu, mây buồn ảm đạm. Gio thu lay động hàng cây trước sân nhà, lá rơi xào xạc. Bà Tám tưởng tiếng chân người đi, bà vén bức màn nhìn ra sân không thấy ai, rồi bưng tách trà uống tiếp. Tiếng động lần này, bà nhìn kỹ ra ngoài dường như có bóng người đứng phía bên hàng cây dâm bụt, nơi chỗ bà thường treo lồng chim quốc.

Bà Tám đẩy cửa bước ra nói lớn :

- Cọp ăn anh ! tôi tưởng đâu ma, nhìn hoài mà chẳng thấy người. Mời anh vào nhà.

- Trời ơi ! ở Mỹ làm gì có cọp ! Cọp chỉ có sở thú thôi. Chị sợ cọp, tôi thì sợ chó sói nhất, bởi vì cọp còn có chuồng, sói hay chạy rông chỗ nào cũng thấy, không biết nó cắn mình lúc nào.

Bà Tám nói :

- Bữa nghe phone lần đầu anh có nhắc sơ chuyện ngày còn học chung nhau, tôi hồi tưởng lại, rồi lục tìm

được cây bút Pilot anh tặng tôi, khi xa nhau viết thư thăm anh. Nhưng, đời người như cánh chim bạt gió, không biết anh nơi nao, nên từ đó xa mãi đến bây giờ. Tôi gặp ông xã tôi cũng nhờ cây viết anh tặng, mỗi lần cầm viết tôi lại nhớ đến anh. Tôi còn giữ nó đến hôm nay.

- Nghe chị nói, tôi lại nhớ câu chuyện đời của «chó và cò» một hôm chó mời cò đến nhà ăn tiệc, chó dọn một dĩa lớn, cò chó ăn chung tỏ tình thân mật. Cò mỏ nhọn mổ thức ăn chẳng được là bao, chó thì le lưỡi liếm vài cái dĩa hết thức ăn. Cò đói, hôm sau cò mời chó đến nhà đáp lễ, bằng cách ăn miếng trả miếng. Cò dọn thức ăn trong hũ. Cò dút mỏ vào ăn, chó chỉ đứng nhìn không ăn được. Câu chuyện đưa đến kết luận «cò thật lòng chó lại lưu manh»

Lâu rồi mình không gặp nhau, gặp nhau rồi mình hết biết ai là ai, chị và tôi không còn một nét gì để nhớ. Nếu có chỉ còn là kỷ niệm thôi. Gia đình chị làm ăn tài lộc dồi dào thế nào, khá không chị.

- Già rồi anh ơi ! lợi thì có đó, nhưng răng không còn! Giấu diếm gì anh đâu, nhờ hàm răng giả, tôi với ông nhà cùng size nên đỡ tốn tiền, chỉ làm răng một người. Thay nhau mượn ngàm mà ăn. Lúc tôi ăn thì ổng ngồi chờ và trái lại, buồn ngủ lại gặp chiếu manh mà anh.

Về tài thì không có, chỉ có tai mà thôi, tai ách liên miên hết chuyện này đến chuyện khác, 'chữ tài liền với chữ tai một vần' là như vậy. Anh biết ở Mỹ này tiền nó không chịu nằm yên trong túi mình đâu, nó kiếm chuyện để đi ra. Tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống.

- Vậy khi người ta mời anh chị tiệc tùng thì sao.

- Thì cũng làm vậy, già rồi mắc cỡ gì.»Có sao nói vậy người ơi !» không giấu giếm làm chi. Nghèo đâu phải là cái tội, miễn sao mình chân thật với lòng mình là đủ rồi, không lật lọng, không lừa đảo một ai «đói cho sạch rách cho thơm.»

- Chị có «bòn tro đãi sạn cũng cho thằng chạn nó ăn» thôi, chị dư biết tôi không cần diễn dịch thêm. Nghe chị nói về răng, tôi nhớ lại ở trong nước mình, thời đại gạo châu củi quế, ông bên cạnh nhà tôi, làm ngàm răng giả tốn kém khá cao. Song ông ta có tật hay nhậu, bữa nọ cho chó ăn chè, ngàm răng rớt ra, chó tém gọn vào ruột, phải cột chó lại, chờ chó ỉa ra bươi phân lượm lại để dùng, thật đáng thương tâm.

- Anh đến Mỹ lâu chưa ? Anh nói tôi nghe ớn lạnh quá !

- Đó là sự thật, tôi không thêu dệt hay bôi bác đâu. Tôi đến Mỹ được «một nửa ba năm».

- «Một nửa ba năm» là thế nào ? Thật tình mà nói, tôi chỉ học lớp ba trường làng, học để biết ký tên thôi, anh nói tôi chẳng hiểu, có lẽ anh dùng từ trong nước mang qua đây ! Khó hiểu quá ! Người ta nói ai muốn đậu tiến sĩ hãy về trong nước là thi đậu liền.

- Cũng đúng vậy «đi với phật bận áo cà sa, đi với ma bận áo giấy.» Tôi đến đây được «một năm rưỡi» rồi !

- Năm rưỡi thì nói năm rưỡi nghe có xuôi tai không ? Chứ anh nói một nửa ba năm, tôi chẳng hiểu trời trăng gì. Đời này không có Tam Quốc Chí sao anh quanh co mãi. Người ở đây nói, khi về nước muốn làm việc gì khi mình cần, họ chỉ hỏi «đầu tiên» là được tất cả phải không anh ?

- Đúng lắm ! Còn dài dài chị à ! khi giao dịch, ngoài việc «đầu tiên» còn có nhiều thứ tiền khác nữa như «tiền lùi» «tiền lịch sự» «tiền chôm» v. v... Và nhiều từ mới lạ lắm, chắc chị không hiểu hết đâu.

Mấy chục năm không gặp chị. Sự thật hay mất lòng, tôi thấy chị nay lại nói nhiều đấy ! Thường thì tạo hóa ban cho mấy bà cái tật nói dai, nói dài, nói dở, mỗi lúc

nóng giận lại hay nói nhiều. Vợ chồng cũng từ chỗ này mà ly thân ly dị. Nhưng chị ơi ! một khi nói nhiều là nói bậy. Lời nói chỉ là bạc, nhưng không tốt bằng vàng, đó là sự im lặng.

- Thôi, tranh luận chi anh ? cuộc đời này anh và tôi giàu sang hay nghèo khó, lúc trở về cát bụi cũng trắng tay. Ta là cát rồi ta sẽ về với bụi. Gặp nhau chưa an ủi cho nhau, anh lại phang vào một câu làm tôi tối mặt. - Xin lỗi chị ! Đời tôi lắm nhiều gian khổ, già rồi chỉ còn sống với dĩ vãng thôi. Tương lai không còn, trước mặt mình lúc nào cũng là con số không (O), tức là cái lỗ, bước lùi không được, bước tới sẽ sụp lỗ. Chị không nghe ông bà mình nói : Già gần kề miệng lỗ mà còn ham hố gì nữa sao, đó là con số không đấy. Ngày xưa mình đi học cũng vậy, mình ghét con số không lắm, mỗi khi làm bài sai thầy cho zero, mình mặc cảm với bạn bè, có lúc ngủ không được cũng vì nó. Mình càng ghét nó, càng không ưa nó, nó lại theo mình sát nút. Chị không nghe người đời thường nói «ghét của nào trời cho của đó» ! Thế nên nó lại bám theo mãi mình đến tuổi già, lúc nào cũng nhìn thấy con số không (cái lỗ) trước mặt.

Tôi không phải nuối tiếc gì về dĩ vãng, vì mình có gì đâu phải tiếc, tự chính mình đánh mất, không nên đổ lỗi cho ai cả «không phải tại anh cũng không phải tại tôi»

hay là «tại trời xui khiến» cho mình xa nhau đấy thôi. Nhưng tôi chỉ tiếc mình là hạt giống gieo không đúng chỗ đất tốt, nên đành chịu vậy thôi.

- Anh ngồi đây, tôi xuống bếp pha trà uống.

- Trà gì vậy chị ! Tôi đang khát nước, trà gì cũng uống được, ngoại trừ trà Tàu.

- Không phải trà xanh, trà Huế, không là «Rêu Hoàng Hậu» trà Tàu càng lại không, tôi chỉ có trà đọt anh dùng thử, loại trà này tuy bình dân, nhưng uống đỡ «khát nước» lắm anh !

Bà Tám nhìn ông Hai vừa bưng ly trà, gương mặt ông như đang đăm chiêu về nỗi buồn nào đó. Ông nói mỗi lần uống trà bất cứ nơi nào, tôi lại nhớ cụ Phan Bội Châu qua bài thơ Khát Nước, bài thơ hay từng chữ, thấm thía đến từng câu. Dư âm thơ như có sự thẩm thấu qua xương thịt. Nếu ai đó có tấm lòng với đất nước, sẽ thấy tim mình se thắt như hụt hẫng nhịp tim. Người ta say vì men rượu, tôi đây say vì hương trà. Tôi thuộc bài Khát Nước như thuộc bài công dân giáo dục vậy.

Vì cớ sao mà khát nước hoài.
Trà đâu ta thử uống mà chơi.
Không Tàu thì Huế tha hồ thú.
Pha tục và tiên mẹ bỏ đời.
Ấm lạnh tình người năm bảy chén.
Lạt nồng mùi vị một vài hơi.
Trà ơi ! còn nước là vinh hạnh.
Cháy lưỡi khô môi thảm những mùi.

Ông Hai vừa ngâm hai dòng lệ cũng từ từ lăn trên má. Bà Tám như muốn chia bớt nỗi buồn của người bạn, bà Tám đến bên ông an ủi.

- Anh có trí nhớ dai, tôi học nhiều nhưng chẳng được bao nhiêu, Tôi chỉ nhớ bài thơ Con Cò của tác giả vô danh nào đo. Tôi trách cho việc giáo dục ngày trước, không hiểu tại sao bài thơ này, lại đem dạy ở lớp đồng ấu, các cháu học để trả bài cho thầy, chưa đủ trí thông minh suy xét cái thâm thúy của bài thơ. Đúng ra phải dạy ở cấp phổ thông trung học cấp ba. Học sinh mới có trình độ bình giải hiểu biết về thân phận «con cò mà đi ăn đêm». Con cò giờ này, là cảnh ngộ của Quân Dân Cán Chính Miền Nam sau 75 «có xáo thì xáo nước trong, đừng xáo nước đục đau lòng cò con.» Lời nhắn tối hậu để đời «thà chết trong hơn sống đục»

- Anh ơi ! Vận nước tình nhà làm sao mình biết được, đó là cái tang chung của người dân Miền Nam.

- Đã trưa rồi, mời anh ở lại ăn cơm với tôi, xong rồi mình lại tiếp tục, lâu ngày nghe anh nói hấp dẫn quá. Và còn những câu chuyện thật buồn, đã làm tôi buồn theo ! Dầu gì vết thương năm nào nay đã đóng vảy kéo da, nhưng khi rờ đến vẫn còn rịn máu.

- Nhà tôi ăn chay trường, anh ăn có được không !

- Uả chị cũng tu hành sao ?

- Không anh ! ăn chay theo của tôi không để tu hành, cũng không phải làm đẹp để cho eo thắt lưng ong. Anh đừng chê nhé ! Tôi nghèo đâu có tiền ăn cá hấp thịt chiên, Đến bữa, tiền chỉ đủ mua chai xì dầu ăn thôi. Ăn chay theo kiểu của tôi là để «chữa bệnh nghèo» chứ không tu hành gì hết ! Thỉnh thoảng, ăn xì dầu mãi nóng ruột, dồn đủ tiền làm bậy tô phở bò. Có người để ý lại hỏi tôi ngay.»Bữa nay chị hết tu hành rồi phải không, ăn mặn trở lại rồi chứ gì ?» Tôi nói : tôi đang ăn chay chứ đâu phải ăn mặn. Tôi giải thích «con bò ăn cỏ nó sống từ thuở sinh ra đến lớn. Tôi ăn thịt bò tức là tôi ăn chay gián tiếp, hay nói khác hơn là tôi ăn chay theo loại hai.

- Lạ quá hả ! Chị ăn chay loại hai, còn loại một là loại gì ?

- Là đậu hủ, tương chao, kim châm nấm mèo v. v. cũng thịt bo, thịt gà, cá thu chiên, làm bằng bột giống hệt như thịt cá vậy.

- Mời anh dùng rượu nho đỏ rồi ăn cơm.

- Cảm ơn chị. Tôi không uống được, vì tôi thấy màu đỏ là tôi bị dị ứng ngay. Nghe chị nói giàu và nghèo, tôi lại nghĩ đến câu chuyện, chủ nhà mời khách dùng cơm, khách thiệt tình ăn nhiều, ăn thoải mái, vì thức ăn ngon, chủ nhà vui mừng, vì là thực khách giàu sang. Nhưng trái lại, nếu khách là người bạn nghèo, dọn ra món nào ăn hết món đó, chủ nhà không những không vui còn cho rằng 'đồ chết đói'. Hai thái cực khác nhau quá xa, giàu thì dơi nói chuột cũng lắm người nghe.

- Anh nói về thân phận, riêng tôi muốn nói thêm về con cháu thời nay. Khoa học văn minh, chẳng sao mình theo kịp. Thời đại IPad Iphone, con cái nó quý trọng và gần gũi hơn là cha mẹ nó. Con cháu trong gia đình tôi chứ không ai xa lạ. Ba phút, năm mười giây là lấy Iphone ra xem, và dài dài như vậy, đang ngồi ăn lúc nào chiếc Iphone cũng sẵn có bên cạnh, nó thăm chừng như người đi thăm bẩy. Cha đau mẹ ốm không cần biết,

nhiều lúc cần đến nó, năm lần bảy lượt nhờ nó rót cho chén nước, nó chẳng để ý đến. Chưa bao giờ nó thăm hỏi cha đau mẹ ốm thế nào, chưa bao giờ tôi nghe tiếng nói đó. Học xong về nhà tay, mắt và tai nó lúc nào cũng thấy bận rộn bên chiếc Iphone không một phút ngơi nghỉ. Nó săn sóc cha mẹ nó như chiếc Iphone, Ipad thì đỡ biết mấy. Nó dùng Iphone làm lẽ sống với bạn bè Thật buồn lắm anh ơi ! nói sao cho hết. Chúng nó ảnh hưởng nếp sống Tây Phương nhiều quá, chắc chúng không còn nhớ đến quê hương, nếu có chỉ còn là sách vở thôi, khó lòng là còn nguyên vẹn «chim có tổ người có tông» «uống nước nhớ nguồn» chắc rồi đây sẽ mai một.

Nắng chiều buông xuống, tiếng chim quốc từ lồng treo bên cạnh hiên nhà, kêu từng hồi, như nhắc nhở bà Tám, trời đã vào tối rồi đấy ! Hãy đem lồng chim quốc vào !

Nghe tiếng quốc, ông Hai nói :

- Làm sao chị có con quốc này.

- Trước đây ông nhà tôi đem quốc từ Việt Nam, được sự kiểm dịch quốc tế, nên được mang đi hợp pháp. Từ khi nhà tôi mất, mỗi lần tôi nghe quốc vào chiều tối, tôi lại nhớ ổng vô cùng. Lúc lâm chung ổng còn dặn

lại chúng tôi rằng, dầu ai có mua quốc bao nhiêu cũng đừng bán quốc, hãy yêu quốc, và thương yêu quốc như yêu mẹ hãy còn.

Gặp nhau trên xứ người tôi và anh không ngờ trước được, đúng là quả đất tròn, người xưa thường nói «hữu duyên thiên lý năng tương ngộ, vô duyên đối diện bất tương phùng.» Rồi chuyện tình, chuyện nước, chuyện người chuyện ta. Cứ vậy, Ông Hai và Bà Tám tiếp tục câu chuyện. Tiếng quốc kêu lúc chiều tối nhắc nhở đôi bạn già đủ thứ chuyện trường cũ bạn xưa, không biết hiện nay ra sao. Cũng chẳng biết rồi chuyện đi tới đâu. Đúng là «Vui Buồn Ngày Hội Ngộ».

Trà Khan

# Chuyện Cổ Tích Ở Bờ Đông

Song Lam

Bờ Đông ở đây là thành phố Bridgeport, Connecticut và «nhân vật cổ tích» trong truyện là cô Thơm làng Còi và anh chồng lai Mỹ đen. Tác giả bài viết thuộc lớp tuổi 60, định cư tại Mỹ từ 26 tháng Ba 1992, hiện là cư dân Cherry Hill, tiểu bang New Jersey. Bài viết về nước Mỹ đầu tiên của bà là «Tháng Ba, Trời Đất Vào Xuân, «tự sự của người vợ người mẹ trong một gia đình H. O. tự sơ lược về mình «22 năm dạy học trong nước, 22 năm làm «culi job» trên đất Mỹ. Bài viết phổ biến từ 16 tháng B 2013, hiện đã có trên 280, 000 lượt người đọc. Sau đây là bài viết mới nhất.

1.

Bé Thơm còi mảng than đỏ ra cửa bếp vì sợ khét nồi cơm, rồi nghiêng đầu thổi phù phù lớp tro than bám trên nắp. Nó dở nắp nồi và xới cơm như hàng bữa. Mái tóc cháy nắng lơ thơ được buộc túm sau ót của nó trông giống như đuôi con gà tre. Nồi cơm nhỏ lại lổn chổn với khoai lang nấu chung lan ra từng mảng vàng khè. Nó vừa xới cơm vừa gọi :

- Ba à, dậy ăn cơm !

Không nghe ông già trả lời, nó bước tới cái ghế bố đen xỉn trên đó ông Lai đang nằm trùm mền rên ư ữ. Chẳng là mấy ngày nay, ba nó bị lên cơn sốt rét không ra đồng được, nó phải nhờ thằng Hùng kế bên nhà cuốc giùm miếng đất non một công cho nó gieo mạ. Con Thơm vỗ vỗ vào chân ông Lai và nói :

- Dậy ăn chút cơm đi Ba. Ăn rồi còn uống thuốc nữa !

Nể con, ông Lai uể oải ngồi dậy nhưng nghe đầu cổ còn nặng lắm. Cái thứ sốt rét này thật lạ, lúc nóng hôi hổi đổ mồ hôi hột, lúc lạnh run cầm cập.

Hồi trưa, bà ngoại thằng Hùng có đưa cho con Thơm thuốc trị sốt rét và nói với nó :

- Mầy cho ba mày ăn cơm rồi đưa cái này cho ổng ăn. Biểu ổng uống trộng thôi chứ đừng có nhai và đừng nói gì hết nghen. Tao bảo đảm ăn hai lần là dứt nọc !

Con Thơm dạ rồi chạy u về nhà để trên nắp lu nước sau khi gói vào lá chuối cẩn thận, định bụng cho Ba Nó «uống thuốc» sau khi ăn cơm. Hôm qua, thằng Hùng có cho nó mớ cá sặc con còn nhảy roi rói, nó kho tiêu để Ba nó chấm với đọt lang luộc hái ở sau hè. Tội nghiệp thằng Hùng, lúc nào cũng giúp đỡ săn sóc nó như anh em ruột. Hai đứa này bằng tuổi nhau, hai nhà chỉ cách

con mương nhỏ nên chơi thân với nhau từ lúc 5, 7 tuổi, cứ gọi nhau bằng «mày, tao». Bây giờ cũng vậy.

Từ khi lớn lên, tụi nó biết quê mình là Bình-Định, vùng đất nổi tiếng về nghề võ; nhưng chưa bao giờ được ra ngoài ra chợ, chỉ quanh quẩn trong cái làng nhỏ này. Nói là làng cho nó «xôm» chứ vỏn vẹn có chừng mươi nóc gia, ở rải rác quanh chân núi và nhà nào cũng... nghèo «rớt mồng tơi». Làng xóm người ta có cái tên dễ thương như Trị Yên, An Thới... còn làng của nó chỉ vỏn-vẹn một chữ : Làng Còi. Có thể xóm này ở sát chân núi, còi cọc lưa thưa không có cây cối lá gì nhiều, chỉ có vài miếng ruộng khô cứng, chỗ thì trồng lúa được, chỗ thì không vì bị lấn phèn. Mọi người cũng tranh thủ trồng khoai, trồng bắp nhưng huê lợi chẳng bao nhiêu. Đi sâu vào trong núi, mấy người già nói rằng đó là hang ổ của «mấy ổng». Ban đầu, con Thơm tưởng «mấy ổng» đây là «ông ba mươi» mấy con cọp dữ, nhưng không phải.»Mấy ổng» không là «ông ba mươi», mà là «mấy ông tối trời» nghĩa là đám VC quần xà lỏn dép râu thỉnh thoảng ba nó gặp. Về đêm, họ lẻn ra xóm xin gạo, xin tiền «ủng hộ cách mạng ăn no đánh thắng giặc Mỹ». Nhưng cái xóm này nghèo quá, mấy cha nội đó không «nã» được gì, riết rồi họ cũng chán không bò ra nữa...

Trong bữa ăn, ông Sáu Lai nhai trệu trạo miếng cơm, vừa nói với con gái :

- Ba định bụng dành dụm tiền mua con trâu để cày ruộng mà mấy năm nay lúa thất quá, tiền dư không được bao nhiêu. Năm nào cũng mướn trâu trên xã tốn tiền quá.

Con Thơm không nói gì, chỉ ậm ừ cho qua. Nó nghĩ đến gia cảnh mình mà buồn. Chưa đầy 15 tuổi, con Thơm khôn ngoan hơn thằng Hùng bằng tuổi nó. Nó biết tính toán thu vén và đặc biệt rất có hiếu. Theo lời Ba nó nói, Má nó hồi đó rất đẹp, nhưng sau khi nó được 5 tuổi, Má nó bị bệnh rồi mất. Ba nó vì nghèo không lấy được vợ, mãi đến 45 tuổi mới gặp Má nó nhỏ hơn ông một giáp. Vì thế, bây giờ con Thơm chưa tới 15, ông đã chập choạng tuổi 60. Con Thơm giống Má nó như đúc nên dù nghèo hèn lam lũ vẫn không che lấp được làn da trắng mịn hồng hào, vóc dáng tròn trĩnh như Mẹ nó ngày xưa. Từ hồi Giải Phóng tới giờ, tưởng cuộc đời cha con nó được đổi, nào ngờ đói vẫn đói, khổ vẫn hoàn khổ... Đang miên man dòng suy tưởng con Thơm lại nghe Ba nó nói tiếp, giọng ngập ngừng :

- Thơm nì, hay là mi ưng thằng Hùng đi. Thằng này làm giỏi lắm. Mi ưng nó, Ba khỏi phải lo tiền mua con trâu...

Con Thơm hết hồn, không bao giờ nghĩ rằng Ba nó lại có ý định đó, vã lại, nó còn nhỏ quá mà... nhưng người nông dân ít học như Ba nó, lúc nào cũng thực tế, đơn giản như vậy.

Vài hôm sau, Ba nó khỏe lại, cơn sốt rét vụt biến mất. Nó thầm nghĩ không biết cái thứ thuốc gì mà bà Ngoại thằng Hùng nhét vào trong trái chuối xiêm đưa cho Ba nó ăn; thuốc gì mà hay quá vậy ? Con Thơm hỏi, Bà Ba Phổ cười tươi có gì đâu con, đó chỉ là vài con trùn đất hổ đem nướng lên thôi, mà phải kiếm đúng con trùn hổ màu đen sẫm mới hay.

Con thơm nghĩ thứ gì chứ trùn hổ đất ở nhà quê ruộng rẫy thiếu gì... Hèn chi Bà Phổ không cho Ba nó nhai, chỉ trệu-trạo rồi nuốt.

Vậy là con Thơm và thằng Hùng làm đám cưới vào cái Tết tụi nó được 15 tuổi. Nói là làm đám cưới cho «oai» chớ thật ra, chỉ có con gà nấu cháo, thịt gà xé phay, mấy ông già bu lại lai rai với vài xị rượu đế. Hai đứa nó thân nhau từ nhỏ : chơi đùa, tắm sông, leo cây, hái trái, leo núi cùng nhau... nhưng lúc ông Lai biểu con Thơm ưng thằng Hùng, con Thơm cũng do dự, phân vân vì thằng này quá xá là đen. Hai đứa nó, cái gì cũng trái ngược : con Thơm thấp, lùn tròn trĩnh, trắng như bông bưởi... còn thằng Hùng cao lêu nghêu, ốm nhôm lại còn đen

thùi lùi; đen như «cột nhà cháy». Thằng Hùng lai Mỹ-đen, cả xóm này ai lại không biết. Ông bà Ba Phổ chỉ có cô Nở - má thằng Hùng - là con gái duy nhất. Vì hoàn cảnh nghèo khó, cô Nở theo chị em vô Quảng Ngãi làm ăn. Sau ít lâu, cô Nở có bầu, đẻ ra thằng con lai Mỹ đen thui. Cô Nở không tránh được sự dè bỉu khinh khi của người làng. Từ hơn nửa thế kỷ trước, việc con gái chửa hoang là một điều không thể tha thứ được, huống chi lại có con hoang lai Mỹ đen như má thằng Hùng. Dĩ nhiên, cô Nỡ không thể ở lại được với xóm làng này.

Thằng Hùng sống sót với sự thương yêu chăm chút của ông bà ngoại. Nó chỉ biết nó sanh cùng năm với con Thơm, năm Mậu thân 1968; cái năm mà VC tấn công thành phố Huế, giết hàng vạn người trong ngày Tết Nguyên Đán. Từ đó, má nó đi biệt, thỉnh thoảng lẻn về thăm cha mẹ một lát rồi đi; lại lựa lúc chạng vạng tối trời cho hàng xóm không thấy mặt mũi và tránh những lời đàm tiếu, nhiếc móc. Thằng Hùng lớn lên lầm lũi, ai cũng tránh né nó không cho con nít tới gần. Nó khóc rất nhiều lần khi người ta gọi nó là «đồ Mỹ đen», «đồ con lai Mỹ». Dần dà, hàng xóm thấy nó cũng dễ thương, chịu cực chịu khổ, nên họ quên cái tướng cao lêu khêu, làn da đen móc và nhất là mái tóc quăng tít thò lò sát da đầu của nó.

Thằng Hùng thích con Thơm nên khi nghe bà ngoại nó nói chuyện cưới vợ nó gật liền. Người ta thường hay mơ ước điều gì đó mình không có. Nó đen thui nên làn da trắng của con Thơm làm cho nó ngất ngây. Nó biết tụi nó mới mười lăm tuổi nhưng cứ «xí phần» trước chứ không thôi mấy thằng trên xã nó cứ chàng ràng. Mà cũng đúng, thằng Hùng lấy đại để đó thật. Cả hai đứa chẳng biết gì ngoài việc hùng hục lao động kiếm miếng ăn hàng ngày. Hai đứa này có đến trường ngày nào đâu, tụi nó hoàn toàn mù chữ.

Ở cái xó xỉnh này, việc cho con đi học là chuyện «xa xỉ», vì kiếm ăn ngày hai bữa không xong, mơ màng chi đến chuyện học hành. Nói là vợ chồng nhưng thực tế, hai đứa nó chỉ là hai người bạn thân. Sau này, thằng Hùng cười lỏn lẻn nói :

- Bữa đó, con đi giao than cho người ta, có ông già hỏi chuyện và... dạy con, chứ con có biết gì đâu nà...

Hai đứa nó chỉ thật sự là vợ chồng năm mười bảy tuổi, và năm sau, 1986 có đứa con đầu lòng đặt tên là thằng Bình, hai năm sau một đứa con trai nữa ra đời tên là Định. Mọi sự tụi nó nhờ mấy người biết chữ trong xóm lên xã làm giấy khai sinh. Vì muốn con dễ nuôi, con Thơm gọi đùa gọi đại hai đứa nhỏ bằng Trọc và Chuột.

Dĩ nhiên, hai đứa nhỏ này giống thằng Hùng nên cũng đen thui, chỉ khác là tóc không quăng tít như cha nó. Khi được năm sáu tuổi thằng Bình có lần hỏi mẹ nó :

- Má ơi, sao má trắng quá mà tụi con đen thui vậy má?

Không biết con Thơm trả lời ra sao, có giải thích gì không, mà sau đó thằng Bình cứ hỏi hoài làm mẹ nó bực mình, nạt nộ.

Từ hồi có thêm hai đứa cháu ngoại, ông Sáu Lai khỏi phải ra đồng, chỉ quanh quẩn trong nhà săn sóc bọn chúng. Căn nhà lá được sửa rộng ra, được tráng xi măng phía trước nhà để làm nơi cả nhà quây quần ăn cơm, hoặc để phơi khoai lang, phơi lúa. Những đêm sáng trăng, ông Lai bày tre lá ra đan rổ rá, đan những cái lờ, cái trúm cho thằng Hùng và ông ngoại nó đi câu, đi bắt cá ngoài ruộng, dọc theo chân núi. Ông Phổ là tay sát cá, nên chỉ cần ông bơi xuồng ra vàm một lát là cá rô, cá lóc, cá sặc nhảy loi choi lóc chóc trong lờ. Người thị thành không hề biết về những dụng cụ bắt cá như cái lợp, cái lờ, cái nơm, cái trúm... để người nông dân đi bắt cá ở sông, ở ruộng, hay ven lạch ven hồ. Chuyện này ông Sáu Lai, ba con Thơm, và ông Ba Phổ, ông ngoại thằng Hùng là hai «thợ chiến» ở xóm Còi này. Những cây tre La Ngà vàng óng chặt ở quanh làng đem

về phơi vài nắng, đập dập rồi chẻ ra thành nhiều miếng kích cỡ khác nhau. Sau đó, với những bàn tay chai sạm thiện nghệ, hai «nghệ nhân» này vót bằng con dao phay bén ngót và đan thành những món đồ tiện dụng trong nhà như rổ rá thúng mủng và đặc biệt những món nêu trên. Đặc biệt cái lờ là «cạm bẫy» nguy hiểm nhất của mọi loài cá và khi lỡ chui vào là hết đường ra vì những thanh tre bên trong tua tủa nhọn hoắt như dao lá liễu, bén ngót. Vì thế, người đời thường hay nói :

«Con cá trong lờ đỏ lơ con mắt

Con cá ngoài lờ lúc lắc muốn vô» để nói về những gian khổ, khó khăn trong trong hôn nhân, trong đời sống vợ chồng... Biết là khổ lắm đó nhưng ai cũng muốn nhào vô.

Hai vợ chồng trẻ con này bây giờ lại tất bật thêm với năm miệng ăn. Và Thơm Hùng còn phải lo cho ông bà ngoại bên nhà nữa là bảy. Vừa xong cấy gặt, hai đứa nó còn làm công cho một lò than trên núi. Cứ 3, 4 giờ sáng hai đứa lụi đụi khăn áo cơm nắm bỏ lưng đi bộ lên núi đốt lò quạt than cho củi. Về đêm, núi rừng miền Trung cũng khá lạnh. Hai đứa co ro ngồi thu lu bên miệng hầm liền tay chất củi, cào lửa cho đều... để sáng hôm sau gánh than xuống núi. Tuy cực nhọc nhưng hai vợ chồng trẻ con này đều lấy đó làm vui, kiếm được chút

tiền nuôi con dù bữa rau, bữa cháo.

Sáng nào cũng vậy, con Thơm hì hục gánh than mặt mày lấm lem. Thằng chồng nhìn và buột miệng nói :

- Thơm ơi, da mày trắng quá, vậy mà than làm cho mày thành con lọ lem rồi...

Thơm cười trả lời chồng :

- Còn mày đen thui nên than quệt vô không thấy gì hết, Hùng hử ?

Hai đứa cứ mày tao như hồi nhỏ, dù đã có hai mặt con. Hồi đó, ở Sài Gòn có phim truyện «Ba hạt dẻ dành cho Lọ Lem» ăn khách lắm, không biết con Thơm có mơ ước cho riêng mình hạt dẻ nào không ?

2.

Một buổi trưa, theo chân bà Nở, mẹ thằng Hùng, về xóm Còi, là một bà có dáng dấp sang trọng. Bây giờ Nở không còn trốn lánh xóm giềng vì tủi hổ như ngày xưa mà ung dung tự tin về thằng con lai Mỹ của mình sẽ làm thay đổi cuộc đời của gia đình. Bà khách này tên là Kim Xuyến, một thương gia giàu có ở Quảng Ngãi muốn tìm một trẻ lai làm con nuôi, hay đúng hơn, là muốn mua con lai để đi Mỹ. Ở Sài Gòn và các tỉnh miền Trung lúc

đó, khoảng 1990 ì ầm tin đồn Mỹ sẽ lãnh sĩ quan cải tạo và con lai sang định cư. Mấy ông «tướng trời» được thả lai rai từ các trại cải tạo sáng nào cũng tập trung nghe ngóng tin tức trước cửa sở ngoại vụ. Rồi bàn tán. Rồi hy vọng. Rồi mong chờ. Những đứa con lai dù trắng hay đen trước đây bị khinh miệt, rẻ rúng bây giờ được «lên giá» bất chợt. Qua rồi giai đoạn «đồng, đài, độp - tức là đồng hồ, radio, xe đạp», những thứ mơ ước của bất kỳ anh cán ngố nào; bây giờ mơ ước của họ vươn xa hơn; họ đang tìm tới vàng ròng và đô-la. Những người giàu có tiền của thời đó tổ chức vượt biên hà rầm, hay cẩn thận hơn nộp vàng cho chúng để «ra đi có trật tự», hoặc mua con lai đi Mỹ. Bà Kim Xuyến đang tìm tới người khách quý là thằng Hùng ở xóm Còi này.

Con Thơm nghe nói dẫy nẩy, khóc bù lu bù loa, nó nói rằng không thể bỏ Ba nó ở lại Việt Nam một mình. Bà Nở la :

- Chuyện chưa tới đâu hết mà mày đã làm rầm lên. Nếu công chuyện êm xuôi, cả năm nữa mới đi. Mày biết là xóm này đang trong vòng quy hoạch của nhà nước không. Chừng đó, tao đưa ông bà ngoại, cả ba mày nữa, về Quảng Ngãi.

Con Thơm nín khóc và trong sự suy nghĩ đơn sơ của nó, nó nghĩ rằng bà Nở đang làm chuyện «ruồi bu».

Gia đình thằng Hùng được đi Mỹ đã đành rồi, không biết bà Xuyến lo cách gì mà gia đình bả gồm ba người nữa cũng được phỏng vấn chung với vợ chồng Hùng Thơm.

Vợ chồng Hùng Thơm theo gia đình bà mẹ nuôi Kim Xuyến đặt chân xuống nước Mỹ vào đầu năm 1993.

Bây giờ con Thơm lại lo chuyện khác. Trời ơi, tiếng Việt không biết chữ nào làm sao học tiếng Mỹ đi làm nuôi con đây ?

Sau vài tháng bảo bọc gia đình thằng con nuôi ngang hông để chờ cho xong cái thẻ xanh, Bà Xuyến cho chút tiền để tụi nó ra riêng. Gia đình nó được Hội bảo trợ ở đây mướn dùm căn nhà giá 400 đô một tháng. Chổ này là thành phố Bridgeport, Connecticut. Chữ này con Thơm học hoài, không nói được, chữ gì mà đọc trẹo bản họng, kỳ cục quá ! Thời đó, mỗi địa phương có người di dân đều có Hội Thiện Nguyện để giúp họ bước đầu, dạy Anh văn, tìm việc... Con Thơm, thằng Hùng mù chữ làm sao học Anh văn. Vì thế, Hội giới thiệu cho hai đứa nó đi làm, tìm chổ nào có người Việt để chúng nó dựa dẫm.

Ban đầu, con Thơm được đưa vào làm ở tiệm giặt ủi, có vài người Mễ, Mỹ trắng, Mỹ đen, tuyệt đối không có người Việt. Người chủ dạy nó làm phải ra dấu vì không ai thông dịch. Con Thơm rất thông minh, sau đó làm rất giỏi.

Hai đứa này có con nhỏ nên được chính phủ Mỹ trợ cấp theo chương trình «oco-phi» nên sống cũng tạm đủ. Thằng Bình, thằng Định được xin vô học trường tiểu học gần nhà, được cho ăn sáng ăn trưa nên cũng đỡ khổ.

Thằng Hùng chưa tìm được việc vì cái tội «không thèm biết chữ». Người chủ trắc nghiệm khả năng toán cộng trừ nhân chia, nó biết mô tê gì đâu, nên không được nhận vô làm. Về nhà, nó cằn nhằn :

- Tón, tón gì... cho tao vô làm đi, tao làm cho mà coi...

Cuối cùng nhờ người Việt làm supervisor giúp nó được nhận vô hãng làm bộ phận chuyển hàng từ xe truck vô warehouse. Tưởng gì chứ cái thứ này thì thằng Hùng xếp sòng. Ông Lai ba con Thơm nói có thằng Hùng là khỏi tốn tiền mua con trâu đó sao ?

Rất may mắn cho Thơm và Hùng, vì cách nhà nó vài căn, là gia đình người Việt Nam cư trú đã lâu ở thành phố này, gia đình ông bà Năm Thanh. Ông này làm địa

ốc, mua bán nhà đất, bà làm thợ may cho hãng nay mặc lớn của Mỹ. Dần dà, ông Thanh dẫn dắt thằng Hùng đi sửa nhà, cắt cỏ, hốt lá, xúc tuyết cho những gia đình giàu có ở Trumbull, Fairfield... ngày cuối tuần nên thu nhập cũng khá dần.

Khi đến Mỹ, thằng Bình 7 tuổi, thằng Định 5 tuổi; vì chưa bao giờ được đến trường như cha mẹ nó ngày xưa, ngày đầu đi học, hai thằng nhỏ khóc ré. Dần dà, được ông bà Thanh dắt đi nhà thờ, được làm quen với các bạn Việt Nam trong sinh hoạt thiếu nhi thánh thể, hai chú nhóc này dạn dĩ lần lần.

Vợ chồng ông Thanh là người Công giáo, các con thành đạt ở xa nên coi vợ chồng Thơm Hùng như con cháu của mình. Điều này làm cho hai đứa nó mừng rơn. Rồi gia đình Thơm cũng được học đạo, được vô đạo Công giáo, được đi lễ mỗi sáng Chúa Nhật... như ông bà Năm Thanh. Và, sau khi tan lễ, Thơm Hùng học tiếng Việt chung với trẻ nhỏ trong cộng đoàn công giáo. Ban đầu, tụi nó mắc cỡ không chịu, nhưng nhờ lời giải thích thiệt hơn của các cô bác lớn tuổi, hai vợ chồng nó cố gắng. Chẳng bao lâu, họ ráp được vần, đọc được, viết được. Lần đó, mọi người thấy con Thơm khóc vì mừng quá. Năm đó, hai đứa nhỏ đó vừa đúng 27 tuổi.

Bằng tuổi nhau nhưng con Thơm khôn ngoan hơn chồng nhiều. Thằng Hùng cái gì cũng thiệt thà, huỵch toẹt. Chồng đi làm ca hai, vợ ca một. Vậy mà khi thằng Hùng tan sở 2, 3 giờ sáng gặp những đêm mùa Đông lạnh cắt da cắt thịt, con Thơm phải trùm mền ra phòng bếp ngồi đó cho Hùng ăn cơm. Ngày nào cũng vậy vì thằng Hùng nói rằng :

- Tao phải thấy mặt mày tao ăn cơm mới được...

Hai đứa này có những «sự vụ» ngộ nghĩnh như vậy nhưng tựu trung, chúng nó rất dễ thương, giỏi giang. Trong cộng đồng, ai cần gì, chúng nó sẵn sàng giúp vì nó nói, ở Mỹ này ai cũng thương tụi nó : Từ ông Jim, cô Hoa trên Hội, bác Năm Thanh, cô Tín, Chị Hòa... đã giúp đỡ chúng nó tận tình, tận lực. Bây giờ, vợ chồng nó lại biết lái xe nữa mới «le» chứ ! Trời ơi, gần ba mươi tuổi đầu mới biết đọc, biết viết, nếu con còn ở Việt Nam, chắc chẳng bao giờ biết lái xe, chẳng bao giờ biết chữ, cầm tờ báo lên nhìn vô như đám rừng... Con Thơm từng tâm sự với nhiều người như vậy.

Bridgeport là một thành phố cổ, xuống cấp nhiều năm. Những gia đình giàu có, học thức, có địa vị xã hội dần dà chuyển đi nơi khác sang hơn như Trumbull, Fairfield, Hartford... Ở đây, nhà rẻ, sinh hoạt thấp chỉ dành cho dân mới «nhập cư» từ Việt Nam, Africa, Mexico... nói

chung Bridgeport là thành phố nghèo, đời sống dân trí còn thấp. Cộng đồng người Việt lúc bấy giờ còn ít, bao gồm những gia đình H. O. những gia đình vượt biên và đông đảo gia đình con lai. Những mảnh đời rách nát đó gặp nhau tình cờ ở đây, ngậm ngùi thương nhau không hết. Phố xá hàng quán còn thưa thớt, lèo tèo nhưng đặc biệt ở đây có chợ Việt Nam mà những thành phố chung quanh không có. Một buổi tối, thằng Hùng đến tiệm này gõ cửa mua chai dầu xanh, bà chủ không mở cửa vì thấy thằng Mỹ đen bên ngoài. Bà chủ lắc tay, ra dấu không có. Thằng Hùng la lớn qua cửa sổ :

- Con là người Việt Nam bác ơi...

Khi Hùng bước vào tiệm, bà chủ nói :

- Mày làm tao hết cả hồn vía, lần sau tới phải lên tiếng nghe. 6 giờ là tao đóng cửa tiệm.

- Dạ, con mới qua được vài bữa nay thôi, nên bác chưa biết con...

Con Thơm bây giờ hoàn toàn khác với những ngày đầu qua Mỹ. Thằng Hùng cũng vậy. Cái chất nhà quê nó đã làm rớt ở đâu rồi. Bây giờ, mỗi sáng Chúa Nhật, vợ chồng con cái đi nhà thờ tươm tất ra phết. Chồng diện sơ-mi cà-vạt, quần tây thẳng nếp, vợ cũng áo kiểu

váy đầm, mặt mày tươi rói dù cả tuần đi làm cực nhọc. Con Thơm mừng ra mặt. Nó được ơn phước nhiều lắm, được sống ở Mỹ, dù cực khổ bao nhiêu cũng mặc.

Sau bảy năm ở Mỹ, nhờ tằn tiện chắt chiu, nhờ sự giúp đỡ của mọi người, nhất là vợ chồng ông bà Năm Thanh, tụi nó mua được căn nhà, khỏi phải ở nhà thuê, nhà mướn. Nhà cửa ở đây cất theo lối cũ, mọi cái gần như giống nhau. Mỗi căn thường có ba units, tầng trệt, tầng lầu và trên cùng là Artic. Giá nhà lúc đó còn rẻ bèo, chừng vài chục ngàn, đặt xuống chừng 5, 10 ngàn là xong. Sau khi sửa sang đôi chút, con Thơm cho thuê tầng dưới và Artic, gia đình nó ở lầu 2. Tiền cho thuê đủ trả tiền nhà băng mỗi tháng, tụi nó ở free.

Bây giờ con Thơm lọ lem ngày xưa thành «bà chủ nhà» ăn trắng mặc trơn, tiền đô rủng rỉnh. Làn da trắng của nó bây giờ càng trắng, trắng hồng, thỉnh thoảng còn chưng diện son phấn khi có ai mời đi đám cưới, sinh nhật. Nhiều lúc soi gương, con Thơm không thể tưởng tượng đó là mình nữa.

Lúc còn trong tuổi ấu thơ, ai cũng thích nghe chuyện cổ tích và ai cũng có một bà tiên mơ ước trong cuộc đời mình. Bà tiên gõ chiếc đũa thần cô bé lọ lem thành công chúa, kẻ chăn trâu thành hoàng tử đẹp trai tài ba phi ngựa giỏi như thần. Chiếc đũa thần gõ xuống, nhà tranh

vách đất xiêu vẹo, bỗng dưng trở thành lâu đài tráng lệ, nguy nga. Bà Tiên ở Mỹ đã gõ chiếc đũa thần cho gia đình Hùng Thơm rồi đó.

Bây giờ, đời sống của gia đình nó sung sướng gấp trăm ngàn lần hồi còn ở Việt Nam, nhưng lúc nào con Thơm cũng nhớ quãng đời cơ cực của mình lúc nhỏ, sống lủi thủi với cha, lúc nào cũng mơ ước có được chiếc áo tay cúp, bông hường.

Người đời thường chúc tụng nhau năm mới bằng câu: «Cá vượt vũ môn-cá hóa thành rồng» điều này thật đúng với trường hợp của Hùng và Thơm. Không ai có thể biết được hai đứa này gặp bà Tiên ở đâu lúc rời Việt Nam sang Mỹ : ở phi trường J. F. K NY hay phi trường Logan Massachusetts ?

Trường hợp của bé Thơm, bây giờ ngoài 40 rồi, chắc nó sẽ không quên trong đời nó, nó có hai lần khóc dữ dội. Lần thứ nhất khi vô nhà thờ lần đầu tiên, nó khóc ngon lành vì nó nói rằng sao Đức Mẹ Maria giống mẹ nó quá, và lần thứ nhì, nó khóc vì mừng quá đổi về thằng con lớn, thằng Bình, năm rồi ra trường ngành kỹ sư điện tử-ở Fairfield University Connecticut.

Trong sự suy nghĩ đơn giản và chừng mực, con Thơm thấy rằng hình ảnh Đức Mẹ Maria, hình ảnh bà Tiên trong tuổi ấu thơ hay hình ảnh Phật Bà Quán Thế m đều giống nhau ở chỗ đem tình thương, may mắn đến cho mọi người. Một chuyện khác, rất ngộ nghĩnh (mà cũng chẳng giống ai hết) con Thơm thấy họ đều rất đẹp, rất hiền, như má nó.

Song Lam

# Ngôi Nhà Mới Ở Quận Cam

Dan Heaven

Tác giả đã «an cư» tại Seattle, nhưng khi giá nhà Cali rớt dài dài từ giữa năm 2009, ông quyết định bay về quận Cam mở cuộc «săn nhà» và sau hai năm săn lùng ráo riết, đã mua được căn nhà hài lòng tại Huntington Beach. Kinh nghiệm săn nhà cho thấy nhiều chi tiết đặc biệt. Bài viết về nước Mỹ đầu tiên của Dan Heaven viết từ tháng 11-2013, được chuyển bằng điện thư, chỉ mới được tìm thấy. Mong tác giả sẽ tiếp tục viết và vui lòng sơ lược tiểu sử cùng địa chỉ liên lạc.

Khi dọn sang căn nhà hai tầng biệt lập nằm lưng chừng ngọn đồi cao, được bao bọc bởi hai phía là biển và hai phía là rừng, tôi tưởng căn nhà lý tưởng này với gió biển nồng nàn và tràn ngập nắng ấm sẽ là nơi để vợ chồng tôi về già nghỉ hưu. Nhưng mong ước chẳng đơn giản như tôi nghĩ, bầu trời Seattle ảm đạm quanh năm với những cơn mưa dai dẳng suốt tháng đã mang đến cho tôi những buồn chán mà người Mỹ gọi là depression hay blue sick, khiến tôi dù muốn ở đây luôn cũng không xong.

Lúc ấy vào khoảng giữa năm 2009, khi thị trường nhà cửa trên khắp nước Mỹ đang gặp khủng hoảng. Nhà xuống giá, nhất là nhà ở Cali đang xuống giá thê thảm. Nắm lấy dịp may vợ chồng tôi quyết định phen này phải dọn về miền nắng ấm Cali mà phải là miền nam Cali để được hưởng khí hậu ấm áp, gió biển bao la, sắc hoa rực rỡ. Luôn được gặp người đồng hương Việt Nam. Được ăn thức ăn Việt vừa ngon và vừa rẽ. Vợ tôi lại được thêm một mơ ước lớn là luôn được đi nhà thờ Việt Nam và được nghe thánh ca bằng tiếng Việt mỗi ngày.

Dựa trên ký ức qua những lần đến miền nam Cali, tiêu biểu là vùng Orange County mà người Việt gọi một cách nôm na là Santa Ana; mặc dù Santa Ana chỉ là một tỉnh của quận Cam. Tôi bắt đầu làm một cuộc so sánh giữa các thành phố trong quận Cam; giữa những điều thích và không thích. Việc này cũng đơn giản vì tôi chỉ cần dựa trên các thống kê của các websites cũng có thể có được một khái niệm nhưng làm sao có thể cảm nhận được đời sống thật ở nơi ấy thì tôi đã tốn khá nhiều thời giờ và tiền bạc để đi đi về về.

Kể từ lúc này mỗi tối vợ chồng tôi ngồi quanh cái computer để xem nhà. Nhờ các phương tiện tối tân của kỹ thuật và sự đa dạng của các websites chúng tôi đã có thể xem được đường xá, cảnh vật, và vị trí của các

căn nhà một cách chi tiết như căn nhà có gần trường học, thương xá, hay gần các con đường đông đúc xe cộ không. Và có thể đoán gần đúng được căn nhà ở trong khu dân cư lịch sự hay xô bồ bằng cách ngắm nhìn các landscapes quanh nhà. Cũng nhờ so sánh qua internet tôi đã biết được giá nhà ở quận Cam đắt gấp đôi giá nhà ở Seattle nhưng diện tích của căn nhà lại chỉ bằng một nửa.

Sau khi xem xét địa hình và giá cả tôi chọn ra hai người địa ốc viên. Một người ở vùng quận Cam và một người nữa ở vùng San Diego. Qua emails và trao đổi bằng điện thoại cùng với ý thích của vợ chồng tôi; vùng quận Cam tôi chọn ra năm thành phố để xem nhà là là Westminster, Fountain Valley, Costa Mesa, Irvine, và Huntington Beach còn vùng San Diego chúng tôi chọn bốn chỗ là Linda Vista, Mira Mesa, Tierrasanta, và Bay Park.

Chọn được chỗ để xem nhà rồi chúng tôi mới quyết định giá nhà sẽ mua là bao nhiêu. Trao đổi bằng điện thoại với mấy người địa ốc viên ở vùng quận Cam. Ai nấy cũng bảo là muốn mua nhà ba phòng ngủ và hai phòng tắm thì vào khoảng sáu trăm ngàn đổ lên. Tôi rất là ngạc nhiên vì dựa vào dữ kiện tôi đã tham khảo thì căn nhà loại này giá bán chỉ vào khoảng ba trăm rưỡi

tới năm trăm thôi. Đưa ra ý kiến ấy thì có một người địa ốc viên bảo những căn nhà đó là đồ bỏ, nếu muốn mua nhà thì mua nhà đẹp chứ mua căn nhà như thế thì mua làm gì. Càng nghe tôi càng thêm thất vọng, e rằng tôi không có khả năng để mua nhà vì nhà ở Cali mắc quá.

Nhưng tôi không tin là mình không mua được căn nhà rambler nho nhỏ với giá khoảng ba trăm rưỡi tới năm trăm ngàn vì theo Dataquick những căn nhà vào khoảng giá này lúc trước ở vùng Orange đã có giá khoảng sáu hay bảy trăm ngàn nhưng nay thì giá nhà đã xuống từ hai mươi ba phần trăm đến ba mươi bốn phần trăm.

Sau nhiều suy nghĩ tôi bắt đầu «house hunting» vào ngày Memorial Day năm hai ngàn lẻ chín.

Tôi rời Seattle vào một sáng mù sương và sau hơn hai giờ bay tôi đã đến vùng nam Cali ngập đầy nắng ấm. Cali trong mắt tôi tuyệt vời quá với sức sống tất bật, gió biển mát rượi, trời xanh bát ngát, và hoa tươi sắc thắm muôn màu.

Bước ra khỏi phi trường John Wayne chỉ ba phút sau tôi đã gặp được anh N người địa ốc viên làm việc ở vùng Orange. Qua mấy câu đối thoại đầy sáo ngữ ngắn ngủi, anh và tôi chuyện trò vui vẻ và tương đồng như đã quen nhau lâu. Anh cho tôi xem một danh sách khoảng mười

mấy cái nhà và địa lý của từng vùng rồi cho tôi hay sẽ lần lượt bắt đầu đi xem nhà từ Costa Mesa, Huntington Beach, rồi ăn lunch ở Westminster, kế đó xem nhà ở Westminster, Fountain Valley, đến Irvine là chót.

Căn nhà đầu tiên anh đưa tôi đến xem là một căn nhà nhỏ nhìn rất khiêm nhượng ở Costa Mesa, giá đăng bán là bốn trăm hai mươi lăm ngàn và là nhà bán shortsale. Căn nhà không có gì đặc biệt ngoài trừ nằm trên một con đường vắng lặng êm ả. Theo anh nếu không cần nhà gấp thì mua căn nhà này sẽ được giá rẻ vì trước đó giá thật đã là xấp xỉ khoảng năm trăm rưỡi. Tôi hơi bị sốc khi nghe nói thế và không thể ngờ được là nhà ở quận Cam giá cao quá. Sau khi xem thêm ba căn nhà nữa thì đã quá trưa. Anh địa ốc viên mời tôi đến nhà hàng Bồ Đề nằm sát bên thương xá Phước Lộc Thọ để ăn trưa. Trong lúc ăn trưa chúng tôi chọn ra sáu căn nhà tại Westminster để đi xem.

Tôi đã gặp rất nhiều người Việt lúc xem nhà ở Westminster. Tôi đã gặp một cụ già Việt Nam. Cụ nói chuyện huyên thuyên và rất là vui vẻ. Chẳng những thế tôi còn được gặp cả con cháu của cụ. Cụ cho tôi biết trên con đường có mười hai nóc nhà, chỉ có một gia đình người Mỹ ở đối diện căn nhà tôi xem còn tất cả là người Việt. Đặc biệt hơn nữa gia đình người Mỹ

này rất thích ăn thức ăn Việt Nam. Thế mới biết tại sao Westminster được xem là thủ phủ của người Việt bên ngoài đất nước Việt Nam.

Rời Westminster thì cũng đã xế chiều anh địa ốc viên đưa tôi đến xem nhà ở Fountain Valley và hẹn sẽ đi xem nhà ở Huntington Beach và Irvine vào ngày hôm sau. Ở Fountain Valley tôi thấy nhiều ngôi nhà thật lớn và đẹp nằm cùng một con đường có những căn nhà nhỏ bé khiêm nhượng. Tôi thắc mắc thì anh địa ốc bảo phần lớn đó là những căn nhà của người Việt đã xây.

Trước lúc về khách sạn tôi đến ăn phở ở một tiệm trên đường Bolsa có giá hạ năm mươi phần trăm. Tô phở to chần ngần như cái thau nhỏ mà giá chỉ có ba đồng chín chín.

Trời càng về chiều phố xá dường như đông đúc hơn. Thay vì trở về khách sạn như đã định tôi lái xe ngược xuống Huntington Beach. Xe đến gần biển tôi thấy phố xá xinh đẹp hơn. Tuy Huntington Beach sát Westminster và Fountain Valley nhưng không khí ở đây thoáng mát hơn. Nhà cửa xây dựng hài hòa trên những con đường rợp bóng mát. Có lúc tôi lạc vào những con đường rợp bóng phượng tím ngát trời khiến lòng tôi bỗng lâng lâng khó tả. Có lúc xe tôi lạc ra ven biển nghe sóng vỗ ào ạt và nghe gió rì rào trên các ngọn phi lao cao cao

bóng đổ.

Sau một ngày đi xem nhà tôi đã có một khái niệm là thị trường nhà cửa ở miền quận Cam có ba trường hợp rao bán. Trường hợp thứ nhất nhà bán bởi chủ - giá cả hơi cao nhưng nhà cửa tươm tất và dễ mua. Trường hợp thứ hai : nhà bán shortsale - giá cả rẻ nhưng mua rất khó và rất tốn thời gian. Trường hợp thứ ba : bán bởi ngân hàng - giá rẻ, dễ mua nhưng căn nhà cần phải tu bổ. Thêm vào đó còn một loại thứ tư là nhà cần phải sửa chữa mà người Mỹ gọi là fixer. Loại này tương đối rẽ nhưng phần lớn phải mua bằng tiền mặt.

Sang ngày thứ hai tôi đi xem nhà ở Huntington Beach. Càng đi sâu vào thành phố biển được gọi là Surf city tôi càng thấy thích thành phố này tuy giá nhà ở đây cao hơn những thành phố tôi đã xem qua.

Sau hai ngày tất bật đi xem nhà tôi đã chọn được một căn nhà ở Huntington Beach rất là ưng ý. Buổi tối về khách sạn tôi cho vợ tôi cái địa chỉ nhà để chúng tôi vào internet cùng xem. Vợ tôi xem chừng vừa ý căn nhà này lắm hối tôi offer ngay. Tôi báo cho anh địa ốc viên biết tôi sẽ offer mười ngàn đồng thấp hơn giá bán cho căn nhà này sau hai hôm nữa khi tôi từ San Diego về.

Trở về thành phố San Diego sau khi rời xa đã nhiều năm, tôi thấy San Diego vẫn dễ yêu chi lạ. Lái xe trở lại các con đường cũ tôi vẫn thấy có một cái gì đó êm đềm khó tả. Sau khi bỏ ra hai ngày để coi nhà ở San Diego, tôi bỗng có một sự so sánh. San Diego đẹp như một người đàn bà đẹp đang bước vào tuổi về hưu còn quận Cam thì đẹp và tràn đầy sinh lực như một cô gái đang trong độ tuổi xuân thì.

Chính vì cái nhận xét này mà tôi quyết định mua nhà ở quận Cam và đã chọn thành phố Huntington Beach làm chỗ về hưu. Kể từ lúc này tôi như một con thoi đi về giữa Seattle và quận Cam. Tuy sống ở Seattle nhưng nhà tôi lúc nào cũng đầy ắp các thức ăn làm sẵn từ Bolsa.

Để cho công việc tìm nhà ở vùng Huntington Beach được mau mắn hơn tôi chọn thêm một người địa ốc viên nữa. Người địa ốc viên này là một cô người Mễ. Thế là mỗi lần tôi đến quận Cam để xem nhà thời gian sẽ chia đều cho hai người địa ốc viên. Hai người này là hai thái cực. Một cô Mễ tính tình mau mắn và ăn nói bộc trực và một anh Vietnam rào đón trước sau nhưng thiếu nhẫn nại.

Hàng ngày ngoài giờ đi làm vợ chồng tôi vùi đầu vào các trang mạng như Redfin, Trulia, hoặc Zillow... etc để xem nhà. Ban đầu tôi còn bay xuống quận Cam để xem nhà rồi mới offer. Sau vì đi lại tốn kém quá, vì thị trường nhà bán hiếm hoi, và giá cả trồi sụt liên hồi nên tôi chỉ dựa vào các dữ kiện trên các websites và với báo cáo của các địa ốc viên là tôi offer ngay. Đôi khi gặp trở ngại mà hai người địa ốc viên không trả lời thỏa đáng thì tôi vào trang vấn đáp của trang mạng Trulia mà đặt câu hỏi và giải bày tâm sự.

Vì không cần nhà gấp và cũng vì ham rẻ tôi đã offer các nhà short sale nhiều vô kể. Buổi ban đầu tôi còn offer ít hơn giá bán. Được nhận offers rồi ngồi chờ mãi vẫn mua trượt. Tôi bắt đầu trả bằng giá bán, rồi trả hơn cả giá bán mà mua vẫn hụt. Có lần tôi bị lôi kéo vào cuộc chiến mua đấu giá, nghĩa là người bán ra giá ngôi nhà của họ rẻ hơn giá thị trường để chiêu dụ người mua rồi sau đó nâng giá bán lên cho đến lúc bán được nhà. Cuộc chiến mua đấu giá khác hẳn với mua nhà bán auction. Người bán rất quỷ quyệt họ lựa ra một số người mua có khả năng rồi cứ hỏi người mua có muốn trả thêm không vì đã có một ai đó trả hơn mình. Có một ngôi nhà ra giá bốn trăm mười chín mà tôi đã xem qua hai lần cách nhau một năm qua hai lần đăng bảng bán. Hai lần tôi gởi offer. Một lần bằng giá bán và một lần cao

hơn mười ngàn. Cứ cách vài hôm người bán lại liên lạc với người địa ốc viên gốc Mễ của tôi hỏi tôi có muốn trả thêm không. Đáp lời là có và trả thêm mãi cho đến lúc ngôi nhà được giá bốn trăm sáu mươi chín ngàn. Tôi tưởng căn nhà ấy sẽ thuộc về tôi nhưng tới phút chót người bán lại hỏi tôi là có muốn trả thêm nữa không vì có một người khác đã trả hơn giá của tôi.

Cô địa ốc viên người Mễ cho tôi biết rằng dựa trên thị trường thì căn nhà này đã được offer đúng giá và tôi không nên trả thêm nhưng điều đó thì tùy tôi. Sau khi bàn bạc với cô địa ốc viên tôi thối lui.

Khoảng một tháng sau tôi vào website để xem lại căn nhà này. Căn nhà đã bán với giá bốn trăm tám mươi chín ngàn nghĩa là hơn giá đã đăng bán bảy chục ngàn.

Có một lần khác tôi tưởng đã mua được ngôi nhà chỉ cách Westminster mall vài con đường nhưng cuối cùng lại hỏng vì người địa ốc viên đã vì muốn giúp tôi mua căn nhà được giá rẻ nên đã nhờ người định giá sửa chữa lên quá cao. Chút thiện ý của anh đã tạo ra mâu thuẫn lớn là tôi vì không muốn phải sửa chữa cho căn nhà sắp mua nên đã thối lui. Anh đã không cho tôi thối lui, nên tình cảm trong sự mua bán của tôi và anh địa ốc này đã chấm dứt.

Từ đây tôi chỉ còn có mỗi cô Mễ địa ốc viên làm đại diện. Chính cô này đã làm cho công việc tìm nhà của tôi ở quận Cam trở nên sôi động và đầy thú vị như có lần cô ăn mặc khá mát mẻ đến đón tôi ngay ở Bolsa trước thương xá Phước Lộc Thọ khiến cho mấy anh trai trẻ lái xe bên cạnh phải bóp kèn trong lúc cô cười rất khoái chí và nói - OMG people might think a Mexican girl picks up an Asian guy.

Thời gian thấm thoát qua mau đã hơn hai năm mà tôi vẫn chưa mua được nhà. Lúc này tôi đã thấm mệt vì mua nhà ở quận Cam khó quá. Nhà bán thì ít mà người mua thì đông. Mượn tiền của ngân hàng thì vất vả. Giá nhà có hạ nhiều nhưng lại lên xuống rất bất thường. Giữa lúc tôi muốn bỏ cuộc thì cơ hội may mắn lại đến.

Chuyện là có một căn nhà rất đẹp mà chúng tôi rất ưng ý nhưng giá bán thì ngoài tầm mua của tôi. Căn nhà đã bán hụt và trở lại thị trường với giá mới rẻ hơn hai mươi lăm ngàn. Tuy giá mới có hơn năm trăm ngàn nhưng tiện lúc tôi đang ở quận Cam nên tôi yêu cầu cô địa ốc viên đắt đến xem. Ngôi nhà nhìn bên ngoài đã đẹp, bên trong còn xinh đẹp hơn. Một căn nhà độc nhất vô nhị với phong cách design bên trong như một lâu đài cổ.

Sau khi bàn bạc với vợ tôi và cô địa ốc viên, tôi quyết định đặt offer ít hơn vài chục ngàn so với giá bán. Tưởng là đặt thử xem chơi ai dè người bán đòi thêm mười ngàn nữa. Tôi chẳng bỏ dịp may này ký giấy mua ngay. Thế mới biết lúc thị trường là của người mua thì người mua được lợi là thế.

Giữa mùa hè năm hai ngàn mười một gia đình tôi đến Huntington Beach để ăn mừng tân gia ngôi nhà mới. Bầu trời xanh biếc và gió biển mát rượi. Mấy người hàng xóm sang chúc mừng gia đình tôi. Tôi nhìn vợ và các con thấy lòng tuôn tràn hạnh phúc.

(Seattle 11/2013)

Dan Heaven

# Chuyện Của Tóc Và Người

Nguyễn Bích Thủy

Tác giả sinh năm 1962, tốt nghiệp Đại Học Mỹ Thuật năm 1988 khoa Đồ Họa tại Việt Nam, từng làm công việc thiết kế sáng tạo trong ngành quảng cáo. Đến Mỹ tháng 4 năm 2000, hiện là cư dân Waxahachie, Texas, đang làm việc trong phân xưởng in của một nhà máy tại địa phương. Sau đây là bài Viết Về Nước Mỹ thứ ba của cô.

Chẳng biết tự bao giờ mái tóc đã nói lên giới tính, nhân cách, tôn giáo, địa vị xã hội, tình trạng sức khỏe và cả xu thế thời trang của một người. Mái tóc cũng đã góp phần làm cho thế giới này trở nên nhiều màu sắc, thi vị, trữ tình hơn qua văn thơ, nhạc họa, phim ảnh để ca tụng một trong những vẻ đẹp của phái nữ. Tóc và Người quả là một sự kết hợp rất tài tình !

Bí ẩn của tóc

Mỗi một sợi tóc tích lũy trong nó tất cả những chất do máu và bạch huyết đưa đến. Do đó tóc đã hàm chứa trong nó những bí mật rất quan trọng giúp ích cho nghiên cứu khoa học và pháp y. Sợi tóc sẽ cung cấp cho người thầy thuốc những thông tin giúp cho việc điều trị bên cạnh xét nghiệm máu và nước tiểu. Các nghiên

cứu cũng cho biết mỗi người có trung bình từ 100. 000 cho đến 150. 000 sợi tóc. Da đầu sản sinh ra khoảng 3. 000. 000 sợi tóc trong một đời người. Tóc mọc dài ra 0. 35mm mỗi ngày và 12, 8 cm mỗi năm. Tóc của phụ nữ có «tuổi thọ» cao hơn nam giới. Tóc rụng trung bình từ 20 cho đến 60 sợi mỗi ngày.

Sách sử đã ghi chép rằng mái tóc của dân ta đã trải qua nhiều cuộc thăng trầm thay đổi theo vận nước. Trước khi bị nô lệ Bắc Phương thì người dân Việt cũng bao phen để tóc và cạo đầu theo ý Vua. Kể từ đời thuộc Minh cho đến gần cuối thế kỷ 19 thì luật nước bắt buộc mọi người dân trong xã hội nếu không phải là sư sãi thì phải để tóc dài ! Đến thời Pháp đô hộ thì một cuộc «cách mạng» cắt tóc ngắn và để răng trắng đã xảy ra, nó thay đổi cả một ý thức hệ của người Việt thời đó mà đi tiên phuông là xứ Trung kỳ. Người Nghệ Tỉnh đầu tiên dám cắt bỏ búi tóc của mình là Nguyễn Hoàng Chi, sau đó ở Quảng Nam có Phan Chu Trinh, Phan Thúc Duyên, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng... rồi phong trào mới lan ra xứ Bắc Kỳ và Nam kỳ. Có bài ca Húi Tóc như sau :

Tay trái cầm lược.
Tay phải cầm kéo
Húi hề ! Húi hề
Thăng thẳng cho khéo
Bỏ cái ngu này
Bỏ cái dại này
Ăn ngay nói thẳng
Học mới từ đây

(Phan Khôi)

Trên thế giới có nhiều chủng tộc với những màu da và màu tóc cũng khác nhau. Tôi đang sống với cộng đồng người Mỹ gốc Phi tại miền Nam Texas này. Do đặc tính của gien di truyền nên họ có mái tóc đen cứng và xoăn tít. Nếu không cắt sát thì tóc mọc dài ra có khuynh hướng tạo thành một khối tròn và xù lên. Riêng đối với phái nữ họ đã phải tốn rất nhiều tiền bạc, công sức và cả thời gian để làm đẹp cho mái tóc của mình. Một cựu người mẫu da màu và cũng là người sáng lập ra chương trình Americans Next Top Model cho biết mái tóc là điểm duy nhất mà cô không hài lòng trên cơ thể. Báo chí cũng tiết lộ rằng cô cảm thấy kém tự tin khi ai đó nhìn được mái tóc thật của mình, điều này đã ảnh hưởng đến cuộc đời tình ái của cựu người mẫu lừng danh thế giới không ít !

Thống kê đưa ra kết quả trong vòng 50 năm trở lại đây thì số người tóc vàng (blonde hair) giảm mạnh từ 49% xuống còn 14%. Theo nhà Nhân Chủng Học người Đức Hans Yurgons cho biết vì dân số những người tóc đen trong khu vực Châu Á ngày một gia tăng và những gia đình tóc vàng thuộc các nước Đức, Nga, Scandinav... tại Châu u thì ngày càng sanh con ít dần.

Lại thêm một định kiến nữa cho rằng những người tóc vàng kém thông minh, yếu đuối và ít khả năng thích ứng với cuộc sống bằng những người tóc sậm màu. Kết quả cuộc thăm dò tại Đức cũng đưa ra kết quả đàn ông độ tuổi từ 18-49 chỉ chọn phụ nữ tóc vàng làm người tình mà thôi ! ? Người ta cũng đề cập đến trường hợp của hai nữ diễn viên Marilyn Monroe và Brigitte Bardot, họ đều là những phụ nữ tóc vàng đã làm khuynh đảo các đấng mày râu một thời nhưng lại không được hạnh phúc trong hôn nhân. Chính những điều vừa nêu đã khiến nhiều người đưa đến kết luận rằng màu tóc đã quyết định phần nào số phận của người phụ nữ ! ? Tuy nhiên, ngày nay phái đẹp hoàn toàn có thể «thay đổi vận mệnh» mình qua bất kể những màu sắc của tóc mà họ ưa thích !?!

Với thành tựu của khoa học kỹ thuật, những tập đoàn khổng lồ trên thế giới đã ra đời chỉ để sản xuất những thứ làm đẹp cho tóc. Thị trường hiện nay có hàng ngàn sản phẩm với mục đích giúp cho tóc bóng mượt, mềm mại, óng ả và đủ chủng loại rất phong phú. Rồi thì những sản phẩm khác cũng «ăn theo» công nghệ làm đẹp này như máy sấy tóc, máy duỗi tóc thẳng, máy uốn tóc cong... Những chuyên gia chăm sóc tóc không những chỉ biết chải, bới, uốn, nhuộm, tếch tóc, nối tóc đơn thuần mà họ còn phải biết thế mạnh những đường nét trên mặt của người phụ nữ để sáng tạo cho họ một kiểu tóc thích hợp và gợi cảm nhất. Có thể nói chưa bao giờ mái tóc của người phụ nữ được thăng hoa như hiện nay !

Tóc xanh... tuổi trẻ

Ở thế kỷ trước người phụ nữ Việt Nam thường làm đẹp cho mái tóc bằng bồ kết, chanh, hương nhu, vỏ bưởi theo cách truyền thống dân gian. Họ chỉ biết chăm sóc tóc đơn giản thế thôi nhưng cũng đủ làm điêu đứng biết bao đấng nam nhi :

Một thương tóc bỏ đuôi gà
Hai thương ăn nói mặn mà có duyên.
Ba thương má lúm đồng tiền,
Bốn thương răng nhánh hạt huyền kém thua.
Năm thương cổ yếm đeo bùa,
Sáu thương nón thượng quai tua dịu dàng.
Bảy thương nết ở khôn ngoan,
Tám thương ăn nói dịu dàng thêm xinh.
Chín thương em ở một mình,
Mười thương con mắt có tình với ai.

(Khuyết danh)

Nét đẹp của mái tóc đã được đặt lên hàng đầu trong «Mười Thương» mà người xưa thường nói «Cái răng cái tóc là gốc con người». Khi hai người yêu nhau, chàng trai đã tìm thấy cả bốn mùa trong mái tóc người thương một cách vô cùng sinh động :

... Mùa hè vui đôi chân chấp cánh
Tóc mây hồng cho mắt long lanh
Trời mùa đông môi em thắp nắng
Tóc mây dài, chân vui đường vắng
Rồi mùa xuân cây thay áo mới
Tóc mây vàng cho nắng thêm tươi
Rồi mùa thu xôn xao lá úa
Tóc mây buồn phủ kín tim tôi...

(Phạm Thế Mỹ - Tóc Mây)

Rồi khi đôi trai gái không thành thì chàng trai đã ghi nhớ mãi mái tóc của người mình yêu một cách thật lãng mạng và vô cùng cảm động :

Tóc mai sợi vắn sợi dài
Lấy nhau chẳng đặng thương hoài ngàn năm.

(Ca dao, trong ca khúc Phạm Duy - Tóc mai sợi vắn sợi dài)

Mái tóc đã là nguồn cảm hứng của rất nhiều các nhạc sĩ, thi sĩ, họa sĩ, văn sĩ, ca sĩ, kịch sĩ, đạo diễn... và cả những nhà làm phim. Tại Việt Nam cũng đã có hàng trăm bài thơ và ca khúc để tôn vinh mái tóc của phái đẹp không sao kể hết, điều này đã chứng tỏ rằng dù xưa hay nay, dù trong thời bình hay lúc chiến tranh loạn lạc thì mái tóc của người phụ nữ Việt Nam vẫn luôn quyến rũ dưới mọi góc nhìn của nam giới. Khuynh hướng thời trang của Việt Nam luôn chịu ảnh hưởng của Tây Phương và ngày nay là Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản... qua phim ảnh, báo chí và truyền thông. Đã từ lâu những kiểu tóc và cách ăn mặc của các mệnh phụ phu nhân hay minh tinh màn bạc nổi tiếng thế giới đã trở thành kim chỉ nam định hướng gu thời trang của nhiều người.

Vậy mà cho đến thế kỷ 21 này, tại nhiều đất nước Hồi giáo vẫn còn có những phụ nữ phải trùm khăn kín từ đầu đến chân bằng vải đen, thậm chí nhiều nơi luật lệ khắt khe họ chỉ có thể nhìn mọi sự vật xuyên qua hai mảng lưới nhỏ nơi mắt. Mùa hè năm 2009 tôi có dịp đến du lịch Tiệp Khắc tại thành phố Karlovy Vary kinh đô điện ảnh của Châu u, tôi đã chứng kiến cảnh các du khách đã đổ dồn ánh mắt vào hai phụ nữ Hồi giáo với áo choàng đen trùm kín mít từ đầu đến chân tại mỗi nơi mà họ đi qua. Đây là lần đầu tiên tôi thấy bằng chính mắt của mình mà không phải là trên TV hay trong phim ảnh sách báo. Cảm giác đầu tiên của tôi là sợ ! Tôi sợ cái màu đen u ám đó, nó như là những bóng đen di động, không ai có thể đoán được họ là ai sau lớp vải đen đó ! Họ là hai cô gái đẹp tuyệt trần hay là bọn khủng bố sắp làm những chuyện tày trời, điều này chắc chỉ có thánh Allah mới biết được ! ? Đúng vậy chẳng ai thấy được gương mặt họ, ánh mắt họ biểu cảm như thế nào dưới lớp vải đen xì kia, thật nguy hiểm khi tiếp xúc với những người mà mình không thể nhận diện được. Nhưng chỉ sau vài phút lấy được bình tỉnh tôi lại cảm thấy thương hai người phụ nữ kia, những người mà trong Kinh Koran đã quy định rằng :

«Phụ nữ phải mặc che kín toàn thân không được để lộ một phần nào của thân thể trước mặt bất kỳ một người đàn ông nào, bao gồm cả mặt và tay». Nguyên văn tiếng Anh : «They dress up completely without showing any part of their bodies, including face and hands to any man»

Do vậy họ phải tuân theo luật lệ khắt khe đó để chứng tỏ lòng tự trọng và phẩm giá của người phụ nữ trước đám đông !!! Vào ngày 11 tháng 4 năm 2011 một đạo luật cấm phụ nữ Hồi giáo trùm kín khăn che mặt khi ra đường được công bố trên toàn lãnh thổ Pháp. Thủ tướng nước này cho biết đây không phải là một đạo luật kỳ thị, họ chỉ muốn đề cao cảnh giác các phần tử khủng bố đang đe dọa khắp nơi trên hành tinh. Ngoài ra luật còn phạt bất kỳ ai sản xuất và buôn bán khăn che mặt từ một đến hai năm tù và phạt tiền từ 30. 000 đến 60. 000 euro tùy theo mức độ vi phạm.

Hiện nay tại Mỹ, thỉnh thoảng tôi vẫn gặp những người Phụ nữ Hồi giáo ở các nơi công cộng bởi họ không thể lẫn lộn với ai được cả. Dù họ cũng mặc quần jean, áo kiểu đơn giản dài tay nhưng người nào cũng mang một chiếc khăn trùm kín tóc và cổ. Tuyệt nhiên không ai có thể đoán được mái tóc của họ là ngắn hay dài, chiếc cổ kia là cao hay thấp !? Tất cả những thứ xa

xỉ cần làm đẹp cho mái tóc trên cõi đời dường như đã phải vẫy tay chào thua trước những người phụ nữ này !

Nỗi buồn... tóc rụng !

Các cuộc nghiên cứu cho biết nhiều nguyên nhân đưa đến rụng tóc như làm việc quá sức, bị chấn thương, tuổi dậy thì, thời kỳ mang thai, mãn kinh... Phụ nữ và nam giới đều có khả năng bị rụng tóc do ảnh hưởng của stress và hói đầu ở nam giới thường do di truyền. Ngày nay chứng bệnh rụng tóc gần như đã trở thành căn bệnh của thời đại. Một nhịp sống vội vã, máy móc, ganh đua, đầy ô nhiễm trong không khí và đầy hóa chất trong thức ăn nước uống đã dễ dàng đưa đến rụng tóc. Ngày nay trên thị trường cũng có hàng ngàn sản phẩm từ Đông sang Tây, từ u sang Á để «cứu nguy» cho mái tóc rụng. Rồi thì cả việc cấy tóc, trồng tóc... nhưng dường như cũng không giúp gì đáng kể khi tóc đã «chẳng buồn» mọc trở lại. Có lẽ điều này đã ảnh hưởng ít nhiều đến thời trang tóc của phái mạnh suốt nhiều thập niên qua. Tôi nhớ đến những mái tóc dài kiểu Hippie của nam giới vào thập niên 70 hay 80, rồi mái tóc «đầu đinh» của thập niên 90 của thế kỷ trước và bây giờ là kiểu tóc «húi cua» hay «model đầu trọc» đang lan nhanh khắp toàn cầu !

Thời gian qua hãng tôi mới ra thông báo quy định cho mọi người không được đội mũ hay trùm khăn khi làm việc tại khu vực sản xuất, họ chỉ được phép mang lưới tóc và lưới râu do an toàn thực phẩm. Cũng chính vì thế mà tôi đã có dịp phát hiện những cái đầu trơn láng mà xưa nay được «dấu kỹ» dưới những cái nón hay những lớp khăn. Nhìn những mái đầu với phần da nhiều hơn phần tóc đi ra đi vào với vẻ mặt đầy lúng túng trong những ngày đầu «hạ nón» mà tôi không khỏi chạnh lòng. Có thể cũng chính những gương mặt này cách đây không lâu lắm đâu đã từng làm rung động biết bao trái tim của người khác phái với mái tóc dày, rậm đầy nam tính và điển trai. Nhưng giờ đây có lẽ họ cũng đành phải bất lực với thời gian khi soi mình trong gương !

Cũng như bao nhiêu người đàn ông đã bị rụng gần hết tóc, cuối cùng chồng tôi quyết định cạo phăng đi mái tóc của mình để theo kịp «trào lưu» của thế giới. Giờ thỉnh thoảng nhìn chồng mình với cặp kính trắng và mảng đầu trơn láng tôi chợt nhớ lại còn đâu nữa mái tóc mềm bay bay đầy lãng tử của anh đã đến đón tôi vào những chiều hò hẹn như chỉ mới hôm nào đây thôi !!!

Lần đầu tiên thấy «diện mạo mới» của chồng mình, tôi đã nói nữa đùa nữa thật :

- Kể từ nay anh khỏe rồi, chỉ còn lo ăn lo mặc không phải lo «chải chuốt» nữa !

Chồng tôi chỉ cười buồn đáp :

- Tóc rụng thì không lo lắm, chỉ sợ là mình cũng...»sắp rụng» theo nó !

Thật vậy ! Tóc rụng, mắt mờ, da nhăn là tất cả những thông điệp cho biết tuổi già đang xồng xộc kéo đến với tốc độ tương đương với cơn bão cấp bốn đang đổ bộ xuống cuộc đời của mỗi người !

Tóc đã... không còn !

Thường có ba nguyên nhân khi một người tự nguyện cắt bỏ mái tóc của mình :

- Bệnh nhân bị ung thư đang điều trị hóa chất.

- Người đang phát một thệ nguyện.

- Hàng tăng sĩ Phật Giáo.

Điều trị ung thư thường gây ra rụng tóc, nó có thể xảy ra khi hóa trị và xạ trị do một số loại thuốc làm hại nang tóc và thường diễn ra trong vòng hai tuần khi bắt đầu điều trị nhưng rồi tóc có thể mọc trở lại ngay sau đó. Ngày nay có rất nhiều Tổ chức thiện nguyện

nhận hiến tóc để giúp đỡ những bệnh nhân cancer cho cả người lớn lẫn trẻ em như American Cancer Society, Hair Foundation hay Locks of Love...

Trong hãng tôi có một anh chàng khoản ngoài ba mươi dáng người cao ốm, lầm lì ít nói. Điều làm tôi chú ý nhất ở người thanh niên trẻ này là mái tóc dài cột sau gáy : lúc thì dài như «đạo sĩ» lúc thì ngắn như «nhà binh», đặc biệt hơn nữa là trên một bàn tay của anh ta bị thiếu mất ngón út. Dĩ nhiên tôi và mọi người không được biết lý do và cũng chẳng ai buồn hỏi đến những chuyện hết sức tế nhị này ! Cho đến một hôm tình cờ tôi nghe vợ của anh, cũng làm chung với tôi, kể rằng anh «nuôi» tóc dài để donate cho những trẻ em bị ung thư, ngày xưa anh cũng từng bị cancer và Bác sĩ buộc phải cắt đi ngón tay út để tránh di căn. Cũng kể từ đó tôi đã bắt đầu thay đổi cách suy nghĩ của mình khi «đoán già, đoán non» một người nào đó qua dáng vẻ bề ngoài của họ.

Nhớ lại lúc còn ở Việt Nam, một buổi nọ lang thang vào ngôi chợ nhỏ gần nhà tôi tình cờ gặp chị bán hàng quen với mái tóc đã cạo sạch nhẵn được che dưới lớp nón vải, tôi đã hoảng hốt hỏi chị nguyên nhân vì sao nên nông nổi thì chị cười nói :

- Chồng chị lúc trước bị bệnh nặng lắm Bác sĩ bảo sợ không qua khỏi, chị lo quá chỉ biết van vái Phật Trời phò hộ. Giờ thì ảnh đã hoàn toàn bình phục nên chị ăn chay một năm và «xuống tóc» để thực hiện lời phát nguyện của mình.

Vâng ! Trong cuộc sống này có rất nhiều người như chị phụ nữ kia. Một khi người thân hay chính họ phải đương đầu với những thách thức ngoài sức chịu đựng thì con người có khuynh hướng chỉ còn biết dựa vào sự mầu nhiệm của Ơn Trên để sống và hy vọng. Đó là lý do tại sao dù khoa học kỹ thuật ngày nay có tiến bộ cỡ nào đi chăng nữa thì đức tin vẫn là điều hết sức thiêng liêng, nó luôn tồn tại và song hành với gần như mọi cư dân trên quả địa cầu này suốt từ hàng nghìn năm qua.

Nếu không vì bệnh tật, không vì phát nguyện, không vì chạy theo trào lưu thời trang «đầu trọc» thì chắc khó ai có thể từ bỏ mái tóc của mình ngoài hàng tăng sĩ Phật Giáo ! Điều này cũng nói lên ý niệm quyết tâm diệt trừ ái nghiệp, tham, sân, si mà mỗi hành giả đang muốn tìm về nẻo giác của mình. Tuy nhiên, ngày nay đã có rất nhiều người lợi dụng cửa thiền môn và sự nhẹ dạ của các tín đồ Phật Giáo để mua danh trục lợi làm giàu cho túi riêng ! Dẫu biết rằng tín ngưỡng là điều rất quý nhưng phải dựa trên nền tảng của sự hiểu biết

nếu không sẽ đưa đến tình trạng mê tín hoặc cuồng tín; trong khi đường lối tu hành của đạo Phật là dựa trên Từ Bi và Trí Tuệ ! Do vậy người Phật tử phải hết sức cẩn thận, đừng lầm lẫn hễ thấy ai «đầu tròn, áo vuông» thì cứ ngỡ đó là bậc chơn tăng !

Tóc trắng... tuổi già !

Một mái tóc dẫu đẹp cách mấy cũng có ngày phải ngả màu sương khói. Dù là mái tóc của bậc Đế Vương hay của kẻ bần dân rồi thì cũng đến lúc phải bạc trắng theo thời gian. Đó là một quy luật bất biến của muôn đời. Có đi gần hết đoạn đường đời người ta mới thấy thấm thía từng ca từ sau :

Bao nhiêu năm làm kiếp con người.
Chợt một chiều tóc trắng như vôi.
Lá úa trên cao rụng đầy.
Cho trăm năm vào chết một ngày

(Trịnh Công Sơn - Cát Bụi)

Vào mùa hè 2012 nhân chuyến về thăm nhà thằng con trai của tôi đã tò mò muốn xem «hình bà Ngoại hồi còn nhỏ», đó là nguyên văn câu nói ngây thơ của nó ! Tôi đã mất cả một buổi ngồi lật lại từng tờ album cũ, trong đó có những tấm hình cách đây trên 60 năm trong

ngăn tủ gia đình để chỉ cho nó «thời con gái» của mẹ tôi với mái tóc dài đen mượt khi thì «kẹp ba lá» lúc thì xõa nghiêng vai rất điệu đà tha thướt. Mẹ tôi lên xe hoa năm 22 tuổi với mái tóc ngắn uốn dợn rất hợp thời trang lúc đó. Cũng như nhiều người con gái hiện nay, sau khi sinh con xong mẹ tôi thường ra tiệm chụp hình để ghi lại những khoảnh khắc đáng nhớ trong đời mình như một kỷ niệm. Thời của mẹ tôi trừ ở những vùng quê xa xôi thì đa số phụ nữ đều mặc áo dài khi ra đường, mẹ tôi lại là một nhà giáo nên hình ảnh chiếc áo dài luôn gắn liền với bà ở mọi lúc mọi nơi. Chính nhờ thế mà tôi có thể thấy được sự thay đổi của từng kiểu tóc, kiểu áo dài trong suốt quãng đời son trẻ của mẹ mình qua những tấm hình khá sống động.

Mẹ tôi là một người phụ nữ xinh đẹp và duyên dáng, mẹ tôi thích «làm mới mình» bằng những kiểu tóc phù hợp với khuôn mặt để tôn nét yêu kiều của bản thân. Tuy nhiên, ba tôi lại thích nét đẹp cổ điển của người phụ nữ Việt Nam qua mái tóc dài tha thướt; nhưng rồi ông cũng phải đành «chịu thua» vợ vì những kiểu tóc cắt cao tới gáy của mẹ tôi cũng đầy thu hút !

Rồi thì biến cố đổi đời xảy ra, lúc ấy mẹ tôi chưa đầy 40, ở cái tuổi này bây giờ người phụ nữ vẫn còn đầy sắc vóc nhưng thời cuộc đã làm mẹ tôi vất vả lo toan

và thay đổi rất nhiều. Do kinh tế gia đình sa sút mẹ tôi cũng không còn khả năng để chăm sóc mái tóc của mình như xưa nữa nên mẹ đã để tóc dài trở lại và búi to sau gáy. Lúc đó tóc của mẹ tôi vẫn còn đen, dày và óng mượt. Có lẽ ba tôi là người vui mừng nhất khi thấy tóc mẹ ngày càng dài thêm ra. Nhưng cho đến cuối thập niên 80 thì mẹ tôi bị bệnh mất ngủ, rụng tóc nhiều nên bà đã cắt ngắn và uốn trở lại. Tôi còn nhớ ba mình đã không được vui suốt mấy hôm liền về quyết định này của mẹ !

Vài năm sau đó tóc của mẹ tôi bạc đi rất nhanh, mỗi khi thấy «muối nhiều hơn tiêu» thì bà hay mua thuốc về tự nhuộm tóc để kéo lại tuổi xuân cho «xứng chồng, xứng vợ». Ba tôi thuộc tuýp người «vô ưu», mẹ tôi thường nói thế, nên mặc dù lớn tuổi hơn mẹ tôi nhưng tóc ông vẫn còn đen và trông trẻ hơn rất nhiều so với tuổi của mình ! Nhưng rồi mẹ đã chẳng buồn nhuộm tóc nữa kể từ khi ba tôi mất, tóc mẹ giờ đã bạc gần hết, mỗi khi tóc ra dài mẹ chỉ cắt đi cho đỡ vướng, đỡ rụng, đỡ chăm sóc và đỡ «nặng đầu» !!! Ở tuổi bát thập mẹ tôi đã thật sự chẳng còn «hơi sức» để «màn» đến mái tóc của mình nữa. Một giấc ngủ bình yên, một sức khỏe ổn định là tất cả những gì mẹ tôi quan tâm nhất hiện nay trước khi «thân tứ đại trả về tứ đại»; như lời một bài hát nổi tiếng đã nói như sau :

Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi.
Để một mai tôi về thành cát bụi

(Trịnh Công Sơn - Cát Bụi)

Đời người suy cho cùng cũng như là một vở kịch, một cuốn phim. Vở kịch nào dù hay dù dở rồi cũng phải đến hồi kết thúc, cuốn phim nào dù lôi cuốn hay nhàm chán cách mấy thì cũng có lúc phải the end !

Mẹ già tóc trắng như sương
Rưng rưng tiễn bước con ra phi trường
Nơi đất khách mịt mờ khuất nẻo
Nhớ mẹ hiền khắc khoải trông theo.

(Nguyễn Bích Thủy)

Nhìn những mái tóc xanh hôm nay một ngày nào đó sẽ trở thành những mái đầu bạc mà không khỏi ngậm ngùi cho sự ngắn ngủi của kiếp nhân sinh. Cuộc sống này theo lời một người nhạc sĩ tài hoa là «Đóa hoa Vô thường», là «Ở trọ trần gian» hay chỉ là «Một cõi đi về»...

Vâng ! Xin chúc cho những mái đầu xanh hôm nay sẽ đạt đến tận cùng những ước mơ, những hoài bão của họ để góp phần làm đẹp cuộc đời này và thật mong sao những mái tóc dù đã bạc trắng thời gian nhưng xin hãy cứ an nhiên tự tại, sống vui sống khỏe đầy thanh thản trên hành trình «đi về» của mình.

Nguyễn Bích Thuỷ

# Mình Ơi, Hớt Tóc !

Sao Nam Trần Ngọc Bình

Các bà vợ tại Hoa Kỳ rất nên học và hành nghề hớt tóc với quý ông chồng. Cơ hội nắm đầu các ông vui đáo để. Đó là kinh nghiệm và lời khuyên của tác giả bài viết. Ông sinh năm 1940, cựu sĩ quan VNCH, khoá 12 SVSQ Thủ Đức, cựu tù chính trị, đến Mỹ năm 1991 theo diện H. O. 9, hiện định cư tại Greenville, South Carolina, tham dự Viết Về nước Mỹ từ 2002. Tác phẩm đã xuất bản : Hành Trình Về Phương Đông.

Mình ơi ! Hớt tóc cho anh được không ?

Ông Ba hỏi bà Ba kèm theo một nụ cười. Như đỉa phải vôi bà Ba giẫy nẩy lên :

- Chu choa ơi. Ông có giỡn không đó ? Tui mà hớt tóc được cho ông à ! Mà làm sao mà hớt chứ ? Tôi làm ông sứt da chảy máu là ông lại la tôi cho mà coi. Ông cứ lái xe đến tiệm hớt tóc chỉ 15 phút là xong. Có 10 đô thôi hà !

- Bà lầm rồi 12 đô lận. Bộ không cho người thợ kiêm chủ tiệm tiền tip sao ? Ông Ba vừa tủm tỉm cười vừa trả lời bà Ba.

Năm đó là năm 2006 con gái ông Ba dời nhà đi xa làm ăn nên ông mới nói để thử xem bà Ba phản ứng ra sao vì ông biết bà Ba rất dị ứng với bất cứ sự thay đổi nào dù rằng có lợi đi chăng nữa bà Ba vẫn dậm chân tại chỗ mặc cho «Con Tạo xoay vần.»

Biết rõ tính nết bà Ba nên hôm đó sau khi hớt tóc xong ông Ba ghé nhà mấy anh bạn già nói chuyện trên trời dưới biển thật lâu rồi mới «quy cố phu nhân» để làm cho bà lên ruột vì nóng lòng chờ ông về. Vừa mở cửa bước vào nhà ông Ba nghe liền tiếng trách móc của bà Ba :

- Đi hớt tóc lâu hén ?

Biết là bà Ba trúng kế của mình rồi ông Ba mới từ tốn giải thích :

- Mình coi đi hớt tóc thì phải chờ tới lượt mình chứ. Ông thợ đâu có rảnh ngồi chờ mình đến. Chờ chỉ một mình mình thì ông ấy «húp cháo rùa» à ! Lúc anh tới tiệm thì đã có 3 trự ngồi chờ rồi thì mình phải chờ đến lượt mình chứ. Mình đâu có bao cho ông thợ hớt riêng cho mình đâu thành ra mới lâu.

Thấy lời lẽ chưa có vẻ «thuyết phục, «ông ca thêm :

- Thì anh đã bàn với em rồi em hớt cho anh là hay nhất, không tốn thời gian chờ đợi này, không tốn tiền này, không mất công lái xe này và còn nhiều thứ khác nữa chứ. Nhưng điều quan trọng là lúc nào anh và em cũng ở gần nhau không phải xa nhau dù chỉ là 45 phút hay 1 giờ. Hơn nữa em chờ anh cũng đã nhiều rồi hơn 10 năm lận khi anh bị CS bỏ tù em không nhớ sao ?

Có vẻ những lời ca của ông Ba tuy không hay bằng các kép cải lương lúc xuống xề nhưng đã làm bà Ba cảm động thiệt nên bà xuống giọng;

- Thì làm sao hớt bây giờ ?

Hắng giọng ông Ba nói :

- Em không thấy các bà mẹ trẻ người Mỹ hớt tóc cho con của họ đó sao ? Hớt tóc với bộ dụng cụ của Mỹ dễ òm à ! Tại sao lại dễ vì nó có miếng gá gắn ngay vào cái tông đơ nên người hớt tóc không sợ mình hớt quá tay sẽ bị lẹm vào tóc của khách hàng hay là làm đứt da chảy máu khách hàng.

Loại tông đơ của người Pháp chế tạo mà các ông thợ hớt tóc ở Việt Nam xài không có miếng gá nên khi hớt người thợ cứ phải để cái lược ở phía dưới (thay cho

miếng gá) để để phòng cho khỏi lỡ tay làm lẹm tóc của khách hàng. Người Mỹ khác người Pháp ở chỗ là cái gì họ cũng nghiên cứu để làm cho đời sống dễ chịu hơn, thoải mái hơn và dĩ nhiên để họ kiếm tiền nhiều hơn khi bán được món hàng vừa lòng khách mua. Mà như em biết «vừa lòng khách mua» là nhà phát minh và nhà sản xuất vừa có tiền lại vừa làm cho đời sống trở nên văn minh hơn, tiện lợi hơn.

Chuyện hớt tóc thành đề tài rôm rả. Ông Ba giảng đủ kiểu.

Ngày xưa bên xứ mình, hớt tóc xong thì phải cạo mà cạo râu bằng con dao cạo lại là cả vấn đề lạng quạng là làm chảy máu khách hàng nên người Mỹ đã nghĩ ra cái trimmer để chặn những sợi tóc ở sau ót và hai cái bát cho thẳng hàng mà không cần phải sử dụng đến con dao cạo.

Rồi kể cả chuyện xưa tích cũ hấp dẫn :

Khi người Pháp con đô hộ nước ta một tên đồn trưởng người Pháp đóng đồn trong một cái làng ở miệt trung du đã mê mệt nhan sắc của một cô giáo trong làng nên đã tìm cách cưỡng bức cô ta; bị thất tiết cô giáo bèn tự xử bằng cách tự tử. Biết mình cô thế ông chồng sau khi chôn vợ đã bỏ làng ra đi biệt xứ.

Một thời gian sau trong làng có một người thợ hớt tóc từ xa tới mở một quán hớt tóc trong căn nhà anh ta mới cất lên để hớt tóc cho dân làng và các làng kế bên.

Dĩ nhiên việc có một người thợ hớt tóc khéo tay ngay ở trong làng được dân làng ủng hộ hết mình. Các cụ ta nói, «Tiếng lành đồn xa» nên tên đồn trưởng cũng biết. Lần đầu tiên đến hớt tóc tên đồn trưởng tỏ vẻ nghi ngờ y nói với ông thợ hớt tóc :

Tao trông mày quen quen y như đã gặp ở đâu rồi.

Đáp lời tên đồn trưởng ông thợ hớt tóc chỉ trả lời :

Người giống người chắc là quan lớn nhớ lầm tôi với ai rồi.

Rồi ngày tháng qua đi tên đồn trưởng không còn đề phòng gì nữa; ngày phải đến đã đến. Hôm đó tên đồn trưởng cũng đến hớt tóc như thường lệ khi cạo râu người thợ hớt tóc đã dùng con dao cạo cắt ngang yết hầu của tên đồn trưởng vô lại.

Lúc ra tòa vị chánh án người Pháp -sau khi biết rõ đầu đuôi câu chuyện- đã thực sự cảm động và muốn cứu cái đầu của người chồng - nay là người thợ hớt tóc - bèn hỏi :

«Khi anh ấn lưỡi dao cạo và cổ viên đồn trưởng anh có ân hận gì không ?»

«Tôi chỉ mong được chết để cùng sum họp với người vợ yêu quý của tôi bên kia thế giới mà thôi.» Người thợ hớt tóc đáp.

Như vậy con dao cạo không phải là «con dao hai lưỡi» đó sao. Nó nguy hiểm như thế nên người Mỹ nghĩ ra cái trimmer là đúng lắm vì nhờ đó có thể tránh được những chuyện không hay xảy ra ngoài ý muốn của nhà sản xuất.

Rồi ông Ba khuyến khích bà :

- Khi đến kỳ anh phải đi hớt tóc em cứ hớt cho anh chỉ cần làm sao cho cái tóc của anh gọn gàng là được rồi còn hớt cho đẹp thì cứ từ từ khi em quen rồi nó sẽ đến. Vả lại mình lớn tuổi rồi thì cái tóc có lỡ bị phạm thì cũng chẳng ai để ý làm gì phải không ?

Thế là từ năm 2006 đáng ghi nhớ đó trở về sau lớp dạy hớt tóc của ông Ba chỉ có hai thầy trò : ông Ba và bà Ba.

Kinh nghiệm hớt tóc ông Ba từng có từ thời «hậu cải tạo» op73 Việt Nam. Sau tháng 4/75 ông Ba bị tù về vì tội «là Đại Úy Giảng Viên Anh Ngữ của Quân Lực Việt

Nam Cộng Hòa» cho đến tháng 10/85 ông Ba mới được tha về. Khi trình diện tại công an Phường viên công an khu vực ra lệnh không cho ông dạy Anh Ngữ làm kế sinh nhai. Làm gì để sống bây giờ ? Ông Ba bèn đi học hớt tóc. Nhờ kinh nghiệm này, bà Ba mới yên tâm lấy cái tóc của ông để làm «sa bàn» tập hớt cho quen.

Dĩ nhiên mới đầu thì còn vụng về nhưng lâu dần rồi cũng quen như các cụ ta có câu : «Có công mài sắt có ngày nên kim» bây giờ bà Ba đã : quen tay sử dụng tông đơ, trimmer và kéo nhuần nhuyễn và quen mắt để biết chỗ nào cần phải cho chạy lại một hay hai đường «tông đơ lả lướt» cho mấy chỗ mà mái tóc muốn «nổi loạn» cứ nhổm lên phải nằm xuống làm cho mái tóc ông Ba đẹp hơn.

Còn cái trimmer thì bà Ba đã biết cách sử dụng sao cho đừng ấn xuống sâu quá làm ông Ba cứ kêu oai oái trong những lần đầu khi bà Ba mang lớp da của ông Ba ra thử xem cái trimmer có «ngon»không.

Có thể nói chưa có lớp học hớt tóc nào vui như lớp của ông Ba và bà Ba. Lớp chỉ có một thầy và một trò và cũng có thể nói chưa có khóa học nào lâu như cái lớp này. Phải mất tới 8 năm học trò mới học xong và cũng chừng ấy năm thì ông Ba mới có thế ngồi yên cho bà Ba hớt tóc cho ông mà ông không cần phải cầm lấy cái

gương để tự soi mái tóc của mình xem chỗ nào cần sửa để chỉ cho bà Ba.

Còn điều này nữa khi bà Ba đã tốt nghiệp khóa hớt tóc sau 8 năm cầm tông đơ, trimmer và kéo thì cũng là lúc mà một cái tóc đã lên giá thành 15 đô theo đà mất giá của đồng đô và sức mua của đồng đô bị giảm giá !

Biết được điều này bà Ba khoái vô cùng ít nhất thì bây giờ khi hai ông bà về hưu rồi không làm ra tiền thì bà cũng không phải chi thêm một món bắt buộc phải chi là tiền hớt tóc cho ông Ba !

Bây giờ thay vì kêu oai oái vì tóc bị «cắn» do bà Ba cứ nâng cái tông đơ lên quá sớm khi tóc chưa kịp đứt hết lúc bà Ba mới học hớt tóc thì nay ông Ba lại phải kêu oái oái khi bà Ba thấy tác phẩm «mái tóc» của mình đẹp quá nên đã tự thưởng cho mình bằng cách cứ tự nhiên sờ vào đầu ông Ba mà khen, «đẹp quá» bất kỳ lúc nào khiến ông Ba bực mình không ít !

Cả hai loại «oai oái» loại nào cũng phải trả giá cả nhưng có lẽ điều thú vị nhất đối với ông Ba là bây giờ muốn hớt tóc lúc nào là có thợ lúc đó «thợ» nhà mình mà !

Đề nghị các bạn cho bà xã học hớt tóc của bạn nhé ! Cam đoan là vui đáo để đấy.

Sao Nam Trần ngọc Bình

# «Bán Chữ» Là Thầy

Philato

Tác giả tên thật là Tô Văn Cấp, sinh năm 1941, cựu sĩ quan VNCH, cựu tù công sản, định cư tại Hoa Kỳ theo diện H. O. 1, hiện làm việc tại học khu Ocean View. Ông đã góp nhiều bài viết về nước Mỹ, bài nào cũng cho thấy tấm lòng. Sau đây là bài viết mới nhất.

Khi còn là học trò L. Pétrus Ký, tôi nghe thầy Việt Văn Thái Chí nói :

- «Cái nghề cầm cục... phấn (có dấu sắc) trắng đứng trước bảng đen mà hò hét cái đám «nhất quỷ nhì ma thứ ba học trò» như các em thì trước sau gì thầy cũng bị nám phổi, tức là làm cái nghề «bán cháo phổi».

Nghe thầy nói thế tôi hiểu chữ «bán» là buôn bán, nhưng sau này được nghe thêm câu : «Nhất tự vi sư, bán tự vi sư» tôi mới hiểu «bán» còn có nghĩa là một nửa (1/2). Tức là dù dạy một chữ hay chỉ một nửa (1/2) chữ thôi cũng là thầy rồi. Vậy thì cái tựa bài viết ở trên «bán» đều phù hợp cho cái nghề cao quý, tôi xin được viết in hoa một chữ «THẦY»

Đối với tôi, THẦY là trên hết, trên cả cha, trên cả ông nội ngoại, ông cố. Tôi nhớ một lần đến tham dự tiệc tất niên của trường mình, L. Pétrus Ký (LPK), tại nhà hàng Làng Ngon trên đường Beach, thấy tôi lớ ngớ ở ngoài cửa như «mán» về thành phố thì một em trong ban tổ chức đứng gần đó, nhỏ nhẹ lễ phép thưa :

- «Kính mời thầy vào bên trong».

Tôi ngó quanh xem có «thầy» nào không, nhưng chỉ có mình ên, nhìn em vừa nói thì thấy em cười (may mà là em trai), biết là em nói với tôi, dù cho em hiểu lầm nhưng tôi vẫn cảm thấy hạnh phúc dâng trào cao tít cung mây, vì được người khác gọi bằng «THẦY».

Trước kia, khi còn ở đơn vị tác chiến, đánh nhau ngoài chiến trường, tôi cũng thường được anh em binh sĩ gọi là «thầy» thay vì gọi cấp bậc nhà binh là đại úy, thiếu tá, và ngược lại, những cấp chỉ huy mà tôi kính phục, tôi cũng hay gọi là «thầy» thay vì trung tá, đại tá. Được gọi là «thầy» tôi cảm thấy hạnh phúc hơn, thân tình hơn, can đảm hơn, chu toàn nhiệm vụ hơn và nhất là phải liêm khiết trong sạch. Thầy không bao giờ ăn hớt cơm chim của trò, của đệ tử.

Nhưng dưới mái trường, trong buổi họp mặt thì chỉ có thầy và trò, mà tôi là trò, nhìn lại mình tôi thấy thẹn, vì tôi không xứng đáng với danh xưng «thầy», dù thực tế tôi đã là «thầy» từ lâu rồi, vì ở địa phương tôi, dân quê gọi cha, bố là thầy. Tôi đã là bố (thầy), không những là thầy mà còn trên thầy một bậc nữa, tôi đã là ông, ông nội, ông ngoại.

Nhưng danh xưng «thầy» ở đây, dưới mái trường là thầy thiên hạ, dậy cho thiên hạ biết thế nào là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, là «không thầy đố mày làm nên», thầy về tài năng và đức độ, gọi ai là «thầy» tức là gọi với tất cả tấm lòng thương mến và kính phục.

Giật mình chợt tỉnh cơn mơ làm «thầy» nên tôi vội vàng đính chính ngay :

- Xin lỗi em, anh không phải là thầy, mà là trò, trò LPK 55-62, anh chờ đồng môn...»

Quả thật, THẦY là một nghề cao quý, thầy là kẻ sĩ, tước vị thầy đứng trên tất cả, «không thầy đố mày làm lên», Tổng Thống DVM còn phải cúi đầu trước thầy giáo Trần Văn Hương :

- «Thưa thầy».

Nhưng THẦY cũng là nghề bạc bẽo và nghèo túng, dù dưới chế độ nào đi nữa, nhất là dưới chế độ XHCN. Sau 30/4/75, những thầy giáo đáng kính của chúng ta đã bị VC bắt «tháo giày», rồi bắt «mất dạy» ! Từ đó kỷ cương học đường XHCN «xuống hố cả nút» ngày càng xuống dốc, nay thì vô cùng bi đát, không còn «tiên học lễ, hậu học văn» mà là «tiên học tiền học võ», trò đổi tình lấy điểm, thầy đánh trò và trò đánh thầy ! Nền giáo dục «ngày nay đã hỏng rồi, mười người đi học chín người thôi», bởi vì không còn thầy, chỉ là thầy giả, với bằng giả, giả từ trong ra ngoài, cái này gọi là «phi-ní-lô-đia» (hết nước nói).

Còn ở hải ngoại, tình «thầy cũ trò xưa» thì sao ?

Sáng Chúa Nhật ngày 8 tháng 3 năm 2014, thầy trò LPK họp mặt Tân Niên để chúc sức khỏe thầy cô thì sáng Thứ Hai 9/3, tôi đọc được bài báo của ký giả Bùi Bảo Trúc với cái tựa đề là : «Mặc cảm bị trị». Bài viết với nội dung chê trách trò hỗn với thầy. Bài báo viết rằng trong một buổi sinh hoạt trường trung học nọ, thầy cô đã bị trò mời xuống ngồi hàng ghế sau để nhường hàng ghế đầu cho mấy vị dân cử địa phương.

Vừa đọc thoáng qua bản tin động trời này mà tác giả không nêu rõ tên trường khiến tôi toát mồ hôi, làm gì có chuyện đó, buổi họp mặt sáng Chúa Nhật của thầy trò

LPK chúng tôi vui vẻ lắm mà. Đọc kỹ lại lần thứ hai... à thì ra không phải LKP, mà là trường của bà nội các cháu, bà của con, con của con tôi. Thôi, chuyện của bà thì chớ dại dột mà xía vô, xía vô thì... nói theo lính trận này xưa gọi là «từ chết tới bị thương», tôi xin trở về với «thầy cũ trò xưa» của LPK.

Chương trình họp mặt Tân Niên khai mạc lúc 11 giờ sáng thì 10. 30 tôi đã tới rồi, đến sớm để hy vọng gặp những người bạn cùng lớp, cùng niên khóa 55-62, nhưng họ đi đâu cả rồi ! Đã mấy lần tất niên rồi tân niên, vẫn không có thêm ai mới, vẫn chỉ là Lê Thành Lân, Phạm Gia Cổn (trên tôi một lớp) và những đại sư huynh niên khóa 47-54 như các anh Sáu* Bồ Đại Kỳ, Cổ Tấn Tinh Châu v. v... (* các anh và tôi là lính, nhưng dưới mái trường, tôi không được gọi các anh là đại tá mà là anh Sáu. Cũng quả quyết xác định không phải là anh «sáu tấm»).

Những bạn cùng lớp với tôi đang ở đâu ? Hay là «sáu tấm» cả rồi ? Các trò ra trường vào năm 1962, 63 có lẽ đa số đã là người thiên cổ. Từ 1962, CSBV, VC đang từ thế du kích thì chuyển sang các trận đánh cấp đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn nên nhiệm vụ tòng quân diệt giặc là ưu tiên hàng đầu của thanh niên nói chung và LPK nói riêng. Các bạn cùng lớp với tôi nhập ngũ gần

hết, tôi là Thủy Quân Lục Chiến (TQLC), Nguyễn Đức Cần, Phạm Khánh Châm, Phạm Thượng Chí (con thầy Pháp Văn Phạm Văn Ba) đi Nhảy Dù và đã tử trận cả ba. Lê Văn Chiểu, Lê Quan Trường đi Biệt Động Quân đã bị thương cụt giò, lủng phổi. Ngô Văn Nô, Lê Đình Điển đi Bộ Binh và đã tử trận cả hai ! Tóm lại lớp tôi, nếu theo sấm TT thì...»mười phần chết bảy còn ba, chết ba còn một mới ra thái bình». Thái bình rồi thì đi tù VC, rồi tha phương, tỵ nạn CS, ở đất nước người nay nhìn quanh chỉ còn vài người thôi ! Võ Thạnh Thời, Cao Hoàng Anh v. v...

Vì đến sớm, tôi đứng vơ vẩn ngoài cửa thì gặp một «bạn trẻ» cũng đang vẩn vơ, hai bên nhìn nhau mỉm cười, chào nhau, bạn trẻ tự giới thiệu :

- «Tôi là Tích».

Vừa nghe người đối diện tự giới thiệu tên là «Tích» làm tôi giật mình, chưa một lần được tiếp xúc, nhưng đã mấy lần nghe xướng danh «thầy Tích», nên tôi vội bắt tay tôi** rồi cúi đầu :

- «Kính chào thầy, tôi là Tô Văn Cấp, LPK 55-62»

(** theo văn hóa Tây Phương, khi gặp nhau thì hai người đưa tay ra, gọi là bắt tay nhau, nhưng văn hóa

Đông Phương xưa thì khi gặp bậc trên mà đưa tay ra bắt là vô phép, phải chắp tay lại, tức là hai bàn tay úp vào nhau, tức là mình bắt tay mình rồi cúi đầu xuống chào).

Thầy Tích và tôi chào nhau xong là ôn chuyện thầy cũ trò xưa, chuyện thầy giám thị Tập (bơ-tí-sồi) nhéo tai mấy chú nhóc lớp đệ thất ưa phá phách. Chuyện cô Dung dạy Sử Địa, trò nào vẽ con sông mà đi từ hạ lưu lên thượng nguồn là cô thưởng 2 hột vịt. Cô Ngà dạy Vạn Vật, cô Sâm, cô Hồng, cô Thiên Hương, những bà mẹ không sinh (nhưng rất Xinh) thì có công dạy dỗ, rồi tới các thầy, thầy Đảnh, thầy Đính, thầy Trọng Phỏng, thầy Trần Thượng Thủ. Thầy Thái, thầy Đồ dạy Anh Văn. Thầy Tạ Ký, thầy Thái Chí dạy Việt Văn. Thầy Binh dạy hình học không gian lớp đệ nhất, thầy Binh bắt trò làm bài tập trong cuốn hình học «Le Bốt-Xê» phát mờ người. Tôi sợ nhất là thầy dạy Pháp Văn Phạm Văn Ba, thầy mà bắt chia «verbe être» thì từ chết tới bị thương, cái «tăng» gì mà nghe ớn quá, nghe phát đau bụng : «ira, irai, iron, irez».

Thầy Tích còn quá trẻ, xem ra có lẽ thầy còn ít tuổi hơn tôi, nhưng thầy vẫn là thầy, trong số các thầy cô đến họp mặt, ngoài thầy Liêm Thứ Trưởng, thì tôi không được biết quý thầy cô, vì tôi chưa có dịp được thầy cô dạy, chỉ còn nhớ thầy Sum, vì thầy dạy chúng tôi về thể

dục.

Thầy và trò đã đến, đang đến và sẽ đến, bàn danh dự dĩ nhiên là nơi dành cho các thầy cô, sau đó là 2 bàn của lớp học trò già niên khóa 47-54 là anh Sáu Bồ Đại Kỳ và đồng môn. Năm nào anh Sáu Kỳ cũng đặt một bàn, năm nay có thêm các chị Sáu nên thành 2 bàn, hy vọng năm tới anh Sáu Kỳ đặt 3 bàn (1 ông, 2 bà). Các LPK trẻ tuổi đâu rồi, theo gương anh Sáu đi.

Tôi được ban tổ chức xếp chỗ cho ngồi cùng với anh chị Sáu Cổ Tấn Tinh Châu (vì anh và tôi cùng là TQLC), đối diện là cựu hội trưởng Lê Thành Lân, người hùng Biệt Kích 81 Dù (An Lộc sa trường ghi chiến tích, Biệt Kích Dù Vị Quốc Vong Thân) bên cạnh tôi là Ngũ Sĩ* Phạm Gia Cổn (*chiến sĩ, bác sĩ, võ sĩ, nhạc sĩ, vũ sĩ).

Theo chương trình thì khai mạc lúc 11 AM, nhưng gần 12 giờ rồi mà còn một số bàn trống, anh Sáu Bồ Đại Kỳ cứ đi tới đi lui ra điều sốt ruột, rồi anh nói nhỏ với anh Sáu Châu :

- «Tội nghiệp mấy em nhỏ quá, thế này thì lỗ rồi, tụi mình phải giúp các em chứ».

- «Cái gì vậy anh Sáu, giúp cái gì vậy ?»

- «Các cậu coi kìa, còn một số bàn trống, thế này thì các em lấy gì mà bù ?»

Anh Sáu Bồ Đại Kỳ thật tinh mắt, có lẽ vài em trong ban tổ chức còn ít tuổi hơn «xấp nhỏ» của anh nên anh hiểu, anh lo cho các em trong ban tổ chức với tình huynh đệ pha tình cha con. Mong các em trong ban tổ chức đừng buồn khi tôi nói ra thế, vì nếu tôi không viết ra thì không ai biết tấm lòng của các anh sáu. Nghe anh Sáu Kỳ báo thế thì anh sáu Châu tiếp ngay :

- «Cứ để từ từ coi, xong rồi nếu có gì thì anh Sáu cho biết đề chúng mình tiếp sức với...».

Anh Sáu Châu chưa nói hết câu «tiếp sức với các em» thì MC trên sân khấu bắt đầu chào mừng các thầy cô và huynh đệ kèm theo vài lời giải thích :

- «Vì hôm nay thay đổi giờ, thêm 1 giờ nên có nhiều người không để ý, đến trễ».

À thì ra đó là lý do một số người đến trễ, một số bàn trống đã trám đầy và coi như ban tổ chức vẫn khai mạc đúng giờ... còn lỗ hay không thì chưa biết, vì vẫn còn một số ghế trống của người đã ghi danh, có chỗ ngồi rồi nhưng huynh đệ vẫn đi, đi... đi chỗ khác ! Không tới chơi thì «lỗ ấy ai bù» ?

Buổi họp mặt được tổ chức khá chu đáo, văn nghệ xuất sắc, nhiều tiếng cười, tiếng vỗ tay, nhất là ban hợp ca của các bác «song sĩ» thật là tuyệt vời. Hình như bác sĩ nào cũng là ca sĩ cả, nhà ta có ca bác sĩ Thái, ca bác sĩ Ngô Bá Định, nhạc bác sĩ Phạm Gia Cổn... người ngoài thì có ca bác sĩ Trung Chỉnh, Trương Minh Cường... Xin quý vị cho một tràng pháo tay.

Tinh thần «tôn sự trọng đạo» được thể hiện ở khắp nơi, từ cách sắp xếp chỗ ngồi, trang trí sân khấu và đặc biệt là nụ cười trên môi của các anh chị em trong ban tổ chức. Vẫn là các em «vũ như cẫn» đã quá quen với công việc, quá thiện chí lo việc chung sao cho giấy rách phải giữ lấy cái nề LPK. Xin chân thành cám ơn các anh chị em và để góp vui với ban tổ chức, tôi xin kể lại những niềm vui, những nét đẹp trong buổi họp mặt do các em tổ chức mà ít ai thấy.

Anh Sáu Bồ Đại Kỳ niên khóa 47-54 đến chào thầy Liêm, không phải ông thứ trưởng Nguyễn Thanh Liêm, mà là chào «trò Liêm» ngày xưa sau lớp «trò Kỳ», vì «trò Liêm» làm thầy, còn trò Kỳ đi lính, vì trò Kỳ là đại tá. Đại tướng, tổng thống còn : «thưa thầy...» huống chi...

Một nữ lưu đến bên «Ngũ Sĩ» rồi chắp tay : «Chào thầy».

Thầy Phạm Gia Cổn vội vàng đứng dậy xá-xá như hai võ sĩ đạo vái nhau trước khi đấu kiếm. Tuy không chú ý nghe, nhưng vì ngồi kế bên nên cũng hiểu thầy trò họ trao đổi về vụ chim... Hoàng Hạc, thầy Phạm Gia Cổn là chưởng môn phái Hoàng Hạc, học trò khắp bốn phương. Thầy vừa ngồi xuống thì lại một nam sinh đến vái thầy xin thầy quá bộ sang Arizona để diễn giảng sao cho chim Hạc bay cao.

«Gieo rắc đó đây những mầm sống vui» là tâm niệm của chưởng môn Hoàng Hạc, sao cho mọi người khỏe vì nước, tinh thần minh mẫn trong thân thể tráng kiện. Vì minh mẫn nên thầy Cổn lom khom đến bàn các giáo sư chào một vị thầy, vị thầy dạy toán cho trò Cổn năm đệ tam. Cái đẹp là ở chỗ này đây, nhờ ban tổ chức cho họp mặt «mái trường xưa» mới biết thầy nào trên thầy nào, «bán tự vi sư» là vậy, thầy dạy võ đứng sau thầy dạy văn.

Anh Sáu Bồ vỗ vai Ngũ Sĩ :

- «Bác sĩ lên thổi một bài đi, kèn sexo (?) của BS để đâu rồi ?»

- «Trong môi trường này, dưới mái trường chỉ có hai giai cấp, đó là thầy và trò, chương trình văn nghệ đang hay quá mà tôi lên sao được ! Nếu các em nể tình sắp cho mình một hai bản nhưng tự mình phải biết thương các em chứ, đâu có thể làm khó các em».

Ngày xưa ở Sài Gòn, báo chí có loan truyền một câu khá hợp lý : «Điều mà TT Thiệu nói được thì PTT Kỳ không nói được». Môi trường nào tước vị ấy, ở đây, điều mà bác sĩ Cổn nói được thì người khác nói không được, không được nói : dưới mái trường chỉ có thầy và trò, không có sĩ nào cả. Cám ơn «trò» Phạm Gia Cổn.

Chúc ban tổ chức có những niềm vui sau buổi họp mặt Tân Niên. Mong sao không lỗ, nếu có lỗ thì thì... nào anh em ta cùng nhau xông pha... góp vào.

Thân chào tất cả quý thầy cô, các đồng môn.

Hẹn năm tới, đông hơn, vui hơn.

Philato

# Tấm Thẻ Xanh Và Cô Dâu Mạng

Phương Hoa

Chàng là một viên chức Mỹ. Nàng là người đẹp Trung Hoa. Cuộc hôn nhân là kết quả của mạng chít chát Thượng Hải-Cali. Chuyện tình gay cấn mà có thật được kể bởi Phương Hoa, một nhà giáo tại Marysville, California, giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2013.

Tôi quen biết nhân vật chính của câu chuyện này cũng ngay vào sáng mồng Một Tết con Ngựa, năm Nhâm Ngọ 2002, tính đến nay là vừa tròn «một con giáp.»

Sống trên đất Mỹ, dù Tết đến vẫn phải đi làm, tụi nhỏ vẫn đi học, nhưng chúng tôi luôn chuẩn bị ăn một cái Tết truyền thống Việt Nam để mấy đứa con nhớ về nguồn cội. Những cái Tết trước đây, sáng mồng Một nào tụi nhóc cũng dậy sớm, ăn mặc chỉnh tề đến bàn thờ lạy mừng tuổi ông bà. Tiếp theo là chúc mừng năm mới ba mẹ và nhận tiền lì xì. Nhưng Tết năm ấy, con cái lớn đi làm, đi học xa, nhà chỉ còn hai vợ chồng,

Sáng hôm đó vợ chồng tôi dậy sớm, nấu cơm chay cúng ông bà rồi chuẩn bị trái cây đem đi cúng tiệm, chúng tôi vừa sang lại chưa lâu.

ngó qua ngó lại không thấy đứa nào ra mừng tuổi, thật cô đơn.

Sau khi bày bánh mứt, các loại trái dừa, đủ, xoài, thêm trái thơm «dư» ra bàn thờ ông Địa và cắm cành lộc vào bình hoa, tôi chưa kịp thắp hương thì một người đàn ông Mỹ bỗng đẩy cửa bước vào. Người khách tự giới thiệu anh là người láng giềng tên Mark ở gần bên, đến để «chúc mừng Tết Mặt Trăng cho hàng xóm mới, «anh nói. Mark còn mang tặng chúng tôi một chùm tám trái quýt chín đỏ ối và nói anh học được phong tục này từ người Á Châu, trái quýt là trái «lucky» và số tám là số may mắn.

Tôi biết trái quýt và con số tám may mắn cho ngày Tết mà anh nói thường là sự tin tưởng của người Hoa, người Việt mình thì «mặn mà» hơn với con số chín, nhưng tôi rất cảm động và cám ơn anh rối rít. Dù Mark không phải là khách hàng đến để đem tiền vào, tôi cũng mừng vui vô cùng vì đầu-năm-có-Lộc.

Mark vào khoảng chưa tới năm mươi, là một công chức cấp cao, làm việc cho một cơ quan quan trọng tại thành phố lớn đã hai chục năm rồi. Người trông lịch lãm, ăn nói nhỏ nhẹ, và đặc biệt, Mark có nụ cười rất tươi và hiền giống như nụ cười của pho tượng ông Lộc. Mark kể anh có một cô con gái vừa vào đại học và cậu

con trai đang học năm thứ hai, tụi nhỏ ở nội trú nên anh sống một mình. Chuyện trò một lát, trước khi đi anh đưa tôi tấm danh thiếp, dặn nếu có gì cần giúp thì gọi cho anh bất cứ lúc nào. Nhà tôi nhìn theo anh và nói «Quả là ông hàng xóm tốt bụng !»

Mark đi làm suốt ngày, xem ra bận rộn, nhưng về nhà anh lại có vẻ rất cô đơn. Anh là người sống có tình cảm với xóm giềng. Hàng ngày, mỗi khi ra xe đi làm, anh vẫy tay chào chúng tôi, tối nào chuẩn bị đóng cửa mà gặp anh thì anh chúc ngủ ngon. Cuối tuần nếu thấy tiệm vắng khách, anh thường tạt vào trò chuyện. Anh đã giúp đỡ bọn tôi hết lòng. Khi nghe tôi định lắp hệ thống Alam phòng ngừa trộm cắp, anh cản :

- Đừng bắt Alam cho tốn tiền ! Tối nào tôi cũng dạo quanh khu phố một vòng trước khi đi ngủ, tôi sẽ giúp trông chừng cửa tiệm cho anh chị.

Và quả thật trong gần mười năm chúng tôi kinh doanh ở đó rất yên ổn, không bao giờ có lộn xộn hay trộm cắp xảy ra. Chắc bọn tội phạm nể mặt Mark, nên không dám quậy phá ở khu này.

Dù thành công trong nghề nghiệp, Mark chẳng may mắn lắm trong tình trường. Một lần ly dị, mấy lần mất người yêu. Ở xứ này tiêu chuẩn của cánh phụ nữ là phải

luôn luôn được cung phụng, cưng chiều. Nhưng Mark luôn luôn bận rộn. Anh thường đi công tác xa nhà nhiều ngày, bỏ người đẹp bơ vơ. Nên chỉ sau một thời gian yêu nhau là anh mất nàng vào tay kẻ khác.

Mark rất thương con, nhất là cô con gái xinh đẹp tên Jina. Mỗi khi cô bé về nhà đều được cha đưa qua tiệm tôi làm đẹp. Rồi anh nghe bạn bè kháo nhau, có nhiều người Mỹ qua Á Châu kiếm bạn đời vì phụ nữ bên ấy xinh đẹp dịu dàng. Chẳng những họ hiền thục mà còn thủy chung, chăm sóc gia đình, thương chồng con hết mực. Anh cũng muốn «thử thời vận» nên vòng vòng trên mạng. Sau một thời gian «chít chát» từ Thái Lan, Việt Nam, đến Trung Hoa, anh dừng lại với một cô tên Cheng khoảng ngoài 30 tuổi, ở Thượng Hải.

Hình ảnh trao qua, email bay lại, từ Thượng Hải đến Cali.»Chat room» của Yahoo bận li bì với cặp khách hàng Hoa lục, Mỹ quốc. Nhìn những tấm hình cô Cheng tạo dáng đủ kiểu đứng ngồi không thua gì «hoa hậu thế giới, «đọc những câu đối thọai bằng tiếng Anh lưu loát dí dỏm khi «chat» trên yahoo, và những email lời lẽ ngọt ngào, Mark bị lâm vào «mê hồn trận.» Anh bèn xin nghỉ phép một tháng, khăn gói đi Trung Quốc cưới vợ.

Nhưng khi đến nơi gặp Cheng, sém chút nữa Mark... té xỉu giữa phi trường. Cô dâu tương lai của anh không hề biết một chữ tiếng Anh nó tròn hay méo ! Tất cả sự việc diễn tiến trong thời gian qua chỉ là màn kịch dưới sự đạo diễn tài tình của người thông dịch viên từ một công ty môi giới ở Thượng Hải. Họ chuyên gán ghép hôn nhân qua mạng. Những lời đàm thoại ngọt ngào trao đổi trên chatroom, trong email, cách ăn mặc điểm trang, chụp hình kiểu mẫu gửi qua email cho Mark, đều do người của công ty thực hiện. Việc của Cheng chỉ là để cho người ta trang điểm thật đẹp, đến đó ngồi nhìn vào màn hình, «nhóp nhép» cái miệng, và mỉm cười !

Cười không đặng mà khóc cũng chẳng xong, Mark định «cuốn cờ» về Mỹ ngay lập tức. Nhưng rồi thấy cô Cheng xinh đẹp hiền lành, cộng với sự thuyết phục miệng lưỡi tài tình của anh chàng nhân viên dịch vụ, Mark cuối cùng đồng ý ở lại tiến hành đám cưới.

Một lễ cưới truyền thống Trung Hoa được tổ chức với những thủ tục lỉnh kỉnh nhiêu khê ở một vùng quê xa xôi hẻo lánh. Cheng không phải là người Thượng Hải, cô lên thành phố để «kiếm chồng ngoại.» Trong đám cưới, đại diện họ nhà trai chỉ có chú rể và người nhân viên dịch vụ. Nhưng cần gì Mark chỉ việc xì đô la ra là mọi chuyện đều «ô kê.» Hôm ấy, cô dâu khoác áo

thụng đỏ lê thê kiểu «Hoàng Châu Các Các.» Mark cựa quậy đến tội nghiệp, mồ hôi vã ra trong bộ áo mão «Đại A Ca.» Anh thất thểu bước thấp bước cao theo sau cô dâu làm nhiều cuộc lạy ra mắt. Hết xá bên ni rồi lại quỳ bên tê, Mark lạy theo Cheng đến vẹo cả cổ.

Rồi Mark cũng «sống sót» được sau đám cưới và rước cô dâu mới về khách sạn hưởng tuần trăng mật. Thời gian một tháng ở Thượng Hải, hàng ngày anh dạy tiếng Anh cho Cheng. Dù không biết tiếng Anh, người vợ mới cũng tỏ ra hết lòng chìu chồng. Cô nàng chăm sóc Mark từng li từng tí, ép anh ăn uống, giúp anh thay áo quần, thậm chí còn làm cả công việc mang giày vớ cho anh nữa. Mark cảm thấy mình là một quân vương. Anh rất hạnh phúc nghĩ mình đã quyết định đúng khi đi Trung Quốc. Về lại Hoa Kỳ, anh kể hết mọi việc cho chúng tôi nghe và khoe về cô vợ mới cưới từ bên kia trái đất. Nhưng anh than thở là khá vất vả để hiểu nhau vì cô không biết tiếng Anh. Tôi nói đùa :

- Như vậy cũng đâu có sao, vì đỡ phải cãi lộn.

Sau đó Mark bảo lãnh vợ. Thủ tục của Trung Quốc khó khăn nên phải đợi đến hai năm, anh đi Thượng Hải đến lần thứ ba mới rinh được nàng sang Mỹ.

Khi Cheng đến Hoa Kỳ, Mark đưa vợ đi ra mắt hàng xóm. Cheng quả là một cô gái đẹp.

Dáng người thanh mảnh, mái tóc đen dài xõa phủ bờ vai, mắt phượng mày ngài, môi hồng má phấn. Thảo nào Mark chẳng bị đảo điên. Ai cũng trầm trồ khen cô dâu xinh đẹp và chúc mừng cho Mark. Khi gặp tôi, Cheng không nói được câu nào ngoài tiếng «Hi» rồi đứng cười cười. Ngày xưa ở Nha Trang tôi chơi thân với mấy đứa bạn người Việt gốc Hoa. Tụi nó có dạy tôi những câu tiếng Phổ Thông dùng trong hàng ngày tôi vẫn còn nhớ lõm bõm nên cầm tay cô hỏi để «lấy le» với Mark :

- «Nị hảo ma ?» Bạn có khỏe không ?

Tưởng tôi biết tiếng Tàu, Cheng mừng quýnh tuông ngay một tràng dài làm tôi... ngọng tuốt.

Tuy ít nói vì không biết tiếng Anh, nhưng trước mặt mọi người Cheng đã dạn dĩ tỏ ra là một người vợ rất thương chồng, như âu yếm sửa lại cổ áo cho Mark, phủi mấy sợi tóc còn vương trên vai áo anh khi cùng anh đi cắt tóc về ghé lại chỗ tôi.»Nụ cười ông Lộc» của Mark bây giờ rộng đến mang tai, anh luôn miệng nói rất hạnh phúc vì Cheng yêu và chìu chuộng anh mọi điều. Một lần tôi đưa Mark xem cái tự điển điện tử Anh/Việt của tôi và khuyên anh nên mua cho Cheng một cái Hoa/

Anh tự điển để cô học tiếng Anh. Mark đi mua ngay lập tức. Anh còn hỏi thăm chỗ mua đồ chay vì Cheng theo đạo của Thiền sư Thanh Hải nên không ăn thịt. Tôi chỉ cho anh những ngôi chợ Á Châu, các nhà hàng chay ở xa như Sacramento, San Jose, San Francisco, Mark mừng vui nói với vợ :

- Không cần biết xa đến cỡ nào, ngày mai anh đưa em đến đó ăn đồ chay và mua để dành.

Những ngày kế tiếp, cặp vợ chồng này thường đi ngang qua shop, tay trong tay trông rất âu yếm. Khoản một tuần sau đó, buổi tối khi tôi chuẩn bị đóng cửa ra về, thình lình Mark hớt ha hớt hải chạy vào :

- Chị Linda, không biết sao mà vợ tôi ra cửa đứng khóc suốt từ nãy đến giờ, chẳng chịu đi ngủ. Tôi đã dỗ dành hết cách, giờ không biết tính sao. Chị hãy làm ơn khuyên cô ấy dùm. Nói xong anh vội chạy đi, như thể chậm chân thì người vợ mới của anh sẽ biến mất.

Tôi bước ra thấy Cheng đang đứng tựa cửa, nước mắt lưng tròng. Mark thì đi qua đi lại, xính va xính vính như «gà mắc đẻ.» Tôi hỏi Cheng tại sao khóc, vừa hỏi vừa múa máy tay chân đủ kiểu, nhưng cô vẫn cứ lắc đầu. Tự nhiên tôi nhớ lại được một câu tiếng Tàu :

- «Nị xạng che ma ?» Bạn nhớ nhà phải không ?

Như nước vỡ bờ, Cheng ôm chầm lấy tôi òa lên khóc nức nở. Mark thấy vậy cũng mếu

máo khóc theo. Anh cứ nói luôn mồm, «Oh my God!» - Trời ơi ! Anh biết làm gì cho em

đây ?» Đàn ông mà sao lại «yểu xìu» như vậy hả trời. Tôi nghĩ thầm, nhưng lại thấy tội nghiệp cho anh chàng si tình nên không dám lên tiếng. Khi tôi nói Cheng vì nhớ nhà mà khóc, Mark mới yên tâm và đỡ bối rối. Tôi và Cheng đứng ôm nhau thật lâu, tôi đợi cô ngừng thổn thức rồi giao cho Mark đưa cô vào nhà.

Từ đó mỗi chiều đi làm về Mark chở vợ đến lớp tiếng Anh cho người lớn và ngồi học chung với cô đến khuya. Anh đưa cô lại tiệm tôi làm móng tay móng chân mỗi hai tuần, đích thân chọn màu và những kiểu vẽ trên móng, dắt cô đi mua sắm áo quần, đi nhà hàng ăn cơm chay, mua thức ăn về rồi cuối tuần cùng cô nấu nướng. Anh còn mua điện thoại cầm tay cho Cheng, dặn nếu có gì cần không gọi được anh thì gọi cho tôi. Anh gửi gắm :

- Tôi đi làm, Cheng ở nhà một mình, nếu cô ấy cần gì nhờ chị giúp đỡ.

Tiếp xúc thường xuyên, tôi nhận ra tiếng Anh của Cheng ngày càng lưu loát hơn. Một hôm Cheng đến khoe với tôi cô đã thi đậu bằng viết. Rồi Mark tập cô lái xe. Mỗi khi chạy ngang qua tiệm lúc nào cô cũng chậm lại, nhấn còi inh ỏi, cười toét miệng và vẫy tay khoe với chúng tôi. Cuộc sống của Cheng xem ra rất tốt, vì chưa bao giờ tôi nghe cô than phiền về Mark điều gì.

Sau khi Cheng đậu bằng lái, Mark giao cho chiếc xe nhỏ để chạy còn anh dùng chiếc xe truck để đi làm. Biết tôi đang học college, anh đưa vợ lại hỏi thăm thủ tục nhập học rồi đưa cô đi ghi danh, mua sách vở, và đồ dùng. Từ khi Cheng bắt đầu học college, tôi thấy cô thường đi chung với một người bạn cũng là người Hoa, hai người tỏ ra rất thân thiết. Cheng kể với tôi cô quen người bạn Trung Quốc nói tiếng Phổ Thông (Mandarin) này ở trường college. Mark cũng nói anh rất mừng vì Cheng có bạn nói cùng ngôn ngữ để cô tâm sự cho đỡ buồn.

Cheng đi học được một thời gian, ngày kia cô gặp tôi và cười hớn hở :

- Em báo cho chị một tin mừng. Ngày hôm qua em đã lấy được thẻ xanh thường trú mười năm, thay thế cho tấm thẻ xanh hai năm tạm thời trước đây.

- Ồ, tốt quá, chúc mừng em nghe ! Mới đây mà em đã ở Mỹ được hai năm rồi, vậy là ba năm sau em sẽ thi quốc tịch Mỹ. Tôi nói, nghĩ cô ấy giống trường hợp của tôi ngày xưa.

- Không đâu ! Cheng trả lời một cách chắc chắn, vẻ mặt có chút kênh kiệu, điều mà tôi chưa hề thấy trước đây. - Chỉ một năm nữa thôi, vì chồng em là US Citizen, Mỹ chính gốc mà chị, em sẽ được thi vào quốc tịch sau ba năm ở Mỹ !

Thì ra cô bây giờ không còn là cô Cheng khờ khạo khóc kể nhớ nhà hai năm về trước, tôi thầm nghĩ. Cô đã có tất cả, biết lái xe, biết tiếng Anh, đi học college, có bạn đồng hương, và bây giờ thì có tấm thẻ xanh thường trú với thời hạn mười năm.

Một tuần sau đó... Đó là một buổi chiều cuối mùa hè.

Làm xong móng tay cho bà khách quen, tôi giúp đem cái bóp và chìa khóa ra nổ máy xe cho bà, vì nước sơn chưa khô sợ bà đụng lung tung mất công sơn lại. Đến bãi đậu xe, tôi bỗng thấy vô số xe cảnh sát chớp đèn xanh đỏ, nhấp nháy sáng lóa cả một vùng, lớp đã dừng, lớp đang tới tấp chạy đến đậu bao quanh căn nhà của Mark. Tôi vội bước lại xem. Mấy người chủ cơ sở kinh doanh gần đó cũng ra chỉ trỏ xầm xì. Một cô hỏi thăm

người cảnh sát quen thì anh cho biết :

- Cheng gọi 911 kêu cứu vì Mark muốn giết cô !

«Oh my God !» Chúng tôi cùng kêu lên, rồi vụt chạy ra sau nhà Mark. Tôi không thể tin vào mắt mình ! Dưới ánh nắng chiều vàng vọt, giữa rừng hào quang nhấp nháy muôn màu từ đoàn xe cảnh sát đậu cạnh những cây cam trĩu quả vàng của nhà hàng xóm, Cheng ngồi chễm chệ trong một chiếc xe tuần cảnh nhìn ra, tay chỉ trỏ vào nhà, miệng «xì xồ» điều gì đó. Và tại nơi cửa sau của chính nhà mình, Mark đang bị ba bốn người cảnh sát đè xuống còng tay, trong khi nhiều người khác thì lăm lăm súng chĩa vào anh, y hệt như họ đang bắt một tội phạm hung dữ.

Tôi há hốc mồm nhìn Mark. Nét mặt anh trông giận dữ nhưng anh không hề chống cự hay thốt lời nào. Còng tay anh xong họ áp giải ra xe, rồi vào nhà anh lục soát. Sau đó tất cả chạy đi, mang theo nhiều thứ, kể cả người hàng xóm tốt bụng của chúng tôi và «cô dâu mạng» của anh, cặp vợ chồng mà trong hai năm qua cả khu phố đều chứng kiến và ngưỡng mộ vì họ «rất hạnh phúc.»

Một bà đứng cạnh tôi bỗng chép miệng :

- Tội nghiệp Mark ! Trong số cảnh sát đó có vài người quen. Tôi thấy thỉnh thoảng họ đến nhà anh, vậy mà bây giờ khi làm nhiệm vụ, họ bắt anh không một chút nương tay !

Tôi đứng trông theo cho đến chiếc xe cảnh sát cuối cùng lăn bánh mà lòng ngẩn ngơ. Tôi gật đầu với người hàng xóm :

- Đúng thế ! Dù gì Mark cũng là một người làm việc trong ngành quan trọng, vậy mà khi hữu sự thì các ngài bắt người cái rẹt một cách không thương tiếc !

- Thương tiếc !»Are you kidding ?» - Chị đùa hả ? Một người khác lên tiếng. -Luật pháp là luật pháp, họ phải chấp hành thôi. Làm lớn làm nhỏ gì, quen biết hay không cũng thế !

Quả là luật pháp Mỹ không chừa một ai, làm gì có chuyện «nhất thân nhì thế» chứ. Ngay cả tổng thống, nếu phạm sai lầm dù là chuyện bé xíu cũng lo sốt vó chứ chẳng phải chơi. Chúng tôi còn túm tụm lại bàn tán một hồi vì mọi người đều bị «shock» về chuyện đã thấy. Ai cũng nói chẳng đành lòng nhìn Mark, người được mọi người quý mến phải vướng vào vòng lao lý. Tôi

không biết Mark bị tội gì, nhưng khi tôi kể cho người bạn hàng xóm nghe việc Cheng khoe với tôi cô đã có thẻ xanh thường trú cách đó mấy ngày, và hiện cô đang đi học college, thì một người nói :

- Chắc là cô ả lấy được thẻ xanh rồi nên bây giờ trở mặt đấy thôi ! Và chị ta cười lớn : -Gì chứ vợ mà gọi 911 thì chồng bị «hốt cốt» ngay thôi ! Ha... ha...

Câu nói của chị ta làm tôi nhớ lại câu nói của một bà bạn thân ngày trước, «Ở đất nước này một khi vợ gọi 911 thì chồng «không chột cũng què.» Chính con bà cũng đã bị vợ gọi 911. Cách đó mấy năm, vợ chồng thằng con trai của bà chị này, tạm gọi là Thế và Ly, có chuyện lục đục. Thế ra ngoài nhậu nhẹt về nhà bị Ly cự nự, sẵn có hơi men cậu ta nổi dóa thưởng cho cô vợ một bợp tai. Ly bèn gọi 911, và cảnh sát đến còng tay Thế «bắt bỏ bót» trong tình trạng áo thun quần cộc. Tại đồn cảnh sát, Thế bị nhốt vào một phòng trống và bị tạt một sô nước lạnh vào người, ướt như chuột từ đầu đến chân «để cho hạ hỏa, «người ta nói. Suốt đêm trường lạnh lẽo trong tù, Thế đâm ra hận cô vợ nhẫn tâm. Ngày xưa anh đã gặp và yêu Ly trong trại tị nạn Palawan Philippines khi nằm chờ thanh lọc. Cuối cùng Thế đậu, nhờ ăn theo diện tị nạn chính trị của cha. Ly bị «đá» nên nước mắt chan hòa tiễn người yêu lên đường đi Mỹ.

Ở Hoa kỳ, Thế đi làm kiếm tiền gửi qua cho cô xài. Thấy Ly nằm lại Phi thật lâu cũng chả có kết quả, Thế kêu cô tình nguyện hồi hương để anh về cưới và bảo lãnh. Sau một thời gian vất vả với thủ tục giấy tờ, hai lần về nước, cuối cùng Thế cũng đem được vợ qua đây khi Ly vừa mang thai đứa con thứ nhất. Bấy giờ họ đã có một trai một gái, cuộc sống ổn định, chồng đi làm cho Dealer xe hơi, vợ làm thợ uốn tóc. Càng nghĩ thấm, Thế càng «tức khí.» Từ cái cảm giác xấu hổ bị vợ cho ở tù trong khi mình luôn là một công dân tốt, đến tức giận vì bị nhốt và tạt nước ướt nhèm nhẹp lạnh lẽo suốt đêm, Thế thề là sẽ trả thù «cái đồ vô ơn bạc nghĩa.» Mình đã vất vả để đem cô ta qua đây, mà bây giờ «qua cầu rút ván.»

Khi được thả, Thế làm thật những gì anh nghĩ trong khi bị nhốt. Ly dị. Dù cha mẹ hai bên kể cả bạn bè thân cận của họ như vợ chồng tôi hết lời khuyên giải cũng đều chẳng đi đến đâu. Cả hai đều cứng đầu nên khó lòng hoài giải. Việc ly hôn đã làm xẻ nghé tan đàn, hai đứa con một sống bên cha, một ở cạnh mẹ. Sau đó Thế lại về Việt Nam cưới một cô vợ trẻ, nhưng bảo lãnh qua đây rồi cũng chẳng hạnh phúc gì, và Ly thì nghe đâu yêu đương rả rích tùm lum, cho đến giờ vẫn chưa đình đậu.

Nhớ đến đó tôi đâm ra lo cho Mark vô cùng. Cuộc gọi 911 của một «phó thường dân» mà đã làm tan nát cả một gia đình như thế. Chuyện của Mark có thể còn tệ hơn, vì dù gì anh cũng làm một cái job quan trọng. Tôi bần thần bước vô lại tiệm thì nghe được bản tin nóng từ TV địa phương. Họ cho biết, «Cảnh sát vừa giải thoát một 'cô dâu mạng' được cưới đến Hoa Kỳ, bị người chồng vũ phu giam cầm bỏ đói và hành hạ suốt hai năm qua, bây giờ còn định giết cô ta.»

Đúng là một tin giật gân ! Mới đầu, tin này làm náo động khu phố và thành phố chúng tôi. Nhưng đến chiều thì khu vực xung quanh nhà Mark bỗng nhiên nhốn nháo. Ký giả báo chí từ các nơi ào ạt đổ về, nhật báo, tuần báo, tạp chí, truyền thanh truyền hình, địa phương và các nơi xa đều cử người đến. Khu phố tràn ngập đủ loại xe lớn xe nhỏ, người vác máy quay phim, kẻ lăm lăm máy ảnh, anh thì ôm tập, chị cầm máy ghi âm... Nhiều chiếc máy quay phim to đùng có chân cẳng đặt sau nhà Mark, ống kính chĩa thẳng vào nhà để phục kích. Một số người khác rảo vòng quanh xóm, thấy ai lấp ló thò thụt dòm ra là nhào đến phỏng vấn.

Tôi hụt hẫng, chẳng biết hư thực thế nào, và không tin Mark muốn giết vợ. Làm sao mà cả hai người lại đóng kịch tài tình như vậy đến những mấy năm kia chứ

? Cheng thân với tôi hơn bất cứ người hàng xóm nào, và cô chưa bao giờ tỏ vẻ phiền lòng hay kể tôi nghe chuyện gì xấu về Mark. Nhưng «không có lửa làm sao có khói, «tôi cũng có chút dao động, bán tín bán nghi. Cho nên mỗi lần thấy có ký giả sắp bước vào tiệm là tôi kéo ông xã chạy vội ra đàng sau, sợ rủi lỡ lời «phát ngôn bừa bãi» sẽ làm hại một trong hai người họ. Tôi nhờ khách nói với ký giả là người trong tiệm đã ra ngoài, khách thì ở xa đến nên không biết gì về sự việc. Nhiều lần chạy trốn như vậy, tôi suy nghĩ, sắp xếp lại mọi điều, và chợt nhận ra mình không thể lặng im.»Giam giữ và hành hạ người phối ngẫu» là một tội không nhỏ trên đất nước này. Báo chí nói Mark đang hưởng tiêu chuẩn «vắng mặt vì công vụ, «trong khi chờ điều tra, nhưng tôi hiểu nếu anh bị kết án ở tù, việc làm rất tốt gần hai chục năm của anh, hai đứa con đang ăn học, nhà cửa... có thể anh sẽ mất tất cả. Và tôi quyết định phải làm cái gì đó để may ra có thể giúp anh phần nào.

Cuối cùng, tôi không chạy trốn nữa mà tiếp ký giả của một tờ báo lớn. Tôi kể họ nghe «những điều trông thấy» nhưng chẳng có «đau đớn lòng» tí nào cả, vì đôi vợ chồng này luôn tỏ ra rất mực yêu nhau. Mark đã chiều chuộng Cheng như thế nào, dạy vợ lái xe ra sao, đưa đi học tiếng Anh, và cho vào college. Trong mắt những người hàng xóm như chúng tôi thì cặp vợ chồng

này thật là hạnh phúc.

Báo chí, radio, TV đồng loạt đưa tin, theo dõi diễn biến vụ «cầm giữ và hành hạ cô dâu mạng.» Luật sư của Mark, các ban ngành liên quan, và nhiều nhà điều tra khác lần lượt đến khu phố để tìm hiểu. Khi những người đại diện cấp trên của Mark đến gặp tôi để tìm hiểu sự việc, tôi cũng kể lại những gì tôi biết và giới thiệu để họ hỏi thêm vài người hàng xóm gần tôi, những người cũng quen biết Mark. Đây là «chuyện lớn» trong thành phố nhỏ, nên người ta bàn tán hàng ngày. Họ cho rằng Cheng vì tấm thẻ xanh mà làm hại Mark. Rồi một tháng sau khi Mark bị bắt vô tù và Cheng biến đi đâu mất, thành phố chúng tôi lại sôi động, báo chí một lần nữa hâm nóng tin tức về vụ của Mark. Nhưng lần này là tin vui. Mark người chồng bị kết tội «bắt cóc giam giữ vợ» đã được thả vì trắng án !

Mark ghé lại chỗ tôi vào một buổi tối. Tôi gần như không nhận ra anh. Người đàn ông lịch lãm oai phong ngày nào bây giờ trông phờ phạc, mắt thâm quầng, nhiều nếp hằn vắt dọc ngang qua cái trán bóng. Mái tóc nâu của anh giờ đã thành trắng phếu. Anh giống như một người trở về từ địa ngục, mang vẻ mặt của một cái «bánh bao chiều.»

Mark kể chúng tôi nghe về sự đớn đau anh đã chịu đựng khi ở tù và những kinh nghiệm anh có được qua việc này. Mark cho biết anh tồn tại là nhờ quyển kinh Thánh anh giữ bên mình hàng ngày để tìm bình an cho tâm hồn. Một chuyện thật thú vị Mark kể là có lần anh bị khủng hoảng tinh thần nên ôm lấy quyển Kinh Thánh cầu nguyện rồi mở ra, ngầm «bói một quẻ» xem lành dữ thế nào. Thì ra Mark cũng có sự tin tưởng như mấy đứa bạn Việt Nam ngày xưa thời còn đi học của tôi, «bói Kiều.» Ngày ấy chúng tôi thường dùng quyển truyện Kiều của cụ Nguyễn Du để bói trong tất cả mọi tình huống, «yêu-không yêu, ghét-không ghét, tốt-không tốt.» Chẳng biết có phải là cụ Tiên Điền linh thiêng hay không, mà thuở ấy bọn tôi thường bói trúng phóc.

Mark nói anh đã mở đúng chapter «Daniel 6» trong quyển Thánh Kinh, mà nội dung là câu chuyện của một người tên Daniel bị kết tội oan và bị ném vào hang sư tử, nhưng Chúa đã cứu ông ấy bằng cách cho thiên thần bịt mồm thú dữ. Chính đó là niềm tin, là hy vọng cho anh. Cũng theo Mark, bài học rút ra từ sự đau đớn lần này là anh có nhiều niềm tin hơn vào Thượng Đế, và anh đã nhận ra trong công việc của mình, anh phải cẩn thận nhiều hơn nữa để tránh những vụ oan ức làm người khác bị khổ đau.

Trong khi chuyện trò, thỉnh thoảng đôi mắt anh để tận đâu đâu, trông khổ sở như cố kìm nén những giọt lệ uất ức. Nhìn anh như thế, tôi thấy giận Cheng vô cùng. Nhớ lại lời những người hàng xóm, tôi hỏi :

- Cheng thật lạ kỳ ! Cô ấy làm cho anh xém chút nữa mất hết tất cả. Giờ anh tính thế nào ?

Anh có định khiếu nại lên sở Di Trú để họ trục xuất Cheng về nước không ? Tôi nghe mấy người hàng xóm nói như vậy đó. Mark lắc đầu, giọng anh buồn thật là buồn :

- «No !» Tôi sẽ không làm vậy đâu ! Trong thời gian ở Trung Quốc, tôi đã nghe thấy rất nhiều điều. Người dân ở đó lúc nào cũng mắt la mày lét, sống không có tự do, nên ai cũng muốn thoát khỏi cái nơi địa ngục đó. Tôi biết Cheng bằng lòng lấy tôi cũng là để được sang Mỹ nên tôi sẽ không tìm cách để họ trục xuất cô ấy đâu. Nhưng trên tất cả, là tôi yêu Cheng và cũng từng có những tháng ngày hạnh phúc với Cheng. Cô ấy đã lo lắng chăm sóc tôi như một người vợ hiền thật sự. Giờ tôi chỉ mong cô được sống tốt là tôi vui !

Mark rời khỏi từ lâu mà tôi vẫn còn ngồi ngẩn ngơ suy nghĩ về câu anh nói. Nhớ lại những tháng ngày đã từng hạnh phúc bên nhau. Phải rồi. Tại sao người ta lại

không thể nhớ lại những ngày tháng hạnh phúc để tha thứ cho nhau kia chứ.»Nhân vô thập toàn» mà. Ai cũng có lúc lỗi lầm, tại sao lại cứ phải nhớ mãi những lầm lỗi để cắn đắng nhau. Tôi chợt nhận ra có lúc tôi cũng tệ lắm. Mỗi lần có vấn đề với «nửa kia, «tôi thường cố moi móc lôi ra những chuyện không vui từ xửa từ xưa để mà càm ràm, chì chiết. Phải chi tôi có được cái tâm của Mark, để chỉ nhớ những điều tốt ông ấy từng làm, điều hay ông ấy từng có, hoặc là nhớ lại «cái thuở ban đầu lưu luyến» đầy mộng đầy mơ ấy mà bỏ qua mọi việc, thì những trận cãi nhau đó đã không có dịp hình thành. Và nếu cô Ly dâu của bạn tôi ngày ấy bình tâm hơn một chút, và cậu Thế cũng đừng mang nặng ý nghĩ trả thù, thì gia đình họ đã không tan nát.

Mark đi làm trở lại và mọi việc rồi cũng bình thường, tuy anh ít ra ngoài như trước.

Khá lâu sau, một buổi tối khi tôi chuẩn bị đóng cửa thì thấy một chiếc xe màu trắng tấp vào đằng trước và một phụ nữ rất đẹp mở cửa bước xuống vẻ vội vàng.

- Có khách vào trễ rồi, phải nán lại thôi ! Tôi nói với nhà tôi.

Người phụ nữ mặc bộ váy sát nách màu hồng, ngắn-ơi-là-ngắn, để lộ cặp giò trắng nõn nà và đôi cánh tay trần mướt rượt, bước đi nhún nhảy trên đôi giày gót cao. Vừa bước vào tiệm, cô ta chạy vội lại ôm chầm lấy tôi :

- Chị Linda ! Em nhớ chị quá trời luôn !

Tôi bị bất ngờ đến sững sờ khi nhận ra đó là Cheng.

- Trời ơi ! Là Cheng hả ? Dạo này em đẹp quá làm chị nhận không ra ! Lâu nay em ở đâu ?

- Chuyện dài lắm ! Em sẽ kể chị nghe.

Cheng cho biết cô đã một mình lái chiếc Honda Civic này suốt cả ngày từ Los Angeles lên đây. Cô cũng kể về những vất vả trên đường lưu lạc, trôi dạt xuống Nam Cali sau khi bỏ chạy. Làm thuê làm mướn đủ thứ nghề trong một thời gian, rồi có người bày cô đi học lấy bằng «Massage Therapy, «và hiện cô đang làm việc cho một trung tâm xoa bóp, chỉnh hình dưới LA. Mark đã tìm ra cô và xuống thăm thường xuyên từ ngày anh biết nơi cô sống. Cheng tỏ vẻ rất hối hận về những gì cô đã làm :

- Em cũng không biết tại sao ngày đó em lại làm vậy nữa. Có lẽ vì tinh thần em bị khủng hoảng, vì quá nhớ nhà, nên chuyện bé đã bị em «xé ra to.» Cô chép miệng, lắc đầu :

- May mà Mark không bị ở tù lâu. Em rất xúc động vì anh ấy chẳng những không hận thù em mà trái lại, vì tình yêu chân thật anh đã tha thứ cho em. Rồi cô cười rất tươi, rất hạnh phúc :

- Chúng em huề rồi !

- Trời đất ! Tôi trợn mắt - Cô chơi cái kiểu gì ác quá vậy ? Cô có biết là thiếu chút nữa thì sự nghiệp của Mark tiêu tùng không ? Tôi nói mà trong bụng rủa thầm.

- Em biết chứ Cheng cúi mặt, hai chân dí dí đôi giày cao gót vào nhau như muốn phủi đi bụi bẩn, những bụi bẩn mà cô đã từng đổ ập xuống đầu người chồng tội nghiệp.

- Nhưng thôi, bây giờ như vậy là vui rồi ! Tôi thấy áy náy nên nói đỡ.

Chúng tôi trò chuyện một hồi thì Mark đến. Mặt mày anh tươi hơn hớn, một vẻ mặt tôi đã không nhìn thấy từ rất lâu, và «nụ cười ông Lộc» đã xuất hiện trở lại trên môi anh, rộng đến mang tai. Mark nói anh không cho biết trước việc trở về của Cheng vì muốn dành cho chúng tôi một bất ngờ. Tôi khen Cheng có chiếc xe mới toanh quá đẹp, Mark cười hì hì hãnh diện :

- Tôi đã mua cho Cheng hồi tháng trước đó chị. Khi tôi xuống dưới LA thăm cô ấy !

Nói xong anh âu yếm choàng vai Cheng :

- Mình về thôi em ! Để cho anh chị ấy đóng cửa.

Nhìn theo hai người, tôi cảm thấy lòng vui khôn tả. Cuối cùng thì «gương vỡ lại lành.»

Đối với Mark, tình yêu thật sự và lòng tha thứ đã đem hạnh phúc trở lại cho anh, niềm hạnh phúc mà anh tưởng đã «tiêu tùng» sau cái ngày đen tối ấy. Còn đối với Cheng, «cô dâu mạng» của anh, nhìn cô vui vẻ thế này, tôi biết giờ đây tấm thẻ xanh đối với cô chẳng còn giá trị nữa. Vì cô đã có một «tấm chồng» biết tha thứ và yêu cô bằng cả trái tim với cái đầu độ lượng...

Phương Hoa

# Vượt Một Chặng Đường

Lê Văn

Sau 8 ngày bị sóng gió vùi dập trên biển, vào lúc trẻ con nằm chờ chết trước mũi ghe, 57 thuyền nhân Việt đã được một tàu chở dầu Anh quốc cứu vớt. Mười năm sau, vị thuyền trưởng ân nhân từ Luân Đôn được đón tới Little Saigon dự đám cưới cô bé từng được ông cứu sống năm xưa. Tác giả bài viết từng là hoa tiêu của chuyến ghe vượt biển, một cư dân vùng Little Saigon, từng làm công việc phát báo rồi trở thành giảng viên của Hội đồng thẩm mỹ California, tác giả nhiều sách và video dạy nghề thẩm mỹ.

Là người lính miền Nam, sau tháng Tư 1975, tôi trở thành người tù cải tạo. Ngay khi được phóng thích, trở về, đối diện với thực tế, tôi hiểu gia đình mình chỉ còn một cách duy nhất là liều mạng vượt biển.

Một đêm tối trời năm 1986, cùng với đoàn người vượt biển, tôi và ba đứa con được đưa lên từng chiếc thúng chai nhỏ ra ghe. nhưng sau cùng vợ tôi bị sót lại. Là hoa tiêu của chuyến vượt biển này, dù rất lo âu cho vợ, tôi cũng không thể làm gì khác hơn là đành cho chiếc ghe ra biển.

Trong ghe nhỏ gồm 20 trẻ em và 37 người lớn. Hai ngày đầu thời tiết tạm ổn, nhưng sang ngày thứ ba biển động, nền trời đen thẫm, sóng to gió mạnh, đến nổi máy vẫn nổ mà không thể biết là ghe đang chạy tới hay lùi.

Ghe chòng chành dữ dội, sóng phủ chụp và nước theo kẻ hở chảy vào. Chúng tôi liên tục tát nước cả ngày đêm. Gió quá mạnh đã làm cho cabin ghe bằng gỗ gãy lệch qua bên, rồi tiếp theo chân vịt rơi mất chỉ còn trục, lại nữa không còn gì để ăn và uống, càng làm cho chúng tôi tuyệt vọng. Mọi người nằm bên nhau im lìm chờ chết. Là hoa tiêu của chuyến ghe, tôi làm bằng mọi cách để sống còn.

Tôi có dịp đọc cuốn «Sống sót trên biển» của Bác sĩ Alain Bomba người Pháp, vì thế tôi khuyên mọi người cách uống nước biển từng ngụm nhỏ cách nhau 2 giờ và cùng nhau dùng dây neo cột vào cái nắp cabin gãy làm neo nổi. Chiếc neo cột trước mũi ghe cách 5 mét đã giúp mũi ghe luôn đối diện ngọn sóng nhịp nhàng lên xuống.

Sang ngày thứ 8, có vài trẻ em và người lớn thoi thóp, số còn lại vẫn cứ thay phiên tát nước trong đói, khát và tuyệt vọng. Có hơn 3 chiếc tàu lớn chạy chậm lại quan sát rồi bỏ đi dù thấy chúng tôi làm hiệu SOS, càng làm cho chúng tôi thêm chóng kiệt sức.

Dù ban ngày mà cả vùng biển trông xám xịt. Đến chiều, có một chiếc tàu từ xa như dần đến và đi vòng vòng quan sát. Có lẽ thấy chúng tôi quá rã rời, một vài em nhỏ nằm chờ chết trước mũi ghe nên càng lúc họ từ từ tiến gần.

Từ trên cao họ hạ xuống chiếc ca nô và một thủy thủ người Anh. Tôi nói với mọi người «chúng ta được cứu rồi và phải giữ trật tự theo lệnh của họ.» Họ bảo chúng tôi an tâm khi ông sang ghe chúng tôi và liên lạc về tàu. Tàu thả lưới theo hông tàu cho mọi người leo lên nhưng thật khó khăn vì gió mạnh, chỉ hai người còn khỏe là leo được. Giải pháp cuối cùng là dùng ca nô hạ xuống kéo lên từng nhóm nhỏ.

Tôi và 3 con rời ghe bằng chuyến ca nô cuối như đã hứa với đoàn người để họ an tâm. Từ trên boong tàu cao, tôi nhìn xuống chiếc ghe quá nhỏ nhoi và đang chìm dần...

Đây là chiếc tàu Geomitra của Anh quốc chở dầu sang Nhật. Từng người chúng tôi được tắm sạch, quần áo cũ họ gom vất bỏ và phát quần áo khác cho chúng tôi.

Trong số thuyền nhân, chỉ có con tôi là bệnh nặng tới hồi nguy cấp nên phải nằm tại phòng cấp cứu. Thuyền trưởng Norman Dixon ghé thăm các con tôi, chỉ vào bản

đồ trong phòng, nơi chiếc ghe được vớt gần Philippines. Nhân dịp này, tặng tôi tấm postcard có hình chiếc tàu, và ghi cho tôi địa chỉ liên lạc của ông. Tôi đã gìn giữ tấm postcard và địa chỉ vị ân nhân này như gìn giữ một báu vật. Nhờ vậy mà sau này gia đình chúng tôi có nhiều dịp được thăm gặp ông. Đó là chuyện sẽ kể ở phần cuối bài này.

Qua 3 ngày trên tàu, các con tôi bệnh nặng nên họ liên lạc tàu Nhật đón 4 cha con tôi vào ngay bệnh viện Okinawa để chữa trị và sau đó được chuyển về trại Nagasaki để nhập vào đoàn thuyền nhân ban đầu.

Sau 6 tháng tại Nhật và 6 tháng tại Phi Luật Tân, chúng tôi định cư tại Hoa kỳ năm 1987. Tôi và các con định cư tại Georgia, được mấy tháng thì dọn lên Massachusetts, chẳng bao lâu sau, lại lái xe về California ở luôn cho ấm.

Lần dò tấm bản đồ lớn, chúng tôi từ Boston lái xe về quận Orange, ở tạm căn chung cư của gia đình anh chị tôi từ Philippines đến định cư vừa tròn 2 tháng.

Ngay tuần đầu đến Cali, tôi tìm ngay được khu Bolsa, say sưa nhìn, nào là tiệm sách Việt, nhà hàng Việt, khu Phước Lộc Thọ. Quẹo vào đường Moran, các tòa soạn báo Việt. Mấy tờ báo đầu tiên có trong tay là dầu hiệu

rất tốt cho đời tôi.

Bỏ 10 cent vào phone công cộng, tôi xin việc tờ tuần báo đang cần người phát báo. Tôi gặp ngay ông chủ nhiệm, kinh nghiệm những tháng năm làm mướn cho Mỹ, tôi nói ngắn gọn, không lề mề. Thế là sáng hôm sau nhận báo tại nhà in, và phát báo phải xong trong ngày. Đây là công việc đầu tiên tại California.

Việc phát báo không dễ ăn như tôi tưởng, hàng trăm thân chủ quảng cáo rải dài từ Long Beach đến Fullerton. Những quãng đường lạ, làm tôi phát hoảng muốn quay xe lại nhà in trả báo rồi chuồn êm, nhưng lương tâm, ý chí, và đồng tiền, không cho tôi bỏ cuộc.

Tôi chở đầy xe báo chạy đến công viên góc Magnolia / Hazard ngồi xuống viết ra từng địa chỉ theo từng thành phố mà dò đi theo tấm bản đồ quận Orange.

Những năm đó nghề báo phát đạt lắm, vì thế tôi dần học việc và làm luôn layout. Việc trình bày báo cần khoảng 8 giờ cho khổ lớn cỡ 22 trang gồm bài và quảng cáo, đến chiều tối rủng rỉnh xách artwork giao nhà in, sáng sớm mai nhận và phát báo.

Báo chí phát triển giúp các ngành nghề phát đạt. Sự hỗ trợ lẫn nhau làm cho Phố Bolsa có sức sống từ dạo

ấy. Nhờ biết layout, siêng đọc báo, tôi nhận thêm job làm quảng cáo cho Continental nằm trong Phước Lộc Thọ, công ty điện tử lớn nhất thời ấy của người Việt hải ngoại. Tại đây, tôi phụ trách 2 tập quảng cáo trong 1 tháng, khổ báo tabloid in 10. 000 tờ, dày chừng 40 trang. Nội dung chỉ gồm một ít bài viết, còn hầu hết là quảng cáo đồ điện tử từ nhà bếp đến phòng khách. Với kinh nghiệm sẵn có, tôi lãnh luôn phần phát báo, và nhờ người bạn phát rai rai cả tuần mới hết.

Anh em chúng tôi mỗi sáng đi sớm một chút để gặp nhau bên trong Phước Lộc Thọ, nhâm nhi cà phê cạnh công ty Continental. Thời ấy chúng tôi có đủ chuyện để nói, nào tin tức về chương trình H. O. ; Con lai; Trại tỵ nạn. Texas te tua về nhà cửa...

Nhờ các tờ báo, tin tức thời sự và quảng cáo cơ sở kinh doanh được thông tin rộng rãi, nên mọi dịch vụ bảo lãnh thân nhân, bảo hiểm, nhà in, siêu thị..... nhộn nhịp hẳn lên.

Thời ấy, vợ còn kẹt ở Việt Nam, một mình lo cho mấy đứa con, tôi vừa làm 2 job, vừa lấy lớp college học tổng quát, lớp đêm trình bày bài, quảng cáo, đưa con học đủ thứ, cuối tuần còn ráng dành giờ vào drive in movie cho chúng xem phim tùy thích, mà tôi còn được giấc ngủ ngon ngoài trời.

Little Saigon thật sự gắn bó, nguồn an ủi vô cùng lớn đối với cha con tôi. Cũng chính nơi này, công việc phát báo này, tôi lưu tâm đến ngành thẩm mỹ và nhận ra tiềm năng nghề này còn chưa khai thác đúng mức.

Những năm 1990 kinh tế suy thoái, cũng là thời điểm đông người mới tới theo các chương trình định cư H. O, bảo lãnh đang cần việc làm. Các trường thẩm mỹ mở ra hấu như không đủ chỗ cho người muốn học.

Ngành thẩm mỹ tại Hoa Kỳ cũng cần phải học hành nghiêm chỉnh. Tốt nghiệp trường cấp bằng và phải qua kỳ thi anh ngữ lý thuyết và thực hành tại Hội đồng thẩm mỹ.

Mưa dầm thấm đất, ngành thẩm mỹ dần dần hấp dẫn mọi tầng lớp, mọi giới trong xã hội vì nhiều lý do. Đây là một nghề tương đối dễ học, nhẹ nhàng, hợp với năng khiếu của người Việt, lại dễ kiếm tiền.

Đến với ngành thẩm mỹ, tôi vừa làm, vừa học và lần lượt hoàn tất các môn móng tay, da mặt, làm tóc. Sau một thời gian hành nghề, tôi trở lại trường theo học khóa giảng viên. Tôi muốn được dạy học lại như trước, và cũng đúng thời điểm nhu cầu các trường thẩm mỹ trong quận đang cần.

Cơ hội đã đến, tôi trở thành giảng viên của Hội đồng thẩm mỹ California và có việc làm ngay. Với bản chất người lính, tôi thừa thắng xông lên học lấy chứng chỉ sư phạm. Tôi đủ điều kiện dạy cả trường công, dĩ nhiên lương bổng khá hơn.

Hơn 10 năm trước, ngành thẩm mỹ đều thi bằng anh ngữ. Qua khó khăn của học sinh đã giúp tôi nhận ra việc tối cần là nhu cầu sách song ngữ. Hơn 18 năm dạy học trong ngành thẩm mỹ, tôi thật sự thú vị khi hướng dẫn nghề này cho các học viên mới. Do đó, tôi đã miệt mài soạn sách về móng tay, da mặt và ngành tóc. Vì đúng thời điểm nên các sách tôi bán chạy như tôm tươi, các trường thẩm mỹ đặt hàng, các nhà sách và cả các beauty supply, đặc biệt các tiểu bang xa không có thầy cô dạy song ngữ.

Một lần nữa, tôi lại thừa thắng xông lên làm video, dvds luyện thi và hành nghề. Tôi dạy cho trường, chiều về cắt tóc phụ việc ở salon cho vợ. Cuối tuần, bổ sung sách, dvds chuẩn bị tái bản theo nhu cầu các trường thẩm mỹ, nhà sách toàn khắp Hoa Kỳ. Tôi thật vui vì nhận được khích lệ từ mọi phía, không những tăng thêm nguồn thu nhập cần thiết cho gia đình đông người, mà còn hữu ích cho đồng hương dễ dàng theo học trong hoàn cảnh mới.

Sau hơn 5 năm cố gắng, gia đình tôi được đoàn tụ và chúng tôi cũng mua được căn nhà riêng.

Vợ tôi, người con gái vừa rời trường trung học, mới cưới đúng vào tháng 4, 1975, chưa kịp vui đã sầu não, tan tác. Nàng trở thành người vợ tù ngay sau tiệc cưới, chới với, nếm trải bao nỗi đau thời cuộc. Người đàn bà khéo trồng rau nuôi heo khi chồng đi tù, khéo nuôi con khi chồng vượt biển, nay đã là một phụ nữ 58 tuổi. Có được gia đình đoàn tụ trọn vẹn, nàng không sá gì những trở ngại thường tình, nhanh chóng học nghề thẩm mỹ và mỗi tuần làm việc hơn 50 giờ.

Khu phố Bolsa ngày càng phát triển và Little Saigon đã thực sự trở thành một trung tâm văn hoá của người Việt tị nạn. Các cơ sở tôn giáo, văn hoá, giáo dục cộng đồng, đặc biệt là các trung tâm dạy Việt ngữ cho lớp nhỏ sinh tại Mỹ, hoạt động ngày càng chính quy hơn.

Tháng 10/2013, tôi tham dự kỷ niệm 20 năm trường Việt Ngữ Tustin, là dịp để nhắc nhớ chuyện khởi đầu anh em chúng tôi thành lập. Chỉ riêng trường này, dù hơi xa Little Saigon cũng có hơn 300 em theo học cuối tuần. Có dành thì giờ đóng góp vào việc nhỏ này, mới hiểu rõ tấm lòng, công sức vô vị lợi của bao người từng xây dựng cho cộng đồng Việt hải ngoại.

Cuộc sống chúng tôi tạm ổn, các con đã trưởng thành mọi mặt, mỗi năm đến Lễ Tạ Ơn chúng tôi luôn cùng nhau nhóc nhớ về vị thuyền trưởng người Anh Norman Dixon và con tàu Geometra cứu vớt chúng tôi trên biển năm nào.

Nhờ gìn giữ tấm postcard và địa chỉ vị thuyền trưởng ân nhân, sau khi được định cư tại Mỹ, hàng năm chúng tôi vẫn liên lạc được với Ông Bà Norman Dixon.

Năm 2002, con gái tôi là cô bé tưởng chết năm nào đã mang tấm plaque cảm tạ, trang trọng sang tận Luân Đôn trao tận tay vị thuyền trưởng tại nhà riêng của ông.

Con gái tôi nói : ông ngắm nhìn tấm plaque và nhìn con rất xúc động, ông hỏi thật nhiều về gia đình mình, về mọi người mà rơi nước mắt. Có lẽ con tôi lúc ấy còn quá nhỏ không nhớ nhiều nhưng chúng cũng nhận biết nơi ông và đất nước ông một tấm lòng nhân đạo lớn.

Năm 2005, chúng tôi gởi thiệp mời đến ông bà Norman Dixon ở Liverpool-Anh Quốc, thuyền trưởng tàu Geometra sang dự tiệc cưới con gái tôi, mà 20 năm trước là cô bé 7 tuổi sắp chết, nếu ông không cứu kịp. Sau tiệc cưới, chúng tôi cũng đã âm thầm tổ chức ngay trưa hôm sau buổi tiệc biết ơn ông tại một hội trường. Buổi lễ biết ơn tuy đơn giản nhưng là một chuẩn bị kỹ

lưỡng thật trang trọng.

Ông bà Norman bước vào hội trường mà cứ tưởng vào quán ăn trưa. Ông không ngờ có gần 200 người ngồi kín cả phòng họp đang chờ chào đón ông bà, trong đó nhiều viên chức liên bang, tiểu bang, thành phố, các hội đoàn và các vị dân cử Việt. Tiến Sĩ Thắng và ông Nam Lộc trao tưởng lục và tri ân ông Norman cùng thủy thủ đoàn cứu vớt đồng bào Việt tìm tự do, dù rằng dư luận lúc ấy bắt đầu mỏi mệt về người tị nạn.

Ông Norman xúc động, kinh ngạc đón nhận những crystals, plaques, bằng tưởng lục và những món quà nhỏ từ những vị khách trao tặng. Mọi người đều nhận ra ông đã biểu lộ đầy cảm xúc chân tình khi ông nói : đây là lương tâm và trách nhiệm của bất cứ thuyền trưởng nào. Ông nói thêm : hôm nay tưởng gia đình ông Lê Văn mời vợ chồng tôi ăn trưa nên chúng tôi ăn mặc xuề xòa, lại còn bắt cóc tôi lên đây nữa.

Ông ngạc nhiên thấy Little Saigon lớn mạnh và tỏ ý thán phục sự hội nhập nhanh chóng của người Việt tỵ nạn.

Ông nói : tôi hãnh diện về họ, những con người bên cạnh tôi đây đã cần cù, hội nhập, biết góp phần thăng hoa vào xã hội, cộng đồng họ đang sống và hơn nữa họ

đã sống đúng với ý nghĩa của người tìm tự do. Tôi rất vui đã hành xử đúng.

Hơn một tuần ông bà gần gũi cùng chúng tôi, rồi ngày chia tay cũng đến, những món quà lưu niệm trao nhau càng thêm nhắc nhớ. Chúng tôi hứa, sẽ có một ngày chúng tôi đến nước Anh và thăm lại ông bà tại Liverpool.

Từ dạo đó, chúng tôi gởi quà cho ông bà Norman Dixon vào dịp Thanksgiving, và tấm thiệp Noel nhân ngày Chúa Giáng Sinh.

Chúng tôi luôn biết rằng, không có thuyền trưởng Norman, không có con tàu Geometra-Anh quốc, bốn cha con tôi không còn trên cõi đời này, cũng như gia đình tôi không là định cư tại Mỹ, thì khó có cơ hội biểu lộ lòng biết ơn đến họ.

Tháng ba năm 2013, chúng tôi đến Luân Đôn vừa du lịch cho biết, nhưng chủ ý là thực hiện ước muốn và lời hứa với ông thuyền trưởng của 8 năm trước sẽ gặp nhau tại Liverpool.

Ông bà nay đã về hưu sống riêng trong căn nhà bài trí ấm cúng. Trời rất lạnh, mà ông bà ra tận xe, ấm nồng ôm choàng chúng tôi như gặp lại người thân. Cười,

thăm hỏi, ông cùng tôi nhắc nhớ chuyện xưa, sau đó ông bà đưa chúng tôi thăm nhà, dừng lại căn phòng riêng tầng trên, ông nhìn tôi không nói và chỉ lên vách, trên bàn những kỷ niệm chuyến đi California của ông, nào là bằng tưởng lục, crystals, plaques... và cả những tờ báo Việt ngữ ông vẫn còn cất giữ.

Nhìn kỹ những kỷ vật trước mặt, tôi hỏi ông còn bằng tưởng lục của bà dân biểu liên bang Loretta Sanchez đâu ? Ông Norman mĩm cười cho biết bà hiệu trưởng trường middle school, là nơi cháu nội ông theo học mượn đặt ở thư viện của trường để giải thích cho học sinh về lòng nhân đạo.

Chúng tôi ăn trưa tại nhà, các món ăn truyền thống do ông bà tự nấu. Bà Norman nói : Cả đời hàng hải của chồng bà có ý nghĩa nhất là việc cứu người, tôi sẽ nhớ mãi kỷ niệm chuyến đi California và những kỷ vật này, chúng tôi sẽ cất giữ mãi trong căn nhà.

Khi cáo biệt, ông bà ôm choàng chúng tôi phút chia tay thương cảm, ngậm ngùi, làm bầu trời như tươi sáng hơn và cái se lạnh cũng dễ chịu hơn.

Vượt một chặng đường khó khăn, những kinh nghiệm đau thương cũng như may mắn, hạnh phúc, nhắc nhớ cho chúng tôi giá trị cuộc đời và con người. Oán hận có thể quên, nhưng ơn nghĩa thì phải nhớ, dù những ân nhân cũng không hề mong đợi. Nỗi đau xót nào cũng giúp cho ta ít nhiều kinh nghiệm sống, hãy nhớ quá khứ để hướng đến tương lai.

Lê Văn

# Hồi Ký Của Một Người Tên Ông

Nguyễn Cát Thịnh

Ông một mình tới thị trấn cổ kính ở biên giới Canada - Hoa Kỳ. Muốn tới với hội hoạ, Ông đi học đại học mỹ thuật tại Buffalo, nhưng rồi không bao giờ trở thành hoạ sĩ, vì «gió lay, tâm động». Tác giả là một cư dân Canada, lần đầu viết về nước Mỹ, bài gửi bằng điện thư. Mong Nguyễn Cát Thịnh tiếp tục viết và sơ lược thêm ít dòng tiểu sử.

Mùa hè năm đó. Con gái Ông đang du học xa nhà. «Hành trình trăm năm» của Bà và Ông còn cả vạn dặm. Bà khuyên Ông dừng chân một thời gian cho đường đi thêm dài, cho cuộc sống chậm lại.

Để bà ở lại Wallaceburg, Ông làm một chuyến độc hành đến một nơi không định đến.

Thị trấn bên đàng Fort Erie với những căn nhà cổ kính loang lổ, nhạt màu, vắt ngang con sông thơ mộng chảy vào Niagara Falls. Bên này là xứ lá phong, bên kia là xứ cờ hoa, cách nhau cây cầu biên giới.

Nơi đây Ông gặp một tay lãng tử như duyên tiền định. Một người không giống như mọi người. Rách rưới nhưng sạch sẽ, tóc tai râu ria bù xù nhưng khuôn mặt hiền lành, dễ lấy cảm tình người đối diện.

Sau vài ba câu chuyện vô thưởng vô phạt, anh bạn mới, tên Belciu, nói liên miên về hội họa của xứ mình, xứ Romania thân yêu. Như được gãi ngứa, đúng với sở thích tiềm ẩn từ thuở nhỏ, Ông nghe chăm chú tựa học trò tiểu học. Họ thân với nhau dễ dàng và rủ về share phòng khách sạn.

Mưa lâu ướt đất. Ngày ngày người bạn thuyết giảng đủ chuyện về hội họa, đã làm sống lại trong Ông niềm đam mê tưởng rằng đã chết. Ông bắt đầu xây ước mơ họa sĩ từ đó.

Belciu có cách kể chuyện duyên dáng. Kể về hội họa khởi đầu từ thời cổ đại qua thời phục hưng rồi đến cận đại. Từ hình vẽ ngựa trong hang động Lascaux xưa hàng chục ngàn năm, các kiệt tác Byzantine... qua các danh họa của các trường phái tượng trưng, ấn tượng... đến các sáng tác độc đáo của các trường phái lập thể, dada, siêu hiện thực...

Belciu quả thực thông thái. Được biết anh ta là một tiến sĩ văn chương, và cũng gốc tị nạn như Ông.

Belciu đang phụ giúp các nhà thờ tu sửa những bức tranh cẩn trên kính. Công việc nhàn hạ, thu nhập thấp, không đủ trang trải các nhu cầu tối thiểu nhưng tự ái không xin xã hội trợ giúp. Ông thông cảm nên phải đi làm kiếm tiền, bảo bọc cho cả hai có điều kiện dung giăng tiếu ngạo giang hồ.

Cho đến một ngày... Belciu vui mừng báo tin người tình trăm năm ở trại tị nạn Austria đã được đi định cư. Người bạn tri kỷ và là người thầy thông thái ấy vội vàng từ giã Ông, để lại trong Ông bao nhiêu điều dang dở.

Tuy nhiên Belciu đã kịp viết một lá thư giới thiệu Ông với bà giáo sư Mỹ Thuật của hệ thống đại học Suny NY tại thành phố Buffalo lân cận.

Trở lại với môi trường học tập, lão sinh viên thỏa chí. Say mê màu sắc, sống bụi với một nhóm nghệ sĩ đủ mọi quốc tịch. Tất cả thuê chung một studio để vẽ và vẽ.

Bao nhiêu tháng đã trôi qua. Rồi đến một lúc, không gian đối với Ông trở thành vấn đề, giữa «nhà tôi» và nhà trường. Nghệ thuật đã níu kéo Ông quá lâu trong khung trời đại học. Và còn nữa, hình như có tiếng nói vô hình bảo Ông rằng những mơ ước của Ông sẽ không hiện thực. Ông muốn bỏ học.

Buổi lên lớp cuối cùng, Ông tranh cãi với bà giáo sư về một chuyện không đáng. Ông giận mình vì ngôn ngữ giới hạn, không đủ để trút sự bực tức.

Người đồng nghiệp già nơi Ông kiếm cơm, họ Liu, gốc Trung Hoa, lo ngại Ông sẽ bỏ job sau khi bỏ trường và gây trở ngại cho việc kinh doanh.

Để giữ chân, lão Liu bèn đưa Ông đến thăm một đồng hương nổi tiếng trong giới hội họa.

Chính họa sĩ này đã gây cho Ông thật nhiều ấn tượng và bẻ ngoặt con đường hoa mộng của Ông.

Xem tranh họa sĩ một giờ bằng mắt trần thì phải bỏ một ngày thưởng ngoạn bằng mắt mu (?). Lão Liu nói với Ông như thế. Tranh đẹp không phải vì nét vẽ đẹp mà tranh đẹp vì thấp thoáng hồn tranh đẹp.

Biết Ông có thiện chí nhưng chưa thấu đáo ngôn ngữ của hội họa, họa sĩ nói, hãy giữ tâm thật tĩnh. Chỉ nên cầm cọ pha màu khi không còn bị chia trí bởi nội tâm và ngoại cảnh.

Không câu nệ với những định luật học trong trường tỉ như luật phối cảnh hay luật vẽ bóng... vv... Cái đẹp nằm trong sự buông thả, không bị gò bó trói buộc qua kỹ năng của loại hội họa trang trí. Một kỹ năng khác hơn

thế phải được sử dụng để diễn tả sự sáng tạo của họa sĩ.

Làm thế nào để đưa cảm quan thẩm mỹ của người thưởng lãm và họa sĩ gần nhau ? Đó chính là nghệ thuật.

Giữa cơn giông bão thấy một cánh chim cô đơn kêu thảm thiết hay qua màn sương mờ đục của kính xe thấy một kẻ vô gia cư lết chân dưới trời mưa tuyết. Ngửi mùi hương lá trong công viên, nghe tiếng thác nước mơ hồ trong hoàng hôn hay tiếng hót của chim sơn ca trong vườn buổi bình minh. Đấy là thơ và là họa. Thơ và họa phải gắn bó. Thi sĩ là họa sĩ và họa sĩ cũng là thi sĩ.

Họa sĩ hỏi Ông, thích thơ không ? Ông hỏi tại sao ? Họa sĩ nói đối với quan niệm cá nhân, thơ và họa liên quan mật thiết. Họa chỉ là phần nổi của thơ. Thơ là hồn của họa. Thơ phải quyện với họa như T M phải ở trong TH N. Tâm thất lạc thì thân chỉ là xác sinh học. Diễn tả ý thơ bằng họa là cách vẽ chân chính mà họa sĩ tâm đắc.

Dĩ nhiên tất cả đối thoại không bằng tiếng Việt nhưng hình như Ông và họa sĩ vẫn hiểu được nhau, không cần nhiều lời diễn giảng chính xác.

Ông nghiền ngẫm lời họa sĩ nhưng chưa tìm được lời giải đáp thỏa đáng cho chính mình.

Nghi vấn về kiến thức nông cạn cùng với mặc cảm nghèo nàn năng khiếu khiến cho khung vải từ đó không còn lung linh màu sắc nữa.

Ông mang nỗi đau khổ không sử dụng được màu sắc nhờ họa sĩ hoá giải.

Họa sĩ dẫn Ông ra đứng trên ban công nhìn xuống công viên nhỏ bên bờ sông.

Xa có bóng dáng thiếu nữ thả tóc xõa, lơ đãng nhìn trời mây. Áo trắng mỏng bay bay trong gió, ẩn hiện toà thiên nhiên tuyệt mỹ.

Họa sĩ hỏi, có kích thích tư duy, gợi được ý tưởng gì cho bản vẽ nháp không ?

Trong khoảnh khắc ngẫu nhiên, hành bất định sở, cảm xúc khó diễn tả. Ông buột miệng độc thoại.

Này ! hãy bắt lấy ý thơ ngay !»Gió lay, tâm động». Ông gài ý vào cảnh vật rồi nhẩm trong đầu câu lục bát chưa thành vần :

Gió lay cuốn áo em bay
Tâm ai không động ấy là chân tu.

Ông gọi họa sĩ bằng Thầy. Thưa thầy, tôi sẽ vẽ bức tranh này, một bức thiền họa.

Họa sĩ cười mỉm trả lời. Thiền thể hiện cảm hứng nghệ thuật bằng mực và bút lông trên giấy mỏng, đòi hỏi đường nét phải vẽ nhanh, tiết giảm tối đa và chỉ thể hiện những gì thật cần thiết mà thôi. Nét bút của họa sĩ phải dứt khoát như tia chớp, không tô sửa. Vẽ với tâm nhất quán. Bức họa thiền sẽ mang lại bình yên cho cả người vẽ lẫn người xem. Cố gắng lên !

Ông không hiểu nghệ thuật thiền qua hội họa.

Ông đã lộng ngôn. Thiền vẫn là cái gì rất xa lạ. Vì thế Ông loay hoay mãi không khởi động được bàn tay cầm cọ.

Thật ra Ông đã không vẽ. Nhưng bức tranh vẫn còn đó trong ký ức với màu sắc sống động. Ông không bị thúc đẩy. Dần dà lời hứa với thầy đi vào quên lãng.

Qua cảm quan mới về sự vật và con người, Ông vẽ bức tranh trong tâm tưởng. Nhớ lại, cái hồn của bức tranh thiên tạo như ẩn như hiện, vẫn còn mê hoặc ông.

Gần đây có dịp hướng dẫn cặp vợ chồng bạn cũ ở Cali du ngoạn Niagara, Ông ghé thăm thầy họa sĩ thì thầy đã không còn nữa. Người ta bảo thầy đã gác bút

tiếp tục tu thiền trước khi về miền miên viễn.

Nhiều năm sau, không hiểu làm sao Belciu tìm được Ông. Bây giờ anh đã là đại gia nhờ nghe lời vợ dứt khoát với nghệ thuật, chen vào thị trường chứng khoán.

Anh mời Ông và gia đình một chuyến du lịch Caribbean trên du thuyền của vợ chồng anh. Ông từ chối.

Ông mất một tri kỷ, chỉ còn một bạn tốt. Belciu đã thay áo mới thành một người như mọi người. Nên chúc mừng hay chia buồn ? Tuỳ !

Buổi sớm chớm thu năm ngoái, dẫn cháu từ VN mới qua, dạo chơi High Park. Cô bé tròn xoe đôi mắt ngây thơ, chỉ vào đám rừng phong đang thay màu chuyển sắc, nói ông ơi màu sắc kỳ diệu quá, về nhà ông dạy con pha màu vẽ bức tranh đó nghe. Ông bảo, không ! con ạ, con hãy ghi nhận hình ảnh bằng sự cảm xúc thì nó sẽ tồn tại trong tâm trí con vĩnh cửu. Chỉ khi nào thật sự là họa sĩ con sẽ biết pha màu tiệp với màu thiên nhiên.

Đến với hội họa, đường đi không tới. Như chuẩn linh mục chưa nhận đủ ơn gọi, Ông không bao giờ trở thành họa sĩ. Bởi vì :

Ông đã chôn sâu bao ước mơ
Hạnh phúc bình yên lắng đáy mồ
Cần ai thương tiếc ? Cần ai khóc ?
Lâu sẽ quên dần nấm cỏ khô.

TCN 2014

Nguyễn Cát Thịnh

# Sư Cô Và Tù Nhân Hoa Kỳ

Phùng Annie Kim

Tại Việt Nam, tác giả là một nhà giáo, định cư tại Mỹ theo diện HO năm 1991, hiện là cư dân Westminster, California. Bài viết về nước Mỹ đầu tiên của Bà là «Kock and Me / Vi trùng lao và Tôi, «từ tháng Tư 2013 tới nay đã có hơn 300, 000 lượt người đọc. Riêng bài viết sau đây được tác giả ghi là «lược ý theo bộ sách 2 tập, «Nữ tu và tù nhân Hoa Kỳ», tác giả Thích Nữ Giới Hương; Nhà xuất bản Văn Hóa, ấn bản 2011.»

Sư cô Tonen vừa gọi điện cho biết những cơn bão tuyết sẽ ầm ập kéo đến và gió thổi càng ngày càng mạnh. Chuyến đi thăm tù ở Green Bay vào ngày mai đành phải hoãn lại, chờ thời tiết tốt hơn.

Tonen Sara O-Connor là người Mỹ, sinh trưởng tại Milwaukee. Trước đây, sư cô đã lập gia đình và có hai con trai. Sau này cô sống riêng, xuất gia đã được 10 năm thuộc phái Thiền Zen của Phật giáo Nhật Bản. Tonen là pháp hiệu bằng tiếng Nhật của cô, dịch ra tiếng Việt là «Đồng Niên». Hiện sư cô là viện chủ Trung Tâm Thiền Milwaukee (Milwaukee Zen Center) và chủ nhiệm tờ báo «Sosaku, «có nghĩa là «Sáng Tác». Công việc hoằng pháp của sư cô là đến thăm các tù nhân, lắng

nghe, chia sẻ tâm tư, tình cảm của họ, hướng dẫn họ tu thiền, tụng kinh, niệm Phật, thuyết pháp, làm lễ quy y, tụng giới, giải đáp các thắc mắc về đạo Phật cho các tù nhân. Cô còn làm các việc thiện nguyện khác như có các buổi tham vấn cá nhân khi có yêu cầu của tù nhân... Tuổi cao nhưng cô trông khỏe mạnh, nhanh nhẹn, hoạt động Phật pháp tích cực, lái xe không biết mỏi mệt, làm việc không ngơi nghỉ.

Tonen là «sư chị» cùng với «sư em» là sư cô Giới Hương, người Việt nam, xuất gia năm 15 tuổi, đã từng du học ở Ấn Độ 10 năm với văn bằng Tiến sĩ Phật học của trường Đại học Delhi. Cô đến Mỹ để tham dự Hội Nghị Trao Đổi Văn Hóa Phật Giáo (The Conference of Exchange Buddhist Culture) giữa hai trường đại học University of The West (Los Angeles) và trường đại học Delhi, Ấn Độ. Cô còn vài tín chỉ về văn chương ở Đại Học UCR phải hoàn tất để lấy văn bằng cử nhân về văn chương. Sư Cô Giới Hương đã sống ở tiểu bang Wisconsin được 4 năm. Hai sư cô cùng sống chung thành phố, cùng sinh hoạt và làm Phật sự trong Hội Phật giáo Hòa Bình «Buddhist Peace Fellow of Milwaukee» nhất là cùng mục đích chọn nhà tù trên đất Mỹ để hành Bồ Tát đạo.

Trong 20 nhà tù ở Wisconsin, hai sư cô đã đến thăm 12 nhà tù trong đó có một nhà tù nữ. Mỗi lần đi thăm đều phải xin giấy phép. Sư Cô Tonen đã có giấy phép của nhà tù Green Bay. Mấy hôm nay tuyết đã ngớt, mặt trời đã ló dạng, thời tiết đã ấm áp hơn. Kế hoạch thăm tù nhân vào ngày thứ hai rất thuận lợi. Sư Cô Tonen gọi cho sư cô Giới Hương và không quên nhắc nhở «sư em» :

- Em nhớ đến Trung Tâm Thiền trước 7 giờ rưỡi sáng chờ chị nhé. Em chỉ cần mặc áo tràng nâu bình thường. Chúng ta chỉ đắp y vàng cho những buổi lễ quan trọng như lễ Quy Y hay tụng giới Bồ Tát. Nhớ mang hộ chiếu và đừng mang những gì có kim loại. Em có thể mang thức ăn trưa (a packed lunch). Chiều về, chúng ta có thể ghé Mcdonald ăn món rau trộn xà lách và dĩ nhiên là không thịt. Em cứ mang máy chụp hình để viết phóng sự có hình minh họa. Nếu họ không cho, mình để ngoài xe. Đây là nhà tù giam các tù nhân mắc tội cực trọng, (maximum security) vì họ đều phạm hoặc liên quan đến tội giết người. Phật tử không đông lắm, vào khoảng 12 tù nhân nam.

- «Sư chị» ơi, thế chương trình như thế nào ?

Giọng Sư cô Tonen lúc nào cũng vui vẻ, rổn rảng qua phone :

- Chương trình như thường lệ em ạ. Chúng ta sẽ ngồi thiền 30 phút. Không có đệm và bồ đoàn, chúng ta ngồi ghế. Sau đó chúng ta đi thiền hành, tụng kinh Từ Bi và Bát Nhã. Phần cuối là bài Pháp thoại và trả lời những thắc mắc, câu hỏi...

- Ok. Em sẽ đến đúng giờ. Em biết mình phải mất hơn 2 tiếng mới đến Green Bay. Chúng ta còn phải qua trạm kiểm soát và gặp mọi người đúng 10 giờ sáng. Hẹn gặp «sư chị» sau. Chúc chị vui khỏe.

Tội phạm ở nước Mỹ là một trong những vấn đề lớn. Hiện nay có khoảng 2. 3000. 000 tù nhân trên khắp nước Mỹ, nhiều hơn bất cứ nơi nào trên thế giới. Theo tài liệu nghiên cứu, số lượng tội nhân càng ngày càng tăng. Từ năm 1970 đến năm 2000, tù nhân ở mỗi tiểu bang tăng đến 50%, tù địa phương tăng khoảng 20%. Riêng tiểu bang Wisconsin có khoảng 20 nhà tù, phân nửa khoảng 24. 000 tù nhân là thiếu niên và trung niên tuổi từ 16 đến 35. Nam phạm tội nhiều hơn nữ. Thời hạn ở tù ngắn nhất là sáu tháng, lâu nhất là chung thân. Nhiều tiểu bang trong đó có Wiconsin đã bỏ luật tử hình thay vào đó là tội chung thân không có án treo (parole).

Nhìn chung, đông lực gây ra tội ác đa số có nhu cầu nhiều về tiêu xài hoặc mắc vào con đường nghiện ngập như cần sa, ma túy, cờ bạc, nghiện rượu, nợ nần đưa đến lường gạt, trộm cắp, ăn cướp, hiếp dâm, bắt cóc, giết người... Thêm vào đó, vì thiếu thốn, tham lam, dâm dục, sân hận, bất đồng ý kiến, ngu dại hoặc mắc bệnh tâm thần... dẫn họ đi vào con đường bất lương, hung ác, không biết lẽ phải, vi phạm luật lệ xã hội.

Hiện nay, từ ngữ «nhà tù» (jail, prison) đã được đổi tên nghe nhẹ nhàng thành các «trại cải huấn» (Correctional Institute) với mục đích giáo dục, giúp cho họ sửa đổi hơn là hành hạ hoặc trừng phạt. Ở trong tù, họ có thời gian nghiền ngẫm những tội ác hoặc các điều xấu xa đã làm. Họ gieo «nhân» nào phải gặt «quả» đó bằng những tháng ngày lê thê ngồi... đếm lịch trong tù.»Nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại». Ai đã từng có kinh nghiệm ở tù mới thấy giá trị của hai chữ tự do ngoài đời quý như thế nào.

Gọi thế giới nhà tù là địa ngục trần gian cũng đúng vì nơi đây tập trung tất cả những con người đau khổ, làm những việc xấu xa, hung ác trong xã hội.

Trong bài Pháp «Tứ Diệu Đế» đầu tiên giảng cho năm người bạn đồng tu, Đức Phật đã giảng rằng «Sinh, lão, bệnh tử» : Sinh, già, bệnh, chết là khổ.

«Cầu bất đắc khổ» : Sống trong tù, đếm từng ngày, chỉ mong có được hai chữ «tự do». Điều mình mong cầu là tự do. Không có tự do là... khổ.

«Ái biệt ly khổ» : Sống trong nhà tù phải xa những người thân thương như vợ, chồng, cha, mẹ, con cái... là khổ.

«Oán tắng hội khổ» : Sống trong môi trường thù hận, oán ghét, xấu xa... những tù nhân đều là những người cùng làm những việc bất thiện ngoài đời nên khi vào tù, tìm một người bạn tù để thương, để tin, để nhường nhịn nhau rất khó. Đó là chưa kể tù ăn hiếp tù, tù đánh tù, tù giết tù, tù cưỡng dâm tù. Tâm lý «ma cũ bắt nạt ma mới», «cá lớn nuốt cá bé», «mạnh được yếu thua»... ngoài đời đã khổ rồi huống chi trong tù, nỗi khổ càng gấp bội.

«Ngũ ấm xí thạnh khổ» : Năm «ấm» là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sống trong nhà tù, năm «ấm» là cái thân, là những ý tưởng, tình cảm, tưởng tượng, suy nghĩ, ký ức... bị bức bách, hạn chế làm cho tù nhân khốn đốn, không những khổ về thân xác mà còn mắc những chứng bệnh khổ về tâm lý như tinh thần căng thẳng, trầm cảm, dồn nén, dễ bực tức, nóng giận đưa đến đánh lộn, tự tử, điên loạn... trong giới tù.

Hai sư cô, mỗi khi đi thăm tù nhân là tu tập hạnh lắng nghe niềm đau nỗi khổ của chúng sinh, giúp cho họ tập thiền là phương pháp lắng tâm, sống tỉnh thức, quay về với nội tâm, biết quán chiếu làm chủ tâm. Có khi chỉ một lời kinh, một câu chuyện đạo, một câu tâm đắc của Thiền sư làm cho họ giác ngộ, bớt tham, sân, si, phát triển lòng từ bi, bớt tính khí bạo động, hung ác, sợ hãi, biết sám hối tội lỗi, giúp cho họ có một chút niềm tin và sự bình an trong tâm hồn trong những ngày tháng tù đày.

Thành phố Milwaukee, thủ phủ của tiểu bang Wisconsin nằm cạnh hai hồ lớn Superior phía bắc và Michigan phía đông thuộc hệ thống Ngũ đại hồ, mùa đông ngập trắng những bông tuyết có khi tuyết phủ cao lên tới 20 inch, đường phố lầy lội, ướt át. Thành phố đẹp vào mùa xuân, cây cối xanh tươi, hoa cỏ đủ màu. Mùa hè oi bức vì những cơn gió từ hồ Michigan thổi về. Mùa thu đẹp tuyệt vời với những hàng cây «russet» lá màu nâu đỏ và những đàn ngỗng trời bay lượn thành một, hai, ba hàng, có khi từng cặp hay hình chữ V rất đều và đẹp mắt. Từ phương bắc Canada, chúng hướng về phương Nam nơi có nắng ấm mặt trời. Khi gió mùa xuân thổi về phương Bắc, chúng bay ngược về lại quê cũ sau những chặng bay dài trốn lạnh.

Vượt qua những thành phố, cánh đồng phủ một màu tuyết trắng, hai sư cô đến nhà tù Green Bay kịp giờ. Khu nhà tù là những khối nhà kiên cố với hàng rào kẽm gai, tháp canh, trạm gác được kiểm soát bằng ra- đa và các loại máy rà kim loại hiện đại. Từ ngoài vào đến phòng khách, tổng cộng có bốn cửa, mỗi cửa đều có đóng mộc trắng trên tay. Mỗi khi qua cửa, khách phải giơ vết mộc qua máy, máy nhận đúng tín hiệu, phát đèn đỏ, cửa tự động mở. Nhìn xung quanh nào là máy ghi hình, ghi âm, kính chiếu hậu... đặt khắp nơi. Được thông báo trước, các tù nhân tụ họp tại phòng khách của trại đón hai sư cô.

Khách của Green Bay vào đây đều phải nộp đơn xin trước cả tháng mới được giấy phép. Hai sư cô là những người «khách» đặc biệt, không phải là thân nhân thăm tù nhân mà là làm nhiệm vụ hướng dẫn cho các tù nhân có nhu cầu về tâm linh (pastoral) theo tinh thần đạo Phật. Họ chỉ cần trình bày với các vị tuyên úy trong trại, các vị tuyên úy sẽ mời hai sư cô đến.

Sau đây là một số câu chuyện học pháp trong tù, kể bằng lời của những tù nhân nói về cuộc đời mình.

1. Chuyện người tù chung thân vì tội giết người

- Tên tôi là Douglas Taylor, 32 tuổi, quy y với sư cô Tonen có Pháp danh là ToJin. Tojin dịch ra tiếng Việt có nghĩa là «Đồng Nhân». Tôi mang tội cố ý giết người, bị kết án tù chung thân lúc tôi 20 tuổi. Tôi đã ở tù tại trại Green Bay được 12 năm.

Tôi sinh ra trong gia đình đạo Tin Lành, cha mẹ làm việc siêng năng để có tiền lo cho ba chị em tôi ăn học. Tôi luôn luôn là học sinh giỏi trong trường. Sau khi tốt nghiệp trung học, tôi gia nhập vào Vệ Binh Quốc Gia, được huấn luyện ở căn cứ Fort Sill Oklahoma và trở thành cảnh sát phòng vệ, làm việc được hai năm.

Câu hỏi của sư cô Giới Hương rất hay. Nguyên nhân nào đã khiến tôi cầm khẩu súng để giết đi một mạng người ? Tôi đã giết Ted, cha nuôi của bạn tôi là Mark vì sợ hãi, nóng giận khi tôi bị hăm dọa và bị dồn vào bước đường cùng. Tính ra tôi sẽ bị giam thêm 20 năm nữa cho đến năm 2051. Có nhiều cách để được giảm án. Nếu tù nhân có đời sống tốt, được nhiều điểm đỏ, những thành tích này sẽ được ghi nhận vào «record» gọi là hồ sơ và được cứu xét bởi hội đồng giảm án. Một phạm nhân có thể trở lại tòa nhiều lần, nhờ luật sư xin được xét xử nơi tòa án cấp cao nhất.

Tôi đang làm một số việc trong tù như móc, thêu, đan để dành tiền thuê luật sư nhưng không biết bao giờ mới đủ tiền. Tôi kết chỉ thêu rất đẹp nhưng trại cải huấn ở đây không cho tôi giữ kim nữa. Tôi có học nghề thợ sơn tường như biết cạo lớp sơn cũ, đắp lại các lỗ hổng và tô sơn mới. Tôi được trả 26 xu một giờ tức là 32 đô một tháng chỉ đủ cho tôi mua các thứ đồ dùng cá nhân như xà bông, kem đánh răng, giấy, tem... Tôi cũng học nghề mộc 6 năm như đóng bàn, ghế, tủ và học được bài học về nghề gỗ, đó là tính kiên nhẫn. Học xong, tôi dạy và truyền nghề cho các tù nhân mới khác. Hiện tại tôi đang học lớp hàm thụ báo chí Phật giáo ở Los Angeles.

Từ khi tôi học đạo với sư cô Tonen và cô Giới Hương, tôi không còn bám chặt vào nỗi đau khổ dằn vặt, ray rứt nữa. Sự xấu hổ, mặc cảm, hối hận về tội lỗi dày vò tôi mỗi ngày dần dần phai nhạt. Tôi cố làm những điều tốt, có ý nghĩa thiết thực hơn như tôi quy y, nguyện giữ năm giới như không sát sanh, trộm cắp, nói dối, uống rượu, tà dâm để có lòng từ bi, để giữ tâm, khẩu, ý trong sạch, để trở thành người tốt.

Tôi học Thiền Minh Sát còn gọi là Thiền Tứ Niệm Xứ để theo dõi tâm, sống trong sự tỉnh thức, tránh những vọng động và nóng giận xảy ra trong tâm từ đó đưa đến những đụng chạm với các bạn tù chung quanh. Tôi làm

những bức lộng thêu, có bức bán được 850$ trong một cuộc lạc quyên để xây chùa «Nhị Tổ» ở Trung Quốc. Tôi viết báo «Sosaku» của sư cô Tonen phát hành ba tháng một kỳ. Tờ báo này có mục đích giúp cho các tù nhân có cơ hội tu học Phật pháp, chia sẻ tình bạn đạo giữa các tù nhân, giáo dục lòng từ bi, khoan dung và kính trọng giữa các Phật tử với nhau. Tôi đọc sách Phật giáo do sư cô Giới Hương tặng, sách của thư viện và các hội đoàn như Tịnh Độ Tông Phật Giáo Đài Loan gửi đến. Tụng kinh Từ Bi hằng đêm làm cho tâm tôi có chút bình an trong giấc ngủ. Nghiên cứu kinh Bát Nhã làm cho tôi thấy an lạc, bớt đi những khổ đau ách nạn tôi đang trả giá trong tù.

Có những lúc, như sư cô Giới Hương nói, cuộc sống trong tù là nơi tốt để tu dưỡng tính khí và tinh thần. Chỉ cần mình chuyển một cái nhìn tích cực. Tuy nhiên, có những lúc tôi nhớ về quá khứ, chìm đắm trong tình yêu giữa nam nữ như là sự diễn đạt mạnh mẽ của cảm xúc và sự hưởng thụ. Tôi thèm khát được hưởng thụ các dục lạc ngoài đời. Đơn giản nhất là tôi nhớ những vòng tay âu yếm, dịu dàng của người tôi yêu trong lúc chúng tôi ở bên nhau. Bất chợt tỉnh giấc, tôi biết đó chỉ là giấc mơ. Tôi phải để cho giấc mơ đó ra đi. Những giây phút thiền vào mỗi buổi sáng giúp tôi trở về với thực tại. Tôi tìm nơi an trú trong hiện tại. Những cảm xúc đã qua chỉ

là huyễn nhưng nhiều khi rất khó chế ngự.

Tôi vẫn thường trao đổi thư tín với sư cô Giới Hương. Chúng tôi kể chuyện về cuộc sống ngoài đời rất nhiều. Chúng tôi bàn về Phật pháp rất là thú vị. Cô Giới Hương thật kiên nhẫn và dịu dàng. Kiến thức về Phật pháp của sư cô sâu rộng. Khả năng biết lắng nghe và truyền đạt về Phật Pháp bằng tiếng Mỹ của cô giúp cô chia sẻ nhiều với các tù nhân. Hai sư cô là điểm tựa về tâm linh của tôi, mang đến cho tôi ý nghĩa về cuộc sống đó là dù trong chốn lao tù, mình vẫn làm được điều tốt giúp đời, giúp người và nếu lầm lỡ mắc vào tội lỗi, nếu biết ăn năn, thành tâm sám hối, biết tu để chuyển «nghiệp», tạo «nhân» là công đức lành về sau, mình sẽ gặt được «quả» tốt.

2. Một mảnh đời khác của người tù Daniel Kelly

- Sư cô Giới Hương hỏi tôi là ai trong nhóm tù nhân sư cô hướng dẫn tuần vừa rồi ? Tên tôi là Daniel Kelly. Tôi là tù nhân lùn và mập, ngồi bên trái của bàn thờ Phật và bên phải của sư cô. Tôi là vị «duy na», tiếng nhà Phật gọi người làm công việc thỉnh chuông. Tôi thỉnh chuông còn vụng về lắm, tiếng lớn, tiếng nhỏ, có khi vang, có khi không. Sư cô nói có lẽ vì tâm tôi chưa tập trung. Tôi cũng là người hay nêu lên những câu hỏi nhờ sư cô giải đáp Cách đây vài năm, Sư Cô Tonen

quy y cho tôi với pháp danh là Tochiku, có nghĩa là «Vườn Trúc». Cô giải thích cây trúc là biểu tượng của sức mạnh bền bỉ và uyển chuyển trước những khó khăn của cuộc đời.

Về cá nhân, tôi đã từng nghiện rượu và ma túy. Hai thứ độc hại này cùng với hành động có quan hệ tình dục với cô em họ 15 tuổi, tôi bị kết án 7 năm tù lúc đó tôi 21 tuổi. Tôi được trả tự do và hưởng án treo. Án treo của tôi là không được lên mạng xem hay có hành động liên quan đến sự khiêu dâm. Tôi tồn trữ nhưng bức ảnh khiêu dâm của những đứa trẻ dưới tuổi vị thành niên và bị kết án thêm một năm. Tôi được trả tự do. Sau đó, tôi lại tiếp tục truy cập trên mạng những bức ảnh khiêu dâm, tôi bị giam thêm hai năm nữa. Tổng cộng số năm tù là 10 năm.

Cái gì có thể ngăn tôi bớt ái nhiễm về nữ giới ? Đó có phải là căn bệnh về thân xác do tính dục của tôi quá mạnh hay vì tâm của tôi bị ô nhiễm ? Vấn đề là tôi không làm chủ được ý muốn khát khao nhìn những hình ảnh khiêu dâm. Vào tù, tôi bị kết vào tội cưỡng dâm Michael, một tù nhân nam và bị PC (protective custody) nghĩa là bị biệt giam. Thành tích bạo lực này khiến tôi trở thành «anh hùng» trong đám tù nhân. Từ nhà tù Racine với mức canh phòng trung bình (medium

security) tôi bị chuyển đến Green Bay. Tính ra tôi sẽ ra tù khi tôi ngoài 60 tuổi. Như vậy, hơn nửa cuộc đời, tôi sống trong tù.

Tôi đã biết hai sư cô trong tờ «Sosaku» khi đọc vài bài viết về đạo Phật. Tôi xin quy y và thọ ngũ giới : không sát sanh, tà dâm, trộm cắp, nói dối và uống rượu. Một trong ngũ giới không tà dâm là giới mà tôi đã phạm nhiều lần trong quá khứ. Sư Cô Giới Hương đã dạy tôi thiền sổ tức nghĩa là đếm hơi thở và chú tâm dõi theo hơi thở. Lúc đầu, chỉ ngồi có vài phút mà những hình ảnh các cô gái cứ hiện ra trong tâm. Kế tiếp đó là những suy nghĩ, ý tưởng, tưởng tượng, kỷ niệm... về quá khứ, hiện tại và tương lai tiếp tục diễn ra. Cô dạy tôi không phản ứng lại với các vọng niệm này, chỉ chánh niệm nhìn chúng khởi lên rồi chúng sẽ biến mất. Thiền Tứ Niệm Xứ có bốn cách quán : thân, thọ, tâm, pháp. Sư cô dạy tôi cách quán tâm vì cách quán này rất cần thiết cho tôi lúc này. Quán tâm giúp tôi tập trung tâm ý, theo dõi được các tâm hành của mình nhờ đó loại trừ những thói quen và tật xấu trong quá khứ như những hình ảnh các cô gái và ước muốn chiếm đoạt cũng như hưởng thụ. Sự thực hành đều đặn mỗi ngày một tiếng đồng hồ giúp tôi vượt qua những căng thẳng về tâm và sinh lý khiến cho tôi đạt đến trạng thái tâm cân bằng và lành mạnh hơn. Thiền như một loại thuốc giải độc, một phương thuốc

điều trị cái tâm bệnh hoạn của tôi.

Tôi hết lòng cám ơn sư cô Giới Hương đã giúp tôi dần dần vượt qua căn bệnh về tâm sinh lý này bằng phương pháp tọa thiền. Quy y Tam Bảo giúp cho tôi giữ gìn thân, khẩu, ý trong sạch. Triết lý của đạo Phật quá cao siêu, sư cô Giới Hương đã kiên nhẫn giảng giải, giúp tôi hiểu về luật nhân quả, nghiệp báo, duyên sinh, vô ngã, vô thường... Phật Pháp cho tôi nhiều triết lý sống quá hay và thực tế. Nếu tôi biết đạo Phật trước đây, chắc tôi không đi sâu vào tội lỗi và phải chịu hậu quả như bây giờ. Tôi thấy mình có duyên với đạo Phật và sư cô mặc dù quá muộn màng.

«Late is better than never». Thà trễ còn hơn không bao giờ biết Phật Pháp.

Cuối cùng mùa Xuân cũng đến. Tuyết đã ngừng rơi. Mặt hồ vẫn còn đóng băng. Các cây tử đinh hương có hoa màu tím nhỏ sẽ nhú lên các cành non và những lá xanh. Tù nhân sẽ được ra ngoài. Tôi sẽ đi thiền hành từng bước trong chánh niệm trên sân xi măng vẫn còn ẩm ướt các phiến tuyết chưa tan.

3. Chuyện về người tù biệt giam tên Paul Walker

Hôm nay, cảnh sát nhà tù hộ tống Paul chuyển đến nhà tù cực trọng «Wisconsin Secure Program Facility» của tiểu bang Wisconsin hay còn gọi là «Super Maximum Security Boscobel». Trong chiếc xe «van» bít bùng, hắn ngồi co ro, tay chân bị còng bên cạnh những người cảnh sát mang súng. Lần đầu tiên, đôi mắt hắn nhìn thấy loáng thoáng qua khe cửa kính hình ảnh sinh hoạt nhộn nhịp của phố xá trong thành phố Wisconsin sau 20 năm cách ly khỏi xã hội bên ngoài. Đối với hắn, đây cũng là lần cuối cùng hắn được nhìn thấy thành phố Wisconsin vì hắn sẽ tiếp tục bị biệt giam ở nhà tù Boscobel cho đến chết.

Tù biệt giam còn gọi là «the hole» hay «Administrative Segregation». Hai mươi năm nay, tại nhà tù Waupun, hắn không được tiếp xúc với loài người, chỉ có bốn vách xà lim, không có cửa sổ trong hai mươi ba giờ mỗi ngày. Một giờ còn lại để ra ngoài xà lim, vận động chân tay, hưởng chút ánh nắng mặt trời, đi vệ sinh, tắm rửa trong chiếc còng số tám. Người mà hắn thấy là tên lính canh mỗi buổi đem thức ăn qua cái lỗ cho hắn.»The hole» có nghĩa là cái lỗ.

Nhà tù biệt giam còn có tên gọi là «The Security Housing Unit» viết tắt là «SHU», một nhà «tù- trong-

nhà- tù». Đây là nơi các Trung Tâm Kiểm Soát và Dự Phòng Bệnh Tật viết tắt là CDC gọi là «nơi tồi tệ nhất trong những nơi tệ hại nhất». Hội chứng «SHU» là tên gọi những tù nhân bị suy giảm năng lực tinh thần do bị cô lập quá mức.

Hôm nay là ngày chủ nhật nên ngoài phố người qua lại đông đúc, tấp nập. Hắn thấy ai cũng mặt mày hớn hở tươi vui vì họ đang được hưởng quyền tự do đi lại nhưng có khi họ không biết họ đang hưởng hạnh phúc này. Chỉ có những tù nhân như hắn mới thấm hiểu được sự cần thiết và quý giá của hai chữ «tự do». Vì thế hắn đã tìm tự do trong nhà tù bằng cách trốn trại nhiều lần. Hắn thèm được tự do như sự sống cần hơi thở.

Điều làm hắn ngạc nhiên là đi đâu cũng thấy người ta sử dụng điện thoại cầm tay. Họ vừa đi vừa bấm điện thoại, vừa nói chuyện huyên thuyên trong khi tay xách nách mang những túi hàng từ những khu thương mại. Cách đây hai mươi năm, chưa có hệ thống «internet» và điện thoại cầm tay không được phổ biến nhiều như bây giờ. Hắn như người xa lạ với xã hội loài người và với... chính mình. Xã hội có nhiều thay đổi tiến bộ quá nhưng hắn cần biết để làm gì khi hắn không có quyền được thọ hưởng. Hắn bị gạt ra bên lề của xã hội từ lâu.

Cuộc đời hắn là những chuỗi dài gắn bó với nhà tù và tìm cách trốn khỏi tù. Lúc 10 tuổi, hắn đã biết ăn cắp đồ chơi trong các cửa hàng và vô tình làm cháy nhà hắn bởi một trò chơi nghịch ngợm. Học trung học, hắn dính dấp vào các vụ mua bán ma túy và được gửi đi cai nghiện. Hắn bỏ học, bị bắt vào tù, hắn trốn trại, lang thang từ tiểu bang này sang tiểu bang khác. Một đêm, hắn vào một cửa hàng bán rượu cướp tiền. Khi bị phát giác, hắn bắn chết người bán hàng rồi tẩu thoát. Bị truy nã, hắn bị bắt và bị tù chung thân. Vào nhà tù, hắn có âm mưu trốn trại. Lần này, hắn bị chuyển sang nhà tù «Waupun Correctional Institution» ở Wisconsin. Nhà tù này giống như một thành trì thuộc thời Trung Cổ có cấu trúc bằng đá đỏ và những cánh cửa to và nặng kêu cót két mỗi khi đóng và mở. Hắn lại âm mưu trốn trại lần thứ ba bằng cách giả bệnh để được ra khỏi xà lim. Hắn bóp cổ người lính canh gần chết để cướp súng và tìm cách trốn thoát. Là tù nhân bị xếp vào loại có «máu lạnh», hung bạo, «tough guy», hắn bị di chuyển đến nhà tù Boscobel, ở đó cơ sở vật chất kiên cố và mức độ canh gác nghiêm nhặt hơn. Luật tiểu bang Wisconsin không có án tử hình nhưng lần này chuyển qua nhà tù Boscobel, xem như hắn không còn cơ hội hưởng án treo. Hắn sẽ sống mãi cho đến lúc... chết trong tù.

4. Chuyện một nữ tù nhân

Ngày 12 tháng 2 năm 2007, sư cô Giới Hương được yêu cầu đến nhà tù nữ Tay Cheetah Correctional Institution để làm lễ quy y cho một nữ tù nhân 20 tuổi. Đây là nhà tù có khoảng 780 nữ tù nhân, có nhiều cây cỏ xanh tươi và những khóm hoa đủ màu nở rực rỡ được trồng suốt từ phía cổng đi vào cho đến nhà ăn. Nhà nguyện, nơi làm các thủ tục quy y ở sát cổng ra vào.

Sư cô đến lúc 1 giờ trưa nên bà giám đốc trại là Ana Warden mời sư cô dùng bữa trưa với tù nhân. Mỗi phần ăn gồm một ly sữa tươi hoặc nước ngọt, bánh mì hoặc khoai tây tán nhuyễn trộn bơ, cà rốt luộc, xà -lách xắt nhỏ trộn với phô- mai và một miếng thịt bò chiên thật to. Sư cô ăn chay nên không dùng thịt bò. Vào cuối giờ, phòng ăn chỉ còn lại vài chục nữ tù nhân. Các nữ tù nhân nhìn sư cô với đôi mắt tò mò có lẽ vì nét Á châu trên gương mặt sư cô.

Đây là nhà tù nữ nên có vài quy luật khác lạ hơn nhà tù nam như nữ tù nhân phải ngồi đối diện với thân nhân để tránh những đụng chạm, chỉ được ôm hôn hai lần, một lần khi gặp và một lần lúc chia tay để tránh bịn rịn hoặc gần gũi quá thân mật, thân nhân không được chải tóc cho nữ tù nhân vì xem đây là cử chỉ âu yếm, riêng

tư, các tù nhân nữ chỉ được đeo nhẫn cưới hoặc dây chuyền có hình tượng tôn giáo vì đây không phải là nữ trang để làm đẹp... Có các nữ cảnh sát ngồi gần đó quan sát và theo dõi để nhắc nhở khi tù nhân vi phạm các quy định thăm viếng.

Elizabeth là sinh viên ngành xã hội học, bị kết tội hành nghề mãi dâm. Cô bị bắt vào tù nhiều lần nên số năm bị giam cầm càng chồng chất. Chưa hết hạn tù 5 năm, cô mắc bệnh HIV vào thời kỳ cuối, bác sĩ đã từ chối chữa trị cho cô.

Mặc dù yếu, cô còn sức quỳ trước bàn thờ Phật. Cô mặc chiếc áo tù màu cam có mã số tù sau lưng. Thật là cảm động khi cô phát nguyện từ đáy lòng mình.

Trong giây phút long trọng, sư cô Giới Hương truyền thọ năm giới cho Elizabeth. Sư cô hỏi từng giới một rằng từ nay đến cuối đời, có giữ được không. Elizabeth, giọng thều thào, run run vì mệt, cô thọ nhận từng giới và trả lời

- Dạ, con giữ được.»Yes, I do.»

Cô được sư cô Giới Hương đặt cho Pháp danh là Tịnh Tâm với lời cầu nguyện cho Elizabeth có được tâm an tịnh mặc dù thân xác cô bị đau đớn vì căn bệnh hành hạ.

Elizabeth càng ngày càng yếu dần. Sư cô đến cầu nguyện, giảng về cận tử nghiệp và hướng dẫn Elizabeth niệm danh hiệu A-di-đà-Phật. Có một nữ tù nhân phát tâm đến cùng hộ niệm với sư cô trong lúc Elizabeth đang hấp hối. Nghe tiếng sư cô, Alizabeth chuyển mình và hé mắt nhìn sư cô rồi ra đi. Elizabeth mất sau lễ Giáng sinh. Cô ra đi bình an trong tiếng cầu nguyện «A-di- đà -Phật» của sư cô Giới Hương và người bạn tù. Trước khi mất, Elizabeth rất vui vì nhận được nhiều quà và các lời chúc của các bạn tù trong đó có món quà là một hộp kẹo sô-cô-la và một tấm thiệp Noel của sư cô Giới Hương.

5. Chuyện người tù được phép về nhà dự đám tang mẹ

Tôi tên là William Niven làm nghề buôn bán. Tôi bị vào tù vì lý do hành hung, đe dọa và gây thương tích về thân thể cho David, đối thủ cạnh tranh của tôi trên thương trường. Tôi bị kết án 2 năm ở trại tù Oshkosh Correctional Institution là trại tù có mức an ninh bậc thấp (minimum security).

Vào tù, tôi làm công tác thiện nguyện ở «hospice» là nơi săn sóc cho các tù nhân hấp hối. Đây là công việc có ý nghĩa. Tôi ở bên họ cho họ bớt cô đơn, có khi vài ba tiếng đồng hồ, có khi cả ngày. Họ ho hen, khạc đàm,

tiểu tiện, đại tiện, ói mửa. Họ lăn lộn, vật vã, rên xiết vì đau đớn và sợ hãi. Có khi họ nằm yên, hơi thở từ từ yếu dần rồi ra đi. Tôi lau chùi, dọn rửa, thay quần áo mới cho họ sạch sẽ, chăm sóc họ như một y tá. Tôi cùng với vị tu sĩ tuyên úy đọc kinh tùy yêu cầu hộ niệm về loại tôn giáo nào của người tù cho đến khi họ từ giã cõi đời.

Nhờ công đức hộ niệm và thành tích phục vụ tốt với lòng thương và sự nhẫn nại, (vả lại, chỉ còn vài tháng nữa là tôi mãn hạn tù) nghe tin mẹ tôi mất, ban quản trị trại tù đồng ý cho tôi về nhà dự đám tang mẹ tôi.

Thật là xấu hổ khi tôi bị các nhân viên an ninh của nhà tù hộ tống tôi về nhà. Thân nhân, bạn bè, hàng xóm... có những người nhìn tôi trong chiếc còng với đội mắt vừa tội nghiệp, vừa khinh bỉ. Có người tránh xa tôi. Có người quen làm như không biết tôi. Tôi bị còng chân, tay nên đi lại khó khăn. Tôi phải trả tiền cho mọi chi phí ăn, ở, xe và chi tiêu vặt cho ba cảnh sát canh giữ. Chi phí còn bao gồm cả tiền phụ trội «overtime» cho các cảnh sát theo tôi ngoài giờ làm việc.

Tôi đã khóc khi được nhìn thấy mẹ tôi lần cuối trước khi bà ra đi. Tôi đã hộ niệm cho nhiều tội nhân, tạo công đức lành, giờ đây, khi mẹ tôi mất, tôi được về để tang, hộ niệm cho mẹ. Báo hiếu mẹ là điều tôi toại nguyện. Tôi được nghe Cô Giới Hương giảng về đạo Phật như

luật nhân quả, nghiệp báo... và tôi tin vào thuyết này. Về để tang mẹ trong lúc bị tù là một phước báu và điều hiếm, ít khi xảy ra.

Một chuyến đi ngắn ngày với nỗi buồn mất mẹ. Sự xấu hổ và mặc cảm của một tù nhân bị xã hội khinh bỉ, xa lánh cứ ám ảnh tôi hoài.

Làm công việc hoằng pháp trong nhà tù là một việc làm căng thẳng, khó khăn, nặng nề và tế nhị cho hai sư cô một già, một trẻ đều có vóc dáng nhỏ bé. Họ chỉ đứng ngang vai với các tù nhân người Mỹ nam, cao, to như những ông Hộ pháp.

Truyền đạt một tôn giáo còn mới là đạo Phật đến với người Tây Phương đã khó huống chi trong môi trường gai góc, phức tạp là nhà tù. Không những truyền đạt một tôn giáo để họ có niềm tin mà làm thế nào tôn giáo ấy giúp cho các tù nhân chuyển hóa đời sống, mang cho họ sự bình an... càng khó hơn đòi hỏi hai sư cô ngoài kiến thức về kinh điển Phật học, tâm lý học còn là những kinh nghiệm sống ngoài đời. Tình thương bao la, sự kiên nhẫn tuyệt đối, sự quan hoài, sự dịu dàng, sự cởi mở và ngôn ngữ... cũng là những yếu tố căn bản, cần thiết để các tù nhân đến với đạo nhất là các tù nhân người Mỹ rất thực dụng, họ đến với tôn giáo bằng lý trí nhiều hơn là cảm tính.

Hoằng pháp trong các nhà tù, hai cô phải tuân thủ một số điều luật của nhà tù Mỹ như chân thành tôn trọng tù nhân, không ép họ phải theo đạo. Giữ lời hứa đến thăm tù nhân mỗi tháng một lần. Sẵn sàng thăm tù nhân vào thứ hai đến thứ sáu hoặc khi có yêu cầu. Sẵn sàng học hỏi và thực hành nghiêm túc các nguyên tắc của trại cải huấn...

Nhà lãnh đạo nhân bản của đất nước Phi Châu Mandela đã nói về những kinh nghiệm quý báu của ông trong tù : «Nhà tù là nơi lý tưởng để bạn biết mọi người. Hãy theo dõi sát diễn tiến của tâm và cảm giác thực tế của bạn... Nhà tù cho ta cơ hội để nhìn lại hành động của mình, vượt qua các điều xấu, phát triển cái tốt... Thường xuyên tập thiền ít nhất 20 phút trong ngày, bạn sẽ gặt đầy trái và quả... Bạn sẽ tìm ra những khó khăn đầu tiên, vượt qua các yếu tố tiêu cực, tiếp tục nỗ lực đến bước thứ mười thì sẽ gặt kết quả... Ông Thánh cũng là người bình thường hoặc như con người, cũng mang tội lỗi nhưng họ cố gắng vươn lên...»

Đức Đạt Lai Lạt Ma, nhà lãnh đạo Phật giáo Tây Tạng có trái tim từ bi : «Mỗi người trong chúng ta đều có khả năng phạm tội. Những nạn nhân bị giam vào ngục tù, thực sự không tệ hơn bất cứ người nào trong chúng ta. Họ bị sự vô minh, ham muốn và phẫn nộ, những căn

bệnh mà chúng ta đã nhiễm phải nhưng tùy các mức độ mà cao thấp có khác nhau. Bổn phận chúng ta là cố gắng giúp đỡ các phạm nhân ấy...»

Những người nữ tu như sư cô Tonen và Giới Hương, các nữ tu và các vị tuyên úy thuộc các tôn giáo khác như Thiên Chúa giáo, Tin Lành... trên thế giới này đều là những vị Bồ Tát đang hành Bồ Tát đạo. Họ đang âm thầm đến với những con người đau khổ trong tù ngục để an ủi, giúp đỡ họ. Tuy thờ phụng những vị giáo chủ khác nhau, nhưng họ đều có lý tưởng và mục đích là góp một bàn tay xoa nhẹ những niềm đau nỗi khổ về thân và tâm của các tù nhân nơi nhà tù còn gọi là địa ngục trần gian này.

Hình ảnh hai chiếc áo cà sa vàng của sư cô Tonen và Giới Hương và những bộ đồng phục màu cam của tù nhân trong buổi lễ quy y hay tụng giới tại các nhà tù ở xứ Mỹ là hình ảnh của Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát tay cầm tích trượng đi vào địa ngục để hóa độ chúng sanh. Ngài phát nguyện bao giờ cõi địa ngục không còn chúng sanh bị đọa thì Ngài mới thành Phật.

Nhưng biết bao giờ ngục tù không còn chúng sanh phạm tội khi thế giới này là căn nhà lửa, ngọn lửa chiến tranh vẫn đang ngùn ngụt bốc cháy. Đó cũng là ngọn lửa của các tâm tham lam, thù hận, sân giận, si mê, ái dục... gây ra biết bao nhiêu tội ác. Vì thế, các nhà tù vẫn càng ngày càng thiếu và tù nhân càng ngày càng đông.

Tâm bình thì thế giới bình. Ước mơ của nhân loại là thế giới an lạc, thế giới không có chiến tranh, thế giới không xây thêm những nhà tù mới vì nơi đó tội ác không có cơ hội phát sinh từ cái tâm «nhân chi sơ tánh bổn thiện» hay còn gọi là «Phật tánh», cái tâm an, bình, lành và thiện của con người.

Bài viết lược ý theo bộ sách 2 tập, «Nữ tu và tù nhân Hoa Kỳ», tác giả Thích Nữ Giới Hương. Nhà xuất bản Văn Hóa.

Phùng Annie Kim

# Cái Áo

Quốc Vũ

Dù được rủ rê, ông Tám chưa sẵn sàng thay cái áo mới để «quy cố hương». Bài viết ngắn nhưng nhiều bâng khuâng. Tác giả lần đầu dự Viết Về Nước Mỹ. Mong Quốc Vũ sẽ tiếp tục viết và vui lòng bổ túc vài dòng sơ lược tiểu sử.

Cái áo chemise ông Tám mặc đã mấy năm nay rồi. Lúc bà xã ông tặng vào dịp sinh nhật thứ 50, ông có bảo với bà rằng bà bày vẽ mà chi. Trong tủ quần áo ông còn đến nửa tá chemise còn mới tinh, cũng lại là quà tặng những sinh nhật trước. Thời nay quần áo may thật bền. Vả chăng công việc hàng ngày của ông Tám cũng nhẹ nhàng, không mấy khi phải làm gì nặng nhọc nên quần áo có cái nào rách đâu.

- Nhưng mà quần áo mới, mặc vào vẫn thích hơn chứ!

Ông chỉ cười không nói gì. Bà nào lại không thích mua sắm. Cho nó đúng với câu «tài hóa lưu thông» như người ta vẫn bảo.

- Cứ như ông thì người ta bán buôn với ai ! Kinh tế có xuống thì lại thở dài !

Ừ, có khi cũng là như vậy, biết đâu. Ông Tám chỉ biết ông thích cái mịn màng của thớ vải cũ. Cái áo mới, cái quần mới nó không mềm, nó không mát. Đành là màu vải mới thì tươi sáng hơn, nếp ủi còn sắc bén hơn. Nhưng với ông, gàn bướng và «hoài cổ» đã thành cố tật. Bà Tám thì cho rằng ông trùm sò và nhà quê. Ông Tám không hề ở trong quân đội được một ngày nhưng lại ưng mặc áo có túi, có nắp, có cầu vai. Bà đâu có hay lúc còn bé, ông có đi hướng đạo. Cuối tuần là đồng phục, bị, gậy họp đoàn. Một ngày hướng đạo, một đời hướng đạo mà ! Thế nên ông yêu mến vải oxford, kaki cho mãi đến hôm nay.

Bà Tám đã đi... tám như mọi cuối tuần nên chỉ còn mình ông ở nhà. Ông ngồi trầm ngâm bên cái màn hình computer. Trên màn ảnh là tấm hình lễ tang một người bạn ở Việt Nam vừa mất. Anh bạn này trong hình thờ mặc quân phục trịnh trọng lắm. Là sĩ quan trung cao cấp nên anh được hưởng quy chế phải gọi là khá. Hai người học chung với nhau từ tấm bé. Anh bạn thuộc gia đình trung lưu còn ông Tám thì bố là công chức bậc trung. Cái năm 75, anh bạn bắt đầu hăng hái trong hoạt động đoàn thể ở trường. Hai người vẫn học chung một lớp như bóng với hình. Thời thế đổi thay, ông Tám xuống thuyền làm người lưu vong vì nghiệm ra bản thân không có chỗ để vươn vai trong một xã hội bát

nháo lấy «hồng» hơn «chuyên».

Đến mấy mươi năm không tin tức gì của nhau thì một hôm anh bạn xuất hiện qua... email. Hai người nối lại tình bạn xưa mà không ai buồn đả động đến... cái chuyện bên ni bên nớ. Anh bạn trông vẫn vui nhộn như xưa. Tướng tá cũng tốt tươi qua mấy tấm hình bạn bè đi VN gửi cho ông coi ké. Vì ông Tám dở hơi chưa hề «quy cố hương» lấy một bận.

- Đấy, đấy ông xem, người ta về VN như đi chợ thế kia !

Bà Tám không ít lần phân bua rủ rê ông về VN chơi. Ông cù cưa kẽo kẹt. Riết rồi bà chán, không thèm rủ rê ông nữa nhưng bà vẫn ức anh ách vì không được đi VN xem bây giờ nó ra «nàm thao.»

Bây giờ thì anh bạn đã ra người thiên cổ. Anh nằm trong nhà tang lễ bộ quốc phòng theo như chú thích trong ảnh. Có hoa, có đèn, có lính gác trong quân phục trắng tinh. Một loạt các huân chương anh nhận được trong suốt ba mươi năm quân ngũ lấp lánh trong khung hình.

Ông Tám cười với bạn trong hình. Ông sờ tay lên ngực mình. Trống rỗng, chả có cái huân chương nào cả. Hơn ba mươi năm ở xứ người, ông chỉ có bà Tám và con bé Nhiên. Có chỗ ra vào nho nhỏ xoàng xĩnh. Ông chả làm nên cái tích sự gì cho vợ con nó nhờ như bà Tám vẫn nguýt những khi vợ chồng... ngúng nguẩy.

- Ai có ngờ ông làm lớn thế hả ông ?

Ông Tám thì thầm với người trong hình. Trong óc ông lúc nào cũng chỉ có dáng anh bạn những ngày tiểu học năm xưa. Tóc cắt ngắn, hơi bụ bẫm một chút. Học hành giỏi và ngoan ngoãn. Chả có tí gì dính dáng đến cái ông oai vệ kia trong bộ quân phục xanh lá cây. Anh bạn nhỏ hiền lành, ông bạn cũng vẫn nụ cười hiền lành.

Đám bạn đi đi về về VN cũng nhận xét như thế. Ông ấy cũng cười cười hoài à ! Mày mai mốt có về VN nhớ ghé thăm hắn. Cũng đâu còn mấy đứa ở bển đâu.

Ông Tám vẩn chỉ cười cười mỗi khi nghe bạn rủ rê. Cũng như ông cười cười khi nghe bà xã rủ rê. Có những điều ông không thể nói ra, nhưng ông biết ông chưa sẵn sàng thay cái áo. Bằng một cái áo mới để «quy cố hương». Cái áo ông mặc mới sờn ở cổ có tí xíu thôi ! Mặc vẫn còn thoải mái mà. Màu vàng tươi hôm nào nay đã ngả bạc. Hai cái túi chưa rách. Hàng nút còn nguyên.

- Thôi thì ông ra đi bình yên nghe bạn già.

Ông lại thì thầm với người trong hình. Loáng thoáng đâu đây là hình ảnh ngôi trường bề thế năm xưa bên hông dinh Độc Lập, mấy cậu bé trong sân chơi rượt đuổi nhau trong cái nắng ấm áp những ngày sau Tết. Tiếng cười đùa sao bỗng chốc lại hòa quyện với lời hát «hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi, để một mai tôi về làm cát bụi...».

Kỳ thiệt...

Quốc Vũ

# Trong Thế Giới Của Ba

ThaiNC

Chuyện ông bố kể về con gái : Cô bé xin nhận phần quà sinh nhật sớm để bảo trợ giải phẫu tìm lại nụ cười cho trẻ em ở một nước xa xôi. Tác giả đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ năm 2012. Ông tên thật là Nguyễn Cao Thái, sinh năm 1959 tại Huế, vào Saigon 1968, vượt biển đến Mỹ 1979, hiện định cư tại San Jose, CA.

Một hôm con gái tôi đến cạnh bên và nói rằng : mỗi năm đến ngày sinh nhật con, ba má đều có quà. Sinh nhật năm nay của con chưa tới, nhưng con có thể xin quà trước được không ?

Ô hay, đây là lần đầu tiên trong đời con tôi hỏi quà sinh nhật một cách bất thường này, và nhất là dáng vẻ quan trọng chứ không có gì tinh nghịch cả. Cháu vốn ngoan lắm, từ nhỏ đến lớn ba má cho gì thì nhận cái đó không bao giờ đòi hỏi, yêu sách bất cứ điều chi...

OK. Vậy con muốn gì ? Tôi ngạc nhiên.

Cháu nắm tay dẫn xuống nhà chỉ vào cái TV.

Chương trình truyền hình hôm đó đang chiếu show tài liệu về OPERATION SMILES. Họ chiếu một bộ phim rất cảm động về hằng trăm em bé bị tật ở miệng ở các nước nghèo như Phi Luật Tân, Lào, Ấn Độ, và cả Việt Nam đang chờ được giải phẫu. Song song với chương trình đang chiếu, họ kêu gọi sự đóng góp tài chánh để giúp cho chi phí các cuộc phẫu thuật tìm lại nụ cười cho mấy em không may mắn này. Có sẵn số phone để gọi, họ có người ngồi đó nhận phone và sẽ lo liệu các vấn đề khác.

Con nói rằng con muốn bảo trợ một em bé được giải phẫu môi.

Làm sao mà từ chối được một tấm lòng như vậy ?

Tôi nhắc phone để bảo trợ chi phí giải phẫu cho một em. Lúc nói chuyện họ hỏi có đặc biệt muốn bảo trợ cho bé nước nào, trai hay gái... ? Tôi nói không thành vấn đề, nước nào cũng được, tùy họ quyết định em bé nào cần thiết giải phẫu trước thì cứ dành cho em đó.

Sinh nhật đến, ba giữ lời hứa không mua gì thêm vì con cẩn thận nhắc quà ba đã cho rồi. Nhưng không sao, có má. Ba «hợp tác» với má làm quà sinh nhật cho con thì cũng OK thôi. Câu chuyện bảo trợ giải phẫu môi sau đó như đi vào quên lãng.

Nhiều tháng sau tôi nhận được thư của chương trình OPERATION SMILE này. Tưởng họ chỉ gởi giấy tờ về để mình khai thuế nhưng giở ra bên trong thấy có hai tấm hình của em bé mà họ đã dành món tiền bảo trợ đó cho ca phẫu thuật.

Đó là một bé gái Việt Nam khoảng 6, 7 tuổi ở vùng phía Bắc (tỉnh hay quận Lao Cai). Hai tấm hình. Một tấm chụp trước khi bé được giải phẫu và một tấm sau khi được giải phẫu và lành lặn.

Tôi không nghĩ tới việc họ sẽ gởi hình cho tôi trong thư này.

Tình cờ khi đó con tôi cũng đang ngồi cạnh bên.

Ôi cảm động làm sao !

Hai gương mặt hoàn toàn khác biệt. Tuy đôi môi của bé không thể hoàn toàn 100 % như những đứa trẻ bình thường khác, nhưng cũng được 80 đến 90 phần trăm.

Tôi đã chừng này tuổi, không nhiều thì ít cũng làm vài điều tốt lành trong đời, nhưng thú thật là chưa bao giờ thấy được một kết quả thiết thực và rõ ràng như vậy. Một món tiền khiêm tốn thôi. Cả nhà tôi đi ăn tiệm buổi tối nhiều khi cũng chừng đó, lại có thể đổi cả khuôn mặt, đổi cả cuộc đời cho bé gái này.

Như một phép lạ !

Chuyện đã khá lâu vài ba năm trước lận...

Tôi đã quên tên em bé đó, và hai tấm hình cũng thất lạc.

Thường nghe nói : có tiền mua tiên cũng được. Mua được hay không thì tôi không biết nhưng... làm tiên thì được đó.

Con có muốn làm tiên không thì không biết, nhưng tôi hơi làm lạ là con tôi không bao giờ muốn làm bác sĩ, hay cô giáo như phần đông các trẻ khác.

Bao giờ con cũng nói rằng lớn lên sẽ làm một artist.

Họa sĩ ? nhạc sĩ ? hay văn sĩ ? Chưa biết, nhưng cũng được. Hãy làm những gì con thích, miễn là hợp khả năng, và... đủ sống.

Một lần nó hỏi lại, vậy lúc nhỏ ba muốn lớn lên sẽ làm gì.

Tôi nói ba muốn làm một pilot, phi công.

Con gái gật gù ra vẻ cũng không phản đối, nhưng hỏi lại «Tại sao lại phi công ? Lý do nào ?»

Ù nhỉ. Tôi tự hỏi vì đâu tôi lại muốn làm phi công ?

Đất nước lúc đó chiến tranh, đi lính mong làm phi công là chuyện thường, nhưng tôi thì không phải như vậy, không phải muốn đi lính.

Tôi biết lúc đó mình có lý do rất chính đáng, nhưng năm tháng trôi qua không còn nhớ đó là gì.

Tôi ôm mộng làm phi công cho đến khi lớn lên phải đeo đôi kính cận, thì biết mình không còn cơ hội đó nữa.

Cơ hội thì không, nhưng mộng thì có ai cấm ?

Mùa hè vừa qua gia đình tôi đi vacation xa, sang đến tận đảo quốc Dominican Republic bên nam mỹ.

Ngồi trên máy bay thấy tôi cứ nhìn qua cửa say sưa ngắm mây trời, con gái quay qua hỏi «Any angel out there, Dad ?»

Ba có thấy cô tiên nào ngoài đó không ?

Câu hỏi của con làm tôi sực nhớ lại cái lý do tôi muốn trở thành phi công.

Lúc còn nhỏ lần đầu tiên tôi đọc được truyện hình đăng hằng ngày trên báo Chính Luận thời đó là truyện

«Tề Thiên Đại Thánh Đại Náo Thiên Cung». Thích lắm, nhứt là lúc Tôn Ngộ Không ăn trộm đào tiên của Tây Vương Mẫu, bởi vì khúc này mới có những nàng tiên thật đẹp múa hát bay lượn trong vườn đào, và thú thực là ngay cả cái hình bà Tây Vương Mẫu, theo tôi thấy, vẽ cũng đẹp lắm không thua gì mấy cô tiên kia.

Tôi say mê theo dõi chuyện Tề Thiên Đại Thánh và tìn rằng ở trên thế giới tôi đang sống, thực sự có một thế giới khác gọi là Thượng giới hay Tiên cảnh. Nơi đó có Ngọc Hoàng Thượng Đế, có Phật Bà Quan m, Nhị Lang Thần Dương Tiễn, vv... Không xa đâu, chỉ qua khỏi những tầng mây xanh kia là sẽ tới thôi. Nhưng làm sao lên được đến đó ?

Và vì vậy mà tôi muốn trở thành phi công. Chỉ có làm phi công lái được máy bay mới cho tôi cơ hội vượt lên những tầng mây kia để đi đến cái thế giới đó. Để được tận mắt nhìn thấy những nàng tiên trên báo của tôi bằng xương bằng thịt đàng hoàng chứ.

Đơn giản vậy thôi.

Bỗng nhiên nhớ lại được lý do tại sao ngày xưa muốn trở thành phi công lái máy bay, tôi thích quá kể lại ngay cho con. Nó lắc đầu cười cười có vẻ... thông cảm.

Được mấy giây con lại quay qua hỏi : nhưng khi ba đã lớn và biết không có tiên trên trời, tại sao vẫn muốn làm phi công ? Để làm gì ?

Ô hay ! tôi đang suy nghĩ câu trả lời. Con gái phì cười đấm vai ba một phát nói

- Ba khỏi cần suy nghĩ. Con biết là ba vẫn tin có tiên trên trời, phải không ? Trong thế giới của ba.

In your world

Con tôi nhấn mạnh ba chữ trên một cách thích thú.

Đúng vậy, con gái cà phê của ba ơi
Trong thế giới của ba luôn luôn có những nàng tiên.
Và ngay bây giờ ở cạnh bên,
Nàng tiên đẹp nhất đời.

ThaiNC

# Quán Bên Đường 2 Tại Nam Hàn

Ngô Văn Thu

Bài viết là một du ký độc đáo về cuộc hành hương chùa cổ tại Nam Hàn.»Quán Bên Đường» là tựa đề một trong những bài Viết Về Nước Mỹ của tác giả từ 2012. Ông sinh năm 1939. Trước 1975, là sĩ quan QLVNCH. Bị bắt tù binh ngày 16/04/1975 tại mặt trận Phan-rang. Ra tù 1984. Vượt biên 1986. Bị bắt giam ở nông trường dừa 30/04, tỉnh Trà-vinh. Năm 1987 trốn trại về Saigon. 1989 tái vượt biên đến Malaysia tháng 07/1989. Tháng 05/1993 định cư tại Houston, Texas.

Tôi có cơ duyên theo đoàn hành hương của chùa ở Houston Texas đến Nam Hàn và Nhật Bản hai tuần lễ, nhân «mùa thu lá bay»cây cảnh chuyển màu xinh đẹp.

Được biết thầy Thích. N. Đ. phối hợp cùng cô M. L. tổ chức chuyến hành hương này, hai vị trên đã có kinh nghiệm vì đã từng gắn bó với đất nước «Thái Dương Thần Nữ» cũng như xứ sở «Kim Chi» từ lâu, do đó Thầy Thích N. Đ kiêm luôn trưởng đoàn. Ngoài ra còn có sư cô Thích tâm T trụ trì ở chùa Nisshinkutsu - Tokyo đồng làm tour guide tại Nhật.

Theo chương trình đoàn sẽ đến chiêm bái các chùa ở Nam Hàn (Toàn bộ đất nước này trước đây gọi là : Triều Tiên rồi Cao Ly, rồi Đại Hàn. Nay chỉ còn một nửa phía Nam gọi là Nam Hàn, hay Hàn Quốc, phía Bắc gọi là Bắc Hàn hay Bắc Triều Tiên) bảy ngày, Nhật Bản bảy ngày từ 24/10/2013 đến 07/11/2013 rồi trở lại Mỹ.

Đoàn khởi đi lúc 7 : 00PM từ chùa ở Houston Texas. Sau khi lễ Phật cầu gia hộ, đoàn lên xe bus ra phi trường quốc tế George Bush (IAH). Check in lúc 9 : 00PM.

Mặc dù đoàn 47 người nhưng qua thủ tục an ninh ở phi trường không gặp trở ngại vì mọi người gọn gàng, đơn giản theo lời hướng dẫn trước của Thượng toạ trưởng Đoàn.

Sau một ngày đêm bay vùi trong mưa lạnh, với hai bữa cơm tàu bay tối và sáng nhạt nhẽo, phi cơ hạ cánh xuống phi trường quốc tế Bắc Kinh lúc 4 : 30 sáng (múi giờ Á Châu). Đây chỉ là trạm trung chuyển, để đổi chuyến bay, mà sao đã thấy không khí trầm uất, nhân viên phi cảng nghiêm và buồn giống như tượng đất.

Sau hơn hai giờ bay, máy bay đã đáp xuống phi trường quốc tế Incheon Seoul. Một phi trường tân tiến bậc nhất của Nam Hàn không thua các nước u-Mỹ. Quang cảnh rộn rịp, tấp nập nơi đây cho thấy một đất nước đang

bừng sống từng phút từng giây trong cảnh tự do, thanh bình.

Khác với vài giờ trước đây tại Bắc Kinh không khí người ngợm thấy khó chịu. Hai chiếc xe bus rời phi trường chở đoàn chạy dọc theo bờ sông Hàn để đến chiêm bái chùa Beopheungsa, nơi có vị Phật lớn đứng đội kinh ngoài trời. Theo chữ Tàu : Hàn có nghĩa là lạnh, là băng giá, nhưng qua hình ảnh tả hữu của sông Hàn. Phía Bắc thành phố củ. Phía Nam thành phố mới xây, cảnh sinh hoạt thật rộn ràng náo nhiệt. Xa xa hình ảnh cầu sắt vắt mình qua sông Hàn trông thật nghệ thuật và nên thơ. Đó là nét đẹp tiêu biểu đập vào mắt của du khách khi viếng thăm đất nước này.

Người Nam Hàn tin vào Đức Phật Văn Thù Sư là vị Phật mang lại sự sáng suốt thông minh đĩnh đạc cho họ, nên từ cổng vào chùa Beopheungsa, từng bồn hoa tươi được trồng tỉa tỉ mỉ, công phu rất nghệ thuật trông rất đẹp mắt. Lác đác trong bồn hoa còn có những thẻ bằng giấy kẹp tên tuổi người viếng chùa với lòng tri ân dâng lên chư Phật đã độ trì cho con cháu họ đạt được sở nguyện.

Rời chùa, xe đưa đoàn đến phố Dongdaemun, vì chiều thứ bảy cuối tuần nên giao thông bị trì trệ, phố xá đông nghẹt người. Phố nơi đây được bày bán công khai ngoài

mặt lộ, từ áo quần, giày dép, bánh kẹo làm ngay tại chỗ. Mùi thơm của gia vị, của bột đường quyện lẫn vào nhau nóng bỏng bốc hương vị ngạt ngào, khiến khách phải móc ví chi tiền.

Điểm thú vị tại đây : nhiều»quán bên đường» được dựng lên bằng chòi vải sát bờ tường. Quán không bày bán gì ngoài chiếc bàn nhỏ, trên có vài cuốn sách. Hỏi ra được biết : «quán bên đường» này dựng lên để «'chuyển tải chữ nghĩa thánh hiền» ! Nơi các «bốc sư»trổ tài thuyết phục khách qua đường xem xăm bói tướng cho những người hiếu kỳ muốn biết chuyện tình duyên gia đạo, chuyện «nóng, lạnh» âm dương» của nam nữ thế nào. Mỗi quẻ 100 yên= 85 cents.

Nam Hàn, nay là một đất nước có nền văn minh khá chói lọi trên thế giới, thế mà vẫn cho duy trì tập tục bói toán siêu hình kiểu dân gian này. Quả là đất nước có nền dân chủ, tự do, nên mọi người được quyền bày tỏ niềm tin riêng của mình.

Vì phố xá đông nghẹt khiến người hướng dẫn đoàn phải vất vả ngược xuôi để đôn đốc kiểm soát. Cuối cùng đoàn đến được một tiệm ăn chay dưới hầm nhà (basement) trong hẻm nhỏ để ăn tối.

Bữa cơm chay buffet đầu tiên trên xứ «Kim Chi» thật đáng nhớ. (Ăn chay suốt 2 tuần trong chuyến đi) Mọi người hăm hở sắp hàng lấy thức ăn. Quầy đặt thức ăn chật hẹp trưng bày mấy món ăn trông xa lạ nên chả biết chọn món nào, tất cả đều khác lạ với Việt nam ta. Những món ăn chay thuần túy của ta như tàu hủ kho, rau muống luộc, tương chao xì dầu, đã biến mất nơi đây, chỉ còn lại những món ăn không biết tên gọi, món nào cũng phảng phất mùi «kim chi» nên không cảm nhận được hương vị mà nhà hàng đã cố công cống hiến cho khách du lịch thưởng thức. Sự khác biệt văn hoá ẩm thực của hai nước khiến chưa đồng cảm với nhau trong mâm ăn. Đó là dấu ấn ngày đầu trên xứ «Kim Chi» Hàn Quốc.

Chủ nhật ngày 27/10/. 13--. 6 : AM đánh thức theo chương trình. Mọi thủ tục vệ sinh cá nhân xong, điểm tâm tại nhà hàng của khách sạn. Bữa ăn sáng có ý nghĩa với các món ăn quen thuộc ở Mỹ. Mọi người hả hê vì đã được bù đắp lại bữa ăn đêm qua.

Xe đưa đoàn đến ngôi chùa cổ Bongeunsa ngay tại thủ đô Hán Thành(Seoul). Tuy chùa có khoảng không gian nhỏ hẹp nhưng mang tính cổ truyền nên còn lưu giữ đến ngày nay. Chùa vẫn thờ ba vị Phật : Bổn Sư Thích Ca, A Di Đà Phật, Địa Tạng Vương. Đặc biệt

chùa có ngoại cảnh rất đẹp. Từng chùm hoa tươi kết thành nụ rất tỉ mỹ, công phu, khoe muôn màu muôn sắc trông thật mỹ thuật, khiến khách thưởng ngoạn khó ai không bấm máy ghi hình các tác phẩm nghệ thuật này để lưu niệm.

Rời chùa, đoàn viếng thăm khu lăng tẩm (Bleu House) của các triều đại vua chúa Hán Thành được xây từ năm 1349. Toàn cảnh cũng thành quách cổ xưa như bao vua chúa khác trên thế giới. Nhưng tiếc thay ! tại đây, nay đã bị hưng phế theo quy luật của thời gian và thời đại nên chỉ còn lại cảnh u-tịch và chuyện buồn mà thôi.

Ngày ấy, có vị con vua sau cùng 1910. Thời Nhật đô hộ Hàn Quốc, vị vua nầy bị đưa về Nhật sinh sống (một cách lưu đày), lớn lên lấy vợ Nhật, sinh được người con. Năm 1946 chiến tranh thứ hai bùng nổ. Mỹ chiến thắng Nhật, đưa người con đó về Mỹ sinh sống và, nếp sống sinh động của Mỹ đã cuốn hút vị «hoàng tử»sau cùng này đi biền biệt... thế là từ đó xứ Hàn Quốc, chế độ quân chủ bị phế đế cho đến ngày nay...

Qua các cơn binh lửa, một đất nước nhỏ bé như Hàn Quốc bị hai gọng kềm hết Tàu rồi Nhật thay nhau đô hộ cả ngàn năm. Khiến nay khi nhắc đến chuyện xưa, giọng ho (người hướng dẫn) bỗng chùng xuống không dấu được nỗi oán hờn kẻ đã gây tang thương đổ nát cho

dân tộc và đất nước họ !

Thế rồi... sau cơn bĩ cực đến hồi thới lai. Nam Hàn ngày nay đang ngẩng cao đầu cùng với thế giới khiến mọi người phải bái phục. Họ đã chế tạo được hàng điện tử cao cấp cạnh tranh với các nước tiên tiến trên thế giới, sản xuất xe hơi, máy bay chiến đấu, chiến hạm để xuất cảng qua các nước Đông Nam Á v. v...

Riêng phần phim ảnh của họ, nay đã luồn sâu vào mọi gia đình khắp cả thế giới. Đến xem phim trường Hollywood Korea của họ mới thấy nể phục. Dấu tay của các tài tử còn in xuống mặt đường nhựa khi họ về dự Festival-day tại đây.

Ngẫm người rồi nghĩ đến ta. Ngày trước 1975, Nam Hàn đứng nhìn Việt Nam Cộng Hoà trong e-dè trọng nể. Thế mà nay, cái nhìn ấy ra sao ?

Chiều cùng ngày, đoàn được tự do đi shopping tại Dongdaemun và tối về ngủ tại Maremons hotel. Rất cám ơn ban tổ chức đã tìm được chỗ ngả lưng yên ấm, lịch sự, tiện nghi, không dễ có tại xứ vật giá đắt đỏ như Hàn Quốc.

Hôm nay thứ hai ngày 28/10/2013, đoàn sẽ đi thăm chùa Sinheungsa (Tây hưng tự) nơi có tượng đức Phật Thích Ca to lớn ngoài trời, nặng 48 tấn có niên đại trên 800 năm. Đoàn phải rời khách sạn trước 7 giờ sáng để tránh kẹt xe. Quả vậy, sau hai giờ di chuyển, đoàn đã có mặt tại chân núi của chùa, nhưng nơi đây đã thấy xe cộ tấp nập, khách hành hương lũ lượt lên dốc núi. Quang cảnh ban mai giữa chốn núi rừng trông nhẹ nhàng thanh thoát, các loại lá rừng đều chuyển màu khoe sắc, tạo thành bức tranh với nhiều nét chấm phá lung linh huyền diệu tuyệt đẹp.

Khi đoàn đến được nơi tôn tượng Thích Ca thì đã thấy hương khói nghi ngút phủ quanh lư đồng đặt thờ trước tượng. Phật tử hành hương đều quỳ lạy tỏ lòng cung kính khấn nguyện. Riêng đoàn được thầy trưởng đoàn chủ trì tụng kinh yết bái với Phật có chúng con từ phương xa đến đảnh lễ Ngài.

Đoàn rời tôn tượng tiếp tục hành trình lên dốc viếng chùa. Chùa mẹ ở độ cao 550 mét, quanh chùa mẹ còn có chín chùa con trong mấy ngọn núi này. Phải xếp hàng đi cáp treo lên chùa cao, khách thập phương đã rồng rắn chờ đợi. Ước tính phải mất từ 1 đến hai giờ mới thăm được, nên chương trình phải đổi hướng qua chùa con lưng chừng núi.

Trước cảnh trí thiên nhiên hùng vĩ, trước vẻ đẹp muôn màu, muôn sắc, lòng người như được an tịnh theo từng bước đi, theo từng hơi thở. Chả bao lâu đoàn đến được sân chùa. Thật bất ngờ thấy được một bức tranh khác cũng rực rỡ trong nắng sớm được tạo bởi các vị tăng khoác y vàng đứng ngồi phơi nắng trước chánh điện chờ giờ hành lễ, trên bầu trời cao từng cụm mây trắng như ngừng trôi đang «'tịnh thiền» trên đó, tạo một thoáng nhẹ nhàng thanh khiết len vào tâm tư của người hành hương đến chốn thiền môn này.

Lễ Phật xong, rời chùa xuống núi, đi ngược dòng người đi lên, phải lách mình xen kẽ nhau trong rộn ràng náo nhiệt của ngày hội lớn. Sau đó đòan dừng lại một «quán bên đường» của chùa lập nên để gây quỹ Độc đáo quán chỉ bán toàn ngói lợp chùa có màu xanh đen. Mỗi viên 10. 000yên = 10 dollars. Đa số Phật tử đều phát tâm cúng dường. Khi tiền đã trao cho người phụ trách bỏ vào thùng phước sương, thí chủ được phát một cây viết highlight màu trắng để tùy thí chủ viết lời nguyện cầu của mình vào miếng ngói đó.

Ngày mai đây chùa được xây thêm, miếng ngói của mình cúng dường sẽ nằm trên mái chùa đâu đó quanh vùng rừng núi của Vương Quốc Phật Giáo này. Chắc chắn tâm bồ đề của mình sẽ được chói sáng dưới ánh

mặt trời, và ánh đạo vàng, âu đó cũng là niềm hạnh phúc của thí chủ. Vì vậy không ai bỏ qua cơ hội thi ân hiếm có nầy.

Tiếp tục xuống núi, trời đã tỏ rạng hơn, sương mù đã tan, nơi đây có hằng hà «quán bên đường»bày bán các loại sản phẩm địa phương cũng như các quà kỷ niệm cho khách qua đường (lúa thóc đi đâu bồ câu theo đó). Trong đó có món hàng bắp luộc(nấu), sản phẩm cây nhà lá vườn chính hiệu. Mọi người đua nhau mua sạch trong nháy mắt khiến người bán ngẩn ngơ, vì đã mấy ngày qua không ăn được món ăn nào đúng khẩu vị của Việt nam nên bắp bây giờ là «cứu cánh».

Thế mới hay, đừng xem thường mọi vật quanh ta dù bé nhỏ như bắp. Bắp đã cứu đói bao người trong lao tù cộng sản ở Việt nam năm nào... bắp lúc đó như sơn hào hải vị chứ chẳng vừa.

Thứ ba ngày 29/10/2013, đoàn đi thăm chùa Bulgapsa (Bul=Buđa-gap=First- Sa=Temple). Có nghĩa : Ngôi chùa đầu tiên trên đất nước Đại-Hàn. Được xây dựng từ năm đầu của niên đại vua Chim Ryu Baekje (384 trước công nguyên), do vị thiền sư nổi tiếng Malanda từ xứ Gandara Ấn-độ sáng lập. Ngài từ phương Nam của Ấn Độ đến trụ tại phương Đông của Trung Hoa trong suốt triều đại của vua Koryo 1349.

Cũng theo nhật ký của đại sư Seosan. Chùa được xây huy hoàng tráng lệ là vậy, nhưng đã bị phá huỷ hoàn toàn vì tay quân Nhật qua xâm lược và đô hộ đất nước Đại Hàn năm 1592. Sau đó chùa được tái thiết xây dựng lại bởi các đại sư Byukam, soyo, Ingye, BackamBeobhon và Youngdam, và cứ thế tái cấu trúc với đại sư Gogan từ 1975 và lần hồi hoàn thành suốt từ đó cho đến nay. Đã có hơn 1000 sư sải đến tu học thiền ở trong 500 phòng của ngôi chùa này. (theo bia đá ghi tại chùa).

Ngày nay khi du khách viếng chùa đều thấy những kiến trúc đồ sộ quanh mấy ngọn núi. Theo sơ đồ chỉ dẫn : muốn đi thăm thú hết toàn cảnh Phật Quốc này phải mất mấy ngày. Càng lên dốc cao cảnh trí càng đẹp đẽ rực rỡ với muôn màu sắc của cây lá chuyển màu óng ánh. Đặc biệt chùa còn có một quảng trường rộng lớn, nơi diễn ra các cuộc lễ hội của Phật tử hằng năm.

Đoàn xuống núi đúng ngọ nên được dùng cơm chay tại một ‘«quán bên đường»cạnh chân núi. Cũng mấy món ăn xa lạ với khẩu vị Việt nam, chỉ ngon miệng nhờ món kem khoai môn tím độc đáo và ly sữa đậu nành thơm đặc sản của vùng núi cao khí lạnh này. Chưa thấy hương vị nào ở Mỹ, ỏ Việt nam ngon bằng.

Trong suốt chiều dài của đất nước Hàn Quốc đoàn có dịp đi qua, đây là ngôi chùa mang âm hưởng «Thiền» đậm nét nhất, vì cảnh trí trong cũng như ngoài chùa đều thanh tịnh, êm ả, thoát tục, có sức thu hút bước chân «giang hồ» của khách dừng lại, rũ bỏ «nợ đời» khi viếng cảnh.

Cùng ngày, sau hai giờ đong đưa trên xe băng rừng, đoàn đến viếng chùa Songgwangsa temple, đây là tu viện mà ngày trước đã có 16 vị đại sư, tầm cỡ Quốc Sư thay nhau trụ trì. Chùa nổi bật sừng sững trên ngọn núi có cây lá vàng, đỏ làm phông trông như bức tranh vẽ thật đẹp.

Đoàn rời chùa, núi lặng mình nhìn theo !

Tối về đoàn được đưa tới một con tàu khổng lồ gần bờ biển và được giới thiệu đây là con tàu du lịch «Freedom» lớn nhất của Mỹ, cao 105m, dài 350m, ngang 225m, vận hành bằng năng lượng mặt trời và sóng biển, trên tàu có sân bay, nhiều khu mua sắm, triển lãm. Xem ra tàu này lớn gấp ba lần tàu Queen Mary II của Anh. Sau khi tàu ghé bến Hanwha Resort để đón đoàn du lịch người Mỹ gốc Việt qua Nam Hàn hành hương, tàu sẽ đi qua vùng biển Australia, đến Đông Nam Á, đến Thái bình Dương rồi kết thúc cuộc hành trình trên bờ biển Bắc Mỹ và «ai về nhà nấy».

Tối đó ai cũng có cảm giác mình đang lắc lư trên ngọn sóng của biển cả ngoài đại dương. Bất chợt điện thoại báo thức, mới sực tỉnh và rồi biết mình đang nằm mơ (giấc mơ tuyệt đẹp, vì nơi mình ngủ đêm qua chỉ là một khách sạn trên núi. Các nhà thiết kế đã gọt đẽo biến ngọn núi nằm cạnh bờ biển thành dáng con tàu đang neo tại bến. Từ xa nhìn vào mấy ai biết được đây là ngọn núi. Trông thật tài tình và nghệ thuật. Khen các nghệ nhân đã khéo léo «đánh lừa» được hàng vạn du khách qua đây với tác phẩm độc đáo này.

Mọi người ngẩn tò te mang hành lý xuống núi, tiếp tục hành trình. Thú vị của du lịch là sự bất ngờ !

Thứ tư 30/10/2013, đoàn viếng thăm chùa Haeinsa temple, nơi tôn thờ và gìn giữ tam tạng kinh điển của đức Phật, được khắc trên gỗ qúy. Chùa xây trên núi cao, phải lên từng bậc cấp dốc đứng khiến người yếu sức phải có người trợ lực mới theo kịp. Được biết kho tàng của chùa đang lưu trữ 81. 258 miếng gỗ qúy, mỗi miếng dài 70cm ngang 24cm và nặng 3. 25kg. Được khắc chữ bằng tay trên hai mặt gỗ. Đây là công trình giá trị có một không hai ở Hàn Quốc, đã được UNESCO của Liên Hiệp Quốc công nhận tháng 12 năm 1955 là di sản văn hoá của thế giới.

Toàn bộ kinh điển được lưu trữ trong ngôi nhà gỗ xây đặc biệt, có hệ thống cách nhiệt, cách ẩm và cách ly với người (du khách) vì sợ khi người vào thăm mang theo thân nhiệt, mang theo sinh vật bám vào quần áo cùng với thán khí, lâu ngày sẽ tác động khiến gỗ bị hư hại, vì vậy khách chỉ được nhìn từ ngoài vào và nhìn qua phóng ảnh to treo trên tường mà thôi.

Quả thật không tận mắt nhìn thấy làm sao biết được nơi đây, giữa chốn rừng núi thâm u cùng cốc này lại có một báu vật được bảo tồn công phu và cẩn trọng đến thế.

Đoàn xuống núi, núi lại ngẩn ngơ nhìn theo !

Thứ năm ngày 31/10/2013, đoàn đi chiêm bái chùa Bulguksa (Phật quốc Tự); Thăm thánh địa Seokguram Grotto nổi tiếng có tượng Phật khắc trong động đá độc nhất tại Hàn Quốc vào thế kỷ thứ 6.

Đường lên chùa rộng rãi, dốc cao thoai thoải, đi mãi đi mãi xen lẫn tiếng suối reo bên tai, tiếng gió lùa qua khe lá xào xạc, tiếng cười đùa râm rang của các học sinh mọi cấp của Hàn Quốc cùng lên. Tìm hiểu được biết : nền giáo dục của đất nước này lấy tâm linh làm nền tảng cho việc đào tạo con người. Do đó hàng tuần các trường trung tiểu học của họ đều có lịch trình đưa

nhau đến chùa chiền, miếu mạo học lịch sử, học văn hoá nước mình tại mỗi địa danh sống thực để từ đó gieo vào lòng các em hạt giống bồ đề tâm, cùng niềm tự hào về dân tộc để khi vào đời họ tận tâm phục vụ đất nước, đưa đất nước đi lên như ngày nay.

Khi đòan đã tiếp cận được tôn tượng trong hang, mà luật ở đây chỉ cho phép khách hành hương vừa nhìn vừa di chuyển để tránh đoàn người phía sau ùn ùn tiến lên.

Thật khó nói hết lòng khâm phục các nghệ nhân ngàn năm trước, làm cách nào họ có thể tạc được tượng trong điều kiện chật hẹp, tối tăm thiếu thốn mọi phương tiện không như ngày nay.

Chiều về, đoàn đi thăm bảo tàng viện Gyeongju National Museum của đất nước Nam Hàn. Khi đoàn tiến vào bên trong, đã thấy rất đông học sinh các trường đổ các em xuống đây thăm viếng. Gặp một tốp học sinh tiểu học thấy các em ai nấy đều cầm máy Iphone xin quay phim chụp hình làm kỷ niệm. Các em như những con chim nhỏ, líu lo vô tư như các cháu nhà mình. Khi được biết đoàn từ Mỹ qua, chúng mong sẽ có ngày qua Mỹ học. Cầu mong sao các em đạt được ước nguyện trong đời !.

Giã từ các em lên xe đến thăm khu lăng tẩm các vị vua Đại Hàn gần đó. Tại đây đoàn cũng phải len lỏi theo rừng người vào thăm lăng tẩm CHEONMACHONG (Heavenly horse Tomb). Điều dễ đập vào mắt là thấy được dễ dàng từng ngôi mộ của các vị vua cùng một khu rộng lớn. Không như các lăng tẩm kiểu cọ, chạm khắc rồng bay phượng mùa của vua chúa nhà Nguyễn tại Huế. Mộ của các vua Đại Hàn thật đơn sơ, chỉ là những nấm mồ cao 12. 7m, vòng mộ 157m, trên trồng cỏ như bao ngôi mộ khác của dân gian trông bình dị, dễ gây sự gần gũi, kính trọng đối với quần chúng. Mộ được xây vào thế kỷ thứ 5, 6. Có khoảng 11. 500 vật khảo cổ được khai quật. Chúng gồm có : Vương miện, cành vàng, yên ngựa và vô số vòng vàng mã não, cung kiếm, ly chén, bình đựng rượu, cùng nhiều vật nhu cầu khác trong đời sống thường nhật của vua, đều được trưng bày thật mỹ thuật và trang trọng cho người xem.

Khách viếng mộ sắp hàng lần lượt vào bên trong, vừa di chuyển vừa nhìn (cưỡi ngựa xem hoa) mà thôi, sau lưng đoàn người rồng rắn theo sát, đa số là học sinh các trường.

«Quán bên đường» tại đây chỉ bán hàng lưu niệm và hoa tươi để khách viếng mộ mua dâng lên bệ thờ tỏ bày lòng kính cẩn với tiền nhân.

Tối về đoàn ngủ tại khách sạn Gyeongju Daemyung Resort Hotel. Thật cám ơn ban tổ chức đã tinh ý chọn được những nơi ngả lưng êm ã cho đoàn sau một ngày leo núi, băng rừng mệt nhọc để còn sức ngày mai ra đi...

Sáng hôm sau thứ sáu ngày 1/11/2013 đoàn chuyển đến thành phố Busa phía cực nam của Nam Hàn. Từ thủ đô Seoul về đây đã trải qua sáu ngày. Busa có diện tích rộng lớn đứng hàng thứ hai sau thủ đô Seoul và là hải cảng chính của Nam Hàn. Theo lịch trình đoàn sẽ thăm chùa Beomeosa Temple có niên đại 1300 lịch sử, nhưng thời gian không cho phép vì di chuyển quá xa nên thì giờ còn lại chỉ đủ viếng chợ đồ biển Jagalchi của thành phố này

Chợ bày bán tất cả các loại hải sản như chợ Việt nam. Chỉ khác xa bên ta, vì được tổ chức nề nếp, sạch sẽ, văn minh hơn. Không nghe mùi tanh của cá vì tự chủ quầy hàng luôn xịt nước tẩy rửa thường xuyên. Đặc biệt họ trình bày hàng trên sạp trông đẹp mắt, rất hấp dẫn người mua. Có những loại hải sản rất xa lạ với ta chưa thấy lần nào. Xem người để biết mình. Ngay tại chợ Bến Thành Sài Gòn cũng chưa có phong cách, vóc dáng một ngôi chợ cá lịch sự như chợ cá Jagalchi của thành phố Busa này.

Ngoài chợ, các «quán bên đường» bày bán đủ thứ linh tinh, cá cơm khô, cá hố khô, mực khô, tôm khô v. v... thấy không phong phú bằng Việt-nam. Tối đoàn về khách sạn Busan Paradise Hotel nghỉ. Kết thúc ngày cuối tại Nam Hàn.

Dọc theo hành trình từ Bắc chí Nam của Nam Hàn để luồn sâu vào các chùa trên núi, nên có dịp thấy được đất nước này đang tiến bộ. Thán phục hệ thống hạ tầng cơ sở của họ. Từ thôn quê đến thành thị nơi đâu đường sá cũng tráng nhựa phẳng phiu đẹp mắt, chưa hề gặp «ổ gà» nào khi xe đi qua. Người nông dân cày ruộng bằng máy cày công nghiệp. Họ đậu xe riêng bên bờ ruộng, cày ruộng xong lái về nhà. Được biết đời sống người nông thôn được nâng lên gấp ba lần kể từ 1968 đến nay và sẽ còn lên cao hơn nữa với kế hoạch mới của vị nữ tổng thống bây giờ. Không còn cảnh nhà tranh hoặc tôn vách ván lụp xụp nghèo nàn, tất cả đều là nhà xây tường mái ngói khang trang.

Trên đường qua vùng nông thôn trù phú này, mừng cho người dân quê Nam Hàn nhưng lại không tránh khỏi thương tủi cho thân phận người phụ nữ Việt phải đành đoạn «lấy chồng xa» rồi lưu lạc như trường hợp cô gái Việt nam sau đây.

Đoàn dừng chân ở quán bên đường của một bà mẹ trẻ. Nếu không có tiếng «quát» bé trai 5 tuổi vì quậy phá quán hàng của mẹ bằng tiếng Việt, thì khó ai nhận ra người đàn bà nầy là người Việt nam. Do trời lạnh mọi người đều trùm kín thân mình, đầu cổ bằng áo quần chống lạnh. Tôi tìm đến vờ mua hàng và hỏi chuyện.

Được biết cô tên Hân, quê ở Tiền Giang Mỹ Tho, vì cuộc sống quá khó khăn, cha mẹ già đau ốm, đàn em năm đứa còn nhỏ, không kế sinh nhai đành ngã theo tiếng gạ gẫm của người môi giới «đi lấy chồng xa» hầu cứu vãn gia đình. Hân kết hôn (kết hôn chứ không kết duyên, đâu có tình yêu trước mà duyên nợ) với người chồng già người Hàn, theo thoả thuận một ngàn Mỹ kim để về làm vợ ở xứ người. Ngày ra đi theo tính toán đủ mọi chi phí của người môi giới. Chúng cướp mất của Hân 700 đô. Gia đình Hân chỉ còn nhận được ba trăm đô mà thôi. Cái giá của người con gái phải đánh đổi đời mình quá bọt bèo !

Thế rồi Hân trôi nổi trên xứ người. Hân có được đứa con trai 4 tuổi, sau đó người chồng bệnh chết, hết chỗ nương tựa, gia đình chồng trở mặt bắt Hân làm thân gái phục vụ tình dục cho họ hàng nhà chồng nếu không bị đánh đập tàn nhẫn. Chịu đựng cảnh đắng cay ê chề trên một năm, cuối cùng tự mình phải giải thoát cho mình.

Hân trốn nhà ôm con ra đi, lang thang đến khu Munmak Service Area Center quá xa nơi cô cư ngụ, cải trang để che dấu tông tích vì sợ bị bắt lại. Tại đây những ngày đầu tiên quả là gian nan. Phải nhận việc làm thấp nhất trong nấc thang xã hội, lau chùi cầu tiêu công cộng, lau chùi cống rãnh các trại gia cầm để kiếm sống nuôi con. Dành dụm, tiến dần lên một»quán bên đường» bán đồ lưu niệm cho khách qua đường vào trạm nghỉ ngơi rồi đi...

Hỏi sao Hân không về Việt nam cùng với cha mẹ. Hân nói trong ngấn lệ. Hân rất nhớ Việt nam, nhớ quê hương nhưng không dám về vì sợ nhìn thấy cảnh đói nghèo ngày trước, thà ở đây thui thủi làm ăn giúp gia đình còn hơn về để chết chùm với nhau. Một thoáng xúc động dậy lên trong tâm khiến tôi bùi ngùi thương cảm cho đời người con gái bất hạnh này. Mua món hàng nhỏ tượng trưng, kèm chút tiền làm quà như phía «bên ngoại» của Việt nam cho cháu bé thơ ngây, chơ vơ giữa dòng đời vô định của ngày mai...

Chắc rằng sẽ còn biết bao mảnh đời con gái khác đang rơi rụng khắp đó đây trong vùng Đông nam Á nầy như trường hợp của Hân, nào ai hay biết !

Nhân nói đến thân phận những người Việt nam, vì bạo quyền đàn áp phải bỏ nước ra đi, trôi dạt đó đây

để lánh nạn, xin nhắc lại chuyện người Việt cũng trôi dạt vào đất nước Hàn Quốc nầy 788 năm trước, nhưng khác với nghịch cảnh trớ trêu của các cô gái «lấy chồng xa» khốn khổ ngày nay. Ông ta được vua Đại Hàn đón tiếp rất trọng thể, được hưởng mọi ưu đãi dành cho ông và gia tộc.

Người Việt đó chính là Thái Tử Lý Long Tường. Ông sinh năm 1174, là người con thứ 7 của Hoàng Đế Lý Anh Tông và Hiền Phi là Lê Mỹ Nga. Ông đã được vua Trần Thái Tông phong chức : Thái sư Thượng trụ Quốc

Năn 1225, Trần Thủ Độ lật đổ triều đại nhà Lý, đưa cháu trai Trần Cảnh lên nhiếp chính vào hầu Lý Chiêu Hoàng, dàn xếp để Trần Cảnh lấy Lý Chiêu Hoàng và buộc Lý Chiêu Hoàng phải thoái vị, nhường ngôi để lập ra triều đại nhà Trần. Sau đó Trần thủ Độ tiến hành cuộc tàn sát con cháu nhà Lý, buộc con cháu nhà Lý phải đổi qua họ Nguyễn, rồi đày con cháu nhà Lý lên vùng núi non, rừng thiêng nước độc hiểm trở phía Bắc để sinh sống.

(Cộng sản Việt nam học thuộc bài học này, nên khi tiếp thu miền Bắc năm 1954 cũng như khi chiếm được miền Nam sau 1975 họ cũng đày ải người dân Hà Nội rồi Sài gòn lên các vùng rừng núi làm kinh tế mới.)

Năm 1226, để bảo toàn tính mạng và lo việc thờ cúng tổ tiên, Lý Long Tường đã mang đồ thờ cúng, Vương Miện, áo Long Bào và Thanh Thượng Phương Bảo Kiếm, truyền từ đời Vua Lý Thái Tổ cùng 6000 gia thuộc thoát ra cửa Thần Phù, nay là tỉnh Thanh Hoá chạy ra biển bằng ba chiến thuyền lớn. Sau một tháng lênh đênh trên biển, đoàn thuyền gặp bão phải ghé vào Đài Loan (Taiwan). Khi Lý Long Tường quyết định đi tiếp thì con trai là Lý Long Hiển ốm nặng nên phải để lại 200 gia thuộc để chăm sóc cho con và ông đi tiếp. Đoàn thuyền lại bị bão đánh dạt vào Trấn Sơn, trên bờ biển Cao Ly.

Tương truyền rằng : trước đó vua Cao Ly nằm mộng thấy một con Phương Hoàng cực lớn bay từ phương Nam đến, vì vậy ông truyền lệnh cho chính quyền địa phương trải thảm đỏ tiếp đón theo nghi lễ trang trọng, ân cần và đồng ý cho Lý Long Tường ở lại dung thân luôn trên đất nước Đại Hàn từ Đó.

Tại đây. Lý Long Tường cùng tướng sĩ, gia thuộc trồng trọt. đánh cá, chăn nuôi. Ông còn cho mở Độc Thủ Đường dạy văn (thi phú lễ nhạc, tế tự) và Giảng võ Đường dạy binh pháp, võ thuật. Học trò học rất đông.

Lý Long Tường là ông tổ họ Lý gốc Việt tại Hàn Quốc và Triều Tiên. Hiện nay hậu duệ họ Lý dòng dõi Lý Long Tường có khoảng 600 người. (Ông cũng chính là ông tổ của thuyền nhân vượt biển - Boat people... của người Việt nam chúng ta ngày nay- lời người viết).

Khi mất, ông được chôn cất tại chân núi Di-Ất, gần Bàn Môn Điếm (vùng phi quân sự giữa hai miền Nam-Bắc)...

Năm1232. Đại Hán Oa Khoát Đài, đem quân tiến đánh Cao Ly, nhưng đã bị Lý Long Tường lãnh đạo tướng sĩ, gia thuộc và quân dân địa phương đánh bại.

Năm 1253. Đại Hán Mông Ca tiến đánh Cao Ly lần thứ hai, sau 5 tháng chiến đấu cũng bị Lý Long Tường đánh bại.

Sau các chiến công hiển hách trên, vua Cao ly đổi tên Trấn Sơn thành Hoa Sơn. Phong Lý Long Tường là Hoa Sơn tướng quân. Nơi quân Nguyên Mông đầu hàng gọi là : Thụ hàng môn và vua Cao ly lập bia tại đây ghi công (di tích này hiện nay vẫn còn, theo Wikipedia).

Thời gian ở Hoa Sơn, Lý Long Tường thường lên đỉnh núi ngồi trông về phương Nam mà khóc vì nhớ về cố Quốc. Nơi ấy gọi là Vọng Quốc Đàn.

Có bài viết đâu đó kể rằng ngày 06 tháng 01 năm 1958. Tổng thống Đại Hàn Lý Thừa Vãn thời đó viếng thăm nước Việt Nam Cộng Hòa, tuyên bố với Tổng Thống Ngô đình Diệm rằng : Tổ tiên ông là người Việt Nam. Ông là cháu hậu duệ đời thứ 25 của Lý Long Tường.

Chuyện họ Lý Việt Nam tại đất Hàn từ thời phong kiến cách đây 788 năm (2014 - 1226 = 788), dù là cảnh thuyền nhân, lưu vong, nhưng vẫn cho thấy niềm tự hào lịch sử. Ngược lại, trường hợp cô gái Mỹ Tho lưu lạc trên đất Hàn, không khỏi làm người viết ngậm ngùi khi nghĩ tới hoàn cảnh của hàng chục ngàn, trăm ngàn cô gái Việt thời xã hội chủ nghĩa, bị đẩy vào cảnh phải đi «lấy chồng xa.»

Nam Hàn ngày nay đã trở thành một đất nước văn minh, tân tiến, nhưng mọi di tích lịch sử tôn giáo, dù trong rừng sâu núi thẳm vẫn được bảo trì trân trọng. Những ngôi chùa cổ ở đây vẫn dựa lưng vào núi đứng sừng sững trơ gan cùng tuế nguyệt. Đạo nhiệm mầu vẫn lan truyền như dòng suối mát, là chỗ dựa tâm linh cho quần sanh khi vào đời.

Sau bảy ngày hành hương chùa cổ tại Nam Hàn, sáng 02/11/13 đoàn rời Busan bay qua Nhật.

Xin hẹn gặp lại bạn đọc ở «quán bên đường 3 khi hành hương tại Nhật Bản.

Ngô Văn Thu

# Vết Thương Xát Muối

Orchid Thanh Lê

Ngày 2 tháng 4 hàng năm được chính thức công nhận là «Ngày Thế Giới Nhận Biết Về Bệnh Tự Kỷ» (World Autism Awareness Day) kể từ năm 2007. Chuyện được kể trong bài viết sau đây nhằm nâng cao nhận thức về hội chứng tự kỷ trong cộng đồng Việt. Tác giả Orchid Thanh Lê hiện là Phó Giáo Sư Tiến Sỹ tại Viện Nghiên Cứu Ngôn Ngữ Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ tại Monterey, California. Bài viết về nước Mỹ đầu tiên của cô là «Đi Tìm Tên Một Người Vô Danh.»

Lần về thăm cha mẹ ở Việt Nam, nghe Phong kêu đau bại một bên vai vì gắng sức vác chiếc ba-lô nặng hơn trọng lượng cho phép, một người bạn thân rủ Phong đến dịch vụ đấm bóp của những người khiếm thị. Cách điều hành của trung tâm rất đàng hoàng, họ thu nhận những người khiếm thị, dạy nghề thành thục rồi điều phối nhân viên nam phục vụ khách nam, nữ phục vụ nữ, không bát nháo như một số nơi đấm bóp trá hình mà nhiều người từng truyền miệng.

Chàng thanh niên đấm bóp cho Phong là người mau chuyện, tâm sự rằng anh bị mù bẩm sinh và cố gắng tự lập để không là gánh nặng cho gia đình.»Hổng thấy

đường khổ lắm chú ơi. Hồi trước con đi bán vé số bị trả tiền tầm bậy hoài, bây giờ được vô hội người khiếm thị và dạy nghề đấm bóp nên con đỡ khổ hơn.»

Nghe chàng trai trẻ khiếm thị kể lể, Phong chạnh lòng nghĩ đến nỗi niềm riêng «Hỏi anh nhé, nếu có người nghe được mà không nói được, đầu có óc hẳn hoi mà không suy nghĩ được, vậy bệnh đó có khổ hơn bệnh khiếm thị của anh không ?» Anh ta ngẩn người «Kỳ vậy chú, hồi nào đến giờ con chỉ nghe có người câm điếc là không nghe và không nói được; còn người điên mới không trí nhớ, chớ có ai nghe được mà lại không nói được rồi còn tửng tửng như chú tả đâu ?»

«Có chứ. Anh nghe nói đến bệnh tự kỷ bao giờ chưa?»

«Dạ, con chưa nghe. Bệnh ra sao, chú ?»

«Khi nào rảnh thì anh tìm hiểu cho biết.» Phong muốn kết thúc câu chuyện, dúi cho chàng thanh niên khiếm thị tiền thù lao rồi bước ra ngoài. Đó là một nỗi đau lớn trong cuộc đời vợ chồng Phong nếu như ai cố ý hoặc vô tình khơi gợi.

Nhân, con trai của Phong, còn được bồng trên tay lúc gia đình nhỏ của Phong được bảo lãnh sang Mỹ. Bên ngoại ai cũng khen thằng bé ngoan, ít khi quấy

khóc hoặc vòi vĩnh đòi phải có người chơi cùng. Khi Nhân vào độ tuổi mà đứa trẻ có thể nhận biết người thân chung quanh, Diệu, vợ của Phong, linh cảm sự bất thường khi con không hề trao đổi ánh mắt giao tiếp. Diệu nhận xét «Lẽ ra con mình phải biết nhận ra người lạ, người quen, nhưng đằng này con lại tránh mắt nhìn của người đối diện.»

Không ai chú ý đến sự lo lắng của Diệu, chỉ đơn giản cho đó là sự quan tâm thường tình của một người mẹ. Khi Nhân đến tuổi tập nói, Diệu càng điếng người khi quan sát con chỉ yên lặng hoặc phát ra những âm thanh ứ, é, dường như muốn giao tiếp để đáp lại.

Diệu bần thần ngắm thằng bé Nhân mặt sáng như trăng rằm, cười hồn nhiên với má lúm đồng tiền nhưng chớ hề bập bẹ tiếng nói đầu đời như «ạ» hoặc «ba.» Nhiều lần Diệu thử ngồi cách xa con, thay đổi vị trí khác nhau, rồi lắc lục lạc hoặc vỗ tay để trắc nghiệm xem con có bị điếc hay không thì rõ ràng thằng bé quay đầu lại nơi phát ra tiếng động. Diệu thở phào nhẹ nhõm, riêng Phong trách vợ «Em khéo lo. Con trai thường không lanh như con gái nên bé Nhân chậm nói là đúng rồi.»

Cô em chồng có đứa con trai sinh trước Nhân hai tháng và thằng cháu lúc đó nói chuyện như khướu. Cô gọi điện thoại trách rằng chị chiều con quá, rằng me nói chị dạy tiếng Anh cho Nhân sớm quá rồi lại nói tiếng Việt ở nhà nên thằng bé lộn xộn giữa hai thứ tiếng đâm ra không nói được. Diệu không tranh cãi, luôn cảm nhận một điều không ổn xảy đến cho Nhân.

Nhân ngày một lặng yên không giao tiếp thì Phong càng đăm chiêu tư lự. Anh Sơn của Diệu, bị thất nghiệp đúng lúc ba chị em Diệu cùng gia đình nhỏ của mỗi người được bảo lãnh sang Mỹ sau hơn mười một năm chờ đợi. Chân ướt chân ráo đến Mỹ, vợ chồng Phong chưa tìm được việc làm ngay. Thương em gái và em rể còn bỡ ngỡ nơi xứ người lại thêm quẫn trí vì thằng bé Nhân chưa biết nói, anh Sơn thúc dục hai vợ chồng lúc đó vẫn chưa biết thằng bé bị bệnh gì «Hai đứa em đưa thằng Nhân đến ông bác sĩ chuyên về thần kinh mà anh quen để xem ông chẩn đoán thế nào. Đừng ngại tiền, anh lo được.»

Vợ chồng Phong nghe lời, làm hẹn đưa Nhân đến gặp bác sĩ. Lúc đó, Nhân còn nhỏ, ngồi ngoan trong lòng mẹ nên hai mẹ con Diệu có thể ngồi chờ bác sĩ mà không cần Phong phụ giúp. Cửa phòng vừa mở, Diệu mở lời : «Chào bác sĩ, tôi mới từ Việt Nam sang. Tôi nhận thấy

có vài điều bất thường nơi con tôi nên...» Chưa nghe hết câu, ông bác sĩ nắm tay dẫn tuột Diệu ra cửa «Ở đây chúng tôi không chữa loại bệnh này, cô đưa cháu đi gặp bác sĩ khác nhé.»

Bàng hoàng tột độ, Diệu bồng thằng bé Nhân đứng như trời trồng trước cánh cửa phòng mạch đóng lại, không tin vào những gì mắt thấy tai nghe. Lúc kể lại cho anh Sơn và chồng điều xảy ra, Diệu cay đắng thốt «Em không hề nói đến sự quen biết hay xin giảm tiền khám bệnh gì đâu mà ông bác sĩ lại đối với em như vậy, thật là chuyện khó tin ở xứ Mỹ này.» Phong chán nản «Chuyện gì cũng có thể xảy ra dù ở bất cứ đâu.» Anh Sơn buồn bã ra mặt, chép miệng không giải thích nổi tại sao thằng bạn đồng môn Chu Văn An ngày xưa của mình lại nghi ngại và kén chọn bệnh nhân như vậy.

Hơn một năm sau vợ chồng Phong tách ra ở riêng khi tìm được việc làm tại một thành phố cách xa bên ngoại gần hai giờ lái xe. Nhân được gửi đến nhà giữ trẻ để ba mẹ đi làm. Chưa đầy một tuần sau đó Phong và Diệu nhiều lần nhận điện thoại của trường Nhân than phiền về thằng bé hoặc yêu cầu đến đón con ngay lập tức vì thằng bé la hét hoặc không hiểu lời chỉ dẫn của các cô giáo để làm theo. Tất tả với việc làm mới, đương đầu với sự ức hiếp của đồng nghiệp, lại thêm phần không

có thân nhân gần bên để hỗ trợ, vợ chồng Phong quay cuồng khốn đốn với sự bất thường của bé Nhân.

Sau vài tuần mầy mò thông tin, vợ chồng Phong làm được cái hẹn đưa Nhân đến một chuyên viên giáo dục trẻ đặc biệt của học khu. Bà chuyên viên lắng nghe vợ chồng Phong mô tả những hành vi lập lại nhiều lần của Nhân chẳng hạn thằng bé luôn có một thứ tự nhất định cho các màu của những miếng xếp hình, chỉ mủm mỉm cười mà không đáp lại sự chuyện trò của người thân hoặc đôi khi trồng chuối ngược trong mười phút mà không thay đổi tư thế.

Nghe xong bà bày một số trò chơi cho Nhân để quan sát cách thằng bé hành xử. Sau cùng bà gọi vợ chồng Phong lại gần, nói chậm rãi «Cháu có triệu chứng của bệnh autism.» Lần đầu tiên vợ chồng Phong nghe đến tên căn bệnh và sau này tìm hiểu thêm mới biết đó là bệnh tự kỷ. Bà giải thích bệnh tự kỷ là do những rối loạn phức tạp về chức năng não bộ gây nên, từ mức độ không có khả năng giao tiếp đến chậm phát triển tinh thần, với những biểu hiện suy giảm khả năng tương tác, quan hệ xã hội. bệnh này có liên quan đến yếu tố di truyền và môi trường; các khuyết tật bẩm sinh, môi trường nhiễm kim loại nặng hay thuốc trừ sâu, và các vacxin tiêm trong thời thơ ấu cũng có thể là thủ phạm.

Đêm về nằm vắt tay lên trán, Phong hồi tưởng mọi điều xảy ra với bé Nhân như một khúc phim quay chậm. Phong thảng thốt nhớ đến lời bà chuyên viên của phòng giáo dục đặc biệt còn vẳng bên tai «chứng tự kỷ là một khuyết tật suốt đời, nếu con của ông bà lên năm tuổi mà vẫn chưa nói được thì cháu sẽ không bao giờ nói được nữa.» Phong không tin được đây là sự thật.

Phong nhớ lại vợ mình tuy thể lực yếu đuối nhưng rất can đảm nhìn nhận thực tế. Diệu đã viết một thư cho cha mẹ chồng khi Phong đưa con về thăm gia đình sau vài năm đến Mỹ. Ông bà cụ đọc thư của Diệu do Phong đem về : «Con xin ba me chấp nhận sự thật rằng cháu nội Nhân của ba mẹ không bình thường, cháu bị một bệnh tâm thần nào đó mà con chưa rõ...». Lúc đó, cả nhà bên Phong đã hoài nghi Diệu viết thái quá; thậm chí cô em thứ sáu đòi đưa Nhân về Việt Nam cho một bác sĩ Ấn Độ làm việc ở bệnh viện Nhi Đồng chữa trị và cam đoan Nhân sẽ khỏi bệnh. Phong phải làm sao đây để bé Nhân biết nói trước khi con năm tuổi ?

Một buổi tối, Phong đưa vợ tờ báo, chỉ tay vào một góc báo có phần quảng cáo của một bác sĩ giới thiệu khả năng chữa bệnh tự kỷ, làm cho trẻ nói được và trở lại sinh hoạt như trẻ bình thường. Trái với sự lạc quan mà Phong mong đợi từ vợ, Diệu ngồi thừ khá lâu, sau

nói khẽ khàng : «Từ trước đến nay khoa học vẫn chưa tìm ra nguyên nhân của bệnh tự kỷ mà tại sao ông bác sĩ này lại quá tự tin dám quảng cáo mình chữa được bệnh?»

«Thì mình cứ thử, biết đâu.»

Diệu vẫn chưa hết băn khoăn «Dễ gì đưa được thằng bé Nhân đến văn phòng một bác sĩ mới. Con mình không hiểu chỗ đó là chỗ nào, rồi hốt hoảng, la hét, đấm đá ba mẹ. Nhân viên văn phòng thường không muốn mất khách nên chắc chắn yêu cầu mình đưa con ra khỏi chỗ đó.»

«Diệu để anh thu xếp.»

Diệu không nói thêm, biết rằng đồng tình với chồng cũng là lúc bắt đầu một nỗi căng thẳng khác vì phải đối diện một tình huống thử thách mới.

Mỗi lần đưa con đi khám bệnh là cả hai vợ chồng phải xin nghỉ làm, hứng chịu những ánh mắt lạnh nhạt, thiếu thiện cảm từ nhân viên văn phòng cho đến các bệnh nhân khác. Diệu nhắm mắt xua đi hình ảnh cố hữu mà Phong phải gồng người với những cú đá, đạp, cấu nhéo của Nhân trong lúc Diệu gập mình xin lỗi đã làm phiền những người chung quanh. Diệu chua xót nghĩ

nếu cho rằng nước Mỹ là thiên đường nơi trẻ em được đối xử ưu tiên thì điều này chắc chỉ đúng cho những trẻ em phát triển bình thường, còn trẻ tự kỷ như Nhân thì không hẳn.

Đâu phải văn phòng bác sĩ nào cũng sẵn lòng nhận các bệnh nhân tự kỷ. Họ không có quyền từ chối nếu bệnh nhân tự kỷ đó hội đủ tiêu chuẩn chữa trị nhưng thường tình họ có quyền viện lý do như không có trang thiết bị trợ giúp loại bệnh nhân này, hoặc giới thiệu đến một nơi chữa trị khác ở cách xa vài giờ lái xe, hoặc phải làm hẹn trước ít nhất sáu tháng.

Cuối tuần đó Phong làm cái hẹn để gặp người bác sĩ quảng cáo trên báo chữa được bệnh tự kỷ. Phong cố gắng chờ thật sát nút giờ hẹn mới lái xe đến phòng mạch để tránh nỗi hồi hộp cho bé Nhân. Diệu ngồi trong xe quan sát nét mặt của con thấy thằng bé bắt đầu cảnh giác ngó quanh đường phố để đoán ba mẹ đưa đi đâu. Phong tìm được chỗ đậu xe ngay trước văn phòng vì đã bàn tính trước với Diệu là cố gắng mời bác sĩ ra tận nơi xe đậu để định bệnh cho Nhân trong trường hợp Nhân không chịu theo ba mẹ ra khỏi xe.

Quả nhiên như dự đoán, khi Phong mở cửa và chỉ tay vô văn phòng ý bảo con đi theo thì Nhân bắt đầu la hét quơ tay đạp chân nên Phong đành quày quả bước vào

trong một mình. Diệu ngồi lại trong xe với con, đưa các món đồ chơi cố gắng dỗ ngọt để con quên thì giờ chờ đợi.

Độ hai mươi phút sau Phong xuất hiện, bước vội vào xe, đóng sầm cửa, mở máy chạy với nét mặt buồn bực. Lái xe được một đoạn đường, Phong bình tâm kể lại cho vợ «Vô gặp bác sĩ là anh nói ngay rằng tôi có một thằng con bị bệnh tự kỷ, rằng cháu nhất định không chịu vô gặp bác sĩ vì tính cháu hốt hoảng nên phiền bác sĩ quá bộ bước ra khỏi cửa để gặp cháu đang chờ trong xe.» Diệu đoán ngay rằng hai mẹ con mình đã không gặp ông bác sĩ tức là ông đã từ chối không tiếp bệnh nhân, bèn hỏi chồng «Ông bác sĩ lấy lý do gì mà không chịu gặp bé Nhân ?» Phong cười buồn, «Ổng ra điều kiện là nếu anh đưa được thằng bé vô văn phòng thì sẽ chữa cho nó.»

Phong nhớ lại mình đã đi thẳng vào vấn đề rằng liệu ông bác sĩ có thể chữa cho Nhân biết nói chuyện, giao tiếp được với mọi người chăng thì ông hỏi ngược lại: «Anh nhắm đủ khả năng theo đuổi việc chữa bệnh cho cháu không vì bảo hiểm sẽ không trả những dịch vụ này ?» Phong hỏi tới những dịch vụ thì ông nói đến một số phương pháp trị liệu như nhân điện, xoa bóp, v. v. Phong hỏi dò «Thế thì bác sĩ nhắm tôi phải chi trả

khoảng bao nhiêu cho việc chữa trị để con tôi có thể nói được như bác sĩ quảng cáo ?»

«Hơn nửa triệu đô la.»

«Tôi đồng ý.» Phong nói không chút đắn đo : «Bây giờ xin bác sĩ và tôi làm một hợp đồng chữa bệnh. Nếu cháu vẫn không nói được thì bác sĩ hoàn tiền lại cho tôi.»

Chưa nghe hết câu chuyện, Diệu đã thở dài vì đoán được phần kết.»Ông bác sĩ bắt đầu thoái thác và muốn dứt chuyện với anh, «Phong tiếp «anh đã hứa với lòng lo cho con bằng mọi giá để rồi sau này không ân hận là đã không làm.»

Diệu ngẩng mặt ngăn dòng lệ muốn chảy tuôn. Diệu biết chồng đã liều lĩnh chấp nhận giải pháp chữa bệnh cho con trong khi hai vợ chồng còn ở thuê căn apartment chật chội thì lấy đâu ra số tiền lớn mà đánh cuộc một sự chữa trị hòng đem lại cuộc sống bình thường cho con.

Sau một loạt kiểm tra sức khỏe và giám định tâm thần, bé Nhân được chấp nhận là bệnh nhân của tổ chức San Andreas Regional Center (SARC) chuyên trợ giúp những gia đình có thân nhân bị bệnh tâm thần. Nhân được sắp vào lớp học dành cho trẻ có nhu cầu đặc biệt.

Học khu dành ra một góc trường học của trẻ bình thường, thiết lập một dãy nhà lắp ráp trên những bánh xe kéo để làm lớp học cho trẻ khuyết tật. Chỉ có khoảng dăm, bảy trẻ trong một lớp học đặc biệt. Mỗi buổi sáng có một xe buýt ngắn đến tận nhà đón trẻ và buổi trưa đưa về tận nhà.

Đối với các trẻ bình thường, sau giờ học chính khóa, các em có thể theo các chương trình ngoại khóa do trường hay các trung tâm tổ chức để phụ huynh có thể làm việc đến cuối ngày rồi mới ghé đón con; nhưng đối với trẻ tự kỷ thì phụ huynh không dễ tìm một nơi hoạt động tương tự cho con mình. Ngay cả nếu may mắn tìm được chỗ gửi con thì tiền gửi trẻ khuyết tật rất đắt so với tiền gửi trẻ bình thường.

Tại các buổi họp với nhà trường để lập ra chương trình giáo dục cá nhân (được gọi là IEP, Individualized Education Program) cho Nhân, hai vợ chồng Phong đấu tranh không mệt mỏi để kỳ nài thêm từng mười lăm phút cho giờ tập nói của con, nêu cho giới chức liên quan thấy cảm giác bị cô lập của phụ huynh trẻ tự kỷ vì không nhận được trợ giúp cụ thể.

Phong đưa ra sự đối sánh cho thấy nỗi bất công phụ huynh phải chịu đựng khi không thể tìm người trông con sau giờ học : tại lớp học của trẻ khuyết tật, ngoài

giáo viên chính, mỗi trẻ còn có riêng một phụ giảng, đó là chưa tính đến sự hỗ trợ của chuyên viên chỉnh âm và vật lý trị liệu; ngược lại, ngoài thời gian đi làm thì vào buổi chiều tối, cuối tuần và dịp nghỉ lễ phụ huynh thêm mệt nhoài đuối sức với con.

Diệu dẫn chứng sự tắc trách trong công tác cung cấp thông tin liên quan đến các phụ huynh gốc Việt có con em bị bệnh tự kỷ, đó là việc tổ chức SARC dùng phương tiện Google Translate để dịch thông tin một cách máy móc, kết quả là nội dung muốn chuyển tải bằng tiếng Việt trở nên vô nghĩa hoặc mơ hồ, khó hiểu. Nản thay, tiếng nói được gióng lên không biết bao lần nhưng sự hồi đáp chung quy vẫn là : ngân sách hạn hẹp.

Càng lớn thêm thì nỗi bức xúc của Nhân càng nhiều vì Nhân không thể giao tiếp bằng lời nói, chỉ còn cách thể hiện bằng sự giận dữ. Diệu tự học thủ ngữ để dạy thêm giao tiếp cho con nhưng Nhân chỉ diễn tả được vài nhu cầu sơ đẳng như muốn ăn hoặc muốn uống vì khả năng nhớ của thằng bé rất giới hạn.

Đang ngồi chơi Nhân có thể bỗng dưng cười sằng sặc hoặc khóc thút thít; Nửa đêm Nhân mất ngủ, trằn trọc đấm thùm thụp vào ngực mà không hề biết đau. Cảm giác hốt hoảng dẫn đến sự thiếu kiên nhẫn khiến Nhân giộng tay ầm ầm vào cửa kính xe, giáng những quả đấm

mạnh tay và liên tục đến độ làm thủng bức tường các-tông trong nhà thuê, thậm chí tấm thân gầy guộc của Diệu cũng là mục tiêu cho Nhân trút bỏ sự phẫn uất. Mà nào Nhân ghét bỏ người mẹ sinh ra mình cho cam bởi lẽ thằng bé vừa dang tay đánh mẹ vừa bật khóc tấm tức.

Cuộc sống tất bật, líu quíu với căn bệnh của con đánh mất đi nếp sinh hoạt bình thường mà Phong và Diệu cần có. Ngồi ăn chung bữa cơm với nhau ư ? Không thể nào, một người phải ăn trước vội vàng để còn trông Nhân cho người còn lại cũng vội không kém lua cái gọi là đồ ăn vào miệng. Đi ra ngoài với nhau chăng ? Hãy quên đi, một người phải ngồi trong xe với con và chịu trận với tiếng nhạc ồn ào do Nhân vặn từ ra-đi-ô trong khi người còn lại tất tả vào chợ hoặc tiệm mua những thứ đã ghi vội vào bộ nhớ trong đầu.

Một tối nọ, Diệu tình cờ nhận điện thoại của một người bạn sau vài mươi năm mất liên lạc. Diệu ngấm ngầm kêu khổ vì Nhân đang quấy dù có Phong ngồi kề bên cố gắng giúp con đằm tính để Diệu rảnh trí nói chuyện điện thoại. Diệu vừa nghe cô bạn liến thoắng vừa ậm ừ đáp lại trong khi mắt còn mải dõi con. Sau một hồi lâu nói chuyện, cô bạn thảng thốt kêu : «Sao nãy giờ con chó nhà Diệu cứ tru lên hoài vậy, nó đòi gì chăng ?» Diệu cười mếu, «Ừm, thôi cho Diệu dừng lại

nhé.» Diệu hiểu rằng cô bạn sau bao năm xa cách chỉ vô tình hỏi chứ cô nào biết con của Diệu bị bệnh tự kỷ.

Một lần khác, một đồng nghiệp của Diệu nghe phong phanh từ ai đó rằng Diệu có một đứa con không bình thường, bà ta sấn lại vòng vo kể một trường hợp người quen của bà có đứa con bệnh tương tự giống Nhân nhưng không biết tìm sự trợ giúp ra sao. Diệu tình thật, sốt sắng hỏi tới để liên lạc và chia sẻ những kinh nghiệm trải qua. Cuối cùng bà đồng nghiệp nói quấy quá đủ cho Diệu đoán ra rằng thiên hạ chỉ muốn thỏa mãn lòng hiếu kỳ bằng cách bịa đặt một câu chuyện hòng bòn rút thông tin đem đàm tiếu.

Lần khác, một người bà con khi biết bệnh trạng của Nhân, giở giọng an ủi «May là thằng bé sống ở Mỹ nên cha mẹ sẽ được lãnh tiền SSI của thằng bé suốt đời.» Phong nghe kể lại, nghiến răng lẩm bẩm «giá quý vị mà có một đứa con tự kỷ thì sẽ biết thế nào là lễ độ.» Diệu lặng lẽ thở dài, hiểu vì cớ sự nào mà chồng phải thốt lên những lời cay đắng như vậy.

Mỗi sự trải nghiệm với nhân thế là một vết thương lòng cho vợ chồng Phong mà dường như mỗi vết đâm ngọt lụi ở nhiều chỗ khác nhau trên cơ thể đem đến cảm giác đau đớn không giống nhau. Ngay chính trong những buổi gặp gỡ giữa các phụ huynh có trẻ tự kỷ, có

bà mẹ cứ hỏi Diệu về những tiến bộ của Nhân nhưng kỳ thực bà muốn khoe khoang sự vượt trội của thằng bé Bryan con bà so với Nhân. Bà đã không biết rằng bệnh tự kỷ trải rộng ở những cấp độ khác nhau. Bà không giải thích được tại sao Bryan có khả năng giao tiếp cơ bản với mọi người hoặc khi nghe đọc truyện trong lớp thì giơ tay hăng hái trả lời câu hỏi trong khi những đứa khác như Nhân thì nghếch mặt ngồi yên như vịt nghe sấm. Bởi lẽ Bryan chỉ có biểu hiện nhỏ của bệnh tự kỷ mà khoa học gọi là hội chứng Asperger và những người mang hội chứng này có khi trở thành thiên tài trong một số lĩnh vực như nghệ thuật, toán học, vân vân.

Từ sự hiểu biết hạn chế về căn bệnh thế kỷ này, những câu hỏi thiển cận cho cha mẹ có trẻ tự kỷ ở cấp độ nặng như Nhân luôn được lập đi lập lại «Tại sao đứa này nói được mà Nhân thì không ?», «Tại sao Nhân không hành xử được như đứa kia dù cả hai cùng bị bệnh tự kỷ ?» Cảm xúc dần dà trở nên chai lỳ, vợ chồng Phong không còn nghĩ đây là những lời hỏi han tử tế hoặc biểu lộ sự chia sẻ nên không nhất thiết phải biện bạch. Hoặc vợ hoặc chồng sẽ thản nhiên đáp «Tại kiếp trước ở ác nên kiếp này phải chịu.»

Mỗi ngày Nhân phải uống các loại thuốc chống trầm cảm hoặc giảm tính hiếu hoạt nhưng đôi lúc vẫn không dịu được cơn nóng giận và cảm giác hốt hoảng. Trên thực tế, chưa có loại thuốc nào được dùng chính thức để chữa bệnh tự kỷ vì cho đến nay nguyên nhân gây ra bệnh vẫn chưa được xác quyết thì huống hồ gì là thuốc điều trị. Các bác sĩ chỉ kê toa theo dạng bệnh tâm thần và điều này khiến Phong tranh cãi thường xuyên khi được đề nghị đổi thuốc dùng cho con vì Phong cho rằng Nhân được điều trị như một đối tượng thử nghiệm các loại thuốc mới. Có loại thuốc buộc Nhân đòi ăn liên tục và tăng cân đáng kể. Có một ngày khi Phong đang dở tay vá sửa những thứ hư hại do con gây ra trong lúc nóng giận, Diệu chưa nấu ăn xong thì Nhân đã giận dữ hất tung đồ ăn và sấn lại đấm đá mẹ. Nghe tiếng thét la Phong chạy bổ ra nhưng vẫn không kịp trở tay. Phong chết lặng với hình ảnh Nhân đã qua cơn bức xúc, lấy tay xoa ngực chỉ dấu ân hận, thức ăn đổ tung toé còn bốc khói trên sàn trong khi Diệu vẫn cố thủ ở một góc bếp, hai tay che đầu khóc nức nở và rối rít xin lỗi con. Đau đớn đi đứng lom khom mất vài tuần, Diệu hai tay quờ quạng che chắn khi con tiến lại gần.

Về thăm cha già mẹ yếu bên quê nhà, lòng Phong xốn xang nghĩ đến vợ một mình chịu đựng từ áp lực việc làm đến đương đầu với đứa con tự kỷ. Nỗi bất an đeo đuổi Phong khi đọc những dòng điện thư vợ gửi «Nhân bây giờ đang yên lặng chơi một mình nên em viết đến anh ngay kẻo lại bận bịu nữa. Hôm thứ ba là sinh nhật Nhân. Em mua tám đô la được mười hai cái cupcakes nhờ xe buýt chở theo Nhân đến trường. Em cũng tặng bà tài xế một hộp bánh nhỏ nữa để bà vui vẻ mang giúp bánh cho Nhân.» Nhân ơi, con lớn thêm một tuổi thì ba mẹ lại già đi một tuổi mà vẫn chưa tròn bổn phận với con.»Những lúc này Nhân ăn khỏe và lớn bộn. Em mới làm đồ ăn đây mà quay đi quay lại Nhân đã ăn hết. Cuối tuần em trả tiền để họ giữ Nhân trong ba giờ, vừa đủ để em dọn dẹp rồi đi mua đồ ăn hợp ý cho Nhân, không còn thì giờ ngồi nghĩ xem mình là ai.»

Ôi, chỉ một điều đơn giản là ngồi xuống, chỉ ngồi yên, không cần nghĩ ngợi gì, mà người bạn đời của Phong vẫn không thể thực hiện.

Từ khi Nhân chào đời, vợ Phong có bao giờ dám mơ một ngày cuối tuần hay ngày nghỉ lễ theo đúng ý nghĩa của nó; thậm chí ngày phép của hai vợ chồng cũng tận dụng tối đa vào những quãng thời gian trường cho Nhân nghỉ giữa kỳ khi không thể tìm được người trông con.

«Ngày hôm qua Nhân nổi nóng đánh em nhiều lắm nhưng bây giờ em hết đau rồi, chỉ còn lại trong tim nỗi buồn day dứt. Nếu có ai phụ trông Nhân độ một giờ để em nghỉ ngơi lại sức thì tình hình không quá xấu như vậy.»

Phong gục đầu tê tái, bặm môi muốn rướm máu, gõ rời rạc ít dòng cho Diệu «Vợ ơi, thật là buồn khi đọc thư em. Cuộc sống của vợ chồng mình thật đau khổ. Buồn quá đi thôi. Diệu ơi Diệu ơi anh muốn lúc này ở bên em.»

Trở lại Mỹ từ chuyến về thăm nhà, Phong nhìn vợ tiều tụy thêm mà lòng quặn thắt. Diệu đã phải vô cấp cứu vì suy tim và sớm muộn gì cũng không tránh khỏi một cuộc giải phẫu.

Từ khung cửa sổ, Phong đứng lặng lẽ, mắt đăm đăm nhìn vào những đám mây tựa như các mảnh ghép trong trò chơi ráp nối để tạo thành một bức tranh tổng thể. Mảnh ghép là hình tượng của bệnh tự kỷ. Sự đa diện của mảnh ghép như một thách đố tìm tòi sự tương thích cho trẻ tự kỷ mà trong thế giới hiện thực này bản thân trẻ đã tạo cho mình một trật tự nhất định, một cách nghĩ suy riêng mà nhân gian cho là mơ hồ, lẫn lộn.

Có trẻ tự kỷ nào lớn lên mà biết rằng mình là một sự khiếm khuyết hay gánh nặng do chính môi trường chung quanh tạo ra ? Câu trả lời không dành riêng cho Phong và Diệu.

Viết xong 28 tháng 2, 2014

Orchid Thanh Lê

# Lại Sắp Tháng Tư

Triều Phong (TPN)

Tác giả tên thật Trần Phương Ngôn, là một thuyền nhân sống ở trại tỵ nạn PFAC của Phi Luật Tân gần mười một năm và chỉ mới định cư tại Hoa Kỳ từ 2004. Hiện hành nghề Nail tại tiểu bang South Carolina và cũng đang theo học tại Trident Technical College. Triều Phong từng góp nhiều bài viết đặc biệt. Bài mới của ông là một tự sự về Tháng Tư Đen đang trở lại.

Hằng năm cứ gần đến tháng Tư là người tôi lại bức bối bần thần, buồn bực vô duyên cớ. Tôi dễ cau có, gắt gỏng với bất cứ chuyện gì, với bất cứ ai. Nhiều người trách móc, bảo tôi là kẻ khó chịu. Tôi im lặng chấp nhận, không giải thích, nhưng tận trong thâm tâm tôi thì tôi biết nguyên nhân là do bởi biến cố 30 tháng 04 năm nào mà thôi.

Ngày đó, tôi chỉ mới là một thiếu niên chứ chẳng phải là ông, là bà hay có danh phận gì cả, nhưng chả hiểu làm sao mà các hình ảnh thua trận đớn đau, những chính sách cai trị mị dân, tàn bạo, vô nhân tính của các tháng ngày khổ cực sau đó dưới chế độ cộng sản, những đêm họp tổ dân phố ngồi gục đầu để đám cán bộ lơ láo của phường khóm lên lớp nói hươu nói vượn, chửi bới

tàn tệ mà mình phải lắng nghe ấy cứ ám ảnh, đeo bám lấy tôi đến tận bây giờ.

Nhớ lần tên cán bộ Thành Đoàn Thành Phố Hồ Chí Minh tới trường Lasan Taberd sỉ vả một trận dữ dội vì cuối năm đó không biết học sinh nào đã dám ném quả lựu đạn khói lên trên sân danh dự trong giờ ra chơi làm náo loạn cả trường. Lúc đó hắn đã phùng mang trợn má vỗ bàn hét vào cái micro tội nghiệp như sau «các anh còn may mắn lắm mới được học ở đây bởi lẽ ra chúng tôi đã tịch thu trường này lâu lắm rồi vì trường này chuyên đào tào ra cái bọn phản động không thôi. Thằng Thiệu, thằng Diệm đều học ở đây...»

Khi nhắc đến tên hai ông tổng thống của Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa thì giọng hắn lại vút lên cao, nghe the thé đến rợn người. Cả hội trường im thin thít. Thầy trò tiu nghỉu như mèo mắc mưa. Phần các cô giáo thì mặt mày tái mét, cắt cũng không còn giọt máu. Trông thật tội nghiệp, đúng là «mũi dại lái chịu đòn» chẳng sai ! Lúc ấy tôi nghĩ thầm trong bụng là ý hắn muốn nói ông Thiệu, ông Diệm cũng đều học trường dòng Lasan vì ai cũng biết hai ông là cựu học sinh Lasan Pellerin ngoài Huế ! Thời gian lặng lẽ trôi theo tháng ngày, tuy làm ra vẻ khoan dung độ lương nhưng năm sau chúng cũng tịch thu trường và đuổi bọn tôi ra lấy trường làm

trường Trung Học Sư Phạm rồi hiện giờ là Trung Học Phổ Thông Trần Đại Nghĩa.

Chiều nay đi làm về, thay quần áo xong xuôi tôi lững thững bước ra phòng khách. Nhìn thấy cuốn Vietnam War mà thằng con tôi mới mượn trong thư viện của trường đang để nằm trên bàn tôi vội với lấy cầm lên xem. Tôi cảm thấy vui vì bây giờ nó bắt đầu biết tìm hiểu về quê hương Việt Nam của nó rồi !

Mấy năm về trước khi con tôi được năm tuổi tôi đã bắt đầu nói cho nó nghe về nước Việt mến yêu, kể khái quát về chiến tranh Việt Nam, về cuộc đời thuyền nhân của tôi, về chuyện mẹ nó đi theo diện HR (The Humanitarian Resettlement) của ông ngoại nó, và đó là tất cả các lý do tại sao nó có mặt nơi đây nhằm muốn tránh cho nó khỏi rơi vào cái cảnh không biết gì cả về nguồn gốc của mình như một số trẻ em Việt Nam mà tôi đã gặp. Ngoài ra tôi còn tìm kiếm sách sử nào viết trung thực về chiến tranh Việt Nam cho nó đọc. Tôi đã hỏi thăm anh Nguyễn Đình Thắng, giám đốc cơ quan BPSOS (The Boat People SOS) và được anh hướng dẫn mua cuốn Việt Sử (Vietnamese History) bằng tranh của tác giả Trần Việt Nam do nhà sách Việt Long xuất bản năm 2000 với song ngữ Việt-Anh viết từ thuở tạo thiên lập địa giữa ông Lạc Long Quân lấy bà u Cơ sinh ra

trăm cái trứng cho tới lúc vua Hùng dựng nước, đến khi miền Nam sụp đổ năm 1975 và sau này. Nhờ vậy mà hôm nay con tôi đã có được một hiểu biết căn bản về lịch sử Việt Nam khi vừa đúng chín tuổi !

Với riêng tôi, tôi nghĩ đó là bổn phận của mình và là một điều quan trọng mà con tôi không thể thiếu trên xứ người. Từ mong muốn ấy, tôi đặc biệt quan tâm tới những sách báo nào nói về chiến tranh Việt Nam. nên đêm nay tôi muốn xem coi quyển sách này nói gì vì tôi sợ nó được viết bởi những người phản chiến thì sự hiểu biết của con tôi sẽ bị lệch lạc đi do đó điều đầu tiên tôi muốn biết là tìm hiểu xem tác giả này là ai trước cái đã.

«Stuart Murray, «một cái tên nghe rất lạ ! Ông là chủ bút, chính trị gia, sử gia, lãnh tụ của Đảng Bảo Thủ Tiến Bộ Manitoba, Gia Nã Đại. Tác giả của hơn bốn mươi quyển sách. Ngoài ra ông còn là một phóng viên, ký giả, nhưng được biết tới nhiều hơn như là một người chủ bút.

Vietnam War do nhà sách DK ở New York, Hoa Kỳ, xuất bản ngày 16 tháng 05 năm 2005 nhưng in tại Trung Quốc, tức là chỉ mới đây không lâu. Bỏ qua mấy phần giới thiệu về vũ khí, phương tiện, chiến cụ các loại của cả hai khối cộng sản lẫn tư bản dùng trên chiến trường Việt Nam tôi cũng mất hai tiếng đồng hồ để đọc những

chương còn lại vì cuốn sách này chỉ viết một cách đơn giản những sự kiện chính cho học trò lớp ba. Tuy nhiên nó rất là quan trọng có ảnh hưởng sâu xa cho lớp tuổi này vì nó đặt nền móng cho nhận thức của chúng ngày sau. Bởi vậy nó rất hệ trọng không thể coi thường được!

Trong chương «The Fall of Saigon» tác giả rất trung thực khi viết rằng thứ nhất là vì chính phủ Mỹ đã không giữ lời hứa giúp quân đội và chính quyền Việt Nam Cộng Hòa như cam kết nếu Cộng Sản Bắc Việt tấn công Miền Nam, vi phạm Hiệp Định Paris được ký kết vào năm 1973. Thứ hai là Quốc Hội Hoa Kỳ cắt quân viện. Việc Tổng Thống Gerald Ford đã không có bất kỳ phản ứng nào khi cộng sản chiếm tỉnh Phước Long vào tháng Mười Hai năm 1974 khiến cho Miền Nam Việt Nam lọt vào tay cộng sản mùa Xuân năm 1975. Một sự bỏ rơi bị lên án nặng nề !

Cách trình bày đúng đắn của Stuart Murray khi ông trả lại sự thật cho lịch sử khiến tôi kính trọng ông. Duy chỉ có ở chương «Aftermath» trong phần nói về «The boat people» thì tác giả cho rằng ngoài chuyện hơn một trăm ba mươi ngàn người được chính phủ Mỹ di tản đi vì lý do chính trị vào các ngày cuối tháng 04 năm 1975 thì số người trốn khỏi nước bằng thuyền sau đó là do bởi kinh tế thì không hoàn toàn đúng hẳn !

Có thể nói là ai cũng nghĩ sau 1975, cuộc chiến Việt Nam kể như xong.»C'est fini !» nhưng không. Sự thật là không phải vậy vì cuộc chiến vẫn chưa tàn ! Có mất chăng là mất chính thể Việt Nam Cộng Hoà mà thôi. Một chính phủ được quốc tế công nhận hợp pháp về mặt pháp lý. Một lực lượng đối đầu trực tiếp với cộng sản.

Sau ba mươi chín năm, bây giờ chúng ta thấy lực lượng này đã bị thay thế bằng một thế lực khác. Nếu ngày xưa chính phủ Mỹ đứng sau lưng VNCH để hổ trợ thì nay họ là lực lượng chính đối đầu trực diện với Hà Nội. Và chiến tranh đã chuyển sang một hình thái khác, từ đấu tranh quân sự sang tranh đấu đòi hỏi dân chủ nhân quyền cho Việt nam trong xu thế mới của thời đại !

Bánh xe lịch sử vẫn chuyển động không ngừng, trào lưu xã hội chủ nghĩa trong nước đang chuyển đổi sang mô hình dân sự dưới sự đấu tranh ngày càng lớn của người dân khi chủ nghĩa cộng sản đang mất dần đi cái mà chính quyền của nó cho là «ưu việt !»

Phong trào xã hội dân sự hình thành hơn năm qua đã góp phần mạnh mẽ vào dòng phản kháng đòi các quyền căn bản của con người ở trong nước. Đó là nền tảng cho một xã hội dân chủ, nhân quyền đầy đủ trong tương lai.

Nương theo chiều gió này, thế hệ người Việt, một rưỡi hay hai, là lớp người trẻ lớn lên ở hải ngoại được ăn học đầy đủ, có trình độ văn hóa cao, hấp thụ tinh thần dân chủ khuôn mẫu của một đất nước tự do với Tam Quyền phân lập đã tiếp bước cha ông thuộc thế hệ thứ nhất để dấn thân tranh đấu cho quê hương !

Phương thức tranh đấu của lớp người Việt trẻ hiện nay ở hải ngoại là chúng ta thấy có nhiều cá nhân bắt đầu tham gia vào chính trường để góp tiếng nói đại diện cho cộng đồng được hiệu quả hơn. Tại các nước, nhiều đoàn thể đi vận động với các tổ chức nhân quyền quốc tế như Human Rights Watch hay Liên Hiệp Quốc cho quyền lợi của người dân trong nước. Ở Hoa Kỳ thì họ lại thường tìm sự ủng hộ từ các dân biểu hoặc thượng nghị sĩ, quốc hội thậm chí tới cả tổng thống để yêu cầu họ áp lực với chính phủ Việt Nam phải tôn trọng nhân quyền, thực thi dân chủ, nếu muốn góp mặt trên trường quốc tế.

Ngoài ra, lợi dụng thời đại hi-tech, computer, internet phát triển mạnh mẽ họ còn kết hợp với các trang mạng Facebook, Twitter để liên lạc khắp toàn cầu, chuyển thông tin đi một cách nhanh chóng và chính xác mà các chính phủ độc tài hay cộng sản không thể bưng bít được. Việc sử dụng các phương tiện truyền thông đưa

ý niệm dân chủ, nhân quyền tới người trong nước này thường đạt được hiệu quả rất cao nhờ sự phối hợp mau lẹ, nhuần nhuyễn và nhịp nhàng. Họ cũng tích cực hỗ trợ những người đang tranh đấu ở quốc nội đang bị bắt bớ tù đày bằng cách tập hợp lại, mang các tranh đấu ôn hoà ấy thành kiến nghị, thành các phong trào vận động cho nhân quyền Việt Nam, tạo sức mạnh rộng khắp để áp lực Hà Nội thực thi dân chủ, cải thiện nhân quyền, trả tự do cho các tù nhân lương tâm chỉ vì những đòi hỏi tự do tôn giáo, tự do báo chí của họ... v. v...

Dù vô tình hay hữu ý, họ cũng đã trở thành một lực lượng đấu tranh mới, để tranh đấu cho một Việt Nam tươi sáng mai sau.

Hôm nay, ba mươi chín năm tính từ ngày chính thể Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ đến bây giờ, từ một cậu bé ngày xưa đã lăn lộn đến hơn nửa đời người đi tìm tự do tôi chợt hiểu được hai chữ «cơ trời !»

Theo dõi những tin tức thời sự, thấy tiếng nói đòi hỏi tự do, dân chủ, nhân quyền, bảo vệ đất nước chống ngoại xâm phương Bắc ngày càng vang lên dõng dạc hơn, cả trong lẫn ngoài nước.

Đúng là chế độ cộng hoà tại miền Nam đã sụp đổ. Đúng là hơn một thế hệ quân dân miền Nam tự do đã bị vùi dập. Nhưng lý tưởng tự do dân chủ mà họ từng chiến đấu bảo vệ thì vẫn còn còn đó và ngày càng toả sáng cả trong lẫn ngoài nước.

Cuộc chiến chưa tàn. Một lớp người mới, thế hệ mới đã nhập cuộc.

Lại một Tháng Tư sắp trở lại. Buồn bực, bần thần chắc chưa hết, nhưng hy vọng từ Tháng Tư năm nay, gã thiếu niên đầy phẫn uất trong tôi năm xưa, từ đây sẽ không còn bức bối, tuyệt vọng nữa.

Cuộc chiến chưa tàn và tự do, dân chủ, khát vọng đích thực của dân tộc, sau cùng sẽ chiến thắng.

Viết tại Miami Township-Ohio, một ngày cuối đông, 06 tháng 03 năm 2014

Triều Phong (TPN)

# Chuối, Vỏ Chuối Và Da Mặt

Nguyễn Viết Tân

Trái chuối, đặc biệt vỏ chuối, (hình bên) là thần dược trị da, xoá sạch cả mụn cóc lẫn đồi mồi trên da, cải lão hoàn đồng. Người đã thử nghiệm bài thuốc «trong ăn ngoài thoa» này là tác giả sách «Chuyện Miền Thôn Dã», giải bán kết năm 2001, thêm giải Việt Bút 2010, và là thành viên Ban Tuyển Chọn Chung Kết Viết Về Nước Mỹ từ 2012.

Năm rồi bị con gái út hù quá, rằng thì là ba bị cao máu mà không chịu uống thuốc có ngày vỡ mạch máu chết quay tai ra mà không ai biết. High blood pressure là silent killer đó.

Thế là ngoại trừ thuốc Losartan bác sĩ bắt phải uống mỗi ngày 1 viên, kỳ dư cứ nói đến thuốc là tôi lại giữ thái độ hoạt kê kêu là thuốc cứt dê.

Nói thế chứ trong lòng tôi vẫn có những kỷ niệm với những món thuốc «hỡi ơi» không biết sao mà nói.

Hồi còn nhỏ tôi bị một mụt cóc, mà người bắc gọi là mụn cơm khô, trên lưng ngón tay trỏ bàn tay phải, ngay chỗ khớp thứ nhất.

Nó cũng chẳng làm phiền gì mấy ngoại trừ lúc chơi bắn bi kiểu con nít bắc, mình cứ ma giáo ủi tới để bắn chính xác hơn, vì gần hơn.

Chơi bắn bi (culy) như kiểu nam là bắn bằng sức ngón trỏ của bàn tay trái, trong khi kiểu bắc thì viên bi nằm trong lòng cạnh bàn tay rồi dùng lực của ngón cái bắn đi.

Cái mụn cóc đó bị lết trên đất khô nên nhiều khi toé máu, đau kể gì.

Trong lớp tôi còn có anh Bào bị cơm khô dưới mu bàn chân. Nó mọc nhiều lắm, mụn mẹ mụn con mọc từng dề. Có khi anh lấy lưỡi lam gọt đến chảy máu mà càng ngày nó lan ra càng nhiều. Da chân anh hơi đen, lúc lội nước những đầu mụn cóc trắng bệch ra coi ghê thấy bà.

Thế mà rụp một cái, nó biến hết lúc nào chính anh cũng không hay.

Hỏi thì anh nói có lần lội xuống cái ao rơm thối vì rượt con gà con vịt gì đó, thế mà tự nhiên hết.

Nhưng mụn cơm trên tay tôi cứ còn đeo đẳng hoài, càng ngày càng lớn, cứ nhìn thấy nó là bực.

Anh Lãng thấy tôi than phiền mới bảo cậu cứ lấy một ít cỏ chỉ, quấn một nùi cỡ bằng nắm tay, đem vùi xuống bùn ngoài ruộng, năm ba ngày sau móc lên thì nó ủng ra, màu hơi vàng uá, lấy nắm cỏ thối ấy mà chà xát lên mụn cho chảy máu ra.

Tôi làm theo và khi để ý đến cái mụn thì nó đã biến mất từ lúc nào rồi.

Năm nay tôi 64 tuổi, da mặt đã lão hoá nhiều, và chắc là do di truyền từ mẹ, mặt tôi nổi nhiều nốt nâu đen, nó không phải là tàn nhang mà chính là đồi mồi vì lồi hẳn lên da.

Già thì mặt nổi từng dề mụn ấy là sự thường, họ còn nói ai có nhiều đồi mồi lại càng sống dai, nghe vậy mình cũng an tâm dù hiện nay đang là một mầm non nghĩa địa.

Chắc chắn là gương mặt trông xấu xí đi nhiều, nó lốm đốm như con cắc kè bông, nhưng phiền nhất là khi cạo râu, cạo mặt thường hay bị chảy máu.

Tôi không nhớ là trong một bài viết nào nói về vườn chuối nhà, tôi có đề cập đến ai đó nói rằng lấy vỏ chuối chín chà xát lên mụt cóc sẽ hết.

Tôi không còn mụt cóc trên ngón tay như ngày nhỏ để mà thử, nên đã yêu cầu ai có thì chữa bằng cách này coi có khỏi không (?) nếu có kết quả xin thông báo cho biết.

Vậy mà từ ấy đến nay cả hơn năm trời rồi chưa thấy ai nói gì, lòng cũng hơi thắc mắc.

Tháng vừa qua tôi bị vừa chuột rút (bắp chân) vừa vọp bẻ (ngón chân) một đêm có khi hai ba lần.

Ai đã từng bị chứng này chắc cũng thấu hiểu nó đau đớn lắm, không những lúc đó mà sau cả ngày trời nó vẫn còn nhức âm ỉ trong bắp thịt.

Lên Net tìm hiểu xem làm sao trị được cái chứng đau ê ẩm này, thì tôi thấy họ nói vì trong cơ thể mình thiếu chất Can-xi hay Ka-li gì đó, mà trong chuối chín có rất nhiều chất này.

Tánh tôi lại hảo ngọt, mà chợ Mễ gần nhà thường bán một đồng 3 pound. Thế là tôi liền mua về mỗi ngày ăn vài ba trái.

Vợ con tôi thì chuối chín không ăn, cứ ăn kiểu còn sột soạt, hễ hơi mềm là chỉ còn một mình tôi hốt ổ. Tôi lại thích ăn khi chuối chín trứng cuốc, nghĩa là vỏ nó đã có những chấm màu nâu, khi ấy vỏ rất mỏng và chuối

ngọt đậm.

Ăn xong rồi tôi ngồi đọc báo trên computer, lẩn thẩn lấy vỏ chuối chà lên mặt.

Quên kể một điều nữa là hai bên tóc mai của tôi hồi này bị «cứt trâu». Đó là những da bị đóng thành từng vảy cứt trâu như đầu con nít ngày xưa, lấy móng tay cạo thì nó tróc ra. Tôi xát vỏ chuối lên đó luôn.

Thế mà mới sau một tuần, nó khỏi bệnh mới hay chứ. Cả tàn nhang lẫn cứt trâu đều biến hết.

Bây giờ da mặt tôi láng o, chắc là cải lão hoàn đồng. Đứa nào nói láo làm con sâu chuối.

Có người từ San Diego liên lạc với tôi để mua cây chuối con, và hỏi giá bao nhiêu. Tôi nói chỉ biếu chứ không tính tiền. Anh tâm sự là có người cha nay đã thượng thọ, vẫn ước ao có bụi chuối sau nhà, để được nhìn tàu lá xanh, được chạm vào thân chuối mập mạnh, mát rượi như một đứa bé sổ sữa. Tôi cũng cùng tâm trạng đó nên nói anh cứ ghé nhà, muốn bao nhiêu cây cứ việc đem xe van lên mà chở.

Nhớ tác giả Lê Như Đức kể chuyện cây chuối non thái mỏng để ăn ghém ai mà không thèm (?) Gia đình tôi cũng hay thái cây non để ăn kèm với bún bò ngon

lắm.

Ngoài ra chị dâu tôi thường nấu món giò heo giả cầy, hay thịt dê xào củ chuối non, cũng củ riềng mắm tôm, cũng lá mơ các cái..... ngon không chê vào đâu được.

Chuối tốt đủ điều như thế mà nhiều người kiêng không trồng trong vườn, lại có người không dám bày chuối trong mâm ngũ quả nữa chứ. Hầu hết là vì họ nói giọng nam, nên chữ chuối nói thành chúi.

Họ sợ trồng chuối, ăn chuối hay có chuối trong dĩa trái cây là sẽ bị chúi nhủi, ngóc đầu lên không nổi, và sẽ nghèo hoài.

Nguyễn Viết Tân

# Tháng Tư 75 : Mệnh Số Và Tình Người

Nguyễn Ngọc Hoa

Tác giả tên thật Nguyễn văn Hoa, sinh năm 1947 tại Quảng Bình, Việt Nam. Tốt nghiệp kỹ sư điện, học cao học và soạn luận án tiến sĩ kỹ sư (1970-75). Từ 1970 đến 1975 dạy đại học kỹ thuật tại Sài gòn. Năm 1975 định cư tại Hoa Kỳ, làm việc cho công ty tiện ích ở North Dakota cho đến năm 2012 thì về hưu. Với hai bài góp phần viết về nước Mỹ năm 2013, tác giả đã nhận giải thưởng đặc biệt. Sau đây là bài viết mới nhất của ông.

Ngày 28 tháng Năm năm 1975.»Thành phố lều» trong trại Orote Point trên đảo Guam, điểm cực tây của lãnh thổ Hoa kỳ, là trại tạm cư do Lục quân Hoa Kỳ điều hành. Một tháng trước, vợ chồng tôi và các em từ biệt cha mẹ, bỏ lại sau lưng thành phố đầy kỷ niệm, và khởi đầu cuộc đời lêu bêu vô định.

Lúc nhập trại, chúng tôi được chỉ định ở một căn lều nhà binh ở Khu 5, khu xa nhất, nằm gần bìa rừng cách bộ chỉ huy khoảng năm cây số. Khi có người chuyển trại để lều trống, người ở khu xa thường dọn về gần phía bộ chỉ huy để ban ngày nghe rõ thông báo và nhắn tin trên hệ thống truyền thanh chỗ đông, và ban đêm tiện tụ tập

ở «Ngã Năm Quốc tế, «tên đặt cho khoảnh đất tráng nhựa có trụ đèn cao sáng trưng nằm ngay trung tâm trại và nơi năm con đường chính tụ về. Gặp gỡ người quen ở đó, trao đổi tin đồn, và cùng nhau đoán mò những gì sẽ xảy ra cho mình là sinh hoạt về đêm ở Orote Point.

Tôi thích vắng vẻ, ngại bon chen, và lười «dọn nhà» nên vẫn một mình một cõi trong căn lều đầu tiên. Tài sản của chúng tôi mỗi đứa vỏn vẹn một chiếc xách tay nhỏ đựng một bộ áo quần và giấy tờ tùy thân, nếu không kể những xấp giấy bạc năm trăm đồng có in hình Đức Trần Hưng Đạo, một tài sản kếch xù nay là mớ giấy vô giá trị. Trong hố tiêu công cộng, tôi thấy những tờ bạc này được dùng làm giấy vệ sinh.

Châu, vợ tôi, và Bình, cô em gái duy nhất trong gia đình, đồng ý về quyết định không dọn sang khu đông người, nhưng lý do thì khác hẳn. Khu 5 vắng người, đàn bà đi tắm không sợ bị mấy tên lao công Phi luật Tân nhòm nhõ. Có nhiệm vụ dọn dẹp và đổ rác, nhắm vào các khu đông người, chiều chiều mấy tên này ngồi trên băng ghế cao sau xe vận tải nhẹ chạy vòng quanh phòng tắm lộ thiên phụ nữ, tha hồ nhìn ngắm mà không sợ bị khiếu nại kêu ca.

Sáng hôm ấy, lười biếng nằm trên giường bố, tôi bảo Sang, em trai kế, đưa hai em út là Lâm (16 tuổi) và Trọng (14 tuổi) ra nhà bàn sắp hàng ăn sáng. Sang là cựu sĩ quan pháo binh đóng đồn ở Phan Thiết, đã phải dẫn binh sĩ thuộc quyền băng rừng di tản về Sài gòn khi Phan Thiết thất thủ. Không bao lâu Sang hớt ha hớt hải chạy về,

«Lên bộ chỉ huy nhanh lên, loa phóng thanh gọi tên anh ầm ĩ đó.»

«Thật không ?»

«Chị Châu và con Bình nghe thấy, bảo em chạy về trước báo cho anh hay.»

«Anh chưa đi sao ?» Châu về tới lều, thở không ra hơi.

«Anh đang sửa soạn...» tôi nhảy ra khỏi giường bố.

Tôi cố nghĩ người ta gọi tôi làm gì. Vào trại hơn hai tuần, tôi gửi ra ngoài gần hai chục lá thư. Hồng Thập tự phát cho một tờ giấy và một phong bì nhỏ; viết thư đề bì xong mới phát thêm giấy và phong bì khác. Người ta nhận thư gửi đi giùm, nhưng báo trước là không nhận thư đến. Như vậy, các bạn tôi từ u sang Á đều biết tôi đang ăn chực nằm chờ trong trại tạm cư này. Và Triết,

em trai kế Sang rời Sài gòn du học năm 1972 và đang học năm thứ ba ngành kỹ sư hóa học ở Houston, Texas, đã biết cha mẹ kẹt lại Sài gòn. Ngày trước giữ chức vụ quan trọng ở miền Duyên hải, có lẽ cha đã bị Việt cộng bắt giam và tra tấn, hay đã bị sát hại không chừng.

Ngày sau hôm nhập trại, chúng tôi được tin tàu Đông Sơn, chiếc tàu chở thuê hàng hóa ra Trung do mẹ làm chủ, chở người di tản cập bến Orote Point. Chúng tôi nhảy cẫng lên mừng rỡ; Đông Sơn đến nơi có nghĩa là gia đình sắp đoàn tụ ! Chúng tôi chờ dưới bến hơn một tiếng đồng hồ, gia đình cuối cùng đã xuống tàu mà không thấy bóng dáng cha mẹ đâu.

Từ đó, chúng tôi mở «chiến dịch» tìm cha mẹ, hàng ngày viết mẫu nhắn tin nhờ đọc trên hệ thống truyền thanh chỗ đông,

«Ông bà Nguyễn văn Thông nếu đi được xin liên lạc với con là... tại Lều số... Khu 5. Ai biết được tin tức ông bà Thông xin làm ơn cho biết, chúng tôi vô cùng biết ơn.»

Ngoài những chiếc lều nhà binh cỡ lớn làm nhà tạm cho dân tỵ nạn, mọi kiến trúc trong «thành phố lều» được xây cất cấp thời bằng gỗ, thứ gỗ mới cưa ra, không sơn phết hay đánh vẹc-ni. Ở những nơi có người qua

lại, trên mọi chỗ trống tìm thấy trên mặt gỗ mới, người ta thi nhau dùng bút nguyên tử viết các dòng chữ nhắn tin tìm thân nhân.

Nhờ cả hai kiểu nhắn tin, tôi gặp lại nhiều bạn bè quen biết. Đặc biệt nhất là anh Hán, người anh đỡ đầu đã giới thiệu, hướng dẫn, và nâng đỡ thời tôi là sinh viên tập tễnh đi dạy trung học tư. Anh Hán độc thân ở cùng lều với gia đình cô em gái, nhưng buổi chiều thường cùng anh em tôi ra bãi Orote Point xem biển và nhìn thanh niên nam nữ (có tiền đô la) tắm biển vui chơi.

Một hôm anh Hán gặp lại người bạn thân dạy học ở Sài gòn đang cùng gia đình tắm biển. Mua kem và thức uống giải khát cho con, người bạn đãi anh một lon root beer; anh nhấp nhấp vờ uống rồi mang về cho anh em tôi. Nghe nói «bia» tôi nghĩ đến mùi men rượu nhè nhẹ và vị hoa hốt bố đăng đắng của bia «33» (chai bia lùn) quen thuộc, uống ngay một ngụm rồi nhăn mặt,

«'Bia' gì mà dở ẹt như xá xị 'Con Cọp' bên mình ?»

«Xá xị thật mà ! Tớ tưởng cậu giỏi tiếng Anh tiếng U thừa biết root beer là gì chứ, «anh Hán đùa, nhưng tôi thẹn tai nóng bừng.

«Chê thì để đó cho tụi em, chớ phí của trời, «Châu giật lấy lon nước ngọt chia cho Bình và hai em nhỏ nhất, mỗi người được hai ngụm nhỏ. Lon nước ngọt đầu tiên trên đất Mỹ chia cho sáu người uống !

«Trình diện» ở bộ chỉ huy, tôi được đưa vào một văn phòng nhỏ của Hồng Thập tự; ống nói điện thoại đã được nhấc ra nằm chờ trên bàn. Tôi cầm lên trả lời bằng tiếng Anh,

«Alô, tôi nghe...»

«Leon đây em. Chúc mừng em thoát khỏi Việt nam, và chào mừng em đến Hoa kỳ, «giọng nói quen thuộc của Leon mang lại cho tôi một luồng sinh khí mới.

«Anh đang ở đâu mà gọi tôi ?»

«Tôi ở Sapporo, tìm cách gọi cho em hai ngày nay.»

Leon quê ở miền bắc California, trước phục vụ đoàn Thanh niên Chí nguyện Quốc tế tại Việt nam. Anh học tiếng Việt hai năm với tôi lúc «ông thầy» là cậu học sinh trung học. Anh lớn hơn bảy tuổi và xem tôi như em ruột. Về nước, anh đi học lại lấy bằng tiến sĩ ở Đại học California Berkeley và sang dạy học ở Đại học Sapporo ở miền bắc nước Nhật. Tôi nghẹn ngào,

«Thật không ngờ. Ngày đó có bao giờ tôi nghĩ sẽ gặp lại anh ở ngoài Việt nam đâu !»

«Qua thư em tôi đọc được những buồn bã, uất ức, và lo âu. Em cần hăng hái lên !»

«Tôi là kẻ vô gia cư, vô nghề nghiệp, vô tổ quốc; một tên vô dụng ngày hai buổi xếp hàng xin cơm bố thí của lính Mỹ.»

«Em đã may mắn không kẹt lại sống với Cộng sản. Hôm kia Song bạn em từ Tokyo điện thoại cho tôi, «anh đổi đề tài.

Song là bạn thân thuở học kỹ sư; Song học Công chánh, tôi bên Điện. Ở trọ nhà bà cô Song, tôi được bố Song mến tài nhờ dạy kèm mấy đứa em chàng. Ông cụ, một nhà giáo đức độ và nhà soạn sách giáo khoa nổi tiếng, xem tôi như người nhà; mỗi dịp giỗ tết trong gia đình đều mời tới, ngay cả sau khi Song tốt nghiệp và đi du học tại Đại học Hoàng gia Nhật ở Tokyo. Ngày Sài gòn, Song đi chơi với tôi và Leon vài lần nên hai người quen nhau. Tôi thấy có điều khác lạ,

«Song nói với anh điều gì không ?»

«Tin mừng vô cùng,» Leon ngập ngừng.

«Anh nói đi,» tôi hồi hộp.

«Song nhờ tôi báo cha mẹ em đã đi được sang Hong Kong.»

«Thật không ?» tôi ngạc nhiên tột cùng, suýt buông ống nghe.

«Họ đang ở trại tỵ nạn Kowloon, tức là Cửu Long. Em yên chí đi, ngày đoàn tụ với cha mẹ gần kề.»

Theo lời kể của Song, sáng ngày 30 tháng Tư, ông bà cụ Song - người Bắc di cư năm 1954 giống như gia đình tôi - thấy tình thế tuyệt vọng khi vị tổng thống lâm thời tuyên bố đầu hàng. Ông bà cụ dắt nhau ra bến tàu Sài gòn và leo lên chiếc tàu duy nhất còn lại trong hải cảng là tàu chở hàng Viễn Đông cùng với hàng ngàn người khác đứng ngồi chật như nêm. Viễn Đông nhổ neo rời bến lúc một giờ chiều, gặp trục trặc máy móc nhưng cũng ra được hải phận và nhắm hướng Hong Kong trực chỉ.

Ông bà cụ Song nghe tin cha mẹ tôi đi trên tàu Viễn Đông và nghe nói cha tôi bị khủng hoảng tinh thần, chửi bới lung tung, và mở toang xách tay hành lý cho mọi người thấy không hề mang theo vàng bạc hay tiền đô la. Cha muốn chứng tỏ mình trong sạch, bao nhiêu

năm giữ nhiều chức vụ trọng yếu mà vẫn trắng tay, và tránh sự dòm giỏ của các phần tử bất hảo trên tàu. Tàu ra biển được một ngày thì có tin cha nhảy xuống biển tự tử. Trước sự phản đối của nhiều người, vị thuyền trưởng quyết định quay tàu trở lại vớt người đàn ông xấu số, và người này - may thay - không phải là cha tôi. Hành động can đảm và nhân đạo của thuyền trưởng đã dập tắt ngọn lửa hỗn loạn bùng lên trong cơn đói khát, khổ đau, và tuyệt vọng của hơn bốn ngàn người vừa lìa bỏ quê hương.

Viễn Đông là nhóm người tỵ nạn đầu tiên được chấp nhận vào Hong Kong. Ông bà cụ Song viết thư cho chàng, báo tin đã đến Hong Kong, và kể tin tức cha mẹ tôi. Song đã nhận được thư tôi gửi từ Orote Point, nhưng không có cách nào để báo tin nên điện thoại cho em Triết ở Houston, dù điện thoại viễn liên quốc tế rất mắt. May thay, Triết có sẵn địa chỉ và số điện thoại của Leon tôi gửi sang trong những ngày chuẩn bị di tản ở Sài gòn, nhờ đó Song liên lạc với Leon. Cuối cùng, nhờ các mối quen biết thời làm Thanh niên Chí nguyện Quốc tế, Leon lùng kiếm được tôi.

Nhiệm vụ báo tin xong xuôi, Leon khuyên lơn,

«Tôi biết em đủ khả năng và nghị lực để vượt qua mọi khó khăn trên đời này.»

«Cám ơn anh Leon. Hy vọng mình sớm gặp lại, «tôi từ giã, chấm dứt cuộc điện đàm viễn liên đầu tiên trong đời,

«Khi em vào đất liền tôi sẽ bay về ngay, «Leon bịn rịn.

Ra khỏi bộ chỉ huy tôi chạy như bay về lều, vừa chạy vừa la lớn như thằng điên,

«Cám ơn Trời Phật ! Cám ơn Trời Phật !»

Trên khoảng đường năm cây số, những diễn biến đổi đời trong tháng qua hiện ra trong trí.

Như do duyên tiền định, chiều 29 tháng Tư sáu đứa chúng tôi lọt lên chiến hạm HQ-402 Lam Giang cùng với khoảng hai ngàn người khác, phần lớn là gia đình và thân nhân của quân nhân hải quân. HQ-402 nhổ neo rời bến khoảng nửa đêm, tắt đèn chạy trong bóng tối ra cửa Soài Rạp, thay vì cửa Nhà bè là con đường tàu bè hải quân thường đi lại. Đường ra cửa Soài Rạp nguy hiểm hơn vì sông quanh co và lòng sông hay bị ngư dân đóng đáy (lưới giăng ngang sông, giữa có cái đụt to, để bắt cá) nhưng tạo yếu tố bất ngờ đỡ lo bị Việt Cộng

phục kích trên bờ bắn xuống.

Tàu cán đáy và thiệt hại nhẹ nên khi ra đến hải phận phải chạy chậm lại, lẹt đẹt đi sau cùng đoàn tàu hải quân gồm trên một trăm chiến hạm và chiến đỉnh (như các duyên t ? c đ ? nh, gọi tắt là PCF) đến tập trung ở vùng Côn Sơn rồi được Đệ thất Hạm đội Hoa kỳ hướng dẫn sang Subic Bay ở Phi Luật Tân.

Tàu Đệ thất Hạm đội vài ba ngày ghé lại tiếp tế - nước uống hôi mùi dầu mà đầy đủ, nhưng thực phẩm là khẩu phần C, thức ăn khô trong hộp của quân đội Hoa kỳ, ít ỏi nên ít khi đến tay chúng tôi là thường dân không quen biết ai. HQ-402 đến nơi sau mười hai ngày ròng rã.

Trước khi vào hải cảng, tàu được lệnh giải giới và mọi súng ống cá nhân đều phải liệng xuống biển. Tôi chứng kiến nét mặt buồn mênh mang của các chiến sĩ hải quân khi giã từ vũ khí thân yêu - «súng là vợ, đạn là con» - mà thấm thía nỗi tủi nhục của kẻ thất trận vong quốc.

Không như những đợt người tỵ nạn trước, chính phủ Phi Luật Tân không cho phép đám người trên tàu đặt chân lên đất Phi nên chúng tôi được chuyển ngay sang tàu Sóng Xanh, một chiếc tàu chở hàng hóa Hoa kỳ cỡ

lớn. Từ HQ-402 xuống, đi chừng mười thước theo một lối đi hẹp dọc theo mé nước có vạch sơn không được bước lấn qua, và được đốc thúc lên Sóng Xanh thật nhanh, kể như chúng tôi không hề xâm phạm biên giới Phi.

.Trời sẩm tối khi chúng tôi lên một căn phòng khá rộng, đèn điện mờ mờ. Một anh lính Mỹ trẻ bưng ra một thùng cam lớn, không biết làm sao phân phát cho đám đông đói khát nhìn hau háu nên để thùng cam ở góc phòng rồi rút lui. Đám người tỵ nạn nhào lại, mạnh ai nấy giành những quả cam vàng tươi. Tôi đói nhưng vẫn đứng yên, tự nhủ giấy rách phải giữ lấy lề, kẻ sĩ thà chết chứ không chịu nhục, và mình là giáo sư sao lại đi giành giật

Miếng ăn là miếng tồi tàn,
Mất đi một miếng lộn gan lên đầu.

Nhưng khi chỉ còn hai quả cam lăn lóc trên sàn, con thú đói bất thần nổi dậy. Tôi nhảy tới chụp một quả và cảm thấy cạnh mình có người đang chụp quả thứ hai. Ngoảnh mặt sang, hai đôi mắt nhìn nhau ngỡ ngàng - tôi và anh Dương, giám đốc một trường chuyên nghiệp của Đại học Kỹ thuật. Không quen thân nhưng tôi hằng kính nể anh, nhà quản trị đứng đắn và vị giáo sư nghiêm túc. Đó là lần cuối cùng chúng tôi nhìn thấy nhau !

Tôi thẫn thờ nhìn quả cam trên tay và chiếc thùng các-tông in hàng chữ lớn «Navel Oranges from Florida» («Cam Rốn từ Florida»). Xoay quả cam nhìn vào đáy, à ra thế, hình thù giống như chiếc rốn trẻ em nên gọi là «navel orange.» Vậy mà mấy năm nay tôi thắc mắc không hiểu là loại cam gì, có khi ngờ sách in sai từ chữ đồng âm «naval» (thuộc về hải quân).

Khoảng nửa đêm, tôi ngồi dựa tường ngủ gà ngủ gật thì Sang, em trai kế, gọi giật dậy,

«Anh dậy mau. Bác Cẩn kìa !»

«Ở đâu ?» tôi vọt dậy.

Bác Cẩn là bạn thân của cha từ thuở để chỏm ngoài quê Quảng Bình. Tôi biết bác từ năm lên sáu, bác và cha là sĩ quan cấp úy đóng ở đồn An Hòa gần Huế, và tôi thường bị mẹ bắt đứng hầu để cha sai vặt khi hai người uống bia «La Rue» (chai bia cao) với mực khô nướng. Cũng như cha, theo thời gian bác lên chức và giữ nhiều chức vụ quân sự quan trọng. Có khác là mấy năm sau này cha về Sài gòn nghỉ hưu thì bác thăng tiến như diều gặp gió, được bổ nhiệm làm thứ trưởng một bộ chủ chốt của chính phủ. Có lẽ vì trông cậy vào bác mà cha đã từ chối không đi tàu hải quân với chúng tôi.

Thân hình cao lớn dềnh dàng, mặc quân phục cổ áo gắn hai ngôi sao bạc, bác cùng bác gái và hai cô con gái út mười lăm và mười bảy tuổi khệ nệ khiêng chiếc rương nặng bước vào. Bác nắm tay tôi, giọng trầm buồn đầy nước mắt,

«Ba con kẹt lại rồi. Ngày cuối ba gọi điện thoại cho bác, nhưng bác bó tay không có cách nào giúp ba.»

«Lúc tụi con ra đi, cha quyết định ở lại, nói là quá phiêu lưu và nguy hiểm. Vả lại cha nghĩ là miền Nam không thể một sớm một chiều mà mất, «tôi than thở.

Bác nhắc lại mối liên hệ giữa bác và tôi rồi khen,

«Bác luôn luôn ước ao có đứa con trai thông minh và học giỏi như con.»

«Bác quá khen. Dạo gần đây con bận rộn quá nên ít khi đến thăm bác.»

«Bây giờ ra khỏi nước, bác giống như cha và sẽ thay thế ba con. Bác cháu mình cần chung lưng góp sức, nương tựa vào nhau, và sống chết cùng nhau trong một gia đình. Con thấy sao ?»

«Bác có lòng như vậy thật quý hóa, con còn mong ước gì hơn !» tôi cảm động.

Trang bị qua loa để chở gần sáu ngàn người tị nạn, Sóng Xanh rời Subic Bay đi đảo Guam khuya đêm đó. Sự chuẩn bị cấp bách hiện rõ qua các cầu tiêu lộ thiên bằng gỗ như cái khung sơ sài nhô hẳn ra ngoài mạn tàu. Từ mạn tàu cách mặt nước hơn ba chục thước nhìn xuống sâu thăm thẳm, bạo gan cách mấy cũng không dám ngồi trên chiếc cầu tiêu «dã chiến» chỉ có hai thanh gỗ ngang làm tay vịn; loạng quạng rớt xuống nước là toi đời ! Và ai dám ngồi «làm chuyện ấy» trước mặt hàng ngàn người khác ? Cũng may, tàu đông người mà thiếu thức ăn nên tôi không nghe nói ai cần dùng đến tiện nghi vụng liệu (nhưng với chủ ý tốt) này.

Sau hơn hai ngày, Sóng Xanh tiến gần hải cảng Guam khi bình minh đang lên trên mặt đại dương. Mặt trời ló lên ở cuối chân trời, chiếu ánh nắng ban mai lên những hòn đảo chung quanh tạo thành một dãy trường thành sáng rỡ. Tôi cùng Châu và các em lên boong, dựa mạn tàu mê mẩn thưởng thức bức tranh cảnh tuyệt vời.

Lúc chúng tôi trở lại chỗ cũ để lấy hành lý chuẩn bị xuống tàu, bác Cẩn và gia đình đã ra đi từ lúc nào. Tôi gượng gạo,

«Có lẽ bác được bộ chỉ huy tàu ưu tiên tiếp đón nên không có thì giờ từ giã.»

«Ông ta vờ kết thân để anh em mình giúp bảo vệ rương vàng. Tốt lành gì mà bác với cháu !» Sang hậm hực.

«Lời nói không mất tiền mua, nói đi rồi nói lại mấy hồi. Đời 'c'est la vie' mà Sang !» tôi đùa mà lòng quặn đau.

Xếp hàng trước lều nhập trại do Hồng Thập Tự phụ trách có nhân viên người Việt thông dịch, mỗi gia đình điền mẫu ghi tên họ và ngày sinh từng người. Sau đó, mỗi người điền phiếu y tế cá nhân và được y tá người Mỹ «phỏng vấn.» Đến lượt Châu, nàng khai bị bón khiến cô ý tá quan tâm,

«Bà bị bón bao lâu rồi ?»

«Vào khoảng mười lăm ngày, hay hơn nữa, «Châu tính từ ngày chúng tôi rời khỏi nhà.

«Mười lăm ngày ! Bác sĩ, đến ngay đây, «cô y tá hô hoán.

Mấy phút sau, xe cứu thương nhà binh chớp đèn hụ còi chạy tới. Hai người lính quân y khiêng băng-ca bước xuống và theo lời chỉ dẫn của y tá ra hiệu cho Châu nằm lên. Tôi hoảng hồn, vội vàng kêu Bình theo xe cứu thương để giúp Châu.

Vị bác sĩ già bước lại gần, tấm bảng tên gắn trên ngực áo quàng trắng ghi «S. Richardson, MD, «và dòng thứ hai là «Red Cross Volunteer» («Tình nguyện viên Hồng Thập tự»). Tôi ra hiệu không cần thông dịch và la lớn,

«Vậy là sao ? Tại sao vợ tôi bị đưa đi nơi khác ?»

«Bà nhà bị táo bón rất nặng, tôi thấy cần đưa bà sang bệnh xá để thử nghiệm,» bác sĩ Richardson điềm đạm giải thích.

«Chúng tôi không có thức ăn trong hai tuần qua. Vợ tôi không bài tiết vì không có gì trong bụng, không bệnh hoạn gì cả, « ôi cãi.

«Tôi cũng nghĩ thế, nhưng cẩn thận vẫn hơn. Tôi không muốn đánh cuộc với sức khỏe của bà.»

«Khi nào vợ tôi được về trại với chúng tôi ?»

«Bà muốn về trại lúc nào cũng được. Nhưng tôi nghĩ bệnh xá sẽ khuyên bà nằm lại đến khi chắc chắn mọi chuyện ổn thỏa. Xin lỗi đã làm ông hoảng sợ, và chúc ông may mắn trong những ngày sắp tới, «bác sĩ đưa tay ra bắt.

Tôi nghẹn ngào. Nửa tháng trước tôi rời bỏ quê hương yêu dấu để trốn thoát móng vuốt kẻ thù cùng tiếng nói và màu da. Mười lăm ngày bềnh bồng trên Thái bình Dương xuôi tay cho số phận đẩy đưa, tôi đã bị bọn người khiếp nhược xua đuổi, hổ thẹn vì đã đánh mất một phần phẩm giá của mình, và bị người thân nuốt lời bỏ rơi. Giờ đây, vừa đặt chân lên vùng đất lạ, tôi cảm nhận được tình người - thứ tình người biểu lộ theo cách chưa từng biết qua. Một người lạ không cùng ngôn ngữ tự nguyện giúp đồng bào tôi và xin lỗi vì đã săn sóc vợ tôi theo tiêu chuẩn của xã hội văn minh.

Nguyễn Ngọc Hoa

# MỤC LỤC


| | |
|---|---|
| Bản Tình Ca Của Một Người Làm Thơ | 4 |
| Từ Một Tấm Hình | 19 |
| Có Những Mùa Giáng Sinh | 30 |
| Sự Thật | 43 |
| «Bé Ngoan» Austin | 55 |
| Phòng Trà Ca Nhạc Phố Bolsa | 61 |
| Ông Hàng Xóm Dễ Sợ | 67 |
| To Face Or Not To Face ? | 79 |
| Miếng Ngon... | 91 |
| Trên Vai, Mùa Xuân... | 102 |
| Xuân Về Nơi Phật Tự | 111 |
| Tư Ếch Học Nhảy Đầm | 131 |
| Cái Giá của Tự Do | 156 |
| Sống Lại Một Mùa Đời | 166 |
| Em Là Tia Nắng Của Anh | 173 |
| Tết Ăn Gì Cho Đỡ Ngán | 179 |
| Đi Tìm Tên Một Người «Vô Danh» | 184 |
| Con Gái của Người Ta | 197 |
| Luane | 209 |
| Tết Ngày Ấy, Tết Bây Giờ | 223 |
| Con Thề Không Lấy Chồng Việt Nam | 241 |
| Bộ Lư Đồng Mắt Tre | 259 |

| | |
|---|---|
| Cận Tết ở Little Saigon | 270 |
| Thomas Vẫn Nhớ Chú VC Bé Con | 280 |
| «Mẹ Ơi, Con Đã Về...» | 293 |
| Một Ngày Về Quê, Đi Chợ Tết | 333 |
| Con Ngựa Già Trên Đất Mỹ | 352 |
| Đi Lễ Giao Thừa | 362 |
| Có Những Mùa Xuân | 369 |
| Câu Chuyện Đêm Giao Thừa | 382 |
| Đánh Bạc Bằng Chữ Hay Thả Thơ | 393 |
| Chiếc Mũ Năm Xưa | 403 |
| Tô Phở Duyên Nợ | 427 |
| Hoa Đá | 445 |
| Lễ Tạ Ơn Trong Viện Dưỡng Lão | 465 |
| Khách Sạn 22 | 474 |
| Đêm Xuân Ly Hương | 491 |
| Chuyện Tết Trong «Trại Tù Tàn Binh» | 511 |
| Chuyện Đời Thường | 530 |
| Mẹ Chồng Nàng Dâu ! | 536 |
| Từ Trại Tù Ra Biển Khơi | 543 |
| Tản Mạn Valentines Day | 562 |
| Bà Mẹ Chồng Mỹ : Cám Ơn Mẹ ! | 577 |
| Niềm Đau Ơi, Ngủ Yên ! | 587 |

| | |
|---|---|
| Đôi Bạn Đôi Đường | 615 |
| Phong Pháo Chuột | 632 |
| Người Việt & Bệnh Sleep Apnea / Ngủ Ngáy | 664 |
| Người Đàn Bà Tuổi Ngọ | 674 |
| Bọn Ma Con Nít Trong Nhà Tôi | 693 |
| Chú Lính Mỹ Gốc Việt | 705 |
| Chùa Tịnh Nghiêm, Ngày Giỗ | 728 |
| Vác Ngà Voi | 734 |
| Thế Hệ Thứ Hai : Đánh Trống Xứ Người | 751 |
| Tình Bằng Hữu Vĩnh Cửu | 773 |
| Hình Như Là Định Mệnh | 780 |
| Bảo Tàng Của Người Lính Bị Bỏ Quên | 794 |
| «Cốt» Hay Không «Cốt» | 825 |
| Thế Giới Không Âm Thanh | 839 |
| Vui Buồn Ngày Tái Ngộ | 870 |
| Chuyện Cổ Tích Ở Bờ Đông | 883 |
| Ngôi Nhà Mới Ở Quận Cam | 902 |
| Chuyện Của Tóc Và Người | 914 |
| Mình Ơi, Hớt Tóc ! | 933 |
| «Bán Chữ» Là Thầy | 942 |
| Tấm Thẻ Xanh Và Cô Dâu Mạng | 954 |
| Vượt Một Chặng Đường | 978 |

Hồi Ký Của Một Người Tên Ông 992
Sư Cô Và Tù Nhân Hoa Kỳ 1001
Cái Áo 1027
Trong Thế Giới Của Ba 1032
Quán Bên Đường 2 Tại Nam Hàn 1039
Vết Thương Xát Muối 1064
Lại Sắp Tháng Tư 1084
Chuối, Vỏ Chuối Và Da Mặt 1093
Tháng Tư 75 : Mệnh Số Và Tình Người 1099